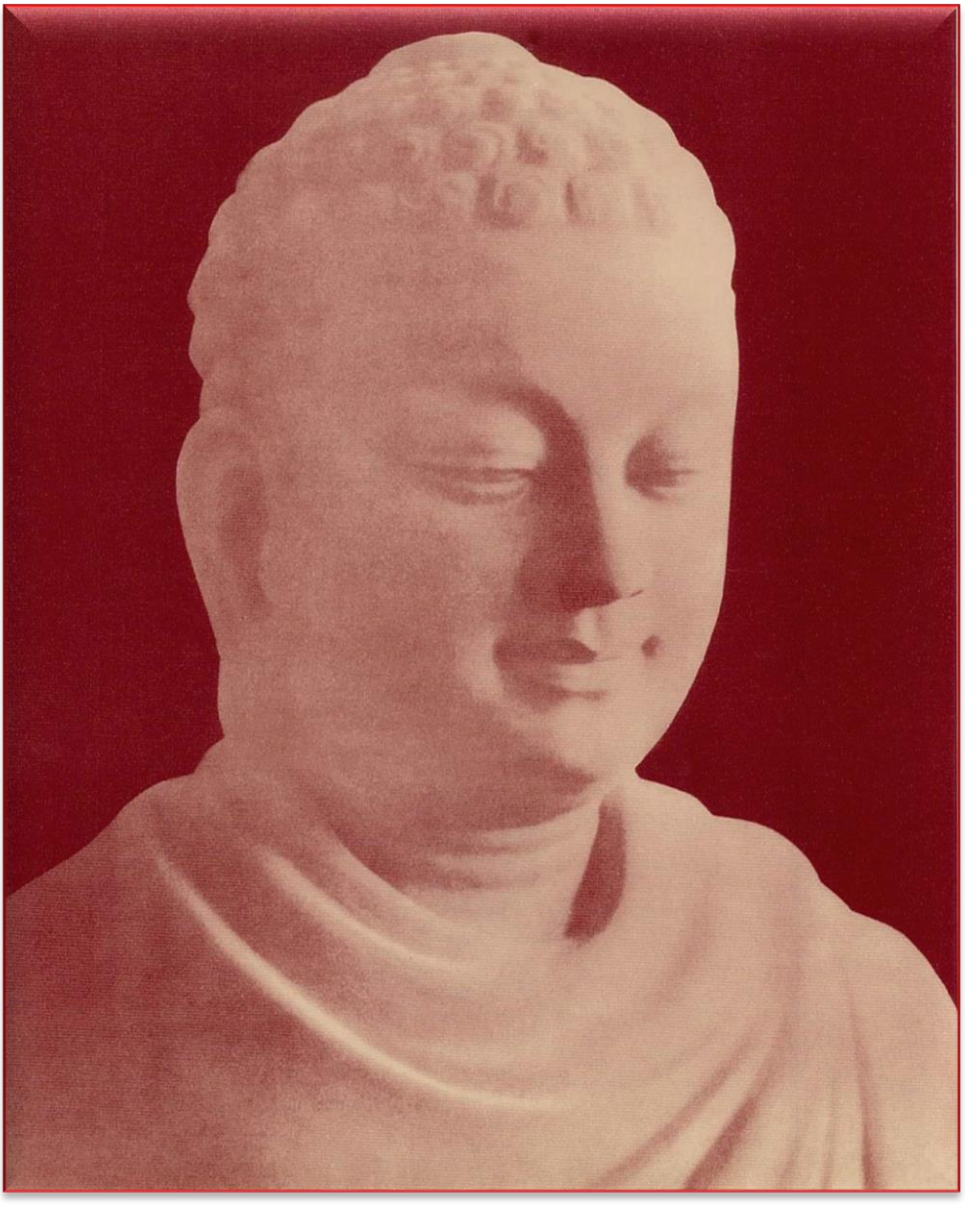

NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 79

BỘ LUẬT TẠNG

IX

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn

ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 79

BỘ LUẬT
IX

SỐ 1448 → 1451

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ LUẬT 9 - T079

SỐ 1448 ..... **3**
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ **3**
QUYỂN 1 ..... **3**
QUYỂN 2 ..... **14**
QUYỂN 3 ..... **24**
QUYỂN 4 ..... **35**
QUYỂN 5 ..... **46**
QUYỂN 6 ..... **55**
QUYỂN 7 ..... **66**
QUYỂN 8 ..... **78**
QUYỂN 9 ..... **88**
QUYỂN 10 ..... **98**
QUYỂN 11 ..... **107**
QUYỂN 12 ..... **117**
1. Chuyện giếng cháo và lúa mạch vàng: 117
2. Chuyện nông phu và con trâu: 118
3. Chuyện cô gái bịnh hủi cúng nước cháo: 121
4. Chuyện vua Thắng quang: 123
5. Chuyện cô gái nghèo cúng đèn: 125
6. Chuyện vua Đảnh sanh: 126
QUYỂN 13 ..... **130**
QUYỂN 14 ..... **143**
QUYỂN 15 ..... **160**
QUYỂN 16 ..... **182**
QUYỂN 17 ..... **206**
QUYỂN 18 ..... **239**
SỐ 1449 ..... **262**
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA Y SỰ **262**
Y SĨ NA 262
SỐ 1450 ..... **269**
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ **269**
QUYỂN 1 ..... **269**
QUYỂN 2 ..... **280**
QUYỂN 3 ..... **292**

QUYỂN 4 303
QUYỂN 5 319
QUYỂN 6 335
QUYỂN 7 347
QUYỂN 8 360
QUYỂN 9 372
QUYỂN 10 385
QUYỂN 11 399
QUYỂN 12 411
QUYỂN 13 424
QUYỂN 14 436
QUYỂN 15 447
QUYỂN 16 459
QUYỂN 17 474
QUYỂN 18 485
QUYỂN 19 498
QUYỂN 20 510
SỐ 1451 525
CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ 525
QUYỂN 1 525
I. Tổng nhiếp tụng của biệt môn: có mười 525
1. Nhiếp tụng thứ nhất: 525
2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn: 530
QUYỂN 2 534
QUYỂN 3 546
2. Nhiếp tụng thứ hai (tiếp theo): 546
3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ nhất: 551
4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ nhất: 552
QUYỂN 4 557
4. Nhiếp tụng thứ tư (tt): 557
5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ nhất: 559
6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ nhất: 566
QUYỂN 5 569
6. Nhiếp tụng thứ sáu (tt): 569
7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ nhất: 570
8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ nhất: 577
QUYỂN 6 582
9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất: 582

10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất: 583
II. Tổng nhiếp Biệt môn thứ hai: 585
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 586
2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 587
QUYỂN 7 592
2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tiếp theo): 592
3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 594
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 595
QUYỂN 8 603
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tiếp theo): 603
- Nhiếp tụng văn trường hàng ở trên: 606
QUYỂN 9 613
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tt): 613
5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 620
QUYỂN 10 623
5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tiếp theo): 623
6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 625
7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 628
8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 633
9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai: 634
QUYỂN 11 637
10. Nhiếp tụng (tiếp theo) - Nhân duyên về Nan-đà: 637
QUYỂN 12 650
10. Nhiếp tụng - Nhân duyên về Nan-đà (tiếp theo): 650
QUYỂN 13 665
III. Tổng nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 665
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 665
2 . Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 667
3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 668
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 674
QUYỂN 14 676
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba (tiếp theo): 676
5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 683
6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 684
QUYỂN 15 688
7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 688
8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 691
9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba: 693

10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:..... 697
IV. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ tư: 698
1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: 698
QUYỂN 16 700
2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: 700
3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: 704
4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư: 710

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 79

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

SỐ 1448

(QUYỂN 1 → 18)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1448

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

Hán dịch : Tam tạng Pháp sư
Nghĩa Tịnh đời Đường

QUYỂN 1

Nhiếp tụng 1 :

Khai cho dùng các thuốc,
Dầu, mỡ trị bịnh ghẻ,
Thuốc chữa mắt, phong điên,
Tất lân bà ta v.v…

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó là vào mùa thu, các Bí-sô nhiễm bịnh thân thể vàng vỏ, ốm yếu, tiều tụy không có sức lực, Thế tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà bạch Phật: "các Bí-sô nhiễm thời tiết mùa thu bị bịnh nên thân thể vàng vỏ …", Phật nói: "do bịnh khổ này, nay ta khai cho các Bí-sô uống dùng các loại thuốc". Tuy Phật khai cho dùng các loại thuốc nhưng các Bí-sô đúng thời mới uống dùng, phi thời thì không nên vẫn ốm yếu như cũ, Thế tôn lại hỏi A-nan-đà nguyên do, A-nan-đà bạch Phật: "vì các Bí-sô chỉ dùng thuốc đúng thời còn phi thời thì không nên vẫn ốm yếu như cũ", Phật nói: "nay ta khai cho các Bí-sô được dùng 4 loại thuốc : 1 là Thời dược, 2 là Cánh dược, 3 là Thất nhật dược, 4 là Tận thọ dược."

1 – Thời dược : như bún (miến, mì, nui …), bánh bột, ngũ cốc (xôi, bắp …), thịt (cá), cơm. Những món ăn này đều là đúng thời mới ăn.

2 – Cánh dược (phi thời dược): 8 loại nước uống

a – Chiêu giả tương : Chiêu giả là tên của 1 loại cây ở Ấn độ, cũng gọi là Điên trớ lê, trái giống như trái bồ kết nhưng có mùi vị như trái mơ, lớn chừng 2 ngón tay, dài khoảng 3, 4 tấc, người đương thời ép lấy nước uống.

b – Mao giả tương : tức là nước ép từ trái chuối với 1 ít bột hồ tiêu.

c – Cô lạc ca tương : nước ép từ trái Cô lạc ca, mùi vị như nước trái táo chua.

d – A thuyết tha tương : nước ép từ trái A thuyết tha.

e – Ô đàm bạt la tương : giống như trái mận, ép lấy nước dùng.

f – Bát lỗ sái tương : giống như trái anh áo, ép lấy nước dùng.

i – Miệt lật trụy tương : giống như trái nho, ép lấy nước dùng.

j – Khát thọ la tương : cấy giống như cây Lâu lư, trái giống như trái tào nhỏ, ép lấy nước dùng.

Khi dùng các loại nước uống này phải rửa tay sạch, lọc lượt rồi mới dùng.

Nội nhiếp tụng :

Trái dừa, trái chuối và táo chua,
Trái A thuyết tha, Ô bạt la,
Anh áo, bồ đào, khát thọ la,
8 loại nước uống này nên biết.

3 – Thất nhật dược : như tô, dầu, đường, mật, đường phèn được cất dùng trong vòng bảy ngày.

4 –Tận thọ dược : thuốc thuộc loại củ (rễ), cọng (cành, thân cây), lá, hoa, quả được cất dùng trị bịnh trọn đời. Lại có 5 loại thuốc nhựa cây, 5 loại thuốc tro, 5 loại thuốc muối, 5 loại thuốc sáp.

a - Thuốc thuộc loại củ (rễ) : như hương phụ tử, xương bồ, gừng vàng, gừng sống, bạch phụ tử và các loại tương tợ đều được tùy ý dùng làm thuốc.

b - Thuốc thuộc loại cọng (cành, thân cây) : như cạy chiên đàn, dây sắn, cây trắc bá diệp, cây thiên mộc hương, dây bất tử, tiểu bách và các loại tương tợ đều được tùy ý dùng làm thuốc.

c - Thuốc thuộc loại lá : như lá Toan thái bà xa ca (Trung Hoa không có), lá Nhâm bà (lá xoan), lá Cao xa đắc chỉ (Trung Hoa không có) và các loại tương tợ đều được tùy ý dùng làm thuốc.

d - Thuộc thuộc loại hoa : như hoa Bá xá ca, hoa Nhâm bà, hoa Đà đắc kê, hoa sen… và các loại hoa khác đều được tùy ý dùng làm thuốc.

e - Thuốc thuộc loại quả : như quả Ha lê lặc, quả Am-ma-lặc, quả

Bí ế đắc chỉ, quả tất bát và các loại quả khác đều được tùy ý dùng làm thuốc.

f - 5 loại thuốc nhựa: nhựa cây A ngụy, nhựa cây Ô khang, nhựa cây Tử khoáng, nhựa sáp ong vàng, nhựa cây Hương an tất.

i - 5 loại thuốc tro: tro lúa gạo, tro hạt mè, tro bột gạo, tro cỏ Ngưu tất, tro lá cây Bà xa.

j - 5 loại thuốc muối: muối đen, muối đỏ, muối đá trắng, muối làm từ ruộng muối, muối biển.

g - 5 loại thuốc sáp: cây A-ma-la, cây Xoan, cây Thiệm bộ, cây Thi-lợi-sa, cây Cao-thiệm-bạc-ca.

Trong 5 loại dược này, Thời dược là loại dược dùng đúng thời ; nếu đem Cánh dược, Thất nhật dược, Tận thọ dược điều hòa với Thời dược thì chỉ dùng đúng thời, không được dùng phi thời. Nếu đem Cánh dược, Thất nhật dược, Tận thọ dược điều hòa với Cánh dược thì nên dùng vào canh 1, qua canh 1 thì không được dùng. Nếu đem Thất nhật dược điều hòa với Tận thọ dược thì được dùng trong bảy ngày, quá bảy ngày không được dùng. Nếu là tận thọ dược điều hòa với Tận thọ dược thì được cất dùng trọn đời, nhưng 4 loại dược này nếu điều hòa với nhau thì được miễn cưỡng dùng, khi không bịnh và khi bịnh lành thì không được dùng hoặc đem cho đồng phạm hạnh. Nên thọ trì như sau : rửa tay sạch rồi nhận lấy loại dược cần dùng, đối trước 1 Bí-sô tác pháp thọ trì : Cụ thọ nhớ nghĩ, tôi Bí-sô tên _____, vì có bịnh duyên xin được thọ trì loại Tận thọ dược này để uống dùng. (ba lần) Thất nhật dược hoặc Cánh dược cũng tác pháp như vậy.

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô mắc bịnh phong đến thầy thuốc hỏi phương thuốc trị bịnh, thầy thuốc nói: "hãy dùng mỡ động vật thì bịnh sẽ khỏi", Bí-sô nói: "tôi làm sao có thể dùng mỡ động vật được", thầy thuốc nói: "trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không thể trị lành", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô có bịnh, nếu thầy thuốc nói: trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không thể trị lành", thì hãy dùng mỡ". Lúc đó các Bí-sô không biết dùng loại mỡ gì nên trở lại hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: "Đại sư là bậc Nhất thiết trí, thầy nên đến hỏi thì sẽ biết", các Bí-sô đến hỏi Phật, Phật nói: "có 5 loại mỡ : 1) là mỡ cá, 2) là mỡ lợn biển, 3) là mỡ cá giao, 4) là mỡ gấu, 5) là mỡ heo. Năm loại mỡ này nếu nấu phi thời, lượt phi thời, thọ phi thời, cất giữ phi thời thì không nên dùng. Nếu nấu đúng thời, lượt phi thời, thọ phi thời, cất giữ phi thời thì không nên dùng. Nếu nấu và lượt đúng thời, thọ và cất giữ phi thời thì không nên dùng. Nếu nấu, lượt và thọ đúng thời mà cất giữ phi thời thì không nên dùng. Nếu thọ, lượt, thọ và cất giữ đều đúng thời thì nên dùng như cách dùng dầu, tức là chỉ cất dùng trong bảy ngày, quá bảy ngày thì không nên dùng." Lúc đó Bí-sô bịnh nhờ dùng mỡ nên bịnh được lành, sau khi lành bịnh liền đem mỡ còn dư quăng bỏ. Sau đó có Bí-sô khác cũng

mắc bịnh Phong liền đến chỗ thầy thuốc phương thuốc trị bịnh, thầy thuốc chỉ tìm đến Bí-sô mắc bịnh trước đó để xin, Bí-sô này liền đến chỗ Bí-sô hỏi xin mỡ dư, Bí-sô nói: "tôi đã đem vất bỏ rồi", Bí-sô này nói: "thầy thật không tốt, đã làm việc không nên làm", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "thuốc dùng còn dư không nên vất bỏ, nên thâu cất, nếu có Bí-sô nào cần đến xin thì nên cho ; nếu không có ai đến xin thì nên mang đến trong phòng chứa thuốc để cất giữ, sau này ai có cần thì đến đó hỏi xin để dùng ; nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Sau đó lại có một Bí-sô trên thân mọc ghẻ liền đến chỗ thầy thuốc hỏi phương thuốc trị ghẻ, thấy thuốc nói: "Thánh giả nên dùng loại thuốc sáp (bôi trơn) thì bịnh sẽ khỏi", Bí-sô nói: "tôi há là người đam mê dục lạc hay sao?", thầy thuốc nói: "trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không thể trị lành", Bí-sô lại hỏi: "cần dùng loại thuốc sáp gì ?", thầy thuốc nói: "Đại sư là bậc Nhất thiết trí, thầy nên đến hỏi thì sẽ biết", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "có 5 loại thuốc sáp : 1) là yêm la, 2) là nhâm bà, 3) là thiệm bộ, 4) là dạ hợp, 5) là câu xa ma. 5) loại cây thuốc này hoặc vỏ cây hay lá cây đem giã nát, chưng cách thủy rồi thoa trên ghẻ". Sau khi thoa, thân lại mọc ghẻ nữa, Phật bảo nên làm thuốc bột, các Bí-sô giã thuốc ướt làm thành viên, không thể thành bột, Phật nói: "không nên giã thuốc ướt, hãy phơi cho khô", các Bí-sô phơi thuốc ngoài trời nắng gắt nên thuốc mất công hiệu, Phật nói: "không nên phơi ngoài trời nắng gắt", các Bí-sô lại phơi trong mát nên khi thoa thuốc dính y, Phật nói: "hãy phơi lúc trời nắng nhẹ". Bí-sô sau khi thoa thuốc liền đi tắm, thuốc rơi xuống hết không còn công hiệu, Phật nói: "hãy dùng tay khô thoa cho thuốc thấm vào da, sau đó mới tắm", các Bí-sô y theo lời dạy bịnh được lành, sau khi bịnh lành liền đem vất bỏ thuốc dư. Sau đó có Bí-sô khác cũng bị ghẻ giống như thế liền đến thầy thuốc hỏi phương thuốc trị, thầy thuốc chỉ tìm đến hỏi thuốc nơi Bí-sô đã mắc bịnh trước, Bí-sô này liến đến chỗ Bí-sô trước hỏi xin thuốc, Bí-sô trước nói là đã vất bỏ rồi, Bí-sô này nói: "sao không cất giữ mà lại vất bỏ như thế ?", Bí-sô này bạch Phật, Phật nói: "thuốc dùng còn dư không nên vất bỏ, nên thâu cất, nếu có Bí-sô nào cần đến xin thì nên cho ; nếu không có ai đến xin thì nên mang đến trong phòng chứa thuốc để cất giữ, sau này ai có cần thì đến đó hỏi xin để dùng; nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô bị đau mắt liền đến thầy thuốc hỏi phương thuốc trị bịnh, thấy thuốc nói: "Thánh giả hãy dùng loại thuốc An thiện na thì bịnh sẽ khỏi", Bí-sô nói: "tôi há là người Ái dục hay sao?", thầy thuốc nói: "trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không

thể trị lành", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc nói: trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không thể trị lành, thì hãy dùng loại thuốc An thiện na", Bí-sô không biết nên dùng loại An thiện na gì, đến hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: "Đại sư là bậc Nhất thiết trí, thầy nên đến hỏi thì sẽ biết", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "có 5 loại An thiện na : 1) là hoa An thiện na, 2) là mủ An thiện na, 3) là bột An thiện na, 4) là viên An thiện na, 5) là đá An thiện na. 5 loại này đều dùng để chữa bịnh mắt", Bí-sô dùng thuốc xong bịnh được lành liền đem vất bỏ thuốc còn dư. Sau đó lại có Bí-sô đau mắt, đến thầy thuốc hỏi phương thuốc trị, thầy thuốc chỉ tìm đến hỏi xin thuốc nơi Bí-sô bị đau mắt trước, Bí-sô này đến hỏi xin thì Bí-sô trước nói là đã vất bỏ rồi, Bí-sô này bạch Phật, Phật nói: "thuốc dùng còn dư không nên vất bỏ, nên thâu cất, nếu có Bí-sô nào cần đến xin thì nên cho; nếu không có ai đến xin thì nên mang đến trong phòng chứa thuốc để cất giữ, sau này ai có cần thì đến đó hỏi xin để dùng; nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ giống như trước, lúc đó có Bí-sô Tây yết la mắc bịnh phong điên, đi lang thang khắp nơi, các Bà-la-môn cư sĩ thấy liền hỏi là con của ai, có người nói: "đó là con của cư sĩ____, do người này cô độc nên mới đến trong giáo pháp của Sa môn Thích tử xuất gia, nếu không xuất gia thì họ hàng thân thích có thể trị bịnh phong điên cho ông ta", các Bí-sô nghe biết đem việc này bạch Phật, Phật nói: "các Bí-sô nên đến hỏi thầy thuốc phương thuốc trị bịnh phong điên", Bí-sô liền đến thầy thuốc hỏi, thầy thuốc nói: "hãy cho ăn thịt tươi sống thì bịnh sẽ khỏi", Bí-sô nói: "Bí-sô ấy há lại ăn thịt tươi sống hay sao?", thầy thuốc nói: "trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không thể trị lành", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc nói: trừ loại thuốc này ra, các loại thuốc khác không thể trị lành, thì hãy cho Bí-sô ấy ăn thịt tươi sống", các Bí-sô đem thịt tươi sống cho Bí-sô bịnh ăn, Bí-sô bịnh nhìn thấy thịt tươi sống nên không chịu ăn, Phật bảo nên bịt mắt lại rồi cho ăn, các Bí-sô y lời làm theo, Bí-sô bịnh ăn xong khi mở khăn bịt mắt thấy tay dính máu liền nôn mửa ra hết, Phật nói: "không nên mở khăn bịt mắt ra liền, đợi rửa tay sạch rồi đem thức ăn thơm ngon khác đến trước mắt mới mở khăn bịt mắt ra bảo Bí-sô bịnh ăn thức ăn thơm ngon đó bịnh sẽ được lành". Không ngờ sau khi khỏi bịnh Bí-sô này thường nhớ nghĩ đến loại thuốc ấy, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu bịnh đã khỏi thì nên thuận hành như trước kia không có bịnh, nấu làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi ở thành Vương xá, lúc đó cụ thọ Tất lân đà bà ta mới xuất gia có nhiều bịnh, các Bí-sô đến thăm hỏi sức khỏe liền đáp là bất an vì thường có bịnh, các Bí-sô hỏi: "trước kia thầy thường dùng loại thuốc gì

?", đáp: "trước kia tôi thường mang theo một chiếc túi đựng đủ loại thuốc, cần loại nào thì dùng loại ấy", các Bí-sô hỏi: "sao nay lại không dùng như thế", đáp là Phật chưa khai cho dùng, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "nay ta khai cho các Bí-sô cất giữ túi đựng thuốc", các Bí-sô chứa đủ loại thuốc không chứa hết, Phật nói nên làm dây cột, các Bí-sô làm dây cột túi thuốc trên cọc ngà voi lâu ngày thuốc hư rã, Phật nói: "hãy phơi cho khô", các Bí-sô phơi thuốc ngoài trời nắng gắt nên thuốc mất công hiệu, Phật nói: "không nên phơi ngoài trời nắng gắt", các Bí-sô lại phơi trong mát, thuốc lại hư rã, Phật nói: "hãy phơi lúc trời nắng nhẹ", gặp trời mưa gió Bí-sô không dám thu cất, Phật nói: nên bảo cư sĩ hay Cầu tịch thu cất, nếu không có ai thì Bí-sô tự thu cất, phần bị mưa ướt nên bỏ, phần không dính ướt thì cất giữ dùng, vì bịnh duyên nên khai cho dùng, nếu không có bịnh duyên thì không được dùng".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Hiệt ly phạt đa trong tất cả thời đều không thích tìm cầu, nên các Bí-sô đều gọi Hiệt ly phạt đa là người ít mong cầu. Sau đó vào 1 buổi sáng Hiệt ly phạt đa đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực, chợt nghe tiếng ép mía liền đi đến xem thì thấy họ đang làm đường tán bằng cách trộn bột gạo vào trong đường. Bí-sô nói với người làm đường: "chớ có trộn bột vào trong đường", người làm đường nói: "còn có vật khác trộn vào để làm đường tán hay sao?", đáp: "tôi không biết, chỉ là vì chúng tôi xem đường tán là loại phi thời dược, cho nên ông chớ trộn bột vào trong đường", người làm đường nói: "là thời dược hay phi thời dược cũng vậy, ngoài cách này ra không còn cách nào làm đường tán cả", Bí-sô nghe rồi liền bỏ đi. Sau đó ở trong chúng được chia đường tán dùng phi thời, Bí-sô này nghi không dám ăn, đệ tử hỏi nguyên do, đáp: "vì trong đây có hòa trộn thời dược", đệ tử nghe rồi cũng không dám ăn, các Bí-sô thấy liền hỏi nguyên do, đệ tử đáp: "thầy tôi nói trong đây có hòa trộn thời dược", các Bí-sô nghe rồi cũng không dám ăn, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "không vì lý do đó mà thành nhiễm vì cách làm phải như thế, nếu xuất xứ là tịnh thì được dùng, chớ có nghi". Hôm khác, Hiệt ly phạt đa cũng vào thành khất thực đến trước phố Hương thành, thấy người làm đường đang vò viên đường tán bằng cách lấy bột xoa vào tay để vò viên, vò viên này xong lại lấy bột xoa vào tay để vò tiếp viên khác. Bí-sô thấy rồi liền nói: "tay đã dính bột đừng có cầm đường vì đây là loại phi thời dược", người làm đường nói: "Thánh giả, có ai liên tục dùng nước rửa tay rồi mới vò viên đường hay không?". Bí-sô này sau đó không dám ăn đường tán phi thời, các đệ tử cũng không ăn … giống như trên, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu căn bản thành nhiễm thì không

nên ăn, nếu thể vốn tịnh thì ăn không phạm".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử mắc bịnh phong, Đại Mục-kiền-liên thấy rồi liền suy nghĩ: "ta đã từng nuôi bịnh cho Xá-lợi-tử nhưng không hỏi thầy thuốc phương thuốc trị, nay ta nên đến hỏi", nghĩ rồi liền đến hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: "xét theo bịnh trạng thì nên dùng giấm muối thì bịnh sẽ được lành". Sau khi xin được giấm, Đại Mục-kiền-liên muốn xin muối, cụ thọ Tất lân đà bà ta nói: "trước đây tôi có cất giữ muối trong cái sừng để dùng trọn đời, nếu Thế tôn khai cho dùng giấm muối thì tôi sẽ cho muối", Xá-lợi-tử nghe rồi nói với Đại Mục-kiền-liên: "tôi nghi là nếu đem loại Tận thọ dược hòa trộn với loại Thời dược thì không được dùng phi thời". Đại Mục-kiền-liên bạch Phật, Phật nói: "nếu đem Cánh dược, Thất nhật dược, Tận thọ dược điều hòa với Thời dược thì chỉ dùng đúng thời, không được dùng phi thời. Nếu đem Cánh dược, Thất nhật dược, Tận thọ dược điều hòa với Cánh dược thì nên dùng theo thời hạn của Cánh dược, nếu quá thời hạn thì không được dùng. Nếu đem Thất nhật dược điều hòa với Tận thọ dược thì được dùng trong bảy ngày, quá bảy ngày không được dùng. Nếu là tận thọ dược điều hòa với Tận thọ dược thì được cất dùng trọn đời. Nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó Thế tôn từ nước Địch miêu du hành đến rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ thành Bà-la-nê-tư, trong thành này có một trưởng giả tên là Đại quân giàu có, vợ tên là Đại quân nữ. Trưởng giả này kính tín Tam bảo ưa thích hiền thiện, nghe tin Phật đến trong thành này liền suy nghĩ: "Thế tôn chính là Đại sư của ta, tuy ta thường cúng dường nhưng chưa đầy đủ, nay ta nên đem tư tài đã có cùng dường Thế tôn", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng.

Trưởng giả nghe pháp xong hoan hỉ bạch Phật: "cúi xin Thế tôn cùng đại chúng thọ con thỉnh ba tháng hạ an cư cúng dường tứ sự", Phật im lặng nhận lời, Trưởng giả biết Phật nhận lời vui mừng đảnh lễ rồi ra về. Suốt trong ba tháng an cư trưởng giả cúng dường tứ sự đầy đủ không để thiếu thốn, mỗi ngày vào sáng sớm trưởng giả đến đảnh lễ Phật rồi đi thăm các Bí-sô bịnh. Lúc đó có 1 Bí-sô bịnh, thầy thuốc bảo phải dùng canh thịt bịnh mới được lành, trưởng giả nghe rồi liền về nhà bảo vợ : "Hiền thủ, có 1 Bí-sô bịnh thầy thuốc bảo phải dùng canh thịt bịnh mới được lành. Nàng hãy nấu món canh đó đem dâng cho Bí-sô bịnh", vợ trưởng giả sai người hầu mang tiền đến lò mổ mua thịt, không may ngày hôm đó quốc vương sanh con nên cấm giết mổ, nếu ai vi phạm sẽ trị tội nặng, cho nên dù có mua thịt

với giá cao cũng không mua được. Người hầu trở về báo lại, vợ trưởng giả suy nghĩ: "trong ba tháng vợ chồng ta nguyện cúng dường tứ sự đầy đủ, nếu không có món canh thịt này thì Bí-sô bịnh kia sẽ qua đời, ta sẽ có lỗi", nghĩ rồi liền vào trong phòng cầm dao bén cắt thịt nơi đùi đưa cho người hầu nấu canh thịt dâng cho Bí-sô bịnh ăn. Người hầu vâng lời nấu canh thịt đem cho Bí-sô bịnh ăn, Bí-sô ăn xong liền lành bịnh mà vẫn không biết thịt trong canh là thịt nơi thân của vợ trưởng giả, Bí-sô suy nghĩ: "ta thọ cúng dường này thì không nên nằm không, ta phải đắc những pháp chưa đắc, chứng những pháp chưa chứng, hiểu những pháp chưa hiểu", nghĩ rồi đoan thân chánh niệm, tâm ý tịch nhiên, không bao lâu sau phiền não đốn trừ chứng được quả A-la-hán, đầy đủ 3 Minh 6 Thông và 8 Giải thoát, hiểu rõ " sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau ", thoát ly ba cõi như dao cắt mùi thơm, không sinh sân hận, xem vàng như đất không khác, đáng được chư thiên Đế thích, Phạm vương cúng dường. Sáng sớm hôm sau Phật đắp y mang bát cùng Đại chúng đến nhà trưởng giả, ngồi vào chỗ ngồi rồi hỏi trưởng giả: "vợ của ông đang ở đâu ?", đáp là đang ở trong phòng. Lúc đó nhờ oai lực không thể nghĩ bàn của Phật khiến cho nơi bị cắt thịt được lành lặn như cũ, vợ trưởng giả sanh tâm hoan hỉ liền bước ra khỏi phòng đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật hỏi: "vì nguyên nhân gì mà ở trong đường hiểm sanh tử cô có thể phát tâm hạnh Bồ-tát ?", vợ trưởng giả chắp tay nói kệ:

"Luân hồi trong sanh tử,
Thân này dễ có được,
Trong trăm ngàn ức kiếp,
Khó gặp cảnh tôn thắng".

Lúc đó trưởng giả đem các món ăn thơm ngon dâng cúng Phật và đại chúng, sau đó ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi trở về trú xứ, tập họp các Bí-sô bảo rằng: "ai ăn thịt người thì bị mọi người chê trách. Trong các thứ thịt thì ăn thịt người là đáng bị chê trách nhất, cho nên các Bí-sô không được ăn thịt người, nếu ăn thịt người thì phạm Tốt thổ la để. Nay ta nói về hành pháp của vị thượng tòa trong chúng : hễ đến giờ ăn, nếu có người mang thịt đến dâng cúng, vị thượng tọa nên hỏi là thịt gì, nếu thượng tòa già bịnh không nhớ hỏi thì vị thượng tòa thứ 2 nên hỏi, nếu thượng tòa không hỏi thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "vợ trưởng giả đại quân cắt thịt trên thân cúng dường Bí-sô nên Bí-sô được lành bịnh, trong lòng phấn chấn siêng tu không gián đoạn nên dứt hết các lậu hoặc. Sau khi biết được là đã ăn thịt người bị mọi người chê trách, đối

với pháp Phật có trái, đáng quở trách vì sao Bí-sô lại được lậu tận ?", Phật bảo các Bí-sô: "không phải chỉ đời này Bí-sô nhận người nữ kia cúng dường mà trong vô lượng kiếp đời quá khứ, người nữ đó cũng đã đem thịt trên thân cúng dường Bí-sô đó. Quá khứ nhờ người nữ kia cúng dường mà chứng được năm Thông, ngày nay lại được đầy đủ 6 thông và được Lậu tận. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa trong thành Bà-la-nê-tư có một trưởng giả giàu có, tín thuận và trọng nhân nghĩa, vợ trưởng giả cũng vậy. Lúc đó có một Bà-la-môn thông minh hiểu rộng, có 500 đệ tử vây quanh để học Minh luận, trưởng giả tín kính nên thỉnh Bà-la-môn và các đệ tử về nhà cúng dường trọn đời, mỗi sáng trưởng giả đều đến thăm viếng, thấy có một người đệ tử bịnh khổ liền đến hỏi thầy thuốc phương thuốc trị, thầy thuốc bảo nên cho ăn canh thịt. Trưởng giả liền trở về bảo vợ : "có một người đệ tử của Bà-la-môn bịnh, thầy thuốc bảo phải dùng canh thịt bịnh mới được lành. Nàng hãy nấu món canh đó đem dâng cho Bí-sô bịnh", vợ trưởng giả sai người hầu mang tiền đến lò mổ mua thịt, không may ngày hôm đó hoàng hậu sanh con nên cấm giết mổ, nếu ai vi phạm sẽ trị tội nặng, cho nên dù có mua thịt với giá cao cũng không mua được. Người hầu trở về báo lại, vợ trưởng giả suy nghĩ: " vợ chồng ta thỉnh Bà-la-môn và các đệ tử cúng dường, nếu không có món canh thịt này thì người đệ tử bịnh kia sẽ qua đời, ta sẽ có lỗi", nghĩ rồi liền vào trong phòng cầm dao bén cắt thịt nơi đùi đưa cho người hầu nấu canh thịt đưa cho người bịnh ăn. Người bịnh ăn xong liền lành bịnh, bịnh khỏi rồi liền suy nghĩ: "hôm nay nhà vua cấm giết mổ, không biết thịt này từ đâu mà có, chắc là vợ của trưởng giả tự cắt thịt của mình nấu canh cho ta ăn. , ta phải đắc những pháp chưa đắc, chứng những pháp chưa chứng, hiểu những pháp chưa hiểu", nghĩ rồi liền siêng năng tinh tấn, không bao lâu sau chứng được năm thông.

Này các Bí-sô, vợ trưởng giả thuở xưa chính là vợ trưởng giả ngày nay; người đệ tử bịnh ngày xưa chính là Bí-sô bịnh ngày nay. Quá khứ nhờ người nữ này cắt thịt cúng dường mà chứng được năm thông, ngày nay cũng nhờ người nữ này cắt thịt cúng dường mà được lậu tận. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen ; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng, tạo nghiệp đen trắng xen tạp thì được quả báo xen tạp. Cho nên các thầy nên bỏ nghiệp đen và nghiệp xen tạp, nên tu nghiệp thuần trắng."

Lúc đó ở thành Thất-la-phiệt, vua Thắng quang vua nước Kiều-tát-la có con voi chiến bậc nhất bỗng bị bịnh dịch chết, lại gặp lúc mất mùa đói kém nên dân chúng đều ăn thịt voi. Sáng sớm hôm đó Lục chúng Bí-sô vào thành theo thứ lớp khất thực đến trước nhà 1 trưởng giả, trong nhà trưởng

giả đang nấu thịt voi, mùi thơm bốc ra nên Lục chúng liền bước vào trong nhà xin, vợ trưởng giả nói không có thức ăn, Lục chúng hỏi: "nấu món ăn gì mà mùi thơm bốc ra như thế ?", vợ trưởng giả nói: "đó là thịt voi, các vị ăn thịt voi được hay sao?", Lục chúng nói: "chúng tôi dựa vào thí chủ, nếu thí chủ ăn thịt voi thì chúng tôi cũng ăn thịt voi", vợ trưởng giả nghe rồi liền mang thịt voi ra cúng dường. Lục chúng nhận đầy bát rồi mang đi, các Bí-sô khác thấy liền hỏi: "thầy xin được món gì mà đựng đầy bát như thế ?", đáp là thịt voi, liền hỏi: "thầy há ăn cả thịt voi hay sao?", đáp: "lúc này mất mùa đói kém, không ăn há chịu chết đói hay sao?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Trời rồng, dược xoa, phi nhơn, quốc vương, đại thần đều cung kính Bí-sô, ví sao Bí-sô lại ăn thịt voi của vua. Nếu vua nghe biết được sẽ nghĩ rằng: do các Bí-sô ăn thịt voi nên con voi chiến bậc nhất của ta mới chết, vua sẽ chê trách các Bí-sô, vì thế các Bí-sô không nên ăn thịt voi, ai ăn sẽ phạm tội Việt pháp. Thịt voi đã như thế thì thịt ngựa cũng thế".

Phật ở trú xứ gần bên ao Yết già thành Chiêm ba, trong ao có con rồng chúa tên là Chiêm bệ đa tín tâm, mỗi tháng vào ngày 14 và mồng 1 rồng ra khỏi cung biến thành hình người đến chỗ Bí-sô thọ 8 học xứ, sau đó đến chỗ vắng vẻ hiện lại nguyên hình, không làm tổn hại các chúng sanh khác. Gặp lúc mất mùa đói kém nên dân chúng đến cắt xẻ thân rồng mang về ăn, lúc đó Lục chúng Bí-sô vào thành theo thứ lớp khất thực đến trước nhà 1 trưởng giả, trong nhà trưởng giả đang nấu thịt rồng, mùi thơm bốc ra nên Lục chúng liền bước vào trong nhà xin, vợ trưởng giả nói không có thức ăn, Lục chúng hỏi: "nấu món ăn gì mà mùi thơm bốc ra như thế ?", vợ trưởng giả nói: "đó là thịt rồng, các vị ăn thịt rồng được hay sao?", Lục chúng nói: "chúng tôi dựa vào thí chủ, nếu thí chủ ăn thịt rồng thì chúng tôi cũng ăn thịt rồng", vợ trưởng giả nghe rồi liền mang thịt rồng ra cúng dường. Do dân chúng đến lấy thịt rồng ngày một nhiều hơn nên rồng vợ suy nghĩ: "do các Bí-sô ăn thịt rồng nên mọi người càng ăn nhiều hơn, chồng ta biết chừng nào mới thoát ly nổi khổ, ta nên đem việc này bạch Phật", đợi đến khi đêm xuống, rồng vợ đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, ánh sáng nơi thân rồng chiếu sáng khắp bờ ao Yết già, rồng chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, chồng con có tín tâm, mỗi tháng vào ngày 14 và mồng 1 rồng ra khỏi cung biến thành hình người đến chỗ Bí-sô thọ 8 học xứ, sau đó đến chỗ vắng vẻ hiện lại nguyên hình, không làm tổn hại các chúng sanh khác. Gặp lúc mất mùa đói kém nên dân chúng đến cắt xẻ thân rồng mang về ăn, các Bí-sô cũng ăn thịt rồng, như vậy đến lúc nào chồng con mới hết khổ. Cúi xin Thế tôn từ bi thương xót chế ngăn các Bí-sô đừng ăn thịt rồng", Phật nghe rồi liền im lặng, biết Phật đã nhận lời rồng vợ liền ra về. Sáng

hôm sau, Phật đến trong đại chúng bảo các Bí-sô: "đêm qua có rồng vợ của vua rồng Chiêm bệ đa đến chỗ ta bạch rằng: Thế tôn, chồng con có tín tâm, mỗi tháng vào ngày 14 và mồng 1 rồng ra khỏi cung biến thành hình người đến chỗ Bí-sô thọ 8 học xứ, sau đó đến chỗ vắng vẻ hiện lại nguyên hình, không làm tổn hại các chúng sanh khác. Gặp lúc mất mùa đói kém nên dân chúng đến cắt xẻ thân rồng mang về ăn, các Bí-sô cũng ăn thịt rồng, như vậy biết chừng nào chồng con mới hết khổ. Cúi xin Thế tôn chế ngăn các Bí-sô đừng ăn thịt rồng. Vì thương xót rồng nên ta nhận lời, từ nay các Bí-sô không nên ăn thịt rồng. Người ăn thịt rồng thì trời rồng đều chê trách khinh rẽ, làm tiêu mất pháp lành không phải là Thích ca tử. Nếu Bí-sô nào ăn thịt rồng thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 2

Phật ở nước Ma-kiệt-đà du hành đến vườn Trúc lâm bên ao Yết lan đạc ca thành Vương xá, lúc đó vua Ảnh thắng nghe tin Phật du hành đến nước mình liền suy nghĩ: "trước đây ta có nguyện thường cúng Phật nhưng chưa từng thỉnh Phật an cư ba tháng, nay ta nên thỉnh Phật và Tăng an cư ba tháng cúng dường tứ sự và sai Y vương Thị-phược-ca cấp thuốc trị bịnh", nghĩ rồi vua Ảnh thắng liền cùng quần thần đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua liền rời khỏi chỗ ngồi chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn thọ con thỉnh an cư ba tháng trong cung, con sẽ đem tư tài đã có cúng dường tứ sự và bảo Y vương Thị-phược-ca cấp thuốc trị bịnh cho Tăng", Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời nên đảnh lễ Phật rồi ra về. Trở về cung vua liền ra lịnh chuẩn bị mọi thứ để cúng dường Phật và Tăng trong ba tháng hạ. Lúc đó vua Thắng quang nghe tin vua Ảnh thắng thỉnh Phật và Tăng vào trong cung cúng dường ba tháng hạ liền suy nghĩ: "ông ấy là vua nước lớn còn cúng dường Phật và tăng như thế, ta cũng là vua nước lớn, nếu Thế tôn đến nước ta, ta cũng sẽ đem tư tài cúng dường và bảo thầy thuốc A-đế-da trị bịnh". Sau khi an cư ba tháng ở thành Vương xá xong, Thế tôn đắp y mang bát cùng đại chúng du hành đến thành Thất-la-phiệt trụ ở trong vườn Cấp-cô-độc, vua Thắng quang nghe tin này liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua rời khỏi chỗ ngồi chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Thế tôn thọ con thỉnh an cư ba tháng cúng dường tứ sự và bảo thầy thuốc A-đế-da trị bịnh cho Tăng", Phật im lặng nhận lời, vua đảnh lễ Phật rồi ra về. Về đến trong cung liền ra lịnh chuẩn bị mọi thứ cúng dường và bảo thầy thuốc A-đế-da cấp thuốc trị bịnh cho Tăng, mỗi sáng vua Thắng quang đều đến trong Tỳ-ha-la đảnh lễ Phật và đi thăm các Bí-sô. Lúc đó vua thấy có 1 Bí-sô mắc bịnh Trĩ thân thể vàng vỏ, ốm yếu, tiều tụy không có sức lực liền hỏi căn bịnh rồi bảo thầy thuốc A-đế-da đến chữa bịnh cho Bí-sô, nhưng thầy thuốc này

vốn không tín kính Tam bảo nên không chịu chữa trị. Sau đó vua gặp lại Bí-sô bịnh thấy vẫn ốm yếu như cũ nên hỏi rõ nguyên do, vua nghe rồi liền nổi giận ra lịnh bắt thầy thuốc đến hỏi rằng: "trước đây Ta bảo ngươi chữa bịnh cho Bí-sô, tại sao ngươi không chịu chữa trị, nếu ngươi không chữa lành bịnh cho Bí-sô Ta sẽ tước quan vị của ngươi", thầy thuốc này nghe vua quở trách như vậy liền ôm giận Bí-sô bịnh nói rằng: "há chẳng phải do ông ta mà vua muốn đoạt quan vị của ta hay sao". Thầy thuốc liền dẫn Bí-sô bịnh ra ngoài tinh xá trói tay chân lại để cắt Trĩ, Bí-sô bịnh bị bức bách đau đớn nên gào to: "con gặp nạn khổ sao Thế tôn đại từ bi không thương xót". Thường pháp của chư Phật là trong tất cả thời không việc gì mà không biết, do tâm lực đại bi Phật đi đến chỗ Bí-sô bịnh, vừa thấy Phật đến thầy thuốc liền trút giận nói rằng: "kẻ ti tiện kia, hãy đến xem hạ bộ của đệ tử ngươi như thế nào", Phật nghe lời này liền bỏ đi. Về đến trú xứ trải tòa ngồi rồi mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang 5 sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại Thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

"Người phải nghe Phật dạy
Dốc cầu đạo xuất ly
Phá được quân sanh tử
Như voi phá nhà tranh.
Ở trong pháp luật Phật
Dũng tiến thường tu học
Xa lìa đường sanh tử
Bờ mé khổ không còn".

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì

hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó ánh sáng nhiễu quanh Phật ba vòng vào vào trong miệng Phật, cụ thọ A-nan-đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

"Từ miệng Phật phóng hào quang vi diệu,
Chiếu khắp Đại thiên không phải một tướng,
Chiếu khắp cả 10 phương các quốc độ,
Như mặt trời chiếu sáng khắp hư không.
Phật là nhân tối thắng của chúng sanh,
Có thể trừ kiêu mạn và lo buồn.
Không nhân duyên, kim khẩu không mở lời,
Miệng mỉm cười ắt nói việc kỳ lạ.
Con lặng lẽ quan sát đấng Mâu Ni,
Ai muốn nghe, Phật nói cho nghe,
Như sư tử vương rống tiếng vi diệu,
Cúi xin Phật quyết nghi cho chúng con,
Phật như Diệu sơn vương trong biển cả,
Nếu không nhân duyên, Phật không dao động,
Tự tại từ bi, miệng Phật hiện mỉm cười,
Nói nhân duyên cho người đang khao khát".

Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Đúng vậy A-nan-đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười. Thầy thuốc A-đế-da tự hại mình vì đã mắng Phật là kẻ ti tiện. Ta nhớ từ đời vua Đại tam mạt đa đến nay, ta chưa từng bị mắng chửi như thế, vậy mà nay thầy thuốc A-đế-da dùng lời ác mắng Ta, do nghiệp ác này bảy ngày sau ông ta sẽ hộc máu mà chết và bị đọa vào địa ngục chịu khổ lâu dài. Vì thế này các Bí-sô, không nên nhờ thầy thuốc không có tín tâm như thầy thuốc A-đế-da trị bịnh. Bịnh Trĩ có hai cách chữa: Một là dùng chú thuật, hai là dùng thuốc, nếu Bí-sô bịnh nào nhờ thầy thuốc như thầy thuốc A-đế-da trị bịnh thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các đại thần tâu vua: "thầy thuốc A-đế-da mắng Phật là kẻ ti tiện và cố ý làm cho Bí-sô bịnh chết", vua nghe

rồi liền tức giận ra lịnh xử trảm, đại thần tâu: "Đại vương, A-đế-da đã là người chết cần gì giết nữa, Thế tôn đã dự ký bảy ngày sau ông ta sẽ hộc máu mà chết và bị đọa vào địa ngục", vua nói: "nếu vậy hãy đuổi hắn ra khỏi nước". Sau khi bị đuổi ra khỏi nước, A-đế-da đi đến thành Sa kê đa lại cũng bị đuổi ra khỏi nước, đi đến thành Bà-la-nê-tư cũng bị đuổi ra khỏi nước, lần lượt đi đến các thành như Phệ-xá-ly, Vương xá, Chiêm ba cũng đều bị đuổi, cuối cùng đến ngồi dưới một gốc cây, cho đến sông suối ao hồ nào cũng bị thiện thần xua đuổi, lúc đó ông ta suy nghĩ: "loài dã can còn có chỗ để dừng nghỉ, còn ta thì không có, cho đến một gốc cây cũng không dung nạp ta", suy nghĩ rồi buồn bực trong lòng hộc máu ra mà chết và bị đọa vào địa ngục A tỳ. Lúc đó Thế tôn nói kệ:

"Người nào ở thế gian,
Miệng nói ra lời ác,
Là dùng dao búa bén,
Tự chặt đứt thân mình.
Khen ngợi những kẻ ác,
Chê bai người hiền thiện,
Miệng sanh các tội lỗi,
Không chiêu cảm quả vui.
Cờ bạc tuy mất lợi,
Lỗi ấy cũng còn nhẹ,
Hủy nhục Phật Thế tôn,
Tội này hết sức nặng.
Ai dùng lời độc ác,
Hủy báng các vị Thánh,
Sẽ đọa ngục An bộ,
Trải qua trăm ngàn năm,
Lại do lời ác mắng,
Hủy báng các vị Thánh,
Đọa vào ngục Thanh bào,
Bốn vạn hai ngàn năm".

Phật ở trong nước Địch miêu du hành đến một thôn và nghỉ đêm trong một trú xứ cũ nhưng trước đây chưa kết giới, đêm đó Thế tôn bỗng phát bịnh phong, cụ thọ A-nan-đà suy nghĩ: "ta thường hầu hạ Thế tôn, nay Thế tôn phát bịnh, ta nên đến hỏi thầy thuốc phương thuốc trị bịnh", nghĩ rồi liền đến hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: "Thánh giả hãy dùng tô nấu với ba loại thuốc sáp cho Thế tôn uống thì bịnh sẽ khỏi". Sau khi điều hòa các thứ thuốc ấy và nấu xong, A-nan-đà đem dâng cho Thế tôn

uống, Thế tôn hỏi A-nan-đà là thuốc gì, A-nan-đà đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi: "thầy nấu ở đâu?", đáp là nấu trong giới, Phật hỏi là ai nấu, đáp là tự nấu, Phật nói: "này A-nan-đà, nếu nấu trong giới, cất chứa qua đêm trong giới thì không nên dùng ; nếu nấu trong giới, cất qua đêm ngoài giới thì không nên dùng ; nếu nấu ngoài giới, cất qua đêm trong giới thì không nên dùng ; nếu nấu ngoài giới, cất qua đêm ngoài giới thì được dùng. Lại nữa này A-nan-đà, Bí-sô tự lấy tất cả loại thuốc và tự nấu thì không nên dùng; nếu ở ngoài giới tìm Cầu tịch hay Bạch y nấu thì Bí-sô được dùng".

Phật ở tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Trưởng giả rời khỏi chỗ ngồi chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và chúng Bí-sô ngày mai đến nhà con thọ thực", Phật im lặng nhận lời. Sáng hôm sau trưởng giả trải tòa ngồi, sắp đặt mọi thứ xong liền sai sứ đến bạch Phật: "đến giờ thọ thực, xin Phật biết thời". Lúc đó các Bí-sô vâng lời Phật dạy đắp y mang bát đến nhà trưởng giả thọ thỉnh thực, Phật không đi thọ thỉnh thực mà sai người đi lấy thức ăn về, do có 5 duyên : Một là cần yên tĩnh, hai là nói pháp cho chư thiên, ba là thăm nom người bịnh, bốn là xem xét phu cụ của tăng, 5 là chế học xứ cho các Bí-sô. Trong trường hợp này Phật vì muốn chế giới nên không đi thọ thỉnh thực mà bảo A-nan-đà lấy thức ăn mang về. Lúc đó ở nhà trưởng giả, cơm dọn lên hơi sống, A-nan-đà suy nghĩ: "cơm này hơi sống, Thế tôn làm sao ăn được, Thế tôn lại mắc bịnh phong nếu ăn cơm này, bịnh sẽ nặng thêm. Nếu ta không thọ thì Thế tôn chưa khai, ta nên thọ mang về nấu lại cho chín để Thế tôn dùng, nhân đây Thế tôn sẽ tùy khai", nghĩ rồi A-nan-đà mang cơm sống về trú xứ, sau khi nấu lại cho chín rồi mới mang đến cho Phật ăn, Phật hỏi: "này A-nan-đà, cơm này với cơm mà các Bí-sô đã ăn có khác nhau không?", đáp: "có khác vì cơm mà các Bí-sô đã ăn hơi sống", Phật hỏi: "cơm này nhận từ đâu?", A-nan-đà đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "lành thay A-nan-đà, Ta chưa nói mà thầy đã biết thời. Từ nay Ta khai cho các Bí-sô nếu thọ cơm sống thì nên nấu lại cho chín rồi mới ăn". Lúc đó Lục chúng Bí-sô xin gạo để nấu cơm, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu cơm nấu hai phần chín một phần sống thì khai cho tự nấu lại mà ăn; nếu rau đậu, cá thịt nấu đã đổi màu, thọ rồi thì khai cho tự nấu lại mà ăn; nếu là các loại nước uống như sữa đã nấu sôi ba lần, thọ rồi thì khai cho tự nấu lại mà uống đều không phạm. Nhưng nếu là gạo, rau đâu sống, cá thịt chưa đổi màu, sữa chưa sôi ba lần nếu tự nấu để ăn thì phạm tội Việt pháp".

Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở trong

thành Thâu-ba-la-ca có một trưởng giả tên là Tự tại giàu có, nhiều quyến thuộc, cưới con gái của một trưởng giả quý tộc làm vợ, cùng sống rất hạnh phúc. Không bao lâu sau người vợ có thai, đủ ngày tháng sanh được một bé trai, trải qua một ngày trưởng giả mở tiệc ăn mừng và nhờ thân tộc đặt tên cho bé, thân tộc nói: "đã là con của trưởng giả Tự tại thì nên đặt tên là An lạc". Thời gian sau người vợ lại sanh thêm bé trai thứ hai đặt tên là Thủ hộ, bé trai thứ ba đặt tên là Hoan hỉ. Sau đó trưởng giả bỗng mắc bịnh nằm liệt giường, tánh tình cũng trở nên cộc cằn cau có, thường hay mắng chửi người thân nên vợ con đều tránh xa, không chăm sóc cho ông nữa. Lúc đó đứa tớ gái trong nhà suy nghĩ: "trưởng giả này là chủ của ta, thường ngày lo toan trăm việc, cung cấp cơm áo cho chúng ta, nay lâm trọng bịnh vợ con không có chăm sóc, ta không chăm sóc là điều không nên". Nghĩ rồi liền đến chỗ thầy thuốc nói rằng: "hiền thủ có biết trưởng giả Tự tại không?", thầy thuốc nói: "tôi có biết ông ấy, không biết hiện nay ông ấy thế nào?", đứa tớ gái nói: "hiện nay ông ấy lâm trọng bịnh, vợ con không có chăm sóc, ông có thể kê toa thuốc cho ông ấy không?", thầy thuốc nói: "nếu vợ con ông ấy không có chăm sóc thì ai chăm sóc cho ông ấy ?", đứa tớ gái nói: "tôi sẽ chăm sóc cho ông ấy, nay ông ấy không có người thân, tôi cũng không có tiền nhiều, xin ông chọn loại thuốc rẽ tiền cho ông ấy uống". Sau đó đứa tớ gái lén lấy trộm ít tài vật của vợ con ông trưởng giả và giảm bớt chi tiêu của mình để mua thuốc về cho trưởng giả uống, không bao lâu sau bịnh được lành, trưởng giả suy nghĩ: "ta mang bịnh khổ mà vợ con không có chăm sóc, ta được sống còn là nhờ ơn của đứa tớ gái, ta đâu thể không báo đáp". Nghĩ rồi liền nói với đứa tớ gái: "hiền thủ, tôi mang bịnh khổ vợ con không chăm sóc, nhờ hiền thủ lo thuốc thang chăm sóc nên được sống còn. Vậy hiền thủ muốn gì tôi sẽ làm cho được toại nguyện". Tớ gái nói: "nếu đại gia đối với tôi có yêu mến riêng thì xin hãy cùng tôi giao hoan". Trưởng giả nói: "cần gì phải làm việc giao hoan này, tôi sẽ cho hiền thủ 500 kim tiền và giải phóng kiếp nô lệ hạ tiện cho hiền thủ". Tớ gái nói: "Đại gia, tuy tôi mong được thoát khỏi kiếp nô lệ hạ tiện, nhưng tôi lại mong muốn được cùng ông giao hoan". Trưởng giả nói: "nếu hiền thủ muốn thế thì cứ theo ý nguyện của hiền thủ. Khi nào nguyệt kỳ qua, thân thanh tịnh thì hãy đến báo cho tôi biết". Thời gian sau, khi nguyệt kỳ qua, thân thanh tịnh, người tớ gái liền đến báo cho trưởng giả biết, trưởng giả liền cùng người tớ gái giao hoan. Không bao lâu sau, người tớ gái mang thai, khi cô mang thai tất cả kho tàng của trưởng giả đầy tràn. Đủ ngày tháng sanh được một bé trai dung mạo đoan nghiêm, bé trai này vừa sanh ra thì của cải trong nhà tăng thêm. Sau đó trưởng giả mở tiệc ăn mừng và

nhờ thân tộc đặt tên, thân tộc nói nên đặt tên là Viên mãn. Trưởng giả giao bé trai cho tám bà vú nuôi: hai bà lo việc bú mớm, hai bà lo việc bồng giữ, hai bà lo việc tắm rửa, hai bà cùng vui đùa, nên bé mau lớn như bông sen lên khỏi mặt nước, đến khi trưởng thành học thông các môn học và các môn kỹ nghệ, lại còn có thể dạy cho người khác. Lúc đó ba người con trai lớn của trưởng giả đều đã cưới vợ, chìm đắm trong dục lạc bỏ bê gia nghiệp, trưởng giả thấy vậy nên ngồi chống cằm lo nghĩ với dáng vẻ ưu sầu. Ba người con thấy cha như vậy liền hỏi nguyên do, trưởng giả nói: "các con biết không, ngày xưa cha kiếm được 10 vạn tiền vàng rồi mới cưới vợ, cho đến ngày nay ta vẫn tự kiếm sống. Các con vừa cưới vợ xong liền đam mê dục lạc, gia nghiệp đã có ắt sẽ tiêu tán, ta lo sau khi ta chết các con do đâu sống còn". Lúc đó người con thứ một cởi bông tai báu đang đeo xuống và thay vào bằng đôi bông tai gỗ, thề rằng: "nếu con không thể buôn ban kiếm lời được 10 tiền vàng thì trọn đời không đeo bông tai báu nữa"; người con thứ hai cũng cởi bông tai báu xuống và thay vào bằng đôi bông tai đồng đỏ ; người con thứ ba cũng cởi bông tai báu xuống và thay vào bằng đôi bông tai thiếc. Do nhân duyên này nên người con đầu vốn tên là An lạc, nay được gọi là Bông tai gỗ; người con thứ hai vốn tên là Thủ hộ, nay được gọi là Bông tai đồng; người con thứ ba vốn tên là Hoan hỉ, nay được gọi là Bông tai thiếc. Cả ba người con đều đem hàng hóa vượt biển mua bán kiếm lời, người con thứ tư thấy vậy cũng muốn vượt biển mua bán kiếm lời như các anh, trưởng giả nói: "còn nhỏ chưa đủ sức vượt biển, con hãy ở lại coi ngó hàng hóa trong phố chợ". Thời gian sau ba người con trai lớn trở về với nhiều tài vật đã kiếm được đưa cho cha xem, mỗi người đều kiếm được số tiền 10 vạn tiền vàng như đã thề với cha. Lúc đó Viên mãn cũng muốn cha mình xem tài vật mà mình đã kiếm được trong phố chợ, người cha nói: "con không đi xa thì số tiền kiếm có là bao mà xem xét", Viên mãn nói: "con tuy không đi xa nhưng xin cha hãy xem xét", người cha miễn cưỡng xem xét, không ngờ số tiền cậu út kiếm được lại gấp bội các anh, người cha vui mừng suy nghĩ: "con út có phước đức lớn, tuy không đi xa nhưng lại thu được nhiều tiền tài như vậy". Thời gian sau người cha lâm bịnh liền suy nghĩ: "sau khi ta mất, các con ắt sẽ chia rẽ, ta nên tính kế trước", nghĩ rồi liền bảo các con: "các con hãy mang củi đến đây", khi củi được mang đến, người cha nói: "các con hãy cùng đốt đống củi", sau khi đống củi được đốt lên, người cha nói: "các con hãy phân chia đống củi đang cháy và mang đi", sau khi phân chia, mỗi người mang củi đi thì đống củi liền tắt, người cha nói: "các con thấy không?", đáp thấy, người cha liền nói kệ:

"Đống lửa dựa nhau nên rực sáng,

Nếu đem phân tán liền bị tắt,
Anh em chung sống cũng như vậy,
Nếu chia rẽ ắt bị tiêu diệt".

Các con nên biết, sau khi ta mất các con không nên nghe theo lời vợ mà chia rẽ nhau.

"Nếu nghe lời vợ, nhà liền tan,
Người tỉnh nghe gọi, tâm thôi thúc,
Nước bị phá đều do quan xấu,
Do quá tham nên cắt ân tình."

Nói kệ xong, người cha bảo người con trai lớn ở lại, còn tất cả ra ngoài, nói rằng: "sau khi ta chết, con là con trưởng nên sống cùng em út, chớ có chia lìa, của cải có thể bỏ nhưng không được bỏ rơi em út, vì sao, vì em út của con có phước đức lớn", liền nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
Hội họp ắt biệt ly,
Có mạng đều phải chết".

Nói kệ xong liền qua đời, các con lo tang lễ rồi đưa xác cha đến trong rừng thây chết hỏa thiêu, sau đó bàn với nhau: "khi cha còn sống, mọi thứ cần dùng đều do cha cung cấp ; nay cha mất, chúng ta nên hợp lực buôn bán cầu lợi làm cho gia nghiệp ngày càng hưng thịnh", người em út là Viên mãn cũng muốn cùng đi, người anh cả nói: "em nên ở lại đây mua bán và trông coi gia nghiệp, còn các anh mua bán ở phương xa", nói xong cùng chia tay nhau, mỗi người đều mang theo hàng hóa đến phương xa mua bán, Viên mãn ở lại nhà trông coi gia nghiệp. Lúc đó ba người chị dâu đều sai người hầu đến chỗ chú út xin những vật dụng cần thiết, gặp lúc chú út tiếp khách hàng lâu, người hầu không thể gặp được, chị dâu cả hỏi người hầu nguyên do rồi nói: "con của tớ gái làm gia chủ thì chúng ta làm sao an ổn được", nói rồi bảo người hầu canh chừng khi nào vắng khách thì đến xin, lần này đến đúng lúc không có khách hàng nên nhận được đủ thứ vật dụng mang về. Hai người hầu của hai chị dâu kế đến xin vật dụng cũng gặp trường hợp như chị dâu cả không xin được liền, lại thấy người hầu của chị dâu cả nhận được đủ thứ vật dụng mang về liền hỏi vì sao, người hầu của chị cả nói: "vì xin đúng lúc chú út không có tiếp khách hàng nên tôi nhận được các thứ vật dụng mau". Hai người hầu này sau đó thường đi theo người hầu của chị dâu cả canh đúng lúc chú út không có tiếp khách hàng để nhận được các vật dụng mau, hai người chị dâu kế hỏi nguyên do, hai

người hầu nói rõ sự việc, hai người chị dâu kế ôm lòng oán giận nói rằng: "con của tớ gái làm sao trông coi gia nghiệp chu đáo được". Thời gian sau, ba người anh trở về với nhiều tài lợi, người anh cả hỏi vợ: "chú út coi ngó gia nghiệp, cung cấp mọi thứ có chu đáo không?", đáp là rất chu đáo. Lúc đó hai người anh kế hỏi vợ thì hai người vợ này đều nói: "con của tớ gái coi ngó gia nghiệp thì làm sao chu đáo được", hai người chồng nghe rồi liền suy nghĩ: "tất cả phụ nữ đều hay tranh chấp, nếu nghe lời họ anh em sẽ chia lìa". Thời gian sau, đúng lúc chú út mở kho lụa ca thi thì con của người anh cả đến, chú út liền chọn một xấp vải tốt cho nó. Hai người chị dâu kế thấy vậy liền sai con mình đến xin, không may chú út đã đóng kho lụa Ca thi và đang mở kho vải khác xấu hơn, thấy hai cháu đến chú út liền đưa cho mỗi cháu một xấp vải mang về. Hai người chị dâu kế thấy cho con mình vải xấu liền nói với chồng: "anh thấy không, con của anh cả được lụa Ca thi, còn con chúng ta chỉ được vải xấu", người chồng suy nghĩ: "con anh cả đến đúng lúc kho lụa Ca thi đang mở, con con chúng ta đến lúc kho khác đang mở". Thời gian sau, chú út đang mở kho đường phèn thì con của anh cả đến, chú út liền cho nó một túi đường phèn; hai chị dâu kế thấy vậy liền sai con đến xin, không may kho đường phèn đã đóng, gặp lúc chú út đang mở kho đường cát nên chú út đưa cho mỗi cháu một túi đường cát mang về. Hai người chị dâu kế thấy vậy liền nói với chồng: "anh thấy không, con của anh cả được đường phèn, con chúng ta chỉ được đường cát", nghe vợ gièm pha châm chích mãi như thế nên hai người anh kế đều muốn chia tài sản ra ở riêng, hai người bàn với nhau: "nếu phân chia thì đồ vật trong nhà và ruộng vườn ở ngoài là một phần; đồ vật trong kho và hàng hóa mua bán ở ngoài là một phần; Viên mãn là một phần. Nếu anh cả nhận ruộng vườn và đồ vật trong nhà thì chúng ta nhận đồ vật trong kho và hàng hóa mua bán bên ngoài; ngược lại nếu anh cả nhận vật trong kho và hàng hóa bên ngoài thì chúng ta nhận đồ vật trong nhà và ruộng vườn bên ngoài. Phân chia như thế để trị phạt Viên mãn, khiến cho nó chịu khổ sở". Bàn tính xong cả hai đến chỗ người anh cả nói rõ sự việc, người anh cả nói: "gia nghiệp tan nát đều do nghe lời vợ, các em hãy suy nghĩ lại", hai người em kế nói là đã quyết ý rồi, người anh cả nói: nếu vậy hãy mời người đoán sự đến", hai người em kế nói: chúng em đã bàn tính kỹ rồi, không cần mời người đoán sự", liền nói rõ sự phân chia tài sản như đã tính ở trên, người anh cả hỏi: "Viên mãn không được chia phần hay sao?", hai người em kế nói: "nó là con của đứa tớ gái làm sao có phần được, nhưng chúng tôi đã xếp nó vào trong số của cải trong nhà, nếu anh thương thì nhận nó", người anh suy nghĩ: "khi lâm cha có dặn ta đừng bỏ rơi nó, của cải có thể bỏ

nhưng đứa em út không nên bỏ", nghĩ rồi người anh nói: "như lời em đã nói thì anh nhận Viên mãn". Sau khi phân chia gia sản xong, người được chia nhà liền đuổi chị dâu ra, nói là nhà đã được chia; người được chia kho đồ vật liền đến kho đuổi Viên mãn ra nói là đã được chia. Lúc đó chị dâu cả cùng Viên mãn ra ngoài tìm đến nhà người quen, những đứa con của chị dâu cả đói bụng kêu khóc, chị dâu bảo Viên mãn cho chúng thức ăn, Viên mãn bảo đưa tiền, chị dâu nói: "chú dùng ức tiền vàng để mua bán, lấy một ít tiền mua thức ăn cho chúng không được sao?", đáp: "tôi đâu biết trước có việc phân chia gia sản này, nếu biết trước tôi đã cất giấu vô lượng ức tiền vàng ơ chỗ khác". Chị dâu cả đành phải móc tiền đưa cho Viên mãn đi mua ít thức ăn, Viên mãn cầm tiền đi vào chợ bỗng gặp một người gánh củi đi bán, nhìn thấy trong gánh củi có loại gỗ quý ở trong biển gọi là Ngưu đầu chiên đàn, liền hỏi người bán củi "anh bán gánh củi này bao nhiêu?", đáp: "chỉ cần 500 tiền", Viên mãn nói: "tôi sẽ đưa cho anh 500 tiền", nói xong rút lấy cây Chiên đàn trong gánh củi ra đi vào trong chợ cưa thành bốn khúc, phần bột vụn Chiên đàn đem bán được một ngàn tiền liền trở lại giao cho người bán củi 500 tiền rồi bảo người gánh củi gánh đến đưa cho chị dâu, nói là Viên mãn bảo gánh tới. Người ấy y theo lời gánh tới chỗ chị dâu, chị dâu thấy gánh củi đấm ngực kêu lên: "Viên mãn sao mà ngây dại như thế, của cải vừa bị phân tán thì trí huệ cũng không còn. Tôi bảo mua thức ăn lại đi mua củi mà không có thức ăn gì để nấu cả".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 3

Lúc đó vua nước Thâu-ba-lặc-ca bị bịnh nóng sốt nằm mê man, thầy thuốc bảo phải dùng bột Ngưu đầu chiên đàn thoa lên người, vua liền ra lịnh đại thần tìm mua, đại thần đến chỗ Viên mãn hỏi có Ngưu đầu chiên đàn không, đáp là có chút ít rồi hỏi cần bao nhiêu, đại thần nói cần mua một ngàn tiền. Sau khi mua được bột Ngưu đầu chiên đàn, đại thần đem về thoa lên người của vua, vua khỏi bịnh rồi liền suy nghĩ: "trong kho của vua không có Ngưu đầu chiên đàn thì không xứng gọi là vua", nghĩ rồi liền hỏi đại thần đã mua được từ đâu, đại thần đáp là mua từ chỗ Viên mãn, vua liền cho gọi Viên mãn đến, Viên mãn suy nghĩ: "vua cho gọi ta ắt là vì Ngưu đầu chiên đàn", nghĩ rồi liền lấy ba khúc Chiên đàn bỏ vào trong mình còn một khúc cầm trên tay đi đến chỗ vua, vua hỏi: "anh có Ngưu đầu chiên đàn phải không?", Viên mãn liền đưa khúc Chiên đàn cho vua xem, vua hỏi trị giá bao nhiêu, đáp là một ức tiền vàng, vua lại hỏi con nữa hay không, đáp là còn ba khúc, vua liền bảo đại thần đưa cho Viên mãn bốn ức tiền vàng, Viên mãn tâu: "thần xin nhận tiền của ba khúc Chiên đàn này còn khúc kia xin dâng vua", vua liền đưa cho Viên mãn ba ức tiền vàng rồi nói: "khanh cần gì ta sẽ ban cho", Viên mãn nói: "nếu vua hoan hỉ thì thần chỉ xin một điều là được sống trong nước của vua mà không bị lấn hiếp khinh khi", vua liền bảo các đại thần: "từ nay các khanh có thể quản thúc các vương tử, không nên quản thúc Viên mãn", Viên mãn liền cáo từ ra về.

Lúc đó các thương nhơn trong thành nghe tin có 500 thương khách từ biển đang đi đến nước Thâu-ba-lặc-ca liền bàn với nhau: "các thương khách này đến chúng ta phải cùng nhau mua bán, không được mua bán một mình", một người nói nên mời Viên mãn tới, người khác nói: "Viên mãn nay đã nghèo xác, mời đến làm gì". Lúc đó Viên mãn ra khỏi thành cũng hay tin có 500 thương khách từ biển vừa đến đây liền đi đến gặp họ hỏi: "hôm nay các vị mang những món hàng gì đến", các thương khách kể ra những món hàng được mang đến, Viên mãn hỏi tất cả trị giá bao nhiêu, các thương khách nói: "thương chủ đã thừa biết giá cả rồi còn hỏi làm gì?",

Viên mãn nói: "vì hôm nay tôi mua hàng một mình nên phải hỏi, không thể tự mình định giá", các thương khách nói tổng cộng trị giá là 18 ức tiền vàng, Viên mãn nói: "tôi bằng lòng mua hết, các anh nhận trước ba ức tiền vàng này, số vàng còn lại sau khi bán hàng xong tôi sẽ giao đủ", các thương khách bằng lòng, Viên mãn giao tiền vừa nhận được từ vua rồi tự tay niêm phong đóng dấu các món hàng đã mua, để ở chỗ các thương khách rồi đi. Sau đó các thương nhơn trong thành đến chỗ các thương khách hỏi: "hôm nay có những món hàng gì?", các thương khách kể ra, các thương nhơn nói: "những món hàng như thế trong kho chúng tôi đều đã có rồi", các thương khách nói: "bất kể trong kho các ông có hay không thì những món hàng này chúng tôi đều đã bán hết rồi", các thương nhơn hỏi đã bán cho ai, đáp là bán cho Viên mãn, lại hỏi bán với giá bao nhiêu, đáp: "giá mà chúng tôi bán cho Viên mãn sợ các ông không mua nổi", lại hỏi: "các ông đã nhận được bao nhiêu tiên từ Viên mãn?", đáp là ba ức tiền vàng, các thương nhơn nói: "Viên mãn đã thâu hết hàng hóa của các anh em". Lúc đó các thương nhơn cho gọi Viên mãn đến hỏi rằng: "trước đây chúng ta có giao ước không được mua hàng hóa một mình, phải cùng nhau định giá rồi chia nhau, tai sao anh bội ước?", Viên mãn nói: "các ông lập giao ước sao không báo cho anh em chúng tôi, giao ước đó không liên quan tới tôi", các thương nhơn không xét đúng sai, ép buộc Viên mãn phải nộp phạt 60 Ca-lợi-sa-ba-noa (một Ca-lợi-sa-ba-noa bằng 400 tiền vàng). Viên mãn chưa kịp thâu tiền hàng nên không có tiền nộp phạt, các thương nhơn bắt Viên mãn phơi nắng, sứ giả của vua đi tuần trông thấy bèn tâu vua biết, vua liền cho gọi Viên mãn và các thương nhơn đến hỏi nguyên do, các thương nhơn nói là vì Viên mãn bội ước, Viên mãn tâu vua: "các thương nhơn này lập giao ước không có báo cho thần biết", vua hỏi có báo cho biết hay không, các thương nhơn đáp là không có, vua nghe rồi liền thả cho đi. Sau đó vua nước Thâu-ba-lặc-ca cần một số hàng hóa nên gọi các thương nhơn đến nói rằng: "nay ta cần một số hàng như _, các khanh hãy mang đến đây", các thương nhơn nói: "số hàng hóa vua đang cần hiện có ở chỗ Viên mãn", vua nói: "trước đây ta có ra lịnh không quản thúc Viên mãn nên không thể theo đòi anh ta, các khanh đến chỗ Viên mãn hỏi mua và mang đến đây", các thương nhơn cho mời Viên mãn đến nhưng Viên mãn không chịu đến, các thương nhơn đành phải đến chỗ Viên mãn, Viên mãn tỏ ra cao ngạo vài ngày sau mới chịu ra tiếp, các thương nhơn nói: "chúng tôi hiện đang cần một số hàng hóa như___, xin hãy để giá vốn cho chúng tôi", Viên mãn nói: "tôi buôn bán là để kiếm lời, nếu để giá vốn thì sao gọi là thương chủ", các thương nhơn nói: "nếu vậy hãy để cho chúng tôi với giá lời gấp đôi", Viên

mãn suy nghĩ: "họ đều là thương chủ, ta phải kính trọng họ, nay được lời gấp đôi, ta nên chấp nhận", suy nghĩ rồi liền chấp nhận bán số hàng hóa đó với giá 15 ức tiền vàng để trả nợ cho các thương khách, số hàng hóa còn lại để trong kho. Sau đó Viên mãn suy nghĩ: "số hàng hoa này như sương buổi sớm, làm sao có thể chứa đầy bình, ta nên vào biển tìm châu báu", nghĩ rồi liền cho người đánh trống thông báo cho các thương nhơn trong thành biết: "thương chủ Viên mãn sắp vào biển tìm châu báu, ai cùng đi với thương chủ thì không phải trả tiền thuế đi đường. Nếu ai muốn cùng đi thì chuẩn bị hành trang và hãy mang hàng hóa đến để cùng đi". Lúc đó có 500 thương nhơn mang hành trang và hàng hóa đến cùng đi với Viên mãn vào biển tìm được nhiều châu báu và cùng trở về an ổn, như vậy cho đến sáu lần nên danh tiếng đồn vang xa. Sau đó có các thương nhơn ở thành Thất-la-phiệt mang hàng hóa đến nước Thâu-ba-lặc-ca, sau khi dừng nghỉ rồi đến chỗ Viên mãn nói muốn cùng vào biển, Viên mãn nói: "các vị có nghe người nào vào biển đã sáu lần được an ổn trở về mà còn muốn đi nữa hay không?", các thương nhơn nói: "chúng tôi từ xa đến đây là muốn nương theo anh vào biển được an ổn trở về, nếu anh không đi thì chúng tôi cũng không dám đi", Viên mãn nghe rồi liền suy nghĩ: "tuy ta không muốn tìm cầu nữa nhưng vì muốn làm lợi cho họ nên phải vào biển lần nữa", nghĩ rồi liền bằng lòng cùng các thương nhơn này vào biển. Suốt trên đường đi nghe các thương nhơn này tụng các kinh chú với âm thanh trong trẻo nên Viên mãn khen là ca vịnh hay, các thương nhơn nói: "đó không phải là ca vịnh mà là tụng kinh chú", Viên mãn hỏi là kinh chú gì, đáp là lời Phật dạy, Viên mãn vừa nghe danh từ Phật, toàn thân liền chấn động hỏi Phật là ai, các thương nhơn nói: "có sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng họ Thích ca từ bỏ vương vị xuất gia tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là Phật", Viên mãn lại hỏi Phật đang ở đâu, đáp là đang ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ đa thành Thất-la-phiệt, Viên mãn nghe rồi ghi nhớ trong lòng. Chuyến đi này Viên mãn cũng cùng các thương nhơn trở về an ổn, lúc đó người anh cả suy nghĩ: "Viên mãn vượt biển nhiều lần khổ cực, nay đến lúc cưới vợ cho chú ấy", nghĩ rồi người anh cả nói với Viên mãn: "em thích con gái của thương chủ hay trưởng giả nào, anh sẽ hỏi cưới cho em", Viên mãn nói: "em không thích lấy vợ, xin anh cho em xuất gia", anh cả nói: "trước kia chúng ta nghèo thiếu sao em không xuất gia, nay trở nên giàu có sao em lại muốn xuất gia?", Viên mãn nói: "khi nghèo thiếu không thể xuất gia, nay giàu có mới xuất gia". Anh cả thấy Viên mãn đã quyết ý nên bằng lòng cho Viên mãn xuất gia, Viên mãn nói: "vào biển cả có nhiều tai nạn nguy hiểm, người vào biển nhiều nhưng trở về thì ít, anh nhất định không

nên vào biển cả. Những tài bảo mà em có được là do phước đức chứ không phải do lừa đảo, tài bảo mà anh hai và anh ba có được đều là không trong sạch. Sau khi em xuất gia nếu hai anh ấy trở lại xin sống chung thì anh chớ chấp nhận". Nói xong Viên mãn dẫn theo một người hầu đi đến thành Thất-la-phiệt, ở trong một khu rừng rồi bảo người hầu đến báo với trưởng giả Cấp-cô-độc là thương chủ Viên mãn đang ở trong rừng muốn gặp trưởng giả. Trưởng giả nghe rồi liền hỏi người hầu: "thương chủ mang theo những vật gì đến đây?", người hầu đáp: "chỉ dẫn theo một mình tôi, ngoài ra không có mang vật gì cả", trưởng giả suy nghĩ: "người này có phước đức lớn, ta không nên để vào thành như thế, phải đem theo voi ngựa và nô bộc ra đón ông ấy". Sau khi đón Viên mãn về nhà, trưởng giả đem nước thơm cho tắm gội rồi đãi ăn uống, đợi ăn xong mới hỏi Viên mãn: "thương chủ hôm nay đến có việc gì?", đáp: "trưởng giả, hôm nay tôi muốn được ở trong pháp luật khéo giảng nói của Như lai xuất gia thọ viên cụ, thành tánh Bí-sô". Trưởng giả liền nghiêm trang khen ngợi: "thật hi hữu, Tam bảo xuất hiện ở thế gian, ông có thể xuất gia là hiếm có ; ông có nhiều tài bảo và quyến thuộc, có thể xả bỏ để xuất gia lại càng hiếm có hơn", nói rồi liền dẫn thương chủ đến gặp Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho vô lượng trăm ngàn Bí-sô, từ xa thấy trưởng giả Cấp-cô-độc dẫn Viên mãn đến liền bảo các Bí-sô: "trưởng giả Cấp-cô-độc mang hạt châu vô giá đến dâng cho ta, ở trong phật pháp không ai độ chúng sanh nhiều hơn người này". Trưởng giả cùng Viên mãn đến đảnh lễ Phật rồi bạch Phật: "Thế tôn, thương chủ Viên mãn nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô, ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh. Cúi xin Thế tôn cho Viên mãn xuất gia". Phật im lặng nhận lời rồi bảo Viên mãn: "Thiên lai Bí-sô, gắng tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc Viên mãn tự rụng, thân mặc ca-sa như đã từng cạo tóc, trải qua bảy ngày đầy đủ oai nghi như Bí-sô 100 tuổi hạ, Phật nói kệ:

"Thế tôn gọi "Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Các căn đều tịch tĩnh,
Thành tựu theo ý niệm".

Lúc đó cụ thọ Viên mãn đảnh lễ Phật rồi bạch rằng: "cúi xin Thế tôn nói pháp yếu để con được nghe từ Phật, sau đó con sẽ một mình ở nơi yên tĩnh, không phóng dật, siêng năng tu tập để được an lạc trụ. Đó là nguyên nhân hôm nay con bỏ nhà chánh tín xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, tu tập phạm hạnh, ở trong hiện pháp chứng được trí huệ thần thông, hiểu rõ "sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau".

Phật khen: "lành thay, thầy sẽ được nghe pháp yếu cho đến không còn thọ thân sau như lời thầy đã thỉnh. Này Viên mãn, hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ: Đã có nhãn thức phân biệt đối với sắc, sắc sáng đáng yêu là điều ý ưa thích, tương ưng với dục làm người tham đắm. Các dục như thế, Bí-sô thấy rồi liền khởi lạc dục, khen ngợi, đắm trước, ưa thích ; do ưa thích nên khởi tâm tham, do tâm tham hòa hợp với dục lạc, do hỉ tham tương ưng nên xa lìa Niết-bàn. Này Viên mãn, đã có nhĩ thức phân biệt âm thanh, tỷ thức nhận biết hương thơm, thiệt thức nhận biết mùi vị, thân thức nhận biết xúc chạm, tâm thức nhận biết pháp, sắc sáng đáng yêu… giống như đoạn văn trên cho đến xa lìa Niết-bàn. Này Viên mãn, ai có mắt biết rõ về sắc, sắc sáng đáng yêu…, nếu không đắm nhiễm thì gần với Niết-bàn. Nay ta đã nói pháp yếu, thầy muốn đến trụ nơi nào?". Viên mãn đáp: "con đã nghe hiểu nghĩa của pháp yếu, nay con muốn đến trụ ở nước Thâu-na-bát-la-đắc-già", Phật nói: "người ở nước ấy hung bạo, thô lỗ, nóng nảy cộc cằn và độc ác. Nếu họ chửi mắng thầy bằng những lời cộc cằn thô lỗ, lăng nhục phỉ báng thầy trước mọi người thì thầy nghĩ sao?", đáp: "nếu họ chửi mắng con…, con sẽ nghĩ là họ còn hiền lành vì đã không dùng gậy gộc, gạch đá… đánh ném con", Phật nói: "nếu họ dùng gậy gộc, gạch đá… đánh ném thầy thì thầy nghĩ sao?", đáp: "nếu họ dùng gậy gộc… con sẽ nghĩ là họ vẫn con hiền lành vì đã không dùng đao kiếm làm hại con", Phật nói: "nếu họ dùng đao kiếm làm hại thầy thì thầy nghĩ sao?", đáp: "con sẽ nghĩ là họ vẫn còn hiền lành vì đã không giết chết con", Phật nói: "nếu họ giết chết thầy thì thầy nghĩ sao?", đáp: "con sẽ nghĩ: "có đệ tử Thanh văn của Phật còn nhàm chán báo thân chịu các khổ não, trong lòng hổ thẹn nên đã dùng dao cho đến các phương tiện để tự đoạn mạng sống. Người trong nước ấy nếu đoạn mạng con tức là giúp con lìa được thân cấu uế này không chịu các khổ não nữa". Phật khen: "lành thay, thầy đã thành tựu ý nhu hòa nhẫn nhục như vậy thì được đến nước đó. Thầy cứ đi và sẽ vượt qua khổ não, cũng nên độ người khác; thầy sẽ được giải thoát, cũng nên giải thoát cho người khác; thầy sẽ được an ổn và cũng làm cho người khác an ổn; thầy sẽ được Niết-bàn và cũng làm cho người khác được Niết-bàn", nghe Phật dạy xong, Viên mãn vui mừng đảnh lễ Phật rồi lui ra. Lúc đó Viên mãn nghỉ đêm ở trong vườn Cấp-cô-độc, sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành khất thực, ăn xong thu xếp ngọa cụ giao trả rồi du hành đến nước Thâu-na-bát-la-đắc-già. Trên đường đi gặp một người thợ săn cầm cung tên đi săn bắn, thợ săn này thấy Viên mãn liền suy nghĩ: "ta định đi săn mà gặp Sa môn trọc đầu là không may mắn", nghĩ rồi liền lắp cung tên muốn bắn Viên mãn, Viên mãn liền vén áo bày bụng ra nói: "Hiền thủ hãy bắn vào bụng

này", rồi nói kệ:

"Chim ở hư không, nai ở rừng,
Vì tìm miếng ăn vườn bẫy lưới,
Hữu tình cầm đao kiếm đâm đánh,
Chém giết lẫn nhau đến diệt vong.
Ngạ quỷ bị đói khát bức bách,
Ăn sắt nóng, uống nước đồng sôi.
Ta từ lâu do cái bụng này,
Mà phải luân hồi chịu khổ não".

Thợ săn nghe kệ rồi liền suy nghĩ: "người xuất gia này tu hạnh nhẫn nhục thành tựu, lẽ nào ta nỡ hại người như vậy hay sao", nghĩ rồi liền khởi tín tâm. Lúc đó Viên mãn liền nói diệu pháp cho ông ta nghe, khiến ông ta quy y Tam bảo thọ trì năm học xứ ; sau đó độ thêm 500 người nam trở thành Ô-ba-sách-ca và 500 người nữ trở thành Ô-ba-tư-ca. Họ xây 500 Tỳ-ha-la ở trong thành ấy và cung cấp vô số giường dây, giường cây, ngọa cụ lớn nhỏ thỉnh Viên mãn ở đó an cư ba tháng. Sau ba tháng Viên mãn Bí-sô đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính.

Lúc đó hai anh kế của Viên mãn tiêu hết của cải tìm đến chỗ người anh cả nói rằng: "kẻ vô tướng bần cùng ấy đã ra khỏi nhà ta, ba anh em chúng ta hãy cùng sống chung như trước đây", anh cả hỏi: "ai là kẻ vô tướng?", đáp là Viên mãn, anh cả nói: "Viên mãn có thắng phước sao nói là vô tướng, khi còn ở nhà thắng tướng đã hiện rõ, không phải là kẻ vô tướng", hai người em nói: "dù vô tướng hay không vô tướng thì cũng đã đi rồi, ba anh em chúng ta nên cùng sống chung với nhau", anh cả nói: "của cải các em kiếm được là phi pháp, của cải của ta kiếm được là như pháp, làm sao ở chung với nhau được", hai người em nói: "của cải của anh có được là do con của tớ gái vào biển cả kiếm được đem cho anh, anh được của cải này nên khen ngợi nó, chê bai chúng tôi. Nếu anh có khả năng thì hãy vào biển tìm châu báu", người anh nghe lời này liền nổi giận nói: "ta sẽ vào biển". Người anh trên đường ra biển tìm châu báu gặp phải gió bão thổi giạt đến một hòn đảo, trên đảo toàn là cây Ngưu đầu chiên đàn, các thương nhơn đi chung thấy rồi nói với nhau: "trước đây chúng ta có nghe nói đến cây Ngưu đầu chiên đàn, nay mới được thấy. Của quý này do Dược

xoa Đại tự tại coi giữ, nhân lúc Dược xoa không có ở đây, chúng ta nên đồng tâm chặt lấy mau", nói rồi 500 thương nhơn với 500 búa rìu đồng loạt đốn chặt cây. Lúc đó có một dược xoa tên là Tác hỉ vội chạy đến báo cho Dược xoa Đại tự tại biết, Dược xoa này nghe rồi nổi giận liền dùng thần lực nổi gió bão và nương hư không đi đến. Lúc đó các thương nhơn thấy gió bão kéo tới hết sức kinh sợ, mỗi người nghĩ đến vị trời mà mình tín ngưỡng rồi nói kệ:

"Thần nước, gió tự tại,
Chư tiên, trời Đế thích,
Chúng Long vương,
Dược xoa, Các thần A-tu-la,
Con đang gặp nguy hiểm,
Cúi xin các tôn thần,
Cứu con khỏi tai ách,
Hết sức đáng sợ này,
Xin thỉnh cầu Đế thích,
Hoặc là Đại phạm thiên,
Thần cây và thần đất,
Người hãy nên cứu giúp,
Con đang gặp gió quỷ,
Cúi xin hãy cứu độ".

Lúc đó người anh cả này đứng im lặng không niệm thiên thần, các thương nhơn liền hỏi tại sao, liền đáp: "trước đây Viên mãn em tôi có dặn tôi không nên vào biển, tôi vì trái lời nên gặp nạn này, tôi biết phải làm sao", các thương nhơn nói: "Thánh giả Viên mãn có phước đức lớn, chúng ta nên quy y cầu cứu độ", nói rồi đồng loạt niệm nam mô Thánh giả Viên mãn. Lúc đó có một thiên nữ vốn quy kính cụ thọ Viên mãn, nghe thấy các thương nhơn niệm như vậy liền đến báo cho Viên mãn biết, Viên mãn nghe rồi liền sanh ức niệm và nhập định Như thị, do định lực nên ẩn thân ở nước Thâu-na-bát-la đắc già rồi hiện thân ngồi trên cột buồm của chiếc thuyền người anh cả, khiến cho gió bão quay trở lại giống như gặp núi Tu di ngăn chận, không làm cho thuyền bị hoại. Lúc đó Dược xoa Đại tự tại quán thấy cụ thọ Viên mãn ngồi trên cột buồm liền hỏi: "Thánh giả vì sao xúc não tôi ?", đáp: "tôi đâu có xúc não, nếu tôi không có được công đức lực thì anh tôi đã bị hại chết rồi và tôi chỉ có cái danh rỗng mà thôi", Dược xoa nói: "tôi có bổn phận coi giữ Ngưu đầu chiên đàn này cho Kim luân Thánh vương", Viên mãn hỏi: "Phật với Luân vương, ai tôn quý hơn?", Dược xoa hỏi: "Phật đã xuất thế rồi sao?", đáp là đã xuất thế, Dược xoa nói: "nếu vậy

thì mặc tình chất cho đầy". Lúc đó các thương nhơn nghe được lời này mới tỉnh hồn lại liền đối với Viên mãn khởi tâm tôn kính, họ chất Ngưu đầu chiên đàn đầy thuyền chở đến nước Thâu-na-bát-la-đắc-già, Viên mãn nói với anh: "nếu gặp nạn ở biển cả xưng niệm danh hiệu ai cầu cứu độ mà được cứu độ thì của cải thu được đều thuộc về vị ấy, Ngưu đầu chiên đàn này tôi lấy để xây cất một Tỳ-ha-la, còn châu báu kiếm được anh hãy đem chia cho các thương nhơn". Người anh làm theo lời Viên mãn bảo, lúc đó Viên mãn kêu gọi các thợ giỏi đến thương lượng về tiền công xây cất Tỳ-ha-la, nói rằng: "các ông muốn mỗi ngày nhận được 500 tiền hay nhận một nhúm bột Ngưu đầu chiên đàn?", các người thợ đồng đáp là muốn nhận một nhúm bột Ngưu đầu chiên đàn. Sau khi thương lượng xong họ bắt tay vào việc, không bao lâu sau Tỳ-ha-la được hoàn thành, Viên mãn sau khi trả công cho các người thợ xong, các bột vụn Ngưu đầu chiên đàn còn lại đều nghiền nát để đắp nền. Lúc đó các anh em của Viên mãn đã hòa thuận lại và cùng khởi tâm tín kính muốn phụng thỉnh Phật và Tăng đến cúng dường, liền hỏi Viên mãn Phật đang ở đâu, đáp là đang ở tại thành Thất-la-phiệt, lại hỏi cách đây bao xa, đáp là khoảng hơn trăm dặm, lại hỏi: "chúng tôi đến gặp đức vua tâu việc thỉnh Phật và tăng đến đây cúng dường có được không?", đáp được, các anh của Viên mãn liền đến chỗ đức vua tâu rõ mọi việc và yêu cầu đức vua giúp đỡ, vua nói: "các khanh tùy ý làm, Ta sẽ hỗ trợ việc cúng dường này". Lúc đó Viên mãn bay lên lầu cao quỳ gối đốt hương, rải hoa và rưới nước tịnh, vọng về rừng Thệ đa nói kệ cung thỉnh Phật và Tăng:

"Giới tịnh, trí huệ diệu,
Biết được người quy y,
Giúp người không chỗ nương,
Xin nhận lời con thỉnh".

Nói kệ xong, do thần lực của Phật, hoa rải này họp thành một cái lọng bay thẳng đến rừng Thệ đa che trên đảnh Phật; cũng do thần lực của Phật hương đã đốt tụ lại thành mây ở trên hư không và nước tịnh đã rưới tụ lại thành cây Phệ lưu ly bay đến rừng Thệ đa. Lúc đó cụ thọ A-nan-đà thấy tướng lành này liền chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, tướng lành thỉnh Phật và Tăng này từ nơi nào đến?", Phật nói: "từ nước Thâu-na-bát-la-đắc-già đến", lại hỏi cách nơi đây bao xa, Phật nói: "khoảng hơn 1 trăm dặm, thầy hãy đi thông báo cho các Bí-sô: ngày mai ai nhận lời thỉnh của cụ thọ Viên mãn đi đến nước Thâu-na-bát-la-đắc-già thọ thực thì đến lấy thẻ". A-nan-đà vâng lời Phật đi thông báo và sáng hôm sau đi phát thẻ, Phật nhận thẻ trước, kế đến các Bí-sô trưởng lão đều nhận thẻ, lúc đó trưởng lão Bồn chẩm viên

mãn cũng muốn lấy thẻ, A-nan-đà liền nói kệ:

"Cụ thọ, thầy nên biết,
Chẳng phải vua tát la,
Chẳng phải dòng Tô đạt,
Và phu nhân Lộc mẫu,
Mà lần thiết cúng này,
Tại Thâu-ba-lặc-ca,
Cách đây hơn trăm dặm,
Có thần thông mới đi,
Không có thì ở lại".

Trưởng lão này tuy có trí huệ nhưng chưa được thần thông, nghe lời này liền suy nghĩ: "tuy ta đã đoạn phiền não nhưng chưa được thần thông thì không thể đi", nghĩ rồi liền phát đại tinh tấn và được thần thông. Lúc đó A-nan-đà đã phát thẻ đến vị trưởng lão thứ ba, trong khoảnh khắc vị này chưa nhận thẻ thì trưởng lão Bồn chẩm viên mãn dùng thần lực duỗi cánh ta ra nhận thẻ rồi nói kệ:

"Không nhờ dung nhan được thần thông,
Cũng không nhờ đa văn biện tài,
Chỉ nhờ sức giới tuệ tịch tĩnh,
Thân tuy già bịnh cũng chứng được".

Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Bồn chẩm viên mãn ở trong các Bí-sô Thanh văn là người thứ một dùng thần thông nhận thẻ, trưởng lão là người đáng được khen ngợi vì nhờ thứ lớp phát thẻ mà chứng được lục thông", đợi phát thẻ xong, Phật bảo các Bí-sô: "trước đây Ta có nói rằng: các Bí-sô nếu làm việc thiện thì nên che giấu, nếu lỡ phạm lỗi thì nên phát lồ. Nay ở trong thành kia có nhiều ngoại đạo, các thầy nên hiện thần thông để đi đến đó thọ Viên mãn thỉnh thực".

Lúc đó ở nước Thâu-na-bát-la-đắc-già, nhà vua ra lịnh quét dọn trang hoàng khắp trong thành, dùng nước thơm Chiên đàn rưới đất, đốt các loại hương thơm, treo cờ phướn, rải hoa. Ở 18 cửa thành, vua và quần thần đứng ở cửa thành lớn, 17 cửa thành còn lại là 17 vị vương tử đứng với các món cúng dường để nghinh đón Phật và Tăng, ba anh em Viên mãn cùng đứng bên nhà vua cho đến khi thấy 5 Bí-sô thọ sự dùng thần thông lực đến gồm có: Một vị coi ngó rau cải, một vị coi ngó thức ăn chuẩn bị nấu, một vị coi ngó nước sạch dùng để nấu, một vị coi ngó các món ăn được nấu xong, Lúc đó nhà vua thấy 5 vị này đến từ trong hư không liền hỏi Viên mãn có phải là thế tôn không, Viên mãn đáp: "đây là 5 Bí-sô thọ sự đi đến trước để coi

ngó mọi việc cúng dường, Thế tôn và các vị trưởng lão đều chưa đến", vua lại hỏi: "vì sao Thế tôn chưa đến?", đáp: "người coi ngó công việc đến trước, Thế tôn đến sau", lúc đó có Ô-ba-sách-ca nói kệ:

"Sư tử, hổ, voi, rồng và bò,
Dùng vật báu trang trí chỗ ngồi,
Hoặc có cờ báu và núi báu,
Cây báu, xe báu đủ màu sắc,
Có người cỡi mây trong hư không,
Phóng ánh sáng chiếu diệu trang nghiêm,
Dùng thần thông lực nương hư không,
Hoan hỉ đến trong thành ấp này,
Có người từ mặt đất vọt lên,
Có người từ hư không hiện xuống,
Có người tĩnh tọa trong hư không,
Thần biến ấy không thể nghĩ bàn".

Lúc đó ở thành Thất-la-phiệt, Phật ngồi trong phòng đoan thân chánh niệm, đưa chân bước xuống đất khiến cho đại địa chấn động sáu cách:

1. Là động, động khắp nơi, động khắp các nơi.
2. Là kích động, kích động khắp nơi, kích động khắp các nơi.
3. Là hiện ở Đông, ẩn ở Tây.
4. Là hiện ở Tây, ẩn ở Đông.
5. Là hiện ở Nam, ẩn ở Bắc.
6. Là hiện ở Bắc, ẩn ở Nam.

Ở nước Thâu-na-bát-la-đắc-già, nhà vua nghe tiếng chấn động liền hỏi Viên mãn, Viên mãn đáp: "do Phật bước chân xuống đất nên đại địa chấn động sáu cách như trên". Lúc đó Phật phóng ra ánh sáng màu hoàng kim chiếu đến khiến cho mặt đất ở nước Thâu-na-bát-la-đắc-già biến thành đất hoàng kim, nhà vua thấy rồi vui mừng hỏi Viên mãn, Viên mãn nói: "do Phật phóng ánh sáng chiếu đến nên mặt đất biến thành hoàng kim". Lúc đó Phật cùng 500 A-la-hán chuẩn bị nương thần thông lực đi đến nước Thâu-na-bát-la-đắc-già, do Phật đã tự điều phục nên điều phục vây quanh, do đã tự tịch tĩnh nên tịch tĩnh vây quanh, do đã tự giải thoát nên giải thoát vây quanh, do đã tự an ổn nên an ổn vây quanh, do đã tự thiện thuận nên thiện thuận vây quanh, do tự đã là A-la-hán nên A-la-hán vây quanh, do đã tự lìa dục nên lìa dục vây quanh, do đã tự đoan nghiêm nên đoan nghiêm vây quanh. Lúc đó có thiên nữ cầm nhánh cây Bạc-câu-la làm lọng đi sau che cho Phật, Phật quán biết ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của thiên

nữ, xứng căn cơ nói pháp khiến cho thiên nữ sau khi nghe pháp liền chứng được quả Dự lưu. Sau đó lại có 500 Ô-ba-tư-ca thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp với ánh sáng chiếu diệu trang nghiêm… liền sanh tâm hoan hỉ, Phật quán biết ý nhạo tùy miên của họ, ứng cơ nói pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp liền chứng được quả Dự lưu. Khi được chứng quả, họ bạch Phật rằng: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến chúng con được Kiến đế chứng quả, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt chúng con ra khỏi ba cõi, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-tư-ca. Thế tôn, chúng con nay nên tu nghiệp gì để cúng dường?", Phật dùng thần biến lực lấy tóc và móng tay đưa cho họ để họ xây tháp thờ, thiên thần ở rừng Thệ đa đem một cây lọng cắm bên trong tháp và nương ở trong tháp để cúng dường, nên người đời gọi tháp này là tháp Trạch thần.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 4

Lúc đó phật du hành đến chỗ 500 vị tiên đang ở, nơi đó hoa quả tốt tươi, thức ăn uống đầy đủ nhưng các vị tiên này không có tâm xẻn tham, ai đến đó đều được tùy tình ăn hoa quả. Phật biết đã đến lúc điều phục các vị tiên này nên dùng thần lực làm cho hoa quả nơi ấy đều rơi rụng, dòng suối trong mát cũng khô cạn, hoa cỏ đều héo úa, mặt đất tự nhiên nứt nẻ. Các tiên nhơn thấy rồi liền ngồi chống cằm ưu sầu, Phật đến hỏi nguyên do, các tiên nói: "vì Phật là bậc Lưỡng túc thắng phước điền đến nên chỗ chúng tôi mới biến tướng như thế", Phật hỏi: "các vị có muốn cảnh trí nơi đây trở lại như cũ hay không?", đáp là rất muốn, Phật liền thu nhiếp thần lực khiến cho hoa quả tươi tốt và cảnh trí trở lại như cũ, các tiên thấy rồi sanh tâm hi hữu quy kính Phật, Phật quán biết ý nhạo tùy miên của họ, ứng cơ nói pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp xong đều chứng quả Bất hoàn và được thần thông. Lúc đó họ đều chắp tay bạch Phật: Thế tôn, chúng con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô, ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Phật nói: "Thiện lai Bí-sô, hãy tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, 500 vị tiên đều râu tóc tự rụng, thân mặc ca-sa như đã từng cạo tóc, trải qua bảy ngày đầy đủ oai nghi như Bí-sô 100 tuổi hạ, Phật nói kệ:

"Thế tôn gọi "Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Các căn đều tịch tĩnh,
Thành tựu theo ý niệm".

Các Bí-sô này nhờ chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật trí: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Lúc đó có một vị tiên là giáo thọ của các tiên kia bạch Phật rằng: "Thế tôn, trước kia con

dùng hình dáng tiên nhơn lừa dối người đời khiến họ đọa ba đường ác, xin cho con điều phục họ trước rồi mới xuất gia", Phật cùng 500 vị tiên đã xuất gia và các Bí-sô dùng thần thông lực nương hư không tạo thành hình bán nguyệt đi đến núi Xử sơn. Vị tiên giáo thọ này trông thấy Phật đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, ánh sáng chiếu diệu trang nghiêm liền suy nghĩ: "ta mau xuống núi để gặp Thế tôn, nếu đợi sau khi điều phục mình và người xong thì không còn gặp được nữa, ta phải nhảy xuống núi để đến kịp chỗ Thế tôn", nghĩ rồi liền nhảy xuống núi. Thường pháp của Phật là được niệm không quên, vừa thấy vị tiên giáo thọ nhảy xuống núi, Phật liền dùng thần lực đón lấy, rồi quán theo ý nhạo tùy miên của tiên nhơn này, ứng cơ nói pháp khiến cho vị tiên này sau khi nghe pháp xong liền chứng quả Bất hoàn và được thần thông. Được chứng quả rồi vị tiên này bạch Phật: Thế tôn, con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô, ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Phật nói: "Thiện lai Bí-sô, hãy tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của tiên nhơn này tự rụng, thân mặc ca-sa như đã từng cạo tóc, trải qua bảy ngày đầy đủ oai nghi như Bí-sô 100 tuổi hạ, Phật nói kệ:

"Thế tôn gọi "Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Các căn đều tịch tĩnh,
Thành tựu theo ý niệm".

Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô này ở trong chúng Thanh văn của ta là bậc thượng thủ về tin hiểu ta, được gọi là Bí-sô mặc áo vỏ cây".

Lúc đó Phật cùng 1000 Bí-sô vây quanh dùng thần thông đi đến thành Tô-ba-la, Phật suy nghĩ "nếu ta từ cửa đi vào thì những người đứng ở cửa thành sẽ sanh niệm khác, ta nên dùng thần lực nương hư không mà vào", nghĩ rồi Phật dùng thần lực nương hư không hiện xuống trong thành Tô-ba-la. Vua cùng ba anh em Viên mãn và 17 vương tử cùng vô lượng trăm ngàn dân chúng đồng đến chỗ Phật. Phật và đại chúng đến trong Tỳ-ha-la vừa được xây cất xong bằng Chiên đàn. Mọi người bên ngoài thấy Phật vào trong không trở ra nữa nên muốn phá Tỳ-ha-la, Phật suy nghĩ: "nếu Tỳ-ha-la bị phá thì phước đức của thí chủ mất hết, ta nên dùng thần lực biến nó thành thủy tinh", Khi Tỳ-ha-la biến thành thủy tinh trong ngoài đều trong suốt, mọi người bên ngoài đều nhìn thấy được Phật, lúc đó Phật quán theo ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của đại chúng xứng với căn cơ nói pháp khiến cho vô lượng hữu tình hoặc được sanh căn lành giải thoát phần, hoặc vào trí huệ phần; hoặc chứng quả dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hoặc xuất gia cuối cùng chứng quả A-la-hán; hoặc phát tâm Thinh văn Bồ-đề, hoặc phát

tâm Độc giác Bồ-đề, hoặc phát tâm vô thượng Bồ-đề, quy y Tam bảo. Lúc đó ba anh em của Viên mãn lo liệu các thứ cúng dường xong liền sai sứ đến bạch Phật biết thời; cùng lúc đó trong biển cả có hai Long vương một tên là Hắc giả, một tên là Kiều-đàm-ma, cả hai cùng suy nghĩ: "Thế tôn đang nói diệu pháp tại thành Tô-ba-la, chúng ta nên đến đó nghe pháp", nghĩ rồi mỗi Long vương cùng với 500 quyến thuộc của mình, dùng oai lực của rồng hóa ra 500 dòng sông chảy về thành Tô-ba-la. Lúc đó Phật suy nghĩ: "nếu hai Long vương kia cùng các quyên thuộc đến đây thì đất nước này sẽ bị chìm ngập và hư hoại", nghĩ rồi liền bảo Đại Mục-kiền-liên thọ thực trước vì năm lý do: 1. Là từ nơi xa đến. 2. Là sắp đi đến nơi xa. 3. Là có người bị bịnh. 4. Là vì thăm người bịnh. 5. Là người thọ sự. Đại Mục-kiền-liên vâng lời Phật thọ thực trước rồi vội đến chỗ Long vương nói rằng: "xin thương xót dân chúng thành Tô-ba-la, chớ có hủy hoại", Long vương nói: "chúng con đến với tâm thiện, không có ý làm hại cho đến loài kiến huống chi là làm hại dân chúng thành Tô-ba-la", nói rồi đến chỗ Phật, Phật nói diệu pháp khiến cho Long vương quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ. Quy y rồi Long vương thỉnh Phật thọ thức ăn và thức uống của mình cúng dường trước, Phật suy nghĩ: "nếu ta nhận nước của một rồng thì số lượng rồng còn lại là vô hạn, ta nên lập phương tiện", nghĩ rồi Phật bảo A-nan-đà: "500 Long vương muốn dâng nước cúng dường, nhưng Ta không thể nhận riêng từng vị, thầy hãy mang bình bát ra sông múc một bát nước mang đến đây", Mục liên vâng lời Phật đi lấy nước mang về, Phật nhận lấy rồi uống. Lúc đó Mục liên suy nghĩ: "Thế Tôn có dạy công lao cha mẹ đối với con cái rất lớn, vì cha mẹ có thể làm được những việc khó làm cho con như bú mớm, nuôi dưỡng dạy dỗ… Trong châu Thiệm bộ này nếu có người con nào một bên vai cõng cha, một bên vai cõng mẹ trải qua 100 năm cũng không thấy mỏi mệt; hoặc dùng ma ni, chơn châu… cung phụng cho cha mẹ được sung sướng cũng chưa thể gọi là báo được ân. Nếu cha mẹ không có tín tâm khiến sanh chánh tín, nếu cha mẹ không có giới thì khiến cha mẹ thọ giới, nếu cha mẹ có tánh xan tham thì khiến che mẹ làm việc huệ thí, cha mẹ không có trí huệ thì khiến phát sanh trí huệ…người con nào có thể khuyến dụ cha mẹ được an trụ như thế mới gọi là báo được ân. Phật đã dạy như thế nhưng ta vẫn chưa làm được", nghĩ rồi liền nhập định quán sát xem người mẹ đã mất hiện thác sanh vào nơi nào, bèn quán thấy mẹ mình thác sanh ở thế giới Ma-lợi-chi, lại quán ai có thể đến đó dùng pháp giáo hóa, bèn quán biết chỉ có Phật mới làm được việc này, những người khác đều không thể. Quán biết rồi liền đến bạch Phật: "Thế tôn, cha mẹ đối với con cái có thể làm những việc khó làm, mẹ con nay thác sanh ở thế giới Ma-

lợi-chi, con quán thấy không ai khác có thể đến đó dùng pháp giáo hóa, cúi xin Thế tôn thương xót", Phật nói: "dùng thần lực của ai để đến nơi đó?", đáp: "cúi xin Thế tôn gia bị, dùng thần lực của con để cùng đến nơi đó". Lúc đó Đại Mục-kiền-liên dùng thần lực của mình dời một chân đạp trên một thế giới, một chân đạp trên núi Mê lô, trải qua bảy ngày dùng oai lực như vậy mới đến được thế giới Ma-lợi-chi. Thấy Mục liên từ xa đi đến, người mẹ liền chào hỏi thăm con, những người ở nơi đó nghe rồi liền nói với nhau: "cô gái này còn nhỏ sao lại có người con già", Mục liên nghe rồi liền nói với mọi người: "vị này là người mẹ đã sanh ra tôi và đã nuôi dưỡng tôi". Lúc đó Phật quán biết ý nhạo tùy miên giới tánh sai biệt của người mẹ xứng căn cơ nói bốn đế lý khiến bà được Kiến đế chứng quả Dự lưu. Chứng quả rồi bà bạch Phật: "Thế tôn đã làm lợi ích cho con, lợi ích này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả", liền nói kệ:

"Nhờ oai lực Thế tôn,
Đóng kín cửa đường ác,
Đường ác nhiều trở ngại,
Chỉ bày cửa Niết-bàn,
Thế tôn trừ tội lỗi,
Khiến sanh mắt trí huệ,
Đến được nguồn trong sạch,
Vượt qua bờ biển khổ,
Thế tôn thầy người trời,
Khéo trừ già bịnh chết,
Trăm ngàn đời khó gặp,
Nay gặp được chứng quả".

Nói kệ xong bạch Phật: "nay con xin quy y Tam bảo làm Ô-ba-tư-ca, nay con muốn cúng dường Phật và cụ thọ Mục liên", Thế tôn im lặng nhận lời, bà liền dâng thức ăn cúng dường Phật và Mục liên, Phật thọ thực xong, nói pháp cho bà mẹ nghe, bảo Mục liên đi rửa bát xong rồi trở về bổn độ, Mục liên hỏi: "Thế tôn, dùng thần lực của ai để trở về bổn độ?", Phật nói: "dùng thần lực của ta", Phật vừa nói xong thì Phật và Mục liên đã ở trong rừng Thệ đa, Mục liên bạch Phật: "Thế tôn, thật là hi hữu, thần lực này có tên là gì?", Phật nói: "đây là thần thông Tốc niệm". Mục liên bạch Phật: "trước do con không hiểu cảnh giới của Phật sâu xa như vậy, nếu con đạt

được cảnh giới này thì như trong mỗi hạt dầu mè, con đều giáo hóa hết khiến được đạo Vô thượng Chánh biến tri. Nay con tuy chứng quả A-la-hán nhưng vẫn không thể đạt được hạnh Bồ-đề này".

Lúc đó các Bí-sô ở rừng Thệ đa đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Viên mãn đã gieo trồng nghiệp nhân gì mà mau chứng quả A-la-hán, lại do tạo nghiệp gì mà sanh trong nhà giàu sang, lại do tạo nghiệp gì mà phải thác sanh trong bụng người tớ gái?", Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô Viên mãn đã tích tập các nghiệp, tư lương đắc đạo biến duyên như vậy, tuy ở trong luân hồi mà lại được giác ngộ, tự làm tự thọ, không phải mình tạp nghiệp mà địa giới chịu; cũng chẳng phải nước gió lửa chịu, mà chính mình tự chịu; cũng chẳng phải uẩn giới, lục nhập giới chịu, như bài kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba, Phật có đủ 10 hiệu Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn ở tại thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó Viên mãn xuất gia trong giáo pháp của Phật đó, thông suốt ba tạng và giữ chức vụ coi ngó công việc của các Bí-sô. Thời gian sau đến phiên một vị A-la-hán quét dọn trong ngoài chùa, vị này vừa quét dọn xong thì gió thổi bay rác trở lại làm dơ đất, vị này suy nghĩ: "hãy đợi gió lặng rồi sẽ quét trở lại". Không ngờ chưa kịp quét sạch lại thì Viên mãn thấy đất dơ cho là chưa quét nên nổi sân mắng: "đứa đầy tớ nào quét dọn ở đây?", Vị A-la-hán nghe rồi liền suy nghĩ: "thầy ấy đang giận, mình nên im lặng, đợi nguôi giận rồi sẽ nói rõ". Khi thấy Viên mãn đã nguôi giận, vị A-la-hán này đến nói với Viên mãn :"thầy có biết tôi là người thế nào không?", đáp: "thầy xuất gia trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba, tôi cũng vậy", vị A-la-hán nói: "tuy tôi cùng xuất gia và cùng nghiệp xuất gia, nhưng đối với tôi việc nên làm đều đã làm xong và được giải thoát. Thầy vẫn còn bị ràng buộc, khẩu nghiệp bất thiện, hãy sám hối để tội được tiêu trừ". Tam tạng Viên mãn nghe rồi liền sám hối, lỗi này đáng lẽ bị đọa địa ngục, nhờ sám hối nên được làm người nhưng vẫn phải từ bụng đứa tớ gái sanh ra đến nay đã 500 đời, đời này tuy mang thân sau cùng cũng vẫn từ thai của đứa tớ gái sanh ra. Do quá khứ tích tập thiện nghiệp nên được sanh trong nhà giàu

sang, do siêng năng làm việc của tăng, đọc tụng có trí huệ hiểu rõ Uẩn, xứ, giới nhập nhân duyên, xứ phi xứ nên nay được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán.

Này các Bí-sô, phải biết quả báo tự làm tự thọ, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục trắng, tạo nghiệp đen trắng xen tạp thì cảm quả dị thục xen tạp. Cho nên các thầy hãy xả bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp đen trắng xen tạp, nên tu nghiệp thuần trắng". Các Bí-sô nghe Phật dạy rồi liền tín thọ phụng hành.

Lúc đó ở thành Vương xá có hai Long vương một tên là Sơn, hai tên là Diệu, nhờ sức oai thần của hai Long vương này nên 500 suối nước, 500 đầm nước trong và các ao hồ trong thành thường chảy không dứt, mưa thuận gió hòa, ngũ cốc tốt tươi. Khi Thế tôn điều phục được hai Long vương Nan-đà và Ô-ba-nan-đà rồi, mỗi tháng vào những ngày mồng 8, rằm. 23 và cuối tháng, hai Long vương này từ trong biển cả bay lên núi Diệu cao đến chỗ Phật cúng dường và nghe pháp. Lúc đó hai Long vương Sơn và Diệu thấy hai Long vương này cùng đến chỗ Phật cúng dường nên nói với nhau: "hai Long vương này từ nơi xa xôi còn đến thành này thừa sự Thế tôn và nghe pháp, tại sao chúng ta ở tại thành này lại không đến kính lễ, chúng ta nên đến cúng dường Thế tôn", nói rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Thế tôn liền nói pháp yếu khiến cho hai Long vương này quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ. Từ đó về sau thân rồng và của cải đều tăng thạnh, được tăng thạnh rồi hai rồng bàn với nhau: "chúng ta nên vào biển cả cư trú ở chỗ sâu rộng nhất", bàn xong liền đến bạch Phật xin Phật thương xót chấp thuận cho việc vào biển cư trú, Phật nghe rồi liền nói: "vua Tần-tỳ-sa-la là quốc chủ, hai ngươi muốn đi thì nên báo cho Đại vương biết", hai rồng nghe rồi liền từ tạ ra về, nói với nhau: "như lời Phật dạy thì hình như Phật không đồng ý, chúng ta nên nương ở chỗ cũ". Hai Long vương này nếu ban đêm đến yết kiến Phật thì giữ nguyên hình trạng, nếu ban ngày đến thì hóa thân cư sĩ. Thời gian sau vào một hôm giữa ban ngày hai Long vương hóa thân cư sĩ đến chỗ Phật nghe pháp, cùng lúc đó vua Tần-tỳ-sa-la cũng đến chỗ Phật. Vua ỷ vào dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh nên cống cao ngã mạn, nếu muốn đến chỗ Phật thì ra lịnh tả hữu đến trước bảo mọi người rằng: nếu thấy nhà vua đến thì hãy đứng dậy cung kính. Ta hữu đến chỗ Phật truyền khẩu dụ, thấy có hai cư sĩ bèn trở lại tâu với nhà vua, vua nghe rồi liền suy nghĩ: "hai cư sĩ là người sống trong nước ta, thấy ta đến há không đứng dậy cung kính hay sao", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật. Lúc đó hai Long vương thấy nhà vua đến liền hỏi Phật: "Thế tôn, chúng con nên kính pháp hay kính nhà vua?", Phật nói: "chư Phật Thế tôn và A-la-hán đều tôn

kính pháp", liền nói ba bài kệ:

"Như chư Phật quá khứ,
Cho đến Phật vị lai,
Hiện tại các Thế tôn
Đã đoạn tất cả ưu,
Đều cùng tôn kính pháp.
Nói năng và đi đứng,
Thường trong tất cả thời,
Đều tôn trọng chánh pháp.
Cho nên người cầu ích,
Mong muốn được giàu vui,
Nên phải tôn kính pháp,
Thường nhớ lời Phật dạy."

Hai Long vương nghe Phật dạy như vậy nên khi thấy nhà vua đến không đứng dậy kính lễ, vua liền suy nghĩ: "hai trưởng giả này là người trong nước ta, thấy ta đến mà không kính lễ", nghĩ rồi liền nổi sân, khi đến đảnh lễ Phật, Phật biết tâm nhà vua đang sân nên nói qua việc khác mà không nói pháp, vua thấy vậy liền thỉnh Phật nói pháp, Phật nói kệ:

"Nếu tâm không thanh tịnh,
Trong lòng còn sân hận,
Không thể hiểu lời Phật,
Đã nói pháp vi diệu.
Hàng phục tâm đấu tranh,
Không có ý bất định,
Và trừ tâm phẫn hại,
Mới hiểu được pháp mầu".

Nhà vua nghe kệ rồi liền suy nghĩ: "chính do hai cư sĩ này nên Thế tôn không nói pháp cho ta nghe", nghĩ rồi liền đảnh lễ Phật ra về, sau đó ra lịnh cho tả hữu: "các ngươi đợi hai cư sĩ ở bên Phật, khi họ cáo từ Phật ra về, các ngươi nên bảo họ rằng: Đại vương có dạy hai người phải mau ra khỏi nước, không nên ở trong đất nước của Đại vương nữa". Tả hữu vâng lịnh ở lại đợi hai Long vương và nói lại lời của nhà vua, hai Long vương nghe rồi liền nói với nhau: "đây là điều ta hằng mong muốn, lời nhà vua nói thật hợp ý chúng ta". Hai Long vương liền dùng oai lực của rồng hóa ra dòng nước lũ, chảy qua các kênh ngòi khe suối rồi chảy vào sông, các sông lần lượt chảy ra biển, từ đó trở đi thân và tư tài của hai Long vương càng tăng thạnh, quyến thuộc càng đông. Sau khi hai rồng ra đi, 500 suối nước đều khô cạn, trời hạn hán không mưa khiến cho ngũ cốc mất mùa,

dân chúng lo buồn. Vua Tần-tỳ-sa-la thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "trước đây trong thành Vương xá có hai Long vương, nhờ oai lực của chúng… giống như đoạn văn trên, cho đến câu tại sao nay bỗng nhiên sông suối ao hồ đều cạn khô, trời hạn hán không mưa khiến cho ngũ cốc mất mùa. Phải chăng hai Long vương này đã qua đời hoặc đã đi đến nước khác hoặc có kẻ chú yếm nhiếp giữ rồng hoặc là đã bị chim Kim súy điểu ăn thịt. Thế tôn là bậc Nhất thiết trí, ta nên đến hỏi Phật nguyên do", nghĩ rồi nhà vua liền đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi bạch hỏi như trên, Phật nói: "Đại vương nên biết, chẳng phải hai rồng kia đã qua đời… cho đến chẳng phải bị chim Kim súy điểu ăn thịt, mà chính là Đại vương đã xua đuổi chúng". Vua nói: "con không nhớ là đã gặp lần nào huống chi là xua đuổi", Phật liền nhắc cho vua nhớ: "lúc đó nhà vua đến chỗ ta đã gặp hai cư sĩ đang ngồi bên ta nghe pháp, khi ra về nhà vua đã nói gì với sứ giả?", vua nói: "con bảo sứ giả nói với họ là đừng ở trong nước của con nữa", Phật nói: "hai cư sĩ đó là hóa thân của hai Long vương đến chỗ ta nghe pháp yếu", vua liền hỏi: "hiện nay họ đã đi đâu?", Phật nói: "họ đã ra biển cả", vua nghe nói rồi mặt hiện vẻ buồn lo hỏi Phật: "Thế tôn, quốc giới của con có bị suy tổn hay không?", Phật nói: "quốc giới của nhà vua chưa đến nỗi suy tổn, nhưng nhà vua nên sám tạ hai Long vương kia", vua nói: "họ ở trong biển cả con làm sao gặp để sám tạ?", Phật nói: "mỗi tháng vào bốn ngày chay họ thường đến kính lễ ta, ngày ấy vua nên đến ta sẽ chỉ để nhà vua sám tạ họ", vua hỏi: "khi sám tạ họ, con có lễ dưới chân họ không?", Phật nói: "nhà vua chỉ cần duỗi tay phải ra nói với họ rằng: xin dung thứ cho tôi, xin đừng giận lời nói trước kia. Hai Long vương nghe rồi sẽ tha thứ cho nhà vua". Thời gian sau đến ngày Bảo sái đà, hai Long vương đến chỗ Phật, vua Tần-tỳ-sa-la cũng đến, Thế tôn hiện tướng chỉ cho vua biết, vua liền như lời Phật dạy sám tạ Long vương và yêu cầu hai Long vương trở lại, hai Long vương nói: "chúng tôi đã ra biển, thân và tư tài của chúng tôi càng rộng lớn không thể trở lại trong đây ở như trước kia", vua nói: "nếu như vậy thì nước tôi sẽ bị mất", hai Long vương nói: "nhà vua chớ lo lắng, vua nên xây hai Thần đường ở ngoài thành, cứ sáu tháng một lần đem các món cúng dường đến đó cúng dường, chúng tôi sẽ đến, tôi sẽ cho các quyến thuộc ở đó để ủng hộ quốc giới". Nhà vua nghe rồi liền cho xây hai Thần đường, hai Long vương cho quyến thuộc ở lại đó, tới ngày cúng dường mới đến thọ sự cúng dường. Thời gian sau, quyến thuộc của hai Long vương sanh kiêu mạn, rồng dữ được dịp giáng mưa đá xuống, lúc đó trong thành có một Bà-la-môn thông thạo chú thuật trừ mưa đá, mỗi khi thấy sắp có mưa đá ông liền tác pháp trừ nên người trong thành đều phân chia hoa lợi đã thu được cho ông. Lúc đó ở

nước Nam Thiên trúc cũng có một Bà-la-môn giỏi chú thuật trừ diệt mưa đá, ông nghe nói ở thành Ba-lợi-ca thuộc nước Bắc Thiên trúc có vị vua tên là Siêu quân dùng chánh pháp trị nước, trong thành có cung của Long vương Tôn-đà-la. Long vương này có oai lực lớn và mạnh mẽ nên ông muốn đi đến đó để hàng phục rồng này. Thầy chú thuật này khi đi đến thành Vương xá tới nhà của thầy chú thuật trước đây, thấy trên trời mây giăng như sắp giáng mưa đá xuống mà thầy chú thuật đó cứ đi tới đi lui, đi qua đi lại mãi nên hỏi vợ của ông thầy chú thuật đó: "vì sao chồng cô cứ đi qua đi lại mãi thế?", người vợ đó nói: "lần này mây giăng này rất thạnh, chồng tôi không dứt trừ nổi", Thầy chú thuật khách nói: "nếu chồng cô không dứt trừ nổi thì tôi sẽ dứt trừ", người vợ đó nói: "nếu được vậy thì tốt". Thầy chú thuật khách liền lấy ít nước chú nguyện rồi rẩy lên hư không, mây liền tan. Lúc đó các Bà-la-môn cư sĩ ở thành Vương xá sanh tâm hi hữu, đều đem tài vật đến biếu tặng, thầy chú thuật chỉ thầy chú thuật khách nói với mọi người: "lần này mây giăng rất thạnh, tôi không dứt trừ nổi, do thầy chú thuật khách này đã làm tan mây", mọi người liền đưa tài vật biếu tặng và nói: "xin hãy ở lại đây, chúng tôi sẽ phân chia hoa lợi cho thầy", thầy chú thuật khách nói: "theo ý của các vị". Thầy chú thuật khách ở lại, sau đó lại tác pháp làm tan mây khiến cho mưa đá dứt trừ, các Bà-la-môn cư sĩ thấy hết mưa đá liền suy nghĩ: "do phước đức của chúng ta nên mưa đá không rơi xuống nữa, chúng ta cần gì phải phân chia hoa lợi cho ông ta nữa", nghĩ rồi liền không chia cho hoa lợi nữa, thầy chú thuật khách oán hận, thu chú pháp rồi bỏ đi nên sau đó lại có mưa đá. Mọi người đến tìm thầy chú thuật khách, thầy chú thuật trước nói: "mọi người không chia hoa lợi cho ông ta nữa nên đã bỏ đi rồi", mọi người nói: "nếu ông ta trở lại thì hãy nói cho chúng tôi biết", thầy chú thuật trước nhận lời. Thầy chú thuật khách đi dần tới biên giới thành Thắng quân, đến chỗ nhà vua chúc vua được trường thọ rồi tâu rằng: "Đại vương, trong nước của vua có Long vương tên là Tôn-đà-la, trong cung rồng có một loại thuốc nếu uống vào sẽ tăng thêm sức mạnh, xin vua hãy chỉ cung rồng cho thần, nếu lấy được thuốc ấy, thần sẽ chia cho Đại vương", vua nói: "này Bà-la-môn, rồng ấy rất hung dữ, chớ có xúc phạm nó, nó sẽ làm hại ông", Thầy chú thuật khách nói: "tôi có chú lực, cho dù khắp châu Thiệm bộ này đều là rồng Tôn-đà-la tôi vẫn điều phục được, huống chi chỉ có 1 rồng Tôn-đà-la. Đại vương, trong nước vua có phạm nhân nào đáng tội chết không ?", đáp có, Thầy chú thuật khách nói: "xin hãy cho người ấy dẫn tôi đến cung rồng chỉ chỗ rồng ở", vua Thắng quân liền cho gọi tử tội đến và bảo dẫn Thầy chú thuật khách đến cung rồng chỉ chỗ rồng ở. Đến nơi, Thầy chú thuật khách liền lẻn vào trong

cung rồng lấy thuốc được rồi vội mang về chỗ nhà vua, chia bớt thuốc cho vua rồi trở về chỗ ở cũ trong thành Vương xá, thầy chú thuật trước kia thấy rồi liền báo cho mọi người trong thành biết, họ liền mang tài vật đến biếu và ân cần yêu cầu ông ở lại trừ mưa đá, thấy mọi người ân cần lui lại nên ông nhận lời. Thường tình của con người là thích thạnh bỏ suy, hễ giàu có thì sanh kiêu ngạo buông lung, lúc đó Thầy chú thuật khách cưới 1 cô gái cùng dòng tộc làm vợ, không bao lâu sau sanh một con trai đặt tên là Tiểu sơn, sau đó lại sanh thêm một gái đặt tên là Điện quang. Các Bà-la-môn gọi Thầy chú thuật khách là Tôn-đà-la, gọi vợ của ông ta là Chấn bạc, gọi vợ của Tiểu sơn là Thắng luân não. Lúc đó Thầy chú thuật khách suy nghĩ: "ta cứ tác pháp trừ mưa đá mãi như thế rất là mệt nhọc, ta nên tác pháp làm cho dứt hẳn, không cho sanh khởi nữa", nghĩ rồi liền tác pháp làm cho mưa đá vĩnh viễn không khởi nữa. Mọi người trong thành thấy vậy liền nói với nhau: "do phước đức của chúng ta nên mưa đá không rơi xuống nữa, chúng ta cần gì phải phân chia hoa lợi cho ông ta nữa", bàn bạc xong, họ liền ngưng việc chia hoa lợi cho Thầy chú thuật khách nữa. Thầy chú thuật khách vốn xẻn chú pháp nên không truyền dạy cho ai kể cả con mình, lại do đắm trước lạc thú, không siêng năng luyện tập chú thuật như trước kia, thuốc lấy được từ trong cung rồng bỏ đó không xem nên đều hư hoại, thời gian sau muốn dùng cũng không dùng được nữa, muốn tác pháp chú thuật cũng không nhớ cách tác pháp. Thầy chú thuật khách ôm lòng oán dân mọi người trong thành nên tìm đến các bậc thầy dị học hỏi rằng: "có cách gì để được mọi sự mong cầu đều như ý không ?", các vị ấy hoặc nói nhảy vào lửa, hoặc bảo uống thuốc độc hoặc bảo nhảy từ trên cao xuống... đều là bảo xả bỏ mạng sống chớ không chỉ cách. Thầy chú thuật khách tuần tự đến trong Trúc lâm hỏi các Bí-sô như trên, Bí-sô bảo nên xuất gia, hỏi xuất gia phải làm việc gì, đáp là suốt đời tu phạm hạnh, thiền tư đọc tụng… để diệt trừ phiền não... như thế thì ở đời vị lai mọi mong cầu sẽ được như ý. Thầy chú thuật khách nói: "việc làm này khó quá", Bí-sô nói: "nếu không làm được thì nên cúng dường thức ăn thức uống cho các trưởng lão Bí-sô", Thầy chú thuật khách nói: "việc này cũng khó làm, xin hãy chỉ cách khác", Bí-sô nói: "nếu vậy, hãy thỉnh bốn vị Đại Thanh văn cúng dường thức ăn thức uống rồi phát nguyện sẽ được như ý, vì sao, vì bốn đại Thanh văn giống như cái bình quý, ai cầu gì cũng được như ý", Thầy chú thuật khách nói: "việc này tôi làm được", nói rồi liền thỉnh bốn vị đại Thanh văn cúng dường rồi phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành cúng dường này khiến cho Long vương Tôn-đà-la biến mất khỏi cung rồng, con sẽ sanh trong cung rồng ấy để làm tổn hại dân chúng trong thành Vương xá". Lúc đó người vợ

hỏi người chồng đã phát nguyện gì, sau khi nghe biết rồi nói rằng: "tôi cũng nguyện theo làm vợ ông", người con trai nói với cha: "con cũng nguyện theo làm con của cha", người con gái nói: "con cũng nguyện theo làm con gái của cha", vợ của người con trai nói với chồng: "em cũng nguyện theo làm vợ của anh". Sau khi cùng phát nguyện xong, cả nhà đều đi ngủ, đêm đó trời bỗng giáng xuống một trận mưa to làm xói hỏng chân tường đồng loạt sụp đổ xuống đè chết hết cả nhà Thầy chú thuật khách. Do nguyện lực nên họ sanh vào cung rồng xua đuổi Long vương Tôn-đà-la rồi sống ở đấy với sáu vạn quyến thuộc của mình. Thầy chú thuật khách nay được gọi là Long vương Tôn-đà-la, vợ là Chân bạc, con trai là Tiểu sơn, con gái là Điện quang, vợ của tiểu sơn là Thăng luân. Thường pháp của rồng là khi sanh ra liền quán biết là do nguyện lực nên sanh trong cung rồng, lại quán biết là muốn làm tổn hại dân chúng trong thành Vương xá nên mới sanh trong cung rồng. Quán biết rồi liền suy nghĩ: "đợi lúa mọc tươi tốt rồi tàn phá làm cho họ khổ sở hay lá lúa chưa mọc mà tàn phá thì họ khổ, phải đợi lúa mọc xanh tốt rồi tàn phá thì họ sẽ khổ sở hơn", nghĩ rồi liền gọi các quyến thuộc đến nước Ma-kiệt-đà giáng mưa lành khiến cho lúa mọc tươi tốt. Đợi đến khi lúa đã mọc xanh tốt, Long vương Tôn-đà-la cùng sáu vạn quyến thuộc giáng xuống mưa đá phá hoại mùa màng, sau đó giáng thêm một trận mưa lớn làm cho trôi hết gốc lúa và thân lúa không còn sót. Lúc đó người trong nước Ma-kiệt-đà nói với nhau: "rồng này cho đến cuống lúa cũng không để sót", nhân đây Long vương Tôn-đà-la được gọi là Long vương Vô đạo cán.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 5

Nội nhiếp tụng:

Vương thành Na-lan-đà,
BA-tra, Trúc trượng lâm,
Căng già, Thắng phong sơn,
Khiếu thanh, Phệ-xá-ly.

Phật ở trong Trúc lâm bên ao Yết-lan-đạc-ca thành Vương xá, lúc đó Thái tử Vị sanh oán bị Đề-bà-đạt-đa kích động đủ cách, nghe theo lời liền giết hại vua cha là người thuận chánh pháp để lên ngôi vua. Vị vua này cũng làm các việc gây tổn hại cho Phật như thả voi lớn tên Hộ tài, ngựa dữ và chó dữ để hại Phật. Nghe việc này rồi bà mẹ là Vy-đề-hi bảo con: "con chớ làm việc khinh hủy Thế tôn, Thế tôn thường sợ chúng sanh làm việc khinh hủy, e Phật rời khỏi thành Vương xá thì đất nước này sẽ mất lợi ích lớn, vì nhờ oai lực của Thế tôn nên dân chúng ở nước An-già và Ma-kiệt-đà được lợi hỉ", vua nghe rồi liền tức giận nói với mẹ: "những nước khác không có Như lai thì đều bị tiêu diệt hết hay sao", bà mẹ đủ lời khuyên can nhưng vua Vị sanh oán không hồi tâm. Lúc đó Thế tôn suy nghĩ: "Thái tử Vị sanh oán gây vô lượng tội, ta phải làm cho người này trụ nơi Vô căn tín, nhưng nay chưa đúng thời, ta nên đến thành Thất-la-phiệt", nghĩ rồi Phật liền cùng chúng Thanh văn du hành đến thành Thất-la-phiệt trụ ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ đa. Các vua nước lân bang nghe tin vua Vị sanh oán làm việc khinh hủy Thế tôn nên Thế tôn đã rời thành Vương xá đi đến thành Thất-la-phiệt liền suy nghĩ: "vua nước ấy đã giết hại vua cha là người thuận chánh pháp, vậy mà chưa biết đủ, nay lại khinh hủy Thế tôn là bậc đáng được trời người cúng dường, các nước chúng ta nên họp nhau lại thảo phạt tước đoạt vương vị của vua ấy", nghĩ rồi các vua lần lượt sai sứ giả đến thông báo để cùng chuẩn bị giáp trụ, chỉnh trang bốn binh: tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh tiến đánh thành Vương xá. Lúc đó Long vương Vô đạo cán giáng xuống một trận mưa đá tổn lại mùa màng, làm cho 500 sông suối đều khô cạn, trời hạn hán khiến cho dân chúng đói khát không

an ổn. Vua Vị sanh oán trong lòng đau khổ, phi nhân được dịp gây ra các bịnh dịch khiến người bị bịnh dịch chết rất nhiều, xe tang nối nhau chở xác chết ra khỏi thành, vua bị trăm thứ khổ não bức bách nên ngồi chống cằm rầu rĩ, bà mẹ Vy-đề-hi thấy vậy liền bảo con: "ta đã bảo con không nên khinh hủy Thế tôn, Phật là bậc Vô sở úy, nhưng nếu bị khinh hủy thì sẽ rời khỏi thành Vương xá. Phật mà bỏ đi thì trong nước sẽ hiện việc chẳng lành, chính là những việc đang xảy ra", vua hỏi bà mẹ: "vậy bây giờ con phải làm sao?", bà mẹ nói: "con nên đến sám hối Thế tôn", vua nói: "con thật sự không dám đến gặp Thế tôn, chắc là Phật đang giận trách", bà mẹ nói: "con há không nghe: đối với người dùng Chiên đàn hay người cầm dao búa, Phật đều không sanh niệm khác. Nếu có người với tâm tịnh tín dùng Chiên đàn thoa, Như lai cũng không khởi tâm hỉ đối với người ấy. Nếu có người với tâm sân hận cầm dao đến làm hại, Như lai cũng không khởi tâm sân đối với người ấy". Vua nghe rồi liền bảo vị đại thần: "khanh hãy mau đến chỗ Phật vì Ta đảnh lễ Phật và thăm hỏi Phật có được khỏe mạnh an lạc không; sau đó bạch Phật rằng: nếu con có tội thì cha cũng không chấp, cúi xin Thế tôn thương xót trở lại thành Vương xá , nếu Phật không trở lại thì đất nước sẽ diệt vong", vị đại thần tuân lịnh vua đi đến thành Thất-la-phiệt tới chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi bạch lại những lời vua Vị sanh oán đã dặn, Phật im lặng nhận lời, vị đại thần thấy Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Sau đó Phật cùng các Bí-sô rời thành Thất-la-phiệt tuần tự du hành đến nước Ma-kiệt-đà, do oai lực của Phật, các vị thần phun nước tám công đức làm đầy ao suối, giáng xuống mưa ngọt và xua đuổi các bịnh dịch. Vua các nước lân bang cũng rút binh trở về, dân chúng buôn bán trở lại, các thương nhơn nước ngoài cũng đến giao dịch mua bán trở lại, trong nước thái bình nên dân chúng ở khắp đường phố đều ca ngợi oai đức của Phật, các ngoại đạo cũng im lặng khuất phục sanh tâm hoan hỉ. Lúc đó vua Vị sanh oán hay tin Phật đã vào quốc giới vui mừng ra lịnh các đại thần: "ở trên các đường phố cách Vương thành hai dặm rưỡi nên cho quét dọn sạch sẽ, rưới nước thơm Chiên đàn và trang hoàng đẹp đẽ; trong thành Vương xá cho đốt hương thơm và rải hoa để nghinh đón Phật", các đại thần tuân lịnh làm theo lời vua, nhà vua đích thân thống lĩnh bốn binh ra đón Phật. Khi Phật sắp bước vào trong thành, chân phải vừa đạp lên ngưỡng cửa thành thì mặt đất chấn động sáu cách, chư thiên rải hoa và thiên y cúng dường Phật. Khi Phật vào trong thành, các tướng kỳ lạ hiện ra như sau: các đường nhỏ hẹp bỗng rộng lớn ra, các cây nhỏ bỗng nhiên cao lớn, voi ngựa… các loài chim đều cất tiếng kêu vui mừng, các loại khí vật tự phát tiếng kêu, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người không đủ các

căn liền được đầy đủ, người đang say mê đều được tỉnh, người trúng độc đều được khỏe mạnh lại, người oán thù nhau đều sanh tâm từ bi, người mang thai sanh con không thấy đau đớn, người bị giam cầm đều được giải thoát, người nghèo thiếu được của cải. Một Ô-ba-sách-ca thấy những việc này rồi liền nói kệ:

"Thế tôn đến nước nào,
Nước ấy không còn sợ,
Đói khát và quân địch,
Mưa gió được điều hòa,
Dân chúng đều tu phước,
An lạc không lo buồn,
Trăm ngàn việc kỳ lạ,
Đều thành tựu nơi đây".

Lúc đó Phật an ủi đại chúng trong thành Vương xá, không ai là không được lợi ích rồi đến Trúc lâm, vua Vị sanh oán đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua nghe pháp rồi hoan hỉ tín thọ, chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và chúng Tăng thương xót thọ con thỉnh ba tháng cúng dường tứ sự đầy đủ", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời nhà vua đảnh lễ Phật ra về. Về đến trong cung nhà vua liền ra lịnh lo liệu mọi thứ cúng dường cho Phật và Tăng trong ba tháng không để thiếu thốn. Các thiên thần thấy vậy liền xua đuổi tất cả tai dịch qua đến thành Quảng nghiêm khiến cho dân chúng trong thành này đều mắc bịnh dịch chết rất nhiều… giống như ở thành Vương xá trước đây. Lúc đó trong thành Quảng nghiêm có một Bà-la-môn tên là Đô-mạt-la nằm mộng nghe thấy Thiện thần nói kệ:

"Thế tôn Điều ngự sư,
Tối tôn của trời người,
Nếu đi đến thành này,
Thì tai hại tiêu tan."

Sáng hôm sau Đô-mạt-la liền đem việc trong mộng kể lại cho các cư sĩ, các Lật-cô-tỳ trong thành, mọi người nghe rồi nói với nhau: "nên làm cách nào và sai người nào đi thỉnh Phật đến trong thành này an cư ba tháng, chúng ta cúng dường cầu cho tai hại tiêu tan", nói rồi liền bảo Đô-mạt-la: "ông hãy đi thỉnh Thế tôn, ngoài ông ra không ai có thể làm được việc này", Đô-mạt-la suy nghĩ: "ta đến chỗ Phật đảnh lễ rồi thăm hỏi Phật có được ít bịnh, ít não, khỏe mạnh và an lạc không. Các cư sĩ ở thành Quảng nghiêm sai con đến thỉnh Phật, cúi xin Thế tôn thương xót dân chúng thành Quảng

nghiêm, nếu Thế tôn không đến thì nhân dân trong thành không bao lâu nữa sẽ diệt vong", nghĩ rồi liền nói: "vua Vị sanh oán rất hiếu sát, tánh hung bạo đã giết hại nhiều người, nếu tôi đến nước đó thỉnh Phật ắt sẽ bị vua giết", các cư sĩ nói kệ:

"Hai nước là oán địch,
Không bắt giữ sứ giả,
Huống chi sứ gặp Phật,
Mà giết hại hay sao?".

Lúc đó Đô-mạt-la làm pháp kiết tường rồi đi đến thành Vương xá, nghỉ ngơi xong đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi bạch Phật: "các cư sĩ thành Phệ-xá-ly đảnh lễ Thế tôn và hỏi thăm Thế tôn có được ít bịnh, ít não, được an lạc không?", Phật hỏi: "dân chúng trong thành có được an ổn không?", đáp: "cúi xin Thế tôn thương xót dân chúng thành Quảng nghiêm, nếu Thế tôn không đến thì nhân dân trong thành không bao lâu nữa sẽ diệt vong, thành chỉ còn cái tên rỗng không còn ai ở", Thế tôn nói: "Ta và chúng Thanh văn đã thọ vua thỉnh ở đây an cư ba tháng cúng dường tứ sự, ông hãy gặp vua tâu rõ việc này, nếu vua chấp thuận thì ta sẽ đến trong thành đó". Đô-mạt-la nghe Phật nói rồi liền sai sứ trở về nước tâu cho vua rõ, vua nước đó nghe rồi liền bảo sứ giả: hãy bảo Đô-mạt-la đến chỗ vua Vị sanh oán thay mặt ta thăm hỏi vua nước ấy có được ít bịnh, ít não và an vui không. Sau đó tâu vua nước ấy rằng: xin Đại vương đồng ý cho Thế tôn đi đến thành Phệ-xá-ly, nếu vua không đồng ý cho Thế tôn đến thì nhân dân trong thành Phệ-xá-ly không bao lâu nữa sẽ diệt vong, thành chỉ còn cái tên rỗng không còn ai ở". Đô-mạt-la nghe rồi liền suy nghĩ: "ta nên gặp Đại vương trước hay gặp đại thần trước, xưa có câu: không nên gặp vua trước, hãy gặp đại thần trước vì nếu vua không đồng ý thì đại thần có thể nói giúp", nghĩ rồi liền đến chỗ đại thần trước, đại thần hỏi đến có việc gì, liền đáp: "tôi đến để thỉnh Như lai, nhưng phải được vua đồng ý, xin ông tâu giúp", đại thần nhận lời, Đô-mạt-la liền đến chỗ vua tâu rằng: "dân chúng thành Phệ-xá-ly thăm hỏi Đại vương có được ít bịnh, ít não và an vui không?", vua hỏi: "dân chúng nước ấy có an ổn không?", đáp: "cúi xin Đại vương đồng ý cho Thế tôn đi đến thành Phệ-xá-ly, vì nếu Thế tôn không đến thì nhân dân trong thành không bao lâu nữa sẽ diệt vong, thành chỉ còn cái tên rỗng không còn ai ở", vua nói: "trước đây ta thường suy nghĩ: mong cho thành Phệ-xá-ly sớm bị tiêu diệt". Đô-mạt-la nghe vua nói rồi liền lui ra, lúc đó đại thần tâu vua: "Đại vương, có bao giờ Thế tôn bỏ mặc một hữu tình nào chịu khổ không?", vua nói không có, đại thần nói: "nếu không có mà Đại vương không đồng ý tức là Đại vương đã không cung kính Thế tôn.

Dù Đại vương có đồng ý hay không, vì lợi ích cho chúng sanh Thế tôn cũng sẽ đi đến thành Phệ-xá-ly", vua nói: "ý của Phật không phải là điều mà ta biết được, khanh hãy gọi Đô-mạt-la đến đây", đại thần vâng lịnh gọi đến, vua bảo Đô-mạt-la: "ngươi hãy lập ước: nếu ngươi có thể cung kính cúng dường Thế tôn như ta thì ta sẽ đồng ý lời cầu xin của ngươi". Đô-mạt-la nghe vua nói rồi liền sai sứ về nước báo lại, dân chúng trong thành nói với sứ giả: "vua nước đó chỉ có một mình còn có thể cúng dường, chúng ta đông người há không thể cúng dường đầy đủ hay sao?", Đô-mạt-la nghe rồi liền tâu lại với vua Vị sanh oán. Lúc đó vua Vị sanh oán đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, con nguyện trọn đời còn lại cúng dường Thế tôn và chúng Thanh văn, nhưng vì lợi ích các hữu tình nên đồng ý để Thế tôn đến nước kia, cúi xin Thế tôn thọ con thỉnh thực một ngày", Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền trở về cung ra lịnh sửa soạn các món ăn thanh tịnh cúng dường đầy đủ, sáng sớm sai sứ đến bạch Phật thời đáo. Phật sau khi thọ thực xong, vua tự tay cầm bình vàng rót nước cho Phật rồi bạch rằng: "cúi xin Thế tôn điều phục Dược xoa và rồng dữ, Long vương Vô đạo cán này đã làm tổn hại nước con trong một thời gian dài nên không oán mà thành oán, không thù mà thành thù, không nghịch mà thành nghịch. Lúa mạ chưa mọc và đã mọc đều bị phá hoại hết", Phật im lặng nhận lời, chú nguyện cho vua rồi trở về trú xứ bảo A-nan-đà: "thầy hãy cùng ta đi đến ấp Ba-tra-ly". Lúc đó Phật cùng A-nan-đà du hành đến ấp Ba-tra-ly trụ ở bên tháp, dân chúng trong làng nghe tin đều đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật nói: "các vị nên biết, người phóng dật có năm lỗi:

1. Là có Bà-la-môn, cư sĩ do phóng dật nên tranh chấp lẫn nhau, đưa đến quan phân xử nên của cải đều phân tán.

2. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ do phóng dật nên tiếng xấu lan khắp nơi.

3. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ do phóng dật nên cống cao ngã mạn, khi đến trong chúng Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, cư sĩ, sa môn không phải là thượng thủ nên lo sợ luồn cúi người.

4. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ do phóng dật tranh chấp nên khi sắp qua đời, tâm sanh hối lỗi.

5. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ thường phóng dật, do phóng dật tự cao nên sau khi chết đọa trong ác đạo, sanh trong địa ngục. Ngược lại, người không phóng dật có 5 lợi ích:

1. Là có Bà-la-môn, cư sĩ do không phóng dật, không tranh chấp lẫn

nhau, nên của cải không mất mát.

2. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ do không phóng dật nên tiếng tốt lan khắp nơi.

3. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ do không phóng dật nên không cống cao ngã mạn, khi đến trong chúng Sát-đế-ly, Bà-la-môn, cư sĩ, sa môn là bậc thượng thủ nên không lo sợ, vui vẻ du hành.

4. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ do không phóng dật không tranh chấp nên khi sắp qua đời, không có hối lỗi.

5. Là lại có Bà-la-môn, cư sĩ, do không phóng dật nên sau khi chết được sanh lên trời. Cho nên các vị không nên phóng dật". Các Bà-la-môn, cư sĩ này nghe pháp rồi liền chắp tay cung kính bạch Phật: "cúi xin Như lai thương xót, đêm nay nghỉ lại trong quán xá của chúng con", Thế tôn im lặng nhận lời. Lúc đó Bà-la-môn Hành vũ là đại thần của nước Ma-kiệt-đà nghe tin Thế tôn đến làng Ba-tra-ly trụ ở bên tháp, lại nghe dân chúng trong làng cúng dường Thế tôn, ông liền đi xe ngựa màu trắng, mang theo bình báu, gậy vàng và 500 đồng tử đến yết kiến Thế tôn. Đến nơi, ông xuống xe đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Bà-la-môn được lợi hỉ rồi liền im lặng. Bà-la-môn chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và chúng Bí-sô thọ con thỉnh thực vào ngày mai ở tại nhà con", Phật im lặng nhận lời. Sau đó Phật vào phòng ngồi kiết già quán thấy thiên thần Đại oai lực dùng dây đo ranh giới muốn xây cất đại thành, xế chiều Thế tôn xuất định đi đến chỗ các Bí-sô hỏi A-nan-đà: "thầy không nghe làng Ba-tra-ly muốn xây cất đại thành hay sao?", đáp: "con có nghe Bà-la-môn Hành vũ cùng chư thiên trời Tam thập tam muốn xây cất đại thành", Phật nói: "Ta ở trong thất nhập định, dùng thiên nhãn thanh tịnh quán thấy ở làng Ba-tra-ly có thiên thần Đại oai đức và các thiên thần nhỏ cùng dân chúng đều sống thuận theo giáo pháp của thiên thần. Do có các thiên thần sống ở đó nên biết thành này sẽ là thành tối thượng, không bị nước ngoài xâm lấn, cũng không bị nước lửa làm hại". Lúc đó Bà-la-môn Hành vũ trở về đến nhà lo sửa soạn các món cúng dường, sáng sớm sai sứ đến chỗ Phật bạch thời đáo... Sau khi Phật thọ thực xong, Bà-la-môn Hành vũ cầm bình vàng rót nước và phát nguyện: "con nguyện đem công đức cúng dường Phật và Thánh chúng hôm nay, hồi hướng cho các thiên thần sống ở làng Ba-tra-ly được an lạc lâu dài". Phật liền nói kệ:

"Người nào có lòng tin,
Cúng dường cho chư thiên,
Vâng lời Đại sư dạy,

Là được Phật ngợi khen.
Nếu ở nơi chốn nào,
Có người trí sinh sống,
Cúng dường người trì giới,
Và nói lời chú nguyện,
Nên kính bậc đáng kính,
Nên cúng bậc đáng cúng,
Chư thiên hộ như con,
Thường được sống an vui".

Thế tôn nói diệu pháp cho Bà-la-môn nghe được lợi hỉ rồi trở về bổn xứ. Lúc đó Bà-la-môn đã làm xong những việc nên làm liền chánh niệm tư duy: "ở chỗ Thế tôn rời khỏi làng Ba-tra-ly, ta sẽ xây một cái cổng cao gọi là cổng Kiều-đáp-ma; con đường mà Thế tôn đi đến sông Căng già, ta sẽ tu sửa lại gọi là đường Kiều-đáp-ma". Thế tôn biết được tâm niệm của Bà-la-môn nên đi đường giữa ở phía bắc làng Ba-tra-ly để ra khỏi làng đi đến sông Căng già. Lúc đó vua Vị sanh oán suy nghĩ: "ta phải mang lọng đến cúng dường Thế tôn", nghĩ rồi liền mang lọng đến, có tất cả là 500 cây lọng che cho Thế tôn. Cùng lúc đó các Lật-cô-tỳ ở thành Quảng nghiêm suy nghĩ: "vua Vị sanh oán mang lọng đến cúng dường Thế tôn, chúng ta cũng nên cúng dường", nghĩ rồi liền mang 500 cây lọng đến cùng dường Thế tôn. Lúc đó các Long vương cũng suy nghĩ: "vua và các Lật-cô-tỳ đã cúng dường, ta đọa trong đường ác há không cúng dường Thế tôn hay sao?", nghĩ rồi liền mang 500 cây lọng đến cúng dường Thế tôn. Lúc đó chư thiên cõi trời Tứ thiên vương cũng suy nghĩ: "những người ấy không thấy rõ nhân quả báo ứng còn tự cúng dường, chúng ta biết rõ nhân quả há lại không cúng dường hay sao?", nghĩ rồi liền mang 500 cây lọng đến cúng dường Thế tôn. Lúc đó chư thiên trời Tam thập tam cũng suy nghĩ: "các vị trời đó đều đã cúng dường, ta há không cùng dường hay sao?", nghĩ rồi liền mang 500 cây lọng đến cúng dường. Thế tôn thấy rồi liền suy nghĩ: "ta phải tạo nhân duyên thù thắng cho trời người khiến sanh lòng tin", nghĩ rồi liền hiện thần lực khiến cho mỗi người trong chúng hội đều nghĩ rằng chỉ có ta cầm lọng che cho Phật. Hồi Phật vừa chứng đạo quả Chánh giác cũng có 2500 vị trời người cầm lọng che cho Phật. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn đã tạo nghiệp gì mà khi chứng Bồ-đề có đến 2500 vị thiên cầm lọng che cho Phật?", Phật nói: "các thầy nên biết, quá khư Ta đã tích tập tư lương làm các nghiệp lành… nên nay tự thân thọ quả. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có vua Chuyển luân tên là Đại thiện hiện, đầy đủ bốn quân

lực có thể tồi phục quân địch được thắng lợi. Vua dùng chánh pháp cai trị làm Pháp vương, vua có đủ bảy báu, chỉ thiếu một người con nữa là đủ số 1000, vua thường dẫn những người con này đi theo bên mình. Lúc đó các phu nhân nói với nhau: "chúng ta sanh con rồi đều phải xa cách nó vì tánh vua thường hay dẫn các con đi theo bên mình. Chúng ta cùng lập ước nếu ai mang thai không được báo cho vua biết". Thời gian sau, có một phu nhân mang thai, các phu nhân đem giấu ở nơi kín đáo không cho vua thấy. Đủ ngày tháng phu nhân đó sanh một bé trai dung mạo đoan nghiêm ai cũng yêu mến, da màu hoàng kim, tay dài quá gối, trán cao mũi thẳng…, đứa bé này từ khi sanh ra cho đến trưởng thành các phu nhân đều yêu thương như con ruột của mình. Thời gian sau, người con trai này cùng các phu nhân ở trên lầu cao thấy nhà vua với tám vạn quốc vương vây quanh và các người con hộ vệ hai bên, có bảy báu dẫn đường, oai quang ngời sáng liền hỏi các bà mẹ: "người đó là ai", bà mẹ đáp: "vị vua đó là cha của con", lại hỏi: "sau khi vua cha băng hà, con có được kế vị không?", đáp: "nếu kể cả con thì nhà vua đã có đủ một ngàn người con, sau khi vua cha băng hà người con lớn nhất sẽ nối ngôi, con là con út không được kế vị". Người con nghe rồi liền nói: "nếu sau khi vua cha băng hà, con là con út không được nối ngôi thì xin các mẹ cho con được xuất gia, với lòng tin chân chánh sau khi xuất gia con sẽ tinh tấn tu phạm hạnh", các bà mẹ nói: "chúng ta đều yêu mến con, con chớ sanh tâm này", người con nói: "con đã lập chí, xin các mẹ cho con xuất gia". Thấy con quyết chí như vậy, các bà mẹ đành phải đồng ý, nói rằng: "con hãy cam kết với chúng ta là nếu con chứng đạo hãy trở về cho chúng ta biết", người con nói: "xin vâng lời mẹ". Người con này từ giả các bà mẹ đi đến chỗ tịch tĩnh, ngay nơi 37 phẩm pháp Bồ-đề phần, không thầy tự ngộ chứng quả Độc giác. Chứng quả rồi liền nhớ đến lời đã hứa với các bà mẹ, vì muốn làm lợi ích cho các bà mẹ nên vị Độc giác liền bay lên hư không đến trước các bà mẹ, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi trở xuống đất. Phàm phu hễ thấy được thần thông, tâm ý mau hồi chuyển như cây đại thọ bị ngã xuống đất, các bà mẹ này liền đảnh lễ và nói: "Thánh giả đã chứng quả được thần thông như vậy, nay Thánh giả cần thức ăn, chúng tôi cầu phước, cúi xin hãy ở trong khu vườn này thọ chúng tôi cúng dường", vị Độc giác im lặng nhận lời. Từ đó hằng ngày các bà mẹ lần lượt cúng dường thước ăn thức uống cho vị Độc giác. Cho đến một ngày vị Độc giác suy nghĩ: "đối với thân huyễn hóa này, việc cần nên làm ta đều đã làm xong, nay ta nên nhập Vô dư Niết-bàn", nghĩ rồi liền như ngỗng chúa em liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… hiện thần biến xong liền nhập Vô dư Niết-

bàn. Lúc đó các bà mẹ chất củi thơm hỏa thiêu, dùng sữa rưới tắt, thu lấy xá lợi để trong bình vàng rồi xây tháp thờ ở trong vườn, dùng vòng xuyến và các đồ trang sức để trang nghiêm tháp, bên trên tháp treo cờ phướn và lọng báu. Thời gian sau vào một mùa xuân, trong vườn hoa tỏa hương thơm ngát, chim hót líu lo, vua cùng các phu nhân và thể nữ vào trong vườn dạo chơi, khi trông thấy tháp vua liền hỏi người giữ vườn là tháp của ai, liền đáp không biết, vua liền hỏi các phu nhân nguồn gốc của tháp, các phu nhân lo sợ tâu vua: "xin Đại vương ban cho vô úy mới dám nói", vua nói: "ta ban cho vô úy, hãy nói cho ta nghe". Các phu nhơn liền đem sự việc trước kia kể lại, vua nghe rồi liền nói: "các nàng thật sai lầm, người con ấy đã ưa thích ngôi vua vì sao không báo cho Trẫm biết để Trẫm lập lên làm vua thọ quán đảnh. Nó là người có oai đức, tuy đã nhập Niết-bàn nhưng ta cũng đem mũ lọng bằng lụa năm sắc đặt trên tháp". Vì yêu mến người con này nên nhà vua đã đặt những vật ấy lên trên tháp.

Này các Bí-sô, vua Thiện hiện thuở xưa chính là thân ta, xưa kia ta đem lọng cúng dường tháp của vị Độc giác, nhờ phước nghiệp này nên ta đã ở ngôi Chuyển luân vương trải qua 2500 lần. Lại nhờ nghiệp này ngày nay khi chứng đạo quả Vô thượng Chánh giác chư thiên và người đã cầm 2500 trăm cây lọng che cho Ta. Nếu ta không chứng quả thù thắng thì sẽ còn ở ngôi Chuyển luân vương thêm 2500 trăm lần nữa. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế". Nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ phụng hành.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 6

Lúc đó vua Vị sanh oán nước Ma-kiệt-đà và các Lật-cô-tỳ ở thành Quảng nghiêm đều tạo cầu thuyền cho Phật qua sông, các rồng suy nghĩ: "ta đọa trong nẻo ác nên tu phước nghiệp bằng cách ngẩng đầu lên nối nhau làm cầu cho Phật qua sông Căng già", nghĩ rồi liền cùng ngẩng đầu lên nôi nhau làm cầu rồng. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "trên ba chiếc cầu này, các thầy muốn đi qua cầu nào tùy ý. Ta cùng A-nan-đà sẽ đi trên cầu rồng", một Ô-ba-sách-ca thấy rồi nói kệ:

"Người trí vượt biển cả,
Nương thuyền không làm cầu,
Người ngu thường làm cầu,
Nương thuyền lớn qua sông.
Thế tôn đã qua sông,
Bà-la-môn trên bờ,
Thanh văn nương bè đi,
Bí-sô muốn tắm rửa,
Chỗ nào cũng có nước,
Cần gì phải tìm giếng,
Đoạn trừ gốc tham Ái,
Còn cầu mong gì nữa".

Qua sông Căng già rồi từ xa thấy cao nguyên, Phật bảo A-nan-đà: "thầy có thấy cao nguyên không, muốn biết nhân duyên, ta sẽ nói cho nghe", đáp: "xin Thế tôn khai thị", Phật nói: "cao nguyên này xưa kia là nơi vua Đại khiếu thanh tạo dựng cây phướn báu cao một ngàn tầm được trang trí toàn vàng và châu báu. Dưới cây phướn vua rộng làm bố thí, làm công đức này xong liền quăng phướn báu này xuống sông Căng già, thầy có muốn nhìn thấy phướn báu đó không?", đáp: "chính là lúc con và các Bí sô đều muốn nhìn thấy", Phật đưa bàn tay thí vô úy trăm phước có tướng luân chạm vào đất, lúc đó các rồng suy nghĩ: "vì sao Thế tôn chạm tay vào đất", liền biết Thế tôn muốn cho các Bí-sô nhìn thấy phướn báu nên các

rồng lôi phướn báu đó lên khỏi mặt đất cho các Bí-sô nhìn thấy, chỉ riêng có Bí-sô Bạt-đà-ly ưa thích yên tĩnh ngồi nơi vắng vẻ vá y phấn tảo là không nhìn phướn báu. Phật bảo các Bí-sô: "các thầy hãy mau nhìn phướn báu vì không bao lâu nữa nó sẽ ẩn mất", khi phướn báu ẩn mất các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn, chúng con đều nhìn thấy chỉ riêng có Bí-sô Bạt-đà-ly ưa thích yên tĩnh ngồi nơi vắng vẻ vá y phấn tảo là không đến xem. Đó là do vị ấy đã lìa tham Ái hay do trước đây đã từng nhìn thấy nên không đến xem nữa. Nếu vị ấy lìa dục thì ở đây cũng có người lìa dục, nếu đã từng thấy thì thấy ở đâu?", Phật nói: "các thầy nên biết, vị ấy đã lìa tham Ái và cũng đã từng nhìn thấy phướn báu này. Thuở xưa có vị vua tên là Khiếu thanh là bạn thân của vua trời Đế thích, vua vì không có con nên lòng thường mong cầu, ngồi chống cằm suy nghĩ: "ta có nhiều của báu, nhiều bầy tôi nhưng lại không có con, sau khi ta chết không có người kế vị", vua trời Đế thích hỏi rõ nguyên do rồi nói: "xin chớ lo buồn, khi các thiên tử của tôi có tướng chết hiện, tôi sẽ khuyến khích họ xuống làm con của vua". Thường pháp của chư thiên nếu ai sắp chết thì có năm tướng suy hiện:

1. Là thiên y dơ bẩn,
2. Là hoa trên đầu héo,
3. Là miệng thở ra hôi,
4. Là dưới hông đổ mồ hôi,
5. Là không thích chỗ ngồi của mình.

Thời gian sau có một thiên tử đã hiện tướng suy, vua trời Đế thích khuyên: "Khanh nên thọ sanh vào bụng phu nhân thứ nhất của vua Khiếu thanh", thiên tử này nói: "tất cả quốc đều thường gây lầm lỗi, nếu thần thọ sanh nơi đó sẽ làm việc ác, trái với pháp lý và sẽ đọa vào Vô gián, nên thần không muốn thọ sanh vào nơi ấy", vua trời Đế thích nói: "ta sẽ gia bị cho khanh thường tĩnh giác", thiên tử này đáp: "Thiên chủ nên biết, chư thiên phóng dật đắm trước dục lạc, làm sao nhớ đến thần", vua trời Đế thích nói: "tuy là như vậy, nhưng ta hứa sẽ giúp khanh thường tĩnh giác". Thiên tử này nghe rồi liền thác thai vào phu nhân thứ nhất của vua Khiếu thanh, ngày phu nhân mang thai, vua và mọi người trong cung đều vui mừng reo to. Đủ ngày tháng sanh một bé trai dung mạo đoan nghiêm… cho đến câu vua Khiếu thanh yêu cầu quyến thuộc đặt tên cho bé, quyến thuộc nói: "lúc Thái tử nhập thai, mọi người đều vui mừng reo to nên đặt tên cho Thái tử là Đại khiếu thanh".

Thái tử Đại khiếu thanh được trao cho cho tám bà vú nuôi dưỡng: hai bà lo việc bú mớm, hai bà lo việc bồng giữ, hai bà lo việc tắm rửa, hai bà

cùng vui đùa và được nuôi bằng các thức ăn ngon bổ dưỡng nên mau lớn như bông sen lên khỏi mặt nước, đến tuổi trưởng thành học thông các môn học và 18 môn kỷ nghệ, có trí huệ biện tài. Tất cả vua dòng Sát-đế-lỵ thọ ngôi quán đảnh có oai lực lớn, làm chủ nhân gian khiến cho các vua nước lân bang đều hàng phục và dân chúng được an vui thì phải có đủ tài nghệ như sau: giỏi điều khiển voi, ngựa, chạy xe, giỏi bắn cung tên, thông binh pháp… Giỏi cách bắn cung tên có năm:

1. Là bắn từ xa đều trúng đích.
2. Là nghe tiếng bắn liền có thể giết chết đối phương.
3. Là có thể bắn trúng vào chỗ yếu của đối phương.
4. Là hễ giương cung là bắn trúng.
5. Là bắn thủng được những chỗ cứng chắc. Thường pháp của Thái tử là khi vua cha còn trên ngôi thì danh tiếng chưa hiển lộ. Thời gian sau vua Khiếu thanh băng, Thái tử Đại khiếu thanh lên nối ngôi, ban đầu dùng chánh pháp cai trị nhưng sau lại dùng phi pháp. Vua trời Đế thích nhắc nhở: "trước đây ta khuyên nhân giả làm con của vua Khiếu thanh, nay Nhân giả không nên dùng phi pháp trị nước, vì làm thế sẽ đọa địa ngục", vua Đại khiếu thanh nghe rồi liền dùng chánh pháp trị nước, nhưng không bao lâu sau lại dùng phi pháp. Lần thứ hai vua trời Đế thích nhắc nhở như lần trước, vua Đại khiếu thanh nói: "làm vua thường hay phóng dật, đắm trước dục lạc, nghe rồi liền quên. Xin Thiên chủ từ bi lưu lại một vật gì đó để khi tôi nhìn thấy, tôi sẽ làm công đức". Vua trời Đế thích ra lịnh cho Công xảo thiên (tiếng Phạm là Tỳ thủ yết ma thiên): "ông hãy đến đạo tràng trang nghiêm trong cung của vua Đại khiếu thanh hóa ra phướn báu cao một ngàn tầm được trang trí toàn vàng và các châu báu", Công xảo thiên vâng lịnh làm theo lời vua trời Đế thích. Lúc đó vua Đại khiếu thanh thấy phướn báu rồi liền cho xây một nhà bố thí để làm công đức, cử người cậu ruột tên là A-thâu-ca lo liệu việc cúng dường. Lúc đó dân chúng trong nước đều thích nhìn phướn báu, đến nhà bố thí thọ bố thí rồi ra nhìn phướn báu mãi, bỏ việc mua bán nên đóng thuế cho vua không đầy đủ. Thấy các đại thần thâu thuế ít, vua Đại khiếu thanh hỏi rõ nguyên do rồi ra lịnh dẹp bỏ nhà bố thí. Thấy nhà bố thí dẹp bỏ, dân chúng tự làm thức ăn mang đến chỗ phướn báu ăn rồi nhìn ngắm, giống như trước bỏ việc mua bán nên đóng thuế không đủ. Vua hỏi rõ nguyên do rồi lập hội bố thí rộng rãi làm các công đức lần cuối cùng rồi quăng phướn báu xuống sông Căng già.

Này các Bí-sô, cậu ruột của vua Đại khiếu thanh là A-thâu-ca nay chính là Bí-sô Bạt-đà-ly, vì ngày xưa đã lo liệu việc cúng dường từng thấy

phướn báu nên nay không nhìn nữa". Lúc đó các Bí-sô hỏi Phật: "phướn báu này sẽ bị hoại diệt ở đâu?", Phật nói: "Vị lai khi con người thọ tám vạn tuổi, có Chuyển luân Thánh vương tên là Hướng khư cai trị đúng pháp, dùng pháp Thập thiện giáo hóa dân. Vua có đủ bốn binh, có thể hàng phục tất cả, đánh đâu thắng đó, thường tu phẩm thiện là Đại pháp vương và có đủ bảy báu: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần coi giữ quân binh báu. Vua có một ngàn người con mạnh mẽ dũng lực có thể phá tan oán địch chế phục bốn phương. Trong nước dân chúng không ai bị xâm đoạt, người phạm tội không cần dùng dao gậy mà chỉ dùng pháp tuyên lịnh liền điều phục được. Vua có đại thần tên là Thiện tịnh, vợ của Thiện tịnh tên là Tịnh diệu có lòng từ che khắp tất cả. Thời gian sau phu nhân Tịnh diệu này sanh một người con tên là Từ thị, đại thần Thiện tịnh đem tám vạn Ma-nạp-bà mà mình đang dạy cho bốn bộ luận Bệ đà giao cho Từ thị dạy. Lúc đó bốn vị thiên vương đều đem phục tàng và phướn báu dâng cho vua Hướng khư :

1. Là phục tàng Băng kiệt la đến từ nước Yết lăng gia.

2. Là phục tàng Bàn trục ca đến từ nước Mật hy la.

3. Là phục tàng Y la-bát-la đến từ nước Kiền đa la và

4. Là phục tàng Hướng khư đến từ thành Bà-la-nê-tư. Vua Hướng khư đem phướn báu này ban cho Thiện tịnh, Thiện tịnh lại đem cho Từ thị, Từ thị lại đem cho tám vạn Ma-nạp-bà, các Ma-nạp-bà này cùng nhau phân chia, phướn báu vô thường chỉ trong chốc lát. Từ thị thấy rồi liền biết tất cả pháp đều sẽ tiêu diệt, trong lòng lo nghĩ đến trong rừng yên tịnh tu quán, phát tâm đại từ bi, dùng kiếm trí huệ chẳng đứt phiền não, chứng đắc Bồ-đề vô thượng, hiệu là Di lặc Ứng chánh đẳng giác. Khi vị này thành Phật, ngay trong ngày hôm đó bảy báu của vua Hướng khư ẩn mất, nhà vua liền cùng tám vạn quốc vương cũng xuất gia theo; vương nữ báu tên là Tỳ-xá-khư cùng tám vạn cung nhân, thể nữ cũng xuất gia theo, Thiện tịnh cùng tám vạn Ma-nạp-bà cũng xuất gia. Lúc đó Phật Di lặc cùng tám vạn Bí-sô đến núi Tôn túc ở chỗ Bí-sô Ca-nhiếp-ba lưu lại bộ xương, chỉ tay cho cửa núi mở rồi hai tay nâng bộ xương của Ca-nhiếp-ba và nói pháp cho các Thanh văn nghe: Quá khứ lúc con người thọ 100 tuổi có Phật hiệu là thích ca Mâu ni xuất hiện trên thế gian, vị Ca-nhiếp-ba này là Thanh văn ít muốn biết đủ, hành hạnh đầu đà bậc nhất trong chúng Thanh văn, sau khi Phật Thích ca diệt độ, chính vị này đã kiết tập giáo pháp của Phật Thích ca. Lúc đó các Thanh văn của Phật Di lặc nhìn thấy bộ xương của Ca-nhiếp-ba lưu lại đều sanh lo buồn suy nghĩ: "thân này làm sao có thể chứng được các

công đức như thế", do suy nghĩ như vậy nên các Thanh văn này đều chứng quả A-la-hán. Có tất cả 96 ức A-la-hán đã chứng hạnh đầu đà đều sanh tâm nhàm lìa, lúc đó phướn báu này ẩn mất". các Bí-sô bạch Phật: "do nhân duyên gì luân vương Hướng khư xuất thế đồng thời với Phật Di lặc?", Phật nói do nguyện lực, lại hỏi do nguyện lực gì, Phật nói: "Thuở xưa ở nước Trung Thiên trúc có vị vua tên là Ma-ta-bà dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có kiện tụng, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa. Ở Bắc Thiên trúc đồng thời có vua tên là Đa tài cũng dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có kiện tụng, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa. Trong nước Trung Thiên trúc có một đại thần sanh được một trai, vừa sanh ra trên lỗ tai đã có đeo khoen báu, đại thần mở tiệc ăn mừng để đặt tên cho con, do lúc mới sanh đã có đeo khoen báu nên được đặt tên là Bảo quang. Đến khi lớn khôn nhìn thấy cảnh già bịnh chết, Bảo quang sanh tâm lo nghĩ rồi bỏ thế tục vào núi rừng tu tập, ngay ngày hôm đó chứng đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác hiệu là Bảo quang Như lai. Thời gian sau vua Đa tài ở Bắc Thiên trúc cùng các đại thần lên lầu cao, vua hỏi: "có vua nước nào dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có kiện tụng, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa như nước của ta không?", lúc đó có một vị từng đến nước Trung Thiên trúc liền tâu: "ở nước Trung Thiên trúc có vua Ma-ta-bà dùng chánh pháp cai trị giống như Đại vương", vua nghe rồi liền nổi giận bảo các đại thần: "ta muốn thân chinh thảo phạt nước ấy". Vua Đa tài liền thống lĩnh bốn binh với đầy đủ khí giới tiến đánh nước Trung Thiên trúc, đến sông Căng già đóng quân ở bờ phía nam. Vua Ma-ta-bà hay tin vua Đa tài thống lĩnh bốn binh đóng quân ở bờ phía Nam cũng thống lĩnh bốn binh với đầy đủ khí giới đến sông Căng già đóng quân ở bờ phía bắc. Lúc đó Bảo quang Như lai biết đã đến lúc điều phục hai vị vua này liền đến dừng nghỉ ở bên sông Căng già , ngay trong đêm đó khởi tâm thế gian. Thường pháp của chư Phật là khi khởi niệm thế gian thì vua trời Đế thích, Phạm thiên và Hộ thế thiện thần đều biết ý Phật nên đồng đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, thân quang của chư thiên này chiếu sáng chỗ đóng quân của vua Ma-ta-bà. Lúc đó vua Đa tài thấy ánh sáng đó rất kinh ngạc liền hỏi quần thần là ánh sáng gì, một vị đáp: "trong nước của vua Ma-ta-bà có Phật xuất thế hiệu là Bảo quang Như lai, hôm nay có chư thiên đại oai đức đồng đến cúng dường nên có ánh sáng ấy", vua nói: "trong nước của vua Ma-ta-bà có Phật bảo là thắng phước điền xuất thế, chiêu cảm chư thiên đại oai đức đến cúng dường, ta há có thể làm hại vua và dân chúng

nước ấy hay sao?", nói rồi liền sai sứ đến báo với vua Ma-ta-bà: "mời Đại vương đến gặp vua nước tôi. Đại vương có phước đức lớn nên trong nước có bậc thắng phước điền là Bảo quang Như lai Ứng chánh đẳng giác được chư thiên đại oai đức đến cúng dường. Vua nước tôi muốn gặp Đại vương bắt tay giao ước hòa bình, hai bên không còn lo sợ và đều được an ổn". Vua Ma-ta-bà nghe rồi còn ngờ vực chưa tin liền đến chỗ Bảo quang Như lai đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, vua Đa tài sai sứ mời con đến để bắt tay giao ước hòa bình, con không biết có nên đi hay không?", Phật nói: "Đại vương nên đến gặp sẽ được an ổn", vua lại hỏi: "khi đến gặp con nên thi lễ thế nào?", Phật nói: "vua ấy có oai lực, vua nên lễ bái trước". Vua Ma-ta-bà nghe theo lời Phật đi đến chỗ vua Đa tài định lễ bái thì vua Đa tài liền đứng dậy nghinh tiếp, hai bên hỏi thăm nhau rồi cùng hoan hỷ giao ước hòa bình, sau đó cùng đến chỗ Bảo quang Như lai đảnh lễ rồi ngồi một bên, vua Ma-ta-bà bạch Phật: "Thế tôn, trong tất cả các vị vua, ai là bậc tôn quý hơn hết đáng được kính lễ?", Phật nói: "Chuyển luân Thánh vương đáng được kính lễ", vua Ma-ta-bà ghi nhớ trong lòng, chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn cùng các Bí-sô thọ con ngày mai thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời. Ngày mai sau khi Phật thọ thực xong, vua Ma-ta-bà liền ở trước Phật chí thành phát nguyện: "con nguyện đem công đức cúng dường Phật và Thánh chúng hôm nay, đời vị lai con sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương", phát nguyện vừa xong liền nghe tiếng thổi loa, Bảo quang Như lai liền thọ ký: "đời vị lai khi con người thọ đến tám vạn tuổi, vua sẽ xuất hiện ở đời làm Chuyển luân Thánh vương hiệu là Hướng khư", mọi người nghe rồi đều vui mừng reo to lên. Lúc đó vua Đa tài đi chưa xa, nghe tiếng reo hò liền hỏi quần thần nguyên do gì có tiếng reo hò như thế, sau khi tìm hiểu quần thần tâu là vua Ma-ta-bà được Phật thọ ký đời vị lai sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương nên mọi người vui mừng reo hò như thế. Vua nghe rồi liền quay xe lại, đến chỗ Bảo quang Như lai đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, trên thế gian này ai đáng được Luân vương lễ bái?", Phật nói: "Đại vương, chỉ có Như lai Ứng chánh đẳng giác là bậc đáng được Chuyển luân Thánh vương lễ bái cúng dường", vua nghe rồi liền chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô thọ con ngày mai thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời… cho đến sau khi Phật thọ thực xong, vua Đa tài phát tâm đại từ bi trùm khắp thế giới phát nguyện: "con nguyện đem công đức cúng dường này ở đời vị lai được sớm thành Phật, làm thầy của trời người", Phật liền thọ ký cho vua: "đời vị lai khi con người thọ đến tám vạn tuổi, Đại vương sẽ được thành Phật hiệu là Di lặc đầy đủ 10 hiệu".

Này các Bí-sô, do nguyện lực này nên Phật Di lặc và Luân vương

đồng thời xuất hiện ở thế gian.". Lúc đó Phật bảo A-nan-đà: "thầy hãy cùng ta đi đến tụ lạc câu chi", A-nan-đà liền cùng Phật du hành đến nước Phật lật thị dần dần đến tụ lạc Câu chi, dừng nghỉ ở trong rừng Thắng nhiếp phía bắc tụ lạc rồi bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết, nếu phá giới cấm thì Tam-ma-địa cũng mất theo. Các thầy hãy tu tập trì giới thì Tam-ma-địa có thể thường còn. Dùng trí huệ ấy tu luyện thân tâm sẽ được giải thoát ba độc. Tu tập như vậy được giải thoát rồi, bậc Thánh hiểu rõ: sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Sau đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến tụ lạc Na-địa-ca, A-nan-đà liền cùng Phật ở nước Phật lật thị du hành đến tụ lạc Na-địa-ca ở trong tòa nhà Quần thị ca. Lúc đó trong tụ lạc này bị bịnh dịch nên người chết rất nhiều, trong số đó có Lục mục thân cận, Cực tinh tấn cận, Thắng đoan nghiêm cận là bậc tối thượng trong chúng đoan nghiêm và các Ô-ba-sách-ca như Hiền thiện, Hiện danh xưng, Thí xưng, Thượng xưng… đều chết vì bịnh dịch. Sáng sớm các Bí-sô đắp y mang bát vào tụ lạc khất thực nghe được tin này, sau khi khất thực xong trở về đến chỗ Phật đem sự việc đã nghe được bạch Phật rồi hỏi: "Thế tôn, những người chết ấy sanh vào trong đường nào?", Phật nói: "các Ô-ba-sách-ca Lục mục thân cận… đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử nên được hóa sanh, chứng quả Bất hoàn, không còn thối chuyển trong thế giới này nữa. Trong làng còn có 25 một Ô-ba-sách-ca khác đã chết cũng đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử… giống như trên ; lại có 300 Ô-ba-sách-ca đã chết, đã đoạn ba hạ phần kiết sử và một phần tham sân si nên chứng quả nhất lai, một lần nữa thọ sanh sẽ đoạn trừ tất cả phiền não; lại có 500 Ô-ba-sách-ca đã chết, đã đoạn ba hạ phần kết chứng quả Dự lưu, không còn đọa trong đường ác, phải bảy lần thọ sanh nữa, luân chuyển dứt rồi sẽ đoạn trừ hết phiền não. Các thầy nên biết, có người sắp chết đến hỏi ta: "sống suông não loạn, không có lợi lạc nhưng hễ có sống thì phải có chết; dù Như lai xuất hiện hay không xuất hiện thì sanh diệt là việc thường có gì lạ đâu". Nhưng pháp ấy tức là pháp giới, Như lai do thần thông của chính mình, chứng Hiện giác rồi phân biệt chỉ bày rộng nói diệu pháp như sau : Do cái này có nên cái kia có ; do cái này sanh nên cái kia sanh. Do Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục xứ, Lục xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái. Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, ưu bi khổ não. Đây là quá trình sanh ra Khổ uẩn. Do cái này không nên cái kia không ; do cái này diệt nên cái kia diệt. Do Vô minh diệt nên Hành diệt, Hành diệt nên Thức diệt, Thúc diệt nên Danh sắc diệt, Danh sắc diệt nên Lục xứ diệt, Lục xứ diệt nên Xúc diệt, Xúc diệt nên Thọ diệt, Thọ diệt nên Ái diệt, Ái diệt nên Thủ diệt, Thủ

diệt nên Hữu diệt, Hữu diệt nên Sanh diệt, Sanh diệt nên Lão tử, ưu bi khổ não diệt. Đây là quá trình diệt trừ Khổ uẩn. Này các Bí-sô, nay Ta sẽ nói kinh Pháp cảnh, các thầy hãy lắng nghe: các thầy hãy sanh tin ưa Chánh giác, đó gọi là Pháp cảnh. Đối với Pháp và Tăng già, các bậc Thánh đủ giới đức trong sạch các thầy đều phải sanh tín kính, đó gọi là Pháp cảnh."

Lúc đó Phật ở nước Phật lật thị du hành đến tụ lạc Na-trĩ-ca, phu nhân Yêm-một-la ba lợi nghe tin này rồi liền sai con chim Anh vũ tên là Viên diện hiểu được tiếng người, bay đến chỗ Thế tôn hỏi thăm Phật có được ít bịnh ít não và an lạc không; nếu Thế tôn du hành đến thành Quảng nghiêm xin thương xót đến trong vườn Yêm-một-la. Chim vâng lời bay đến chỗ Phật, vừa bay đến thành Quảng nghiêm thì gặp các đồng tử Lật-cô-tỳ ra ngoài thành vui chơi. Thấy chim Anh vũ bay qua, chúng đồng thanh nói: "chúng ta sẽ bắn chết ngươi", nói xong liền giương cung bắn, nhưng mũi tên lại quay trở lại trên đầu của chúng, chim Anh vũ nói kệ:

"Hai nước là oán địch,
Không bắn chết sứ giả,
Huống chi sứ gặp Phật,
Mà giết hại hay sao ?".

Các đồng tử cũng nói kệ:

"Mũi tên không sức lực,
Lời ngươi nói hiệu nghiệm,
Nhờ oai đức của Phật,
Ngươi bay đi, đừng sợ".

Chim Anh vũ bay đến chỗ Phật rồi liên bạch lại lời chủ đã dạy, Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời chim liền bay về, nhưng bay chưa đến vườn của chủ đã bị con Diều hâu bắt ăn thịt. Sau khi chết, chim được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, sanh lên cõi trời này rồi Thiên tử suy nghĩ: "nhờ gieo nhân lành gì mà ta được sanh lên đây", liền quán biết là nhờ làm sứ giả của Phật nên bỏ thân súc sanh được thiện báo này, quán biết rồi liền suy nghĩ: "ta không nên để qua đêm mới báo ân Phật", nghĩ rồi liền trang nghiêm thân và mang các loại hoa trời, vào giữa đêm hiện đến chỗ Phật đảnh lễ và cúng dường, thân quang của vị trời này chiếu sáng khắp trong tụ lạc. Phật biết được căn tánh của thiên tử liền nói diệu lý của bốn Thánh đế khiến cho Thiên tử này sau khi nghe pháp xong được chứng quả Dự lưu. Chứng quả rồi Thiên tử bạch Phật: "Thế tôn đã làm lợi ích cho con, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con

vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", lúc đó, thiên tử vui mừng giống như người buôn được tài lợi, như nhà nông được trúng mùa, như dũng sĩ chiến thắng địch, như người bịnh được lành, đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung.

Lúc đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến thành Quảng nghiêm dừng nghỉ ở vườn xoài, Phật bảo A-nan-đà: "thầy hãy đến thành Phệ-xá-ly, khi chân bước đến cổng thành thì đọc chú và nói bài kệ sau đây:

Tì sa la tha, Tì sa la tha, Tì sa la tha, Tì sa la tha, phục đồ phục đồ, lô ca a nổ cam cấp cô a nhược ba dạ để tát phược phục đà a nô mạc để đề na tát phược phục đà ba la, phục đà a nô mạc để na tát phược A-la-hán a nô mạc để na tát phược thức xoa a nô mạc để tát phược thi la phược ca a nô mạc để tát phược tát để phược nịch.

Nô mạt để ba la để ca ma nô mạt để na ca thỉ phược la nô mạt để na nhơn đà la nô mạt để na đề bà nô mạt để na a tố la đà la nô mạt để na a tô la tất lý sái nô mạt để na tát phược phục đà nô mạt để na tì sa la tì sa la tì sa la tì sa la phục đồ lô ca nô can cấp câu miễu bát dã để văn giá đà, dứt tai nạn, đuổi tai nạn, đuổi ma quỷ.

Thế tôn sắp vào, bậc đại tự tại tối thắng tôn cùng vua trời Đế thích, Phạm thiên sắp vào. Chủ thế giới, Hộ thế Tứ thiên vương cùng vô lượng trăm ngàn chư thiên quyến thuộc sắp vào. Vua A-tu-la cùng vô lượng trăm ngàn quỷ thần quyến thuộc có lòng tin Phật cũng sắp vào để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Các quỷ thần chớ gây tổn hại, hãy ra mau, ra mau; nếu có ai khởi tâm ác thì hãy ra mau, ai có tâm từ bi thì được ở lại, ai muốn ủng hộ cũng được ở lại. Vì thương xót hữu tình nên Thế tôn nói chú này:

Tô mẫu, tô mẫu, tô mẫu, tô lô lô mẫu lô mẫu mẫu mẫu lô tô mạc

lô mạc tô mạc lô mạc lô mạc lô mạc lô mạc lô mạc lô mạc lô di lý di lý tô lô di lý tô lô di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý tô lữ di lý lý lý lý lý lý lợi lợi lợi lợi lợi lợi di lý di lý di lý di lý di lợi di lợi hạ tư di di lý di lý tư tư nhị căng già la già la ca-tra căng Ca-la Ca-la ca giá căng Ca-la căng Ca-la căng Ca-la căng Ca-la căng Ca-la căng Ca-la căng Ca-la câu lợi xa căng Ca-la căng ca li ca lơi xa lý lý lý lý a lý phá sa lý bô lý bô lý bô lý bô lý bô lý bô lý bô lý bô nại tha nại tha thác ly bố ly bố na tha thác niết lý ca xa thác ly bố ly bô lý niết lý xa thác ba la da tha ly bô ly bố ba la dạ tha.

Thế tôn thương xót thế gian sắp vào thành này để làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, vì từ bi hỷ xả nên nói kệ này; vì thành tựu chư thiên và tất cả chúng sanh nên dùng trí huệ pháp tánh tối thắng mà nói kệ này:

Đoạn trừ các kiết tập,
Xa lìa các tham Ái,
Tâm ấy thường tịch tĩnh,
Có thể được an lạc.
Thế gian nếu có người,
Khéo trụ đạo Niết-bàn,
Nói được tất cả pháp,
Có thể được an lạc.
Lưu chuyển trong sanh tử,
Làm chỗ nương cho người,
Lợi ích các hữu tình,
Có thể được an lạc.
Luôn dùng tâm đại bi,
Nuôi dưỡng các hữu tình,
Thương yêu như con đỏ,
Có thể được an lạc.
Những người đã quy y,
Ở trong đường sanh tử,
Nương theo được thiện lợi,
Có thể được an lạc.
Chứng ngộ tất cả pháp,
Thanh tịnh không nhiễm ô,
Thân miệng ý tịch tĩnh,
Có thể được an lạc.
Dõng mãnh khi xuất hiện,
Làm tăng thêm tiền tài,
Thành tựu các việc nghĩa,
Có thể được an lạc.
Xưa kia khi đản sanh,
Đại địa đều chấn động,
Muôn loài đều hoan hỉ,
Có thể được an lạc.
Đất biến động sáu cách,
Chứng đắc đạo Bồ-đề,
Ma vương sanh sầu khổ,

Có thể được an lạc.
Khéo chuyển bánh xe pháp,
Danh tiếng vang 10 phương,
Nói các lý Thánh đế,
Có thể được an lạc.
Diễn nói pháp vi diệu,
Hàng phục các ngoại đạo,
Nhiếp thọ các hữu tình,
Có thể được an lạc.
Nguyện Phật đem an lạc,
Cho đến trời Đế thích,
Tất cả các quỷ thần,
Thường làm người ủng hộ.
Nhờ công đức của Phật,
Chư thiên đều hoan hỉ,
Các sự việc mong cầu,
Thảy đều được thành tựu.
Thường hộ loài hai chân,
Và các loài bốn chân,
Người đi được an ổn,
Người đến cũng an vui.
Ban đêm được an vui,
Ban ngày cũng an vui,
Không gặp các việc ác,
Tất cả đều an lạc.
Tất cả người thế gian,
Và tất cả chư thiên,
Quỷ, tu la, súc sanh,
Thảy đều không ưu não.
Quỷ thần nào đến đây,
Từ đất hay không trung,
Thường dùng tâm đại bi,
Ngày đêm làm việc lành.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 7

Duyên của phu nhân Am-la (tiếp theo)

Lúc đó A-nan-đà vâng lời Phật đến thành Quảng nghiêm, khi chân bước lên ngưỡng cửa thành liền nói chú và kệ như trên. Phu nhơn Am-la nghe tin Phật đến vườn xoài của mình liền cùng các tùy tùng đi trên xe báu ra khỏi thành đến chỗ Thế tôn để lễ bái cúng dường. Đến nơi, phu nhơn xuống xe, lúc đó Thế tôn đang nói pháp cho vô lượng Bí-sô, từ xa trông thấy Phu nhân Am-la đi đến liền bảo các Bí-sô: "các thầy hãy nương theo pháp tu của mình an trụ chánh niệm vì Phu nhân Am-la sắp đến. Sao gọi là an trụ chánh niệm? Nghĩa là những nghiệp ác trước đây nên xả, những nghiệp ác chưa sanh đè nén không cho sanh; những nghiệp lành trước đây đừng cho quên mất và nên siêng tu tập cho viên mãn để chứng được trí huệ. Đó gọi là tinh tấn. Sao gọi là chánh ý?: Khéo tự quán sát khi đi đứng nằm ngồi, sắp xếp y bát như pháp. Sao gọi là chánh định?: Phải tự quán sát nội thân siêng tu chánh niệm, chánh ý, lìa tâm bất thiện đối với tất cả chúng sanh. Nội thân, ngoại thân, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; thấy pháp tùy thuận, siêng tu tinh tấn, xả ác và an trú chánh niệm. Phu nhân Am-la sắp đến, các thầy hãy khéo tu tập theo lời Ta dạy". Lúc đó Phu nhân Am-la đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho phu nhân được lợi hỉ rồi liền im lặng. Phu nhân Am-la chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô thọ con thỉnh thực vào ngày mai", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời Phu nhân Am-la đảnh lễ rồi ra về.

Lúc đó các Lật-cô-tỳ nghe tin Phật đang ở trong vườn xoài liền đi xe đến chỗ Phật, nếu đi xe màu xanh thì ngựa, dây cương, roi, càng xe, dù, khăn, kiếm, quạt, y phục cho đến người hầu tất cả đều màu xanh; các xe màu vàng, đỏ, trắng cũng như vậy. Trên đường đi, họ quát tháo xua đuổi người hai bên đường để đi mau đến chỗ Phật, từ xa thấy các Lật-cô-tỳ sắp đến, Phật bảo các Bí-sô: "ai trong các thầy chưa thấy chư thiên cõi trời Tam thập tam đi chơi thì hãy nhìn các Lật-cô-tỳ này. Chư thiên dùng thần thông

tự tại dạo chơi trong vườn cũng như các Lật-cô-tỳ này không khác". Đến nơi, các Lật-cô-tỳ xuống xe đi đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Lúc đó có một Ma-nạp-bà tên là Quảng sức ở trong pháp hội chắp tay bạch Phật: "Thiện thệ, con có biện tài, con muốn dùng kệ ca ngợi Phật", Phật khen lành thay, Ma-nạp-bà liền nói kệ:

"Đại vương Ương già mang giáp báu,
Ở Ma-kiệt-đà được tự tại,
Thế tôn ra đời tại nước ấy,
Danh vang 10 phương như núi Tuyết,
Như hoa Câu mâu đà, hoa sen,
Khi hoa nở tỏa hương thơm ngát.
Đấng Thiện thệ từ bi tự tại,
Xuất thế danh vang khắp mọi nơi,
Khi mặt trời mọc, sen hồng nở,
Khi mặt trăng mọc, Câu mâu nở,
Mọi người thấy Phật đều hoan hỉ,
Giống như thấy trăng sáng trên không,
Thấy trí huệ lực của Như lai,
Như thấy lửa rực sáng trong đêm,
Khai phát mắt sáng cho chúng sanh,
Trừ hết tất cả mọi nghi hoặc".

Các Lật-cô-tỳ nghe rồi đều khen hay, đồng loạt cởi thượng phục tạng cho Ma-nạp-bà rồi chắp tay bạch Phật: "cúi xin Phật và các Bí-sô thọ con thỉnh thực vào ngày mai", Phật nói: "Ta đã thọ Phu nhân Am-la thỉnh thực trước rồi", các Lật-cô-tỳ nói: "chúng con nay đã bị Phu nhân Am-la, người có trí huệ tối thắng đi trước một bước rồi, khiến chúng con không được cúng dường Thế tôn trước, vậy chúng con xin được cúng dường sau", Phật khen lành thay, các Lật-cô-tỳ nghe Phật chấp nhận rồi vui vẻ ra về. Thấy các Lật-cô-tỳ đã đi, Ma-nạp-bà chắp tay bạch Phật: "do con kheo ca ngợi Thế tôn nên các Lật-cô-tỳ đã cho con 500 thượng phục, nay con xin cúng dường Thế tôn, xin thương xót thọ nhận", Thế tôn thương xót thọ nhận rồi nói: "Như lai Ứng cúng Chánh biến tri xuất hiện ở thế gian có năm pháp hy hữu:

1. Là thầy của Trời người xuất hiện có đủ 10 hiệu Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn nói pháp yếu ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần

nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch.

2. Là ai có lòng tin tôn trọng lời Như lai nói, nghe thọ hành trì, tâm không tán loạn.

3. Là nếu ai nghe Phật nói pháp rồi đều mỗi mỗi phụng hành theo.

4. Là người nghe pháp rồi có thể chứng ngộ, hoan hỉ tín thọ, sanh đại thiện căn tương ưng với xuất ly.

5. Là nếu nghe pháp cú sâu xa thì dùng trí huệ hiểu rõ.

Này Ma-nạp-bà, hễ là người tốt thì mang chút ân cũng không quên huống chi chịu nhiều ân, ngươi hãy ghi nhớ điều này". Sau khi về đến nhà Phu nhân Am-la lo chuẩn bị mọi thức cúng dường để sáng mai thỉnh Phật và các Bí-sô thọ thực… cho đến Phật thọ thực rồi nói kệ khen ngợi công đức bố thí cho Phu nhân Am-la nghe:

"Ai bố thí đều được kính yêu,
Tiếng tốt đồn xa, hương xông khắp,
Vì thế người trí thường bố thí,
Cầu vui, trừ tham, được vô úy,
Thường sanh làm vua trời Đế thích,
Cùng dạo chơi với các vị trời,
Cung điện chư thiên đang chờ đón,
Sau khi chết sanh lên cõi trời,
Thân quang chiếu sáng dạo vườn Hỉ,
Cùng các thiên nữ thọ ngũ dục,
Các đệ tử Phật nghe pháp này,
Chắc chắn sẽ sanh cõi trời ấy".

Phật tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho phu nhân được lợi hỉ rồi ra về. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nghiệp duyên gì mà các Lật-cô-tỳ hoặc sanh lên cõi trời hoặc ở nhân gian đều có oai đức lớn, cho đến trong đời này được hưởng phước báu như cõi trời tam thập tam?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết, các Lật-cô-tỳ này đã tích tụ tư lương… như kệ nói:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".
Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi, có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba có đủ 10 hiệu cùng hai vạn Bí-sô ở trong

rừng Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ, thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó có 500 Ô-ba-sách-ca sửa soạn hàng hóa định vào biển tìm châu báu… sau khi đến được đảo châu báu, họ đua nhau nhặt lấy châu báu chất đầy thuyền. Lúc đó bỗng có gió bão thổi giạt thuyền vào một khe núi, thuyền không thể chuyển động được, mọi người lo sợ cùng ở trên bãi cát đắp cát thành tháp rồi bỏ châu báu vào trong tháp để cúng dường Phật Ca-nhiếp-ba. Trong giấc ngủ họ mộng thấy vầng ánh sáng rực rỡ, trong đó phát ra âm thanh: "các ngươi hãy chuẩn bị lên đường chớ có phóng dật. Bảy ngày sau sẽ có hải triều dâng đến, nhờ hải triều này thuyền các ngươi sẽ được an ổn trở về". Sáng hôm sau các thương nhơn cùng kể lại giấc mộng và nói với nhau: "chúng ta cúng dường Phật Ca-nhiếp-ba là vô thượng phước điền, nhờ căn lành này nguyện cho chúng ta có được oai đức lớn trong trời người, giống như chư thiên trên cõi trời Tam thập tam".

Này các Bí-sô, 500 thương nhơn ấy chính là 500 Lật-cô-tỳ ngày nay, xưa kia nhờ xây tháp bằng cát và đem châu báu để trong tháp cúng dường Phật Ca-nhiếp-ba nên ngày nay được quả báo có oai đức lớn trong cõi Trời người giống như chư thiên trên cõi trời tam thập tam.

Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen ; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập chớ có buông lung", nghe Phật dạy rồi, các Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành.

Lúc đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến tụ lạc Trúc lâm, dừng nghỉ trong rừng Thăng nhiếp ba, ở vùng này gặp lúc mất mùa đói kém, khất thực khó được, Phật bảo các Bí-sô: "gặp lúc thế gian mất mùa đói kém, khất thực khó được, các thầy nên thực hành theo pháp như trong các kinh Cơ kiệm, kinh Đạo phẩm truyền lai, kinh Lục tập, kinh Đại Niết-bàn đã nói".

Sau đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến tụ lạc Vô gián, khi đi đến một nơi Phật bỗng mỉm cười, thường pháp của chư Phật là khi Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại Thánh đã khiến thân tâm chúng ta

hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

"Người phải nghe Phật dạy
Dốc cầu đạo xuất ly
Phá được quân sanh tử
Như voi phá nhà tranh.
Ở trong pháp luật Phật
Dũng tiến thường tu học
Xa lìa đường sanh tử
Bờ mé khổ không còn".

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó ánh sáng nhiễu quanh Phật ba vòng rồi vào đảnh đầu, cụ thọ A-nan-đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

"Từ miệng Phật phóng hào quang vi diệu,
Chiếu khắp Đại thiên không phải một tướng,
Chiếu khắp cả 10 phương các quốc độ,
Như mặt trời chiếu sáng khắp hư không.
Phật là nhân tối thắng của chúng sanh,
Có thể trừ kiêu mạn và lo buồn.
Không nhân duyên, kim khẩu không mở lời,
Miệng mỉm cười ắt nói việc kỳ lạ.
Con lặng lẽ quan sát đấng Mâu Ni,
Ai muốn nghe, Phật nói cho nghe,
Như sư tử vương rống tiếng vi diệu,

Cúi xin Phật quyết nghi cho chúng con,
Phật như Diệu sơn vương trong biển cả,
Nếu không nhân duyên, Phật không dao động,
Tự tại từ bi, miệng Phật hiện mỉm cười,
Nói nhân duyên cho người đang khao khát".

Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Đúng vậy A-nan-đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười, này A-nan-đà, thầy có thấy nơi này không?", đáp có thấy, Phật nói: "đây là chỗ mà ba vị Chánh đẳng giác trong quá khứ đã ngồi", A-nan-đà liền trải tọa cụ cho Phật ngồi để nơi này thành nơi có bốn Thế tôn đã ngồi. Sau đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến tụ lạc Di thế la và dừng nghỉ ở trong rừng Ma-ha-đề-bà, như trong phẩm Ma-ha-đề-bà và quốc vương tương ưng có nói rõ.

Sau đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến giếng A-nậu, đến bên giếng thấy một người nữ cầm gàu dây định tới giếng múc nước. Có người nam yêu mến người nữ này, người nữ này cũng yêu mến người nam kia, cả hai cùng nhau nói cười đến bên giếng. Lúc đó người có dẫn con nhỏ đi theo, vì mãi nói cười với người nam nên không biết là đã quấn dây gàu vào cổ đứa con, khi quăng xuống giếng để múc nước mới hay, vội kéo lên thì đứa con đã chết. Người nữ này do thấy đứa con vì mình mà chết nên bất giác buột miệng nói kệ:

"Ta biết gốc tham dục,
Sanh ra từ phân biệt,
Nếu ta không phân biệt,
Dục do đâu phát sanh".

Phật bảo A-nan-đà: "thầy hãy ghi nhớ bài kệ này, đó là lời chư Phật quá khứ đã dạy, vì trong miệng của kẻ phàm phu ngu tối nên nói câu kệ đó không phát ra ánh sáng. Như lời Phật ấy nói, ta chưa từng thấy một pháp nào chuyển động mau lẹ như tâm", người nữ kia thấy con chết trong lòng hối hận áo não đến đảnh lễ Phật, Phật quán ý nhạo tùy miên của người nữ, xứng cơ nói pháp khiến người nữ nghe rồi được chứng quả Dự lưu. Được kiến đế rồi liền bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam

bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-tư-ca". Lúc đó Phật bảo A-nan-đà: "xưa kia khi Ta còn là Bồ-tát, ở nơi này có vị tiên tên là Bạt già bà mời ta ngồi và đem hoa quả cúng dường, ở nơi khác cũng cúng dường như vậy. Xưa kia khi Ta còn là Bồ-tát, có vua trời Đế thích giả làm thợ săn đắp y hoại sắc, Ta vì muốn xuất gia nên cởi chiếc áo mềm mại đổi lấy y hoại sắc. Sau này có Bà-la-môn, cư sĩ tín tâm ngay nơi này xây tháp Thọ ca-sa, đến nay các Bí-sô đều lễ bái cúng dường tháp ấy. Vua trời Đế thích đem y Ca thi na của ta cất trên cõi trời Tam thập tam và lập ngày hội Ca thi ca, đến nay chư thiên cõi trời ấy vẫn còn cúng dường. Đến một nơi khác Phật bảo A-nan-đà: "xưa kia khi còn là Bồ-tát, Ta dùng thanh kiếm màu hoa sen xanh tự cắt búi tóc ném lên hư không. Sau này có Bà-la-môn, cư sĩ tín tâm ngay tại nơi này xây tháp Cắt búi tóc, đến nay các Bí-sô vẫn lễ bái cúng dường. Vua trời Đế thích đem búi tóc của Ta cất trên cõi trời Tam thập tam và lập ngày hội búi tóc, đến nay vẫn còn". Đến nơi khác Phật bảo A-nan-đà: "xưa kia khi Ta hành Bồ-tát đạo, tại nơi này Xiển-đà-ca đã đem ngựa chúa Kiền thát già trở về cung. Sau này có Bà-la-môn, cư sĩ ngay tại nơi này xây tháp Mã hồi, đến nay các Bí-sô vẫn còn cúng dường". Đến tụ lạc Ngưu uyển, Phật bảo A-nan-đà: "Xiển-đà-ca-sanh ra và lớn lên ở nơi này". Lúc đó những vị kỳ túc của các lực sĩ dòng Sát-đế-lỵ nghe Phật sắp đến liền bảo các lực sĩ dọn dẹp trang hoàng hai bên đường, còn họ trang hoàng trong thành. Các lực sĩ này lúc đang quét dọn hai bên đường thấy có một tảng đá lớn chắn ở giữa đường, muốn dẹp bỏ nhưng rinh không nổi. Phật đi đến thấy vậy liền nói: "hãy để ta chuyển giúp cho", nói rồi dùng tay nâng tảng đá ném lên không trung, tảng đá bay cao đến nỗi không thể nhìn thấy khiến các lực sĩ đều kinh sợ, Phật bảo đừng sợ rồi dùng thần lực làm cho tảng đá nát thành bụi từ trên không rơi xuống, các lực sĩ hỏi: "bụi này từ đâu rơi xuống?", Phật nói: "ta đã biến tảng đá này thành bụi, các ngươi có muốn đống bụi này họp lại thành tảng đá như cũ không?", đáp là muốn, Phật liền dùng năng lực giải thoát làm cho đống bụi họp lại thành tảng đá như cũ, các lực

sĩ hỏi: "Thế tôn dùng lực gì có thể nâng tảng đá ấy lên?", Phật nói là dùng lực của cha mẹ sanh, lại hỏi: "Thế tôn dùng lực gì làm cho tảng đá nát thành bụi?", Phật nói dùng năng lực thiền định, lại hỏi: "Thế tôn dùng lực gì họp đống bụi lại thành tảng đá ?", Phật nói dùng năng lực giải thoát, lại hỏi: "lực của cha mẹ sanh ra mạnh yếu như thế nào?", Phật nói: "lực của mười người bằng lực của một con bò thường; lực của mười con bò thường bằng lực của một con bò xanh; lực của mười con bò xanh bằng lực của một con voi nhỏ; lực của mười con voi nhỏ bằng lực của một con voi lớn; lực

của mười con voi lớn bằng lực của một con voi xanh; lực của mười con voi xanh bằng lực của một con voi đỏ; lực của mười con voi đỏ bằng lực của một con voi ngà trắng; lực của mười con voi ngà trắng bằng lực của một con voi Tân đà sơn; lực của mười con voi Tân đà sơn bằng lực của một con Hương tượng; lực của mười con Hương tượng bằng lực của một lực sĩ; lực của 10 lực sĩ bằng lực của một đại lực sĩ; lực của 10 đại lực sĩ bằng lực của một mãnh tượng; lực của 10 mãnh tượng bằng lực của một Dạ xoa Chương trụ la; lực của 10 Dạ xoa Chương trụ la bằng lực của một bán Na-la-diên; lực của hai bán Na-la-diên bằng lực của một Na-la-diên. Mỗi chi phần của Như lai đều có lực Na-la-diên tự nhiên sanh. Nhiếp tụng:

Người, bò với bò xanh,
Voi xanh, đỏ lớn nhỏ,
Lực sĩ với Dạ xoa,
Không bằng Na-la-diên.

Lực Na-la-diên này là lực của Như lai do cha mẹ sanh ra", các lực sĩ lại hỏi: "ngoài lực Na-la-diên và lực giải thoát ra còn có lực gì khác không?", Phật nói: "còn có lực phước đức, nhờ lực phước đức đầy đủ nên Như lai ở dưới cội Bồ-đề đã hàng phục 36 ức ma quỷ, chứng đạo quả Vô thượng giác", lại hỏi: "ngoài lực phước đức ra còn có lực nào nữa không?", Phật nói: "còn có lực trí huệ, nhờ lực trí huệ đầy đủ nên Như lai đã trừ bỏ tất cả phiền não tích tụ từ vô thỉ đến nay", lại hỏi: "ngoài lực trí huệ ra còn có lực nào nữa không ?", Phật nói: "còn có lực thần thông, do lực thần thông viên mãn nên Như lai có thể hàng phục Lục sư ngoại đạo kỳ cựu vô trí và cống cao", lại hỏi: "ngoài lực thần thông ra còn có lực nào nữa không?", Phật nói: "còn có lực vô thường, nhờ lực vô thường viên mãn nên Như lai đối với lực do cha mẹ sanh ra, lực thiền định, lực giải thoát, lực phước đức, lực thần thông thảy đều diệt hết ở nơi cây song lâm.

Nhiếp tụng:

Lực thiền định, giải thoát,
Phước đức và trí huệ,
Tất cả lực như thế,
Lực vô thường hơn hết.

Các lực sĩ nên biết, thân ta như ngọn núi vàng do lực vô thường nên không bao lâu nữa sẽ tiêu diệt. Cho nên người trí phải cầu mong đến chỗ không bị vô thường bức bách. Người đời nay tuổi thọ càng thấp, sức khỏe yếu ớt; tảng đá này người đời xưa thường cầm ném liệng chơi đùa, các ngươi hãy nhìn xem, bên cạnh của tảng đá này còn có dấu ngón tay lưu lại".

Các lực sĩ nghe Phật nói rồi sanh tâm hi hữu, trừ bỏ kiêu mạn, lúc đó Phật quán biết ý nhạo tùy miên của các lực sĩ liền nói lý bốn chơn đế và các pháp chứng đạt trí huệ, khiến cho họ chứng được quả Dự lưu.

Sau đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến thành Câu thi na, trên đường đi thấy có thành Phạm bà nhưng Phật ghé vào mà đi thẳng đến thành Câu thi na. Đến nơi, Phật chỉ hai cây sa la rồi nói với A-nan-đà: "không bao lâu nữa ta sẽ nhập Bát Niết-bàn tại đây". Sau đó Phật du hành đến Câu lô số, điều phục vua ở thành Gián sắc, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "Ta biết rõ tất cả các lậu đều đã diệt, không phải là Ta không biết, không thấy. Này các Bí-sô, đó là sắc, sắc tích tập, sắc đoạn diệt; đó là thọ, tưởng, hành, thức cho đến thức tích tập, thức đoạn diệt cũng như vậy. Nếu có Bí-sô nào thường tu tập định, khởi niệm mong cầu không từ các lậu hoặc mà được giải thoát; nhưng Bí-sô ấy lại đều từ các lậu mà tâm được giải thoát, vì sao, vì do Bí-sô ấy không tu tập nên mới như thế", lại hỏi: "Thế tôn, do vị ấy không tu tập những gì ?", Phật nói: "do không tu tập bốn; Niệm trụ, bốn; Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Chi giác phần, tám Thánh đạo. Bí-sô nên biết, như gà mái đẻ trứng, hoặc 5, 6 hay 12 quả trứng, nếu gà mẹ không thường xuyên ấp những quả trứng này, không làm cho nó ấm, cũng không chuyển dời, nghĩ rằng: "những đứa con ta sanh ra sẽ dùng mỏ hoặc móng phá vỡ vỏ trứng". Nó mong những con gà con an ổn ra khỏi vỏ trứng, nhưng những quả trứng này đã không được ấp đúng pháp nên gà con không thành tựu, không thể ra khỏi vỏ, vì sao, vì gà mẹ không thường xuyên ấp trứng, không làm cho nó ấm, cũng không chuyển dời nên không thể nở ra gà con. Bí-sô tu tập Định cũng như vậy, Bí-sô phải từ việc hữu lậu mà tâm được giải thoát, vì sao, vì do không tu tập nên mới như vậy. Không tu tập những gì ?: Tức là "do không tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Chi giác phần, tám Thánh đạo.

Bí-sô nào siêng năng tu định, nghĩ rằng không từ hữu lậu mà được giải thoát, nhưng Bí-sô ấy phải từ hữu lậu mà được giải thoát. Tu tập những gì ?: Tức là do tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Chi giác phần, tám Thánh đạo. Bí-sô nên biết, như gà mái đẻ trứng, hoặc 5, 6 hay 12 quả trứng, nếu gà mẹ thường xuyên ấp những quả trứng này, làm cho nó ấm, chuyển dời đúng pháp, gà mẹ không nghĩ rằng: "những đứa con ta sanh ra sẽ tự dùng mỏ hoặc móng phá vỡ vỏ trứng". Những con gà con đã được hình thành có thể dùng mỏ và móng phá vỡ vỏ trứng, an ổn ra khỏi vỏ, vì những quả trứng này đã được ấp đúng pháp nên gà con được thành tựu, có thể ra khỏi vỏ, vì sao, vì gà mẹ thường xuyên ấp trứng, làm cho nó ấm, chuyển dời đúng pháp nên có thể nở ra gà con. Bí-

sô tu tập Định cũng như vậy, Bí-sô phải từ việc hữu lậu mà tâm được giải thoát, vì sao, vì do tu tập nên được như vậy. Do tu tập những gì ?: Tức là do tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Chi giác phần, tám Thánh đạo. Bí-sô nên biết, ông thầy thợ mộc và các đệ tử thường dùng búa rìu, do thường dùng nên có vết chai ở ngón tay. Ông thầy thợ mộc và các đệ tử không thể tự thuận theo chánh trí chánh kiến mà dùng được búa rìu, chính là do thường dùng nên tự nhiên thuần thục, khi thần thục rồi mới biết là đã thuần thục việc làm này. Bí-sô tu Định cũng như vậy, vị ấy không thể tự thuận theo chánh trí chánh kiến để biết là đã đoạn được bao nhiêu lậu hoặc. Về sau khi lậu hoặc đoạn hết rồi vị ấy mới biết, vì sao, vì do siêng năng tu tập. Tu tập những gì ?: tức là do tu tập bốn Niệm trụ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Chi giác phần, tám Thánh đạo. Bí-sô nên biết, như chiếc thuyền ra biển vào tháng sáu, trải qua mùa hè nóng nực, bị gió thổi và mặt trời thiêu đốt, sau đó lại gặp mưa thì tự nhiên tan rã. Bí-sô tu định cũng như vậy, các chướng ngại, các kiết sử tương ưng, tùy miên phiền não tự nhiên giải tán, do tu tập nên vị ấy được giải thoát. Tu tập những gì?: Tức là tu tập bốn Niệm trụ… như trên". Lúc Thế tôn nói pháp này có 60 Bí-sô không sanh các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Sau đó Phật cùng A-nan-đà du hành đến thành Thiên chỉ và nói rằng: "Thiện giác Thích ca sinh trưởng trong thành này". Đến vườn Lâm-tỳ-ni, Phật bảo A-nan-đà: "Ta được sanh ra trong vườn này, sau khi sanh ra, Ta đi về phía Nam bảy bước không cần ai nâng đỡ, nhìn khắp bốn phương nói rằng: "đây là thân sau cùng, ta không còn thọ sanh nữa". Đến thành Kiếp-tỷ-la, Phật bảo A-nan-đà: "vua Tịnh-phạn sanh ở thành này và giữ ngôi vua trong một thời gian dài". Đến thành Tỳ thâu

na la, Phật bảo các Bí-sô: "hôm nay ta sẽ phân biệt giảng nói hai thứ quả báo thiện ác, các thầy hãy lắng nghe: những điều ác là tham sân si các hoặc theo trói buộc ta; những điều thiện là không tùy thuận tham sân si các hoặc". Đến tụ lạc Câu na, Phật bảo A-nan-đà: "Như lai Câu na hàm mâu ni sanh ra, thành tựu quả vị Chánh giác và Bát Niết-bàn tại nơi đây". Đến tụ lạc Lê địa, Phật bảo A-nan-đà: "lúc còn là Bồ-tát, ta du hành đến làng của Phụ vương, ngồi dưới gốc cây Thiệm bộ, tư duy nhập định, chứng được Sơ thiền vô lậu". Đến nơi khác, Phật bảo A-nan-đà: "đây là nơi ngày xưa Như lai Câu-na-hàm-mâu-ni cất ca-sa". Đến tụ lạc tẩy dục, Phật bảo A-nan-đà: "ngày xưa Như lai Câu-na-hàm-mâu-ni đã tắm tại đây nên tụ lạc này được gọi là tụ lạc tẩy dục". Đến tụ lạc Tư ca để, Phật dừng ở trong rừng Thăng nhiếp ba phía Bắc tụ lạc rồi bảo các Bí-sô: "Ngày xưa có một người thợ tên

là A-tra-la thường vác cây sào tre trên vai mà đi, đệ tử của ông tên là Mê-lặc-ca thường đứng trên cây sào tre này múa xiếc. Lúc đó A-tra-la nói với Mê-lặc-ca: "khi con ở trên sào tre múa xiếc, con phải thường nhìn xuống dưới để hai bên trông chừng lẫn nhau, chớ có sơ suất, chúng ta mới không bị thương tổn. Múa xong trở xuống an ổn, mọi người thấy chúng ta có tài năng sẽ hoan hỉ thưởng tiền cho chúng ta", Mê-lặc-ca nói: "thầy chớ nói lời này, vì sao, vì thầy tự giữ mình, con cũng tự dụng tâm. Sau khi múa xong con sẽ xuống an ổn và cả hai đều không bị thương tổn, mọi người thấy rồi sẽ thưởng tiền cho chúng ta".

Này các Bí-sô, lời của Mê-lặc-ca nói là thuận đạo lý, vì sao, vì nếu có thể tự thủ hộ thân mình thì mới có thể thủ hộ người khác; nếu muốn thủ hộ người khác thì không thể tự thủ hộ. Sao gọi là tự thủ hộ thì có thể thủ hộ người khác? Do nổ lực thường xuyên tu tập, do tự thủ hộ nên khi tiếp xúc cảnh hiện tiền, tự có thể thủ hộ và thủ hộ người khác. Sao gọi là muốn thủ hộ người khác thì không thể tự thủ hộ? Do không muốn não loạn người khác, không làm cho họ tức giận, không làm tổn hại, từ bi thương xót mọi người, vì thế có thể thủ hộ người khác nhưng không thể tự thủ hộ. Các Bí-sô nên tu học như thế, nếu muốn tự thủ hộ thì nên tu tập bốn Niệm trụ xứ. Sao gọi là bốn Niệm trụ xứ? Tức là nhớ nghĩ đến các trụ xứ Thân, thọ, tâm và pháp. Các Bí-sô nên tu học như thế".

Sau đó Phật đến tụ lạc Xa-nan-già-la, dừng nghỉ trong một khu rừng rồi bảo các Bí-sô: "ta sẽ nhập tịch định trong hai tháng ở khu rừng này, trừ người đem thức ăn uống ra, tất cả các Bí-sô khác đều không được đến gặp ta. Tới ngày Bố tát cũng sai người đem thức ăn đến lấy Dục". Dặn dò rồi Phật nhập tịch định, mãn hai tháng Phật xuất định rồi bảo các Bí-sô: "nếu có ngoại đạo đến hỏi các thầy: "Sa môn Kiều-đáp-ma làm việc gì mà nhập tịch định trong hai tháng?", thì các thầy nên đáp là nhập Tam muội sổ tức. Vì sao, vì trong hai tháng ta đã ngồi yên quán sổ tức, khi tu pháp quán này ta biết rõ như thật chưa từng bị tán loạn đối với hơi thở vào; cũng biết rõ như thật chưa từng bị tán loạn đối với hơi thở ra. Hơi thở dài ngắn, sanh diệt, toàn thân thở ra, ta đều biết rõ; toàn thân thở vào, ta cũng đều biết rõ; Khinh an hành thở ra, khinh an hành thở vào, ta đều biết rõ như thật. Ta biết rõ như thật khinh an tâm hành mà thở vào, như thật biết rõ khinh an tâm hành mà thở ra, khiến tâm hoan hỉ, khiến tâm chuyên chú trong Định. Ta như thật biết rõ tâm giải thoát mà thở vào, như thật biết rõ tâm giải thoát mà thở ra. Như thật biết rõ cái thấy vô thường, xả ly, nhàm lìa và hoại diệt mà thở vào… cho đến thở ra. Bí-sô nên biết, khi ấy ta biết đây là hành thô, ta vượt qua hành này và dùng khinh an hành để hành các hạnh vi tế khác.

Do ta vượt qua hành thô và dùng khinh an hành để tu các hạnh vi tế khác nên có ba vị trời đến chỗ ta ngồi, một vị nói: "Sa môn Kiều-đáp-ma đã diệt độ"; vị thứ hai nói: "vị ấy không phải đã diệt độ, mà là sắp diệt độ"; vị thứ ba nói: "không phải đã diệt độ, cũng không phải sắp diệt độ, mà là an trụ trong thiền định. Tất cả các bậc Ứng cúng đều có Định như thế. Này các Bí-sô, hôm nay ta sẽ như pháp nói việc tu hành của bậc Thánh, của chư thiên, Phạm thiên, của bậc Vô học, Hữu học và của Như lai cho các thầy nghe. Tất cả bậc Hữu học nếu chưa đắc thì sẽ đắc, chưa chứng thì sẽ chứng, chưa thấy hướng đi thì sẽ thấy được hướng đi. Tất cả bậc Vô học đã thấy được hướng đi thì sẽ được tăng trưởng; bậc Hữu học thấy được pháp sẽ được an lạc trụ, như trong kinh Đạo phẩm tập có nói rõ".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 8

Lúc đó Phật từ nước Kiều-tát-la du hành đến tụ lạc Tăng trưởng, dừng nghỉ trong rừng Tăng trưởng. Chủ tụ lạc là Bà-la-môn Liên hoa hành được vua Thắng quân phong ấp, ông có một đệ tử tên là Yêm một la tử học rộng nghe nhiều, biện tài sắc bén và có 500 đệ tử phạm hạnh đọc tụng luận Tứ minh. Liên hoa hành nghe tin có sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng họ Thích ca từ bỏ vương vị xuất gia, tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, danh vang khắp 10 phương là bậc Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Vị Phật này đã nói với Trời người, ma, Phạm, Sa môn, Bà-la-môn rằng: "sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau " . Pháp của vị ấy nói ra ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch. Liên hoa hành nghe nói vị ấy nay đã đến trong tụ lạc này, liền suy nghĩ: "trong kinh của ta nói rằng: "người nào có đủ 32 tướng thì sẽ có hai hướng:

1. Là nếu ở tại gia sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, dùng chánh pháp cai trị và có đủ bảy báu : bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu. Vua có đủ ngàn người con oai đức dõng mãnh, tướng mạo đoan nghiêm có thể chế phục nước khác, trong nước không có trộm cướp, không dùng dao roi trị phạt, chỉ dùng chánh pháp giáo hóa.

2. Là nếu cạo bỏ râu tóc xuất gia sẽ thành đạo quả Chánh giác", nghĩ rồi liền bảo đệ tử Yêm một la tử: "Ta nghe tin có sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng họ Thích ca từ bỏ vương vị xuất gia tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề… giống như đoạn văn trên. Các con hãy đến chỗ Sa môn Kiều-đáp-ma tự sẽ biết rõ có đúng như lời ta nói hay không". Các đệ tử vâng lời cùng các Bà-la-môn kỳ cựu đến chỗ Phật chào hỏi rồi đứng một bên, Phật tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho các Bà-la-môn kỳ cựu được lợi hỉ. Lúc đó Yêm một la tử với tâm ngạo mạn đi qua đi lại không

nghe Phật nói rồi bất chợt dừng lại hỏi nghĩa, Phật dù trả lời cũng không có ý nghe và vẫn tỏ thái độ khinh mạn đối với Thế tôn như cũ. Phật bảo Yêm một la tử: "các Bà-la-môn kỳ cựu đều đã đủ ba minh, ngươi há có thể khinh mạn bất chợt vấn nạn như thế hay sao?", Yêm một la tử nói là không có hỏi gì cả, Phật nói: "trong khi ta nói pháp yếu cho các Bà-la-môn thượng thủ nghe, ngươi cứ đi qua đi lại rồi bất chợt đưa ra câu hỏi, ta đáp ngươi cũng không chịu nghe", Yêm một la tử nói: "nếu là đồng loại Bà-la-môn thì tôi có thể cùng ngồi luận nghĩa, Ngài là sa môn cạo tóc không phải là Bà-la-môn, tôi đi qua đi lại hỏi đáp thì có lỗi gì. Sa môn các vị đang đi trên đường ác, nhiễm pháp xấu nên tôi mới nói chuyện với thái độ như vậy", Phật nói: "ngươi đến đây vì cầu lợi ích, ta quán thấy ngươi chưa từng thừa sự Sư trưởng", Yêm một la tử nghe rồi tức giận, muốn phỉ báng khinh hủy nên nói: "dòng họ Thích ca ngu si, không biết cung kính người có phạm hạnh thù thắng", Phật nói: "dòng họ Thích ca có lỗi lầm gì?", Yêm một la tử nói: "trước dây tôi có việc đi vào thành Kiếp-tỷ-la, những người thuộc dòng họ Thích ca ở trên lầu cao chỉ tôi nói rằng: đó là đệ tử của Liên hoa hành, thái độ khinh mạn không cung kính tôi", Phật nói: "ngươi có thấy con chim sâu không, khi ở trong tổ nó còn tự tại nói năng đủ thứ, huống chi dòng họ Thích ca há không được nói năng tự tại hay sao?", Yêm một la tử nó: "có bốn giai cấp: Bà-la-môn, Sát-đế-lỵ, Phệ xá, Thủ đạt la. Bốn giai cấp này đều cung kinh các Bà-la-môn, chỉ có dòng họ Thích ca thấy bậc tôn thắng mà không cung kính". Lúc đó Phật liền quán cha mẹ đời trước của Yêm một la tử thuộc chủng loại gì, quán biết được là do nô tỳ của dòng họ Thích ca-sanh ra, những người thuộc dòng họ Thích ca là chủ của họ vào đời trước, Phật liền hỏi Yêm một la tử thuộc dòng họ gì, đáp là thuộc dòng họ Nhĩ luân, Phật nói: "ta quán thấy dòng họ của ngươi là nô tỳ của dòng họ Thích ca-sanh ra". Các Bà-la-môn kỳ cựu liền nói: "Sa môn Kiều-đáp-ma, không nên đem dòng họ nô tỳ ra phỉ báng anh ta, vì sao, vì anh ấy là người học rộng nghe nhiều, nói năng lưu loát có thể luận nạn đối đáp với Kiều-đáp-ma", Phật bảo các Bà-la-môn: "nếu các vị cho rằng Yêm một la tử có thể luận nạn với ta thì hãy im lặng nghe anh ta đối đáp. Nếu anh ta không thể cùng ta lập tông vấn nạn thì sẽ im lặng", Phật liền bảo Yêm một la tử: "này Ma-nạp-bà, thuở xưa có quốc vương hiệu là Cam giá, có bốn người con tên là Cự diện, Trường nhĩ, Tượng kiên và Túc xuyến. Sau vì mắc tội nên bốn người con này bị vua đuổi đi, họ dẫn theo em gái đến biên giới nước khác bên bờ sông Căng già ở dưới núi Tuyết, cách trú xứ của tiên nhơn Kiếp-tỷ-la không xa. Họ cắt cỏ làm nhà rồi lấy những người em khác mẹ làm vợ và sanh con đẻ cái. Thời gian sau, vua chợt nhớ đến bốn người

con này nên hỏi quần thần, quần thần tâu rõ mọi việc như trên, vua nghe rồi nói rằng: "bốn người con của ta có thể làm được như vậy sao?", nói rồi giơ tay phải lên khen rằng: "các con ta có năng lực lớn". Này Ma-nạp-bà, do người có oai đức được gọi là cực năng nên dòng họ được gọi là Thích ca (đời Đường dịch là Năng). Ngươi có nghe sự sanh khởi nào khác không?", Yêm một la tử đáp: "tôi nghe dòng họ Thích ca từ xưa đến nay sanh ở nơi đây", Phật nói: "ngày xưa vua Cam giá có một nô tỳ tên là Chức kinh, dung mạo đoan trang ai cũng yêu mến. Lúc đó có một tiên nhơn thuộc họ Ma đăng già, do thường ở một chỗ với nô tỳ đó nên cả hai cùng tư thông và sanh được một bé trai, vừa sanh ra đứa bé đó có thể nói: "hãy tắm rửa trừ chất bẩn cho tôi". Người đương thời gọi quỷ là Ca ny bà dạ na, do đứa bé này vừa sanh ra liền nói được câu ấy nên mọi người cho là quỷ và gọi đứa bé này là Ca ny bà dạ na, từ đó đến nay có thêm dòng họ Ca ny bà dạ na. Này Ma-nạp-bà, ngươi có nghe dòng họ này sanh ra từ việc này không?". Lúc đó Yêm một la tử im lặng, Phật hỏi đến ba lần cũng đều im lặng, thấy Yêm một la tử im lăng không trả lời thần Kim cang cầm chày Kim cang phát lửa sáng chói, có màu sắc như lửa đưa về phía Yêm một la tử, nghĩ rằng: "Thế tôn hỏi ba lần mà không chịu đáp thì ta sẽ đập vỡ đầu ra làm bảy mảnh". Do oai lực của Phật khiến cho Yêm một la tử nhìn thấy thần Kim cang, thấy rồi hết sức kinh sợ liền đáp: "tôi có nghe". Các Bà-la-môn kỳ cựu bạch Phật: "trước đây chúng tôi không tin lời Thế tôn nói, bây giờ mới biết dòng họ của Yêm một la tử là do nô tỳ của dòng họ Thích ca-sanh ra", Phật nói: "các vị cũng không nên khinh chê Yêm một la tử, vì sao, vì xưa kia tiên nhơn ấy có thần thông oai đức lớn. Do vua Cam giá có lỗi với tiên nhơn nên tiên nhơn niệm chú và thề độc để quở trách vua. Vua lo sợ nên tay trái dắt con gái, tay phải cầm bình vàng đem đến cho tiên nhơn lấy làm vợ, nhưng tiên nhơn không chịu". Lúc đó Phật thấy Yêm một la tử im lặng, cúi đầu không còn oai phong nữa nên bảo Yêm một la tử: "này Ma-nạp-bà, nếu một thanh niên dòng Sát-đế-lỵ lấy một thiếu nữ dòng Bà-la-môn và sanh được một trai, đứa bé này có được cùng ngồi, cùng cúng tế nước và đọc sách ở trong chúng Bà-la-môn không?", đáp là được, Phật lại hỏi: "đứa bé này có được phép quán đảnh của dòng Sát-đế-lỵ không?", đáp: "được, vì đứa bé này là cháu ngoại của Bà-la-môn và là cháu nội của dòng Sát-đế-lỵ", Phật lại hỏi: "nếu một thanh niên Bà-la-môn cưới thiếu nữ dòng Sát-đế-lỵ sanh được một trai, đứa bé này có được cùng ngồi, cùng cúng tế nước, cùng đọc sách ở trong chúng Bà-la-môn và được phép quán đảnh của dòng Sát-đế-lỵ không?, đáp: "được, vì đứa bé này là cháu nội của Bà-la-môn và là cháu ngoại của dòng Sát-đế-lỵ", Phật lại hỏi: "nếu thanh niên

dòng Sát-đế-lỵ phạm tội, bị dòng Sát-đế-lỵ đuổi đi thì đứa bé này có được cùng ngồi, cùng cúng tế nước và đọc sách ở trong chúng Bà-la-môn không?", đáp là được, lại hỏi: "có được phép quán đảnh của dòng Sát-đế-lỵ không?", đáp: "được, vì đứa bé này là người thân", Phật nói: "này Ma-nạp-bà, nếu thanh niên Bà-la-môn bị Bà-la-môn đuổi đi thì đứa bé này có được cùng ngồi, cùng cúng tế nước và đọc sách ở trong chúng Bà-la-môn không?", đáp là không được, lại hỏi: "có được phép quán đảnh của dòng Sát-đế-lỵ không?", đáp: "không được, vì người cha bị đuổi và bị gọi là Bà-la-môn Chiên đồ la", Phật nói: "Ma-nạp-bà nên biết, người sanh ra trong dòng họ Sát-đế-lỵ, được dòng họ coi là tôn quý; nhưng dòng Bà-la-môn thì không như vậy. Cho nên chủ thế giới Ta bà là Phạm thiên đã nói kệ:

Người kế thừa Sát lợi,
Tôn quý trong loài người,
Minh hạnh túc viên mãn,
Đứng đầu cõi trời người.

Này Ma-nạp-bà, ta nay cũng nói kệ như thế, ngươi nghĩ sao nếu Bà-la-môn tịnh hạnh cưới con gái Bà-la-môn sanh được một trai, đứa bé này có được cùng ngồi, cùng cúng tế nước và đọc sách ở trong chúng Bà-la-môn không?", đáp là được, Phật nói: "nhân việc cưới gả mà chấp nhận dòng họ, nếu có ai chấp trước vào dòng họ, tự nói ta là Ma-nạp-bà thì người đó không thể được Minh hạnh túc vô thượng; nếu xả bỏ ngã mạn mới có thể chứng được". Lúc đó Yêm một la tử bạch Phật: "hạng người cuồng say khinh mạn Thế tôn như con, quá khứ hiện tại cho đến vị lai đều không có, cui xin Thế tôn nói thắng pháp khiến con được chứng Minh hạnh túc", Phật nói: "Ma-nạp-bà hãy lắng nghe, Phật có đủ 10 hiệu Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, nói pháp yếu ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch. Người nào nghe được pháp này có thể sanh lòng tin, do tin nên chuyên tu học, biết được đời sống tại gia là nơi tích tụ khổ não, còn xuất gia là hướng đến chốn tịch tĩnh. Nếu ở tại gia thì thường bị phiền não trói buộc suốt đời, không thể tu tập phạm hạnh, nghĩ rằng: ta sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa với tâm chánh tín, bỏ nhà sống nếp sống không nhà, giữ tịnh giới đầy đủ pháp hạnh. Nếu có phạm tội nhỏ cũng sanh lo sợ, tất cả phẩm thiện thọ rồi tu học, bỏ sát sanh, dứt dao gậy, sanh tâm từ bi đối với các hữu tình, cho đến ruồi muỗi kiến cũng không sanh tâm sát hại" . Như trong phẩm Giới uẩn kinh Trường A cấp ma nói về Bà-la-môn Am bà sa.

Sau đó Phật đến tụ lạc Diệp nói kinh Tứ Phật tòa cho bốn chúng, kế đến tụ lạc Nhật xuất nói pháp cho hai chị em Hiền hỷ và Minh nguyệt. Phật lại từ nước Kiều-tát-la du hành trong nhân gian đến thành Thất-la-phiệt, trưởng giả Cấp-cô-độc đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Trưởng giả chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, trưởng giả liền trở về lo liệu mọi thứ để cúng dường, sáng hôm sau sai sứ đến thỉnh Phật… Phật thọ thực rồi nói pháp cho trưởng giả được lợi hỉ rồi ra về. Sau đó các Bà-la-môn, cư sĩ lần lượt thỉnh Phật và Thánh chúng thọ thực, khi các Bí-sô thọ thực chưa kịp ăn đã cho người nghèo đến xin trước, khiến các thí chủ chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "nên ăn xong rồi mới đem thức ăn dư cho người nghèo đến xin". Lúc đó có hai đồng tử đến xin, một thuộc dòng Bà-la-môn, hai thuộc dòng Sát-đế-lỵ; đồng tử dòng Bà-la-môn không biết giờ, Tăng chưa ăn đã đến xin trước nên không được thức ăn; đồng tử dòng Sát-đế-lỵ đợi Tăng ăn xong mới đến xin nên được nhiều thức ăn. Do nhân duyên này, đồng tử dòng Bà-la-môn nổi giận thề độc: "nếu có quyền lực, tôi sẽ chặt đầu các đệ tử của Thích ca vất bỏ trên mặt đất"; đồng tử dòng Sát-đế-lỵ phát nguyện: "nếu có quyền lực, hằng ngày tôi sẽ cúng dường cho Phật và các Bí-sô thức ăn đủ sáu mùi vị". Sau đó cả hai đến ngủ bên gốc cây, bỗng có chiếc xe ngựa phóng qua cán đứt đầu đồng tử Bà-la-môn, do việc này Phật nói kệ:

"Ý thường dẫn đầu,
Trong việc tạo nghiệp.
Tâm mà tức giận,
Mau thọ quả báo,
Khổ đến bức thân,
Xe cán đứt đầu".

A-nan-đà hỏi Phật kệ này có nghĩa gì, Phật nói: "thầy có thấy đồng tử dòng Bà-la-môn sanh tâm bất thiện đối với Bí-sô tăng, phát lời thề độc nên bị xe cán chết. Ta vì việc này nên nói kệ trên".

Lúc đó trong thành Thất-la-phiệt có một trưởng giả qua đời, không có con kế thừa, các Bà-la-môn cư sĩ đang bàn bạc việc này thì chợt thấy đồng tử dòng Sát-đế-lỵ nằm bên gốc cây, mặt trời đã nghiêng về Tây nhưng bóng cây vẫn che mát cho đồng tử. Cho là điềm lạ nên mọi người dẫn về cho kế thừa gia tài của trưởng giả. Lúc đó đồng tử suy nghĩ: "đây là nhờ oai lực của Phật pháp tăng, ta nên thỉnh Phật và các Bí-sô cúng dường", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế

tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho đồng tử được lợi hỉ rồi im lặng. Đồng tử chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời… Phật thọ thực rồi xứng cơ nói pháp khiến cho đồng tử ngay nơi tòa ngồi chứng quả Dự lưu… đồng tử xin quy y Tam bảo cho đến trọn đời không thối chuyển, đảnh lễ Phật rồi ra về. Phật sau khi về đến trú xứ liền nói kệ:

"Ý thường dẫn đầu,
Trong việc tạo nghiệp,
Tâm ý thanh tịnh,
Liền hưởng quả lành".

A-nan-đà hỏi Phật ý nghĩa của bài kệ, Phật nói: "thầy có thấy đồng tử dòng Sát-đế-lỵ do phát lòng tin Phật và Thánh chúng nên được các Bà-la-môn dẫn về cho kế thừa gia tài của trưởng giả, do việc này nên ta nói kệ trên". Sau đó Phật đến tụ lạc Bà la la nói kinh Tứ Phật tòa, đến tụ lạc Thắng thổ lại nói kinh Tứ Phật tòa, kế đến tụ lạc Sư tử cũng nói kinh Tứ Phật tòa, đến tụ lạc Tân cũng nói kinh Tứ Phật tòa, vào trong thành cũng nói kinh Tứ Phật tòa. Lúc đó trong thành Vương xá có hai phạm chí tên là Vi tòa và Cao tòa ở bên ao Ma-kiệt-đà, ban đêm ăn hết số cá đã câu được, sáng hôm sau ngồi trên ghế cao tụng kệ:

"Thực hành chánh pháp,
Đó là Bí-sô,
Xả bỏ mọi việc,
Đó là đường thiền".

Do quán biết đã đến lúc điều phục được hai phạm chí này nên Phật đi đến chỗ họ nói kệ:

"Ngươi nên chứng ngộ,
Như đã nói kệ,
Bên ngoài tợ thiện,
Trong tâm bất tịnh,
Lặng lẽ điều phục,
Chớ hại chúng sanh,
Lìa các việc ác,
Đó là đường thiền.
Nếu thân miệng ý,
Không làm việc ác,
Điều phục chính mình,
Đó là đường thiền".

Hai phạm chí nghe kệ rồi suy nghĩ: "Kiều-đáp-ma đã biết được tâm ta", nghĩ rồi liền sanh cung kính, Phật quán căn tánh xứng cơ nói bốn đế lý khiến cho hai phạm chí nghe pháp rồi liền chứng quả Dự lưu. Sau đó do các Bí-sô thấy hai phạm chí ngồi trên ghế cao nghe pháp mà được chứng quả nên bắt chước, có một Bí-sô ngồi trên ghế cao ở trước Phật nghe pháp, đáng lẽ nghe pháp xong được chứng quả nhưng Bí-sô này lại không được, Phật quán biết là do ngồi trên ghế cao nghe pháp với tâm không kính trọng nên chế học xứ không cho các Bí-sô làm như thế nữa.

Sau đó Phật rời khỏi thành Vương xá đến tụ lạc Đa căn thọ vào trong làng khất thực, lúc đó có một người nữ ở thành Kiếp-tỷ-la theo chồng đến ở trong làng này, thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, liền suy nghĩ: "Thế tôn đã bỏ ngôi vị Luân vương xuất gia tu đạo, khất thực để sống, nếu Phật đến chỗ ta, ta sẽ cúng dường bột gạo rang", Phật quán biết ý nghĩ của người nữ này nên đi đến chỗ người nữ nói rằng: "hãy bỏ thức ăn đầy bát cho ta", thấy Phật biết được ý nghĩ của mình, người nữ càng thêm cung kính liền dâng đầy bát bột gạo rang. Lúc đó Phật liền mỉm cười, thường pháp của Phật là khi Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại Thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân

thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

"Người phải nghe Phật dạy
Dốc cầu đạo xuất ly
Phá được quân sanh tử
Như voi phá nhà tranh.
Ở trong pháp luật Phật
Dũng tiến thường tu học
Xa lìa đường sanh tử
Bờ mé khổ không còn".

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó ánh sáng nhiễu quanh Phật ba vòng rồi vào giữa hai chân mày, A-nan-đà bạch Phật: "Thế tôn, Như lai Ứng chánh đẳng giác mỉm cười không phải là không có nhân duyên", liền nói kệ thỉnh Phật… cho đến câu Phật bảo A-nan-đà: "đúng vậy, Như lai Ứng chánh đẳng giác mỉm cười không phải là không có nhân duyên. Thầy có thấy người nữ Bà-la-môn vừa cúng dường bột gạo rang cho ta với tâm tín kính không?", đáp là thấy, Phật nói: "do căn lành này, từ đây về sau suốt 13 kiếp, người nữ này sẽ không đọa trong ba đường ác, chỉ luân hồi thọ sanh trong cõi trời người, thân sau cùng sẽ chứng quả Độc giác hiệu là thiện nguyện". Tin này không mấy chốc lan truyền khắp nơi, chồng của người nữ kia đang đi vào trong rừng hái trái cây và đốn củi, nghe được tin này liền nổi giận đi đến chỗ Phật hỏi: "ông đã đến nhà tôi được vợ tôi bố thí gạo rang, ông liền thọ ký đời vị lai sẽ thành Phật Bích chi phải không?", Phật nói phải, người chồng nói: "Kiều-đáp-ma, ông bỏ ngôi Luân vương xuất gia mà còn nói dối để được cúng bột gạo rang. Ai sẽ tin theo ông bố thí một hạt giống nhỏ mà lại được quả báo lớn như thế", Phật nói: "Bà-la-môn, do nhân duyên này ta hỏi, ông nên tùy ý đáp. Ý ông nghĩ sao, ông có thấy pháp hy hữu nào không?", đáp: "Kiều-đáp-ma, không cần pháp hy hữu nào khác, ngay trong tụ lạc Đa căn thọ này tôi đã thấy việc hy hữu. Ở phía đông làng này có cây Noa cù đà cao lớn sum suê, dưới gốc cây thường có 500 chiếc xe đậu mà không trở ngại nhau, do việc này nên lấy tên cây đặt tên ngôi làng", Phật nói: "hạt của Đa căn thọ đó bao lớn, có lớn bằng bờ ruộng hay hàng rào dậu, trục bánh xe, cái ky hoặc bằng trái Tần loa… hay không?", đáp: "không, chỉ bằng một phần tư của hạt cải", Phật nói: "Bà-la-môn, ai sẽ tin điều ông nói là từ một hạt giống nhỏ như thế mà có thể sanh ra cây đại thọ cao lớn như thế", đáp: "mặc cho ông có tin hay không, chính mắt tôi đã thấy, vả lại đất đai vùng này không cằn cỗi mà rất phì nhiêu, hạt

giống tuy không lớn nhưng được gieo đúng cách, mưa gió thuận thời nên cây phát triển to lớn như thế". Phật do nhân duyên này nói kệ:

"Như ruộng và hạt giống,
Ông đã chính mắt thấy.
Đối với nghiệp quả báo,
Như lai đích thân chứng.
Như điều ông đã thấy,
Hạt nhỏ thành cây lớn.
Cũng vậy, ta đã thấy,
Nhân nhỏ thành quả lớn".

Nói kệ rồi, Phật đưa lưỡi dài rộng ra đến mí tóc rồi hỏi Bà-la-môn: "ý ông nghĩ sao, người có thể đưa lưỡi dài rộng ra đến mí tóc, ở trên trăm ngàn ngôi vị luân vương mà nói dối hay chăng?", liền đáp là không, Phật liền nói kệ:

"Bản thân ta chưa từng nói dối,
Tướng lưỡi rộng dài do thành Phật.
Hôm nay ông phải nói như vầy :
Nhờ gặp Như lai được giác ngộ".

Nghe kệ rồi Bà-la-môn liền sanh kính ngưỡng, Phật quán biết ý ngạo tùy miên xứng cơ nói pháp khiến cho Bà-la-môn này được chứng quả Dự lưu và xin quy y Tam bảo, thọ trì năm học xứ, đảnh lễ Phật rồi ra về.

Sau đó Phật đến tụ lạc Trùng-tỳ-la, như trong Tạp A cấp ma có nói rõ kinh này. Kế Phật đến tụ lạc biên địa, nơi đây có cậu của Đại Mục-kiền-liên xuất gia học đạo với Tiên nhơn, Phật quán biết chỉ có

Đại Mục-kiền-liên mới điều phục được ông ấy nên bảo Mục liên đến đó điều phục. Đến nơi, vị Tiên nhơn bảo mục liên: "hãy dừng lại, chớ vào, đây là chỗ tu đạo của Bà-la-môn", đáp: "tôi cũng là Bà-la-môn", Tiên nhơn nói kệ:

"Trên thân không phạm tuyến,
Không mang đồ cúng tế,
Đầu trọc, chẳng thờ lửa,
Vọng nói Bà-la-môn".

Mục liên nói kệ đáp:

"Hổ thẹn là phạm tuyến,
Chánh huệ, đồ cúng tế,
Thường mang nước tịnh giới,
Thanh tịnh là quân trì,

Nói thật là đốt lửa.
Trong tâm thường tịch định,
Yên tu hạnh điều phục,
Đấy chính là thờ lửa".

Tiên nhơn nói: "dù cho như vậy cũng không để Sa môn cạo tóc vào chỗ ở của tôi". Lúc đó Đại Mục-kiền-liên liền dùng thần lực hóa sanh trận mưa lớn rồi đến ngồi bên gốc cây cạnh cái ao, thị giả của Long vương Nan-đà và Ô-ba-nan-đà sống trong ao này suy nghĩ: "Thánh giả Mục liên được hai Long vương kính trọng, ta nên đến cúng dường", nghĩ rồi liền ra khỏi Long cung, đến chỗ Mục liên đang ngồi quấn quanh tôn giả bảy vòng rồi dùng đầu che trên đầu tôn giả. Thường pháp của Tiên nhơn là nếu thấy chúng sanh bị khổ bức thân mà không khởi ý cứu giúp thì thối thất đạo tiên, lúc đó tiên nhơn suy nghĩ: "người xuất gia ấy gặp mưa lớn bị khổ bức thân, nếu ta không giúp sẽ thối thất đạo tiên", nghĩ rồi liền đến chỗ Mục liên bảo vào trong am ngồi, Mục liên nói: "đại tiên đã mất đạo tiên". Lúc đó tiên nhơn bỗng nhận ra người xuất gia này chính là cháu của mình, liền hỏi: "Thánh giả là Mục liên phải không?", đáp: "mọi người gọi là Mục liên". Lúc đó Mục liên dẫn Tiên nhơn đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật rằng: "Thế tôn, đây là cậu của con đã xuất gia theo đạo tiên, cúi xin Thế tôn thương xót cứu hộ", Phật quán biết ý ngạo tùy miên xứng cơ nói pháp khiến cho Tiên nhơn này sau khi nghe pháp xong liền chứng quả Bất hoàn, Tiên nhơn chắp tay bạch Phật: "con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, thành tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Phật nói: "thiện lai Bí-sô", Phật vừa nói xong râu tóc liền tự rụng, Tăng-già-lê mặc trên thân, oai nghi thành tựu. Sau khi Đại Mục-kiền-liên đi rồi, thị giả rồng còn ở đó hóa làm tiên nhơn ở trong am, lúc đó trong làng bị hạn hán, dân chúng kéo đến chỗ hóa tiên nhơn yêu cầu cứu giúp, hóa tiên nhơn bảo dân chúng hãy đến đây sống sẽ thoát nạn, dân chúng nghe theo lời đến ở. Do thị giả rồng làm lọng che cho tôn giả Mục liên nên dân trong làng đặt tên làng là Lọng rồng, sau đó có một thiện nam tín tâm ngay nơi đó xây lên một ngôi chùa.

Sau đó Phật đi đến thành Ma đô lượng, như trong Tương ưng trụ có nói rõ. Kế Phật từ thành Câu lỗ du hành đến tụ lạc Đại thương và nói kinh Hộ quốc ở đó.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 9

Lúc đó Phật đi đến thành Voi, có một Bà-la-môn thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, bước đi như núi báu liền nói kệ khen ngợi Phật:

"Thân sắc màu vàng ròng,
Mắt trong và mày rộng,
Thành tựu tâm từ bi,
Đầy đủ các công đức,
Bậc Điều ngự trượng phu,
Là Trời trong loài Trời,
Đã vượt qua biển Hữu".

Phật nghe kệ rồi liền mỉm cười, thường pháp của Phật là khi Phật mỉm cười, trong miệng phóng ra ánh sáng lớn… giống như đoạn văn trên cho đến câu ánh sáng xoay quanh Phật ba vòng rồi vào đảnh đầu. Lúc đó cụ thọ A-nan-đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

"Trên khuôn mặt Thế tôn,
Phát ra ngàn hào quang,
Như mặt trời mới mọc,
Chiếu sáng khắp 10 phương.
Lìa bỏ tâm kiêu mạn hạ liệt,
Chư Phật tối thượng trên thế gian,
Không duyên cớ Phật không mỉm cười,
Điều phục phiền não các oán địch".

Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Đúng vậy A-nan-đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười.

Thầy có nghe thấy Bà-la-môn kia nói kệ khen ngợi Ta không. Nhờ công đức thiện căn khen ngợi này, suốt trong 20 kiếp Bà-la-môn kia sẽ

không đọa trong ác đạo, thường được sanh trong cõi trời người, khi mang thân cuối cùng sẽ chứng quả Phật Bích chi hiệu là Ưng tán". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật, Phật nói: "các thầy lắng nghe, Bà-la-môn này không phải chỉ ngày nay nhờ ca ngợi Như lai nên được ta thọ ký thành Phật Bích chi, mà trong quá khứ cũng nhờ khen ngợi ta mà được vua ban cho năm tụ lạc lớn : Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có vị vua tên là Phạm thọ, dùng chánh pháp cai trị nên đất nước giàu có an vui, dân chúng đông đúc không có tật bịnh, vua rất thích người tài học. Lúc đó trong thành có một Bà-la-môn tài học, người vợ nói: "trời sắp lạnh, anh hãy đến bên vua khéo tán tụng làm cho vua hoan hỉ, vua sẽ ban cho anh áo lạnh", Bà-la-môn liền đến chỗ vua, thấy vua cởi voi từ thành đi ra liền suy nghĩ: "ta nên tán tụng vua trước hay tán tụng con voi trước. Con voi này ai thấy cũng yêu mến, ta nên tán tụng voi trước", nghĩ rồi liền nói kệ khen voi:

"Như voi của Đế thích,
Oai quang đủ sắc diệu,
Mạnh mẽ và trang nghiêm,
Voi của vua cũng vậy".

Vua nghe rồi rất vui liền nói kệ đáp:

"Voi yêu quý của ta,
Ai thấy đều hoan hỉ,
Ngươi khéo ca ngợi nó,
Đáng ban năm tụ lạc".

Này các Bí-sô, voi chúa ngày xưa chính là thân ta, Bà-la-môn ca ngợi voi ngày xưa chính là Bà-la-môn vừa ca ngợi ta. Xưa kia nhờ nói kệ khen ta nên được vua ban cho năm tụ lạc, ngày nay nhờ nói kệ khan ngợi ta nên được ta thọ ký sẽ chứng quả Phật Bích chi".

Sau đó Phật đến một thành lớn, sự việc như trong kinh Tứ Phật tòa có nói rõ. Kế Phật đến thành Tố lỗ yết quần, trong thành có một Bà-la-môn tên là Nhân đà la, tuổi trẻ học rộng nghe nhiều, tự cho mình là thông minh, đối với các hạng người từng không để lòng, khi nghe tin Phật đã đến thành này liền suy nghĩ: "ta nghe Sa môn Kiều-đáp-ma có dung mạo đoan nghiêm, ta nên đến xem vị ấy có oai nghiêm hơn ta chăng". Lúc đó Phật đang nói pháp yếu cho đại chúng nghe, Bà-la-môn này đi đến chỗ Phật, thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng 1 tầm, sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, liền suy nghĩ: "Sa môn Kiều-đáp-ma đẹp hơn ta, nhưng không cao bằng ta", nghĩ rồi liền nhìn lên đảnh đầu của Phật, nhưng nhìn không thấy được, bèn leo lên chỗ cao

để nhìn cũng không thấy được. Phật liền nói: "cho dù ngươi có leo lên đỉnh núi Diệu cao cũng không thể nhìn thấy được, ngươi há không nghe nói các trời, A-tu-la và loài người ở thế gian đều không thể nhìn thấy được đảnh tướng của Như lai hay sao. Nếu ngươi muốn biết chiều cao của thân Như lai thì hãy ở dưới đất chỗ thờ lửa tại nhà ngươi có một cây Ngưu đầu chiên đàn , ngươi hãy rút nó lên và dùng để đo thì có thể biết được chiều cao của thân do cha mẹ sanh của như lai", Bà-la-môn suy nghĩ: "đây là việc kỳ lạ ta chưa từng nghe qua", nghĩ rồi liền về nhà đào lấy cây Ngưu đầu chiên đàn lên thì thấy đúng như lời Phật nói, liền sanh lòng tin nghĩ rằng: "Sa môn Kiều-đáp-ma chắc chắn là bậc Nhất thiết chủng trí, ta nên đến thừa sự cúng dường", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật ca ngợi rồi ngồi một bên. Phật quán biết ý ngạo tùy miên xứng cơ nói pháp khiến cho Bà-la-môn này được chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả liền xin quy y Tam bảo và thọ trì năm học xứ rồi chắp tay bạch Phật: "nếu Thế tôn cho phép, con sẽ dựng cột Ngưu đầu chiên đàn cho mọi người đều biết", Phật nói tùy ý, Bà-la-môn liền đem cây Ngưu đầu chiên đàn ở nhà mình đến chỗ tịch tĩnh dựng lên rồi thiết trai hội cúng dường, các Bà-la-môn cư sĩ khác kết cỏ kiết tường trên cột để cầu phước. Do Bà-la-môn Nhân đà la thiết trai hội này nên ngày hội ấy được gọi là ngày hội Nhân đà la.

Phật hiện đại thần thông lúc nào thì ngoại đạo thất sắc thối lui lúc ấy, họ chạy đến vùng biên địa hoặc đến nhà của các cận sự Bà-la-môn. Lúc đó Phật từ nước Kiều-tát-la du hành đến tụ lạc Bà-la-môn, nghe tin Phật đến, các ngoại đạo hốt hoảng chạy đến nhà các cận sự nói rằng: "chúc các vị thêm phước, tôi xin từ giả ra đi", họ nghe rồi liền hỏi nguyên do, liền đáp: "chúng tôi thấy các vị giàu có, không muốn các vị bại vong nên mới ra đi", liền hỏi: "vì sao chúng tôi bị bại vong?", đáp: "các vị nên biết Sa môn Kiều-đáp-ma cùng 1200 tùy tùng sắp đến đây, họ sẽ giáng xuống mưa đao mưa đá và làm cho vô số phụ nữ có con trở thành không con", mọi người nói: "nếu như thế thì các vị hãy ở lại giúp chúng tôi, bỏ đi như vậy là không tốt", các ngoại đạo nói: "nếu các vị lập giao ước thì chúng tôi sẽ ở lại, đó là làm hại Sa môn Kiều-đáp-ma", mọi người nhận lời rồi cùng cầm dao gậy cung tên ra đứng giữa đường, có một cụ già thuộc dòng họ thích thấy vậy liền hỏi: "các vị định làm gì?", đáp là đi giết kẻ thù, liền hỏi ai là kẻ thù, đáp là Sa môn Kiều-đáp-ma, cụ già nói: "nếu Thế tôn là kẻ thù của các ông thì ai là bạn của các ông, hãy về đi". Cụ già thấy họ không chịu quay về liền suy nghĩ: "không thể nói pháp mà điều phục họ được, phải dùng oai lực mới được", nghĩ rồi liền vào làng phóng hỏa khắp bốn phía khiến cho mọi người trong làng đều kinh hãi kêu gào, những người định hại Phật nghe

tiếng kêu gào liền nói với nhau: "Sa môn Kiều-đáp-ma cách đây còn xa mà đã gây tổn thất lớn cho chúng ta như thế, chúng ta hãy quay về dập tắt lửa", nhưng khi quay về không thể nào dập tắt được ngọn lửa. Lúc đó Phật vừa đến nơi thấy vậy liền nói: "ta sẽ dập tắt lửa cho mọi người", vừa nói dứt lời do oai lực của Phật lửa đều tắt hết, mọi người thấy rồi đều sanh lòng tin bạch Phật: "Thế tôn vì việc gì mà đến đây?", Phật nói: "vì làm lợi ích cho mọi người nên đến". Lúc đó Phật quán biết ý ngạo tùy miên xứng cơ nói pháp khiến cho họ được chứng quả Dự lưu, các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, cụ già họ Thích này vì thương người thân nên đốt làng, do nghiệp lực này có mặc vô lượng tội không?", Phật nói: "không phải chỉ đời này vì thương người thân mà cụ già ấy đốt làng, vô số đời trong quá khứ cũng đã từng vì người thân mà đốt làng. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa trong một tụ lạc nọ có 500 con vượn sinh sống, do chúng phá hoại mùa màng nên dân trong làng bàn với nhau: "nên làm kế gì để dứt họa này?", một người nói: "nên giết hết bầy vượn kia mới dứt được họa", một người hỏi: "giết chúng bằng cách nào?", một người nói: "nên chặt hết cây quanh làng, chỉ chừa lại một cây hồng rồi đặt gai góc bốn phía, khi hồng chín chúng sẽ leo lên cây hái trái ăn, lúc đó chúng ta sẽ giết hết chúng". Mọi người nghe theo, đợi đến khi hồng chín bầy vượn leo hết lên cây liền cầm dao gậy đến để chặt cây, bầy vượn thấy đều sợ hãi chuyền qua lại trên cành nhưng vượn chúa vẫn thản nhiên ăn trái, bầy vượn nói: "chúng ta đang gặp nguy khốn, vì sao vẫn thản nhiên ăn trái?", Vượn chúa nói kệ:

"Tất cả người đa sự,
Tự nhiên sanh chướng ngại,
Cây lớn rất khó chặt,
Cứ ăn chớ sợ hãi".

Lúc đó trong bầy vượn có một con vượn con bị cột trói trong làng đang rầu rĩ, một con vượn khác liền hỏi nguyên do, nó nói: "người trong làng này định giết hết quyến thuộc của tôi, tôi đang bị trói không giúp gì được nên tôi lo buồn", vượn kia nói: "tôi sẽ mở trói cho bạn". Được mở trói, con vượn con liền chạy đi đốt làng, những người định chặt cây nghe tiếng kêu la liền bảo nhau: "những con vượn này còn cách chúng ta xa, chưa thể giết chúng ngay được, nhưng làng đang bị cháy chúng ta phải cứu lửa trước", nói xong họ bỏ chạy về làng lo cứu lửa, bầy vượn trèo xuống đi tránh nạn.

Này các Bí-sô, con vượn con ngày xưa chính là cụ già dòng họ Thích ngày nay, không phải chỉ đời này vì thương người thân mà đốt làng, quá khứ cũng vì thương người thân mà đốt tụ lạc".

Sau đó Phật đến thành Ca-la và nói kinh Tứ Phật tòa, kế đến thành Lư hê đức ca, dừng nghỉ trong cung Dược xoa Tượng lực. Lúc đó Dược xoa này đang đi tuần tra các Dược xoa, nghe tin Phật đã vào thành và dừng nghỉ trong cung của mình, liền trở về cung đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Dược xoa được lợi hỉ rồi im lặng. Dược xoa Tượng lực chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn hãy nghỉ lại trong cung của con đêm nay", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, Dược xoa Tượng lực liền hóa 500 phòng ở trong cung có đầy đủ giường, ngọa cụ… để cúng dường cho Phật và Tăng. Dược xoa Tượng lực có một Dược xoa bạn tên là Khuất để ca đang ở trong nước Ca thấp di la, liền sai sứ đến nói với người bạn ấy: "tôi đã thỉnh Phật và Tăng, ở phương Bắc chỗ bạn có trái cây gì hãy mang đến để cúng dường". Khuất để ca chất đầy nho vào thùng đưa cho sứ Dược xoa mang về, chất thành một đống lớn, các Bí-sô nhìn thấy không biết là loại trái gì, Phật nói: "đây là trái nho trồng ở phương Bắc, các Bí-sô nên dùng lửa tác tịnh rồi mới ăn". Lúc đó các Bí-sô tác tịnh từng trái kéo dài thời giờ, Phật nói: "không nên tác tịnh từng trái, nên ở trên đống trái cây lấy một đốm lửa tác tịnh vào ba chỗ là được". Dược xoa Tượng lực đem thức ăn uống dâng lên cúng dường Phật và Tăng… cho đến câu Phật nói pháp cho Dược xoa được lợi hỉ rồi đứng dậy. Lúc đó Phật thấy nho còn dư nhiều nên bảo các Bí-sô ép lấy nước, các Bí-sô ép rồi nấu, do nấu chưa chín nên nước nho lên men sủi bọt lên, Phật nói: "nên nấu cho chín rồi đem cất dùng làm nước uống phi thời cho chúng tăng".

Sau khi về phòng, Phật suy nghĩ: "ta ra đời tuổi thọ ngắn, giờ nhập Niết-bàn của ta sắp đến mà còn nhiều việc giáo hóa cần phải làm; nếu ta cùng A-nan-đà đi đến các nước ở Bắc thiên trúc thì khó thành tựu việc giáo hóa, ta nên đi cùng Dược xoa Kim cang thủ", nghĩ rồi Phật liền nói kệ gọi Dược xoa ấy đến:

"Người có niệm hiền thiện,
Người chánh niệm an ổn,
Người chánh niệm ngủ ngon,
Tư duy được tịch tĩnh.
Người có niệm nguyện thiện,
Người chánh niệm an ổn,
Người chánh niệm ngủ ngon,
Xa lìa tâm hơn thua".

Nói kệ rồi bảo Dược xoa cùng đi đến Bắc Thiên trúc để điều phục Long vương A-bát-la bằng thần thông. Từ xa trông thấy rừng xanh, Phật

nói với Dược xoa: "sau khi ta diệt độ 100 năm, ở nơi đó sẽ có một Tỳ-ha-la được dựng lên, rất tốt cho người tu Xa-ma-tha".

Kế Phật và Dược xoa đến tụ lạc Tích tập, trong tụ lạc này có Dược xoa Giác lực rất bạo ác, tuy dân làng thường cúng tế nhưng vẫn bị dược xoa này làm tổn hại. Nghe tin Phật đã đến, dân làng cùng đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Họ chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, Dược xoa Giác lực là kẻ thù của dân làng trong một thời gian dài thường làm tổn hại, cúi xin Thế tôn thương xót chúng con điều phục dược xoa này", lúc đó Dược xoa Giác lực cũng đang có mặt, Phật liền bảo nên bỏ tâm ác, Dược xoa Giác lực nói: "con sẽ bỏ tâm ác không làm tổn hại nữa". Phật liền cho Dược xoa quy y Tam bảo và thọ tịnh giới, Dược xoa liền dựng lên một ngôi chùa tên là Xưng tập được những người có tín tâm cúng dường đầy đủ. Khi Phật ra đi, Dược xoa Giác lực đi theo, Phật nói: "ngươi hãy trở về giữ gìn chùa ấy, sau khi ta diệt độ ngươi hãy đem xương vai của ta cất giữ, sau này sẽ có người xây tháp thờ gọi là tháp tích tập".

Kế Phật đến tụ lạc Nê-đức-lặc-ca để điều phục Dược xoa Pháp lực… Dược xoa này dựng một ngôi chùa tên là Nê-đức-lặc-ca.

Kế Phật đi đến bờ sông Tín độ thị hiện thần biến để điều phục người lái đò khiến được kiến đạo và điều phục Dược xoa Lộc-điệp, dược xoa này còn lưu lại một dấu chân gọi là dấu chân Lộc-điệp.

Kế Phật đi đến trú xứ của tiên nhơn để điều phục tiên nhơn Trượng quán, chỗ nằm ngồi của tiên nhơn đó gọi là chỗ nằm ngồi Trượng quán. Lúc đó Phật cùng Dược xoa Kim cang thủ vào trong cung của Long vương Vô đạo cán, thấy Phật vào Long vương này nổi giận khởi tâm làm hại bay lên hư không giáng xuống mưa đá và đất đá. Phật nhập định từ bi khiến cho mưa đá và đất đá biến thành các loại hương bột Chiên đàn… rơi xuống; Rồng liền phóng ra các loại binh khí thì các thứ ấy đều biến thành hoa sen bốn màu rơi xuống ; Rồng phun ra mây khói, Phật cũng dùng thần lực phóng ra mây khói khiến cho tâm cuồng mạn cống cao của rồng dứt diệt, rồng bèn vào trong cung nằm nghỉ.

Lúc đó Phật suy nghĩ: "có hai cách điều phục rồng là làm cho nó sợ hãi hoặc làm cho nó nổi giận, nhưng đối với Long vương này, ta nên làm cho nó sợ hãi", nghĩ rồi Phật bảo Dược xoa Kim cang thủ: "ngươi hãy xúc não Long vương ác này". Dược xoa vâng lời Phật dạy, cầm chày kim cang đập phá ngọn núi làm cho núi nghiêng ngã xuống lấp phân nửa ao mà rồng đang nương ở, Long vương sợ hãi định trốn chạy, Phật nhập định Hỏa giới

khiến 10 phương đều có lửa. Long vương không còn đường chạy trốn, thấy chỉ có chỗ Phật đứng là không có lửa liền chạy đến chỗ Phật đảnh lễ bạch rằng: "vì sao Thế tôn não loạn tôi?", Phật nói: "ta là Pháp vương sao lại não loạn ngươi, nếu ta không đạt được lòng từ thù thắng thì ta đã diệt độ lâu rồi và chỉ còn lại cái tên suông", nói rồi Phật dùng bàn tay vô úy kiết tường có tướng thiên bức luân xoa lên đảnh đầu của Long vương nói rằng: "Hiền thủ nên biết, do cúng dường thức ăn uống thơm ngon và thí bình nước sạch cho các Thanh văn, đáng lẽ ngươi được sanh lên cõi trời Tam thập tam; chỉ vì ngươi phát nguyện tà vạy nên nay phải mang thân súc sanh giết hại chúng sanh, sau khi chết sẽ bị đọa vào địa ngục", Long vương bạch Phật: "cúi xin Thế tôn chỉ dạy cho con việc nên làm", Phật nói: "ngươi nên quy y Tam bảo và thọ tịnh giới rồi ban sự vô úy cho dân chúng đang sống ở Ma-kiệt-đà", Long vương nói: "con xin nghe theo lời Phật dạy". Lúc đó Long vương cùng vợ con quyến thuộc đều quy y Tam bảo và thọ tịnh giới, kế bạch Phật: "còn có Long vương tên là Tiễn, cúi xin Thế tôn cho thọ tịnh giới để phát tâm từ bi không làm hại chúng sanh nữa". Phật điều phục Long vương và các quyến thuộc rồng xong rồi ra đi, từ xa trông thấy một khu rừng màu xanh lục, Phật bảo Dược xoa Kim cang thủ: "sau khi ta diệt độ 100 năm, ở nước Ca thấp di la này sẽ có đệ tử Bí-sô điều phục rồng độc Hổ lỗ trà rồi xin rồng ấy một chỗ ngồi kiết già, phương tiện truyền bá chánh pháp khắp nơi đây, đây là nơi tu Tỳ-bát-xa-na tốt nhất".

Kế Phật đến tụ lạc Túc lô để điều phục Tiên nhơn và Dược xoa Bất phát tác cùng các quyến thuộc, ở tụ lạc Kiền đà điều phục nữ Dược xoa và các quyến thuộc ; kế đến thành Đạo cốc lầu các giáo hóa mẹ của vua Thắng quân khiến bà trụ nơi bốn chân đế; kế đến thành Nãi lý dật đa, trong thành này có một người thợ gốm ỷ vào nghề khéo léo của mình nên sanh ngã mạn, đồ gốm được làm ra để nguyên trên bàn quay gốm, đợi khô mới lấy xuống. Biết đã đến lúc điều phục, Phật hóa thành một thợ gốm đến nói với thợ gốm kia: "đồ gốm của ông sao giống như từ trên bàn quay gốm mới đem xuống", đáp: "đã khô rồi mới lấy xuống", hóa thợ gốm nói: "tôi cũng để khô rồi mới lấy xuống như ông, nhưng tôi còn có thuật khác", liền hỏi là thuật gì, đáp: "không những ở trên bàn quay gốm làm ra đồ gốm đã thành, tôi còn có thể làm ra các vật bằng bảy báu". Sau khi thấy rồi thợ gốm kia tin phục, lúc đó phật thu nhiếp thần biến hiện trở lại bổn thân, nói pháp vi diệu khiến cho người thợ gốm kia cùng quyến thuộc trụ nơi bốn chân đế.

Sau đó Phật đến thành Lục sa nói pháp cho Dược xoa Bộ đa và các quyến thuộc, khiến họ quy y Tam bảo và thọ tịnh giới ; ở thành Hộ tích điều phục người chăn bò và Long vương Tô giá. Kế đến thành Tăng hỷ

điều phục vua Thiên hữu và các quyến thuộc khiến họ trụ nơi bốn chân đế; kế điều phục bảy người con của dòng họ Chiên đồ la và Dược xoa Hộ ao cùng các quyến thuộc. Bên cạnh thành này có một cái ao lớn, A thấp phược ca và Bố nại bà tố đều thọ thân rồng ở trong ao này, sau 12 năm chúng mới xuất hiện với tâm sân giận nghĩ rằng: "Thế tôn không nói pháp cho ta nghe khiến chúng ta đọa trong ác đạo mang thân rồng này, chúng ta phải hủy hoại pháp Phật", lúc đó Phật suy nghĩ: "hai con rồng độc này có oai lực lớn, sau khi ta diệt độ chúng sẽ phá hoại giáo pháp của ta", nghĩ rồi liền đến bên ao nói với hai rồng: "ta sẽ nói pháp cho hai ngươi nghe", hai rồng nói: "chúng tôi há có thể hiểu được hay sao?", nói rồi liền lặn xuống nước nghĩ là dù Thế tôn có nói pháp chúng cũng không hiểu được, Phật liền lưu lại bóng mình trên mặt ao, thấy bóng Phật chúng cho là Phật vẫn còn ở trên bờ ao. Cũng tại nơi đây Phật điều phục hai nữ Dược xoa Na lợi ca và NA-trà đạt đa.

Sau đó Phật đến thành Quân để, trong thành có một nữ dược xoa tên Quân để rất bạo ác, nó bắt con trai con gái của dân trong làng để ăn thịt. Nghe tin Phật đến ở ngoài thành, dân chúng trong thành rủ nhau ra khỏi thành đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Dân làng chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô thọ chúng con thỉnh thực vào ngày mai"… cho đến câu sau khi Phật thọ thực xong, họ cầm bình vàng đến rót nước cho Phật và cầu xin rằng: "Thế tôn đã điều phục rồng độc và dược xoa ác, Dược xoa Quân để này đã làm tổn hại chúng con trong một thời gian dài, thường bắt con của chúng con ăn thịt, cúi xin Thế tôn thương xót điều phục dược xoa này". Lúc đó dược xoa Quân để cũng có mặt, Phật nói: "ngươi đã nghe rồi chứ, lâu nay ngươi đã phi pháp tạo nghiệp tội", dược xoa bạch Phật: "nếu mọi người hứa lập cho con một ngôi miếu thờ thì con sẽ dứt bỏ việc làm ác này", Phật quay qua hỏi ý kiến của dân làng, mọi người đều chập nhận lời yêu cầu của nữ Dược xoa, sau khi điều phục xong nữ Dược xoa cùng các quyến thuộc Phật đi đến tụ lạc Khát thọ la. Đến nơi thấy có một đồng tử nặn đất làm hình tháp để chơi, Phật nói với Dược xoa Kim cang thủ: "sau khi ta diệt độ, vua Ca-ny-sắc-ca sẽ xây một tháp lớn gọi là tháp Ca-ny-sắc-ca ngay chỗ đồng tử nặn hình tháp và làm nhiều Phật sự khác".

Trên đường từ tụ lạc Lư hê đắc cho đến cung của Long vương Vô đạo cán, Phật đã điều phục được bảy vạn bảy ngàn hữu tình rồi trở về trú xứ vào phòng ngồi tĩnh tọa, đến xế chiều xuất định bảo A-nan-đà cùng đi đến tụ lạc Cô vương, A-nan-đà bạch Phật: "Thế tôn trước có nói sẽ đến Bắc

Thiên trúc để điều phục Long vương Vô đạo cán , sao nay lại bảo cùng di đến tụ lạc Cổ vương?", Phật nói: "ta đã cùng Dược xoa Kim cang thủ đi đến Bắc Thiên trúc rồi, trên đường từ tụ lạc Lư hê đắc cho đến cung của Long vương Vô đạo cán, Ta đã điều phục được bảy vạn bảy ngàn hữu tình; ở Bắc Thiên trúc đất đai gồ ghề, nhiều gai góc, nhiều đá sỏi, lòng người độc ác, phụ nữ ác hạnh". Khi đến tụ lạc Cổ vương, Phật bảo A-nan-đà: "trước đây vua Chúng hứa là người đầu tiên ở nơi đây thọ ngôi vị quán đảnh, do nhân duyên này mà nơi đây gọi là Cổ vương"; kế đến tụ lạc Hiền mã, Phật bảo A-nan-đà: "vào thời vua Chúng hứa, nơi đây có ngựa báu xuất hiện nên nơi đây được gọi là Hiền mã". Phật cùng A-nan-đà kế đi đến Ma thổ la, từ xa trông thấy rừng cây màu xanh lục Phật bảo A-nan-đà: "đó là núi Ô lô môn đồ, sau khi ta diệt độ 100 năm sẽ có hai anh em Ma thổ la tên là NA-tra và Bà tra, ngay nơi đây xây lên một ngôi chùa tên là NA-tra bà tra là nơi thuận lợi nhất cho người tu tập Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xa-na. Ở Ma thổ la sẽ có một đồng tử thuộc họ Thức dược nhơn tên là Bí mật, con con trai tên là cận mật, sau khi ta diệt độ 100 năm, Cận mật sẽ xuất gia trong giáo pháp của ta, làm nhiều Phật sự. Lúc đó đệ tử của A-nan-đà có tên là Mạc điền địa sẽ độ Cận mật làm Bí-sô và đó là người cuối cùng truyền bá giáo pháp của ta. Ở trong chùa NA-tra bà tra có một cái hang dài 18 khuỷu tay, rộng 12 khuỷu tay, cao bảy khuỷu tay, những người được Cận mật giáo hóa chứng quả A-la-hán rồi đều ném một cái thẻ dài bốn ngón tay vào trong hang này. Sau khi Cận mật diệt độ, các đệ tử gom lấy số thẻ ấy lại một chỗ để làm lễ trà tỳ cho thầy mình".

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn thọ ký cho Cận mật vị lai sẽ làm lợi ích các hữu tình như thế hay sao?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay Cận mật sẽ làm lợi ích mà trong quá khứ cũng đã làm nhiều lợi ích, các thầy hãy lắng nghe: Thuở xưa ở núi Ô lô môn đồ này có ba chỗ ở: một chỗ có 500 vị Duyên giác ở, một chỗ có 500 Tiên nhơn ở và một chỗ có 500 con vượn ở. Con vượn chúa vốn tánh bạo ác, hễ có vượn cái nào sanh con đều bị nó giết nên các vượn cái đều lo buồn bàn tính với nhau: "chúng ta lập ước, nếu trong chúng ta có ai mang thai thì không nên báo cho vượn chúa biết". Sau đó có một vượn cái mang thai, các con vượn kia đem giấu kín một nơi và len hái trái cung cấp cho nó đến ngày sanh nở, đủ ngày tháng sanh ra một con vượn đực. Chúng lén nuôi dưỡng cho đến ngày trưởng thành, trưởng thành rồi nó vào bầy đánh đuổi vượn chúa ra khỏi bầy. Vượn chúa lang thang đi trong rừng dần đến chỗ ở của các vị Độc giác, tìm cách thân cận, hằng ngày hái trái mang đến cúng dường, các vị Độc giác ăn dư đem cho nó lại. Thường pháp của vị Độc giác là sau khi ăn

xong thì ngồi kiết già, vượn chúa thấy rồi cũng bắt chước ngồi. Thời gian sau các vị Độc giác nghĩ rằng đã chứng được pháp nên chứng, việc làm đã xong nên muốn nhập Niết-bàn. Nghĩ như vậy nên các vị Độc giác liền bay lên hư không, thân hiện thần biến, trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… rồi nhập Vô dư Niết-bàn. Con vượn này thấy di thể của vị Độc giác muốn dùng tay cởi tấm y trên mình vị Độc giác, thiện thần sợ làm tổn hại đến di thể nên đuổi vượn ra ngoài và lấp kín miệng hang. Thấy hang bị lập vượn buồn rầu bỏ đi dần đến chỗ ở của các tiên nhơn, thấy các vị này đang tu khổ hạnh, có người đưa tay lên, có người đứng nhấc một chân, có người đốt năm chỗ trên thân… vườn liền tìm cách thân cận, thường hái trái mang đến cúng dường, tiên nhơn ăn dư cho lại vượn. Sau khi thân cận rồi, vượn bắt đầu phá oai nghi của tiên, bắt tiên phải hành theo pháp của vị Độc giác, người đưa tay lên thì nó kéo xuống rồi ra dấu bảo ngồi kiết già; người đứng co chân thì nó kéo chân xuống ra dấu bảo ngồi kiết già; người đốt thân thì nó dập tắt lửa rồi ra dấu bảo ngồi kiết già… Các vị tiên này liền bạch với thầy mình: "con vượn này đã làm chướng ngại cho việc tu khổ hạnh của chúng con", vị thầy hỏi rõ nguyên do rồi nói: "vượn có thể ghi nhớ được sự việc, chắc chắn nó đã từng thấy tiên nhơn nào tu đạo có oai nghi như vậy nên mới ra dấu bảo các con làm như thế, các con cứ ngồi kiết già theo nó bảo thử xem". Vâng lời thầy dạy, các tiên nhơn liền ngồi kiết già, cũng do đời trước đã gieo căn lành nên đời này được quả báo, các vị tiên này ngay nơi 37 phẩm pháp Bồ-đề phần, không thầy tự ngộ chứng quả Độc giác. Lúc đó họ kính trọng con vượn, khi có trái cây ngon họ đưa cho vượn ăn trước rồi mới ăn sau, thời gian sau con vượn chết họ chất củi với hương thơm để thiêu xác vượn.

Này các Bí-sô, con vượn ngày xưa sống chung với các vị Độc giác chính là Ưu-ba-cúc-đa ngày nay, do ngày xưa đã làm nhiều việc lợi ích nên nay được ta thọ ký là sẽ làm lợi ích cho các hữu tình".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 10

Lúc đó các Bà-la-môn tịnh hạnh trong thành Ma thổ la nghe tin Sa môn Kiều-đáp-ma đến thành liền nói với nhau: "Sa môn Kiều-đáp-ma được mọi người khen ngợi, đã tỏ ngộ chân lý, khai thị hiển bày pháp thanh tịnh cho bốn chúng nghe, nếu ông ấy vào thành này thì chúng ta sẽ mất hết lợi dưỡng. Nghe nói Sa môn Kiều-đáp-ma sẽ không đến nơi không tôn trọng mình, nếu ở đây có người không tôn trọng thì Sa môn Kiều-đáp-ma sẽ không vào trong thành. Nếu chúng ta cho người hèn hạ đến khinh hủy thì Sa môn Kiều-đáp-ma sẽ không để lòng; nếu có người ở địa vị cao không tôn trọng và khinh hủy Sa môn Kiều-đáp-ma thì tốt, nhưng trong số chúng ta ai là người đứng đầu?". Trong thành này có một Bà-la-môn tên là Nhĩ la bộ đề thông đạt Tứ minh và bốn bộ luận Vệ đà, có thể hiển bày tông phái của mình và đả phá tông phái khác, lời nói ra đều đúng sự thật. Các Bà-la-môn liền đến chỗ Nhĩ la bộ đề nói rằng: "Thân giáo sư, chúng con nghe tin Sa môn Kiều-đáp-ma đến thành này, ông ấy được mọi người khen ngợi… giống như đoạn văn trên cho đến câu nếu có người ở địa vị cao không tôn trong và khinh hủy Sa môn Kiều-đáp-ma thì tốt. Ngoài Thân giáo sư ra không có bậc thượng thủ nào làm được việc khinh hủy này", Nhĩ la bộ đề nói: "lưỡi của tôi chuyển động tùy ý, nếu đáng khinh hủy thì tôi khinh hủy, nếu đáng ca ngợi thì tôi ca ngợi". Lúc đó Nhĩ la bộ đề cùng các Bà-la-môn kỳ cựu đến chỗ Phật, Nhĩ la bộ đề thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, đang ngồi dưới gốc cây với oai nghi tịch tĩnh; thấy rồi sanh hoan hỉ liền nói kệ ca ngợi:

"Nhĩ la rất vui mừng,
Khen Phật Nhất thiết trí,
Nói công đức thù thắng,
Ai nghe cũng ưa thích,
Khéo điều phục các căn,
Như pháp tịnh thân ý,

Biển công đức rộng lớn,
Tôi nay lược khen ngợi,
Bậc luận nghị đệ nhất,
Điều phục không lầm lỗi,
Biết được nghĩa đệ nhất,
Đả kích không dao động,
Minh hạnh đều trọn vẹn,
Thiện xảo các cấm giới,
Thắng định vững như núi,
Đủ lực Na-la-diên”...

Như thế cho đến 500 bài tụng ca ngợi Phật, Phật quán biết Bà-la-môn này đã tin sâu liền nói diệu pháp khiến cho ông ta ngay nơi chỗ ngồi chứng được chơn đế lý. Sau khi trở về thành, các Bà-la-môn kỳ cựu đều quở trách Nhĩ la bộ đề tại sao lại khen ngợi Phật như thế, Nhĩ la bộ đề nói: “tôi đã có nói rằng lưỡi của tôi chuyển động tùy ý, nếu đáng khinh hủy thì tôi khinh hủy, nếu đáng ca ngợi thì tôi ca ngợi. Do tôi thấy Sa môn Kiều-đáp-ma có công đức lớn, đáng ca ngợi nên tôi ca ngợi, các vị không nên quở trách tôi”. Sáng hôm sau Phật cùng đại chúng đắp y mang bát định vào thành khất thực, hôm đó nhằm ngày hội cúng sao ở trong thành, nữ thần Tinh tú suy nghĩ: “nếu Sa môn Kiều-đáp-ma vào thành thì ngày lễ cúng sao của ta sẽ bị chướng ngại, ta phải phương tiện khiến ông ta không vào thành”, nghĩ rồi liền hiện thân lõa hình ở trước Phật, Phật bảo nữ thần: “dù cho ngươi có trang sức với y phục đẹp đẽ vẫn còn chưa đẹp, huống chi là lõa hình”, nữ thần nghe lời này rồi hổ thẹn biến mất. Lúc đó Phật dừng lại ở bên đường trải tòa ngồi trước đại chúng nói rằng: “thành Ma thổ la này có năm điều xấu: 1. Là đất đai không bằng phẳng. 2. Là nhiều gai gốc. 3. Là người dân chỉ ăn một loại thức ăn. 5. Là có nhiều người nữ. Vì thế chúng ta không nên vào thành này”, nói rồi Phật rời khỏi chỗ ngồi đi đến vườn của Dược xoa Lư ngồi cạnh một gốc cây với đại chúng vây quanh. Dân chúng trong thành nghe biết được tin này liền cùng làm các món ăn chở đến chỗ Phật để cúng dường, đến nơi rồi đảnh lễ Phật và ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho mọi người được lợi hỉ rồi liền im lặng. Dân chúng chắp tay bạch Phật: “Thế tôn, chúng con đã lo liệu các món ăn tinh khiết chở đến để cúng dường, cúi xin Thế tôn thương xót thọ”, Phật bảo A-nan-đà: “hãy tập họp tất cả các Bí-sô đang ở trong cung Dược xoa Lư đến để thọ cúng dường”. A-nan-đà vâng lời Phật đi tập họp các Bí-sô xong rồi bạch Phật: “xin Phật biết thời”… cho đến câu Phật thọ thực xong, dân chúng trong thành Ma thổ la bạch Phật: “Thế tôn đã điều phục

Dược xoa và rồng dữ, dược xoa Lư này đã làm tổn hại chúng con trong một thời gian dài nên không oán mà thành oán, không thù mà thành thù, không nghịch mà thành nghịch. Con của chúng con đều bị nó bắt ăn thịt hết, cúi xin Thế tôn thương xót điều phục dược xoa này". Lúc đó Dược xoa Lư cũng có mặt, Phật liền bảo dược xoa: "đây là việc phi pháp, ngươi nên nhàm lìa", Dược xoa bạch Phật: "nếu mọi người có thể xây một Tỳ-ha-la cho tứ phương tăng thì con sẽ bỏ việc ác này, không làm tổn hại nữa", Phật quay sang hỏi ý kiến của dân chúng trong thành, mọi người đều chấp nhận lời yêu cầu này. Sau khi điều phục được Dược xoa Lư, Phật lần lượt điều phục các dược xoa Trì, Lâm và nữ Dược xoa Ha lê ca; kế hiện đại thần thông vào thành Ma thổ la điều phục nữ dược xoa Ám cùng 500 quyến thuộc của nó. Tổng cộng Phật đã điều phục 2500 Dược xoa ở trong thành và ngoài thành Ma thổ la, những người tín tâm đã tạo dựng tất cả 2500 trú xứ.

Sau đó Phật đi đến tụ lạc Ô đạt la và dừng nghỉ trong rừng Ô đạt la, lúc đó Bà-la-môn Ô đạt la diên nghe tin này liền đi xe ngựa-trắng, tay cầm gậy vàng và bình nước bằng vàng cùng các quyến thuộc ra khỏi thành đến chỗ Phật, nơi nào đường sá thông suốt thì đi xe, nơi nào không thông thì đi bộ. Đến nơi rồi liền thăm hỏi sức khỏe của Phật, sau đó Bà-la-môn bạch Phật: "Thế tôn cho phép con hỏi vài câu", Phật nói tùy ý hỏi, liền hỏi: "năm Căn đối với các giới xứ đều giữ đối tượng riêng của mình, không giữ đối tượng khác. Sao gọi là giới xứ và giới xứ nhiếp?", Phật nói: "năm Căn đối với các giới xứ đều thu nhiếp đối tượng riêng của mình, không thu nhiếp đối tượng khác, đó là nhãn giới xứ cho đến thân giới xứ. Các căn này do ý nhiếp thọ và y chỉ nơi ý", lại hỏi ý y chỉ nơi đâu, đáp là y chỉ nơi niệm, lại hỏi niệm y chỉ nơi đâu, đáp là y chỉ nơi Tứ niệm xứ, lại hỏi Tứ niệm xứ y chỉ nơi đâu, đáp là y chỉ nơi Thất giác chi, lại hỏi Thất giác chi y chỉ nơi đâu, đáp là y chỉ nơi Minh giải thoát, lại hỏi Minh giải thoát y chỉ nơi đâu, đáp là y chỉ nơi Niết-bàn, lại hỏi Niết-bàn y chỉ nơi đâu, Phật nói: "này Bà-la-môn, điều mà ông vừa hỏi quả thật xa vời vì ông không thể đến được cảnh giới đó, việc tu phạm hạnh của ta là đoạn trừ khổ đau, không con cảnh khổ nữa", nghe Phật nói rồi Bà-la-môn hoan hỉ ra về và nghĩ cách làm tổn hại Phật, ông nghĩ: "ta nghe nói người nào cúng dường cho Phật và chúng Thanh văn phát nguyện gì đều được như ý", nghĩ rồi liền trở lại chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô thọ con thỉnh thực vào ngày mai"… cho đến câu Bà-la-môn phát nguyện: "nguyện cho Sa môn Kiều-đáp-ma và các đệ tử thọ con thỉnh thực rồi sẽ làm bò trong nhà con". Lúc đó Phật biết được ý nghĩ này liền nói với Bà-la-môn: "lời ông phát nguyện là phi pháp nên không thể thành tựu vì các Bí-sô đã không còn thọ thân

sau". Sau khi trở về trú xứ Phật bảo các Bí-sô: "Bà-la-môn Ổ đạt la diên đã phát nguyện ác, các thầy nên tụng kệ chú của Phật quá khứ để lời phát nguyện kia không thành tựu". Sáng hôm sau Phật cùng A-nan-đà vào làng khất thực, lúc đó có một bà lão tên là Ca chiến la định đi đến giếng múc nước, Phật quán biết bà lão này đã đến lúc hóa độ liền bảo A-nan-đà: "thầy hãy đến chỗ bà lão nói rằng Thế tôn cần nước, bà hãy đem nước đến". Bà lão nghe A-nan-đà nói xong liền mang nước đến cho Phật, thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, như núi báu di chuyển, bà lão sanh tâm yêu mến như mẹ yêu con, liền đưa tay định ôm Phật và kêu con ơi. A-nan-đà định cản ngăn nhưng Phật nói không nên ngăn: "vì bà lão này trong 500 đời đã từng làm mẹ của ta, nếu không để cho bà ấy ôm ta, bà sẽ hộc máu", nói rồi Phật nghiêng đầu cổ cho bà lão ôm rồi xứng cơ nói pháp cho bà nghe, khiến cho bà trụ nơi bốn chân đế lý, chứng quả Dự lưu. Chứng quả rồi bà bạch Phật: "Thế tôn đã mang lại lợi ích cho con, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được, khiến con hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả", liền nói kệ:

"Việc làm của con thảo,
Là báo ân từ mẫu,
Tôi nay nhờ Phật quang,
Tiến trên đường Niết-bàn.
Lành thay việc hy hữu,
Thoát khỏi ba đường ác,
Tôi dùng chút ít công,
Mau đến chỗ Vô ưu".

Nói kệ rồi đảnh lễ Phật ra về. Thời gian sau được chồng cho phép xuất gia, bà đến đảnh lễ Phật bạch rằng: "Thế tôn, con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô ni ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Phật chấp thuận và giao bà

cho Đại thế chủ, Đại thế chủ cho bà xuất gia và thọ cận viên rồi chỉ dạy pháp yếu, bà siêng năng tu học, không bao lâu sau phiền não đốn trừ chứng được quả A-la-hán, thoát ly ba cõi đáng được trời người cúng dường. Sau đó bà đem pháp yếu đã được nghe giảng lại cho người khác, Phật nói bà là người phân tích kinh pháp bậc nhất trong chúng Bí-sô ni Thanh văn. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô ni Chiến Ca-la đã từng tạo nghiệp gì mà về già mới xuất gia, lại do duyên gì mà chịu nghèo hèn,

thân cuối cùng không có thai, lại được xuất gia chứng quả A-la-hán, trong việc thuyết pháp sao lại được tối thắng?", Phật bảo các Bí-sô: "Bí-sô ni Chiến Ca-la đã từng tạo nghiệp lành tích tụ tư lương… ngày nay tự thọ lấy quả báo. Các thầy nên biết, ngày xưa khi ta còn hành đạo Bồ-tát, bà đã từng làm mẹ ta, do nghiệp này nên nay được xuất gia lúc tuổi già. Khi ta hành đạo Bồ-tát bà đã từng ngăn cản, lại không làm việc thiện, còn phu nhân Ma-da thì thường làm việc thiện nên bị sẩy thai. Vào thời Phật Ca-diếp, bà đã nhục mạ các Thức xoa, Bí-sô ni Hữu học và Vô học gọi là nô tỳ, nên nay mang thân nô tỳ nghèo hèn. Lại do ở trong giáo pháp của Phật ca-diếp xuất gia đọc tụng nghe pháp nên Uẩn thiện xảo, giới xứ duyên khởi thiện xảo, xứ phi xứ thiện xảo nên nay được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn trừ phiền não chứng quả Vô học. Khi xưa Thân giáo sư của bà ở trong giáo pháp của Phật Ca-diếp là người thuyết pháp bậc nhất nên khi sắp qua đời bà đã phát nguyện: "nguyện nhờ công đức thiện căn tu phạm hạnh này ở đời vị lai lúc con người thọ 100 tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ 10 hiệu, tôi sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán và được Phật thọ ký là thuyết pháp bậc nhất trong chúng Thanh văn ni như Thân giáo sư của con". Do lời phát nguyện này nên nay Bí-sô ni ấy là người thuyết pháp bậc nhất trong giáo pháp của ta. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen ; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế."

Sau đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến tụ lạc Phệ la, khi đến một khu vườn, trong vườn có một Bà-la-môn đang tưới cây, thấy Phật đến liền suy nghĩ: "nếu Sa môn Kiều-đáp-ma vào đây thì nước giếng sẽ bị dơ bẩn", nghĩ rồi liền giấu gàu nước. Lúc đó Phật dùng thần lực vào trong vườn khiến cho nước trong giếng chảy đầy tràn ra ngoài, Bà-la-môn thấy rồi liền khởi tín tâm đưa gàu nước cho Phật, Phật nói kệ:

"Khắp nơi đều có nước,
Dùng nước giếng làm gì,
Dứt ý tưởng khát Ái,
Còn cầu mong gì nữa".

Bà-la-môn bạch Phật: "Thế tôn, con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Phật nói thiện lai Bí-sô… cho đến Phật nói kệ:

"Thế tôn gọi "Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Các căn đều tịch tĩnh,
Thành tựu theo ý niệm".

Nhờ siêng năng tinh tấn, không bao lâu sau Bí-sô này đoạn hết phiền não chứng quả A-la-hán… Thích phạm chư thiên đều cung kính.

Sau đó Phật du hành đến thành Tỳ lan để, dừng nghỉ dưới gốc cây Luyện mộc, vua trong thành tên là Hỏa thọ nghe tin này liền suy nghĩ: "Sa môn Kiều-đáp-ma được các vua nước khác cung kính cúng dường, ta cũng nên tôn trọng cúng dường để khỏi bị chê cười là Như lai vào trong nước, vua Hỏa thọ đã không cúng dường", nghĩ rồi vua xa giá ra khỏi thành đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và các Bí-sô thọ con thỉnh cúng dường tứ sự trong ba tháng hạ an cư", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời vua vui mừng trở về cung ra lịnh quần thần: "hằng ngày các khanh nên chuẩn bị 18 món ăn ngon và thông báo khắp trong nước không ai được cúng dường cho Sa môn Kiều-đáp-ma, nếu tự ý cúng dường sẽ bị giết". Đêm hôm đó vua nằm mộng thấy có màn trắng vây quanh cung thành, tỉnh mộng trong lòng lo lắng suy tư không biết là điềm lành hay điềm dữ. Sáng hôm sau kể lại giấc mông cho quốc sư nghe và hỏi là tốt hay xấu, vị quốc sư này suy nghĩ: "giấc mộng này báo điềm lành, nhưng nếu ta nói là điềm lành thì vua sẽ thêm cung kính cúng dường Sa môn Kiều-đáp-ma, ta nên nói là điềm xấu", nghĩ rồi liền tâu vua rằng: "giấc mộng này báo điềm chẳng lành, vua có thể bị mất ngôi hoặc chết", vua hỏi có cách gì cứu vãn thì quốc sư nói: "trong ba tháng hạ vua nên ẩn trong thâm cung đừng cho ai gặp mặt, nếu được như vậy thì vua sẽ không mất ngôi cũng không bị chết", vua nghe theo lời quốc sư nên ra thông báo khắp trong nước không ai được gặp vua trong ba tháng ha, nếu ai trái lịnh sẽ mất mạng rồi ẩn mình trong thâm cung. Sáng sớm hôm đó A-nan-đà đến trong cung xin được gặp vua thì thấy trong cung yên lặng, liền hỏi người giữ cửa: "vua Hỏa thọ đã thỉnh Phật và tăng cúng dường ba tháng hạ, vì sao trong cung im lìm không có chuẩn bị gì hết?", người giữ cửa nói: "Thánh giả, vua tuy có ra lịnh chuẩn bị các món ăn ngon nhưng không nói rõ là chuẩn bị cho ai", A-nan-đà bảo vào bạch vua, liền đáp: "vua đã ra lịnh khắp trong nước không ai được gặp mặt vua, nếu ai trái lịnh sẽ mất mạng", A-nan-đà nghe rồi liền trở về bạch Phật, Phật bảo A-nan-đà: "thầy hãy đắp Tăng kỳ chi dẫn theo 1 thị giả vào thành ở nơi ngã tư đường thông báo: ai có lòng tin cúng dường cho Phật và các Bí-sô trong ba tháng hạ thì bây giờ là đúng lúc", A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo nhưng dân chúng trong thành đều nói: "Thánh giả, chúng tôi có thể cúng dường đầy đủ cho Phật và các Bí-sô trong ba tháng hạ, nhưng nhà vua đã ra lịnh không ai được cúng dường cho Phật và tăng trong ba tháng hạ,

nếu ai làm trái sẽ giết". Lúc đó có một thương chủ từ phương Bắc đến với 500 thớt ngựa đến thành này, ông nghĩ: "bây giờ là mùa mưa nếu ta đi tiếp sợ bùn lầy làm cho ngựa bị thối móng", nghĩ rồi liền dừng lại trong thành ở suốt ba tháng mùa mưa. Con Trí mã của ông mỗi ngày ăn hai thăng lúa mạch, các con ngựa khác mỗi ngày ăn một thăng, khi thương chủ nghe biết việc này nghĩ là mình không phải là người ở lâu trong đất nước này nên nói với A-nan-đà: "Thánh giả, nếu Thế tôn có thể ăn được lúa mạch của ngựa thì mỗi ngày tôi sẽ cúng dường cho Phật hai thăng, còn các Bí-sô khác mỗi người một thăng", A-nan-đà liền đem việc này bạch Phật, Phật suy nghĩ: "do ta đã tạo nghiệp nên nay tự thọ lấy quả báo…" cho đến Phật nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Nói kệ rồi Phật bảo A-nan-đà: "thầy hãy đi thông báo cho các Bí-sô: nếu ai có thể cùng Thế tôn ở nơi đây an cư và ăn lúa mạch của ngựa trong ba tháng thì hãy lấy thẻ", A-nan-đà vâng lời Phật dạy đi thông báo, như thế có tất cả 498 Bí-sô đều lấy thẻ. Lúc đó Xá-lợi-tử bạch Phật: "Thế tôn, con bị bịnh phong không thể ăn lúa mạch của ngựa suốt trong ba tháng", Đại Mục-kiền-liên cũng bạch Phật: "Thế tôn, con xin đi theo chăm sóc cho tôn giả". Phật và 498 Bí-sô ở lại an cư còn Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên lên núi tam phong an cư và được vua trời Đế thích cúng dường trong ba tháng. Lúc đó Phật bảo A-nan-đà lo liệu lúa mạch mà thương chủ đem đến cúng, A-nan-đà đem lúa mạch đến nhà một bà lão trong làng nhờ liệu lý, bà nói: "Thánh giả, tôi đã già yếu không thể liệu lý, Thánh giả hãy nhờ thiếu nữ ở nhà kế bên", A-nan-đà liền đến nhờ thiếu nữ, thiếu nữ nói: "nếu Thánh giả chịu trả lời câu hỏi của tôi thì tôi sẽ lo liệu số lúa mạch này", A-nan-đà nhận lời, thiếu nữ hỏi Phật nghĩa là gì, A-nan-đà suy nghĩ: "nghĩa Phật sâu xa khó hiểu, nếu ta nói sợ cô ấy không hiểu được, ta nên nói việc của Chuyển luân Thánh vương", nghĩ rồi liền nói: "này cô, nếu Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời thì có đủ bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu. Bánh xe báu xuất hiện như thế nào? Nếu Chuyển luân Thánh vương dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh tắm gội sạch sẽ rồi cùng quần thần lên lầu cao, bánh xe báu sẽ xuất hiện từ phương Đông màu vàng ròng đủ ngàn căm. Lúc đó vua suy nghĩ: "ta từng nghe vua Sát-đế-lỵ quán đảnh vào ngày 15 tắm gội sạch sẽ lên lầu cao mà có bánh xe báu hiện đến thì chắc chắn thành tựu ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, ta phải thử xem", nghĩ rồi vua rồi

khỏi chỗ ngồi quỳ xuống, hai tay nâng bánh xe báu lên rồi phát nguyện: "Luân bảo thắng diệu, hãy hiển hiện việc mà Chuyển luân Thánh vương quá khứ đã làm". Phát nguyện xong, vua cùng bánh xe báu và bốn binh liền bay lên hư không tới những nơi mà Luân vương quá khứ đã tới, bánh xe báu dừng lại nơi nào, vua dừng lại nơi đó. Lúc đó tám vạn bốn ngàn vua của các nước nhỏ đều đến chỗ Luân vương tâu rằng: "đại thiên đã đến, đất nước tôi dân chúng đông đúc, giàu có an vui, xin thiên vương dừng lại nơi đây, chúng thần sẽ làm thị vệ". Luân vương nói: "các khanh hãy dùng chánh pháp giáo hóa thế gian, không được ở chung với người phi pháp, ai làm như vậy chính là thị vệ của ta". Bánh xe báu đi đến khắp bốn phương điều phục tất cả rồi quay trở về cung điện của vua.

Voi báu xuất hiện như thế nào? Voi có màu hoa sen, bảy Chi đầy đặn, hình dáng đẹp đẽ oai vệ. Vua nhìn thấy rồi vui vẻ khen là voi báu hiền thiện, kế cho gọi người giỏi điều phục voi đến bảo điều phục voi báu xong thì dẫn đến chỗ vua. Người điều phục voi sau khi điều phục voi xong liền dẫn đến chỗ vua, vì muốn thử voi nên sáng sớm vua cỡi voi ra khỏi cung đi khắp bốn phương, đến giờ ăn mới trở về cung.

Ngựa báu xuất hiện như thế nào? Ngựa có màu xanh biếc, đầu đen nhánh dáng vẻ đẹp đẽ hiên ngang. Vua nhìn thấy rồi vui vẻ khen là ngựa báu hiền thiện, kế cho gọi người giỏi điều phục ngựa đến… giống như trường hợp voi báu, vì muốn thử ngựa, vào sáng sớm vua cỡi ngựa đi khắp bốn phương…

Ngọc Ma ni báu có màu xanh biếc như lưu ly, đủ tám góc, ánh sáng rực rỡ chiếu phá tối tăm…

Nữ báu dung mạo đoan chánh xinh đẹp, các lỗ chân lông trên thân đều phát ra mùi hương Chiên đàn, miệng phát ra mùi thơm hoa sen xanh, khi lạnh chạm vào nàng thì được ấm, khi nóng chạm vào nàng thì được mát."

Khi A-nan-đà nói đến nữ báu thì thiếu nữ đã liệu lý xong lúa mạch, cô đảnh lễ tôn giả rồi phát nguyện: "nguyện nhờ phước nghiệp này, đời vị lai con sẽ được làm nữ báu của Luân vương". A-nan-đà mang lúa mạch về đến chỗ Phật, Phật tuy đã quán biết mọi việc nhưng vẫn hỏi A-nan-đà là ai đã liệu lý số lúa mạch này, A-nan-đà liền đem sự việc trên kể lại, Phật nói: "vì sao thầy không nói công đức của Phật mà nói việc của luân vương?", đáp: "lúc đó con nghĩ là công đức của Phật sâu xa sợ thiếu nữ đó nghe không hiểu được nên mới nói việc của luân vương", Phật nói: "thầy đã sai rồi, nếu thầy nói về công đức của Phật thì thiếu nữ này ắt sẽ phát tâm vô

thượng Bồ-đề không thối chuyển. Nhưng do nguyện lực vừa rồi, thiếu nữ ấy đời vị lai sẽ làm nữ báu của Luân vương". Lúc đó mọi người khắp xa gần đều nghe biết việc thiếu nữ nhờ liệu lý lúa mạch cho Phật mà được Phật thọ ký làm nữ báu của Luân vương, sau đó liền có 500 thiếu nữ phát tâm liệu lý lúa mạch cho các Bí-sô và đều phát nguyện làm thị nữ cho nữ báu của luân vương. Khi A-nan-đà thấy Phật ăn lúa mạch liền khóc than rằng: "suốt trong ba đại kiếp Phật đã tu các nghiệp lành, tại sao ngày nay ở trong thành này lại phải ăn lúa mạch của ngựa", Phật liền bảo A-nan-đà: "thầy có muốn ăn thử một hạt lúa mạch dư này không?", A-nan-đà liền ăn thử , cảm thấy mùi vị rất thơm ngon nên bạch Phật rằng: "từ trước đến nay con chưa từng nếm được mùi vị thơm ngon như thế này", Phật nói: "dù cho là lúa mạch của ngựa vào miệng của Như lai cũng trở thành vị cam lồ, ngon ngọt hơn tất cả các mùi vị".

Lúc đó vua của các nước xa gần đều nghe biết việc vua Hỏa thọ thỉnh Phật và các Bí-sô cúng dường ba tháng an cư rồi lại ẩn mình trong thâm cung, khiến Phật và tăng phải ăn lúa mạch của ngựa liền phái sứ giả đến gặp vua, nhưng không được vào gặp phải ở ngoài cửa. Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc liền cho 500 xe chở gạo thơm ngon đến chỗ Phật, Ma vương biết được liền hiện thân cụ thọ A-nan-đà đến ngăn không cho chở đến chỗ Phật, nói với đoàn xe chở lương thực rằng: "trời rồng dược xoa kính trọng Thế tôn, chỉ cần đưa bát ngửa lên trời là có thức ăn thơm ngon của trời tam thập tam cúng dường đầy bát. Làm gì có việc Thế tôn ăn lúa mạch của ngựa, hãy mau quay xe trở về đi". Mọi người không chịu quay trở lai nên ma vương biến hóa mưa gió lớn làm nước dâng tràn ngập đến trục bánh xe không thể đi được. Vì vậy suốt trong ba tháng hạ Phật và tăng đều phải ăn lúa mạch của ngựa, còn hai tôn giả Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên ở trên núi thọ chư thiên cúng dường. Mãn ba tháng, thương chủ đến thỉnh Phật và Tăng thọ thực với các món ăn ngon… cho đến câu sau khi Phật thọ thực xong, thương chủ đảnh lễ Phật rồi phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành này, đời vị lai con sẽ được làm Chuyển luân Thánh vương, Trí mã của con đang cỡi sẽ là Thái tử, 500 con ngựa còn lại sẽ là con của con, người nữ được Phật thọ ký sẽ là nữ báu của con, 500 người nữ kia sẽ là thể nữ của con", Phật quán biết ý nghĩ của thương chủ liền nói: "này thương chủ, ý nguyện của ông sẽ được thành tựu ở đời vị lai".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 11

Lúc đó vua Hỏa thọ ở trong thâm cung mong thấy điềm lành, cụ thọ A-nan-đà đến cửa cung vua xin được gặp vua. Vì đã mãn ba tháng nên người giữ cửa liền vào tâu với vua có Thánh giả A-nan-đà xin được gặp, vua nói: "ta đang mong thấy điềm lành, Bí-sô A-nan-đà là người thuộc dòng họ tôn quý, là người có phước đức, có danh văn, dung sắc tốt đẹp, lời nói ra đều hiền thiện, siêng tu các phẩm thiện nên cho vào, không nên ngăn cản". Lúc đó sứ giả của các nước cũng cùng cụ thọ A-nan-đà vào gặp vua, sau khi hỏi thăm sức khỏe vua rồi, A-nan-đà nói: "Thế tôn gởi lời thăm hỏi Đại vương và bảo rằng: "Phật và Thánh chúng đã an cư trong nước của vua đủ ba tháng, nay muốn ra đi", nên sai tôi đến báo cho Đại vương biết", vua nói: "trong mùa hạ vừa qua, Thế tôn có an lạc không, ăn uống có đầy đủ không?", sứ giả các nước nói: "Đại vương vô đạo, đã thỉnh Phật và Tăng cúng dường ba tháng an cư lại ẩn mình trong thâm cung, không hỏi han gì đến cũng không cho ai gặp mặt, khiến cho Thế tôn đã phải ăn lúa mạch của ngựa suốt ba tháng", vua hỏi A-nan-đà: "Thánh giả, có thật Thế tôn và chúng tăng đã ăn lúa mạch của ngựa suốt trong ba tháng không?", đáp là thật, vua nghe rồi liền té xỉu, phải lấy nước rưới lên mặt mới tỉnh lại, vua cho gọi quần thần đến hỏi: "ta đã ra lịnh mỗi ngày chuẩn bị các món ăn ngon, các khanh không làm như vậy hay sao?", đáp: "Đại vương tuy có bảo như thế, nhưng lại không bảo chuẩn bị các món ăn đó cho ai". Sau đó vua Hỏa thọ đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi im lặng. Vua chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, con có lỗi rất lớn, do con ngu si không phân biệt hiền thiện, thiếu khôn khéo nên trước đây đã thỉnh Thế tôn và chúng tăng cúng dường ba tháng an cư, lại ẩn mình trong thâm cung… Cúi xin Thế tôn thương xót cho con sám hối", Phật nói: "Đại vương, đúng như vua đã nói do vua ngu si không phân biệt…; nhưng Đại vương nên biết, ai gây lỗi lầm mà biết tự hối thì tội tự tiêu diệt, phước đức tăng thêm, vì sao, vì do thấy tội và biết sám hối", vua bạch Phật: "cúi xin Thế tôn và chúng tăng thọ con

cúng dường tứ sự trọn đời", Phật nói: "Đại vương, Như lai ra đời thọ mạng ngắn ngủi, những người chưa được độ còn rất nhiều mà giờ nhập Niết-bàn sắp đến, ta không thể thọ sự cúng dường của vua trọn đời được", vua bạch: "nếu Thế tôn không thọ con cúng dường trọn đời thì xin thọ con cúng dường trong bảy năm… cho đến bảy ngày", Phật đều không nhận, vua lại bạch: "nếu vậy xin Phật và chúng tăng thọ con cúng dường vào ngày mai", Phật suy nghĩ: "nếu không thọ lời thỉnh này, vua sẽ hộc máu mà chết", nghĩ rồi Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, vua đảnh lễ Phật rồi trở về cung hỏi quần thần: "các khanh có cách gì làm cho Phật và tăng thọ hết các món cúng dường vào ngày mai không?", đáp: "hãy để trên đất rồi thỉnh Phật và tăng đi qua, như thế cũng coi như là đã ăn". Vua liền ra lịnh làm theo cách đó, lúc đó trong chúng tăng có một vị lớn tuổi mới xuất gia, trong tâm còn sân hận việc vua thỉnh Phật và Tăng cúng dường ba tháng hạ, lại để cho Phật và tăng ăn lúa mạch của ngựa, nên dùng chân hất đổ các món ăn cúng dường để trên đất. Các trưởng giả, Bà-la-môn thấy đều chê trách, các Bí-sô đem việc này bạch Phật, do nhân duyên này Phật chế học xứ không được dùng chân đá đổ thức ăn để ăn, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà trải qua vô số kiếp xả bỏ đầu mắt… bố thí, đã thành tựu quả vị Chánh đẳng giác mà ngày nay lại còn phải cùng 498 Bí-sô đến trong thành này ăn lúa mạch của ngựa trong ba tháng an cư; 2 cụ thọ Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên vì sao lại được chư thiên cúng dường?", Phật bảo các Bí-sô: "nghiệp đã tạo xưa kia, ngày nay trở lại tự thọ.

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa lúc con người thọ đến tám vạn bốn ngàn tuổi, có Phật hiệu là Tỳ-bà-thi Như lai, Ứng chánh đẳng giác, đủ 10 hiệu. Phật cùng tám vạn bốn ngàn Bí-sô trụ ở gần kinh đô thành Thân huệ, trong thành có một Bà-la-môn dạy học cho 500 đồng tử rất được dân chúng trong thành tôn trọng, cúng dường như một vị Ứng cúng. Khi Tỳ-bà-thi Như lai đến trụ nơi này thì dân chúng trong thành không còn cung kính tôn trọng cúng dường Bà-la-môn như trước nữa, điều này khiến ông ta sanh tâm tật đố đối với Phật và tăng. Vào một buổi sáng, các Bí-sô Hữu học và Vô học đắp y mang bát

vào thành khất thực được đầy bát thức ăn ngon. Bà-la-môn thấy rồi liền gọi đến để xem đã khất thực được gì, do tật đố nên nói với các học trò: "những người này không đáng được cúng dường các món ăn ngon như thế, chỉ nên thí cho họ lúa mạch thô", các học trò hùa nhau nói theo: "đúng như lời Thân giáo sư nói, họ chỉ đáng được ăn lúa mạch thô". Lúc đó trong số học trò có hai người nói: "Ô-ba-đà-da, chớ nên nói lời này. Phật và Tăng chính là bậc ứng cúng, đáng được chư thiên cúng dường không phải có người cúng dường mà thôi".

Này các Bí-sô, Bà-la-môn ngày xưa chính là ta ngày nay, các học trò nói hùa theo chính là 498 Bí-sô ngày nay, hai học trò hiền thiện ngày xưa chính là Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên ngày nay. Do trước kia ta đối với Tỳ-bà-thi Như lai và các Bí-sô Hữu học, vô học sanh tâm tật đố nói ra lời bất thiện; các học trò nói hùa theo nên ngày nay cùng chịu quả báo này, hai học trò không nói hùa theo, nhờ thiện nghiệp đó nên ngày nay được chư thiên cúng dường. Cho nên Ta thường tuyên thuyết: "hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng, tạo nghiệp xen tạp thì cảm quả báo xen tạp… các thầy nên học như thế."

Sau đó Phật cùng A-nan-đà đi đến thành Vô năng địch, dừng nghỉ bên bờ sông Căng già, lúc đó có một Bí-sô đến chỗ phật đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin hãy lược nói diệu pháp cho con nghe, con sẽ hết lòng lãnh thọ, siêng năng tu tập để được thông đạt. Do nhân duyên này mà con rời bỏ gia đình giàu có, cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa xuất gia, mong cầu được phạm hạnh vô thượng, dùng trí hữu học để đắc pháp, thấy pháp, được tự lợi lợi tha, hiểu rõ "sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau", Phật nhìn thấy trong sông Căng già có một cây gỗ lớn đang trôi theo dòng nước liền hỏi Bí-sô này: "thầy có thấy cây gỗ đang trôi theo dòng nước đó không?", đáp thấy, Phật nói: "nếu Bí-sô nào giống như cây gỗ đó không vướng vào bờ bên này, không vướng vào bờ bên kia, không ở giữa dòng, không vướng vào cồn bãi, không bị người hay phi nhơn vớt, không rơi vào chỗ nước xoáy, không bị mục rã thì không bao lâu sau sẽ trôi ra biển lớn, Bí-sô cũng vậy, nếu không vướng bờ bên này… giống như trên cho đến câu không bao lâu sau sẽ nhập Niết-bàn", Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn, không vướng bờ bên này… ý nghĩa như thế nào, cúi xin lược nói khiến con được khai ngộ… không còn thọ thân sau?", Phật nói: "bờ bên này là chỉ cho sáu nội xứ, bờ bên kia là chỉ cho sáu ngoại xứ; trụ ở giữa dòng là chỉ cho tham đắm dục lạc; vướng vào cồn bãi là tâm sanh ngã mạn; bị người vớt là Bí-sô cùng các bạch y ân nghĩa thù đáp qua lại; bị phi nhơn vớt là Bí-sô phát nguyện rằng: do căn lành này nguyện được sanh

lên cõi trời hay cõi quỷ thần; rơi vào chỗ nước xoáy là xả bỏ học xứ; bị mục rã là phá tịnh giới làm pháp ác, nhiễu loạn bậc hiền thiện, làm bạn với ma, không phải sa môn mà đội lớp sa môn, không phải phạm hạnh mà tợ như phạm hạnh". Nghe Phật dạy rồi, Bí-sô hoan hỉ tín thọ đảnh lễ rồi đi, sau đó hành theo lời Phật dạy siêng năng tu tập… hiểu rõ "sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau", chứng quả A-la-hán.

Lúc đó có một người chăn bò tên là Hoan hỉ, đứng chống gậy cách Phật không xa đang lắng nghe lời Phật nói, lúc đó có một con ếch nằm gần dưới chân người chăn bò, bị cây gậy chống trên lưng xuyên qua da thịt, tuy nó đau đớn nhưng không dám kêu lên vì sợ người chăn bò tán tâm không nghe được pháp. Do nó cố chịu đựng và phát tâm thanh tịnh đối với Thế tôn nên mạng chung và được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Người chăn bò nghe pháp xong liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch rằng: "Thế tôn, con không thích vướng vào bờ bên này… không bị mục rã, con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh", Phật nói: "ngươi không giao lại bầy bò cho chủ hay sao?", đáp là không cần giao lại, Phật hỏi vì sao, đáp: "những con bò mẹ này đều có nghé con ở nhà của chủ, chúng nhớ con sẽ tự trở về, cho nên không cần giao lại. Cúi xin Thế tôn cho con được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh", Phật nói: "hãy đợi một lát, tuy bầy bò biết tự trở về, nhưng trước đây ngươi đã thọ cơm áo của chủ, không thể bỏ đi mà không nói cho chủ biết". Lúc đó người chăn bò Hoan hỉ đảnh lễ Phật rồi lớn tiếng kêu lên: "tôi rất lo sợ", vừa kêu vừa chạy, lúc đó có khoảng 100 người chăn bò khác nghe thấy liền hỏi lo sợ điều gì, đáp là sợ sanh già bịnh chết, vừa đáp vừa chạy khiến họ cũng bỏ chạy theo; những người chăn bò khác cho đến người chăn dê, cắt cỏ, đốn củi… trên đường nghe thấy vậy cũng bỏ chạy theo. Dân trong làng thấy họ ồ ạt chạy đến như vậy, ai nấy đều lo sợ có người bỏ chạy, có người lo cất giấu của cải, có người cầm gậy gộc chạy ra, chận người đi đầu hỏi nguyên do, cũng đáp như trên.

Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử thấy người chăn bò đi đã lâu liền bạch Phật: "Thế tôn, người chăn bò xin xuất gia vì sao Thế tôn lại để cho người ấy trở về", Phật nói: "người chăn bò này nếu ở nhà thọ hưởng ngũ dục là không có lý đó, sau khi giao bò lại cho chủ sẽ trở lại đây. Thầy hãy chờ xem, vị tộc tánh thiện ấy sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, chánh tín xuất gia, tu tập phạm hạnh, được thấy chơn lý, dùng trí của mình thấy pháp chứng ngộ, cũng làm cho người khác chứng ngộ, sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Sau đó, người chăn bò tên Hoan hỉ giao

bò cho chủ rồi liền cùng 500 người đã chạy theo mình, đến chỗ Phật bạch rằng: "Thế tôn, con đã giao bò xong, cúi xin Thế tôn cho con được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh", Phật nói: "này Hoan hỉ, ngươi và 500 người cùng đến đều được xuất gia trong giáo pháp của ta… sau khi xuất gia hãy siêng năng tu tập phẩm thiện cho đến khi tâm được giải thoát".

Lúc đó con ếch mang chung được sanh thiên, thường pháp của chư thiên là khi sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: 1. Là ta từ đâu sanh đến đây. 2. Là nay ta đang ở đâu. 3. Là ta do nghiệp duyên gì. Thiên tử Ếch liền quán biết mình vừa xả thân ếch sanh lên cõi trời Tứ thiên vương là do phát lòng tin đối với Phật. Quán biết rồi liền suy nghĩ: "nếu hưởng thọ thiên lạc trước, không đến gặp Phật là vô ơn, ta nên đến gặp Phật trước", nghĩ rồi thiên tử Ếch với dung nghi chư thiên, trang nghiêm thân đến chỗ Phật vào lúc nửa đêm, thân quang chiếu sáng bờ sông Căng già. Thiên tử rải hoa trời cúng dường, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp. Phật quán biết ý nhạo tùy miên xứng cơ nói bốn Thánh đế khiến cho thiên tử này được chứng quả Dự lưu, thiên tử vui mừng như khách hàng gặp người bán hàng, như nhà nông gặp trời mưa, như đánh trận được thắng, như bịnh được lành, đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung. Thường vào đầu đêm cuối đêm, các Bí-sô tỉnh giác tư duy thấy được ánh sáng này nên sáng hôm sau đến thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, đêm qua phải chăng có chư thiên Phạm, Thích, Hộ thế tứ vương đã đến chỗ Phật?", Phật nói: "không có, do người chăn bò Hoan hỉ lúc đứng chống cây gậy nghe pháp, có một con ếch nằm gần dưới chân người chăn bò, bị cây gậy chống trên lưng xuyên qua da thịt, tuy nó đau đớn nhưng không dám kêu lên vì sợ người chăn bò tán tâm không nghe được pháp. Do nó cố chịu đựng và phát tâm thanh tịnh đối với Ta nên mạng chung và được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Đêm qua vị thiên tử này đã đến nghe pháp, được chứng quả rồi trở về cung trời". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "người chăn bò tên Hoan hỉ và 500 người đi theo trước đây đã từng tạo nghiệp gì mà phải làm người chăn bò, lại được xuất gia trong giáo pháp của Phật, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán? Thiên tử Ếch đã tạo nghiệp gì mà phải mang thân ếch, lại được kiến đế?, Phật bảo các Bí-sô: "do họ tự tạo nghiệp nên nay tự thọ lấy quả báo, như kệ nói:

Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba Như lai Ứng chánh đẳng giác, có đủ 10 hiệu ở trong rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó người chăn bò tên Hoan hỉ xuất gia trong giáo pháp của Phật ấy, là đại pháp sư thông suốt ba tạng, biết rõ phép tắc và giỏi trì tụng; có 500 đệ tử theo học nghiệp được vị pháp sư này dạy bảo. Vị pháp sư này khéo hay hòa giải việc tranh cải trong chúng, lúc đó có hai Bí-sô trong lòng ngã mạn không chịu theo học vị pháp sư này, sau vì việc tranh cải mới tìm đến vị pháp sư này yêu cầu dứt giùm việc tranh cải. Pháp sư suy nghĩ: "nếu ta dứt diệt việc tranh cải này thì hai Bí-sô này sẽ không trở lại đây nữa, ta nên chuyển giao cho Tăng, như vậy cũng không trái pháp", nghĩ rồi liền nói: "ta không biết rõ nhân duyên tranh chấp của cụ thọ, hãy đến nhờ tăng giải quyết". hai Bí-sô này đến nhờ tăng quyết đoán, vị pháp sư này cũng có việc tăng phải vào thôn, làm xong việc tăng trở về liền hỏi các đệ tử về việc của hai Bí-sô kia, các đệ tử đem việc Tăng đã quyết đoán kể lại, vị pháp sư này nghe rồi tức giận nói rằng: "Tăng quyết đoán như vậy không khác gì đám chăn bò, họ không khác gì là người chăn bò trước khi xuất gia", 500 người đệ tử nói hùa theo: "đúng như lời thầy nói Tăng quyết đoán giống như pháp của người chăn bò".

Này các Bí-sô, vị pháp sư thuở xưa nay chính là người chăn bò tên hoan hỉ, 500 đệ tử nói hùa theo ngày xưa nay chính là 500 người chăn bò cùng đi theo. Do ngày xưa họ nói lời thô ác đối với các đệ tử Thanh văn của Phật Ca-nhiếp-ba nên trong 500 đời thường làm người chăn bò. Do ở trong giáo pháp của Phật kia đã huân tu Uẩn giới nhập duyên khởi, xứ phi xứ nên ngày nay được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán.

Thiên tử Ếch cũng xuất gia trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba nhưng thường tu định, lúc đó du hành trong nhân gian đến một ngôi chùa trong một làng nọ nghỉ qua đêm. Đầu đêm thầy ngồi nhiếp tâm nhập định thì nghe tiếng đọc tụng của các Bí-sô trong chùa làm cho thầy không thể nhiếp tâm được, liền suy nghĩ là đợi đến nửa đêm sẽ nhập định. Đến nửa đêm thầy sắp nhập định lại nghe tiếng đọc tụng của các Bí-sô trong chùa, liền suy nghĩ là đợi đến cuối đêm. Đến cuối đêm thầy sắp nhập định lại nghe tiếng đọc tụng nữa, do chưa ly dục trong lòng tức giận nên lớn tiếng nói rằng: "các Bí-sô này từ chiều tối đến sáng đều phát ra tiếng ếch kêu".

Này các Bí-sô, Bí-sô tu định ngày xưa chính là thiên tử Ếch ngày nay.

Do nói lời thô ác đối với các đệ tử Thanh văn của Phật Ca-nhiếp-ba nên trong 500 đời phải mang thân ếch. Do phát tâm thanh tịnh đối với ta trước khi chết, nên sau khi chết được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Do tu phạm hạnh trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba nên ngày nay được Kiến đế. Cho nên ta thường tuyên thuyết: hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng … các thầy nên học như thế."

Lúc đó Phật muốn qua sông Căng già, có 500 con ngỗng, 500 con cá, 500 con rùa hữu nhiễu Thế tôn, Phật liền nói ba câu diệu pháp: "chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt. Các ngươi nên phát tâm thanh tịnh, nhàm chán thân bàng sanh". Nghe pháp xong, tất cả ngỗng, cá, rùa đều đoạn thực không muốn ăn nữa, đối với loài bàng sanh nếu bị lửa đói đốt thì qua đời, chúng được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Thường pháp của chư thiên là khi sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: 1. Là ta từ đâu sanh đến đây. 2. Là nay ta đang ở đâu. 3. Là ta do nghiệp duyên gì. Thiên tử liền quán biết mình vừa bỏ thân bàng sanh, được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương là nhờ nghe Phật nói ba câu diệu pháp. Quán biết rồi liền đến chỗ Phật… giống như trường hợp của thiên tử Ếch cho đến câu được chứng quả Dự lưu, đảnh lễ Phật rồi cùng trở về thiên cung. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, những con ngỗng, cá rùa này trước đây đã tạo nghiệp gì mà sanh trong loài bàng sanh, lại tạo nghiệp gì mà được Kiến đế?", Phật bảo các Bí-sô: "chúng đã tự tạo nghiệp nên nay tự thọ lấy quả báo, như kệ nói:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".
Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba ở trong rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ thành Bà-la-nê-tư. Những con ngỗng cá rùa này đều đã xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, nhưng lại hủy phạm các học xứ nhẹ nên bị đọa trong loài bàng sanh. Do phát tâm thanh tịnh đối với ta nên được sanh lên cõi trời, do đã tu phạm hạnh trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba nên nay được Kiến đế. Cho nên ta thường tuyên thuyết… giống như đoạn văn trên."

Sau khi Phật qua sông Căng già rồi, bỗng có 500 quỷ đói hiện đến trước mặt, thân tướng đen xấu giống như cây cột nhà cháy, đầu tóc rối tung,

bụng lớn như núi Thái, cổ nhỏ như cây kim, toàn thân cháy rực giống như đống lửa. Chúng chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, do đời trước chúng con đã tạo nghiệp ác nên đời này không nghe được tên nước, cúi xin Phật từ bi bố thí nước cho chúng con", Phật liền bảo Đại Mục-kiền-liên đi múc nước sông đưa cho các quỷ đói uống. Khi Đại Mục-kiền-liên đưa nước cho chúng uống, do cổ họng của chúng quá nhỏ nên không thể uống được, Phật liền dùng thần lực mở rộng cổ họng của chúng để chúng uống được nước, do uống quá nhiều nên bụng chúng bị căng rách phải mạng chung. Do phát sanh tâm tịnh tín đối với Phật nên chúng được sanh lên cõi trời… giống như trường hợp ếch, ngỗng cá rùa ở trên cho đến câu được kiến đế, đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "những ngạ quỷ này đã từng tạo nghiệp gì mà sanh làm ngạ quỷ, lại tạo nghiệp gì mà lại được kiến đế ?", Phật bảo các Bí-sô: "do chúng tự tạo nghiệp nên ngày nay tự thọ lấy quả báo, như kệ nói:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba có đủ 10 hiệu, ở trong rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó Phật và chúng thanh văn theo thứ lớp khất thực và khuyên mọi người cúng dường tam bảo, do giáo hóa rộng lớn nên Bí-sô khất thực ngày càng đông. Lúc đó có 500 Ô-ba-sách-ca vì công việc nên tập trung lại một chỗ, thấy có nhiều Bí-sô đến chỗ họ khất thực nên họ nổi giận nói ra lời thô ác: "các Bí-sô này theo xin ăn giống như quỷ đói".

Này các Bí-sô, 500 Ô-ba-sách-ca ngày xưa chính là 500 quỷ đói ngày nay. Do ngày xưa gọi các Thanh văn của Phật Ca-nhiếp-ba là quỷ đói nên trong 500 đời thường mang thân quỷ đói. Do phát tâm thanh tịnh đối với ta nên thân quỷ đói này mạng chung được sanh lên cõi trời. Do có tu phạm hạnh làm Ô-ba-sách-ca trong giáo pháp của Phật Ca-nhiếp-ba nên nay được Kiến đế. Cho nên ta thường tuyên thuyết… giống như đoạn văn trên".

Lúc đó Phật nhìn ngó hai bên bờ sông Căng già và hỏi các Bí-sô có muốn nghe duyên khởi của sông Căng già hay không, đáp là thích nghe, Phật bảo các Bí-sô: "Thuở xưa có một vị vua tên là Thật trúc, dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có trộm cướp

bịnh dịch, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa. Đến mùa xuân vua cùng các thể nữ dạo trong vườn hoa, thấy có một người tóc bạc da nhăn, ốm yếu, suy nhược đang chống gậy đi qua; vua liền hỏi là người gì, đáp: "đó là người già, tất cả mọi người hễ tuổi trẻ qua đi thì tuổi già hiện đến", vua nghe rồi trong lòng lo buồn. Kế lại thấy một người thân thể ghẻ lở, da nứt nẻ, máu mủ rỉ ra … hơi thở khò khè, chống gậy đi qua ; vua liền hỏi là người gì, đáp: "đó là người bịnh, tất cả mọi người nếu đời trước có tạo nghiệp ác thì đời này phải chịu nghiệp báo như thế", vua nghe rồi liền suy nghĩ: "nếu như vậy thì ta không nên làm việc ác nữa". Kế lại thấy một cỗ xe tang… đi sau xe có nhiều người kêu khóc, vua liền hỏi là người gì, đáp: "đó là người chết, tất cả mọi người cuối cùng rồi cũng sẽ chết giống như vậy". Thấy những cảnh tượng già bịnh chết như vậy rồi, trong lòng nhà vua ưu não liền cho xe quay trở về cung, ẩn mình trong thâm cung. Trong nước vua có một Bà-la-môn tên là ứng thời thuộc dòng quý tộc, giàu có và thông suốt bốn bộ Minh luận. Nghe tin nhà vua sau khi thấy cảnh già bịnh chết… ẩn trong thâm cung, liền cùng các Bà-la-môn khác cỡi xe ngựa-trắng, tay cầm gậy vàng, bình vàng đến chỗ nhà vua thăm hỏi, sau khi hỏi rõ nguyên do liền tâu với vua rằng: "Đại vương, thế gian ai nấy đều tự thọ lấy nghiệp quả, có hữu tình tạo nghiệp lành, có hữu tình tạo nghiệp ác, cũng có hữu tình tạo nghiệp vừa thiện vừa ác. Đại vương chớ có lo buồn, Đại vương là Chuyển luân Thánh vương thường tạo nghiệp lành, sau khi chết sẽ được sanh thiên. Đại vương nên biết, Chuyển luân Thánh vương hơn hẳn mọi người, hiện đời thọ hưởng an lạc, được sanh lên trời còn an lạc hơn. Nay Đại vương nên lập hội bố thí". Vua nghe rồi liền ra lịnh quần thần thông báo cho dân chúng trong nước biết vua sẽ lập hội thí vô già, ai cần gì thì đến thọ vật thí. Quần thần tuân lịnh vua lập nhà thí thực, người cần thức ăn thì thí thức ăn, người cần áo mặc thì thí áo mặc. Nước vo gạo chảy từ nhà thí thực ra tụ lại thành ao lớn gọi là ao Vô nhiệt, suốt 12 năm nước ao chảy lan ra thành sông gọi là sông nước gạo."

Khi đi đến thành Đồng trưởng, Phật bảo A-nan-đà: "có vua tên là Trưởng tịnh sanh trưởng tại thành này, nên thành này được gọi là Tượng thanh". Khi đi đến thành Át già nhĩ ca, Phật dừng chân ở ngoài thành rồi mỉm cười, nói cho A-nan-đà nghe bốn dấu tích hóa duyên của Phật. Khi đi đến thành Thí bảo, Phật nói với A-nan-đà: "ngày xưa ở tại nơi này, Bồ-tát đã thí nhiều châu báu nên thành này được gọi là thí bảo". Khi đi đến cây Ba la lực, Phật mỉm cười và nói về bốn dấu tích hóa duyên của Phật. Khi đi đến thành Kim thăng, Phật nói: "ngày xưa ở trong thành này Bồ-tát đã lập đàn bô thí, dùng thăng lượng vàng để thí cho người đến xin nên thành

này được gọi là Kim thăng". Khi đi đến thành Tự lai, Phật nói: "trong thành này có vua tên là trưởng tịnh dùng chánh pháp cai trị, dân chúng được an vui. Về sau trên đảnh nhà vua bỗng mọc một cục bướu mềm như bông, không gây khó chịu; khi bướu chín mùi liền tự vỡ ra, trong đó có một đứa bé dung mạo đoan nghiêm đáng yêu… nên mọi người gọi tên là Đảnh sanh. Khi đứa bé được đưa vào cung, trong cung có sáu vạn thể nữ vừa nhìn thấy đứa bé, vú liền tuôn sữa và đều nói câu: "hãy để tôi nuôi", nên Đảnh sanh còn được gọi tên là Lạc dưỡng. Khi Đảnh sanh khôn lớn, vua Trưởng tịnh mắc bịnh, tuy được chữa trị đủ thuốc thang nhưng bịnh càng ngày càng nặng thêm, vua liền bảo quần thần đưa Đảnh sanh đến để lập lên làm vua. Đảnh sanh chưa kịp đến thì sứ giả lại đến báo là nhà vua đã băng hà, Đảnh sanh liền suy nghĩ: "vua cha đã băng, ta cần gì phải đi", do nghĩ vậy nên quay về, quần thần sai sứ đến đón, Đảnh sanh nói: "nếu ta có mạng làm vua thì sẽ làm vua tại đây", quần thần nói: "nếu lập lên làm vua phải có nghi lễ và làm lễ trong hoàng cung nơi tòa sư tử với lọng và vương miện… xin Thái tử hãy đến trong hoàng cung", Đảnh sanh nói: "nếu ta là pháp vương thì những thứ đó không cầu cũng tự đến". Lúc đó có dược xoa tên là Tác nhật thường theo một bên thừa sự cho Đảnh sanh, nghe Thái tử nói vậy nên ngay trong đêm đó dời tòa sư tử, lọng, vương miện, và cung điện từ Đô thành đến chỗ Thái tử, do duyên này thành có tên là Tự lai.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 12

- Chuyện giếng cháo, lúa mạch vàng.
- Chuyện nông dân và con trâu.
- Chuyện cô gái hủi cúng nước cháo.
- Chuyện vua Thắng quang .
- Chuyện cô gái nghèo cúng đèn.
- Chuyện vua Đảnh sanh .

1. Chuyện giếng cháo và lúa mạch vàng:

Lúc đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến thành Thất-la-phiệt, có một Bà-la-môn cày ruộng với bụng đói, khi con gái của ông mang cháo tới cho ông thì Thế tôn cũng vừa đi đến chỗ ông, thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, bước đi như núi báu. Bà-la-môn liền khởi lòng tin trong sạch, vui mừng như người không con được con, như người nghèo được của báu, như người cầu làm vua được làm vua. Bất cứ ai đời trước có thiện căn thì vừa thấy Phật liền phát sanh tâm tín kính như vậy. Bà-la-môn đem món cháo mà mình sắp ăn cúng cho Phật, bạch rằng: "Sa môn Kiều-đáp-ma, xin thương xót nhận món cháo này". Lúc đó Phật hóa hiện một cái giếng cạn, bảo Bà-la-môn đổ cháo vào giếng, ông vừa đổ vào thì giếng dâng đầy cháo thơm phức, đó là do oai lực của Phật và của chư thiên. Phật bảo Bà-la-môn đem cháo này dâng cúng cho chúng tăng, do Phật gia trì nên chúng tăng ăn đã no đủ mà giếng cháo vẫn còn đầy. Bà-la-môn càng thêm tin tưởng đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Phật quán biết ý nhạo tùy miên xứng cơ nói pháp khiến cho Bà-la-môn này được chứng quả Dự lưu, ông vui mừng như người buôn được lời, như đánh nhau được thắng, như bịnh nặng được lành. Ông hoan hỉ thọ trì, đảnh lễ Phật rồi quay trở lại ruộng lúa mạch thì thấy lúa mạch đều có sắc vàng, ông khởi tưởng kỳ đặc liền nói kệ:

"Ruộng phước điền tối thắng,

Lìa được các lầm lỗi,
Vừa mới gieo hạt giống,
Liền gặt hái kết quả".

Bà-la-môn liền đến chỗ vua chúc vua sống lâu rồi tâu với vua rằng: "Đại vương nên biết, thần vừa gieo hạt giống, liền thành lúa mạch vàng, cúi xin Đại vương cho người đến lấy phần (thu thuế)", vua liền cho người đến lấy. Bà-la-môn gặt lúa chất thành đống rồi đong lúa đóng thuế cho vua, lúa này liền biến thành lúa mạch, đong lại bảy lần như vậy phần lúa đóng thuế cho vua đều biến thành lúa mạch thường. Vua nói: "lúa mạch vàng là phước báo của Bà-la-môn, chẳng phải là phước báo của ta, hãy để ông ấy tùy ý đong cho ta", Bà-la-môn dùng ý vô ngại đong phần lúa đóng thuế cho vua, lúa mạch lúc này mới là lúa mạch vàng.

2. Chuyện nông phu và con trâu:

Phật đi đến nơi khác thấy có 500 nông phu đang cày cấy, da nứt nẻ, tay phồng, chân lở, mặc áo vải gai thô; con trâu cày cũng bị thương trên cổ, rách da chảy máu, hơi thở hào hển. Các nông dân này thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng 1 tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời… giống như đoạn văn trên. Vì muốn điều phục họ nên Phật đi đến gần chỗ họ trải tọa cụ ngồi, các nông phu đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp. Phật quán biết ý nhạo tùy miên xứng cơ nói pháp khiến cho các nông phu này được chứng quả Dự lưu, chứng quả rồi tất cả đều chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, con nguyện được ở trong pháp luật khéo giảng nói này xuất gia thọ viên cụ, Thánh tánh Bí-sô ở chỗ Thế tôn tu tập phạm hạnh". Phật bảo: "thiện lai Bí-sô, hãy đến đây tu phạm hạnh… như bài tụng:

Thế tôn gọi " Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Các căn đều tịch tĩnh,
Thành tựu theo ý niệm".

Các Bí-sô này siêng năng đoạn trừ các phiền não, không bao lâu sau đều chứng quả A-la-hán. Lúc đó các con trâu giật đứt dây chạy đến chỗ Phật, nhiễu quanh Phật rồi đứng yên, Phật nói cho các con trâu nghe ba câu pháp như trường hợp của con ngỗng, cá, rùa ở trên cho đến câu các thiên tử được Kiến đế rồi trở về thiên cung. Lúc đó các Bí-sô

đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, các nông phu đã tạo nghiệp gì mà nay phải làm nông dân, lại được xuất gia, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán?. Các con trâu đã tạo nghiệp gì mà nay phải làm trâu, được gặp

Phật khai ngộ sanh lên cõi trời và được Kiến đế?", Phật bảo các Bí-sô: "do họ tự tạo nghiệp nên nay tự thọ lấy quả báo, như kệ nói:

Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Hiền kiếp khi con người sống thọ hai vạn tuổi có đức Phật ra đời hiệu là Ca-nhiếp-ba Như lai Ứng chánh đẳng giác, có đủ 10 hiệu ở trong rừng Thi lộc chỗ Tiên nhơn đọa xứ thành Bà-la-nê-tư. Các nông phu này đều xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, nhưng không chịu đọc tụng, cũng không tác ý kinh, thọ thức ăn của tín thí rồi tụ tập hí luận, lười biếng không siêng năng tu tập.

Này các Bí-sô, 500 Bí-sô đó chính là 500 nông dân ngày nay, 500 thí chủ cất chùa ngày xưa nay chính là 500 trưởng giả. Do ngày xưa họ thọ tín thí cúng dường nhưng không đọc tụng, lười biếng nên trong 500 đời thường làm nông phu loa cày cấy để trả nợ thí chủ. Nhờ xuất gia trong giáo pháp của phật Ca-nhiếp-ba, tu phạm hạnh nên ngày nay được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn trừ các phiền não chứng quả A-la-hán.

Những con trâu này cũng đã xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, nhưng vì hủy phạm các học xứ nhẹ nên nay phải sanh làm trâu. Nhờ phát tâm thanh tịnh đối với Ta nên được sanh thiên, do ngày xưa đã tu phạm hạnh nên ngày nay được Kiến đế. Cho nên ta thường tuyên thuyết: hễ tạo nghiệp đen thì cảm quả báo dị thục đen; tạo nghiệp trắng thì cảm quả báo dị thục trắng… các thầy nên học như thế."

Lúc đó Phật bảo A-nan-đà cùng đi đến thành Đô dị ca, có một Bà-la-môn đang cày bừa thấy Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời… liền suy nghĩ: "nếu ta đến đảnh lễ Sa môn Kiều-đáp-ma thì bỏ bê công việc, nếu không đến đảnh lễ thì mất phước lợi", nghĩ rồi để không bỏ bê công việc mà vẫn được phước lợi nên Bà-la-môn từ xa nói vọng tới chỗ Phật: "xin kính lễ!", Phật bảo A-nan-đà: "Bà-la-môn này tự chiêu lây lỗi lầm, ở nơi đây có xá lợi toàn thân của Phật Ca-nhiếp-ba vẫn còn nguyên vẹn, nếu ông ta đến đảnh lễ ta thì liền được đảnh lễ hai vị Phật Thế tôn", A-nan-đà nghe rồi trải tọa cụ bạch Phật: "cúi xin Thế tôn ngồi xuống để chỗ này có hai vị Phật thọ dụng". Phật bảo các Bí-sô: các thầy có muốn thấy xá lợi toàn thân của Phật Ca-nhiếp-ba Như lai Ứng chánh đẳng giác

không?", đáp là muốn thấy, Phật liền khởi tâm thế gian, Thường pháp của Phật là khi Phật khởi tâm thế gian thì trời rồng đều biết ý Phật, lúc đó rồng quán biết Thế tôn muốn cho các Bí-sô thấy xá lợi toàn thân của Phật Ca-nhiếp-ba, rồng liền mang xá lợi ấy lên hư không cho tất cả được thấy, Phật bảo các Bí-sô: "các thầy hãy nhìn kỹ nếu không nó sẽ ẩn mất". Lúc đó vua Thắng quang hay được tin này cũng muốn đến xem nên cùng các phi hậu… và các quần thần, trưởng giả Cấp-cô-độc… cùng vô lượng hữu tình đi theo sau vua đến chỗ xá lợi, nhưng lúc đó xá lợi ẩn mất, họ buồn rầu nói với nhau: "chúng ta đến thật uổng công, chẳng thấy được gì cả". Lúc đó có một Ô-ba-sách-ca đến chỗ có xá lợi của Phật Ca-nhiếp-ba cung kính hữu nhiễu nghĩ là sẽ được phước lợi, Phật quán biết tâm kia mong cầu phước lợi nên nói kệ:

"Dù đem trăm ngàn vàng Thiệm bộ,
Cất chứa bố thí cho tất cả,
Không bằng người có tâm thanh tịnh,
Siêng năng hữu nhiễu nơi tháp Phật".

Lại có một Ô-ba-sách-ca lấy bùn (xi măng) tô lên chỗ xá lợi ẩn mất, Phật nói kệ:

"Dù đem trăm ngàn vàng Thiệm bộ,
Cất chứa bố thí cho tất cả,
Không bằng người có tâm thanh tịnh,
Đem bùn tô lên nơi tháp Phật".

Nghe Phật nói phước lợi như thế nên trăm ngàn người đều đem bùn tô lên chỗ ấy, lại có người đem hoa rải lên, Phật nói kệ:

"Dù đem trăm ngàn vàng Thiệm bộ,
Cất chứa bố thí cho tất cả,
Không bằng người có tâm thanh tịnh,
Đem hương hoa cúng dường tháp Phật".

Lại có người đem tràng hoa, đèn sáng, cờ phướn, lọng cúng dường ở chỗ ấy với tâm thanh tịnh, Phật nói kệ:

"Bố thí ruộng phước mà ta nói,
Công đức Như lai không thể lường,
Chánh giác giống như là biển cả,
Đạo sư vô thượng là tối thắng".

Lúc đó mọi người suy nghĩ: "phước duyên mà Phật nói đã ẩn mất, nếu cúng dường Phật hiện tại thì có phước lợi không?", Phật quán biết ý nghĩ của họ nên nói kệ:

"Ai có thể cúng dường,
Vị Phật trong hiện tại,
Với tâm tư trong sạch,
Phước lợi không có khác.
Phật không thể nghĩ bàn,
Diệu pháp cũng khó nghĩ,
Người thanh tịnh cũng vậy,
Quả báo giống như nhau.
Danh tướng khó suy lường,
Đều chuyển bánh xe pháp,
Bờ công đức chánh giác,
Không thể nào đến được."

Sau khi nghe Phật nói pháp này, vô lượng hữu tình hoặc được pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất; hoặc chứng quả dự lưu, Nhất lai, Bất lai, hoặc xuất gia cuối cùng chứng quả A-la-hán; hoặc phát tâm thinh văn, hoặc phát tâm Độc giác, hoặc phát tâm vô thượng Bồ-đề, quy y Tam bảo gieo trồng căn lành. Lúc đó các Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ có lòng tin liền lập hội thí lớn ở nơi đó, nên nơi ấy được gọi là vùng Thí thủy.

3. Chuyện cô gái bịnh hủi cúng nước cháo:

Sau đó Phật du hành đến nước Kiều-tát-la, trụ ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ đa thành Thất-la-phiệt, nghe tin Phật đến, trưởng giả Cấp-cô-độc liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Trưởng giả chắp tay bạch Phật: cúi xin Thế tôn và các Bí-sô ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời… cho đến câu trưởng giả sai sứ đến bạch Phật thời đáo và bảo người cửa: "hôm nay Phật và chúng tăng đến thọ thực, đừng để cho ngoại đạo vào nhà ta". Lúc đó cụ thọ Ca-nhiếp-ba sống trong A-lan-nhã, râu tóc hơi dài, đắp y bá nạp đi đến rừng Thệ đa, thấy không có ai liền hỏi người giữ cửa là Phật và chúng tăng đã đi đâu, đáp là đến nhà trưởng giả để thọ thỉnh thực, Ca-nhiếp-ba suy nghĩ: "ta hãy đến đó thọ thực, nhân tiện đảnh lễ Phật và Tăng", nghĩ rồi đi đến nhà trưởng giả, nhưng người giữ cửa không cho vào, nói rằng trưởng giả có dặn không cho ngoại đạo vào lúc Phật và Tăng đang thọ thực, Ca-nhiếp-ba suy nghĩ: "Bà-la-môn, trưởng giả tín

tâm mà còn không biết ta là Sa môn Thích tử, ta nên thương xót cứu vớt người nghèo cô độc để được lợi ích thù thắng. Hôm nay ta nên thương xót cứu vớt hạng người nào?".

Lúc đó có một cô gái ăn xin mắc bịnh hủi, xương thịt lở lói, máu mủ tuôn ra, cô vừa xin được ít nước cháo, Ca-nhiếp-ba liền theo xin nước cháo ấy. Cô gái thấy Ca-nhiếp-ba dung mạo đĩnh đạc, oai nghi đầy đủ liền suy nghĩ: "do ta chưa từng cúng dường người như vậy nên đời này nghèo khổ lại mắc bịnh hủi. Nếu được Thánh giả thương xót, ta sẽ dâng cúng nước cháo này", Ca-nhiếp-ba biết được ý nghĩ của cô gái liền đưa bát ra bảo sớt nước cháo vào bát, cô gái sớt nước cháo vào bát rồi suy nghĩ: "Thánh giả vì hộ tâm ta nên thọ nước cháo này nhưng chưa chắc đã dùng", Ca-nhiếp-ba biết được ý nghĩ của cô gái nên ngồi xuống bên tường trước mặt cô gái để uống nước cháo, cô gái lại suy nghĩ: "vì hộ tâm ta nên Thánh giả mới thọ nước cháo này, nhưng vị ấy sẽ thọ thêm thức ăn ngon khác", biết được ý nghĩ của cô gái, Ca-nhiếp-ba nói: "này cô gái, cô nên hoan hỉ, từ hôm nay cho đến giờ ăn ngày mai nhờ nước cháo này ta được trải qua một ngày một đêm". Cô gái vui mừng suy nghĩ: "hôm nay ta được lợi ích lớn vì Thánh giả Đại Ca-nhiếp-ba đã thọ ta cúng dường", nghĩ rồi liền sanh tâm thanh tịnh đối với Ca-nhiếp-ba, sau đó qua đời được sanh lên cõi trời Đổ sử. Vua trời Đế thích thấy cô gái bố thí nước cháo với tâm thanh tịnh đã qua đời, không biết thác sanh vào cõi nào liền quán ở cõi Địa ngục… cho đến cõi trời Tam thập tam cũng không thấy, liền đến đảnh lễ Phật nói kệ hỏi Phật:

"Ca-nhiếp-ba đại nhân,
Theo thứ lớp khất thực,
Cô gái cúng nước cháo,
Được sanh vào cõi nào ?"

Phật nói kệ đáp:

"Cõi trời Đổ-sử-đa,
Hưởng dục lạc theo ý,
Cô gái cúng nước cháo,
Đã sanh lên cõi ấy".

Vua trời Đế thích nghe rồi suy nghĩ: "những người không biết tu phước mà còn bố thí được lợi ích lớn, huống chi ta biết tu phước đã được lợi ích, sao không bố thí tu các phước nghiệp. Thánh giả Ca-nhiếp-ba thương xót người nghèo khổ, ta nên hóa làm người nghèo để cúng dường một bửa ăn", nghĩ rồi liền hóa thân làm người nghèo xấu xí, mặc áo vải gai thô, tay chân nứt nẻ đang dệt vải trong một căn nhà lá giống như tổ

chim, phu nhân Xá chi hóa làm vợ người thợ dệt để sẵn thức ăn cõi trời một bên chờ Thánh giả Ca-nhiếp-ba đến khất thực để cúng dường. Lúc đó Ca-nhiếp-ba theo thứ lớp khất thực đến trước cửa nhà, vị hóa thiên này

sớt thức ăn thượng diệu của cõi trời vào đầy bát, Ca-nhiếp-ba thấy thức ăn thượng diệu này quán biết là Thiên đế nên nói: "này Kiều thi ca, vì sao thiên chủ gây khó khăn cho người nghèo khổ?", đáp: "Thánh giả, tôi đã làm gì mà nói là gây khó khăn cho người nghèo khổ, những người không biết tu phước mà còn bố thí được lợi ích lớn, huống chi tôi biết tu phước sao không cúng dường tu các phước nghiệp. Thế tôn há chẳng nói:

"Phải thường tu tạo phước,
Không phước gặp khổ nguy,
Người nào có tu phước,
Hiện đời được an lạc".

Từ nay về sau Thánh giả nên quán trước rồi hãy thọ thức ăn". Lúc ấy vua trời Đế thích từ trên hư không sớt thức ăn thượng diệu của chư thiên vào bát, tôn giả Ca-nhiếp-ba nghiêng bát không hứng khiến thức ăn rơi xuống đất. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "do việc này, các Bí-sô nên mang bát có nắp đậy", lúc đó mọi người đều biết việc cô gái bịnh hủi cúng nước cháo cho tôn giả Ca-nhiếp-ba, sau khi chết được sanh lên cõi trời Đổ-sử-đa.

4. Chuyện vua Thắng quang:

Vua Thắng quang nghe được việc này liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua chắp tay bạch Phật: cúi xin Thế tôn và các Bí-sô vì Thánh giả Ca-nhiếp-ba thọ con thỉnh thực trong bảy ngày", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời… cho đến câu vua đích thân dâng thức ăn cho Phật và Tăng. Lúc đó có một đứa bé ăn xin ngồi chờ cho thức ăn dư thấy vậy liền phát sanh lòng tín kính suy nghĩ: "do ngày xưa vua tu phước nghiệp nên nay được địa vị tôn quý, lại còn cúng dường Tam bảo". Sau khi thọ thực xong Phật nói với nhà vua: "ta sẽ vì vua nói kệ bố thí và chú nguyện cho cậu bé được phước đức lớn kia", vua nghe rồi liền suy nghĩ: "hôm nay Thế tôn thọ ta cúng dường, sao lại có người nào khác được phước đức lớn", nghĩ rồi liền bạch Phật: "cúi xin Thế tôn chú nguyện cho người nào được phước đức lớn", Phật liền chú nguyện cho cậu bé ăn xin như thế đến ngày thứ sáu, vua buồn rầu chống cằm suy nghĩ: "Thế tôn thọ ta cúng dường mà lại chú nguyện cho cậu bé ăn xin". Quần thần sau khi hỏi biết rõ nguyên do liền tâu

vua: "xin vua yên tâm, sáng mai thần sẽ thỉnh Thế tôn xưng tên vua mà chú nguyện", kế bảo người đầu bếp làm thức ăn nhiều gấp bội và bảo người dọn thức ăn khi dâng thức ăn một phần sớt vào bát, một phần để rơi

xuống đất. Họ vâng lời làm theo, lúc đó cậu bé xin ăn thấy thức ăn rơi xuống đất vội chạy đến lượm lấy, người dọn thức ăn không cho nhặt, cậu bé ăn xin nói: "vua cúng dường thức ăn nhiều vô kể, vì sao không cho người nghèo chúng tôi nhặt lấy thức ăn rơi?", do tâm tán loạn nên lúc đó cậu bé ăn xin không khởi tâm tín kính như trước nữa. Sau khi Phật và tăng thọ thực xong, vua ngồi đối diện với Phật suy nghĩ: "hôm nay Thế tôn chú nguyện cho ta hay cho người khác?", Phật chú nguyện cho vua như sau:

"Đủ bốn binh: voi ngựa xe bộ,
Ở thành này vật thực tự tại,
Vua không biết vì sao có được,
Nhờ cúng dường cơm lạt không muối".

Lúc đó cụ thọ A-nan-đà bạch Phật: "Thế tôn đã nhiều lần thọ vua Thắng quang cúng dường, nhưng con chưa nghe Phật nói kệ chú nguyện này", Phật hỏi A-nan-đà: "thầy có muốn nghe nghiệp duyên cúng dường cơm lạt không muối của vua Thắng quang ngày xưa không

?", đáp muốn nghe, Phật bảo các Bí-sô: "Ngày xưa ở trong một làng nọ có một trưởng giả cưới vợ không bao lâu thì người vợ mang thai, đủ ngày tháng sanh một con trai, đến khi con khôn lớn người chồng để lại một ít tiền cho người vợ ở nhà chi tiêu rồi gom góp của cải làm vốn sang xứ khác buôn bán cầu lợi, không ngờ sau khi người chồng ra đi, người vợ lại sanh con và hay tin người chồng đã chết không thể trở về. Có một trưởng giả ở gần đó bảo người mẹ: "bà hãy cho con bà qua làm công cho nhà tôi, tôi sẽ cấp cho quần áo và thức ăn", người mẹ chấp nhận, trưởng giả bảo người con của bà làm ruộng ngoài đồng và sai người mang thức ăn tới. Thời gian sau đến ngày tiết hội, người mẹ suy nghĩ: "ngày nay trong nhà trưởng giả thiết hội cúng dường Sa môn, Bà-la-môn… chắc không có ai mang thức ăn đến cho con ta, ta nên đến đó lấy thức ăn đem cho nó để nó khỏi bị đói", nghĩ rồi liền đến nhà trưởng giả nói vợ vợ trưởng giả, vợ trưởng giả nghe xong nổi giận nói: "thức ăn chưa cúng dường cho các Sa môn, Bà-la-môn… thì làm sao cho người làm công ăn trước được. Ngày nay nhịn một bửa, ngày mai sẽ bù gấp đôi", người mẹ nghe rồi suy nghĩ: "hôm nay con ta sẽ bị đói, trong nhà còn có một cục cơm lạt không muối ta nên mang cho nó ăn đỡ đói", nghĩ rồi liền đem cục cơm lạt không muối ở nhà đến cho con, người con nói:

"mẹ hãy để đó rồi về nhà đi". Lúc đó ở thế gian không có Phật chỉ có vị Độc giác là phước điền ở đời, làm lợi ích cho những người khốn khổ. Người con thấy vị Độc giác đi tới, oai nghi đĩnh đạc liền suy nghĩ: "do ngày

xưa ta không cúng dường ruộng phước như thế nên đời này chịu khổ, nếu vị ấy thọ cục cơm lạt không muối này thì ta sẽ dâng cúng", biết được ý nghĩ của chàng trai nghèo này, vị Độc giác đưa bát ra nói rằng: "hiền thủ muốn cúng thì hãy bỏ vào bát này", chàng trai liền để cục cơm lạt không muối vào trong bát.

Này các Bí-sô, chàng trai nghèo cúng cục cơm vắt ngày xưa, nay chính là vua Thắng quang. Do ngày xưa thành tâm cúng dường cục cơm lạt không muối mà sáu lần làm vua cõi trời Tam thập tam, sáu lần làm vua quán đảnh ở thành Thất-la-phiệt, ngày nay lại làm vua quán đảnh ở nơi này, phước báo ấy mới hết, cho nên ta mới nói kệ chú nguyện trên".

5. Chuyện cô gái nghèo cúng đèn:

Lúc đó dân chúng đều nghe biết việc này, vua liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn thương xót thọ con cúng dường tứ sự trong ba tháng", Phật im lặng nhận lời, trong ba tháng mỗi ngày vua cho chuẩn bị trăm món ăn ngon và y phục trị giá trăm ngàn tiền cho các Bí-sô, lại đem cả vạn bình dầu thơm đến để thắp sáng vào ban đêm. Do hội thí thực biểu hiện sự trân trọng nên trong nước rất náo nhiệt, lúc đó có một cô gái nghèo đi xin ăn kiếm sống, hỏi mọi người duyên cớ vì sao náo nhiệt, mọi người nói: "vua Thắng quang cúng dường tứ sự cho chúng Tăng trong ba tháng… tối nay vua mở hội thắp đèn để biểu hiện tâm ân trọng nên náo nhiệt như thế". Cô gái nghe rồi suy nghĩ: "vua Thắng quang tu phước không biết chán, ta không thể làm được, chỉ có thể đi xin một ngọn đèn để cúng dường", nghĩ rồi liền đi xin dầu để đốt đèn, mang ngọn đèn đến chỗ Phật kinh hành chắp tay phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành này, con được thành bậc Vô thượng giác lúc con người sống thọ 100 tuổi như Phật Thích ca; Như Phật Thích ca có hai vị Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên đứng hầu hai bên hiền thiện tương ưng, Bí-sô A-nan-đà làm thị giả, cha là Tịnh-phạn, mẹ là Ma-da, thành có tên là Kiếp-tỷ-la, con trai là La-hỗ-la… con nguyện ở đời vị lai cũng sẽ có đệ tử, cha mẹ, quốc thành, thê tử giống như vậy; như Phật Thích ca khi nhập Bát Niết-bàn, từng phần trên thân đều nát thành xá lợi, con cũng giống như vậy khi Bát Niết-bàn từng phần trên thân đều nát thành xá lợi". Lúc đó Phật vẫn còn kinh hành, thị giả cũng chưa đi nghỉ, cụ thọ A-nan-đà thấy các ngọn đèn khác đều đã tắt, chỉ còn ngọn đèn của cô gái nghèo là chưa tắt liền suy nghĩ: "Phật không thể ngủ trong khi đèn còn cháy sáng, ta nên tắt cây đèn đang cháy này", nghĩ rồi liền dùng tay quạt tắt nhưng đèn không tắt, kế

dùng y quạt tắt đèn vẫn không tắt, kế cầm quạt quạt tắt đèn vẫn không tắt. Lúc đó Phật bảo A-nan-đà: "thầy chớ có khổ nhọc vô ích, cho dù có ngọn gió to thổi đến vẫn không làm cho đèn tắt, huống chi là thầy dùng tay, y cho đến dùng quạt quạt tắt. Vì sao, vì đèn này là do người nữ phát nguyện rộng lớn và dùng ý vô hạn để thắp lên. Này A-nan-đà, đời vị lai khi con người sống thọ 100 tuổi người nữ ấy sẽ thành Chánh giác hiệu là Thích ca Mâu ni Như lai Ứng chánh đẳng giác, đầy đủ 10 hiệu, cũng có các đệ tử hiện thiện tương ưng như ta… giống như đoạn văn trên". Lúc đó mọi người đều nghe biết việc người nữ chỉ cúng một ngọn đèn mà được Phật thọ ký đời vị lai sẽ thành Phật, nghe biết rồi các Bà-la-môn… nói với nhau: "cô gái nghèo này đời vị lai sẽ thành tựu các đức", nên họ đem y phục thức ăn… đến cho cô gái đó. Lúc đó vua Thắng quang nghe biết việc này cho là Phật không công bằng liền đem một ngàn bình dầu thơm lớn, dùng đĩa bốn loại châu báu làm đĩa đốt đèn để thắp sáng chỗ Phật kinh hành rồi bạch Phật: "Thế tôn, vì Thánh giả Ca-nhiếp-ba con đã thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong bảy ngày, nên Phật nói nghiệp duyên cúng dường cơm lạt không muối của con ngày xưa. Sau đó con lại thỉnh Phật và tăng cúng dường tứ sự trong ba tháng, mỗi ngày trăm món ăn ngon, mỗi Bí-sô được cúng y phục trị giá trăm ngàn tiền, con lại cúng cả vạn bình dầu thơm để đốt đèn… Vậy mà không được Thế tôn thọ ký sẽ thành Vô thượng giác ở đời vị lai. Cúi xin Phật thọ ký cho con được thành Phật, làm bậc đạo sư trong đời vị lai", Phật nói: "Đại vương, đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác rất khó lường, khó hiểu thấu, khó đạt đến được, vi diệu khó biết, là chỗ hiểu biết của người trí, người ngu không thể nào hiểu biết đến được, cũng không thể đổi chác được. Không phải chỉ do một sự cúng dường mà cầu được, cũng chẳng phải do trăm ngàn sự cúng dường mà đạt đến được, Đại vương, ai mong cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng giác phải tu các hạnh bố thí Ba-la-mật, tu các phước lành, thân cận thiện tri thức, khiêm nhường cung kính mới có thể thành bậc đạo sư". Nghe Phật nói xong, vua rơi lệ bạch Phật: "khi cầu quả Vô thượng Đẳng chánh giác, Thế tôn đã bố thí những gì, tu những nghiệp lành gì?", Phật nói: "bỏ qua những kiếp khác, hôm nay ta sẽ nói sơ lược những vật mà ta đã bố thí và nghiệp lành mà ta đã tu tập để cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác ở trong Hiền kiếp này, vua hãy lắng nghe:

6. Chuyện vua Đảnh sanh:

Thuở xưa khi con người sống thọ vô lượng tuổi, có vua tên là trưởng tịnh dùng chánh pháp cai trị, dân chúng được an vui. Về sau trên đảnh nhà

vua bỗng mọc một cục bướu mềm như bông, không gây khó chịu; khi bướu chín mùi liền tự vỡ ra, trong đó có một đứa bé dung mạo đoan nghiêm đáng yêu… nên mọi người gọi tên là Đảnh sanh. Khi đứa bé được đưa vào cung, trong cung có tám vạn bốn ngàn thể nữ vừa nhìn thấy đứa bé, vú liền tuôn sữa và đều nói câu: "hãy để tôi nuôi", nên Đảnh sanh còn được gọi tên là Lạc dưỡng. (Như trong phẩm Tương ưng vương pháp kinh A Cấp ma). Vương tử Đảnh sanh vui chơi cùng các đồng tử khác trong khoảng thời gian gấp sáu lần tuổi thọ của vua trời Đế thích; sau đó làm Thái tử trong khoảng thời gian gấp sáu lần tuổi thọ của vua trời Đế thích rồi mới lên ngôi vua, cũng trong khoảng thời gian gấp sáu lần tuổi thọ của vua trời Đế thích; dùng chánh pháp trị thế ở châu Thiệm bộ, trong cung thì mưa y phục cõi trời, bên ngoài thì mưa vàng bạc châu báu. Lúc đó bên cạnh thành Quảng nghiêm có 500 vị tiên tên là Xú diện, nơi họ ở có đủ loại chim kêu loạn xạ khiến các vị tiên này không chịu nổi, liền chú nguyện cho chúng rụng hết lông cánh. Vua Mạn-đà-la nghe biết việc này nghĩ rằng: "Các tiên nhơn này không có lòng từ bi, sao để họ ở nơi đây được", nghĩ rồi liền đuổi họ ra khỏi nước, các tiên nhơn suy nghĩ: "vua làm vua bốn cõi, nay chúng ta sẽ sống ở đâu", nghĩ rồi liền đến sống ở chân núi Diệu cao. Về sau vua đến sống ở Tây Câu đà ni trong khoảng thời gian bằng sáu lần tuổi thọ của vua trời Đế thích -; ở Đông Phất đề bà và Bắc Câu lô châu cũng như vậy; ở bảy dãy núi vàng ròng vua cũng trải qua thời gian bằng sáu lần tuổi thọ của vua trời Đế thích. Khi vua và quân binh tiến lên đỉnh núi Tu di, các tiên nhơn liền chú nguyện cho quân binh không thể cử động, lúc đó có một Dược xoa tên là Không cư thấy rồi liền nói kệ:

"Xin tiên hãy bỏ tâm sân hận,
Để cho mọi thứ được thành tựu,
Đây là Đại vương Mạn-đà-la,
Không giống bầy chim thành
Quảng nghiêm".

Vua thấy quân binh không cử động liền hỏi là ai đã ngăn cản, đáp là đại tiên, vua hỏi đại tiên ưa thích gì nhất, đáp là ưa thích búi tóc nhất, vua liền chú nguyện: "nguyện cho vị tiên ấy không còn búi tóc trên đầu và làm người hầu của ta". Vua vừa nguyện xong, búi tóc của vị tiên ấy tự rụng và cầm gậy đi tới chỗ vua. Nữ báu của vua nói: "đó

là tiên nhơn, Đại vương chớ gây họa, hãy thả ông ta". Vua nghe rồi liền thả tiên nhơn, tiên nhơn tức giận liền giữ giới hạnh, không bao lâu sau chứng được năm thông. Lúc đó hai Long vương Nan-đà và Ô ba-nan-đà thấy quân binh của vua cho là quân binh A-tu-la liền dẫn bốn binh ra đánh,

khi thấy là vua Mạn-đà-la binh chúng của Long vương đều thối lui, bốn đại Dược xoa cũng bỏ chạy đến chỗ Tứ thiên vương tâu: "hôm nay có quân binh của vua Mạn-đà-la kéo đến, vua ấy có phước đức lớn sắp đến cung vua trời Đế thích, chúng ta nên mang hương hoa và các món cúng dường ra nghinh đón họ". Sau đó tất cả cùng đến cung vua trời Đế thích, vừa trông thấy vua Đảnh sanh, vua trời Đế thích liền chia nửa tòa ngồi mời ngồi. Lúc đó có bốn binh của A-tu-la kéo đến, Dược xoa liền vào báo cho vua trời Đế thích biết, vua trời Đế thích định dẫn binh ra đối địch, vua Mạn-đà-la bảo vua trời Đế thích ở lại để mình dẫn binh ra đối phó. Nói rồi vua dẫn tám vạn lực sĩ khỏe mạnh nương hư không mà đi và bảo các lực sĩ phát ra âm thanh lớn nói rằng: chúng tôi là lực sĩ có oai đức lớn, nghe âm thanh này quân A-tu-la đều bịt tai bỏ chạy. Lúc đó vua Đảnh sanh suy nghĩ: "ta nên sống ở đây, người ở châu Thiệm bộ đông đúc giàu có vui vẻ, cho đến ba châu kia đều thuộc về ta, ta nay nên chiếm ngôi vua trời Đế thích làm chủ cõi trời người", vừa nghĩ xong vua liền mất thần thông rơi trở xuống châu Thiệm bộ và mắc bịnh nặng, vua liền nói kệ:

"Có thật nhiều của cải,
Vẫn không hết ham muốn,
Vui ít mà khổ nhiều,
Người trí nên xa lìa.
Dù hưởng vui cõi trời,
Cũng không thỏa ý thích,
Muốn biết hết vui thích,
Chỉ có Phật, Thanh văn.
Ví như núi vàng tụ,
Cao như Tuyết sơn vương,
Vẫn còn thấy chưa đủ,
Người trí hiểu như vậy,
Do thấy gốc khổ này,
Dục lạc không đáng ưa,
Ấm, căn là mũi tên,
Hãy cùng học luật giáo".

Nói kệ rồi vua thực hành đại bố thí rồi lại nói kệ:

"Ta biết thọ mạng ngắn,
Đời sau ắt chịu khổ,
Nay làm các công đức,
Để đời sau được vui,
Người nào thích tu phước,

Thì tùy sức bố thí,
Người ưa thích tu phước,
Đời này đời sau vui”.

Này Đại vương, ý vua nghĩ sao, vua Mạn-đà-la ngày xưa nay chính là thân ta. Thuở xưa ta làm lợi ích cho hữu tình như vậy mà còn không thể đạt được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác; huống chi là bố thí chút ít mà có thể đạt được hay sao, do duyên nơi nhân này chỉ có quả báo sanh tử mà thôi”.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 13

Phật lại bảo vua Thắng quang: "thuở xưa ta vì cầu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác làm lợi ích cho các hữu tình như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa có Chuyển luân Thánh vương tên là Đại Hỷ kiến, có đủ bảy báu và bốn Thần thông… như trong phẩm 63 của kinh Trường A cấp ma có nói rõ. Lúc đó vua Hỷ kiến ưa thích chánh pháp nên cúng dường thức ăn cho 500 vị Độc giác, sau đó lại dâng cúng cho mỗi vị Độc giác một tấm giạ rồi nói kệ:

"Đã chứng tâm rộng lớn,
Nhơn giả chớ phóng dật,
Cúng dường người trì giới,
Thì sẽ được tăng ích,
Người cúng dường hiểu rõ,
Tín tâm được giải thoát,
Do chứng, tâm không tội,
Đời sau được an vui".

Này Đại vương, Chuyển luân Thánh vương có đủ bảy báu và bốn Thần thông ngày xưa, nay chính là thân ta. Xưa nhờ cúng dường 500 vị Độc giác tuy không được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng nhờ nhân duyên này tích tụ thiện căn để đến ngày nay được thành tựu đạo quả Chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "này Đại vương, để cầu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ta đã làm công đức xả thí như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa có một Bà-la-môn tên là Thời chí thuộc dòng hào tộc, thường thực hành bố thí và cúng dường các Bà-la-môn. Ông có 84 vạn con voi lớn được trang sức bằng các đồ trang sức bằng vàng, dùng lụa

vàng phủ lên lưng voi và có tua ren rũ xuống dưới. Ông đem những

con voi này cúng dường cho các Bà-la-môn… như trong kinh Tý la ma có nói rõ. Kinh Trung A cấp ma có bài kệ về công đức bố thí này:

"Thí rồi nguyện họ vui,
Ta thí trụ vô úy,
Cúng dường cho thế gian,
Trời cùng với mọi người,
Cầu cho tất cả vui,
Xả thí, trụ vô úy,
Thường cầu sẽ giải thoát,
Giàu có làm nhân chủ".

Này Đại vương, Bà-la-môn cúng dường 84 vạn con voi thuở xưa đó chính là thân ta ngày nay. Xưa kia nhờ xả thí tuy ta chưa chứng được đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhưng nhờ nhân duyên đó ta có chánh tín, cho đến nay công đức viên mãn mới thành tựu được quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "này Đại vương, để cầu đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, ta đã bố thí tu các phước nghiệp như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa có Chuyển luân Thánh vương tên là Kiết thắng thống lĩnh bốn châu, có đủ bảy báu và được ba thần thông, do không có con nên nhà vua đã tìm đủ cách để có con. Lúc đó có một người đến tâu vua: "có một loại thuốc tên là đa tử, vương phi uống vào sẽ có con", vua nghe rồi liền cho người đi tìm loại thuốc này. Khi tìm được thuốc vua liền cho vương phi uống, uống xong vương phi liền mang thai nhưng không biết là nhờ uống thuốc, Đủ ngày tháng sanh một con trai nhưng lại có hình dáng kỳ dị, mặt như sư tử và có sức mạnh như Na-la-diên, vua làm lễ đặt tên cho con là Mao thảo. Khi vương tử trưởng thành, ở phía trước vương tử bỗng xuất hiện một chiếc loa và bánh xe vi diệu; nếu vương tử thổi loa này thì quân địch nghe tiếng loa đều bỏ chạy hoặc bị điếc tai; nếu nghe tiếng bánh xe chuyển động cũng đều bỏ chạy. Sau khi chế phục được vua các ngoại bang, vương tử đến báo cáo với phụ vương, phụ vương vui mừng cho người sang nước lân bang hỏi cưới công chúa cho Thái tử, nhưng trong ngày lễ thành hôn công chúa thấy Thái tử có hình dáng kỳ dị nên sợ hãi bỏ chạy. Thái tử cầm loa, bánh xe và đao đuổi theo công chúa, trên đường đi thấy voi ngựa của nhà vua bị sư tử ăn; Thái tử liền cầm loa thổi khiến cho sư tử, hổ, sói đều bỏ chạy. Những người giữ voi ngựa đem một phần sáu số voi ngựa biếu cho Thái tử, Thái tử nói: "số voi ngựa các vị biếu cho ta, hãy để lại

đây, khi quay về ta sẽ lấy", nói rồi tiếp tục đuổi theo công chúa. Lúc đó thân quyến của Thái tử đem binh mã tới bảo Thái tử: "Thái tử hãy quay về, nếu nhất quyết đuổi theo thì hãy dẫn số binh chúng này đi theo", Thái tử nói: "tôi đi một mình, không cần binh chúng", nói rồi một mình đi đến nước của vợ. Thấy Thái tử đến cha vợ bảo: "hãy dẫn công chúa đi", Thái tử liền dẫn công chúa đi, trên đường trở về Thái tử đến chỗ người giữ voi để nhận số voi ngựa họ đã biếu, họ nói là đã bị gió thổi bay mất hết, Thái tử nghe rồi liền nói kệ:

"Voi ngựa lớn và nhỏ,
Đều bị gió thổi bay,
Huống chi bò và dê,
Suy tư liền tự biết."

Trở về cung tắm rửa rồi soi gương mới thấy mình hình dung đáng sợ, tự nghĩ: "mặt mũi ta đáng sợ như vậy, hèn chi mọi người đều ghê sợ, ta mang chi thân này nữa", nghĩ rồi liền vào trong rừng muốn tự tử. Lúc đó vua trời Đế thích quán thấy Thái tử là Bồ-tát trong Hiền kiếp liền suy nghĩ: "nếu làm cho Thái tử được xinh đẹp thì sẽ không muốn tự tử nữa", nghĩ rồi liền cho Thái tử hạt châu trong búi tóc, sau khi đeo hạt châu này Thái tử trở nên xinh đẹp như thiên tử và có đủ bảy báu. Sau khi vua cha băng hà, Thái tử lên nối ngôi, thống lĩnh bốn cõi, đúng chánh pháp cai trị, có oai lực lớn, ở 60 vạn thành, vua đều thiết lập nghĩa đường, y theo pháp thế tục lập nhà tế tự chuyên tu bố thí trong nhiều năm. Sau khi cúng dường cho các Bà-la-môn trong suốt trăm ngàn năm, vua nói kệ:

"Ai có nhiều thọ dụng,
Chư thiên và loài người,
Keo kiệt không bố thí,
Nhiều của mà không xả,
Người mê lòng chấp chặt,
Phật dạy nên bố thí,
Cầm gậy không phải dũng,
Tâm năng thí mới dũng".

Này Đại vương, Chuyển luân Thánh vương xưa kia thiết lập nghĩa đường, y theo pháp thế tục lập nhà tế tự chuyên tu bố thí, rộng tu công đức, chính là thân ta ngày nay. Nhờ xả thí nên ngày nay ta mới thành tựu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ta tu tập phước này còn nhờ nơi nhân duyên, tín căn và tích tụ căn lành nên nay mới chứng quả Chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng

chánh đẳng chánh giác, ta đã hành bố thí, tu phước nghiệp như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa có một vị vua tên là Loa Ma-đằng-ca với hằng trăm quyến thuộc vây quanh, vua có tâm từ bi thường làm lợi ích cho các hữu tình. Gặp lúc trong nước mất mùa đói kém, vua chí thành phát nguyện, trời liền giáng mưa xuống, nhờ thế nước ấy trở nên giàu có, thời gian sau vua bỏ ngôi vua xuất gia theo tiên nhơn, chứng được năm thông. Lúc đó ở thành Bà-la-nê-tư có vua tên Phạm đức cai trị, dân chúng đông đúc an vui, bỗng có tướng số đoán rằng trong 12 năm tới trời sẽ không mưa, vua liền cho đánh trông bố cáo dân chúng : "ai có thể chuẩn bị lương thực trong 12 năm thì ở lại, ai không thể thì được phép sang nước khác". Dân chúng nghe rồi nói với nhau: "nghe nói ở nước Ma-đằng-ca có vị tiên chân thật thệ nguyện thì trời liền giáng mưa, nên nước ấy được giàu có an vui, chúng ta nên sang nước đó", nói rồi đều cùng nhau bỏ sang nước Ma-đằng-ca sinh sống. Ở nước đó sau khi vua cha xuất gia Thái tử lên nối ngôi, trong suốt 12 năm cung cấp đầy đủ lương thực cho những người sống nhờ ở nước mình. Lúc đó vua Phạm đức hỏi quần thần mới biết dân chúng nước mình đã bỏ sang ở nước Ma-đằng-ca, liền bảo quần thần: "hiện nay thế gian đói kém như thời mạt kiếp, chúng ta nên làm cách gì để thoát khỏi nạn này?", quần thần tâu: "vua Ma-đằng-ca nay đã xuất gia chứng đạo tiên, chúng ta nên cung thỉnh vị ấy đến". Vua nghe rồi liền đến chỗ tiên Ma-đằng-ca cung thỉnh đến nước mình phát lời nguyện chân thật, tiên nhơn nhận lời đến nước đó phát lời nguyện chân thật như sau:

"Ta dù sanh dòng Chiên đồ la,
Cũng không ác tâm làm tổn hại,
Tam Loa xin báo cho hết thảy,
Chư thiên và người đều đã thấy,
Nay ta phát lời nguyện chân thật,
Từ lâu đã huân tập tâm từ,
Thường vì chúng sanh khắp pháp giới,
Xin rồng giáng mưa cứu người đói,
Từ khi sanh ra luôn tu thiện,
Từ lâu huân tập tâm từ bi,
Dùng vô lượng lời chân thật này,
Xin rồng giáng mưa cứu chúng sanh".

Tiên nhơn phát nguyện xong, ở thành Bà-la-nê-tư liền có mưa to, trong nước được mùa không còn đói kém nữa, dân chúng sống nhờ ở nước Ma-đằng-ca đều trở về lại quê hương.

Này Đại vương, vua Tam Loa Ma-đằng-ca ngày xưa chính là thân ta ngày nay, Ngày xưa ta hành từ bi làm lợi ích cho các hữu tình, nếu phát lời nguyện chân thật thì trời liền giáng mưa, khiến cho trong nước được mùa hết đói kém. Đại vương, không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả vô thượng Bồ-đề, ta đã tu bố thí, làm các phước nghiệp như sau, đai vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa ở nước Di địa la có vua chuyển luân tên là Đại thiên như trong kinh A Cấp ma có nói rõ, vua tự thấy mình có nhiều thọ dụng nên làm pháp tế tự và nói kệ:

"Nếu mong cầu giàu có,
Ở cõi trời và người,
Nên tùy sức bố thí,
Do vì sợ bần cùng,
Người thí được người trọng,
Sau được chư thiên cúng,
Người, phi nhơn quy y,
Như mưa rơi, kết trái."

Đại vương, vua chuyển luân ngày xưa chính là thân ta ngày nay, ngày xưa do ta quyết định hướng về đường lành, thường tu phạm hạnh nên trong tám bốn ngàn đời thường ở ngôi vị Chuyển luân. Đại vương, không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác."

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã tu bố thí làm các phước nghiệp như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa ở thành Di địa la có vua chuyển luân tên là Nê-di-la như trong kinh A Cấp ma có nói rõ, vua thấy mình có nhiều thọ dụng nên làm các pháp tế tự, bố thí cho tất cả rồi nói kệ:

"Thấy ai làm pháp lành,
Thì hãy làm lành theo,
Người biếng nhác không làm,
Chính là người thấp hèn".

Lúc đó vua trời Đế thích bảo vua Nê-di-la: "vua hãy đến trong cung của tôi để thọ hưởng ngũ dục cõi trời, tùy ý thọ lạc", vua liền nói kệ:

"Như mượn vật của người,
Hết hạn thì phải trả,
Thiên lạc cũng như vậy,
Giống như vật mượn tạm,
Ta về Di địa la,
Tu tạo các phước nghiệp,
Nhờ phước sanh lên trời,
Sẽ đến trong cung ấy".

Vua Nê-di-la liền trở về nước mình lo tu bố thí làm các phước nghiệp rồi nói kệ:

"Người hiền khen bố thí,
Tùy thời mà hành xả,
Sát lợi, Phạm, Phệ xá,
Chiên đồ, Tuất đạt la,
Hành xả lúc đói kém,
Giúp họ được no đủ,
Sẽ xa lìa đường ác,
Sau được sanh lên trời,
Người trí biết phước này,
Nên thường hành xả thí,
Do thí được giải thoát,
Phú quý và sanh thiên".

Này Đại vương, vua chuyển luân ngày xưa chính là thân ta ngày nay, ngày xưa ta lên cõi trời Tam thập tam được vua trời Đế thích chia tòa mời ngồi và mời ở lại thọ hưởng năm dục, ta còn trở về nước Di địa la thiết lập nghĩa đường, y theo pháp thế tục lập nhà tế tự chuyên tu bố thí. Đại vương, không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã hành xả thí tu các phước nghiệp như sau, đai vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa có vị vua tên là A-nan-đà, vua có trăm người con, người con nhỏ nhất tên là Cảnh diện. Thời gian sau vua nhiễm bịnh dù đã dùng đủ loại thuốc, bịnh vẫn không khỏi mà còn nặng thêm, khi sắp qua đời vua

bảo quần thần nên lập vua mới, quần thần hỏi vua định lập ai, vua nói: "người nào có phước đức, có phước báo của chư thiên, khi mang giày báu thì người trong cung đều nghe lời, là người thấy được sáu phục tàng: 1. Là nội tàng. 2. Là ngoại tàng. 3. Là nội ngoại tàng. 4. Là phục tàng ở trong rừng. 5. Là phục tàng ở trong núi. 6. Là phục tàng ở dưới nước; thì người đó nên lập làm vua", nói xong vua băng hà. Sau khi chọn lựa, quần thần thấy chỉ có vương tử út tên cảnh diện là có đủ các điều kiện trên nên lập lên làm vua, sau khi lên ngôi vua thấy có sáu phục tàng. Hễ vua đứng dưới gốc cây nào thì bên dưới có phục tàng, gọi là phục tàng trong rừng cây; vua ở trong khe núi hay vườn hoa cũng vậy, cho đến vua vui đùa trong nước thì dưới nước đó có phục tàng. Vua đúng chánh pháp cai trị, trong nước mất mùa đói kém trong 12 năm, vua y pháp tế tự bố thí khiến cho dân chúng được no đủ rồi nói kệ:

"Nhờ pháp được của cải,
Người trí không cất chứa,
Bố thí là giữ giới,
Thí và người thọ thí,
Sa môn, Bà-la-môn ,
Người nghèo được no đủ,
Sau khi bỏ thân này,
Sẽ được sanh lên trời,
Hiểu rõ được việc này,
Chánh tín niệm giải thoát,
Thường mạnh mẽ bố thí,
Hành xả không lẫn tiếc".

Này Đại vương, vua Cảnh diện ngày xưa chính là thân ta ngày nay. Ngày xưa dân chúng đói kém trong 12 năm ta đã bố thí cho tất cả được no đủ, không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã hành bố thí tạo các phước nghiệp, phát tinh tấn Ba-la-mật như sau, Đại vương hãy lắng nghe: Thuở xưa ở nước Bàn già la có hai ông vua, vua ở phía Bắc tên là Viết tài trụ trong thành Long các, một người làm vua ở phía Nam. Vua Viết tài dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có kiện tụng, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa. Cạnh thành Long các có một cái ao lớn, trên mặt ao phủ đầy các loại hoa sen và có nhiều loại chim đến đây cư trú, dưới ao

có một Long tử tên Diệu sanh thường nổi mây giáng mưa đúng thời làm cho ruộng lúa tốt tươi, dân chúng được mùa. Vua phía Nam bản tánh hiểm ác, thô bạo dùng phi pháp cai trị khiến cho dân chúng lầm than nên trời không giáng mưa, dân chúng đều bỏ trốn sang thành Long các để sống. Vua phía Nam khi ra khỏi thành săn bắn thấy xóm làng trống rỗng, miếu thờ thần hư hoại bèn hỏi quần thần nguyên do, quần thần liền tâu rõ nguyên do như trên, vua nghe rồi liền hỏi: "làm cách nào để cho nhân dân quay trở lại?", quần thần đáp: "nếu Đại vương cũng thục hành từ bi làm lợi ích cho chúng sanh như vua Viết tài phía Bắc, thì không bao lâu sau dân chúng sẽ quay trở về quê cũ. Cạnh thành Long các ở phía Bắc có một cái ao lớn, trên mặt ao phủ đầy các loại hoa sen và có nhiều loại chim đến đây cư trú, dưới ao có một Long tử tên Diệu sanh thường nổi mây giáng mưa đúng thời làm cho ruộng lúa tốt tươi, dân chúng được mùa", vua hỏi quần thần: "làm cách nào để Long tử Diệu sanh đến sống ở nước ta", quần thần tâu: "nếu có người trì chú thì Long tử ấy có thể đến đây sống". Vua liền ra lịnh đánh trống thông báo trong dân chúng:" ai có thể trì minh chú khiến cho Long tử Diệu sanh ở thành Long các phía Bắc đến sống ở nước ta thì sẽ được thưởng một rương vàng ròng và nhiều thứ khác", lúc đó có một thầy trì chú tên là Chú xà đến chỗ Đại thần nói: "nếu chắc chắn cho tôi một rương vàng ròng thì tôi có thể trì chú gọi Long tử Diệu sanh đến ở nơi đây", đại thần liền đưa cho ông ta một rương vàng, ông liền nói: "đợi tôi trì chú gọi rồng đến sẽ nhận vàng sau". Lúc đó thầy trì chú liền đi đến thành Long các quan sát bốn phía ao để biết chỗ rồng ở rồi trở về báo cho đại thần biết đến ngày thứ bảy rồng sẽ đến nước phía Nam. Long tử Diệu sanh biết thầy trì chú đến đây tác pháp, trong bảy ngày nữa sẽ dẫn mình đến nước phía Nam, liền suy nghĩ: "làm cách nào để có thể không xa lìa cha mẹ và quyến thuộc, phải trốn ở đâu để tránh được họa này?". Cách ao không xa có hai người thợ săn cư trú, một người tên Bà la ca, một người tên Pha la ca. Thời gian sau thợ săn Bà la ca chết, chỉ còn lại thợ săn Pha la ca, Long tử Diệu sanh liền đến chỗ thợ săn này nói rằng: "anh có biết nhờ ai mà dân chúng nơi đây được an vui, no đủ không?", đáp: "đều là nhờ vua hành từ bi làm lợi ích cho tất cả", lại hỏi: "ngoài nhà vua ra còn nhờ ai nữa?", đáp: "còn nhờ có Long tử Diệu sanh ở trong ao thường giáng mưa đúng thời khiến cho lúa và ngũ cốc được mùa", lại hỏi: "nếu có người nào dẫn rồng đi đến nơi khác thì anh sẽ làm gì người ấy", đáp là sẽ giết người đó, lại hỏi: "anh có biết Long tử Diệu sanh không?", đáp là không biết, rồng nói: "tôi chính là Long tử Diệu sanh, hiện nay có thầy trì chú ở nước phía Nam tên là Chú xà sắp đến đây kiết giới tác pháp để dẫn tôi đi. bảy ngày nữa ông ta đến ao tác pháp bốn phía

ao, đóng cọc giăng lưới… lúc đó anh hãy ẩn một nơi gần đó, khi thấy tôi quậy nước, anh hãy bắn vào yếu huyệt của ông ta rồi đến bảo ông ta rằng: hãy thu hồi chú pháp, nếu không ta sẽ chém đầu. Anh đợi ông ta giải chú pháp rồi mới giết ông ta, nếu không làm như thế tôi sẽ thường bị chú pháp trói buộc đến chết, thợ săn nói: "nếu chỉ vì lợi ích cho riêng Long tử tôi còn làm, huống chi là vì lợi ích cho tất cả dân chúng nơi đây, xin Long tử chớ lo", Long tử liền dẫn thợ săn đến gần ao chỉ chỗ ẩn nấp. Đến ngày thứ bảy, thầy trì chú đến chỗ ao lập đàn kiết giới tác pháp như lời Long tử nói, thợ săn liền bắn tên vào yếu huyệt của ông ta và làm đúng như lời Long tử đã dặn. Được cứu thoát, rồng ra khỏi ao ôm người thợ săn nói: "anh chính là cha mẹ tôi, vì đã cứu thoát tôi khỏi nổi khổ xa lìa cha mẹ và quyến thuộc, anh hãy theo tôi xuống Long cung", nói rồi liền dẫn thợ săn xuống Long cung đãi ăn rồi tăng cho thợ săn viên ngọc quý, cha mẹ của Long tử tặng thêm cho thợ săn nhiều châu báu, thợ săn nhận rồi trở về nhà. Cách ao không xa có trú xứ của một vị tiên, một ngày nọ thợ săn đến chỗ tiên nhơn kể lại sự việc trên, tiên nhân liền nói: "ở trong Long cung có một sợi dây Bất không, anh nên xin sợi dây đó, không nên lấy châu báu làm gì". Thợ săn nghe rồi sanh lòng tham, thời gian sau lại đến trong Long cung thấy sợi dây như lời tiên nhân nói, liền xin rồng sợi dây đó mà không nhận lấy châu báu, rồng nói: "sợi dây này vô dụng đối với anh, vì sợ chim cánh vàng và để hộ thân nên chúng tôi phải giữ sợi dây này", thợ săn nói: "nếu Long tử nhớ ân nghĩa thì hãy cho tôi xin sợi dây ấy", rồng nghe rồi suy nghĩ: "người này đã có ân với ta, ta nên hỏi cha mẹ rồi hãy cho", nghĩ rồi liền hỏi ý kiến cha mẹ sau đó mới đưa cho thợ săn, thợ săn nhận sợi dây rồi vui mừng trở về nhà.

Lúc đó ở trong cung, vua Viết tài lo buồn vì vương phi không có thai, nghĩ rằng: "ta có vô lượng của báu mà không có con kế thừa, nếu biết ta không có con mọi người sẽ lập người khác lên kế thừa ngôi vị", quần thần và quyến thuộc của vua sau khi biết rõ nguyên do liền khuyên vua nên cầu con ở các miếu thờ thiên thần, nhưng nếu nhờ khẩn cầu mà có con thì mọi người đều có ngàn người con, thật tế phải hội đủ ba điều mới có thể có con: 1. Là cha mẹ giao hội. 2. Là người mẹ đúng thời kỳ có thai. 3. Là tham Ái hiện hữu. Do nhà vua hết lòng cầu con nên Bồ-tát ở Hiền kiếp giáng thần vào thai của đại phu nhân của vua. Lúc đó vương phi biết mình có thai, tâm sanh hoan hỉ nói với vua: "Đại vương biết chăng, thiếp nay đã có thai, thai nằm bên nách trái nhất định là con trai". Vua nghe rồi rất vui mừng, lúc đó vương phi suy nghĩ: "sau 10 tháng ta sẽ sanh con, con ta sẽ nối thạnh tổ nghiệp, hy vọng sau khi ta chết nó sẽ vì ta bố thí, tu các phước nghiệp, ta

còn sống thì nó thương theo bên ta". Khi sắp sanh, vương phi dạo chơi, trên thân trang sức chuỗi anh lạc như thiên nữ dạo chơi trong vườn Hoan hỉ… 9 tháng trôi qua, hài nhi ra đời dung mạo đoan nghiêm, ai nhìn cũng yêu mến, lúc đó có chư thiên đánh trống giúp vui khiến vua rất kinh ngạc. Sau đó vua ra lịnh quét dọn sạch sẽ trong thành ấp … cúng dường cho các Sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ, phóng thích tù nhân… Trải qua một ngày vì Thái tử tu Các phước nghiệp như thế, vua mới hội quần thần đặt tên cho Thái tử, quần thần bàn luận: "vua tên tài, nên đặt tên cho vương tử là Thiện tài". Vua giao Thái tử cho tám bà nhũ mẫu chăm sóc… không bao lâu sau Thái tử trưởng thành như hoa sen lên khỏi mặt nước, học thông các môn học và kỹ nghệ, tất cả 64 kỹ năng. Vua lại xây cho Thái tử ba cung điện với ba vườn thượng uyển ứng với ba mùa xuân hạ đông…

Lúc đó thợ săn Pha la ca nhân săn đuổi cầm thú đến một ngọn núi, dưới chân núi có trú xứ của một tiên nhân, nơi đó có hoa quả tốt tươi với đủ loài chim đẹp, lại có ao lớn với đủ loại hoa sen. Vị tiên nhân đó có tóc và móng tay đều dài, mình mặc vỏ cây, do tu khổ hạnh nên thân hình khô đét, thợ săn thấy rồi liền đảnh lễ và hỏi tiên nhân ở đây đã bao lâu, tiên nhơn nói là đã 40 năm, lại hỏi: "tiên nhân ở nơi đây có thây việc gì kỳ lạ không?", tiên nhân nói: "nước trong ao này trong mát, mùi vị như sữa được hòa với vị hoa. Mỗi tháng vào ngày 15 có vương nữ Khẩn-na-la tên là Duyệt ý cùng 500 quyến thuộc mang theo các loại hương hoa đến tắm trong ao này. Khi tắm họ trổi nhạc, nghe tiếng nhạc này các con chim sống nơi đây đều ngừng hoạt động, bản thân ta cũng cảm thấy vui vẻ, sảng khoái đến bảy ngày. Hiền thủ, ta ở nơi đây chỉ thấy có việc này là kỳ lạ". Thợ săn nghe rồi suy nghĩ: "ta có được sợi dây bất không của rồng cho, ta nên dùng dây này bắt trói vương nữ Duyệt ý", nghĩ rồi liền đợi đến ngày 15 núp ở gần ao, khi thấy vương nữ xuống ao tắm liền ném sợi dây bắt trói, thấy vương nữ bị bắt trói, các quyến thuộc đều bỏ chạy tứ tán. Lúc đó thợ săn thấy vương nữ xinh đẹp muốn ôm lấy, vương nữ nói: "ông không thể làm chồng tôi được, vì tôi chỉ có thể làm vợ vua", thợ săn nói: "chỉ là ta sợ cô bỏ chạy", vương nữ nói: "tôi sẽ không bỏ chạy nếu ông giữ viên ngọc báu trong búi tóc của tôi", thợ săn liền giữ viên ngọc báu và dẫn vương nữ đi. Trên đường về gặp Thái tử Thiện tài đi săn, thợ săn suy nghĩ: "Thái tử nếu gặp vương nữ xinh đẹp này nhất định sẽ chiếm đoạt, chi bằng ta tự dân cho Thái tử", nghĩ rồi liền đem đến dâng cho Thái tử, Thái tử vừa thấy vương nữ liền sanh tâm tham đắm, như con thiêu thân bay vào lửa, như sóng nước không thể dừng được, như bò tơ và chim cánh vàng nhanh nhẹn không thể ngăn cản, như gió bảo thổi không thể quay lại, như khỉ được cây leo chuyền

không dừng… Đó là do tâm tham dục phiền não tích tụ từ vô thỉ đến nay, cảnh dục do tâm cấu uế, do vọng tưởng nghĩ đến vị lạc của dục… làm dây cung, tâm dục làm tên và lấy đối tượng vương nữ làm đích, nên Thái tử nói kệ:

"Thấy dung nhan nàng như trăng rằm,
Hoặc như ánh chớp giữa đám mây,
Tâm rối loạn như voi bị bắn,
Đón nhận Duyệt ý mang về thành".

Thái tử thưởng cho thợ săn nhà cửa và ruộng đất rồi dẫn vương nữ Duyệt ý về trong cung cùng hoan lạc, vương nữ xinh đẹp dịu dàng biết cách săn sóc nên Thái tử rất yêu mến không muốn xa lìa. Thời gian sau có hai Bà-la-môn đến trong thành Long các, một người theo hầu vua được vua tôn là thầy và ban thưởng nhiều của cải; một người theo hầu Thái tử và cũng được Thái tử ban cho nhiều của cải. Lúc đó Bà-la-môn này hỏi Thái tử: "nếu sau này Thái tử được lập lên làm vua, sẽ đối xử với tôi như thế nào?", Thái tử nói: "như cha ta đã tôn vị kia làm thầy, ta cũng sẽ tôn ông làm thầy, đứng đầu trong số các Bà-la-môn". Nghe được lời này, Bà-la-môn kia tức giận suy nghĩ: "ta phải làm cách gì để Thái tử không được nối ngôi, huống chi là Bà-la-môn này được địa vị tôn quý". Thời gian sau có nước lân bang sang xâm lấn, vua sai tướng đi đánh dẹp đều bị thua quay về, quốc sư suy nghĩ: "nay đã đúng thời cơ, ta nên tâu vua cho Thái tử đi chinh phạt khiến cho Thái tử bị giặc giết chết", nghĩ rồi liền tâu vua: "Thái tử trẻ tuổi lại có sức mạnh, Đại vương hãy cho làm đại tướng đến đó chống địch, chắc chắn sẽ chế phục được giặc". Vua nghe rồi liền cho gọi Thái tử đến bảo: "con hãy làm đại tướng dẫn binh đến nước khoáng dã đánh dẹp quân địch", Thái tử tuân lịnh rồi trở về cung từ giã vợ, nhưng khi gặp Duyệt ý liền quên mất lời vua cha đã dạy; vua cho gọi lần thứ hai và cũng như trước khi gặp duyệt ý liền quên mất. Quốc sư tâu vua: "Thái tử tham đắm Duyệt ý, xin Đại vương ra lịnh cho quân binh tập họp ở chỗ Thái tử rồi bảo Thái tử xuất phát trước mặt vua", vua nghe rồi liền làm y theo lời quốc sư, Thái tử xin được từ giã Duyệt ý vua không cho, lại xin được từ giã mẹ vua liền cho, Thái tử đến chỗ mẹ đưa viên ngọc trên búi tóc của Duyệt ý cho mẹ và nói rằng: "viên ngọc này xin mẹ hãy cất giữ chớ đưa cho Duyệt ý, trừ khi gặp khổ não bức bách có thể chết, lúc đó mẹ mới đưa lại cho nàng", người nhận lời, Thái tử nhiễu quanh mẹ ba vòng rồi lên đường. Đi cách thành không xa, Thái tử cho quân dừng nghỉ dưới một gốc cây, lúc đó vua trời Phệ thất la mạt noa dẫn quyến thuộc đi ngang qua nơi đó, bỗng nhiên họ không thể chuyển động được, vua trời này kinh ngạc suy nghĩ: "ta từng đi qua nhiều

nơi nhưng chưa gặp trường hợp như thế này", liền quán biết Thái tử là Bồ-tát trong Hiền kiếp sắp đi đến nước kia đánh dẹp giặc, vua trời suy nghĩ: "ta nên giúp Thái tử, đừng để cho vị ấy bị tổn hại", nghĩ rồi liền ra lịnh cho Dược xoa thứ năm dẫn quân binh đến thành Khoáng dã đánh bại quân địch giúp cho Thái tử. Dược xoa vâng lịnh dẫn bốn binh hóa làm hình người cao lớn như cây Đa la, voi to lớn như núi, ngựa lớn như voi thị hiện oai lực làm cho quân giặc khiếp vía và bảo quân giặc mở cửa thành để đón Thái tử. Thái tử vào thành sắp xếp lại mọi việc và cắt đặt quan mới trấn giữ rồi dẫn quân trở về nước. Trong đêm ấy vua cha nằm mộng thấy diều hâu bay đến quắp ruột của vua nhiễu quanh bốn mặt thành, còn thân vua được đưa vào nhà bằng châu báu. Tỉnh giấc vua lo sợ sẽ bị đoạt vương vị hoặc là bị chết nên hội quần thần kể lại giấc mộng trên. Quốc sư nghe rồi liền biết Thái tử đã thắng trận nhưng lại cố ý giải sai giấc mộng nên tâu vua rằng: "đây là ác mộng, báo điềm vua sẽ bị mất ngôi hoặc bị chết. Trong chú pháp của Bà-la-môn có phương pháp trừ bỏ nguy ách này", vua liền hỏi là phương pháp gì, quốc sư nói: "nên đào một cái ao trong vườn thượng uyển của vua, giết thú dữ lấy máu đổ đầy ao, chung quanh trang hoàng đẹp đẽ và tô láng bằng cát trắng và tạo bốn đường đi, cửa vào ở một bên, cửa ra ở một bên. Sau đó phải có một Bà-la-môn thông suốt Tứ minh dùng lưỡi liếm chân vua, kế dùng mỡ của Khẩn-na-la để đốt hương làm lễ trừ tai ách cho vua được ở lâu trên ngôi vua", vua nói: "mọi thứ đều có thể làm được nhưng mỡ Khẩn-na-la tìm đâu ra?", quốc sư nói: "vợ của Thái tử chính là vương nữ của Khẩn-na-la", vua nói: "nàng ấy và con ta thương yêu như vậy, ta không thể", quốc sư nói: "Đại vương há không nghe:

Bỏ một vì quyến thuộc,
Vì làng bỏ quyến thuộc,
Bỏ làng giữ thành ấp,
Vì thân bỏ đại địa.
Vua cần được bảo vệ,
Và bảo vệ Thái tử,
Sau mới đến người khác,
Cần phải giết Duyệt ý".

Vua nghe rồi liền ra lịnh làm theo lời quốc sư. Lúc đó các cung nữ trong cung của Thái tử nghe biết việc này vui mừng nói với nhau: "sẽ đến lượt chúng ta hầu hạ Thái tử", Duyệt ý nghe rồi liền hỏi nguyên do, một cung nữ nói rõ mọi việc cho Duyệt ý biết, Duyệt ý nghe rồi sầu não chạy đến chỗ mẹ của Thái tử than khóc, người mẹ nói: "hãy đợi ta tìm hiểu hư thật như thế nào". Sau khi biết rõ thật hư, mẹ của Thái tử nói với Duyệt ý:

"đã đến lúc con phải ra đi, nếu ta không đưa lại cho con viên ngọc trên búi tóc này của con tức là ta phụ lòng Thái tử", Duyệt ý nhận viên ngọc liền bay đi. Lúc đó vua đã vào trong ao và Bà-la-môn đã liếm dưới chân vua xong muốn lấy mỡ của vương nữ Khẩn-na-la thì vương nữ đã bay lên hư không và nói kệ vọng xuống:

"Thân tôi vì cấu nhiễm,
Ham vui nên đến đây,
Nay đã được giải thoát,
Nương hư không bay đi".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 14

Lúc đó thấy vương nữ bay đi, vua lo sợ hỏi quốc sư: "Duyệt ý đã bay đi, bây giờ phải làm sao?", quốc sư nói: "tai ách của Đại vương đã được tiêu trừ". Lúc đó Duyệt ý suy nghĩ: "ta chịu khổ não này đều là do vị tiên kia, ta nên đến đó nói cho ông ta biết", nghĩ rồi liền đến chỗ vị tiên nói rằng: "vì đại tiên nói cho người khác biết về tôi nên tôi mới mắc nạn này", kế đưa cho vị tiên chiếc nhẫn và nói rằng: "nếu Thái tử có đến đây, đại tiên nên đưa chiếc nhẫn này và bảo Thái tử rằng: chỗ tôi ở, đường đi hiểm trở, Thái tử nên quay về; nếu Thái tử không chịu quay về thì đại tiên nên chỉ đường đi cho Thái tử như sau : Ở phía Bắc có ba ngọn núi, vượt qua ba ngon núi này lại đến ba ngọn núi khác, vượt qua ba ngọn núi đó lại đến ba ngọn núi khác nữa mới đến Tuyết sơn vương, phía Bắc núi này lại có nhiều núi khác như Khư đạt la, Y sa đà la… cuối cùng đến núi Khư na la, dưới chân núi này có một cái hang, trong hang này có một trụ đá cao lớn, khi leo lên trụ đá này nên mặc áo da nai đứng đợi, sẽ có một con chim bay đến quắp bay qua các ngọn núi khác, cuối cùng đến một cái hang tên là Tân già la, trong hang có một dòng nước như cháo loãng, có một con mãng xà nương ở và có chim ác cần phải bắn giết chúng, sau đó lại có hai con bò đến cần phải đánh gãy sừng của chúng, kế lại có nhiều Dược xoa đến cần phải dùng đinh sắt đóng vào trán của chúng… Sau đó lại phải vượt qua nhiều con sông có nhiều giao long nương ở, ở sông Năng già thì có nữ Dược xoa tên Câu ba nương ở, muốn vượt qua ý chí phải mạnh mẽ; ở sông Bà đằng già không có ai ở nhưng muốn vượt qua tâm phải siêu việt; ở sông Đa bà nhĩ có nhiều giao long, muốn vượt qua phải ngậm kín miệng; ở sông Chỉ đa la sẽ khiến phát sanh tham dục, muốn vượt qua phải ca các bản nhạc; ở sông Ô lô đà nhĩ có nô tỳ của Khẩn-na-la ở, muốn vượt qua tâm phải chánh định; ở sông A tát nhĩ có vợ mới của vua Khẩn-na-la ở, muốn vượt qua phải im lặng chớ nói; ở sông A thí vĩ sa có nhiều rắn đủ màu, muốn vượt qua phải đọc chú ngăn rắn độc; ở trong sông Tỳ đà nước rất dơ đục, muốn vượt qua phải cầm kiếm bén chặt bụi rậm để qua. Cuối cùng đến một

thành có 500 Dược xoa đứng giữ cửa đang mở, đó là thành của vua Khẩn-na-la", nói xong vương nữ Duyệt ý bay đi.

Lúc đó Thái tử dẹp yên quân giặc rồi trở về thành na bố la, nghĩ ngơi rồi mới đến bái yết vua cha, vua dùng lời thương yêu vỗ về Thái tử, Thái tử tâu: "nhờ oai lực của vua cha nên con được an ổn trở về, con đã giao Bảo tử làm quan trấn giữ ở nơi đó để thu thuế đúng pháp", tâu rồi xin phép trở về cung, vua cha liền giữ ở lại nhưng Thái tử đã lâu không gặp Duyệt ý nên nôn nóng muốn trở về cung ngay, vua cha biết không thể giữ Thái tử nên im lặng. Thái tử trở về cung tìm không thấy Duyệt ý, các cung nhơn tập họp đến định làm loạn ý Thái tử nhưng Thái tử chỉ nghĩ tối Duyệt ý và hỏi nàng ở đâu, các cung nhơn liền kể rõ sự việc cho Thái tử nghe, Thái tử nghe rồi trong lòng sầu khổ, cung nhơn nói: "trong cung còn rất nhiều người đẹp hơn Duyệt ý, xin Thái tử chớ sầu khổ". Thái tử sau khi biết được vua cha làm việc vô ân, liền đến chỗ mẹ kể lễ: "nếu con không gặp Duyệt ý thì tâm con mê loạn, dù nàng đi đến đâu con cũng sẽ đi tìm", người mẹ nói: "vì Duyệt ý gặp nạn khổ nên mẹ đã để nàng ra đi", liền hỏi mẹ sự việc xảy ra như thế nào, người mẹ kể lại sự việc, Thái tử liền hỏi Duyệt ý đã đi về hướng nào, người mẹ nói: "thấy duyệt ý bay về phía núi kia, nhưng trong cung còn nhiều người đẹp hơn nàng ấy, vì sao con lại quá sầu khổ như vậy", đáp là không thích ai khác ngoài Duyệt ý, người mẹ càng vỗ về thì Thái tử càng sầu não. Sau đó Thái tử tìm đến chỗ thợ săn hỏi: "trước đây ngươi bắt được Duyệt ý ở đâu?", thợ săn đáp: "ở trong núi kia có một vị tiên cư trú gần một cái ao, Duyệt ý thường đến tắm trong ao đó, nhờ tiên nhơn nói nên tôi mới biết mà bắt được". Thái tử trở về cung và suy nghĩ: "ta nên tìm đến chỗ vị tiên đó để hỏi thăm tin tức", nghĩ rồi chuẩn bị tìm đến chỗ tiên nhơn ở trong núi kia, vua cha hay tin liền bảo Thái tử: "sao con mê loạn như thế, ta sẽ ban cho con một cung nhơn đẹp nhất", Thái tử nói: "nếu không có Duyệt ý, con không thể sống trong cung này", vua nghe rồi liền ra lịnh canh giữ khắp các cửa thành không cho Thái tử xuất cung. Nửa đêm Thái tử bỗng thức dậy suy nghĩ: "trong sách nói có năm hạng người tinh giấc lúc nửa đêm: 1. Là chồng nhớ vợ hoặc vợ nhớ chồng; 2. Là vợ bị chồng hờn trách; 3. Là người làm nghề trộm cướp; 4. Là tướng quân; 5. Là Bí-sô siêng tu khổ hạnh.

Ta thuộc hạng người thứ nhất. Nếu ta đi ra bằng cửa chính thì vua cha sẽ xử tội người giữ cửa", nghĩ rồi liền lén xuất cung. Ra khỏi thành thì trăng vừa mọc, Thái tử nhìn trăng liền nhớ đến Duyệt ý nên nói kệ:

"Trăng sáng chiếu ban đêm,
Là vua các ngôi sao,

Sao Tất như mắt Ái,
Cũng như đại đạo sư".

Thái tử vừa đi vừa hỏi: "có ai thấy Duyệt ý mắt như hoa sen xanh ở đâu không?". Trên đường đi gặp Nai, liền hỏi: "Nai ăn cỏ uống nước rong chơi không có khổ như ta, Nai có thấy Duyệt ý của ta ở đâu không?", sau đó đến một nơi hoa quả sum suê, có nhiều ong hút mật trên bông hoa liền hỏi Ong: "màu xanh không cấu bẩn, có tướng màu hoàng kim, Ong có thấy Duyệt ý của ta ở đâu không", sau đó gặp một con mãng xà liền hỏi: "lưỡi như lá cây, há miệng trợn mắt đều có khói lửa. Lửa dục trong ta cũng như vậy, Mãng xà có thấy Duyệt ý của ta ở đâu không?", sau đó đến một khu rừng thấy chim trăm lưỡi đang hót liền hỏi: "vua của các loài chim đã bay qua các rừng cây, có vương nữ Khẩn-na-la tên Duyệt ý, mắt và tóc có màu như hoa sen xanh, chim có thấy ở đâu không?", kế đến cây Vô sầu, cành tên Hoa gian, hoa tên Kiết lợi là vua của các loại cây liền nói: "khi nhớ Duyệt ý tâm ta mê loạn, cây tên Vô sầu, ta chắp tay mong cầu hãy giúp ta không còn ưu sầu". Do nhớ Duyệt ý tâm mê loạn nên Thái tử nói đủ những lời như vậy, cuối cùng đi đến chỗ tiên nhơn nói lời ca ngợi như sau: "thân mặc vỏ cây, thường ăn trái cây ngon nhất, nay con đảnh lễ đại tiên, cúi xin chỉ chỗ của Duyệt ý", tiên nhơn an ủi Thái tử rằng: "hãy ngồi xuống ta nói cho nghe: mặt như trăng rằm, mắt tựa sen xanh, mày dài và mịn giống trăng cuối tháng, hình dung xinh đẹp ai cũng thích nhìn. Hãy ăn trái cây sẽ hết ưu phiền, tìm kiếm không khó. Lúc ra đi Duyệt ý có dặn dò ta đưa cho Thái tử chiếc nhẫn này và nói rằng: đường hiểm trở khó đi xin hãy quay về, nếu Thái tử không chịu quay về thì mới chỉ đường. Ở phía bắc có ba ngọn núi, vượt qua ba ngọn núi này sẽ đến ba ngọn núi khác… giống như đoạn văn kể trên cho đến câu theo thứ lớp như vậy mà đi". Nghe tiên nhơn nói xong, Thái tử cầm lấy chiếc nhẫn đảnh lễ tiên nhơn rồi ra đi, tiên nhơn nói: "Thái tử một thân một mình, sao phải khổ nhọc tìm kiếm Duyệt ý làm chi, e rằng sẽ mất mạng", Thái tử nói: "tôi đã quyết ý, mặt trăng trên không có ai là bạn; vua loài thú dựa vào sức mạnh của nanh vuốt cũng không có bạn; lửa thiêu đốt mọi thứ có ai là bạn. Cho dù không bè bạn thì có trở ngại gì, nếu gặp biển lớn có thể không vào, nếu bị rắn độc cắn có thể không trị lành, hễ là bậc đại nhân thì cứ siêng năng làm việc, nếu việc không thành cũng không có lỗi". Lúc đó Thái tử mang theo các loại dược thảo, chú pháp trừ rắn độc vượt qua núi sông… theo thứ lớp như lời Duyệt ý đã dặn, cuối cùng đến được vương thành của Khẩn-na-la. Nơi đây có đủ các loại hoa đẹp, đủ loại chim quý… lại thấy có vô số nữ Khẩn-na-la đến ao lấy nước, Thái tử liền hỏi: "các cô lấy nước để làm gì?", đáp: "vương nữ Duyệt ý ở trong

nhơn gian, thân nhiễm nhơn khí, phải dùng nước này tắm rửa để trừ bỏ nhơn khí đó", lại hỏi: "các thùng nước này xối tắm một lần hay theo thứ lớp?", đáp là xối tắm theo thứ lớp, Thái tử nghe rồi liền bỏ chiếc nhẫn vào trong thùng nước rồi nói: "hãy đem thùng nước này xối tắm cho vương nữ trước tiên", nữ Khẩn-na-la nghe rồi biết là có duyên do nên đem xối tắm cho vương nữ trước, chiếc nhẫn liền rơi xuống người của vương nữ, Duyệt ý thấy rồi liền hỏi: "lúc ngươi đi lấy nước có gặp ai không?", đáp là có gặp một thanh niên rồi nói rõ tướng mạo cho vương nữ biết, Duyệt ý nghe rồi biết là Thái tử nên sai người đem giấu kín một nơi, sau đó đến chỗ vua cha tâu rằng: "nếu cha gặp Thái tử Thiện tài, cha sẽ làm gì?", đáp: "sẽ chặt thành trăm khúc, vì nó là người đâu ở đây được", Duyệt ý nói: "nếu chàng là người thì sao đến nơi đây được", vua cha nghe rồi liền hết tức giận nói rằng: "nếu nó đến được nơi đây, ta sẽ đem tất cả vật trang sức và nhiều vật báu cùng một ngàn nữ Khẩn-na-la và gả con cho nó". Duyệt ý nghe rồi vui mừng bảo Thái tử sửa sang y phục để ra mắt vua cha, vua cha thấy Thái tử diện mạo khôi ngô tuấn tú cũng ưa thích, nhưng muốn thử tài nghệ của Thái tử nên cho đặt một trụ vàng lớn cao bảy cây Đa la, lại đặt bảy cái trống và bảy tấm bia. Thái tử vốn đã thông đạt các môn kỹ nghệ, lại là Bồ-tát trong Hiền kiếp nên được chư thiên trợ giúp. Lúc đó Thái tử ở trước vua Khẩn-na-la thổi sao, khảy đàn không hầu, tỳ bà các loại âm nhạc để cúng dường, sau đó cầm đại đao chặt cột trụ cao bảy cây Đa la , kế dùng cung tên bắn xuyên qua bảy cái trông và bảy tấm bia mà thân vẫn không lay động như núi Tu di, chư thiên trên không và chúng Khẩn-na-la đều reo hò vang dậy. Vua Khẩn-na-la thấy việc này rồi rất kinh ngạc, sau đó cho trang sức một ngàn nữ Khẩn-na-la giống như Duyệt ý rồi hỏi Thái tử có biết ai là Duyệt ý hay không, Thái tử dùng lời chân thật nói kệ:

"Duyệt ý là người nữ,
Mà tôi yêu mến nhất,
Nàng tin thì hãy mau,
Bước ra trước một bước".

Duyệt ý nghe rồi liền bước ra trước một bước. Lúc đó chúng Khẩn-na-la đều tâu vua: "Thái tử có oai lực, diện mao khôi ngô rất xứng với Duyệt ý, xin vua đừng hành hạ nữa, nên gả Duyệt ý cho Thái tử", vua nghe rồi liền y theo pháp của Khẩn-na-la, tay trái cầm tay công chúa, tay phải cầm bình vàng nói với Thái tử: "đây là Ái nữ của ta, ta gả cho Thái tử làm vợ và một ngàn nữ Khẩn-na-la làm tỳ thiếp". Thái tử cùng Duyệt ý trở về cung thọ hưởng hoan lạc, thời gian sau Thái tử nhớ đến cha mẹ sanh tâm ưu phiền nên nói cho Duyệt ý biết, Duyệt ý bèn tâu với vua cha, vua cha

nghe rồi cho phép trở về thăm và khuyên nên cẩn thận vì loài người nhiều xảo trá, rồi biếu tặng thêm nhiều vàng bạc châu báu. Nhờ sức của Khẩn-na-la, không bao lâu sau Thái tử cùng Duyệt ý trở về đến thành Na bố la, khi họ vào trong thành các loại hương thơm của Khẩn-na-la lan tỏa khắp nơi. Sau khi nghỉ ngơi xong, Thái tử cùng Duyệt ý mang tất cả vàng bạc châu báu mà vua Khẩn-na-la biếu tặng đến chỗ phụ vương và tâu rõ lại mọi việc. Vua cha nghe rồi biết Thái tử có oai lực siêu việt, liền cho làm pháp quán đảnh để lập lên làm vua. Lúc đó Thái tử suy nghĩ: "nhờ ta kết duyên cùng Duyệt ý nên được nối ngôi vua, ta tự biết nhân duyên trong quá khứ đã được phước báo như thế nên ngày nay ta phải hành bố thí, tạo các phước nghiệp nhiều hơn ngày xưa", nghĩ rồi Thái tử thiết lập nghĩa đường, y theo pháp thế tục lập nhà tế tự chuyên tu bố thí trong suốt 12 năm.

Này Đại vương, Thái tử Thiện tài xưa kia chính là thân ta ngày nay, xưa kia ta vì Duyệt ý siêng năng tinh tấn nên có được oai lực siêu việt; sau khi kết duyên lại với Duyệt ý ta đã trong suốt 12 năm lập nhà tế tự chuyên tu bố thí. Không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay ta mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật lại bảo vua Thắng quang : "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã hành huệ thí làm các phước nghiệp như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa ở thành Vĩ thí phược có vua tên là Vĩ thí bà mật đa lên nối ngôi vua, dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có trộm cướp dịch bịnh, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa. Vua có chánh tín, từ bi thường làm lợi ích cho mình và cho người, thương yêu muôn dân. Thời gian sau hoàng hậu có thai và sanh được một hoàng tử khôi ngô đủ các thượng hảo, ai cũng thích nhìn. Vua làm lễ đặt tên cho con, quần thần nói: "đây là con của vua Vĩ thí phược mật đa nên đặt tên là Vĩ thí phược đa la". Vua giao Thái tử cho tám bà nhũ mẫu chăm sóc… không bao lâu sau Thái tử trưởng thành như hoa sen lên khỏi mặt nước, học thông các môn học như lịch số, toán pháp… và các môn kỹ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung… Thái tử tánh hiền lành, chân thật thường hay bố thí, do biết Thái tử thường hay bố thí nên những người nghèo khổ ở xa gần đều kéo đến cầu xin và đều được cho đầy đủ. Thời gian sau Thái tử muốn đi dạo trong vườn uyển nên trang nghiệm thân bằng các chuỗi anh lạc, mặc áo da nai, cưỡi xe tứ mã có đoàn người đánh trống tấu nhạc dẫn

đầu. Lúc đó có một Bà-la-môn khen Thái tử có oai lực lớn và nói kệ:

"Trong số người nhóm họp,
Ngài có tiếng tăm lớn,
Hãy đem chiếc xe này,
Tặng cho người đáng cho".

Thái tử nghe rồi liền xuống xe đem xe tứ mã bố thí cho Bà-la-môn này và nói kệ:

"Ta buông xả xe này,
Hoan hỉ mà bố thí,
Nguyện thoát ly ba cõi,
Mau chứng quả Bồ-đề".

Thời gian sau Thái tử lại cỡi voi trắng đến dạo chơi vườn uyển, voi có màu trắng như hoa sen trắng giống như voi núi Tuyết, có các tướng tốt như voi của vua trời Đế thích, tự dùng vẻ đẹp của mình để tự trang nghiêm và hiển bày công đức, voi này lớn lên đứng đầu trong các voi. Lúc đó là vào mùa xuân, trăm hoa đua nở, chim hót líu lo, vua nước sát biên giới nghe biết thái nữ đang dạo chơi vườn uyển liền bảo một Bà-la-môn đến chỗ Thái tử xin voi, Bà-la-môn này dùng lời hay kheo nói kệ để xin voi:

"Ngài ưa thích bố thí,
Tiếng tốt vang khắp nơi,
Hãy thí voi cho tôi,
Bây giờ là đúng lúc".

Thái tử nghe rồi liền xuống lưng voi, vui mừng đem voi thí cho Bà-la-môn và nói kệ phát nguyện:

"Nguyện xả voi trắng này,
Đem thí cho Bà-la-môn,
Để thoát ly ba cõi,
Mau chứng quả Bồ-đề".

Lúc đó quần thần vội đến tâu vua: "vua nước địch sai một Bà-la-môn đến xin Thái tử con voi trắng đang cỡi, Thái tử liền đem cho", vua nghe rồi tức giận cho gọi Thái tử đến đủ lời quở trách rồi đuổi ra khỏi nước. Thái tử nghe vua cha quở trách, suy nghĩ rồi nói kệ:

"Con tu hạnh bố thí,
Cứu vớt chúng sanh khổ,
Đã mặc giáp kiên cố,
Xả voi trắng tốt nhất,
Cho đến vật trong nhà,

Tùy sức đều bố thí,
Con muốn đến trong rừng,
Để tu tập luyện hạnh,
Bỏ nhà tu khổ hạnh,
Nên đến rừng luyện hạnh,
Không nói lời như vậy,
Sao bố thí cho người".

Sau đó Thái tử đến nói với vợ: "Hiền thủ, ta muốn vào trong rừng tu khổ hạnh", người vợ nghe rồi không muốn xa chồng nên nói: "thiếp và các con sẽ theo chàng vào trong rừng tu đạo", liền nói kệ:

"Như đêm không có trăng,
Như đất không lúa mạ,
Như rừng khô cạn nước,
Vợ không chồng cũng vậy".

Thái tử nói: "chúng ta ắt phải xa nhau, có hợp đều phải biệt ly, huống chi nàng thân nữ yếu đuối phải ăn ngon, mặc đẹp, chỗ ngủ ấm êm; ở trong rừng chỉ ăn trái cây, nằm trên đất cứng và dùng vỏ cây che thân, nàng không thể", người vợ nói: "dù chịu khổ này thiếp cũng sẽ không thối tâm", Thái tử nói: "nếu nàng đã nói lời này thì xin chớ có quên". Sau đó Thái tử đến chỗ vua cha chắp tay nói kệ:

"Xin cha tha thứ lỗi cho con,
Đã đem voi cho Bà-la-môn ,
Do lỗi này, con nay vào rừng,
Nguyện quốc khố ngày càng tăng thêm".

Vua cha nghe rồi nghẹn ngào nói không ra tiếng, không chịu được nỗi khổ biệt ly nên ôm cổ Thái tử nói: "con nên ở lại và đừng bố thí như thế nữa", Thái tử nói kệ:

"Nếu con mà ở lại,
Sẽ thí cả đất đai,
Bản thân và vợ con,
Tâm thí không thay đổi".

Nói kệ rồi Thái tử lạy tạ từ biệt phụ vương, dân chúng trong thành buồn bã tiễn đưa Thái tử ra khỏi thành, trăm ngàn quyến thuộc cũng cưỡi xe đi theo tiễn đưa Thái tử. Lúc đó có người nghe dân chúng trong thành đồng loạt khóc lớn liền hỏi nguyên do, mọi người nói là do Thái tử vào trong rừng tu khổ hạnh. Lúc đó Thái tử nói kệ từ biệt mọi người:

"Tất cả ân ái từ lâu nay,

Đến khi qua đời cũng biệt ly,
Như chim ngủ đêm tạm ở cây ,
Vợ con quyến thuộc cũng như vậy.
Mọi người nên biết pháp như thế,
Thế gian đều sợ phải biệt ly,
Còn ta chuyên chú việc ta làm,
An trụ bất động như Tu di".

Đi cách xa thành khoảng hơn 30 dặm thì có một Bà-la-môn đến nói với Thái tử: "tôi đã đi theo Thái tử hơn 30 dặm đường", rồi nói kệ:

"Nghe Ngài thích thí nên đến xin,
Tôi đi trên đường rất mệt nhọc,
Vì muốn Ngài thành tựu nguyện thí,
Để ngài mau chứng quả Bồ-đề".

Vợ Thái tử nghe rồi liền nói kệ:

"Bà-la-môn ngươi thật xấu xa,
Bị đuổi đến rừng cũng không tha,
Sao ngươi không một chút thương xót,
Thái tử bị đuổi đều do ngươi".

Thái tử nói với vợ: "Hiền thủ không nên nói lời thô với Bà-la-môn này", rồi nói kệ:

"Nếu không có người xin bố thí,
Do đâu ta chứng quả Bồ-đề,
Trong sáu độ, bố thí đứng ở đầu,
Tu hạnh này mau chứng Bồ-đề".

Nói kệ rồi vui vẻ đem xe thí cho Bà-la-môn rồi nói kệ:

"Diệt xan tham, sân hận,
Cho Bà-la-môn xe,
Là đem pháp đại tiên,
Chuyển thành pháp vô lậu".

Thái tử thí xe rồi cõng con đi đến trong rừng khổ hạnh. Thời gian sau, khi vợ Thái tử đi hái trái cây trong rừng, vua trời Đế thích vì muốn

thử Thái tử nên hóa làm một Bà-la-môn đến chỗ Thái tử khen ngợi rồi nói kệ:

"Chàng trai dòng họ đoan nghiêm,
Một mình ở trong rừng núi,
Con trai, con gái thân yêu,
Hãy mau đem thí cho tôi".

Thái tử nghe rồi nhưng vì thương con nên đứng yên suy nghĩ, Bà-la-môn liền nói: "tôi nghe nói Ngài có thể bố thí tất cả, ai xin gì cũng cho. Hãy đem hai đứa con cho tôi, đừng nên suy nghĩ nữa", rồi nói kệ:

"Trên đất và hư không,
Đều nghe Ngài thích thí,
Ngài hãy mau xả thí,
Toại tâm cầu của tôi".

Thái tử nói: "dù phải xả thân mạng tôi cũng không tiếc, huống chi là con cái. Nay tôi suy nghĩ là có ý riêng", rồi nói kệ:

"Nay tôi xả thí con,
Quyết chí ở trong rừng,
Không bàn với mẹ chúng,
Sợ hận sanh đau buồn,
Không để người nói rằng,
Thái tử tâm kiên cố,
Xả con không xả thân,
Sợ người sanh nhạo báng".

Bà-la-môn nói: "Ngài sanh trong dòng họ vua chúa, cả đại địa đều nghe biết Ngài thương xót chúng sanh, thường hành bố thí, đã đem con hương tượng bố thí cho Bà-la-môn; lại thường cứu giúp người nghèo thiếu, ai xin gì cũng đều được thỏa mãn, không để về tay không. Tôi từ xa đến đừng để tôi uổng công, xin điều phục ngựa tâm ý, đừng thối chuyển tâm để sự mong cầu của tôi luống uổng". Lúc đó Thái tử vì thương con nên tâm mê loạn nói kệ:

"Nay đem con yêu quý,
Thí cho Bà-la-môn ,
Chúng sẽ sanh khổ não,
Vì phải Ái biệt ly.
Nếu nay tôi không cho,
Hạnh thí do đâu thành,
Thà chịu khổ biệt ly,
Để sở cầu viên mãn".

Thái tử quyết tâm xả thí rồi liền nói kệ:

"Biển khổ trong thế gian,
Hữu tình đều bị chìm,
Thật khó thể vượt qua,
Ta nguyện làm thuyền bè".

Nói kệ rồi, tay phải dắt con trai, tay trái dắt con gái đem thí cho Bà-la-môn. Lúc đó hai đứa con nước mắt đều lưng tròng, nghẹn ngào than khóc; Thái tử bố thí rồi phát nguyện:

"Bố thí con tôi nguyện,
Thẳng đến đạo Bồ-đề,
Thệ cứu các chúng sanh,
Vượt khỏi biển sanh tử".

Phát nguyện vừa xong, đại địa chấn động sáu cách, do đại địa chấn động nên những người tu tịnh trong núi đều kinh ngạc tự hỏi vì sao. Lúc đó có một vị tiên thuộc chủng tộc Bà-tất-tra, giỏi coi tướng nên nói với các tiên nhơn:

"Thái tử ăn cây trái trong rừng,
Mọi người thấy rồi đều hoan hỉ,
Do trong biển khổ cầu ra khỏi,
Bồ-tát thí con, đất chấn động".

Lúc đó hai đứa con lạy tạ từ giã cha rồi nói kệ:

"Chúng con không gặp mẹ,
Nhưng cha đã đem cho,
Con tạm biệt mẹ hiền,
Đi theo Bà-la-môn".

Thái tử nghe rồi nước mắt doanh tròng, ôm cổ hai con nói kệ:

"Trong lòng cha rất thương các con,
Không phải cứng rắn không đau xót,
Nhưng vì lợi ích cho trời người,
Đành phải đem hai con bố thí,
Cha vì cầu Vô thượng Bồ-đề ,
Và cầu chứng Niết-bàn an lạc,
Cứu vớt hữu tình trong biển khổ.

Mong cầu thoát khỏi khổ luân hồi". Lúc đó hai đứa con biết tâm cha đã quyết nên nói với cha: "nếu khi mẹ trở về xin cha hãy nói với mẹ là chúng con xin sám hối, vì còn nhỏ dại ngu si không hiểu biết nên có nhiều lỗi lầm, có lúc nói lời không cung kính, xin hãy tha thứ cho chúng con", nói rồi hữu nhiễu ba vòng từ giã cha đi theo Bà-la-môn, chân tuy

bước đi nhưng nhiều lần quay đầu lại nhìn. Khi hai con ra đi, ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách, chư thiên trong hư không nói kệ:

"Đại sĩ quyết tâm thí,
Sẽ thành Vô thượng giác,

Thí con trai, con gái,
Tâm vững không thối chuyển".

Lúc đó người mẹ đang trên đường trở về, thấy đại địa chấn động nên bước đi vội vã. Một vị thiên thấy vậy liền hóa ra một con sư tử cái chận đường trở về, sợ người mẹ này trở về kịp sẽ ngăn cản hạnh thí của Bồ-tát. Người mẹ nói kệ:

"Ngươi là vợ vua thú,
Vì sao chận đường đi,
Ta chung thủy với chồng,
Xin ngươi mau mở đường.
Ngươi là vợ vua thú,
Ta là vợ nhân vương,
Theo pháp là chị em,
Ngươi hãy mau tránh đường".

Lúc đó sư tử cái hiện lại bổn hình và tránh đường, người mẹ trong lòng lo lắng suy nghĩ: "chắc là hai con ta gặp việc chẳng lành rồi", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Mắt tôi đang máy động,
Nghe quạ kêu quái gỡ,
Ắt có khổ biệt ly,
Con ta còn hay mất,
Mà thấy đất chấn động.
Tâm ta càng bất an,
Chắc là mất hai con,
Tâm ta như lửa đốt".

Về đến trú xứ vội nhìn ngó khắp nơi tìm kiếm hai con nhưng không thấy, tâm người mẹ sanh mê loạn suy nghĩ: "chắc là chúng đang chơi với các con chim sâu hoặc đang ngủ bên trong". Vào bên trong thấy Thái tử liền hỏi con tôi đâu, Thái tử nói: "có một Bà-la-môn đến xin nên tôi đã đem hai con bố thí, xin nàng hãy tùy hỉ", người mẹ vừa nghe xong liền ngất xỉu ngã xuống đất, sau đó đau khổ nói kệ:

"Con ta mặt như hoa,
Tay mềm như lá sen,
Chưa từng chịu cực khổ,
Nay con đang ở đâu,
Con chơi cùng thú con,
Thật thà như hươu nai,

Nay con đang ở đâu,
Có bị người sai dịch,
Vì con đi theo người,
Nên thân con chịu khổ.
Lúc đi không gặp con,
Đâu ngờ phải biệt ly,
Ở trong rừng núi này,
Chỉ thường ăn trái cây,
Chịu đói rét hầu người.
Nay con gặp khổ nguy,
Xa lìa cả cha mẹ,
Và tất cả quyến thuộc,
Đều do kẻ ác kia,
Nên con chịu đắng cay.
Con thuộc dòng sát lợi,
Nay phải hầu hạ người,
Ngày đêm bị sai khiến,
Bị các khổ bức bách.
Do tạo nghiệp tội trong quá khứ,
Hữu tình chịu khổ Ái biệt ly,
Nếu ta thường nói lời chân thật,
Tất cả chúng sanh đều bình đẳng,
Do lời thệ nguyện chân thật này,
Đời đời không khổ Ái biệt ly.
Nguyện hai con thoát khỏi thân hèn,
Mau chứng được Niết-bàn an lạc".

Lúc đó người mẹ nhớ hai con nên thấy cây do hai con trồng liền buồn khóc và nói kệ:

"Những bụi cây và hoa thuốc này,
Đều là do hai con ta trồng,
Chỉ riêng cây hoa thuốc này tốt,
Còn ta và con đều khô héo".

Sau đó thấy các thú con, người mẹ lại nhớ hai con liền buồn khóc nói kệ:

"Ngươi cùng con đi chơi,
Sống thật là vui vẻ,
Hai con nay đi đâu,
Mẹ kiếm tìm khổ não".

Sau đó trên đường đi tìm kiếm, người mẹ thấy sườn núi cao hiểm trở không có dấu chân người đi, liền nhớ đến con buồn khóc nói kệ:

"Đường vách núi hiểm trở,
Kia ắt dùng roi gậy,
Bức bách hai con đi,
Bà-la-môn độc ác,
Hai con kêu vỡ họng,
Gào khóc đến ói máu,
Giống như thú sợ chạy,
Chân mềm làm sao đi".

Lúc đó Thái tử thấy vợ quá buồn khổ, than khóc không dứt liền nói kệ khuyên can:

"Tôi không có tâm giận,
Mà đem con bố thí,
Vì lợi ích hữu tình,
Khó xả mà xả thí,
Con cái và quyến thuộc,
Khó xả nay đã xả,
Sẽ được quả Đại nhân,
Vô thượng diệu Bồ-đề,
Nay ta thệ xả thí,
Là vì cầu giải thoát,
Nên mới đem hai con,
Thí cho Bà-la-môn".

Người vợ nghe rồi liền nói với chồng:

"Tôi không có ý ngăn,
Chàng chớ sanh niệm khác,
Nếu chàng muốn thí tôi,
Chàng cứ tùy ý thí,
Dứt Ái thí thân quyến,
Vì chí cầu Bồ-đề,
Sở cầu được đầy đủ,
Sẽ cứu hết quần mê".

Lúc đó vua trời Đế thích muốn giúp cho chí nguyện Bồ-tát được thành tựu nên vào giữa đêm dẫn vô số chư thiên đến chỗ Bồ-tát, thân

quang chiếu sáng khắp núi rừng nói với Bồ-tát rằng: "người đời ngu si mê cuồng loạn trí…" vừa nói đến đây vua trời Đế thích liền suy nghĩ:

"Bồ-tát có một người vợ đang hầu hạ, nếu không có người vợ này trợ giúp, Bồ-tát sẽ rất khổ sở ; nhưng ta cũng phương tiện đến xin người vợ này", nghĩ rồi vua trời Đế thích hoa làm một Bà-la-môn đến chỗ Bồ-tát nói kệ:

"Vợ Ngài đủ các tướng,
Lại chung thủy với chồng,
Nhưng Ngài hãy đem vợ,
Thí cho Bà-la-môn".

Người vợ nghe rồi liền nói kệ:

"Bà-la-môn thấp hèn,
Ngươi tham không hổ thẹn,
Quen thói làm phi pháp,
Hoại tâm trinh của ta".

Kế nói với người chồng:

"Thiếp không tiếc thân mình,
Cũng không tự cầu an,
Nếu thiếp đi theo hắn,
Ai sẽ hầu hạ chàng?".

Thái tử nghe rồi liền nói với vợ: "ta rất thương yêu nàng nhưng vì cầu pháp vô tận, nàng hãy đi theo người ấy, dù cho nàng đi rồi, tôi sẽ bị chết tôi cũng phải bố thí", nói rồi liền suy nghĩ: "đây là lần xả thí sau cùng, tâm ta không còn ràng buộc", nghĩ rồi liền nói với Bà-la-môn:

"Hãy nên cung cấp quý nhân này,
Là người hiền thiện, tâm thẳng ngay,
Tôi rất yêu mến người vợ này,
Nay đem thí cho Bà-la-môn".

Lúc đó đại địa chấn động sáu cách, người vợ nghẹn ngào đi theo Bà-la-môn, đã mất hai con nay lại xa chồng, trên khổ chồng thêm khổ, người vợ đau buồn nói kệ:

"Do ta tạo nghiệp này,
Từ xưa cho đến nay,
Như Bò mất con khổ,
Ta khổ còn nhiều hơn".

Nghe vợ Thái tử nói lời này, vua trời Đế thích hiện lại bổn hình nói rằng: "Ta chẳng phải là người, cũng chẳng phải Bà-la-môn, Ta là vua trời Đế thích có thể chế phục A-tu-la, chỉ vì Ta muốn giúp cho Bồ-tát thành tựu đại nguyện Vô thượng Bồ-đề nên mới thị hiện làm như thế", vợ Thái tử nghe rồi vui mừng nói kệ:

"Xin nguyện con của con,
Được thoát thân nô lệ,
Gặp được nhân duyên lành,
Trở về chỗ phụ vương".

Sau đó vua trời Đế thích dẫn vợ Thái tử trở về giao trả lại và nói rằng:

"Trả lại vợ cho Ngài,
Để hầu hạ tùy ý,
Đừng đem cho ai nữa,
Coi như giữ giùm tôi".

Lúc đó Bà-la-môn hóa thân của vua trời Đế thích dắt hai đứa con của Thái tử vào trong nước của vua cha Thái tử để rao bán cháu của vua. Quần thần nhìn biết là cháu của vua vội về tâu với vua rằng:

"Chúng thần thấy cháu vua,
Cháu trai và cháu gái,
Đi theo Bà-la-môn,
Bị rao bán trong thành".

Vua nghe rồi ngất xỉu, hồi lâu mới tỉnh, tỉnh rồi liền ra lịnh dẫn hai cháu đến, vua nhìn thấy hai cháu gầy gò, dơ bẩn, áo quần rách nát, đau lòng lại ngất xỉu, tỉnh rồi nói kệ:

"Ngay khi ở trong rừng,
Vẫn còn ưa bố thí,
Các khanh hãy mau gọi,
Con ta và nàng dâu".

Lúc đó dân chúng trong nước đều đến thỉnh Thái tử trở về, thời gian sau Thái tử lên nối ngôi vua cha cũng tiếp tục bố thí cho tất cả Sa môn, Bà-la-môn cho đến những người nghèo hèn cô độc… Bồ-tát tu vô lượng phước nghiệp rồi nói kệ:

"Ai cầu đạo Bồ-tát,
Hãy nên siêng bố thí,
Sát lợi, Bà-la-môn,
Tỳ-xá, Thủ-đà-la,
Vàng bạc và vật báu,
Cho đến chuỗi anh lạc,
Nô tỳ và đầy tớ,
Thí cho người trì giới,
Vợ và con của mình,
Thí cho Bà-la-môn,

Người ấy được quả báo,
Đời này và đời sau".

Này Đại vương, vua Vĩ thí phược đa la thuở xưa chính là thân ta ngày nay. Ngày xưa ta đã hành bố thí, tu vô lượng phước nghiệp như thế để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã tu bố thí làm các phước nghiệp như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có vua tên Phạm đức, sau khi lên ngôi vua dùng chánh pháp cai trị nên đất nước phồn thịnh an vui, trong nước không có trộm cướp dịch bịnh, dân chúng ấm no, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa. Một hôm thầy tướng số xem thiên văn dự đoán rằng trong 12 năm tới trời sẽ hạn hán không mưa, vua liền ra lịnh đánh trông thông báo cho dân chúng biết: "tướng sư dự đoán trong 12 năm tới trời sẽ hạn hán không mưa, nếu ai có thể dự trữ đủ lương thực để dùng trong 12 năm thì ở lại; nếu ai không thể thì tùy ý đi đến nơi khác, sau khi đất nước sung túc trở lại thì trở về". Lúc đó trong thành có một trưởng giả tên là Tán đản giàu có, gia sản nhiều như Tỳ sa môn thiên vương, trưởng nghe được thông báo này liền cho gọi người giữ kho đến hỏi: "trong kho của ta có đủ lương thực dùng trong 12 năm không?", đáp là đủ, trưởng giả nghe rồi liền ở lại trong nước ; những người khác không đủ điều kiện để ở lại đều bỏ sang nước khác. Lúc đó thế gian không có Phật, chỉ có Độc giác vì thương xót hữu tình và những người nghèo khổ nên xuất hiển ở đời, là bậc ứng cúng duy nhất cho loài người. Trong thành Bà-la-nê-tư, tại một nơi có 500 vị Độc giác cư trú, một nơi khác cũng có 500 vị Độc giác, lúc đó 500 vị Độc giác thứ nhất mang bát đến nhà trưởng giả Tán đản khất thực và nói với trưởng giả rằng: "ông có thể cúng dường ẩm thực cho 500 người xuất gia trong 12 năm bị hạn hán không?", trưởng giả nói: "đợi tôi hỏi người giữ kho", sau khi hỏi người giữ kho rồi trưởng giả nhận lời cúng dường ẩm thực cho các vị Độc giác trong 12 năm bị hạn hán. 500 vị Độc giác này vừa đi khỏi thì 500 vị Độc giác thứ hai lại đến khất thực và nói với trưởng giả cũng giống như trên, trưởng giả nói: "chẳng phải con đã nhận lời cúng dường rồi

sao, vì sao các Ngài lại đến hỏi lại lần nữa?", các vị Độc giác liền nói: "các vị Độc giác trước là khác, chúng tôi là những người vừa mới đến",

trưởng giả cũng nói là đợi hỏi người giữ kho, sau khi hỏi người giữ kho xong, trưởng giả cũng nhận lời cúng dường suốt 12 năm bị hạn hán rồi hỏi: "hằng ngày các Thánh giả thọ thực vào giờ nào?", đáp là vào giờ ngọ, trưởng giả liền cho xây cất một trú xứ để hằng ngày cúng dường cho 1000 vị Độc giác đến đó thọ thực vào giờ ngọ. Một hôm trưởng giả hỏi vị Độc giác: "Thánh giả, lúc này thế gian mất mùa đói kém, lúc nào trời mới có thể mưa?", liền đáp là hôm nay trời có thể mưa, lại hỏi có thể gieo giống được không, đáp là được, trưởng giả nghe rồi liền cho gieo hạt giống. Lúc vua trời Đế thích suy nghĩ: "trưởng giả đã phát tâm cúng dường 1000 vị Độc giác, là bậc tối tôn trong sự bố thí, không có ai hơn. Ta cũng nên trợ giúp trưởng giả thành tựu công đức", nghĩ rồi liền giáng mưa xuống, các hạt lúa giống mọc thành dây bầu, trưởng giả liền đến hỏi vị Độc giác nguyên do, đáp là cứ tưới đúng thời, trưởng giả nghe theo lời tưới đúng thời, các dây bầu liền sanh hoa quả, mỗi hoa cho ra trái to như trái bầu hoặc như cái lu, trưởng giả lại đến hỏi, vị Độc giác đáp là cứ chờ đúng thời tự nó sẽ nở ra. Thời gian sau trái chín tự vỡ ra, bên trong chứa đủ loại hạt giống, nhờ vậy trong nước không còn đói kém nữa, dần dần sung túc trở lại, dân chúng nghe tin này đều trở về lại quê hương. Lúc đó trưởng giả cúng dường ẩm thực cho 1000 vị Độc giác trong suốt 12 năm rồi nói kệ phát nguyện:

"Tâm thông minh chứng ngộ,
Thân ngữ cũng tịch tĩnh,
Thường cúng dường bậc này,
Bậc Ứng cúng vô lậu,
Đủ thần thông biến hóa,
Trang nghiêm có danh xưng,
Cúng dường bậc Vô úy,
Mình và quyến thuộc vui,
Cúng dường bậc Ứng cúng,
Có đầy đủ tịnh giới,
Trồng được nghiệp an vui,
Đời này và đời sau.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 15

Lúc đó Phật bảo vua Thắng quang: "trưởng giả Tán đản thuở xưa chính là thân ta ngày nay. Ngày xưa ta đã cúng dường 1000 vị Độc giác trong suốt 12 bị hạn hán nên được vua trời Đế thích trợ giúp công đức bằng cách giáng mưa xuống, không phải chỉ do bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Nhiếp tụng:

Ngựa chúa, Tiên làm chứng,
Rắn, Cọng mạng, Chim chúa,
Anh võ, nước Vĩ đề ha ,
Rùa, họ Tô, hai thương chủ.

1. Ngựa chúa: Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã làm lợi ích nhiếp thọ các hữu tình như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa Ta làm ngựa chúa tên là Bà ha la để làm lợi ích nhiếp thọ hữu tình, như trong kinh Tăng kỳ đắc phần Dược xoa thuộc kinh Trung A Cấp ma có nói rõ.

2. Tiên làm chứng: Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa cách thành Bà-la-nê-tư không xa, có một vị Tiên cư trú, tâm từ bi thương xót hữu tình. Cách chỗ Tiên ở không xa có hai nông dân đang cày bừa bỗng tranh cải rồi đánh nhau, sau đó chạy đến chỗ Tiên nhờ Tiên làm chứng rồi đến chỗ vua thưa kiện, vua liền hỏi vị Tiên làm chứng sự việc như thế nào, Tiên nói: "người này giận người kia, người kia tức người này; người kia đánh người này, người này đánh lại người kia", vua nghe rồi liền nói như vậy cả hai đều đáng phạt, Tiên nói: "nếu y theo pháp của vua Chuyển luân để đoán sự thì tôi sẽ làm

chứng, nếu hành theo pháp khác thì tôi không làm chứng", vua hỏi:

"như thế nào gọi là y theo pháp của vua Chuyển luân để đoán sự?", Tiên đáp: "pháp của vua Chuyển luân đoán sự là bỏ việc vô ích, trụ nơi việc có ích", vua nghe rồi liền bảo hai nông dân: "các ngươi hãy đi đi, chớ có tái phạm".

Này Đại vương, Tiên nhơn làm chứng thuở xưa chính là thân ta ngày nay. Ngày xưa tuy làm chứng nhưng ta làm chứng đúng pháp, làm chứng chân thật, không phải chỉ như thế mà được chứng quả Vô thượng Bồ-đề ; còn phải làm lợi ích nhiếp thọ hữu tình và do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

3. Rắn Mãng xà: Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã làm lợi ích nhiếp thọ hữu tình như sau, Đại vương hãy lắng nghe:

Thuở xưa, còn ở trong Bất định tụ, Ta làm Sư tử chúa đã xả thân mạng để làm lợi ích hữu tình. Lúc đó 500 thương nhơn đi qua một con đường hiểm, do họ nói chuyện lớn tiếng với nhau nên làm cho con rắn Mãng xà giật mình thức giấc, nó lao tới quấn lấy 500 thương nhơn này khiến họ kinh sợ lớn tiếng kêu cứu các thiên thần. Sư tử chúa đang ở trong rừng nghe tiếng kêu gào này liền chạy tới mới thấy con Mãng xà đang quấn lấy các thương nhơn. Lúc đó Sư tử chúa thấy một con voi con đứng cách đó không xa liền tới bên voi nói: "các thương nhơn sắp bị rắn mãng xà ăn, voi có thể liều mình cứu họ không?", voi hỏi: "Sư tử định làm thế nào?", Sư tử nói: "tôi phải phóng lên đầu của voi, hai chân sau bấu vào đầu voi rồi dùng móng vuốt của hai chân trước đánh vào đấu rắn. Hai chân sau bấu vào đầu voi sẽ làm voi bị chết, tôi đánh vào đầu rắn, rắn sẽ chết, rắn phun nọc độc tôi cũng sẽ chết", voi nghe rồi liền nói: "nếu xả thân mạng mà cứ được nhiều người thì tôi không tiếc". Sư tử chúa nghe rồi liền phóng lên đầu voi, hai chân sau bấu vào đầu voi… giống như đoạn văn trên cho đến câu sư tử cũng chết vì nọc độc của rắn. Các thương nhơn thoát chết định tiếp tục lên đường, chư thiên trên không trung bảo các thương nhơn: "Sư tử chúa này là Bồ-tát trong Hiền kiếp, đã xả thân mạng để cứu các vị, các vị phải cúng dường Sư tử và voi rồi hãy đi", các thương nhơn nghe rồi liền đem các món cúng dường để trên thân Sư tử chúa và voi để cúng dường, nhiễu quanh rồi mới đi. Này Đại vương, Sư tử chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay.

Ngày xưa trong thân bàng sanh, ta còn có thể xả thân mạng để cứu các thương nhơn, không phải chỉ do tâm từ nhiếp thọ hữu tình mà chứng

quả Vô thượng Bồ-đề; còn phải do tu vô lượng phước đức nhân

duyên, tích tập căn lành, phát tâm chánh tín nên ngày nay mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

4. Chim Cọng mạng: Thuở xưa Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh, ở trong một khu rừng đẹp có chim Cọng mạng một thân hai đầu: Một đầu tên là Đạt ma, một đầu tên là A đạt ma. Lúc đó Đạt ma ăn quả ngọt, A-đạt-ma lại ăn quả độc khiến cho chim mê loạn; A-đạt-ma phát nguyện: "nguyện tôi sanh ra nơi nào cũng là bạn ác làm tổn hai anh", Đạt ma phát nguyện: "nguyện tôi đời đời hành tâm từ làm lợi ích cho anh".

"Này Đại vương, Đạt ma thuở xưa chính là thân ta ngày nay, còn A đạt ma thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Do tâm từ và nhân duyên tích tập căn lành mà nay ta chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

5. Chim chúa: Thuở xưa, Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh, ở trong một ao nước trong có một con chim chúa cầm đầu 500 con chim; trong số đó có một con chim già do không thể bay xa kiếm mồi nên thường lén ăn chim con và trứng chim, nó giả bộ đi chậm chạp và khi đã ăn no thì đứng một chân. Lúc đó các chim con sầu não, đến chỗ chim chúa kể lại sự việc, chim chúa liền điều tra xem ai đã ăn các chim con. Bồ-tát tuy mang thân súc sanh nhưng tâm không có khác, sau khi điều tra chim chúa liền biết thủ phạm chính là con chim già, nó giả bộ đi chậm chạp và đang đứng một chân ở bờ ao. Bồ-tát chim chúa liền đến gần nó nói kệ:

"Ăn nuốt các trứng chim,
Và các con chim con,
Co cẳng đứng một chân,
Giống như người trì giới,
Giả bộ đi chậm chạp,
Nói nhỏ nhẹ giả dối,
Cong cổ giả bộ thế,
Ắt là nhiều gian trá".

Chim già nghe rồi liền biết chim chúa đã biết thủ phạm là mình, lúc đó chim chúa nói: "ngươi hãy tìm cách, đừng để cho các chim khác biết thủ phạm là ngươi, chúng sẽ kết oán với ngươi", chim chúa nghe rồi liền bỏ trốn đi, từ đó các chim con không còn lo sợ nữa.

"Này Đại vương, chim chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, do tâm từ bi nhiếp thọ hữu tình và do nhân duyên tích tụ căn lành với sức chánh kiến mà ta chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

6. Chim Anh võ: Thuở xưa, Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh, ở trong một khu rừng nọ có một con chim Anh võ hiểu được tiếng người. Lúc

đó vua Phạm đức ở thành Bà-la-nê-tư lên nối ngôi vua dùng chánh pháp cai trị, có một con chim khác muốn hại chim Anh võ nên Anh võ bay sà vào lòng bàn tay của vua và nói: "xin vua đừng dùng phi pháp cai trị". Lúc đó vua thọ năm giới từ chim Anh võ, hứa dùng chánh pháp cai trị và bảo quần thần: "từ nay đối với tất cả chim thú đều ban cho Vô úy thí".

"Đại vương, chim Anh võ ngày xưa chính là thân ta ngày nay, do nhân duyên tích tụ căn lành mà nay ta mới chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

7. Nước Vĩ đề ha: Thuở xưa, lúc vua Phạm đức ở thành Bà-la-nê-tư lên ngôi vua, nước Vĩ đề ha không chịu thần phục nên vua Phạm đức muốn đi chinh phạt. Vua Phạm đức có quân binh hùng mạnh, nước Vĩ đề ha tuy có đông binh mã nhưng lại hành từ bi, không muốn gây chiến tranh. Khi hay tin vua Phạm đức dẫn bốn binh đến chinh phạt, vua nước Vĩ đề ha ra lịnh dân chúng quét dọn đường sá, lượm bỏ đá sạn, treo cờ phướn khắp nơi và chuẩn bị sẵn thức ăn thức uống, sau đó ra lịnh dân chúng trong thành ra khỏi thành khoảng 25 dặm, dùng hương hoa nghinh đón và dùng trăm ngàn lời khen ngợi đức của vua Phạm đức. Đến nơi vua Phạm đức nghe thấy việc này liền hết tức giận, suy nghĩ: "đã nói những lời tốt đẹp không trái nghịch như thế thì ta nên lui quân", quần thần của nước Vĩ đề ha đến nói với vua Phạm đức: "xin vua hãy qua nước tôi dự tiệc chiêu đãi của vua nước tôi". Lúc đó vua nước Vĩ đề ha nói kệ:

"Đại vương đã tha thứ,
Tôi đích thân kính mời,
Mở tiệc chiêu đãi vua,
Mong được làm bạn thân".

Vua Phạm đức cũng nói kệ:

"Do nhẫn được giải thoát,
Tâm sân dứt, không khởi
Là bậc nhất thiết năng,
Thắng tất cả mọi người".

Từ đó hai nước giao hảo, hai vua hòa thuận với nhau, vua Phạm đức dẫn quân trở về, nước Vĩ đề ha không còn lo sợ chiến tranh nữa.

"Này Đại vương, vua nước Vĩ đề ha thuở xưa chính là thân ta ngày nay, do ta đã điều phục tâm mình và nhân duyên tích tụ căn lành với sức chánh tín mà ta chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

8. Rùa chúa: Thuở xưa, Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh, ở trong biển cả có một con rùa chúa thấy có 300 thương nhân đi thuyền vào biển bị

thú biển đánh vỡ thuyền liền vớt họ để trên lưng mình và đưa họ lên bờ khiến họ được an ổn, bảo toàn mạng sống.

"Đại vương, rùa chua thuở xưa chính là thân ta ngày nay, do từ bi và do nhân duyên tích tập căn lành với sức chánh tín mà ta chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

9. Đại thần họ Tô: Thuở xưa, ở nước Tỳ đề ha có 500 đại thần, trong số đó có hai anh em làm đại thần cao nhất, người anh tên là Tô Tư na, người em tên là Tư na. Tư na hay tìm kiếm lỗi của người để làm việc không lợi ích, Tô tư na thì thường làm việc lợi ích. Do Tư na hay làm việc không lợi ích như thế nên dân chúng trong thành đến tâu với vua khiến vua ra lịnh đuổi tư na ra khỏi nước, Tư na liền qua thành Bà-la-nê-tư thờ vua Phạm đức. Thời gian sau Tô tư na xin phép vua nước Tỳ đề ha đi đến thành Bà-la-nê-tư thăm em và bàn việc hòa thuận với em.

"Này Đại vương, đại thần Tô tư na thuở xưa chính là thân ta ngày nay, do ta thường làm việc lợi ích hữu tình và do nhân duyên tịch tập căn lành với sức chánh tín mà ta chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

10. Hai thương nhân: Thuở xưa, trong một thành nọ có hai thương nhơn sinh sống, họ chở hàng quý trên 500 cổ xe sang xứ khác buôn bán, khi đi đến một con đường hiểm một thương nhơn bị Dược xoa ăn thịt, thương nhơn thứ hai được bình yên thoát ra khỏi đường hiểm đó, sự việc có nói rõ trong kinh Trung A Cấp ma.

"Này Đại vương, thương nhơn thứ hai được bình an thoát ra khỏi đường hiểm đó chính là thân ta ngày nay, do ta hành từ bi và do nhân duyên tích tập căn lành với sức chánh tín mà ta chứng được quả Vô thượng Bồ-đề".

11. Voi chúa sáu ngà: Thuở xưa Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh, trong một khu rừng nọ có một con voi chúa sáu ngà, vợ của nó tên là Bạt đà là con voi tôn quý nhất trong số các voi cái. Lúc đó voi chúa rời khỏi đàn đến một chỗ vắng vẻ khác, tại đây nó gặp một con voi cái khác rất xinh đẹp đáng yêu và cùng gần gũi với nhau như vợ chồng, sau đó chúng thường đi bên nhau khiến cho voi cái Bạt đà tức giận muốn giết chết cả hai. Tuy giận tức như thế nhưng voi cái Bạt đà không làm gì được, nó liền phát nguyện ác: "nguyện tôi sanh ra nơi nào đều làm hại hai kẻ này", phát nguyện ác rồi nó lên đỉnh núi cao gieo mình xuống tự sát, thần thức của nó thác thai vào bụng của đại phu nhân nước Tỳ đề. Đủ ngày tháng, đại phu nhân sanh ra một bé gái đầy đủ các tướng tốt, đến khi trưởng thành được gả cho vua Phạm đức làm phu nhân thứ nhất. Do túc nghiệp nên phu nhân

này ôm lòng thù oán voi chúa sáu ngà liền tâu với vua Phạm đức là muốn có được ngà của voi chúa sáu ngà. Vua liền tập họp tất cả thợ săn lại và ra lịnh săn bắt voi chúa sáu ngà để lấy ngà của nó, các thợ săn vâng lịnh vua cùng đi săn bắt. Lúc đó người cầm đầu các thợ săn nói rằng: "các vị hãy trở về, một mình tôi săn bắt voi chúa sáu ngà được rồi", nói rồi thợ săn này mang theo đủ mọi vật dùng đến trong rừng tìm chỗ ẩn nấp để quan sát voi chúa, lúc đó voi chúa và voi cái sống xa đàn ở riêng chỗ vắng vẻ. Thợ săn này mặc áo nhẫn nhục (áo người xuất gia mặc), giấu cung tên và áo giáp tìm cách giết voi chúa. Voi cái nhìn thấy thợ săn liền bảo voi chúa: "hãy cùng đi đến chỗ khác, có người đến muốn giết chúng ta", voi chúa hỏi người đó hình dạng thế nào, voi cái nói: "người đó mặc áo nhẫn nhục, ngoài hiện tướng từ bi", voi chúa nói: "thế thì không phải sợ, vì trong lớp áo ca-sa không có việc chẳng lành. Người khoát áo ca-sa, tâm trụ từ bi, như mặt trăng không có sức nóng, người này cũng vậy". Do không nghi ngờ nên voi chúa và voi cái tùy ý dạo chơi không chút đề phòng, thợ săn liền bắn mũi tên độc vào yếu huyệt của voi chúa. Voi cái nói với voi chúa: "tại sao chàng lại nói là người mặc ca-sa không có tâm làm hại?", voi chúa nói kệ:

"Tâm không sanh tội lỗi,
Cũng không do chiếc áo,
Chỉ do nơi phiền não.
Do tâm lìa từ bi,
Như vàng bọc lá đồng,
Vào lửa, chất đồng hiện,
Người ngu tuy không biết,
Nhưng người trí biết rõ,
Cung, tên, người đều độc,
Do nơi họ làm ác,
Ca-sa vốn tịch tĩnh,
Tất cả do tâm tạo".

Voi cái nói kệ:

"Tôi không trái lời chàng,
Như lời chàng đã nói,
Nhưng tôi muốn nghiền đứt,
Người ấy thành nhiều khúc".

Lúc đó voi chúa suy nghĩ: "làm sao chữa lành phiền não này, nếu là vợ của Bồ-tát mà khởi tâm oán hại thì không nên", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Như người bịnh bị quỷ ám,
Gặp thầy thuốc muốn làm hại,

Thầy thuốc biết không hề giận,
Nàng hoan hỉ cũng như thế".

Voi cái nghe rồi liền im lặng. Lúc đó đàn voi kéo đến, voi chúa sợ đàn voi làm hại thợ săn nên đến bên thợ săn nói bằng tiếng người: "ngươi chớ sợ hãi", do Bồ-tát tuy ở trong loài bàng sanh mà vẫn hành hành Bồ-tát, nên voi chúa dùng vòi quấn quanh người thọ săn để che chở rồi bảo voi cái và đàn voi đi nơi khác, sau đó bảo thợ săn rằng: "này thợ săn, đàn voi đã đi hết rồi, anh cần vật gì trên thân tôi thì cứ tùy ý lấy", thợ săn nghe rồi hết sức ngạc nhiên, suy nghĩ: "đây mới là người, ta chẳng phải là người ; ta là thú trong loài người, kia là người trong loài voi. Kia tuy mang thân súc sanh mà có tình có trí như vậy, ta tuy mang thân người nhưng không có trí huệ", nghĩ rồi rơi lệ, Bồ-tát liền hỏi nguyên do, đáp: "voi đã làm tổn tôi", voi chúa suy nghĩ: "ta hiện tướng cứu giúp chưa hề làm tổn anh ta". Lúc đó thợ săn nói: "thân voi có vô lượng công đức, không có tội mà tôi giết hại, đó chính là làm tổn tôi. Thân voi tuy trúng tên bị thương, còn có thể chữa trị; nhưng tâm tôi bị bắn, ngu si vô trí khó thể trị lành", liền nói kệ:

"Ta đang quán sát hạnh voi chúa,
Công đức rộng lớn cũng như biển,
Kẻ làm hại mình cũng từ bi,
Tâm Bồ-tát này thật khó sánh,
Cho dù tôi đang mang thân người,
Vẫn không chân trí giác như vậy,
Chỉ có mỗi sân hận thế này,
Thân không có được chút phước đức,
Dù thân người hình dáng trang nghiêm,
Không bằng voi mang thân bàng sanh.
Voi là loài vật có trí người,
Voi chúa đứng đầu trong loài voi,
Không kể hình dạng liền thành người,
Không do loài vật, không phải người.
Nếu ai có công đức, nhân từ,
Người ấy mới chính thật là người".

Voi chúa nói: "anh không cần nhọc sức nói nhiều với những lời hay như thế, anh hãy nói cho tôi biết vì sao anh lại muốn bắn giết tôi?", đáp: "đó là tôi vâng lịnh vua bắn giết voi để lấy ngà", voi chúa nói: "nếu vậy anh hãy lấy mau, tùy ý nhổ lấy ngà của tôi để anh được lợi ích, vì Bồ-tát ôm lòng buông xả tất cả", liền nói kệ:

"Làm lợi ích tất cả hữu tình,

Mau hết trôi giạt biển sanh tử,
Thường chứng trí Vô thượng Bồ-đề ,
Nguyện mau sớm vào thành Niết-bàn".

Thợ săn nói: "tuy tôi cần lấy ngà nhưng tôi không thể nhổ lấy. Nếu voi cho tôi nhổ, xin hãy trụ tâm từ bi, nếu không như thế tay tôi sẽ rụng khi đang nhổ", voi chúa nói: "nếu anh không thể nhổ, tôi sẽ tự nhổ cho anh. Vì chân ngà cắm sâu trong thịt, khi nhổ máu trắng sẽ tuôn ra". Khi voi chúa tự nhổ ngà xong, máu chảy đầy thân như núi phủ tuyết, voi chúa lúc đó thấy thân mình như vậy sợ tâm thối chuyển nên muốn làm cho tâm kiên cố không rối loạn. Lúc đó chư thiên trên hư không thấy tâm của Bồ-tát được viên mãn liền hiện tướng lạ, một vị nói kệ:

"Chư thiên chúng tôi thấy,
Voi chúa hành khổ hạnh,
Khi đang nhổ ngà ra,
Chịu vô lượng đau khổ,
Nhưng tâm vẫn kiên cố,
Không thối chuyển Bồ-đề".

Một vị khác nói:

"Nhổ ngà như vậy, thân chịu khổ,
Làm sao có thể phát Bồ-đề,
Giống như người chịu khổ địa ngục,
Ắt không thể phát tâm từ bi".

Lúc đó voi chúa quấn lấy sáu chiếc ngà đưa cho thợ săn và nói kệ:

"Hiền thủ, anh hãy bỏ việc ác,
Bỏ cung tên, kiếm bén đang cầm,
Anh mặc ca-sa nhơn từ này,
Tôi thấy áo này tâm rất vui,
Hoặc có thí tịnh, thọ cũng tịnh,
Hoặc có thí tịnh, thọ không tịnh,
Tôi nay thấy anh tịnh nên thí,
Người thí, người thọ thảy đều tịnh.
Nếu thật tên độc bắn trúng tôi,
Tôi không sanh một chút sân hận,
Nguyện tôi mau chứng quả Bồ-đề,
Cứu độ luân hồi được giải thoát".

"Này Đại vương, voi chúa sáu ngà thuở xưa chính là thân ta ngày

nay, không phải chỉ do khổ hạnh bố thí mà chứng quả Vô thượng Bồ-đề, còn phải do tu vô lượng phước đức nhân duyên, tích tập căn lành, với sức chánh kiến nên ngày nay ta mới chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác".

Phật lại bảo vua Thắng quang: "Đại vương, để cầu quả Vô thượng Bồ-đề, ta đã từng làm con thỏ xả thịt thân mình để bố thí cho vị tiên nhơn.

Lại nữa Đại vương, thuở xưa cha mẹ của ta đều mù mắt, ta thường cõng vác trên vai, trên lưng và nuôi dưỡng cha mẹ trong một thời gian dài.

Lại nữa Đại vương, thuở xưa thế gian tà kiến, khi cha mẹ già yếu thì hoặc bỏ đói hoặc nhận chìm dưới sông, hoặc ném vào lửa thiêu đốt, cho rằng làm như thế cha mẹ được sanh thiên. Lúc đó ta đã làm phương tiện khiến việc làm phi pháp này chấm dứt.

Lại nữa Đại vương, còn có vô lượng nhân duyên như trong kinh Dược xoa na ca có nói rõ.

Lại nữa Đại vương, Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh là vượn chúa đứng đầu 500 con vượn. Lúc đó vua Phạm đức ở thành Bà-la-nê-tư đã làm cho chúng kinh sợ, ta với thân vượn chúa đã xả thân để cứu 500 con vượn.

Lại nữa Đại vương, Bồ-tát ở Bất định tụ làm súc sanh mang thân chim Trĩ như trong kinh chim Trĩ bổn sanh có nói rõ; hoặc mang thân voi như trong kinh Tương bổn sanh có nói rõ; hoặc mang thân rồng như trong kinh Long bổn sanh có nói rõ; hoặc mang thân Ngỗng chúa như trong kinh Nga bổn sanh có nói rõ".

Lúc đó vua Thắng quang hỏi Phật: "Thế tôn phát nguyện cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề lần đầu tiên vào lúc nào?", Phật nói: "Đại vương lắng nghe:

Thuở xưa cách đây vô lượng kiếp có vua tên là Quang minh, vua có voi báu thân trắng như hoa sen, bảy Chi đầy đặn, dáng vẻ oai vệ ai cũng thích nhìn. Lúc đó vua bảo người điều phục voi chừng nào điều phục voi xong thì mang đến cho vua cỡi. Thời gian sau người điều phục

voi sau khi thấy voi đã thuần thục liền dẫn voi đến chỗ vua, vua liền cỡi voi cùng người điều phục voi ra khỏi thành đi săn bắn. Không ngờ voi báu nghe mùi của voi cái liền chạy theo mùi để tìm voi cái, lúc đó voi chạy mau như gió nên vua bảo người điều phục voi rằng:

"Ta thấy hư không chuyển,
Bốn phương đều đảo lộn,
Đất núi như bàn quay,
Cây cũng đi trên không,

Chân voi không dời đổi,
Giống như bay trên không,
Thấy núi trước chạy đến,
Núi sau không lay động,
Ngươi hãy bắt voi dừng,
Đánh roi cho nó sợ,
Vì voi chưa điều phục,
Thấy cái chết kề bên".

Người điều phục voi nói:

"Thần đã tụng chú của đại tiên,
Và dùng móc sắt đánh rất mạnh,
Chỉ khiến voi báu chạy thêm mau,
Các pháp đã dùng đều vô ích,
Dù móc sắt cũng không cản được.
Vua nên biết không điều phục được,
Vì tham dục đã thâm nhập tâm,
Dục ở trong tâm như đóng đinh,
Tham dục khi phát rất mạnh mẽ,
Không ai có thể chận đứng được".

Lúc đó người điều phục voi tâu vua: "khi voi chạy đã mệt, vua hãy níu vào một cành cây và để nó đi đâu tùy ý", vua và người điều phục voi níu vào một cành cây, ví như từ chỗ chết được sống lại, vua nói: "người điều phục voi chưa thuần thục mà đã đem đến cho ta cỡi", đáp: "Đại vương, chỉ vì voi này nghe mùi voi cái, do tham dục làm say nên không chịu nghe lời. Nó tuy đi nhưng sau bảy ngày nó sẽ trở về, vì sau khi gặp voi cái cùng hành dục xong, nó sẽ trở về". Đến ngày thứ bảy quả nhiên voi báu trở về, người điều phục voi lúc đó đốt một hòn sắt nóng đỏ đưa tới trước voi, voi liền tiến đến muốn nuốt lấy, người điều phục voi nói: "Đại vương, nếu voi nuốt hòn sắt nóng đỏ này sẽ chết", vua nói: "ngươi đã điều phục voi được như vậy, tại sao lúc ấy lại làm cho ta một phen khiếp vía", người điều phục voi nói: "thần chỉ điều phục được thân, không thể điều phục được tâm", vua hỏi: "khanh thấy ai đã điều phục được tâm chưa?", đáp: "đã thấy, chính là Phật Thế tôn đã điều phục được cả thân tâm. Tất cả hữu tình tuy rất muốn điều phục tâm mình nhưng vì không thể điều phục được nên đều thối thất. Các ngoại đạo tuy tu khổ hạnh nhưng tham dục đầy tâm vẫn không thể trừ được, có người xả cảnh lìa nơi tham dục nhưng vẫn không giữ vững cuối cùng cũng thối thất. Từ A-tu-la, trời người cho đến súc sanh, tất cả loài hàm thức đều bị tham dục trói buộc từ vô thỉ đến nay như bánh xe quay, tâm tuy

vô tướng nhưng không ai được tự tại. Đại vương dù có oai lực lớn chiến thắng trong các trận chiến cũng không thể điều phục được tâm mình, chỉ có Phật Thế tôn là không còn tham dục, tâm được tự tại". Lúc đó vua liền phát nguyện cầu quả Vô thượng Bồ-đề và nói kệ:

"Ta nguyện tu phước cầu quả Phật,
Được thành đấng Thiện thệ tự tại,
Ai chưa thể qua được bờ kia,
Tôi thề độ họ đến bờ kia.
Nghe Phật ly dục, phát Bố đề,
Lại hành huệ thí, dùng chánh pháp,
Nguyện đời sau tôi được thành Phật,
Diệt tham dục, lợi ích hữu tĩnh".

Này Đại vương, vua Quang minh thuở xưa chính là thân ta ngày nay, vào thời đó ta đã phát nguyện cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề lần đầu tiên".

Vua Thắng quang lại hỏi Phật: "Thế tôn bố thí cho ai lần đầu tiên để cầu chứng quả Vô thượng Bồ-đề?", Phật nói: "Đại vương lắng nghe:

Thuở xưa cách đây vô lượng kiếp có thành tên là Tỳ ha bỉ địa, trong thành có một người thợ gốm. Lúc đó có Phật ra đời hiệu là Thích ca Mâu ni chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác đầy đủ 10 hiệu, vị Phật đó cũng có các đệ tử Thinh văn tên là Xá-lợi-tử, Đại Mục-kiền-liên và A-nan-đà là thị giả. Một hôm Phật cùng vô lượng các Bí-sô du hành trong nhân gian khi đi đến thành này thì Phật bị cảm gió, Phật liền bảo A-nan-đà đến nhà thợ gốm xin tô dầu và nước mật. A-nan-đà vâng lời Phật dạy đến nhà thợ gốm xin, thợ gốm nghe rồi liền đem tô dầu và nước mật rồi cùng con đi đến chỗ Phật. Thợ gốm dùng tô dầu nước mật này thoa lên người Phật, sau đó lấy nước ấm tắm cho Phật rồi đưa nước đường cát cho Phật uống, nhờ đó bịnh được lành. Thợ gốm này nói kệ phát nguyện:

"Con đem tô mật cúng Như lai,
Nguyện được công đức lợi rộng lớn,
Dòng họ, danh hiệu, chúng Thanh văn,
Đều giống như Phật Thích ca ngày nay,
Khéo hay điều phục loài hữu tình,
Xa lìa các khổ về viên tịch".

Con người thợ gốm cũng phát nguyện: "nguyện đời vị lai con cũng như thị giả của Phật".

Này Đại vương, ta lúc đó lần đầu tiên cúng dường Phật Thích ca Mâu ni để cầu chứng quả Vô thượng Bồ-đề, người con lúc đó phát nguyện nay

chính là A-nan-đà".

Vua Thắng quang lại hỏi Phật: "từ lần cúng dường đầu tiên cho đến lúc thành Phật, Thế tôn đã cúng dường bao nhiêu vị Phật để cầu chứng quả Vô thượng Bồ-đề?", Phật nói: "Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ một, từ lúc ta cúng dường Phật Thích ca cho đến Phật Hộ thế, với tâm thanh tịnh như thế ta đã cúng dường bảy vạn năm ngàn đức Phật, trong khoảng thời gian đó cúng dường chưa hề có tâm sai khác, chỉ một mực cầu chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Bảo kế, ta đã cúng dường với tâm thanh tịnh bảy vạn sáu ngàn vị Phật như thế, tuy trải qua nhiều đời, nhưng tâm ta vẫn không sai khác, thường đem lòng thành tín cúng dường chư Phật. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ ba, từ Phật Bảo kế cho đến Phật An Ổn ta đã cúng dường bảy vạn bảy ngàn vị Phật như thế. Đến Phật Ca-nhiếp-ba, ta cũng cúng dường không có tâm khác, thường đem lòng thành tín cúng dường chư Phật. Khi còn là Bồ-tát, ta đã cúng dường như vậy và đều được chư Phật thọ ký đương lai sẽ chứng quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, từ bi nhiếp thọ các hữu tình", nghe Phật nói rồi vua Thắng quang vui mừng đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó A-nan-đà nói kệ thỉnh Phật:

"Cúi xin đấng Thế tôn,
Phân biệt cho con rõ,
Nơi phát nguyện đầu tiên,
Vì cầu đại Bồ-đề.
Lại nguyện Vô thượng sĩ,
Nói nhân duyên bổn sự,
Cúng dường bao nhiêu Phật,
Trong thời gian bao lâu?".

Phật nói kệ đáp:

"Bậc lưỡng túc vô thượng,
Thương xót các hữu tình,
Phát Bồ-đề nơi ấy,
Nguyện vượt khỏi ba cõi.
Nghe tâm Phật lìa dục,
Nói rõ duyên voi say,
Chán tập khí tham dục,
Nên phát tâm Bồ-đề,
Phát thệ nguyện kiên cố,
Bố thí như hà sa.
Vào đời vua Quang minh,

Chuyên mong cầu Chánh giác.
Vào thời Phật Thích ca,
Ta làm người thợ gốm,
Cúng dường lần đầu tiên,
Tô dầu và nước mật.
Cũng từng làm người nữ,
Chánh tín ngôi Tam bảo.
Ta gặp Phật Kiêu Trần,
Dùng đèn dầu dâng cúng.
Vào thời Phật Vô thắng,
Ta từng làm Tam tạng,
Tranh cải với đại chúng,
Mắng chúng tăng là nữ,
Do nghiệp ác nơi miệng,
Ta biến thành nữ nhân,
Hồi tâm thanh tịnh rồi,
Trở lại thành đàn ông.
Ở trong đời quá khứ,
Ta từng làm vương tử,
Anh em Phật Bảo kế,
Ta cúng dường đèn sáng.
Ba tháng đã cúng dường,
Phật Thế tôn An ổn.
Sau khi Phật diệt độ,
Đem xá lợi xây tháp.
Từng làm vị trưởng giả,
Ba tháng cúng dường Phật.
Sau khi Phật diệt độ,
Xây tháp 90 khuỷu.
Sau thấy có Thắng Phật,
Đứng đầu dòng Phạm chí,
Ta cung kinh chắp tay,
Cúng dường bậc tôn quý.
Khi xưa làm Phạm chí,
Hiểu rõ các sách luận,
Ta gặp Phật Lợi ích,
Thí tòa cho Như lai.
Khi tu tập khổ hạnh,

Từng theo pháp tiên nhơn,
Gặp Thế tôn Kiêu Trần,
Níu thân nhảy xuống núi.
Ta từng làm tiên nhơn,
Gặp đức Phật Nhạo kiến,
Đến chỗ chư Phật ở,
Đem trái cây cúng dường.
Khi xưa làm tiên nhơn,
Gặp Thế tôn Thiện nhãn,
Đem áo bằng vỏ cây,
Che lên thân Phật ấy.
Xưa từng làm nhân vương,
Cúng dường Phật Lặc xoa,
Liền xả bốn binh chúng,
Cầu Vô thượng Bồ-đề .
Từ đức Phật Thích ca,
Cho đến Phật Hộ thế,
Bảy vạn năm ngàn Phật,
Ta đều cúng dường hết.
Trong A-tăng-kỳ đầu,
Ta cúng dường như vậy,
Một lòng không thay đổi,
Thường phát nguyện Bồ-đề.
Kế gặp Phật Nhiên đăng,
Đa văn rất đáng yêu,
Ta làm phạm chí cúng,
Bảy sen xanh cho Phật.
Ta từng làm quốc vương,
Gặp Phật hiệu Hữu tướng,
Ở chỗ Phật tu hành,
Cúng dường cho Phật này.
Ta từng làm quốc vương,
Có Phật hiệu Trụ tu,
Dùng trân bảo sắc diệu,
Và âm thanh cúng dường.
Ta từng làm quốc vương,
Phật hiệu Siêu Sư tử,
Ta dùng phang lọng báu,

Cúng dường Như lai này.
Ta từng làm quốc vương,
Phật tên An ổn nhật,
Ta đem một ngàn thành,
Cúng dường hết cho Phật.
Ta từng làm quốc vương,
Có Phật tên Phạm chí,
Đem nhà tắm, nước thơm,
Tùy thời tắm cho Phật.
Ta từng làm quốc vương,
Cúng dường ở trong thành,
Ba ngàn Phật, Phạm chí,
Và vị Phật Thi khí.
Ta từng làm trưởng giả,
Ở trong thành Tài tăng,
Cúng 25 vị Phật,
Tu hành các phạm hạnh.
Ta từng làm trưởng giả,
Ở trong đại thành ấy,
Cúng dường Phật Thi khí,
Xây dựng tháp và chùa,
Để cúng dường bảy Phật,
Phụng thí đồ trân bảo,
Cho đến các nô tỳ,
Nhà cửa và vườn hoa.
Từng làm vua tín kính,
Đối với Phật Thi khí.
Lại ở trong thành ấy,
Chỉ cầu Chánh đẳng giác.
Ta từng làm Phạm chí,
Gặp Phật tên Hoan hỉ,
Vì cầu quả Bồ-đề,
Đem trái cây cúng dường.
Ta từng làm Trưởng giả,
Gặp Phật tên Thiện nhãn,
Dùng châu báu ma ni,
Cúng dường Như lai này.
Ta từng làm thương chủ,

Gặp Phật tên Thiện sanh,
Ngồi dưới cội Bồ-đề,
Đem bánh cúng dường trước.
Ta từng làm thương chủ,
Của một ngàn thương nhân,
Gặp đức Phật Thiện ý,
Ngồi dưới cội Bồ-đề,
Đem hương thoa thân Phật,
Lại dùng quạt quạt mát,
Ngồi bên Phật nghe pháp,
Nghe xong tâm khai ngộ.
Xưa ta làm thương chủ,
Gặp Phật tên Thích ca,
Ta dùng các hoa báu,
Rải hoa lên cúng Phật.
Xưa ta làm thương chủ,
Gặp Phật tên Cao đăng,
Đem phướn, hoa, âm nhạc,
Để cúng dường Phật này.
Ta từng làm quốc vương,
Gặp Phật tên Tối thượng,
Vượt khỏi các biển Hữu,
Cúng dường các cỗ xe.
Ta từng làm quốc vương,
Gặp Phật tên Tôi tôn,
Trong trăm dặm Phật đi,
Ta rải hoa trên đất.
Ở trong đời quá khứ,
Nghe Phật sắp đi qua,
Ta đem phang lọng đẹp,
Và bốn binh vây quanh.
Có Phật muốn qua sông,
Ta làm người lái đò,
Thấy Phật, tâm vui mừng,
Đưa Phật qua bờ kia.
Ta từng làm thương chủ,
Gặp Phật tên Hiền xa,
Ta làm cầu cho Phật,

Để Phật qua yên ổn.
Ta từng làm quốc vương,
Gặp Phật tên Đại phạm,
Dùng Chiên đàn cất chùa,
Để cúng dường Thế tôn ,
Cúng y Tăng già chi,
Cho Như lai đắp mặc,
Mất mùa cúng nước thơm,
Giáng mưa, dân theo Phật.
Ta từng làm quốc vương,
Gặp Phật tên Tịnh nguyệt,
Trong nước nhiều dịch bịnh,
Cúng Phật, dịch tiêu trừ.
Xưa khi ta làm vua,
Gặp phật tên Điều đế,
Thỉnh Phật nói diệu pháp,
Vì cầu đạo Bồ-đề.
Xưa khi ta làm vua,
Gặp Phật tên Phạm tôn,
Cúng y Tăng già chi,
Cho Như lai đắp mặc.
Lúc ấy nước mất mùa,
Ta dùng nước Chiên đàn,
Cúng cho Như lai tắm,
Dân no ấm theo Phật.
Xưa khi ta làm vua,
Gặp Phật tên Đế thích,
Trong nước gặp tai ách,
Khởi lòng từ, tai dứt.
Xưa khi ta làm vua,
Cúng dường Phật Điều đế,
Dùng trăm vạn của báu,
Làm thức ăn cúng Phật.
Xưa ta làm Phạm chí,
Gặp Phật tên Tất đạt,
Dùng trăm ngàn tụng tán,
Ca ngợi Thiên nhơn sư.
Xưa ta làm Phạm chí,

Phật tên Đế thích tràng,
Ta chắp tay chánh tín,
Nguyện vị lai như Phật.
Bắt đầu Phật Nhiên đăng,
Cho đến Đế thích tràng,
Bảy vạn sáu ngàn Phật,
Ta đều cúng dường hết.
Trong A-tăng-kỳ hai,
Cúng dường các đức Phật,
Tâm chưa từng thay đổi,
Chí nguyện cầu Bồ-đề.
Trong A-tăng-kỳ ba,
Ta làm vua cúng dường,
Phật tên An Ổn Nhật,
Xây tháp khi Phật diệt.
Xưa ta làm quốc vương,
Cúng dường Phật mọi thứ,
Đầy đủ theo ý thích,
Xây tháp tên Pháp vương.
Xưa ta làm thương chủ,
Gặp Phật tên Tất cúng,
Ta đem các hoa vàng,
Rải lên Phật cúng dường.
Xưa ta làm thương nhơn,
Gặp Phật tên Bảo kế,
Dệt lưới vàng cho Phật,
Phủ lên thân Đại sư.
Xưa ta làm thương nhơn,
Phật tên Thượng Liên hoa,
Ta đem hoa bạc cúng,
Rải lên thân Như lai.
Xưa ta làm thương nhơn,
Gặp Phật tên Thượng xưng,
Ta đem ngôi nhà đẹp,
Cúng dường cho Như lai.
Xưa làm đại quốc vương,
Phật hiệu là Thắng luận,
Ngày Phật chứng Bồ-đề,

Ta đem binh hộ vệ.
Xưa ta làm thương nhơn,
Gặp Phật tên Vô cấu,
Xây tháp và nhà tắm,
Cho đến đốt đèn sáng.
Xưa khi ta làm vua,
Gặp Phật tên Hiệp giác,
Nhập định trên tảng đá,
Ta trỗi nhạc cúng dường.
Xưa ta làm thương nhơn,
Gặp Phật tên Tu hành,
An giặc độ dân chúng,
Ta quét đất, Phật qua.
Xưa ta làm thương nhân,
Phật Tịnh trụ sắp đến,
Ta xây cất tinh xá,
Và vườn hoa cúng Phật.
Xưa làm đại quốc vương,
Gặp Phật tên Tướng sư,
Ta cúng ngọc ma ni,
Ta còn là Bồ-tát.
Xưa làm đại quốc vương,
Gặp Phật tên Hệ đô,
Ta xây tháp Pháp vương,
Treo phan lọng cúng dường.
Xưa làm đại quốc vương,
Gặp Phật tên Xả trọng,
Ta cúng dường bình, trượng,
Xây tháp và thiết hội.
Xưa ta làm thương chủ,
Gặp Phật tên Kiến nghĩa,
Ta đem vàng, châu báu,
Các loại hương cúng dường.
Xưa làm đại quốc vương,
Phật tên Chư bình nghĩa,
Du hành trong nhân gian,
Ta đem bốn binh đón.
Xưa làm đại quốc vương,

Phật tên Tha lợi kiến,
Khi Phật muốn vào thành,
Ta tấu nhạc, rải hoa.
Xưa ta làm thương chủ,
Gặp Phật tên Để sa,
Ta dùng hương thân cây,
Và hương rễ rải cúng.
Xưa ta từng làm Đại tiên nhơn,
Gặp Phật Thần túc ở bảo khám,
Chỉ dùng một câu kệ khen Phật,
Vượt qua chín kiếp tu khổ hạnh.
Xưa làm Phạm chí tên Tối thượng,
Gặp Phật Thế tôn Tỳ-bà-thi,
Tay ta cầm cỏ, phát Bồ-đề,
Vui mừng rải cúng thân Như lai.
Khi xưa Bồ-tát làm thương chủ,
Gặp Phật Thế tôn tên Thi khí,
Và các chúng đệ tử Thanh văn,
Cung cấp y thực trong ba tháng.
Xưa làm thương chủ rất chánh tín,
Đã ở chỗ Phật Tỳ-bà-thi,
Và các chúng đệ tử Thanh văn,
Cung cấp y thực trong ba tháng.
Xưa làm thương nhơn rất chánh tín,
Ở chỗ Phật Ca lưu thôn đà,
Đem hết tài sản cúng dường Phật,
Theo Phật xuất gia tu phạm hạnh.
Xưa làm thương chủ rất chánh tín,
Gặp Phật Ca da ca Mâu ni,
Trước xây tinh xá, sanh cung kính,
Sau đó mới theo Phật xuất gia.
Xưa làm Phạm chí tên Tối thắng,
Nơi Lưỡng túc tôn Ca-diếp Phật,
Do nghe, ưa hộ lời Phật giảng,
Mới được xuất gia tu tịnh ý.
Khi xưa Bồ-tát làm quốc vương,
Cúng dường cho tiên nhơn Di lặc,
Nhập định thấy ta sẽ thành Phật,

Tiên liền đi đến cúng dường ta.
Từ Phật An Ổn đến Ca-diếp,
Cúng dường bảy vạn bảy ngàn Phật,
Phụng sự tất cả chư Như lai,
Mới đủ số ba A-tăng-kỳ,
Thảy đều vui vẻ mà cúng dường,
Chưa từng có chút tâm sai khác.
Đều phát nguyện Vô thượng Bồ-đề ,
Khi làm Bồ-tát cúng dường Phật,
Tất cả thị hiện đều thọ ký,
Trước chúng nói ta sẽ thành Phật.
Do nguyện trước của ta đầy đủ,
Nếu đem nguyện trước nay xét lại,
Cùng với nguyện này đều đầy đủ,
Nên các đại đức Phật Thế tôn ,
Thọ ký ta Vô thượng Bồ-đề .
Xưa ta từng làm vua Thi tỳ,
Cũng thường bố thí cho tất cả,
Khi mang thân Đại vương Vĩ lạm,
Xả thân xả của để bố thí.
Xưa làm thương chủ vào biển lớn,
Trì giới chuyên cầu đến bờ kia,
Có thể tự hại để chúng vui,
Giúp tất cả vượt qua biển khổ.
Xưa ta cũng từng làm Tiên nhơn,
Thường tu Nhẫn nhục Ba-la-mật,
Thân thể tay chân bị cắt xả,
Do nhẫn nhục, tâm không thối chuyển,
Như kinh Bổn sanh Khẩn-na-la.
Ta từng uống cạn nước biển cả,
Để đủ Tinh tấn Ba-la-mật,
Đều do khẩu nghiệp nói chân thật.
Xưa làm đại thần tên Dược vật,
Bàn luận cùng Phạm chí Ngưu xuất,
Sẽ đủ Bát-nhã-Ba-la-mật,
Chư thiên đánh trống để giúp vui.
Xưa làm Phạm chí tên Sanh nhiên,
Siêng tu Thiền định Ba-la-mật,

Trên đầu, chim sanh con đẻ cái,
Vẫn không xuất định đuổi chim đi.
Tu hành đủ sáu Ba-la-mật,
Tâm từ thường có Tứ niệm xứ,
Do ta cầu điều nguyện tôn quý,
Nên các nguyện cầu đều đầy đủ.
Đối với tất cả Phật đại đức,
Thiên nhơn sư, ta đều cúng dường,
Chúng sanh trong biển khổ ba cõi,
Đều hồi hướng về đường Niết-bàn.
Ta làm Bố tát tu cúng dường,
Từ thân vua Quang minh về sau,
Cho đến Phật Thế tôn Đế tràng,
Đã độ một ngàn câu chi chúng,
Huống chi thành Phật độ vô biên.
Đại đạo sư tôn quý ở đời,
Chúng Trời người đã độ, chưa độ,
Ta đã làm cầu và thuyền bè,
Kiên cố độ hết các hữu tình.
Nếu sau khi ta vào viên tịch,
Do đã cứu vớt vô số người,
Những người có thể tu phước đức,
Đương lai sẽ vào thành Niết-bàn.
Nếu sau khi ta vào viên tịch,
Ai có thể tu tập Phật sự,
Cúng dường chút ít nơi tượng Phật,
Liền được sanh thiên, vui vô cùng.
Nếu sau khi ta vào viên tịch,
Lưu lại vị cam lồ pháp bảo,
Nếu hữu tình nào nghe pháp này,
Đều có thể tu tập xuất ly".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 16

Thế tôn là vô thượng phước điền được thế gian cung kính tôn trọng; từ quốc vương, đại thần, Bà-la-môn, cư sĩ… cho đến thiên long bát bộ đều đem các loại ẩm thực, y phục, ngọa cụ, thuốc thang… cung cấp cho Phật và chúng Bí-sô. Lúc đó Phật ở trong vườn Cấp-cô-độc thành Thất-la-phiệt, Các ngoại đạo tập họp lại ở trong giảng đường bàn với nhau: "trước nay chúng ta ở đây được quốc vương, đại thần… tôn trọng, cung cấp cho chúng ta ẩm thực, y phục… nhưng nay có Sa môn Kiều-đáp-ma xuất hiện, họ đều cung kính tôn trọng cúng dường tứ sự cho phước điền này, chúng ta không có lợi dưỡng nữa, phải làm sao?", một người nói: "chúng ta nên vu báng Sa môn ấy là người giữ phạm hạnh mà làm việc phi phạm hạnh", một người khác hỏi: "vu báng như thế nào?", đáp: "trong pháp hội chúng ta có một người nữ xinh đẹp, ai cũng thích nhìn. Chúng ta hãy bảo nàng ấy nói là Sa môn Kiều-đáp-ma đã cùng tôi tư thông", liền hỏi: "người nữ xinh đẹp đó là ai?", đáp: "đó là người nữ ngoại đạo tên Chiên già". Các ngoại đạo cho gọi Chiên già đến và bảo rằng: "nàng nên biết, lợi dưỡng mà chúng ta có trước nay đều không còn nữa, đó là do có Sa môn Kiều-đáp-ma xuất hiện, xin nàng hãy cứu giúp chúng tôi", Chiên già hỏi: "các vị bảo tôi làm gì?", đáp: "nàng hãy nói trước mọi người rằng: Sa môn Kiều-đáp-ma đã cùng tôi làm việc phi phạm hạnh. Nếu nàng làm như thế thì chúng ta sẽ được tôn trọng cúng dường như xưa", Chiên già nói: "tôi không thể vu báng Sa môn Kiều-đáp-ma, vì vị ấy là thầy của trời người, được vua và các đại thần kính trọng, có vô lượng oai đức, ai có thể tin lời tôi nói", các ngoại đạo nói: "nếu nàng không nghe theo lời chúng tôi bảo thì chúng tôi sẽ không nói chuyện với nàng nữa. Nàng cũng không được vào nhà của chúng tôi, chúng tôi sẽ tẫn xuất nàng cho đến chết, sau khi chết nàng sẽ bị đọa địa ngục", Chiên già nghe rồi liền hỏi: "vậy bây giờ tôi phải làm gì?", đáp: "bây giờ nàng nên thường xuyên lui tới trong rừng Thệ đa", Chiên già vâng lời làm theo, thời gian sau Chiên già giấu cái bát trong bụng và đi đến chỗ Như lai. Lúc đó Thế tôn đang nói diệu pháp cho vô lượng trăm ngàn đại chúng vây

quanh, từ xa thấy người nữ ngoại đạo này đi đến, Thế tôn liền suy nghĩ: "xưa kia ta đã tạo nghiệp này, nay đã chín muồi giống như dòng nước thác". Nữ ngoại đạo đến trước Thế tôn nói kệ:

"Giọng hay làm người mến,
Lời lẽ thật dịu dàng,
Đã khiến tôi mang thai,
Mà lại còn nói pháp".

Thế tôn nói kệ:

"Nếu người nào nói dối,
Sẽ đọa vào địa ngục."
Nữ ngoại đạo nói kệ:
"Ai làm nói không làm,
Kẻ ấy đọa địa ngục".

Thế tôn nói: "đọa hay không đọa địa ngục, tự tâm mỗi người biết, ngươi vu báng đời sau chịu khổ". Lúc đó vua trời Đế thích suy nghĩ: "nữ ngoại đạo này muốn làm ô uế Phật và tăng", nghĩ rồi liền dùng thần lực làm cho cái bát giấu trong bụng rơi xuống đất, khiến cho nữ ngoại đạo hổ thẹn quay về.

Sau đó vị thượng thủ trong chúng Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn, chúng con muốn đi đến bờ ao Vô nhiệt để mỗi người tự nói về bổn sự", Phật im lặng nhận lời. Thường pháp của chư Phật là khi xuất hiện ở đời, chưa nhập Niết-bàn còn giáo hóa hữu tình thì nên làm 10 việc:

1. Là thọ ký Thái tử Pháp vương quán đảnh đã trồng căn lành từ lâu.
2. Là làm cho hữu tình chưa phát tâm liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề.
3. Là Kiến lập Tam bảo.
4. Là Kiết giới.
5. Là Xả một phần trong năm phần thọ mạng.
6. Là Hiện đại thần thông ở thành Thất-la-phiệt .
7. Là Thị hiện từ trên cõi trời đi xuống ở tụ lạc Bình lâm.
8. Là Giúp cha mẹ thấy được Chơn đế lý.
9. Là ở bên ao Vô nhiệt cùng các Bí-sô nói về nhân duyên nghiệp báo. (Trong Hán tạng không có việc thứ 10). Lúc đó Phật cùng các Bí-sô cả thảy 999 vị ẩn mất nơi thành Thất-la-phiệt và hiện ra ở bên ao Vô nhiệt, đến chỗ du hành của Dược xoa Dã mãnh, cảnh trí nơi đây rất đáng

yêu, cây trái sum suê, ao này dẫn nước ra bốn con sông để chảy ra bốn biển: 1. Là sông Căng gia. 2. Là sông Tân độ. 3. Là sông Phược xoa. 4. Là sông Sí đa. Nơi đây xa xôi hiểm trở, nếu không phải người có thần thông thì không thể đến được. Đến rồi Phật liền khởi tâm thế gian nên Long vương Nan-đà và Ô ba-nan-đà quán biết ý Phật, liền ở trong ao hóa ra hoa sen ngàn cánh giống như bánh xe, sắc như vàng ròng, cánh hoa bằng châu báu, nhụy hoa bằng kim cương, lại có vô lượng trăm ngàn hoa sen khác vây quanh. Lúc đó Phật lên ngồi trên hoa sen ngàn cánh, con các Bí-sô mỗi người lên ngồi trên hoa sen vây quanh. Lúc đó cụ thọ Xá-lợi-tử đang vá y Tăng già chi trên núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương xá nên không có mặt ở ao Vô nhiệt, Phật bảo Đại Mục-kiền-liên đi kêu Xá-lợi-tử đến, Đại Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy liền ẩn mất ở ao Vô nhiệt và hiện ra trước mặt Xá-lợi-tử: "Thế tôn cùng 999 Bí-sô đã đến ao Vô nhiệt, nay thầy nên cùng tôi đi đến đó", Xá-lợi-tử đáp: "hãy đợi tôi vá y xong sẽ cùng đi", Đại Mục-kiền-liên nói: "hãy để tôi phụ giúp", nói rồi liền dùng thần lục biến năm ngón tay thành năm cây kim để phụ giúp vá y, Xá-lợi-tử nói: "thầy hãy đi trước, tôi sẽ đến sau", Đại Mục-kiền-liên nói: "nếu thầy không đi liền, tôi sẽ kéo thầy đi", Xá-lợi-tử nói: "thầy có thần thông bậc nhất, hãy nắm cái móc y này mà kéo tôi đi", Đại Mục-kiền-liên liền kéo cái móc y, Xá-lợi-tử suy nghĩ: "thầy ấy có oai lực lớn ắt sẽ kéo được cái móc y", nghĩ rồi liền dùng thần thông bám thân vào núi Kỳ-xà-quật khiến cho núi này bị lay động và cả mặt đất châu Thiệm bộ cũng bị chấn động, Long vương Nan-đà và Ô ba-nan-đà cùng đại chúng ở ao Vô nhiệt cũng bị chấn động, các Bí-sô hỏi Phật: "Thế tôn, có phải do Long vương Nan-đà và Ô ba-nan-đà làm cho đại địa chấn động không?", Phật nói: "không phải, đó là do các đại Thanh văn hiện thần thông". Lúc đó Xá-lợi-tử suy nghĩ: "dù ta bám vào núi Tu di, thầy ấy cũng sẽ mang ta đi được, ta phải dùng tâm trụ nơi ao Vô nhiệt, tại hoa sen mà Như lai đang ngồi thì thầy ấy không thể làm cho lay động được", Đại Mục-kiền-liên nói: "thầy đã hiển hiện thần thông rồi, hãy đến chỗ Thế tôn", đáp: "thầy hãy đi trước, tôi sẽ đến sau". Đại Mục-kiền-liên liền đi trước, không ngờ chưa đến chỗ Phật thì Xá-lợi-tử đã đến trước, đảnh lễ Phật rồi lên ngồi trên hoa sen, Đại Mục-kiền-liên mới về đến, Xá-lợi-tử nói: "thầy đi trước, sao giờ mới đến". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, trước nay cụ thọ Đại Mục-kiền-liên được gọi là Thần thông bậc nhất, nay mới

biết là không như thế", Phật bảo các Bí-sô: "không phải chỉ ngày nay mà từ xưa cũng đã như thế, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, ở nước Trung Thiên trúc có một họa sư, vì có việc nên đến

nước khác và nghỉ nhờ trong nhà của một họa sư khác. Chủ nhà làm một cô gái máy bằng gỗ, sắc thái đoan nghiêm rồi bảo cô gái này đến hầu hạ khách, khách tưởng là người thật nên bảo đến cùng ngủ nhưng cô gái cứ đứng im, khách liền nắm tay kéo khiến cho tay rời khỏi thân, lúc đó khách mới biết là cô gái máy bằng gỗ nên hết sức hổ thẹn. Khách liền suy nghĩ: "ta đã bị chủ nhà ngầm làm nhục, ta phải làm cho anh ta bị nhục trước mọi người", nghĩ rồi liền vẽ thân mình lên vách bên cánh cửa chính, giống như người tự thắt cổ, rồi ẩn mình sau cánh cửa. Sáng ra chủ nhà ngạc nhiên không hiểu tại sao mặt trời đã lên cao mà khách vẫn chưa dậy, liền đến phòng xem thử. Vừa mở cửa ra liền thấy khách đã treo cổ tự tử, lại thấy cô gái máy bằng gỗ bị gãy ra nằm trên đất, chủ nhà nghĩ rằng: "vì ta thắng nên anh ấy tức mà chết". Theo pháp của nước này, hễ có người chết phải tâu cho vua biết rồi sau mới được chôn nên chủ nhân liền đến báo cho vua biết để xin chôn cất. Vua liền sai sứ đến xem xét, sứ giả bảo chủ nhà: "anh hãy cắt đứt dây cho tôi khám nghiệm là tự treo cổ chết hay bị chủ nhà làm cho chết", chủ nhà liền lấy rìu chặt dây, rìu chạm vào tường mới biết chỉ là bức vẽ nên rất hổ thẹn trước sứ giả của vua. Phật bảo các Bí-sô: "Họa sư khách ngày xưa chính là Xá-lợi-tử ngày nay, họa sư chủ nhà chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay. Ngày xưa nhờ tay nghề kheo nên cuối cùng Xá-lợi-tử đã thắng Đại Mục-kiền-liên; ngày nay dùng thần thông cũng được thắng".

"Lại nữa các Bí-sô, hãy lắng nghe:

Thuở xưa trong một làng nọ có hai họa sĩ, ai nấy đều tự cho mình là giỏi và đều muốn thi thố tài năng trước vua, nên cùng đi đến chỗ vua, vua liền bảo: "mỗi người hãy vẽ lên một vách tường cho ta xem chứ ta không tin nơi lời nói". Họa sĩ thứ nhất trải qua sáu tháng mới vẽ xong bức vách, họa sĩ thứ hai chỉ trang trí chung quanh bức vách. Sau khi vẽ xong, họ tâu vua đến xem, vua cùng quần thần đến xem bức vẽ thứ một và đều khen là rất đẹp. Họa sĩ thứ hai tâu vua: "bức vẽ của thần chỉ là ảnh của bức vẽ thứ một phản chiếu lên, thần đã dùng một lớp sơn tô mỏng lên", vua xem xong ngạc nhiên nói rằng: "bức vẽ này còn đẹp hơn bức vẽ kia", họa sĩ thứ hai tâu: "đây không phải là bức vẽ của thần, đó là ảnh hiện của bức vẽ kia mà thôi", vua nói: "nhưng làm như khanh lại rất đẹp".

Này các Bí-sô, họa sĩ chỉ trang trí chung quanh bức vách trong sáu

tháng ngày xưa chính là Xá-lợi-tử ngày nay; họa sĩ miệt mài vẽ trong sáu tháng chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay. Ngày xưa đo tay nghề khéo mà Xá-lợi-tử đã thắng, nay thi thố thần thông cũng lại thắng".

"Lại nữa này các Bí-sô, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa cách thành Bà-la-nê-tư có hai vị tiên, một tên là Thắng khư, một tên là Lợi khí đa. Thời gian sau trời mưa to bùn lầy trơn trợt khiến cho tiên nhơn Thắng khư bị trượt chân té ngã, tiên nhân nổi sân chú nguyện trong 12 năm không mưa. Vua Phạm thọ và dân chúng trong thành nghe biết tin này liền đến chỗ vị tiên ấy yêu cầu đừng làm thế, tiên nhơn nói: "do ta không chịu đựng được nên đã chú nguyện làm cho 12 năm không mưa", và không chịu giải chú. Vua bèn đến chỗ tiên Lợi khí đa yêu cầu giải chú, vị tiên này nói lời chân thật phát nguyện thì trời liền mưa.

Này các Bí-sô, tiên Thắng khư ngày xưa chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay, tiên Lợi khí đa chính là Xá-lợi-tử".

"Lại nữa này các Bí-sô, hai tiên ấy có chút phiền não với nhau, tiên Lợi khí đa liền đến chỗ tiên Thắng khư sám hối, khi vị này cúi đầu xuống lạy thì tiên Thắng khư đạp lên tóc của tiên Lợi khí đa, khi bị đạp tiên này chú nguyện: "nguyện cho ngày mai mặt trời vừa mọc đều ông sẽ vỡ tan", tiên Thắng khư liền chú nguyện: "nguyện cho mặt trời đừng mọc". Lúc đó mặt trời không mọc, thế giới tối đen, dân chúng trong thành kéo đến chỗ tiên nhơn yêu cầu đừng làm như vậy, tiên Thắng khư nói: "nếu mặt trời mọc thì đầu ta sẽ vỡ tan", tiên Lợi khí đa nói: "thầy hãy làm cái đầu bằng đất và đội lên", tiên này nghe lời làm cái đầu đầu đất đội lên, mặt trời vừa mọc cái đầu bằng đất liền vỡ tan.

Này các Bí-sô, tiên Thắng khư ngày xưa chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay, tiên Lợi khí đa chính là Xá-lợi-tử. Ngày xưa Xá-lợi-tử đã thắng nay cũng lại thắng".

"Này các Bí-sô, hãy lắng nghe:

Thuở xưa ở nước Trung Thiên trúc có người thợ khéo, giỏi về tiện khắc ngà voi, ông lấy ngà voi tiện khắc thành một thăng gạo rồi mang theo đi đến nước ba tư và tìm đến nhà một người thợ khéo khác, chủ nhà đi vắng chỉ còn có người vợ, ông liền đưa thăng gạo cho người vợ nhờ nấu giùm, người vợ kia nói: "xin hãy để gạo lại và đi đi". Sau đó người vợ kia đem nấu, củi hết mà gạo vẫn không chín, người chồng trở về sau khi hỏi rõ nguyên do liền xem kỹ gạo mới biết dạo đó làm bằng ngà voi. Người chồng nói dối với vợ: "vì nước này có tro nên gạo nấu không chín, nàng hãy bảo người thợ kia đi lấy nước trong và ngọt đến

để nấu thì gạo mới chín". Nói rồi người chồng liền ra ngoài vẽ một cái ao nước, trong ao lại vẽ một con chó chết đã sình thối. Khi người thợ khéo mang thùng đến ao lấy nước thấy có con chó chết sình thối liền bịt mũi và đánh rơi thùng nước xuống, lúc đó mới biết là ao nước vẽ thành nên

rất hổ thẹn.

Này các Bí-sô, người thợ dùng ngà tiện khắc thành hạt gạo ngày xưa chính là Đại Mục-kiền-liên ngày nay, người thợ vẽ ao nước chính là Xá-lợi-tử. Này các Bí-sô, định mà Như lai đạt được, các vị Độc giác cũng không thể biết ; định mà các vị Độc giác đạt được, ngay cả Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên cũng không biết được; định mà Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên đạt được, các Thanh văn khác đều không biết được. Tuy Bí-sô Xá-lợi-tử có đầy đủ oai đức lực hơn hẳn Mục liên, nhưng do Mục liên thường hiển hiện thần thông nên mật nói là Đại Mục-kiền-liên có thần thông bậc nhất".

Lúc đó Đại Ca-nhiếp-ba tự nói về nghiệp báo của mình bằng kệ:

"Ca-diếp đi đến trước đại chúng,
Nói rõ pháp tu hành đời trước,
Xả thí chút ít các công đức,
Được vô lượng thắng phước điền này,
Như sư tử chúa ở thế gian,
Đi trong núi rừng không lo sợ,
Nay Đại Ca-diếp cũng như vậy,
Diễn nói pháp xưa tâm không sợ.
Tôi xưa từng thí thăng gạo thường,
Cho bậc Độc giác chứng Vô lậu,
Đang trụ định Tam muội Vô cấu,
Tôi nay tín thọ cũng như thế,
Ở trong Phật giáo phát đại nguyện,
Thường nghe pháp tối thắng như vậy,
Do nhân duyên này được quả báo,
Ngàn đời sanh ở Bắc uất đơn,
Nước ấy trường thọ không Ta-người,
Dần được tôn quý không thiếu sót,
Do một nghiệp này được quả báo,
Ngàn đời được sanh trời Đao lợi,
Trời ấy thọ anh lạc diệu hương,
Sắc tướng đẹp đẽ để nghiêm thân,
Đến khi tuổi thọ hết qua đời,
Lại sanh cõi trời thọ thiên lạc,
Chỉ do một nghiệp phát đại nguyện,
Có nhiều của báu không tham đắm,
Không cầu năm dục thọ các lạc,

Xả bỏ, xuất gia học Phật đạo,
Xưa tôi không gặp bậc Minh sư,
Cũng không gặp các chúng Thanh văn,
Gặp người mặc ca-sa hoại sắc,
Liền đảnh lễ cầu xin xuất gia,
Ta thấy lúc xuất gia như vậy,
Được ngồi trong chúng ở trước Phật,
Từ chúng đứng dậy đảnh lễ Phật,
Nói Phật chính là Thân giáo sư,

Lúc ấy Thế tôn nói ra lời:

Ông là đệ tử, ta là thầy.
Muốn cầu ra khỏi các nạn khổ,
Cần phải nghe thọ pháp tịnh diệu.
Thế tôn nói diệu pháp cho con,
Khởi đại từ bi đối với con,
Bốn thiền, 10 lực và sáu căn,
Cho đến tu tám chi Thánh đạo,
Con nay đã được pháp như thế,
Đoạn hết lậu hoặc không sanh nữa,
Con thọ thân này lần cuối cùng,
Được làm các cùng các Thánh Hiền.
Như lai thường nói pháp chơn thật,
Người giữ giới tịnh nguyện tùy tâm,
Nguyện con đã phát nay đã đạt,
Thân cuối cùng không còn thọ sanh,
Đời sống và tham nay đã dứt,
Kiết sử đoạn tận không còn buộc.
Ở trong pháp, con là trưởng tử,
Nhờ lực Pháp vương lìa các khổ,
Con đã được Thế tôn thọ ký,
Trong hạnh đầu đà là bậc nhất,
Đã thấy thật đế, chứng chơn pháp,
Lậu hoặc đoạn tận được bất động,
Ở trước Thế tôn nói nghiệp xưa,
Nay ở trong ao lớn A-nậu,
Đại Thánh từ tôn gia bị con,
Ngồi trên hoa sen nói việc này".

Lúc đó các đại Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc hỏi cụ thọ Xá-lợi-tử: "cụ thọ

đã từng tạo nghiệp gì mà nay được trí huệ lớn và biện tài vô ngại?", Xá-lợi-tử nói kệ:

"Xưa gặp ẩn sĩ trong núi rừng,
Là vị Độc giác tâm tịch tĩnh,
Ở nơi vắng vẻ tu tịnh hạnh,
Thân mặc ca-sa dơ rách xấu,
Thấy vị ấy tâm tôi hoan hỉ,
Liền lấy y kia đem giặt nhuộm,
Và dùng kim chỉ khâu vá lại,
Ân cần đảnh lễ thật cung kính,
Vị ấy sanh tâm thương xót tôi,
Nên vọt thân lên trong hư không,
Hiện các loại thần thông biến hóa,
Sau đó nương hư không bay đi,
Tôi thấy các thần biến này rồi,
Chắp tay ân cần phát hoằng nguyện,
Nguyện con đời đời được trí huệ,
Có oai lực lớn, nhiều của cải,
Sanh ở trong dòng họ hào quý,
Thường được xuất gia lìa năm dục,
Do nguyện lực này được xuất gia,
Trong 500 đời lìa lưới tục.
Đây là thân sau cùng,
Sanh ở trong nhân gian,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Nay tôi được xuất gia,
Trong giáo pháp Thích ca,
Đã được pháp an ổn,
Hết nóng được mát mẻ.
Ở trong khoảng nửa tháng,
Đọc tụng đến bờ kia,
Đối trước Thân giáo sư ,
Và trong Tăng chúng nói.
Thế tôn thọ ký con,
Là trí huệ bậc nhất,
Tùy thuận chuyển pháp luận,
Giúp chúng sanh ngộ giải,

Đại huệ Xá-lợi-tử,
Nay ở trong chúng tăng,
Tự nhớ nghiệp quá khứ,
Trong ao Vô nhiệt nói".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Đại Mục-kiền-liên: "cụ thọ Xá-lợi-tử đã nói xong túc nghiệp, nay đến lượt cụ thọ nói nghiệp báo của mình", Đại Mục-kiền-liên nói kệ:

"Xưa tôi là ẩn sĩ,
Ở ẩn trong núi rừng,
Có một người đi đến,
Cầu xin tôi xuất gia,
Tôi liền cho cạo tóc,
Tắm rửa và nhuộm y,
Để cho kia đắp mặc.
Người ấy ở chỗ vắng,
Ngồi kiết già ngay thẳng,
Chứng được quả Duyên giác,
Nương hư không bay đi.
Lúc đó tôi hoan hỉ,
Liền cung kính chắp tay,
Phát lời thệ nguyện rộng,
Vị ấy được thần thông,
Con nguyện được thần thông,
Cũng giống như vị ấy,
Do sức căn lành này,
Đời đời thường được phước,
Đây là thân sau cùng,
Được sanh trong loài người,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác.
Trong giáo pháp Thích ca,
Tôi đã được xuất gia,
Chứng quả A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ,
Thế tôn thọ ký tôi,
Là thần thông bậc nhất.
Nhờ bố thí chút ít,
Nay được quả báo lớn,

Nghiệp ác xưa sót lại,
Tôi nói các vị nghe,
Xưa ở trong nước lớn,
Tôi sanh nhà hào quý,
Lúc còn là thiếu niên,
Ra khỏi cổng đi chơi,
Về nhà định ăn uống,
Thấy cha mẹ giao hội,
Họ liền sanh hổ thẹn,
Nên lấy gậy đánh tội,
Tôi ôm lòng hờn giận,
Phát nguyện khi khôn lớn,
Đánh họ nát như cỏ.
Vừa phát nguyện ác này,
Sanh địa ngục Hắc thằng,
Chịu khổ cùng cực xong,
Được sanh lên làm người.
Đây là thân sau cùng,
Do có tội còn sót,
Nên gặp nạn ngoại đạo,
Mạng căn gần muốn đứt,
Tội báo cuối cùng hết,
Không còn sót chút nào,
Ở bên cha mẹ hiền,
Phát lòng tin trong sạch,
Nếu có các quần sanh,
Đọa vào trong đường ác,
Do tâm ôm lòng ác,
Thường chịu khổ không vui,
Nay đối trước Kỳ túc,
Nói nghiệp báo đời xưa,
Trong ao lớn A-nậu,
Ngồi yên trên đài sen".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc nói với cụ thọ Thiện diệu:

"cụ thọ Mục liên đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ nói nghiệp báo đời trước của mình", cụ thọ Thiện diệu nói kệ:

"Xưa tôi vào trong chùa,
Thấy đất có rác rến,

Tôi liền cầm chổi quét,
Đổ bỏ hết rác rến,
Làm cho đất sạch sẽ,
Và phát lòng tịnh tín,
Chính do căn lành này,
Thân thường được đẹp đẽ,
Cha mẹ đặt cho tôi,
Tên là Diệu thiện lai,
Ở trước các quyến thuộc,
Được tiếng khen tốt đẹp,
Mọi người thường thích nhìn,
Người thấy sanh hoan hỉ,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Tôi chứng A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ,
Xưa tôi phát nguyện này:
Lậu tận thành Vô lậu,
Ở các châu Thiệm bộ,
Dùng thảm trải lên đất,
Hoặc ai có thể quét,
Chỗ kinh hành lìa dục,
Người ấy có thể quét,
Sạch hết đại địa này,
Hoặc ai có thể quét,
Trú xứ Tăng bốn phương,
Và quét sạch đất tháp,
Lớn bằng chỗ để bát,
Người này phước tăng trưởng,
Có thể tự giác ngộ,
Đại chúng nay nên biết,
Ứng chánh đẳng diệu giác,
Có tụ công đức lớn,
Nếu siêng cúng dường tháp,
Sẽ được quả báo lớn,
Đều là do ngày xưa,
Đã tu các nghiệp lành,
Nên được an lạc này.

Cho nên ở tháp Phật,
Hết lòng mà cúng dường,
Ruộng phước lớn tối thắng,
Bố thí nên tịnh tâm,
Đối với Phật chánh giác,
Hoặc Thanh văn của Phật,
Cúng ít được phước nhiều,
Do thanh tịnh trì giới,
Thiện diệu trước đại chúng,
Tự nói nghiệp đời xưa,
Ở trong ao Vô nhiệt ,
Ngồi trên đài sen diệu".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Diệu ý: "cụ thọ Thiện diệu đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ nói nghiệp báo đời xưa của mình", cụ thọ Diệu ý nói kệ:

"Xưa tôi là đồng tử,
Cùng với các bạn lữ,
Tai đeo Tô mạc na,
Đi vào trong vườn hoa,
Thấy ngôi tháp của Phật,
Tỳ-bà-thi Như lai,
Đang được trời và người,
Cùng nhau đến cúng dường,
Với tâm thanh tịnh thí,
Đem vòng tai, tràng hoa,
Treo lên trên tháp Phật,
Mỗi người phát nguyện riêng,
Tôi thấy họ cúng hoa,
Liền ở trước mọi người,
Đem hoa tai của mình,
Treo lên trên tháp Phật,
Do sức thiện căn này,
Sanh sáu cõi trời Dục,
Thường được quả báo lớn.
Tôi chỉ cúng hoa tai,
Mà trong trăm ức năm,
Hưởng diệu lạc cõi trời,
Cuối cùng chứng Vô sanh.

Các đại đức nên biết,
Chánh giác nhiều phước đức,
Siêng tu pháp cúng dường,
Tối thắng trong thế gian,
Nên cung kính cúng dường,
Tháp Phật và đệ tử,
Tịnh tâm cúng chút ít,
Được phước quả vô biên.
Tôi nhớ đời quá khứ,
Tạo nghiệp lành nhỏ này,
Thường thọ lạc cõi trời,
Nay gặp được Tôn sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Được chứng A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ.
Đây là thân sau cùng,
Không còn tái sanh nữa,
Chính do nhân duyên này,
Tôi tên Tô mạt na,
Giải thoát các khổ uẩn,
Đã vượt qua biển Hữu,
Bí-sô Tô mạt na,
Trình bày trước đại chúng,
Nhân duyên nghiệp báo xưa,
Ở trong ao Vô nhiệt,
Ngồi yên trên đài hoa".

Lúc đó các vị Thanh-văn Kỳ-túc bảo Bí-sô Câu-chi: "cụ thọ Tô mạt na đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ, xưa kia cụ thọ đã tạo nghiệp gì và do nghiệp gì mà cụ thọ được Phật thọ ký là Tinh tấn bậc nhất?", cụ thọ Câu chi nói kệ:

"Xưa ở thành Thân huệ,
Xây dựng trú xứ Tăng,
Hoàn thành với tâm tịnh,
Cúng cho Tăng bốn phương,
Lại ở trong chùa ấy,
Dùng thảm trải lên đất,
Với tâm tư hoan hỉ,
Rồi phát thệ nguyện rộng,

Thường được thừa sự Phật,
Chứng được quả Vô thượng,
Và Niết-bàn đệ nhất,
Đoạn hết các phiền não,
Tôi do phước đức này,
Ở trong 90 kiếp,
Thường thọ thân trời người,
Vui vẻ không lo sợ,
Do nghiệp còn sót lại,
Thọ thân sau cùng này,
Sanh trong nhà giàu sang,
Chỉ có tôi con một,
Đủ 10 tháng sanh ra,
Tâm cha mẹ vui mừng,
Cha liền cấp của cải,
Số đến 200 vạn,
Chân tôi có lông vàng,
Độ dài khoảng bốn tấc,
Vi diệu rất mềm mại,
Giống như Đâu la miên,
Trải qua 90 kiếp,
Chân thường không đạp đất,
Do nhân duyên phước đức,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác.
Thọ lạc cõi trời người,
Và chứng A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ.
Thế tôn thọ ký tôi,
Là Tinh tấn bậc nhất,
Các lậu đã đoạn tận,
Đến được chỗ Vô cấu,
Tôi Nhị thập câu chi,
Đối trước các Kỳ túc,
Nói nghiệp báo đời xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Diệu Âm: "cụ thọ Nhị thập câu chi đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Diệu âm

nói kệ:

"Xưa tôi gieo nghiệp lành,
Trải qua 90 kiếp,
Không đọa ba đường ác,
Mà được thân Trời người,
Tôi chưa biết Tam bảo,
Chỉ thấy tháp của Phật,
Hiệu là Tỳ-bà-thi,
Tâm vui thích cúng dường,
Nên dùng ba tiền vàng,
Mua các loại hương thơm,
Đem cúng trên tháp Phật,
Nhất tâm không thối chuyển,
Chính do phước lực này,
Cõi trời người thường vui,
Nay chứng A-la-hán,
Hết nóng được mát mẽ.
Xưa ở trước tháp Phật,
Phát nguyện rộng vi diệu,
Do chút cúng dường này,
Thọ quả báo vô lượng.
Đại chúng nay nên biết,
Đẳng giác có phước lớn,
Cúng chút ít trước tháp,
Được quả báo vô biên,
Thế tôn thọ ký tôi,
Đối với văn kệ tụng,
Có biện tài tuyên nói,
Bậc nhất trong Đa văn .
Nay ở trước đại chúng,
Và các vị kỳ túc,
Nói nghiệp báo đời xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Tân đầu lô phả la đọa xà: "cụ thọ Diệu âm đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Tân đầu lô nói kệ:

"Xưa sanh trong nhà giàu,
Bên cha mẹ tự tại,

Cha cho tôi giữ kho,
Khi hầu hạ cha mẹ,
Tâm tôi thường keo kiệt,
Đối với anh chị em,
Và các hạng nô tỳ,
Không cấp cho y thực,
Khi mẹ tôi đòi ăn,
Tôi keo kiệt không cho,
Miệng còn nói lời ác:
Hãy ăn đá và sạn.
Do nghiệp lực ác này,
Đọa vào đại địa ngục,
Đại nhiệt và Hắc thằng,
Chịu các khổ trong đó,
Chịu khổ Địa ngục xong,
Mới được sanh làm người,
Do nghiệp lực ác này,
Tôi thường ăn đá sạn,
Khi được thức ăn uống,
Ăn thường không biết no,
Đói khát thường hành hạ,
Do đó thường chịu khổ.
Đây là thân sau cùng,
Được làm người xuất gia,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác.
Tôi nay được xuất gia,
Trong giáo pháp Thích ca,
Được chứng A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ.
Thế tôn thọ ký tôi,
Đã đoạn tận phiền não,
Ở trong Sư tử rống,
Được gọi là bậc nhất.
Nay tuy được thần thông,
Vẫn thường ăn đá sạn,
Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã làm không mất,

Các trưởng lão nên biết,
Tôi nhớ nghiệp ác xưa,
Đã chịu đủ các khổ,
Dư nghiệp nay đã hết.
Tôi tên Tân đầu lô,
Nay ở trước đại chúng,
Nói nghiệp báo đời xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Thiện lai: "cụ thọ Tân đầu lô đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Thiện lai nói kệ:

"Tôi nhớ đời quá khứ,
Trong đại thành Thân ý,
Sanh trong nhà quý tộc,
Có vô lượng kho lẫm,
Vua tên Tùy chúng ý,
Quần thần cũng như vậy,
Người đoan nghiêm dễ mến,
Sắc tướng dung nghi đẹp.
Lúc đó tôi cưỡi xe,
Mọi người đều vây quanh,
Cùng đến vườn Thắng viên,
Để hưởng thọ dục lạc.
Tôi thấy trong vườn hoa,
Sa môn điều phục căn,
Thân mặc áo dơ xấu,
Ngồi yên tịnh bất động,
Tôi thấy vị này rồi,
Tâm sanh đại hoan hỉ,
Tuy thấy mặc áo xấu,
Và tâm không chán ghét,
Nhưng miệng lại mắng rằng:
Chán ghét không ưa nhìn,
Vì thân mắc bịnh hủi,
Khi ăn thường nôn mửa.
Chính do nơi nghiệp báo,
Miệng nói lời ác này,
Nên sau khi qua đời,
Sanh vào trong Địa ngục,

Bị đói khát bức bách,
Thường chịu đủ các khổ,
Có tên là Viễn lai,
Lại tên là Chúng khí,
Thân hình rất xấu xí,
Chịu khổ địa ngục xong,
Mới được sanh làm người,
Thân mắc bịnh hủi nặng,
Ăn xong thường nôn mửa,
Tay ôm đầu lâu người,
Lấy lá tre làm áo,
Dùng cỏ làm vách nhà,
Nương ở trong nhà này,
Khi vào làng xin ăn,
Thường bị người xua đuổi,
Hoặc bị dùng gậy đánh,
Hoặc không cho vào nhà,
Thường bị người khinh chê,
500 đời như vậy,
Không thuận với lòng người,
Trời người, thần đều bỏ,
Lúc đó tôi thấy Phật,
Chúng Tăng già vây quanh,
Tôi muốn ở trong chúng,
Chí thành xin sám hối,
Nên thấy đại chúng rồi,
Tôi liền vội chạy đến,
Và nói ra lời này:
Nguyện đủ thức ăn uống,
Cho tôi và đại chúng.
Ở trước Phật nghe pháp,
Nhưng không ai cho ăn,
Tôi thất vọng bỏ đi,
Đại đạo sư Mâu ni,
Từ bi nói với tôi:
Thiện lai, hãy ngồi xuống.
Nghe xong tôi rất vui,
Khom mình và chắp tay,

Cung kính đảnh lễ Phật,
Rồi ngồi qua một bên,
Thế tôn đại từ bi,
Vì đã thương xót tôi,
Nên nói pháp vi diệu,
Tôi nghe pháp kiến đế,
Lệ tuôn rơi lã chã,
Tôi liền xin xuất gia,
Thế tôn cho xuất gia,
Tên tôi là Thiện lai,
Thừa sự Đại đạo sư,
Thế tôn thọ ký tôi,
Đệ nhất trong Xứ giới,
Nay ở trước đại chúng,
Nói nghiệp báo đời xưa,
Ngồi yên trong hoa sen,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Hữu hỷ: "cụ thọ Thiện lai đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Hữu hỷ nói kệ:

"Xưa ở thành Vương xá,
Thân hưởng thọ giàu sang,
Gặp lúc trời hạn hán,
Tôi thỉnh Tiên thọ thực,
Sau có Tiên khác đến,
Dung nghi rất đoan chánh,
Đó là vị Duyên giác,
Lậu tận, tâm tự tại,
Do tâm tôi keo kiệt,
Nên khởi niệm ác này:
Ai đối với người này,
Cung cấp mãi bảy năm,
Nước tiểu ngựa nấu cơm,
Cho tiên nhơn ấy ăn.
Không ngờ sau khi ăn,
Tiên nhơn liền qua đời.
Do tạo nghiệp ác này,
Đọa vào trong Địa ngục,
Chúng hợp và Đại khiếu,

Bị lửa nóng nung đốt,
Chịu khổ địa ngục xong,
Mới được sanh làm người,
Nhiều bịnh không tự tại,
Khi chết khổ kịch liệt,
500 đời như thế,
Đời đời thường chịu khổ,
Bịnh nặng thường theo thân,
Luôn bị khổ bức bách.
Đây là thân sau cùng,
Được sanh trong nhân gian,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Tôi đã được xuất gia,
Chứng quả A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ,
Ở giai vị trưởng lão,
Được thần thông vô lậu,
Tùy thuận các người bịnh,
Làm cho bịnh tiêu trừ,
Tôi Bí-sô Hữu Hỷ,
Đối trước các Kỳ túc,
Tự nói nghiệp báo xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Da-xá (Danh xưng): "cụ thọ Hữu hỷ đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Da-xá nói kệ:

"Xưa là ẩn sĩ nơi Lan nhã,
Tôi vào trong thôn để khất thực,
Bỗng thấy thây một người nữ chết,
Sình trướng chảy mủ, phẩn nước tiểu,
Tôi liền như lý khéo quán chiếu,
Ngồi kiết già quán thân bất tịnh,
Ngay khi tôi quán tưởng bất tịnh,
Nhất tâm niệm tưởng không tán loạn,
Tôi ngồi quán tưởng một hồi lâu,
Tử thi bỗng nhiên nứt vỡ ra,
Chảy tràn chất bất tịnh hôi thối,

Côn trùng ruồi nhặng đều bu đến.
Lúc ấy tôi xuất định,
Trở về nơi Lan nhã,
Không đi khất thực nữa,
Cũng không nghĩ đến ăn.
Nếu khi vào tụ lạc,
Chỉ vì cầu ăn uống,
Nhưng thấy tử thi rồi,
Không còn muốn ăn nữa,
Thân tất cả hữu tình,
Đều do bốn đại họp,
Chứa đầy phân, nước tiểu,
Và máu mủ hôi thối,
Nếu chánh quán như vậy,
Liền lìa được dục tưởng,
Trụ nơi bốn phạm hạnh,
Vô lượng thiện quán sát,
Sau khi thân mạng chung,
Sanh cõi trời Đại phạm,
Từ trời Phạm thiên chết,
Sanh Ba la niệt tư,
Trong dòng họ giàu sang,
Làm con nhà trưởng giả,
Thọ dụng đều đầy đủ,
Ngày đêm thường thọ lạc,
Ban đêm lúc nằm ngủ,
Bỗng nhiên tỉnh dậy thấy,
Các thể nữ xinh đẹp,
Cởi bỏ áo anh lạc,
Thân hình đều lõa lồ,
Nằm ngủ gối lên nhau.
Do nghiệp lực đời xưa,
Đã quán tưởng Bất tịnh,
Từ thân người nữ chết,
Nên tâm sanh nhàm lìa,
Lớn tiếng kêu: Khổ thay,
Nhưng không ai đáp lại,
Tôi lúc đó xuống lầu,

Được chư thiên mở cửa,
Ra khỏi đại thành này,
Đến bờ Nam con sông,
Thấy Phật ở bờ Bắc,
Tôi lớn tiếng gọi Phật:
Con đang bị tổn hại,
Xin Thánh giả cứu giúp.
Đại sư nghe tiếng tôi,
Nói ra lời hiền thiện:
Hãy sang đây, đừng sợ.
Tôi nghe rồi lội sang,
Để lại chiếc giày báu,
Tôi đến chỗ Đại bi,
Chánh giác vô thượng sĩ,
Thế tôn nói diệu pháp,
Nghe pháp xong tỏ ngộ,
Tôi liền xin xuất gia,
Sau đó được Kiến đế,
Thế tôn gia bị tôi,
Tinh tấn không phóng dật,
Cuối đêm sao mai mọc,
Lậu tận, hết phiền não,
Nay ở trước Kỳ túc,
Danh xưng nói nghiệp xưa,
Ngồi yên trong hoa sen,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Tài ích: "cụ thọ Danh xưng đã nói bổn nghiệp rồi, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Tài ích nói kệ:

"Xưa ở thành Bà-la-nê-tư ,
Quốc vương tên là Kiết cơ la,
Thế tôn Ca-diếp đã diệt độ,
Vua cho xây tháp để thờ Phật,
Tôi là con trưởng của Vua ấy,
Danh tiếng của vua vang khắp nơi,
Do tôi ở trên tháp báu này,
Dựng một cây lọng để cúng dường,
Đã tạo nghiệp thắng thiện như vậy,
Nên được thắng phước cõi trời người,

Sanh ở chỗ nào cũng giàu sang,
Là đại thí chủ nhiều kho lẫm.
Tôi trong 500 đời,
Bố thí nhiều vô kể,
Những người đến cầu xin,
Sa môn, Bà-la-môn ,
Đều không trái ý ai,
Tất cả đều được đủ,
Cho đến bậc lìa dục,
Các Duyên giác vô lậu,
Có đến 500 vị,
Tôi đều thanh tịnh cúng.
Do sức thiện căn này,
Nên thân sau cùng này,
Sanh trong nhà giàu sang,
Vừa sanh ra liền nói:
Trong nhà ta có nhiều kho lẫm,
Nay muốn bố thí cho người nghèo,
Bố thí người nghèo không nhàm đủ,
Mọi thức ăn uống và vật dụng,
Các bậc hiền thiện nay nên biết.
Mọi người nghe tôi nói lời này,
Ai nấy kinh ngạc đều bỏ chạy,
"Ngươi có phải là người,
Hay là trời, Dược xoa,
Hãy nói cho ta nghe".
Tôi vội đáp như vầy:
"Mẹ ơi, hãy lắng nghe,
Con là con của mẹ,
Chẳng phải quỷ, dược xoa,
Chỉ do Túc mạng trí,
Thường làm trưởng giả hằng bố thí".
Mẹ nghe lời này rất hoan hỉ,
Mẹ hiền liền nói với tôi rằng:
Con yêu đừng lo, cứ bố thí.
Mẹ nói lời này xong,
Thân quyến nuôi dưỡng tôi,
Thảy đều yêu thương tôi,

Người thấy sanh hoan hỉ,
Từ khi sanh tôi ra,
Kho lẫm thường tăng thêm,
Cả vàng bạc nô bộc.
Nên mọi người đặt tên,
Gọi tôi là Tài ích,
Tôi thường hay bố thí,
Cho người xin đầy đủ.
Nay theo Đẳng chánh giác,
Xuất gia để học đạo,
Tôi không vì lánh nạn,
Mà cầu xin xuất gia.
Nay được sáu thần thông,
Thanh tịnh cầu xuất ly,
Các vua thường cúng dường,
Đại thần đều tôn trọng,
Thường đầy đủ y thực,
Tôi Bí-sô Tài ích,
Ở trước các kỳ túc,
Nói nghiệp báo đời xưa”.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 17

Các đại đệ tử nói nhân duyên nghiệp báo (tt):

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Bạc-câu-la: "cụ thọ Tài ích đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Bạc-câu -la nói kệ:

"Xưa ở thành Thân huệ ,
Tôi làm người bán thuốc,
Tỳ-bà-thi trụ thế,
Tôi đem thuốc cúng dường,
Đức Phật và chúng Tăng,
Ai đến xin cũng cho,
Thuốc rễ thân lá hoa,
Đều đem cúng chúng Tăng,
Trong ba tháng an cư,
Tùy cúng thức ăn uống.
Ai cúng Ha-lê-lặc,
Cho các vị Bí-sô,
Trong 91 kiếp,
Không đọa ba đường ác.
Do quả báo cúng thuốc,
Được quả thù thắng này.
Tuy cúng chút ít thuốc,
Thọ lạc đến vô cùng.
Ai cúng ha lê lặc,
Sanh thiên thọ thiên lạc,
Do nghiệp báo sót lại,
Được sanh trong loài người,
Sanh vào nhà Hữu học,
Không thọ đồ cúng dường,
Chỉ trong ba ngày đêm,

Thông suốt ba tạng kinh,
Chỉ đắp y phấn tảo,
Và thích A-lan-nhã,
Không thích chỗ ồn náo,
Tôi nay 160 tuổi,
Thân chưa từng có bịnh,
Do nhờ cúng ít thuốc,
Thường hưởng vui trời người.
Bạc-câu-la trước chúng,
Tự nói nghiệp báo xưa,
Ngồi yên trong hoa sen,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Tôn giả: "cụ thọ Bạc-câu-la đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Tôn giả nói kệ:

"Xưa làm người thuộc da,
Nhớ nghĩ việc đời trước,
Năm ấy gặp đói kém,
Nấu da làm thức ăn,
Để giữ gìn mạng sống.
Sau có một sa môn,
Từ xa đến khất thực,
Tôi khởi lòng tịnh tín,
Cúng thức ăn da này,
Vị Độc giác ăn xong,
Bay vọt lên không trung,
Tôi phát tâm thanh tịnh,
Chắp tay rất cung kính,
Thấy thần biến này rồi,
Càng khởi tâm ân trọng,
Nguyện cho con đời sau,
Thường gặp bậc Thánh này,
Được quả báo thù thắng,
Giống như bậc Thánh này,
Thể vật thí không sắc,
Cũng không hương và vị,
Người thấy, tâm thanh tịnh,
Đem cúng thức ăn này.
Tuy chỉ cúng chút ít,

Được quả báo vô lượng,
Hưởng vui cõi trời người,
Được thân người thù thắng.
Đây là thân sau cùng,
Được sanh trong loài người,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Xưa kia tôi phát nguyện,
Chứng được quả vô thượng,
Nay chứng A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ.
Tôi tên Đại Tôn giả,
Nay đối trước Thánh chúng,
Tự nói nghiệp báo xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo các cụ thọ Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp, Na-đề-ca-diếp, Già-da-ca-diếp: "cụ thọ Tôn giả đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt các cụ thọ", ba cụ thọ cùng nói kệ:

"Xưa chúng tôi là ba thương chủ,
Cùng đi chơi với các anh em,
Gặp tháp thờ đức Phật Ca-diếp,
Bị hư lở, sụp đổ gần hết,
Chúng tôi kêu gọi các thương nhơn,
Xây dựng tháp này lại cho mới,
Sau đó cùng nhau xây tháp lại,
Chúng tôi treo lọng báu trên tháp,
Chính do nghiệp lành thù thắng này,
Được sanh lên trời hưởng thiên lạc,
Trên trời hết phước sanh làm người,
Lại được giàu sang thường an lạc.
Nay gặp Thế tôn Đẳng chánh giác,
Được xuất gia trong giáo pháp Phật,
Thế tôn ở bên sông Ni liên,
Vận thần thông, hiện đại thần biến,
Chúng tôi nhờ chỉ bày chánh pháp,
Được vào cung Vô thượng Niết-bàn.
Do kính trọng giáo pháp Đại sư,
Nên treo lọng báu trên tháp Phật,

Do các thiện căn sai biệt này,
Nên hết nóng bức, được mát mẻ.
Nhóm Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp,
Ở trước các tôn giả kỳ túc,
Tự nói nhân duyên nghiệp báo xưa,
Ngồi tòa sen trong ao Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Danh xưng: "các cụ thọ Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp… đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Danh xưng nói kệ:

"Xưa tôi từng làm người bán hương,
Khéo phân biệt được các tánh thuốc,
Có một chỗ tôi mua hương và thuốc,
Vì nàng ấy hết sức xinh đẹp,
Khiến ai thấy cũng sanh tham dục,
Do tôi thấy nàng ấy xinh đẹp,
Bất giác tâm tôi sanh Ái nhiễm,
Ôm lấy nàng ấy làm việc dâm.
Do nghiệp ác này sanh ác đạo,
Sau được thân người, tay thường liệt,
Trong 500 đời thường chịu khổ.
Nay được thừa sự Phật Thế tôn,
Theo Phật xuất gia để học đạo,
Đã được chứng quả A-la-hán,
Trừ hết nóng bức, được mát mẻ.
Tôi nhớ nghĩ nghiệp ác đời xưa,
Đã qua 100 kiếp, nghiệp vẫn còn,
Nay đã đắc thần thông,
Do nghiệp còn sót lại,
Nên cánh tay trái tôi,
Không bằng cánh tay phải.
Dù là nam hay nữ,
Cướp vợ hay đoạt chồng,
Thường đọa trong địa ngục,
Chịu đau khổ dữ dội.
Hãy xa lìa vợ người,
Như xa ngọn lửa hừng.
Cho nên người có trí,
Chỉ vui với vợ mình.

Cần phải quán sát kỹ,
Nếu tham nhiễm vợ người,
Thường chịu khổ địa ngục,
Không lúc nào ngừng nghỉ.
Do tôi gây tội này,
Bất cứ sanh chỗ nào,
Cũng thọ quả báo ấy,
Ở trong Nại lạc ca.
Đây là thân sau cùng,
Vào giai vị Vô thượng,
Giải thoát tất cả khổ,
Hết nóng được mát mẻ.
Muốn cầu được an lạc,
Không nên dâm vợ người.
Giải thoát các phiền não,
Được an lạc vi diệu.
Tôi Bí-sô Danh xưng,
Ở trước các kỳ túc,
Tự nói nghiệp báo xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Hỏa sanh: "cụ thọ Danh xưng đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Hỏa sanh nói kệ:

"Xưa khi tôi ở thành Thân huệ,
Có Phật chánh giác Tỳ-bà-thi,
Lúc đó tôi tên Vô sở trước,
Tôn quý nhật ở trong chúng nhơn.
Phật có 62 vạn chúng,
Đệ tử Thanh văn cùng vây quanh,
Tôi thỉnh Thế tôn Tỳ-bà-thi,
Và các đệ tử trong ba tháng,
Lúc đó quốc vương thành Thân huệ ,
Cũng thỉnh Thế tôn và đệ tử.
Cho nên tôi cùng vua thành ấy,
Cách ngày thiết thực để cúng dường.
Đến ngày tôi, cúng dường gấp bội,
Cho Phật và các chúng Thanh văn,
Như thế cúng dường ba tháng xong,

Tôi và vua đều cùng cúng dường.
Vào ngày cuối cùng vua thiết hội,
Ở trong cung của thành Thân huệ,
Cúng dường trăm vị món ăn ngon,
Y phục, ngọa cụ và vật báu,
Còn đặt tòa cao trong vườn hoa,
Tòa ấy trị giá trăm ngàn vàng,
Thức ăn, y phục cũng như thế,
Thiết cúng cho mỗi vị Bí-sô,
Trị giá không thể nào tính được.
Voi và ngựa đều được trang sức,
Dùng lưới kim tuyến trang nghiêm thân.
Trước mỗi vị tăng đều có lọng,
Thứ lớp chỗ ngồi đều đầy đủ.
Thể nữ trong cung được trang điểm,
Dùng hương Chiên đàn thoa thân thể,
Đều cầm bình vàng đựng nước thơm,
Đứng hầu ở chỗ Bí-sô tăng.
Sau cùng khi dâng lễ vật cúng,
Vua tự tay dâng cho Phật và tăng.
Khi tôi đang xem vua cúng dường,
Liền nhất tâm chánh niệm tư duy:
Ẩm thực thượng diệu đều lo được,
Tòa báu trang nghiêm thật khó làm,
Lại còn vật dụng thượng diệu khác,
Voi nhựa như vua kiếm đâu ra.
Tôi vừa suy nghĩ như vậy rồi,
Vua trời Đế thích liền hiện đến,
Lúc đó vua trời nói với tôi:
Lành thay, ta sẽ giúp cho ngươi.
Sau khi vua trời nói lời này,
Liền hóa ra vườn rừng tối thắng,
Vườn ấy hết sức là tuyệt đẹp,
Tòa ngồi chư thiên thật trang nghiêm,
Lại đem y phục của cõi trời,
Dâng cúng Phật và Bí-sô tăng.
Trước thỉnh Thế tôn Tỳ-bà-thi,
Và các chúng đệ tử Thanh văn.

Lúc ấy vua trời và chư thiên,
Voi báu bậc nhất đều hiện đến,
Mỗi vị tay cầm lọng báu trời,
Ở trong hư không che đầu Tăng.
Đem thức ăn cõi trời,
Cúng dường Chơn Thánh chúng.
Hưởng vui cõi trời người,
Trong 91 kiếp,
Không đọa ba đường ác.
Do nghiệp thiện đời trước,
Cảm quả thân mềm mại.
Nay thọ thân sau cùng,
Sanh tại thành Vương xá,
Trong cung vua Ảnh thắng ,
Gia tộc thế lực nhất,
Vua và đại phu nhân,
Thương yêu và nuôi dưỡng.
Quần thần đều yêu mến,
Người trong nước cũng vậy.
Trên trời thường thọ lạc,
Nay thọ sanh cõi người,
Thọ lạc như cõi trời.
Vô thượng Đại đạo sư,
Chánh giác Mâu ni chủ,
Vì điều phục nhơn thiên,
Nên đến thành Vương xá.
Tôi nghe tin Phật đến,
Trong lòng rất hoan hỉ,
Liền đến chỗ Như lai,
Đã thấy Thế gian đăng,
Bậc giữ đuốc sáng mãi,
Tôi từ trên xe xuống,
Đi bộ đến chỗ Phật,
Cung kính đảnh lễ Phật,
Thâm tâm tôi vui vẻ,
Tôi ngồi qua một bên,
Chiêm ngưỡng Đại từ tôn,
Vô lượng trời và người,

Đang cung kính vây quanh.

Thế tôn bảo tôi rằng:

Ngươi nên đoạn triền phược,
Vô thượng Thiên tôn sư,
Vì từ bi đến đây,
Nói pháp bốn Thánh đế,
Người nghe được khai ngộ.

Tôi nghe rồi liền bạch:

Xin Chánh giác Thế tôn,
Cho phép con xuất gia,
Được thành tánh Bí-sô.
Vô thượng Đại từ phụ,
Bậc không ai sánh bằng,
Thương xót gọi: "Thiện lai",
Nói xong, thành Bí-sô,
Siêng năng không phóng dật,
Khổ hạnh mà tu tập,
Liền chứng quả vô sanh,
Được vào cung Niết-bàn,
Thừa sự Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Chứng quả A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ,
Thoát khỏi biển ba cõi,
Vượt qua sông sanh tử.
Tất cả khổ lo buồn,
Do đây đoạn trừ hẳn.
Tôi Bí-sô Hỏa sanh,
Đối trước chơn Thánh chúng,
Tự nói nghiệp đời xưa,
Trong ao lớn Vô nhiệt,
Ngồi yên trên đài sen".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn

Kỳ-túc bảo cụ thọ Hộ quốc: "cụ thọ Hỏa sanh đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Hộ quốc nói kệ:

"Xưa có vua tên Kiết cơ lợi,
Chủ nước Ca thi làm lợi dân,

Tôi là con nhỏ nhất của vua,
Vua xây tháp lớn để thờ Phật,
Sau đó bảo người con nhỏ nhất,
Tự thân cầm lọng dâng cúng Phật,
Nghe vua cha dạy, tôi hoan hỉ,
Sắp đặt lọng báu rồi phát nguyện,
Chính do nhân duyên nghiệp thiện này,
Được thọ diệu lạc cõi trời người,
Thân thường có ánh sáng tối thắng.
Đời này thọ thân người sau cùng,
Sanh ra trong đại thành Thương khố,
Ở trong gia đình giàu có nhất,
Tôn quý bậc nhất ở thế gian.
Ai thấy cũng vui mừng cung kính,
Quả báo thù thắng hiện theo thân,
Sắc tướng trang nghiêm, tâm yên tĩnh,
Mọi thứ thọ dụng đều đầy đủ,
Không thiếu thốn bất cứ thứ gì.
Trước trưởng lão, Bí-sô Hộ quốc,
Tự nói nhân duyên nghiệp báo xưa”.

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Sa để: “cụ thọ Hộ quốc đã nói bổn nghiệp xong, nay đến lượt cụ thọ”, cụ thọ Sa để nói kệ:

“Xưa ở thành Vương xá,
Vua tôi rất giàu sang,
500 tiên nhơn đến,
Đều cùng nhau cúng dường.
Lúc đó tôi ra lịnh,
Chuẩn bị làm thức ăn,
Để cúng các tiên nhơn.
Thứ lớp phân cho tôi,
Tôi là người đứng đầu,
Nên cúng Tiên trước nhất.
Gia đình tôi lo liệu,
Đủ 500 phần ăn,
Đem cơm này cung cấp,
Cho các vị tiên nhơn.
Khi đem cơm cúng dường,
Tôi sanh tham tiếc, nghĩ:

Anh chị em của ta,
Vợ, con cái, bà con,
Ta còn không cho ăn,
Tiên này ngồi ba tháng,
Sẽ hao tốn rất nhiều,
Huống chi 500 người,
Ta cần phải làm cho,
Vị tiên này qua đời,
Nếu vị ấy chết rồi,
Ta không hao tốn nữa,
Không mắc tội giết Tiên.
Nghĩ việc ác này rồi,
Tôi nấu nước tiểu ngựa,
Hòa vào trong thức ăn,
Đưa cho Tiên này ăn.
Tiên ăn rồi mắc bịnh,
Gan ruột lộn ra ngoài,
Tiên chết rồi mới biết,
Tiên là người đắc đạo.
Lúc đó các Long thần,
Đều cùng la to rằng:
Thương nhơn này tội nặng,
Giết Tiên chết oan uổng,
Độc giác đã tự tại,
Bậc tịch tĩnh vô lậu.
Bà con đều giận tôi,
Nói rằng tôi đã gây,
Một nghiệp ác rất nặng,
Vì đã giết Tiên nhơn.
Tôi nghe rồi ưu sầu,
Đến các Tiên nhơn khác,
Chí thành xin sám hối.
Sau khi sám hối xong,
Cúng dường 500 vị,
Khiến đều được no đủ.

Sau đó tôi phát nguyện:

Nguyện con ở đời sau,
Nhờ phước cúng dường này,

Được giải thoát như thế,
Nguyện lìa các ràng buộc,
Không sanh nhà bần cùng.
Do tôi sanh tâm ác,
Đã hại chết Độc giác,
Nên sau khi tôi chết,
Đọa vào trong Địa ngục,
Ở đó cả ngàn năm.
Sau được sanh làm người,
Có tuổi thọ ngắn ngủi,
Tuy có nhiều của cải,
Bố thí cho nhiều người,
Nhưng mắc bịnh đường ruột,
Vì thế mà qua đời.
Đời này gặp Đại Thánh,
Được làm người xuất gia,
Y giáo được thành tựu,
Xả bỏ hết xan tham,
Ngồi tòa sen Vô nhiệt,
Nói nhân duyên bổn nghiệp".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Tất đa Ca-nhiếp-ba: "cụ thọ Sa Để đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Tất đa Ca-nhiếp-ba nói kệ:

"Xưa thỉnh chúng Bí-sô,
Suốt bảy năm liên tục,
Ở trong tụ lạc kia,
Gặp thời thế đói kém,
Tôi được phân cúng dường,
Vị Độc giác đáng tôn,
Tâm ý đều tịch tĩnh,
Không phiền não thanh lương,
Tôi trước có phát thệ:
Ai xin cũng không cho,
Dù con hay thân quyến,
Có làm việc mới cho.
Do phát nguyện như vậy,
Nên mới gây nghiệp ác,
Vì Bí-sô không làm,

Cớ sao lại cho ăn.
Tôi liền dẫn Bí-sô,
Đi băng qua đồng ruộng,
Vòng xa mới đến nhà,
Cho vị ấy ăn uống,
Do nghiệp ác này chín,
Tôi đọa vào địa ngục,
Chúng hoạt và Viêm nhiệt,
Chịu đủ các khổ sở.
Nghiệp báo địa ngục hết,
Mới được sanh làm người,
Đời đời thường nghèo khổ,
Khó kiếm được thức ăn.
Đây là thân sau cùng,
May gặp bậc Điều ngự,
Chánh giác Vô thượng tôn,
Tịnh tín xin xuất gia,
Trừ hết các Hữu lậu,
Chứng được sáu thần thông,
Được quả A-la-hán.
Nhưng đại chúng nên biết,
Tôi tuy chứng thần thông,
Khất thực rất khó nhọc,
Mới được thức ăn uống,
Phải trải qua đường xa,
Mới xin được chút ít,
Mệt như sắp đứt hơi.
Tôi họ Tất ca nhiếp,
Tên là Nhĩ đại oai,
Ngồi hoa sen Vô nhiệt,
Tự nói nghiệp duyên xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Châu-ly-bàn-đà-ca: "cụ thọ Tất đa Ca-nhiếp-ba đã nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Bàn-đà-ca nói kệ:

"Tôi ở trong đời trước,
Làm người chăn nuôi heo,
Sau khi cột miệng heo,
Dắt chúng lội qua sông,

Khi đi đến giữa sông,
Những con heo ngạt thở,
Nên đều bị chết hết,
Tôi cũng trôi theo dòng,
Hôn mê không biết gì,
Lúc đó có tiên nhơn,
Thương xót cứu vớt tôi,
Khiến cho thoát chết chìm,
Lại còn cho xuất gia,
Dạy Tam muội vô tướng,
Cho tôi được điều thiện.
Sau khi tôi qua đời,
Được sanh lên cõi trời,
Tuổi thọ trời hết rồi,
Sanh trở xuống làm người,
Cung kính Đẳng chánh giác,
Xả tục mà xuất gia,
Nhưng tôi rất ngu đần,
Chỉ dạy không nhớ được,
Trong vòng ba tháng trời,
Chỉ thuộc một câu kệ,
Khi hiểu được nghĩa câu,
Phiền não dục đều trừ.
Nghiệp đã tạo trước đây,
Nhớ nghĩ lại như vậy,
Trải qua vô lượng lần,
Luân hồi biển sanh tử.
Ở trước Phật Thế tôn,
Trong ao Vô nhiệt này,
Tôi Châu ly bàn đà,
Nói nghiệp đen trắng này".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Xà-bộc: "cụ thọ Châu ly bàn đà ca nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Xà-bộc nói kệ:

"Phật Ca-diếp diệt độ,
Tôi là đệ tử Phật,
Đa văn, thông ba tạng,
Nhưng thường bỏn xẻn pháp,

Không đọc tụng, giảng giải,
Cho các Bí-sô nghe,
Sợ các Bí-sô khác,
Có hiểu biết hơn mình, B
í-sô đến chỗ tôi,
Cầu học hỏi chút nghĩa,
Vì tôi ôm lòng ác,
Hỏi vặn mà không dạy,
Nên các Bí-sô đến,
Quở trách khuyên can tôi,
Tại sao không giảng pháp,
Làm việc phi lý này.
Khi tôi sắp qua đời,
Trong lòng bỗng hối hận,
Chơn diệu pháp đã hiểu,
Không giảng cho người nghe.
Mạng chỉ còn bảy ngày,
Thời gian trôi không ngừng,
Tôi tập họp đại chúng,
Sám hối các tội lỗi,
Sau khi hối lỗi xong,
Dứt bỏ tâm xển pháp,
Liền ở trong đại chúng,
Nói pháp luôn bảy ngày,
Cho đại chúng hiểu nghĩa,
Mọi người nghe pháp rồi,
Cùng bàn luận với nhau.
Nhờ lúc sắp lâm chung,
Nói diệu pháp bảy ngày,
Tôi sanh lên cõi trời,
Thọ đầy đủ thiên lạc,
Tuổi thọ trời hết rồi,
Sanh trở xuống làm người,
Ở thành Kiếp-tỷ-la,
Trong dòng họ Thích ca,
Giàu sang có địa vị,
Dung mạo rất đáng yêu,
Dân chúng đều yêu mến,

Thọ dụng đều đầy đủ.
Những người trong dòng họ,
Đều xả tục xuất gia,
Tôi do tham dục trói,
Nên không thích xuất gia.
Đấng Điều ngự trượng phu,
Chỉ vì thương xót tôi,
Nên nhiều lần khuyên can,
Tôi liền lạy Điều ngự,
Cho tôi trong bảy năm,
Thương xót thọ tôi thỉnh,
Bảy năm trôi qua rồi,
Tôi sẽ đến chỗ Phật,
Xin làm người xuất gia.
Phật bảo mạng mong manh,
Chắc gì đến bảy năm,
Mạng chỉ trong hơi thở.
Lời Phật tôi tôn trọng,
Tôi không dám không nghe,
Nhưng hẹn bảy ngày nữa,
Trong vòng bảy ngày này,
Được tùy ý bố thí.
Lúc đó trong ngoài thành ,
Bà con đều ủng hộ,
Ánh sáng lợi tối thượng,
Chiếu khắp trong thành quách,
Có đến vô số người,
Đều theo ra ngoài thành.
Tịnh tín cầu xuất gia,
Trong giáo pháp của Phật,
Suốt 25 năm,
Tâm không có giác ngộ,
Tội liền từ tâm khởi,
Muốn thối lui về nhà,
Không muốn ở chùa nữa,
Vì không được cam lồ.
Đã sanh tâm khiếp sợ,
Nên trong lòng hổ thẹn,

Cha mẹ và thân quyến ,
Ắt sẽ chê cười tôi,
Đã nghĩ điều bất thiện.
Thà tôi tự hủy mình,
Chẳng nên sống lây lất,
Nghĩ rồi liền cầm dao,
Ngồi kiết già ngay thẳng,
Để dao ở trên đầu,
Tâm liền được giải thoát,
Trừ hết các kiết phược,
Tôi hết lời ca ngợi :
Lạ thay, Phật Pháp Tăng,
Có pháp lành thù thắng.
Trước tôi có tư tưởng,
Phàm phu định tự vẫn,
Không còn tiếc thân mạng,
Lại được Vô thượng tịch.
Tôi ở trong đời trước,
Lười biếng hay xẻn pháp,
Chính do quả báo này,
Khó khăn mới giải thoát.
Do nhờ lúc lâm chung,
Nói diệu pháp bảy ngày,
Nay nghiệp này chín muồi,
Trừ hết tâm tham dục.
Pháp căn Thích ca tử,
Xà nô oai đức lớn,
Ở trong ao Vô nhiệt ,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ A-nê-lô-đà: "cụ thọ Xà-bộc nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ A-nê-lô-đà nói kệ:

"Xưa tôi không nghề nghiệp,
Nghèo nàn gánh củi bán,
Nương bậc đủ danh xưng,
Phụng sự đại Sa môn.
Nay sanh dòng Thích ca,
Tên A-nô-lê-đà,

Rất giỏi ca và múa,
Thường sáng tác khúc ca.
May gặp được Đại sư,
Vô úy đẳng chánh giác,
Liền khởi tâm tính tín,
Lìa tục cầu xuất gia,
Nghe Phật nói diệu pháp,
Nghe rồi không buông lung,
Tinh tấn được ba Minh.
Theo lời Đại sư dạy,
Quán biết được túc mạng,
Sự việc đã trải qua,
Cõi trời Tam thập tam,
Thọ sanh đã bảy lần,
Bảy lần sanh làm người,
Đều được làm nhân vương,
Quán đảnh Sát-đế-ly,
Cai trị châu Thiệm bộ,
Kia bảy, đây cũng bảy,
Luân hồi 14 lần,
Đối với sự thọ dụng,
Đều biết được nguồn gốc,
Các loại quả báo này,
Đều đã thọ đầy đủ,
Dù sanh ra ở đâu,
Tôi đều được vui vẻ.
Quán thấy các hữu tình,
Luân hồi trong sanh tử,
Mất đây, hiện chỗ khác.

Tôi nhất tâm suy nghĩ:

Luân hồi trong năm cõi,
Thiên nhãn đều thấy rõ,
Khi đắc đạo an tường,
Thiên nhãn rất sáng sạch.
Thế gian Vô thượng sư,
Biết ý nghĩ của tôi,
Phật thân ý thần thông,
Hiện đến chỗ tôi ở,

Lúc đó tôi suy nghĩ:
Được nghe lời tăng thượng,
Đại sư không lầm lỗi,
Lời nói cũng không sai.
Sau khi nghe Phật nói,
Tôi y giáo tịnh trụ,
Tâm liền sanh tinh tấn,
Thường tu không phóng dật,
Thông đạt được ba Minh,
Việc cần làm làm xong,
Đối với Sống không thích,
Đối với Chết không buồn,
Chỉ biết đợi thời đến,
Chánh niệm trụ oai nghi,
Thôn Trúc lâm Quảng nghiêm,
Sẽ mạng chung tại đó,
Ở ngay dưới rừng Trúc,
Chọn làm nơi quy hóa.
Do trước cúng thức ăn,
Nay được quả thù thắng.
Cung kính Đại đạo sư,
Đẳng chánh giác vô tỉ,
Tôi chứng A-la-hán,
Nơi tịch tĩnh thanh lương.
Ai thấy cũng bảo tôi,
Là người có phước lớn,
A-nê-lô-đà này,
Trước Phật, chúng Bí-sô,
Ở trong ao Vô nhiệt,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Sư tử vương Ca-la: "cụ thọ A-nê-lô-đà nói bổn nghiệp xong, nay đến lượt cụ thọ", cụ thọ Ca-la nói kệ:

"Xưa tôi ép nước mía,
Đem đến lò nấu đường,
Có vị Độc giác bịnh,
Lê bước đến chỗ tôi,
Suốt bảy ngày tôi thường,

Dâng vị ấy dầu đường,
Sau khi mãn bảy ngày,
Độc giác bay lên không.
Lúc đó tôi đi vắng,
Trở về người hầu nói:
Có phước điền thù thắng,
Trước đây thọ chủ cúng.
Tôi nghe lời này rồi,
Phát lòng tin trong sạch,
Vội đến chỗ Ngài bay,
Lòng hết sức kính ngưỡng.
Do phát tâm trong sạch,
Lại do cúng dầu đường,
Trên trời, dưới nhân gian,
Tôi đủ phước, tâm sáng.
Đây là thân sau cùng,
Cung kính Đại đạo sư,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Tôi nay được xuất gia,
Trong giáo pháp đại sư,
Chứng quả A-la-hán,
Nơi tịch tĩnh thanh lương,
Tâm tôi rất an lạc,
Được rất nhiều lợi dưỡng,
Y thực và ngọa cụ,
Thuốc thang không thiếu thốn.
Do tôi có chút việc,
Phải cần bốn thùng đường,
Thí cho người may y,
Và cúng dường đại chúng.
Chư thiên biết ý tôi,
Liền bảo vua Ảnh thắng:
Hãy cúng cho Ca-la,
Nước đường cát trong mát,
Do cúng dường nước này,
Vua được lợi ích lớn,
Hãy sai Thị-phược-ca,
Đem Am-la và đường.

Vua Ảnh thắng phước lớn,
Liền cho bốn con voi,
Chở mỹ vị thơm ngon,
Đem đến cúng cho tôi.
Tôi được đường ngọt này,
Cung cấp ngàn hai trăm,
Năm mươi Bí-sô tăng.
A-la-hán Ca-la,
Đầy đủ sáu thần thông,
Ở trong ao Vô nhiệt ,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ La-hỗ-la: "cụ thọ Ca-la nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ La-hỗ-la nói kệ:

"Trước kia tôi làm vua,
Ở đô thành Quảng nghiêm,
Dùng chánh pháp cai trị,
Làm lợi ích mọi người.
Có một vị tiên đến,
Rất hùng dũng oai đức,
Đến chỗ tôi nói rằng:
Tôi chính là trộm cướp,
Đã lấy trộm nước uống,
Xin vua xử theo pháp.
Tôi liền bảo tiên nhơn:
Nếu tiên đủ pháp, đức,
Nước sông suối và giếng,
Đều được tùy ý uống.
Tiên vẫn còn nghi hoặc,
Không thể trừ hết được,
Cứ xin vua trị tội,
Để không còn lo nghĩ.
Tôi liền bảo Tiên ấy:
Hãy vào trong vườn hoa,
Sáu ngày không được ăn,
Sau đó tùy ý đi.
Do tôi tạo nghiệp này,
Tuy không có ý ác,
Trong Hắc thằng, Viêm nhiệt,

Chịu khổ 60 năm.
Thân cuối hết nghiệp báo,
Sáu năm trong thai mẹ.
Tuy do vô tâm tạo,
Không có nghiệp thân miệng,
Nhưng vẫn do duyên này,
Đã chịu các quả khổ,
Các trưởng lão nên biết,
Nghiệp đã làm không mất.
Tôi là La-hỗ-la,
Ở trước các tôn giả,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ A-nan-đà: "cụ thọ La-hỗ-la nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ A-nan-đà nói kệ:

"Thời Phật Tỳ-bà-thi,
Tôi lo liệu nước thơm,
Cho Bí-sô tăng tắm,
Rồi phát nguyện như vầy :
Nguyện con trong đời sau,
Cũng giống các vị này,
Trong sạch không vết nhơ,
Trừ hết các phiền não,
Dung nghi được đoan nghiêm,
Nhan sắc hơn hoa sen.
Sau khi tôi mạng chung,
Được sanh lên cõi trời,
Cõi trời rất tuyệt diệu,
Cõi người cũng thù thắng,
Dù sanh đến nơi nào,
Thường giàu có an vui.
Sau mang thân Độc giác,
Khi xây một cái tháp,
Trang trí và thoa hương,
Giát vàng lên trên tháp,
Tôi chắp tay phát nguyện:
Đời sau các căn đủ,
Thân tướng như vàng ròng,

Giữ mãi không thay đổi.
Chính do căn lành này,
Sanh Bà-la-nê-tư,
Làm người con thứ nhì,
Của vua nước Ca đà,
Thấy tháp Phật Ca-diếp,
Cung kính sanh tịnh tín,
Cúng dâng một cây lọng,
Để trong ngôi tháp này.
Do trước làm nước tắm,
Sau giát vàng lên tháp,
Nay cúng lọng cho tháp,
Nên thọ báo an lạc.
Do phước nghiệp sót lại,
Thọ thân sau cùng này,
Trong dòng họ thích ca,
Làm em của Như lai,
Đời nay thân của tôi,
Đầy đủ tướng trượng phu,
30 tướng thù diệu,
Không có chút khiếm khuyết.
Sau tôi được xuất gia,
Trong giáo pháp Thích ca,
Chứng quả A-la-hán,
Hết nóng được mát mẻ,
Tôi được Phật thọ ký,
Thân tướng tốt đoan nghiêm,
Đời này sanh đã dứt,
Đến được chỗ vô thượng.
Tôi là A-nan-đà,
Ở trước chúng Bí-sô,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Thật lực tử: "cụ thọ A-nan-đà nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Thật lực tử nói kệ:

"Tôi ở trong đời trước,
Là thương lữ Bổ ngư,

Nhân mua bán tiến phát,
Có Tiên đến cùng đi,
Là chơn thật Độc giác,
Lậu tận, tâm vô ngại,
Trong thời gian gặp nhau,
Tôi thường thỉnh cúng dường,
Ở chỗ vị ấy ngủ,
Tôi vì trải ngọa cụ,
Để nước rửa, dầu thoa,
Lại còn cúng đèn thắp,
Làm bạn với vị ấy,
Tâm cung kính thừa sự,
Khi đi đến phía trước,
Gần tới chỗ bờ biển,
Tôi quỳ xuống bạch rằng:
Đại đức có việc gì,
Mà đi đến nơi này,
Chúng tôi vì tham dục,
Nên không từ khổ não,
Đi đến chỗ hiểm nạn,
Trong biển cả không bờ.
Đáp đã trừ phiền não,
Nguyện ông thường an lạc,
Đời đời đủ phước lớn,
Nhiều của không thiếu gì.
Lúc đó tôi liền lấy,
Thượng y cúng cho Ngài,
Rồi đảnh lễ nhiễu phải,
Ngài vì thương xót tôi,
Nên thọ y tôi cúng,
Rồi bay lên hư không,
Tôi thấy thần thông này,
Liền chắp tay phát nguyện:
Đời sau con thường gặp,
Bậc tôn đức như vầy,
Diệu pháp vị ấy đắc,
Nguyện con cũng được chứng.
Đời sau nguyện gặp Phật,

Được làm người xuất gia,
Cúng dường chúng Tăng già,
Phát sanh thần thông lớn.
Chính do căn lành này,
Thường thọ lạc cõi trời,
Cõi người cũng an vui,
Dù sanh ở nơi nào,
Giàu có nhiều của cải,
Phước đức hằng ngời sáng.
Từ ban đầu thọ báo,
Đến nay thân cuối cùng,
Ở thành Câu thi na,
Được làm con lực sĩ,
Đẹp đẽ rất đáng yêu,
Dung mạo không ai bằng,
Mọi người đều kính yêu,
Nhà giàu có bậc nhất,
May gặp Thích sư tử,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Liền khởi tâm thanh tịnh,
Xả tục xin xuất gia,
Trụ ở trong Trúc lâm,
Và ở trong núi rừng,
Chúng Thanh văn tụ đến,
Bị Bí-sô xúc não,
Vì phân chia ngọa cụ,
Cùng Bí-sô nói lỗi,
Thường thường chê trách nhau,
Tôi buồn bã suy nghĩ:
Khi nào dứt sanh tử,
Sẽ làm người cung cấp.
Do tôi thường tinh tấn,
Tu tập theo giáo pháp,
Chứng được A-la-hán,
Đầy đủ sáu thần thông,
Liền đến chỗ Đại sư,
Đảnh lễ Phật chắp tay,
Xin Phật cho phép tôi,

Được làm người cung cấp,
Phân phát các ngọa cụ,
Không theo tham sân si,
Từ bi phân bình đẳng.
Đại sư biết ý tôi,
Liền im lặng nhận lời,
Cho tôi ở trong chùa,
Đối với các Bí-sô ,
Thân làm việc từ bi,
Miệng ý cũng như vậy,
Phân phát phòng, ngọa cụ,
Tâm khiêm nhường kính trọng.
Các Bí-sô đến đi,
Và các vị đi đường,
Gặp họ tôi vui mừng,
An ủi và thăm hỏi,
Khi phân phát ngọa cụ,
Năm ngón tay phát sáng,
Như đốt ngọn đuốc lớn,
Hiển hiện thần thông lớn.
Bí-sô nào muốn thấy,
Thần biến mà tôi có,
Đợi đến trời tối mịt,
Mới đi đến chỗ tôi,
Nhiều vị khác đến tiếp,
Tôi đều dùng tâm từ,
Phân phát ngọa cụ cho,
Không sanh tâm bực bội.
Trước tôi có thệ nguyện,
Nay đều được viên mãn,
Thánh tử Thật lực này,
Lậu tận, tâm tự tại,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Cận tướng: "cụ thọ Thật lực tử nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Cận tướng nói kệ:

"Tôi ở trong đời trước,

Là thợ săn trong rừng,
Vì muốn giết hươu nai,
Mang cung và tên độc,
Lên núi cao hiểm trở,
Qua đêm không mệt mỏi.
Hễ gặp được cầm thú,
Liền sanh tâm giết hại,
Giương cung bắn tên độc,
Giết nó chết lập tức.
Lần đó tôi cầm cung,
Đi vào trong khu rừng,
Thấy một vị Độc giác,
Ở dưới một gốc cây,
Bỗng tôi sanh tức giận,
Ngài tịch tĩnh không lỗi,
Tôi lại giương cung bắn,
Do bị trúng tên độc,
Nên Ngài rất đau đớn,
Ngay tại gốc cây ấy,
Xả mạng vào Niết-bàn.
Tôi do nghiệp ác này,
Khi chết đọa địa ngục,
Trải vô lượng ngàn năm,
Chịu đủ các thống khổ.
Ở địa ngục hết rồi,
Lại mang thân súc sanh,
Bị giết hại trong rừng,
Lại đọa vào địa ngục,
Đời đời thường lo sợ,
Mỗi bước đều kinh hãi,
Thường khốn khổ vì đói,
Rất gầy ốm, tiều tụy,
Lại thường gặp thợ săn,
Kẻ giết hại mạnh bạo,
Đã dùng tên độc nhọn,
Bắn làm tôi ngã nhào,
Thấy tôi ngã xuống đất,
Còn sống, thân oằn oại,

Thợ săn dùng dao bén,
Xả thịt tôi mang đi.
500 đời như vậy,
Thường chịu các khổ não.
Sau đó ở nơi khác,
Vì tìm kiếm thức ăn,
Thấy nhiều vị đại tiên,
Ở dưới chân núi ấy,
Đang tu tập khổ hạnh,
Có thần lực oai đức,
Sau khi thấy Tiên chúng,
Tôi sanh tâm vui mừng,
Quan sát các đại tiên.
Do tâm thanh tịnh này,
Được sanh vào cõi người,
Từ xa thấy Độc giác,
Đến để xin thức ăn,
Tôi thường xuyên thỉnh Ngài,
Đến nhà tôi thọ thực,
Cúng dường vị ấy xong,
Tôi chắp tay phát nguyện:
Nguyện tôi trong đời sau,
Thường gặp được tôn sư,
Được làm người xuất gia,
Đạt được Vô sở úy,
Dứt hết các Hữu lậu.
Chính do căn lành này,
Tôi được sanh lên trời,
Lại sanh trong cõi người,
Giàu có nhiều của cải,
Thừa sự Đại đạo sư,
Đẳng chánh giác vô tỉ,
Gặp được Đại Mâu ni,
Xả tục mà xuất gia,
Tịnh tâm xuất gia rồi,
Rất thích giáo pháp Phật,
Chứng được A-la-hán,
Đủ sáu đại thần thông.

Các đại đức, tôi nay,
Đoạn hết các kiết phược,
Sẽ vào trong hang núi,
Rồi mới xả thọ mạng,
Sẽ có rắn rất độc,
Bò xuống cắn thân tôi,
Lúc đó tôi viên tịch.
Các đại đức, tôi nghĩ:
Do đời xưa tạo nghiệp,
Chịu vô lượng quả báo,
Nghiệp đã tạo không mất.
Bí-sô Cận tướng này,
Đối trước chúng Tăng già,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Hiền tử: "cụ thọ Cận tướng nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Hiền tử nói kệ:

"Thời thế xưa đói kém,
Thật u ám đáng sợ,
Có tới 500 người,
Đi xin ăn để sống,
Tôi đứng đầu trong nhóm,
Dẫn họ đi xin ăn,
Họ xin được thức ăn,
Đều đến dâng cho tôi,
Dù thức ăn ngon dở,
Cũng đều cấp cho tôi,
Trong lòng không ý xấu,
Đều theo lời tôi bảo.
Lần đó có một người,
Vào chợ rao bán bánh,
Tôi liền cưỡng đoạt lấy,
Bỏ chạy ra khỏi chợ,
Chủ bánh đuổi theo sau,
Do tôi chạy rất mau,
Chủ bánh đuổi không kịp,
Cuối cùng đến một nơi,
Nhìn quanh không có ai,

Tôi định lấy bánh ăn,
Nghĩ là được no đủ,
Bỗng có một đại tiên,
Đang đi đến chỗ tôi,
Thấy vị Độc giác này,
Các căn rất tịch tĩnh,
Tôi liền suy nghĩ rằng:
Đói nghèo là khổ nhất,
Do trước chẳng tu phước,
Nay chịu quả đói nghèo,
Ta nên đem bánh này,
Cúng cho vị Độc giác.
Do phát tâm chí thành,
Sanh khởi ý trong sạch,
Nên tôi đem chiếc bánh,
Dâng cúng thắng phước điền,
Đại sư nhận bánh rồi,
Ăn ở trước mặt tôi,
Rồi vì thương xót tôi,
Nên bay lên hư không,
Tôi liền chắp tay lạy,
Nguyện cầu ở đời sau,
Sẽ sanh nhà phú quý,
Nhan sắc được đẹp đẽ,
Và nguyện thường được gặp,
Các đại đức như vậy,
Pháp mà vị ấy chứng,
Tôi nguyện cũng được chứng.
Chính do căn lành này,
Ở cõi trời cõi người,
Đều được nhiều an lạc,
Xinh đẹp và sáng sủa,
Lại còn được làm vua.
Do thiện cúng dường này,
Không sanh trong ác đạo.
Do nghiệp còn sót lại,
Thọ thân sau cùng này,
Trong dòng họ Thích ca,

Thừa sự Thích sư tử,
Vô thượng đẳng chánh giác.
Khi Đại đức Thế tôn ,
Về giáo hóa thân tộc,
Tôi cùng các thân quyến,
Xả tục đi xuất gia,
Trước đây tôi có nguyện,
Nay đều đã viên mãn,
Chứng quả A-la-hán ,
Nơi tịch tĩnh thanh lương,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Hiền diêm: "cụ thọ Hiền tử nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Hiền diêm nói kệ:

"Thời Phật Câu lưu tôn,
Có người xây tháp Phật,
Tôi là người làm thuê,
Thường làm thuê cho người,
Trong lúc xây tháp này,
Tôi thường nói lời ác :
Cần gì xây tháp lớn,
Biết ngày nào mới xong,
Chỉ cần xây tháp nhỏ,
Không nên quá tổn phí,
Giảm công, không còn lo,
Lại mau được thành tựu.
Chính do nơi khẩu nghiệp,
Nói lời thô ác này,
Nên sau khi mạng chung,
Tôi đọa vào địa ngục,
Hết nghiệp báo địa ngục,
Dù sanh ở nơi nào,
Nhan sắc đều xấu xí,
Mọi người đều ghét bỏ.
Thời Phật Ca-nhiếp-ba,
Tôi làm chim Câu la,
Thành Bà-la-nê-tư ,

Ở trong một khu rừng,
Có vị Đại minh đăng,
Chúng Bí-sô vây quanh,
Tôi hót tiếng hòa nhã,
Bay nhiễu phải phía trên.
Hễ gặp Phật và Tăng,
Khi đang đi khất thực,
Hoặc khi đi trở về,
Tôi đều bay nhiễu phải.
Chính do căn lành này,
Nên được sanh làm người,
Thừa sự bậc Điều ngự,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Được làm người xuất gia,
Trong giáo pháp thích ca,
Chứng quả A-la-hán,
Nơi tịch tĩnh thanh lương.
Phật thọ ký cho tôi,
Nghe nhiều, giữ phép tắc,
Tiếng hay, thường diễn thuyết,
4 chúng đến chỗ tôi,
Nghe tôi nói diệu pháp,
Trời người các hữu tình ,
Thảy đều ngưỡng mộ tôi.
Xưa tạo ít nghiệp lành,
Nhưng làm nghiệp ác nặng,
Nay thọ các quả báo,
Nghiệp đã làm không mất,
Tôi Bí-sô Hiền diêm,
Đối trước các trưởng lão,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Mật tánh: "cụ thọ Hiền diêm nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Mật tánh nói kệ:

"Xưa ở bên Quảng Nghiêm,
Tôi là con khỉ chúa,
Thấy nơi ấy nhiều bát,

Tôi liền lấy bát Phật,
Các Bí-sô la to,
Thế tôn liền nói rằng:
Các Bí-sô đừng lo,
Bát không có mất đâu.
Lúc đó tôi cầm bát,
Leo lên cây đại thọ,
Đựng mật sạch đầy bát,
Rồi thong thả trèo xuống,
Đem dâng bát mật này,
Cho bậc đại đạo sư.
Do bát mật có trùng,
Nên Đại sư không nhận,
Tôi xem thấy có trùng,
Liền vớt lấy trùng ra,
Rồi đem dâng trở lại,
Thế tôn cũng không nhận,
Vì mật chưa tác tịnh.
Tôi liền lấy nước sạch,
Điểm tịnh vào bát mật,
Rồi với tâm chí thành,
Dâng cho Đẳng chánh giác.
Phật duỗi tay trăm phước,
Nhận bát mật tôi dâng,
Đưa cho chúng Thanh văn.
Trong lòng tôi vui sướng,
Ở trước đấng pháp vương,
Khom mình lạy rồi đi.
Tôi nguyện sau khi chết,
Thường gặp Đại đạo sư,
Thọ trì pháp vi diệu,
Chính do căn lành này,
Nên nay được thân người,
Thừa sự bậc Điều ngự,
Vô thượng đẳng chánh giác,
Được làm người xuất gia,
Trong giáo pháp Thích ca,
Chứng quả A-la-hán ,

Nơi tịch tĩnh thanh lương,
Đầy đủ 6 thần thông.
Danh xưng, phước vang xa,
Người tôn kính cúng dường.
Tôi cùng các Bí-sô ,
Du hành trong nhân gian,
Đến ở chỗ đồng trống,
Đại chúng đều khát nước,
Lúc đó tôi liền nghĩ:
Nếu có được mật sạch.
Phi nhơn ở bốn phương,
Biết ý nghĩ của tôi,
Liền mang bình mật lớn,
Đến dâng cúng cho tôi,
Tôi nhận rồi đem cho,
Các Bí-sô uống no.
Xưa tôi mang thân khỉ,
Do đem mật cúng Phật,
Nên thoát thân súc sanh,
Bước trên đất cam lồ.
Nguyện xưa kia đã phát,
Nay đều đã thành tựu,
Tôi Bí-sô Mật tánh,
Đối trước các trưởng lão,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA DƯỢC SỰ

QUYỂN 18

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Nhân duyên: "cụ thọ Mật tánh nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Nhân duyên nói kệ:

"Cách đây 91 kiếp,
Tôi ở thành Thân huệ,
Thấy Phật Tỳ-bà-thi,
Sắp đi vào thành đô,
Tôi rải hoa dâng cúng,
Hoa nở cành thẳng đứng,
Thành lọng che đảnh Phật,
Tâm tịnh quỳ xuống chân,
Cung kính đảnh lễ Phật,
Rồi chắp tay nhiễu phải,
Tuy không nghe Phật pháp,
Cũng không thọ Tam quy,
Chỉ phát tâm thanh tịnh,
Tôi đi theo Thiện thệ.
Do tạo nghiệp lành này,
Trải qua 91 kiếp,
Chưa từng sanh cõi ác,
Thường mang thân Đại thiện,
Thọ thiên lạc thù thắng.
Nhiều đời sanh làm người,
Giàu có nhiều của cải,
Đây là thân sau cùng,
Sanh dòng họ tịnh hạnh,
Đối với các bí điển,
Văn nghĩa và xem tướng,
Chương cú đều thông hiểu,

Và tướng hảo đại nhân,
Ở trong rừng tịnh hạnh,
Giáo thọ 500 người,
Bà-la-môn vây quanh.
Tôi rời thành vào rừng,
Lúc đó gặp Thế tôn,
Chúng Bí-sô vây quanh,
Tinh tấn rất dõng mãnh.
Tôi đến Ma-kiệt-đà,
Lại gặp đấng Đại bi,
Liền khởi tâm tịnh tín,
Chính do nhân duyên này,
Được biết tướng thù thắng.
Sau khi thấy Thế tôn ,
Đầy đủ các tướng tốt,
32 tướng trang nghiêm,
Và 80 vẻ đẹp,
Thấy tướng trang nghiêm ấy,
Tôi chí thành kính lễ,
Ca ngợi Đại đạo sư.
Trong sách tướng có nói,
Phật có đầy đủ tướng,
Nhất định là đại sư,
Thế gian không ai bằng,
Hơn Phạm thiên, Đế thích,
Không có người thứ hai.
Vượt cả thần trời đất,
10 phương không ai bằng,
Không thấy ai hơn Phật.
Trên trời, trong loài người,
Là đại tướng hàng ma,
Chỗ dựa nơi không dựa,
Dẫn đường người lạc lối.
Tôi nguyện làm Thanh văn,
Theo lời Phật đã dạy.
Thế tôn duỗi tay xuống,
Tay trăm phước trang nghiêm,
Xoa đầu tôi rồi bảo:

Chính do tâm ông tịnh,
Nên được nhiều thắng lợi,
Tâm thanh tịnh cúng dường,
Phước ấy không hạn lượng.
Phát khởi ý tịnh diệu,
Nơi vô thượng phước điền,
Ma-nạp-bà đã gieo,
Vĩnh viễn theo đường lành,
Không còn sợ cõi ác,
Được mở cửa cam lồ,
Mọi sở thích thành tựu.
Nếu có muốn xuất gia,
Cứ tùy ý đến đây,
Lành thay Bà-la-môn ,
Hãy cạo bỏ râu tóc.
Nghe pháp âm Phật xong,
Tôi bảo các môn đồ,
Môn đồ liền hỏi tôi,
Sao lại làm sa môn,
Vì sao bỏ trắng sạch,
Chọn lấy chỗ tối đen,
Bỏ dòng họ thắng diệu,
Muốn làm loại hạ tiện.
Chủng loại Bà-la-môn ,
Siêu việt trên thế gian,
Từ miệng ngực Phạm thiên,
Hóa sanh Bà-la-môn .
Các trò không hiểu rõ,
Các trò không biết gì,
Giáo lý các trò học,
Theo hiểu biết của ta,
Văn nghĩa rộng vô cùng,
Ta làm theo hiểu biết,
Các trò tùy duyên đi,
Nếu không có cần gì,
Cứ làm theo ý thích,
Ta không còn là thầy,
Từ nay không dạy nữa.

Lúc đó các môn đồ,
Rơi lệ tùy duyên đi.
Đấng đại bi tịch tĩnh,
Dịu dàng an ủi tôi:
Hãy đến, thiện Bí-sô.
Tôi liền thọ cận viên,
Tâm tịnh tín xuất gia,
Đầy đủ đại thần thông,
Việc nên làm làm xong.
Tôi quán nghiệp đời trước,
Thiên nhãn đều sáng sạch,
Biết được tướng sanh tử,
Nơi đã từng thọ thân.
Nay đã chứng thần thông,
Dứt hết hoặc hữu lậu,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Kiều-trần-như: "cụ thọ Nhân duyên nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Kiều-trần-như nói kệ:

"Xưa trong đời quá khứ,
Phật Ca-diếp diệt độ,
Tôi thấy các Thanh văn ,
Tập họp lại bàn bạc :
Đại bi Ca-nhiếp-ba,
Sao Niết-bàn sớm quá,
Người xuất gia quá ít,
Chánh pháp không tỏ rạng,
Pháp chúng ta đã nghe,
Đem chỉ dạy cho nhau,
Tinh tấn không phóng dật,
Trong Phật giáo siêng tu.
Tất cả cùng lên núi,
Trải cỏ làm tòa ngồi,
Cùng thệ chưa dứt lậu,
Không rời khỏi chỗ ngồi.
Do quyết tâm tinh tấn,
Không tiếc thân mạng mình,

Đều chứng được thần thông,
Tất cả vào Niết-bàn.
Tôi vì căn cơ kém,
Không thể dứt được lậu,
Tuy có pháp tương ưng,
Nhưng thân lại qua đời.
Nhờ có pháp tương ưng,
Không xả niệm tinh tấn,
Nên được sanh lên trời,
Trong cung trời Đổ sử,
Gặp được Thích sư tử,
Mâu ni đại Bồ-tát,
Nói pháp cho chư thiên,
Tôi nghe được pháp này,
Liền hết lòng ghi nhớ,
Ưa thích chánh pháp này.
Nghiệp báo trên trời hết,
Sanh xuống Kiếp-tỷ-la,
Mang họ Kiều-trần-như,
Dòng tịnh hạnh quyền thế,
Lúc đó Bồ-tát là,
Con của vua Tịnh-phạn,
Bỏ nước đi xuất gia,
Tu khổ hạnh trong rừng,
Vua Tịnh-phạn bảo tôi,
Hãy đi theo xuất gia,
Để hầu hạ Thái tử.
Tôi với tâm thanh tịnh,
Đến hầu hạ Bồ-tát.
Vì không chứng Thánh đạo,
Tôi nhàm chán bỏ đi,
Thích ca đại mâu ni,
Khi chuyển chánh pháp luân,
Nói ra diệu pháp này,
Tôi chứng ngộ đầu tiên.
Dưới thời Phật Ca-diếp,
Xuất gia tu phạm hạnh,
Trong giáo pháp Thích ca,

Chứng được quả vô lậu.
Bí-sô Kiều-trần-như,
Đối trước các trưởng lão,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Ô-ba-ly: "cụ thọ Kiều-trần-như nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Ô-ba-ly nói kệ:

"Xưa trong thời quá khứ,
Thành Bà-la-nê-tư,
Có vua tên Phạm thọ,
Tôi thường hay hầu hạ,
Cắt tỉa râu tóc vua,
Đủ cách làm cho đẹp,
Y phục đều cùng loại,
Xông hương rồi đem dâng,
Kính trọng hầu hạ vua.
Tôi thích ở chỗ vua,
Nói điều chưa từng nghe,
Dục, vị ngọt rất ít,
Là gốc của tội lỗi,
Biển khổ đều do đây,
Không thể được an lạc.
Ai xuất gia lìa dục,
Nghe pháp chưa từng nghe,
Nên thần rất hâm mộ,
Xin vua cho xuất gia.
Vua liền bảo tôi rằng:
Nếu khanh đã quyết định,
Xuất gia được chứng ngộ,
Sẽ trở lại gặp ta,
Ta cho phép xuất gia.
Tôi bèn tâu vua rằng:
Ý thần đã quyết định,
Xin vua hiểu lòng thần,
Xuất gia được chứng ngộ,
Thần hứa sẽ trở lại.
Khi được vua cho phép,

Tôi liền vào trong rừng,
Giữ tâm không hư dối,
Xả tục mà xuất gia,
Tùy sức mình tu tập,
Siêng năng không phóng dật,
Được đến chỗ ly dục.
Dưới thời vua Phạm thọ,
Tôi tên Căng ba la,
Được mọi người yêu quý.
Tôi với tâm chánh trực,
Đến chỗ thầy xin phép,
Đi gặp vua Phạm thọ,
Giúp vua sanh chánh kiến,
Sau khi thầy cho phép,
Tôi từ giã lên đường,
Đến Ba la nê tư,
Vua Phạm thọ nghe tin,
Đích thân đến chỗ tôi,
Do oai đức của vua,
Chư thiên cũng đến theo,
Vua từ xe bước xuống,
Cung kính đảnh lễ tôi,
Ngồi một bên nghe pháp,
Tôi vì nói diệu pháp,
Giúp vua đoạn các dục,
Sau khi dứt các dục,
Vua phát tâm mạnh mẽ,
Nói muốn cầu xuất gia,
Vì không thích dục lạc.
Vua liền cho con trưởng,
Lên nối ngôi vua cha.
Vị vua tối thắng này,
Bỏ nước đi xuất gia.
Tôi bảo vua đi gặp,
Đại tiên ở trong rừng,
Để cầu xin xuất gia,
Vua với tâm chánh trực,
Đảnh lễ các đại tiên,

Nguyện cầu được xuất gia.
Vua cạo bỏ râu tóc,
Thân mặc áo ca-sa,
Quần thần và thân quyến,
Có đến vô lượng người,
Cùng xả tục xuất gia.
Tôi với tâm chánh trực,
Nói diệu pháp cho họ,
Khiến sanh bốn thiền định.
Sau khi tôi qua đời,
Sanh lên Vô biên quang,
Cõi trời ấy hết phước,
Sanh trở xuống nơi đây,
Dù sanh ở nơi nào,
Giàu có nhiều của báu,
Cõi trời và cõi người,
Thường thọ lạc thắng diệu.
Đây là thân sau cùng,
Sanh ở Kiếp-tỷ-la,
Trong dòng họ Thích ca,
Từng hầu hạ Thích tôn,
Do oai đức Thích tôn,
Mới được đi xuất gia.
Khi tôi cạo râu tóc,
Cho vương tử Thích ca,
Có thưa với họ rằng:
Thánh giả không giúp nhau,
Tôi làm gì để sống.
Các vương tử nói rằng:
Chuỗi anh lạc đã có,
Và y phục thượng diệu,
Thảy đều cho anh hết
Tôi thấy các vương tử,
Đều vất bỏ tất cả,
Để cầu được xuất gia,
Tôi là người nghèo khổ,
Giữ nhiều châu báu này,
Nếu có người nghe biết,

Ắt sẽ đến hại tôi.
Tôi nên biết điều độ,
Đem các châu báu này,
Treo lên trên cây cao,
Cũng cầu xin xuất gia,
Cùng với các vương tử.
Các vương tử nghe rồi,
Cho tôi xuất gia trước.
Phật vì thương xót tôi,
Bảo thiện lai Bí-sô,
Cho tôi xuất gia rồi,
Mới độ các vương tử,
Để đốn trừ ngã mạn.
Sau khi được xuất gia,
Được chứng sáu thần thông,
Chứng quả A-la-hán,
Vượt qua bờ bên kia,
Phật thọ ký cho tôi,
Trì luật là bậc nhất.
Bí-sô Ô-ba-ly,
Đối trước các trưởng lão,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".
Lúc đó Đại đạo sư,
Bảo tôn giả Vi quang,
Tự nói nghiệp báo xưa,
Từng thọ báo thiện ác,
Tôn giả nghe Phật dạy,
Nhớ lại nghiệp báo xưa,
Liền ở trước đức Phật,
Tự nói nghiệp báo xưa:
"Xưa ở trên Liên hoa,
Đấng cứu thế tối thắng,
Có tháp nơi Khoáng lâm,
Nơi đó nhiều thú dữ,
Nên không ai dám đến,
Để cung kính cúng dường,
Người sống gần nơi đó,

Không biết nghiệp tội phước.
Lúc đó tôi đến tháp,
Dọn sạch các cỏ cây,
Cầm chổi quét sạch tháp,
Trong ngoài tháp đều sạch,
Rồi kính lễ tám phương,
Sau đó mới trở về.
Chính do căn lành này,
Tôi được sanh lên trời,
Cõi trời Tam thập tam,
Hưởng dục lạc thù thắng.
Cho đến ba sáu lần,
Tôi đều làm vua trời,
Thiên cung mà tôi ở,
Thường bằng vàng rực rỡ,
Rộng khoảng 36,
Dài 60 thiện na.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Nên sanh xuống nhân gian,
Bảy lần làm nhân chủ.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Dù thọ sanh nơi đâu,
Thân quang đều sắc vàng.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Thường sanh trong dòng họ,
Bà-la-môn, Sát-lợi.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Tùy ý đi kiệu, xe,
Voi, ngựa, không đi bộ.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Nếu vào rừng gai góc,
Tự nhiên đều bằng phẳng.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,

Là làm sạch tháp Phật,
Chưa từng bị bịnh tật,
Cũng không có phiền não.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Hễ đi đến nơi đâu,
Tướng kiết tường đều hiện.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Thường được người quý trọng,
Kính thờ như Đại thiên.
Tôi nhờ duyên kỳ lạ,
Là làm sạch tháp Phật,
Thân chưa từng chịu khổ,
Dù là khổ não nhỏ.
Phật pháp không vết nhơ,
Thật không thể nghĩ bàn.
Tâm tịnh được quả lớn,
Cũng không thể nghĩ bàn.
Ai muốn cầu thắng lạc,
Dứt trừ hết sanh tử,
Nên kính trọng tháp Phật,
Phụng thờ Vô thượng tôn.
Đại đức, tôi nhớ lại,
Đời trước tạo nghiệp lành,
Nên được hưởng báo lành,
Rất đáng được ưa thích.
Bí-sô Vi quang này,
Đối trước chúng Tăng già,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô Thanh-văn Kỳ-túc bảo cụ thọ Khuê-túc: "cụ thọ Vi quang nói bổn nghiệp xong, giờ đến lượt cụ thọ", cụ thọ Khuê-túc nói kệ:

"Đại đức, tôi nhớ lại,
Quá khứ câu chi kiếp,
Nơi Phật Nhất thiết siêu,
Đã làm được phẩm thiện.
Lúc đó Phật Thế tôn,

Vô biên trăm ngàn ức,
Chúng Thanh văn vây quanh,
Muốn vào Đại vương đô,
Tôi từ nơi làng khác,
Có việc đến thành này,
Gặp được Đẳng chánh giác,
Đủ 32 tướng tốt,
Sáng như nhật nguyệt chiếu,
Như ánh chớp đêm đen,
Che mờ các ánh sáng,
Phật quang chiếu sáng nhất,
Tôi chưa từng được thấy.
Bỗng thấy ở phía trước,
Có một Bà-la-môn,
Liền hỏi đó là ai,
Đáp là Phật đạo sư,
Trời người không ai bằng.
Lúc đó nghe tiếng Phật,
Tôi sanh tâm tín kính,
Và thích dung nghi Phật,
Toàn thân tôi an lạc.
Bỗng nghe tiếng nhạc trời,
Tiếng phi nhơn tán tụng,
Trời mưa hoa hương bột,
Ở trong thành Thượng thắng,
Hoặc rải hoa sen xanh,
Hoặc mưa Thiệm bát ca,
Hoặc mưa bột Chiên đàn.
Chư thiên ở trên không,
Cung kính hữu nhiễu Phật.
Trong lòng tôi ngưỡng mộ,
Muốn tìm tràng hoa thơm,
Nhưng không ở đâu có,
Bỗng thấy người bán lọng,
Cây lọng trắng sáng đẹp,
Liền vội đến hỏi mua,
Để đem dâng cúng Phật,
Tôi thành tâm cầm lọng,

Lọng bỗng tự vọt đi,
Đến che trên đầu Phật,
Phật đi, lọng cũng đi,
Phật dừng, lọng cũng dừng,
Lọng không rời thân Phật,
Tự nhiên ở trên không.
Tôi cùng với đại chúng,
Thấy thần biến này rồi,
Đều cung kính chắp tay,
Thành tâm kính lễ Phật.
Tôi thấy Đẳng chánh giác,
Chúng Thanh văn uy nghi,
Sau khi trở về nhà,
Tâm tôi thường suy nghĩ,
Mong ước được gặp Phật.
Tôi nhờ dâng cúng lọng,
Cho Vô thượng phước điền,
Do nơi căn lành này,
Thường đầy đủ bảy báu,
Sau khi tôi qua đời,
Sanh làm vua cõi trời,
Cõi trời Tam thập tam ,
Chư thiên đều kính trọng.
Sau đó sanh cõi người,
Làm vua tên Tự lực,
Giàu có nhiều dõng mãnh,
Vua nước khác thần phục.
Do tạo nghiệp lành này,
Dù luân chuyển nơi đâu,
Căn lành không đứt đoạn,
Cũng không đọa đường ác.
Đây là thân sau cùng,
Được làm người xuất gia,
Trong giáo pháp Thích ca,
Thừa sự đức Điều ngự,
Chứng quả A-la-hán,
Nơi tịch tĩnh thanh lương.
Dù Ma biến hoa thân,

Cao đến một do tuần,
Làm hình tướng khủng bố,
Tôi liền hỏi là ai,
Dám làm việc não loạn,
Quán biết đó là Ma,
Cố ý đến não loạn,
Tôi bảo ma Ba tuần:
Cứ tùy ý hiện thân,
Đầu lớn như Tu di,
Rồi hãy đến chỗ tôi.
Tôi đã chứng La hán,
Đủ ba Minh sáu Thông,
Được Phật chỉ dạy pháp,
Đã được an lạc trụ,
Thọ người cúng nắm cơm,
Nhập định suốt bảy ngày,
Thọ giải thoát ý lạc,
Là pháp tôi tu tập.
Đại đức, tôi suy nghĩ,
Do nghiệp lành đời trước,
Nay thọ nhiều quả báo,
Thọ lạc rất tịnh diệu.
Bí-sô Khuê-túc này,
Đối trước chúng Tăng già,
Trong ao Vô nhiệt não,
Tự nói nghiệp báo xưa".

Lúc đó các Bí-sô đều đã tự nói nghiệp báo xưa xong, liền bạch Phật: "chúng con đã tự nói nghiệp báo xưa xong, cúi xin Thế tôn nói nghiệp báo xưa, Thế tôn xưa đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác lại bị đá trên núi xô lăn xuống làm cho chân bị thương?", Phật bảo các Bí-sô: "xưa kia khi còn là phàm phu, Như lai đã gây nghiệp nay nên nay tự thọ báo. Khi nghiệp đã chín muồi, biến duyên hiện tiền như bóng theo hình, nhất định chiêu lấy quả báo, không ai khác chịu thay. Này các Bí-sô, người nào đã tạo nghiệp thiện ác thì chẳng phải đất nước gió lửa ngoại giới chịu lấy quả báo; mà chính ngay nơi Uẩn xứ giới trong tự thân chiêu lấy quả dị thục.

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,

Tự thọ lấy quả báo”.

Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, trong một làng nọ có một trưởng giả cưới vợ không bao lâu liền sanh một con trai, bé trai này dần dần khôn lớn thì người mẹ bỗng qua đời. Người cha cưới thêm vợ kế, không bao lâu sau người vợ kế này có thai và sanh một con trai. Thời gian sau, người con trai trưởng cưới vợ và sanh rất nhiều con cái; sau đó bà mẹ kế chết, người em trai khác mẹ đến ở chung với anh. Sau khi hỏi rõ thân thế của người em trai này, người vợ của người anh trưởng hỏi chồng: “gia tài có chia cho người em khác mẹ này không?”, người chồng nói là chia đều, người vợ nói: “chú ấy chỉ có một thân, chúng ta đông người, làm sao chia đều được”, người chồng nói là thế pháp quy định như vậy, người vợ nghe rồi liền xúi giục chồng giết chết người em, người chồng nói: “ta đâu thể vì gia tài mà giết chết em mình”. Do người vợ cứ ở bên tai xúi giục mãi, người chồng cũng hồ đồ nghe theo, hễ tâm bị nhiễm dục thì không có việc ác nào mà không làm. Người chồng suy nghĩ: “nếu ta giết nó ở trong làng thì mọi người đều biết, hãy dụ nó đến chỗ vắng vẻ không người”, nghĩ rồi liền rủ người em cùng vào rừng hái trái, hai anh em cùng đi đến một sườn núi dốc, người anh liền xô người em xuống núi, sau đó dùng đá đập chết người em.

Này các Bí-sô, người anh trưởng giết chết em ngày xưa chính là thân ta ngày nay. Ngày xưa vì tài sản, ta đã dẫn người em khác mẹ vào rừng rồi xô xuống sườn núi và dùng đá đập cho chết. Do nghiệp ác này nên trong nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều ngàn năm, nhiều trăm ngàn năm ta bị đọa trong địa ngục chịu các khổ báo. Do nghiệp còn sót nên ngày nay tuy ta đã chứng Đẳng chánh giác, ta vẫn bị đá trên núi xô lăn xuống làm chân bị thương”.

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: “Thế tôn đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác vẫn bị cây cọc gỗ Tử khương đâm làm chân bị thương?”, Phật bảo các Bí-sô: “đó là do xưa kia ta đã tạo nghiệp nên nay phải chịu quả báo.

“Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo”.

Các thầy lắng nghe:

Ngày xưa trong một thành lớn có hai thương chủ giỏi kinh doanh mua bán, sau khi lo liệu xong tàu buồm, họ lại ra biển để tìm cầu châu báu. Nhờ

thuận buồm xuôi gió nên họ đến được đảo châu báu, một người biết trù lượng sức thuyền để chở số châu báu vừa đủ; người kia không biết trù lượng lại do lòng tham nên chở đầy thuyền. Sau khi ra biển, thuyền chở đầy châu báu quá tải không chịu nổi nên muốn chìm, thương chủ này năn nỉ thương chủ bạn cứu giúp. Thương chủ bạn châm chước cho chứa bớt một ít châu báu lên thuyền mình rồi kéo thương chủ kia qua thuyền của mình trước khi thuyền bị chìm xuống biển. Thương chủ được cứu suy nghĩ: "hai chúng ta cùng ra biển đến đảo châu báu, nay thuyền của ta bị chìm, châu báu cũng mất hết, ta há để cho thương chủ kia trở về với đầy thuyền châu báu hay sao. Ta phải đục thủng thuyền cho thuyền chìm mất hết cũng như ta", nghĩ rồi liền lén đục thủng thuyền. Thương chủ bạn trông thấy nói rằng: "bạn làm như vậy không những châu báu mất hết mà chúng ta cũng không sống được trở về". Thương chủ kia do lòng ganh ghét quá mạnh nên không chịu nghe theo lời can ngăn của bạn, vẫn tiếp tục đục thủng thuyền, thương chủ bạn thấy không thể can ngăn được nên đâm chết thương chủ kia.

Này các Bí-sô, thương chủ bạn đâm chết thương chủ đục thuyền kia chính là thân ta ngày nay. Do nghiệp ác này nên suốt nhiều năm, cho đến trăm ngàn năm ta bị đọa vào địa ngục chịu các khổ báo. Do nghiệp còn sót nên ngày nay tuy ta đã thành Chánh giác vẫn bị cây gỗ Tử khương đâm làm chân bị thương".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác vào làng Sa la khất thực không được gì, phải mang bát không trở về?", Phật bảo các Bí-sô: "đó là do xưa kia ta đã tạo nghiệp … cho đến câu tự chịu quả báo. Các thầy lắng nghe:

Ngày xưa trong thành Bà-la-nê-tư có một Ma-nạp-bà đi xin ăn để sống, thời đó không có Phật nên chỉ có vị Độc giác là phước điền duy nhất. Lúc đó có vị Độc giác tên là Lạc tịch ở chỗ Tiên nhơn đọa xứ trong rừng Thi lộc thành Bà-la-nê-tư. Vị này vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, Ma-nạp-bà cũng vào thành xin ăn, đến trước nhà một trưởng xin nhưng không được cho gì. Vừa lúc đó vị Độc giác theo thứ lớp đến trước cửa nhà trưởng giả này khất thực, Ma-nạp-bà thầy liền suy nghĩ: "ta hãy rình xem người xuất gia này có xin được gì không", nghĩ rồi liền rình bên cửa. Lúc đó vợ của trưởng giả thấy vị Độc

giác thân tâm tịch tĩnh liền sanh lòng tín kính, nên đem thức ăn thượng diệu sớt đầy bát để cúng dường. Khi vị Độc giác vừa quay trở ra thì Ma-nạp-bà này liền chặn đường nói rằng: "này người xuất gia, hãy cho tôi xem thức ăn trong bát của Ngài". Thường pháp của vị Độc giác là nếu

không khởi quán thì không biết được tâm ý người khác. Lúc đó vị Độc giác đưa bát cho Ma-nạp-bà xem, do trong lòng ganh ghét nên Ma-nạp-bà này buông tay cho bát rơi xuống đất và làm cho thức ăn trong bát đổ hết ra đất rồi lấy chân dẫm lên. Vị Độc giác thấy rồi liền nói: "này Ma-nạp-bà, vì sao lại làm như vậy, nếu cậu cần thì cứ nói, tôi sẽ cho cậu". Ma-nạp-bà nói những lời thô ác rồi đứng một bên, vị Độc giác tuy không được ăn nhưng do tự điều thuận nên bỏ đi trở về rừng Thi lộc.

Này các Bí-sô, Ma-nạp-bà ngày xưa chính là thân ta ngày nay. Xưa do ta ôm lòng ganh ghét đã làm cho vị Độc giác không được ăn, do nghiệp ác này trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, ta bị đọa vào địa ngục chịu khổ báo. Do nghiệp còn sót nên ngày nay tuy ta đã thành Chánh giác, khi vào làng Sa-la khất thực phải mang bát không trở về".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà nay bị dâm nữ Mị dung do ngoại đạo xúi bẩy đến để vu báng Thế tôn?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe: Thuở xưa, khi con người thọ tám vạn tuổi, có Phật Tỳ-bà-thi Như lai xuất hiện ở đời. Vị ấy có hai đệ tử: một tên là Bà-tư-sắt-tra, một tên là Bạt-la-đà-bà-xà. Bà-tư-sắt-tra y theo lời Phật dạy siêng năng tu tập không có phóng dật nên được chứng quả A-la-hán. Bạt-la-đà-bà-xà do thọ trì ba tạng kinh, đọc tụng thông suốt nên làm đại pháp sư. Thời gian sau có một trưởng giả đối với vị pháp sư em sanh lòng tín kính nên xây cất một trú xứ với đầy đủ vật dụng cúng dường cho pháp sư. Pháp sư em liền mời sư huynh A-la-hán đến cùng ở chung, trưởng giả này thấy vị A-la-hán này thân tâm tịch tĩnh, oai nghi đĩnh đạc nên sanh lòng tín kính gấp bội, liền lo liệu thức ăn và y phục thượng diệu để dâng cúng. Lúc đó pháp sư em sanh tâm ganh ghét, suy nghĩ: "ta làm thầy của trưởng giả đã lâu nhưng chưa hề cúng cho ta y phục thượng diệu như thế, nay vừa gặp sư huynh ông ta liền dâng cúng", nghĩ rồi do tâm ganh ghét nên pháp sư em từ đó cố ý vạch tìm lỗi lầm của vị sư huynh. Vị sư huynh biết tâm sư đệ có khác nên nhiếp tâm quán sát, liền quán biết sư đệ đang ganh ghét nên đem y phục thương diệu đó cho lại sư đệ. Tuy được y rồi nhưng vị sư đệ vẫn cố ý vạch tìm lỗi của sư huynh như cũ, nhưng không tìm được. Thời gian sau, trưởng giả sai con gái đến trong trú xứ Tăng làm công quả, vị pháp sư em bảo cô gái: "cô có thể làm giúp ta một việc được không?", liền

hỏi là giúp làm việc gì, đáp: "hãy mặc áo này về, nếu trưởng giả hỏi ai cho thì đáp là của Thánh giả Bà-tư-sắt-tra cho; nếu trưởng giả hỏi vì sao lại cho thì đáp là cho với ý của nam nữ". Người con gái này làm y theo lời pháp sư en đã dạy, trưởng giả nghe rồi liền sanh tâm bất kính đối với sư

huynh A-la-hán. Thường pháp của bậc đại nhân là sợ bị khinh mạn, nên vị ấy rời bỏ trú xứ ấy ra đi.

Này các Bí-sô, vị pháp sư em ngày xưa chính là thân ta ngày nay. Xưa do ta ôm lòng ganh ghét nói ra lời vu báng nên trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, ta bị đọa vào địa ngục chịu khổ báo. Do nghiệp còn sót nên ngày nay tu ta đã thành Chánh giác, vẫn bị ngoại đạo Phạm chí sai dâm nữ đến vu báng".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn xưa đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác vẫn bị Ma-nạp-bà nữ Chủy đoan vu báng?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe: Thuở xưa trong thành Bà-la-nê-tư có một Bà-la-môn học thông Minh luận, lại có 500 đồng tử theo ông thọ học. Lúc đó dân chúng trong thành đều tôn trọng cung kính cúng dường ông như một bậc A-la-hán. Thời gian sau bỗng có một vị tiên chứng năm thông du hành trong nhân gian đến trong thành này, dân chúng thấy tiên nhơn thân tâm tịch tĩnh, dung nhan điều thuận nên sanh tâm tịnh tín. Với phước nghiệp đã có, họ đến chỗ tiên nhơn cung kính cúng dường khiến cho Bà-la-môn kia không còn được kính ngưỡng và được cúng dường như trước nữa. Bà-la-môn sanh lòng ganh ghét tiên nhơn, khởi ý ác nói với học trò rằng: "tiên nhơn ấy rất tham dục", các học trò cũng nói theo thầy là tiên nhơn ấy rất tham dục rồi đi rao nói khắp trong thành, dân chúng nghe lời này liền sanh tâm khác, tiên nhơn sợ bị khinh mạn nên bỏ đi đến nơi khác.

Này các Bí-sô, Bà-la-môn ngày xưa chính là thân ta ngày nay, 500 đồng tử học trò chính là 500 Bí-sô ngày nay. Xưa do ta ganh ghét nên vu báng tiên nhơn là người tham dục, do nghiệp ác này trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, ta bị đọa vào địa ngục chịu khổ báo. Do nghiệp còn sót nên ngày nay tuy ta đã thành Chánh giác, ta cùng 500 Bí-sô vẫn bị Ma-nạp-bà nữ Chủy đoan đến vu báng".

Lại nữa các Bí-sô, trong thành Bà-la-nê-tư có vua tên Phạm thọ dùng chánh pháp cai trị, dân chúng giàu có an vui. Trong thành có một dâm nữ tên là Hiền thủ làm nghề bán sắc để sống, lúc đó có một người nam tên là Vi ngẫu, tánh tình bạo ác. Người này đem y phục, chuỗi anh lạc tặng cho dâm nữ để được cùng nàng hoan lạc, nàng mặc áo định đến chỗ Vi ngẫu thì có một người nam khác cầm 500 tiền vàng đến muốn

cùng nàng hoan lạc. Hiền thủ suy nghĩ: "nếu ta đến chỗ Vi ngẫu thì sẽ mất 500 tiền vàng này, nhưng có người đem tiền đến dâng thì không nên bỏ mất, ta cùng người nam này hoan lạc, sau đó sẽ đến chỗ Vi ngẫu", nghĩ rồi liền bảo người hầu: "ngươi hãy đến chỗ Vi ngẫu nói hãy đợi ta chải đầu,

tắm rửa, trang điểm xong sẽ đến". Người hầu đi rồi, Hiền thủ cùng người nam này hoan lạc, do người nam này có nhiều công việc nên không ở lại lâu, Hiền thủ suy nghĩ: "bây giờ ta đến chỗ Vi ngẫu, không biết anh ta có vừa ý không", nghĩ rồi liền bảo người hầu: "người hãy đến chỗ Vi ngẫu nói là ta đã tắm rửa-trang điểm xong rồi, sẽ đến vườn hoa để cùng hoan lạc", người hầu đến nói, Vi ngẫu nói: "hồi nãy nói là chưa trang điểm xong, giờ lại nói là trang điểm xong rồi, là có ý gì?", người hầu do phải đi tới lui hai, ba lượt nên trong long không vui, liền đem việc trên kể lại, nói rằng: "cô ấy mặc áo và đeo chuỗi anh lạc của ông tặng lại cùng người nam khác hoan lạc, nên bảo tôi đến nói đi nói lại như vậy". Vi ngẫu nghe rồi tâm dục biến mất, tâm giết hại phát sanh liền bảo người hầu về báo lại là hãy đến gặp ở vườn hoa. Khi Hiền thủ đến, Vi ngẫu hỏi: "nàng mặc áo và đeo chuỗi anh lạc của ta tặng lại cùng hoan lạc với người nam khác là nghĩa làm sao?", Hiền thủ nói: "đó là lỗi của tôi, xin anh tha thứ", Vi ngẫu nghe rồi liền rút dao chặt đầu Hiền thủ, người hầu thấy liền la lớn, dân chúng nghe tiếng la liền chạy đến. Lúc đó có một vị Độc giác tên Cực lạc đang ngồi nhập định dưới 1 gốc cây gần đó, Vi ngẫu liền để con dao dính máu ở chỗ vị Độc giác rồi chạy lẫn vào trong đám đông. Dân chúng chạy đến thấy con dao dính máu ở chỗ vị Độc giác liền cho rằng vị Độc giác là kẻ giết người, liền lấy dây trói lại dẫn đến chỗ vua, vị Độc giác nói cách nào họ cũng không tin, vua nghe rồi không truy xét liền ra lịnh đem chém vị Độc giác. Vi ngẫu thấy vị Độc giác sắp bị đem ra chém liền suy nghĩ: "khổ thay người xuất gia giữ giới, đức hạnh mà chịu hàm oan. Đó là lỗi của ta, ta không nên đưa vị ấy đến chỗ chết", nghĩ rồi liền đến chỗ vua tâu rõ sự thật và xin vua khai ân.

Này các Bí-sô, Vi ngẫu ngày xưa chính là thân ta ngày nay, do nghiệp ác nay nên trải qua nhiều năm cho đến trăm ngàn năm, ta bị đọa vào địa ngục chịu khổ báo. Do nghiệp con sót nên ngày nay tuy ta đã thành chánh giác vẫn còn bị người đến vu báng".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác lại còn cùng 498 Bí-sô phải ăn lúa mạch của ngựa ở Biên thành; còn Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên lại được chư thiên cúng dường?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe: Thuở xưa

lúc con người thọ đến tám vạn bốn ngàn tuổi, có Phật hiệu là Tỳ-bà-thi Như lai, Ứng chánh đẳng giác, đủ 10 hiệu. Phật cùng tám vạn bốn ngàn Bí-sô trụ ở gần kinh đô thành Thân huệ, trong thành có một Bà-la-môn dạy học cho 500 đồng tử rất được dân chúng trong thành tôn trọng, cúng dường

như một vị Ứng cúng. Khi Tỳ-bà-thi Như lai đến trụ nơi này thì dân chúng trong thành không còn cung kính tôn trọng cúng dường Bà-la-môn như trước nữa, điều này khiến ông ta sanh tâm tật đố đối với Phật và tăng. Vào một buổi sáng, các Bí-sô Hữu học và Vô học đắp y mang bát vào thành khất thực được đầy bát thức ăn ngon. Bà-la-môn thấy rồi liền gọi đến để xem đã khất thực được gì, do tật đố nên nói với các học trò: "những người này không đáng được cúng dường các món ăn ngon như thế, chỉ nên thí cho họ lúa mạch thô", các học trò hùa nhau nói theo: "đúng như lời Thân giáo sư nói, họ chỉ đáng được ăn lúa mạch thô". Lúc đó trong số học trò có hai người nói: "Ô-ba-đà-da, chớ nên nói lời này. Phật và Tăng chính là bậc ứng cúng, đáng được chư thiên cúng dường không phải có người cúng dường mà thôi".

Này các Bí-sô, Bà-la-môn ngày xưa chính là ta ngày nay, các học trò nói hùa theo chính là 498 Bí-sô ngày nay, hai học trò hiền thiện ngày xưa chính là Xá-lợi-tử và Đại Mục-kiền-liên ngày nay. Do trước kia ta đối với Tỳ-bà-thi Như lai và các Bí-sô Hữu học, vô học sanh tâm tật đố nói ra lời bất thiện; các học trò nói hùa theo nên ngày nay cùng chịu quả báo này, hai học trò không nói hùa theo, nhờ thiện nghiệp đó nên ngày nay được chư thiên cúng dường".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà khổ hạnh suốt 6 năm vẫn không thể chứng quả?", Phật bảo các Bí-sô: "…các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở làng Vô tỉ có một người thợ gốm tên là Hỷ hộ như trong phẩm Vương pháp tương ưng kinh Trung A Cấp ma có nói rõ. Này các Bí-sô, Ma-nạp-bà tên Vô thượng ngày xưa chính là thân ta ngày nay. Xưa do ta nói Phật Ca-nhiếp-ba tu khổ hạnh chưa chứng đầy đủ trí huệ nên ngày nay ta tu khổ hạnh suốt trong sáu năm vẫn không thể chứng đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nếu thuở đó ta không sám hối trước vị Phật đó và nguyện cầu được chứng Đẳng chánh giác ở đời vị lai thì dù trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp tu phẩm thiện, ta vẫn chưa thể thành Phật".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác vẫn còn đau bịnh?", Phật bảo các Bí-sô: "… các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở một làng nọ có một thầy thuốc, lúc đó con trai của một trưởng giả trong làng mắc bịnh nên trưởng giả mời thầy thuốc đến nhà chữa bịnh cho con, thầy thuốc sau khi ra toa cho uống thuốc, bịnh liền khỏi, trưởng giả liền mang ít của cải ra biếu cho thầy thuốc. Thời gian sau trưởng

giả mắc bịnh, ba lần mời thầy thuốc, ba lần đều được chữa khỏi nhưng trưởng giả lại không đem lễ vật đến tạ ân. Thầy thuốc trong lòng tức giận suy nghĩ: "trưởng giả ba phen mắc bịnh, ba phen ta đều chữa khỏi nhưng ông ta đều không tạ ân; nếu lần sau ông ta mắc bịnh nữa ta sẽ cho uống thuốc không đúng bịnh để người ngu đó chịu khổ đau đớn như đứt ruột". Thời gian sau con của trưởng giả bịnh cũ tái phát liền đến mời thầy thuốc, do trong lòng đã sanh tức giận nên thầy thuốc liền ra toa cho uống thuốc không đúng bịnh khiến cho con của trưởng giả đau đớn như đứt ruột.

Này các Bí-sô, thầy thuốc ngày xưa chính là thân ta ngày nay. Do xưa ta với tâm ác cho con của trưởng giả uống thuốc không đúng bịnh nên ta bị đọa vào địa ngục chịu khổ báo cho đến trăm ngàn năm. Do nghiệp còn sót nên ngày nay sau khi đã thành Chánh giác ta vẫn bị đau bịnh".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn xưa đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác, khi người khác tru diệt dòng họ Thích, Thế tôn liền đau đầu?", Phật bảo các Bí-sô: "… các thầy lắng nghe: Thuở xưa ở cạnh sông Lưu huệ có 500 ngư phủ, lúc đó trong biển cả có hai con cá lớn bị trôi giạt mắc cạn trong sông. Các ngư phủ này bắt được rồi bàn với nhau: "nếu ta giết cá này thịt sẽ thối rữa không ai chịu mua, chúng ta nên cột lại, khi có ai đến mua chúng ta sẽ cắt thịt dần để bán, như vậy thít cá mới tươi", bàn xong họ làm y như vậy, khi có ai đến mua họ mới cắt bán từng phần khiến cho cá đau đớn giẫy giụa, máu chảy khiến nước sông biến thành màu đỏ. Lúc đó có đứa bé ở trên bờ thấy cảnh này liền vui cười thích thú.

Này các Bí-sô, đứa bé cười thích thú đó chính là thân ta ngày nay. Xưa thấy cảnh ngư phủ giết cá cắt lấy thịt bán, ta vui thích nên trải qua cho đến trăm ngàn năm thường mắc bịnh đau đầu, Do nghiệp con sót nên ngày nay sau khi thành Chánh giác, lúc dòng họ Thích bị tru diệt ta liền bị đau đầu".

Lúc đó các Bí-sô bạch Phật: "Thế tôn trước đã tạo nghiệp gì mà sau khi thành Chánh giác vẫn còn bị đau lưng trúng gió?", Phật bảo các Bí-sô: "… các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có một tráng sĩ du lịch qua các nước đến một kinh đô,

vua ở kinh đô đó có một tráng sĩ nổi danh là vô địch. Hai tráng sĩ này gặp nhau, vì muốn biết ai mạnh yếu nên họ hẹn đấu nhau. Thường pháp của tráng sĩ là chỉ cần nắm tay nhau liền biết được ai mạnh yếu, lúc đó tráng sĩ từ ngoài đến sau khi nắm tay tráng sĩ trong nước xong liền biết tráng sĩ này không thể thắng nổi mình, vị tráng sĩ trong nước cũng biết như thế nên nói với tráng sĩ kia rằng: "anh nên biết dòng họ tôi ở trong nước này nổi

danh là vô địch từ lâu đời nay. Tôi biết không thể thắng nổi anh, chỉ xin anh đừng đánh gục tôi để dòng họ tôi khỏi bị chê cười, tôi sẽ đem con gái đẹp của mình gả cho anh". Tráng sĩ từ ngoài đến nghe nói vậy liền nhận lời, ba lần đánh ba lần đều giả thua nhưng tráng sĩ vô địch lại không giữ lời gả con gái, tráng sĩ kia trong lòng tức giận nên lần thứ tư khi đánh nhau, liền nâng tráng sĩ vô địch trong nước lên và ném mạnh xuống khiến cho tráng sĩ nổi danh vô địch này bị gãy cột sống mà chết.

Này các Bí-sô, tráng sĩ đánh chết tráng sĩ vô địch trong nước đó chính là thân ta ngày nay. Do nghiệp ác này trải qua cho đến trăm ngàn năm ta chịu khổ báo trong địa ngục. Do nghiệp còn sót nên ngày nay sau khi đã thành Chánh giác ta vẫn còn bị đau lưng. Này các Bí-sô, vì lý do này ta thường tuyên thuyết: hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu nghiệp trắng, các thầy nên học như thế."

Lúc đó Thế tôn cùng 500 Bí-sô A-la-hán nói nghiệp báo xưa ở trong ao Vô nhiệt đã xong, liền ẩn mất ở ao Vô nhiệt và hiện ra ở trong vườn của Lộc tử mẫu phía đông thành Thất-la-phiệt. Lộc tử mẫu nghe tin liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho được lợi hỉ rồi liền im lặng. Lúc đó Lộc tử mẫu chắp tay bạch Phật: cúi xin Thế tôn và các Bí-sô ngày mai thọ con thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời Lộc tử mẫu trở về nhà lo liệu đầy đủ các món ẩm thực rồi sai sứ đến thỉnh Phật… cho đến câu Phật thọ thực xong, nói pháp chỉ dạy cho Lộc tử Mẫu được lợi hỉ rồi trở về trú xứ. Về đến xứ Phật mới bảo các Bí-sô: "Lộc tử mẫu thỉnh Phật và Tăng thọ thực xong lại quên thỉnh Thế tôn đọc kệ chú nguyện".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 79

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA Y SỰ

SỐ 1449

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1449

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA Y SỰ

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường - Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - năm 2005 Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh - năm 2009

Y SĨ NA

Phật tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt; lúc đó có nhiều Bí-sô an cư ba tháng hạ tại trú xứ của mình xong, đắp y mang bát đến chỗ Phật, trên đường đi do mưa nên bùn lầy lại bị nắng nóng, cỏ dại cứa thân làm cho khốn đốn nên toàn thân ướt đẫm mồ hôi. Họ dần dần du hành đến thành Thất-la-phiệt, sau khi cất y bát, rửa chân liền đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên. Pháp thường của Phật là thấy khách Bí-sô đến liền thăm hỏi: "an cư ở đâu mà đến đây, có được an lạc trụ không, đi đường có vất vả không, khất thực có khó được không?", đáp: "Thế tôn, chúng con an cư tại trú xứ của mình xong, trong ba tháng được an lạc trụ, nhưng trên đường đến chỗ Phật, do trời mưa nên bùn lầy lại bị nắng nóng nên đi đường rất vất vả, chúng con rất mệt nhọc". Phật nghe rồi suy nghĩ: "đệ tử của ta an cư xong, trên đường du hành đến đây do trời mưa nên bùn lầy, lại bị nắng nóng nên đi đường rất vất vả…; ta nay nên làm cho các Bí-sô được an lạc trụ và thí chủ được tăng phước. Ta nay nên cho các Bí-sô trương y Yết-sĩ-na, khi trương y Yết-sĩ-na có năm thắng lợi: một là chứa y dư quá mười ngày không phạm, hai là chứa y dư quá một tháng không phạm, ba là lìa y ngủ đêm không phạm, bốn là chỉ mặc hai y thượng hạ được du hành tong nhân gian, năm là được tùy ý chứa nhiều y dư. Lại có năm lợi ích khác: một là được ăn biệt chúng, hai là được thường thường ăn, ba là tục gia không thỉnh được đi đến thọ thực, bốn là được tùy ý xin nhiều y; năm là bắt đầu từ nửa tháng tám đến nửa tháng giêng, trải qua năm tháng này, những tài vật đã được đều là lợi dưỡng của y Yết-sĩ-na. Khi khai như thế, các Bí-sô sẽ được an lạc trụ", nghĩ rồi Phật liền bảo các Bí-sô: "Ta nay

muốn cho các Bí-sô được an lạc trụ và thí chủ được tăng phước nên cho các Bí-sô trương y Yết-sĩ-na, khi trương y Yết-sĩ-na có năm thắng lợi… giống như trên cho đến câu: khi khai như thế sẽ làm cho các Bí-sô được an lạc trụ", lúc đó các Bí-sô không biết trương y Yết-sĩ-na như thế nào, Phật nói: "Ba tháng an cư được nhiều y vật, được lấy một cái tốt làm y Yết-sĩ-na, trước tiên phải bạch cho chúng biết: "đại chúng nên biết, nay chúng Bí-sô tọa hạ được y này, nếu đại chúng ưa thích thì sẽ lấy y này làm y Yết-sĩ-na cho chúng, đến ngày mai sẽ đánh kiền chùy nhóm Tăng".

Đến ngày mai đánh kiền chùy nhóm Tăng, chúng nhóm rồi, một Bí-sô tác bạch:

Đại đức Tăng lắng nghe, y này là lợi vật mà Tăng đã được trong hạ an cư tại chỗ này, Tăng nay lấy y này làm y Yết-sĩ-na, y này sẽ vì Tăng trương làm y Yết-sĩ-na. Nếu trương y rồi thì tuy ra ngoài giới, ba y đã có còn không có lỗi lìa y huống chi là y dư khác. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay đem y này, sai Tỳ kheo tên ---- sẽ vì Tăng làm y Yết-sĩ-na. Nếu trương y rồi thì tuy ra ngoài giới, ba y đã có còn không có lỗi lìa y huống chi là y dư khác. Bạch như vậy.

Kế nên tác pháp sai Bí-sô trương y Yết-sĩ-na, người có đủ năm pháp nếu chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì không cho làm, đó là: tùy Ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không biết đã trương hay chưa trương; ngược với năm pháp trên thì nếu chưa sai nên sai, nếu đã sai rồi thì nên bảo làm. Nên tác tiền phương tiện, trước nên hỏi Bí-sô đó làm được hay không: "thầy có thể vì Tăng làm người trương y Yết-sĩ-na không?", nếu đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng nên tác bạch yết ma sai như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô này tên ------- bằng lòng làm người trương y Yết-sĩ-na, nay vì Tăng làm người trương y Yết-sĩ-na. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô tên ---- làm người trương y Yết-sĩ-na, vị này sẽ vì Tăng làm người trương y Yết-sĩ-na. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô này tên ---- bằng lòng làm người trương y Yết-sĩ-na, nay vì Tăng làm người trương y Yết-sĩ-na. Tăng nay sai Bí-sô tên ---- làm người trương y Yết-sĩ-na, các cụ thọ nào chấp thuận sai Bí-sô tên ---- làm người trương y Yết-sĩ-na thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng đã chấp thuận sai Bí-sô tên ---- làm người trương y Yết-sĩ-na, vị này sẽ vì Tăng làm người trương y Yết- sĩ-na xong rồi. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Kế tác bạch yết ma giao y cho Bí-sô trương y Yết-sĩ-na để làm y Yết-

sĩ-na như sau :

Đại đức Tăng lắng nghe, y này sẽ vì Tăng làm y Yết-sĩ-na, Bí-sô tên ---- được Tăng sai làm người trương y Yết-sĩ-na. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay đem y này giao cho Bí-sô tên ---- để làm y Yết-sĩ-na. Bạch như vậy.

Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm.

Hành pháp của Bí-sô làm y Yết-sĩ-na là trước phải giặt nhuộm, cắt rọc rồi may khâu … cho đến đâm hai, ba mũi kim, các Bí-sô đều cùng làm với nhau; lại phải khởi ba tâm niệm: "y này sẽ vì Tăng trương làm y Yết-sĩ-na, đang vì Tăng trương làm y Yết-sĩ-na, đã vì Tăng trương làm y Yết-sĩ-na", trong ba tâm này chỉ khởi hai tâm sau cũng thành làm y; nếu không khởi tâm niệm này thì phạm tội Việt pháp. Kế đến vào ngày 15 tháng 8 có trăng, vị Tri sư nên bạch đại chúng rằng: "ngày mai sẽ trương y Yết-sĩ-na, các vị mỗi người nên xả y đã thọ trì, đến nhóm tại ---- để thọ y Yết-sĩ-na". Sáng hôm sau, Bí-sô trương y Yết-sĩ-na nên rãi hoa thơm, xông hương thơm trên y này rồi đánh kiền chùy nhóm Tăng, Tăng nhóm rồi, Bí-sô trương y Yết-sĩ-na đem y này đến trước vị Thượng tòa, tay bưng y bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, y này Tăng đã chấp thuận trương làm y Yết-sĩ-na, tôi Bí-sô tên ---- được Tăng sai làm người trương y Yết-sĩ-na. Tôi Bí-sô tên ---- là người trương y Yết-sĩ-na, nay đem y này sẽ vì Tăng trương làm y Yết-sĩ-na (ba lần).

Kế tương y này ra, đứng trước Thượng tòa bạch: "Thượng tòa nhớ nghĩ, y này Tăng đã chấp thuận trương làm y Yết-sĩ-na, tôi Bí-sô tên ---- được Tăng sai làm người trương y Yết-sĩ-na. Tôi Bí-sô tên --- là người trương y Yết-sĩ-na, nay đem y này sẽ vì Tăng trương làm y Yết-sĩ-na", Thượng tòa nói: "lành thay trương y, thật lành thay, trương y. Trong đây tài lợi nhiêu ích có được, tôi đều sẽ được" (ba lần). Như thế hành cho đến người cuối cùng đều nói câu : lành thay trương y… cho đến tôi đều sẽ được.

Hành pháp của người trì y Yết-sĩ-na là không mang y đến chỗ đại tiểu tiện; không vào trong nhà trù, chỗ có khói lửa; không để y trên đất trống; không bỏ y mà đi ra ngoài giới, dù có tạm ra cũng không nên ở lại ngủ đêm. Bí-sô trì y nếu không tuân theo hành pháp trên đây thì phạm tội Việt pháp. Vị trì y Yết-sĩ-na đến ngày 15 tháng giêng nên ở trong chúng bạch rằng: "đại chúng nên biết ngày mai sẽ xuất y Yết-sĩ-na, các vị mỗi người nên thủ trì y của mình, những lợi vật có được đều cùng chia". Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly thỉnh hỏi Phật: "có mấy hạng người không thành trương y?", Phật nói

có năm hạng người: một là người không hạ, hai là người phá hạ, ba là người hậu hạ, bốn là Cầu tịch, năm là người khi trương y không hiện tiền. Lại có năm hạng người không thành trương y: một là người đang hành biệt trụ, hai là người hành biệt trụ xong, ba là người đang hành Ma na đỏa, bốn là người hành Ma na đỏa xong và năm là người thọ học (Học hối Sa di). Lại hỏi: "có mấy hạng người chỉ được tài lợi mà không có nhiêu ích?", Phật nói có hai loại năm hạng người giống như trên, lại hỏi: "có mấy hạng người lợi ích đều không có?", Phật nói có năm hạng người: một là người không thấy tội bị cử tội, hai là người phạm trọng bị cử tội, ba là người không xả ác kiến bị cử tội, bốn là người an cư chỗ khác và năm là người phá Tăng rồi hành phi pháp luật.

Lúc đó có nhiều Bí-sô du hành trong nhân gian bị giặc cướp đoạt hết y vật, dần dần đến thành Thất-la-phiệt. Các Bí-sô cựu trụ chào hỏi: "thiện lai cụ thọ, đi đường có an lạc không?", đáp: "có gì an lạc, y vật đã có đều bị giặc cướp đoạt hết rồi", các Bí-sô cựu trụ nói: "chỗ của chúng tôi có nhiều y lợi, nếu xuất y Yết-sĩ-na được chia, sẽ cùng chia cho các vị", nói rồi đem duyên này bạch Phật, Phật nói: "nếu Bí-sô gặp nạn giặc, Tăng nên vì họ xuất y Yết-sĩ-na". Tác pháp xuất y Yết-sĩ-na như sau: tác tiền phương tiện rồi sai một Bí-sô tác bạch yết ma:

Đại đức Tăng lắng nghe, tại trú xứ này Tăng đã hòa hợp cùng trương y Yết-sĩ-na, nay có nhiều Bí-sô bị giặc cướp đoạt hết y vật đến đây. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay vì các Bí-sô bị cướp hết y vật này mà xuất y Yết-sĩ-na. Bạch như vậy.

Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm. Tác pháp xong, những lợi vật đã có đều cùng chia đều, y được chia rồi mỗi người tùy ý đem chia lại cho các Bí-sô bị cướp hết y vật. Tôn giả Ưu-ba-ly thỉnh hỏi Phật:

Hỏi: Y thưa mỏng, y xấu, y khâu vá nhiều, y sợi gai, y đứt viền, y cũ rách, y phạm xả, y của người chết để lại… những y này có được làm y Yết-sĩ-na không ? Không được.

Hỏi: y bị đá lăn cán, ba y của người khác, y không đủ ba, năm khuỷu tay, y không cắt rọc, y không thanh tịnh hoặc không sai người trương y hoặc ở ngoài giới thì có được trương y không ? Không được.

Hỏi: Y đã được cúng thí trong ba tháng hạ có thành trương y không? Được.

Hỏi: ba tháng hạ xong, y đã được thí có được làm y Yết-sĩ-na không? Được.

Nếu được rất nhiều y là pháp hay phi pháp thì cứ chuẩn theo văn trên

nên biết. Tướng xuất y Yết-sĩ-na có tám như trong nhiếp tụng:

Quyết hay không quyết đi,
Quyết định mất đi y,
Nghe xuất, xuất giới, nghi,
Hết mong, đồng tâm xuất.

Nói quyết định đi mất y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, may y xong, không có tâm lưu luyến nơi đây nên mang y bát đến nơi khác, ra ngoài giới không có ý định trở lại, quyết ý ra khỏi giới thì mất y.

Nói không quyết định mất y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, chưa may y xong bèn ra ngoài giới xin y, hoặc chưa may xong hoặc đã may phân nửa ; đối với lợi vật này cho đến trú xứ hoặc có luyến hoặc không có luyến, hoặc có hy vọng không không hy vọng, định sẽ trở lại may y, hoặc khởi nghi niệm thì mất y.

Nói quyết định mất đi y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, chưa may y, ra ngoài giới may Chi-phạt-la, khi bắt đầu may y thì mất y.

Nói nghe xuất mất y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, chưa may y, ra ngoài giới xin y, tự nghĩ: "khi trở về sẽ may y", sau khi đi, đại chúng liền xuất y, vị kia nghe xuất y Yết-sĩ-na liền sanh tâm tùy hỉ nói: lành thay xuất y, thì liền mất y.

Nói xuất giới mất y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, chưa may y liền tự nghĩ: "xuất giới để may Chi-phạt-la", sau đó dù may xong hay không xong, trở về hay không trở về cũng mất y.

Nói nghi mất y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, chưa may y bèn ra ngoài giới để may Chi-phạt-la, sau đó khởi nghi niệm nếu may không xong thì có trở về hay không thì mất y.

Nói hết mong mất y là như có Bí-sô ở cùng một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, may y chưa xong, ra ngoài giới xin y, định sẽ trở về may y tiếp, đến nơi khác xin không được y, hết mong thì mất y.

Nói đồng tâm xuất y là như có Bí-sô cùng ở một chỗ thọ y Yết-sĩ-na, may y rồi ra ngoài giới xin y, sau trở về đến trú xứ cùng đại chúng bạch nhị yết ma xuất y.

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 79

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

SỐ 1450

(QUYỂN 1 → 20)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1450

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường – TQ Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - năm 2005 Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh - năm 2009

QUYỂN 1

Bạc già phạm cùng chúng đại Bí-sô ở tại thành Kiếp-tỷ-la trong vườn Ni câu luật đà, lúc đó các Thích ca tử cùng nhóm họp một nơi nói với nhau: "nếu có người hỏi chúng ta chủng tộc Thích ca, ai là vị tổ đầu tiên, sanh vào thời nào và sự kế thừa như thế nào thì chúng ta sẽ đáp như thế nào. Chúng ta nên đến hỏi Thế tôn rồi vâng theo lời Phật dạy", nói rồi các Thích tử liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi qua một bên chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nếu có người hỏi chúng con chủng tộc Thích ca có từ lúc nào thì chúng con sẽ trả lời như thế nào, cúi xin Thế tôn thương xót nói cho chúng con biết, chúng con sẽ vâng theo lời Phật dạy". Thế tôn nghe lời này rồi liền im lặng tư duy: "nếu ta tự nói chủng tộc Thích ca có người tôn quý thì ngoại đạo sẽ phỉ báng rằng Sa môn Kiều-đáp-ma tự khen ngợi chủng tộc Thích ca để được tôn cao. Trong đệ tử của ta, ai là người có thể nói được việc này", liền biết cụ thọ Đại Mục-kiền-liên có thể nói được nên bảo Mục liên: "ta nay nhập định, thầy hãy nói nhân duyên ấy cho họ nghe", Mục liên im lặng vâng lời Phật dạy. Lúc đó Phật lấy y Tăng-già-lê xếp làm bốn để gối đầu rồi nằm nghiêng bên hông hữu, hai chân chồng lên nhau, quán tưởng quang minh và chánh niệm. Mục liên suy nghĩ: "ta nên nhập định tư duy quán sát để biết chủng tộc Thích ca", nghĩ rồi liền ở trước đại chúng lên tòa cao ngồi kiết già rồi nói với các Thích tử rằng: "các thầy hãy lắng nghe:

Lúc thế giới mới hình thành, đại địa là một biển nước, biển nước này do gió kích động hòa hợp thành một loại như sữa nấu chín, khi lạnh thì

đông lại, sắc hương mỹ vị đều đầy đủ. Khi thế giới này thành, do phước mạng hết nên loài hữu tình từ cõi trời Quang Âm chết sanh xuống thế giới này làm người, diệu sắc ý thành, các căn đầy đủ, thân có ánh sáng, bay tự tại trong hư không, lấy hỉ lạc làm thức ăn và được trường thọ. Lúc đó trong thế giới này không có mặt trời, mặt trăng và tinh tú, không có thời gian vận hành nên không phân biệt ngày đêm năm tháng và nam nữ, chỉ biết kêu nhau là "Tát đỏa" mà thôi. Lúc đó có một hữu tình tò mò dùng tay nếm thử vị đất liền sanh đắm nhiễm, từ đó đưa đến đoàn thực. Các hữu tình khác lần lượt bắt chước ăn vị đất, do ăn vị đất thân hình nặng dần, ánh sáng nơi thân cũng nhạt dần rồi mất hẳn, thế giới rơi vào cảnh tối tăm. Khi thế giới tối tăm, bổng nhiên phát sanh mặt trời, mặt trăng và tinh tú, tự nhiên thời gian vận hành và phân biệt được ngày đêm năm tháng. Các hữu tình tuy ăn vị đất nhưng vẫn được trường thọ, hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng, hữu tình nào ăn nhiều thì không còn nên sanh có đẹp xấu. Do có đẹp xấu nên sanh so sánh phân biệt, người đẹp coi thường người xấu nên pháp ác liền sanh, pháp ác sanh thì vị đất cũng mất. Khi vị đất mất, các hữu tinh tụ họp lại một chỗ ưu sầu kêu lên "kỳ lạ thay mỹ vị", tiếng kêu mang đầy sự nuối tiếc. Tuy vị đất mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên bánh đất xuất hiện đầy đủ sắc hương vị, nhờ đó được trường thọ. Hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng… như trên đưa đến pháp ác sanh khiến bánh đất biến mất. Khi bánh đất mất các hữu tình tập họp lại một chỗ kêu lên "khổ thay", tiếng kêu mang đầy sự tiếc nuối. Tuy bánh đất mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên có rừng cây xuất hiện đây đủ sắc hương vị, nhờ đó được trường thọ. Hữu tình nào ăn ít thì thân còn có ánh sáng … như trên đưa đến pháp ác sanh khiến rừng cây biến mất. Khi rừng cây biến mất, các hữu tình tập họp lại một chỗ kêu lên "người đã lìa bỏ tôi", tiếng kêu mang đầy sự tiếc nuối. Tuy rừng cây mất nhưng các hữu tình này còn phước lực nên lúa diệu hương xuất hiện, không trồng mà tự mọc, sáng chiều liền thu hoạch, thu hoạch xong lúa lại tự sanh, nhờ vậy nên các hữu tình được trường thọ. Vì thức ăn lúc bấy giờ là đoàn thực nên ăn xong sau đó phải thải căn bả ra ngoài, nên hai đường đại tiểu liền liền sanh, do đây phát sanh nam nữ sai khác và đắm nhiễm nhau, do đắm nhiễm nên thân gần làm điều phi pháp. Các hữu tình khác trông thấy liền lấy đá gạch quăng ném quở mắng và đuổi ra ngoài chúng hữu tình. Xưa kia là như vậy nhưng nay thì khác, vào ngày cưới họ dùng hương hoa tung ném chúc mừng nhau. Xưa cho là phi pháp nay thành hợp pháp; xưa chê trách khinh tiện, nay cho là hỉ sự. Thuở đó những hữu tinh làm điều phi pháp bị đuổi ra ngoài liền tụ tập nhau lại xây dựng phòng xá, đây là khởi nguyên của xây dựng nhà cửa gọi

là gia thất. Các thầy nên biết, xưa kia do tham dâm nên họ xây dựng nhà cửa, như pháp làm không phải là phi pháp làm, đây là phi pháp cho là pháp.

Mỗi ngày vào buổi sáng hay buổi chiều hễ thấy đói, các hữu tình liền cắt lúa về đủ ăn cho mỗi bữa, không lấy dư; nhưng có một hữu tình vì lười biếng nên vào buổi sáng cắt lúa dư cho buổi chiều ăn, đến chiều khi có bạn rủ đi cắt lúa, người này liền đáp: "hồi sáng tôi đã cắt lúa dư cho buổi chiều ăn nên giờ không đi nữa, anh hãy đi một mình", người kia nghe rồi liền khen: "như vậy rất hay, tôi cũng sẽ cắt lúa luôn cho ngày mai để khỏi phải đi nữa"; một người khác nghe biết cũng bắt chước cắt lúa dư luôn cho ba ngày; một người khác lại bắt chước cắt lúa dư luôn cho bảy ngày; một người khác lại cũng bắt chước cắt lúa dư luôn cho nửa tháng cho đến một tháng. Cứ như thế lượng lúa họ cắt để dành càng ngày càng tăng lên, do tâm tham càng tăng nên lượng lúa sanh giảm dần với nhiều trấu và cỏ. Ban đầu, buổi sáng cắt lúa thì buổi chiều lúa sanh trở lại, buổi chiều cắt thì buổi sáng sanh trở lại và hạt lúa vẫn thơm ngon; nay do tâm tham nên sau khi cắt lúa, lúa không sanh trở lại nữa, nếu có sanh cũng chỉ là hạt nhỏ và không thơm ngon như trước nữa. Lúc đó các hữu tình nhóm họp lại một chỗ ưu sầu than thở với nhau: "trước kia thân chúng ta tươi sáng, bay đi tự tại, vui vẻ no đủ ; sau dùng vị đất làm thức ăn, do ăn nhiều vị đất thân chúng ta trở nên nặng nề, mất dần ánh sáng và mất luôn cả thần thông", do gặp việc tổn thất, họ ưu sầu than thở như vậy nên cảm sanh ra mặt trăng, mặt trời và các ngôi sao… Do lúa sau khi cắt không sanh trở lại nữa nên các hữu tình nói với nhau: "từ nay chúng ta nên phân chia giới đất để tự gieo trồng", nói xong họ chia đất ra làm nhiều phần để tự cầy cấy gieo trồng và lập bờ ruộng cách ngăn, nói đây là ruộng của anh, đây là ruộng của tôi… Lúc đó có một hữu tình lười biếng, không lo trồng trọt nên lấy trộm lúa của người khác, có người bắt gặp liền nói: "vì sao anh lại lấy trộm lúa của người khác, lở phạm một lần này, lần sau chớ tái phạm"; nhưng hữu tình này vẫn tiếp tục lấy trộm lúa của người khác như cũ, thấy khuyên nhiều lần không được nên các hữu tình rình bắt dẫn đến trước mọi người, mọi người quở trách: "ngươi đã có ruộng, vì sao lại nhiều lần trộm lúa của người khác như thế?", người trộm lúa nói: "vì một ít lúa mà các người lại bắt tôi và hủy nhục trước mọi người như vậy", mọi người nói: "từ nay người chớ tái phạm nữa". Do việc trộm lúa này nên mọi người sanh hủy nhục nhau, lúc đó các hữu tình tập họp lại và nói với nhau: "các vị đã thấy rõ do việc trộm lúa này mà mọi người sanh hủy nhục nhau, không biết cả hai ai là người có tội. Chúng ta nên ở trong chúng chọn ra một người đoan chánh đầy đủ oai đức, trí huệ thông đạt, lập lên làm Địa chủ để trị phạt người có tội và bảo bọc người vô

tội. Mỗi người chúng ta sẽ y theo pháp, trích một phần hoa lợi thu được từ ruộng mà chúng ta trồng trọt để cấp cho vị ấy". Bàn bạc xong, họ chọn ra một người có đầy đủ oai đức như trên lập lên làm Địa chủ…, do mọi người đồng ý lập lên làm Địa chủ nên vị này được gọi là Đại đồng ý; vị này chở che người yếu kém nên còn được gọi là Sát-đế-lỵ; lại do trị nước như pháp khiến mọi người hoan hỉ, lại có giới hạnh và trí huệ nên được mọi người gọi là vua Đại đồng ý. Lúc vua lên ngôi, mọi người gọi là vua hữu tình Đại đồng ý; vua có con tên là Ý lạc, khi lên nối ngôi được mọi người gọi là vua Cận lai Ý lạc. Vua có con tên là Thiện đức, khi lên nối ngôi được gọi là vua Yểm tử Thiện đức; vua có con tên là Tối thắng thiện, khi lên nối ngôi được gọi là vua Vân yết Tối thắng thiện; vua có con tên là Trưởng tịnh, khi lên nối ngôi được gọi là vua Đa la thượng già Trưởng tịnh. Trên đảnh vua có một cục thịt mềm như hoa Tế miên điệp, ngày càng lớn dần nhưng không đau nhức; thời gian sau nó chín và nứt, lộ ra một đứa bé dung mạo đoan nghiêm có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, do đứa bé này sanh ra trên đảnh đầu của vua nên được gọi là Đảnh sanh. Vua Trưởng tịnh có sáu vạn phu nhân, khi vua dẫn Đảnh sanh vào hậu cung, sáu vạn phu nhân vừa nhìn thầy liền yêu mến, vú tự chảy ra sữa nên họ đều cùng nuôi dưỡng đứa bé này nên còn được gọi là Trì dưỡng. Trì dưỡng lên nối ngôi, cũng như năm vị vua trước, thọ vô lượng tuổi, trụ lâu ở đời; lúc đó nơi đùi phải của vua có một cục thịt mềm như hoa Tế miên điệp, ngày càng lớn dần nhưng không đau nhức; thời gian sau nó chín và nứt, lộ ra một đứa bé dung mạo đoan nghiêm có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, do dung mạo đoan nghiêm nên được gọi là Đoan nghiêm. Đoan nghiêm lên nối ngôi có oai đức lớn, cai trị bốn đại châu được đại tự tại; lúc đó nơi đùi vế của vua có một cục thịt mềm như hoa Tế miên điệp, ngày càng lớn dần nhưng không đau nhức; thời gian sau nó chín và nứt, lộ ra một đứa bé dung mạo đoan nghiêm có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, được gọi là Cận Đoan nghiêm. Cận Đoan nghiêm lên nối ngôi có oai đức lớn, cai trị ba đại châu được đại tự tại; lúc đó nơi chân phải của vua có một cục thịt mềm như hoa Tế miên điệp, ngày càng lớn dần nhưng không đau nhức; thời gian sau nó chín và nứt, lộ ra một đứa bé dung mạo đoan nghiêm có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, được gọi là Đoan nghiêm túc sanh. Đoan nghiêm túc sanh lên nối ngôi cai trị hai đại châu, oai đức tự tại; lúc đó nơi chân trái của vua có một cục thịt mềm như hoa Tế miên điệp, ngày càng lớn dần nhưng không đau nhức; thời gian sau nó chín và nứt, lộ ra một đứa bé dung mạo đoan nghiêm có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, được gọi là Cực Đoan nghiêm. Cực Đoan nghiêm lên nối ngôi cai trị một đại châu, oai đức tự tại;

vua có con tên là Ái lạc, vua Ái lạc có con tên là Thiện lạc, vua Thiện lạc có con tên là Năng xả, vua Năng xả có con tên là Cực xả, vua Cực xả có con tên là Chi xa, vua Chi xa có con tên là Nghiêm xa, vua Nghiêm xa có con tên là Tiểu hải, vua Tiểu hải có con tên là Trung hải, vua Trung hải có con tên là Đại hải, vua Đại hải có con tên là Đại thụy điểu, vua Đại thụy điểu có con tên là Hương thảo, vua Hương thảo có con tên là Cận Hương thảo, vua Cận hương thảo có con tên là Đại Hương thảo, vua Đại Hương thảo có con tên là Thiện kiến, vua Thiện kiến có con tên là Đại thiện kiến, vua Đại Thiện kiến có con tên là Cực Ái, vua Cực Ái có con tên là Đại Ái, vua Đại Ái có con tên là Diệu thanh, vua Diệu thanh có con tên là Tác quang, vua Tác quang có con tên là Hữu oai, vua Hữu oai có con tên là Quảng đại, vua Quảng đại có con tên là Đại di lâu, vua Đại di lâu có con tên là Hữu di lâu, vua Hữu di lâu có con tên là Quảng tuệ, vua Quảng tuệ có con tên là Diễm quang, vua Diễm quang có con tên là Hữu diễm, vua Hữu diễm có con tên là Hữu đại diễm. Vua Hữu đại diễm cùng con cháu nối nhau làm vua ở thành Phú đa la cho đến trăm đời, vua cuối cùng tên là Điều oán, do vua này có thể điều phục các oán địch. Vua Điều oán cùng con cháu nối nhau làm vua ở thành Vô đấu cho đến vạn bốn ngàn đời, dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Vô năng thắng. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Bà-la-nê-tư cho đến sáu vạn ba ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Nan đương Nan đương. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Kim-tỳ-la cho đến tám vạn bốn ngàn đời, vua cuối cùng tên là Phạm thọ. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Tượng tạo cho đến ba vạn hai ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Tượng thọ. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Tước thạch cho đến năm ngàn đời, vua cuối cùng tên là Cập thời. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Quảng kiên ức cho đến ba vạn hai ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Đông thắng lực. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Vô thắng cho đến ba vạn hai ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Thượng thắng. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Diệu đồng nữ cho đến một vạn hai ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Thắng quân. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Thiệm bà cho đến một vạn tám ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Long thiên. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Mạt lợi cho đến hai vạn năm ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hoa, vua cuối cùng tên là Nhơn thiên. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Đa ma lật đế cho đến một vạn

hai ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Hải thiên. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Hoan hỉ cho đến một vạn tám ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Thiện huệ. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Vương xá cho đến hai vạn năm ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Trừ ám. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Bà-la-nê-tư cho đến trăm đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Đại đế quân. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Câu thi na cho đến tám vạn bốn ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Hải thần. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Bố đa la cho đến một ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Tu hành. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Câu thi na cho đến tám vạn bốn ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Quảng diện. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Bà-la-nê-tư cho đến mười vạn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Địa chủ. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Vô chiến cho đến một ngàn đời, vua cuối cùng tên là Trì đại địa, như pháp giáo hóa. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Di-sỉ-la cho đến tám vạn bốn ngàn đời, cũng dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Đại thiên. Con cháu của vua này cũng nối nhau làm vua tại thành này cho đến tám vạn bốn ngàn đời đều đồng một hiệu là Đại thiên, đều có thần thông và tu giới hạnh, vua cuối cùng tên là Nễ di. Con cháu của vua này thứ lớp có tên là Kiên, Khư nỗ, Cận khư nỗ, Hữu khư nỗ, Cực khư nỗ, Thiện kiến, Chánh kiến, Quân thính, Ngộ liễu, Đại ngộ, Ngộ quân, Vô ưu, Ly ưu, Tục quả, Thiện hợp, Đại thanh, Sát đại thanh, Minh đán, Phường chủ, Đấu chiến, Sanh bố, Khánh hỉ, Cảnh môn, Năng sanh, Phổ sanh, Tối thắng, Ẩm thực, Đa ẩm thực, Nan thắng, Cực nan thắng, A-nan lập, Thiện lập, Đại lực, Thiện huệ, Thắng kiên cố, Thập cung, Bách cung, Tân cung, Diệu sắc cung, Thắng cung, Kiên cung, Thập man, Bách man, Thiên man, Diệu sắc man, Lao man. Con cháu của vua này nối nhau làm vua ở thành Thiện nghị cho đến bảy vạn bảy ngàn đời, vua cuối cùng tên là Quả tiên vương. Con của vua này tên là Long hộ cùng con cháu nối nhau làm vua ở thành Bà-la-nê-tư cho đến một trăm lẻ một đời, vua cuối cùng tên là Cát chỉ. Lúc đó có Phật Ca-diếp ba ra đời có đủ mười hiệu: Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Trong đạo tràng của Phật Ca-diếp ba, Bồ-tát Thích ca Mâu ni phát A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tịnh tu phạm hạnh và được sanh lên cõi trời Đổ-sử-đa. Con của vua Cát chỉ

tên là Thiện sanh cùng con cháu nối nhau làm vua ở thành Bổ-đa-la cho đến một trăm lẻ một đời, vua cuối cùng tên là Nhĩ sanh. Vua này có hai người con tên là Kiều-đáp-ma và Ba-la-đọa-xà, Kiều-đáp-ma muốn xuất gia còn Ba-la-đọa-xà muốn làm vua. Lúc đó Kiều-đáp-ma thấy phụ vương lấy phi pháp làm pháp, pháp làm phi pháp để trị nước, liền suy nghĩ: "nếu vua cha băng hà, ta sẽ làm vua, nếu cứ lấy phi pháp làm pháp, pháp làm phi pháp để trị nước như vậy, ta sẽ bị đọa địa ngục. Đã có nạn này ta phải làm sao, ta nên làm cách gì để được xuất gia, thoát khỏi khổ này", nghĩ rồi liền đến gặp phu vương tâu rằng: "con nay muốn xuất gia hướng đến nếp sống không nhà", vua nói: "nếu vì nghĩa lợi nên nhiều người bố thí tài, cầu cúng thiên thần, thờ lửa, tu khổ hạnh để cầu ngôi vị quốc vương thì nay con đều đã được. Sau khi ta mất, con sẽ nối ngôi, vì sao con lại tự bỏ ngôi vị này?", Kiều-đáp-ma tâu: "con thấy phụ vương lấy phi pháp làm pháp, pháp làm phi pháp để trị nước, làm nghiệp ác này sẽ đọa địa ngục, con vì lo sợ nên cầu xuất gia. Xin phu vương thương xót chấp thuận", lúc đó vua cha biết ý con đã quyết nên chấp thuận, vương tử rất vui mừng.

Cách thành không xa có một tiên nhân tên là Hắc sắc, vương tử từ biệt vua cha và các quyến thuộc đi đến chỗ tiên nhân, đảnh lễ cầu xuất gia, tiên nhân chấp thuận. Sau khi xuất gia vương tử lấy trái cây, rễ cây làm thức ăn, được gọi là tiên Kiều-đáp-ma; do thường ăn trái cây như thế nên sanh bịnh nên Kiều-đáp-ma bạch thầy xin phép vào tụ lạc khất thực, tiên Hắc sắc nói: "pháp của tiên nhân là gìn sáu căn lìa sáu cảnh, dù ở trong hang núi hay ở trong tụ lạc cũng không có gì đáng sợ. Nếu ông giữ được pháp tiên như vậy thì được đi, nên làm nhà tranh gần thành Bổ-đa-la để ở". Lúc đó vua Nhĩ sanh băng hà, vương tử Ba-la-đọa-xà lên nối ngôi, Kiều-đáp-ma từ biệt thầy đi đến thành Bổ-đa-la dựng một ngôi nhà tranh để ở, khất thực tự sống. Trong thành có một dâm nữ tên là Chiêu hiền, dung mạo đoan chánh được nhiều người yêu thích, lúc đó có một người bất thiện tên Mật-nại-la, do tham dục nên đem chuỗi anh lạc và áo đẹp cho dâm nữ muốn đón về cùng hoan lạc. Dâm nữ đeo chuỗi anh lạc, mặc áo đẹp này định đến chỗ Mật-nại-la như đã ước hẹn, vừa tới cửa liền có người đưa đến năm trăm tiền muốn cùng cô vui chơi, dâm nữ suy nghĩ: "năm trăm tiền này tự nhiên mang đến , vì sao ta lại không nhận", nghĩ rồi liền nhận tiền để cùng đi vui chơi với người đó. Trước khi đi, dâm nữ bảo người hầu: "hãy đến chỗ Mật-nại-la nói là ta chưa trang điểm xong, lát nữa sẽ đến", người hầu vâng lời đến nói. Không ngờ người đưa tiền cho dâm nữ lại có việc gấp phải đi, dâm nữ suy nghĩ: "người này đã đi, ta nên đi đến chỗ ước hẹn trước cũng không muộn", nghĩ rồi liền bảo người hầu: "hãy đến chỗ Mật-nại-la nói là

ta đã trang điểm xong, không biết muốn cùng gặp nhau ở vườn cây nào?", người hầu vâng lời đến nói, Mật-nại-la nói: "mới vừa rồi nói là chưa trang điểm xong, giờ lại nói là trang điểm rồi", người hầu này trong lòng có hiềm hận nên nói: "hồi nảy không phải là cô chủ chưa trang điểm xong, mà là đeo chuỗi anh lạc và áo đẹp của ông để đi với người khác", Mật-nại-la nghe rồi tâm tham dục liền dứt, tâm sân hận liền sanh nên bảo người hầu này rằng: "nếu cô chủ ngươi đã trang điểm xong thì hãy đến rừng cây ---- ", người hầu trở về báo lại. Dâm nữ đeo chuỗi anh lạc và mặc áo đẹp đi đến khu vườn đó để gặp Mật-nại-la, Mật-nại-la vừa gặp liền giận dữ nói: "dâm nữ, vì sao lại đeo chuỗi anh lạc và mặc áo đẹp của ta để đi gặp người khác?", dâm nữ nói: "Thánh tử, người nữ thường có lỗi này, xin hãy tha thứ cho tôi", Mật-nại-la liền rút dao bén ra giết chết dâm nữ, người hầu thấy vậy liền la to: "có giặc, giặc giết chủ tôi". Nghe tiếng la, mọi người chạy đến, Mật-nại-la thấy mọi người chạy đến nên lo sợ ; gần khu vườn này có ngôi nhà tranh của tiên Kiều-đáp-ma, Mật-nại-la không còn đường trốn liền để dao dính máu trước cửa nhà tranh rồi ẩn vào trong đám đông. Mọi người lần theo dấu vết thấy con dao dính máu ở trước cửa ngôi nhà tranh liền bắt tiên nhơn và nói rằng: "ông mang hình dáng tiên vì sao lại làm nghiệp ác này?", tiên nhân hỏi: "tôi có lỗi gì?", mọi người nói: "ông cùng người nữ làm điều phi pháp rồi giết cô ta", tiên nhân nói: "tôi không có làm nghiệp ác này". Mọi người không tin bắt trói rồi dẫn đến chỗ vua tâu rõ sự việc, vua nghe rồi không xét hỏi gì liền ra lịnh xử tội tiên nhân ngồi trên bàn chông, sai các Chiên đà la mặc áo xanh, tay cầm dao bén đưa tiên nhân nhiễu quanh khắp thành, đánh trống tuyên nói tội của tiên nhân cho mọi người biết. Lúc đó tiên Hắc sắc tìm đến, thấy Kiều-đáp-ma ngồi trên bàn chông, tình cảnh đáng thương nên áo não rơi lệ hỏi: "do đâu mà con gặp nổi khổ này?", Kiều-đáp-ma nghẹn ngào rơi lệ nói: "đây là nghiệp đời trước, không thể thoát được", tiên Hắc sắc nói: "con bị đau đớn như vậy, đối với các pháp hành thân tâm con có lui sụt hay không?", đáp: "con tuy đau đớn nhưng tâm con không tổn hại", tiên Hắc sắc hỏi: "làm sao chứng biết được?", Kiều-đáp-ma nói: "trước nay con nói lời chân thật, chưa từng nói dối. Nếu tâm hạnh con thật không thay đổi thì nguyện cho màu da đen của thầy biến thành màu vàng kim", nói vừa dứt lời, sắc da của tiên Hắc sắc biến thành màu vàng kim. Thấy việc này rồi, tiên Hắc sắc vui mừng khen là việc chưa từng có, Kiều-đáp-ma hỏi: "sau khi con chết sẽ được đạo gì?", tiên Hắc sắc nói: "theo pháp của ngoại đạo Bà-la-môn nói rằng người không có con thì không được đạo lành, con đã có con chưa?", đáp: "xưa kia còn là đồng tử ở trong cung, con đã thích tu đạo nên bỏ nhà xuất gia,

thường tu phạm hạnh, làm sao có con được", tiên Hắc sắc nói: "vậy con hãy nhớ lại việc quá khứ", Kiều-đáp-ma nói: "con đang đau đớn, từng lóng đốt như dao cắt, chỉ nghĩ đến cái chết, làm sao sanh ý tưởng khác". Tiên Hắc sắc dùng thần thông lực nổi mưa gió lớn rưới lên khắp thân của Kiều-đáp-ma khiến cho mọi đau đớn tiêu tan, Kiều-đáp-ma liền nhớ lại việc dâm dục thời quá khứ, ngay nơi thân liền có hai giọt tinh huyết rơi xuống đất, do nghiệp lực hai giọt máu này trở thành hai quả trứng. Như trong kinh nói có bốn việc không thể nghĩ bàn: 1. Là cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn. 2. Là rồng không thể nghĩ bàn. 3. Là tâm ý thế gian không thể nghĩ bàn và 4. Là nghiệp lực di thục của các hữu tình không thể nghĩ bàn. Lúc đó nhờ nắng ấm, hai quả trứng này dần dần chín, mỗi quả nứt ra một đồng tử; cách nơi này không xa có một vườn mía, hai đồng tử này liền vào trong vườn mía đó, do phước đức nên dung mạo chúng càng xinh đẹp, còn Kiều-đáp-ma bị nắng thiêu đốt nên qua đời.

Sáng hôm sau tiên Hắc sắc đến thăm thì thấy Kiều-đáp-ma đã qua đời, lại thấy hai vỏ trứng nứt liền lần theo dấu vết tìm thấy hai đồng

tử trong vườn mía. Tiên liền nhập định để quán xem hai đồng tử này là con của ai, liền biết đó là dòng giống của Kiều-đáp-ma nên sanh yêu mến, dắt về trú xứ nuôi dưỡng cho đến trưởng thành và đặt tên là Noãn sanh, cũng gọi là Nhật chủng, lại là dòng giống của Kiều-đáp-ma nên cũng gọi là Kiều-đáp-ma; lại do từ thân trước kia sanh ra nên cũng gọi là Thân sanh, lại do tìm thấy được trong vườn mía nên cũng gọi là Cam giá chủng; do có bốn duyên nên có bốn tên gọi như thế.

Thời gian sau, vua Ba-la-đọa-xà băng hà, không có con nối ngôi, quần thần hội họp luận bàn không biết nên tôn ai lên nối ngôi, một đại thần nói: "vua còn một người anh là Kiều-đáp-ma, trước đây đã vào núi tu đạo, chúng ta nên đến thỉnh người lên nối ngôi". Họ liền đến chỗ tiên Hắc sắc đảnh lễ và hỏi thăm về Kiều-đáp-ma, tiên Hắc sắc kể lại sự việc trên, quần thần nghe rồi liền nói: "chúng tôi thật có lỗi". Lúc đó hai đồng tử, con của Kiều-đáp-ma đi đến, mọi người liền hỏi lai lịch, tiên Hắc sắc kể lại sự việc, mọi người nghe rồi liền hoan hỉ thỉnh đồng tử lớn về nước để nối ngôi vua. Vua trị nước không bao lâu sau thì băng hà, lại không có con nối ngôi, quần thần liền nghinh đón người em lên nối ngôi, cả hai vua đều hiệu là Cam giá. Vua Cam giá cùng con cháu nối nhau làm vua ở thành Bổ-đa-lặc-ca cho đến một trăm lẻ một đời, vua cuối cùng tên là Quân tướng cũng gọi là Tăng trưởng. Vua này có bốn đại phu nhân, mỗi người đều sanh một nam một nữ; bốn vương tử có tên là Hỏa cự diện, Đại nhĩ, Tượng hành và Bảo

xuyến vương. Sau đó bốn phu nhân đều qua đời, vua Quân tướng ưu sầu nên ở mãi trong cung, quần thần thấy vậy liền tâu vua: "vua các nước lân cận đều có vương nữ xinh đẹp, chúng thần sẽ tìm kiếm hoàng hậu cho vua", vua nói: "ta có bốn con đều đã trưởng thành, có thể nối ngôi thì ai có thể đem con gái gả cho ta", quần thần tâu: "chỉ cần vua ra lịnh, chúng thần sẽ tìm khắp bốn phương". Sau đó, quần thần biết được có một công chúa con của một quốc vương có thể làm phi hậu của vua nên đến tâu vua, vua liền sai sứ giả đến nước đó, vua nước đó hỏi sứ giả nguyên do rồi nói: "nếu vua nước ông muốn làm thân với ta thì phải lập giao ước: hễ con ta có con thì phải cho nối ngôi", sứ giả liền trở về nước tâu lại cho vua biết, vua nói: "ta đã có con trưởng, cho dù cô ấy sanh con cũng không thể cho nối ngôi được", quần thần tâu: "vua cứ hỏi cưới, cô ấy sau này có sanh con nam hay nữ hay là thạch nữ còn chưa biết, cần gì phải lo trước", vua nghe lời liền sai sứ đến nước đó cầu hôn và lập giao ước rồi đón vương nữ về nước. Vua Tăng trưởng cùng phu nhân mới cưới hoan lạc, tham Ái càng tăng, không bao lâu sau phu nhân mang thai, đủ tháng sanh được một nam dung mạo đoan nghiêm, mọi người đều yêu mến; vua giao hoàng tử cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng. Trước đây khi cưới công chúa, vua có lập giao ước với vua nước kia : nếu công chúa sanh con trai thì sẽ cho nối ngôi vua và đặt tên là Ái lạc, nhưng khi Ái lạc trưởng thành như hoa sen trong nước thì vua Tăng trưởng lại muốn lập con trưởng, không muốn lập Ái lạc. Vua nước kia hay tin liền sai sứ mang thư sang cho vua tăng trưởng, trong thư nói: vì sao vua lại vi phạm lời giao ước trước đây, nếu vua vi phạm lời giao ước thì tôi sẽ đem binh sang chinh phạt, vua hãy dàn binh đợi tôi. Vua đọc thư xong liền hội quần thần nói: "trong thư bắt ta phải thực hiện lời giao ước trước đây, chúng ta phải làm sao?", quần thần tâu: "vua nước kia có oai lực lớn, vua nên lập Ái lạc làm Thái tử", vua nói: "ta đã có con trưởng, làm sao có thể lập con nhỏ được", quần thần tâu: "bốn binh của nước ấy hùng mạnh, nếu vua không chấp thuận thì họ sẽ sang xâm lấn, xin vua hãy lập Ái lạc và cho bốn vương tử rời khỏi nước", vua nói: "con ta không có tội, làm sao có thể bảo chúng rời khỏi nước", quần thần nói: "chúng thần chỉ muốn làm lợi ích mà thôi" ; thấy vua im lặng, quần thần nhóm họp một chỗ cùng bàn với nhau: "chung ta nên lập kế gì để vua đuổi bốn vương tử ra khỏi nước". Lúc đó vua bảo sửa sang khu vườn, quan coi vườn quét dọn sạch sẽ, rải hoa thơm và treo cờ phướn trang hoàng khắp nơi. bốn vương tử này nhân dịp ra ngoài dạo chơi, từ xa thấy trang hoàng khu vườn nên đi đến, gặp quan coi vườn vừa đi ra liền hỏi: "trang hoàng khu vườn cho ai?", đáp là cho vua, bốn vương tử nghe rồi liền bỏ đi, các quan thấy liền hỏi vì sao không

vào, đáp là không dám vào, các quan nói: "vua và các vương tử đều được vào, đâu có lỗi gì", bốn vương tử nghe rồi liền vào vườn dạo chơi. Quần thần nhân dịp này liền đến tâu vua: "vườn đã được sửa sang xong, xin vua ngự đến dạo chơi", khi đến nơi thấy có người trong vườn, vua liền hỏi là ai trong đó, đáp là bốn vương tử, vua nghe rồi liền nổi giận, ra lịnh giết; quần thần quỳ xuống tâu rằng: "xin vua đừng giết, chỉ nên đuổi họ ra khỏi nước", vua liền ra lịnh đuổi bốn vương tử ra khỏi nước. Bốn vương tử đến chỗ vua quỳ xuống tâu rằng: "chúng con xin vua cha cho một nguyện là nếu có quyến thuộc nào muốn theo chúng con thì xin vua thương xót cho phép họ được cùng đi", vua chấp thuận. bốn vương tử dẫn các công chúa cùng đi, muôn dân trong nước đều xin đi theo, chỉ trong bảy ngày dân chúng đi theo gần hết; quần thần liền tâu vua: "nếu không đóng cửa thành thì dân chúng sẽ đi theo hết", vua liền ra lịnh đóng cửa thành không cho dân chúng đi theo nữa.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 2

Bốn vương tử cùng các quyến thuộc từ từ đi về phía trước, khi đến chân núi Tuyết bên sông Căng già, gần trú xứ của tiên Kiếp-tỷ-la thì dừng lại, cắt cỏ tranh làm nhà để ở, cùng hái trái và săn bắt để sống. Mỗi ngày ba lần bốn vương tử đến thân cận và cúng dường tiên Kiếp-tỷ-la; tiên nhơn thấy bốn vương tử tiều tụy liền hỏi nguyên do, đáp là vì không có vợ nên mới như thế, tiên nhân nói: "các con có thể cưới các cô em khác mẹ", vương tử nói: "như thế có được không ?", tiên nhân nói: "nếu không cùng một mẹ thì được". Bốn vương tử thấy lời tiên nhân nói hợp với ý mình nên cùng gả cưới em gái cho nhau để thành vợ chồng, không bao lâu sau họ đều sanh con trai con gái. Bốn vương tử vui mừng nên thường dẫn vợ con đến chỗ tiên nhân khiến cho nơi này trở nên ồn náo và tiên nhân không thể đắc định nên nói với bốn vương tử: "các con ở an nơi đây, còn ta sẽ đi", vương tử hỏi nguyên do, tiên nhân nói: "các con làm ồn náo, trở ngại ta đắc định, giống như ta bước đi trên gai", vương tử nói: "tiên nhân hãy an ở nơi đây, chúng con sẽ tìm nơi thích hợp hơn để ở". Tiên nhân đã đắc thần thông, có thể làm mọi việc theo ý muốn nên cầm bình vàng đựng đầy nước tìm đến một nơi tốt đẹp hơn, rưới nước làm ranh giới và bảo các vương tử đến ở trong ranh giới này. Các vương tử ở trong đây xây dựng tường thành, do tiên nhân rưới nước làm ranh giới nên đặt tên thành là Kiếp-tỷ-la. Do dân cư ngày càng đông, thành cũ trở nên chật hẹp nên thiên thần chỉ cho họ một nơi khác rộng lớn hơn, họ xây dựng thành mới trên đất mới và đặt tên thành là Thiên thị. Lúc đó các vương tử nói với nhau: "do vua cha lấy vợ sau nên khiến chúng ta phải rời khỏi nước, chúng ta nên lập thệ từ nay về sau chỉ nên lấy một vợ, không được lấy thêm vợ khác".

Lúc đó vua Tăng trưởng hỏi quần thần về tông tích của bốn vương tử, quần thần tâu: "các vương tử hiện đang ở tại thành Thiên thị ở dưới chân núi Tuyết, tự xây dựng thành ấp", vua nói: "các con ta có thể tự xây dựng thành ấp hay sao, quả thật là tài giỏi". Do được vua cha khen ngợi là thật tài giỏi nên các vương tử được gọi là Thích ca. Thời gian sau vua cha băng

hà, Thái tử Ái lạc lên nối ngôi, không bao lâu sau lại băng hà, không có con nối ngôi. Quần thần cùng nhau bàn luận đi đến thành Thiên thị rước vương tử trưởng là Cự diện về nước làm vua. Do con của Cự diện chết nên sau khi vua Cự diện băng hà, không có ai nối ngôi; quân thần lại đến rước vương tử thứ hai là Đại nhĩ về nước làm vua. Vua Đại nhĩ băng hà cũng không có con nối ngôi nên quần thần lại đến rước vương tử thứ ba là Tượng hành về nước làm vua; Vua Tượng hành băng hà cũng không có con nối ngôi nên quần thần lại đến rước vương tử thứ tư là Bảo xuyến về nước làm vua. Bảo xuyến có con tên là Cận bảo xuyến, Cận Bảo xuyến có con tên là Thiên môn cùng con cháu nối tiếp nhau làm vua ở thành Kiếp-tỷ-la cho đến năm vạn năm ngàn đời, dùng chánh pháp giáo hóa, vua cuối cùng tên là Thập xa. Con cháu của Thập xa theo thứ lớp lên nối ngôi vua tên là Bách xa, Nghiêm xa, Thắng xa, Kiên xa, Thập cung, Bách cung, Cửu thập cung, Tối thắng cung, Nghiêm cung, Kiên cung. Vua Kiên cung có hai người con tên là Sư tử giáp và Sư tử hống ; vua Sư tử giáp là người đứng đầu trong tất cả tay thiện xạ ở châu Thiệm bộ, vua có bốn con trai tên là Tịnh-phạn, Bạch phạn, Hộc-phạn và Cam-lồ-phạn; và bốn con gái tên là Thanh tịnh, Thuần bạch, Thuần lộc và Cam lộ. Vua Tịnh-phạn có hai con: con trưởng là Thái tử nay là Thế tôn và con thứ nay là cụ thọ Nan-đà; vua Bạch phạn có hai con tên là Hằng tinh và Hiền thiện; vua Hộc-phạn có hai con tên là Đại danh và A-na-luật; vua Cam-lồ-phạn có hai con tên là Khánh hỷ và Thiên thọ. Công chúa Thanh tịnh có con tên là Thiện ngộ, Thuần bạch có con tên là Hữu man, Thuần lộc có con tên là Thắng lực, Cam lộ có con tên là Đại lực. Thế tôn trước đó có con tên là La-hầu-la, chủng tộc Thích ca bắt đầu từ Đại vương Địa chủ đến đời La-hầu-la thì đoạn dứt kế tự, vì La-hầu-la đã chứng Vô sanh, đã đoạn hạt giống sanh tử nên không còn kế tự nữa.

Cụ thọ Đại Mục-kiền-liên nói xong nhân duyên về chủng tộc Thích ca liền xuống tòa và đứng yên lặng, lúc đó Thế tôn biết cụ thọ đã nói xong liền từ tư thế nằm ngồi dậy ngay ngắn và khen rằng: "lành thay Mục liên, thầy đã như pháp nói về nguồn gốc của chủng tộc Thích ca. Nếu người nào nói cho người khác nghe về chủng tộc Thích ca thì người ấy sẽ được lợi ích lớn và thường được an lạc", Phật lại bào các Bí-sô và các Bí-sô ni: "hãy ghi nhớ nhân duyên nguồn gốc của chủng tộc Thích ca và như pháp nói cho người khác nghe, vì sao, vì nhân việc làm này sẽ được lợi ích lớn, đầy đủ nghĩa lợi, đầy đủ pháp nghĩa, đầy đủ phạm hạnh… Vì thế các Bí-sô, hãy nên thọ trì và rộng nói cho người khác nghe", các Thích tử trong thành Kiếp-tỷ-la nghe rồi vui mừng từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật, hữu nhiễu rồi đi. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe:

Xưa kia, vua Sư tử giáp ở thành Kiếp-tỷ-la đã dùng chánh pháp giáo hóa khiến cho nhân dân an lạc, trong nước thịnh vượng không có khủng bố. Vua Thiện ngộ ở Thánh Thiên thị cũng dùng chánh pháp giáo hóa khiến cho đất nước an ổn, dân chúng giàu có không bị suy não; vợ vua tên là Diệu thắng dung mạo đoan chánh được mọi người yêu mến. Trong thành này có một trưởng giả tên là Kiết tường, nhà giàu có nhiều nhà cửa, ruộng vườn, châu báu, kho lẫm đầy ắp, quyến thuộc đông đúc… giống như Tỳ sa môn thiên vương không khác. Trưởng giả có một vườn hoa với nhiều loại hoa và cây trái, lại có suối và ao tắm với đủ loại chim quý hiếm, tiếng hót hòa nhã vi diệu nên vua cùng phi hậu và các vương tử thường đến dạo chơi. Phu nhân của vua khởi tâm tham Ái nên yêu cầu vua xin trưởng giả cho khu vườn này, vua nói: "vườn này của trưởng giả Kiết tường, ta không thể bảo trưởng giả đem nó cho nàng. Nếu nàng muốn, ta sẽ ở trong thành này xây dựng một khu vườn khác đẹp hơn để ban cho nàng". Vua vì phu nhân nên ở trong thành cho xây một khu vườn tốt đẹp gấp bội, do phu nhân tên là Diệu thắng nên vườn này được gọi là Diệu thắng. Vua Sư tử giáp thường cầu xin một nguyện : "nếu trong chủng tộc của tôi xuất hiện một Kim luân vương thì mới thỏa nguyện của tôi"; vua Thiện ngộ cũng thường cầu xin một nguyện: "nếu tôi được làm quyến thuộc của vua Sư tử giáp thì mới thỏa nguyện của tôi". Lúc đó đại phu nhân của vua Thiện ngộ thọ thai, sau mười tháng hạ sanh một công chúa, dung mạo đoan chánh hiếm có trong thế gian; vua cùng phu nhân và các quyến thuộc đều trầm trồ bàn luận: "công chúa này từ loài người sanh ra hay do chư thiên khéo biến hóa ra". Sau hai mươi mốt ngày vua mở tiệc ăn mừng và bảo quần thần bàn xem nên đặt tên cho công chúa là gì, do họ cho công chúa đoan chánh như thế là do chư thiên khéo biến hóa ra, nên tâu vua nên đặt tên cho công chúa là Huyễn hóa, vua bèn giao công chúa cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng. Lúc đó có Tướng sư đến tâu với vua: "công chúa Thánh thiện này sau sẽ sanh một con trai đầy đủ các tướng, có đại oai đức và đạt được ngôi vị Lực luân", vua nghe xong rất vui mừng. Thời gian sau, đại phu nhân lại mang thai, sau mười tháng lại hạ sanh công chúa, ánh sáng trên thân chiếu khắp cả thành, dung mạo đoan chánh trong đời không ai sánh bằng. Sau hai mươi mốt ngày vua mở tiệc ăn mừng và bảo quần thần bàn xem nên đặt tên cho công chúa là gì, do công chúa này đoan chánh hơn hẳn công chúa trước nên công chúa được đặt tên là Đại Huyễn hóa, vua lại giao cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng. Lúc đó có Tướng sư đến tâu với vua: "công chúa Thánh thiện này sau sẽ sanh một con trai có đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu, có đại oai đức và đạt được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương", vua nghe xong vui

mừng gấp bội.

Thời gian sau, cả hai công chúa đều trưởng thành, vua Thiện ngộ sai sứ mang thư đến cho vua Sư tử giáp, trong thư viết: "đại phu nhân của tôi hạ sanh hai công chúa, dung mạo đoan chánh hiếm có trên đời. Tướng sư nói công chúa trưởng sau này sẽ sanh một trai đạt được ngôi vị Lực luân, còn công chúa nhỏ sau này sẽ sanh một trai đạt được ngôi vị Chuyển luân Thánh vương. Tôi nghe con trưởng của vua tên là Tịnh-phạn, tôi muốn đem một trong hai công chúa này gả cho Tịnh-phạn", vua xem thư xong rất vui mừng liền bảo sứ giả trở về bạch lại vua Thiện ngộ rằng: "hai công chúa của vua đều đầy đủ tướng tốt, tôi xin cưới cả hai cho Tịnh-phạn, nhưng vì Tiên vương của tôi có lời thề không lấy hai vợ nên tôi xin cưới công chúa nhỏ sẽ sanh Luân vương cho Tịnh-phạn trước; tôi hội họp quần thần và các quyến thuộc bàn việc này xong sẽ rước công chúa trưởng sau", vua Thiện ngộ nghe rồi liền theo quốc pháp trang điểm cho công chúa nhỏ và cho năm trăm thị nữ theo hầu qua nước kia làm vợ Thái tử Tịnh-phạn.

Lúc đó vua Sư tử giáp có một nước giáp ranh ở trong sơn cốc tên là Bát-trà-bà, nổi lên làm phản đánh phá các vùng lân cận; những người thuộc chủng tộc Thích ca chạy đến báo với vua Sư tử giáp, yêu cầu vua đem binh đánh dẹp, vua nói: "tôi nay đã già, không thể cầm binh chiến đấu", họ nói: "xin thỉnh Thái tử đem binh đánh dẹp", vua nói: "nếu các vị chấp thuận cho Thái tử một nguyện thì tôi sẽ cho phát binh", mọi người chấp thuận, vua liền ra lịnh đánh trống chỉnh đốn bốn binh đi theo Thái tử dẹp loạn. Thái tử thống lĩnh bốn binh đánh dẹp hết giặc loạn, hoặc giết hoặc bắt trói, không một ai trốn thoát rồi dẫn quân trở về. Những người thuộc chủng tộc Thích ca rất vui mừng và hỏi vua về nguyện ước của Thái tử, vua nói: "chủng tộc Thích ca chúng ta trước kia có lời thệ là không lấy hai vợ", họ liền hỏi vua: "vua muốn bỏ lời thề này hay sao?", vua nói: "không phải như vậy, mà là ta muốn cho Thái tử lấy hai vợ, còn những người khác vẫn giữ lời thề xưa". Được sự chấp thuận của những người trong chủng tộc Thích ca, vua liền sai

sứ giả đến báo với vua Thiện ngộ: "những người trong chủng tộc Thích ca đều đã chấp thuận, nay tôi xin hỏi cưới công chúa trưởng cho Tịnh-phạn", vua nghe rồi rất vui mừng, liền cho năm trăm thể nữ theo hầu công chúa rồi đưa đến thành Kiếp-tỷ-la gả cho Thái tử Tịnh-phạn. Thời gian sau, vua Sư tử giáp băng hà, Thái tử lên nối ngôi cũng dùng chánh pháp giáo hóa, đất nước yên vui, nhân dân an lạc không có suy não ; một hôm vua cùng đại phu nhân lên lầu cao cùng các thể nữ vây quanh, nghe

tấu kỹ nhạc vui vẻ tự tại. Lúc đó Bồ-tát ở cõi trời Đổ-sử-đa thường dùng năm pháp quán sát trong thế gian : 1 là quán nơi sẽ sanh ra, 2 là quán quốc độ, 3 là quán thời tiết, 4 là quán chủng tộc, 5 là quán cha mẹ thân sanh.

Vì sao Bồ-tát quán nơi sanh ? – thường pháp của Bồ-tát là tư duy các Bồ-tát trong quá khứ thọ sanh nơi nào, liền quán biết các vị ấy hoặc sanh trong nhà Bà-la-môn tịnh hạnh hoặc sanh trong nhà Sát-đế-lỵ tôn quý, hoặc làm thầy của Bà-la-môn hoặc làm thầy của Sát-đế-lỵ. Ta nên thọ sanh trong nhà Sát-đế-lỵ tôn quý, vì nếu ta thọ sanh trong nhà thấp hèn thì chúng sanh đời sau sẽ phỉ báng ta. Bồ-tát có phước lực tự tại nên có thể thọ sanh theo ý niệm, do nghĩa này nên Bồ-tát phải quán nơi sanh trước khi thọ sanh.

Vì sao Bồ-tát quán quốc độ ? – thường pháp của Bồ-tát là tư duy các Bồ-tát trong quá khứ thọ sanh ở quốc độ nào, liền quán biết nước Trung Thiên trúc sung túc, có đầy đủ lúa gạo, ngũ cốc trúng mùa, khất thực dễ được ; trong nước không có mười ác nghiệp, phần nhiều tu theo mười thiện nghiệp. Ta nên thọ sanh nơi nước Trung Thiên trúc, vì nếu ta sanh nơi biên địa thì các hữu tình sẽ phỉ báng ta. Bồ-tát có phước đức tự tại có thể thọ sanh theo ý niệm, do nghĩa này nên Bồ-tát quán quốc độ trước khi thọ sanh.

Vì sao Bồ-tát phải quán thời tiết ? – thường pháp của Bồ-tát là tư duy các Bồ-tát trong quá khứ sanh xuống nhơn gian vào lúc nào, liền quán biết chúng sanh có tuổi thọ từ tám vạn tuổi giảm dần xuống trăm tuổi thì Bồ-tát sẽ hạ sanh. Nếu người có tuổi thọ trở lên đến tám vạn tuổi thì chúng sanh sẽ không có các việc như buồn khổ, ngu si, đần độn, kiêu mạn, tham dục thì không phải là chơn pháp khí, khó thọ giáo hóa. Ngược lại nếu người có tuổi thọ ngắn từ một trăm trở xuống thì sẽ bị năm trược mê muội nặng nề ; năm trược là mạng trược, phiền não trược, hữu tình trược, kiến trược và kiếp trược ; năm trược nếu tăng trưởng thì không phải là chơn pháp khí. Nếu Bồ-tát xuất hiện ở thế gian vào đời ác trược thì ngoại đạo sẽ phỉ báng, cho nên Bồ-tát cũng như các Bồ-tát quá khứ không xuất hiện vào đời ác trược; do nghĩa này nên Bồ-tát quán thời tiết trước khi thọ sanh.

Vì sao Bồ-tát phải quán chủng tộc? Thường pháp của Bồ-tát là tư duy nên thọ sanh trong chủng tộc nào, nếu chủng tộc nào có bà con nội ngoại từ xưa đến nay không bị phỉ báng thì Bồ-tát sẽ thọ sanh trong chủng tộc đó; liền quán biết chủng tộc Thích ca là chủng tộc tôn quý, thuộc dòng Chuyển luân Thánh vương. Nếu Bồ-tát thọ sanh trong chủng tộc thấp hèn thì chúng sanh sẽ phỉ báng, do Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay có năng lực tự tại nên có thể tùy ý niệm mà thọ sanh; do nghĩa này nên Bồ-tát quán chủng tộc trước khi thọ sanh.

Vì sao Bồ-tát phải quán cha mẹ thân sanh? Vì Bồ-tát thường tư duy các Bồ-tát quá khứ thọ vào thai của bà mẹ như thế nào, liền quán biết phu nhân Đại Huyễn hóa có dòng họ bảy đời thuần tịnh, không có dâm ô, hình dáng đoan nghiêm khéo tu giới phẩm; Bồ-tát ở trong thai của người nữ này đủ mười tháng vẫn không làm chướng ngại mọi sinh hoạt hằng ngày như tới lui, qua lại. Bồ-tát lại quán biết phu nhân từng phát nguyện vô thượng đối với chư Phật trong quá khứ là xin Phật gia hộ cho con trong đời vị lai sanh được đứa con thành quả Chánh giác. Nếu không như thế thì Bồ-tát sẽ bị chúng sanh phỉ báng là tại sao thọ thai vào người nữ vô tướng; do Bồ-tát đã gieo trồng căn lành thành tựu nên tự tại thọ sanh theo ý niệm, do nghĩa này Bồ-tát phải quán cha mẹ thân sanh trước khi thọ sanh.

Sau khi quán năm pháp này xong, Bồ-tát ân cần báo cho chư thiên cõi trời Lục dục biết đến ba lần: "từ cõi trời Đổ-sử-đa, ta sẽ hạ sanh trong nhơn gian, vào thai của đại phu nhân làm Thái tử của vua Tịnh-phạn. Sau khi đản sanh cõi kia, ta sẽ chứng quả thường trụ, trong chư thiên nếu có vị nào muốn được chứng quả như ta thì cùng ta thọ sanh ở cõi kia", lúc đó chư thiên nói: "lành thay, Bồ-tát có biết chúng sanh ở châu Thiệm bộ cương cường khó giáo hóa với nhiều ác trược ; lại còn có Lục sư ngoại đạo, lục Thanh văn tùy ngoại đạo, Lục định ngoại đạo, họ chấp chặt tà kiến, khó thể cứu độ. Lục sư ngoại đạo là Ma già lê câu xa tử, San xà da tỳ la đồ tử, Ni kiền đà nhã đề tử, Ca cầu đà Ca-chiên-diên, A kỳ đà súy xá Khâm bà la và Bổ thích na. Lục thanh văn tùy ngoại đạo là Câu đạt đa Bà-la-môn, Thâu na đà, Già di, Phạm thọ, Liên thật và Xích hải tử. Lục định ngoại đạo là Uất đa già la ma tử, La la Ca-la ma, Thiện phạm chí, Tối thắng nho đồng, Hắc tiên và Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp nhã chi la. Các ngoại đạo này dùng tà pháp giáo hóa chúng sanh khiến cho sanh tham đắm chấp chặt tà kiến, khó thể cứu độ.

Vì sao Bồ-tát lại thọ sanh cõi đó, ở cõi trời Đổ-sử-đa này, mỗi tòa của chư thiên ngồi nghe pháp dài rộng đến mười hai Du thiện na, Bồ-tát hãy ở lại đây thuyết pháp cho chúng tôi nghe, sau khi nghe pháp, chúng tôi sẽ tín thọ để được lợi ích an lạc lâu dài", Bồ-tát nghe rồi liền nói: "chư thiên hãy tùy ý trỗi các kỹ nhạc", chư thiên liền đồng trỗi lên đủ các loại kỹ nhạc. Lúc đó Bồ-tát liền thổi loa lớn, tiếng loa lấn át tất cả các loại kỹ nhạc, Bồ-tát hỏi chư thiên là tiếng kỹ nhạc nào lớn nhất, đáp là tiếng loa, Bồ-tát nói: "các vị nên biết, giống như tiếng loa có thể lấn át các loại kỹ nhạc, khi ta hạ sanh ở châu Thiệm bộ , pháp mà ta nói ra có thể tồi phục được Lục sư ngoại đạo… khiến cho chúng sanh được pháp cam lồ đầy đủ. Ta thổi loa Vô thường sẽ khiến cho kiến chấp Thường của ngoại đạo bị diệt, ta thổi loa

Không sẽ khiến cho kiến chấp Có của ngoại đạo bị diệt", liền nói kệ:

"Sư tử điều phục các thú dữ,
Kim cương cắt đứt mọi vật cứng,
Đế thích chế ngự A-tu-la ,
Nhật quang hơn hẳn các ánh sáng".

Nói kệ xong, Bồ-tát bảo chư thiên: "nếu các vị muốn được pháp cam lồ thanh tịnh đầy đủ thì hãy sanh vào sáu thành lớn của nước Trung Thiên trúc". Lúc đó Thích-đề-hoàn-nhơn ngay nơi tòa ngồi quán biết Bồ-tát sẽ thọ sanh vào thai của phu nhân Ma-da nên suy nghĩ: "ta sẽ dùng thần thông lực làm cho thân bà được thanh tịnh, không còn cấu uế và khỏe mạnh để đợi Bồ-tát thọ sanh", nghĩ rồi liền dùng thần thông lực làm cho thân phu nhân thanh tịnh. Lúc đó ở cõi trời Đổ-sử-đa vào ban đêm, Bồ-tát với hình dáng voi trắng sáu ngà hạ sanh ở nước Trung Thiên trúc, giáng thần vào thai của phu nhân Ma-da. Đêm đó phu nhân nằm mộng thấy bốn điềm:

1. Là thấy voi trắng sáu ngà đến gá vào thai.
2. Là thấy thân mình bay vọt lên không.
3. Là thấy mình đi lên núi cao.
4. Là thấy nhiều người vây quanh đảnh lễ.

Tỉnh dậy, phu nhân liền kể cho vua Tịnh-phạn nghe, vua liền cho mời Tướng sư đến giải mộng, Tướng sư nói: "dựa trên bốn điềm này thì phu nhân của vua sẽ sanh một trai có đầy đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu trang nghiêm thân. Nếu nối ngôi vua sẽ đạt được ngôi vị Kim luân, chế phục cả bốn thiên hạ ; nếu xuất gia tu đạo thì sẽ chứng ngôi vị Pháp vương, danh vang khắp mười phương, là từ phụ của chúng sanh". Tụng tóm lược:

"Khi ta đản sanh,
Bốn trời thủ hộ,
Như châu Minh nguyệt,
Được vật bao bọc,
Bằng chỉ sợi báu.
Người trí biết rồi,
Tự giữ năm giới,
Không khởi tham dục".

Thường pháp của các Bồ-tát là khi từ cõi trời Đổ-sử-đa hạ sanh vào thai mẹ thì đại địa khắp mười phương đều chấn động, có ánh sáng lớn chiếu soi khắp mọi nơi; tất cả cảnh giới tùy nghiệp của chúng sanh trong sáu đường và những nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu đến được, cũng đều chiếu đến được khiến cho chúng sanh trong đây đều nói với nhau:

"ánh sáng này trước nay chưa từng có, hay là chúng ta được thọ sanh vào cõi khác". Lại nữa, khi Bồ-tát giáng thần vào thai mẹ, Thích-đề-hoàn-nhơn liền bảo thiên thần cõi trời Tứ thiên vương theo thủ hộ người mẹ, vì sợ người mẹ bị ác ma làm hại. Khi Bồ-tát thọ sanh, các chất nhơ uế trong thai mẹ không dính đến thân, giống như hạt châu Minh nguyệt được vật bao bọc không bị nhiễm ô. Thường pháp của Bồ-tát là khi ở trong thai, người mẹ thường thấy như người có mắt tuệ thấy vật báu được bao bọc bởi các chỉ sợi xanh vàng đỏ trắng, phân biệt rõ ràng. Thường pháp của Bồ-tát là khi ở trong thai, không làm cho người mẹ mệt mỏi mà luôn được an vui, tự nhiên người mẹ giữ năm giới: không sát sanh, trộm cắp… cho đến không còn khởi tham dục. Lúc đó phu nhân Ma-da bỗng khởi niệm muốn uống nước trong bốn biển, liền bạch vua, vua liền sai sứ giả mời một ngoại đạo giỏi về huyễn thuật tên là Xích nhãn, vị này dùng huyễn thuật hóa ra nước bốn biển rồi lấy nước đó đưa cho phu nhân uống, uống xong ý niệm của phu nhân liền dứt. Sau đó phu nhân lại khởi niệm muốn giải phóng cho các hữu tình đang bị giam giữ, liền bạch vua, vua liền ra lịnh cho quan giữ ngục giải phóng hết các tù nhân trong ngục thì ý niệm của phu nhân mới dứt. Sau đó phu nhân lại khởi niệm muốn đến trong vườn hoa dạo chơi, liền bạch vua, vua liền dẫn phu nhân đến trong vườn hoa dạo chơi thì ý niệm của phu nhân mới dứt. Sau đó phu nhân lại khởi niệm muốn đến trong vườn Lâm-tỳ-ni của vua cha mình dừng nghỉ, liền bạch vua, vua liền sai sứ đến bạch với vua Thiện ngộ, vua nghe rồi liền ra lịnh tưới quét vườn Lâm-tỳ-ni sạch sẽ cho phu nhân và các thể nữ đến dạo chơi. Khi phu nhân đi đến cây Vô ưu thấy hoa lá sum suê tươi tốt liền muốn hạ sanh nên đưa tay vịn cành cây, Thích-đề-hoàn-nhơn biết phu nhân trong lòng hổ thẹn không thể ở chỗ đông người mà hạ sanh liền được, nên làm phương tiện nổi mưa gió lớn làm cho mọi người tản xa ra rồi hóa làm một lão mẫu đứng trước phu nhân, phu nhân liền hạ sanh Thái tử, Thích-đề-hoàn-nhơn dùng tiên y đỡ lấy Thái tử, Thái tử bảo Đế thích đặt xuống đất, Đế thích vâng lời đặt Thái tử xuống đất rồi đứng cách xa một chút. Thường pháp của Bồ-tát là khi đản sanh, đại địa khắp mười phương đều chấn động, có ánh sáng lớn chiếu soi khắp mọi nơi; tất cả cảnh giới tùy nghiệp của chúng sanh trong sáu đường và những nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu đến được, cũng đều chiếu đến được khiến cho chúng sanh trong đây đều thấy lẫn nhau và nói rằng: "chẳng phải chỉ một mình ta sống ở đây, cũng có người khác cùng sống ở đây". Thường pháp của Bồ-tát là khi đản sanh, thân không dính máu và chất nhơ uế khác; khi sắp sanh người mẹ không nằm, không ngồi mà đứng vịn cành cây, cũng không có khổ não khi sanh và sau khi sanh. Thường pháp của

Bồ-tát là khi đản sanh, không cần ai dìu đỡ mà tự đi bảy bước rồi quán sát bốn phương và nói rằng: "đây là phương Đông, trong tất cả chúng sanh ta là tối thượng; đây là phương Nam, ta đáng được chúng sanh cúng dường; đây là phương Tây, ta không còn thọ thân sau; đây là phương Bắc, ta đã ra khỏi biển lớn sanh tử". Lúc đó chư thiên cầm lọng trắng và phất trần trắng được trang sức bằng tạp báu che phía trên cho Bồ-tát; các Long vương dùng hai loại nước sạch thơm, nóng lạnh điều hòa để tắm cho Bồ-tát. Thường pháp của các Bồ-tát là ở chỗ đản sanh, ở trước người mẹ hiện ra một ao nước lớn để cho người mẹ có đủ nước tắm. Khi Bồ-tát đản sanh, chư thiên ở trên hư không rải các loại hương thơm vi diệu của cõi trời lên mình Bồ-tát như hương bột, hương chiên đàn, trầm thủy… và trỗi đủ các loại nhạc trời.

Lúc đó tiên A-tư-đà đang ở trong hang đá của núi Kiết tất chỉ mê, tiên nhân này quán biết được tướng thành suy trong thế gian; tiên có một cháu ngoại tên là Na-la-đà thường đến cúng dường nên tiên tùy duyên chỉ dạy, Na-la-đà tín thọ nên cầu xin xuất gia làm đệ tử. Khi Bồ-tát đản sanh, trời đất sáng rực, Na-la-đà thấy tướng này rồi liền hỏi tiên nhân: "có phải là đời ác nên xuất hiện hai mặt trời, khiến cho trong hàng này lại có ánh sáng hay không? Tiên A-tư-đà nói kệ:

"Ánh nắng mặt trời rất nóng bức,
Ánh sáng này sáng sạch, mát dịu;
Lại chiếu sáng tận trong hang núi,
Ta đoán là ánh sáng Mâu ni.
Bồ-tát thần thông đại oai đức,
Khi vừa đản sanh, hiện ánh sáng;
Ánh sáng sáng sạch màu vàng ròng,
Chiếu soi khắp nơi trên thế gian".

Na-la-đà bạch tiên: "xin cho con theo thầy đến gặp Bồ-tát", tiên nhân nói: "Bồ-tát có đại oai đức, lại có thiên long bát bộ vây quanh, dù chúng ta có đến cũng không gặp được; hãy đợi khi Bồ-tát vào thành Kiếp-tỷ-la và được đặt ba tên, chúng ta đến mới được gặp".

Khi Bồ-tát đản sanh, cùng lúc đó năm trăm cung nhơn mỗi người đều sanh một trai, trong đó Thế đạt ca là thượng thủ; lại có năm trăm cung nhơn mỗi người đều sanh một nữ, trong đó Chiên ny là thượng thủ; lại có năm trăm đại thần, vợ mỗi người đều hạ sanh một nam, trong đó Ô-đà-di là thượng thủ. Lại có năm trăm con voi, mỗi con đều sanh voi con, trong đó Báo sái đà tử là thượng thủ; lại có năm trăm con ngựa, mỗi con đều sanh

ngựa con, trong đó Mã la ha mã tử là thượng thủ. Lúc đó năm trăm phục tàng báu đều tự hiển lộ ra, các quốc vương ở bốn phương đều hàng phục và đem đủ loại tạp vật đến cống hiến để phụng sự. Quần thần thấy các hiện tượng này rồi liền tâu cho vua biết, vua nghe rồi liền suy nghĩ: "con ta thành tựu tất cả sự nghiệp lành", do đây vua liền đặt tên cho Thái tử là Thành tựu nhất thiết sự. Trước nay trong thành Kiếp-tỷ-la có một Dược xoa tên là Thích ca tăng trưởng, những người thuộc chủng tộc Thích ca trong thành này nếu có sanh trai hay gái thì phải đưa đến lễ bái Dược xoa này trước. Vì thế vua bảo đại thần đưa Thái tử đến lễ bái, đại thần vâng lịnh đặt Thái tử trên xe báu rồi đưa đến chỗ Dược xoa. Những người thuộc chủng tộc Thích ca tánh tình vốn thô tháo hung bạo, thường phân biệt ta người nhưng khi thấy Thái tử họ liền trở nên tịch tĩnh đứng yên ; do việc này nên vua Tịnh-phạn đặt thêm tên là Thích ca Mâu ni. Khi Thái tử được đưa đến miếu, Dược xoa này thấy Bồ-tát từ xa liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến đảnh lễ Bồ-tát; mọi người thấy rồi hết sức kinh ngạc liền đem việc này tâu cho vua biết, vua nghe rồi hết sức vui mừng nên đặt thêm tên cho Thái tử là Thiên trung thiên. Sau khi đưa Thái tử trở về cung, vua bảo các nhũ mẫu nuôi dưỡng tùy theo thời, các nhũ mẫu này vui mừng bồng Thái tử về trong cung nuôi dưỡng, hằng ngày sau khi dùng nước thơm tắm và thoa hương thơm cho Thái tử xong liền bồng đến chỗ vua, vua đặt Thái tử lên đầu gối ngắm nhìn tướng mạo của Thái tử, trong lòng rất vui sướng. Lệ thường người trong cung sanh con đều vời Tướng sư đến xem tướng, lúc đó vua cho vời Tướng sư đến xem tướng Thái tử. Tướng sư xem tướng Thái tử rồi nói: "Thái tử có đủ ba mươi hai tướng, nếu tại gia thì làm Kim luân Thánh vương thống trị bốn thiên hạ, dùng thiện pháp giáo hóa; lại có đủ bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu; lại có đủ ngàn con dũng kiện có thể hàng phục quân địch; những người trên thế gian sống hòa bình không xâm phạm lẫn nhau, cùng hành thiện pháp thù thắng. Nếu Thái tử xuất gia sẽ ở ngôi vị Pháp vương Như lai Ứng chánh đẳng giác, danh vang khắp nơi", vua hỏi: "ba mươi hai tướng tốt là những tướng nào?", Tướng sư nói: "ba mươi hai tướng tốt gồm có: 1. Là bàn chân an trụ bằng phẳng, đầy đủ tướng đại trượng phu; 2. Là dưới lòng bàn chân có tướng thiên bức luân; 3. Là ngón tay thon dài; 4. Là mu bàn chân đầy dặn. 5. Là tay chân mềm mại, 6. Là bàn tay, bàn chân có màn mỏng; 7. Là tay duỗi ra dài tới đầu gối; 8. Là bắp chân rắn chắc; 9. Là thân ngay thẳng; 10. Là thế phi tàng mật; 11. Là thân tướng đầy đặn như cây Ni-cồ-đà; 12. Là ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm; 13. Là lông trên thân thượng mĩ; 14. Là lông ở mỗi lỗ

chân lông có màu xanh biếc và xoay về bên phải; 15. Là da có màu vàng ròng; 16. Là da mìn màng không dính bụi; 17. Là bảy chỗ trên thân gồm có hai tay, hai chân, hai vai và đảnh đều đầy đặn; 18. Là thân tướng oai vệ như Sư tử vương; 19. Là vai đầy đạn; 20. Là bắp tay rắn chắc; 21. Là thân tướng cao lớn; 22. Là 40 cái răng đều ngay ngắn; 23. Là răng khít; 24. Là răng trắng sạch; 25 Là hàm như Sư tử vương ; 26. Là lưỡi rộng dài, khi le ra có thể trùm cả mặt đến mé tóc; 27. Là vị trong miệng là vị tối thượng; 28. Là có âm thanh của trời Phạm, lời nói ra hòa nhã, âm vang như tiếng trống trời; 29. Là mắt xanh biếc; 30. Là lông mi như lông mi của Ngưu vương; 31. Là trên đảnh có nhục kế và 32. Là giữa hai lông mày có tướng bạch hào xoay về bên phải".

Thường pháp của Bồ-tát là sau khi Bồ-tát đản sanh được bảy ngày thì mẹ của Bồ-tát qua đời và được sanh lên cõi trời Tam thập tam. Bồ-tát lại có thân đoan nghiêm thù thắng khiến mọi người thích ngắm nhìn không biết chán, giống như thợ khéo dùng vàng Diêm phù đàn đúc ra các hình tượng rồi dùng thiên y khoác lên khiến cho ánh sáng chiếu khắp nơi, Bồ-tát cũng vậy; như hoa sen được mọi người yêu thích, Bồ-tát cũng vậy. Lại nữa, mắt của Bồ-tát không nháy giống như cõi trời Tam thập tam, do nghiệp quả nên ngày đêm Bồ-tát thường thấy bốn phương, bốn phương góc và hai phương trên dưới trong khoảng một do tuần. Lại nữa, Bồ-tát có đại trí huệ, hiểu rõ các pháp trong thế gian và hiểu cả pháp nước.

Lúc đó Na-la-đà đến bạch với tiên A-tư-đà: "nay Bồ-tát đã vào thành Kiếp-tỷ-la, vua Tịnh-phạn cũng đã đặt ba tên cho Bồ-tát, xin thầy hãy cùng con đến đó chiêm ngưỡng Bồ-tát", vị thầy đồng ý, cả hai dùng thần thông lực nương hư không mà đi, nhưng do oai lực của Bồ-tát khiến họ thối thất thần thông, không thể nương hư không mà đi, đành phải đi bộ vào thành Kiếp-tỷ-la. Khi đã vào thành đến trước cửa cung, họ nói với người giữ cửa: "ông hãy vào tâu vua có tiên A-tư-đà đang ở ngoài cửa xin được gặp vua", vua nghe rồi liền mang hương hoa ra nghinh đón hai tiên vào trong cung, mời ngồi rồi hỏi: "đại tiên từ xa đến có việc gì?", đáp là muốn gặp Bồ-tát, vua nói: "Thái tử đang an giấc, xin hãy đợi một lát", tiên đáp: "Bồ-tát đang an giấc, chúng tôi vẫn muốn chiêm ngưỡng", vua liền dẫn hai tiên đến chỗ Bồ-tát, thấy Bồ-tát tuy ngủ vẫn mở hai mắt nên tiên A-tư-đà nói kệ:

"Như long mã đang bay,
Tạm ngủ rồi lại thức,
Như người thiện làm việc,
Miên cái (phiền não ngủ) không che được".

Lúc đó Di mẫu bồng Thái tử trao cho tiên, tiên quỳ xuống đưa hai tay bồng rồi xem tướng Thái tử, kế hỏi vua: "vua đã mời các Tướng sư Bà-la-môn, họ đã xem tướng chưa?, đáp là xem rồi, lại hỏi xem như thế nào, vua đáp: "họ nói nếu nối ngôi vua sẽ là Kim luân Thánh vương, danh vang khắp mười phương", tiên A-tư-đà nói kệ:

"Đại vương hãy nên biết,
Tướng sư không biết được,
Đời mạt không Luân vương,
Nhất định chứng Bồ-đề,
Tôi quán thấy Thái tử,
Sẽ trụ ngôi Pháp vương".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 3

Lúc đó tiên A-tư-đà đã biết Thái tử chắc chắn sẽ thành bậc Chánh giác, liền tự quán xem tuổi thọ của mình có được thấy Bồ-tát chứng quả Bồ-đề trong đời nay hay không. Liền quán thấy Bồ-tát mười chín tuổi xuất gia, sau sáu năm khổ hạnh được pháp Cam lồ; lại quán biết mình không bao lâu nữa sẽ qua đời, không thể thấy được Bồ-tát thuyết pháp độ sanh nên tự buồn thương rơi lệ. Vua nhìn thấy rất kinh ngạc, liền dùng kệ hỏi:

"Trượng phu và nữ nhân,
Ai thấy đều vui mừng,
Không hiểu nay cớ sao,
Chỉ riêng Tiên buồn khóc,
Hay Thái tử của tôi,
Có tướng gì không tốt,
Lành thay, đại tiên nhơn,
Xin hãy mau vì nói".

Tiên nói kệ đáp:

"Cho dù trên hư không,
Bỗng mưa xuống kim cương,
Đối với thân Thái tử,
Vẫn không tổn mảy lông.
Cho dù dao kiếm bén,
Khí độc, rắn độc cắn,
Cũng đều không hại được.
Tất cả người sợ hãi,
Thái tử còn bảo vệ,
Làm sao đấng Từ bi,
Lại lo có người hại.
Các tự tại Phạm thiên,
Đều đến để hộ vệ,
Như vậy bậc tối thắng,

Lo gì có người hại.
Chỉ vì tôi hận mình,
Già chết đã đến gần,
Không thấy chuyển pháp luân,
Cho nên tự buồn thương.
Về sau người thế gian,
Gặp được Bồ-tát này,
Sẽ nghe được diệu pháp,
Chứng được quả Tịch diệt".

Lúc đó tiên A-tư-đà trong lòng tự hận suy nghĩ: "nay ta đã thối thất thần thông, nếu đi bộ ra thành mọi người nhìn thấy sẽ khinh thường ta", nghĩ rồi liền tâu vua: "trước đây vua có nguyện tiên A-tư-đà sẽ ra vào thành này, nay tôi đi bộ đến đây để đáp lại nguyện của vua, giờ đi bộ trở về, mong vua vì tôi cho sửa sang đường sá trong thành", vua liền ra lịnh dân chúng trang hoàng đường sá trong thành và nói: "nay tiên A-tư-đà đi bộ ra thành, dân chúng hãy tùy ý chiêm ngưỡng", tiên cùng vua quan và các trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn trước sau vây quanh ra khỏi thành rồi nói với vua: "vua hãy trở về cung, tôi xin từ giã". Sau khi từ biệt, tiên A-tư-đà đi về phía trước rồi lên núi Tân đà chọn một nơi tốt để dừng ở, do đi đường xa nên mỏi mệt ngồi nghỉ, bỗng nhập định Tiên ; do nhập định Tiên nên được thần thông trở lại. Thời gian sau nhiễm bịnh, các đệ tử dùng đủ loại thuốc thang trị liệu nhưng bịnh không thuyên giảm, các đệ tử bạch : "thầy bị bịnh đã dùng nhiều loại thuốc thang vẫn không khỏi, thế gian vô thường không thể là nơi trú ẩn, chúng con muốn cầu tịch tĩnh. Thầy đã đạt được an lạc, vì sao không ban cho chúng con lời giáo huấn để chúng con được ngộ nhập", tiên nói: "tuy ta xuất gia mong được pháp Cam lồ nhưng chưa chứng đắc, ta hổ thẹn không có gì truyền lại cho các con. Đồng tử thọ sanh trong chủng tộc Thích ca-sau này sẽ chứng quả vô thượng và sẽ dùng pháp cam lồ tế độ chúng sanh, lúc đó các con nên đến đó cầu xuất gia với vị ấy. Sau khi xuất gia, các con chớ ỷ mình là Ma-nạp-bạc-già mà hãy nổ lực siêng tu phạm hạnh để đắc pháp ; nếu việc tu hành thành tựu thì các con sẽ được vị Cam lồ", tiên liền nói kệ:

"Từ đây qua phương Đông,
Con nên đến tìm cầu,
Chư Phật rất khó gặp,
Gặp rồi nên siêng tu".

Kế nói kệ vô thường:

"Tích tụ đều tiêu tán,

Cao ngất ắt rơi rớt,
Hội họp ắt biệt ly,
Có mạng đều phải chết".

Nói kệ xong liền qua đời, đệ tử Na-la-đà như pháp cúng dường rồi theo giờ mai táng, mai táng xong liền đi đến thành Bà-la-nê-tư trụ nơi đó và dạy chú Phệ đà của Bà-la-môn cho năm trăm Ma-nạp-bạc-già. Na-la-đà có họ là Ca-chiên-diên nên mọi người ở đây đều gọi ông là Ca-chiên-diên. Khi Bồ-tát thành Phật, Ca-chiên-diên này đến gặp Phật nghe pháp và được liễu thoát sanh tử, được Niết-bàn tịch tĩnh tối thượng cứu cánh và được Phật gọi là Đại Ca-chiên-diên.

Lúc đó Bồ-tát đang ngồi trên đùi nhũ mẫu, ăn cơm gạo thơm đựng trên mâm vàng; thấy Bồ-tát ăn quá nhiều nên nhũ mẫu giật lấy mâm vàng, Bồ-tát dùng tay đè xuống không cho nhũ mẫu giật lấy, cho đến tám nhũ mẫu cũng không giật lấy được nên đến tâu vua; vua và các cung nhơn cũng không giật lấy được; vua ra lịnh quần thần cùng giật lấy cũng không giật được; quần thần dùng móc kéo mâm vàng cũng không thể giật được, cho đến dùng năm trăm con voi kéo dây giật lấy cũng không giật được. Thấy mọi người đều hết sức giật lấy mâm vàng này, Bồ-tát suy nghĩ: "những người này muốn thử sức mạnh của ta", nghĩ rồi liền dùng ngón tay móc sợi dây kéo khiến cho sức voi không địch nổi nên phải thụt lùi. Vua thấy việc này liền suy nghĩ: "chỉ dùng một ngón tay mà khiến cho năm trăm con voi thối lui, nếu dùng cả hai tay thì chắc địch được ngàn voi", vua liền đặt thêm tên cho Bồ-tát là Thiên tượng lực.

Bồ-tát khi nhập học có năm trăm đồng tử theo hầu, lúc đó có một học sĩ tên là Thái quang giáp thông hiểu năm trăm loại sách nên vua Tịnh-phạn dẫn Bồ-tát cùng năm trăm đồng tử đến đó cầu học. Học sĩ trao cho Bồ-tát một bộ sách, Bồ-tát liền nói là đã hiểu thông rồi, đưa bộ sách thứ hai… cho đến năm trăm bộ sách, Bồ-tát đều nói là đã thông hiểu rồi và hỏi học sĩ còn bộ sách nào khác không, học sĩ nói: "đây là năm trăm bộ sách đang lưu hành trong thế gian, những sách khác thì tôi không biết". Bồ-tát liền tạo một bộ sách đưa cho học sĩ và hỏi: "sách này viết bằng loại chữ gì và tên sách là gì ?", học sĩ nói: "tôi không biết loại chữ này và tên của bộ sách này" , Bồ-tát nói: "nếu trong thế gian xuất hiện Bồ-tát và Kim luân vương thì loại chữ của bộ sách này cũng sẽ xuất hiện trong thế gian". Lúc đó trong hư không, vua trời Phạm thiên xuất hiện và nói: "hai bậc ấy cùng xuất hiện với loại chữ mà Bồ-tát vừa nói là sự thật", vua và quần thần nghe lời này đều rất vui mừng, loại sách mà Bồ-tát đưa cho học sĩ xem là sách Phạm

thiên. Học văn xong, cậu của Bồ-tát là Ma-na-lợi đưa Bồ-tát và các đồng tử đến học cách cưỡi ngựa, bắn cung. Trong thành Kiếp-tỷ-la có một bác sĩ tên là Đồng thần, thông thạo cách bắn cung và chiến đấu, khi ông đến dạy cho Bồ-tát, Ma-na-lợi liền nói: "Thái tử có tâm từ bi lớn, ông hãy dạy cho Thái tử và các đồng tử này tất cả các pháp diệu, chỉ riêng có Đề-bà-đạt-đa là đừng dạy, vì Đề-bà-đạt-đa bản tánh độc ác, nếu thông thạo pháp này sẽ giết hại nhiều chúng sanh", vị thầy nghe rồi liền dạy cho Bồ-tát tường tận các pháp diệu, Bồ-tát nhờ đó học thông năm cách bắn cung:

1. Là bắn được các vật ở xa; 2. Là nghe được tiếng động dù mắt không thấy vẫn có thể bắn trúng theo ý niệm; 3. Là muốn bắn đến chỗ nào thì bắn trúng đến chỗ đó; 4. Là có thể tùy theo ý muốn làm cho người sống hay chết mà bắn vào yếu huyệt trên thân của người đó; 5. Là không kể gần hay xa, hễ bắn là rất chính xác. Cho nên tiếng đồn Bồ-tát văn võ song toàn lan xa, lúc đó có nhiều người ở thành Phệ-xá-ly bắt được một con voi đầy đủ tướng tốt, muốn đem voi báu này dâng cho Thái tử. Sau khi trang nghiêm đủ thứ cho voi, họ đưa voi đến thành Kiếp-tỷ-la, lúc đang đứng trước cửa cung vua thì vương tử Đề-bà-đạt-đa đi ra, thấy voi báu này liền sanh tâm ưa thích nên hỏi voi này đem cho ai, đáp là dâng cho Thái tử, Đề-bà-đạt-đa nghe rồi liền nổi giận nói: "Thái tử chưa làm Kim luân vương, vì sao các người lại đem voi báu đến", nói rồi liền đến gần voi đấm nó một đấm, voi liền ngã lăn ra chết, đánh voi chết xong liền bỏ đi. Lúc đó vương tử Nan-đà đi ra thấy voi chết nay liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Đề-bà-đạt-đa thật không tốt", lại suy nghĩ: "đây chăng phải là Đề-bà-đạt-đa tự thử sức mình hay sao", nghĩ rồi liền nắm đuôi voi kéo đi hơn ba mươi bảy bước rời khỏi đường cái rồi bỏ ở đấy. Sau đó Thái tử đi ra thấy voi chết này liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "người đánh chết voi là không tốt, người kéo voi ra khỏi đường cái là tốt", lại suy nghĩ: "há chẳng phải hai người tự thử sức mình hay sao, ta cũng phải thử sức", nghĩ rồi liền nắm vòi voi quăng ra khỏi thành bay xa bảy dặm mới rơi xuống đất và được chôn luôn ở đó nên chỗ đó được gọi là chỗ táng voi. Các trưởng giả và Bà-la-môn có tín tâm liền xây tháp ở đó rồi nói kệ:

"Thiên thọ đánh chết con voi lớn,
Nan-đà kéo ba mươi bảy bước,
Bồ-tát quăng voi ra khỏi thành,
Như quăng ngói gạch lên hư không".

Lúc đó các đồng tử thuộc dòng Thích rủ nhau vào rừng chơi trò luân đao để chặt cây, Bồ-tát cũng cùng năm trăm đồng tử vào rừng; các đồng tử kia đua nhau múa luân đao khiến cho cây cối đều nghiêng ngã, Bồ-tát cũng

múa luân đao nhưng cây cối dù bị đứt cũng không ngã. Thấy cây không ngã các đồng tử kia nói: "nghe nói Thái tử oai lực mạnh mẽ, thông đạt năm tài nghệ, vì sao múa luân đao lại không chặt gãy một cây nào. Chặt cây là thuật nhỏ mà còn như vậy, huống chi là các thuật khác", lúc đó thiên thần thấy họ chê bai Thái tử liền muốn giải nghi nên tạo ra một luồng gió mạnh làm cho cây rừng ngã ào ào xuống, các đồng tử kia thấy rồi hết sức kinh ngạc và khen là kỳ diệu. Sau đó các vương tử lại cùng Bồ-tát thi bắn cung, họ dùng bảy hàng cây Thiết đa la, bảy hàng trống lớn và ở giữa là bảy con heo sắt làm mục tiêu. Đề-bà-đạt-đa bắn qua một cây Đa la, một trống và một con heo thì tên mới dừng; Nan-đà bắn qua hai cây Đa la, hai trống và hai con heo thì tên mới dừng ; Bồ-tát bắn qua hết bảy cây, bảy trống và bảy heo, sức của mũi tên bay qua khỏi địa luân đến mé nước mới dừng. Long vương nhổ mũi tên này, từ lỗ hổng này vọt lên nguồn nước thơm ngon, ai uống nước này đều khen là hi hữu. Các cư sĩ và Bà-la-môn tín tâm liền xây tháp nơi dòng nước đó để cúng dường.

Sau đó Bồ-tát cùng các đồng tử cưỡi xe ngựa trở về trong thành, bên ngoài cửa thành có các tướng sư, từ xa thấy Bồ-tát có oai quang thù đặc liền tranh nhau đoán: "nếu trong mười hai năm trở lại mà Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân Thánh vương". Vua Tịnh-phạn nghe được lời này rất vui mừng liền bảo quần thần: "ta nghe các tướng sư nói nếu trong mười hai năm trở lại mà Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân Thánh vương. Vậy các khanh nên tăng sự phòng hộ trong mười hai năm này đừng cho Thái tử xuất gia để Thái tử lên ngôi Kim luân vương, chúng ta sẽ cùng ở trên kim luân bay trên hư không quán sát khắp bốn thiên hạ. Các khanh hãy mau xây cung điện, tuyển chọn mỹ nữ để Thái tử vui vẻ hưởng thọ", quần thần tâu: "Thái tử không thích thanh hương Ái dục của thế gian thì làm sao dùng mỹ nữ khiến cho Thái tử Ái luyến được", vua nói: "Thái tử chưa thích hưởng thọ dục lạc là vì chưa gặp mỹ nữ, các khanh nên tuyển chọn mỹ nữ tuyệt thế thì nhất định Thái tử sẽ ưa thích". Lúc đó quần thần cùng bàn luận: "tuy Thái tử không Ái nhiễm, chúng ta cũng cứ lo liệu đủ thứ đồ trang sức rồi cho từng thiếu nữ đến gặp Thái tử, Thái tử sẽ lấy đồ trang sức này tặng cho họ, nếu cô nào Thái tử ưa thích sẽ chọn để hầu hạ Thái tử", bàn xong liền lo xây cất cung điện với tòa sư tử bằng trăm loại châu báu để Thái tử ngồi trên đó, dưới tòa để đủ loại đồ trang sức bằng châu báu chất thành đống rồi ra lịnh cho tất cả thiếu nữ con quan cho đến dân thường từng người đi đến trước Thái tử, Thái tử sẽ lấy một loại đồ trang sức này tặng cho họ.

Lúc đó Chấp trượng Thích chủng có con gái tên là Da-du-đà-la dung

sắc tuyệt trần, ông bảo con gái: "hôm nay Thái tử sẽ tặng cho các thiếu nữ đồ trang sức quý giá, con cũng nên đến đó", Da-du-đà-la nói: "trong nhà chúng ta há không có những thứ ấy hay sao, cần gì vật của người khác", người cha nói: "khi Thái tử tặng đồ trang sức, nếu ưa thích ai thì người đó được làm vợ Thái tử", Da-du-đà-la nói: "nếu con được chọn và nếu Thái tử có thích nhiều cô gái khác thì con chắc chắn sẽ là Đại vương phi", người cha nói: "chắc chắn sẽ như vậy, con hãy đi nhanh lên". Da-du-đà-la liền trang điểm thật đẹp với những đồ trang sức quý giá rồi cùng các thị nữ đi đến trong cung, bước đi của cô thung dung, thân ngay thẳng không ngó hai bên và đến đứng trước Thái tử. Lúc đó Thái tử đã ban hết đồ trang sức quý báu cho các thiếu nữ, không còn gì khác để tăng cho Da-du-đà-la ngoài chiếc nhẫn vàng, Thái tử nhìn Da-du-đà-la và đưa ngón tay có đeo nhẫn lên. Da-du-đà-la cùng Thái tử đời trước đã có nhân duyên yêu thương nhau nên cô liền bước lên tòa sư tử nhận lấy nhẫn vàng từ ngón tay của Thái tử. Quần thần thấy việc này rồi liền nói với nhau: "Da-du-đà-la thuộc dòng họ cao quý, dung sắc đoan nghiêm nhất trong các thiếu nữ, có thể tuyển vào cung hầu hạ Thái tử", nói rồi liền tâu việc này lên vua, vua cho hai vạn thể nữ vây quanh rước Da-du-đà-la vào cung Thái tử.

Lúc đó ở thế gian có một cây mới mọc tên là Thiện kiên, chỉ trong một đêm nó cao đến một trăm khuỷu tay, khi chưa gặp ánh nắng mặt trời thì thể chất của nó mềm mại, dùng móng tay bấm liền đứt; nhưng khi gặp ánh nắng mặt trời chiếu vào thì cây liền cứng chắc, dù dùng dao búa hay lửa đề chặt phá hay đốt, nó vẫn không tổn hoại. Sau khi Bồ-tát đản sanh, ở giữa hai thành Kiếp-tỷ-la và Thiên thị có một con sông lớn tên là Lư đề ha, cây Thiện kiên này mọc bên bờ sông, nước sông dâng cao khi rút xuống đã cuốn theo lớp cát đất trên bờ, làm cho rễ cây Thiên kiên lộ ra trên mặt đất, sau đó nó bị gió thổi mạnh ngã đổ nằm chắn giữa sông, khiến cho bên kia thành Kiếp-tỷ-la bị chìm ngập còn bên nay thành Thiên thị thì khô cạn. Vua thành Thiên thị sai sứ đến báo với vua Tịnh-phạn: "cây Thiện kiên ngã đổ nằm chắn giữa sông khiến cho cả hai thành đều tai hại, trong nước của vua có các vương tử sức lực mạnh khỏe, xin vua ra lịnh cho họ dẹp bỏ cây này", vua nói: "ta làm sao có thể xử phân việc này", lúc đó có một đại thần tên là Xiển đà tâu vua: "xin vua để thần lo liệu việc này, thần có cách làm cho các vương tử không cần vua ra lịnh, cũng sẽ tự dẹp bỏ cây này", vua chấp thuận. Xiển đà liền cho quét dọn trang hoàng khu rừng bên bờ sông làm nơi vui chơi rồi thỉnh các vương tử đến đó vui chơi. Khi các vương tử đến nơi, Đề-bà-đạt-đa thấy có một con chim nhạn bay ngang liền giương cung bắn, chim trúng tên rơi xuống chỗ Bồ-tát ngồi, Bồ-tát liền cầm chim nhạn

lên nhổ tên ra rồi đắp thuốc cho nó. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa bảo thị tùng đến nói với Bồ-tát: "chim nhạn này do vương tử Đề-bà-đạt-đa bắn trúng, xin hãy trả lại cho vương tử", Bồ-tát nói: "từ khi ta phát tâm Bồ-đề thì tất cả hữu tình đều thuộc về ta trước rồi, sao có thể nói chim nhạn này thuộc của vương tử đó được". Do nhiều đời trước, Đề-bà-đạt-đa đã kết oán với Bồ-tát rồi nên nay nghe được lời này liền ôm lòng sân hận ; tuy thân sau cùng này của Bồ-tát đã dứt hết oán kết đối với chúng sanh, nhưng chỉ riêng đối với Đề-bà-đạt-đa là còn chút tập khí oán thù, nên khiến vì con chim nhạn này mà lần đầu tiên tranh chấp với Đề-bà-đạt-đa. Lúc đó vua thành Thiên thị ra lịnh cho dân chúng cùng ra sức dẹp bỏ cây nên gây náo loạn, nghe tiếng náo loạn này Bồ-tát liền hỏi nguyên do, đại thần Xiển-đà liền kể lại sự việc, Bồ-tát liền nói: "ta sẽ tới đó dẹp bỏ cây". Khi vừa đến nơi bỗng có một con rắn độc từ trong lỗ hổng bên đường vọt ra, Ô-đà-di sợ nó làm hại Bồ-tát nên rút dao ra chặt nó làm hai khúc, rắn phun khí độc dính vào thân khiến da biến thành sắc đen nên từ đó được gọi là Hắc Ô-đà-di. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa dùng sức kéo cây nhưng chỉ làm nó động đậy mà thôi, Nan-đà dùng sức nhấc nó lên được một chút, Bồ-tát thấy vậy dùng sức ném cây lên bờ, cây gãy làm hai đoạn nằm ở hai bên bờ sông rồi nói với mọi người : "cây Thiện kiên này thuộc loại cây thuốc có thể trừ được bịnh nóng, các vị hãy chặt cây thành miếng nhỏ, mài thành bột ; nếu bị khí độc hay ung nhọt thoa thuốc này sẽ được lành". Khi trở về thành, ngoài cửa thành có một tướng sư nói: "trong bảy ngày nữa nếu Bồ-tát không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân Thánh vương". Lúc đó có một cô gái dòng họ Thích tên Kiều-tỷ-la ở trong tụ lạc Chung thanh đang đứng trên lầu gác cao, Bồ-tát khi vào thành từ xa nhìn thấy cô gái này liền ấn ngón chân khiến cho xe dừng lại, mọi người thấy việc này liền cho là cô gái đã được lòng của Bồ-tát nên tâu vua, vua liền cho hai vạn thể nữ vây quanh rước Kiều-tỷ-la vào cung Thái tử.

Lúc đó Bồ-tát muốn dạo chơi vườn hoa nên bảo người đánh xe chuẩn bị xe, trên đường đi Bồ-tát thấy một người già khí lực yếu ớt, thân hình gầy ốm, khòm lưng đang chống gậy bước đi, chân run rẩy, râu tóc bạc phơ. Thấy rồi liền hỏi người đánh xe đó là người gì, đáp là người già không bao lâu nữa sẽ chết, lại hỏi sau này ta có bị như vậy không, đáp là cũng sẽ bị như vậy. Thái tử nghe rồi ưu sầu không vui liền bảo quay xe trở về cung, đến trong cung liền ngồi tư duy về khổ của già suy rồi nói kệ:

"Bỗng gặp người già yếu như thế,
Chống gậy bước đi, chân run rẩy,
Thân ta cũng sẽ già suy như thế,

Làm sao thoát khỏi khổ già này".

Lúc đó vua Tịnh-phạn hỏi người đánh xe: "Thái tử ra thành dạo chơi có vui vẻ không?", người đánh xe liền đem sự việc trên kể lại rồi nói: "hiện giờ thái từ đang ngồi trong cung tư duy về khổ của già suy". Vua nghe rồi liền suy nghĩ: "lúc Thái tử đản sanh, tướng sư nói là sẽ xuất gia tu đạo, chắc là ứng vào việc này. Ta nên cho tăng thêm thú vui ngũ dục cho Thái tử được vui ", nghĩ rồi liền ra lịnh tăng thêm thú vui ngũ dục cho Thái tử được vui. Tụng rằng:

"Vua cha nghe người đánh xe nói,
Liền nhớ nghĩ đến lời Tướng sư,
Tăng gấp bội thú vui ngũ dục,
Muốn cho Bồ-tát không xuất gia".

Sau đó Bồ-tát lại muốn ra thành dạo chơi nên bảo người đánh xe chuẩn bị xe, trên đường đi Bồ-tát thấy một người bịnh nằm bên đường, thân hình gầy ốm, vàng vọt không ai muốn nhìn, liền hỏi người đánh xe đó là người gì, đáp là người bịnh không bao lâu nữa sẽ chết, lại hỏi ta có bị như thế không, đáp là không ai thoát khỏi bịnh tật. Thái tử nghe rồi ưu sầu không vui liền bảo quay xe trở về cung, vào đến trong cung liền ngồi tư duy về khổ của bịnh tật. Lúc đó vua Tịnh-phạn hỏi người đánh xe: "Thái tử ra thành dạo chơi có vui vẻ không?", người đánh xe đem sự việc trên kể lại, vua nghe rồi liền cho tăng thêm thú vui ngũ dục để Thái tử được vui. Tụng rằng:

"Sắc thanh hương thượng diệu,
Các vị xúc tối thắng,
Thọ hưởng ngũ dục lạc,
Chớ bỏ ta xuất gia".

Sau đó Bồ-tát muốn ra thành dạo chơi nên bảo người đánh xe chuẩn bị xe, trên đường đi Bồ-tát thấy một người chết nằm trong một chiếc xe nhiều màu, trước xe có một người bưng lư hương đi trước, sau xe có nhiều nam nữ xõa tóc khóc than thảm thiết. Bồ-tát liền hỏi người đánh xe đó là người gì, đáp là người chết, lại hỏi sao gọi là người chết, đáp là người sanh khí đã hết, không thể gặp lại cha mẹ, anh chị em, vợ con và quyến thuộc nữa, lại hỏi ta có bị như vậy không, đáp là cũng bị như vậy; Bồ-tát nghe rồi trong lòng ưu sầu không vui, liền bảo quay xe trở về cung. Vua Tịnh-phạn cũng như trước hỏi người đánh xe Thái tử ra thành dạo chơi có vui vẻ không, người đánh xe đem sự việc trên kể lại và nói: "Thái tử hiện đang tư duy về khổ của chết chóc", vua nghe rồi liền cho tăng thêm thú vui ngũ dục

để Thái tử được vui. Tụng rằng:

"Thành tối thắng này rất tráng lệ,
Bậc Thiên trung Thiên hãy trụ lâu,
Tăng thêm ngũ dục để hoan lạc,
Giống như vườn Hoan hỉ ngàn mắt".

Lúc đó chư thiên cõi trời Tịnh cư cùng suy nghĩ: "Bồ-tát vốn có lực nhân thật lớn, nhân lớn phải gặp duyên lớn, chúng ta nên tạo duyên lớn cho Bồ-tát", nghĩ rồi liền hóa làm một Sa môn cầm tích trượng, ôm bát theo thứ lớp khất thực. Lúc đó Bồ-tát cũng muốn ra thành dạo chơi nên bảo người đánh xe chuẩn bị xe, trên đường đi Bồ-tát nhìn thấy Sa môn này liền hỏi người đánh xe đó là người gì, đáp là người xuất gia, lại hỏi sao gọi là người xuất gia, đáp: "người này thiện tâm tu hạnh lành, trụ nơi tốt đẹp, ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh. Do lòng tin nên cạo bỏ râu tóc, mặc y Như lai, lìa bỏ thế tục, hướng tới Niết-bàn, nên gọi là người xuất gia", Bồ-tát liền bảo người đánh xe cho xe tới gần Sa môn rồi hỏi Sa môn: "ông là người gì, vì sao cạo bỏ râu tóc, đắp y khác sắc, tay cầm tích trượng, ôm bát khất thực để sống như thế?", đáp là người xuất gia, lại hỏi sao gọi là người xuất gia, đáp: " thiện tâm tu hạnh lành, trụ nơi tốt đẹp, ba nghiệp thân khẩu ý đều thanh tịnh. Do lòng tin nên cạo bỏ râu tóc, mặc y Như lai, lìa bỏ thế tục, hướng tới Niết-bàn, nên gọi là người xuất gia", Bồ-tát nghe rồi liền khen lành thay rồi khởi niệm cũng muốn xuất gia, nghĩ rồi liền bảo quay xe trở về cung, vào trong cung rồi lặng lẽ suy tư về việc xuất gia. Vua Tịnh-phạn cũng như trước hỏi người đánh xe Thái tử ra thành dạo chơi có vui vẻ không, người đánh xe liền đem sự việc trên kể lại rồi nói: "hiện giờ Thái tử đang suy tư về việc xuất gia", vua nghe rồi ưu sầu không vui suy nghĩ: "khi Thái tử đản sanh, Tướng sư nói nếu Thái tử không lên ngôi thì chắc chắn sẽ xuất gia. Xét sự việc hôm nay ắt là giờ xuất gia sắp đến, ta nên tìm cách cản ngăn. Nên đưa Thái tử xem tịch điền để Thái tử quên việc xuất gia", nghĩ rồi liền vào cung bảo Thái tử cùng đi xem tịch điền. Nghe vua cha bảo cùng đi xem tịch điền, Thái tử không thể trái lời cha nên lên xe đi, thân tuy đi đến đồng ruộng, nhưng tâm vẫn suy tư về việc xuất gia. Trên đường đi, Thái tử thấy năm trăm phục tàng báu đều hiện và phát ra tiếng : "lành thay Thái tử, các phục tàng báu này đều là quyến thuộc của Ngài trong quá khứ, Ngài hãy lấy và tùy ý thọ dụng", Thái tử nói: "đó đều là tư tài si quyến thuộc trong quá khứ, không ngừng tích tụ, không biết xả bỏ, nay ta không cần dùng nữa, các ngươi hãy đi đi", phục tàng báu lại phát ra tiếng: "nếu Thái tử không thọ dụng thì chúng tôi sẽ vào biển lớn", Thái tử nói tùy ý nên các phục tàng này đều vào biển lớn. Bồ-tát tiếp tục đi đến chỗ cày

ruộng, thấy các nông phu thân dính đầy bụi đất, mồ hôi nhễ nhãi, tay cầm roi đánh trâu cày dính máu; lại thấy con trâu bị đánh nứt da, đói khát bức bách, gầy ốm mệt nhọc, lại bị các con đĩa bám vào chỗ da nứt để hút máu… trong lòng thương xót nên hỏi nông phu: "ông lệ thuộc vào ai?", đáp là lệ thuộc Thái tử, liền nói: "nay ta phóng thích cho các ông tự do, tự làm ăn kiếm sống không lệ thuộc vào ta nữa. Những con trâu cày này cũng thả nó được tùy ý kiếm cỏ nước nuôi thân". Sau đó Bồ-tát đến ngồi bên gốc cây Thiệm bộ và nhập Tam muội vô lậu tương tợ thứ nhất, những người tùy tùng cũng ngồi gần đấy để hầu Bồ-tát. Lúc đó vua Tịnh-phạn không thấy Thái tử liền tìm kiếm và thấy Thái tử đang nhập định bên gốc cây Thiệm bộ, mặt trời đã ngã về Tây, tất cả các bóng cây đều nghiêng theo ánh mặt trời, chỉ có cây Thiệm bộ vẫn đứng yên để che mát cho Thái tử. Vua thấy rồi liền suy nghĩ: "oai đức của con ta thật lớn, mặt trời đã ngã về Tây, tất cả các bóng cây đều nghiêng theo ánh mặt trời, chỉ có cây Thiệm bộ vẫn đứng yên để che mát cho Thái tử", vì quá vui mừng nên sanh tâm cung kính, vua liền nghiêng mình cúi đầu lễ bái Thái tử, yêu cầu Thái tử xuất định để cùng trở về cung. Khi đi ngang rừng thây chết, Thái tử nhìn thấy các tử thi sình thối, trong lòng càng ưu sầu nên ngồi kiết già suy tư về già bịnh chết. Vị tướng sư nói nội trong bảy ngày nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân Thánh vương nên nói kệ:

"Thái tử không xuất gia,
Nội trong vòng bảy ngày,
Khi mặt trời vừa mọc,
Liền lên ngôi Kim luân,
Đủ bảy báu tự tại,
Thái tử sẽ như vậy,
Trong nước không lao dịch,
Ngoài nước giặc lặng yên.
Nếu Thái tử xuất gia,
Không sợ ngồi giữa rừng,
Chứng đắc Nhất thiết trí ,
Độ thoát các chúng sanh".

Khi Bồ-tát vào thành, có một người thuộc chủng tộc Thích ca tên là Bất quá thời, ông có con gái tên là Lộc vương đang đứng bên trong cửa sổ trên lầu cao, ông thấy Bồ-tát từ xa liền nói kệ:

"Mẹ an lạc sanh ra,
Cha an lạc nuôi dưỡng,
Nàng ấy rất an lạc,

Sẽ gả cho Thái tử".

Thái tử nghe âm thanh này thành câu: "Ngài là bậc tối thắng, hãy tư duy về Niết-bàn tịch tĩnh", nên sanh hoan hỉ liền cởi chuỗi ngọc trên cổ ném lên hư không, do oai lực của Bồ-tát nên chuỗi ngọc rơi ngay vào cổ của Lộc vương. Mọi người thấy việc này rồi liền tâu vua, vua liền ra lịnh cho hai vạn thể nữ vây quanh rước Lộc vương vào cung của Thái tử. Trước sau Thái tử có ba phu nhân: Da-du-đà-la, Kiều-tỳ-ca và Lộc vương; trong số đó Da-du-đà-la là đại phu nhân.

Lúc đó vua Tịnh-phạn đọc kệ của tướng sư rồi liền triệu bốn anh em Cam lộ đến để bàn việc canh chừng không cho Thái tử xuất gia trong vòng bảy ngày. Vua cho xây bảy lớp hào thành, các cửa thành đều làm bằng sắt, trên mỗi cửa đều có treo linh, khi đóng hay mở đều kêu vang xa bốn mươi dặm. Trong chỗ Thái tử ở, vua cho kỹ nữ tấu các loại kỹ nhạc và vây quanh múa hát, bên ngoài cho các đại thần, tướng quân thay phiên canh giữ. Các cửa ở nội cung thường được đóng kín, nếu có việc cần qua lại thì trên thành có đặt cái thang do năm trăm người khiêng nó di chuyển ; khi cửa mở hay đóng đều phát ra tiếng, vua cũng nghe được và nếu nghe tiếng cửa mở thì các cấm quân đều cầm giáo nhọn chạy ra. Nơi bốn cửa thành đều có người thay phiên canh giữ, lúc đó vua Tịnh-phạn trấn giữ cửa thành Đông, vua Hộc-phạn trấn giữ cửa thành Nam, vua Bạch phạn trấn giữ cửa thành Tây, vua Cam lộ phạn trấn giữ cửa thành Bắc. Tướng Đại danh Thích ca đi tuần, khi đến cửa thành Đông liền hỏi: "ai trấn giữ cửa này", vua Tịnh-phạn đáp: "chính ta-trấn giữ", tướng Đại danh nói: "canh phòng cẩn thận thì tốt, ngủ mê thì xấu", kế nói kệ:

"Ngủ mê như người chết,
Người ấy thuộc ma vương.
Người trí thường tỉnh thức,
Cho nên siêng canh giữ".

Khi đi tuần tới cửa thành nam, tướng Đại danh liền hỏi: "ai trấn giữ cửa này", vua Hộc-phạn đáp: "chính ta-trấn giữ", tướng Đại danh nói: "canh phòng cẩn thận thì tốt, ngủ mê thì xấu", kế nói kệ:

"Ngủ mê như người chết,
Người ấy thuộc ma vương.
Người trí thường tỉnh thức,
Cho nên siêng canh giữ" .

Khi đi tuần tới cửa thành Tây, tướng Đại danh liền hỏi: "ai trấn giữ cửa này", vua Bạch phạn đáp: "chính ta-trấn giữ", tướng Đại danh nói:

"canh phòng cẩn thận thì tốt, ngủ mê thì xấu", kế nói kệ:

"Ngủ mê như người chết,
Người ấy thuộc ma vương.
Người trí thường tỉnh thức,
Cho nên siêng canh giữ".

Khi đi tuần tới cửa thành Bắc, tướng Đại danh liền hỏi: "ai trấn giữ cửa này", vua Cam lộ phạn đáp: "chính ta-trấn giữ", tướng Đại danh nói: "canh phòng cẩn thận thì tốt, ngủ mê thì xấu", kế nói kệ:

"Ngủ mê như người chết,
Người ấy thuộc ma vương.
Người trí thường tỉnh thức,
Cho nên siêng canh giữ".

Tướng Đại danh đi tuần một vòng như vậy thì trời vừa sáng, sau đó đến bạch vua Tịnh-phạn: "một đêm đã qua còn sáu đêm nữa", vua nói: "sáu đêm còn lại càng phải siêng canh giữ, qua sáu đêm này Thái tử sẽ lên ngôi Kim luân, chúng ta sẽ cùng Thái tử ở trên Kim luân nương hư không quan sát khắp bốn thiên hạ". Họ canh giữ như thế suốt sáu đêm, chỉ còn một đêm cuối, lúc đó vua trời Đế thích quán thấy rõ mọi việc nơi hạ giới liền nói kệ:

"Thích ca Mâu ni con quốc vương,
Tu hạnh lục độ đều viên mãn,
Ưa thích thoát tục ở núi rừng,
Để cầu đạo chơn như vô thượng".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 4

Lúc đó ở chỗ vui hưởng dục lạc trong cung, Bồ-tát tự nghĩ: "ta có ba phu nhân và sáu vạn thể nữ, nếu không cùng họ vui hưởng dục lạc thì sợ người ngoài cho ta không phải là trượng phu. Ta phải cùng Da-du-đà-la vui hưởng dục lạc", nhân đây Da-du-đà-la có thai, khi đã mang thai phu nhân

suy nghĩ: "sáng mai ta sẽ báo cho Thái tử biết". Đêm đó Bồ-tát tư duy về lý duyên sanh rồi nói kệ:

"Đã cùng người vợ ngủ qua đêm,
Đây là lần sau cùng chung ngủ,
Từ đây ta sẽ không thế nữa,
Lìa hẳn cùng người nữ ngủ đêm".

Bồ-tát quay lại nhìn thấy các thể nữ sau khi múa hát xong mỏi mệt nằm ngủ mê man, người thì đầu tóc rối bù, người thì ngủ mớ, miệng chảy nước dãi, người thì nằm lộ bày nửa thân … ; Bồ-tát cảm thấy thâm cung giống như bãi tha ma với những người chết nằm ngổn ngang, liền tư duy và nói kệ:

"Như gió thổi ngã sen trong ao,
Tay chân rã rời nằm ngổn ngang,
Đầu tóc rối bù, thân hình lộ,
Dù có tâm Ái cũng lìa bỏ.
Ta thấy những người nữ này ngủ,
Giống như người chết, thân biến sắc.
Vì sao ta không hay biết sớm,
Nơi cảnh hữu tình vô trí này,
Lại đồng bùn, tên, độc, lửa kia.
Như mộng hoặc như uống nước muối,
Như vua rồng bỏ vật khó bỏ,
Các khổ oán thù nhân đây sanh".

Nói kệ xong Bồ-tát đi ngủ, đêm đó phu nhân Đại thế chủ thấy bốn điềm mộng:

1. Là thấy nguyệt thực.
2. Là thấy mặt trời vừa mọc ở phương Đông liền lặn.
3. Là thấy có nhiều người đảnh lễ phu nhân.
4. Là thấy bản thân hoặc cười hoặc khóc.

- Đêm đó Da-du-đà-la cũng thấy tám điềm mộng:

1. Là thấy dòng họ bên mẹ đều ly tán.
2. Là thấy chiếc giường cùng nằm với Thái tử bị hư hủy.
3. Là thấy hai cánh tay đều bị gãy.
4. Là thấy răng mình đều rụng hết.
5. Là thấy tóc mình rụng hết.
6. Là thấy thần an lành ra khỏi nhà.

7. Là thấy nguyệt thực.

8. Là thấy mặt trời vừa mọc ở phương Đông liền lặn.

- Đêm đó Bồ-tát cũng thấy năm điềm mộng:

1. Là thấy thân mình nằm trên mặt đất, đầu gối tên núi Tu di, tay trái thòng xuống biển Đông, tay phải thòng xuống biển Tây, hai chân thòng xuống biển Nam.

2. Là thấy trên tim mình mọc cỏ Cát tường cao vút lên hư không.

3. Là thấy các con chim trắng, đầu đều có sắc đen bay đến đảnh lễ Bồ-tát rồi lại muốn bay lên hư không, nhưng không bay qua khỏi đầu gối của Bồ-tát.

4. Là thấy những con chim đủ màu sắc từ bốn phương bay đến chỗ Bồ-tát thì trở thành cùng một màu.

5. Là thấy Bồ-tát kinh hành qua lại trên núi đầy tạp uế.

Bồ-tát thức tỉnh vui mừng suy nghĩ: "điềm mộng này cho biết không bao lâu nữa ta sẽ được trí A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề", lúc đó Da-du-đà-la cũng tỉnh giấc và nói cho Bồ-tát nghe tám điềm mộng của mình. Sợ Da-du-đà-la lo buồn nên Bồ-tát phương tiện giải thích điềm mộng đó như sau:

1. Là thấy dòng họ bên mẹ đều ly tán thì nay họ đều còn đó, sao lại gọi là ly tán.

2. Là thấy chiếc giường cùng nằm với Thái tử bị hư hủy thì nay giường này vẫn còn nguyên vẹn, sao lại gọi là hư hủy.

3. Là thấy hai cánh tay đều bị gãy thì nay chúng vẫn còn nguyên vẹn, sao lại gọi là đều bị gãy.

4. Là thấy răng mình đều rụng hết thì nay răng vẫn còn nguyên tốt đẹp, sao gọi là rụng hết.

5. Là thấy tóc mình rụng hết thì tóc nay vẫn còn như cũ.

6. Là thấy thần an lành ra khỏi nhà thì thần an lành của nàng là ta vẫn còn bên cạnh nàng đây.

7. Là thấy nguyệt thực thì trăng vẫn tròn sáng trên không.

8. Là thấy mặt trời vừa mọc ở phương Đông liền lặn thì bây giờ là nửa đêm, mặt trời vẫn chưa mọc, sao gọi là lặn.

Sau khi nghe giải thích, Da-du-đà-la liền im lặng; lúc đó Bồ-tát lại nghĩ về điềm mộng của Da-du-đà-la : "nếu ứng theo điềm mộng của Da-du-đà-la thì đêm nay ta đi xuất gia là thích hợp", lại nghĩ: "ta phải nói sơ ý nguyện của ta cho Da-du-đà-la biết", nghĩ rồi liền nói: "thật ra ta vốn có ý

nguyện xuất gia", Da-du-đà-la nói: "thiếp cũng muốn đi, xin hãy dẫn thiếp đi theo", Bồ-tát thầm nghĩ: "khi nào được Niết-bàn, ta sẽ dẫn nàng đi", liền nói: "được, khi nào ta có chỗ đi, ta sẽ dẫn nàng đi", Da-du-đà-la nghe rồi liền ngủ yên. Lúc đó Bồ-tát phát tâm muốn đi, biết được tâm niệm của Bồ-tát nên vua trời Đế thích và Đại phạm chắp tay nói kệ:

"Tâm như ngựa chưa điều,
Như khỉ vượn lăng xăng,
Ai lìa ngũ dục lạc,
Mau chứng đắc Niết-bàn.
Đấng Đại từ dậy đi,
Bỏ ngôi vị vua này,
Sẽ được Nhất thiết trí ,
Độ thoát các chúng sanh".

Bồ-tát nói: "vua trời Đế thích, ông không thấy sao?", liền nói kệ:

"Như Sư tử vương trong cũi sắt,
Tướng mạnh, đao cung đứng canh giữ,
Đông người, voi, ngựa rất ồn ào,
Vây quanh thành này làm sao ra.
Vua cha như Sư tử hùng mạnh,
Bốn binh giáp sắt đều đầy đủ,
Hào thành, lầu gác và hành lang,
Đủ loại binh trượng ở khắp nơi.
Hãy nhìn các cửa trong cung cấm,
Và các cửa thành cũng như vậy,
Khắp nơi thảy đều có treo linh,
Thật là khó vượt qua cửa ải.
Nếu qua, loa trống chung quanh ta,
Sẽ khua ầm ỉ không ngừng dứt,
Bốn binh voi ngựa ở ngoài cung,
Canh giữ nghiêm nhặt không thể ra".
Thích-đề-hoàn-nhơn nói kệ:
"Thệ nguyện xưa, nay Ngài nên nhớ,
Được Nhiên đăng Như lai thọ ký,
Cứu vớt chúng sanh trong khổ não,
Hãy mau lìa nhà tìm chánh đạo.
Tôi có thể phương tiện giúp Ngài,
Cùng các Phạm thiên và chư thiên,
Sẽ giúp Ngài không gặp chướng ngại,

Để đến rừng cây tu chánh giác".

Bồ-tát nghe rồi vui mừng khen lành thay, lúc đó vua trời Đế thích dùng lọng hôn mê che phủ khiến cho các binh chúng, vua Tịnh-phạn, các thể nữ và tất cả những người đang phòng vệ ở các cửa thành đều ngủ thiếp, không thể tỉnh thức ; vua trời lại sai đại tướng Dạ xoa là Tán chi ca giữ thang cho Bồ-tát đi xuống chỗ của Xa-nặc. Thấy Xa-nặc đang ngủ, Bồ-tát dùng tay lay gọi hồi lâu mới tỉnh, Bồ-tát nói kệ:0

"Hãy dậy đi Xa-nặc,
Dẫn ngựa Kiền-trắc tới,
Đưa đến rừng Thắng giả,
Để ta cầu tĩnh lặng".

Xa-nặc nửa ngủ nửa thức nói kệ đáp:

"Chẳng phải giờ đi dạo,
Ngài vốn không kẻ thù,
Không có oán giặc đến,
Ban đêm sao đòi ngựa?".

Bồ-tát nói:

"Xa-nặc trước tới nay,
Không hề trái lời ta,
Chớ vào phút sau cùng,
Lại muốn trái lời ta".

Xa-nặc nói: "nửa đêm thần lo sợ nên không thể dẫn ngựa đến", Bồ-tát nghe rồi liền suy nghĩ: "nếu ta cứ nói với Xa-nặc mãi thì e rằng có người nghe được, sẽ làm hỏng dự tính của ta, chi bằng ta tự đi dắt ngựa đến", nghĩ rồi Bồ-tát liền đi đến chuồng ngựa, chỗ ngựa chúa Kiền-

trắc. Thấy Bồ-tát đến, Kiền-trắc tỏ vẻ giận dữ nhảy chồm lên không cho Bồ-tát dắt đi; trong lòng bàn tay của Bồ-tát có tướng Bách báu luân, tất cả chúng sanh sợ hãi nếu được Bồ-tát đưa tay Bách báu luân này vỗ về thì sẽ cảm thấy an ổn. Lúc đó Bồ-tát đưa tay vỗ nhẹ trên đầu ngựa rồi nói kệ:

"Đây là lần cuối ta cỡi ngươi,
Mau đưa ta đi chớ chần chừ,
Không bao lâu nữa chứng Bồ-đề,
Ta dùng pháp vũ độ chúng sanh".

Do chúng sanh có thường pháp là nếu nghe có người chỉ dạy thì liền nghe theo, ngựa Kiền-trắc sau khi nghe kệ liền đứng yên cho Bồ-tát dắt đi. Lúc đó Phạm vương Đế thích sai bốn thiên tử: một là Bỉ ngạn, hai là Cận ngạn, ba là Hương diệp, bốn là Thắng hương diệp; cả bốn vị này đều có oai

lực cùng đến chỗ Bồ-tát, Bồ-tát hỏi: "ai có thể giúp ta bay lên hư không để ra khỏi thành?", đáp: "cả bốn chúng tôi đều có thể", lại hỏi: "các vị có thần lực gì?", Bỉ ngạn đáp: "tôi có thể nâng cả mặt đất lên và mang đi", Cận ngạn nói: "tôi có thể gánh nước trong bốn biển và các sông ngòi mang đi", Hương diệp nói: "tôi có thể gánh đá trên các ngọn núi mang đi", Thắng hương diệp nói: "tôi có thể gánh tất cả cây rừng và bụi cỏ mang đi", Bồ-tát nghe rồi liền ấn chân xuống đất và bảo cả bốn thiên tử dùng hết sức lực nâng Bồ-tát lên. Cả bốn vị vận dụng hết oai lực vẫn không thể nâng Bồ-tát lên được nên hết sức kinh ngạc, nói rằng: "chúng tôi không biết Bồ-tát có oai lực lớn như thế, nếu biết thì chúng tôi đã không dám nâng Ngài". Nghe Bồ-tát cùng các thiên tử nói chuyện với nhau, Xa-nặc liền rảo bước tới chỗ Bồ-tát, Bồ-tát liền leo lên lưng ngựa, Xa-nặc một tay nắm dây cương, một tay cầm dao, bốn thiên tử nâng chân ngựa lên, nhờ oai lực của Bồ-tát và chư thiên cảm ứng nhau nên tất cả cùng bay lên hư không. Lúc đó các thiện thần trong cung nhìn thấy việc này đều cùng gào khóc, nước mắt rơi xuống như mưa, Xa-nặc hỏi Bồ-tát: "đây là mưa phải không?", Bồ-tát nói: "đây không phải là mưa, mà là nước mắt của các thiện thần trong cung rơi xuống khi nhìn thấy ta ra đi", Xa-nặc nghe rồi liền nghẹn ngào không nói. Lúc đó Bồ-tát ngoái nhìn lại vương cung thầm nghĩ: "đêm nay là đêm cuối cùng ta cùng người vợ ngủ chung, nhất thời từ biệt không còn như thế nữa", lại nghĩ: "nếu ta không qua cửa thành Đông từ biệt phụ vương thì sợ phụ vương sẽ tức giận quở trách các binh sĩ không nỗ lực canh chừng", nghĩ rồi liền bay qua đến cửa thành Đông, thấy vua cha ngủ rất say liền nhiễu quanh phụ vương ba vòng, đảnh lễ rồi nói: "con ra đi không phải vì bất hiếu mà chỉ vì các khổ sanh lão bịnh tử hủy diệt các hữu tình; con muốn xuất gia chứng đạo Bồ-đề để cứu vớt khổ nạn này", nói rồi liền bay lên hư không. Lúc đó tướng Đại danh Thích ca đi tuần vừa đến cửa thành Đông, chợt thấy Bồ-tát đang bay trên hư không liền kêu gào lên : "Thái tử làm gì vậy?", Bồ-tát đáp là ta muốn xuất gia, tướng Đại danh nói: "việc làm này phi pháp", Bồ-tát nói: "ta đã từng ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp thường hành khổ hạnh cầu Vô thượng Bồ-đề để cứu vớt chúng sanh, làm sao ngày nay ta có thể ở yên trong cung, nay ta nhất tâm vì pháp mà ra đi", tướng Đại danh nghe rồi liền gào khóc: "than ôi, hỡi vua Tịnh-phạn và những người thuộc chủng tộc Thích ca , khổ thay, khổ thay!". Tuy biết Thái tử vì đại nguyện nhưng tướng Đại danh vẫn muốn giữ Thái tử ở lại, liền nói kệ:

"Hôm nay vua Tịnh-phạn,
Vì con sanh sầu não,
Giơ tay gọi trời xanh,

Buồn hận gào khóc lớn.
Nàng Da-du-đà-la,
Cùng với các cung nhơn,
Nay từ biệt Tất đạt,
Thường bị khổ bức não".

Tướng Đại danh nói kệ xong vội chạy đến chỗ phu nhân Da-du-đà-la lay gọi dậy và nói kệ:

"Tất đạt đang ra đi,
Phu nhân nên lưu luyến,
Chớ để sau ưu sầu,
Nỗi khổ nhớ thương chồng.
Đi rồi khó gặp lại,
Hãy gặp lần sau cùng.
Khổ thay không ai nghe,
Thức dậy đừng trách tôi".

Nói kệ rồi lại chạy đến chỗ vua Tịnh-phạn lay gọi và nói kệ:

"Tất đạt đang ra đi,
Vua hãy mau ngăn lại,
Chớ để về sau này,
Thường sầu não vì con".

Tướng Đại danh lay gọi ba lần mà vua vẫn không tỉnh thức, lúc đó Phạm vương Đế thích cùng vô lượng chư thiên quyến thuộc đều đến chỗ Bồ-tát, Đại phạm thiên vương cùng chư thiên cõi sắc đứng bên phải

Bồ-tát; Thích-đề-hoàn-nhơn cùng chư thiên cõi Dục đứng bên trái Bồ-tát, có vị cầm phướn lọng, có vị tấu nhạc, có vị từ trên hư không rải các loại hoa xuống cúng dường Bồ-tát như hoa Ưu bát la, hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma ha Mạn-đà-la, các loại hương như Chiên đàn, Trầm thủy…; có vị dùng thiên y rải, có vị đánh trống, thổi loa, ca múa… và nói kệ:

"Chư thiên trong hư không,
Đều hết sức vui mừng,
Múa hát trước Bồ-tát ,
Để ca ngợi Bồ-tát .
Có vị tấu kỹ nhạc,
Có vị dẫn đi trước,
Có vị mở các cửa,
Có vị rải hương hoa,

Có vị nâng chân ngựa,
Tất cả đều đi theo,
Phạm vương và Đế thích,
Tất cả trời oai đức,
Không ai không đi theo,
Như trăng giữa các sao,
Đi đến rừng Thắng giả".

Khi Bồ-tát đã ra khỏi thành Kiếp-tỷ-la, Phạm Thích chư thiên đều hoan hỉ nói rằng: "lành thay Bồ-tát, trước đây Ngài thường nguyện không biết lúc nào mới được ở trong rừng hoang vắng này không còn chướng ngại, thì nay đã được như nguyện. Nếu Ngài đắc đạo vô thượng, xin hãy nhiếp thọ chúng tôi", Bồ-tát nói: "các vị sẽ được như nguyện", như voi chúa Bồ-tát quay lại nhìn chư thiên và nói kệ:

"Không chứng đạo vô thượng,
Thấu rõ pháp chư Phật,
Tôi sẽ không trở về,
Thành Kiếp-tỷ-la này".

Qua hai canh giờ, Bồ-tát đã đi được mười hai do tuần liền xuống ngựa, cởi chuỗi anh lạc đưa cho Xa-nặc rồi nói: "ngươi mang ngựa và chuỗi ngọc này trở về cung", liền nói kệ:

"Ngựa và chuỗi anh lạc,
Giao cho thân thuộc ta,
Ta nay bỏ tham Ái,
Mặc pháp phục từ đây".

Xa-nặc nghe rồi liền lớn tiếng gào khóc bi thương, nước mắt tuôn như mưa và nói kệ:

Bồ-tát nói kệ:

"Sư tử, hổ thành bầy,
Gai góc và thú dữ,
Một mình không quyến thuộc,
Thánh giả sống ra sao?".
"Khi sanh, sanh một mình,
Chết cũng chết một mình,
Khổ cũng một mình chịu,
Sanh tử không có bạn".

Xa-nặc lại nói kệ:

"Trước đây đi thường cỡi ngựa voi,

Tay chân mềm mại chưa chịu khổ,
Nơi đây toàn gai góc đá nhọn,
Thái tử làm sao đi lại được".

Bồ-tát nói kệ:

"Dù cho thuở nhỏ được cưng chìu,
Bậc hiền thiện, người cô độc,
Dõng mãnh vô úy, người cung kính,
Tất cả cuối cùng cũng sẽ chết,
Sanh lão bịnh tử nối theo nhau,
Đến hại mọi người rất nhanh chóng,
Dù có nguyện khác lớn hay nhỏ,
Cũng trong chốc lát đều tiêu diệt".

Xa-nặc nói: "vua Tịnh-phạn không thấy Thái tử ắt sẽ buồn rầu đến chết", Bồ-tát tuy nghe lời này nhưng vì được tư lương Bồ-đề viên mãn từ lâu, nên không để tâm đến; lúc đó Bồ-tát rút lấy cao dao trong tay Xa-nặc, con dao này nhẹ và bén, có sắc xanh; Bồ-tát tự cắt tóc mình rồi ném lên không trung, Thích-đề-hoàn-nhơn liền đón lấy tóc này đem về cõi trời Tam thập tam, mỗi năm họp đại hội chư thiên cúng dường; nơi Bồ-tát đã cắt tóc, các trưởng giả và Bà-la-môn có tín tâm xây lên một bảo tháp gọi là tháp nơi cắt tóc để cúng dường. Cắt tóc xong, Bồ-tát bảo Xa-nặc: "ngươi thấy ta bây giờ hình dung đã khác, tâm ta càng kiên cố ; ngươi như vậy há có thể trở về nhân gian hay sao?", Xa-nặc đáp là không rồi thầm nghĩ: "Thái tử thuộc dòng Sát-đế-lỵ nhiều kiêu mạn, dù ta nói thế nào cũng không làm thay đổi được", nghĩ rồi liền đảnh lễ giã từ Bồ-tát; ngựa Kiền-trắc cũng cúi đầu liếm chân Bồ-tát, Bồ-tát giơ bàn tay Bách báu luân vỗ nhẹ trên đầu ngựa rồi nói: "Kiền-trắc hãy đi đi, ta sẽ thường nhớ ơn ngươi cho đến khi ta chứng quả Bồ-đề", lại bảo Xa-nặc: "khi về đến nơi, ngươi không nên dắt Kiền-trắc vào trong thành", Xa-nặc tuyệt vọng nghẹn ngào rơi lệ, lúc lên đường trở về vẫn còn ngoái đầu lại nhìn Bồ-tát. Do thần đức của Bồ-tát nên chỉ trong hai canh giờ liền tới được nơi đây, nhưng khi trở về Xa-nặc phải mất tới bảy ngày mới về đến nơi. Tới cửa thành liền nghĩ: "nếu ta cùng ngựa vào thành sẽ bị mọi người oán ghét, thân ta cũng khó bảo toàn", nghĩ rồi liền trốn trong vườn hoa để ngựa chạy một mình vào trong thành. Khi vào trong thành, Kiền-trắc liền hí vang buồn bã ; nghe tiếng ngựa hí tất cả mọi người trong thành đều vội vã chạy ra, không thấy Bồ-tát, họ ôm cổ Kiền-trắc khóc than áo não. Súc sanh có thường pháp là hiểu được tình cảm của thế gian, huống chi Kiền trác là ngựa chúa ; cho nên khi thấy mọi người kêu gào thương cảm như thế, Kiền-trắc liền mất hết khí lực mà chết. Từ

nhiều kiếp đến nay, Kiền-trắc đều thọ thân ngựa trong các nhà Bà-la-môn, có đủ pháp siêng năng ; nay vừa mạng chung liền nhớ lại nghiệp đời trước mà được vượt qua đường sanh tử đầy sợ hãi, lên bờ kia Niết-bàn.

Lúc đó Bồ-tát cần ca-sa, trong thành Vô tỷ có một cư sĩ giàu có, tiền tài, kho lẫm đầy ắp, nhiều quyến thuộc; cư sĩ cưới một cô gái cùng dòng họ làm vợ, cùng chung sống vui vẻ và sanh được tất cả mười con. Họ đều xuất gia và chứng quả Phật Bích chi, khi bà mẹ đem y phục cho họ, họ nói: "chúng con sắp nhập Niết-bàn nên không cần nữa. Sắp tới đây, Thích ca Mâu ni con của vua Tịnh-phạn sẽ chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, mẹ nên cúng y này cho vị ấy, mẹ sẽ được vô lượng phước báo", nói rồi liền liền hiện mười tám pháp thần biến rồi nhập Niết-bàn vô dư. Người mẹ vì tuổi già, bịnh sắp chết nên dặn dò lại cho con gái rồi qua đời; người con gái sau đó cũng bịnh, trước khi mất quăng y lên cây cao và dặn thần cây dâng y này cho Bồ-tát. Lúc đó vua trời Đế thích nhìn xuống hạ giới, thấy y này trên cây liền hiện xuống lấy y rồi hóa làm một người thợ săn, tay cầm cung tên đi đến chỗ Bồ-tát, Bồ-tát thấy liền nói: "đây là y phục của người xuất gia, y phục ta đang mặc rất quý giá, ông có chịu đổi hay không?", đáp: "không đổi, vì sao, nếu tôi mặc áo quý giá của ông vào nhân gian, người nhìn thấy sẽ cho là tôi giết ông để lấy áo này", Bồ-tát nói: "ông nên biết, người trên thế gian đều biết ta có sức mạnh và trí huệ, không ai có thể giết được ta thì ông làm sao giết được ta để lấy y phục này chứ, ông không phải lo sợ". Lúc đó vua trời Đế thích quỳ xuống dâng y cho Bồ-tát, Bồ-tát mặc vào nhưng vì y nhỏ hơn so với thân lượng của Bồ-tát nên Bồ-tát thầm nghĩ: "y này quá nhỏ không thể mặc được, nếu có oai lực xin cho y này rộng lớn ra để che kín thân ta", nhờ oai lực của Bồ-tát và chư thiên nên y liền rộng lớn ra cho vừa với thân lượng của Bồ-tát. Bồ-tát lại suy nghĩ: "ta đắp y này đã đủ tướng xuất gia, ta nên cứu vớt những người khổ não", nghĩ rồi liền đưa y phục quý giá đã mặc trước đó cho vua trời Đế thích; vua trời Đế thích đem về cõi trời Tam thập tam cúng dường. Ở nơi đổi y này, các cư sĩ, trưởng giả, Bà-la-môn tín tâm xây lên một bảo tháp gọi là tháp thọ y xuất gia để cúng dường. Lúc đó Bồ-tát đắp ca-sa du hành khắp nơi trong rừng hoang dã, tới chỗ của tiên nhân Bà già bà, thấy tiên đang đứng chống tay vào má suy tư liền hỏi: "Đại tiên suy tư điều gì?", đáp: "nơi tôi ở có nhiều cây Đa la, trước đây hay sanh hoa vàng, trái vàng ; giờ bỗng nhiên hoa quả tự rụng nên tôi suy tư về việc đó", Bồ-tát nói: "chủ của các cây này vì sợ sanh lão bịnh tử bức bách nên đã xuất gia tu đạo, vì thế hoa quả tự rụng; nếu chủ của các cây này không xuất gia thì sẽ làm vườn ở đây". Tiên nhơn nghe rồi liền đưa mắt nhìn kỹ Bồ-tát, thấy Bồ-

tát dung mạo đoan nghiêm, tự suy nghĩ rồi nói: "người chủ xuất gia đó không lẽ chính là ông sao?", liền đáp là tôi, tiên vừa ngạc nhiên vừa vui mừng mời Bồ-tát ngồi rồi đem trái cây ra cúng dường. Ngồi một lát, Bồ-tát hỏi: "từ đây cách thành Kiếp-tỷ-la khoảng bao nhiêu dặm?", đáp là khoảng mười hai dặm, Bồ-tát suy nghĩ: "nơi đây rất gần thành của mình, người thuộc dòng họ Thích rất đông sợ sẽ đến gây phiền phức cho ta, ta nên vượt qua sông Căng già", nghĩ rồi liền vượt qua sông Căng già đi đến thành Vương xá. Bồ-tát có diệu lực thiện xảo, đầy đủ Nhất thiết trí muốn vào thành khất thực nên lấy mười lá Ca-la tỳ la câu na khâu thành cái bát để khất thực. Lúc đó vua Tần-tỳ-sa-la đang ở trên lầu cao, từ xa nhìn thấy Bồ-tát bước đi trang nghiêm, mặc y Tăng-già-lê như pháp, tay ôm bát, nhìn ngó như pháp với oai nghi tịch tĩnh theo thứ lớp đi khất thực. Vua thấy rồi liền suy nghĩ: "các vị xuất gia trong thành, ta chưa thấy có ai được như vậy", liền nói kệ:

"Ta khen ngợi xuất gia,
Bậc hiền thiện như thế,
Suy tư về sanh tử,
Nên mới liền xuất gia.
Tại gia gặp các khổ,
Trần cấu đến bức bách;
Xuất gia thọ thiền duyệt,
Người trí thích xuất gia,
Thân tâm đều xuất gia,
Lìa bỏ các việc ác,
Khẩu nghiệp cũng thanh tịnh,
Chánh mạng tự sinh sống.
Thánh giả tới Ma kiệt,
Vào trong thành Vương xá,
Nhiếp tâm nơi thiền niệm,
Theo thứ lớp khất thực.
Quốc vương trên lầu cao,
Từ xa thấy Thánh giả,
Liền sanh tâm hoan hỉ.
Bảo các cận thần rằng:
Hãy nhìn Thánh giả kia,
Đầy đủ tướng thù thắng,
Dung mạo rất đoan nghiêm,
Ngó đất đi như pháp,

Không nhìn ngó hai bên,
Không phải dòng hạ tiện.
Vua sai sứ đi theo,
Xem Thánh giả ở đâu.
Sứ liền vâng lịnh vua,
Đi theo sau Thánh giả,
Để xem Thánh giả này,
Sẽ dừng ở chỗ nào.
Thánh giả theo thứ lớp,
Khất thực qua sáu nhà,
Trong bát đầy thức ăn,
Tay ôm bát như pháp,
Thánh giả khất thực xong,
Lặng lẽ ra khỏi thành,
Đến trong rừng Bát trà,
Thanh tịnh tự dừng nghỉ.
Sứ giả biết chỗ rồi,
Liền sai một người giữ,
Một người trở về thành,
Tâu với nhà vua rằng:
Thánh giả kia đang ở,
Trong núi rừng Bát trà,
Dáng ngồi như mãnh hổ,
Như Sư tử trong núi.
Vua nghe xong lời này,
Liền lên xe báu đi,
Cùng với các cận thần,
Đến chỗ Bồ-tát ở.
Khi đến núi Bàn trà,
Vua liền bước xuống xe,
Đi bộ về phía trước,
Thấy Bồ-tát đang ngồi,
Vua cung kính thăm hỏi,
Rồi ngồi xuống đối diện,
Thấy Bồ-tát tịch tĩnh,
Vua liền cất tiếng hỏi:
Hỡi Bí-sô trẻ tuổi,
Đang trong lúc cường tráng,

Đoan nghiêm nhiều tài nghệ,
Sao lại đi khất thực?
Ông thuộc chủng tộc nào
Tôi sẽ cho ruộng vườn,
Và cấp cho thể nữ,
Tất cả đều đầy đủ.
Bồ-tát vừa nghe xong,
Liền nói kệ đáp rằng:
Đại vương, có một nước,
Ở dưới chân Tuyết sơn,
Tài thực đều sung túc,
Tên là Kiều-tát-la,
Cam giá, Kiều-đáp-ma ,
Thuộc chủng tộc Thích ca .
Tôi dòng Sát-đế-lỵ ,
Không thích dục thế gian.
Những người ở đất liền,
Núi rừng và bãi biển,
Dù có đủ châu báu,
Vẫn chưa thỏa lòng tham.
Như củi ném vào lửa,
Tham dục cũng như vậy.
Trong đường hiểm sợ hãi,
Người đi thường lo sợ.
Các dục, khổ là gốc,
Che lấp các pháp lành.
Tôi bỏ nhà xuất gia,
Nhàm lìa các tham dục,
Giống như núi Tuyết lớn,
Gió thổi không thể động.
Tâm tôi nương giải thoát,
Dục không kéo lôi được.
Chạy theo dục thế gian,
Sanh tử thường luân chuyển.
Chỉ riêng tôi có thể,
Giải thoát các sợ hãi,
Vì biết lỗi của dục,
Thấy Niết-bàn tịch tĩnh,

Nay tôi đã xả ly,
Trụ thanh tịnh an lạc".

Vua Tần-tỳ-sa-la nghe rồi liền hỏi: "Ngài xuất gia tu khổ hạnh để cầu điều gì?", đáp là cầu chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vua nói: "nếu Ngài đắc đạo xin hãy nhớ đến tôi", đáp: "sẽ như nguyện của vua".

Sau đó Bồ-tát đi đến rừng tiên nhơn bên núi Kỳ-xà-quật, đến nơi Bồ-tát cũng đi đứng nằm ngồi như các tiên ; thấy họ tu khổ hạnh thường co một chân cho đến một canh mới nghỉ, Bồ-tát cũng co một chân cho đến hai canh mới nghỉ; thấy họ dùng năm thứ lửa đốt thân cho đến một canh mới nghỉ, Bồ-tát cũng dùng năm thứ lửa đốt thân cho đến hai canh mới nghỉ… Bồ-tát hành khổ hạnh đều gấp đôi họ khiến họ cùng bàn tán: "đó là đại Sa môn trì hạnh", nhơn đây Bồ-tát được gọi là Đại Sa môn. Lúc đó Bồ-tát hỏi các tiên: "các vị tu khổ hạnh như thế để cầu việc gì?", một vị đáp là cầu làm vua trời Đế thích, vị khác đáp là cầu làm vua trời Đại phạm, vị khác đáp là cầu làm Ma vương cõi Dục. Bồ-tát nghe rồi liền suy nghĩ: "các tiên này mãi luân hồi trong còi trời người không ngừng dứt, đây là tà đạo, không phải đạo thanh tịnh", nghĩ rồi liền bỏ đi đến chỗ tiên Ca-la la. Đến nơi liền chắp tay cung kính hỏi: "thầy của đại tiên là ai, tôi muốn cùng tu phạm hạnh", tiên đáp: "này Kiều-đáp-ma, tôi không có thầy, ông muốn học thì tùy ý", lại hỏi: "đại tiên đạt được quả gì?", đáp là đạt được tới Vô tưởng định, Bồ-tát nghe rồi liền suy nghĩ: " vị tiên này có lòng tin, ta cũng có lòng tin; tiên có tinh tấn, niệm, thiện, trí… thì ta cũng có. Tiên được những trí huệ ấy cho đến được Vô tưởng định, lẽ nào ta không chứng đắc được những pháp đó hay sao", nghĩ rồi Bồ-tát lặng lẽ nhớ nghĩ các pháp ấy, muốn đắc pháp chưa đắc, muốn chứng pháp chưa chứng, muốn thấy pháp chưa thấy. Bồ-tát một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tinh tấn chuyên niệm đạo ấy, không bao lâu sau liền thấy được pháp, chứng được pháp. Chứng đắc pháp ấy rồi liền đi đến chỗ tiên Ca-la la nói rằng: "đại tiên tu các pháp này cho đến được Vô tưởng định là tự được phải không?", đáp là tự được, Bồ-tát nói: "những trí huệ ấy cho đến Vô tưởng định, tôi cũng đã tự chứng được", tiên nghe rồi liền nói: "Kiều-đáp-ma, ông đã chứng đắc, tôi cũng chứng đắc ; tôi đã chứng đắc, ông cũng đã chứng đắc. Vậy hai chúng ta cùng dạy pháp ấy cho các đệ tử ở đây, vì hai chúng ta cùng chứng được một pháp". Tiên Ca-la-la này là A-giá-lợi-da đầu tiên của Bồ-tát, do trí huệ của Bồ-tát nên vị tiên này hoan hỉ cúng dường và thân thiết cùng ở chung. Lúc đó Bồ-tát suy nghĩ: "đạo này không phải tri huệ, không phải chánh kiến, không thể đắc quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vì chưa phải là đạo giải thoát", nghĩ rồi liền từ giã tiên Ca-la la đi đến chỗ tiên Thủy thác đoan nghiêm

(xưa gọi là Uất đầu lam phất là sai). Đến nơi, Bồ-tát liền chắp tay cung kính hỏi: "thầy của đại tiên là ai, tôi muốn cùng tu phạm hạnh", tiên đáp: "này Kiều-đáp-ma, tôi không có thầy, ông muốn học thì tùy ý", lại hỏi: "đại tiên đạt được quả gì ?", đáp là đạt được tới Phi phi tưởng định, Bồ-tát nghe rồi liền suy nghĩ: " vị tiên này có lòng tin, ta cũng có lòng tin ; tiên có tinh tấn, niệm, thiện, trí … thì ta cũng có. Tiên được những trí huệ ấy cho đến được Phi phi tưởng định, lẽ nào ta không chứng đắc được những pháp đó hay sao", nghĩ rồi Bồ-tát lặng lẽ nhớ nghĩ các pháp ấy, muốn đắc pháp chưa đắc, muốn chứng pháp chưa chứng, muốn thấy pháp chưa thấy. Bồ-tát một mình ở nơi chỗ yên tĩnh tinh tấn chuyên niệm đạo ấy, không bao lâu sau liền thấy được pháp, chứng được pháp. Chứng đắc pháp ấy rồi liền đi đến chỗ tiên Thủy thác đoan nghiêm nói rằng: "đại tiên tu các pháp này cho đến được Phi phi tưởng định là tự được phải không?", đáp là tự được, Bồ-tát nói: "những trí huệ ấy cho đến Phi phi tưởng định, tôi cũng đã tự chứng được", tiên nghe rồi liền nói: "Kiều-đáp-ma, ông đã chứng đắc, tôi cũng chứng đắc; tôi đã chứng đắc, ông cũng đã chứng đắc. Vậy hai chúng ta cùng dạy pháp ấy cho các đệ tử ở đây, vì hai chúng ta cùng chứng được một pháp". Lúc đó Bồ-tát suy nghĩ: "đạo này không phải trí huệ, không phải chánh kiến, không thể đắc quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vì chưa phải là đạo giải thoát", nghĩ rồi liền từ giã tiên Thủy thác đoan nghiêm ra đi, đây là A-giá-lợi-da thứ hai của Bồ-tát.

Lúc đó vua Tịnh-phạn nhớ nghĩ đến Bồ-tát nên sai sứ đi khắp nơi tìm kiếm, khi nghe tin Bồ-tát đã từ giã tiên Thủy thác, một mình đi trong rừng núi không có người hầu; vua liền sai ba trăm đồng tử đi theo hầu hạ Bồ-tát, vua thành Thiên thị cũng sai hai trăm đồng tử, tổng cộng có năm trăm đồng tử vây quanh hầu cận Bồ-tát ở trong rừng. Bồ-tát liền suy nghĩ: "ta muốn được yên tĩnh trong núi rừng để cầu pháp Cam lồ thì không thể để nhiều người vây quanh ta như thế, ta chỉ nên giữ lại năm người", nghĩ rồi liền giữ lại hai người thuộc họ mẹ và ba người thuộc họ cha; số còn lại đều bảo quay trở về nước. Lúc đó Bồ-tát cùng năm người này du hành về phía Nam thành Già da, đến tụ lạc Ô lưu tần loa tây na da ni. Sau khi xem xét chung quanh, họ chọn một nơi bên bờ sông Ni-liên-thiền; nơi đây có cây cối tốt tươi và nước trong mát, đáy sông toàn là cát, trên bờ đất bằng phẳng, nước sông đầy nên dễ lấy nước; trên bờ cỏ xanh mọc khắp nơi với nhiều loại hoa thù thắng. Bồ-tát suy nghĩ: "nơi đây thù thắng thích hợp cho người tu thiện huệ, ta nên dừng ở noi đây tu thiền định chặt đứt các phiền não", nghĩ rồi liền ngồi dưới một gốc cây, điều khí nhiếp niệm nơi tâm để điều phục, đè nén và quở trách vọng tâm, khiến cho các lỗ chân lông đều toát mồ hôi;

giống như tráng sĩ tóm lấy người yếu lôi kéo, đè ép làm não loạn tâm người kia, khiến cho toàn thân người ấy toát mồ hôi. Bồ-tát chế phục thân tâm cũng như vậy, lúc đó Bồ-tát càng tinh tấn không gián đoạn nên thân được khinh an không còn chướng ngại và tâm được an định không còn nghi hoặc. Bồ-tát chịu đựng cực khổ, khổ khổ và bất lạc khổ, các khổ như thế nhưng tâm vẫn không trụ được chánh định. Bồ-tát liền suy nghĩ: "ta nên đóng kín các căn không cho buông lung xao động để trụ nơi tịch tĩnh", nghĩ rồi liền nhiếp hơi thở không thở ra thở vô, do không thở ra nên khi xông lên đảnh đầu khiến Bồ-tát đau đớn như bị lực sĩ dùng mỏ sắt gõ vào đầu. Lúc đó Bồ-tát càng tinh tấn không gián đoạn nên thân được khinh an không còn chướng ngại và tâm được an định không còn nghi hoặc. Bồ-tát chịu đựng cực khổ, khổ khổ và bất lạc khổ, các khổ như thế nhưng tâm vẫn không trụ được chánh định; vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Bồ-tát liền suy nghĩ: "ta nên đóng bít các căn nhiếp hơi thở vào bên trong để nhập thiền định", nghĩ rồi liền nhiếp hơi thở không thở ra thở vô nên khí từ trên đảnh đầu trở xuống xông vào lỗ tai, giống như miệng túi được bơm hơi vào đầy. Bồ-tát chịu đủ các khổ như vậy vẫn không nhập chánh định, vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Bồ-tát lại suy nghĩ: "ta nên tinh tấn gấp bội, nhiếp khí ở bên trong làm cho nó trương đầy lên để nhập thiền định", nghĩ rồi liền đóng các căn nhiếp khí lại, khiến khí từ lỗ tai trở xuống bụng tràn đầy trong ngũ tạng, bụng bị trương đầy lên như cái túi đầy. Bồ-tát chịu đủ các khổ như vậy nhưng vẫn không trụ chánh định, vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Bồ-tát lại nghĩ: "ta phải nổ lực thêm làm cho trương đầy để nhập định", Bồ-tát liền ngưng thở khiến cho khí xông trở lên đảnh, đảnh đầu đau đớn giống như bị lực sĩ dùng dây siết chặt lại. Bồ-tát chịu đủ các khổ như vậy nhưng vẫn không trụ chánh định, vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Bồ-tát lại nghĩ: "ta nên nổ lực dụng công gấp bội để nhập định", lúc đó khí lại trở xuống trương đầy ở bụng làm cho bụng đau đớn; giống như bị người mổ trâu dùng dao bén rạch bụng. Bồ-tát chịu đủ các khổ như vậy vẫn không trụ chánh định, vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Bồ-tát lại nghĩ: "ta nên tinh tấn gấp bội làm cho trương đầy để nhập định", lúc đó khí tràn khắp thân khiến thân nóng hừng hực như bị hai lực sĩ ép đưa vào trong lò lửa. Bồ-tát chịu đủ các khổ như vậy nhưng vẫn không trụ được chánh định, vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Bồ-tát lại suy nghĩ: "ta nên đoạn ăn uống", nghĩ rồi liền ngừng ăn uống, chư thiên liền đến nói với Bồ-tát: "nếu Bồ-tát không thích thức ăn uống của loài người thì chúng tôi sẽ rót nước cam lồ vào lỗ chân lông của Bồ-tát", Bồ-tát suy nghĩ: "mọi người đều biết ta đã ngừng ăn uống, nếu ta thọ nước cam lồ tức là ta vọng ngữ, khiến cho chúng

sanh sanh tà kiến; sau khi chết ta sẽ bị đọa vào địa ngục, ta không nên thọ nước cam lồ; nhưng ta nên mỗi ngày thọ một ít thức ăn của loài người như mè, đậu", nghĩ rồi liền không thọ chư thiên thỉnh và mỗi ngày chỉ thọ một ít mè, đậu. Dần dần thân thể tay chân của Bồ-tát ốm tong teo không còn thịt, các bộ phận trên thân đều khô gầy giống như người già tám mươi tuổi. Do ăn ít nên đỉnh đầu khô lại như trái bầu chưa chín đã cắt đứt cuống nên khi gặp nắng bị khô teo lại. Do ăn ít nên mặt thụt sâu vào trong như người bị móc mắt… cho đến hai bên hông, da xương đều khô đét lồi lõm giống như nhà lá ba trăm năm. Lúc đó Bồ-tát càng tinh tấn không gián đoạn nên thân được khinh an không còn chướng ngại và tâm được an định không còn nghi hoặc. Bồ-tát chịu đựng cực khổ, khổ khổ và bất lạc khổ, các khổ như thế nhưng tâm vẫn không trụ được chánh định; vì sao, vì đã huân tập từ nhiều đời. Lúc đó xương sống của Bồ-tát bị cong lại như cái đàn Không hầu, muốn đứng dậy thì lại nằm bẹp xuống, muốn ngồi lên thì lại ngã nhào xuống, muốn đứng thẳng lưng cũng không được như ý.

Bồ-tát liền suy nghĩ: "pháp ta đang tu không phải là chánh trí, không phải là chánh kiến, không thể chứng được quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 5

Lúc đó có ba vị trời đến chỗ Bồ-tát, nhìn thấy Bồ-tát như vậy nên một vị nói: "Kiều-đáp-ma là Sa môn đen", một vị nói: "Kiều-đáp-ma là Sa môn xám", một vị nói: "không phải đen hay xám mà là Sa môn xanh", bởi vì ánh sáng và màu sắc trên thân của Bồ-tát trước đó đã biến mất, nhưng Bồ-tát không để tâm tới lời bàn tán này vì lúc đó tâm Bồ-tát khởi lên ba ví dụ về biện tài:

1. Là như củi ẩm ướt thấm nước, từ trong nước lấy ra và cái dùi lửa

cũng bị ướt; nếu có người đến tìm lửa dùng cái dùi lửa ướt này để dùi lấy lửa thì không lấy được lửa. Cũng vậy, Sa môn hay Bà-la-môn tuy thân lìa dục nhưng tâm vẫn đắm mê Ái dục, dính mặc Ái dục, ở trong dục, ưa thích dục và làm bạn với dục thì dù người này làm khổ thân, chịu cực khổ, khổ khổ, bất lạc khổ, chịu đủ các khổ như thế; thọ đủ các cảm thọ như thế nhưng đó đều không phải là chánh trí, không phải là chánh kiến, không thể đạt được chánh đạo vô thượng.

2. Là như củi ướt thấm nước nằm ở mé nước, nếu có người tìm lửa dùng dùi lửa khô dùi vào củi ướt để lấy lửa thì không lấy được lửa. Cũng vậy, Sa môn hay Bà-la-môn tuy thân lìa dục nhưng tâm vẫn đắm mê Ái dục, dính mặc Ái dục, ở trong dục, ưa thích dục và làm bạn với dục thì dù người này làm khổ thân, chịu cực khổ, khổ khổ, bất lạc khổ, chịu đủ các khổ như thế; thọ đủ các cảm thọ như thế nhưng đó đều không phải là chánh trí, không phải là chánh kiến, không thể đạt được chánh đạo vô thượng.

3. Là như gỗ mục không thấm nước nhưng nằm ở chỗ ẩm ướt, nếu có người tìm lửa dùng dùi lửa khô dùi vào gỗ mục ẩm ướt này để lấy lửa thì không lấy được lửa. Cũng vậy, Sa môn hay Bà-la-môn tuy thân lìa dục nhưng tâm vẫn đắm mê Ái dục, dính mặc Ái dục, ở trong dục, ưa thích dục và làm bạn với dục thì dù người này làm khổ thân, chịu cực khổ, khổ khổ, bất lạc khổ, chịu đủ các khổ như thế; thọ đủ các cảm thọ như thế nhưng đó đều không phải là chánh trí, không phải là chánh kiến, không thể đạt được chánh đạo vô thượng.

Sau khi hiểu được ví dụ này, Bồ-tát thầm nghĩ: "mỗi ngày ta nên ăn một hạt mè", cho đến ăn một hạt gạo, một hạt bắp, một hạt đậu; Bồ-tát vẫn bị đói bức bách, thân vẫn gầy ốm khô đét. Lúc đó vua Tịnh-phạn nghe biết Bồ-tát tu khổ hạnh như thế nên ưu sầu than khóc, các cung nhơn thể nữ đều cởi bỏ đồ trang sức, trải cỏ ngồi và cũng ăn mỗi ngày một hạt mè… như thế. Da-du-đà-la do ăn ít nên thai nhi trong bụng dần dần bị tổn hại, vua Tịnh-phạn sợ ảnh hưởng đến thai nhi nên bảo các cung nhơn không cho Da-du-đà-la biết tin tức của Bồ-tát và phương tiện nói là Bồ-tát đã ăn uống trở lại. Lúc đó Bồ-tát thầm nghĩ: "pháp tu khổ hạnh này không phải là chánh trí, không phải là chánh kiến, không thể đạt đạo vô thượng", nghĩ rồi liền chuyển qua ăn phân của trâu nghé mới sanh chưa ăn cỏ; sau đó đến trong rừng thây chết, nằm gối đầu trên xác chết và các xương khô, nghiêng hông bên phải chồng gót chân, tâm nghĩ về tướng quang minh. Đi đứng nằm ngồi đều hệ niệm như vậy chưa từng tạm bỏ; lúc Bồ-tát đang ngồi có các nam nữ thôn quê thấy Bồ-tát nhập định yên lặng, liền lấy cọng cỏ xỏ vào lỗ tai

của Bồ-tát từ trái qua phải để đùa giỡn và gọi Bồ-tát là con quỷ bụi đất, thậm chí còn lấy đất đá ném vào người Bồ-tát nhưng Bồ-tát vẫn không khởi tâm sân giận, cũng không nói lời thô ác. Bồ-tát có thể chịu được những điều khó nhẫn như thế, nhờ tinh tấn không gián đoạn nên thân được khinh an, tâm được chánh niệm, ý không nghi hoặc ; do chuyên tâm nới định nên Bồ-tát trụ vào Tam-ma-địa. Bồ-tát lại suy nghĩ: "nếu có người nào muốn dứt khổ, siêng tu các hạnh thì không có ai hơn được ta ; nhưng đó không phải là chánh đạo, không phải là chánh trí, không phải là chánh kiến, không đạt được đạo vô thượng. Thế nào là chánh đạo, chánh trí, chánh kiến, có thể đạt được đạo vô thượng?". Lúc đó Bồ-tát tự nhớ lại hồi còn ở vương cung lúc đi xem tịch điền, Bồ-tát đã ngồi dưới gốc cây Thiệm bộ thiền định; do Bồ-tát xả các pháp ác bất thiện trong Tầm tư nên tâm được tịch tĩnh an lạc và nhập Sơ thiền. Đây mới chính là hạnh tu hướng tới quả Dự lưu, là chánh trí, chánh kiến, chánh đẳng giác. Bồ-tát lại nghĩ: "nay ta không thể tu thành tựu hạnh này vì ta quá gầy yếu, không còn sức lực; ta phải điều hơi thở và ăn uống trở lại các loại thức ăn như cơm, cháo, tô, sữa, lạc… và tắm rửa cho sạch sẽ rồi lấy dầu thoa thân", nghĩ rồi liền điều hơi thở và ăn uống trở lại… Lúc đó năm thị giả theo hầu hạ Bồ-tát thấy rồi liền nói với nhau: "Sa môn Kiều-đáp-ma bỏ tu khổ hạnh, ăn uống trở lại… chắc là không thể chứng được đạo quả gì", họ cùng nhau lìa bỏ Bồ-tát để đi đến vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư và nguyện rằng: "nếu thế gian có bậc A-la-hán, chúng tôi sẽ theo vị ấy xuất gia". Do cùng ở chung tu hành nên được gọi là chúng năm người.

Lúc đó Bồ-tát nhờ ăn uống trở lại nên sức khỏe được hồi phục, liền đi đến tụ lạc Tây na duyên. Chủ của tụ lạc này tên là Quân tướng, ông có hai cô con gái tên là Hoan hỉ và Hoan hỉ lực. Hai cô gái này nghe tin Thái tử con vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la thuộc chủng tộc Thích ca, bên sông Căng già, dưới chân núi Tuyết, khi đản sanh có Tướng sư xem tướng nói rằng nếu Thái tử nối ngôi vua sẽ là Chuyển luân Thánh vương. Hai cô liền giữ trinh tiết suốt trong mười hai năm để mong được làm vợ của Chuyển luân Thánh vương, đủ mười hai năm họ muốn nấu loại cháo sữa được chuyển qua mười sáu lần để dâng cúng cho tiên nhơn khổ hạnh cầu mong nguyện ước của mình được thành tựu.

Sữa trải qua mười sáu lần chuyển là:

1. Đem sữa của ngàn con bò cho ngàn con bò uống.
2. Đem sữa của ngàn con bò đó cho năm trăm con bò uống.
3. Đem sữa của năm trăm con bò đó cho năm trăm con bò uống.

4. Đem sữa của năm trăm con bò đó cho hai trăm năm mươi con bò uống.

5. Đem sữa của hai trăm năm mươi con bò đó cho hai trăm năm mươi con bò uống.

6. Đem sữa của hai trăm năm mươi con bò đó cho một trăm hai mươi lăm con bò uống.

7. Đem sữa của một trăm hai mươi lăm con bò đó cho sáu mươi bốn con bò uống.

8. Đem sữa của sáu mươi bốn con bò đó cho sáu mươi bốn con bò uống.

9. Đem sữa của sáu mươi bốn con bò đó cho ba mươi hai con bò uống

10. Đem sữa của ba mươi hai con bò đó cho ba mươi hai con bò uống.

11. Đem sữa của ba mươi hai con bò đó cho mười sáu con bò uống.

12. Đem sữa của mười sáu con bò đó cho mười sáu con bò uống.

13. Đem sữa của mười sáu con bò đó cho tám con bò uống.

14. Đem sữa của tám con bò đó cho tám con bò uống.

15. Đem sữa của tám con bò đó cho bốn con bò uống.

16. Đem sữa của bốn con bò đó cho bốn con bò uống.

Cuối cùng lấy sữa của bốn con bò này đem nấu thành cháo sữa; lúc cháo đang được nấu, chư thiên cõi trời Tịnh cư quán thấy sau khi ăn cháo này xong, Bồ-tát sẽ thành đạo Bồ-đề, muốn giúp Bồ-tát thêm sức lực nên họ bỏ vào trong nồi cháo này một loại thuốc tiên và canh chừng nồi cháo, khi cháo chín liền hiện tướng luân báu. Lúc đó có một ngoại đạo tên Cận hành thấy nồi cháo có tướng luân báu liền suy nghĩ: "người nào ăn cháo này nhất định sẽ chứng được trí huệ vô thượng", nghĩ rồi liền đến xin cháo để ăn nhưng hai cô gái nhất định không cho, ngoại đạo đành phải bỏ đi. Hai cô gái múc cháo để vào trong bát báu, thấy vua trời Đế thích hiện ra trước mặt, hai cô gái liền dâng bát cháo sữa cho Đế thích, Đế thích nói: "hãy dâng cho bậc thù thắng hơn ta", liền hỏi: "ai là bậc thù thắng hơn Ngài?", đáp là vua trời Phạm thiên; hai cô gái liền dâng bát cháo sữa cho vua trời Phạm thiên, Phạm thiên nói: "hãy dâng cho bậc thù thắng hơn ta", liền hỏi: "ai là bậc thù thắng hơn Ngài?", đáp là vua trời Tịnh cư; hai cô gái liền dâng bát cháo sữa cho vua trời Tịnh cư , Tịnh cư nói: "hãy dâng cho bậc thù thắng hơn ta", liền hỏi: "ai là bậc thù thắng hơn Ngài?", đáp: "Bồ-tát đang tắm

trong sông Ni-liên-thiền, vị ấy thù thắng hơn ta, hai cô nên dâng cúng cho vị ấy". Lúc đó Bồ-tát tắm xong nhưng vì sức yếu nên không thể lên bờ được, bên bờ sông có nữ thần cây thấy vậy liền duỗi mình ra giơ tay định vớt Bồ-tát lên, Bồ-tát hỏi: "thần cây mang thân gì?", đáp là thân nữ, Bồ-tát liền nói: "tôi không thể xúc chạm thân nữ, cô hãy rũ một nhánh cây xuống để tôi níu lấy mà lên bờ", thần cây liền rũ một nhánh cây xuống, Bồ-tát níu nhánh cây lên bờ, lấy y đắp rồi ngồi dưới gốc cây trên bờ. Lúc đó hai cô gái mang bát cháo sữa đến dâng cúng cho Bồ-tát, vì lợi ích cho mình và người nên Bồ-tát thọ bát cháo sữa này. Bồ-tát ăn cháo xong rồi bỏ cái bát xuống sông Ni-liên-thiền, Long vương liền đem bát này để trong Long cung, vua trời Đế thích thấy liền hoa thành chim Diệu súy bay vào Long cung đe dọa Long vương để đoạt lại cái bát, mang về cõi trời Tam thập tam xây tháp để cúng dường. Lúc đó hai cô gái cúng cháo sữa xong liền ước nguyện: "Thánh giả, chúng con nghe tin Thái tử con vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la thuộc chủng tộc Thích ca, khi đản sanh có Tướng sư xem tướng nói rằng nếu Thái tử nối ngôi vua sẽ là Chuyển luân Thánh vương. Chúng con nguyện xin nhờ công đức cúng dường này để được làm vợ vị ấy", Bồ-tát nói: "vị ấy không ưa thích dục lạc thế gian nên đã xuất gia", hai cô gái nói: "nếu vị ấy đã xuất gia thì chúng con xin đem công đức cúng dường này nguyện cho vị ấy được thành tựu sở nguyện", liền nói kệ:

"Thái tử tên Tất đạt,
Bậc tối thắng trên đời,
Tùy có sở nguyện gì,
Thảy đều được thành tựu".

Bồ-tát nghe rồi liền nói: "hai cô sẽ được như nguyện", hai cô gái đảnh lễ rồi đi. Lúc đó Bồ-tát nhờ ăn cháo sữa này, khí lực được sung mãn, sáu căn đầy đặn liền du hành quanh bờ sông để tìm một nơi thanh tịnh dừng ở. Bồ-tát thấy núi Cô thạch có đủ loại hoa cỏ xanh tươi liền đến trên một tảng đá bằng phẳng ngồi kiết già, không ngờ tảng đá liền nứt vỡ ra. Bồ-tát liền đứng dậy suy nghĩ: "có phải là do nghiệp ác của ta chưa dứt nên tảng đá này bị nứt vỡ ra như thế", chư thiên biết tâm niệm của Bồ-tát nên từ trong hư không cất tiếng nói: "Bồ-tát vốn không có nghiệp ác, thường pháp của Bồ-tát khi sắp thành đạo là công đức thiện căn sung mãn thân tâm, sức của đất nơi đây không chở nổi nên tự nhiên nứt vỡ ra, vì nơi đây không phải là nơi Bồ-tát thành đạo quả. Sức của đất nơi đây không thể chở nổi hai hạng người, đó là người cực thiện và người cực ác ; Bồ-tát hãy qua núi Kim cang ở phía Đông của sông Ni-liên-thiền, ba đời chư Phật đều đã, đang và sẽ được trí huệ tối thắng tại nơi đó". Bồ-tát nghe rồi liền đi qua núi Kim cang,

lúc đó dưới mỗi bước chân đi của Bồ-tát đều có hoa sen mọc lên đỡ chân, đại địa chấn động. Lúc đó chim Già sa và nai Thiện thụy đến nhiễu quanh Bồ-tát, thần gió thổi Gió trong mát đến để thổi sạch hết bụi đất trên người Bồ-tát, thần Mưa mưa xuống để ngăn lốc bụi ; Bồ-tát thấy các tướng này rồi liền thầm nghĩ: "các tướng này hiện, nhất định hôm nay ta sẽ thành Chánh giác".

Lúc đó Long vương sống ở dưới sông Ni-liên-thiền tên là Già lăng già, do nghiệp đời trước nên hai mắt đều mù ; nếu Phật ra đời thì mắt nó được sáng, khi Phật nhập diệt thì mắt nó mù trở lại. Long vương nghe đất chấn động liền nghi là Phật ra đời nên từ trong Long cung hiện lên, thấy Bồ-tát có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, khiến cho cảnh vật chung quanh trở nên rực rỡ, Long vương liền nói kệ khen ngợi:

"Từng thấy các Bồ-tát,
Thành Phật đủ oai đức,
Xưa thấy với nay thấy,
Cả hai không sai khác.
Tôi thấy tướng chân đi,
Và thấy tướng hai bên,
Đáng thọ thế gian cúng,
Sẽ thành Phật không nghi.
Lại thấy mặc pháp y,
Vào trong sông Ni liên,
Nước sông liền trong sạch,
Sẽ thành Phật không nghi.
Bước đi như Ngưu vương,
Vững chắc và dõng mãnh,
Và như vua loài người,
Sẽ thành Phật không nghi.
Trên có chim Già sa,
Dưới có nai Tường thụy,
Thân tướng rất đoan chánh,
Sẽ thành Phật không nghi.
Gió lành thổi mát rượi,
Trên không mưa nhẹ rơi,
Chim hót, cây rũ sành,
Sẽ thành Phật không nghi.

Tướng quang minh thanh tịnh,
Giống như vàng Diêm phù,
Mặt tròn như vầng trăng,
Sẽ thành Phật không nghi.

Ca ngợi Bồ-tát xong, Long vương liền trở về Long cung; Bồ-tát nghe rồi liền đến chỗ đất kim cang và khởi nghĩ cần cỏ. Vua trời Đế thích biết tâm niệm của Bồ-tát liền đến Hương sơn lấy loại cỏ Kiết tường mềm rồi hóa thành một người làm thuê, ôm cỏ này đến gần chỗ Bồ-tát, Bồ-tát thấy cỏ liền theo xin, Đế thích dâng cỏ cho Bồ-tát, Bồ-tát đem cỏ trải dưới gốc cây Bồ-đề, cỏ tự nhiên xoay về phía hữu; Bồ-tát thấy rồi liền suy nghĩ: "hôm nay ta sẽ được giác ngộ không nghi". Bồ-tát ngồi kiết già trên tòa kim cang đoan nghiêm thù thắng như vua rồng, nhiếp tâm nhập định, miệng nói: "ta nay ở nơi đây, nếu không dứt hết các lậu hoặc thì ta sẽ không đứng dậy rời khỏi tòa này". Thường pháp của Ma vương có hai loại phướn buồn và vui, lúc đó phướn buồn bỗng nhiên lay động, Ma vương suy nghĩ: "hôm nay phướn buồn bỗng lay động, ắt là có việc gì tổn hại", nghĩ rồi liền quán thấy Bồ-tát đang ngồi trên tòa kim cang dưới cội Bồ-đề. Ma vương suy nghĩ: "dù vị ấy chưa xâm phạm cảnh giới Ma của ta, ta cũng phải gây chướng ngại cho ông ta", nghĩ rồi Ma vương liền giương mi trợn mắt, mặc y Xá na hóa làm sứ giả chạy hớt hãi tới trước Bồ-tát nói rằng: "vì sao Ngài lại ngồi yên nơi đây, thành Kiếp-tỷ-la đã bị Đề-bà-đạt-đa chiếm lây, cung nhơn thể nữ đều bị ô nhục, dòng họ Thích bị giết hại", Bồ-tát vừa nghe liền khởi lên ba loại Tầm tư tội lỗi bất thiện, đó là Ái dục, giết hại và hủy tổn. Đối với Da-du-đà-la, Kiều tỷ ca và Di ca già thì khởi Tầm tư Ái dục; đối với Đề-bà-đạt-đa thì khởi Tầm tư giết hại; đối với những người tùy thuận Đề-bà-đạt-đa thì khởi Tầm tư làm hủy tổn. Vừa khởi ba loại Tầm tư này, Bồ-tát liền giác sát phản tỉnh, biết là Ma đến xúc não mình, muốn cho mình tán loạn; Bồ-tát liền khởi ba loại Tầm tư thiện, đó là xuất ly, không giết hại và không hủy tổn. Ma vương hỏi: "vì sao Ngài lại ngồi dưới cội Bồ-đề?", đáp là để chứng chánh trí vô thượng, lại hỏi: "làm thế nào được chứng Chánh trí vô thượng?", đáp: "này kẻ tội lỗi, ngươi nhờ cúng tế một lần mà ở trong cõi Dục này thành tựu tự tại, huống chi ta ở trong vô số kiếp đã làm vô lượng trăm ngàn muôn ức hội cúng tế. Vì làm lợi ích cho các hữu tình, ta đã xả bỏ đầu mắt tay chân máu thịt, vợ con, vàng bạc châu báu… để cầu chứng Chánh trí vô thượng. Do nghĩa này làm sao ta lại không được Chánh trí vô thượng, hôm nay ta quyết định chứng được Chánh trí vô thượng". Ma vương nghe rồi liền nói: "tôi nhờ một lần cúng tế nên được làm vua cõi Dục tự tại thì ông đã chứng biết ; nhưng trong vô số kiếp ông đã làm vô

lượng trăm ngàn muôn ức hội cúng tế. Vì làm lợi ích cho các hữu tình, ông đã xả bỏ đầu mắt tay chân máu thịt, vợ con, vàng bạc châu báu… để cầu chứng Chánh trí vô thượng thì ai chứng biết?", Bồ-tát đưa bàn tay có tướng Thiên bức luân có vô lượng phước đức có thể an úy chúng sanh sợ hãi, chỉ xuống đất nói: "đất này sẽ làm chứng cho ta, trong vô số kiếp ta đã làm vô lượng trăm ngàn muôn ức hội cúng tế. Vì làm lợi ích cho các hữu tình, ta đã xả bỏ đầu mắt tay chân máu thịt, vợ con, vàng bạc châu báu… để cầu chứng Chánh trí vô thượng là thật không hư dối". Lúc đó thần đất từ dưới đất vọt lên nói: "này kẻ tội lỗi, đúng như lời Bồ-tát đã nói là chân thật không hư dối", Ma vương nghe rồi ôm lòng hổ thẹn đứng yên, nhan sắc tiều tụy mất hết oai lực, ưu sầu suy nghĩ: "ta làm phương tiện này không thể khiến cho con của vua Tịnh-phạn có chút tổn hại, ta nên làm phương tiện khác gây chướng ngại cho ông ta", nghĩ rồi liền bỏ đi. Ma vương có ba cô con gái xinh đẹp theo thứ lớp tên là Tham, Dục và Ái; ba cô dùng các loại thiên y trang nghiêm thân rồi đi đến chỗ Bồ-tát theo lịnh của Ma vương, ở trước Bồ-tát dùng đủ lời siểm khúc muốn làm não loạn Bồ-tát, Bồ-tát thấy rồi liền hóa ba cô thành ba bà già, ba cô liền bỏ đi. Lúc đó Ma vương ưu sầu ngồi chống cằm suy nghĩ nên tìm phương tiện gì để gây não hại cho Bồ-tát; nghĩ rồi liền sai ba mươi sáu ức binh ma có đủ loại đầu như đầu voi, đầu ngựa, đầu lừa, đầu lạc đà, đầu nai, đầu heo, đầu chó… hoặc cầm cung tên, hoặc cầm đao, búa, rìu… đủ loại khí giới đi đến chỗ Bồ-tát và Ma vương tự cầm cung tên định bắn Bồ-tát. Bồ-tát thấy rồi liền suy nghĩ: "tất cả việc đấu tranh đều nên tìm bạn giúp, ta chiến đấu với vua cõi Dục há lại không tìm bạn giúp hay sao", nghĩ rồi liền tìm phương tiện trừ bỏ các chướng ngại này. Lúc đó các binh ma đồng loạt cầm binh khí bén nhọn đâm Bồ-tát, Bồ-tát liền nhập định Đại từ bi khiến cho binh ma đều biến thành hoa sen đủ màu sắc như xanh, vàng đỏ trắng rơi rụng xuống ở phía trước sau và hai bên Bồ-tát. Ma vương ở trên không trung mưa xuống các loại bụi đất, Bồ-tát khiến cho bụi đất này biến thành hương bột Chiên đàn, Trầm thủy và hoa rơi lên mình Bồ-tát. Ma vương lại phóng ra ong độc và mưa đá kim cang, chư thiên cõi trời Tịnh cư hóa ra nhà lá che cho Bồ-tát nên ong độc và mưa đá không làm hại được. Ma vương thấy rồi liền suy nghĩ: "ta có thể bao vây làm não loạn trong bao lâu, tất cả tiếng động có thể phá Tam-ma-địa. Ta nên biến lá cây Bồ-đề thành pha lê rồi kích động cho ra tiếng, Bồ-tát nghe tiếng này sẽ không thể định tâm", nghĩ rồi liền làm theo như ý đã nghĩ. Lúc đó lá cây Bồ-đề bị kích động liền phát ra tiếng khiến Bồ-tát không thể chuyên định, vua cõi trời Tịnh cư thấy rồi liền muốn trợ giúp Bồ-tát nên bảo chư thiên đến giữ là cây Bồ-đề không cho bị kích

động ra tiếng. Vua cõi trời Tịnh cư thấy quân ma chưa chịu bỏ đi liền dùng thần lực ném chúng lên núi Thiết vi.

Lúc đó Bồ-tát ngồi dưới cội Bồ-đề, ở trong pháp Diệu giác phần tu tập hành trì không gián đoạn, vào phần đầu đêm Thần cảnh trí hiện chứng thông thành tựu, nghĩa là trong một biến thành vô lượng, trong vô lượng biến thành một; hoặc ẩn hoặc hiện, tường vách và núi không làm ngăn ngại cũng như hư không; vào trong đất như bơi trong nước, tướng đất vẫn như cũ; ngồi kiết già trong hư không như ngồi trên mặt đất; bay trên không trung như chim bay; mặt trời mặt trăng có đại oai lực mà có thể chạm đến; tự tại qua lại đến cõi Phạm thiên… Ma vương lại nghĩ: "âm thanh có thể làm chướng ngại thiền định, ta nên gây ra tiếng", nghĩ rồi liền cùng ba vạn sáu ngàn ức ma quỷ thần đứng ở xa rống thật to. Bồ-tát liền hóa ra một khu rừng Ca đàm bà rộng mười hai do tuần để tai không còn nghe lọt những tiếng rống đó. Bồ-tát lại nghĩ: "ta nên tu Thiên nhĩ trí chứng thông để nghe được tiếng của trời người", nhờ thiên nhĩ thanh tịnh này nên Bồ-tát nghe được tiếng của người và phi nhơn du gần hay xa. Bồ-tát lại nghĩ: "trong ba vạn sáu ngàn ức quyến thuộc của Ma vương, ai sanh tâm ác với ta thì làm sao ta biết được. Ta nên tu Tha tâm trí chứng thông", liền trong đêm ấy, Bồ-tát chứng được Tha tâm trí. Tất cả Tầm tư, tâm và tâm sở, tâm dục và không dục, tâm sân và không sân, tâm si và không si, tâm rộng và hẹp, dứt tâm và nhiếp tâm, tâm kiêu mạn và không kiêu mạn, tâm tịch tĩnh và không tịch tĩnh, tâm định và không định, tâm tán loạn và không tán loạn… Bồ-tát đều biết rõ như thật. Bồ-tát lại nghĩ: "trong số quân ma này từ vô thỉ đến nay, ai từng là cha, là mẹ, là kẻ thù, là bạn hữu thì làm sao ta biết được. Ta nên tu Túc mạng trí chứng thông", vào nửa đêm Bồ-tát chuyên tâm nhiếp niệm và chứng được Túc mạng trí. Tất cả việc của một đời hoặc hai đời, ba đời… trăm đời, ngàn đời cho đến vô lượng trăm ngàn đời; hoặc số đời trong một kiếp, hai kiếp… số đời trong kiếp thành hoặc số đời trong kiếp hoại cho đến số đời trong vô số kiếp, Bồ-tát đều hiểu rõ. Cho đến tên tuổi, nơi sanh, dòng họ, chủng tộc, giàu nghèo, khổ vui… các việc Bồ-tát đều hiểu rõ. Cho đến tuổi thọ ngắn hay dài, trụ thế bao lâu, chết ở nơi kia sanh đến nơi này… Bồ-tát thảy đều biết rõ. Bồ-tát lại nghĩ: "trong số quân ma này, ai sẽ đọa trong đường ác, ai được sanh vào đường lành thì làm sao ta biết được. Ta nên tu Sanh diệt trí chứng thông để được Thiên nhãn thanh tịnh", Với thiên nhãn thanh tịnh này, Bồ-tát thấy các hữu tình hoặc sống hoặc chết, đẹp xấu, giàu nghèo, làm nghiệp thiện hay làm nghiệp ác… Bồ-tát đều thấy rõ. Những chúng sanh làm nghiệp ác nơi thân khẩu ý như phỉ báng Thánh hiền, chấp chặt tà kiến, tạo nghiệp tà kiến; do làm nghiệp này nên

sau khi chết bị đọa trong ba đường ác. Những chúng sanh làm nghiệp thiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý như cung kính Thánh hiền, thực hành chánh kiến; do làm nghiệp này nên sau khi mạng chung được sanh vào đường lành. Bồ-tát lại nghĩ: "tất cả các hữu tình luân chuyển trong biển khổ đều do Dục lậu, Hữu lậu và Vô minh lậu thì làm sao được thoát. Ta nên tu Vô lậu trí chứng thông", vào giữa đêm do tương ưng tu tập thuần thục, chuyên tâm nơi pháp Giác phần, Bồ-tát liền chứng được Vô lậu trí thông; như thật biết rõ Khổ đế, Tập đế, Đạo đế và Diệt đế nên tâm giải thoát khỏi Dục lậu, Hữu lậu và Vô minh lậu. Do tâm giải thoát nên chứng được Lậu tận trí, hiểu rõ " sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm đã xong, không thọ thân sau", liền chứng Bồ-đề gọi là thấy Giác phần Bồ-đề. Sau khi làm xong việc cần nên làm, Bồ-tát nhập Hỏa giới Tam-ma-địa, dùng vũ khí từ bi để hàng phục ba vạn sáu ngàn ức quân ma, chứng Vô thượng trí. Lúc đó Ma vương, cung tên rời khỏi tay, phướn rơi xuống đất, cung ma chấn động; Ma vương cùng các quyến thuộc ưu sầu hối hận bỏ đi đến trong thành Kiếp-tỷ-la thông báo rằng: "Bồ-tát Thích ca Mâu ni nơi tòa kim cang tu khổ hạnh, nay đã xả thân mạng rồi". Nghe lời này rồi, vua Tịnh-phạn và các cung nhơn, quần thần và các quyến thuộc của Bồ-tát hết sức sầu não như bị lửa đốt thân tâm; ba phu nhân và mọi người trong thành đều ngất ngã xuống đất, phải dùng nước rưới lên mặt hồi lâu mới tỉnh, tỉnh rồi họ lại nghẹn ngào rơi lệ không thôi. Lúc đó trời tịnh tín biết Bồ-tát đã thành tựu diệu trí, tâm sanh hoan hỉ lại biết Ma vương lừa dối nên thông báo rằng: "Bồ-tát Thích ca Mâu ni không chết, hiện nay đã chứng được Vô thượng trí", nghe lời này mọi người hết sức vui mừng. Da-du-đà-la do vui mừng nên hạ sanh một trai, phu nhân của vua Hộc-phạn cũng hạ sanh một trai, lúc đó bỗng có hiện tượng Nguyệt thực. Vua Tịnh-phạn thấy có các hỉ sự này hết sức vui mừng, ra lịnh dân trong thành quét dọn sạch sẽ trong thành, dùng nước thơm Chiên đàn rưới lên mặt đất, đốt hương thơm ở các ngã tư đường, khắp nơi trong thành đều treo cờ phướn, ở bốn cửa thành đều lập đàn bố thí. Tại hội thí ở cửa thành Đông, tất cả Sa môn, Bà-la-môn, các ngoại đạo phạm chí, người nghèo hèn, cô độc… đến xin đều được cung cấp đầy đủ ; hội thí ở cửa thành Tây, Nam và Bắc cũng đều như vậy. Lúc đó vua tập họp quần thần để đặt tên cho con trai của Da-du-đà-la, một thị nữ tâu vua: "lúc đứa bé chào đời thì mặt trăng bị La hỗ che (nguyệt thực)", nên vua cho đặt tên là La-hầu-la. Vua Hộc-phạn cũng họp các quyến thuộc để đặt tên cho con, quyến thuộc nói: "ngày đứa bé chào đời, tất cả dân tong thành Kiếp-tỷ-la đều vui mừng", nên vua cho đặt tên Khánh hỷ (A-nan-đà). Lúc đó vua Tịnh-phạn nhìn kỹ La-hầu-la rồi nói: "đứa bé này không phải là con thân sanh của con ta là Thích ca

Mâu ni", Da-du-đà-la nghe lời này rồi trong lòng sợ hãi, liền bồng La-hầu-la đến bên ao tắm của Bồ-tát, bên ao có một tảng đá; Da-du-đà-la đặt La-hầu-la trên tảng đá rồi chắp tay thệ rằng: "nếu đứa bé này thật là con của Bồ-tát thì khi bỏ xuống ao, nó sẽ không chìm; nếu không phải là con của Bồ-tát thì nó liền chìm", thệ rồi liền bỏ tảng đá có La-hầu-la ngồi ở trên xuống ao, tảng đá vẫn nổi không chìm, trôi qua lại trên mặt nước như cục bông. Vua nghe tin này liền cùng quần thần đến bên ao xem, thấy việc này rồi vua hết sức vui mừng vào trong ao bồng La-hầu-la về cung, lúc đó tảng đá chìm xuống ao, từ đó trở đi vua thương yêu chăm sóc cho La-hầu-la gấp bội.

Khi Bồ-tát chứng được Vô thượng trí đã dùng khí giới Từ bi để hàng phục Ma quân, đại địa liền chấn động và khắp thế giới đều được chiếu soi, cho đến nhưng nơi mà ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu tới, cũng đều được chiếu soi đến khiến cho các hữu tình ở những nơi này đều được thấy nhau và nói rằng: "không phải chỉ có một mình ta mà còn có nhiều chúng sanh khác nữa". Nhiếp tụng:

"Bốn loại xúc trì,
Phụ tử hòa hợp,
Thích ca xuất gia,
Thần giữ ao lễ".

Lúc đó ở cõi trời Phạm có hai thiên tử quán thấy Thế tôn ngồi dưới cội cây Bồ-đề, vừa thành chánh giác và đã nhập Hỏa giới Tam-ma-địa bảy ngày, liền nói với nhau: "Thế tôn vẫn còn đang nhập định, chúng ta nên đem hoa hương đến cúng dường và mỗi người nói kệ thỉnh Phật xuất định thuyết pháp độ sanh", nói rồi liền như lực sĩ co duỗi cánh tay hiện ra trước Thế tôn đảnh lễ, một vị nói kệ thỉnh:

"Hãy dậy đấng Đại bi,
Oán giặc đã lui tan,
Đại thương chủ vô tội,
Nên du hành thế gian,
Nói thắng pháp độ người,
Rộng thí nghĩa chân thật,
Vô lượng các chúng sanh,
Nghe pháp sẽ thọ trì".

Vị thứ hai cũng nói kệ thỉnh:

"Hãy dậy đấng Đại bi,
Oán giặc đã lui tan,

Các cấu uế trừ sạch,
Nên du hành thế gian,
Thân tâm đã thanh tịnh,
Như mặt trăng tròn sáng,
Vô lượng các chúng sanh,
Nghe pháp sẽ thọ trì".

Nói kệ xong, hai thiên tử này đảnh lễ Phật rồi đi, Thế tôn xuất định rồi nói kệ:

"Sự an lạc cõi Dục,
Sự an lạc cõi Sắc,
Phiền não tham dục dứt,
An lạc này tối thắng.
Ta nay bỏ gánh nặng,
Xa lìa các gánh nặng,
Gánh nặng chịu nhiều khổ,
Buông gánh được an lạc.
Tất cả dục đã xả,
Tất cả hạnh đã thành,
Tất cả pháp đã biết,
Người này không tái sanh".

Trong bảy ngày nhập định, Thế tôn đã đoạn hết phiền não, thọ giải thoát lạc, không có người cúng dường, không ăn không uống nhưng không có tưởng đói khát. Lúc đó có hai thương buôn tên là Hoàng cô và Thôn lạc, mỗi người đều có trăm cỗ xe hàng với nhiều người giúp việc đang trên đường đi buôn bán sắp tới gần chỗ Phật. Cả hai có một người bạn trước đó đã chết và được sanh thiên, vị thiên tử này nhớ lại thân trước của mình là thương buôn, liền suy nghĩ: "sau bảy ngày nhập định, Thế tôn đã đoạn hết phiền não, thọ giải thoát lạc, không có người cúng dường, không ăn không uống. Ta nên khiến cho hai người bạn thương buôn làm người cúng dường Phật trước tiên, để trong nhiều đời được đại phước đức, nay đã đúng lúc khuyên họ làm việc này", nghĩ rồi vào giữa đêm thiên tử này phóng ánh sang chiếu soi cả mấy trăm cỗ xe hàng, hiện nửa thân hình trên hư không rồi bảo hai thương buôn rằng: "hai vị nên biết, Thế tôn Thích ca Mâu ni vừa thành chánh giác dưới cội Bồ-đề bên bờ sông Ni-liên-thiền. Sau bảy ngày nhập định, Thế tôn đã đoạn hết phiền não, thọ giải thoát lạc, không có người cúng dường, không ăn không uống. Hai vị nên mau đến cúng dường, làm người cúng dường trước tiên để được đại phước đức", nói xong liền ẩn mất. Hai thương buôn này nghe rồi liền nói với nhau: "oai đức của Thế tôn

quả thật kỳ diệu nên mới khiến cho thiên tử hiện đến bảo chúng ta cúng dường", đối với Phật tâm liền sanh kính mộ nên cùng đến chỗ Thế tôn, đảnh lễ rồi dâng các thức ăn uống như sữa, lạc, nước trái cây, lương khô, mật… bạch Phật: "cúi xin Thế tôn thương xót thọ chúng con cúng dường". Lúc đó Thế tôn suy nghĩ: "ta không thể giống như ngoại đạo dùng tay thọ thức ăn", liền quán chư Phật quá khứ thọ thức ăn như thế nào để làm lợi ích cho chúng sanh. Trời thanh tịnh trên hư không nói: "các Phật trong quá khứ đều thọ thức ăn bằng bát để làm lợi ích cho chúng sanh", Thế tôn cũng quán biết như vậy, vì không có bát để thọ nên Thế tôn ước nguyện: "nếu có được bát, ta sẽ thọ thức ăn". Lúc đó trời Tứ thiên vương biết tâm niệm của Thế tôn nên mỗi người mang một cái bát bằng đá đến dâng cho Phật, bát đá này thanh tịnh, nhẹ và tròn láng với hình sắc tươi đẹp, không phải do người làm ra được. Bốn Thiên vương này đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "chúng con mang bát đá này đến, cúi xin Thế tôn thương xót nạp thọ", Thế tôn suy nghĩ: "bốn Thiên vương cùng mang bát đến, nếu ta chỉ thọ của một người thì bốn người kia sẽ oán trách. Ta nay nên thọ cả bốn bát rồi dùng thần lực họp thành một bát, như vậy cả bốn Thiên vương đều thỏa nguyện", nghĩ rồi liền thọ cả bốn bát rồi dùng thần lực họp thành một bát, sau đó cầm bát thọ hai thương buôn cúng dường; thọ cúng dường xong liền nói kệ chú nguyện:

"Ai làm việc bố thí,
Ắt sẽ được nghĩa lợi.
Ai ưa thích bố thí,
Sau sẽ được an lạc.
Phước chiêu lấy quả vui,
Ước nguyện đều thành tựu,
Mau đến chỗ viên tịch,
Chứng được Niết-bàn lạc.
Người siêng tu phước đức,
Thì tất cả tai họa,
Cho đến chúng Thiên ma,
Đều không não hại được.
Ai phát tâm dõng mãnh,
Bố thí với Thánh tuệ,
Sẽ qua khỏi biển khổ,
Chứng được quả Vô vi".

Bốn Thiên vương và hai thương buôn nghe kệ này rồi đều rất vui mừng, đảnh lễ Phật rồi đi. Phật như pháp thọ thực xong, mang bát đến trong

sông Ni-liên-thiền rửa sạch, cất bát rồi rửa chân. Do ăn các loại thức ăn có tánh chất lạnh nên không bao lâu sau Thế tôn nhiễm lạnh, Ma vương liền đến chỗ Phật nói: "Thế tôn, giờ nhập Niết-bàn đã đến, Ngài cần gì trụ lâu nơi đời, hãy sớm nhập Niết-bàn", Phật biết Ma vương muốn não loạn nên nói: "này Ma vương tội lỗi, ta chưa thể nhập Niết-bàn, vì sao, vì ta chưa có đệ tử Thanh văn thông minh trí huệ có thể như pháp đáp lời người hỏi, có thể phá các luận thuyết của ngoại đạo và kiến lập chánh pháp. Ta cũng chưa có đủ bốn chúng Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca ở trên trời và dưới nhân gian khắp mười phương thọ pháp của ta để tu phạm hạnh. Nếu chưa được như vậy thì ta chưa thể nhập Niết-bàn", Ma vương nghe rồi liền ưu sầu biến mất. Lúc đó Thích-đề-hoàn-nhơn quán thấy Thế tôn bị nhiễm lạnh nên di đến cây Thiệm bộ, cách đó không xa có rừng Ha lê lặc, Đế thích vào trong rừng này hái quả Ha lê lặc mang về cho Thế tôn, bạch rằng: "Thế tôn, quả Ha lê lặc này có thể trừ được bịnh lạnh, cúi xin Thế tôn thọ loại thuốc này", Thế tôn thọ dụng và được khỏi bịnh. Sau khi khỏi bịnh, Thế tôn đi đến bờ ao của Long vương Mân chi lân đà, ngồi dưới một gốc cây để nhập định. Lúc đó Long vương biết trời sẽ mưa suốt trong bảy ngày không dứt nên từ dưới ao hiện lên, dùng thân quấn quanh Phật bảy vòng rồi duỗi đầu ra che trên đầu Phật. Qua sau bảy ngày mưa dứt mới giải tỏa, hiện trước Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, trong bảy ngày qua có được an không, thân thô to của con có làm Thế tôn khó chịu không, cúi xin Thế tôn hoan hỉ", Thế tôn liền nói kệ:

"Biết đủ thì an lạc,
Đa văn thì biết pháp,
Không não hại chúng sanh.
Thế gian đại từ bi,
Xả bỏ các dục lạc,
Viễn ly các việc ác,
Trừ sạch hết ngã mạn,
Người ấy rất an vui".

Long vương nghe kệ xong đảnh lễ Phật rồi trở về bổn xứ, Thế tôn trở về dưới gốc cây Bồ-đề, ngồi kiết già như pháp, quán chiếu sự hoàn diệt của mười hai nhân duyên, đó là:

1. Hễ cái này có thì cái kia sanh nên Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục xứ, Lục xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, ưu bi khổ não.

2. Hễ cái này diệt thì cái kia diệt nên Vô minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục xứ diệt, Lục xứ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thỉ Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão tử, ưu bi khổ não đều diệt.

Sau bảy ngày nhập định, Thế tôn xuất định rồi nói kệ:

"Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Quán biết pháp nhân duyên,
Nghĩa ấy diệt tất cả.
Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Quán biết được nhân khổ,
Nghĩa ấy diệt tất cả.
Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Quán diệt hết cảm thọ,
Nghĩa ấy diệt tất cả.
Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Quán diệt hết các duyên,
Nghĩa ấy diệt tất cả.
Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Quán diệt hết các lậu,
Nghĩa ấy diệt tất cả.
Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Chiếu soi khắp thế gian,
Như mặt trời trên không.
Nếu pháp này sanh ra,
Phật thường ở trong định,
Hàng phục các ma quân,
Chặt đứt các xiềng xích".

Lúc đó Thế tôn bỗng suy nghĩ: "ta chứng pháp sâu xa, thấy được việc khó thấy, biết được việc khó biết. Pháp này không thể tư duy, khó thể tư duy, nghĩa lý vi diệu, chỉ người trí huệ mới có thể biết được. Nếu nói cho người khác nghe pháp này sợ họ không hiểu nổi thì việc truyền trao thật

uổng công, tự mệt nhọc và thêm phiền não. Ta nên một mình ở nơi tịch tĩnh tư duy cảnh giới an lạc và pháp mà đã chứng", nghĩ rồi liền trụ tâm nơi tịch tĩnh, không nghĩ đến việc ra thuyết pháp độ sanh. Vua trời Phạm thiên, chủ thế giới Ta bà biết tâm niệm của Phật liền suy nghĩ: "thế gian sắp hư hoại, chúng sanh không thể thoát khỏi cảnh khổ. Như lai ứng chánh biến tri xuất hiện nơi đời, khó được gặp như hoa Ưu-đàm-bát-la. Nay Phật đã xuất thế lại thích tịch tĩnh, không nghĩ đến việc thuyết pháp độ sanh, ta nên đến thỉnh Phật", nghĩ rồi liền như lực sĩ co duỗi cánh tay, vua trời Phạm thiên hiện ở trước Thế tôn đảnh lễ rồi nói kệ thỉnh:

Phật nói kệ:

"Vui thay ở nước Ma-kiệt-đà,
Xuất hiện diệu pháp chưa từng có.
Hỡi bậc giác ngộ tất cả pháp,
Hãy từ bi mở cửa Cam lồ".
"Pháp ta chứng đắc rất khó hiểu,
Khiến cho biển Hữu không còn nữa,
Người ngu trí cạn thường ngược dòng,
Bị dục lôi cuốn và nhận chìm".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 6

Lúc đó vua trời Phạm thiên bạch Phật: "Thế tôn, tuy các chúng sanh ở thế gian có sanh, già như nhau, nhưng căn tánh có thượng trung hạ, lợi độn sai khác nhau. Có chúng sanh hình tướng đoan chánh, tánh hạnh điều thuận, ít phiền não lậu hoặc và các loại phiền não lậu hoặc cũng ít, chỉ vì không nghe pháp nên hiểu biết cạn hẹp. Giống như các loại hoa sen: hoa Ba đầu ma, hoa Ưu bát la, hoa Phân đà lợi… tuy ở trong nước có sanh, già nhưng căn tánh có thương trung hạ sai khác. Có loại vượt lên khỏi mặt nước, có loại nằm ngang mặt nước, có loại nằm dưới nước. Chúng sanh cũng vậy, xin Thế tôn hãy vì những người này thuyết pháp, nếu họ nghe được Pháp bảo thì có thể giải ngộ", Thế tôn nghe rồi liền suy nghĩ: "ta nên dùng Phật nhãn quán sát căn tánh chúng sanh", nghĩ rồi liền dùng Phật nhãn quán sát, quán thấy tuy các chúng sanh ở thế gian có sanh, già như nhau, nhưng căn tánh có thượng trung hạ, lợi độn sai khác nhau. Có chúng sanh hình tướng đoan chánh, tánh hạnh điều thuận, ít phiền não lậu hoặc và các loại phiền não lậu hoặc cũng ít, chỉ vì không nghe pháp nên hiểu biết cạn hẹp. Thế tôn liền khởi tâm đại bi đối với các hữu tình và nói kệ:

"Nếu có ai ưa thích nghe pháp,
Ta liền khai mở cửa Cam lồ,
Còn như ngã mạn tự khinh người,
Ta nhất quyết sẽ không vì nói".

Vua trời Phạm thiên nghe rồi liền biết Phật sẽ nói chánh pháp, tâm sanh vui mừng đảnh lễ Phật, hữu nhiễu ba vòng rồi đi. Lúc đó Phật suy nghĩ nên nói pháp cho ai nghe trước tiên, liền nghĩ đến Ca-la ca là vị A-giá-lợi-da đầu tiên, nhưng chư thiên trên không trung cho biết là Ca-la ca đã chết cách đây bảy ngày rồi. Thế tôn liền dùng Phật nhãn quán thấy vị ấy quả đã chết cách đây bảy ngày, liền nghĩ: "Ca-la ca không

được nghe pháp nên mất lợi ích lớn, nếu được nghe pháp sẽ được lợi ích vô biên". Phật lại suy nghĩ nên nói pháp cho ai nghe trước tiên, liền nghĩ đến Ốt-đạt-la-ma-tử là vị A-giá-lợi-da thứ hai, nhưng chư thiên trên

không trung cho biết vị ấy vừa chết hôm qua. Thế tôn liền dùng Phật nhãn quán thấy vị ấy quả đã chết hôm qua, liền nghĩ: "Ốt-đạt-la-ma-tử không được nghe pháp nên mất lợi ích lớn, nếu được nghe pháp sẽ được lợi ích vô biên". Phật lại nghĩ đến năm người cùng theo Phật tu khổ hạnh trước kia và đã từng thừa sự cúng dường, Phật liền dùng Phật nhãn quán sát, quán thấy năm người hiện đang ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Biết chỗ ở của họ rồi, Phật liền đi đến thành Bà-la-nê-tư nước ca thi na. Trên đường đi, Phật gặp một ngoại đạo tên là Thân cận ; thấy Phật có hình dung đoan nghiêm thanh tịnh liền hỏi: "cụ thọ Kiều-đáp-ma có các căn thanh tịnh, sắc tướng đoan chánh ; thầy xuất gia với vị thầy nào và học pháp gì?", Thế tôn nói kệ:

"Ta không theo học với thầy nào,
Cũng không ai sánh được với ta.
Thế gian ai đáng được khai ngộ,
Chỉ riêng ta có thể biết rõ,
Thông đạt tất cả vượt thế gian,
Không còn dính mắc vào các pháp,
Xả bỏ tất cả chứng giải thoát.
Tự nhiên giác ngộ, không nhờ thầy.
Xưa nay không ai giống như ta,
Vì ta tự giác ngộ tất cả.
Như lai, đạo sư của trời người,
Đã chứng đầy đủ Nhất thiết trí".

Nói kệ xong, Thế tôn đi đến vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư; năm người tu trong rừng từ xa thấy Thế tôn liền cùng lập chế: "Sa môn Kiều-đáp-ma này tánh buông lung ngạo mạn, làm tà mạng để đoạn hoặc, đã thối chuyển nên bỏ tu khổ hạnh, ăn những thức ăn ngon như sữa, lạc… dùng dầu thoa thân và tắm bằng nước thơm. Khi Kiều-đáp-ma đến chỗ chúng ta, chúng ta sẽ không đứng dậy nghinh đón, đảnh lễ cũng không mời ngồi; ông ta có ngồi thì cũng mặc kệ ông ấy, chúng ta không đến gần", nhưng khi Thế tôn đến gần thì do oai đức của Phật khiến họ không ngăn được lòng tôn trọng, họ liền rời khỏi chỗ ngồi, người mời ngồi, người rót nước mời uống, người lấy nước cho rửa chân, người đỡ lấy y và chào hỏi: "thiện lai Kiều-đáp-ma". Thế tôn thấy việc này rồi liền tự nghĩ họ mới lập chế mà đã vi phạm, thấy Thế tôn ngồi xong họ liền cúng dường. Lúc đó họ chưa biết Thế tôn đã thành chánh giác nên tâm còn khinh mạn đối với Phật, hễ mở lời đều gọi là Kiều-đáp-ma hoặc là cụ thọ, Thế tôn liền nói: "các ông đừng gọi Như lai là Kiều-đáp-ma hoặc là cụ thọ, nếu

người nào khinh mạn Như lai thì sẽ mất lợi lớn, sanh ra nơi nào đều chịu khổ não lâu dài, từ nay các ông nên gọi là Như lai Thế tôn", năm người liền nói: "cụ thọ Kiều-đáp-ma, trước đây ông tu khổ hạnh còn không được trí chánh giác, cũng không thấy được thiện an lạc trụ. Nay ông đã bỏ tu khổ hạnh, tâm không an định, thọ các thức ăn ngon như sữa lạc… dùng dầu thoa thân và tắm bằng nước nóng thì làm sao có thể thành chánh giác?", Phật nói: "các ông không thấy các căn và sắc tướng của Như lai hiện nay và trước kia khác nhau hay sao?", đáp là thấy có khác, Phật nói: "người xuất gia không nên thân cận hai loại tà sư:

1. Là hạng người đam mê thế pháp thấp kém của phạm phu và ưa thích dâm dục.
2. Là hạng người tự làm khổ mình, hay làm điều lầm lỗi.

Pháp của họ tu đều không phải là pháp mà bậc Thánh đã hành trì, vì vậy người xuất gia nên lánh xa hai loại tà sư này. Ta có một pháp trung đạo, nếu ai tu tập theo nhất định sẽ được pháp nhãn thanh tịnh và đại trí huệ, rốt ráo thành tựu Niết-bàn tịch tĩnh của bậc Đẳng chánh giác. Pháp trung đạo đó là bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.". Lúc đó Thế tôn dùng tâm quyết định nói pháp như thế cho năm người nghe, năm người này chia phiên với nhau: buổi sáng ba người đi khất thực xin đủ thức ăn cho sáu người, hai người ở lại nghe pháp ; xế chiều hai người đi khất thực xin đủ thức ăn cho năm người vì Phật quá ngọ không ăn, ba người ở lại nghe pháp. Phật bảo năm người: "pháp Khổ Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ tập Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt đạo Thánh đế này là pháp ta chưa từng nghe, do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh.

Pháp Khổ Thánh đế này là pháp ta chưa từng biết, nay nên biết; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác

sanh. Pháp Khổ tập Thánh đế này là pháp ta chưa từng đoạn trừ, nay nên đoạn trừ; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt Thánh đế này là pháp ta chưa từng chứng, nay nên chứng; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt đạo Thánh đế này là pháp ta chưa từng tu

tập, nay nên tu tập; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh.

Pháp Khổ Thánh đế này là pháp ta đã biết cùng khắp, nay không cần biết nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ tập Thánh đế này là pháp ta đã đoạn trừ vĩnh viễn, không cần đoạn trừ nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt Thánh đế này là pháp ta đã tác chứng, nay không cần chứng thêm nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Pháp Khổ diệt đạo Thánh đế này là pháp ta đã tu tập, nay không cần tu tập thêm nữa; do sức tinh tấn như lý tác ý nên ta được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh.

Các ông nên biết, trước đây ta chưa tu tập, chưa chứng bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng nên ta chưa được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Ta chưa vượt qua Trời người, Ma, Phạm, các Sa môn, Bà-la-môn…; chưa được giải thoát xuất ly, chưa lìa điên đảo, chưa chứng Chánh trí vô thượng. Nhưng sau khi ta tu tập chứng được bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng, ta liền được tịnh huệ nhãn, trí minh giác sanh. Ta vượt qua Trời người, Ma, Phạm, các Sa môn, Bà-la-môn…; được giải thoát xuất ly, lìa điên đảo và chứng được Chánh trí vô thượng". Sau khi Phật nói pháp này xong, cụ thọ Kiều-trần-như ngay nơi chỗ ngồi được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh; tám vạn chư thiên ở trong pháp hội này cũng được pháp nhãn. Lúc đó Phật hỏi Kiều-trần-như: "thầy đã thấy pháp và chứng pháp rồi phải không?", đáp là đã kiến chứng, Phật nói: "cụ thọ Kiều-trần-như đã kiến chứng pháp đầy đủ, do nghĩa này từ nay gọi thầy là A nhã Kiều-trần-như". Sau khi nghe được pháp này, các Địa hành dược xoa đồng thanh nói: "các nhơn giả nên biết, trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, Thế tôn đã thuyết giảng bốn đế lý này gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng; không phải là pháp mà các Sa môn, Bà-la-môn, trời người, Ma, Phạm … có thể chuyển được. Phật nói pháp này khiến cho nhiều người được lợi ích, nhiều người được an lạc. Do nghĩa này thiên chúng tăng thêm, chúng A-tu-la giảm bớt", các Không hành dược xoa cho đến cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Tam thập tam, trời Diệm ma, cõi trời Đổ-sử-đa, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời A ca ni tra đều cùng một lúc, cùng một sát na, cùng một lạp bà, cùng một mâu hô túc đa đồng thanh nói giống như trên. Cho nên bốn đế lý mà Thế tôn thuyết giảng gồm có ba lần chuyển với mười hai hành tướng này được gọi là kinh Chuyển pháp luân; vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư được

gọi là nơi Chuyển pháp luân. Lúc đó Phật lại nói: "có bốn Thánh đế, đó là Khổ Thánh đế, Tập Thánh đế, Diệt Thánh đế, Đạo Thánh đế.

Sao gọi là Khổ Thánh đế? Đó là sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, Ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ cho đến ngũ thủ uẩn khổ. Các khổ này các thầy nên biết và nên tu tập bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.

Sao gọi là Tập Thánh đế? Đó là Ái dục khiến phải thọ thân hậu hữu. Để xa lìa Ái, hỉ, tham câu hành với Ái và đủ thứ ưa thích Ái nhiễm, các thầy nên tu tập bát Thánh đạo.

Sao gọi là Diệt Thánh đế? Đó là diệt trừ, hoại diệt, thôi dứt, vĩnh viễn xa lìa Ái dục, hỉ, Ái tương ưng phan duyên với đắm nhiễm để được thấy đạo chứng đạo thì các thầy nên tu tập bát Thánh đạo.

Sao gọi là Đạo Thánh đế? Chính là bát Thánh đạo". Thế tôn nói pháp này xong, A-nhã Kiều-trần-như liền chứng được Lậu tận, tâm được giải thoát; bốn người còn lại được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó trên thế gian có hai bậc ứng cúng là Thế tôn và Kiều-trần-như, Phật lại bảo bốn người: "các thầy nên biết, sắc là vô ngã. Nếu sắc có ngã thì không nên sanh các bịnh khổ, có thể ở trong sắc tác sắc và không tác sắc như thế. Vì sắc vô ngã nên sanh các bịnh khổ và ngã không thể tác sắc và không tác sắc như thế. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy nên biết. Ý các thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, sắc thuộc ngã và ngã ở trong sắc hay không?", đáp là không. Phật lại hỏi: "Ý các thầy nghĩ sao, thọ tưởng hành thức là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường thì đó là khổ hay không khổ ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp thọ… thức là ngã, ngã có thọ… thức, thọ… thức thuộc ngã và ngã ở trong thọ… thức hay không?", đáp là không, Phật nói: "vì thế nên biết, các loại sắc quá khứ hay vị lai hay hiện tại hoặc ở trong, ở ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc thù thắng hay hạ liệt, hoặc gần hay xa… đều không phải là ngã, ngã sở hữu, sắc không thuộc ngã và ngã không ở trong sắc. Nhờ biết rõ như thật nên ta thấy sắc như vậy, cho đến thọ tưởng hành thức cũng thấy như vậy. Các thầy nghe biết đầy đủ rồi nên quán năm thủ uẩn để lìa ngã và ngã sở, sau khi quán thấy như vậy sẽ biết rõ thế gian

thật sự không nắm bắt được. Do không nắm bắt được nên không lo sợ, do không lo sợ nên bên trong được viên tịch, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Bốn người nghe xong pháp này, tâm liền được giải thoát, chứng quả A-la-hán; lúc đó trên thế gian có sáu vị A-la-hán, Phật đứng đầu.

Lúc đó Phật đang ở bên bờ sông Ba-la-nại, thành Bà-la-nê-tư; trong thành này có con của một trưởng giả tên là Da-xá, hằng ngày thường cùng các kỹ nữ thọ ngũ dục lạc cho đến khi thân tâm mỏi mệt mới nằm ngủ, các kỹ nữ này cũng nằm ngủ chung quanh. Nửa đêm Da-xá chợt thức giấc, nhìn thấy các kỹ nữ đầu tóc rối tung, áo quần xốc xếch, miệng chảy nước dãi, nói mớ… liền khởi tưởng là mình đang ở trong rừng chứa tử thi. Tâm sanh kinh sợ liền bước tới mang đôi giày báu trị giá trăm ngàn lượng vàng, khi ra đến cửa liền lớn tiếng kêu to, vừa kêu vừa rơi nước mắt như mưa: "bớ người ta, khổ đến bức bách tôi". Lúc đó có một phi nhơn làm cho mọi người không nghe thấy tiếng kêu la này của Da-xá rồi mở cửa cổng cho Da-xá đi; ra đến cổng, Da-xá cũng lớn tiếng than khóc như trên, phi nhơn cũng làm cho mọi người không nghe thấy tiếng than khóc này và mở cửa thành cho Da-xá đi. Ra khỏi thành đi dần đến bên bờ sông Ba-la-nại, Da-xá cũng cất tiếng kêu than khóc như trên. Lúc đó Phật đang kinh hành bên bờ kia sông, nghe thấy tiếng kêu than này liền nói vọng sang: "đồng tử không phải sợ, hãy lội qua đây", Da-xá nghe rồi liền cởi giày báu để lại bên bờ này rồi lội qua bờ kia đến chỗ Phật đảnh lễ; Phật liền dẫn Da-xá về trú xứ rồi tới ngồi chỗ ngồi của mình, Da-xá lại đảnh lễ rồi ngồi xuống đối diện, Phật liền nói diệu pháp, chỉ dạy cho Da-xá được lợi hỉ. Thường pháp của chư Phật là trước tiên nói về pháp bố thí, trì giới là nhân sanh lên cõi trời; kế nói về tội lỗi của năm dục và ca ngợi hạnh xuất gia, sống một mình trong rừng núi để tư duy đoạn trừ phiền não khiến cho người nghe diệu pháp này đều hoan hỉ, tâm thanh tịnh không còn nghi hoặc. Phật biết tâm Da-xá đã được khai mở liền nói về pháp xuất thế, đó là bốn Thánh đế: khổ tập diệt đạo. Giống như giặt áo, trước phải tẩy sạch hết chất dơ, khi áo đã sạch mới dễ nhuộm màu; tâm Da-xá cũng vậy, nghe xong bốn Thánh đế này liền chứng được quả dự lưu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Chứng quả rồi Da-xá rất hoan hỉ liền đứng dậy đảnh lễ, quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay con được thâm nhập diệu pháp được đại lợi ích, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca. Từ nay cho đến trọn đời con thọ trì năm học xứ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu".

Lúc đó vợ của Da-xá thức dậy không thấy Da-xá đâu liền đi tìm kiếm khắp nơi cũng không thấy, liền đến chỗ trưởng giả bạch rằng: "con không biết hiện giờ Da-xá ở đâu", trưởng giả nghe rồi liền suy nghĩ: "không lẽ con ta bị giặc hay kẻ thù bắt ra ngoài thành làm việc bất lợi hay sao", nghĩ rồi liền cùng người nhà cầm đuốc đi tìm khắp nơi, cuối cùng đi tới bờ sông liền thấy đôi giày báu của Da-xá, ông trưởng giả suy nghĩ: "con ta không phải bị giặc bắt đi, nó cởi giày báu để ở đây thì chắc là đã lội qua bên kia sông", nghĩ rồi liền lội qua sông và đi dần đến chỗ Phật. Phật từ xa thấy trưởng giả đi tới liền dùng thần lực làm cho trưởng giả tuy vào tới chỗ Phật vẫn không thấy Da-xá ngồi bên Phật. Trưởng giả đảnh lễ Phật rồi hỏi: "Thế tôn có thấy Da-xá con tôi đến đây không?", Phật nói: "ông hãy ngồi xuống, lát nữa sẽ được gặp con", trưởng giả nghe rồi tâm sanh hoan hỉ liền đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ. Trước nói về pháp bố thí trì giới là nhân được sanh lên cõi trời… khiến cho trưởng giả chứng được quả Dự lưu, còn Da-xá liền chứng quả A-la-hán, lúc đó trên người vẫn còn mặc y phục thế tục với đồ trang sức bằng các loại trân bảo. Lúc đó ở thế gian có bảy vị A-la-hán, Phật đứng đầu ; Phật thu nhiếp thần lực và nói kệ:

"Điều phục tịch tĩnh, trì tịnh giới,
Thường dùng diệu pháp tự trang nghiêm,
Không khởi tâm giết hại hữu tình,
Là hạnh của Bí-sô, Sa môn".

Lúc đó trưởng giả liền thấy Da-xá đang ngồi trước Phật, ông nói với Da-xá: "con hãy cùng ta về nhà, vì nhớ con mà mẹ con khóc than thảm thiết", Phật bảo trưởng giả: "ý ông nghĩ sao, có người nào được trí Vô học, kiến chứng lý Tứ đế mà còn trở về nhà thế tục nữa hay không?", đáp là không, Phật lại hỏi: "hiện nay ông đã được trí Hữu học và kiến chứng lý Tứ đế chưa?", đáp là đã được, Phật nói: "đồng tử Da-xá này đã được trí Vô học và kiến chứng lý Tứ đế", trưởng giả nói: "con của con đã được đại quả lợi. Thế tôn, con xin thỉnh Thế tôn và Da-xá ngày mai đến nhà con thọ thỉnh thực", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, trưởng giả đảnh lễ Phật rồi trở về nhà. Sáng hôm sau đến giờ, Phật đắp y mang bát cùng Da-xá đến nhà trưởng giả, mẹ và vợ của Da-xá trải tòa ngồi rồi ra đứng ở cửa nghinh đón, thấy Phật và Da-xá đến liền thỉnh Phật ngồi, cả hai đến đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật liền nói diệu pháp chỉ dạy khiến cho cả hai được lợi hỉ. Trước tiên Phật nói về pháp bố thí trì giới… cho đến cả hai đều chứng quả Dự lưu. Chứng quả rồi mẹ và vợ của Da-xá rất hoan hỉ liền đứng dậy đảnh lễ, quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay con được thâm

nhập diệu pháp được đại lợi ích, con xin trọn đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và thọ trì năm học xứ làm Ô-ba-tư-ca. Cúi xin Phật thọ con thỉnh thực hôm nay", Thế tôn im lặng nhận lời. Mẹ và vợ của Da-xá liền tự tay dọn lên các thức ăn uống thượng diệu trên một bàn ăn bằng gỗ Đàn hương để cúng dường Phật và Da-xá. Sau khi Phật thọ thực xong, họ ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp, Phật lại vì họ thuyết pháp rồi ra về.

Lúc đó các Trưởng giả ở thành Bà-la-nê-tư đều nghe tin Da-xá, con của trưởng giả thứ nhất đã cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục xuất gia làm đệ tử của Phật. Con của trưởng giả thứ hai là Phú lâu na, con của trưởng giả thứ ba là Vô cấu, con của trưởng giả thứ tư là Kiều phạm ba đề, con của trưởng giả thứ năm là Diệu kiên; sau khi nghe tin Da-xá xuất gia, họ đều suy nghĩ: "đồng tử Da xa sanh trong nhà phú quý, giàu có nhiều trân bảo, thân tướng đoan nghiêm, ưa thích thọ ngũ dục lạc mà còn bỏ sở thích của mình để làm đệ tử Phật, chứng tỏ Như lai có oai lực lớn và pháp của Phật vi diệu. Ta cũng nên cạo bỏ râu tóc xuất gia cầu thắng pháp", nghĩ rồi cùng nhau đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin ban cho chúng con diệu pháp, chúng con xin được xuất gia làm đệ tử và sẽ phụng trì phạm hạnh theo lời dạy của Như lai", Phật bảo: "các con đến thật đúng lúc, thiện lai các Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của các trưởng giả tử này đều tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, sự hiểu biết về pháp cũng giống như Bí-sô trăm tuổi. Lúc đó Phật bảo bốn Bí-sô này: "các thầy phải một mình ở nơi tịch tĩnh, xa lìa ồn náo, thường giữ tự tâm siêng tu khổ hạnh. Nay đã xuất gia nên siêng tu phạm hạnh để cầu qua đến bờ kia, chứng được Chánh trí, đạt được thần thông, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Người nào tu tập như vậy sẽ chứng quả Vô sanh", bốn Bí-sô nghe Phật dạy xong liền ngộ giải và chứng quả A-la-hán; lúc đó trong thế gian có tất cả mười một A-la-hán, Phật đứng đầu.

Trong thành Bà-la-nê-tư có năm mươi gia đình hào phú, sau khi nghe tin con của năm đại trưởng giả đều đã xuất gia và đều đã chứng quả A-la-hán; họ liền suy nghĩ: "pháp Phật vi diệu mới khiến cho con của năm đại trưởng giả đều từ bỏ gia đình giàu sang mà đi xuất gia, ta cũng nên xuất gia làm đệ tử Phật", nghĩ rồi liền cùng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin cho chúng con được ở trong thiện pháp luật xuất gia tu phạm hạnh", Phật nói: "thiện lai các Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của các trưởng giả tử này đều tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, sự

hiểu biết cũng giống như Bí-sô trăm tuổi. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô này: "các thầy phải một mình ở nơi tịch tĩnh, xa lìa ồn náo, thường giữ tự tâm siêng tu khổ hạnh. Nay đã xuất gia nên siêng tu phạm hạnh để cầu qua đến bờ kia, chứng được Chánh trí, đạt được thần thông, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Người nào tu tập như vậy sẽ chứng quả Vô sanh", năm mươi Bí-sô này nghe Phật dạy xong liền ngộ giải và chứng quả A-la-hán; lúc đó trong thế gian có tất cả sáu mươi mốt A-la-hán, Phật đứng đầu. Lúc đó Phật ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, đang cùng sáu mươi Bí-sô ngồi vây quanh, Phật bảo các Bí-sô: "ta và các thầy đều đã được giải thoát khỏi sự trói buộc trong cõi Trời người. Từ nay các thầy nên mỗi người tùy đi đến một phương để làm lợi ích cho các chúng sanh ; các thầy nên đi riêng, chớ đi chung, ta cũng sẽ đến tụ lạc Ưu lâu tần loa", ma vương nghe được lời này của Phật liền suy nghĩ: "Sa môn Kiều-đáp-ma sẽ đi đến tụ lạc Ưu lâu tần loa, ta nên gây chướng ngại cho ông ta", nghĩ rồi liền hóa thành một thanh niên đến trước Phật nói kệ:

"Ông chưa được giải thoát,
Mà tưởng là giải thoát,
Ông còn trong trói buộc,
Không thể thoát khỏi ta".

Phật nghe rồi liền biết là Ma vương đang muốn não loạn nên nói kệ:

"Ta đã giải thoát khỏi,
Trói buộc trong Trời người,
Kẻ tội lỗi nên biết,
Ta đã chế phục ngươi".

Ma vương nghe rồi liền biết Phật đã biết được tâm mình nên ưu sầu hối hận bỏ đi. Phật lại bảo các Bí-sô: "ta và các thầy đều đã được giải thoát khỏi sự trói buộc trong cõi Trời người. Từ nay các thầy nên mỗi người tùy đi đến một phương để làm lợi ích cho các chúng sanh; các thầy nên đi riêng, chớ đi chung, ta cũng sẽ đến tụ lạc Ưu lâu tần loa", các Bí-sô vâng lời Phật dạy đều lặng lẽ ra đi. Phật một mình đi đến tụ lạc Ưu lâu tần loa, thành Bà-la-nê-tư, vào trong rừng Bạch điệp ngồi tĩnh lặng dưới một gốc cây. Lúc đó có sáu mươi Hiền bộ ở ngoài tụ lạc thường hẹn với các kỹ nữ để cùng vui chơi hoan lạc, trong số đó có một kỹ nữ bỏ đi nên họ bủa ra đi tìm. Khi đi tới rừng Bạch điệp, họ thấy Thế tôn đang ngồi dưới một gốc cây, dung mạo đoan nghiêm, các căn tịch tĩnh, thân sắc vàng với ánh sáng thù diệu khiến người vừa nhìn liền phát tâm thanh tịnh. Họ đến hỏi Phật có thấy một người nữ không, Phật hỏi: "người nữ đó với các vị thân thuộc như thế

nào?", họ đem việc trên kể lại, Phật nói: "ý các vị nghĩ sao, đi tìm người nữ là thiết yếu hay tìm lại chính mình mới là thiết yếu ?", liền đáp tìm lại chính mình mới là thiết yếu, Phật nói: "vậy thì hãy ngồi xuống và lắng nghe diệu pháp". Sáu mươi Hiền bộ đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho họ được lợi hỉ. Thường pháp của chư Phật là trước tiên nói về pháp bố thí, trì giới là nhân sanh lên cõi trời; kế nói về tội lỗi của năm dục và ca ngợi hạnh xuất gia, sống một mình trong rừng núi để tư duy đoạn trừ phiền não khiến cho người nghe diệu pháp này đều hoan hỉ, tâm thanh tịnh không còn nghi hoặc. Phật biết tâm họ đã được khai mở liền nói về pháp xuất thế, đó là bốn Thánh đế : khổ tập diệt đạo. Giống như giặt áo, trước phải tẩy sạch hết chất dơ, khi áo đã sạch mới dễ nhuộm màu; tâm của sáu mươi Hiền bộ này cũng vậy, vừa nghe xong bốn Thánh đế này liền chứng được quả dự lưu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Chứng quả rồi, sáu mươi Hiền bộ này rất hoan hỉ liền đứng dậy đảnh lễ, quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay chúng con được thâm nhập diệu pháp được đại lợi ích, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca. Từ nay cho đến trọn đời con thọ trì năm học xứ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu", nói xong liền đảnh lễ Phật rồi ra về.

Đêm đã qua, trời vừa sáng Phật đắp y vào thôn Đa quân, Phật suy nghĩ nên nói pháp cho ai nghe trước tiên, liền nghĩ đến hai cô con gái của chủ thôn tên là Hoan hỉ và Hoan hỉ lực, trước kia khi Phật sắp từ bỏ lối tu khổ hạnh, hai cô gái này đã cúng dường cháo sữa, tô và mật, giúp Phật hồi phục lại sức khỏe. Nghĩ rồi liền đi đến nhà của chủ thôn, hai cô gái từ xa thấy Phật liền trải tòa ngồi rồi ra nghinh đón Phật mời ngồi, Phật đến tòa ngồi, hai cô gái đảnh lễ rồi đứng một bên, Phật vì nói diệu pháp khiến họ được lợi hỉ… cho đến được vô sở úy. Hai cô gái đảnh lễ Phật, quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, chúng con đã thâm nhập diệu pháp, được đại lợi ích, từ nay chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ưu ba tư ca. Hôm nay xin Thế tôn thương xót thọ chúng con cúng dường". Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, hai cô gái liền trải bàn ăn, dọn lên các thức ăn uống thơm ngon để cúng dường Phật, Phật rửa tay chân rồi như pháp ngồi thọ thực, thọ thực xong rửa tay thu bát, hai cô gái đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật lại vì nói pháp chú nguyện khiến họ được lợi hỉ rồi đi. Khi sắp ra khỏi thôn, Phật suy nghĩ: "ở nước Ma-yết-đà này có Bà-la-môn ngoại đạo nào được tôn trọng, sau khi nghe pháp của ta sanh tín kính

sẽ khiến cho nhiều người vào trong giáo pháp của ta", lúc đó có ngoại đạo tên Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp đã được một trăm hai mươi tuổi, ông có năm trăm đệ tử cùng tu khổ hạnh trong rừng bên cạnh sông Ni-liên-thiền. Phật suy nghĩ: "ngoại đạo này được người trong nước Ma-yết-đà cung kính tôn trọng, xem như là thắng phước điền A-la-hán, ta nên đến chỗ đó nói diệu pháp khiến cho nhiều người được lợi ích thù thắng", nghĩ rồi liền đi đến chỗ Ca-diếp. Từ xa thấy Phật đi đến, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp liền trải tòa mời ngồi và chào hỏi thiện lai, sau khi chào hỏi xong, Phật nói với Ca-diếp : "nhân giả là bậc tôn trọng, có thể cho tôi ở một chỗ trong thạch thất thờ lửa này ngủ qua đêm được không?", Ca-diếp nói: "tôi không phải là bậc tôn trọng, chỉ vì bên trong thạch thất thờ lửa này có con độc long, sợ nó làm hại Sa môn", Phật nói: "cứ cho tôi ở lại, độc long sẽ không làm hại tôi đâu", Ca-diếp nói: "nếu vậy thì Sa môn cứ tùy ý ở lại". Đầu đêm Phật rửa tay chân rồi vào trong thạch thất thờ lửa, trải cỏ ngồi kiết già, chánh niệm không loạn động; độc long nhìn thấy Phật liền nổi giận phun khói độc, Phật dùng thần thông lực phun khói ngăn khói độc kia; độc long càng tức giận, toàn thân phát ra lửa, Phật nhập Hỏa quang tam muội, toàn thân cũng phát ra lửa để điều phục độc long, khiến cho trong thạch thất rực lửa. Nửa đêm, Ca-diếp ra ngoài quan sát tinh tú, thấy thạch thất thờ lửa rực lửa liền nghĩ: "Sa môn Kiều-đáp-ma dung mạo đoan chánh, nhưng khổ thay vì không nghe lời ta nên bị độc long thiêu cháy thành tro rồi", nghĩ rồi liền bảo các đệ tử đem nước đến dập tắt lửa để cứu Sa môn. Lúc đó Phật biết tâm niệm của Ca-diếp liền suy nghĩ: "để điều phục độc long, ta nên nhập tam muội phát ra đủ loại lửa để diệt trừ lửa của độc long mà không làm cho thân nó bị tổn hại", nghĩ rồi liền nhập định, độc long thấy các loại lửa này liền sợ hãi, chạy đến chỗ Phật rồi chui vào trong bát, cuộn thân nằm yên. Biết rồng đã được điều phục, Phật xuất định rồi ôm bát đến gặp Ca-diếp, Ca-diếp vừa nhìn thấy liền hỏi: "Sa môn vẫn còn sống sao?", đáp là vẫn bình an, lại hỏi: "vật gì ở trong bát của Sa môn?", Phật nói: "đây là độc long mà ông sợ, nó đã được điều phục và đang nằm trong bát", Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Lúc đó Phật ở trong rừng cây gần chỗ của Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp tu đạo, năm trăm Ma-nạp-bà là đệ tử của ca-diếp, mỗi người trông coi ba đàn thờ lửa, tổng cộng có một ngàn năm trăm đàn thờ lửa. Vào đầu đêm họ muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, liền đến bạch thầy: "chúng con muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy", Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên

khiến cho lửa không cháy", nghĩ rồi liền đến nói với Phật: "Sa môn nên biết, năm trăm đệ tử của tôi muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến lửa không cháy", Phật hỏi: "ông muốn lửa cháy phải không?", đáp là muốn lửa cháy. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở các đàn thờ lửa đều bừng cháy, Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán". Sau khi cúng tế xong, các đệ tử của Ca-diếp muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được, liền đến bạch thầy : "chúng con muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được", Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến cho không dập tắt được lửa", nghĩ rồi liền đến nói với Phật: "Sa môn nên biết, năm trăm đệ tử của tôi muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến không dập tắt được lửa", Phật hỏi: "ông muốn dập tắt lửa phải không ?", đáp là muốn dập tắt lửa. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở các đàn thờ lửa đều tắt hết; Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Vào một thời khác, Ca-diếp đích thân muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, liền suy nghĩ: "há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến cho lửa không cháy", nghĩ rồi liền đến nói với Phật: "Sa môn nên biết, tôi đích thân muốn đốt lửa cúng tế nhưng lửa không cháy, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến lửa không cháy", Phật hỏi: "ông muốn lửa cháy phải không?", đáp là muốn lửa cháy. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở đàn thờ lửa đột nhiên bừng cháy ; Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán" .

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 7

Lúc đó Phật đang ở trong rừng cây gần chỗ Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp tu đạo, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp sau khi cúng tế xong muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được, liền suy nghĩ: "há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến cho dập tắt lửa không được", nghĩ rồi liền đến nói với Phật: "Sa môn nên biết, tôi muốn dập tắt lửa cúng tế nhưng không thể dập tắt được, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến không dập tắt được lửa", Phật hỏi: "ông muốn dập tắt lửa phải không?", đáp là muốn dập tắt lửa. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật nên lửa ở đàn thờ lửa đều tắt hết; Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán". Vào thời khác, các phòng xá trong tinh xá của Ca-diếp bỗng nhất thời bốc cháy khắp bốn phía, Ca-diếp cùng các đệ tử đồng tâm muốn dập tắt lửa nhưng không thể dập tắt được, liền suy nghĩ: "há chẳng phải do oai lực của Sa môn ở gần trú xứ của ta nên khiến lửa này phát sanh", nghĩ rồi liền đến nói với Phật: "Sa môn nên biết, các phòng xá trong tinh xá của tôi bỗng bốc cháy khắp bôn phía, tôi cùng các đệ tử muốn dập tắt nhưng không thể dập tắt được, tôi nghĩ là do oai lực của Sa môn nên khiến lửa này phát sanh", Phật hỏi: "ông muốn lửa tắt phải không?", đáp là muốn lửa tắt. Vừa nói xong, nhờ thần lực của Phật, lửa đang bốc cháy liền tắt hết; Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Đêm đó, vua trời Tứ thiên vương với thân quang chiếu sáng đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, giống như bốn đống lửa ; đến nửa đêm, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp ra ngoài quan sát tinh tú, từ xa thấy ở trước Phật có bốn đống lửa chiếu sáng rất xa, liền cho là Sa môn này cũng thờ lửa nên mới có bốn đống lửa như thế. Sáng hôm sau liền đến hỏi Phật: "đại Sa môn, không biết sự việc có đúng như tôi đã thấy hay không, đêm qua khi ra ngoài xem tinh tú, tôi thấy ở trước Sa môn có bốn đống lửa nên tôi cho là Sa môn cũng thờ lửa như tôi", Phật nói: "này Ca-diếp, không phải ta thờ lửa, đêm qua vua trời Tứ thiên vương đến chỗ ta nghe pháp nên có ánh sáng này, không

phải là đống lửa", Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán". Đêm hôm sau, Phạm thiên Đế thích với thân quang chiếu sáng đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên giống như hai đống lửa ; đến nửa đêm, Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp ra ngoài quan sát tinh tú, từ xa thấy ở trước Phật có hai đống lửa chiếu sáng rất xa, liền cho là Sa môn này cũng thờ lửa nên mới có hai đống lửa như thế. Sáng hôm sau liền đến hỏi Phật: "đại Sa môn, không biết sự việc có đúng như tôi đã thấy hay không, đêm qua khi ra ngoài xem tinh tú, tôi thấy ở trước Sa môn có hai đống lửa nên tôi cho là Sa môn cũng thờ lửa như tôi", Phật nói: "này Ca-diếp, không phải ta thờ lửa, đêm qua vua trời Phạm thiên và Đế thích đến chỗ ta nghe pháp nên có ánh sáng này, không phải là đống lửa", Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Lúc đó trong nước Ma-kiệt-đà có tiết hội bảy ngày, trong bảy ngày này dân chúng nước Ma-kiệt-đà mang nhiều phẩm vật đến cúng dường cho Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp. Thấy tiết hội đã đến, Ca-diếp suy nghĩ: "nếu dân chúng nước Ma-kiệt-đà đến đây cúng dường mà thấy Sa môn này có thần lực như thế, ắt sẽ bỏ ta để theo vị ấy. Nếu trong bảy ngày này Sa môn ấy không có ở đây thì tốt quá", Phật biết tâm niệm của Ca-diếp nên tự ẩn thân không hiện. Sau bảy ngày, Ca-diếp được cúng dường rất nhiều lợi dưỡng, liền suy nghĩ: "trong bảy ngày này ta được rất nhiều lợi dưỡng, nếu hôm nay Sa môn đến, ta sẽ cúng dường vị ấy", Phật biết tâm niệm của Ca-diếp nên hiện thân đến. Từ xa trông thấy Phật, Ca-diếp liền nói: "Sa môn đã trở lại", Phật nói: "ta đã trở lại", lại hỏi: "vì sao trong bảy ngày qua Sa môn lại bỏ đi?", Phật nói: "Ca-diếp, trước đây há không phải ông suy nghĩ: "nếu dân chúng nước Ma-kiệt-đà đến đây cúng dường mà thấy Sa môn này có thần lực như thế, ắt sẽ bỏ ta để theo vị ấy. Nếu trong bảy ngày này Sa môn ấy không có ở đây thì tốt quá", ta biết tâm niệm của ông nên trong bảy ngày qua ta không ở đây", Ca-diếp lại hỏi: "Sa môn biết tâm niệm của tôi nên bỏ đi vì sao hôm nay trở lại?", Phật nói: "chẳng phải hôm nay ông suy nghĩ: "trong bảy ngày này ta được rất nhiều lợi dưỡng, nếu hôm nay Sa môn đến, ta sẽ cúng dường vị ấy", tôi biết tâm niệm này của ông nên trở lại", Ca-diếp nói: "quả tôi có suy nghĩ như vậy. Sa môn, thức ăn uống này ông tùy ý thọ dụng", Ca-diếp lại suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Lúc đó Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp đến thỉnh Phật: "Sa môn lại ở lại đây, tôi sẽ như pháp cung cấp các thứ cần dùng", Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, Ca-diếp tự tay làm thức ăn, làm xong liền đến thỉnh Phật:

"thức ăn uống đã làm xong, Sa môn tự biết giờ", Phật nói: "ông đi trước, tôi sẽ đến sau". Sau khi Ca-diếp đi, Phật dùng thần thông lực đến chỗ cây Thiệm bộ hái nhiều quả tươi ngon, đựng đầy bát rồi đến chỗ Ca-diếp, ngồi vào chỗ ngồi. Ca-diếp đến sau, thấy Phật liền hỏi: "Sa môn đến đây sao mau như vậy?", lại hỏi: "vật gì đựng trong bát?", Phật nói: "sau khi ông đi, tôi dùng thần thông lực đến chỗ cây Thiệm bộ hái nhiều quả tươi ngon mang đến đây, ông hãy thọ dụng", Ca-diếp thỉnh Phật thọ thực : "Sa môn hãy tùy ý thọ thực", Ca-diếp lại suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán". Như thế cho đến hái các loại quả Am-ma-la, Ca-tất-tha và lúa thơm tự nhiên ở xứ Câu lư cũng giống như trên. Lần khác, Ca-diếp lại đến thỉnh Phật thọ thực, Phật đắp y mang bát đến rồi ngồi vào chỗ ngồi, Ca-diếp tự tay sớt thức ăn ngon vào trong bát của Phật, Phật thọ rồi mang đến chỗ khác để ăn. Đến khi cần nước, vua trời Đế thích biết Phật cần nước liền hiện tới chỗ Phật, dùng ngón tay dùi xuống đất, ngay nơi đó vọt lên một dòng suối. Sau đó, Ca-diếp đi kinh hành đến thấy có dòng suối này liền suy nghĩ: "ta ở đây đã lâu, không thấy có suối này, sao hôm nay lại có", nghĩ rồi liền đến hỏi Phật: "Sa môn, tôi ở đây đã lâu không thấy có suối này, sao hôm nay lại có, không biết là ai đã tạo ra?", Phật nói: "hôm qua, sau khi thọ thức ăn của ông, tôi đã đến đây ngồi ăn, khi cần nước thì vua trời Đế thích hiện ra, dùng ngón tay dùi xuống đất làm vọt lên dòng suối này, nó được gọi là suối Thủ kích", Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán". Vào một buổi chiều, Phật ra suối tắm rửa, tắm xong muốn lên bờ ; bên bờ suối cách Phật rất xa có một đại thọ tên là Át thụ na, Phật muốn đưa tay níu cây, cây liền cong xuống cho Phật níu cành để lên bờ. Sau đó Ca-diếp đi đến thấy cây cong liền suy nghĩ: "đại thọ này trước đây không cong, sao nay lại cong", nghĩ rồi liền hỏi Phật nguyên do, Phật kể lại sự việc trên, Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Vào một thời khác, Phật nhặt được y phấn tảo muốn đem giặt liền nghĩ: "dùng vật gì để giặt", Đế thích biết tâm niệm của Phật liền mang một tảng đá lớn để bên bờ suối cho Phật giặt y. Giặt y xong, Phật lại nghĩ: "nên dùng vật gì để phơi", Đế thích liền mang thêm một tảng đá đến cho Phật phơi y. Lúc đó Ca-diếp đi đến thấy hai tảng đá này liền nghĩ: "ta chưa từng thấy hai tảng đá này, sao hôm nay lại có", nghĩ rồi liền hỏi Phật, Phật đem sự việc trên kể lại, Ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán".

Vào một thời khác, Phật đến bên bờ sông Ni-liên-thiền kinh hành,

nước sông bỗng dâng tràn ngập quá đầu người; Phật ở trong nước, chung quanh bốn phía đóng dừng và Phật vẫn an nhiên kinh hành trong đó. Lúc đó Ca-diếp thấy nước sông tràn ngập liền cho là Sa môn đã bị nước cuốn trôi, ông cùng các đệ tử chèo thuyền nhỏ xuống sông mói thấy Phật vẫn an nhiên kinh hành trong nước, liền hỏi: "Sa môn vẫn còn sống ư?", đáp là an ổn, Ca-diếp bảo Phật lên thuyền, Phật dùng thần lực bỗng nhiên biến mất rồi hiện thân trên thuyền, Ca-diếp thấy rồi liền suy nghĩ: "tuy Sa môn Kiều-đáp-ma có đại oai đức như vậy, nhưng ta cũng là A-la-hán". Phật biết tâm niệm của ca-diếp nên nói: "Ca-diếp, ông không phải là A-la-hán quả, cũng không phải là A-la-hán hướng, cũng không biết đạo A-la-hán", Ca-diếp suy nghĩ: "Sa môn biết được tâm niệm của ta", nghĩ rồi liền chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", Phật hỏi: "ông muốn xuất gia, các đệ tử của ông có biết không?", đáp là không biết, Phật nói: "ông có tiếng tăm, xa gần đều biết ông là người có thiện trí huệ đầy đủ ; ông nên nói với các đệ tử là ông cho họ được tùy theo sở thích". Ca-diếp vâng lời Phật dạy, trở về nói với các đệ tử: "các đệ tử nên biết, nay ta muốn ở trong pháp của Sa môn Kiều-đáp-ma xuất gia thọ giới cụ túc, còn các đệ tử như thế nào thì tùy ý", các đệ tử nói: "trước nay chúng con nương theo thầy tu học, nếu thầy đi thì chúng con cũng đi theo để tu phạm hạnh", Ca-diếp nói: "nếu các con theo ta thì hãy đem các thứ như áo da nai, tích trượng, đồ tế lễ… quăng hết xuống sông Ni-liên-thiền rồi hãy tùy ý đi", các đệ tử vâng lời thầy dạy, đem các thứ đó quăng hết xuống sông rồi đến bạch thầy: "chúng con đã đem các thứ đó quăng hết xuống sông rồi, giờ phải làm gì nữa xin thầy chỉ dạy", Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp dẫn năm trăm quyến thuộc đến chỗ Phật bạch : "Thế tôn, con đã nói với các đệ tử, tất cả đều chấp thuận theo con, xin cho chúng con ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh".

Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp có hai người em tên là Na-đề-ca-diếp và Già-da-ca-diếp đều ở vùng hạ lưu của sông Ni-liên-thiền, mỗi vị đều có hai trăm năm mươi đệ tử, đều siêng tu phạm hạnh, thích tịch tĩnh. Hôm đó Na-đề-ca-diếp bỗng thấy các thứ như áo da nai, tích trượng, đồ cúng tế… trôi theo dòng nước, liền suy nghĩ: "các vị đồng phạm hạnh của ta đã gặp tai nạn gì mà các thứ này lại trôi xuống đây, là do vua quan làm hại hay do giặc cướp, lửa cháy, nước cuốn trôi; chúng ta nên đến đó xem thử", nghĩ rồi cả hai anh em cùng đi đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp tu đạo. Đến nơi liền thấy Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp mặc Tăng-già-lê, đã cạo bỏ râu tóc và đang ngồi trước Đại Sa môn nghe thuyết diệu pháp. Thấy rồi liền đến hỏi Ưu-lâu-tần-loa-

ca-diếp : "cụ thọ, pháp xuất gia này thù thắng hơn pháp tu trước hay sao?", đáp là thù thắng hơn, Na đế Ca-diếp và Già-da-ca-diếp nghe rồi liền suy nghĩ: "Sa môn này có đại oai đức, chắc là có giáo pháp thù thắng vi diệu mới khiến cho anh ta tuổi cao đức trọng, nay đã hơn một trăm hai mươi tuổi được dân chúng nước Ma-kiệt-đà tôn kính, cho anh ta là A-la-hán, mà anh ta lại từ bỏ tất cả để xuất gia tu đạo với Sa môn này. Chúng ta cũng nên theo vị ấy xuất gia tu đạo", nghĩ rồi liến đến đảnh lễ Phật, chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho chúng con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", Phật hỏi: "ông muốn xuất gia, các đệ tử của ông có biết không?", đáp là không biết, Phật nói: " ông có tiếng tăm, xa gần đều biết ông là người có thiện trí huệ đầy đủ; ông nên nói với các đệ tử là ông cho họ được tùy theo sở thích". Na-đề-ca-diếp và Già-da-ca-diếp vâng lời Phật dạy, trở về nói với các đệ tử: "các đệ tử nên biết, nay ta muốn ở trong pháp của Sa môn Kiều-đáp-ma xuất gia thọ giới cụ túc, còn các đệ tử như thế nào thì tùy ý", các đệ tử nói: "trước nay chúng con nương theo thầy tu học, nếu thầy đi thì chúng con cũng đi theo để tu phạm hạnh", Ca-diếp nói: "nếu các con theo ta thì hãy đem các thứ như áo da nai, tích trượng, đồ tế lễ… quăng hết xuống sông Ni-liên-thiền rồi hãy tùy ý đi", các đệ tử vâng lời thầy dạy, đem các thứ đó quăng hết xuống sông rồi đến bạch thầy : "chúng con đã đem các thứ đó quăng hết xuống sông rồi, giờ phải làm gì nữa xin thầy chỉ dạy", Na-đề-ca-diếp và Già-da-ca-diếp dẫn năm trăm quyến thuộc đến chỗ Phật bạch : "Thế tôn, con đã nói với các đệ tử, tất cả đều chấp thuận theo con, xin cho chúng con ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh". Phật nói: "thiện lai Na-đề-ca-diếp và Già-da-ca-diếp, đến tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, tất cả đều trở thành Bí-sô, lúc đó Phật đã độ được tất cả một ngàn ngoại đạo búi tóc, cho thọ giới cụ túc. Sau một thời gian ở tại trú xứ của Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp, Phật cùng chúng Bí-sô gồm một ngàn vị vốn là ngoại đạo búi tóc, đi du hành dần đến núi Già da rồi trụ ở trong tháp ở trên đỉnh núi. Lúc đó Phật dùng ba loại thông để giáo hóa một ngàn Bí số này, đó là Thần túc thông, Ký thuyết thông và giáo thọ thông. Thần túc thông là Phật nhập định, từ chỗ ngồi ẩn thân và hiện ra ở phương Đông, ở trên hư không đi đứng nằm ngồi, kế nhập định Hỏa quang, trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Sau khi hiện các tướng như vậy, Phật liền ẩn thân và hiện trở lại chỗ ngồi. Ký thuyết thông là Bí-sô nên quán tâm

ý thức, nên khởi Tầm tư thiện, không nên khởi Tầm tư bất thiện, đây là ý niệm cũng là thức thân chứng. Giáo thọ thông là Phật bảo các Bí-sô: "các pháp đều hừng thạnh (bị đốt cháy), sao gọi là hừng thạnh? Đó là nhãn hừng thạnh, sắc hừng thạnh, nhãn thức hừng thạnh; nhãn xúc hừng thạnh, nhân nơi nhãn xúc bên trong sanh cảm thọ như khổ, vui, không khổ không vui, tất cả đều bị đốt cháy. Do lửa gì đốt cháy? Do lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy nên sanh già bịnh chết, ưu bi khổ não cũng đều bị đốt cháy. Cho nên các pháp đều là khổ, nhãn đã như thế thì nhĩ tỷ thiệt thân ý cũng đều như thế". Khi Phật thuyết giảng pháp này, một ngàn Bí-sô này nơi các pháp hữu lậu được tâm giải thoát, không còn thọ thân sau nữa và chứng quả A-la-hán.

Lúc đó Phật đang ở trong ngôi tháp trên đỉnh núi Già da, nước Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Bí-sô vốn là ngoại đạo búi tóc, nay đều đã chứng quả A-la-hán, đều đã trừ hết lậu hoặc, việc nên làm đã làm xong, đã xả gánh nặng, thành tựu hạnh tự lợi, đoạn hết các kiết sử, tâm hoàn toàn giải thoát.

Lúc đó dân chúng nước Ma-kiệt-đà nghe tin Thái tử con vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la thuộc chủng tộc Thích ca, bên sông Căng già, dưới chân núi Tuyết, khi đản sanh có Tướng sư xem tướng nói rằng nếu Thái tử nối ngôi vua sẽ là Chuyển luân Thánh vương thống trị bốn châu, dùng chánh pháp giáo hóa, có đủ bảy báu: bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, thần coi giữ phục tàng báu, thần chỉ huy quân đội báu và ngọc ma ni báu; lại có đủ ngàn con đoan nghiêm dõng mãnh có thể chế phục oán địch, khiến cho trong thiên hạ không còn oán địch, chấm dứt đao binh, dân chúng được an cư lạc nghiệp. Nếu vị ấy chánh tín xuất gia, từ bỏ gia đình sống nếp sống không gia đình, cạo bỏ râu tóc đắp ca-sa, chứng Vô thượng giác thì tiếng tăm vang xa, thế gian đều ca ngợi. Sau khi nghe được tin này, dân chúng liền đến chỗ vua Tần-tỳ-sa-la tâu rằng: "Đại vương nên biết, chúng thần nghe tin Thái tử con vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la thuộc chủng tộc Thích ca, bên sông Căng già, dưới chân núi Tuyết, khi đản sanh có Tướng sư xem tướng nói rằng nếu Thái tử nối ngôi vua sẽ là Chuyển luân Thánh vương… thế gian đều ca ngợi. Xin Đại vương hãy ra lịnh giết người này, nếu trừ được thì vận nước của Đại vương mới lâu dài", vua nói: "các khanh chớ nói lời này, vì sao, vì nếu vị ấy lên ngôi Kim luân vương thì ta sẽ thuận tùng theo; nếu vị ấy thành chánh giác thì ta sẽ thừa sự cúng dường". Lúc đó vua Tần-tỳ-sa-la lên lầu cao phát năm lời nguyện:

1. Là nguyện trong nước Ma-kiệt-đà xuất hiện vị đạo sư của giáo pháp lớn, tức là Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh

túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn.

2. Là nguyện được thân cận thừa sự Thế tôn.
3. Là nguyện được nghe pháp yếu để được khai ngộ.
4. Là nguyện sau khi nghe pháp yếu sẽ thọ trì tịnh giới.
5. Là nguyện sau khi thọ trì tịnh giới rồi sẽ như pháp an trụ. Lúc đó Phật ở trên núi Già da nghe thấy năm lời nguyện này liền bảo các Bí-sô: "ta nghe thấy vua Tần-tỳ-sa-la đang ở trên lầu cao phát năm lời nguyện".

Sau đó dân chúng nước Ma-kiệt-đà lại nghe tin Thái tử con vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la thuộc chủng tộc Thích ca, bên sông Căng già, dưới chân núi Tuyết, khi đản sanh có Tướng sư xem tướng nói rằng nếu Thái tử nối ngôi vua sẽ là Chuyển luân Thánh vương… nay đã bỏ ngôi vị luân vương xuất gia và đã chứng quả Vô thượng chánh giác, hiện nay Phật đang ở trong ngôi tháp trên đỉnh núi Già da, nước Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Bí-sô vốn là ngoại đạo búi tóc, nay đều đã chứng quả A-la-hán, đều đã trừ hết lậu hoặc, việc nên làm đã làm xong, đã xả gánh nặng, thành tựu hạnh tự lợi, đoạn hết các kiết sử, tâm hoàn toàn giải thoát. Sau khi nghe tin này, dân chúng liền đến chỗ vua Tần-tỳ-sa-la tâu rằng: "chúng thân hay tin Thái tử thích ca nay đã thành đạo quả Vô thượng giác, hiện đang ở trên đỉnh núi Già da cùng với một ngàn Bí-sô… tâm hoàn toàn giải thoát. Nếu Đại vương đến thừa sự cúng dường thì vận nước của vua sẽ được an ổn, sung túc", vua nghe rồi rất vui mừng liền sai sứ giả đến chỗ Phật, thay vua đảnh lễ Phật rồi thăm hỏi Thế tôn có được khinh an, ít bịnh, ít não phiền và được an lạc trụ không ; sau đó thỉnh Phật cùng các Bí-sô đến thành Vương xá thọ tứ sự cúng dường trọn đời của vua. Sứ giả vâng lịnh vua đến chỗ Phật ở trên núi Già da, đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: "vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt-đà sai con đến thăm hỏi Thế tôn có được khinh an, ít bịnh, ít não phiền và được an lạc trụ không ; sau đó thỉnh Phật cùng các Bí-sô đến thành Vương xá thọ tứ sự cúng dường trọn đời của vua", Phật im lặng nhận lời, sứ giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật rồi trở về bổn xứ.

Lúc đó Phật từ trên đỉnh núi Già da, nước Ma-kiệt-đà cùng một ngàn Bí-sô vốn là ngoại đạo búi tóc, nay đều đã chứng quả A-la-hán, đều đã trừ hết lậu hoặc, việc nên làm đã làm xong, đã xả gánh nặng, thành tựu hạnh tự lợi, đoạn hết các kiết sử, tâm hoàn toàn giải thoát; cùng xuống núi vào trong nước Ma-kiệt-đà rồi dừng nghỉ tại một ngôi tháp trong rừng trúc. Vua nghe được tin này liền cho trang hoàng cỗ xe tốt, xa giá cùng với trăm ngàn quyến thuộc đi đến chỗ Phật nhưng cỗ xe của vua lại lún sâu dưới đất, trục

bánh xe không thể xoay chuyển để tiến tới trước. Vua suy nghĩ: "ta đã làm lỗi gì mà trục bánh xe không xoay chuyển để tiến tới được", vua chợt nghe trên hư không có tiếng nói: "vua không có phạm lỗi, chỉ vì trong ngục của vua có vô lượng người cùng tu nghiệp lành với vua. Nếu vua phóng thích họ thì xe mới tiến tới trước được", vua nghe rồi liền cho phóng thích các tù nhân. Sau khi các tù nhân được thả, vua xa giá ngang qua cung điện thì mão trên đầu vua bỗng bị nghiêng, vua suy nghĩ: "ta đã tạo nghiệp gì mà lại hiện tướng này", vua liền nghe trên hư không có tiếng nói: "vua không có lỗi gì, chỉ vì có vô lượng chúng sanh trước đây cùng tu nghiệp lành thù thắng với vua, nay đã phân tán ở những nơi xa xôi, vua nên gọi họ đến để cùng đi gặp Phật". Vua nghe rồi liền cho gọi họ đến, sau khi họ đến rồi, vua cho trang hoàng một vạn hai ngàn cỗ xe, tập họp mười tám vạn binh mã, một vạn năm ngàn binh voi, vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn, cư sĩ trong nước Ma-kiệt-đà để cùng đi đến gặp Phật. Đến nơi, vua xuống xe cởi bỏ năm vật thù thắng, đó là lọng, mão, bảo kiếm, quạt báu và giày báu; cởi bỏ xong vua mới đến chỗ Phật, đảnh lễ bạch Phật ba lần: "Thế tôn, con là vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt-đà", Phật cũng đáp lại ba lần: "phải, Đại vương chính là vua Tần-tỳ-sa-la nước Ma-kiệt-đà, xin mời Đại vương ngồi". Vua đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên ; các quyến thuộc gồm các Bà-la-môn và các cư sĩ trong nước Ma-kiệt-đà, có nhóm đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, có nhóm chắp tay thăm hỏi Thế tôn có được khinh an, ít bịnh, ít não phiền và được an lạc trụ không, thăm hỏi rồi ngồi một bên ; có nhóm chắp tay nhưng không thăm hỏi rồi ngồi một bên, có nhóm đứng ở xa rồi lặng lẽ ngồi xuống. Lúc đó họ nhìn thấy Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp đang ngồi trong chúng, liền khởi nghi không biết Sa môn Kiều-đáp-ma đến tu tập nơi Ca-diếp hay là Ca-diếp đến tu tập nơi Sa môn Kiều-đáp-ma. Phật biết tâm niệm của họ liền nói kệ hỏi Ca-diếp:

"Ca-diếp, xưa thầy thấy lợi gì,
Bỏ tục xuất gia theo thờ lửa,
Hành trì pháp ấy được lợi gì,
Thầy nói nghĩa này cho ta nghe".

Ca-diếp nói kệ:

"Nghe nói tu pháp này được lợi,
Mỹ nữ, thức ăn vị vi diệu,
Do thấy pháp ấy có lợi này,
Tôi bỏ thế tục theo thờ lửa".

Thế tôn nói kệ:

"Mỹ nữ, thức ăn vị vi diệu,

Nếu do thờ lửa được lợi này,
Có đủ dục lạc cõi người trời,
Sao thầy từ bỏ không màng đến".

Ca-diếp nói kệ:

"Vì thấy pháp thắng định vô dư,
Vô sở hữu xứ không muốn trụ,
Vì diệu pháp này không gì hơn,
Nên bỏ lợi này không màng đến.
Do tôi trước đây tâm ngu si,
Tu pháp thờ lửa mong giải thoát,
Trái ngược với thắng pháp vi diệu,
Nên thường lưu chuyển trong sanh tử.
Nay quán pháp vô vi tối thắng,
Bậc Điều ngự trượng phu đã dạy,
Là thật pháp có ích cho đời,
Kiều-đáp-ma giáo hóa không mỏi".

Thế tôn nói kệ khen ngợi Ca-diếp:

"Thiện lai, Ca-diếp ba!
Không có tư tưởng ác,
Pháp rộng lớn thù thắng,
Nay thầy đã thâm nhập".

Thế tôn nói kệ rồi bảo Ca-diếp: "thầy hãy hiện thần biến cho đại chúng xem", Ca-diếp vâng lời Phật dạy, nhập định rồi ẩn thân nơi chỗ ngồi và hiện ra ở phương Đông, trên hư không đi đứng nằm ngồi, kế nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng ; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy rồi từ trên hư không hiện trở xuống, ở trước Phật đảnh lễ bạch rằng: "Thế tôn là thầy của con, con là đệ tử Thanh văn của Thế tôn", Phật nói: "phải, Như lai là thầy của Ca-diếp, Ca-diếp là đệ tử Thanh văn của Như lai. Ca-diếp, thầy hãy trở về chỗ ngồi", Ca-diếp đảnh lễ rồi trở về chỗ ngồi. Lúc đó các Bà-la-môn, các cư sĩ thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "không phải Sa môn Kiều-đáp-ma tu tập nơi Ca-diếp, mà là Ca-diếp tu tập nơi Sa môn Kiều-đáp-ma".

Lúc đó Phật bảo vua Tần-tỳ-sa-la: "Đại vương nên biết rõ nhân duyên sanh diệt của Sắc pháp, thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Nếu biết rõ sự sanh diệt dị của Sắc pháp thì có thể biết rõ tự tánh của Sắc pháp, thọ tưởng

hành thức cũng như vậy. Đại vương, nếu thiện nam nào biết rõ tánh của Sắc rồi mà không tham đắm, không lãnh thọ cũng không nắm giữ thì quyết định biết người ấy thấy Sắc là không có ngã và ngã sở ; thọ tưởng hành thức cũng vậy. Lúc đó ta nói người này chứng Niết-bàn giải thoát". Khi Thế tôn nói pháp này rồi, các Bà-la-môn, các cư sĩ nước Ma-kiệt-đà đều suy nghĩ: "nếu Sắc vô ngã, thọ tưởng hành thức cũng vô ngã thì pháp gì là ngã; ai là hữu tình, ai sanh ra, ai nuôi dưỡng, người và chúng sanh thường chấp ý thú cùng với năng sở tác của Ma nạp, cho đến tạo xúc thọ, đi đứng… Tất cả các pháp đều là vô ngã thì vật gì là không sanh không diệt, không phải ba đời có mà có thể làm và thọ. Đối với điều nên làm và điều không nên làm thì ai sẽ thọ quả báo của nghiệp thiện ác, để bỏ uẩn này thọ uẩn khác", Phật biết tâm niệm của họ nên bảo các Bí-sô: "người không có trí huệ, không đa văn liền khởi niệm chấp ngã và ngã sở, không biết là không có ngã và ngã sở, vì sao, vì từ Tập sanh Khổ, chứng Diệt thì hết khổ ; từ Tập sanh Hành, chứng diệt thì Hành diệt; nhân duyên của pháp ấy diệt thì pháp ấy diệt, do nhân duyên sanh nên các hữu tình theo thứ lớp luân chuyển; nhân duyên diệt thì hữu tình diệt nên Như lai biết rõ là rốt ráo vô ngã. Này các Bí-sô, Với thiên nhãn thanh tịnh, ta quán thấy các hữu tình lưu chuyển sanh diệt, hoặc đẹp xấu, giàu nghèo, làm nghiệp thiện hay làm nghiệp ác, hướng tới đường lành hay đường ác… ta đều thấy biết như thật. Những chúng sanh làm nghiệp ác nơi thân khẩu ý như phỉ báng Thánh hiền, chấp chặt tà kiến, tạo nghiệp tà kiến; do làm nghiệp này nên sau khi chết bị đọa trong ba đường ác. Những chúng sanh làm nghiệp thiện nơi ba nghiệp thân khẩu ý như cung kính Thánh hiền, thực hành chánh kiến; do làm nghiệp này nên sau khi mạng chung được sanh vào đường lành. Các việc như vậy ta đều thấy biết như thật, nhưng ta chưa từng nói hữu tình là ngã ; ai là hữu tình, ai sanh ra, ai nuôi dưỡng, người và chúng sanh thường chấp ý thú cùng với năng sở tác của Ma nạp, cho đến tạo xúc thọ, đi đứng… Tất cả các pháp đều là vô ngã thì vật gì là không sanh không diệt, không phải ba đời có mà có thể làm và thọ. Đối với điều nên làm và điều không nên làm thì ai sẽ thọ quả báo của nghiệp thiện ác, để bỏ uẩn này thọ uẩn khác. Tất cả pháp đó không gọi là ngã mà gọi là nhân duyên, đó là:

1. Hễ cái này có thì cái kia sanh nên Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục xứ, Lục xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, ưu bi khổ não. Đây là sự tích tụ của năm uẩn.

2. Hễ cái này diệt thì cái kia diệt nên Vô minh diệt thì Hành diệt,

Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục xứ diệt, Lục xứ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão tử, ưu bi khổ não đều diệt. Đây là sự tam rã của năm uẩn.

Này các Bí-sô, các hành như vậy đều là khổ, Niết-bàn là vui; do Tập nên Khổ sanh, do Diệt nên Khổ diệt. Nếu sự lưu chuyển tương tục này dứt thì Khổ diệt. Sao gọi là Niết-bàn, khổ tức là Niết-bàn, giống như lửa tắt thì được mát mẻ; cho nên ta nói pháp này có thể xả các uẩn, do khổ tham Ái diệt nên được viên tịch". Lúc đó Phật hỏi vua Tần-tỳ-sa-la: "Ý vua nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, sắc thuộc ngã và ngã ở trong sắc hay không?", đáp là không. Phật lại hỏi: "Ý vua nghĩ sao, thọ tưởng hành thức là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường, khổ tức là biến hoại thì người đệ tử đa văn có chấp thọ… thức là ngã, ngã có thọ… thức, thọ… thức thuộc ngã và ngã ở trong thọ… thức hay không?", đáp là không, Phật nói: "vì thế nên biết, các loại sắc quá khứ hay vị lai hay hiện tại hoặc ở trong, ở ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc thù thắng hay hạ liệt, hoặc gần hay xa… đều không phải là ngã, ngã sở hữu, sắc không thuộc ngã và ngã không ở trong sắc. Nhờ biết rõ như thật nên ta thấy sắc như vậy, cho đến thọ tưởng hành thức cũng thấy như vậy. Đại vương, có đệ tử Thanh văn nghe biết đầy đủ rồi liền quán năm thủ uẩn để lìa ngã và ngã sở, sau khi quán thấy như vậy sẽ biết rõ thế gian thật sự không nắm bắt được. Do không nắm bắt được nên vị ấy không lo sợ, do không lo sợ nên bên trong được viên tịch, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Khi Thế tôn nói pháp này xong, vua Tần-tỳ-sa-la cùng tám vạn thiên tử, vô lượng trăm ngàn Bà-la-môn, cư sĩ liền xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh, thấy được pháp rồi tâm không còn nghi hoặc, không còn sợ hãi, chỉ nương theo giáo pháp của Đại sư, không theo giáo pháp khác. Chứng quả rồi, Đại vương và các quyến thuộc rất hoan hỉ liền đứng dậy đảnh lễ, quỳ gối chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, hôm nay chúng con được thâm nhập diệu pháp được đại lợi ích, chúng con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca. Từ nay cho đến trọn đời con thọ trì năm học xứ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối và không uống rượu. Cúi xin Thế tôn và các Bí-sô đến trụ trong thành Vương xá để chúng con

trọn đời cúng dường tứ sự". Phật im lặng nhận lời, biết Phật đã nhận lời, vua cùng các quyến thuộc đảnh lễ Phật rồi trở về bổn xứ.

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, bậc Nhất thiết trí xin hãy dứt nghi cho chúng con. Đại vương cùng các quyến thuộc đã tạo nghiệp nhơn gì mà được pháp nhãn thanh tịnh?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe, nghiệp nhơn mà vua Tần-tỳ-sa-la đã tạo, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thuần thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay. Này các Bí-sô, nếu một người đã tạo nghiệp thiện ác không phải địa thủy hỏa phong ở ngoài giới mới khiến người kia thọ báo, mà đều ở trong uẩn xứ giới của tự thân chiêu cảm quả dị thục".

Phật nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Này các Bí-sô, trong quá khứ có Phật hiệu là A-la-na-bệ có đủ 10 hiệu Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện nơi đời. Sau khi Phật sự viên mãn, Phật nhập Niết-bàn vô dư như củi hết lửa tắt ; trà tỳ xong, dân chúng nơi đó thu lấy xá lợi rồi xây tháp ở nơi thanh tịnh để cúng dường. Lúc đó có Kim luân vương tên là Kiết lợi chỉ cùng mười tám ức quan tướng ngồi trên kim luân báu, bay trên hư không để đến nhân gian. Khi tới chỗ có ngôi tháp đó thì các thiên thần tin Phật dùng oai lực giữ kim luân báu lại, không cho đi tới trước. Vua thấy kim luân báu không chuyển động liền suy nghĩ: "có lẽ phước đức của ta đã hết nên kim luân báu không chuyện động nữa", các thiên thần nói với vua: "không phải phước của vua hết, chỉ vì phía dưới có tháp thờ xá lợi Phật nên khiến kim luân báu của vua không chuyển động nữa", vua nghe rồi liền hạ kim luân báu xuống. Thấy tháp chưa hoàn tất, họ cùng khích lệ nhau đem châu báu của mình và dùng hương hoa âm nhạc để cúng dường tháp. Cúng dường xong, họ cùng chắp tay đồng thanh phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành này, ở đời vị lai chúng con sẽ được gặp Phật nghe pháp và chứng được pháp nhãn thanh tịnh", nguyện xong rồi họ cùng cung kính đảnh lễ tháp.

Này các Bí-sô, Kim luân vương Kiết lợi chỉ và các quan tướng thuở xưa chính là vua Tần-tỳ-sa-la và các quyến thuộc ngày nay. Thuở xưa vua và các quan tướng cúng dường tháp thờ xá lợi Phật A-la-na-bệ nên nhờ căn

lành này, trong vô lượng trăm ngàn vạn kiếp được sanh trong cõi trời người, thọ diệu lạc thù thắng; lại do nguyện lực nên vua và các quyến thuộc ở chỗ ta nghe pháp và chưng được pháp nhãn thanh tịnh.

Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng, chớ có buông lung".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 8

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, bậc Nhất thiết trí xin hãy dứt nghi cho chúng con. Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp đã tạo nghiệp gì mà Phật phải dùng năm trăm thần biến mới điều phục được ; con Na-đề-ca-diếp và Già-da-ca-diếp lại được nhậm vận điều phục?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy hãy lắng nghe nghiệp tư lương mà Ca-diếp đã tích tụ", kế nói kệ như trên.

Quá khứ Hiền kiếp, khi con người thọ hai vạn tuổi, có Phật Ca-diếp ba đầy đủ mười hiệu xuất hiện nơi đời. Phật Ca-nhiếp-ba nhân duyên hóa độ đã mãn nên nhập Niết-bàn tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Vua Kiết lợi chỉ dùng gỗ thơm làm lễ trà tỳ, rưới sữa bò dập tắt lửa, thu xa lợi đựng trong bốn bình báu rồi cho xây tháp cao nửa do tuần, rộng một do tuần tại một khu đất rộng và bằng phẳng để cúng dường. Lúc đó trong thành Bà-la-nê-tư có một trưởng giả giàu có, nhiều của báu… như Tỳ sa môn thiên vương. Trưởng giả cưới một cô gái trong dòng quý tộc, sống hạnh phúc và có được ba người con. Thời gian sau, bỗng đột nhiên nhiễm bịnh, dùng đủ loại thuốc mà bịnh không thuyên giảm nên qua đời. Ba người con dùng các vải lụa màu trang hoàng xe tang rồi đưa đến trong Hàn lâm để hỏa thiêu. Lo việc tang xong, người anh muốn phân chia tài sản, hai người em không chịu; thấy người anh cứ mãi đòi phân chia tài sản, hai người em nói: "nếu anh muốn chia tài sản thì trước phải tu phước nghiệp", người anh hỏi làm phước nghiệp gì, người em nói: "cúng dường tháp Phật Ca-diếp ba". Do người anh không tin chánh pháp nên làm khó một thời gian, cuối cùng mới chấp thuận làm phước nghiệp; hai người em dùng đủ loại châu báu cúng dường tháp của Phật Ca-diếp ba rồi phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành này ở đời vị lai lúc con người thọ 100 tuổi, ở chỗ vị Phật đương lai mà Phật Ca-diếp ba thọ ký là Phật Thích ca mâu ni ra đời, chúng con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy và được chứng quả thù thắng". Người anh nghe hai người em phát nguyện, sanh tâm hoan hỉ liền đảnh lễ và phát nguyện: "con có tánh ác không tin chánh pháp,

nguyện nhờ căn lành tùy hỉ này ở đời vị lai được thấy Phật Thích ca Mâu ni hiện năm trăm thần biến để điều phục con, khiến cho con xuất gia ; sau khi xuất gia, con sẽ chứng được quả thù thắng".

Này các Bí-sô, người anh có tánh ác không tin chánh pháp thuở xưa chính là Ưu-lâu-tần-loa-ca-diếp ngày nay; hai người em thuở xưa chính là Na-đề-ca-diếp và Già-da-ca-diếp ngày nay. Do nguyện lực xưa nên nay Phật phải dùng năm trăm thần biến mới điều phục được người anh, còn hai người em điều phục dễ hơn".

Khi vua Tần-tỳ-sa-la còn là Thái tử, trong thành Vương xá có một trưởng giả là chủ của một vườn hoa trái sum suê và rất yêu thích nó. Khi Thái tử đến dạo chơi trong vườn hoa này liền sanh tâm yêu thích, nên Thái tử yêu cầu trưởng giả: "ta cho khanh nhiều trân bảo để đổi lấy vườn hoa này, khanh có bằng lòng không?", trưởng giả đáp: "thà rời khỏi nước chứ nhất định không đổi", Thái tử nói: "khanh hãy nhớ lời ta, khi nào ta lên ngôi ta sẽ lấy vườn hoa này", trưởng giả nói: "khi nào Thái tử lên ngôi thì tôi sẽ rời khỏi nước", Thái tử nói: "khanh hãy ghi nhớ lời của Thái tử Tần-tỳ-sa-la", nói xong liền quay xe trở về. Thời gian sau, vua Đại liên hoa già yếu nên qua đời, Thái tử lên nối ngôi; sau khi lên ngôi, vua liền dùng quyền lực chiếm lấy vườn hoa, trưởng giả phiền muộn nên mắc bịnh và chết trong oán hận. Sau khi chết thọ sanh làm một con rắn độc ở trong vườn hoa này, rình tìm cơ hội giết chết Vua trả thù. Đến mùa xuân, vua cùng các cung nhơn thể nữ đến trong vườn hoa ; đến nơi, vua bảo các quan đi chỗ khác để vua cùng các thể nữ vui chơi hoan lạc, sau đó vua ngủ thiếp đi. Các thể nữ bỏ vua nằm đó để đi thưởng ngoạn, một thể nữ ở lại bên vua cầm dao hộ vệ; rắn độc thừa dịp này liền bò đến định cắn chết vua. Nhờ phước đức của vua khiến bầy chim Yết lan đạc ca vây quanh con rắn kêu vang lên, nghe tiếng chim kêu và nhìn thấy rắn bò về phía vua, thể nữ này cầm dao chặt đứt thân con rắn. Vì sợ hãi nên cô la to khiến vua tỉnh giấc, sau khi hỏi rõ nguyên do vua ra lịnh tập họp quần thân và dân chúng trong thành Vương xá đến vườn hoa ; vì vua giỏi trị nước nên khi mọi người nghe biết tin này đều rơi lệ. Vua hỏi mọi người: "nếu người nào cứu sống vua quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ thì đáng được báo đáp như thế nào?", đáp là đáng thưởng cho nửa nước, vua nói: "bầy chim Yết lan đạc ca vừa cứu sống ta, vậy chúng đáng được thưởng cho nửa nước", đại thần tâu vua: "chim Yết lan đạc ca không phải là người, thưởng như thế là không hợp lý ; vua nên thưởng cho chúng khu vườn này và trọn đời cung cấp thức ăn uống cho chúng", vua nói: "sẽ làm theo lời khanh vừa nói", quần thần cho trồng trúc quanh vườn nên vườn này được gọi là vườn trúc Yết lan đạc ca.

Lúc đó Thế tôn du hành đến nước Ma-kiệt-đà rồi dừng nghỉ dưới một gốc cây bên ngoài thành Vương xá, nghe tin này vua Ảnh thắng cùng các quyến thuộc ra khỏi thành đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. vua Ảnh thắng cung kính thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến trong cung liền ra lịnh các quyến thuộc ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa và để trước tòa ngồi một bình báu đựng nước rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật đắp y mang bát cùng các Bí-sô đến trong cung vua, rửa tay chân rồi rồi đến tòa ngồi; thấy Phật và Tăng đã ngồi xong, vua tự tay dâng các thức ăn ngon lên cúng dường khiến cho tất cả đều được no đủ. Sau khi Phật và Tăng thọ thực xong, vua lấy bình báu đựng nước rưới nước cho Phật rửa tay rồi bạch Phật: "cúi xin Thế tôn thọ con cúng khu vườn Yết lan đạc ca này", Phật nói kệ:

"Người đã làm bố thí,
Chắc chắn được nghĩa lợi.
Nếu vì vui nên thí,
Sau sẽ được an lạc".

Nói kệ chú nguyện rồi, Phật cùng các Bí-sô đến ở trong vườn Yết lan đạc ca; do nhân duyên này khi kiết tập kinh nói rằng: Phật ở trong vườn Yết lan đạc ca… cho đến tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên xuất gia đắc đạo A-la-hán. Lúc đó trong thành Vương xá có một trưởng giả thỉnh Phật và các Bí-sô đến nhà thọ thực, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc vì có chút duyên nên đến thành Vương xá, ngủ đêm ở nhà trưởng giả này. Đêm đó trưởng giả chủ nhà thức dậy, đánh thức mọi người trong nhà, trừ trẻ con, hoặc chẻ củi hoặc lấy nước đổ vào trong nồi để nấu cơm, canh, thức ăn; cư sĩ còn tự mình trang hoàng nhà cửa, trải tọa cụ… các việc. Cấp-cô-độc thấy rồi liền suy nghĩ: "trưởng giả này sắp cưới vợ hay gả con gái, hoặc là thỉnh vua quan đến hay làm hội thí lớn", nghĩ rồi liền hỏi nguyên do, trưởng giả chủ nhà đáp: "tôi không có cưới vợ, cũng không gả con gái hay thỉnh vua quan, mà là sáng ngày mai thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực làm hội thí lớn", Cấp-cô-độc vừa nghe đến tên Phật, toàn thân lông đều dựng đứng, tâm sanh hoan hỉ liền hỏi Phật là ai, chủ nhà nói: "có Thái tử con vua dòng họ Thích, tín tâm xuất gia chứng được Vô thượng đạo, hiệu là Phật", lại hỏi Tăng là ai, cư sĩ nói: "có nhiều hạng người thuộc bốn giai cấp: Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn, Phệ xá, Thủ đà la, đủ các dòng họ tín tâm xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, theo Phật xuất gia đều gọi là Tăng", lại hỏi: "Phật nay

đang ở đâu?", đáp: "Phật đang ở gần Hàn lâm, nếu ông muốn gặp thì hãy đợi đến sáng mai sẽ được gặp Thế tôn". Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc chuyên tâm nghĩ về Phật nên ngủ thiếp được một lát thị chợt tỉnh giấc, trời chưa sáng lại tưởng là trời sáng nên vội ra đến cửa thành Thiện tự tại. Thường pháp của nước này là đầu đêm không đóng cửa thành để sứ giả bên ngoài đến không bị chướng ngại, cuối đêm cũng mở cửa thành để sứ giả bên trong đi ra không bị chướng ngại. Khi trưởng giả ra đến cửa thành thấy cửa mở liền nương theo ánh sáng ra ngoài, ra khỏi thành thì ánh sáng liền mất ; thấy trời tối đen trưởng giả sợ hãi, toàn thân lông dựng đứng, liền suy nghĩ: "nếu ta còn ở đây e sẽ bị người hoặc phi nhơn làm hại", nghĩ rồi liền muốn quay trở lại. Thiên thần coi giữ cửa thành này liền phóng ánh sáng chiếu sáng từ bên ngoài cửa thành cho đến Hàn lâm rồi nói kệ:

"Tuấn mã đủ trăm con,
Vàng tử ma-trăm cân,
Xe song mã thật đẹp,
Đủ số một trăm chiếc,
Chở đầy đủ các vật,
Để đem đi bố thí,
Cũng không bằng công đức,
Một bước đến gặp Phật,
Nếu so sánh như vậy,
Là một phần mười sáu.
Cho dù trăm thớt voi,
Đều dùng vàng trang sức,
Chở lụa là châu báu,
Để đem đi bố thí,
Cũng không bằng công đức,
Một bước đến gặp Phật,
Nếu so sánh như vậy,
Là một phần mười sáu.
Cho dù trăm mỹ nữ,
Xinh đẹp vào bậc nhất,
Cổ đeo chuỗi ngọc báu,
Tay đeo vòng xuyến báu,
Để đem đi bố thí,
Cũng không bằng công đức,
Một bước đến gặp Phật,
Nếu so sánh như vậy,

Là một phần mười sáu.

Ông hãy đi tới trước, sẽ được lợi ích lớn, chớ có quay trở lại", trưởng giả hỏi: "hiền thủ là ai?", đáp: "đời trước ta là bạn của ông tên Ma đầu kiên, do ta khi đến thành Vương xá gặp được hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, được nghe thuyết pháp và được lợi hỉ nên ta đã thọ Tam quy ngũ giới. Do nhân duyên này, mạng chung được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương làm thần giữ cửa ở đây. Ông hãy đi đi, sẽ được lợi ích lớn, đi thẳng về phía trước, chớ có nghi hối". Lúc đó trưởng giả suy nghĩ: "Phật vượt khỏi hàng phàm phu, các bậc Thánh khác không sánh bằng, Phật thuyết pháp đáng tôn trọng nên khi ta muốn gặp Phật, chư thiên rất hoan hỉ", nghĩ rồi liền nương theo ánh sáng này đi đến Hàn lâm. Phật biết trưởng giả Cấp-cô-độc sắp đến nên ở bên ngoài tinh xá kinh hành, trưởng giả thấy Phật liền theo pháp của cư sĩ thăm hỏi Phật ngủ có được an không, Phật nói kệ:

"Lìa tất cả phiền não,
Tâm không nhiễm dục lạc,
Được Vô lậu giải thoát,
Ngủ thường được an lạc.
Đoạn tất cả triền phược,
Tâm dứt hết phiền não,
Trong tâm thường tịch tĩnh,
Nên ngủ được an lạc".

Nói kệ xong, Phật cùng trưởng giả Cấp-cô-độc trở vào trong tinh xá trải tòa ngồi, trưởng giả đến trước Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ. Thường pháp của Phật là trước tiên Phật nói về bố thí trì giới là quả báo sanh Thiên, kế phân biệt cấu tịnh giữa lỗi của năm dục là khổ não của thế gian và xuất gia là an lạc. Lúc đó Phật biết tâm trưởng giả đã thuần thục điều nhu, có thể thọ được pháp tối thượng liền nói bốn đế: Khổ tập diệt đạo. Như miếng vải trắng sạch dễ nhuộm màu sắc, trưởng giả cũng vậy, vừa nghe pháp tâm liền khai ngộ, ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh vô cấu. Sau khi thấy pháp, biết pháp, được tịnh pháp, vượt khỏi nghi hối, bất tín, không từ nơi người khác mà ở trong đạo quả được vô sở úy. Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ bạch Phật: "Thế tôn, tâm con mến mộ Phật pháp, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng làm Ô-ba-sách-ca. Từ nay cho đến trọn đời, con vĩnh viễn không sát sanh, tín tâm thanh tịnh". Phật hỏi trưởng giả: "ông tên gì?", đáp: "con tên là Tô đạt đa, do con hay cung cấp cho những người nghèo khổ cô độc nên mọi người gọi con là Cấp-cô-độc", lại hỏi: "ông ở đâu?", đáp: "con hiện ở tại một ấp phía Bắc

bên ngoài thành Thất-la-phiệt thuộc nước Kiều-tát-la. Cúi xin Thế tôn thọ con thỉnh đến thành Thất-la-phiệt, con sẻ trọn đời cúng dường tứ sự cho Thế tôn và Bí-sô tăng già", Phật hỏi: "tại thành Thất-la-phiệt có tinh xá không?", đáp là không có, Phật nói: "nếu nơi đó có tinh xá thì chúng tăng mới có thể qua lại, nếu không có tinh xá thì chúng tăng sẽ an trụ ở đâu", trưởng giả nói: "cúi xin Thế tôn thọ con thỉnh đến thành Thất-la-phiệt trước, con sẽ trở về xây dựng tinh xá cho các Bí-sô có chỗ dừng trụ tư duy". Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi trở về. Sau khi lo liệu xong công việc ở thành Vương xá, trưởng giả trở lại chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, xin cử một Bí-sô đi cùng con đến thành Thất-la-phiệt để lo việc xây dựng tinh xá cho Thế tôn và các Bí-sô có chỗ dừng nghỉ", Phật suy nghĩ: "trong chúng ai có thể điều phục được dân chúng thành Thất-la-phiệt và quyến thuộc của trưởng giả", liền quán biết tôn giả Xá-lợi-phất có thể đảm nhận việc này. Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất: "thầy hãy quán quyến thuộc của trưởng giả Cấp-cô-độc và dân chúng thành Thất-la-phiệt rồi đến đó giáo hóa và lo việc xây cất tinh xá", Xá-lợi-phất im lặng vâng lời Phật dạy, đảnh lễ Phật rồi trở về phòng. Sáng hôm sau Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành Vương xá khất thực, thọ thực xong thu cất y bát, giao ngọa cụ cho Bí-sô khác rồi cùng đi với trưởng giả Cấp-cô-độc đến thành Thất-la-phiệt ; trưởng giả cũng đã chuẩn bị đầy đủ lương thực đi đường, tuần tự đi đến bên ngoài thành Thất-la-phiệt. Đến nơi, ông lại không vào thành cũng không về nhà mà đi khắp nơi quanh thành để tìm nơi chốn thích hợp có thể xây cất tinh xá. Vừa đi ông vừa nghĩ: "ở đâu có vườn đẹp, qua lại thuận tiện, cây cối sum suê, có nước chảy trong sạch, không có các loài trùng độc như rắn rít, muỗi mòng, cũng không có gió nóng, ngày đêm đều yên tĩnh. Ta sẽ ở nơi đó xây cất tinh xá cúng cho Phật và Tăng", bỗng nhiên lúc đó ông nhìn thấy khu vườn của Thái tử Kỳ đà có đầy đủ các điều kiện trên, thấy rồi ông liền trở vào thành, không về nhà mà đến chỗ Thái tử bạch rằng: "tôi muốn mua vườn của Thái tử, xin hãy bán cho tôi", Thái tử nói: "đây không phải là vườn mà là uyển lâm", trưởng giả nói: "dù là vườn hay uyển lâm tôi cũng muốn mua, xin Thái tử hãy bán cho tội", Thái tử nói: "tôi không muốn bán, cho dù ông có đem tiền vàng lót đầy trong vườn, tôi cũng không bán", Cấp-cô-độc nói: "giá vườn đã quyết đoán rồi", Thái tử nói: "tôi không có quyết đoán". Do nhân duyên này cả hai cùng tranh cải và cùng đến chỗ quan đoán sự để xử đoán, Cấp-cô-độc kể lại đầy đủ việc trên, quan đoán sự nghe rồi liền nói: "Thái tử đã bán rồi, hãy nên đúng thời nhận vàng, vì sao Thái tử lại nói là dù ông có đem tiền vàng lót đầy trong vườn tôi cũng không bán". Cấp-cô-độc liền trở về nhà

cho xe voi xe ngựa chở tiền vàng đến trong vườn của Thái tử để lót, nhưng còn thiếu một ít chưa lót đầy vườn, ông đang suy nghĩ không biết nên lấy thêm vàng trong kho nào để lót đầy chỗ này mà không thiếu không dư. Thái tử thấy vậy liên nói: "nếu ông hối tiếc thì tùy ý, ông mang vàng về, trả vườn lại cho tôi", Cấp-cô-độc nói: "tôi không hối tiếc, chỉ là tôi đang suy nghĩ nên lấy thêm vàng trong kho nào để lót cho đầy chỗ này mà không thiếu không dư", Thái tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Phật pháp Tăng chắc là vĩ đại nên khiến ông ta xả vật báu mà không hối tiếc như thế", nghĩ rồi liền nói với Cấp-cô-độc : "ông khỏi phải lót thêm tiền vàng nữa, chỗ đất trống đó hãy để cho tôi xây cửa cổng cúng cho Phật và Tăng", trưởng giả nói: "vậy thì tùy ý Thái tử". Lúc đó các ngoại đạo nghe biết trưởng giả sắp xây dựng tinh xá cho Phật và Tăng, trong lòng ưu não và oán hận nên cùng kéo nhau tới nhà trưởng giả, nói với trưởng giả: "ông không nên xây dựng tinh xá cho Sa môn Kiều-đáp-ma, vì sao, vì chúng tôi trước đã phân chia ranh giới, Kiều-đáp-ma trụ ở thành Vương xá, chúng tôi trụ ở thành Thất-la-phiệt", trưởng giả nói: "các vị chỉ có thể phân chia ranh giới của mình, không nên phân chia cả vườn của tôi, tôi làm công đức này đều là do tự tâm". Các ngoại đạo thấy không thể lay chuyển ý quyết của trưởng giả liền đến gặp vua tâu rõ việc trên, vua triệu Cấp-cô-độc đến, Cấp-cô-độc đối đáp và được thắng. Các ngoại đạo nói với tâm giận tức : "nếu vậy thì đệ tử thượng thủ của Sa môn Kiều-đáp-ma phải cùng chúng tôi tranh luận, nếu thắng được chúng tôi thì ông tùy ý xây dựng tinh xá", trưởng giả nói: "được, xin hãy đợi tôi bạch tôn giả Xá-lợi-phất, nếu tôn giả nhận lời thì tôi sẽ báo cho các vị". Trưởng giả đến chỗ tôn giả đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch rằng: "đại đức, các ngoại đạo nói nếu xây tinh xá họ sẽ cản trở, lại nói đệ tử thượng thủ của Sa môn Kiều-đáp-ma phải cùng chúng tôi tranh luận, nếu thắng được chúng tôi thì ông tùy ý xây dựng tinh xá. Không biết ý của tôn giả như thế nào?", Xá-lợi-phất nghe rồi liền quán xem các ngoại đạo và dân chúng thành Thất-la-phiệt có thiện căn hay không, liền quán biết là họ có thiện căn; lại quán ai có thể điều phục được họ, liền quán biết mình có thể điều phục họ; lại quán xem thời cơ là vào lúc nào, liền quán biết là bảy ngày sau. Sau khi quán biết rồi, Xá-lợi-phất bảo Cấp-cô-độc: "cứ làm theo ý ông, nhưng bảy ngày sau tôi mới cùng họ luận nghị", Cấp-cô-độc nghe rồi rất vui mừng đảnh lễ tôn giả rồi đến chỗ ngoại đạo nói là bảy ngày sau sẽ cùng luận nghị. Các ngoại đạo nghe rồi liền nói với nhau: "có hai nhân duyên khiến ông ta kéo dài kỳ hạn đến bảy ngày sau: một là định bỏ trốn, hai là đi tìm bạn trợ giúp. Chúng ta cũng nên tìm bạn trợ giúp", nói rồi cùng nhau đi tìm người trợ giúp. Họ tìm đến một Phạm chí tên là Xích nhãn là

người đã được bổn tông lại giỏi huyễn thuật, nói rằng: "ông và chúng tôi cùng tu đạo hạnh, hiện nay chúng tôi hẹn với đệ tử thượng thủ của Sa môn Kiều-đáp-ma cùng luận nghị, ông ta đã đi tìm bạn trợ giúp, xin nhân giả đến trợ giúp chúng tôi", Phạm chí hỏi lúc nào cùng luận nghị, đáp là bảy ngày sau, Phạm chí nói: "được, khi nào tụ họp cùng luận nghị thì báo cho tôi biết". Vì lo lắng nên các ngoại đạo hằng ngày đều đi tìm thêm bạn trợ giúp, cuối cùng đến ngày thứ bảy, trưởng giả sắp đặt một tòa sư tử thắng diệu trên một khu đất thù thắng dành cho tôn giả Xá-lợi-phất và một tòa dành cho ngoại đạo. Các ngoại đạo trong nước đều đều dự, trăm ngàn vạn ức dân chúng trong thành Thất-la-phiệt cũng đều đến dự, trong số đó có người đến để xem tranh luận, có người vì căn lành đã thuần thục nên đến. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất cùng trưởng giả Cấp-cô-độc và các quyến thuộc trước sau vây quanh đến dự, sau khi quán xem trong đại chúng ai có thể được điều phục, tôn giả mỉm cười rồi bước lên tòa ngồi với oai nghi tề chỉnh, tất cả đại chúng đều chắp tay chuyên chú lắng nghe. Xá-lợi-phất hỏi ngoại đạo: "ta lập tông, các vị phá hay là các vị lập tông, ta phá?", ngoại đạo đáp: "ta lập tông trước", Xá-lợi-phất thầm nghĩ: "nếu ta lập tông trước thì trừ Thế tôn ra, trời người đều không thể phá được huống chi là ngoại đạo Xích nhãn", nghĩ rồi liền nói: "ông tùy ý lập tông, ta sẽ tùy phá". Do Xích nhãn giỏi huyễn thuật nên ông hóa ra một cây Am một la to lớn nở hoa kết trái sum suê, Xá-lợi-phất liền hóa ra trận mưa gió lớn đánh bậc cả gốc cây khiến cây ngã đổ và biến mất. Xích nhãn lại hóa ra một ao sen lớn, Xá-lợi-phất liền hóa ra con voi to lớn giẫm đạp ao và bẻ gãy hết hoa sen, khiến ao trở thành bình địa. Xích nhãn lại hóa ra rồng chúa bảy đầu, Xá-lợi-phất liền hóa ra chim chúa cánh vàng to lớn từ trên không trung bay xuống cắp lấy rồng chúa bay đi. Xích nhãn lại hóa ra quỷ khởi thi đến để làm hại Xá-lợi-phất, Xá-lợi-phất liền niệm chú khiến cho quỷ khởi thi quay trở lại làm hại Xích nhãn ; Xích nhãn sợ hãi xuống tòa, năm vóc sát đất đảnh lễ Xá-lợi-phất và cầu xin cứu mạng. Xá-lợi-phất liền thu hồi năng lực của chú và thuyết pháp cho Xích nhãn nghe, sau khi nghe pháp Xích nhãn sanh tín tâm đảnh lễ tôn giả và bạch rằng: "xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô làm đệ tử của tôn giả để tu tập phạm hạnh". Xá-lợi-phất cho Xích nhãn xuất gia thọ giới cụ túc, Bí-sô này chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, không bao lâu sau chứng quả A-la-hán , đủ ba Minh, sáu Thông và tám Giải thoát, được như thật tri : sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất

cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Đại chúng thấy việc kỳ lạ này rồi liền sanh tâm tín kính tôn giả Xá-lợi-phất và chuyền nói với nhau: "tôn giả Xá-lợi-phất đánh bại được vị luận sư giỏi nhất và điều phục được các ngoại đạo". Xá-lợi-phất quán biết ý nhạo phiền não và tánh giới sai biệt của đại chúng, liền nói pháp Tứ đế khiến cho trăm ngàn hữu tình được lợi ích thù thắng. Có người đắc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa, có người thọ Tam quy ngũ giới tín kính Phật pháp tăng. Sau khi nghe pháp xong, trưởng giả Cấp-cô-độc cùng các quyến thuộc và tất cả dân chúng vui mừng đảnh lễ tôn giả Xá-lợi-phất rồi trở về nhà. Lúc đó các ngoại đạo trong lòng tức giận nói với nhau: "chúng ta không phá được Xá-lợi-phất thì phải tìm cách giết ông ta. Chúng ta nên xin vào trong tinh xá đó làm thuê mướn rồi tìm cơ hội giết Xá-lợi-phất", nói xong liền cùng đi đến gặp Cấp-cô-độc, nói rằng: "ông đã đoạt hết lợi dưỡng của chúng tôi, chúng tôi ở đây đã lâu không thể rời bỏ được, ông vui lòng cho chúng tôi làm thuê trong tinh xá này", trưởng giả nói: "để tôi bạch tôn giả Xá-lợi-phất", nói rồi liền đến bạch tôn giả sự việc trên, tôn giả nghe rồi liền quán xem các ngoại đạo đó có căn lành không, liền quán biết họ có căn lành; lại quán ai có thể điều phục được họ, liền quán biết mình có thể, nên tôn giả bảo Cấp-cô-độc là được và các ngoại đạo này trở thành người làm thuê đầu tiên trong tinh xá. Lúc đó Xá-lợi-phất hóa ra hai người cầm trượng coi ngó những người làm thuê, hai người này rất hung dữ thường hăm he những người làm thuê. Biết giờ điều phục đã đến, Xá-lợi-phất liền kinh hành dưới một gốc cây cách chỗ họ làm việc không xa. Các ngoại đạo này thấy rồi liền suy nghĩ: "mấy lúc gần đây tìm cơ hội, nay cơ hội đã đến", nghĩ rồi liền đồng loạt đến bao vây Xá-lợi-phất. Tôn giả liền quán tâm của các ngoại đạo này và biết họ muốn đến hại mình, tôn giả liền hóa ra người cầm trượng đến dùng trượng đánh đuổi bọn họ và quát bảo họ đi làm việc. Các ngoại đạo này đồng thanh kêu cứu, Xá-lợi-phất bảo người cầm trượng: "ông hãy đi đi, cứ để cho họ được nghỉ ngơi", các ngoại đạo nghe rồi liền suy nghĩ: "Xá-lợi-phất có oai đức lớn, chúng ta muốn làm hại mà ông ta vẫn từ bi thương xót", nghĩ rồi liền sanh tín tâm. Tôn giả quán biết ý nhạo tùy miên và tánh giới sai biệt của họ, tùy cơ thuyết pháp Tứ đế ; sau khi nghe pháp xong, họ dùng chày trí huệ kim cương phá tan hai mươi thân kiến và chứng quả Dự lưu. Chứng quả rồi liền bạch tôn giả: chắp tay bạch Phật: "tôn giả, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", tôn giả liền cho họ

xuất gia thọ giới cụ túc và dạy họ việc cần nên làm. Các Bí-sô này chuyên tâm tu tập thấy được năm loại dao động lưu chuyển trong sanh tử và tánh phá hoại ly tán, tất cả hành và cõi đều tiêu diệt. Họ đoạn trừ các phiền não, chứng quả A-la-hán, đủ ba Minh, sáu Thông và tám Giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính.

Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất cùng trưởng giả Cấp-cô-độc cầm dây đo đất để xác định chỗ xây tinh xá, tôn giả bỗng mỉm cười, trưởng giả liền hỏi: "Thế tôn và các đệ tử nếu không có nhân duyên thì không mỉm cười, nay tôn giả có nhân duyên gì mà mỉm cười?", tôn giả nói: "phải, Thế tôn và các đệ tử nếu không có nhân duyên thì không mỉm cười, nay tôi mỉm cười là vì thấy khi trưởng giả cầm dây đo đất thì trên cõi trời Tịnh cư đã xây xong cung điện toàn bằng vàng cho ông", trưởng giả nghe rồi rất vui mừng liền nói: "nếu vậy, chúng ta phải nới thêm dây để xây tinh xá cho rộng lớn hơn", tôn giả liền nới thêm dây theo ý của Cấp-cô-độc. Lúc đó cõi trời Tịnh cư lại xây cung điện bằng bốn loại châu báu và lớn hơn cung điện trước cho trưởng giả, tôn giả lại nói cho Cấp-cô-độc biết, Cấp-cô-độc nghe rồi lại nới thêm dây để xây rộng lớn thêm, tổng cộng là mười sáu nơi với sáu mươi bốn viện đều có lầu gác trang nghiêm. Xây xong, trưởng giả cung cấp đầy đủ các vật cần dùng bên trong tinh xá rồi đến hỏi Xá-lợi-phất : "khi du hành, mỗi ngày Thế tôn đi được bao xa?", đáp là bằng pháp của Chuyển luân Thánh vương đi, lại hỏi: "Chuyển luân Thánh vương mỗi ngày đi được bao xa?", đáp là hai do tuần rưỡi. Trưởng giả nghe rồi liền từ thành Thất-la-phiệt đến thành Vương xá, cách khoảng hai do tuần rưỡi cho sắp đặt tứ sự cúng dường, đầy đủ thức ăn đúng thời và phi thời; lại cho dựng cổng kiết tường, cử người trông coi các việc trang hoàng phan phướn, rưới nước thơm, rãi chiên đàn trên mặt đất và các loại hoa thơm trên các ngã tư đường. Sắp đặt xong xúi liền sai sứ giả đến chỗ Thế tôn thay ông thăm hỏi Thế tôn có được khinh an, ít bịnh, ít não phiền và được an lạc trụ không ; sau đó thỉnh Phật cùng các Bí-sô đến thành Thất-la-phiệt thọ tứ sự cúng dường trọn đời của ông, không để thiếu thốn. Sứ giả vâng lời trưởng giả đến thành Vương xá gặp Phật, đảnh lễ bạch Phật: "trưởng giả Cấp-cô-độc đảnh lễ Thế tôn và thăm hỏi Thế tôn có được khinh an, ít bịnh, ít não phiền và được an lạc trụ không ; sau đó thỉnh Phật cùng các Bí-sô đến thành Thất-la-phiệt thọ tứ sự cúng dường trọn đời, không để thiếu thốn", Phật nói: "nguyện cho trưởng giả Cấp-cô-độc và bản thân ông thường được an lạc" và nhận lời

thỉnh, sứ giả đảnh lễ Phật rồi đi. Lúc đó do Phật đã tự điều phục nên điều phục vây quanh, do đã tự tịch tĩnh nên tịch tĩnh vây quanh, do đã tự giải thoát nên giải thoát vây quanh, do đã tự an ổn nên an ổn vây quanh, do đã tự thiện thuận nên thiện thuận vây quanh, do tự đã là A-la-hán nên A-la-hán vây quanh, do đã tự lìa dục nên lìa dục vây quanh, do đã tự đoan nghiêm nên đoan nghiêm vây quanh. Giống như Bò chúa được đàn bò vây quanh, như Voi chúa được đàn voi vây quanh, như Sư tử chúa được đàn sư tử vây quanh, như Ngỗng chúa được đàn ngỗng vây quanh, như chim chúa Diệu súy được đàn chim vây quanh, như Bà-la-môn được học trò vây quanh, như Lương y được các bịnh nhân vây quanh, như Đại tướng được các binh sĩ vây quanh, như bậc đạo sư được các khách lữ hành vây quanh, như vị thương chủ được các thương nhơn vây quanh, như đại trưởng giả được các trưởng giả vây quanh, như vị quốc vương được quần thần vây quanh, như Chuyển luân Thánh vương được các thiên tử vây quanh, như vầng trăng được các ngôi sao vây quanh, như mặt trời được ngàn ánh sáng vây quanh, như Trì quốc thiên vương được Cán thát bà vây quanh, như Tăng trương thiên vương được Cưu-bàn-trà vây quanh, như Xú mục thiên vương được các rồng vây quanh, như Đa văn thiên vương được các Dược xoa vây quanh, như Tịnh diệu thiên vương được A-tu-la vây quanh, như vua trời Đế thích được chư thiên cõi trời Tam thập tam vây quanh, như vua trời Phạm thiên được chư thiên cõi trời Phạm vây quanh. Giống như biển cả sâu lắng yên tĩnh, giống như đám mây lớn, Thế tôn cũng vậy do đã điều phục các căn nên oai nghi tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, có đủ mười Lực, bốn Vô úy, tâm đại bi và ba niệm kiên cố, vô lượng công đức. Thế tôn thong thả tiến bước với các đại Thanh văn và vô lượng trăm ngàn vạn ức dân chúng vây quanh dần dần đi đến bên ngoài thành Thất-la-phiệt. Khi Phật sắp bước vào thành Thất-la-phiệt, chân vừa bước lên ngạch cửa, đất liền chấn động sáu cách: phương Đông vọt lên, phương Tây chìm xuống; phương Tây vọt lên, phương Đông chìm xuống; phương Nam vọt lên, phương Bắc chìm xuống ; phương Bắc vọt lên, phương Nam chìm xuống; ở giữa vọt lên, hai bên chìm xuống; hai bên vọt lên, ở giữa chìm xuống. Khắp thế giới đều được chiếu sáng cho đến chỗ tối tăm dưới núi Thiết vi ; trống trời tự đánh, thiên hoa, thiên y tự nhiên rơi xuống như mưa. Các đường nhỏ hẹp bỗng rộng lớn ra, các cây nhỏ bỗng nhiên cao lớn, voi ngựa… các loài chim đều cất tiếng kêu vui mừng, các loại khí vật tự phát tiếng kêu, người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người không đủ các căn liền được đầy đủ, người đang

say mê đều được tỉnh, người trúng độc đều được khỏe mạnh lại, người oán thù nhau đều sanh tâm từ bi, người mang thai sanh con không thấy đau đớn, người bị giam cầm đều được giải thoát, người nghèo thiếu được của cả…; khi Phật và đại chúng vào thành, mọi người đều thấy đủ các việc kỳ lạ trên.

Lúc đó Phật và các Bí-sô vào trong tinh xá đến tòa ngồi, trưởng giả Cấp-cô-độc và các quyến thuộc vây quanh chỗ Phật, trưởng giả dùng bình vàng rót nước cho Thế tôn rửa tay nhưng nước không chảy. Trưởng giả suy nghĩ: "chắc là đời trước ta có tội chướng nên mới khiến nước không chảy", Phật biết tâm niệm của trưởng giả nên nói: "ông không có tội chướng. Nơi nay cũng chính là nơi xưa kia ông đã xây tinh xá cúng cho Phật và Tăng, vì ông đứng không đúng chỗ mà xưa kia ông đã đứng rót nước nên nước không chảy, ông nên dời chỗ đến đứng nơi chỗ mà xưa kia ông đã hành bố thí". Trưởng giả vâng lời Phật dạy dời đến đứng ở chỗ mà xưa kia ông đã từng hành bố thí thì nước liền chảy, Thế tôn phát năm loại thanh âm ca ngợi công đức bố thí của trưởng giả. Khi Phật sắp chú nguyện, Thái tử Thệ đa suy nghĩ: "cúi xin Thế tôn nói tên con trước", Phật biết tâm niệm của Thái tử nên bảo các Bí-sô: "rừng Thệ đa vườn Cấp-cô-độc này được cúng dường cho Phật và Bí-sô tăng bốn phương". Thái tử nghe Thế tôn nói tên mình trước, tâm vui mừng tín kính liền cho xây cổng tam quan bằng bốn loại châu báu. Do nhân duyên này nên khi kiết tập kinh nói là Phật tại rừng Thệ đa vườn Cấp-cô-độc.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 9

Lúc đó vua Thắng quân nước Kiều-tát-la nghe tin Sa môn Kiều-đáp-ma đã đến nước mình, hiện đang ở trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ đa thành Thất-la-phiệt và nghe Thế tôn nói: "ta đã chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề". Vua liền đến chỗ Thế tôn, sau khi thăm hỏi rồi ngồi một bên hỏi Phật: "tôi nghe Thế tôn chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề; lại có người nói Kiều-đáp-ma chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, như thế há chẳng phải người ấy hủy báng Thế tôn hay sao? Ngài chứng quả này là vọng nói năng chứng hay thật được, vì chánh pháp mà nói hay là tùy thuận pháp mà nói ? Nếu có người nói Thế tôn chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề mà có người kích nạn, đả phá thì há không phải là sự sĩ nhục hay sao?", Thế tôn nói: "nếu có người nói là ta đã chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thì lời đó không có chứng cứ; còn ta thì thật đã chứng quả đó. Nếu có ai luận nạn phỉ báng thì không thành, vì sao, vì ta đã thật chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề", vua nói: "Kiều-đáp-ma nói là ta đã thật chứng quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tôi không thể tin được, vì sao, vì các ngoại đạo kỳ lão mà Kiều-đáp-ma biết đến, đó là Lục sư : Bổ thích noa, Ma già lê câu xa tử, San xà da tỳ la đồ tử, Ni kiền đà nhã đề tử, Ca cầu đà Ca-chiên-diên, A kỳ đà súy xá Khâm bà la. Lục sư này còn chưa chứng được đạo quả vô thượng, huống chi Sa môn Kiều-đáp-ma là người tuổi trẻ mới xuất gia, làm sao chứng được đạo quả đó được", Phật nói: "có bốn thứ tuy nhỏ nhưng không nên coi thường : một là tuổi nhỏ dòng Sát-đế-ly, hai là rắn độc nhỏ, ba là đốm lửa nhỏ, bốn là người xuất gia tuổi trẻ. Vì sao, vì người xuất gia tuổi trẻ nếu chứng quả A-la-hán thì có oai đức lớn", Phật liền nói kệ:

"Sát-đế-lỵ đủ tướng trượng phu,
Danh xưng, cha mẹ đều thanh tịnh,
Thấy trẻ nên kính trọng chớ khinh,
Người trí không nên khinh người này.
Đại vương phải nên biết,

Không nên khinh tuổi trẻ,
Người này sau nối ngôi,
Có thể gây tai hại,
E sau sẽ oán ghét,
Vậy nay nên tôn kính.
Muốn bảo toàn thân mạng,
Được lợi ích về sau,
Nên thuận ý người này,
Nên kính không nên khinh.
Trong thôn hay đồng ruộng,
Nếu Thấy rắn độc nhỏ,
Không nên cho là nhỏ,
Người trí nên lo sợ,
Vì rắn tìm thức ăn,
Nên bò đi khắp nơi,
Nếu gặp được cơ hội,
Ắt làm tổn hại người,
Muốn bảo toàn thân mạng,
Được lợi ích về sau,
Cần phải tránh xa nó,
Vì thế không nên khinh.
Đốm lửa có thể đốt,
Tất cả đều cháy đen,
Vì thế không nên khinh.
Người trí chớ nên khinh,
Đốm lửa tuy chưa to,
Củi nhiều, lửa lan rộng,
Thiêu đốt tổn tất cả,
Thành ấp và thôn xóm.
Muốn bảo toàn thân mạng,
Được lợi ích về sau,
Cần phải sớm xa lìa,
Vì vậy không nên khinh.
Cho dù lửa hừng thạnh,
Đốt cháy thành, thôn xóm,
Tuy đốt cỏ cháy rụi,
Qua đêm cỏ mọc lại.
Nếu khinh người đủ giới,

Tự đốt cháy nghiệp lành.
Con cái và tài sản,
Nhất thời tiêu tán hết,
Cũng như cây Đa la,
Chặt mầm không mọc lại.
Ai khinh thường Bí-sô,
Sẽ không tồn tại lâu.
Muốn bảo toàn thân mạng,
Được lợi ích về sau,
Thì không nên khinh thường.
Sát-đế-lỵ đủ tướng,
Rắn độc và đốm lửa,
Bí-sô đầy đủ giới,
Người trí không nên khinh.
Muốn bảo toàn thân mạng,
Được lợi ích về sau,
Thì không nên khinh thường".

Vua Thắng quân vui mừng đứng dậy đảnh lễ Phật rồi ra về. Sau đó vua Thắng quân sai sứ mang thư đến cho vua Tịnh-phạn ở thành Kiếp-tỷ-la, trong thư viết: "vua nên vui mừng, Thái tử của vua đã thành chánh giác, được pháp cam lồ, đem nghĩa lý vi diệu thí khắp cho chúng sanh, khiến họ rất hoan hỉ", vua đọc thư rồi rất vui mừng nhưng lại chống tay vào cằm với dáng vẽ ưu sầu. Đại thần của vua là Ô-đà-di thấy vậy liền hỏi nguyên do, vua nói: "làm sao ta không buồn, khi Thái tử Nhất thiết nghĩa thành tu khổ hạnh, ta sai sứ đến thăm thì họ còn trở về báo tin; nay ta sai sứ đi thì không có ai trở về báo lại", Ô-đà-di tâu: "thần xin qua đó gặp Thái tử rồi sẽ trở về báo tin", vua nói: "những sứ giả mà ta sai đi, khi đến chỗ Thái tử đều xuất gia thọ giới cụ túc, không ai trở về nữa. Nay sai khanh đi e khanh cũng sẽ không trở về", Ô-đà-di tâu: "thần nhất định sẽ trở về". Vua liền viết thư, trong thư nói kệ:

"Kể từ khi thọ thai,
Mong sao Phật trưởng thành,
Ta tự tay nuôi dưỡng,
Nhưng trong lòng ưu sầu,
Vì con nay trưởng thành,
Có rất nhiều đệ tử,
Làm người khác được vui,
Còn ta riêng ưu sầu.

Xưa con còn manh nha,
Ta nuôi lớn từ nhỏ,
Con nay được thật quả,
Không trở lại báo ân.
Khi con mới đản sanh,
Phát thệ nguyện rộng lớn,
Thành Vô thượng chánh giác,
Độ vô số chúng sanh ,
Nguyện ấy nay thành tựu.
Con khởi tâm từ bi,
Hãy đến thành của ta,
Độ ta và quyến thuộc".

Viết xong vua giao cho Ô-đà-di, Ô-đà-di nhận thư liền đi đến thành Thất-la-phiệt, trải qua ba ngày đường mới đến rừng Thệ đa vườn Cấp-cô-độc. Ô-đà-di đến chỗ Phật đảnh lễ rồi dâng thư cho Phật, Phật mở thư ra đọc rồi xếp lại để một bên, Ô-đà-di hỏi Phật: "Thế tôn có đi đến thành Kiếp-tỷ-la không?", Phật đáp là sẽ đến. Do trước kia Ô-đà-di là bạn thân thiết với Thế tôn nên nói: "nếu Thế tôn không đi thì tôi sẽ cưỡng ép Thế tôn đi", Thế tôn nghe rồi liền nói kệ như trong luật có nói. Lúc đó Ô-đà-di nói: "Thế tôn, tôi phải trở về báo tin cho vua biết Thế tôn sẽ đến thành Kiếp-tỷ-la", Phật nói: "Ô-đà-di, sứ giả của Như lai không phải như thế", Ô-đà-di hỏi: "sứ giả của Như lai thì như thế nào?", Phật nói: "người xuất gia là sứ giả của Như lai", Ô-đà-di nói: "tôi trước đã hứa với vua là đến đây rồi nhất định sẽ trở về báo lại", Phật nói: "ông cứ làm như lời đã hứa, không nên làm trái, nhưng ông hãy xuất gia rồi mới trở về. Trong vô lượng đời ở quá khứ, khi tu Bồ-tát hạnh ; đối với cha mẹ, Thân giáo sư, Ô-ba-đà-da và các tôn giả, Như lai không dám trái lời dạy", Ô-đà-di nghe lời này rồi liền tín thọ vâng theo, nói rằng: "con nay xuất gia", Phật nói: "thiện lai Bí-sô", Ô-đà-di liền thành người xuất gia đầy đủ phạm hạnh. Phật bảo Ô-đà-di: "thầy hãy trở về nhưng không nên như trước kia đi thẳng vào trong cung vua, mà hãy đứng ngoài cửa bảo sứ giả vào báo với vua là có Bí-sô dòng Thích ca muốn gặp; nếu vua cho vào, thầy mới được vào. Sau khi vào rồi, nếu vua hỏi còn có Bí-sô dòng Thích ca nào khác không thì thầy nên đáp là có ; nếu vua hỏi Thái tử Tất đạt có hình dung và phục sức giống như thầy không thì thầy nên đáp là giống như tôi không khác. Nếu vua bảo thầy ở lại trong cung ngủ đêm thì thầy nhất định không được ở lại ngủ đêm; nếu vua hỏi Thái tử Tất đạt cũng không ở trong cung phải không thì thầy nên đáp là không ; nếu vua hỏi dừng nghỉ ở đâu thì thầy nên đáp là ở A-lan-nhã. Nếu

vua hỏi Thái tử Tất đạt sẽ đến phải không thì thầy nên đáp là sẽ đến ; nếu vua hỏi khi nào đến thì thầy nên đáp là bảy ngày sau", Ô-đà-di nghe xong liền đảnh lễ Phật để đi, Phật bảo hãy đi. Nhờ thần lực của Phật, chỉ trong một ngày Ô-đà-di liền đến bên ngoài cửa cung của thành Kiếp-tỷ-la. Lúc đó Ô-đà-di đứng ngoài cửa bảo sứ giả vào báo với vua là có Bí-sô dòng Thích ca muốn gặp, vua cho vào. Khi Ô-đà-di vào rồi, vua Tịnh-phạn thấy liền hỏi: "ông đã xuất gia rồi sao?", đáp là đã xuất gia, vua hỏi: "còn có Bí-sô dòng Thích ca nào khác không?", đáp là có, vua hỏi: "Thái tử Tất đạt có hình dung và phục sức giống như thầy không?", đáp là giống như tôi không khác. Vua nghe rồi liền ngất xỉu, ngã xuống đất, quần thần rưới nước hồi lâu mới tỉnh. Vua nói: "thầy ở lại trong cung ngủ đêm", Ô-đà-di nói: Bí-sô không được ở lại trong cung ngủ đêm", vua hỏi: "Thái tử Tất đạt cũng không ở trong cung phải không", đáp là không, vua hỏi: "vậy thì dừng nghỉ ở đâu?", đáp là ở A-lan-nhã, vua hỏi: "Thái tử Tất đạt sẽ đến phải không?", đáp là sẽ đến, vua hỏi:" khi nào đến?", đáp là bảy ngày sau. Vua liền ra lịnh cho đại thần sửa sang vườn uyển giống như rừng Thệ đa để nghinh đón Thái tử, đại thần hỏi Ô-đà-di: "trong tinh xá ở rừng Thệ đa có tất cả nao nhiêu phòng viện?", đáp: "đại viện có mười sáu nơi, tiểu viện có tất cả sáu mươi bốn dãy với lầu gác trang nghiêm", đại thần nghe rồi liền ra lịnh các thợ khéo xây dựng các phòng viện giống như phòng viện trong vườn Cấp-cô-độc rừng Thệ đa.

Lúc đó Phật bảo Đại Mục-kiền-liên: "thầy hãy thông báo các Bí-sô là Thế tôn muốn đến thành Kiếp-tỷ-la để cha con được gặp nhau, nếu vị nào muốn nhìn thấy cảnh hội ngộ này thì hãy đắp y mang bát cùng đi", Đại Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy đi thông báo cho các Bí-sô. Phật cùng đại chúng vây quanh tuần tự du hành đến bồ sông Lư ê đa, vua Tịnh-phạn hay tin này liền ra lịnh trang hoàng thành quách, rưới nước thơm và rải hoa thơm trên đất từ vườn Ni câu đà cho đến bờ sông Lư ê đa. Trong vườn Ni câu đà, vua cho đặt tòa sư tử cho Phật và trải tòa cho đại chúng, dân trong thành đều tụ họp đến, có người do nhân duyên đời trước nên đến, có người đến muốn xem Thái tử lạy vua cha trước hay vua cha lạy Phật trước. Sáng sớm ngày thứ tám, Phật và đại chúng chuẩn bị vào thành, lúc đó Phật suy nghĩ: "nếu ta đi bộ vào thành Kiếp-tỷ-la thì những người dòng họ Thích, tâm vốn cao ngạo sẽ chê cười nói rằng: "Thái tử khi đi xuất gia thì nương hư không mà đi cùng với vô lượng chư thiên vây quanh; nay được pháp cam lồ, thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà lại đi bộ vào thành" nghĩ rồi liền nhập định, hiện thân ở phương Đông trên hư không cao bảy cây Đa la, các Bí-sô đều ở trên hư không cao sáu cây Đa la, nương hư không

để vào thành Kiếp-tỷ-la. Khi đến gần, Phật hạ dần xuống, cao sáu cây Đa la; các Bí-sô cũng hạ dần xuống, cao năm cây Đa la; Phật hạ xuống còn năm cây Đa la thì các Bí-sô hạ dần xuống bốn cây Đa la; Phật hạ dần xuống bốn cây Đa la thì các Bí-sô hạ dần xuống ba cây Đa la; Phật hạ dần xuống ba cây Đa la thì các Bí-sô hạ dần xuống hai cây Đa la; Phật hạ dần xuống hai cây Đa la thì các Bí-sô hạ dần xuống một cây Đa la; Phật hạ xuống còn một cây Đa la thì các Bí-sô đi bộ. Vua Tịnh-phạn tuy trông thấy thần biến này nhưng các Bí-sô quá đông, không phân biệt được ai là Phật. Vua bảo Ô-đà-di đánh trống tuyên bố lịnh của vua: "tất cả dòng họ Thích trong thành Kiếp-tỷ-la, mỗi nhà nên cho một người xuất gia theo Phật".

Hộc-phạn vương có hai người con tên là Vô diệt và Đại danh, Đại danh thường được giao trông coi việc nhà, còn Vô diệt thì rảnh rang ngồi vui chơi trên lầu với các thể nữ. Người mẹ bảo Đại danh: "con có biết vua vừa ra lịnh mỗi nhà trong dòng họ Thích đều phải cho một người xuất gia theo Phật", Đại danh nói là không muốn xuất gia, người mẹ hỏi vì sao, Đại danh nói: "Vô diệt vui chơi trên lầu sao mẹ không bảo nó xuất gia mà lại bảo con", người mẹ nói: "Vô diệt vốn có phước đức lớn nên mẹ muốn nó ở nhà, con không nên ganh tỵ", Đại danh nói: "Mẹ yêu quý Vô diệt nên thiên vị, chứ anh ấy không có phước đức gì cả. Mẹ thử không cho anh ấy thức ăn uống để xem anh ấy có phước đức hay không", người mẹ nói: "mẹ sẽ làm như lời con nói", nói rồi người mẹ lấy lồng đậy lên cái mâm không có thức ăn và dùng lụa phủ kín lại, sau đó bảo thị nữ mang đến cho Vô diệt và dặn rằng: "nếu nó hỏi trong đó có vật gì thì con nên nói là không có một vật", thị nữ vâng lời mang đến. Lúc đó vua trời Đế thích đang quán xem hạ giới, thấy việc này liền suy nghĩ: "xưa kia Vô diệt từng cúng dường thức ăn uống cho Phật Bích chi Ô ba lợi sắc tra, không nên để Vô diệt bị bỏ đói, ta nên đem thức ăn uống đến", nghĩ rồi liền đem đủ các thức ăn uống để trong mâm bị phủ kín đó. Khi thị nữ mang mâm phủ kín này lại, Vô diệt hỏi trong đó có vật gì, thị nữ đáp là không có một vật, Vô diệt suy nghĩ: "mẹ rất thương ta, làm sao có thể bảo mang đến cho ta mà không có một vật gì", nghĩ rồi liền mở ra xem, thấy trong mâm đủ các loại thức ăn thơm ngon hiếm có. Vô diệt hiếu dưỡng nên bảo thị nữ đem thức ăn ngon này đến cho mẹ và nói: "hãy nói với mẹ là hằng ngày đem cho tôi loại thức ăn không một vật này", người mẹ thấy thức ăn này lấy làm lạ liền đưa cho Đại danh xem và nói: "mẹ đã nói với con là Vô diệt có phước đức lớn", Đại danh nói: "dù Vô diệt có phước đức lớn hay không thì con cũng không thể xuất gia". Người mẹ khuyên giải Đại danh không được nên đành phải đến nói với Vô diệt: "con có biết vua vừa ra lịnh mỗi nhà trong dòng họ Thích

đều phải cho một người xuất gia theo Phật, con muốn ở tại gia hay xuất gia?", Vô diệt hỏi: "nếu ở tại gia thì có lỗi gì và có lợi ích gì, còn xuất gia thì có lợi ích gì?", người mẹ nói: "ở tại gia nếu sống như pháp thì không có lỗi gì và được sanh vào cõi trời người, nhưng nếu sống phi pháp thì sẽ đọa trong ba đường ác. Xuất gia nếu sống như pháp, y theo Thánh giáo tu trì thì sẽ được Niết-bàn thù thắng; nếu tu hành không trọn vẹn thì cũng được sanh cõi trời người", Vô diệt nghe rồi liền nói: "công đức xuất gia hơn hẳn công đức tinh tấn của tại gia, vậy con muốn xuất gia", người mẹ nói: "mẹ cho con xuất gia". Vô diệt vốn thân thiết với Hiền vương Thích chủng nên đi đến cung của Hiền vương và đứng ở ngoài cửa, lúc đó Hiền vương đang khảy đàn trên lầu, dây đàn bỗng đứt và âm thanh lạc điệu; Vô diệt cũng giỏi chơi đàn, tuy đứng ở ngoài cửa vẫn biết là đàn bị đứt dây. Người giữ cửa vào báo là Vô diệt muốn gặp, Hiền vương bảo cho vào, Vô diệt vào, Hiền vương hỏi: "anh đến bao lâu rồi?", đáp là lúc dây đàn bị đứt. Lúc đó Vô diệt đưa tay vỗ lên tấm lụa-trải trên nệm giường của Hiền vương và nói: "lúc dệt tấm lụa này, người thợ dệt bị bịnh nóng, vì sao Hiền vương lại nằm trên tấm lụa này?", Hiền vương lấy làm lạ liền giở tấm lụa lên xem thì thấy phía dưới có nhiều vết bẩn, Hiền vương liền cho gọi người thợ dệt đến hỏi và người thợ dệt thừa nhận, Hiền vương hỏi Vô diệt: "vì sao anh biết được?", đáp: "khi rờ vào thấy nóng nên tôi biết được". Hiền vương lại hỏi: "anh đến có việc gì không?", đáp: "vua vừa ra lịnh mỗi nhà trong dòng họ Thích đều phải cho một người xuất gia theo Phật, tôi muốn xuất gia nên đến từ biệt Hiền vương", Hiền vương nói: "anh hãy ở lại đây ngủ đêm để chúng ta bàn bạc việc này". Vô diệt liền ở lại ngủ đêm, Hiền vương nói: "tôi cũng muốn xuất gia, nhưng nếu tôi xuất gia thì Thiên thọ sẽ lên nối ngôi và sẽ gây họa lớn cho những người dòng họ Thích. Chúng ta nên tìm cách làm cho Thiên thọ cùng xuất gia". Sáng hôm sau Hiền vương mời Thiên thọ đến và nói rằng: "Thiên thọ, chúng tôi đều muốn xuất gia, còn anh định thế nào ?", Thiên thọ nghe rồi liền suy nghĩ: "nếu ta nói không xuất gia thì Hiền vương cũng sẽ không xuất gia, ta nên nói dối để cho Hiền vương xuất gia", nghĩ rồi liền nói: "Hiền vương, nếu anh xuất gia thì tôi cũng xuất gia". Tuy là lời nói dối nhưng mọi người đều nghe thấy nên vua Tịnh-phạn tuyên bố cho tất cả mọi người trong thành rằng: "Hiền vương cùng Vô diệt, Thiên thọ… tổng cộng năm trăm người dòng họ Thích đều xuất gia theo Phật, mọi người nên vui mừng về việc này", Thiên thọ nghe rồi trong lòng ưu não suy nghĩ: "nếu ta biết Hiền vương xuất gia thì ta đã không nói là tôi cũng xuất gia. Nay ta nếu không xuất gia thì ta là người nói dối và sẽ không được nối ngôi, ta tạm xuất gia sau sẽ lên nối ngôi".

Lúc đó vua Tịnh-phạn muốn cúng dường nhiều phẩm vật cho những người dòng họ Thích xuất gia theo Phật nên ra lịnh quét dọn sạch sẽ các ngã đường, rưới hương thơm rải hoa trên đất, treo phan phướn… rồi cùng các quyến thuộc vây quanh đi đến chỗ Phật. Từ trong các cửa sổ, các cô gái dòng họ Thích đều nhìn ra chiêm ngưỡng những người dòng họ Thích sắp xuất gia này, những người ở phương xa cũng đến để chiêm ngưỡng họ. Những người dòng họ Thích sắp xuất gia này sau khi từ biệt cha mẹ, họ lên xe đi đến chỗ Phật với các đồ trang sức trang nghiêm trên thân, Hiền vương dẫn đầu. Lúc đó vua Tịnh-phạn cho mời tướng sư đến xem tướng của họ, khi nhìn thấy Hiền vương, tướng sư khen là vui thích thừa sự ; khi thấy Vô diệt và Giả hòa hợp, tướng sư cũng khen như vậy. Khi Thiên thọ đi đến bỗng có chim Diều hâu bay đến cắp lấy hạt châu trên búi tóc mang đi, tướng sư nói: "điềm chẳng lành này cho biết Thiên thọ sẽ làm hại Thế tôn và sẽ đọa địa ngục". Khi Cù ca ly, Khiên na đạp bà, Yết tra mâu la, Để sa hải thọ, bốn người này đi đến thì có tiếng lừa hí vang, tướng sư nói: "bốn người này sẽ dùng lời ác não loạn chúng tăng và sẽ đọa địa ngục" . Khi Ô ba-nan-đà cỡi voi đi đến, do quay nhìn bốn hướng làm chuỗi ngọc châu bị đứt, tướng sư nói: "người này nhiều tham dục sẽ đọa địa ngục"… cứ như thế năm trăm người dòng họ Thích tuần tự đi đến chỗ Phật trong vườn uyển, Phật thấy họ liền suy nghĩ: "ta không thể cho năm trăm người nay xuất gia bằng cách nói thiện lai, vì sao, vì trong số người này có người đắc quả A-la-hán, có người không chứng đắc. Ta nên cho họ xuất gia bạch tứ yết ma thọ giới", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "các thầy nên bạch tứ yết ma cho năm trăm người này xuất gia thọ giới cụ túc", các Bí-sô vâng lời Phật dạy. Lúc đó vua Tịnh-phạn bảo Ưu-ba-ly: "ngươi hãy đến trong vườn Ni câu đà cạo tóc cho năm trăm Thích tử xuất gia". Hiền vương cạo tóc trước nên gội đầu rồi ngồi chờ, khi sắp cạo tóc cho Hiền vương, Ưu-ba-ly rơi lệ, Hiền vương hỏi nguyên do, Ưu-ba-ly quỳ xuống rơi lệ nói: "xưa nay tôi thường theo hầu Hiền vương, nay Hiền vương xuất gia, tôi không biết nương ai, nếu phải hầu hạ Ác vương thì thà tôi chết còn hơn", Hiền vương nói: "ta biết ngươi thành tâm, ta cho phép ngươi không phải hầu hạ Ác vương, ngươi không nên lo buồn", Ưu-ba-ly nghe rồi rất vui mừng liền đứng dậy cạo tóc cho Hiền vương. Cạo tóc xong, Hiền vương sai người hầu trải ra một tấm lụa-trắng rồi đứng dậy nói với năm trăm Thích tử xuất gia: "các vị lắng nghe, trước đây Ưu-ba-ly hầu hạ ta, nay chúng ta xuất gia không cần dùng y phục thế tục và những món đồ trang sức nữa, vậy các vị hãy cởi chúng ra để trên tấm lụa-trắng này để cho Ưu-ba-ly", Hiền vương nói rồi, các Thích tử đều cởi y phục và đồ trang sức trên người để trên tấm lụa-trắng cho Ưu-ba-ly,

Ưu-ba-ly lần lượt cạo tóc cho họ, họ tắm rửa rồi như pháp đắp y Tăng mà đi. Lúc đó Ưu-ba-ly chống cằm suy nghĩ: "năm trăm Thích tử cao quý như vậy mà còn xả bỏ tất cả để xuất gia, ta là người thấp hèn xưa nay theo hầu hạ người khác vì sao lại tham đắm những y phục và đồ trang sức này. Nếu ta không thuộc dòng họ thấp hèn thì ta cũng được xuất gia và chứng quả A-la-hán " . Thường pháp của Phật là ngày đêm sáu thời quán các hữu tình, các A-la-hán cũng vậy nên tôn giả Xá-lợi-phất biết Ưu-ba-ly đang ưu sầu liền đến chỗ Ưu-ba-ly và hỏi nguyên do, Ưu-ba-ly nói: "đại đức, con thấy Hiền vương và các Thích tử xả tất cả để xuất gia tu đạo, còn con lại tham đắm các vật đã xả bỏ đó, chắc con sẽ đọa trong ba đường ác. Đại đức, nếu con không sanh trong dòng họ thấp hèn thì con cũng sẽ được xuất gia ở trong Tỳ nại da mà Phật đã thuyết giảng, tinh tấn tu tập để chứng quả A-la-hán", tôn giả nói: "trong chánh pháp của Phật không có phân biệt dòng họ thấp hèn và người ít học, chỉ cần y theo lời Phật dạy, trì tịnh giới và oai nghi không thiếu sót thì đều được xuất gia thọ giới. Nếu con muốn xuất gia thì hãy theo ta đến gặp Phật, con sẽ được xuất gia". Ưu-ba-ly nghe rồi rất vui mừng liền xả tất cả y phục và đồ trang sức mà mình vừa có được như bỏ đàm dãi để theo tôn giả Xá-lợi-phất đến gặp Phật. Đến nơi, đảnh lễ Phật xong, tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: "Thế tôn, Ưu-ba-ly này có thể ở trong Tỳ nại da xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô. Cúi xin Thế tôn cho Ưu-ba-ly xuất gia", Phật nói thiện lai Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của Ưu-ba-ly tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, oai nghi tề chỉnh cũng giống như Bí-sô trăm tuổi. Được xuất gia rồi, Ưu-ba-ly đứng một bên, tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

"Thế tôn nói thiện lai Bí-sô,
Áo biến ca-sa, râu tóc rụng,
Các căn tịch tĩnh, giới thanh tịnh,
Nhờ Phật lực nên đủ oai nghi".

Lúc đó năm trăm Thích tử sau khi được bạch tứ yết ma xuất gia thọ giới xong liền đến chỗ Phật đảnh lễ và theo thứ lớp đảnh lễ tất cả Bí-sô, cuối cùng tới trước Ưu-ba-ly. Hiền vương nhận ra Ưu-ba-ly liền đứng thẳng người chiêm ngưỡng và bạch Phật: "Thế tôn, Ưu-ba-ly là người hầu của con, con có nên đảnh lễ không?", Phật nói: "trong pháp xuất gia cần phải trừ bỏ tâm ngã mạn, vì vậy ta cho Ưu-ba-ly xuất gia trước, người xuất gia sau phải đảnh lễ người xuất gia trước", Hiền vương vâng lời Phật dạy, dẹp bỏ tâm ngã mạn cúi mình đảnh lễ Ưu-ba-ly, lúc đó đại địa chấn động sáu cách. Thấy Hiền vương đảnh lễ, bốn trăm chín mươi tám Thích tử khác

cũng cúi mình đảnh lễ, chỉ riêng có Thiên thọ không chịu đảnh lễ. Phật bảo Thiên thọ nên đảnh lễ, Thiên thọ đáp: "Thế tôn bảo con đảnh lễ thì có ích lợi gì, con không thể". Khi nói xong lời này Thiên thọ đã khởi nghĩ chống đối Phật.

Các Bí-sô thấy khi Hiền vương đảnh lễ Ưu-ba-ly đại địa chấn động sáu cách liền khởi nghi thỉnh hỏi Phật nguyên do, Phật nói: "không phải chỉ trong ngày nay khi Hiền vương đảnh lễ, đại địa chấn động sáu cách mà quá khứ cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ tại thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Phạm thọ, dùng pháp giáo hóa, trong nước không có đói khổ, dân chúng an cư lạc nghiệp. Trong thành có một dâm nữ tên là Hiền thọ rất xinh đẹp, thường cùng các nam tử vui chơi hoan lạc mỗi đếm với giá năm trăm tiền vàng. Trong thành lại có một Ma-nạp-bà tên là Đoan chánh đến chỗ dâm nữ này muốn cùng cô hoan lạc một đêm, dâm nữ nói: "anh có năm trăm tiền vàng hay không?", đáp là không có, dâm nữ nói: "vậy anh hãy đem năm trăm đồng bạc Ca lợi sa ba noa đến đây". Đoan chánh không có tiền, vì yêu thích dâm nữ này nên thường hái đủ loại hoa biếu cho cô, nhiều lần như vậy nên dâm nữ sanh tình cảm. Lúc đó trong thành có tiết hội, tất cả phụ nữ đều trang điểm và phục sức đẹp đẽ để cùng chồng mình vui chơi hoan lạc, nên không có người nam nào tìm đến dâm nữ. Dâm nữ chợt nghĩ đến Đoan chánh: "nếu hôm nay anh ta đến đây thì tốt quá", vừa nghĩ xong thì Đoan chánh đến, dâm nữ vui vẻ nói: "anh đi hái hoa rồi sáng mai đến đây cùng tôi hoan lạc". Đoan chánh nghe rồi rất vui mừng trở về nhà, trong tâm luôn nghĩ về dung mạo và tướng đứng đi của dâm nữ nên mãi đến gần sáng mới ngủ thiếp cho đến trời sáng bạch mới tỉnh dậy thì hoa thơm không còn nữa, anh đi tìm khắp nơi cũng không chỗ nào còn hoa, chỉ hái được ít hoa Dạ hợp mang đến cho dâm nữ. Dâm nữ thấy hoa này liền nói kệ:

"Người si mang lốt da Ái dục,
Đoan chánh thông minh, nửa đồng tiền,
Lúc này hoa đẹp nở khắp nơi,
Sao chỉ hái được ít hoa Dạ hợp".

Nói kệ rồi liền bảo đi hái hoa đẹp khác mang đến. Vì tham dục nên Đoan chánh không nài khổ nhọc, từ thành ra đến vùng ngoại ô xa xôi dưới trời nắng gắt để tìm hái hoa đẹp, vừa đi vừa ca hát vui vẻ. Lúc đó vua Phạm thọ đi săn trở về, cảm thấy mệt mỏi vì trời nắng gắt nên vào trong rừng cây dừng nghỉ và nghe được tiếng hát này. Vua đến gần nói kệ hỏi:

"Trên đầu trời nắng đốt,

Dưới đất cát nóng thiêu,
Lại ca hát vui vẻ,
Vì sao không sợ nóng?”.

Đoan chánh nói kệ:

“Không sợ trời nắng thiêu,
Vì bị tham dục đốt,
Tham dục mới nóng khổ,
Trời nắng không nóng bằng”.

Vua nghe kệ rồi suy nghĩ: “Ma-nạp-bà này khéo nói những lời mát mẻ nên đi hái hoa dưới trời nắng thiêu đốt mà không biết nóng”, nghĩ rồi liền xuống xe ngồi dưới một gốc cây bảo Đoan chánh: “ngươi hãy nói những lời mát mẻ cho ta nghe”, Đoan chánh nghe rồi liền suy nghĩ: “chắc là vua đang say nắng nên muốn nghe những lòi mát mẻ”, nghĩ rồi liền kể các việc mát mẻ, vua nghe xong cảm thấy mát mẻ liền hỏi quấn thần: “nếu ai cứu mạng vua quán đảnh thì nên thưởng cho gì?”, quần thần đáp là nên thưởng cho nửa nước, vua liền bảo Đoan chánh: “ngươi hãy ở lại trong cung một đêm, sáng mai ta sẽ thưởng cho ngươi nửa nước”. Đoan chánh ở lại trong cung, vua bảo sửa soạn y phục và ngọa cụ thượng diệu cho anh, nhưng ở trong cung anh không có bạn. Lúc đó anh suy nghĩ: “nếu ta làm vua nửa nước thì ta sẽ có thể nữ hầu hạ, ta tùy ý hưởng thọ khoái lạc ; nhưng nếu việc thưởng ban này chỉ là lời nói suông thì sao, hay là ta giết vua để chiếm luôn ngôi vị. Nhưng ngôi vị tối cao thì ai cũng đều tham muốn, ta vì tham muốn ngôi vị này nên mới muốn hại vua”, nghĩ rồi liền nói kệ:

“Chưa được tài lợi thì tham muốn,
Nếu cầu không được thì khổ não,
Cầu được rồi vẫn không hết tham,
Nên biết tài lợi chiêu họa hại”.

Sau đó anh ngủ thiếp cho đến nửa đêm chợt tỉnh dậy, trong lòng hối hận nên xuống giường, trải tấm da nai ở dưới đất để nằm. Sáng hôm sau, vua sai sứ mời Ma-nạp-bà đến, sứ trở về tâu vua rằng: “Đại vương, thần thấy oai nghi và hành động ra làm của người này không thể làm vua nửa nước”, vua hỏi nguyên do, sứ đáp: “thần đến thấy anh ta bỏ giường nệm thượng diệu, trải tấm da nai ở dưới đất để nằm, người thấp hèn như vậy không thể làm vua nửa nước”, vua nói: “đó là người trí, anh ta làm như vậy ắt là có nguyên do, hãy mời anh ta đến”, sứ gọi Đoan chánh đến, vua hỏi rõ nguyên do, Đoan chánh kể lại mọi việc và xin vua cho xuất gia, vua nói: “chúng ta giao ước trước, nếu sau khi xuất gia khanh có chứng ngộ gì thì

hãy đến báo cho ta biết", đáp: "không dám trái lời vua". Đoan chánh từ biệt vua đến trong rừng vắng yên tĩnh, không có A-giá-lợi-da và Ô-ba-đà-da, tự tinh tấn nổ lực, không bao lâu sau chứng quả vị Độc giác. Chứng ngộ rồi, vị Độc giác suy nghĩ: "trước kia ta đã cùng vua giao ước, nay ta nên đến làm cho vua được mãn nguyện", nghĩ rồi liền đến chỗ vua, ở trên hư không phóng ánh sáng lớn và hiện các thần biến; vua thấy thần biến liền đảnh lễ rồi nói kệ:

"Thấy người trẻ tuổi chứng quả lớn,
Ngôi vị thù thắng khác nhau xa,
Ma-nạp-bà này được thiện lợi,
Xuất gia được vậy, cầu gì nữa".

Sau khi làm cho vua sanh tín kính, vị Độc giác ra đi. Vua có người thợ hớt tóc tên là Thiên hà hộ, vua bảo anh ta đọc thuộc bài kệ này và thường đọc cho vua ghi nhớ. Thiên hà hộ hớt tóc rất giỏi nên khi hớt tóc cho vua thì vua ngủ say, hớt tóc xong mới khảy móng tay đánh thức vua, vua tỉnh dậy vui vẻ nói: "người có mong cầu điều gì cứ nói, ta sẽ đáp ứng cho", Thiên hà hộ nói: "xin cho thần suy nghĩ, sau sẽ nói". Do Thiên hà hộ thường đọc bài kệ này cho vua ghi nhớ nên vua sanh tâm nhàm lìa ngũ dục lạc, không để ý đến các thể nữ xinh đẹp trước mặt, tai không muốn nghe tiếng ca hát du dương. Các thể nữ ưu sầu nói với nhau: "chúng ta tìm phương tiện đuổi anh ta đi", bàn xong một thể nữ liền đến nói với Thiên hà hộ: "khi vua hoan hỉ hỏi anh mong cầu gì thì anh nên yêu cầu vua giải thích ý nghĩa của bài kệ đó". Thời gian sau, sau khi Thiên hà hộ đọc xong bài kệ, vua hoan hỉ hỏi có mong cầu gì thì Thiên hà hộ liền yêu cầu vua giải thích ý nghĩa của bài kệ. Sau khi nghe vua giải thích xong, Thiên hà hộ sanh tâm nhàm lìa thế gian, xin vua cho xuất gia, vua nói: "chúng ta giao ước trước, nếu sau khi xuất gia khanh có chứng ngộ gì thì hãy đến báo cho ta biết", đáp: "không dám trái lời vua". Thiên hà hộ từ giả vua, tìm đến chỗ tiên nhơn ở trong núi rừng, nổ lực tu tập, không bao lâu sau chứng được ngũ thông. Vị tiên này suy nghĩ: "trước kia ta cùng vua giao ước, nay ta nên đến làm cho vua được mãn nguyện", nghĩ rồi liền đến chỗ vua, ở trên hư không phóng ánh sáng lớn và hiện các thần biến. Vua thấy thần biến liền đảnh lễ và hỏi: "hiền giả đã được công năng như vậy rồi sao?", đáp là đã được rồi nói kệ:

Vua nói kệ:

"Ở trong vườn Yêm la,
Theo hầu vua Phạm thọ,
Bỏ cây dao cạo tóc,

Xuất gia được ngũ thông".
"Xuất gia im lặng trụ,
Khổ hạnh ấy khó làm,
Nếu làm, được đại trí,
Khổ hạnh chế phục các ác pháp,
Khổ hạnh vượt qua khỏi thế gian,
Khổ hạnh trừ sạch các cấu uế,
Hiền giả chớ chê bai khổ hạnh".

Thiên hà hộ nghe kệ rồi, tâm sanh hoan hỉ ra đi.

Phật bảo các Bí-sô: "vua Phạm thọ thuở xưa chính là Hiền vương ngày nay, tiên nhơn Thiên hà hộ thuở xưa chính là Ưu-ba-ly ngày nay. Thuở xưa vua Phạm thọ đảnh lễ Thiên hà hộ, đại địa chấn động sáu cách ; nay Hiền vương đảnh lễ Ưu-ba-ly, đại địa cũng chấn động sáu cách như thế".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 10

Sau khi nghe Thế tôn nói pháp yếu, vua Vị sanh oán phát khởi Vô căn tín: nếu vua cỡi voi ra thành mà thấy Thế tôn ở trên lầu cao, vua liền nhảy từ trên mình voi xuống đất; nếu vua cỡi voi đi đâu mà gặp Thế tôn, vua cũng nhảy từ trên mình voi xuống đất vì rất kính tín Thế tôn. Vua bảo người giữ cửa: "các khanh nên biết, từ nay trở đi ta hoàn toàn quy y Phật và Tăng. Từ nay nếu thấy Phật và các Thanh văn Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca và Ô-ba-tư-ca cần vào thì không nên ngăn cản, nên mở cửa cho họ vào; nếu thấy Đề-bà-đạt-đa và đồ chúng của vị ấy thì ngăn lại không cho vào". Thời gian sau, Đề-bà-đạt-đa có việc muốn gặp vua, người giữ cửa không cho vào, Đề-bà-đạt-đa hỏi nguyên do, người giữ cửa nói: "Đại vương có ra lịnh: từ nay trở đi ta hoàn toàn quy y Phật và Tăng. Từ nay nếu thấy Phật và các Thanh văn Bí-sô, Bí-sô ni, Ô-ba-sách-ca và Ô-ba-tư-ca cần vào thì không nên ngăn cản, nên mở cửa cho họ vào; nếu thấy Đề-bà-đạt-đa và đồ chúng của vị ấy thì ngăn lại không cho vào", Đề-bà-đạt-đa bị ngăn cản không cho vào nên trong lòng không vui. Lúc đó Bí-sô ni Liên-hoa-sắc sau khi khất thực xong, từ trong cung vua ôm bát đi ra ; Đề-bà-đạt-đa thấy Liên-hoa-sắc liền suy nghĩ: "có phải do ni này ly gián mới khiến vua Vị sanh oán ngăn không cho ta vào hay không", nghĩ rồi liền tới gần Liên-hoa-sắc nói: "ta có lỗi gì mà cô làm chướng ngại nơi nhà mà ta khất thực", nói xong liền đánh. Liên-hoa-sắc bị đánh liền nói với giọng bi ai: "xin cho tôi thanh bạch, tôi đã làm gì mà đại đức đánh tôi. Đại đức là anh em của Thế tôn, từ dòng họ Thích ca cao quý xuất gia, tôi thật không có tâm đàm luận. Xin hãy nghe lời chân thành của tôi", Đề-bà-đạt-đa không thèm nghe lời Liên-hoa-sắc nói, liền dùng sức đánh vào đầu của Liên-hoa-sắc. Tuy đau đớn nhưng Liên-hoa-sắc gắng gượng về đến trong chùa, ni chúng nhìn thấy đều hỏi: "vì sao Thánh giả lại bị khổ nhục này?", Liên-hoa-sắc nói:

"tất cả vật có thọ mạng đều là vô thường, tất cả pháp đều là vô ngã, chỉ có Niết-bàn là tịch tĩnh. Các cô nên nổ lực tu pháp lành, chớ có phóng dật. Đề-bà-đạt-đa đã tạo thêm nghiệp Vô gián thứ ba, nay đã đến lúc ta

nhập Niết-bàn", nói rồi cô hiện đủ loại thần biến ở trước ni chúng rồi nhập Niết-bàn vô dư. Các Bí-sô ni đều khởi tâm nghi nên đến thỉnh hỏi Thế tôn: "vì sao Bí-sô ni Liên-hoa-sắc nói lời bi ai khổ thiết, Đề-bà-đạt-đa không những không nghe mà còn đánh vào đầu khiến cho cô ấy phải nhập diệt?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà trong quá khứ dù cô ấy nói lời bi ai khổ thiết, thầy ấy vẫn không thèm nghe mà còn giết chết để ăn thịt. Các cô hãy lắng nghe:

Thuở xưa tại một thôn có một trưởng giả nuôi nhiều dê và cho người chăn dê dẫn dê đi ăn ngoài đồng cỏ, đến chiều thì lùa đàn dê trở về. Trong đàn dê có một con dê cái vì già yếu nên không theo kịp đàn dê, một mình lọt lại ở đằng sau và gặp một con sói đói ở bên đường. Dê nói kệ hỏi sói:

"Cậu thường đi một mình,
Có được an vui không ?
Thường ở trong rừng hoang,
Làm thế nào dưỡng thần?".

Sói đáp:

"Ngươi thường giẫm đuôi ta,
Thường nhổ lông của ta,
Lại kêu ta là cậu,
Muốn tìm đường thoát thân".

Dê nói:

"Đuôi cậu ở sau lưng,
Tôi từ phía trước đến,
Sao lại đổ oan tôi,
Thường giẫm đuôi của cậu".

Sói nói:

"Bốn châu, biển và núi,
Đều là đuôi của ta,
Nếu người không giẫm nó,
Thì ngươi từ đâu tới".

Dê nói:

"Những chỗ tôi nhận biết,
Cậu nói là đuôi cậu,
Thì tôi không dám giẫm,
Tôi từ hư không đến".

Sói nói:

"Do ngươi từ hư không rơi xuống,

Làm nai trong rừng đều kinh sợ,
Làm mất thức ăn sáng của ta,
Lỗi của ngươi không rõ ràng sao?"

Tuy Dê cái dùng nhiều lời bi ai khổ thiết nhưng Sói độc ác không thèm nghe, nó cắn đứt đầu dê và ăn thịt.

Phật bảo các Bí-sô: "con Sói đói thuở xưa nay chính là Đề-bà-đạt-đa, Dê cái thuở xưa nay chính là Liên-hoa-sắc. Thuở xưa Liên-hoa-sắc dùng nhiều lời bi ai khổ thiết vẫn không thoát chết, nay nói lời thành khẩn vẫn bị đánh chết".

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: "ta đã nhiều lần làm hại Thế tôn và đã tạo đủ ba nghiệp Vô gián : một là ta xô tảng đá lớn từ trên núi xuống hại Thế tôn, làm cho Thế tôn bị thương chảy máu; hai là phá hòa hợp Tăng, ba là giết chết ni Liên-hoa-sắc. Ta chưa được Nhất thiết trí, cũng chưa thành tựu các pháp khác, do tạo ba nghiệp này chắc chắn ta sẽ bị đọa địa ngục", nghĩ rồi ngồi chống cằm sầu tư. Bộ thích noa có việc đi ngang qua, nhìn thấy Đề-bà-đạt-đa như vậy liền hỏi nguyên do, Đề-bà-đạt-đa nói: "tôi lo nghĩ về việc đã nhiều lần làm hại Thế tôn và đã tạo đủ ba nghiệp Vô gián, chắc chắn sẽ bị đọa địa ngục chịu khổ lâu dài", Bộ thích noa nói: "tôi thường cho trong dòng họ Thích ca chỉ có Thánh giả là người thông minh hiểu biết, lẽ nào hôm nay Thánh giả cũng trở thành ngu si hay sao. Lẽ nào lại có đời sau mà Thánh giả lo buồn, nếu thật có đời sau thì khi Thánh giả tạo nghiệp này, tôi cũng sẽ sầu tư". Để cởi mở nỗi lòng của Đề-bà-đạt-đa, Bộ thích noa đập bể cái bát ở trước mặt Đề-bà-đạt-đa rồi nói: "dù là trời người cũng không ai có thể làm cho bát này dính lại; đã không có đời sau thì ai sẽ thọ quả báo, người làm và người thọ đều hư dối. Hãy đến thành Kiếp-tỷ-la làm vua tự xưng là thiên tử, tôi sẽ làm Thanh văn đứng đầu của thầy". Ngay khi Đề-bà-đạt-đa sanh tà kiến thì tất cả căn lành đều mất, lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết, căn lành của Đề-bà-đạt-đa từ đây bị mất hết. Này các Bí-sô, nếu ta thấy Đề-bà-đạt-đa có chút ít pháp lành thì ta sẽ không thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ đọa địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn. Này các Bí-sô, do ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có chút ít pháp lành nào như mảy lông nên ta mới thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ đọa địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn. Ví như cách thành ấp, thôn xóm không xa có một hố phân sâu hơn một trượng, hôi thúi khó thể tới gần. Chẳng may có một người té xuống hố đó, đầu và tay chân đều bị chìm; một người khác trông thấy vì muốn làm cho người đó được lợi lạc nên đến tìm cách cứu vớt, nghĩ rằng: "nếu ta thấy người bị té xuống hố

phân này có một thân phần nào không bị dính phân dơ thì ta sẽ kéo người ấy lên khỏi hố". Sau khi quan sát cùng khắp, không thấy người bị té kia có một thân phần nào không bị dính phân dơ để có thể dùng tay nắm kéo lên cả. Này các Bí-sô, ta cũng như vậy, nếu ta thấy Đề-bà-đạt-đa có chút ít pháp lành thì ta sẽ không thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ đọa địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn. Này các Bí-sô, do ta không thấy Đề-bà-đạt-đa có chút ít pháp lành nào như mảy lông nên ta mới thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ đọa địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn. Các Bí-sô nên biết, Thiên thọ đã tạo đủ ba pháp ác dục phải đọa trong địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn: một là Đề-bà-đạt-đa sanh tâm ưa thích tạo tội và bị ác dục kia dẫn dắt; khi đã sanh ác dục và bị ác dục dẫn dắt tức là thành tựu pháp ác dục thứ nhất. Hai là gần bạn ác, giao du với bạn ác; khi đã gần bạn ác, giao du với bạn ác tức là thành tựu pháp ác dục thứ hai. Ba là Đề-bà-đạt-đa mới chứng đắc chút ít, chứng được phẩm hạ liền vui mừng cho là đủ, không chịu tiến tu để chứng pháp thắng thượng ; khi mới chứng đắc chút ít, chứng được phẩm hạ liền vui mừng cho là đủ, không chịu tiến tu để chứng pháp thắng thượng tức là thành tựu pháp ác dục thứ ba", Phật nói kệ:

"Chớ làm người thế gian,
Ưa thích tạo tội lỗi,
Thành tựu pháp ác dục,
Sẽ chiêu lấy họa hại.
Người đời biết Thiên thọ,
Thông minh không tâm phục,
Cũng không tu thiểu dục,
Sống theo hạnh phóng dật,
Uổng có hình dáng đẹp.
Muốn xâm hại Thế tôn,
Nên ta mới thọ ky,
Đọa Vô gián một kiếp,
Xan tham sanh niệm ác,
Tà kiến không cung kính,
Chắc chắn đọa Vô gián.
Cửa ngục đóng bốn phía,
Người kia vốn không lỗi,
Do ác báng mới sanh,
Đời này hoặc đời sau,
Thọ làm người ngu si.

Ai đổ bình thuốc độc,
Muốn làm hoại nước biển,
Biển cả không bờ bến,
Thì thật là uổng công.
Cũng như có người ác,
Phỉ báng đức Thế tôn,
Bậc lợi mình, lợi người,
Làm sao phỉ báng được.
Tâm chánh kiến thường tịch,
Duyên ác làm sao sanh,
Ai gần gũi bạn lành,
Đó là người thông minh,
Vì sẽ không làm ác,
Cung kính vâng làm theo".

Sau khi Đề-bà-đạt-đa hủy báng lời Phật dạy, sanh khởi tà kiến đoạn mất căn lành, cho là chỉ có đời này không có đời sau, Đề-bà-đạt-đa liền lập ra năm pháp và nói với đồ chúng của mình: "các thầy nên biết, Sa môn Kiều-đáp-ma cho đồ chúng thọ dụng sữa lạc. Từ nay về sau chúng ta không được ăn, vì sao, vì nếu ăn sữa lạc, chúng ta sẽ làm cho bò nghé bị đói khổ. Sa môn Kiều-đáp-ma cho đồ chúng ăn cá thịt, từ nay về sau chúng ta không được ăn, vì sao, vì nếu ăn cá thịt tức là đoạn mạng sống chúng sanh. Sa môn Kiều-đáp-ma cho đồ chúng ăn muối, từ nay về sau chúng ta không được ăn, vì sao, vì trong muối có nhiều bụi đất. Lại nữa khi thọ dụng y, Sa môn Kiều-đáp-ma cho cắt bỏ phần biên vải; từ nay về sau, chúng ta giữ lại phần biên vải, vì sao, vì tiếc công lao của người thợ dệt. Lại nữa, Sa môn Kiều-đáp-ma ở nơi A-lan-nhã; từ nay về sau chúng ta ở trong tụ lạc, vì sao, vì sợ bỏ phí vật của thí chủ cúng dường. Năm pháp này nhiếp tụng:

Không được ăn sữa lạc,
Cá thịt và dùng muối,
Biên vải, ở tụ lạc,
Năm pháp của Thiên thọ".

Lúc đó đức Bạc già phạm du hành trong nhân gian dần dần đến thành Thất-la-phiệt, Đề-bà-đạt-đa liền suy nghĩ: "ta đã nhiều lần làm

hại Sa môn Kiều-đáp-ma nhưng không thành, nay ta nên lăng nhục vợ ông ta", nghĩ rồi liền đến thành Kiếp-tỷ-la, sai sứ đến nói với Da-du-đà-la: "Sa môn Kiều-đáp-ma bỏ nghiệp làm vua mà xuất gia, nay ta đến thay ông ta làm vua, nàng hãy làm vợ ta", Da-du-đà-la nói cho Cù di ca biết việc

này, Cù di ca nói: "đại phu nhân hãy sai sứ đến nói với Thiên thọ: "trước đây khi tôi nắm tay Bồ-tát, Bồ-tát có thể chịu đựng nổi sức mạnh này; nếu ông có thể chịu đựng được thì cứ đến gặp tôi" ". Thiên thọ nghe rồi không biết tự lượng sức mình liền đến trong cung, đứng chắp tay ; Cù di ca có sức mạnh của Đại nặc cận na chỉ dùng tay trái nắm hai tay đang chắp của Thiên thọ, khiến cho mười ngón tay đều chảy máu rồi ném Thiên thọ vào trong ao nước mà trước kia Bồ-tát thường bơi lội. Khi rớt xuống ao Thiên thọ la to, những người trong dòng họ Thích đều chạy đến, thấy việc này rồi liền nói với nhau: "Đề-bà-đạt-đa không tự lượng sức mình, định vào trong cung làm việc lăng nhục, nên giết chết ông ta", có người nói: "không nên gia hại một người đã chết, vì Thế tôn đã thọ ký Đề-bà-đạt-đa sẽ đọa địa ngục Vô gián, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn", nói rồi mọi người đều bỏ đi. Đề-bà-đạt-đa ra khỏi ao bị cọc gỗ xé rách y thành hai mảnh, liền nghĩ: "lành thay, y này khéo xứng hợp tịnh nghi, ta sẽ chế kiểu y này cho các Thanh văn". Thời gian sau, Thiên thọ lại bảo những người trong họ Thích tôn mình lên làm vua, họ nói: "Bồ-tát đã có vợ, nếu ông dùng quyền lực làm cho bà ấy phục tùng thì ông sẽ được tôn làm vua", Thiên thọ liền vào trong cung, đến chỗ Da-du-đà-la chắp tay nói: "nàng là đại phu nhân của nước này, chỉ có ta mới xứng làm vua", Da-du-đà-la có sức mạnh của Đại bát tắc kiên tha, liền rời khỏi giường báu đến nắm hai bàn tay đang chắp của Thiên thọ, khiến mười ngón tay chảy máu và làm cho quỵ xuống đất. Thiên thọ đau đớn lăn lộn trên đất, Da-du-đà-la nói: "ông thật vô lại và cũng hết sức ngu xuẩn, ta chỉ mới nắm tay mà ông đã không chịu đựng nổi, huống chi là muốn cùng giao hợp. Chuyển luân Thánh vương hay là thân sau cùng của Bồ-tát mới xứng là chồng ta, người khác đều không thể". Thiên thọ hổ thẹn rời khỏi cung, những người dòng họ Thích thấy vậy liền nói: "ông nên đến chỗ Thế tôn cầu xin tha thứ, nếu Thế tôn tha thứ thì ông mới có thể làm vua". Lúc đó Thiên thọ dùng chất độc nhét dưới mười móng tay trước khi đi đến gặp Thế tôn, nghĩ rằng: "nếu Sa môn Kiều-đáp-ma tha thứ cho ta thì tốt, nếu không tha thứ thì ta sẽ dùng chất độc dưới móng tay này làm cho chân tay của ông ta trúng độc", nghĩ rồi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi bạch: "cúi xin Thế tôn tha thứ", Phật quán biết Thiên thọ đến với tâm sát hại nên dùng thần lực biến từ đầu gối trở xuống thành đá thủy tinh và im lặng. Thiên thọ thấy Phật im lặng liền nổi giận khởi ý làm hại, dùng móng tay có nhét độc cào chân Thế tôn, chạm vào đá thủy tinh khiến móng tay bị gãy, chất độc trở ngược làm hại thân khiến Thiên thọ hết sức khổ não. Tôn giả A-nan nói: "Thiên thọ, thầy hãy quy y Thế tôn", Thiên thọ nói: "đại đức, nếu tôi quy y Phật thì như Phật nói quy y Phật không đọa địa ngục; như vậy sau khi bỏ

thân mạng này tôi sẽ sanh thiên. Nhưng Phật đã thọ ký tôi sẽ đọa địa ngục, chịu khổ một kiếp không thể cứu vãn; nếu tôi sanh thiên thì Phật thọ ký sai, nếu tôi quy y Phật mà còn đọa địa ngục thì Phật vọng ngữ". Khi Thiên thọ tức giận cùng cực thì nghiệp ác chín muồi nên lửa Vô gián đốt khắp thân, Thiên thọ la lớn: "đại đức A-nan, tôi đang bị đốt". Thấy Thiên thọ đau đớn như vậy, vì tình thân nên A-nan càng thương xót liền nói: "Thiên thọ, thầy hãy chí tâm quy y Như lai Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đừng nghĩ gì khác". Khi bị lửa Vô gián đốt, nghiệp báo hiện tiền, chịu khổ não cùng cực ; Thiên thọ lo sợ bất giác nói: "hôm nay từ thân cho đến cốt tủy, tôi chí tâm quy y đức Bạc già phạm", nói xong hiện thân liền đọa vào địa ngục Vô gián. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết, thiện căn của Đề-bà-đạt-đa đã được khôi phục, thầy ấy ở trong địa ngục thọ tội một kiếp, thọ hết tội rồi sẽ được làm người, theo thứ lớp tu tập cuối cùng chứng được quả vị Phật Bích chi tên là Cụ cốt. Sau khi chứng quả, vị ấy mang bát theo thứ lớp từng nhà khất thực, được thức ăn rồi trở về bổn xứ, rửa tay chân rồi mới thọ thực. Trước khi thọ thực, vị ấy quán đời trước vì lý do gì mình ở mãi trong sanh tử luân hồi, đến nay mới được giác ngộ; liền quán biết đời trước mình đã tạo đủ các nghiệp ác đối với Như lai, lại quán thấy thuở xưa khi Phật còn hành Bồ-tát đạo, đời đời mình thường kết oán thù với Phật chỉ vì chút ít lợi dưỡng và cung kính. Thấy biết rồi vị ấy không thọ thực nữa mà bay lên hư không, phóng ánh sáng lớn và hiện các thần biến rồi nhập Niết-bàn vô dư đại viên tịch".

Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên thường xuống địa ngục xem xét, lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất nói với Đại Mục-kiền-liên: "chúng ta xuống địa ngục Vô gián thăm và an ủi Thiên thọ", nói rồi cùng đi. Đến nơi, tôn giả Xá-lợi-phất nói với Đại Mục-kiền-liên: "địa ngục Vô gián này trên dưới và bốn phía đều thông nhau, trong đó lửa dữ trùm khắp. Thầy được Thế tôn thọ ký là Thần thông đệ nhất, vậy thầy hãy vận tâm quán các hữu tình đang chịu khổ trong địa ngục để diệt trừ hỏa tai", Đại Mục-kiền-liên liền nhập định đại thủy hóa mưa, mỗi giọt mưa lớn như cái chày rơi xuống địa ngục Vô gián, nhưng các giọt mưa này đều tiêu tan trên hư không. Đại Mục-kiền-liên lại hóa-trận mưa khác, mỗi giọt mưa lớn như bánh xe nhưng cũng như trước đều tiêu tan hết. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy vậy liền nhiếp niệm nhập định Thắng giải hạnh, khiến cho nước tràn khắp trong địa ngục, tiếng thọ khổ liền dứt và chúng sanh thọ khổ được hồi phục bổn niệm. Lúc đó Đại Mục-kiền-liên cất tiếng hỏi: "ai là Đề-bà-đạt-đa thì hãy bước tới", nói vừa dứt thì có hàng ngàn Đề-bà-đạt-đa đua nhau chạy tới, Đại Mục-kiền-liên nói: "ai là Đề-bà-đạt-đa anh em của Thế tôn thì hãy đến đây", Đề-

bà-đạt-đa liền bước tới đảnh lễ hai tôn giả, hai tôn giả hỏi: "Thiên thọ, nỗi khổ mà ông chịu trong địa ngục này có gì khác nhau không?", đáp: "nỗi khổ chung thì khỏi phải nói, còn nỗi khổ riêng thì như thấy có núi sắt nóng, lửa cháy cùng khắp tạo thành một ngọn lửa lớn đến đè bẹp thân con, như dùng đá đè ép mè để lấy dầu không khác. Lại thấy có cái cưa sắt với lưỡi cưa thật bén, phát ra lửa rất nóng cưa xẻ thân con, từng khúc xương rơi rớt. Lại thấy có chày sắt nóng đỏ thường đánh nát đầu con ; lại thấy có voi lớn từ bốn phía xông đến giẫm đạp thân con nát như bột gạo", hai tôn giả nói:

"Thiên thọ, ông nói thấy có núi sắt nóng, lửa cháy cùng khắp tạo thành một ngọn lửa lớn đến đè bẹp thân con, như dùng đá đè ép mè để lấy dầu không khác; đó là do ông xô tảng đá lớn từ trên núi xuống để hại Như lai, do nghiệp ác đó nên chiêu lấy quả khổ này. Ông nói thấy có chày sắt nóng đỏ thường đánh nát đầu con; đó là do ông đánh vào đầu của A-la-hán ni Liên-hoa-sắc khiến vị ấy phải nhập Niết-bàn, do nghiệp ác đó nên chiêu lấy quả khổ này. Ông lại thấy có voi lớn từ bốn phía xông đến giẫm đạp thân con nát như bột gạo ; đó là do ông ác tâm thả voi say để giẫm đạp Thế tôn, do nghiệp ác đó nên chiêu lấy quả khổ này. Này Thiên thọ, tuy ông chịu khổ cùng cực như vậy, nhưng Thế tôn đã thọ ký cho ông là sau khi thọ khổ hết tội rồi, cuối cùng cũng sẽ chứng quả vị Phật Bích chi hiệu là Cu cốt", Đề-bà-đạt-đa nghe rồi bạch rằng: "nếu được như vậy thì con dõng mãnh cam chịu khổ này trong địa ngục Vô gián", nói rồi liền biến mất. Hai tôn giả đi tiếp đến chỗ Lục sư ngoại đạo đang chịu khổ, thấy Cao ca ly ca đang bị trăm cái cày cày xới lưỡi. Lúc đó vua trời Phạm thiên đi theo hai tôn giả thấy vậy liền nói: "này Cao ca ly ca, ông hãy khởi tâm cung kinh hai tôn giả, đây là bậc có tịnh hạnh, trí huệ và thần thông bậc nhất", Cao ca ly ca nói: "hai người tội lỗi nhiều ham muốn này đến đây làm gì?", vừa mở miệng nói ra lời này liền bị ngàn lưỡi cày cày xới lưỡi. Hai tôn giả thấy rồi liền suy nghĩ: "hữu tình này nghiệp nặng khó cứu độ", không biết phải làm sao liền bỏ đi đến chỗ Bộ thích noa. Thấy hai tôn giả, Bộ thích noa liền đảnh lễ bạch rằng: "xin hai đại đức xét tội nhơn của con, do trước kia con nói tà pháp lừa dối người đời, che lấp chánh tín của họ nên nay phải chịu khổ thường bị năm trăm cái cày cày xới lưỡi. Khi các đệ tử của con đem phẩm vật cúng dường tháp của con thì con chịu khổ hành hạ ; xin hai tôn giả nói cho họ biết nỗi khổ mà con đang chịu, để họ đừng cúng dường tháp của con nữa", hai tôn giả im lặng nhận lời.

Ở địa ngục xem xét xong, hai tôn giả trở về châu Thiệm bộ kể lại nỗi khổ của Đề-bà-đạt-đa, Cao ca ly ca và Bộ thích noa cho Phật và đại chúng nghe. Các Bí-sô nghe rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Đề-

bà-đạt-đa không chịu nghe lời Thế tôn để đến nỗi chịu khổ cùng cực trong địa ngục Vô gián như thế?", Phật nói: "này các Bí-sô, không phải chỉ ngày nay Thiên thọ không nghe lời ta để đến nỗi chịu hình phạt khốc liệt như thế, mà trong quá khứ cũng đã không nghe lời ta để đến nỗi chịu khổ não. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ta ở trong một tụ lạc Bất định, lúc đó ta đang hành hạnh Bồ-tát làm một con bò đực chúa. Mỗi đêm bò chúa thường đến trong ruộng lúa của vương gia ăn no nê, đến trời gần sáng mới trở vào trong thành nằm ngủ. Lúc đó có một con lừa đến hỏi bò chúa: "vì sao da thịt của bác hồng hào mập mạp, trong khi cháu chưa từng thấy bác tạm rời khỏi nơi đây?", bò chúa nói: "mỗi đêm ta thường đến trong ruộng lúa của vua ăn, đến trời gần sáng mới trở về", lừa nói: "bác cho cháu cùng đi theo được không?", bò chúa nói: "cháu thích hí vang, tiếng hí vang đó sẽ khiến chúng ta bị bắt", lừa nói: "bác cho cháu đi theo, cháu sẽ không cất tiếng hí". Bò dẫn lừa đến trong ruộng vua ăn lúa, lúc chưa no thì lừa còn im lặng, khi no nê rồi nó lại muốn hí vang, bò chúa nói: "khoan hãy hí, đợi ta ra ngoài rồi, mặc sức cháu hí", nói rồi bò chúa vội chạy ra ngoài. Nghe tiếng lừa hí, những người giữ ruộng liền bao vây bắt lừa và nói: "ruộng lúa trước nay đều là do con lừa này ăn, phải đánh đập nó khổ sở rồi mới thả ra", nói rồi liền cắt hai tai của nó, cột cái cối vào cổ nó, dùng roi đánh nó nhừ tử rồi mới thả ra. Bò chúa thấy lừa bị khổ nhục này liền nói kệ:

"Hí vang lại rất lớn,
Do hí mới như vậy,
Thấy kẻ giỏi hí vang,
Bị cắt hai lỗ tai,
Vì không giữ cái miệng,
Không nghe lời bạn lành,
Không những bị cắt tai,
Cổ phải mang cái cối".

Lừa nói kệ:

"Răng rụng nên ít nói,
Bò già chớ nói nhiều,
Ông còn đi ăn đêm,
Rồi cũng sẽ bị bắt".

Phật bảo các Bí-sô: "bò đực thuở xưa chính là thân ta ngày nay, con lừa thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Thuở xưa không chịu nghe lời ta nên chịu khổ não đó, nay Đề-bà-đạt-đa không nghe lời ta nên chịu đại

khổ ở địa ngục. Lại nữa, giống như ngày nay không nghe lời ta nên Đề-bà-đạt-đa chịu đại khổ não, ngày xưa cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở trong một thôn có một trưởng giả nuôi một con bò lớn tướng mạo đẹp đẽ, lúc đó trưởng giả thiết lễ cúng dường cho các Sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ không nơi nương tựa. Làm việc bố thí này xong, trưởng giả phóng thích con bò cho nó được tự do, không còn ràng buộc. Bò liền đi tìm cỏ nước, chẳng may rơi từ trên sườn dốc xuống bùn sâu, không thể lên được. Trưởng giả nghe người báo tin liền tìm đến chỗ con bò, nhưng vì trời đã gần tối nên một mình trưởng giả không thể kéo bò lên được, ông nói với bò là sáng mai sẽ đến cứu, bò nói: "ông hãy lấy dây quấn vào sừng của con rồi để trước mặt, nếu có sói, dã can đến làm hại thì con sẽ dùng sừng quơ dây đe dọa chúng". Trưởng giả lấy dây cột vào sừng bò và để cuộn dây trước mặt rồi đi, đến trời tối có dã can đến, thấy bò liền hỏi: "ai đến trộm ngó sen vậy?", bò đáp: "tôi bị sa xuống bùn không thể lên được, không phải là ăn trộm ngó sen", dã can nghe rồi liền nói: "bữa ăn ngon của ta bỗng nhiên mà có", nói rồi tìm cách đến gần bò, bò nói: "ngươi hãy tránh xa ta, nếu định làm hại nhau thì thân người sẽ phải chịu khổ độc". Dã can không để ý lời bò nói cứ tiến đến gần, bò thấy dã can không nghe lời mình nói liền nói kệ:

"Ta chẳng trộm ngó sen,
Cũng không lấy hoa sen,
Ngươi muốn ăn thịt ta,
Lên lưng ta mà ăn dần".

Dã can nói: "đúng vậy, ta nên lên lưng của người mà ăn dần", nói rồi liền phóng lên lưng bò, bò liền quơ sừng làm cho sợi dây quấn vào cổ dã can và treo ngược thân nó lên hư không, rồi nói kệ:

"Ngươi còn trẻ và đẹp,
Múa giỡn trên hư không,
Khoe tài ở trong thôn,
Đồng hoang không thí chủ".

Dã can nói kệ:

"Ta không còn trẻ đẹp,
Không phải kẻ múa giỡn,
Là Đề thích bị đọa,
Ta sẽ đến Phạm thiên".

Bò nói kệ:

"Không phải trời Đế thích,

Bị đọa, đến Phạm thiên,
Mà bị dây quấn cổ,
Mạng ngươi nay đã tận".

Phật bảo các Bí-sô: "con bò thuở xưa chính là thân ta ngày nay, con dã can thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Xưa không nghe lời ta nên chịu họa, nay cũng vậy", các Bí-sô lại khởi nghi thỉnh hỏi Phật: "vì sao Đề-bà-đạt-đa đối với Thế tôn khởi tâm sân hận, không nghe lời chánh đến nỗi bị đọa vào địa ngục Vô gián chịu khổ đốt thân?", Phật nói: "không phải chỉ có ngày nay không chịu nghe lời ta nên bị lửa địa ngục đốt thân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một vương quốc có vua tên là Chế-đề-ca, do phước lực của vua nên đất nước an bình thịnh vượng, dân chúng sống sung túc không có nghèo thiếu. Lại do vua có thắng phước lớn nên mỗi khi ngồi trên ngai thì có chư thiên đỡ chân ghế ở trong hư không. Vua có một đại thần giúp vua cai trị nước, ông có hai người con tên là Xuất hỉ và Chúng Ái; Xuất hỉ thấy cha dùng pháp và phi pháp giúp vua trị nước liền suy nghĩ: "ta là con trưởng, nếu sau khi cha ta mất, ta sẽ kế thừa chức quan này, ta cũng sẽ dùng pháp và phi pháp giúp vua trị nước. Do nghiệp ác này, ta sẽ bị đọa vào địa ngục, tốt hơn hết ta nay nên xuất gia", nghĩ rồi liền đến xin cha cho xuất gia, người cha bằng lòng và Xuất hỉ xuất gia theo Phật. Thời gian sau người cha qua đời, người con thứ hai là Chúng Ái kế tục cha làm đại thần, cũng dùng pháp và phi pháp giúp vua trị nước khiến dân chúng oán ghét. Lúc đó có người bỏ đi lang thang và tình cờ gặp người anh hiện nay là Bí-sô, Bí-sô hỏi từ đâu đến, đáp là từ thành --- đến, Bí-sô liền hỏi thăm về người em của mình, người kia kể lại mọi việc, Bí-sô nghe rồi liền nói: "ông hãy trở về nói mọi người đừng có lo buồn, ta sẽ đến thành ấy dùng lý khuyên nhắc em ta nên dùng chánh pháp, hy vọng dân chúng sẽ hết khổ được vui".

Người kia nghe rồi liền trở về bổn xứ báo cho mọi người biết tin này, tin này lan truyền không bao lâu đến tai người em, người em đến tâu với vua: "Đại vương, anh của thần sắp trở về", vua nói: "nếu anh của khanh trở về thì sẽ phong làm đại thần", người em nói: "lâu nay thần đã lao nhọc và thành tâm giúp vua trị nước, xin vua xét lại", vua nói: "theo quốc pháp thì người con trưởng được kế tục làm chức quan của cha, việc này không thay đổi được; nhưng để làm cho khanh mãn nguyện thì khi anh của khanh trở về, khanh cứ nói tôi là trưởng", người em nghe rồi vui mừng cáo lui. Không bao lâu sau người anh là Bí-sô trở về, các quan đều ra nghinh đón còn người em thì đứng yên, Bí-sô nói: "em là em vì sao lại đứng yên đó", người em

nói: "tôi là anh còn thầy là em, nếu không tin thì tìm người làm chứng. Chúng ta lớn lên trong cung, vua biết rõ ai lớn ai nhỏ, chúng ta hãy đến đó hỏi sẽ rõ thực hư". Khi đến chỗ vua, Bí-sô hỏi vua: "trong hai chúng tôi, ai là con trưởng", vua cố ý nói dối: "kia là con trưởng còn thầy là con thứ". Vua vừa nói xong, chư thiên đang đỡ chân ghế liền buông tay khiến vua ngã xuống đất, trong miệng vua phát ra hơi hôi. Bí-sô thấy rồi liền nói kệ:

"Nếu người nào nói dối,
Chư thiên liền lìa bỏ,
Trong miệng bay hơi hôi,
Đánh mất đường sanh thiên.
Vua hãy nên nói thật,
Sẽ bình phục như cũ,
Nếu vua còn nói dối,
Sẽ phải đọa đường dưới.
Mắc quả báo không lưỡi,
Giống như cá trong nước.
Nếu ai nói trái pháp,
Tức là người phi pháp.
Vua hãy nên nói thật,
Sẽ bình phục như cũ,
Nếu vua còn nói dối,
Sẽ phải đọa đường dưới.
Làm người phi nam nữ,
Phải mang thân hoàng môn.
Nếu ai nói trái pháp,
Tức là người phi pháp.
Vua hãy nên nói thật,
Sẽ bình phục như cũ,
Nếu vua còn nói dối,
Sẽ phải đọa đường dưới.
Đúng thời trời không mưa,
Phi thời mưa tầm tả,
Nếu ai nói trái pháp,
Tức là người phi pháp.
Vua hãy nên nói thật,
Sẽ bình phục như cũ,
Nếu vua còn nói dối,
Sẽ phải đọa đường dưới.

Sẽ phải mang thân rắn,
Trong miệng sanh hai lưỡi.
Nếu ai nói trái pháp,
Tức là người phi pháp.
Vua hãy nên nói thật,
Sẽ bình phục như cũ,
Nếu vua còn nói dối,
Sẽ phải đọa đường dưới.
Giống như vua Chế để,
Đã tạo nghiệp cực ác,
Sẽ đến ngục A tỳ,
Chịu quả báo Vô gián".

Phật bảo các Bí-sô: "người con trưởng của đại thần thuở xưa chính là thân ta ngày nay, vua Chế để thuở xưa chính là Thiên thọ ngày nay. Nay đối với ta khởi sân hận, không nghe lời ta nên chịu khổ bị lửa đốt thân trong địa ngục Vô gián", các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Thế tôn nói lời lợi ích mà Đề-bà-đạt-đa lại không nghe đến nỗi phải bị đọa địa ngục Vô gián chịu khổ báo cùng cực?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay Đề-bà-đạt-đa không nghe lời để đến nỗi chịu khổ trong địa ngục, mà ở quá khứ cũng đã không nghe lời để đến nỗi chịu khổ đau. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, tại một thôn có người thợ khéo rất rành về máy móc, ông cưới một người vợ có dòng tộc tương tợ ở trong thôn làm vợ và sống với nhau rất hạnh phúc. Không bao lâu sau người vợ mang thai, đủ chín tháng mười ngày sanh hạ một đứa con, sau hai mươi mốt ngày họ mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho đứa bé là Xảo dung. Họ như pháp nuôi dưỡng ho đến trưởng thành thì người cha qua đời, Xảo dung liền

qua thôn khác đến chỗ một người thợ giỏi để học về máy móc. Sau đó, Xảo dung qua thôn khác hỏi vợ, có một trưởng giả hứa gả con gái và nói rằng: "hãy đúng vào ngày đó đến rước con gái ta, nếu đến không đúng ngày thì đó không phải là lỗi của ta". Xảo dung trở về kể lại việc trên với thầy, người thầy nói: "chắc chắn ta và con sẽ đến nơi đó đúng hẹn, vì ngày giờ tốt đã qua thì khó mà được lại", nói rồi người thầy lấy chim Khổng tước máy bằng gỗ ra, khởi động máy để đưa cả hai bay đến chỗ đã hẹn. Mọi người ở trong thôn kia nhìn thấy việc này rồi đều khen ngợi hết lời, Xảo dung dâng lễ vật rồi rước vợ về. Cả ba cùng ngồi trên chim máy, chưa đầy một ngày đêm đã trở về chỗ cũ, đến nơi người thầy đưa con chim máy cho

mẹ của Xảo dung và dặn rằng: "bà hãy cất giữ con chim máy này, nếu con bà đòi thì bà đừng nên đưa, vì sao, vì nó mới học cách bay đi nhưng chưa học cách bay trở về. Bà đừng để con bà gặp khổ ách". Thời gian sau, Xảo dung thường theo mẹ đòi con chim máy và nói rằng: "con muốn cỡi con chim máy ấy đi chơi một vòng cho mọi người quy phục con", người mẹ nói: "thầy con khi ra đi có dặn mẹ rằng: bà hãy cất giữ con chim máy này, nếu con bà đòi thì bà đừng nên đưa, vì sao, vì nó mới học cách bay đi nhưng chưa học cách bay trở về. Bà đừng để con bà gặp khổ ách", Xảo dung nói: "điều khiển cách bay trở về con cũng đã học biết rồi, vì thầy có tâm xẻn nên bảo mẹ không đưa nó cho con". Tâm người nữ thường mềm yếu, thấy con đòi mãi nên bà đành phải lấy đưa cho con. Xảo dung được con chim máy liền khởi động cho bay lên không trung, mọi người thấy đều khen ngợi; lúc đó người thầy thấy chim bay trên hư không liền than rằng: "Xảo dung lần này bay đi sẽ không trở về nữa". Đúng như lời người thầy nói, khi Xảo dung điều khiển cho may bay trở về thì nó không bay trở về mà cứ bay thẳng tới biển lớn. Nơi đó mưa nhiều nắng ít khiến cho cỗ máy bị hư hỏng nặng và rơi xuống biển, Xảo dung chết. Chư thiên thấy việc này rồi liền nói kệ:

"Có người thương xót nên khuyên bảo,
Không chịu nghe, cứ theo ý mình,
Chim máy không thầy vẫn cỡi đi,
Cuối cùng vùi thân trong biển cả".

Phật bảo các Bí-sô: "người thầy là thợ máy thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người học trò là Xảo dung thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Thuở xưa do làm trái lời khuyên nhắc của ta nên bị nạn chìm đắm trong biển cả, nay không nghe lời dạy ích lợi của ta nên chịu khổ bị lửa đốt thân trong địa ngục".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 11

Lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, như thế nào là Tăng già bị phá hoại, như thế nào là Tăng già hòa hợp?", Phật nói: "nếu có Bí-sô đối với phi pháp khởi tưởng là phi pháp, hiện đang ở riêng chúng khởi nghĩ là đang ở riêng chúng mà tác pháp yết ma, đó là phá hoại yết ma Tăng già. Nếu Bí-sô đối với pháp khởi tưởng là pháp, đối với chúng hòa hợp khởi tưởng là hòa hợp mà tác pháp yết ma, đó là Tăng già hòa hợp.

Như thế nào là phá Tăng? Nếu chỉ có một Bí-sô thì không thể phá Tăng, hai, ba cho đến tám Bí-sô cũng không thể phá được chúng hòa hợp. Nếu có chín Bí-sô trở lên, phân thành hai bộ Tăng cùng làm yết ma và phát thẻ, đó là phá hòa hợp chúng.

Yết ma như thế nào? Là như Đề-bà-đạt-đa dạy bảo các Bí-sô và chế học xứ như sau:

Này các Bí-sô, các thầy nên biết có năm giới cấm: không trụ nơi A-lan-nhã là pháp thanh tịnh, giải thoát, thoát khỏi khổ và vui, có thể được thắng xứ. Như vậy cho đến chỉ ngồi dưới gốc cây, thường hành khất thực, chỉ chứa ba y và mặc y phấn tảo là pháp thanh tịnh, giải thoát, thoát khỏi khổ và vui, có thể được thắng xứ. Các Bí-sô thọ hành năm pháp này cho là thanh tịnh, giải thoát và xuất ly thì phải xa lìa Sa môn Kiều-đáp-ma, không được cùng ở chung và thân cận. Bạch như vậy. Văn yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm.

Như thế nào là hành trù (phát thẻ)? Là như Đề-bà-đạt-đa dạy bảo các Bí-sô và chế học xứ như sau:

Này các Bí-sô, các thầy nên biết có năm giới cấm: không trụ nơi A-lan-nhã là pháp thanh tịnh, giải thoát, thoát khỏi khổ và vui, có thể được thắng xứ. Như vậy cho đến chỉ ngồi dưới gốc cây, thường hành khất thực, chỉ chứa ba y và mặc y phấn tảo là pháp thanh tịnh, giải thoát, thoát khỏi khổ và vui, có thể được thắng xứ. Các Bí-sô nào thọ hành năm pháp này cho là thanh tịnh, giải thoát và xuất ly; xa lìa Sa môn Kiều-đáp-ma, không

được cùng ở chung và thân cận thì nên thọ lấy thẻ".

Nhiếp tụng:

Một không thể phá Tăng,
Đến chín mới phá được,
Và tác pháp yết ma,
Lấy thẻ nói phi pháp.

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, người bị xả trí có thể làm việc phá Tăng không, cho đến tùy thuận người bị xả trí, tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người có thể xả trí, cho đến không phải tùy thuận người có thể xả trí, không phải tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người có thể xả trí, cho đến tùy thuận người có thể xả trí, tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người bị xả trí, cho đến không phải tùy thuận người bị xả trí, không phải tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người sẽ bị xả trí, cho đến tùy thuận người sẽ bị xả trí, tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người sẽ bị xả trí, cho đến không phải tùy thuận người sẽ bị xả trí, không phải tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người sẽ có thể xả trí, cho đến tùy thuận người sẽ có thể xả trí, tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người sẽ có thể xả trí, cho đến không phải tùy thuận người sẽ có thể xả trí, không phải tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người tùy thuận người bị xả trí, tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người tùy thuận người có thể xả trí, tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người tùy thuận người bị xả trí, không phải tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không ?. Hay là không phải người tùy thuận người có thể xả trí, không phải tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người sẽ tùy thuận người bị xả trí, sẽ tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người sẽ tùy thuận người bị xả trí, không phải người sẽ tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người sẽ tùy thuận người có thể xả trí, người sẽ tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là không phải người sẽ tùy thuận người có thể xả trí, không phải người sẽ tùy thuận người tùy thuận kia có thể làm việc phá Tăng không?. Hay là người bị xả trí và người có thể xả trí làm việc phá Tăng, không phải bốn hạng người kia; hay là người sẽ bị xả trí và người có thể xả

trí làm việc phá tăng, không phải bốn hạng người kia ; hay là người sẽ bị xả trí làm việc phá tăng, không phải năm hạng người kia; hay là người sẽ tùy thuận người bị xả trí làm việc phá tăng, không phải năm hạng người kia; hay là người sẽ tùy thuận người tùy thuận kia làm việc phá tăng không phải năm hạng người kia. Hay là người có thể xả trí làm việc phá tăng, không phải năm hạng người kia ; hay là người sẽ tùy thuận người có thể xả trí làm việc phá tăng, không phải năm hạng người kia; hay là người sẽ tùy thuận người tùy thuận kia làm việc phá tăng, không phải năm hạng người kia?", Phật nói: "này Ưu-ba-ly, những người này đều có thể phá hòa hợp Tăng, chỉ trừ người bị xả trí là không thể phá Tăng" .

Nhiếp tụng:

Ba, hai, một phá được,
Những người kia không thể,
Mười tám loại phá Tăng,
Trừ người bị xả trí.

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Thế tôn nói nếu có người nào phá hòa hợp Tăng, người ấy nhất định sanh tội Vô gián và thành nghiệp Vô gián. Bí-sô như thế nào gọi là phá hòa hợp Tăng, sanh tội Vô gián và thành nghiệp Vô gián?" (Tội Vô gián là nếu đọa trong địa ngục, khi chịu tội không có gián đoạn; nghiệp Vô gián là từ cõi người bị đọa ngay vào địa ngục Vô gián. Chữ Vô gián tuy đồng nghĩa nhưng có sai khác chút ít, chịu khổ không gián đoạn, tiếng Phạm gọi là A-nan-đát-lợi-da, chánh dịch là Vô khích tức là không hở trống. Vô khích và Vô gián không khác nhau, nhưng sau này mọi người đều dùng từ Vô gián, không dùng từ Vô khích. Có thể nói Vô gián là đọa ngay vào địa ngục; vô khích là thân khác mới thọ khổ địa ngục). Phật nói: "này Ưu-ba-ly, Bí-sô nào đối với phi pháp khởi tưởng là phi pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là phi pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián và thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với phi pháp khởi tưởng là phi pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với phi pháp khởi tưởng là phi pháp, ngay khi đang phá sanh do dự và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián.

Lại nữa, Bí-sô nào đối với phi pháp khởi tưởng là pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là phi pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá

Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián và cũng thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với phi pháp khởi tưởng là pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với phi pháp khởi tưởng là pháp, ngay khi đang phá sanh do dự và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián.

Lại nữa, Bí-sô nào đối với pháp khởi tưởng là phi pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là phi pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián và cũng thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với pháp khởi tưởng là phi pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với pháp khởi tưởng là phi pháp, ngay khi đang phá sanh do dự và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián.

Lại nữa, Bí-sô nào đối với pháp khởi tưởng là pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là phi pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián và cũng thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với pháp khởi tưởng là pháp, ngay khi đang phá khởi tưởng là pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với pháp khởi tưởng là pháp, ngay khi đang phá sanh do dự và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián.

Lại nữa, Bí-sô nào đối với phi pháp sanh do dự, ngay khi đang phá khởi tưởng là phi pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián và thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với phi pháp sanh do dự, ngay khi đang phá khởi tưởng là pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với phi pháp sanh do dự, ngay khi đang phá cũng sanh do dự và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián.

Lại nữa, Bí-sô nào đối với pháp sanh do dự, ngay khi đang phá khởi

tưởng là phi pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với pháp sanh do dự, ngay khi đang phá khởi tưởng là pháp và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián. Bí-sô nào đối với pháp sanh do dự, ngay khi đang phá cũng sanh do dự và dạy cho các Bí-sô với mục đích phá Tăng thì người này gọi là phá hòa hợp Tăng, tạo tội Vô gián nhưng không thành nghiệp Vô gián.

Này Ưu-ba-ly, trên đây tổng cộng có mười tám câu, trong đó sáu câu do ngay khi đang phá khởi tưởng là phi pháp nên vọng ngữ, do tâm ân trọng tạo tội Vô gián nên thành nghiệp Vô gián; mười hai câu còn lại do tâm khinh tạo tội nên không thành nghiệp Vô gián".

Nhiếp tụng:

Sáu câu đầu mở đầu phi pháp,
Sáu câu giữa mở đầu là pháp,
Ba câu kế sau tưởng phi pháp,
Ba câu cuối sau tưởng là pháp.
Ba câu đầu phần giữa phi pháp,
Ba câu kế phần giữa tưởng pháp,
Sáu câu giữa phần giữa giống vậy.
Sau câu cuối phần giữa do dự,
Ba câu cuối của phần sau cùng,
Tưởng phi pháp, pháp và do dự.
Năm phần còn lại đều giống vậy,
Liền thành mười tám loại khác nhau.

(Luận về Luật giáo truyền qua phương Đông trải qua đã nhiều đời, các bậc dịch sư của bốn bộ đều với tâm ân cần dịch và truyền văn, nhưng khi dịch đến phần phá Tăng thì phần nhiều chưa rõ, khiến cho người đời sau hoài nghi, nghi là văn dịch đứt đoạn, nghĩa phân giới hạn. Các nhà tạo sớ cũng hoài nghi nên coi nhẹ thân mạng, chống tích tới Hạc lâm; quên mình giúp người vén y lên đỉnh núi Linh thứu để thấu suốt mối nghi và quyết đoán những điều trệ ngại, bổ sung những chỗ thiếu và trừ hẳn mối nghi; hy vọng ở trong hội Long hoa sẽ được pháp nhẫn ngay nơi tâm ban đầu).

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu là phá Tăng thì Tăng già bị nhiễu loạn, như vậy có phải hễ Tăng già bị nhiễu loạn tức là phá Tăng hay không?", Phật nói: có bốn câu:

1. Có phá Tăng mà không phải nhiễu loạn, tức là tự có phá Tăng nhưng không thọ hành mười bốn việc phá hoại.

2. Tăng già bị nhiễu loạn mà không phải phá Tăng, tức là thọ hành mười bốn việc phá hoại nhưng không phá Tăng.

3. Vừa nhiễu loạn vừa phá Tăng, tức là thọ hành mười bốn việc và phá Tăng.

4. Cả hai đều không có, tức là không nhiễu loạn cũng không phá Tăng".

Lại hỏi: "có phải hễ có phá Tăng đều là ở riêng hay chỉ có ở riêng mới là phá Tăng ?", Phật nói có bốn câu như trên. Khi Phật thuyết pháp cho A nhã Kiều-trần-như và tám vạn thiên tử đều được đầy đủ pháp vị rồi, các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Kiều-trần-như và các thiên tử đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay lại được đầy đủ pháp vị?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở giai vị Bất định tụ, trong biển cả ta mang thân rùa chúa. Lúc đó có năm trăm thương nhân đi thuyền ra biển, đến đảo châu báu lấy đủ các loại châu báu rồi trở về nước. Trên đường trở về gặp phải cá Ma kiệt phá hủy thuyền, các thương nhân kêu gào than khóc; rùa chúa nghe tiếng kêu khóc này nên từ dưới nước vọt lên đến chỗ các thương nhân nói rằng: "các ông chớ sợ, hãy leo lên lưng tôi, tôi sẽ đưa các ông vào bờ, thân mạng sẽ được bảo toàn". Các thương nhân nghe rồi liền leo lên lưng rùa, vì số người đông phải chở nặng nhưng rùa chúa vẫn trụ nơi tâm tinh tấn, không thối chuyển, chịu khổ lớn để đưa họ vào bờ an toàn. Khi lên tới bờ, rùa thò đầu ra và nằm mê man; cách chỗ rùa nằm không xa, có một đàn kiến, một con trong đàn đi ra kiếm ăn, nghe mùi rùa nên nó đến gần và thấy rùa thò đầu ra nằm mê man. Nó vội trở về tổ và gọi tám vạn con kiến khác cùng đến chỗ rùa, đàn kiến ăn hết phần da mà rùa vẫn chưa tỉnh lại, đến khi ăn tới phần thịt, rùa mới tỉnh và nhìn thấy đàn kiến bu đầy khắp thân mình để ăn thịt. Rùa suy nghĩ: "nếu ta chuyển động thân mình thì sẽ hại chết đàn kiến này, ta nên xả thân này, không nên làm hại chúng", nghĩ rồi liền nằm yên cho đàn kiến ăn dần hết thịt và phát nguyện: "như ngày nay tôi đem thân máu thịt này thí cho đàn kiến được no đủ, nguyện vào đời vị lai khi chứng quả Bồ-đề, tôi cũng sẽ thí pháp khiến cho đàn kiến này được pháp vị no đủ".

Này các Bí-sô, rùa chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, con kiến dẫn đường thuở xưa chính là Kiều-trần-như ngày nay, tám vạn con kiến cùng đến ăn thịt rùa thuở xưa chính là tám vạn thiên tử ngày nay. Trong

quá khứ ta thí máu thịt khiến cho họ được no đủ, nay thành Phật quả ta cũng thí pháp khiến cho họ được đầy đủ pháp vị. Này các Bí-sô, như ta thường dạy, các thầy nên bỏ hai nghiệp đen và xen tạp, nên tu nghiệp trắng". Khi Phật thuyết pháp khiến cho năm Bí-sô đều được pháp vị đầy đủ, ra khỏi biển sanh tử, được thắng nhân cứu cánh Niết-bàn. Các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, năm Bí-sô này đời trước đã tạo nghiệp gì mà được pháp vị đầy đủ, được Đại sư từ bi cứu vớt ra khỏi biển sanh tử, phương tiện trụ cứu cánh Niết-bàn?", Phật nói: "đây không phải là việc hi hữu, vì nay ta đã lìa hẳn tham sân si, già bịnh chết, ưu bi khổ não; được hoàn toàn giải thoát, thành tựu Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết trí trí, được tự tại, thuyết pháp khiến cho năm Bí-sô này được pháp vị đầy đủ, ra khỏi biển sanh trụ, trụ cứu cánh Niết-bàn là việc đương nhiên. Thuở xưa, khi ta chưa lìa tham sân si, già bịnh chết, ưu bi khổ não, chưa được giải thoát; không những thí máu thịt cho họ được no đủ, ta còn khiến họ thọ trì năm giới thì đây mới là việc hi hữu. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, trong thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Kim cang tý dùng chánh pháp cai trị khiến cho đất nước thái bình thịnh vượng, nhân dân no ấm, ngũ cốc được mùa. Vua bẩm tánh thuần tín, hiền thiện, tự lợi lợi tha, tâm từ bi và có đủ oai đức, thương xót chúng sanh. Vua thường bố thí tài vật và tự trụ nơi pháp xả, vua lại thường tu tập từ bi, ngày đêm sáu thời nhập định từ bi. Khi vua đang nhập định, nhiều người đến xin đều không được bố thí nên vua bảo quần thần sắp xếp nhà cất chứa tài vật để bố thí ở nơi bốn cửa thành; nếu có Sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ cô độc từ xa đến xin thảy đều cấp cho họ. Quần thần vâng lịnh vua sắp xếp nhà bố thí… để cung cấp cho những người đến xin được đầy đủ. Vào một thời khác, có năm Dược xoa đa văn từ thành A lạc ca phiệt để đi ra hút tinh khí của người, chúng du hành đến bên ngoài thành Bà-la-nê-tư và gặp những người chăn bò, chăn dê, gánh củi và các thương nhân ở các cửa hàng. Thấy họ không sợ mình nên năm Dược xoa hỏi: "các ngươi không sợ ta sao?", đáp: "vì sao phải sợ", lại hỏi: "vì sao không sợ?", đáp: "vua của chúng tôi tu từ bi, thường làm cho các hữu tình được lợi lạc, ngày đêm sáu thời vua thường nhập định từ bi". Năm dược xoa liền hóa làm Bà-la-môn đi đến chỗ bố thí để thấy rõ việc này; lúc đó vua Kim cang tý xuất định, chỉnh đốn y phục, đầy đủ oai nghi; năm Dược xoa liền đến chỗ vua giơ tay khen ngợi rằng: "chúc cho vua được phước thọ lâu dài. Đại vương, chúng tôi đang đói khát, xin vua bố thí thức ăn cho chúng tôi", vua bảo quần thần bố thí cho họ thức ăn, năm Dược xoa nói: "chúng tôi khát chỉ uống máu, đói chỉ ăn thịt, không ăn được thức ăn nào khác". Vua nghe rồi liền bảo

quần thần: "đừng làm hại chúng sanh, hãy tìm những con vật tự chết lấy máu thịt cho họ ăn", năm Dược xoa nói: "chúng tôi chỉ ăn máu nóng, không ăn máu thịt của con vật tự chết". Vua nghe rồi liền suy nghĩ: "không thể làm hại chúng sanh để lấy máu thịt cho chúng ăn, ta nên lấy máu thịt trên thân mình bố thí", nghĩ rồi liền cho gọi thầy thuốc đến nói rằng: "hãy chích năm chỗ trên thân ta lấy máu cho chúng uống", thầy thuốc nói: "chúng là hàng hạ phẩm, thần không nở chích lấy máu của vua đem cho chúng uống". Vua vốn giỏi y thuật nên tự dùng kim chích vào năm chỗ lấy máu cho chúng uống, sau đó thuyết pháp và khiến năm Dược xoa này thọ trì năm giới cấm.

Phật bảo các Bí-sô: "vua Kim cang tý thuở xưa chính là thân ta ngày nay, năm Dược xoa thuở xưa chính là năm Bí-sô ngày nay. Thuở xưa ta bố thí máu thịt khiến cho họ được no đủ, lại còn thuyết pháp khiến họ thọ trì năm giới; ngày nay ta thuyết pháp khiến họ trụ Kiến đế, được cứu cánh Niết-bàn. Lại nữa này các Bí-sô, các thầy lắng nghe tiếp:

Thuở xưa, trong thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Từ lực, dùng chánh pháp cai trị khiến cho đất nước thái bình thịnh vượng, nhân dân no ấm, ngũ cốc được mùa. Vua bẩm tánh thuần tín, hiền thiện, tự lợi lợi tha, tâm từ bi và có đủ oai đức, thương xót chúng sanh. Vào một thời khác, có năm Dược xoa đa văn từ thành A lạc ca phiệt để đi ra hút tinh khí của người, chúng du hành đến bên ngoài thành Bà-la-nê-tư, không thấy có ai cúng tế nên nổi giận làm cho trong thành này có bịnh dịch, rất nhiều người chết. Quần thần đem việc này tâu lên vua, vua nói: "các khanh thông báo khắp trong thành rằng: vua bảo mọi người nên khởi tâm ý làm lợi lạc cho các hữu tình, chuyên tâm cần cầu ngày đêm không gián đoạn thì tật bịnh tiêu trừ, các tai nạn được lắng yên", dân chúng nghe rồi liền khởi tâm từ bi đối với các hữu tình khiến cho năm Dược xoa này không thể làm hại họ được nữa. Vào một thời khác, có năm Dược xoa này đến bên ngoài thành Bà-la-nê-tư và gặp những người chăn bò, chăn dê, gánh củi và các thương nhân ở các cửa hàng. Thấy họ không sợ mình nên năm Dược xoa hỏi: "các ngươi không sợ ta sao?", đáp: "vì sao phải sợ", lại hỏi: "vì sao không sợ?", đáp: "hằng ngày vua chúng tôi là từ lực thường tư duy, chúng tôi cũng thường tư duy", lại hỏi tư duy việc gì, đáp: "tư duy về tâm từ bi đối với các hữu tình". Dược xoa nghe rồi liền suy nghĩ: "họ đều tu tâm từ bi thì ta không thể hại được", nghĩ rồi liền qua lại ở ngoài bốn cửa thành để chờ gặp vua. Vào một thời khác, vua ra ngoài thành, năm Dược xoa này hóa làm Bà-la-môn đến chỗ vua giơ tay khen ngợi rằng: "chúc cho vua được phước thọ lâu dài. Đại vương, chúng tôi đang đói khát, xin vua bố thí thức ăn cho chúng tôi", vua bảo quần thần bố thí cho họ thức ăn, năm Dược xoa nói: "chúng tôi khát

chỉ uống máu, đói chỉ ăn thịt, không ăn được thức ăn nào khác". Vua nghe rồi liền bảo quần thần: "đừng làm hại chúng sanh, hãy tìm những con vật tự chết lấy máu thịt cho họ ăn", năm Dược xoa nói: "chúng tôi chỉ ăn máu nóng, không ăn máu thịt của con vật tự chết". Vua nghe rồi liền suy nghĩ: "không thể làm hại chúng sanh để lấy máu thịt cho chúng ăn, ta nên lấy máu thịt trên thân mình bố thí", nghĩ rồi liền cho gọi thầy thuốc đến nói rằng: "hãy chích năm chỗ trên thân ta lấy máu cho chúng uống", thầy thuốc nói: "chúng là hàng hạ phẩm, thần không nở chích lấy máu của vua đem cho chúng uống". Vua vốn giỏi y thuật nên tự dùng kim chích vào năm chỗ lấy máu cho chúng uống, sau đó thuyết pháp và khiến năm Dược xoa này thọ trì năm giới cấm.

Phật bảo các Bí-sô: "vua Từ lực thuở xưa chính là thân ta ngày nay, năm Dược xoa thuở xưa chính là năm Bí-sô ngày nay. Thuở xưa ta bố thí máu thịt khiến cho họ được no đủ, lại còn thuyết pháp khiến họ thọ trì năm giới; ngày nay ta thuyết pháp khiến họ trụ Kiến đế, được cứu cánh Niết-bàn".

Phật sau khi trải qua sáu năm khổ hạnh mới thành Vô thượng giác, sau đó mới đến thành Bà-la-nê-tư độ năm Bí-sô Kiều-trần-như…, kế độ năm trưởng giả tử Da-xá…, kế độ thêm nhóm sáu mươi hiền giả, cho nên số lượng Bí-sô ngày càng đông. Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn đã tạo nghiệp gì mà nay phải chịu quả dị thục sáu năm khổ hạnh?", Phật nói: "ta tự tạo nghiệp nên nay phải thọ báo, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa khi loài người thọ hai vạn tuổi, có một tụ lạc tên là Phân tích, dân chúng đông đúc, sống an ổn, giàu có, ngũ cốc được mùa. Trong tụ lạc có một Bà-la-môn tên là Ni câu đà giàu có, nhiều quyến thuộc và là chủ tụ lạc; vua Ngật lật chỉ đã ban tụ lạc này cho Ni câu đà. Ni câu đà có năm trăm đệ tử, trong đó có một đệ tử tên là Tối thắng thuộc dòng họ cao quý, cha mẹ thanh tịnh, tổ tiên bảy đời đều thù thắng. Tối thắng thông minh, học thông các luận và luận Tứ minh, lại có dung mạo đoan chánh, được mọi người yêu mến. Trong tụ lạc này có một thợ gốm tên là Hỷ hộ đã quy y Tam bảo, tin chắc lý Tứ đế và được Kiến đế chứng quả Dự lưu. Hỷ hộ vất bỏ các dụng cụ sát sanh, dùng đất sét do chuột moi ra, dùng nước không trùng và dùng củi không mối mọt để làm đồ gốm, sau đó bày các loại đồ gốm này ở ngoài cửa, nói với mọi người rằng: "hãy bố thí cho tôi gạo đậu rồi tùy ý đổi lấy đồ gốm này". Hỷ hộ đem gạo đậu… này để nuôi cha mẹ già mù lòa và cúng dường Phật Ca-diếp-ba. Tối thắng và Hỷ hộ là bạn thân từ nhỏ, lúc đó Hỷ hộ đến chỗ Phật Ca-diếp ba đảnh lễ ngồi một bên, Phật

nói pháp chỉ dạy cho Hỷ hộ được lợi hỉ rồi liền im lặng. Hỷ hộ đảnh lễ Phật rồi ra về, trên đường gặp Tối thắng cỡi xe bạch mã cùng với năm trăm bạn đồng học, Tối thắng hỏi: "Hỷ hộ, anh từ đâu trở về?", đáp: "tôi từ chỗ Phật Ca-diếp ba lễ bái cúng dường trở về, anh nên cùng tôi đi đến chỗ Phật", Tối thắng nói: "vì sao phải gặp Phật lễ bái cúng dường, xuất gia như thế rất khó thành Chánh giác", Hỷ hộ nói: "anh đừng nói như vậy, Phật Ca-diếp ba xuất gia không bao lâu đã được Chánh giác, đầy đủ Nhất thiết trí, chánh pháp hiện tiền", Hỷ hộ nói ba lần như vậy và Tôi thắng cũng nói ba lần rằng: "xuất gia như thế rất khó thành Chánh giác". Hỷ hộ nghe rồi liền leo lên xe túm lấy Tối thắng kéo đi đến chỗ Phật, Tối thắng liền suy nghĩ: "Phật Ca-diếp ba nhất định là bậc đại sư tối thắng vô thượng, pháp nói ra là thù thắng mới khiến cho Hỷ hộ trước nay vốn hiền thiện, nay bỗng nhiên trở nên hung bạo, vì Như lai mà túm lấy ta như thế", nghĩ rồi liền nói: "anh hãy buông tay ra", đáp: "tôi không buông, nếu anh chịu cùng tôi đến chỗ Phật thì tôi sẽ buông", Hỷ hộ nói ba lần như vậy, Tối thắng nói: "hãy lên xe, chúng ta cùng đi đến chỗ Phật, nếu đường thông suốt thì chúng ta đi xe, nếu gặp đường không thông thì chúng ta sẽ xuống xe đi bộ". Khi đến chỗ Phật, họ đảnh lễ ngồi một bên; Hỷ hộ chắp tay bạch Phật: "Tối thắng là bạn con vốn không tin Tam bảo, cúi xin Thế tôn nói diệu pháp khiến cho anh ta sanh tín kính", Phật liền tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho Tối thắng được lợi hỉ rồi im lặng. Lúc đó Tối thắng hỏi Hỷ hộ: "anh đã nghe pháp này, vì sao lại không xuất gia?", đáp: "tôi còn đang nuôi cha mẹ già mùa lòa nên chỉ tùy thời cúng dường Phật mà thôi", Tối thắng nói: "nếu anh không xuất gia thì tôi quyết định xuất gia", Hỷ hộ từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật: "Thế tôn, xin cho Tối thắng được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc", Phật liền cho Tối thắng được như pháp xuất gia. Sau đó Phật du hành dần đến vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư và ngụ tại đây. Vua Ngật lật chỉ nghe được tin này liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Lúc đó vua đứng dậy thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực ở trong cung, Phật im lặng nhận lời, vua biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến trong cung, ngay trong đêm đó vua cho sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Phật cùng các Bí-sô đắp y mang bát đi đến trong cung thọ thỉnh thực, Phật ngồi trên, các Bí-sô theo thứ lớp ngồi xong, vua tự tay dâng cúng các món ăn ngon cho Phật và Tăng. Thấy Phật và Tăng thọ thực xong, vua quỳ xuống bạch Phật: "Thế tôn, con muốn xây cất một tinh xá lớn gồm năm trăm viện,

mỗi viện đều có đủ giường nằm lớn nhỏ và lúa gạo thơm để cúng dường Phật và Tăng", Phật nói: "Đại vương phát tâm thù thắng như vậy, ắt sẽ thọ đầy đủ phước báo tương ứng", vua Ngật lật chỉ lại thỉnh ba lần : "cúi xin Thế tôn thọ con thỉnh cúng dường tứ sự trong ba tháng hạ. Con sẽ xây cất một tinh xá lớn gồm năm trăm viện, mỗi viện đều có đủ giường nằm lớn nhỏ và lúa gạo thơm để cúng dường Phật và Tăng", Phật nói: "Đại vương phát tâm thù thắng như vậy, ắt sẽ thọ đầy đủ phước báo tương ứng", vua Ngật lật chỉ bạch Phật: "Thế tôn, nếu con không cúng dường thì có người nào có thể phát tâm cúng dường như con hôm nay không?", Phật nói: "Đại vương, trong nước vua đã có người thành tâm cúng dường như vậy", vua hỏi là ai, Phật nói: "trong nước vua có một tụ lạc tên là Vi tần trì, có một thợ gốm tên là Hỷ hộ đã quy y Tam bảo, tin chắc lý Tứ đế và được Kiến đế chứng quả Dự lưu. Hỷ hộ vất bỏ các dụng cụ sát sanh, dùng đất sét do chuột moi ra, dùng nước không trùng và dùng củi không mối mọt để làm đồ gốm, sau đó bày các loại đồ gốm này ở ngoài cửa, nói với mọi người rằng: hãy bố thí cho tôi gạo đậu rồi tùy ý đổi lấy đồ gốm này. Hỷ hộ đem gạo đậu… này để nuôi cha mẹ già mù lòa và cúng dường cho ta. Lại nữa, Đại vương, khi ta đắp y mang bát vào trong tụ lạc này theo thứ lớp khất thực, đến trước cửa nhà của Hỷ hộ. Lúc đó Hỷ hộ có chút việc đã đi khỏi, chỉ còn cha mẹ mùa lòa ở nhà, họ nghe tiếng ta gõ cửa liền hỏi là ai, ta đáp: tôi là Phật Ca-diếp ba, vì thời thực nên đến đây khất thực. Họ mở cửa mời ta vào trong nhà và nói rằng: chúng con có đậu chín và rau luộc, Thế tôn tùy ý lấy; thí chủ cúng dường cho Thế tôn có chút việc đã tạm ra ngoài. Đại vương, lúc đó ta theo pháp của Bắc Câu lô châu, tự tay lấy thức ăn rồi đi. Sau đó Hỷ hộ trở về, nhìn thấy rau đậu như có ai lấy bớt, liền hỏi cha mẹ, cha mẹ đem việc trên kể lại, Hỷ hộ nghe rồi vui mừng suy nghĩ: ta đã được lợi ích lớn, hôm nay Phật Ca-diếp ba đã vào nhà ta tự tay thọ thức ăn. Do vui mừng nên Hỷ hộ ngồi kiết già nhập định bảy ngày mới xuất định, nhờ lần nhập định này nên Hỷ hộ đã giữ được chánh niệm, không tán loạn suốt trong mười lăm ngày không gián đoạn. Cũng nhờ định này mà trong suốt bảy ngày thức ăn uống trong nhà được đầy đủ, cha mẹ của Hỷ hộ không có thiếu thốn. Lại nữa, Đại vương, vào một thời khác, trong ba tháng an cư tại đây, đầu hạ ta đã bị khổ vì trời mưa, trú xứ của ta bị dột. Chỗ làm đồ gốm của Hỷ hộ vừa mới lợp bằng cỏ tranh nên ta bảo thị giả đến đó dỡ lấy cỏ tranh này về lợp lại chỗ bị mưa dột. Các Bí-sô vâng lời ta làm theo, lúc đó Hỷ hộ cũng không có ở nhà, cha mẹ của Hỷ hộ nghe tiếng dỡ cỏ tranh liền hỏi là ai đang dỡ cỏ tranh, các Bí-sô nói rõ nguyên do, họ nghe rồi liền nói: Hỷ hộ không có ở nhà, các Thánh giả cứ tùy ý lấy. Các Bí-sô dỡ lấy cỏ

tranh xong đem về lợp lại chỗ bị mưa dột, sau đó Hỷ hộ trở về thấy cỏ tranh bị dỡ liền hỏi cha mẹ, cha mẹ đem việc trên kể lại, Hỷ hộ nghe rồi vui mừng nghĩ rằng: ta đã được lợi ích lớn, Phật Ca-diếp ba sẽ không bị khổ vì mưa đột sau khi thọ vật dụng của nhà ta. Do vui mừng Hỷ hộ ngồi kiết già nhập định bảy ngày, chuyên tâm không gián đoạn. Cũng nhờ định này mà được chư thiên che chở, trong suốt bảy ngày tuy có mưa to nhưng chỗ bị dỡ mái không bị mưa làm ướt. Đại vương, trong ba tháng an cư ta không thể thọ tứ sự cúng dường của Đại vương, vì sự cúng dường của Đại vương không bằng sự cúng dường cỏ tranh mới lợp của Hỷ hộ", vua bạch Phật: "hôm nay Hỷ hộ được lợi ích lớn, Phật Ca-diếp ba thọ sự cúng dường của Hỷ hộ, không còn gặp khó khăn nữa", vua liền tùy hỉ nói kệ:

"Trong các tế tự, lửa hơn hết,
Trong các Vi đà, thần hơn hết,
Ở trong thế gian, vua đứng đầu,
Trong các dòng nước, biển lớn nhất,
Trong các ngôi sao, trăng sáng nhất,
Ánh mặt trời sáng hơn tất cả.
Bốn phương trên dưới và cõi trời,
Cúng dường Thế tôn là tối thượng".

Lúc đó Phật nói diệu pháp khiến cho vua được lợi hỉ rồi đi, vua Ngật lật chỉ mang các món cúng dường đi theo tiễn đưa Thế tôn. Ra

khỏi tụ lạc, vua đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi trở về cung, sau đó vua cho sứ giả chở năm trăm xe lúa gạo đến nói với Hỷ hộ rằng: "lúa gạo chở trong năm trăm xe này dùng để cúng dường cha mẹ mù lòa của anh và Phật Ca-diếp ba". Sứ giả vâng lịnh vua chở gạo đến và nói y như lời vua dạy, Hỷ hộ nói với sứ giả: "vua còn nhiều việc phải làm, tôi thật không dám nhận".

Phật bảo các Bí-sô: "Thanh niên tên Tối thắng thuở xưa chính là thân ta ngày nay, thuở xưa ta hủy báng Phật Ca-diếp ba là muốn chứng được Chánh giác phải tu khổ hạnh, vị ấy không tu khổ hạnh làm sao chứng được Chánh giác. Do lời hủy báng này nên nay ta phải thọ báo khổ hạnh sáu năm. Các Bí-sô nên biết, nghiệp báo ắt phải tự thọ lấy… các thầy nên tu học như vậy".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 12

Lúc đó Phật tại thành Thất-la-phiệt, khi Bồ-tát vượt thành xuất gia thì phu nhân Da-du-đà-la vừa mới có thai; khi Bồ-tát tu khổ hạnh sáu năm thì ở trong cung, Da-du-đà-la cũng tu khổ hạnh nên khiến cho thai ẩn mất. Khi Bồ-tát thấy việc tu khổ hạnh không có lợi ích liền từ bỏ, trở lại ăn uống các thức ăn ngon để bồi dưỡng thân, dùng dầu thoa thân và tắm rửa sạch sẽ. Da-du-đà-la nghe biết việc này cũng từ bỏ khổ hạnh, buông thả thân tâm giống như Bồ-tát; do đó thai nhi phát triển trở lại và ngày lớn dần lên. Những người trong dòng họ Thích nghe biết việc này đều chê cười phỉ báng rằng: "Bồ-tát xuất gia tu khổ hạnh, cô ở trong cung tư thông với người khác mang thai như thế", Da-du-đà-la nghe rồi liền nói là tôi không có. Thời gian sau sanh con gặp lúc La-hầu-la lấy tay che mặt trăng (nguyệt thực), vua tập họp quyến thuộc làm lễ ăn mừng và đặt tên cho đứa bé, mọi người nói khi đứa bé sanh gặp La-hầu-la lấy tay che mặt trăng nên đặt tên là La-hầu-la; những người trong dòng họ Thích đều bàn tán với nhau là đứa bé không phải con của Bồ-tát. Da-du-đà-la nghe rồi liền khóc nức nở, bồng La-hầu-la đặt trên phiến đá mà Bồ-tát thường ngồi nghỉ ngơi rồi bỏ xuống ao, nơi mà Bồ-tát thường tắm, cất tiếng thề rằng: "nếu đứa bé này là con của Bồ-tát thì khi bỏ xuống nước, nó liền nổi; nếu không phải là con của Bồ-tát thì nó chìm xuống", thề xong, La-hầu-la ở trên phiến đá đều nổi trên mặt nước không chìm. Da-du-đà-la lại nói: "hãy trôi từ bờ này tới bờ kia rồi trở lại", nói rồi liền thấy La-hầu-la ở trên phiến đá trôi từ bờ này đến bờ kia rồi trở lại, mọi người thấy việc này rồi đều cho là hi hữu. Da-du-đà-la bồng con lên và suy nghĩ: "Bồ-tát tu khổ hạnh sáu năm, sau khi thành chánh giác giáo hóa sau năm sẽ trở lại đây, lúc đó ta sẽ làm cho mọi người thấy rõ thực hư".

Thời gian sau, Phật trở lại thành Kiếp-tỷ-la, một ngày thọ thực ở vương gia, một ngày thọ thực ở trong cung, Da-du-đà-la liền suy nghĩ: "ta làm phương tiện gì khiến Thế tôn hiểu ý muốn của ta". Lúc đó ở trong thành có một nữ ngoại đạo giỏi pháp thuật, Da-du-đà-la sai sứ đem năm trăm đồng tiền vàng đến nhờ bà ta làm pháp thuật, bà ta chế ra một viên thuốc

đưa cho sử giả. Da-du-đà-la nhận thuốc liền ở trước các cung nhân đặt viên thuốc vào tay của La-hầu-la rồi nói: "con hãy đem viên thuốc này cho cha của con". Phật có đủ Nhất thiết trí biết rõ khi Da-du-đà-la sanh La-hầu-la đã bị chê cười phỉ báng nên hôm nay muốn giải trừ lời phỉ báng này. Phật quán biết rồi liền hóa ra năm trăm hóa Phật giống như nhau, La-hầu-la cầm viên thuốc đi qua từng vị hóa Phật nhưng đều không đưa viên thuốc, khi đến chỗ Thế tôn liền đưa viên thuốc, Phật thọ viên thuốc rồi đưa lại cho La-hầu-la, La-hầu-la liền lấy uống, Phật chú nguyện cho La-hầu-la rồi đứng dậy đi, La-hầu-la đi theo; các thể nữ không cho La-hầu-la ra khỏi cung, La-hầu-la khóc la đòi đi theo. Phật quán biết La-hầu-la không thích đời sống thế tục, sẽ không thọ thân sau và sẽ được chứng Thánh quả nên dẫn La-hầu-la đi. Do túc duyên cảm ứng nên La-hầu-la có thể nhận biết Thế tôn trong năm trăm vị hóa Phật và không chịu xa lìa. Vua Tịnh-phạn cùng các quyến thuộc và những người thuộc dòng họ Thích thấy việc này rồi đều kính trọng Da-du-đà-la vì biết trước đây cô bị phỉ báng là oan uổng. Lúc đó Da-du-đà-la biết tiếng xấu đã được giải trừ nên rất vui mừng.

Trở về trú xứ, Phật muốn độ La-hầu-la; vua Tịnh-phạn nghe tin này liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi nói: "nếu Thế tôn muốn độ La-hầu-la thì xin cho tôi được cúng dường một ngày", Phật nhận lời. Vua Tịnh-phạn liền vì La-hầu-la mở hội cúng dường, qua hôm sau mới dẫn La-hầu-la đến chỗ Phật bạch rằng: "Thế tôn tùy ý cho La-hầu-la xuất gia", Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất cho La-hầu-la được xuất gia như pháp, Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy liền cho La-hầu-la xuất gia như pháp. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì đồng tử La-hầu-la có thể nhận biết Thế tôn trong số năm trăm vị hóa Phật để đưa viên thuốc?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay La-hầu-la có thể nhận biết ta mà vô lượng kiếp trong quá khứ, cũng đã nhận biết được ta trong số đông người để đưa cho ta vòng hoa. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một ngôi làng có một trưởng giả cưới con gái của một trưởng giả gần nhà làm vợ, không bao lâu sau người vợ mang thai và sanh một con trai. Người chồng nói: "chúng ta nay đã có con, không thể ngồi không mà tiêu hết tài sản đã có. Nay tôi đem một ít đi ra biển mua bán, nàng ở nhà nuôi con cho đến trưởng thành", người vợ nói sẽ làm theo như lời người chồng dặn. Không ngờ người chồng ra biển gặp phải gió bão làm đắm thuyền, người và của đều chìm xuống biển. Ngươi vợ thủ tiết, đi làm mướn và nhờ quyến thuộc giúp đỡ để nuôi con khôn lớn. Gần nhà có người thợ dệt giỏi, tự mưu sinh bằng nghề của mình; người vợ thấy rồi liền suy nghĩ: "ra biển mua bán không bằng làm thợ dệt có tay nghề giỏi; người

đi biển phần nhiều đều bị chết không thể trở về, còn làm nghề dệt thường được ở nhà. Ta nên cho con ta theo học nghề dệt", nghĩ rồi liền dẫn con đến nhà người thợ dệt yêu cầu dạy nghề cho con mình, người thợ dệt nhận lời. Nhờ thông minh tháo vát nên không bao lâu sau người con học nghề dệt thành tài, tiền kiếm được khi dệt cùng người thợ dệt đem về nhà nhưng trước sau vẫn không đủ tiêu dùng. Thấy người thợ dệt tiêu dùng dư dã liền hỏi nguyên do, người thợ dệt nói: "cậu làm hai nghề nên dư dã, cháu chỉ làm một nghề nên không đủ tiêu dùng", người cháu lại hỏi: "nghề thứ hai của cậu là gì?", đáp: "ban đêm ta đi ăn trộm", người cháu đòi đi theo, người cậu nói: "cháu không ăn trộm được", người cháu nói là có thể, người cậu suy nghĩ: "ta nên thử trước", nghĩ rồi liền dẫn người cháu vào chợ mua một con thỏ rồi bảo: "cháu hãy làm thịt, cậu đi tắm rồi sẽ đến cùng ăn". Người cháu làm thịt thỏ rồi ngồi chờ, trong lúc chờ liền ăn trước một chân thỏ, khi người cậu tắm xong trở ra thấy con thỏ thiếu một chân liền hỏi: "còn cái chân thứ tư đâu?", đáp: "con thỏ này chỉ có ba chân", người cậu nghe rồi liền suy nghĩ: "trước nay ta là kẻ trộm, đứa cháu này còn trộm giỏi hơn ta", nghĩ rồi liền mang thịt thỏ cùng vào một quán rượu kêu rượu uống; uống xong, người cậu bảo người cháu trả tiền, người cháu nói: "người nào uống thì người đó trả tiền, cháu không có uống, cậu uống thì cậu tự trả tiền", người cậu suy nghĩ: "đứa cháu này nếu cho đi chung thì có thể ăn trộm được". Đêm đó hai cậu cháu khoét vách định vào nhà người ăn trộm, người cậu định chui đầu vào nhà, người cháu nói: "cậu không rành cách ăn trộm, vì sao cậu lại chui đầu vào trước, điều này không tốt, cậu nên đưa chân vào trước", người cậu nghe rồi liền đưa chân vào trước. Không ngờ chủ nhà phát hiện la lên và mọi người cùng nắm lấy chân kẻ trộm, người cháu ở ngoài cố kéo người cậu ra nhưng không kéo nổi; sợ bị liên lụy nên người cháu cắt lấy đầu người cậu và ôm đầu bỏ chạy. Sự việc này tâu lên vua, vua nghe rồi nói với quần thần: "người cắt đầu mang đi mới thật là đại tặc. Các khanh đem xác của tên trộm này để ở ngã tư đường rồi bí mật theo dõi, nếu có đến bên xác than khóc muốn mang xác đi thì bắt giữ ngay tên trộm đó". Quần thần vâng lịnh vua làm y như vậy, người cháu suy nghĩ: "ta không nên đến ôm xác của cậu liền, ta nên giả điên đứng ở ngã tư đường hoặc ôm người nam, người nữ, hoặc ôm cây đá, hoặc ôm bò ngựa, hoặc ôm heo chó…", nghĩ rồi liền làm y như vậy, mọi người đều cho là điên không để ý tới, lúc đó người cháu mới tới ôm xác người cậu than khóc rồi đi. Quần thần tâu vua: "chỉ có một người điên tới ôm xác than khóc chớ không có ai khác", vua nói: "đó chính là tên cẩu tặc, vì sao không bắt giữ nó". Lúc đó người cháu suy nghĩ: "ta nên hỏa táng người cậu", nghĩ rồi liền giả làm

người đánh xe chở trên xe đầy củi, cho xe chạy đến bên xác chết, đến nơi liền mở dây cột bò rồi phóng lửa đốt xe củi, xác chết cũng được thiêu hóa luôn. Người canh giữ xác chết đem việc này đến tâu vua, vua nói: "đó chính là tên cẩu tặc, vì sao không bắt giữ nó". Lúc đó người cháu lại suy nghĩ: "ta nên cúng tế ở chỗ hỏa táng", nghĩ rồi liền giả làm một Bà-la-môn tịnh hạnh đi khất thực trong thành, cuối cùng đến chỗ hỏa táng để thức ăn ở năm chỗ để cúng tế người cậu rồi bỏ đi. Người canh giữ lại đem việc này tâu vua, vua nói: "đó chính là tên cẩu tặc, vì sao không bắt giữ nó, thật tệ". Lúc đó người cháu lại nghĩ: "ta nên đem xương cốt của cậu rải xuống sông Căng già", nghĩ rồi liền giả làm một ngoại đạo thờ đầu lâu đi đến chỗ tro xương, nhặt lấy xương cốt bỏ vào đầu lâu rồi đem bỏ xuống sông Căng già. Người canh giữ lại đem việc này tâu vua, vua nói: "đó chính là tên cẩu tặc, vì sao không bắt giữ nó, thật tệ. Các ngươi hãy thôi, chính ta sẽ bắt giữ tên cẩu tặc đó", lúc đó vua đi thuyền dọc theo bờ sông Căng già với nhiều thị vệ, trên bờ sông lại cho người canh bắt. Vua có một công chúa xinh đẹp cũng đi thuyền du ngoạn trên sông, thuyền của cô cách thuyền của vua không xa, vua nói: "nếu có chuyện gì thì con phải la to lên", vua lại dặn lính canh: "nếu nghe công chúa la lên thì nên chạy đến ngay, nếu thấy có người lạ thì phải bắt ngay". Lúc đó tên cẩu tặc suy nghĩ: "vua và công chúa du ngoạn trên sông, ta nên đùa cợt cô ấy", nghĩ rồi liền ở trên thượng lưu của sông thả xuống cái nồi đất cho trôi theo dòng nước, lính canh thấy cái nồi đất cho là cẩu tặc liền tranh nhau đập vỡ nồi, mới biết là không phải; cứ như thế đến hơn mười lần khiến lính canh thấy nồi đất trôi xuống không thèm đập nữa. Lúc đó tên cẩu tặc mới đội cái nồi trên đầu bơi theo dòng đến thuyền của công chúa, cầm dao bén đến bên công chúa nói: "không được la, nếu la ta sẽ giết", công chúa sợ hãi không dám la. Sau đó tên cẩu tặc cùng công chúa giao hoan rồi bỏ đi, công chúa thấy cẩu tặc bỏ đi rồi mới khóc la lên nói là bị cẩu tặc cưỡng hiếp. Lính canh nói: "lúc cùng tên cẩu tặc thọ lạc thì cô im lặng, giờ hắn đi rồi cô mới kêu la, chúng tôi biết hắn ở đâu mà bắt giữ", nói rồi liền đem việc này tâu vua, vua nói: "sao các ngươi không canh giữ cẩn thận để đến nỗi như thế". Sau đó công chúa có mang, đủ mười tháng sanh một bé trai; nghe công chúa sanh con, tên cẩu tặc suy nghĩ: "ta nên làm lễ hội ăn mừng con ta", nghĩ rồi liền giả làm người phục dịch từ trong cung vua bước ra bảo mọi người: "vua ra lịnh công chúa sanh con, mọi người trong nước nên vui vẻ ăn mừng, tối nay được mặc tình lấy trộm y phục, các vật dụng… của nhau", mọi người nghe rồi liền vui vẻ ăn mừng, tiếng ồn ào thấu đến trong cung vua, vua hỏi rõ nguyên do liền biết là việc làm của tên cẩu tặc. Lúc đó vua suy nghĩ: "nếu ta không bắt được

tên cẩu tặc này ta sẽ bỏ ngôi", nghĩ rồi vua cho xây một ngôi nhà lớn, xây vừa xong thì đứa bé được sáu tuổi. Vua bảo quần thần đánh trống ra lịnh tất cả người nam trong nước phải đến tụ tập trong ngôi nhà lớn đó, người nào không đến thì bắt giết. Lúc đó tất cả người nam trong nước đều đến tụ tập trong ngôi nhà lớn đó, trong đó có cả tên cẩu tặc. Vua đưa vòng hoa cho đứa bé nói rằng: "con hãy cầm vòng hoa này đi vào trong đám người đó, nếu nhận biết người nào là cha con thì hãy đưa vòng hoa này cho người đó", vua lại bảo thị vệ: "các ngươi đi theo đứa bé, nếu thấy nó đưa vòng hoa cho ai thì liền bắt giữ người ấy". Đứa bé vâng lời cầm vòng hoa đi vào trong đám đông, do nghiệp lực nó nhận biết người cha và đưa vòng hoa cho, các thị vệ liền bắt giữ và đưa đến chỗ vua. Vua suy nghĩ có nên giết tên cẩu tặc này hay không, lại nghĩ hắn là người có trí huệ không nên giết; nghĩ rồi liền tha tội chết, gả công chúa và cấp cho cả hai nửa nước.

Phật bảo các Bí-sô: "tên cẩu tặc thuở xưa chính là thân ta ngày nay, đứa bé thuở xưa chính là La-hầu-la ngày nay. Thuở xưa đã có thể nhận ra ta và đưa vòng hoa, nay cũng có thể nhận ra ta và đưa viên thuốc. Các thầy nên biết nghiệp lực khó thể nghĩ bàn".

Lúc đó phu nhân Da-du-đà-la suy nghĩ: "khi cha của La-hầu-la vào trong cung, ta sẽ phương tiện cúng dường hầu hạ không để cho ông ấy ra khỏi cung", nghĩ rồi liền cùng với hai phu nhân và sáu vạn thể nữ đều trang điểm thật đẹp với đủ loại đồ trang sức và xông đủ loại hương thơm. Sáng sớm hôm đó Phật cùng các Bí-sô đắp y mang bát vào trong cung vua, phu nhân Da-du-đà-la … cùng sáu vạn thể nữ trỗi các loại âm nhạc ca múa ở trước Thế tôn muốn làm cho Phật say đắm. Phật thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "giờ thọ thực sắp đến, nếu ta thọ thực trước, không nói pháp cho các nữ nhơn này nghe thì e giờ điều phục họ sẽ trôi qua, tâm dục của họ sẽ tăng thêm, không được lợi ích từ lý Tứ đế. Ta nên dùng thần thông lực để điều phục họ", nghĩ rồi liền ẩn mất ngay nơi chỗ ngồi, hiện ra ở phương Đông trên hư không đi đứng nằm ngồi tự tại, kế nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy; sáu đó ẩn mất trong hư không và hiện ra trên tòa sư tử ngồi trước các Bí-sô. Các người nữ thấy việc này rồi đều gieo mình xuống đất như cây bị đốn ngã ở trước Phật, Phật quán biết ý nhạo tùy miên và tánh giới của họ mà nói lý Tứ đế, nghe xong tất cả đều chứng quả Dự lưu; chỉ riêng có Da-du-đà-la vì tâm đắm nhiễm sâu nên chưa được chứng quả. Sau đó Da-du-đà-la suy nghĩ: "ta sẽ làm các món ăn

ngon, người ăn thức ăn này sẽ sanh tâm tham đắm", nghĩ rồi liền làm các món ăn ngon muốn tự tay dâng cho Thế tôn ăn. Các Bí-sô nghe biết tin này liền bạch Phật, Phật nói: "các thầy nên biết, thuở xưa khi chưa lìa ba độc, các món ăn thơm ngon còn không làm cho ta tham đắm, huống chi ngày nay ta đã lìa ba độc, các món ăn ngon đó há có thể làm ta tham đắm được hay sao", lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Da-du-đà-la nhân lúc họp mặt vui vẻ lại sanh tâm muốn làm cho Thế tôn tham đắm?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay Da-du-đà-la nhân lúc họp mặt vui vẻ muốn làm cho ta tham đắm, mà thuở xưa cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một ngôi làng, cách làng không xa có một khu rừng với nhiều hoa quả và nước suối trong mát. Trong rừng có một tiên nhân tu khổ hạnh, ăn hoa quả, mặc vỏ cây và chứng được năm thông; cầm thú trong rừng không sợ nên thường đến gần tiên nhân này. Hôm đó, khi tiên nhân đi tiểu tiện bị xuất tinh, có một con nai cái đi theo thấy liền lè lưỡi liếm rồi sau đó liếm nơi sanh môn của mình. Do nghiệp lực không thể nghĩ bàn nên con nai cái này có thai, sau đó sanh con ra là người, nai cái này liền bỏ đứa bé mà đi. Tiên nhân thấy đứa bé không biết là con ai, liền quán biết là con mình nên mang về nuôi dưỡng cho đến năm nó được mười hai tuổi thì trên đầu nó bỗng mọc ra cái sừng, nhân đó nó có tên là Độc giác. Thời gian sau tiên nhân ngã bịnh, Độc giác lo đủ loại thuốc thang nhưng không khỏi, bịnh càng nặng nên trước khi chết tiên nhân nói: "nơi đây thường có các tiên nhân qua lại, con nên đón tiếp thăm hỏi hoặc cúng dường hoa quả", kế nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
Hội họp ắt biệt ly,
Có mạng đều phải chết".

Tiên nhơn qua đời, Độc giác theo pháp tiên mai táng rồi tư duy và chứng được năm thông. Thời gian sau, Độc giác đi lấy nước rồi trên đường trở về bỗng gặp mưa lớn, đường bùn lầy trơn trợt nên Độc giác té ngã xuống đất làm bình nước vỡ, Độc giác nổi sân chắp tay hướng lên trời chú nguyện : "do trời mưa làm tôi té vỡ bình, từ nay trong mười hai năm trời không được mưa nữa". Do sức chú nguyện này nên trời không mưa trong một thời gian dài, thành Bà-la-nê-tư bị hạn hán, dân chúng khốn khổ nên rũ nhau bỏ đi sang xứ khác. Lúc đó vua mời các tướng sư đoán xem vì sao trời không mưa, tướng sư nói: "do tiên nhân nổi sân chú nguyện nên trời không mưa", vua nói: "làm cách nào để trời mưa xuống khiến dân được an vui", tướng

sư nói: "nếu phá được giới hạnh mà tiên nhân đang tu tập thì trời sẽ mưa, nếu không trời sẽ không mưa trong suốt mười hai năm". Vua nghe rồi ngồi chống cằm suy tư, các hậu phi hỏi nguyên do, vua đem việc trên kể lại rồi nói: "do việc này nên ta ưu tư lo lắng", vua có công chúa lớn tên là Tịch tĩnh liền nói: "vua cha không phải lo buồn nữa, con có cách làm cho tiên nhân ấy phạm giới hạnh", vua hỏi cách gì, công chúa đáp: "con đang học chú pháp Bà-la-môn cùng với hai mươi thể nữ khác, vua cha hãy cho cột thuyền trên mặt nước, lót ván trên thuyền rồi cho đổ đất trồng cây với các loại hoa trên đó giống như chỗ ở của tiên nhân. Chúng con sẽ đi thuyền đến chỗ tiên nhân ấy ở, nếu có thể làm cho tiên nhân phạm giới hạnh thì con sẽ dẫn vị ấy về đây". Vua nghe rồi liền cho làm y như lời công chúa nói, ở trong các loại trái cây và thức ăn uống, công chúa đều bỏ thuốc vào. Sau đó công chúa cùng các thể nữ giả làm tiên nhân, mặc áo vỏ cây và búi tóc ra phía sau rồi xuống thuyền thung dung đi tới chỗ ở của tiên nhân, vừa đi vừa tụng chú pháp Bà-la-môn. Đến nơi, các đệ tử của tiên nhân nhìn thấy liền báo cho thầy biết, Độc giác bảo mời vào nhà; khi các tiên nhân vào nhà, Độc giác vừa nhìn qua dung mạo liền cảm thấy có gì khác lạ nên nói kệ:

"Chưa từng chịu khổ hạnh,
Dáng đi đứng thung dung,
Dưới cằm không mọc râu,
Trước ngực thấy cao thấp,
Tiên này hình dạng khác,
Cảm thấy thật lạ kỳ".

Tuy nghi nhưng Độc giác vẫn mời ngồi và bảo dọn trái cây tiếp đãi, tiên giả nói: "chỗ của đại tiên chỉ có loại trái cây nhám và đắng, ở chỗ tôi lại có đủ các loại trái cây lạ, mùi vị như cam lồ. Xin mời đại tiên quá bước đến, tôi muốn tiếp đãi", Độc giác nghe rồi liền đi theo lên thuyền, tiên giả liền mang các loại trái cây đã bỏ thuốc kích thích trong đó để tiếp đãi tiên Độc giác. Độc giác sau khi uống xong liền cùng tiên giả làm việc phi pháp nên bị mất thần thông, sức chú nguyện cũng mất theo. Lúc đó mây mù giăng tứ phía, Độc giác nhìn lên trời oán trách, công chúa liền nói: "anh làm việc phi pháp sao không tự trách lại oán trách trời", Độc giác nghe rồi liền im lặng. Công chúa dẫn Độc giác trở về cung gặp vua cha nói rằng: "đây là vị tiên đã chú nguyện khiến trời không mưa". Lúc đó trời mưa xuống nước ngọt khiến dân chúng vui vẻ, lúa mạ được mùa; vua gả công chúa cho Độc giác và cho các thể nữ theo hầu hạ. Thời gian sau Độc giác lơ là với công chúa và yêu thương người nữ khác khiến công chúa tức giận

đánh mắng, Độc giác suy nghĩ: "ngày xưa khi trời nổi mây sấm lớn, ta chú nguyện liền ngưng, chỉ vì bị nữ sắc làm liên lụy nên đến nông nỗi này", nghĩ rồi liền nhàm lìa dục nhiễm, rời bỏ nữ sắc ở chỗ vắng siêng tu thiền định, không bao lâu sau chứng được năm thông, liền nương hư không trở về chỗ cũ.

Phật bảo các Bí-sô: "tiên Độc giác thuở xưa chính là thân ta ngày nay, công chúa Tịch tĩnh chính là Da-du-đà-la ngày nay. Do ngày xưa đã dùng thức ăn uống làm cho ta tham đắm nên ngày nay, nhân họp mặt vui vẻ lại muốn làm cho ta tham đắm", nói xong Phật liền ra khỏi cung. Lúc đó Da-du-đà-la thấy Phật biết được tâm niệm của mình, biết không thể mong cầu được nữa liền không tiếc thân mạng, lên lầu cao bảy tầng gieo mình xuống; Phật dùng thần lực đỡ lấy khiến cô không bị tổn hại. Mọi người thấy việc này rồi đều hết sức kinh ngạc, các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "có phải vì quá thương mến Thế tôn nên Da-du-đà-la đã không tiếc thân mạng, từ trên lầu cao gieo mình xuống hay không?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà trong quá khứ cũng vì quá thương mến ta mà Da-du-đà-la đã không tiếc thân mạng. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Phạm thọ, một hôm vua đi săn giết chết rất nhiều chúng sanh. Khi đi đến một hang núi thấy một Khẩn-na-la đang nằm ngủ, vợ Khẩn-na-la ở một bên; vua liền giương cung bắn Khẩn-na-la trúng vào yếu huyệt mà chết, vua muốn bắt vợ của Khẩn-na-la về làm vợ. Vợ Khẩn-na-la tâu vua: "Đại vương cho phép tôi hỏa táng chồng xong, tôi sẽ đi theo vua", vua suy nghĩ: "nàng ấy làm sao có thể chạy thoát được", nghĩ rồi liền cho phép cô làm lễ hỏa táng chồng; vợ Khẩn-na-la chất củi hỏa thiêu rồi không tiếc thân mạng nhảy vào lửa chết theo chồng. Lúc đó chư thiên trên hư không nói kệ:

"Muốn cầu mong việc này,
Lại gặp phải việc khác,
Vốn mong âm nhạc trời,
Hai vợ chồng đều chết".

Phật bảo các Bí-sô: "Khẩn-na-la thuở xưa chính là thân ta ngày nay, vợ Khẩn-na-la chính là Da-du-đà-la. Thuở xưa vì thương mến ta nên lao mình vào lửa cùng chết, nay vì tham Ái nên từ trên lầu cao gieo mình xuống", Phật lại nghĩ: "muốn giáo hóa Da-du-đà-la phải đúng vào lúc này, mới có thể giúp nàng thoát khỏi biển sanh tử", nghĩ rồi Phật liền nói lý Tứ đế cho Da-du-đà-la nghe, nghe pháp xong ngay nơi chỗ ngồi liền chứng quả Dự lưu, khởi tâm chánh tín, từ nhà hướng đến chỗ không nhà, siêng

năng tu tập không bao lâu sau chứng được quả A-la-hán. Chứng quả rồi ở trong chúng Bí-sô ni, Da-du-đà-la ôm lòng hổ thẹn, Phật bảo các Bí-sô: "trong tất cả Bí-sô ni, Bí-sô ni Da-du-đà-la là người đầy đủ hổ thẹn nhất". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Da-du-đà-la đã tạo nghiệp gì mà mang thai La-hầu-la đến sáu năm?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, trong một ngôi làng có một bà mẹ già với người con gái nuôi rất nhiều bò sữa, hằng ngày vắt lấy sữa làm lạc tương đem bán. Một hôm lúc đang gánh nước sữa, cô gái bỗng lười biếng nên nói dối với mẹ: "con có chút việc, mẹ gánh nước sữa đi trước", do lười biếng nên bà mẹ đã đi trước sáu dặm, cô vẫn không đuổi theo.

Này các Bí-sô, cô con gái thuở xưa chính lá Da-du-đà-la ngày nay, thuở xưa Do tạo nghiệp này nên nay phải thọ báo mang thai sáu năm". Các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "La-hầu-la đời trước đã tạo nghiệp gì mà phải ở trong thai sáu năm?", Phật nói: "là do La-hầu-la tự tạo nghiệp ác, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, cách thành Bà-la-nê-tư không xa có một khu rừng nhiều hoa quả, nơi đó có hai anh em tên là Thương khư và Lý xí đa nhưng Thương khư là thầy, Lý xí đa là đệ tử cùng tu đạo trong rừng, mặc áo vỏ cây, ăn trái cây và các loại dược thảo; vua và dân chúng trong thành đều nghe biết việc này. Một hôm, trời vừa sáng, Thương khư liền đi vào núi hái trái cây với bình đầy nước; Lý xí đa từ canh năm đã đi vào núi trước nhưng lại quên mang theo bình nước, khi hái trái cây xong thấy khát muốn uống nước nhưng không có, liền lấy bình nước của Thương khư uống hết. Thương khư hái trái cây xong thấy khát muốn uống nước thì nước không còn, liền quát lên: "ai đã trộm nước uống của ta", Lý xí đa nói: "chính em đã uống hết nước, anh cứ phạt em thật nặng", Thương khư nói: "em vừa là em vừa là đệ tử, cần nước thì cứ lấy uống, không có tội gì cả", Lý xí đa nói: "em là kẻ trộm, anh cứ phạt em thật nặng, nếu không em không an tâm", Thương khư nổi giận nói: "ta không thể bắt tội em, nếu em muốn nhận tội thì hãy đi gặp nhà vua mà xin tội". Lý xí đa nghe rồi liền đi đến chỗ vua, giữa đường gặp vua đang đi săn liền đưa tay chúc nguyện: "chúc nhà vua trường thọ, không bịnh, chiến đấu thường thắng", rồi nói kệ:

"Bạch vua tôi là giặc,
Uống trộm nước của người,
Xin vua hãy y pháp,
Phạt tôi tội trộm nước".

Vua nói: "dù có lấy nước uống cũng không gọi là kẻ trộm, nhưng ông

lấy nước của ai?", Lý xí đa đem việc trên kể lại, vua nói: "ông ấy vừa là anh vừa là thầy, ông lấy nước uống cũng không gọi là kẻ trộm. Ông hãy đi đi, việc đó không đáng trị tội", Lý xí đa nói: "tôi là kẻ trộm, xin vua hãy phạt tôi thật nặng, nếu không tôi không an tâm", vua liền nổi giận nói: "nếu vậy ông cứ đứng ở đây, đừng đi đâu cả, đợi ta vào núi trở về sẽ xét xử". Sau khi đi săn xong, vua đi đường khác trở về, quên mất việc bảo Lý xí đa đợi ; như thế trải qua sáu ngày, quần thần mới tâu vua: "vị tiên ấy trải qua sáu ngày nay không dám đi đâu, xin vua hãy xét xử", vua nói: "trải qua sáu ngày ngư vậy là đã trị phạt rồi, không còn tội nữa, hãy bảo ông ấy đi đi", quần thần sai sứ đến nói lại lời của vua, Lý xí đa nghe rồi vui vẻ trở về nhà.

Phật bảo các Bí-sô: "vua Phạm thọ thuở xưa chính là La-hầu-la ngày nay, do ngày xưa nổi giận bảo tiên ấy đứng chỗ đó trải qua sáu ngày nên ngày nay thọ báo ở trong thai sáu năm. Này các Bí-sô, nghiệp đen, trắng hay tạp đều có quả báo ; các thầy nên bỏ nghiệp đen và nghiệp tạp nên tu nghiệp trắng". Lúc đó các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "cụ thọ Hiền vương đã tạo nghiệp gì mà nay đứng đầu trong các vương tử họ Thích?", Phật nói: "cụ thọ Hiền vương đã tự gieo trồng phước nghiệp. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có người nghèo du hành trong nhân gian đến thành Bà-la-nê-tư, những người nghèo khác trong thành thấy có người lạ liền đuổi xua đánh đập, bị xua đuổi người nghèo này chạy trốn vào trong vườn của vua. Lúc đó vào mùa xuân, trong vườn hoa nở cây trái sum suê, chim chóc đua nhau bay đến nên vua cùng các thể nữ vào trong vườn thưởng ngoạn. Đi thưởng ngoạn khắp nơi một hồi, vua mệt nên ngủ thiếp; các thể nữ thấy vua ngủ nên tản ra đi hái hoa. Vua chợt tỉnh dậy liền trở về cung, thấy vua trở về, các thể nữ vội vã chạy theo, do vội vã nên một cung nhân đánh rơi chuỗi ngọc anh lạc mà không hay biết. Sau đó người nghèo nhìn thấy chuỗi ngọc liền suy nghĩ: "nếu ta lượm vật này, nếu có người đến tìm, biết ta lấy ta sẽ bị khổ não", nghĩ rồi liền đem chuỗi ngọc treo trên cây rồi suy nghĩ: "nếu chủ của nó đến lấy thì tùy ý đem đi, nếu không phải thì ta sẽ không cho lấy". Sau khi trở về cung, người cung nữ đó mới biết là mình mất chuỗi ngọc, nghĩ là rớt trong vườn nên tâu vua, vua bảo người hầu cận: "khanh hãy trở lại trong vườn tìm kiếm chuỗi ngọc anh lạc, đừng để cho mất", người hầu cận dẫn thêm nhiều người đến trong vườn tìm kiếm thì thấy chuỗi ngọc treo ở trên cây, chợt thấy người nghèo gần đó nên hỏi: "ông có thấy ai đã treo chuỗi ngọc này trên cây không?", người nghèo đem việc trên kể lại. Người hầu cận mang chuỗi ngọc về và đem việc trên kể lại cho vua nghe, vua sai sứ gọi người nghèo đến hỏi: "vì sao trước đây lượm được

chuỗi ngọc, ngươi không mang đi lại treo lên cây?", đáp: "đây là vật quý của vua, tôi vốn nghèo hèn không dám thọ dụng", vua nghe rồi rất vui lòng liền nói: "người cầu xin điều gì cứ nói, ta sẽ cho ngươi", đáp: "xin vua bố thí thức ăn uống và y phục cho những người nghèo trong thành này và cho tôi được cầm đầu họ", vua nghe rồi liền bảo quần thần làm như lời người nghèo cầu xin, quần thần vâng lịnh vua, sau khi bố thí thức ăn và y phục cho những người nghèo trong thành xong liền bảo họ rằng: "theo lịnh vua, người này từ nay là thủ lĩnh của các ngươi, người ấy xử đoán công việc như thế nào đều phải nghe theo", những người này được cơm áo đều vui mừng và tôn người nghèo kia làm thủ lĩnh. Trước kia ở nơi ngã tư đường, khi những người nghèo này cướp giật thức ăn của người thường bị người đánh mắng; nay thấy vua ban ân nên họ càng lộng hành, người bị cướp giật không dám đánh mắng họ như trước kia. Dân chúng liền đem việc này tâu vua, vua nói: "các vị hãy tự giữ, chớ nên đánh đập họ". Một hôm trong thành có người đựng bánh và thức ăn trong cái sọt, người nghèo thủ lĩnh liền cướp lấy rồi bỏ chạy, những người khác chạy theo. Chạy đến bên sông, người nghèo thủ lĩnh liền đội sọt bánh lên đầu để bơi qua sông, qua đến bờ kia liền ngồi nghỉ dưới một gốc cây. Thuở đó chưa có Phật ra đời, chỉ có Phật Bích chi xuất hiện làm lợi ích cho hữu tình ; người nghèo thủ lĩnh này nhìn thấy oai nghi cử chỉ của vị Phật Bích chi này liền suy nghĩ: "đời trước ta không biết bố thí nên đời này nghèo hèn cô độc, nếu vị đức hạnh này thọ ta cúng dường thì ta sẽ cúng". Lúc đó vị Phật Bích chi quán biết được tâm niệm của người nghèo thủ lĩnh kia, vì muốn làm lợi ích nên ôm bát đến trước anh ta xin bánh, người nghèo này vui mừng dâng cúng hết số bánh. Thường pháp của Phật Bích chi là không nói pháp chỉ hiện thần biến, lúc đó vị Phật Bích chi này thân vọt lên không trung hiện các thần biến. Phàm phu khi thấy thần biến thì mau phát nguyện lành, sụp xuống đảnh lễ như cây bị đốn ngã và phát nguyện: "nguyện đem công đức cúng dường Phật Bích chi hôm nay, đời vị lai con được làm vương đứng đầu các vương tử và được gặp Như lai, vượt qua biển sanh tử". Phát nguyện vừa xong thì những người nghèo kia kéo đến đòi chia bánh, người nghèo thủ lĩnh nói: "tôi đã cúng dường hết cho Phật Bích chi rồi", lại hỏi: "lúc nãy ông đã phát nguyện gì?", đáp: "tôi nguyện đời vị lai làm vương đứng đầu các vương tử", những người nghèo nói: "nếu ông làm vương thì chúng tôi nguyện làm tả hữu".

Phật bảo các Bí-sô: "người nghèo thủ lĩnh thuở xưa chính là Hiền vương Thích tử ngày nay, những người nghèo thuở xưa chính là năm trăm Thích tử ngày nay. Do Hiền vương thuở xưa phát nguyện nên nay được

làm vương đứng đầu các vương tử, lại được gặp ta theo xuất gia và chứng quả A-la-hán. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng ; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập chớ có buông lung".

Phật ở trong rừng Quần xà thôn Na-địa-ca, lúc đó có nhiều bát của Phật và các Bí-sô để trên chỗ đất trống, bỗng có một con vượn từ trên cây Sa la xuống lấy bát. Các Bí-sô liền đánh đuổi, Phật nói: "chớ đánh đuổi, cứ để nó tùy ý lấy, đừng lo nó làm bể", con vượn lấy bát của Phật rồi leo lại lên cây, trong chốc lát ôm bát đựng đầy mật trở xuống dâng cúng Phật. Trong mật có ong nên Phật không thọ, vượn hiểu ý liền mang bát mật đến chỗ khuất, bắt hết ong ra rồi đem trở lại dâng cúng Phật. Vì mật chưa được tác tịnh nên Phật không thọ, vượn hiểu ý liền mang bát mật đến bên dòng suối trong , lấy nước rưới vào bát mật rồi đem trở lại dâng cúng Phật, Phật thọ bát mật, vượn vui mừng chắp tay nhảy nhót, do không ngó trước sau nên té xuống giếng và qua đời. Thần thức của nó thác sanh vào trong thai của phu nhân một Bà-la-môn thanh tịnh trong thôn. Sau khi nhập thai, nhờ phước nghiệp của nó nên trời mưa mật xuống trong thôn, mọi người hỏi tướng sư là điềm gì, tướng sư nói: "do phước nghiệp của đứa bé trong thai người vợ của Bà-la-môn cảm ứng ra". Mười tháng sau khi đứa bé chào đời, trời lại mưa mật xuống; sau hai mươi mốt ngày người cha mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho đứa bé. Quyến thuộc nói: "khi đứa bé nhập thai cũng như khi chào đời, trời đều mưa mật xuống. Cha nó họ là Bà tất sắc tra, vì vậy nên đặt tên cho nó là Vị độ bà tất sắc tra. (Trung hoa dịch là Tối thắng mật)". Đứa bé trưởng thành, do nghiệp đời trước nên nó sanh tín tâm đến chỗ Phật nghe pháp và phát tâm xuất gia. Sau khi xuất gia, hằng ngày tự nhiên có ba bát mật, Tối thắng mật đem một bát cúng dường Phật, một bát cúng dường Tăng và một bát cho bà con và bạn hữu. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì mà hằng ngày Bí-sô Tối thắng mật đều có ba bát mật như thế ?", Phật nói: "đó là do Bí-sô Tối thắng mật tự làm phước nghiệp. Này các Bí-sô, trước đây các thầy có thầy một con vượn từ trên cây Sa la xuống lấy bát đựng mật cúng dường cho ta phải không?", đáp là có thấy, Phật nói: "con vượn đó chính là tiền thân của Bí-sô Tối thắng mật, do trước đây cúng dường mật với lòng tin nên nay được quả báo này. Một ngày nào đó, Bí-sô này không chỉ hằng ngày có thể hóa ra ba bát mật mà nếu muốn làm cho nước trong bốn biển đều thành mật, cũng không có khó khăn gì. Vì sao, vì do cúng dường mật cho Phật nên được phước tăng thượng… cho đến câu các thầy nên xả nghiệp đen và tạp,

nên tu nghiệp trắng".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 13

Khi Phật ở trong vườn Ni câu đà thành Kiếp-tỷ-la, độ năm trăm Thích tử và Ưu-ba-ly xuất gia ; các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Ưu-ba-ly đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay làm người cạo tóc cho vua?", Phật nói: "các thầy lắng nghe: Thuở xưa có một người thợ hớt tóc của vua, lúc đó có một vị Phật Bích chi đến trước nhà ông ta nói rằng: "này thiện nam, hãy cạo tóc cho ta, ông sẽ được quả báo thiện", người thợ này có một người cháu kêu bằng cậu nên ông bảo người cháu: "cậu là thợ hớt tóc cho vua, vậy cháu hãy cạo tóc cho vị này như là cạo cho vua vậy", người cháu nghe rồi suy nghĩ: "cạo tóc cho vị này sẽ được công đức thiện", nghĩ rồi liền chú tâm cạo tóc như pháp cho Phật Bích chi này. Lúc đó Phật Bích chi suy nghĩ: "người này cạo tóc cho ta như pháp, ta nên làm lợi ích", nghĩ rồi liền bay lên không hiện các thần biến. Người cháu thấy rồi liền sanh tâm hi hữu, đảnh lễ rồi phát nguyện: "hôm nay con cạo tóc cho vị này như cạo cho vua, nguyện trong đời vị lai con thường được cạo tóc cho vua giống như cậu con".

Phật bảo các Bí-sô: "người cháu thuở xưa chính là Ưu-ba-ly ngày nay, do lời nguyện xưa nên nay làm người cạo tóc cho các vua. Đời trước Ưu-ba-ly còn có nguyện khác, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một ngôi làng có một trưởng giả cưới vợ sanh được hai trai, người thợ hớt tóc cho vua là bạn thân của trưởng giả tuy có nhiều tiền của nhưng không có con. Người thợ hớt tóc này suy nghĩ: "ta có nhiều tiền của nhưng không có con, nếu ta chết đi, của cải sẽ sung vào quan khố", nghĩ rồi nên buồn rầu không vui. Trưởng giả hỏi rõ nguyên do rồi nói: "tôi có hai đứa con, tôi sẽ cho đứa nhỏ làm con của bạn", sau đó trưởng giả dẫn đứa con nhỏ đến cho người thợ hớt tóc này nhận làm con. Thời gian sau trưởng giả mắc bịnh qua đời, con lớn của trưởng giả khi chơi cùng các bạn, nhân lúc tranh cãi chúng nói: "anh không thuộc dòng quý tộc, vì sao, vì em của anh làm con của người thợ hớt tóc". Người con lớn nghe rồi suy nghĩ: "nếu em ta không làm con của người thợ hớt tóc thì hôm nay ta không bị

hủy nhục như thế, ta phải đoạt lại người em", nghĩ rồi liền đến đoạt lại. Người thợ hớt tóc buồn bã, tập họp những người thợ hớt tóc trong gia tộc nói rằng: "tôi nuôi đứa bé đã nhiều năm, nay người anh đến đoạt lại. Từ nay dòng họ chúng ta không hớt tóc cho họ nữa". Hai anh em do không được cạo tóc nên tóc, móng tay, móng chân đều ra dài và bẩn thỉu ; bất chợt vua trông thấy liền hỏi nguyên do, vua nghe rồi liền nói: "cha đã cho thì con không được đoạt lại". Nghe vua phán như vậy, người anh đem người em đến giao lại cho người thợ hớt tóc, sau đó nói với các bạn: "do em ta làm con của người thợ hớt tóc nên ta thường bị hủy nhục. Ta sẽ giết người em để khỏi bị hủy nhục nữa". Có người nghe được lời này liền đến nói với người em, người em nói với người thợ hớt tóc: "anh con muốn giết con, xin cha cho con xuất gia học đạo tiên", người cha suy nghĩ: "nếu ta cố giữ thì sẽ bị người anh giết, chi bằng cho nó xuất gia", nghĩ rồi bằng lòng cho con xuất gia và nói: "nếu con đắc pháp tiên thì hãy trở về dạy cha", người con nói: "lành thay, xin vâng lời cha dạy". Người con tìm đến chỗ tiên nhân trong núi rừng nhưng không gặp, anh liền ngồi tư duy, không bao lâu sau chứng được quả Phật Bích chi. Sau khi chứng quả, nghĩ đến lời người cha nuôi nên đi đến chỗ người cha, bay lên không trung hiện các thần biến. Người cha thấy rồi rất vui mừng chắp tay phát nguyện: "xin cho con đời đời được làm thợ hớt tóc cho vua", sau đó gặp năm vị Phật Bích chi khác, người cha cũng phát nguyện như vậy.

Phật bảo các Bí-sô: "người thợ hớt tóc thuở xưa chính là Ưu-ba-ly ngày nay, do lời nguyện xưa nên nay làm người thợ hớt tóc cho vua", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Ưu-ba-ly đời trước tạo nghiệp lành gì mà nay được chứng quả A-la-hán và là bậc trì luật thứ nhất?", Phật nói: "các thầy lắng nghe nhân duyên của Ưu-ba-ly:

Quá khứ Hiền kiếp khi loài người thọ hai vạn tuổi, có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ 10 hiệu Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Phật có một đệ tử là là A-la-hán trì luật bậc nhất, Ưu-ba-ly là đệ tử của vị ấy tuy trọn đời tu phạm hạnh nhưng không đắc quả nên khi lâm chung liền phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành trì giới này, ở đời vị lai lúc con người thọ 100 tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ 10 hiệu, con sẽ được xuất gia làm vị đệ tử trì luật bậc nhất trong giáo pháp của vị Phật ấy, giống như thầy của con không khác".

Phật bảo các Bí-sô: "người đệ tử đó chính là Ưu-ba-ly ngày nay, do lời nguyện xưa nên nay được như nguyện ấy … Các thầy nên bỏ nghiệp

đen và tạp, nên tu tập nghiệp trắng".

Khi Phật ở dưới cội cây Bồ-đề hàng phục ma quân chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, Ma vương liền đến trong thành Kiếp-tỷ-la nói với mọi người trong thành là đêm nay Sa môn Kiều-đáp-ma sẽ chết, khiến cho mọi người đều buồn rầu than khóc. Vua trời Tịnh cư quán thấy việc này liền ở trong hư không nói cho mọi người biết Sa môn Kiều-đáp-ma không có chết mà ở dưới cội Bồ-đề đã thành đạo quả. Mọi người nghe lời này đều rất vui mừng, lúc đó phu nhân của Cam lộ vương hạ sanh một trai, do sanh vào ngày mọi người đều hoan hỉ nên đặt tên cho bé là A-nan-đà. Cam lộ vương giao con cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng và mời tướng sư đến xem tướng, tướng sư nói: "đứa bé sau này sẽ là thị giả của Phật Thích ca Mâu ni ", Cam lộ vương nghe rồi liền suy nghĩ: "ta phải không cho Phật nhìn thấy đứa bé này", vì nguyên nhân này nên khi Phật trở về thành Kiếp-tỷ-la, Cam lộ vương liền đem A-nan-đà giấu ở thành Quảng nghiêm, đợi Phật đi mới đem trở về. Phật quán biết tâm chúng sanh nên suy nghĩ: "đồng tử A-nan-đà thọ thân này là thân sau cùng nên ở trong pháp của ta xuất gia và thích hợp làm thị giả, vì pháp ta nói ra A-nan đều có thể lãnh thọ không sót; sau khi ta nhập Niết-bàn, A-nan mới được chứng A-la-hán. Để độ A-nan, ta nên bất ngờ vào trong cung của Cam lộ vương", nghĩ rồi Phật liền dùng thần thông lực vào trong cung của Cam lộ vương, đến chỗ ngồi ngồi như pháp. Cam lộ vương vội đem A-nan giấu trong một căn phòng, Phật dùng thần lực làm cho cửa phòng mở, A-nan đến đảnh lễ Phật rồi đứng sau lưng Phật quạt hầu ; Cam lộ vương và phu nhân cũng đến đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật giảng nói diệu pháp rồi đứng dậy đi. Do nhân duyên đời trước, A-nan liền đi theo Phật; Cam lộ vương, phu nhân và các thể nữ đều không giữ lại được, Phật nói: "đồng tử A-nan thọ thân này là thân sau cùng, các vị không thể giữ được hãy để cho A-nan đi", Cam lộ vương nói: "nếu Thế tôn muốn độ thì xin cho tôi mở hội cúng dường, sau đó sẽ như pháp dẫn đến", Phật nhận lời. Lúc đó Cam lộ vương mời tất cả quyến thuộc nội ngoại, thỉnh các Sa môn, Bà-la-môn đến cúng dường và bố thí y thực cho những người nghèo khổ. A-nan từ biệt cha mẹ bà con, thân đeo chuỗi anh lạc, cỡi voi được trang nghiêm bằng bảy báu cùng nhiều thị vệ đi đến chỗ Thế tôn trong rừng Ni-câu-đà. Khi đến cửa thành, thấy trong hào có hoa sen tươi đẹp, voi của A-nan đang cỡi liền đến dùng vòi cuốn lấy hoa sen. Tướng sư thấy việc này rồi liền nói với Cam lộ vương: "lần đi du học này, vương tử chỉ nghe qua một lần thì không bao giờ quên". Đến nơi, A-nan từ trên lưng voi bước xuống đi bộ đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật bảo Thập lực Ca-diếp : "thầy hãy như pháp độ A-nan-đà", Thập lực Ca-

diếp vâng lời Phật dạy như pháp độ A-nan xuất gia thọ giới cụ túc.

Phật từ thành Kiếp-tỷ-la đi đến Trúc lâm ở thành Vương xá, lúc đó trên lưng của A-nan bỗng mọc một ung nhọt, Phật bảo Thị-phược-ca chữa trị cho A-nan. Lúc Thị-phược-ca đang chữa trị, Phật đang ngồi trên tòa sư tử nói pháp yếu cho đại chúng, cụ thọ A-nan cũng có mặt, Thị-phược-ca suy nghĩ: "chữa trị lúc này thật là đúng lúc, vì sao, vì thầy ấy đang chuyên tâm nghe pháp, ta mổ ung nhọt sẽ không thấy đau", nghĩ rồi liền dùng thuốc hay thoa lên ung nhọt làm cho ung nhọt muồi, kế dùng dao mổ ung nhọt nặn máu mủ rồi dùng loại cao đặc biệt thoa lên, nhờ vậy bịnh được lành. Khi Thị-phược-ca làm việc này, A-nan chuyên tâm nghe pháp nên không biết đau; sau khi Phật thuyết pháp xong, Thị-phược-ca đem việc mổ ung nhọt bạch Phật và nói: "do A-nan chuyên tâm nghe pháp nên không hay biết", A-nan nói: "khi đang nghe pháp, dù thân con bị cắt nát như dầu mè, con cũng không biết đau", Thị-phược-ca thấy việc này rồi sanh tâm hi hữu. Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "cụ thọ A-nan đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay trên lưng sanh ung nhọt như vậy?", Phật nói: "các thầy hãy lắng nghe nghiệp đời trước của A-nan", kế nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Thuở xưa tại một nước tên Kê la-tra có một vị vua cai trị, lúc đó không có Phật, chỉ có vị Độc giác xuất hiện ở đời. Vị này vào thành tới cung vua khất thực, vua nổi giận liền cầm viên bi đánh vào xương sống của vị Độc giác. Vốn đã hàng phục được tâm cao ngạo, lại biết vua không phải là pháp khí nên vị Độc giác bỏ đi.

Phật bảo các Bí-sô: "nhà vua thuở xưa chính là A-nan ngày nay, do thuở xưa cầm viên bi đánh vào xương sống của vị Độc giác với tâm sân nên trải qua năm trăm đời thường bị ung nhọt trên lưng. Nay thọ thân sau cùng vẫn còn bị ung nhọt. Này các Bí-sô, nếu tạo nghiệp đen, trắng hay xen tạp đều sẽ chịu quả báo tương ưng".

Cụ thọ A-nan có thường pháp là khi đi cùng với chân thân Phật thì

tâm thường cung kính, khi đi cùng với hóa thân Phật thì tâm ít cung kính hơn. Lúc đó có một trưởng giả thỉnh Phật và các Bí-sô đến nhà cúng dường, đến giờ Phật đắp y mang bát cùng các Bí-sô đi đến nhà trưởng giả, thọ thực xong liền cùng đại chúng trở về. Các Bí-sô hỏi A-nan: "hôm nay thầy theo Phật thọ thỉnh thực là theo Phật chân thân hay là hóa thân?", đáp

là chân thân không phải hóa thân, lại hỏi làm sao biết được, đáp: "khi tôi đi với chân thân Phật thì tự nhiên tâm tôi cung kính, trong lòng có hổ thẹn ; còn đi với hóa thân Phật thì không như vậy", các Bí-sô nói với nhau: "A-nan thật là hi hữu, có thể phân biệt các tướng sang hèn khác nhau giữa chân thân và hóa thân Phật", do nhân duyên này mọi người đều biết A-nan có thể phân biệt các tướng. Lúc đó Phật từ thành Vương xá đi đến thành Thất-la-phiệt trụ trong rừng Thệ đa, cụ thọ A-nan đắp y vào thành khất thực. Có một Bà-la-môn giữa đường gặp A-nan liền suy nghĩ: "ta nghe nói đệ tử này của Sa môn Kiều-đáp-ma có thể phân biệt các tướng, ta nên thử thầy ấy", nghĩ rồi liền đến hỏi A-nan : "trong rừng Thắng diệp ba có chừng bao nhiêu chiếc lá ?", đáp: "có khoảng trăm, ngàn, vạn, ức ngần ấy chiếc lá", nói rồi liền bỏ đi. Bà-la-môn này liền hốt một đống lá trong rừng đem đếm có khoảng bảy trăm bảy mươi chiếc lá, đếm rồi đem đống lá này bỏ bên ngoài rừng rồi đứng đợi A-nan. Sau khi khất thực xong, A-nan trở về lại trên con đường cũ, Bà-la-môn liền hỏi: "Thánh giả, bây giờ trong rừng có khoảng bao nhiêu chiếc lá?", đáp: "trong rừng này có khoảng trăm, ngàn, vạn, ức ngần ấy chiếc lá nhưng bây giờ lại thiếu mất khoảng bảy trăm bảy mươi chiếc lá", Bà-la-môn nghe rồi liền khen là hi hữu, rất thông đạt toán số. Các Bí-sô nghe biết việc này liền khởi nghi thỉnh hỏi Phật: "cụ thọ A-nan đời trước đã tạo nghiệp gì mà có thể thông đạt các tướng và toán số?", Phật nói: "thầy ấy đã tạo nghiệp lành…", kế nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có một Bà-la-môn lấy một người vợ và sanh được một con, đến hai mươi mốt ngày ông mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho con là Đại bạch. Đến khi trưởng thành, Đại bạch du hành trong nhân gian học thông sáu vạn bài tụng về toán số và dạy lại cho người khác, như thế trải qua năm trăm đời, đến nay là thân sau cùng mới có sự thông đạt như vậy. Đại bạch là tiền thân của A-nan.

Lúc đó cụ thọ A-nan đến trong cung của vua Ba tư nặc (vua Thắng quân), thấy A-nan đến vua vui mừng đảnh lễ rồi bạch rằng: "từ lúc tôi ra đời đến nay, do nghiệp chiêu cảm nên mỗi khi tôi ăn cơm, tự nhiên có cơm nấu bằng gạo thơm với hai con chim trĩ nướng và một khúc mía từ trên không trung rơi vào mâm, nhưng có một con chim trĩ lại rơi ra đất", A-nan nghe rồi khen là hi hữu, trở về tinh xá kể lại cho mọi người nghe,

các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có một trưởng giả hào phú, nhiều châu báu và ruộng vườn, trong vườn ông bán lúa gạo thơm, chim trĩ và mía. Lúc đó không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời giáo hóa chúng sanh, vị này đến nhà trưởng giả khất thực. Thấy vị này tướng mạo đoan nghiêm, giọng nói dịu dàng nên trưởng giả sanh hoan hỉ, nấu gạo lúa thơm, nướng hai con chim trĩ và lấy một khúc mía cúng dường cho Phật Bích chi. Khi vị này đưa bát ra thọ thì có một con chim trĩ rơi xuống đất. Trưởng giả thuở xưa chính là vua Thắng quân ngày nay, do thuở xưa cúng dường Phật Bích chi như thế nên trải qua vô lượng đời thường sanh ở cõi trời thọ hưởng diệu lạc; sau đó sanh trong cõi người làm vua chiêu cảm quả báo này. Vì thế khi cúng dường thức ăn, các thầy nên cẩn thận chớ để rơi xuống đất". Lúc đó vua Thắng quân nghe Phật nói nhân duyên xưa của mình liền sanh hoan hỉ, phát lòng tín kính Phật pháp tăng và suy nghĩ: "do đời trước ta cúng dường Phật Bích chi nên được quả báo như thế, nay ta nên cúng dường Phật pháp tăng để đời sau được lợi ích lớn", có một tướng sư đến tâu vua: "đúng ra ngày mai là ngày A-nan được lên ngôi quán đảnh, được quấn khăn báu lên đầu", vua nghe rồi im lặng không nói. Đêm đó, trên trán của A-nan bỗng sanh một ung nhọt độc, sáng hôm sau vua nghe tin này liền suy nghĩ: "cúng dường người có đức sẽ được nhiều phước, ta nên đích thân cúng dường", nghĩ rồi liền ra lịnh các danh y trong nước đến tụ họp trong cung rồi bảo họ đến chữa trị cho A-nan. Các thầy thuốc vâng lịnh vua đến chỗ A-nan, họ tuyển ra một vị giỏi nhất dùng kim châm lấy máu độc ra. Vua đích thân cầm lọng có tướng thiên bức luân che phía trên cho A-nan, sau khi chích hết máu độc ra, dùng thuốc hay đắp vào vết thương thì vua lại đích thân dùng lụa quấn quanh trên đầu cho A-nan, đảnh lễ rồi ra về. Các Bí-sô thấy việc này rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, A-nan đời trước đã tạo nghiệp lành gì mà nay vua đích thân hầu hạ?", Phật nói: "thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có một thầy thuốc, có một Phật Bích chi đến cầu trị bịnh, thầy thuốc cung kính bạch rằng: "Thánh giả, con xin cúng dường tất cả y thực và thuốc men mà Thánh giả cần dùng cho đến khi lành bịnh", nói rồi thầy thuốc cung cấp cho Phật Bích chi đến khi lành bịnh. Này các Bí-sô, thầy thuốc thuở xưa chính là A-nan ngày nay, do phước cúng dường Phật Bích chi thuở xưa nên trong vô lượng đời thường sanh ở cõi trời thọ hưởng phước báo và trong năm trăm đời sanh ở cõi người thọ quả báo thù thắng, được các quốc vương, Bà-la-môn… đích thân cúng dường. Nay thọ thân sau cùng vẫn được vua Thắng quân đích thân cầm lọng che và hầu hạ".

Lúc đó Phật từ thành Thất-la-phiệt du hành đến thành Ba la dừng ở

trong một thôn ở ngoài thành, thôn tên là Bà-la-môn. Chúng Thanh văn vây quanh ngồi không xa Thế tôn gồm có Thượng tòa A nhã Kiều-trần-như, Mã thắng, Hiền tử, Trường khí, Đại danh xưng, Da-xá, Viên mãn… Sau giờ ngọ, Bí-sô Diệu chẩm, A-nan cùng chúng Thanh văn đến đảnh lễ Phật rồi ngồi theo thứ lớp, Phật bảo các Bí-sô: "ta nay đã già, sức khỏe ngày càng yếu, không còn đủ sức thuyết pháp cho bốn chúng". Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên khuyến thỉnh A-nan làm thị giả cho Phật, A-nan vâng theo lời hai tôn giả, Phật khen ngợi A-nan thông minh trí huệ đa văn bậc nhất. Các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, A-nan đời trước đã tu phước nghiệp gì mà nay làm em chú bác với Phật, lại làm thị giả và được Phật khen là thông minh trí huệ, chỉ nghe qua lời Phật dạy liền không quên mất?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Nhật diệu, vua chế lễ khiến cho dân chúng được an vui, trong nước không có suy nạn. Thời gian sau, hoàng hậu sanh được một trai, đến hai mươi mốt ngày vua mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, quần thần tâu vua: "vua tên là Nhật diệu, vậy nên đặt tên cho đứa bé là Đại nhật diệu", Đại nhật diệu lớn lên được phong làm Thái tử ; sau đó hoàng hậu lại sanh thêm một trai và được đặt tên là Nhật trí. Thái tử vốn thích xuất gia, thấy vua cha hành phi pháp liền suy nghĩ: "sau này khi ta lên ngôi cũng sẽ theo quốc pháp hành phi pháp, ắt sẽ bị đọa địa ngục, ta nay nên xin cha cho xuất gia", nghĩ rồi liền đến xin vua cha cho xuất gia, vua nói: "các tiên nhân ngoại đạo thờ lửa tu khổ hạnh trì giới đều là cầu được sanh làm vua hay vương tử để hưởng thọ khoái lạc. Con nay đã được tất cả, sao lại muốn bỏ mà đi xuất gia?", Thái tử vẫn ai cầu xin vua cha cho xuất gia, vua biết Thái tử không thích thú vui thế tục nên bằng lòng cho xuất gia. Thái tử liền đến chỗ các tiên nhân ở trong núi để tu đạo, vua phong cho Nhật trí làm Thái tử. Đại nhật diệu chuyên tâm tu đạo, không bao lâu sau chứng quả Độc giác, sau đó mắc bịnh nặng nên trở về thành Bà-la-nê-tư. Quần thần tâu vua: "Thái tử Đại nhật diệu vào núi tu đạo đã chứng quả Độc giác, nay đã vào thành", vua liền ra nghinh đón đảnh lễ và bạch rằng:

"Thánh giả cần y thực còn tôi cầu phước đức, xin hãy ở lại trong vườn để tôi tùy thời cung cấp các vật cần dùng", Độc giác im lặng nhận lời. Vua biết Độc giác nhận lời liền bảo Thái tử Nhật trí thừa sự cúng dường. Một hôm, Độc giác nhập định quán biết Nhật trí sau bảy ngày nữa sẽ mạng chung liền bảo Nhật trí : "vì sao em không cầu xuất gia", Nhật trí liền muốn xuất gia, Độc giác bảo đến tâu vua cha, Nhật trí đến xin vua cha cho xuất gia, vua nổi giận nói: "Đại nhật diệu anh con đã xuất gia, ta còn con là

người kế vị, con không thể xuất gia". Độc giác nghe biết vua cha không cho em xuất gia liền đến chỗ vua nói kệ:

"Nhật diệu thả Nhật trí,
Cho theo tôi xuất gia,
Xuất gia là hơn hết,
Được chư Phật ngợi khen".

Vua nói: "Thánh giả đã xuất gia, theo quốc pháp phải có người kế vị, nay tôi chỉ còn có Nhật trí. Xin hãy để nó nối ngôi vua, tại gia tu phước cũng đủ, không cần xuất gia", Độc giác nói kệ:

"Vua nghĩ một đàng,
Việc ra một nẻo,
Chỉ bảy ngày sau,
Nhật trí mạng chung".

Vua hỏi: "bảy ngày sau Nhật trí sẽ mang chung sao?", đáp là phải, vua liền nói: "nếu vậy thì ta cho xuất gia". Sau khi xuất gia, Nhật trí phát tâm thiện cúng dường Độc giác, do Độc giác mắc bịnh phong nên tay cầm bát run rẩy không yên, Nhật trí dùng chiếc vòng bằng vàng để đỡ bát cho bát đứng yên và phát nguyện: "nguyện cho đời sau khi nghe pháp, pháp vào tâm con cũng không lay động giống như vậy". Vị Độc giác này tuy chứng quả nhưng không thuyết diệu pháp, Nhật trí yêu cầu nói diệu pháp, Độc giác nói: "ta không thể nói diệu pháp", lại hỏi ai có thể nói, đáp: "khi bậc Ứng chánh đẳng giác ra đời, vị ấy sẽ tuyên thuyết diệu pháp", Nhật trí liền phát nguyện : "nguyện nhờ căn lành này ở đời vị lai con sẽ được làm em Phật, lại được xuất gia, được đích thân cúng dường, nghe pháp liền ghi nhớ được Đại tổng trì", Độc giác nghe rồi liền nói: "sau bảy ngày nữa em sẽ mang chung, vậy hãy thường giữ tâm này đừng cho quên mất". Trải qua bảy ngày Nhật trí vẫn chưa thể đắc quả liền đến từ tạ anh và phát lại lời nguyện trước.

Phật bảo các Bí-sô: "Nhật trí thuở xưa chính là A-nan ngày nay, do nguyện xưa nên nay A-nan làm em thúc bá, được xuất gia và làm thị giả cho ta lại được ta khen ngợi là thông minh trí huệ đa văn bậc nhất, nghe pháp liền nhớ như rót nước vào bình", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "A-nan đời trước đã tạo nghiệp lành gì mà nay ở trong đại chúng được Phật ngợi khen là đa văn bậc nhất, có sức tổng trì ghi nhớ không bỏ sót?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Quá khư Hiền kiếp lúc hữu tình thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Phật

có một đệ tử thông minh bậc nhất, nghe pháp liền ghi nhớ không quên; vị này lại có một đệ tử tuy thường tu phạm hạnh nhưng vẫn chưa được chứng quả. Khi lâm chung vị này phát nguyện: "nguyện nhờ căn lành này ở đời vị lai lúc con người thọ 100 tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ 10 hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy và được Phật thọ ký là bậc đa văn đệ nhất giống như thầy con ngày nay".

Này các Bí-sô, người đệ tử ấy chính là A-nan ngày nay, do dời trước phát nguyện với tâm thiện nên ngày nay được ta khen ngợi là bậc đa văn đệ nhất trong số đệ tử của ta.

Này các Bí-sô, tạo nghiệp đen, trắng hay xen tạp đều có quả báo tương ứng; các thầy hãy bỏ nghiệp đen và nghiệp xen tạp, hãy tu trắng. Phật trụ trong Trúc Lâm Yết lan Đạc Ca ở thành Vương Xá cùng năm trăm Bí-sô đều là A-la-hán, chỉ riêng có Đề-bà-đạt-đa chưa chứng Thánh quả. Lúc đó thời thế mất mùa đói kém khất thực khó được, cho nên các Bí-sô đắc thần thông có người đến rừng Thiệm Bộ ở Nam Thiệm Bộ châu để hái quả Thiệm Bộ với đủ sắc hương vị mang về trú xứ, tự được no đủ và chia đều cho các Bí-sô; có người đến Bắc cu lô châu lấy lúa thơm tự nhiên mang về cùng chia nhau ăn…; có người lên cõi trời Tứ Đại vương chúng, hoặc trời Tam Thập Tam lấy diệu thực của cõi trời mang về cùng chia nhau ăn; có người đến các phương khác những nơi trù phú sung túc để lấy thức ăn ngon mang về cùng chia nhau ăn. Đề-bà-đạt-đa thấy các Bí-sô có thần thông tự tại như vậy liền suy nghĩ: "Hiện nay gặp lúc mất mùa đói kém khất thực khó được, các Bí-sô đắc thần thông đều đến rừng thiệm Bộ… giống như đoạn văn trên. Nếu ta đắc thần thông ta cũng có thể đi được như thế. Nhưng ai có thể dạy ta pháp thần thông, ta nên đến chỗ Thế Tôn hỏi về điều này, Phật dạy thế nào ta phụng trì thế nấy". Nghĩ rồi v Đề-bà-đạt-đa rời khỏi chỗ ngồi đi đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế Tôn, xin hãy dạy cho con pháp thần thông". Lúc đó Thế Tôn quán biết Đề-bà-đạt-đa sanh niệm tà sẽ tạo tội nghịch nên nói rằng: "thầy nên thọ trì giới tăng thượng trước, kế siêng tu Định Huệ tăng thượng thì sẽ được thần thông". Nghe Phật nói rồi Đề-bà-đạt-đa liền nghĩ là Thế Tôn không muốn dạy cho mình pháp thần thông nên lui về, sau đó đến chỗ A Nhã Kiều-trần-như bạch rằng: "cúi xin Thượng Tọa dạy cho tôi pháp thần thông". Cụ thọ A Nhã Kiều-trần-như liền quán tâm Phật biết được do Phật quán biết Đề-bà-đạt-đa sanh niệm tà sẽ tạo tội nghịch nên không dạy thần thông cho Đề-bà-đạt-đa , quán biết rồi liền nói rằng: "thầy nên siêng tu tập tâm tăng thượng, quán nơi sắc… thì sẽ được thần thông". Đề-bà-đạt-đa nghe rồi nghĩ là A Nhã Kiều-trần-như không muốn dạy cho mình nên bỏ đi. Sau đó lần

lượt đến chỗ các vị thượng tọa như Mã Thắng, Hiền tử, Đại danh Xưng, Viên Mãn, Vô Cấu, Ngưu Vương, Diệu Tý… tất cả là 500 vị thượng tọa để xin học pháp thần thông, nhưng tất cả vị thượng tọa này đều quán tâm Phật biết được do Phật quán biết Đề-bà-đạt-đa sanh niệm tà sẽ tạo tội nghịch nên đã không dạy pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-đa, quán biết rồi nói rằng: "thầy nên tu tập tâm tăng thượng, quán nơi sắc… cho đến quán Thọ, tưởng, hành thức cũng như vậy, thì sẽ được thần thông và các pháp khác". Đề-bà-đạt-đa nghe thấy 500 vị thượng tọa đều nói giống như nhau liền biết là không muốn dạy pháp thần thông cho mình liền suy nghĩ: "không lẽ không còn ai dạy pháp thần thông cho ta sao?". Lúc đó Đề-bà-đạt-đa liền nghĩ đến cụ thọ Thập Lực Ca-diếp đang ở trong hang Tiên tiên nhân ca thành Vương Xá: "Thập Lực Ca-diếp tánh không dối nịnh, nói lời chơn thật, là Ô-ba-đà-da của A-nan-đà em ta, có thể dạy ta pháp thần thông". Nghĩ rồi liền đi đến chỗ Thập Lực Ca-diếp đảnh lễ rồi bạch rằng: "cúi xin thượng tọa dạy cho tôi pháp thần thông". Cụ thọ Thập Lực Ca-diếp do không quán tâm Phật và tâm của năm trăm Thượng tòa, cũng không biết Đề-bà-đạt-đa sanh niệm tà sẽ tạo tội nghịch, nên dạy pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa nghe rồi liền siêng năng tu tập đến sau đêm nương theo đạo thế tục mà chứng được Sơ tĩnh lự, phát ra thần thông, chuyển một thân thành nhiều thân, chuyển nhiều thân thành một thân, hoặc hiện hoặc ẩn, có thể đi xuyên qua núi, đá, vách như đi trong hư không không có ngăn ngại; vào trong đất như đi trong nước, đi trên mặt nước như đi trên mặt đất, ngồi kiết già trong hư không như chim bay, hoặc dùng tay sờ mặt trời, mặt trăng … Có được thần thông rồi Đề-bà-đạt-đa suy nghĩ: "nay các Bí-sô khất thực khó được, ta trước đến trong rừng Thiệm Bộ hái quả thơm ngon để ăn rồi chia cho các vị khác, kế đến các châu Đông, Tây, Bắc, cõi trời Tứ Đại vương chúng, Tam thập tam và các nơi trù phú khác lấy lấy thức ăn cho mình và chia cho các vị khác". Đề-bà-đạt-đa lại nghĩ: "ta nên nghĩ cách giáo hóa vua nước Ma-kiệt-đà, nếu người này được giáo hóa rồi ta có thể thu phục nhiều người không khó. Thái tử A-xà-thế sau khi vua cha qua đời sẽ làm quốc vương, có đại tự tại, ta nên giáo hóa người này trước, sau mới thu phục nhiều người không khó". Nghĩ rồi Đề-bà-đạt-đa liền hóa làm thân voi trắng từ cửa lớn vào rồi đi ra cửa nhỏ, lại từ cửa nhỏ đi vào rồi đi ra cửa lớn; hoặc hóa làm người đang cởi ngựa ra vào các cửa giống như trên; hoặc làm Bí-sô cạo bỏ râu tóc, đắp y như pháp mang bát ra vào các cửa như trên. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa hóa làm đồng tử trang sức bằng các chuỗi anh lạc rực rỡ ngồi trên đầu gối của Thái tử, hoặc đứng đi… Thái tử biết là do Đề-bà-đạt-đa hiện thần thông biến hóa nên ôm hôn đồng tử, nước miếng của Thái tử chảy vào

miệng của đồng tử. Do Đề-bà-đạt-đa có tâm tham cầu lợi dưỡng nên nuốt nước miếng này, Thái tử khởi tâm tà cho là đức của Đề-bà-đạt-đa thù thắng hơn đức Phật. Đề-bà-đạt-đa hiện trở lại thân chân thật, Thái tử sanh tâm tín kính đảnh lễ và cho chở các món cúng dường trên năm trăm xe báu để tiễn Đề-bà-đạt-đa ra về. Kể từ ngày hôm đó mỗi ngày hai lần sáng chiều, Thái tử đều dùng xe báu đến chỗ Đề-bà-đạt-đa kính lễ, mỗi bửa ăn dâng cúng năm trăm chõ thức ăn thượng diệu cho Đề-bà-đạt-đa và năm trăm Bí-sô tùy thuận Đề-bà-đạt-đa. Lúc đó các Bí-sô sáng sớm vào thành khất thực nghe biết sự việc như trên nên sau khi khất thực xong trở về bổn xứ, ăn xong rửa bát, rửa tay chân rồi liền đến chỗ Phật, đảnh lễ Phật rồi đem sự việc nghe biết được về Đề-bà-đạt-đa bạch Phật, Phật nghe rồi liền bảo các Bí-sô: "các thầy đừng nên hâm mộ việc Đề-bà-đạt-đa thọ nhận sự cúng dường thượng diệu đó, vì sao? Vì Đề-bà-đạt-đa sẽ bị sự cúng dường thượng diệu này giết hại, như cây chuối trổ buồng, như cây trúc Vĩ có trái, như con La mang thai đều tự hại thân. Đề-bà-đạt-đa cũng như thế, thọ nhận sự cúng dường thượng diệu của người ắt tự hại mình. Này các Bí-sô, nếu khi Đề-bà-đạt-đa được lợi dưỡng thì người ngu này có thể đêm dài thọ lãnh việc không lợi ích, khổ não". Lúc đó Đề-bà-đạt-đa sau khi được sự cung kính cúng dường như vậy rồi liền khởi niệm tà ác: "Thế Tôn nay đã già yếu, nếu giáo thọ cho bốn chúng rất nhọc mệt. Nay đến lúc nên giao phó đại chúng cho ta, ta sẽ giáo thọ cho họ, Thế Tôn nên ít lo nghĩ, thọ hiện pháp lạc trụ trong tịch tĩnh". Đề-bà-đạt-đa vừa sanh niệm tà ác này liền thối mất thần thông mà không tự biết. Lúc đó có một Bí-sô đệ tử của Phật tên là Ca-câu-la từng ở bên Phật siêng tu tịnh hạnh, đối dục trừ dục nên sau khi mạng chung được sanh lên cõi trời Phạm. Ca-câu-la dùng Thiên nhãn quán thấy Đề-bà-đạt-đa do khởi niệm tà ác mà thối mất thần thông liền ẩn thân ở Phạm cung, như tráng sĩ co duỗi cánh tay hiện đến chỗ cụ thọ Mục Kiền Liên ở trong rừng Khủng bố lộc núi Giao ngư, đảnh lễ rồi bạch rằng: "Đại đức biết chăng, Đề-bà-đạt-đa do tham lợi dưỡng đã khởi lên niệm tà ác… giống như đoạn văn trên. Vừa khởi niệm tà ác này liền thối mất thần thông. Lành thay, đại đức Mục Kiền Liên nên đến chỗ Phật bạch rõ việc này". Cụ thọ Mục Kiền Liên im lặng nhận lời, Ca câu la biết cụ thọ Mục Kiền Liên đã nhận lời rồi liền ẩn thân trở về Phạm cung. Sau khi Phạm thiên Ca câu la đi rồi, cụ thọ Mục Kiền Liên liền nhập Thắng định, như tráng sĩ co duỗi cánh tay ẩn thân ở núi Giao ngư hiện đến Trúc Lâm, chỗ Thế Tôn đang ở, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên rồi đem lời của Phạm thiên Ca câu la vừa nói bạch Phật, Phật nghe rồi nói rằng: "Thầy đợi Phạm thiên Ca câu la đến nói mới biết Đề-bà-đạt-đa có niệm tà ác hay sao?". Mục Liên bạch Phật: "Thế Tôn con đã biết

trước". Lúc đó Đề-bà-đạt-đa cùng bốn Bí-sô bè đảng đi đến chỗ Phật: 1. Là Cô ca Lợi Ca. 2. Là Khiên Đồ Đạt Phiêu. 3. Là Yết Tra Mô Lạc Ca Để Sái. 4. Là Tam Một Đạt La Đạt Đa. Phật từ xa trông thấy liền bảo Mục Liên: "Thiên Thọ sắp đến, người ngu si này đích thân đến trước ta khoác lác, thầy nên khéo hộ lời nói". Cụ thọ Mục Kiền Liên liền đảnh lễ Phật rồi nhập định, như tráng sĩ co duỗi cánh tay, ẩn thân ở Trúc lâm trở về núi Giao ngư. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa đến đảnh lễ Phật rồi bạch rằng: "Thế Tôn nay đã già yếu, giáo thọ cho 4 chúng rất nhọc mệt. Thế Tôn nên giao phó đại chúng cho con, con sẽ giáo thọ họ. Thế Tôn nên ít lo nghĩ, thọ hiện pháp lạc trụ trong tịch tĩnh". Thế Tôn nói: "Đại trí bậc nhất như Xá-lợi-tử, thần thông bậc nhất như Mục Kiền Liên trong số các đệ tử đã chứng quả A-la-hán, ta còn không phó chúc Bí-sô tăng già cho họ, huống chi thầy là người ngu si nuốt đàm dãi của người khác". Đề-bà-đạt-đa nghe rồi liền suy nghĩ: "hôm nay Thế Tôn khen ngợi Xá-lợi-tử, Mục Kiền Liên mà gọi ta là người ngu si nuốt đàm dãi của người khác", nghĩ rồi liền phát sanh bảy loại tâm nghịch đối với Thế tôn.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 14

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa thở dài buồn bã, gật đầu ba cái rồi đứng dậy đi. Lúc đó A-nan đang đứng quạt hầu cho Phật, Phật bảo A-nan: "thầy hãy đi thông báo cho các Bí-sô trong thành Vương xá đến tụ họp ở giảng đường, tụ họp xong thì báo cho Như lai biết", A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo, các Tỳ kheo tụ họp xong liền đến bạch Phật tự biết thời. Phật đến giảng đường trải tòa ngồi giữa đại chúng bảo các Tỳ kheo: "này các Tỳ kheo, ở đời có năm loại bậc thầy:

1. Là bậc thầy không thanh tịnh trì giới mà tự nói là thanh tịnh trì giới, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình không thanh tịnh trì giới mà tự nói là thanh tịnh trì giới, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc trì giới giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu được che giấu, che chở về việc trì giới.

2. Là bậc thầy mạng bất tịnh (nghề nghiệp sinh sống không thanh tịnh mà tự nói là tịnh mạng, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình mạng không thanh tịnh trì mà tự nói là mạng thanh tịnh, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc tịnh mạng giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che chở che giấu về việc tịnh mạng.

3. Là bậc thầy tri kiến không thanh tịnh mà tự nói là tri kiến thanh tịnh, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình tri kiến không thanh tịnh mà tự nói là tri kiến thanh tịnh, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì

chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc tri kiến thanh tịnh giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che giấu, che chở về việc tri kiến thanh tịnh.

4. Là bậc thầy không khéo ghi nhớ sự việc mà tự nói là khéo ghi nhớ, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình không khéo ghi nhớ sự việc mà tự nói là khéo ghi nhớ, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc khéo ghi nhớ sự việc giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che giấu, che chở về việc khéo ghi nhớ sự việc.

5. Là bậc thầy không thuyết pháp thanh tịnh mà tự nói là thuyết pháp thanh tịnh, các đệ tử cùng ở chung biết thầy mình không thuyết pháp thanh tịnh mà tự nói là thuyết pháp thanh tịnh, nhưng họ lại nghĩ là nếu chúng ta nói sự thật này thì thầy sẽ không vui, chúng ta cũng không vui; huống chi chúng ta nhờ thầy mà được y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thầy chăm lo cho chúng ta thì chúng ta không nên nói gì. Như vậy các đệ tử che giấu, che chở về việc thuyết pháp thanh tịnh giúp cho thầy; thầy cũng theo đệ tử cầu che giấu, che chở về việc thuyết pháp thanh tịnh.

Này các Tỳ kheo, Như lai thanh tịnh trì giới, cũng tự nói là thanh tịnh trì giới. Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về việc thanh tịnh trì giới. Như lại là tịnh mạng, cũng tự nói là tịnh mạng; Như lai cũng không cầu đệ tử che giấu hay che chở về tịnh mạng. Như lai có tri kiến thanh tịnh, cũng tự nói ta có tri kiến thanh tịnh ; Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về tri kiến thanh tịnh. Như lai khéo ghi nhớ sự việc, cũng tự nói là khéo ghi nhớ sự việc ; Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về việc khéo ghi nhớ sự việc. Như lai thuyết pháp thanh tịnh, cũng tự nói là thuyết pháp thanh tịnh ; Như lai không cầu đệ tử che giấu hay che chở về thuyết pháp thanh tịnh. Như lai thật có pháp này và nói như thật; Như lai không cần nhờ đệ tử che chở cho mình. Còn năm hạng bậc thầy trên vì nói dối thế gian, vì tự có tội lỗi nên cần các đệ tử che chở cho mình; nhưng ta thì thường hay quở trách các thầy. Nếu Bí-sô nào chấp nhận sự quở trách của ta thì có thể ở gần ta, thọ pháp của ta; nếu không chấp nhận thì sẽ tự thối lui tan hoại. Ví như thọ gốm đem vật chưa nung bỏ vào lò nung, vật tốt sẽ tự hiện sự chắc thật của mình, vật xấu sẽ bị vỡ, thọ gốm cũng không tiếc rẽ hay lo sợ vì tốt xấu tự hiện. Cũng vậy khi truyền trao giới pháp, ta thường quở trách, người tốt sẽ tự rèn luyện thành chơn chánh, người xấu tự

sẽ thối li tan hoại. Do pháp ta nói ra là thanh tịnh nên ta không lo sợ, các thầy nên hiểu rõ". Phật nói xong rời khỏi chỗ ngồi trở về phòng mình, lúc đó Đề-bà-đạt-đa nói với bốn Bí-sô bè đảng trợ giúp: "bốn vị nên cùng giúp tôi phá Tăng già hòa hợp và phá pháp luân tăng của sa môn Kiều-đáp-ma. Nếu thành công thì sau khi chúng ta qua đời tiếng tăm vang khắp mười phương là sa môn Kiều-đáp-ma còn ở đời mà Đề-bà-đạt-đa có đại oai đức, có thế lực đã cùng với bốn bạn đảng đã phá Tăng già hòa hợp và phá pháp luân tăng". Cô ca lợi ca nói: "nay chúng ta không thể làm được việc này, vì sao?, vì hàng đệ tử Thanh văn của đức Bạc già phạm có đại oai lực, thiên nhãn sáng tỏ, thấu biết tâm của người khác. Sự vật tuy ở xa nhưng họ có thể trông thấy, họ ở gần người khác mà người khác không hay. Việc làm của chúng ta họ đều dự biết trước". Thiên Thọ nghe rồi nói: "Các vị nên cùng tôi lập bày phương tiện". Hỏi: "phương tiện như thế nào?", đáp: "chúng ta trước nên đến chỗ các bậc thượng tọa kỳ niên túc đức cúng dường các tư cụ thượng diệu và cung cấp các vật cần dùng đừng để thiếu thốn. Đối với các Bí-sô niên thiếu chúng ta cũng cung cấp như vậy khiến cho họ hoan hỉ, hoặc cho họ y bát, đãy đựng y bát, dây lưng…, hoặc chỉ dạy họ đọc tụng tác ý tương ưng…". Nhóm bạn trợ giúp phá tăng này đều khen là phương tiện hay khiến cho Thiên Thọ càng thêm kiêu mạn muốn phá Tăng già. Các Bí-sô biết rõ hành vi tiến thú muốn phá Tăng luân của Thiên Thọ liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên can riêng Thiên Thọ, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can như sau: "Thiên Thọ chớ nên phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh chấp chặt không bỏ. Thiên Thọ nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Thiên Thọ nên bỏ việc phá tăng". Các Bí-sô vâng lời Phật dạy đến can riêng Thiên Thọ, văn khuyên can giống như đoạn văn trên. Khi các Bí-sô can riêng như vậy, Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Các Bí-sô liền đem nhơn duyên việc này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma đối trong chúng can ngăn, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can ngăn. Nên trải tọa cụ, đánh kiền chùy trước tác bạch rồi sau tập họp Tăng. Khi Tăng già nhóm họp rồi một Bí-sô tác pháp yết ma, trước tác bạch như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Đề-bà-đạt-đa này muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các Bí-sô đã can riêng nhưng Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Nếu Tăng đúng thời đến, Tăng nay

chấp thuận bạch tứ yết ma can ngăn việc Đề-bà-đạt-đa làm rằng: "này Đề-bà-đạt-đa , thầy chớ muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-đa hãy nên bỏ việc phá Tăng". Bạch như vậy". Kế tác yết ma như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Đề-bà-đạt-đa này muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các Bí-sô đã can riêng nhưng Đề-bà-đạt-đa chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ, nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Tăng nay bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa rằng: "này Đề-bà-đạt-đa, thầy chớ muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng tăng già hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-đa hãy nên bỏ việc phá Tăng". Nếu các cụ thọ chấp thuận bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa rằng: "này Đề-bà-đạt-đa , thầy chớ nên phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Thầy nên cùng tăng già hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Đề-bà-đạt-đa hãy nên bỏ việc phá tăng" thì im lặng, vị nào không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất; yết ma lần thứ hai, thứ ba cũng nói như vậy.

Tăng nay đã bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa xong rồi, Tăng chấp thuận vì im lặng. Tôi nay nhớ giữ như vậy.

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy bạch tứ yết ma can ngăn Đề-bà-đạt-đa xong rồi, nhưng Đề-bà-đạt-đa vẫn chấp chặt việc mình làm không chịu bỏ nói rằng: "việc này chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Bốn người bạn trợ giúp Đề-bà-đạt-đa trong việc phá tăng nói với các Bí-sô: "các Đại đức chớ nói Bí-sô kia (Đề bà) là thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, y nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích", các Bí-sô đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên can riêng bốn người bạn trợ giúp Đề-bà-đạt-đa phá tăng này, nếu có người nào giống như vậy cũng nên can như sau:

Này các vị Cô ca lý ca, Khiên đồ đạt phiêu, Yết tra mô lạc ca để sái, Tam một đạt la đạt đa nên biết, Bí-sô Thiên thọ muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp. Các vị chớ tùy thuận trợ giúp phá tăng theo tà bỏ chánh, các vị chớ nói với các Bí-sô rằng: "các Đại đức chớ

nói Bí-sô Đề bà thiện hay ác, vì sao?, vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, y theo pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích". Này các cụ thọ, Bí-sô kia nói lời phi pháp, phi luật, không nương theo pháp luật mà nói, không biết mà nói, không phải biết mới nói . Các vị chớ nên ưa thích phá hòa hợp tăng, nên ưa thích Tăng hòa hợp. Các vị nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Các vị hãy nên bỏ việc tùy thuận phá hòa hợp tăng.

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy can riêng bốn người bạn tùy thuận trợ giúp phá tăng, nhưng bốn người này không chịu nghe lời can ngăn vẫn chấp chặt không bỏ nói rằng: "việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng", các Bí-sô liền đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Các thầy nên bạch tứ yết ma đối trong chúng can ngăn bốn người bạn tùy thuận trợ giúp phá tăng này, nếu có người nào khác giống như vậy cũng nên can. Trước tác bạch như sau:

"Đại đức Tăng lắng nghe, Cô ca lý ca, Khiên đồ đạt Phiêu, Yết tra mô lạc ca để sái , Tam một đạt la đạt đa bốn vị này biết Bí-sô Đề bà muốn phá hòa hợp Tăng, gây ra việc đấu tranh trụ trong phi pháp, mà vẫn tùy thuận trợ giúp làm việc không hòa hợp. Khi các Bí-sô can ngăn, các vị này nói rằng: "các Đại đức chớ nói Bí-sô Đề bà là thiện hay ác, vì sao? Vì Bí-sô kia là người nói đúng pháp, là người nói đúng luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích". Khi các Bí-sô can riêng như vậy, họ vẫn chấp chặt không bỏ nói rằng: "việc này là chơn thật, các việc khác đều là hư vọng". Nếu tăng đúng thời đến, Tăng nay bạch tứ yết ma can ngăn bốn người Cô ca lý ca… "này Cô ca lý ca… các vị biết Bí-sô kia muốn phá hòa hợp tăng, gây ra việc đấu tranh, trụ trong phi pháp mà vẫn thuận theo Bí-sô kia làm việc không hòa hợp. Khi các Bí-sô can ngăn lại nói với các Bí-sô rằng: các Đại đức đừng nói Bí-sô kia là thiện hay ác, vì sao? Vì Bí-sô kia là người nói như pháp, như luật, nương nơi pháp luật mà nói, biết mới nói, không phải không biết mà nói; điều mà Bí-sô kia ưa thích, tôi cũng ưa thích". Nhưng Bí-sô kia là người nói phi pháp, phi luật, nương theo phi pháp phi luật chấp chặt không bỏ, không biết mà nói, không phải biết mới nói. Các cụ thọ chớ ưa thích phá Tăng, nên ưa thích Tăng hòa hợp. Các cụ thọ nên cùng Tăng hòa hợp, hoan hỉ không tranh chấp, đồng lòng một lời như nước với sữa, khiến cho giáo pháp của Đại sư được ngời sáng, trụ trong an lạc. Các cụ thọ hãy bỏ việc tùy thuận phá tăng không hòa hợp. Bạch như vậy.

Kế tác yết ma chuẩn theo văn tác bạch mà làm".

Các Bí-sô vâng lời Phật dạy liền bạch tứ yết ma can ngăn bốn người Cô ca lý ca… nhưng bốn người này vẫn chấp chặt không bỏ nói rằng: "việc này là chơn thật, các việc khác là hư vọng", các Bí-sô đem nhân duyên này bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "Đề-bà-đạt-đa cùng bốn người bạn này thuận theo tà trái bỏ chánh, từ nay về sau phá Tăng già đệ tử hòa hợp của ta và phá pháp luân có uy lực lớn". Đề-bà-đạt-đa nghe được lời này liền nói: "Sa môn Kiều-đáp-ma đã thọ ký cho ta với các Bí-sô rằng: Đề-bà-đạt-đa cùng bốn người bạn kia thuận theo tà trái bỏ chánh, từ nay về sau phá tăng già đệ tử hòa hợp của ta và phá pháp luân có uy lực lớn". Kế nói với bốn người bạn trợ giúp việc phá tăng rằng: "các vị nên biết, sa môn Kiều-đáp-ma đã thọ ký cho ta với các Bí-sô… như trên". Từ đó Đề bà đối với việc phá tăng càng thêm mạnh mẽ, các Bí-sô nghe rõ sự việc liền bạch Phật, Phật do nhơn duyên này nhóm họp Bí-sô Tăng già hỏi Đề-bà-đạt-đa: "Thầy thật muốn phá Tăng già hòa hợp, gây ra việc đấu tranh, trụ trong phi pháp phải không ?". Đề-bà-đạt-đa đáp: "Thật vậy, Thế Tôn". Thế Tôn liền quở trách Đề-bà-đạt-đa: "Việc thầy đã làm không phải là sa môn, không phải hạnh tùy thuận, không phải tịnh hạnh, là việc không nên làm, không phải là việc nên làm của người xuất gia. Bí-sô nào phương tiện phá tăng đều mắc tội Ác tác, khi can ngăn riêng không chịu bỏ cũng phạm Ác tác, khi tác bạch yết ma như pháp, như luật, như lời Phật dạy can, nếu chịu bỏ thì tốt, nếu không chịu bỏ thì khi tác bạch xong phạm tội thô, yết ma lần thứ nhất, lần thứ hai không chịu bỏ cũng phạm tội Thô, lần thứ ba xong không chịu bỏ thì phạm Tăng già bà thi sa".

Lúc đó Thế Tôn ở nơi tòa ngồi của mình muốn chế học xứ bạn tùy thuận phá tăng cho các đệ tử Thanh văn nên bảo các Bí-sô: "Này các Bí-sô, khoan hãy đứng dậy đi, Tăng già còn một việc". Thế Tôn liền hỏi bốn người bạn tùy thuận trợ giúp việc phá tăng là Cô ca lý ca…:

"Các thầy thật biết Đề-bà-đạt-đa muốn phá hòa hợp tăng, khởi phương tiện phá tăng lại khuyên gây ra việc đấu tranh, chấp chặt không bỏ. Các thầy cùng làm bạn trợ giúp thuận theo tà trái bỏ chánh và nói với các Bí-sô rằng: "các Đại đức đừng nói Bí-sô Đề Bà là thiện hay ác…", kế chế học xứ nói đầy đủ như trong Tỳ ni.

Lúc đó cụ thọ Thập lực Ca-diếp dạy đạo pháp thần thông cho Đề-bà-đạt-đa nên các Bí-sô trách, Thập lực Ca-diếp nói: "tôi thật không biết người này ác hạnh, nếu biết thì chữ thần tôi cũng không dạy huống chi là đạo thần thông". Lại có nhiều Bí-sô nói với Đề-bà-đạt-đa: "thầy được lợi dưỡng và

cúng dường của vua đều là nhờ ân đức của cụ thọ Thập lực Ca-diếp, thầy hãy đến cúng dường vị ấy", nói như thế là muốn tạo phương tiện cho Thập lực Ca-diếp khuyên can Đề-bà-đạt-đa bỏ tâm ác hành thiện; nhưng Đề-bà-đạt-đa lại nói: "Thập lực Ca-diếp cho ta năng lực gì, đều là do ta ngày đêm thường tinh tấn khổ hạnh nên được Sơ thiền tĩnh lự. Đó là do ta tự cầu, không liên can đến Thập lực Ca-diếp", vừa nói xong lời vô ân này, Đề-bà-đạt-đa liền mất hết thần thông đã có. Các Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà thuở xưa cũng vì nói lời vô ân nên Đề-bà-đạt-đa mất hết thần thông, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Phạm thọ, trong thành có một người dòng Chiên đà la rất giỏi chú thuật Kiền đà la. Nương vào chú thuật này có thể bay lên không trung, đến núi Hương hái hoa quả kỳ diệu đem về dâng cho vua, khiến vua cung kính hoan hỉ đem một tụ lạc ban cho Chiên đà la này. Lúc đó ở Nam Thiên trúc có một Ma-nạp-bà muốn học chú thuật này nên đến thành Bà-la-nê-tư hỏi thăm ai giỏi chú pháp, có người nói là Chiên đà la, Ma-nạp-bà nghe rồi liền đến chỗ Chiên đà la chắp tay bạch rằng: "con đến đây thừa sự cúng dường thầy để cầu học chú pháp", Chiên đà la nói kệ:

"Minh chú không cho người,
Phải trao đổi mới cho,
Hoặc là phải thừa sự,
Hoặc là dâng trân bảo,
Nếu không làm như vậy,
Chết cũng không truyền trao".

Ma-nạp-bà nói: "con không có trân bảo, chỉ có thừa sự thì trong bao lâu mới được học chú thuật", đáp là trong mười hai năm, Ma-nạp-bà vì muốn học chú thuật nên ở lại hết lòng thừa sự như thế trải qua một năm. Lúc đó Chiên đà la đến nhà bà con dự tiệc uống rượu say đến tối mới về nhà, Ma-nạp-bà suy nghĩ: "thầy đã uống say, đêm nay ta nên hầu hạ chu đáo hơn", nghĩ rồi liền trải giường tòa cho thầy nằm ngủ. Đêm đó thầy trở mình khiến thanh ngang của giường bị gãy, Ma-nạp-bà suy nghĩ: "thanh ngang của giường bị gãy, thầy sẽ nằm ngủ không yên, ta nên chui xuống giường dùng sống lưng đỡ không cho thanh ngang của giường rơi xuống đất", nghĩ rồi liền chui xuống giường nằm để đỡ thanh ngang của giường không cho rơi xuống đất. Thường pháp của người say là nếu khỏe mạnh thì sẽ tỉnh vào canh hai, nhưng vì uống quá nhiều nên người thầy vẫn chưa tỉnh và mửa đầy trên người của Ma-nạp-bà. Lúc đó Ma-nạp-bà suy nghĩ: "nếu vì việc này mà ta lên tiếng thì thầy sẽ không ngủ được", nghĩ rồi liền nằm

im chịu trận, đến nữa đêm người thầy tỉnh dậy thấy có người nằm dưới giường liền hỏi là ai, đáp là con, người thầy hỏi rõ nguyên do rồi hoan hỉ nói rằng: "ta rất hài lòng về con, con hãy chui ra và đi tắm rửa sạch sẽ, sáng mai đến đây ta sẽ dạy cho cho chú pháp". Ma-nạp-bà liền đi tắm rửa, giặt sạch quần áo, sáng hôm sau liền đến chỗ người thầy để học chú pháp. Sau khi học xong, Ma-nạp-bà nôn nóng suy nghĩ: "ta học xong chú pháp này, nay nên thực hành thử", nghĩ rồi liền hành chú pháp để bay lên không trung, đến núi Hương hái hoa quả đem về dâng cho các đại thần, các đại thần hiến dâng cho vua, vua hỏi có được từ đâu, liền đáp: "có một Ma-nạp-bà người Nam Thiên trúc dâng cho thần, thần dâng cho vua. Ma-nạp-bà này giỏi chú pháp lại thuộc quý tộc, vua nên dùng Ma-nạp-bà này, đừng dùng Chiên đà la nữa, vì Chiên đà la thuộc giai cấp hạ tiện. Vua nên đuổi đi và lấy lại tụ lạc đem cho Ma-nạp-bà". Vua nghe lời đuổi Chiên đà la và lấy lại tụ lạc đem cho Ma-nạp-bà, Chiên đà la nói: "Ma-nạp-bà này là đệ tử của tôi, chú pháp làm sao hơn tôi được", vua nghe rồi liền hỏi Ma-nạp-bà: "chú pháp của người là do Chiên đà la truyền dạy phải không?", Ma-nạp-bà nói: "Đại vương, do tôi tự khổ hạnh suốt trong một năm mới cầu được chú pháp này, không phải do Chiên đà la cho không", vừa nói xong lời vô ân này, những pháp đã học đều mất hết hiệu nghiệm.

Phật bảo các Bí-sô: "Ma-nạp-bà thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, xưa vì vô ân nên mất hết những pháp đã học, nay vì vô ân nên mất hết thần thông. Các Bí-sô nên biết không được vô ân đối với vị thầy dạy pháp cho mình. Từ nay về sau người vô ân sẽ phạm tội Việt pháp".

Lúc đó Phật từ thành Vương xá du hành đến núi Già da, Đề-bà-đạt-đa cũng cùng năm trăm Bí-sô du hành trong nhân gian. Vua A-xà-thế vì yêu mến Đề-bà-đạt-đa nên cho năm trăm cỗ xe chở lương thực đi theo, các Bí-sô gặp giữa đường liền hỏi chở lương thực cho ai, đáp là vua A-xà-thế dâng cúng Đề-bà-đạt-đa. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật và nói: "vua A-xà-thế vô trí cho năm trăm cỗ xe chở lương thực cúng dường cho Đề-bà-đạt-đa mà không cúng dường cho Thế tôn", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay vua A-xà-thế vô trí cúng dường cho người vô trí, mà ngày xưa cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, ở phía Đông nước Thiên trúc có một thôn, cách thôn không xa có một khu rừng với hoa quả tốt tươi và suối trong mát… Trong rừng có năm trăm tiên nhân ở, thường lượm trái cây rụng để ăn và lấy vỏ cây làm y phục; họ thấy trên cây A-ma-lặc đầy quả trĩu nặng với nhiều quả sắp chín nên đến xin thần cây, thần cây xẻn tiếc nên không cho trái rụng xuống.

Các tiên nhân thấy vậy liền để một vị ở lại trông chừng, các vị khác đến các cây khác xin; lúc đó có năm trăm giặc cướp vào trong rừng, thấy cây đầy trái liền nói với nhau: "chúng ta làm cách nào để ăn được trái cây này", chúa giặc nói: "các ông lấy rìu đốn ngã cây này làm cho trái rụng xuống để lấy ăn". Thần cây nghe chúa giặc nói như thế liền lo sợ nên lay động thân mình khiến cho trái cây rơi xuống, bọn cướp xúm lại lượm trái cây ăn xong rồi bỏ đi. Các tiên nhân trở lại thấy trái cây đã rụng hết liền hỏi vị tiên ở lại trông chừng: "ai đã ăn hết trái trên cây?", vị tiên này kể lại sự việc trên, các tiên nhân trách thần cây: "ngươi thật vô trí, không cho người thiện trái cây lại cho người ác ăn hết".

Phật bảo các Bí-sô: "thần cây vô trí thuở xưa chính là vua A-xà-thế ngày nay, chúa giặc thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay. Thuở xưa vô trí cho người ác ăn hết trái cây, không cho người thiện; nay vô trí cúng dường nhiều ẩm thực cho Đề-bà-đạt-đa mà không cúng dường cho Bí-sô thanh tịnh".

Lúc đó Phật cùng đại chúng Bí-sô từ nước Ma-kiệt-đà du hành đến thành Vương xá trụ ở vườn trúc Yết lan đạc ca. Do Đề-bà-đạt-đa ở tại thành này làm nhiều việc phi pháp nên dân trong thành đến bạch Phật, Phật bảo A-nan: "thầy hãy dẫn theo một Bí-sô vào trong thành Vương xá nơi ngã tư đường ; gặp bất cứ Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ đều nên nói rằng: "nếu Đề-bà-đạt-đa và các bạn đảng làm việc phi pháp, tạo tội lỗi gì thì các vị không nên phỉ báng Phật pháp tăng, vì sao, vì thầy ấy không còn hành theo Pháp Phật nữa. Nếu có ai nói Đề-bà-đạt-đa có thần thông oai đức thì các vị nên nói với họ rằng: trước đây Đề-bà-đạt-đa có thần thông nhưng nay đã mất hết", A-nan vâng lời Phật dạy vào trong thành Vương xá thông báo cho mọi người biết như trên rồi nói: "từ nay về sau, Đề-bà-đạt-đa có làm việc phi pháp gì, các vị đừng nên đến nói với Phật nữa". Lúc đó Phật hiện thân có bịnh, Y vương Thị-phược-ca điều chế thuốc cho Phật uống có tên là Na la nhã, Phật nói: "thuốc này không thể nghĩ bàn", Thị-phược-ca cũng nói là không thể nghĩ bàn, Phật nói: "rất không thể nghĩ bàn", Thị-phược-ca cũng nói là rất không thể nghĩ bàn, Phật lại hỏi: "ông có thể biết hay không?", Thị-phược-ca đáp là biết, Phật lại hỏi: "ông thật biết phải không?", Thị-phược-ca đáp là thật không biết, Phật lại hỏi: "cái gì không thể nghĩ bàn?", đáp: "bò ăn cỏ nước có thể sanh ra chất cam lồ, chất Tô này điều chế thành thuốc Na la nhã rất vi diệu", Phật lại hỏi: "cái gì rất không thể nghĩ bàn ?", đáp: "Phật ra đời thuyết giảng diệu pháp, có thể làm cho Tăng chúng hành theo giáo pháp, việc này rất không thể nghĩ bàn", Phật lại hỏi: "ông có thể biết việc gì?", đáp: "tất cả đều sẽ chết, trừ Phật ra, không

ai thoát khỏi", Phật lại hỏi: "ông thật không biết việc gì?", đáp: "con biết người sẽ chết nhưng thật không biết họ sẽ về đâu". Lúc đó các Bí-sô có nghi thỉnh hỏi Phật: "vì sao Thị-phược-ca lại hiểu rõ ý Phật?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà thuở xa xưa Thị-phược-ca cũng hiểu rõ ý Phật. Các thầy lắng nghe: Thuở xưa, trong một thôn có trưởng giả tên là Thiện hữu rất giàu có, sau đó cưới vợ và không bao lâu sau người vợ sanh một bé gái. Đến hai mươi mốt ngày, ông mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé gái là Thiện hạnh ; thời gian sau lại sanh một bé trai nữa và đặt tên là Thiện đức. Lúc đó trưởng giả suy nghĩ: "nay ta đã có con, ta nên đi buôn bán ; nếu ta đi buôn bán mà để lại nhiều tiền của thì sợ vợ ta sẽ tiêu xài hết", nghĩ rồi liền để lại cho vợ một ít tiền của, một ít mang đi buôn bán, còn lại những châu ngọc quý giá ông đều đựng trong một bình vàng rồi đem chôn dưới gốc cây Mã nhĩ trong rừng. Đến nơi khác buôn bán một thời gian thu lợi được gấp đôi, ông liền cưới thêm vợ và có thêm nhiều con. Lúc đó con của người vợ trước đã trưởng thành liền hỏi mẹ về người cha, người mẹ nói: "nghe nói cha con ở tại thành ---- giàu có và sống rất an ổn. Con hãy đến đó, nếu cha con gặp và nhận ra nhau thì cha con sẽ giúp đỡ cho con", người con nghe rồi liền đi tìm cha. Khi cha con gặp nhau, người cha liền nhận ra ngay và hỏi: "con từ đâu đến và định đi đâu", người con đem việc trên kể lại, người cha nghe rồi liền dẫn con về nhà và dặn đừng nói là con. Người con về nhà ở bên người cha, người cha càng thương yêu hơn nên con của người vợ sau hỏi là ai, người cha nói dối là con của người bạn. Vì thấy người cha thương yêu người con kia nên con của người vợ sau sợ người con kia đến chiếm đoạt tài sản của họ. Lúc đó người cha suy nghĩ: "ta hãy cho đứa con này tiền của rồi bảo nó trở về, nếu không những đứa con của người vợ sau sẽ ganh ghét và làm hại nó. Nếu ta cho nó tiền của lại sợ vì tiền của này nó cũng sẽ bị giết hại", nghĩ rồi ông liền viết một lá thư trao cho con và bảo nó trở về. Những người con kia chạn đường hỏi người cha đã đưa cho cái gì, đáp là một lá thư, thấy chỉ là một lá thư nên họ để cho người con này tùy ý được trở về. Về đến nhà người mẹ hỏi người cha đã cho cái gì, đáp là một bức thư, người mẹ nói: "cha con là người lừa dối không tốt, ông ta sẽ bị khổ đau", người con nói: "cha là người có trí huệ, mẹ không nên nói thế", người con liền đọc thư và ngẫm nghĩ ý nghĩa của nó, sau khi hiểu được liền đến chỗ người cha đã chôn cái bình vàng trước kia, đào lên rồi mang về nhà và trở thành người giàu có từ đó.

Phật bảo các Bí-sô: "người cha thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người con thuở xưa chính là Thị-phược-ca ngày nay. Thuở xưa ta dùng phương tiện chỉ chỗ chôn giấu của cải, ông ấy hiểu được ý ta và ngày nay

cũng vậy", lúc đó Thị-phược-ca suy nghĩ: "thân Phật là kim cang, nếu dùng chút ít Tô thì không đủ, phải dùng hai cân mới đủ", nghĩ rồi liền lấy hai cân Thục tô cho Phật ăn. Đề-bà-đạt-đa thấy rồi cũng muốn ăn Tô như Phật liền hỏi Thị-phược-ca: "Sa môn Kiều-đáp-ma ăn bao nhiêu Thục tô?", đáp là hai cân Tô, Đề-bà-đạt-đa liền nói: "ta cũng muốn ăn hai cân Tô", Thị-phược-ca nói: "thân Phật là kim cang nên có thể dùng hai cân, thầy làm sao có thể tiêu hóa được?", Đề-bà-đạt-đa nói: "thân ta cũng là kim cang, làm sao không thể tiêu hóa được", nói rồi liền ăn hai cân Tô. Sáng hôm sau Phật tiêu hóa hết chất tô nên Thị-phược-ca mang cháo đến cho Phật ăn, Đề-bà-đạt-đa chưa tiêu hóa hết chất tô lại ăn thêm cháo nữa nên bị đau bụng dữ dội, chịu không nổi nên kêu la. A-nan khởi lòng thương đem việc này bạch Phật, Phật nghe rồi liền duỗi cánh tay có tướng thiên bức luân, trăm phước trang nghiêm xuyên qua vách núi xoa lên đảnh đầu của Đề-bà-đạt-đa rồi bảo các Bí-sô: "đối với Đề-bà-đạt-đa và La-hầu-la nếu ta có tâm bình đẳng không sai khác thì khiến cho tất cả nổi đau đớn của Đề-bà-đạt-đa đều được tiêu trừ", Phật vừa nói xong, Đề-bà-đạt-đa liền hết đau. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa mới biết là Phật đang xoa đầu mình, do từ vô lượng kiếp đến nay, Đề-bà-đạt-đa thường ôm lòng oán thù đối với Phật, nên tuy biết nhờ oai lực của Phật mà mình được hết đau đớn, nhưng vẫn cố chấp nói rằng: "Tất-đạt-đa khéo học được pháp chữa bịnh như thế, nhờ pháp ấy mà ta được cứu". Lúc đó từ bốn phía đều phát ra âm thanh: "Thế tôn đã dùng lời thành thật để cứu Đề-bà-đạt-đa thoát khỏi đau đớn", mọi người và ngay cả các bạn đảng của Đề-bà-đạt-đa nghe lời nói này đều vui mừng ca ngợi: "thần lực của Thế tôn thật kỳ diệu không thể nghĩ bàn". Các Bí-sô đến nói với Đề-bà-đạt-đa: "nếu Phật không cứu thì chắc ông sẽ chết", Đề-bà-đạt-đa nói: "Phật biết thuật hay, muốn mọi người theo về mình nên mới làm việc này", các Bí-sô nói: "chớ nói lời này, hãy nên im lặng quán sát tự tâm xem có phải là Phật đã cứu thầy hay không?", Đề-bà-đạt-đa nói: "không can hệ gì đến việc cứu hay không cứu, hễ chất tô tiêu hóa thì đau đớn liền tiêu trừ", các Bí-sô biết Đề-bà-đạt-đa là người vô ân nên đến bạch Phật: "Thế tôn đã đại từ bi cứu thầy ấy mà thầy ấy lại vô ân, không báo ân".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 15

Phật bảo các Bí-sô: "không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa, Đề-bà-đạt-đa cũng đã không biết ân, không báo ân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có một thôn, cách thôn không xa có một khu rừng lớn, hoa quả sum suê, có suối trong… tiên Kiều thi ca ở trong rừng này, hằng ngày ăn trái cây rụng, mặc áo vỏ cây, do tâm từ bi nên các loài cầm thú đều đến nương tựa. Lúc đó có con voi mẹ đang sanh con, bỗng nghe tiếng sư tử gầm, sợ đến nổi vãi phân và nước tiểu nên bỏ voi con ở đó bỏ chạy mất. Tiên nhân đi lượm trái cây rụng nhìn thấy voi con này, biết nó lạc mẹ nên khởi tâm từ bi cố tìm voi mẹ cho nó nhưng tìm không ra. Tiên nhân liền dẫn voi con về nuôi dưỡng, voi lớn dần và phá hoại hoa trái nơi tiên ở, tiên giận quở trách nên voi ngừng phá. Voi càng lớn càng hung dữ, phá hoại cây rừng, dù tiên quở trách voi cũng không chịu nghe lời, lại còn sanh tâm làm hại tiên; tiên chạy vào trong thất, voi dùng vòi quật tiên và làm sập nửa căn nhà rồi bỏ đi.

Phật bảo các Bí-sô: "tiên nhân thuở xưa chính là thân ta ngày nay, con voi dữ chính là Đề-bà-đạt-đa. Thuở xưa không biết ân, không báo ân và nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, không báo ân, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Đại đế thích quân, đất nước phồn thịnh, dân chúng sống an vui. Vua có phu nhân tên là Nguyệt quang, hễ nằm mộng thấy việc gì đều có thật. Lúc đó Bồ-tát hiện thân làm Nai chúa có thân màu hoàng kim tuyệt đẹp, nhìn không thấy chán; do biết mình tuyệt đẹp nên Nai rất sợ thợ săn săn đuổi, thường tự giấu mình. Thuở đó cầm thú có thể hiểu tiếng nói của nhau, có một con chim vừa gặp Nai chúa liền yêu mến, nó hỏi: "vì sao Nai ăn cỏ với dáng vẻ lo sợ như vậy?", Nai đáp: "vì tôi có sắc hoàng kim tuyệt đẹp nên rất sợ thợ săn giết hại, dù khi đang ăn cỏ cũng sanh tâm lo sợ", chim nói: "ban đêm tôi cũng sợ chim cú, từ nay về sau chúng ta bảo vệ lẫn nhau. Ban ngày tôi đậu ở trên cây nếu

thấy có việc gì sẽ báo cho Nai biết, ban đêm Nai nếu thấy có việc gì thì báo cho tôi biết". Cạnh khu rừng có một con sông, lúc đó có hai kẻ thù gặp nhau, một người khỏe mạnh hơn bắt trói người kia ném xuống con sông này, người kia bị nước cuốn trôi liền kêu lớn : "ai cứu được tôi, tôi sẽ làm nô lệ cho người đó". Nai chúa cùng năm trăm quyến thuộc đang uống nước bên bờ sông, nghe tiếng kêu này liền khởi từ bi định xuống sông cứu. Chim nói: "người đầu đen này không biết ân nghĩa, không nên cứu; nếu cứu e người đó sẽ hại Nai chúa", do từ bi nên Nai không nghe lời chim, xuống sông bơi đến chỗ người bị chìm cứu vớt lên bờ, dùng miệng cởi trói cho rồi đợi đến khi tỉnh, Nai chỉ cho người đó đường về. Người bị chìm này quỳ xuống chắp tay nói: "tôi được ân nhân cứu sống, xin được ở lại làm nô lệ để báo ân sâu", Nai chúa nói kệ:

"Không cần làm nô lệ,
Cũng không cần hầu hạ,
Chỉ đừng nói gặp ta,
Vì sợ họ lột da"

Chỉ cần ông đừng nói có gặp tôi là đã báo ân tôi rồi, vì sao, vì thân tôi có sắc hoàng kim tuyệt đẹp, nếu thợ săn biết sẽ tìm cách giết tôi để lấy da". Người bị chìm nói: "xin nghe theo lời của ân nhân, tôi nhất định không nói", nói rồi đứng dậy hữu nhiễu Nai chúa ba vòng rồi đi. Lúc đó phu nhân Nguyệt quang sau khi thọ dục lạc xong mệt mỏi nằm ngủ, trong mộng thấy Nai chúa thân sắc hoàng kim tuyệt đẹp đang ngồi trên tòa sư tử thuyết pháp sâu xa cho vua và dân chúng nghe. Tỉnh dậy liền kể việc trong mộng cho vua nghe, vua nghe rồi suy nghĩ: "làm gì có việc Nai ngồi trên tòa sư tử thuyết pháp cho mọi người nghe", phu nhân dịu dàng nói những lời làm vui lòng vua, khi thấy vua hoan hỉ, bà liền ân cần cầu xin vua tìm kiếm Nai có thân sắc hoàng kim cho bà. Vua liền ra lịnh thợ săn trong nước tập họp đến trong cung và hỏi họ: "ta nghe trong nước có con Nai thân sắc hoàng kim, các ông có nhìn thấy không; nếu thấy thì hãy bắt lấy nó, dùng dây mềm trói lại, đừng làm nó bị thương rồi dẫn đến chỗ ta", các thợ săn nói: "chúng thần săn bắn đã nhiều năm nhưng chưa từng thấy có Nai như vậy, vua nghe nói nó ở nơi nào, chúng thần sẽ đến đó bắt cho vua". Vua liền ra lịnh đánh trống thông báo trong dân chúng, ai thấy biết Nai có thân sắc hoàng kim ở nơi nào, đến báo cho vua sẽ được thưởng năm trăm tụ lạc. Lúc đó người bị chìm trước kia nghe tin này rồi suy nghĩ: "ta nay nghèo khổ rất muốn được trọng thưởng, nhưng vì báo ân nên không thể nói".

Phật bảo các Bí-sô: "thường tình hễ hữu tình bị năm dục trói buộc thì không có việc ác gì mà không làm".

Do lòng tham thúc đẩy, người bị chìm trước kia lại nghĩ: "nay ta phải bội ân báo oán thì mới không còn nghèo khổ nữa", nghĩ rồi liền đến cung vua, nói với người giữ cửa là muốn báo cho vua biết chỗ ở của Nai có thân sắc hoàng kim. Vua nghe rồi liền tập họp quần thần và dẫn theo binh lính, dân trong nước thấy vua xa giá đến chỗ Nai cũng đều đi theo. Lúc đó con chim bạn của Nai chúa ở trên cây từ xa thấy đám đông người đi đến chỗ Nai liền bay xuống báo cho Nai biết: "người bị chìm trước đây là kẻ bội ân, vậy mà Nai không chịu nghe lời tôi", nai chúa hỏi nguyên do, chim nói: "người ấy đã dẫn vua và binh lính đến vây bắt Nai đấy". Nghe tiếng của đám đông người, ngàn con nai quyến thuộc của Nai chúa đều bỏ chạy tán loạn, Nai chúa suy nghĩ: "nếu ta bỏ chạy, binh lính sẽ tìm kiếm và sẽ giết quyến thuộc của ta, ta thà chết để chúng được sống", nghĩ rồi liền đi đến trước vua. Trông thấy Nai chúa, người bị chìm trước kia liền giơ tay chỉ và nói với vua: "Nai chúa có thân sắc hoàng kim đang đi đến".

Phật bảo các Bí-sô: "Nếu chúng sanh tạo nghiệp ác thì không cần đợi đến kiếp sau mới chịu quả báo mà thọ báo hiện tiền".

Do vô ân lại tạo nghiệp ác nên người bị chìm trước kia vừa dùng tay chỉ, tay liền rụng xuống đất. Vua thấy rồi liền hỏi rõ nguyên do, người bị chìm trước kia đau đớn nói kệ:

"Người khoét vách ăn trộm,
Chưa thật gọi là trộm,
Có ân mà không báo,
Mới thật gọi là trộm".

Vua nghe kệ rồi hỏi: "bài kệ này có ý nghĩa gì, ta không hiểu?", người bị chìm đem sự việc trước kia kể lại cho vua nghe, vua nghe rồi liền nói kệ:

"Bị chìm vô ân,
Vì sao thân ngươi,
Không vào địa ngục.
Vì sao lưỡi ngươi,
Không nát trăm mảnh.
Sao thần Kim cang,
Tay cầm dao gậy,
Không giết hại ngươi.
Tất cả quỷ thần,
Sao không đánh ngươi.
Ngươi đã bội ân,
Sao chịu báo nhỏ?"

Biết Nai chúa là đại Bồ-tát có đại oai đức nên vua bảo quần thần: "hãy mở hội cúng dường Nai chúa, các khanh hãy trở về cho người quét dọn sạch sẽ đường đi, treo phan phướn năm sắc và rãi các hương thơm để nghinh đón ta và Nai chúa vào thành", quần thần làm theo lời vua bảo. Lúc đó vua để Nai chúa đi trước, mình và các đại thần đi sau, khi vào thành, vua cho đặt một tòa sư tử ngay trước cửa cung rồi thỉnh Nai chúa ngồi lên; vua, phu nhân, thể nữ, vương tử, quần thân và dân chúng ngồi vây quanh, Nai chúa liền nói diệu pháp. Sau khi nghe pháp xong, vua và đại chúng thỉnh Nai chúa truyền trao năm giới; thấy tất cả hữu tình đều hướng về giác ngộ, vua hoan hỉ nói với Nai chúa: "xin cúng dường Nai chúa vùng núi rừng và đồng cỏ nơi Nai chúa ở. Từ nay về sau tôi sẽ dứt hẳn việc sát sanh và ra lịnh cho dân chúng trong nước không được đi săn nữa. Nguyện cho các hữu tình khắp mọi nơi đều không còn lo sợ".

Phật bảo các Bí-sô: "Nai chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, kẻ bị chìm vô ân thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa vô ân và nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một tụ lạc thuộc vùng biên của thành Bà-la-nê-tư, có một người làm nghề kết vòng hoa ; bên tụ lạc có một con sông, hằng ngày người này phải qua bên kia sông hái hoa mang về để kết vòng hoa. Hôm đó, khi sắp qua sông, ông lượm được một trái xoài trái mùa trôi trên sông và đem cho người giữ cửa thành, người này lại đem cho trong cung, người trong cung này lại đem dâng cho vua, vua lại đem cho vương phi. Vương phi ăn rồi khen ngon lại theo vua xin nữa, vua hỏi người trong cung kia đã được trái ấy từ đâu, đáp là từ người giữ cửa thành, vua lại hỏi người giữ cửa thành đã được trái đó từ đâu, đáp là từ người kết vòng hoa, vua lại cho gọi người kết vòng hoa đến hỏi đã được trái đó từ đâu, đáp: "thần lượm được trong sông", vua nói: "khanh hãy đến đó tìm kiếm thêm trái đó mang về đây". Người kết vòng hoa vâng lịnh vua mang theo lương thực đến đó, đi theo dòng nước chảy tìm kiếm đến một ngọn núi cao và thấy cây trái đó mọc trên vách núi. Vách núi cheo leo, khỉ vượn còn không leo lên tới huống chi con người; sau nhiều ngày tìm kiếm đường đi lên, lương thực cũng hết, người kết vòng hoa suy nghĩ: "ta vâng lịnh vua tìm trái cây đó, nếu không lấy được thì làm sao trở về". Vì muốn lấy cho được trái cây ấy mang về nên không tiếc thân mạng, dùng tay bám vào vách núi cheo leo để leo lên, chưa leo tới chỗ cây đó thì đã rớt xuống một vực sâu ở bên dưới. Lúc đó Bồ-tát mang thân vượn chúa đang đi ở dưới khe núi, thấy người này rớt xuống liền khởi tâm cứu vớt, liền tự lấy một tảng đá lớn có trọng lượng bằng con người vác trên lưng rồi tập vận chuyển lên xuống. Khi biết sức

mình có thể, vượn chúa xuống vực sâu cõng người đó lên; sau khi lên khỏi vực sâu thì vượn chúa mệt nhoài. Thuở đó loài cầm thú nói được tiếng người, vượn chúa hỏi người kết vòng hoa vì sao bị rớt xuống vực, người này đem sự việc trên kể lại, vượn chúa nghe rồi suy nghĩ: "nếu người này không hái được trái ấy sẽ bị vua bắt tội, ta nên hài giùm cho anh ta". Vượn chúa tuy đã mệt nhoài nhưng vẫn cố gắng leo lên cây ở trên vách núi cheo leo đó hái trái quăng xuống cho người kết vòng hoa; người này sau khi ăn no rồi dùng vạt áo đựng những trái còn lại để mang về cho vua. Lúc đó vượn chúa trở xuống nói với người này rằng: "tôi rất mỏi mệt cần phải ngủ một lát, anh hãy canh chừng cho tôi ngủ", liền đáp là sẽ canh chừng nhưng khi vượn chúa ngủ thì người này suy nghĩ: "lương thực mang theo đã hết, những trái còn lại này ta không thể ăn; ta nên giết con vượn này lấy thịt phơi khô để làm lương thực đi đường thì mới có thể trở về được", nghĩ rồi liền rinh một tảng đá lớn đập vào đầu vượn làm cho xương tủy đều nát tan và vượn chết. Lúc đó thiên thần trên không trung thấy việc này rồi liền nói kệ:

"Thừa sự cung kính,
Giống như bạn lành,
Có người như vậy,
Lại không báo ân".

Phật bảo các Bí-sô: "vượn chúa thuở xưa chính là thân ta, người kết vòng hoa chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa đã không báo ân, ngày nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa còn có hành động vô ân, không báo ân; các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một rừng núi với đủ loại hoa quả, có chim tên là Gõ cây, lại có một sư tử chúa thường bắt nai ăn thịt. Một hôm, sư tử chúa bắt giết nai ăn thịt và bị mắc xương ở cổ họng, không làm sao lấy ra được, cũng không thể ăn gì được trong một thời gian dài nên sư tử chúa trở nên gầy yếu và đói khát. Chim Gõ cây thấy vậy liền hỏi nguyên do, sư tử kể lại sự việc, chim nói: "tôi sẽ chữa khỏi cho Ngài, Ngài là vua của loài thú, Ngài có thể báo ân tôi bằng cách hằng ngày cung cấp thức ăn cho tôi được không?", sư tử chúa nhận lời, chim suy nghĩ: "ta đợi lúc ông ta ngủ mới lấy xương ra trước rồi sẽ cho ông ta biết sau", nghĩ rồi chim liền bay đi tìm thức ăn. Lúc đó gặp gió mát thổi, sư tử liền ngủ ngon lành, chim liền ngậm khúc cây vạch miệng sư tử ra xem rồi chui vào gắp khúc xương ra. Một lát sau, sư tử tỉnh dậy liền phát hiện khúc xương trong cổ họng đã được lấy ra rồi, không còn đau đớn nữa. Nó liền ngồi dậy uốn thân mình, chìm liền từ trên cây bay xuống đưa khúc xương cho sư tử xem và nói: "mọi đau đớn

của Ngài đều do khúc xương này", sư tử nói: "ta bị đau đớn đã lâu, nay mới được khỏi ; từ nay ta sẽ cung cấp cho chim , vì vậy hằng ngày chim hãy đến đây", chim nghe rồi vui mừng bay đi. Thời gian sau, khi sư tử đang ăn, chim Gõ cây bị chim cắt rượt đuổi liền bay đến chỗ sư tử xin thức ăn, sư tử nói kệ:

"Ta làm việc giết hại,
Tánh ác, hạnh cũng ác,
Răng ta rất bén nhọn,
Vào miệng ta ra được,
Nên phải tự vui mừng,
Sao còn đòi gì nữa?".

Chim nghe rồi liền nói kệ:

"Vật rơi xuống biển mất,
Mộng tỉnh dây liền mất,
Hầu người ác cũng mất.
Giúp đỡ kẻ vô ân,
Đó mới là mất nhiều,
Tôi theo Ngài đòi gì".

Nói xong, chim liền bay đi.

Phật bảo các Bí-sô: "chim Gõ cây thuở xưa chính là thân ta ngày nay, sư tử chúa chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa vô ân, ngày nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, không báo ân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có một người nghèo thường đi kiếm củi bán để sinh sống. Một hôm, người này mang dây và búa đến bìa rừng định chặt cây lấy củi, bỗng gặp mưa bão trái mùa, bảy ngày chưa dứt. Để tránh mưa bão, người này đi đến bên vách núi và thấy một cái hang, vừa chui vào hang liền thấy một con gấu ở trong đó, anh hoảng sợ bỏ chạy ra. Gấu thấy vậy liền bảo đừng sợ, tuy nghe gấu nói như vậy, anh ta vẫn sợ, đứng yên không dám nhúc nhích; gầu liền nhấc lấy anh đưa vào trong hang, đưa trái cây cho anh ta ăn như vậy suốt bảy ngày mưa bão. Đến ngày thứ tám, gấu ra ngoài hang xem thấy mưa bão đã dứt liền đưa thêm trái cây cho anh ta mang về nhà. Anh quỳ xuống chắp tay nói: "nhờ ân nhân cứu giúp nên tôi mới sống sót, tôi biết lấy gì đền ân", gấu nói: "chỉ cần anh đừng nói cho ai biết đã gặp tôi ở đây, tức là đã đền ân tôi rồi", anh hữu nhiễu một vòng rồi nói: "trọn đời tôi sẽ không nói cho ai biết", nói rồi liền đi. Về đến trong thành, anh gặp một thợ săn quen biết, thợ săn nói: "mấy ngày nay không thấy anh trở về, gia đình anh đều cho là anh bị mưa bão cuốn đi hoặc

bị hổ ăn thịt đã chết rồi, anh do đâu được sống sót?", người này liền kể lại sự việc đã qua. Thợ săn nghe rồi liền hỏi: "gấu hiện đang ở trong hang núi nào, anh hãy chỉ cho tôi", người này nói: "tôi nhờ gấu mới sống sót, tôi không thể chỉ cho anh", thợ săn liền dùng lời khuyến dụ: "nếu tôi giết được gấu, tôi chỉ lấy một phần, còn tất cả đều cho anh". Người này nghe rồi liền sanh tâm tham, dẫn thợ săn đến chỗ gấu ở, thợ săn biết chỗ rồi liền chất củi ở cửa hang đốt, gấu ở trong hang bị lửa thiêu, khi sắp chết liền nói kệ:

"Ta sống trong núi này,
Không hại một người nào,
Chỉ ăn toàn trái cây,
Thường sanh tâm từ bi.
Nay ta sắp chết thiêu,
Biết phải làm sao đây,
Tự nhớ nghiệp quá khứ,
Thiện ác nay thọ báo".

Nói kệ xong liền qua đời, thợ săn biết gấu đã chết liền lột lấy da rồi chia làm ba phần, mình lấy một phần, đưa hai phần cho người kiếm củi. Người này vừa đưa tay nhận lấy thì hai tay liền rụng xuống, thợ săn thấy việc này rồi không dám lấy phần kia liền trở về trong thành kể lại cho mọi người nghe. Vua nghe biết việc này liền đích thân đến xem rồi mang tấm da gấu vào trong chùa, đánh kiểng tập họp Tăng rồi để tấm da gấu trước Tăng và kể lại việc trên. Thượng tòa trụ trì đã chứng quả A-la-hán liền nói kệ:

"Đại vương nay nên biết,
Đây không phải thân gấu,
Mà là thân Bồ-tát ,
Sẽ được quả vô thượng,
Ba đời nên cúng dường,
Đại vương hãy xây tháp"

Vua nghe rồi liền bảo quần thần xây tháp ở chỗ gấu bị thiêu chết, dùng hoa hương, phan lọng năm sắc để cúng dường, mỗi năm một lần. Tất cả dân chúng, ai đến đảnh lễ cúng dường tháp đều được sanh thiên.

Phật bảo các Bí-sô: "con gấu thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người kiếm củi chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa không biết ân, không báo ân, ngày nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, không báo ân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có một người nghèo thường đi kiếm

củi bán để sinh sống. Một hôm, người này mang dây và búa đến bìa rừng định chặt cây lấy củi bỗng gặp con cọp; anh kinh sợ leo lên cây cao, không ngờ trên cây lại có một con gấu. Gấu thấy anh kinh sợ liền bảo đừng sợ rồi nhấc lấy anh để ở chỗ an ổn, lúc đó cọp ở dưới gốc cây bảo gấu: "đó là chúng sanh vô ân, sau sẽ hại ngươi; ngươi không nên bảo vệ nó, hãy xô nó xuống đây cho ta ăn thịt. Ta không được thức ăn sẽ không đi đâu".

Phật bảo các Bí-sô: "thường tình của thế gian là nếu ai nương tựa mình thì mình liền bảo vệ, huống chi Bồ-tát có người nương tựa mà mình lại không bảo vệ hay sao"

Lúc đó gấu nói: "người này nương cậy ta, ta không thể thất tín", cọp vì đói nên không được thức ăn thì không chịu đi, gấu ôm giữ người nay một hồi cảm thấy mệt nên nói: "tôi cảm thấy mệt muốn ngủ một lát, anh nên tự cảnh giác và canh chừng cho tôi", nói rồi liền dựa vào người này ngủ và nghĩ rằng: "một lát tỉnh dậy, ta sẽ nói mười bài kệ pháp cho người này nghe". Lúc đó, cọp bảo người kiếm củi : "anh có thể ở mãi trên cây được bao lâu, anh nên xô con gấu xuống đây, ta ăn no rồi sẽ đi và sẽ không hại anh, để anh được về nhà", người này nghe rồi liền khởi niệm ác: "như lời cọp nói ta không thể ở mãi trên cây", nghĩ rồi liền xô gấu xuống. Rơi sắp tới đất, gấu liền tỉnh dậy buột miệng nói ra mười chữ, nói vừa xong thì chạm đất và bị cọp ăn thịt. Người trên cây nghe xong mười chữ này biết là pháp bí mật của gấu muốn nói cho mình biết; vì mất pháp tham cầu không được, sanh phiền não nên tâm ý cuồng loạn, vừa chạy vừa nói ra mười chữ này. Thân thuộc thấy vậy liền mời thầy thuốc chạy chữa đều không khỏi bịnh. Ở cách thành Bà-la-nê-tư không xa có một khu rừng với nhiều hoa quả nên chim chóc các nơi đều tụ họp về đây. Trong rừng có một tiên nhân đã chứng ngũ thông, thân thuộc của người kiếm củi liền dẫn anh ta đến chỗ tiên nhân, đảnh lễ rồi bạch rằng: "anh này điên cuồng tâm loạn, miệng chỉ nói ra mười chữ, không nói gì khác, chúng con không biết phải chữa trị như thế nào", tiên nhân nói: "người này tạo ác, vô ân đã xô Bồ-tát xuống cho cọp ăn thịt ; khi sắp rơi tới đất bị cọp ăn thịt, Bồ-tát đã nói ra mười chữ này, người này nghe xong liền trở nên điên cuồng như thế", thân thuộc của người này hỏi: "ý nghĩa của mười chữ này như thế nào?", tiên nhân liền giải thích cho họ hiểu.

Phật bảo các Bí-sô: "con gấu thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người kiếm củi chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa không biết ân, không báo ân, ngày nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, không báo ân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một thành tên Tịch tĩnh, vua cai trị thành này cũng tên là Tịch tĩnh, trong nước phồn thịnh, dân chúng sống an vui, không có trộm cắp chiến tranh. Vua lại từ bi thương dân như con, thường bố thí và thích nghe pháp, cung cấp cho các Sa môn, Bà-la-môn và những người nghèo khổ cô độc đầy đủ. Thường pháp của vua là sáng sớm đến thăm hỏi cha mẹ, kế thăm hỏi người bịnh rồi mới lo việc nước. Lúc đó, có người nghèo mắc bịnh nặng rất khốn khổ, thầy thuốc xem bịnh đều nói là sẽ chết nên không ra toa thuốc, người này liền đi đến thành Tịch tĩnh; vừa lúc đó gặp vua cùng hậu phi đến vườn hoa du ngoạn, người này liền quỳ trước vua than khóc yếu cầu cứu giúp. Vua nghe rồi sanh tâm từ bi liền cho quay xe trở về cung, ra lịnh quần thần triệu tập các thầy thuốc trong nước đến để chữa bịnh cho người này. Thầy thuốc khám bịnh xong liền tâu vua: "thuốc chữa bịnh này rất khó kiếm", vua hỏi vì sao khó kiếm, liền đáp: "cần phải lấy máu của người suốt đời không sân hận, đem nấu cháo cho người này ăn thì bịnh mới khỏi", vua nghe rồi suy nghĩ: "ta không thể cứu được một mạng người thì ngôi vua và thân mạng này có ý nghĩa gì, trước nay ta chưa hề sân hận", nghĩ rồi vua hỏi nhũ mẫu: "hồi nhỏ Trẫm có hay nổi sân không?", đáp: "lúc chăm sóc vua, tôi còn không nổi sân, huống chi là bản thân vua", vua lại hỏi mẫu thân: "từ khi con sanh ra đến nay, mẹ thấy con có hay nổi sân hay không?", đáp: "khi mang thai con, mẹ còn không nổi sân huống chi là bản thân con", vua nghe rồi rất vui mừng nghĩ là mình đã kiếm được thuốc, liền bảo thầy thuốc: "hãy chích năm chỗ trên thân ta để lấy máu", thầy thuốc nói: "bịnh nhân là người hạ tiện, vua là người cao quý, thần không thể chích vào thân vua để lấy máu".

Phật bảo các Bí-sô: "tất cả Bồ-tát đều giỏi các pháp thế gian".

Lúc đó vua khởi từ bi, tự chích vào năm chỗ trên thân để lấy máu đưa cho thầy thuốc nấu cháo; từ vương tử cho đến thứ dân thấy việc này

rồi đều rơi nước mắt, nói với nhau: "vua thương một người mà không tiếc thân mạng bỏ chúng ta, khiến chúng ta không còn nơi nương tựa", vua nghe rồi liền nói: "các khanh chớ lo buồn, đây không phải là việc xấu". Như vậy trải qua sáu tháng, mỗi ngày vua đều chích máu để nấu cháo cho người bịnh ăn nên thân thể gầy ốm yếu ớt. Chư thiên thanh tịnh thấy rồi suy nghĩ: "vua chính là Bồ-tát ở Hiền kiếp, nếu vị ấy vì việc này mà chết thì không phải là việc tốt. Chúng ta nên dùng oai lực của chư thiên, rót cam lồ vào lỗ chân lông của vua", nghĩ rồi liền rót cam lồ vào lỗ chân lông của vua, khiến vua được khỏe mạnh và người bịnh cũng được bình phục. Sau đó vua cấp cho người bịnh năm thôn, nhờ vậy người bịnh được ngang hàng

với các đại thần trong thành Tịch tĩnh. Việc này lan truyền khắp tám phương trong dân gian, người ở trong tám phương nghe được tin đồn này đều ngạc nhiên, đi đến thành Tịch tĩnh gặp người bịnh kia để hỏi biết thật hư: "có phải suốt trong sáu tháng vua đã chích máu trị bịnh cho ông không?", người bịnh vô ân không báo ân này liền nói với mọi người rằng: "vua ấy có giúp gì cho tôi đâu, chẳng qua là trong thân ông ta có máu độc cần xả bỏ nên mới cho tôi, có gì lạ đâu", vừa nói xong lời này, lửa từ dưới đất vọt lên thiêu sạch nhà của người này và khiến kẻ vô ân bị bịnh gầy ốm trở lại.

Phật bảo các Bí-sô: "vị vua thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người bịnh vô ân chính là Đề-bà-đạt-đa; Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, không báo ân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa ở thành Bà-la-nê-tư có vị vua cai trị… như trên cho đến câu hoàng hậu sanh vương tử dung mạo đoan nghiêm, da-trắng hồng, khuôn mặt đầy đặn, cánh tay thòng xuống giống như vòi voi, trán rộng mũi thẳng… Khi vương tử ra đời, các điềm lành đều xuất hiện nên sau hai mươi mốt ngày, vua mở tiệc ăn mừng đặt tên là Thiện hạnh. Thiện hạnh bản tánh từ bi, thương xót hữu tình, thích cúng dường cho Sa môn, Bà-la-môn và chu cấp cho những người nghèo khổ, đi xa ; vì thế vua khuyên Thiện hạnh: "từ nay con đừng nên bố thí như vậy nữa, vì quốc khố không thể cung cấp đủ". Thời gian sau, hoàng hậu lại sanh thêm một vương tử, khi mới ra đời các điềm bất tường đều xuất hiện nên được đặt tên là Ác hạnh.

Phật bảo các Bí-sô: "thường tình của thế gian là hễ người nào hành bố thí thì được mọi người yêu mến, danh vang khắp nơi".

Lúc đó vua nước khác nghe danh Thiện hạnh, muốn gả con gái cho Thiện hạnh làm vợ nên viết thư sai sứ mang đến cho vua thành Bà-la-nê-tư, vua đọc thư xong rất vui mừng bằng lòng cuộc hôn nhân này.

Thiện hạnh tâu với vua cha: "con không muốn làm tổn hao quốc khố nên muốn ra biển tìm châu báu, được châu báu rồi trở về con mới cưới vợ", vua chấp thuận, Thiện hạnh vui mừng sửa soạn hành lý và lương thực để đi. Ác hạnh thấy rồi suy nghĩ: "anh ta được mọi người trong và ngoài nước đều yêu mến, nếu anh ra biển tìm được châu báu trở về, anh càng được mọi người kính trọng. Chắc chắn cha sẽ cho anh ấy nối ngôi vua, ta sẽ không có phần, nay ta nên đi theo tìm dịp thuận tiện giết chết anh ấy rồi trở về; lúc đó dù muốn hay không muốn cha cũng phải cho ta nối ngôi vua", nghĩ rồi liền xin vua cha cho đi theo anh, vua chấp thuận, Ác hạnh vui mừng sửa soạn hành lý đi theo anh. Lúc đó Thiện hạnh đánh trống thông báo: "tôi sắp

ra biển tìm châu báu, ai muốn đi theo thì hãy chuẩn bị lương thực hành lý. Tôi là thương chủ sẽ bảo vệ các vị thoát khỏi tai nạn trên bờ dưới nước, các vị khỏi phải lo sợ cũng không phải đóng thuế", sau khi nghe thông báo này có năm trăm người đến xin cùng đi theo, Thiện hạnh chọn ngày tốt rồi lên đường… Khi sắp ra biển, Thiện hạnh bảo em: "nếu thuyền có gặp nạn gì, em cứ bám theo anh, không nên lo sợ", Ác hạnh nói: "sẽ nghe theo lời anh". Thuyền gặp thuận gió nên mau đến được đảo châu báu, thuyền sư bảo mọi người lên đảo tùy ý lấy, mọi người vui mừng lên đảo hốt lấy châu báu chất đầy thuyền, Thiện hạnh chỉ lấy hạt châu Như ý cột vào trong thắt lưng rồi lên thuyền trở về. Khi thuyền sắp tới bờ kia thì bỗng bị cá Ma kiệt phá vỡ thuyền, người và châu báu đều chìm, chỉ trừ có Thiện hạnh và Ác hạnh nhờ bám theo anh mà được vào bờ. Tới bờ, Thiện hạnh cảm thấy mệt nên nằm ngủ; khi bám theo anh, Ác hạnh đã thấy hạt châu Như ý cột ở thắt lưng của Thiện hạnh, lúc đó liền suy nghĩ: "anh ta còn bảo châu, ta lại mất hết tất cả, ta nhân dịp này đâm mù mắt anh rồi lấy hạt châu này mang về", nghĩ rồi liền dùng cây nhọn đâm mù mắt Thiện hạnh rồi bỏ đi. Lúc đó do bị mù mắt nên Thiện hạnh không biết đường trở về, sau đó có một người chăn bò gặp liền hỏi Thiện hạnh từ đâu đến, Thiện hạnh kể lại sự việc trên, người chăn bò nghe xong khởi tâm từ bi dẫn về nhà. Lúc ở trong nhà người chăn bò, Thiện hạnh thường chơi đàn, vợ người chăn bò nghe tiếng đàn sanh tâm yêu thích và khởi dục nhiễm nên yêu cầu Thiện hạnh cùng tư thông; Thiện hạnh nghe rồi liền bịt tai nói rằng: "đừng nói lời này tôi không muốn nghe, nàng như là em ta sao lại thốt ra lời này".

Phật bảo các Bí-sô: "thường tình của thế gian là hữu tình đối với người vợ mà mình thương yêu, khi nghe nói bị người làm nhục đều sanh tâm tức giận, trong tất cả oán thù thì oán thù này nặng nhất".

Sau khi nghe vợ nói xong, người chăn bò rất tức giận suy nghĩ: "người này phạm tội nặng nhưng bị mù mắt tức là chịu quả báo rồi, ta không cần phải giết hại, chỉ nên đuổi đi mà thôi", nghĩ rồi liền đuổi Thiện hạnh ra khỏi nhà, Thiện hạnh ôm đàn đi qua các thành ấp xin ăn để sống. Thời gian sau, vua cha băng hà, Ác hạnh lên nối ngôi, Thiện hạnh lúc đó đi dần đến nước của người vợ đã đính hôn trước kia. Lúc đó công chúa được nhiều người đến cầu hôn, vua bảo công chúa: "trước đây ta hứa gả con cho Thiện hạnh, nhưng Thiện hạnh ra biển không may đã chết. Nay các vương tử đua nhau đến cầu hôn, nếu ta không thuận gả thì các vương tử này sẽ tức giận, ý của con như thế nào?", công chúa tâu: "xin phụ vương hãy ra lịnh cho dân chúng quét dọn sạch sẽ đường phố rồi triệu tập tất cả người nam trong ngoài nước đến, con sẽ tuyển chọn", vua liền y theo lời công chúa ra

lịnh quét dọn sạch sẽ đường phố và cho đánh trống thông báo: "ta có công chúa muốn xuất gia nên tập họp tất cả người nam ở trong và ngoài nước đến để kén chọn phò mã". Sáng hôm sau, công chúa-trang điểm lộng lẫy rồi cùng các thể nữ bước ra giống như thiên nữ Kiết tường ở trong rừng hoa tươi đẹp của vườn Hoan hỉ. Công chúa lần lượt đi qua trăm vạn người để kén chọn, lúc đó Thiện hạnh đang đứng đánh đàn ở một góc đường. Do nghiệp lực của hữu tình, khi nhân duyên hội họp thì gặp nhau nên khi nghe tiếng đàn này, công chúa liền mến mộ nên ném vòng hoa lên người Thiện hạnh và nói: "người này là chồng tôi". Mọi người thấy việc này rồi đều buồn rầu chê trách: "trong đại chúng này rất nhiều người là hào tộc, là đại thần, vương tử cao sang, trẻ tuổi đáng yêu; sao công chúa lại bỏ những người này mà chọn người mù làm chồng", cận thần của vua cũng buồn rầu đem việc này tâu lên vua, vua nghe rồi cũng buồn rầu nói với công chúa: "con có ý gì mà không chọn người hào tộc, hoặc vương tử đại thần trẻ tuổi đáng yêu, lại đi chọn người mù?", công chúa đáp là vì yêu mến, vua nói: "nếu vậy thì con hãy đi theo người mù đó, không nên ở đây nữa". Công chúa liền đi đến chỗ người mù nói: "từ nay anh là chồng tôi", Thiện hạnh nói: "tôi là người mù, vì sao cô lại làm việc phi lý này", công chúa nói: "tôi sẽ không thay đổi chủ ý", Thiện hạnh nói: "làm sao biết được?", công chúa nói: "anh hãy làm chứng cho lời chân thật của tôi, nếu tôi đối với anh cũng như đối với vương tử Thiện hạnh sẽ không thay lòng thì xin cho một mắt của anh được sáng lại như xưa", do nói lời chân thật nên một con mắt của Thiện hạnh liền sáng lại, Thiện hạnh nói: "ta chính là Thiện hạnh đã bị em ta là Ác hạnh làm hại", công chúa nói: "làm sao biết được?", Thiện hạnh nói: "khi ta bị

Ác hạnh đâm mù mắt, ta không một chút sân hận, nếu lời này là chân thật thì xin cho con mắt còn lại được bình phục như xưa", do nói lời chân thật nên cả hai mắt đều được sáng trở lại. Công chúa dẫn Thiện hạnh đến chỗ vua cha kể lại sự việc trên, vua nghe rồi hết sức ngạc nhiên liền cho tổ chức hôn lễ, sau đó dẫn binh mã đưa Thiện hạnh trở về nước, đánh đuổi Ác hạnh và lập Thiện hạnh lên làm vua.

Phật bảo các Bí-sô: "Thiện hạnh thuở xưa chính là thân ta ngày nay, Ác hạnh chính là Đề-bà-đạt-đa; không phải chỉ ngày nay vô ân, không báo ân mà ngày xưa cũng vậy".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 16

Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một vương đô, dân chúng sống an vui sung túc ; vua có bốn người con là Đại chi, Phó chi, Tùy chi và Tiểu chi. Cả bốn vương tử đến tuổi trưởng thành đều cưới công chúa nước lân cận làm vợ và đều có tâm nghịch muốn làm hại vua cha. Vua cha biết được liền đuổi tất cả ra khỏi nước, khi đi đến chỗ hoang vắng thì lương thực đều cạn nên bàn với nhau là giết một người vợ trong số bốn người vợ đi theo để lấy thịt làm lương thực. Tiểu chi suy nghĩ: "ta thà chết chứ không giết người, chỉ còn cách lén dẫn vợ mình chạy sang nước khác", nghĩ rồi dắt vợ chạy trốn. Bị đói khát hành hạ nên người vợ không thể đi tiếp được nữa, Tiểu chi suy nghĩ: "ta đã cứu cô ấy thoát khỏi bọn La sát hung ác, không lẽ lại để cô ấy chết ở nơi đây", nghĩ rồi liền cắt thịt ở đùi và chích máu ở tay cho vợ uống rồi mới đi tiếp, cuối cùng tới một hang núi, họ đào củ hái trái ăn để nuôi thân. Bên núi có một con sông chảy qua, trong sông có một người bị kẻ thù chặt hết tay chân đang trôi theo dòng nước và đang gào kêu cứu. Tiểu chi nhân lúc ra ngoài nghe tiếng gào kêu cứu này, khởi tâm thương xót tìm đến chỗ phát ra tiếng kêu và thấy người ấy đang bị nước cuốn trôi. Tiểu chi bơi xuống vớt lên bờ, thấy tay chân đều không còn liền hỏi nguyên do, người ấy kể lại sự việc, Tiểu chi nói: "tuy đang khổ nhưng anh chớ lo, tôi sẽ đem trái cây đến cho anh ăn", nói rồi trở về bảo vợ: "hãy khởi tâm từ chăm sóc người này". Nhờ được chăm sóc nên vết thương dần dần bình phục, người vợ cũng vì vậy sanh dục nhiễm. Bồ-tát bản tánh ít dục nhiễm, dù có xúc chạm cũng không sanh dục nhiễm nhưng phàm phu thì khác; người vợ do dục nhiễm nên muốn cùng người kia làm việc phi pháp, người kia nói: "tôi sắp chết may mắn được cứu sống, nếu cùng cô làm việc phi pháp này tức là bội ân, chồng cô biết sẽ chặt đầu tôi". Do người vợ nhiều lần yêu cầu nên cuối cùng cả hai cùng tư thông và không muốn rời xa nhau; người kia suy nghĩ: "người nữ này say mê ta, ta tư thông với vợ người khác chính là đại tặc, ta nhất định sẽ gặp khổ đau", nghĩ rồi liền nói với người vợ kia: "nếu

chồng nàng biết ta cùng nàng tư thông thì nhất định sẽ giết chết ta không nghi". Người nữ có trí tà vạy không học mà biết, nghe lời này rồi cho là phải và nghĩ ra một kế, cô liền lấy y quấn đầu rồi nằm gối đầu trên tảng đá. Tiểu chi đi hái trái về thấy vậy liền hỏi nguyên do, người vợ đáp: "đầu em rất đau nhức, trước đây hễ mỗi lần đau đầu, thầy thuốc bảo lấy cây Thạch bách giã thoa lên đầu liền khỏi", Tiểu chi hỏi: "nơi nào có loại cây đó, ta sẽ hái cho nàng", người vợ nói: "ở dưới khe núi sâu có loại cây ấy, muốn hái được cây phải thòng dây bám theo dây mà xuống dưới, em sẽ ở trên nắm dây cho chàng xuống". Tiểu chi vốn là đại nhân tánh chất trực nên nghe theo lời vợ cột dây vào thắt lưng của mình, đầu dây kia cột vào một cái cây rồi từ từ xuống dưới khe núi, không ngờ người vợ ở trên tháo dây ra cho người chồng rớt xuống khe núi. Do hữu tình có quả báo sống lâu lại được lên ngôi vua nên khiến bị rơi xuống khe núi sâu mà không chết, thân trôi theo dòng nước đến một nước khác. Vua nước này vừa băng hà lại không có con kế vị, các đại thần bàn với nhau: "chúng ta nên lập ai lên kế vị", họ liền mời tướng sư tìm người, tướng sư đi khắp nơi tìm người. Như tụng nói rằng:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Do nghiệp làm vua đã chín nên khi Tiểu chi lên bờ ngồi, do oai đức của Bồ-tát nên nơi chỗ ngồi phát ánh sáng; tướng sư đi tới thấy ánh sáng này cho là tướng tốt của vua nên báo cho các đại thần biết. Các đại thần chọn ngày tốt và ra lịnh dân chúng trong nước quét dọn trang hoàng đường sá và ở trong cung để lập Tiểu chi lên ngôi vua. Vì chưa có hoàng hậu nên các đại thần thông báo cho các cô nương của nhà quý tộc trang điểm đẹp đẽ đến trong cung cho vua tuyển chọn làm hoàng hậu. Vì người nữ mà vua bị khốn khổ nên trong lòng chán ghét không muốn nhìn người nữ, huống chi là chọn làm hoàng hậu. Các đại thần tâu vua: "Đại vương nên biết, nếu không có hoàng hậu thì vua sẽ không có con nối dõi. Mỹ nữ các nơi đều đã tụ họp về đây, xin vua hãy chọn lấy một người làm hoàng hậu", vua không chịu và nói tội lỗi của người nữ. Nơi nào hữu tình có phước đức thì hoa quả và thức uống đều ngon ngọt, ăn vào có nhiều khí lực; từ khi Bồ-tát bị rơi xuống khe núi trở đi, hoa quả nơi đây không sanh trưởng nữa, dù có cũng cho ra trái đắng chát không mùi vị. Vì thế người vợ hại chồng và người cùng tư thông kia dần dần gầy ốm, người vợ này đành phải cõng người cụt tay chân kia ra khỏi núi, đi vào xóm làng xin ăn và dần dần tới kinh đô. Có

người hỏi người cụt tay chân là ai thì cô đáp: "là chồng tôi, tuy anh ấy có hình dạng như vậy nhưng tôi không thay lòng". Theo thông tục của nước này, nếu người nữ hết lòng với chồng thì được mọi người kính trọng và cung cấp cho mọi thứ. Có người sanh tâm yếu mến ra nhìn xem, dân chúng trong thành thấy việc này rồi đều nói với nhau: "vua nói người nữ có nhiều tội lỗi, há không thấy người nữ trinh thục này cõng chồng cụt tay chân đi xin ăn để sống hay sao?", các đại thần nghe biết việc này liền tâu vua, vua liền cho gọi người nữ trinh thục đó vào. Khi nhìn thấy người nữ trinh thục này, vua liền mỉm cười nói kệ:

"Ăn thịt đùi hết đói,
Uống máu ta hết khát,
Vai cõng đống thịt đi,
Có trinh thục chỗ nào?
Bày kế tìm Thạch bách,
Cho ta rơi xuống núi,
Vai cõng đống thịt đi,
Có trinh thục chỗ nào?"

Vua nói kệ xong, người nữ này hổ thẹn cúi đầu. Các đại thần nghe kệ xong không hiểu liền hỏi vua ý nghĩa của bài kệ này, vua đem việc trước kia kể lại. Mọi người nghe rồi đều khinh ghét và đuổi ra khỏi nước.

Phật bảo các Bí-sô: "Tiểu chi thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người nữ kia chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa không báo ân, ngày nay cũng vậy. Đề-bà-đạt-đa lại có hành động vô ân, không báo ân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một vương quốc có vua tên là Tự tại hữu, vua dùng chánh pháp cai trị, tin dùng người hiền, làm lợi mình lợi người, thương dân và thường cầu diệu pháp nên dân giàu nước mạnh. Thời gian sau, hoàng hậu sanh được một trai dung mạo đoan nghiêm, sắc da sáng như vàng ròng, cánh tay thon dài, trán rông, mũi cao và thẳng… được đặt tên là Tự tại. Thái tử dần dần trưởng thành, học thông các môn học như lịch số, toán pháp… và các môn kỹ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung… Thái tử tánh hiền lành, chân thật thường hay bố thí, do biết Thái tử thường hay bố thí nên những người nghèo khổ ở xa gần đều kéo đến cầu xin và

đều được cho đầy đủ. Thời gian sau Thái tử muốn cởi xe đến dạo trong vườn uyển, xe được trang nghiêm bằng vàng bạc lưu ly…, càng xe được làm bằng gỗ Chiên đàn, xe do bốn con ngựa kéo đang chay nhanh về phía vườn hoa. Lúc đó có một Bà-la-môn khen Thái tử có oai lực lớn và

nói kệ:

"Nên biết người thế gian,
Nghe tiếng Ngài bố thí,
Xe báu quý trọng này,
Thí cho Bà-la-môn".

Thái tử nghe rồi hoan hỉ xuống xe, chỉ xe tứ mã và nói kệ:

"Ta buông xả xe này,
Hoan hỉ mà bố thí,
Nguyện thoát ly ba cõi,
Chứng Vô thượng Bồ-đề".

Được xe, Bà-la-môn liền cỡi đi; thời gian sau Thái tử lại cỡi voi trắng tên là Vương tăng trưởng, đến dạo chơi vườn uyển. Voi có màu trắng như ngọc Kha tuyết, có đầy đủ các tướng tốt như voi của vua trời Đế thích, đứng đầu trong các voi. Voi bước đi thung dung nên ai cũng thích nhìn; Thái tử ngồi trên mình voi giữa các quyến thuộc và người hầu vây quanh, giống như trăng sáng giữa chòm sao. Lúc đó là vào mùa xuân, trăm hoa đua nở, chim hót líu lo, vua nước địch nghe biết thái nữ đang dạo chơi vườn uyển liền bảo một Bà-la-môn đến chỗ Thái tử xin voi. Bà-la-môn này dùng lời hay khéo nói kệ để xin voi:

"Các hữu tình trời, người
Biết Ngài thích bố thí,
Voi trắng lớn đang cỡi,
Xin hãy thí cho tôi".

Thái tử nghe rồi liền xuống voi, hoan hỉ chỉ voi và nói kệ:

"Nguyện xả voi trắng này,
Thí cho Bà-la-môn,
Nguyện thoát ly ba cõi,
Mau chứng quả Bồ-đề".

Các đại thần thấy việc này rồi liền tâu vua, vua nghe rồi rất tức giận cho gọi Thái tử đến và nói: "con từ nay không được ở trong nước ta nữa", Thái tử nghe rồi suy nghĩ: "cha đã từ bỏ ta, ta vì cầu Vô thượng Bồ-đề, làm lợi ích cho tất cả nên mới thí voi trắng ấy. Nếu ta ở nhà thì ta không thể tùy tình bố thí, ta nên đến trong núi rừng tu giới hạnh, từ bỏ gia duyên, sống một mình nơi núi rừng, nếu có ai đến xin gì, ta

nguyện không trái ý", nghĩ rồi liền đến nói với vợ: "Hiền thủ, ta muốn vào trong rừng tu khổ hạnh", người vợ nghe rồi không muốn xa chồng nên nói: "thiếp và các con sẽ theo chàng vào trong rừng tu đạo", liền nói kệ:

"Hư không không trăng, không ánh sáng,
Đất không có mầm, quả không sanh
Như ao hoa sen khô cạn nước,
Vợ mà không chồng cũng như vậy".

Thái tử nói: "thường pháp của thế gian hễ có hợp đều phải biệt ly, huống chi nàng sanh trưởng trong cung vua, thân nữ yếu đuối phải ăn ngon, mặc đẹp, chỗ ngủ ấm êm; ở trong rừng chỉ ăn trái cây, khi đi hái trái phải đi bộ, giẫm trên gai góc và tu giới hạnh, nàng không thể", người vợ nói: "dù chịu khổ này thiếp cũng sẽ không thối tâm", Thái tử nói: "nếu nàng đã nói lời này thì xin chớ có quên". Sau đó Thái tử đến chỗ vua cha chắp tay nói kệ:

"Xin cha tha thứ lỗi cho con,
Đã đem voi cho Bà-la-môn ,
Do lỗi này, con nay vào rừng,
Nguyện quốc khố ngày càng tăng thêm".

Vua cha nghe rồi nghẹn ngào nói không ra tiếng, không chịu được nổi khổ biệt ly nên nói: "con nên ở lại và đừng vào rừng và cứ tùy ý bố thí", Thái tử nói kệ:

"Đại địa và núi rừng,
Còn có thể chuyển dời
Con đối với người xin,
Tâm thí không thay đổi".

Nói kệ rồi Thái tử lạy tạ từ biệt phụ vương, dân chúng trong thành buồn bã tiễn đưa Thái tử ra khỏi thành, trăm ngàn quyến thuộc cũng cưỡi xe đi theo tiễn đưa Thái tử. Lúc đó có người nghe dân chúng trong thành đồng loạt khóc lớn liền hỏi nguyên do, mọi người nói kệ:

"Trong thành có Thái tử,
Đem voi báu bố thí,
Vua trách đuổi đi xa,
Nên chúng tôi buồn khóc".

Lúc đó Thái tử nói kệ từ biệt mọi người:

"Tất cả ân Ái từ lâu nay,
Đến khi qua đời cũng biệt ly,
Như chim ngủ đêm tạm ở cây,
Vợ con quyến thuộc cũng như vậy.
Tất cả người thế gian,
Hội họp ắt chia ly".

Nói kệ xong liền ra đi, đi cách xa thành khoảng chừng ba mươi dặm thì có một Bà-la-môn đến nói với Thái tử: "tôi nghe danh tiếng nên đã đi theo Thái tử suốt ba mươi dặm đường để xin xe tứ mã, xin Thái tử hãy thí cho tôi", Thái tử phi thấy vậy sanh tâm khinh mạn, dùng lời thô mắng Bà-la-môn rồi nói kệ:

"Ngươi thật là lạ kỳ,
Nói là Bà-la-môn,
Mà theo đến rừng cây,
Xin cho xe tứ mã".

Thái tử nói với vợ: "nàng chớ nên nói lời thô với Bà-la-môn", rồi nói kệ:

"Nếu không có người xin,
Ta thí ai sẽ nhận,
Vì muốn chứng Bồ-đề,
Bố thí bỏ tâm tham,
Thù thắng trong Lục độ,
Đó là hạnh Bồ-tát.
Vì muốn chứng Bồ-đề,
Viên tu Nhất thiết trí".

Nói kệ xong, tâm sanh hoan hỉ lại nói kệ:

"Ta đang từ bỏ cấu xan tham,
Thí xe báu cho Bà-la-môn,
Cùng hạnh với Đại tiên thuở xưa,
Để chứng được Bồ-đề vô lậu".

Bồ-tát thí xe tứ mã cho Bà-la-môn rồi cõng con trai trên vai, vợ bế con gái đi dần dần tới núi rừng và ở trong đó tu giới hạnh. Một hôm có Bà-la-môn đến chỗ Bồ-tát xin hai đứa con của Bồ-tát, lúc đó Mạn đê ly đi hái trái không có ở nhà, Bà-la-môn khen ngợi và chúc Bồ-tát được tôn thắng rồi nói kệ:

"Tôi không người hầu hạ,
Cùng vợ tìm khắp nơi,
Nay hai con của Ngài,
Xin thí cho chúng tôi".

Bồ-tát nghe rồi, vì phải xa lìa hai con nên suy nghĩ trong chốc lát, Bà-la-môn nói: "tôi nghe Ngài nguyện bố thí tất cả nên mới đến xin, vì sao còn suy nghĩ", rồi nói kệ:

"Danh tiếng của Ngài vang khắp nơi,

Có thể từ bi thí tất cả,
Như trước đây đã từng bố thí,
Nay xin Ngài hãy thí cho tôi".

Bồ-tát nói kệ:

"Dù cho tôi phải xả thân mạng,
Bổn nguyện tôi cũng không thay đổi,
Cho dù thí hai con cho người,
Tôi rốt cuộc cũng không thối chuyển.
Tôi nay xả hai con,
Chỉ còn hai vợ chồng,
Tánh người nữ Ái nặng,
Sợ nàng không sống được.
Người đời sẽ nói tôi,
Không thương nên bỏ con,
Sao không xả thân mình,
Lại đem thí hai con".

Bà-la-môn nói: "Ngài sanh trong dòng họ vua chúa, cả đại địa đều nghe biết Ngài thương xót chúng sanh, thường hành bố thí, đã đem con hương tượng bố thí cho Bà-la-môn; lại thường cứu giúp người nghèo thiếu, ai xin gì cũng đều được thỏa mãn, không để về tay không. Tôi từ xa đến xin, đừng để tôi uổng công, xin điều phục ngựa tâm ý, đừng thối chuyển tâm ban đầu mà không bố thí, để sự mong cầu của tôi luống uổng", kế nói kệ:

"Danh vang khắp mươi phương,
Bố thí hết tất cả,
Xin hãy rũ lòng thương,
Toại lòng tôi mong cầu".

Bồ-tát vì phải xa lìa hai con yêu quý nên lo buồn suy nghĩ: "nếu ta xả thí hai con thì ta và Mạn đê ly vì thương nhớ con mà buồn khổ; nếu không xả thí thì thiếu và trái với nguyện hạnh của ta, Bà-la-môn kia sẽ thất vọng vì đến xin không được phải trở về không. Ta thà chịu đựng nỗi khổ lớn chứ không làm thiếu và trái với nguyện hạnh ban đầu", nghĩ rồi Bồ-tát quyết định xả thí hai con cho Bà-la-môn và nói kệ:

"Ta nay xả thí con,
Nguyện được lợi ích lớn,
Đem phước thù thắng này,
Độ chúng sanh thoát khổ".

Khi Bồ-tát vừa xả thí hai con thì đại địa chấn động sáu cách, các tiên nhân ở bên núi thấy hiện tượng này đều kinh ngạc nói với nhau: "do phước lực của ai hay lý do gì mà đại đại chấn động như thế, hãy quán xem là do thế lực của ai mà có điềm này", trong số đó có tiên nhân cao tuổi nhất giỏi về thiên văn quán xem rồi nói kệ:

"Đó là Bồ-tát thích núi rừng,
Ăn quả, uống nước suối nuôi thân,
Đang xả thí hai con thân yêu,
Nên đại địa mới có điềm này".

Lúc đó hai đứa con biết cha đã quyết định xả thí mình, liền kêu khóc rồi đảnh lễ cha bạch rằng: "xin cha thương xót đừng xả thí chúng con, không có cha mẹ chúng con biết nương vào ai", Bồ-tát nghe rồi đau buồn rơi lệ nói kệ:

"Các con hãy nên biết,
Không phải cha không yêu,
Vì độ chúng sanh khổ,
Nên xả thí hai con,
Đem phước thù thắng này,
Độ chúng sanh thoát khổ,
Khiến ra khỏi bến mê,
Cùng chứng quả Bồ-đề".

Hai đứa con nghe rồi đau buồn rơi lệ, nghẹn ngào nói kệ:

"Cha đã quyết định xả thí con,
Con xin gởi lời nhắn lại mẹ,
Trước đây con có lỗi lầm gì,
Xin mẹ thương xót tha thứ con,
Vì con còn quá nhỏ dại khờ,
Không biết tôn kính vâng lời mẹ,
Nay không thể báo đáp từ ân,
Những tội như thế xin tha thứ".

Nói kệ rồi, hai đứa con đảnh lễ hữu nhiễu cha ba vòng, hai mắt đẫm lệ từ biệt cha mà đi; Bồ-tát nghe lời bi thương của con, trong lòng đau buồn càng phát tâm Bồ-đề rồi trở vào am. Khi hai đứa con vừa rời khỏi am thì ba ngàn đại thiên thế giới liền chấn động sáu cách, vô lượng chư thiên ở trên hư không đều khen lạ thay và nói kệ:

"Oai đức xả thí thật lạ kỳ,
Tâm Bồ-đề chắc chắn như vậy,

Cả hai đứa con thân sanh,
Cũng xả thí, tâm không hối tiếc".

Lúc đó người mẹ hái trái cây xong, đang trên đường trở về, thấy đại địa chấn động nên bước đi vội vã. Một vị thiên thấy vậy liền hóa ra một con sư tử cái chận đường trở về, vì sợ người mẹ này trở về kịp sẽ ngăn cản hạnh thí của Bồ-tát. Người mẹ nói kệ:

"Sư tử ngươi là vợ vua thú,
Vì sao lại chận đường ta đi,
Ta cùng người đều đang thờ chồng,
Xin ngươi hãy mau tránh đường ta.
Ngươi là vợ sư tử, vua thú,
Ta là vợ của vua loài người,
Theo pháp nhân nghĩa kết chị em,
Hãy mau tránh đường cho ta đi".

Lúc đó sư tử cái hiện lại bổn hình và tránh đường, người mẹ trên đường về thấy đủ những việc quái lạ như trên hư không có tiếng khóc bi ai, trong núi rừng có tiếng khóc của hữu tình… nên trong lòng lo lắng suy nghĩ: "chắc là hai con ta gặp việc chẳng lành rồi", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Mắt tôi đang máy động,
Nghe quạ kêu quái gỡ,
Ắt có khổ biệt ly,
Con ta còn hay mất,
Mà thấy đất chấn động.
Tâm ta càng bất an,
Chắc là mất hai con,
Tâm ta như lửa đốt".

Về đến trú xứ vội nhìn ngó khắp nơi tìm kiếm hai con nhưng không thấy, tâm người mẹ sanh mê loạn suy nghĩ: "chắc là chúng đang chơi với nai con hoặc đắp đất làm thành để vui chơi, hoặc là đang ngủ ở bên trong". Vào bên trong thấy Thái tử liền hỏi con tôi đâu, Thái tử nói: "có một Bà-la-môn đến xin nên tôi đã đem hai con bố thí, xin nàng hãy tùy hỉ". Người mẹ nghe rồi liền như nai mẹ bị trúng tên độc, như chim cút mẹ mất con, như bò mẹ mất con, trong lòng đau buồn ngất xỉu xuống đất hồi lâu mới tỉnh rồi nói kệ:

"Hai con của ta mặt như hoa,
Tay chân mềm mại như cánh sen,
Đồng thời phải chịu nỗi khổ này,

Xa lìa ta ra đi một mình".

Lúc đó vua trời Đế thích thấy Bồ-tát và phu nhân đã làm việc khó làm nên cùng chư thiên trên cõi trời Tam thập tam từ hư không xuống, ánh sáng chiếu rực rỡ chỗ Bồ-tát ở rồi nói kệ để khích phát tâm Bồ-tát cho thêm kiên cố. Vua trời Đế thích suy nghĩ: "nay Bồ-tát chỉ con có phu nhân Mạn đê ly hầu hạ, nếu có ai đến xin chắc cũng đem xả thí thì không còn ai hầu hạ Bồ-tát nữa. Ta nên quyền biến theo xin rồi gởi lại cho Bồ-tát", nghĩ rồi vua trời Đế thích liền hóa làm một Bà-la-môn đến chỗ Bồ-tát nói kệ:

"Người nữ này dung nhan rất đẹp,
Chỉ chuyên tâm thờ một người chồng,
Phu nhân đẹp, tôn quý như vậy,
Hãy xả thí để hầu hạ tôi".

Phu nhân nghe rồi trong lòng vừa buồn vừa giận nói kệ:

"Ngươi là người tham Ái, vô sỉ,
Là người cực ác trên thế gian,
Nếu như biết pháp, biết tôn nghi,
Sao lại theo chồng cưỡng xin ta".

Lúc đó phu nhân thấy Bồ-tát quay lại nhìn mình, liền nói kệ:

"Nay tâm thiếp không buồn,
Cũng không lo thân khổ,
Chỉ lo chàng một mình,
Làm sao mà sống được".

Bồ-tát nói kệ:

"Ta ở nơi đây không phải lo,
Ta cầu kiên cố không hoại đạo,
Nàng hãy cung kính theo ông ấy,
Ta như thú hoang chết trong rừng.
Nay ta bố thí lần cuối cùng,
Sau khi nàng đi, ta không lo".

Bồ-tát hoan hỉ nói thêm nửa bài kệ này rồi một tay cầm tay phu nhân, một tay cầm bình nước tắm nói với Bà-la-môn rằng:

"Người này trong sạch không bợn nhơ,
Nói năng làm việc khéo thừa sự,
Tôi đem người vợ quý trọng này,
Nay thí cho anh, hãy gìn giữ".

Bồ-tát xả thí vợ rồi liền phát nguyện: "nguyện đem phước xả thí này để sớm được thành Phật quả", Bồ-tát phát nguyện vừa xong, đại địa liền

chấn động sáu cách. Khi Bà-la-môn dẫn phu nhân đi được một

khoảng đường thì phu nhân nhân đau xót than thở: "nay tôi đã xa người chồng đáng kính và hai con thân yêu, không biết đời trước tôi đã gây nghiệp gì mà phải chịu quả báo này", vua trời Đế thích nghe rồi liền hiện lại bổn hình nói kệ:

"Ta chẳng phải Bà-la-môn,
Cũng chẳng phải người, là Đế thích,
Đại thiên vương phá được A-tu-la ,
Thâm tâm ta rất thương xót cô,
Có ước nguyện gì, ta giúp cho".

Phu nhân nghe rồi vui mừng lễ bái rồi nói kệ:

"Vua trời ngàn mắt cứu con tôi,
Lìa bỏ thân hèn được giải thoát,
Gặp lại vua cha được vui vẻ,
Vua trời Đế thích, con nguyện vậy".

Vua trời Đế thích nghe rồi liền dẫn phu nhân trở lại chỗ Bồ-tát, tay phải nắm tay phu nhân đưa cho Bồ-tát nói rằng: "tôi đem người nữ này gởi cho Thánh giả để cô ấy hầu hạ người, nếu có ai đến xin thì không được đem cho, vì đây là của người khác gởi; nếu của người khác gởi mà đem cho thì bị người đời chê trách". Sau đó vua trời Đế thích đến chỗ Bà-la-môn đã dẫn hai đứa con của Bồ-tát đi, khiến cho ông ta mê muội không tự chủ mà dẫn chúng trở về lại thành cũ, rao bán chúng ở trong chợ để các đại thần nghe thấy. Các đại thần nghe thấy rồi liền đến tâu vua: "có người đem hai cháu của vua là Duyệt ý và Hắc nhĩ rao bán ở trong chợ, không chút xót thương", vua nghe rồi rất kinh ngạc và đau lòng liền sai sứ đến chỗ người đó dẫn chúng về; các cung nhân và dân chúng trong thành nghe biết việc này thảy đều xót thương than thở. Khi sứ dẫn hai cháu đến chỗ vua, vua thấy hai cháu mặc quần áo rách rưới, đói khát ốm gầy và dơ bẩn; vua đau lòng ngất xỉu ngã từ trên tòa sư tử xuống đất hồi lâu mới tỉnh, bá quan và các cung nhân đều xót thương rơi nước mắt. Vua tỉnh rồi bảo các đại thần: "tuy ở trong rừng mà con ta vẫn không ngừng bố thí, hãy sai sứ đến đón về", không bao lâu sau vua băng hà, các đại thần đến nghinh đón Thái tử trở về nối ngôi vua. Sau khi lên ngôi, vua liền mở hội đại thí để cúng dường tất cả Sa môn, Bà-la-môn và bố thí cho tất cả những người nghèo khổ cô độc không xẻn tiếc, cho đến tất cả bà con thân hữu thảy đều được nhờ ân. Vua đem công đức bố thí nguyện rằng:

"Vì cầu quả Bồ-đề,

Tâm hoan hỉ bố thí,
Sát ly, Bà-la-môn,
Phệ xá, Thủ đà la,
Và Chiên đà la ác.
Người trì giới thanh tịnh,
Đem vàng bạc ngọc báu,
Sứ giả và nô bộc,
Nam nữ và vợ con,
Đều dùng tâm xả thí,
Để được thân thanh tịnh.
Đời này và đời sau,
Như vua cứu con cháu,
Bà-la-môn được của,
Quyến thuộc đều vui mừng,
Được an ổn như vậy,
Đều do con cháu vua,
Cho ta là tối thượng,
Người này là phước điền,
Đáng được thọ cúng dường,
Cho nên được của báu".

Phật bảo các Bí-sô: "Thái tử thuở xưa chính là thân ta ngày nay, Bà-la-môn chính là Đề-bà-đạt-đa. Này các Bí-sô, được cúng dường chút ít còn phải nhớ ân, huống chi là được cúng dường nhiều".

Lúc đó Phật ở tại Trúc viên thành Vương xá, tại thành Chiêm ba có một trưởng giả tên là Bảo đức, nhà giàu có nhiều của báu, thọ dụng đầy đủ. Trưởng giả cưới vợ không bao lâu thì người vợ có thai… thời gian sau, lúc trưởng giả đến thành Vương xá thì ở nhà vào ngày có sao Nữ, người vợ hạ sanh một trai dung mạo đoan chánh ai cũng thích nhìn, dưới chân đứa bé có lông dài bốn ngón tay màu hoàng kim. Người vợ sai sứ đến thành Vương xá báo cho trưởng giả biết tin này, trưởng giả hỏi sứ giả là vừa nói gì, đáp là phu nhân sanh con trai, trưởng giả lại hỏi vừa nói gì, lại đáp là sanh con trai, cứ như thế rất nhiều lần nên sứ giả không đáp nữa mà hỏi trưởng giả vì sao hỏi hoài như vậy, trưởng giả nói: "nếu anh đáp một trăm lần thì tôi sẽ cho anh một trăm thỏi vàng, nhưng anh chỉ đáp có ba lần nên tôi chỉ cho anh ba thỏi vàng", nói rồi bảo sứ giả trở về bảo người giữ kho lấy trong kho ra hai mươi ức của báu dùng vào việc lo ăn uống hằng ngày cho đứa con trai ; sau đó đến gặp vua tâu rằng: "vợ thần vừa hạ sanh một trai", vua nói: "ta ban cho con ông thành Chiêm ba và voi báu xinh đẹp", tâu với vua xong,

trưởng giả liền trở về nhà. Sau hai mươi mốt ngày trưởng giả mở hội ăn mừng và đạt tên cho đứa bé, quyến thuộc nói: "đứa bé sanh vào ngày có sao Nữ, nên đặt tên là Nữ tinh". Trưởng giả giáo Nữ tinh cho tám bà nhũ mẫu chăm sóc: hai bà cho bú, hai bà lo ẵm bồng, hai bà lo tắm giặt, hai bà lo việc chơi đùa với bé, đứa bé dần dần lớn khôn như hoa sen trong nước. Đến tuổi trưởng thành học thông các môn học và các môn kỹ thuật thảy đều thông đạt, mọi người đua nhau đem con gái đến gả. Trưởng giả xây cho con ba loại phòng ốc và vườn cây ứng hợp với ba mùa xuân hạ đông, lại tuyển chọn ba loại cung nhân thượng trung hạ và môi ngày dùng năm trăm lượng vàng cho việc ăn uống của con trai.

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa khuyên Thái tử A-xà-thế làm ác: "phụ vương của Ngài tóc đã bạc mà còn không chán việc cùng người nữ thọ lạc, nay Thái tử đã trưởng thành mà vua không chịu truyền ngôi", Thái tử hỏi nên làm gì, Đề-bà-đạt-đa nói: "phải làm việc hơn người, hễ có mong cầu thì không có việc gì mà không dám làm". Lúc đó vua muốn đem cháo sữa đến trong Trúc viên cho Như lai dùng thì A-xà-thế đứng ở giữa đường, phóng giáo nhọn để giết vua nhưng lại làm bể bát cháo sữa, vua liền quay về. Phật nhờ Tha tâm trí nên biết trước mọi việc, liền bảo Mục liên: "Đề-bà-đạt-đa khuyên Thái tử tạo cái nhân địa ngục, vua Tần-tỳ-sa-la muốn mang cháo đến cho ta thì bị A-xà-thế làm bể bát cháo. Thầy hãy đến chỗ con trai của trưởng giả Bảo đực ở thành Chiêm ba xin cháo mang về đây", tôn giả Mục liên vâng lời Phật nhập định, ẩn thân tại thành Vương xá rồi hiện ra ở thành Chiêm ba. Lúc đó trưởng giả tử này đang thờ thần mặt trời liền thấy Mục liên từ trong ánh mặt trời hiện ra, hết sức kinh ngạc nói kệ:

"Nay thấy thần mặt trời,
Từ mặt trời hiện ra,
Xin hỏi ai hiện thân,
Có phải thần mặt trời,
Hay là trời Đa văn,
Hay là trời Đế thích?"

Tôn giả Mục liên quán biết ý của trưởng giả tử liền nói kệ:

"Không phải thần mặt trời,
Không phải trời Đa văn,
Cũng không phải Đế thích,
Là đệ tử Mâu ni,
Với đầy đủ oai quang,
Đến nơi đây xin cháo,
Cúng dường cho Thế tôn".

Trưởng giả tử hỏi Phật như thế nào, Mục liên nói kệ:

"Hạt cải không thể sánh Tu di,
Lửa đom đóm không sánh mặt trời,
Nước dấu chân bò không sánh biển,
Các ngoại đạo không sánh bằng Phật".

Trưởng giả tử lại hỏi Như lai thuộc dòng họ nào, tôn giả Mục liên nói: "có sa môn Kiều-đáp-ma thuộc dòng họ Thích ca từ bỏ vương vị, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp phục, chánh tín xuất gia, tu chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, vị đó chính là Phật", do trước nay chưa từng nghe nói về Phật, nay bỗng được nghe nên trưởng giả tử hoan hỉ, đem các món ăn trị giá năm trăm tiền vàng sớt vào bát để dâng cúng Phật. Tôn giả Mục liên nhập định rồi ẩn thân tại thành Chiêm ba, hiện trở lại trong Trúc viên thành Vương xá rồi dâng bát thức ăn cho Thế tôn. Lúc đó vua Tần-tỳ-sa-la lại mang cháo đến, nghe được mùi thơm của thức ăn này liền cho là của vua trời Đế thích cúng dường Phật và Phật không thể dùng món cháo của mình nữa. Vua hỏi Phật: "có phải thức ăn này là của vua trời Đế thích cúng dường Thế tôn không?", Phật nói: "trong nước của vua có thành tên Chiêm ba, con trai của trưởng giả ở đó hằng ngày dùng năm trăm tiền vàng cho việc ăn uống. Bí-sô Mục liên đã đến đó khất thực mang về, trưởng giả tử đó có phước lực như thế", vua nghe rồi sanh tâm hoan hỉ, muốn sai sứ mời đến. Phật biết ý vua nên nói: "Đại vương chớ xem thường mà sai sứ mời đến, Đại vương có thể ăn thử thức ăn còn lại ở trong bát của ta không?", vua nói: "con thuộc dòng vua tôn quý được quán đảnh thì không thể ăn thức ăn dư của người khác, nhưng Phật là Pháp vương bảo con ăn thì con sẽ ăn", nói rồi vua ăn, Phật hỏi: "từ trước đến nay, Đại vương đã được tùy ý ăn thức ăn như vậy chưa?", vua nói: "từ trước đến sống trong cung và hiện được làm vua, nhưng chưa từng được tùy ý ăn thức ăn như vậy", Phật nói: "Đại vương nên biết, trưởng giả tử kia là người có phước đức lớn, thường ăn thức ăn thượng vị như thế". Vua đảnh lễ Phật rồi trở về cung ra bịnh chuẩn bị bốn binh để đến thành Chiêm ba, quần thần hỏi nguyên do, vua nói: "ta muốn gặp con trai của trưởng giả Bảo đức", quần thần nói: "người ấy ở trong nước của vua, vua chỉ cần sai sứ gọi đến, cần gì vua phải đến", vua nói: "người ấy có phước đức lớn, không thể sai sứ gọi đến", quần thần nói: "chúng thần có cách, không cần vua sai sứ gọi, người ấy cũng tự đến", vua nói tùy ý khanh. Đại thần liền viết thư sai sứ mang tới cho trưởng giả, trong thư bảo phải quét dọn thành ấp nghinh đón Đại vương và Thái tử. Trưởng giả tử nghe vua đến thì vui mừng, nhưng nghe Thái tử bản tánh hung ác thì sợ có rắc rối xảy ra. Sau đó đại thần lại viết thư nói vua và Thái

tử đều không đến, lại bảo xây đập ngăn nước của sông Căng già ; trưởng giả lo buồn suy nghĩ: "chắc là muốn trừng phạt ta nên mới bảo làm việc này". Dân chúng thành Chiêm ba tụ tập lại cùng viết thư gởi cho đại thần, trong thư viết: "vì sao Ngài viết thư nói là vua và Thái tử đến, sau đó nói là không đến rồi lại bảo xây đập ngăn nước của sông Căng già?", Đại thần đọc thư rồi viết thư nói: "vua và Thái tử không đến, chỉ là vua muốn được gặp con trai của trưởng giả Bảo đức mà thôi, vị ấy hãy mau đến gặp vua", dân chúng thành Chiêm ba đọc thư rồi lén cho người đến thành Vương xá do xét thật hư, biết rồi liền đến nói với trưởng giả Bảo đức là vua thật sự muốn gặp con trai của trưởng giả, trưởng giả nói: "nếu mỗi nhà trong thành này cho một người con đi theo con tôi thì tôi sẽ cho nó đi", dân chúng trong thành đều làm theo lời của trưởng giả. Trưởng giả liền nói với con: "vua Ảnh thắng muốn được gặp con, chắc là vua nghe nói dưới chân con có lông màu hoàng kim nên muốn xem. Con chớ đưa chân cho vua xem, con hãy mang theo một hạt châu báu đến đảnh lễ vua rồi đặt lên chân vua rồi lui qua một bên ngồi kiết già thì lông màu hoàng kim dưới lòng bàn chân sẽ hiện ra", người con đáp: "con sẽ làm như lời cha dạy". Lúc đó trưởng giả suy nghĩ: "ta nên cho con ta đi bằng voi, ngựa, xe hay đi thuyền", lại nghĩ: "đi thuyền là an ổn nhất", nghĩ rồi liền cho đóng thuyền, trong thuyền sắp đặt đủ loại cây cảnh, lại có các loại chim đẹp và cho nhiều thể nữ theo hầu hạ để đi đến thành Vương xá.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 17

Vua Tần-tỳ-sa-la nghe tin con trai của trưởng giả Bảo đức đi thuyền đến liền cho đào kênh từ sông Căng già để đến thẳng vào thành Vương xá, lại ra lịnh quét dọn sạch sẽ đường sá, rưới nước thơm rãi hoa thơm và cho chuẩn bị các thức ăn ngon để đón tiếp. Khi trưởng giả tử đến chỗ vua, đảnh lễ rồi đặt hạt châu báu trên chân vua, lui qua một bên ngồi kiết già để cho vua nhìn thấy những sợi lông màu hoàng kim dưới lòng bàn chân. Vua nhìn thấy rồi kinh ngạc nói: "khanh là người có phước đức lớn, khanh đã từng gặp Phật chưa?", đáp là chưa từng gặp, vua nói: "vậy khanh hãy theo ta gặp Phật", trưởng giả tử hỏi vua: "Phật đi bằng gì?", vua nói: "người xuất gia không đi bằng gì cả", trưởng giả tử nói: "vậy thần cũng đi bộ". Dân chúng liền trải vải trên đường để cho trưởng giả tử bước lên đi, trưởng giả tử hỏi vua: "Phật có đi trên vải không?", vua nói không có, trưởng giả tử liền bảo dẹp cất vải, dẹp cất vải xong, chư thiên lại trải thiên y, trưởng giả tử hỏi: "tôi bảo dẹp cất vải vì sao trên đất lại có vải", dân chúng bên đường nói: "đó là thiên y không phải vải của chúng tôi", trưởng giả tử lại bảo thu cất. Sau khi chư thiên thu cất thiên y, trưởng giả tử bước chân đi trên đất, đất liền chấn động sáu cách. Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "suốt chín mươi mốt kiếp, trưởng giả tử này đều bước đi trên vải trải đất, chưa từng bước chân đi trên đất. Nay vì trọng pháp mà bước chân đi trên đất, nên đất liền chấn động". Khi trưởng giả tử đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi qua một bên, Phật tùy theo căn tánh thuyết pháp, trưởng giả tử nghe pháp rồi liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Phật cầu xin xuất gia. Phật nói: "này trưởng giả tử, nếu cha mẹ chưa cho phép thì không được xuất gia thọ giới", vua Tần-tỳ-sa-la bạch Phật: "con là quốc chủ, tất cả kho tàng tài sàn ở nơi trưởng giả ấy đều thuộc của vua, vua đã cho phép, cúi xin Như lai cho trưởng giả tử xuất gia". thiện lai các Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật nói: "thiện lai Bí-sô", vừa nói xong, râu tóc của trưởng giả tử này tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô oai nghi đĩnh đạc giống như Bí-sô trăm tuổi. Lúc đó Lục quần Tỳ kheo cùng cười nhạo: "trưởng giả tử này giống như sanh tô, có thể làm

được gì ; dù có siêng năng tu tập cũng chẳng thành tựu được gì", trưởng giả tử nghe lời cười nhạo này rồi liền đến hỏi tôn giả A-nan: "Bí-sô quyết định tu hành phải như thế nào mới sớm được thành tựu được chánh định?", A-nan đáp: "như lời Phật dạy nên thọ trì Tam-ma-địa, siêng năng kinh hành sẽ sớm được chánh định". Trưởng giả tử nghe rồi liền vào trong rừng thây chết để hành Tam-ma-địa, kinh hành và chuyên niệm thiện pháp về các giác chi, nhưng không thể được chánh định ; trưởng giả tử suy nghĩ: "ta siêng năng tinh tấn hơn các Thanh văn mà không thể chứng được, ta vẫn còn nhà cửa, quyến thuộc và của cải; ta nên trở về tục tu hạnh bố thí, làm các công đức". Phật biết tâm niệm của trưởng giả tử nên bảo một Bí-sô vào trong rừng thây chết gọi trưởng giả tử đến gặp Phật, Bí-sô vâng lời Phật dạy đi gọi, trưởng giả tử đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên, Phật nói: "thầy không nên một mình không rừng vắng ngồi yên lặng suy nghĩ điều phi lý như vậy. Có phải vừa rồi thầy nghĩ rằng: "ta siêng năng tinh tấn hơn các Thanh văn mà không thể chứng được, ta vẫn còn nhà cửa, quyến thuộc và của cải; ta nên trở về tục tu hạnh bố thí, làm các công đức?", trưởng giả tử nghe rồi liền suy nghĩ: "Thế tôn đã biết tâm niệm của ta", trong lòng kinh ngạc sợ hãi, lông dựng đứng, đáp là phải. Phật nói: "nay ta hỏi, thầy hãy tùy ý đáp, trước đây khi còn ở nhà thầy giỏi về cái gì?", đáp là giỏi đàn, Phật hỏi: "khi điều chỉnh dây đàn, dây quá căng thì âm thanh có hòa nhã vui tai hay không?", đáp là không, Phật lại hỏi: "nếu dây đàn chùng thì có thể phát ra âm thanh hay được không?", đáp là không, Phật lại hỏi: "nếu dây đàn không quá căng cũng không chùng, ở mực độ vừa chừng thì mới phát ra âm thanh hay phải không?", đáp là phải, Phật nói: "cũng giống như vậy này trưởng giả tử, nếu có người nào hết sức tinh tấn thì tâm sanh trạo cử, người nào quá phóng túng thì tâm sanh lười biếng; vì thế thầy hãy tu tập ở mức độ trung dung. Nếu tu tập như thế thì không bao lâu sẽ đoạn hết tâm hữu lậu, được giải thoát và tuệ giải thoát, thấy pháp và chứng quả; hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau". Trưởng giả tử nghe Phật dãy rồi hoan hỉ tín thọ, đảnh lễ Phật rồi trở lại trong rừng thây chết để tu tập, tâm không buông lung, giữ chánh niệm để đạt được mục đích mà một thiện nam tử chánh tín xuất gia là thấy pháp và chứng quả, hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Không bao lâu sau cụ thọ này chứng được quả A-la-hán, được giải thoát thù thắng, nhất tâm hỷ lạc liền suy nghĩ: "nay chính là lúc ta nên đến cung kính cúng dường Phật", nghĩ rồi vào xế chiều, cụ thọ này đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi qua một bên bạch Phật: "Thế tôn, hễ có Bí-sô nào chứng được quả A-la-hán, tận trừ các lậu hoặc, việc cần làm đã

làm xong, không còn thọ thân sau, xả bỏ gánh nặng, được tự lợi là chặt đứt các kiết sử trói buộc, được tuệ giải thoát thù thắng, tâm giải thoát thù thắng nơi sáu pháp:

1. Lìa khỏi phạm tục được giải thoát thù thắng.
2. Làm lợi ích hữu tình được giải thoát thù thắng.
3. Tâm tịch tĩnh được giải thoát thù thắng.
4. Tận trừ tham dục được giải thoát thù thắng.
5. Tận trừ các lậu hoặc được giải thoát thù thắng.
6. Không mất chánh niệm được giải thoát thù thắng.

Thế tôn, nếu có người chỉ phát chút lòng tin mà cầu giải thoát thì chớ có nghĩ sẽ tận trừ tham sân si mà được giải thoát. Nếu có người phát tâm thọ trì chút giới mà cầu giải thoát, không còn ưu bi khổ não thì chớ có nghĩ sẽ tận trừ tham sân si mà được giải thoát. Nếu có người vì cầu danh văn lợi dưỡng nên hành tịch tĩnh mà cầu giải thoát, thì chớ có nghĩ sẽ tận trừ tham sân si, lìa bỏ tham Ái chấp thủ, không mất chánh niệm mà được giải thoát. Nếu Bí-sô nào chứng được quả A-la-hán, tận trừ các lậu hoặc, việc cần làm đã làm xong, không còn thọ thân sau, xả bỏ gánh nặng, được tự lợi là vĩnh viễn đoạn tận các hữu, được tuệ giải thoát thù thắng, tâm giải thoát thù thắng, thì vị ấy được sáu pháp này.

Thế tôn, nếu Bí-sô nào thọ trì học xứ để cầu Vô thượng Niết-bàn thiện đạo, không dính mắc nơi sắc thì học xứ đó gọi là Thi la thanh tịnh. Vị ấy thành tựu học xứ, điều phục các căn rồi mới được Lậu tận, nơi tâm vô lậu được giải thoát, tuệ giải thoát, tự hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau. Giống như đứa bé còn nhỏ lười biếng ưa ngủ, nếu chứa đựng chút ít giới thì các căn được điều phục, đến tuổi già, các căn đã điều phục thì giới thành tựu. Bí-sô cũng vậy, nếu Bí-sô nào an trụ nơi học xứ được tâm tự tại mà cầu Vô thượng Niết-bàn thiện đạo, không dính mắc nơi sắc mà trụ nơi giới thì các căn được điều phục, sau đó đoạn tận lậu hoặc, nơi tâm vô lậu được giải thoát, tuệ giải thoát, tự hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau, thành tựu giới vô học. Đã chứng quả rồi, khi thấy các sắc tâm không duyên theo cũng không bị hoặc loạn, tâm chánh định, tình không điên đảo, khéo tư duy tu tập, tâm không tăng giảm; dù có việc làm hoặc loạn cũng không thể làm mất chánh niệm. Tai tuy nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, tâm phân biệt các pháp; nhưng không bị các pháp như sắc… làm hoặc loạn, không mất chánh niệm, tâm an định không tán loạn, tình không điên đảo, khéo giải thoát, khéo tu tập, liền thấy pháp sanh diệt.

Ví như cách thành ấp tụ lạc không xa, có núi đá lớn không bị khuyết nứt, không có lỗ hổng, là một khối đá nguyên vẹn. Nếu có gió mạnh từ Dông thổi qua, núi đá ấy không lay chuyển, không nghiêng ngã về Tây; nếu có gió Tây nam, Tây bắc thổi đến cũng vậy, núi đá ấy không lay chuyển, không nghiêng ngã. Sắc quá khứ… ví như trận cuồng phong thổi ở trước mắt ta, nhưng nhãn thức… ý thức đều không bị điên đảo cũng như vậy, không lay chuyển, không nghiêng ngã, tâm an định không tán loạn, khéo tu tập, khéo giải thoát liền thấy pháp sanh diệt. Lại nữa, nhĩ tỉ thiệt thân ý có thể nhận biết thanh hương vị xúc pháp, làm hoặc loạn thân tâm; nhưng người có thể chứng quả thì không mất chánh niệm, không tán loạn, tâm an định, khéo tu tập, khéo giải thoát liền thấy pháp sanh diệt", liền nói kệ:

"Người xuất gia giải thoát,
Tâm không có ưu bi,
An trụ nơi tịch tĩnh.
Tận trừ Ái tham dục,
Thú hướng giải thoát thì
Tâm không có thất niệm,
Biết rõ ý sanh pháp,
Mà tâm được giải thoát.
Nếu tâm được giải thoát,
Tịch tĩnh trụ Kiến đế,
Việc nên làm, làm xong,
Không còn gì làm nữa.
Như núi đá lớn kia,
Gió bão không lay động.
Sắc thanh cũng như vậy,
Không thể làm tổn hại.
Người tâm ý an định,
Liền thấy pháp sanh diệt".

Các Bí-sô nghe kệ rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, cụ thọ này đã gieo trồng nghiệp nhân gì mà được sanh trong nhà giàu sang, dưới lòng bàn chân lại có lông màu hoàng kim, hằng ngày dùng năm trăm tiền vàng cho việc ăn uống, suốt chín mươi mốt kiếp chân không bước đi trên đất, vừa mới sanh ra đã được hai mươi ức tiền vàng, cuối cùng được xuất gia trong giáo pháp của Phật, đoạn tận phiền não chứng quả A-la-hán?", Phật bảo các Bí-sô: "cụ thọ ấy tịch tập nghiệp lành, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thần thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định tự thọ quả báo không ai có thể thọ

thay. Như kệ nói:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".
Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa cách đây chín mươi ức kiếp, có Phật Tỳ-bà-thi Ứng chánh đẳng giác xuất hiện nơi đời, đầy đủ mười hiệu, có sáu mươi hai ngàn Bí-sô vây quanh cùng du hành trong nhân gian, dần dần đi đến vương đô tên là Thân ý. Trong thành có các cư sĩ tử nghe biết tin này liền đi đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho các cư sĩ tử được lợi hỉ rồi liền im lặng. Các đồng tử này rời khỏi chỗ ngồi cung kính chắp tay bạch Phật: "cúi xin Thế tôn thọ chúng con cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư", Phật im lặng nhận lời, các đồng tử biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Về đến trong thành, các đồng tử bàn với nhau: "chúng ta sẽ cúng dường cho Thế tôn như thế nào, chúng ta cùng làm thức ăn hay là mỗi người làm thức ăn một ngày?", trong số đó có người nói: "nếu mọi người cùng làm thức ăn thì sẽ bỏ phế việc cày ruộng trồng trọt của chúng ta. Chúng ta nên mỗi người theo thứ lớp làm thức ăn một ngày, tùy sức mình mà làm". Trong số đó có một đồng tử nhà nghèo liền về bàn với mẹ: "nếu theo thứ lớp mỗi người làm thức ăn một ngày, nhà ta nghèo làm sao có thể lo liệu được?", người mẹ nói: "con hãy nhận làm thức ăn vào ngày cuối cùng, thời gian còn xa đủ cho con tùy sức làm việc kiếm tiền để lo liệu được", đồng tử nghe theo lời mẹ. Theo thứ lớp đến ngày của mình làm thức ăn, đồng tử trải da gấu để Như lai bước đi lên, dùng năm trăm tiền để làm các món ăn ngon cúng dường Như lai rồi gieo năm vóc xuống đất phát nguyện: "nguyện cho con đời vị lai được sanh trong nhà phú quý, chân không bước xuống đất, lại nguyện cho dưới lòng bàn chân của con có lông dài bốn ngón tay màu hoàng kim giống như chân của Như lai. Nếu có Phật ra đời con sẽ cúng dường thừa sự".

Phật bảo các Bí-sô: "đồng tử nghèo thuở xưa chính là trưởng giả tử ngày nay, do ở trước Phật Tỳ-bà-thi phát nguyện, nghiệp quả chín muồi nên được sanh trong nhà phú quý, suốt chín mươi mốt kiếp chân không bước xuống đất và dưới lòng bàn chân có lông màu hoàng kim. Từ khi sanh ra, mỗi ngày có hai mươi ức tiền vàng từ dưới đất vọt lên và được ở trong pháp của ta xuất gia, chứng quả A-la-hán. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen ; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen

tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng".

Lúc đó Thái tử Vị sanh oán nghe theo lời của Đề-bà-đạt-đa tạo tội nghịch với vua cha nên bị dân chúng trong nước chê trách: "vì sao lại kết bạn với người ác như vậy, lúc Vị sanh oán còn ở trong thai sao không giết chết", lại có người nói: "đó không phải là lỗi của A-xà-thế mà là lỗi của Đề-bà-đạt-đa", lại có người nói: "vì Phật cho Đề-bà-đạt-đa xuất gia, biết là tánh ác mà không đuổi đi", lại có người nói: "Phật không có lỗi mà là lỗi của Bí-sô tăng không y theo Tăng giáo mà trụ trì". Vua cha nghe được những lời này liền nói: "đó là nghiệp đời trước mà ta đã tạo, vậy mà có người nói là lỗi của Phật và Tăng làm cho ta rất áy náy trong lòng". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "vì sao người kia tạo tội mà người này lại mang họa?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà thuở xưa cũng xảy ra việc như vậy, các thầy lắng nghe: Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua Phạm thọ trị vì, dân chúng được an cư lạc nghiệp. Lúc đó trong thành có hai con chó đen và trắng cùng ăn da của cái yên cương, đến khi vua muốn xuất binh ra thành bảo thắng yên cương, người coi giữ ngựa mới phát hiện yên cương đã bị chó cắn nát, liền tâu lên vua, vua nổi giận ra lịnh giết hết các con chó trong thành, khiến chúng sợ hãi muốn trốn qua nước khác. Lúc đó có một con chó từ nước khác đến thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "vì sao không tâu rõ sự việc với vua?", đáp là không ai dám tâu, con chó này nói: "các anh yên tâm, trong đêm nay tôi sẽ đến tâu với vua", nói rồi ngay trong đêm đó đến chỗ vua nói kệ:

"Trong cung vua có hai con chó,
Một trắng, một đen đầy sức lực,
Nên giết chúng, chớ giết chúng tôi,
Đáng giết mà không giết thật phi lý".

Vua nghe kệ rồi liền bảo quần thần tìm bắt người đã nói kệ, quần thần tìm hiểu rồi tâu vua: "đó là do con chó từ nước khác đến", vua nói:

"các khanh truy xét xem có phải là do hai con chó trong cung cắn phá yên cương hay không?", quần thần nói với nhau: "vua ra lịnh truy xét, chúng ta làm cách nào?", có người nói: "chỉ cần lấy tóc trên đầu bỏ vào trong miệng chó, nếu con nào ăn da thì sẽ tự mửa ra". Sau khi bỏ tóc vào trong miệng, hai con chó trong cung liền mửa ra da đã cắn. Quần thần liền tâu vua: "chính là do hai con chó trong cung, các con chó khác không có lỗi".

Phật bảo các Bí-sô: "hai con chó thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa và

A-xà-thế, thuở xưa chúng làm lỗi mà người khác lại chịu khổ; ngày nay cũng vậy, họ tạo tội mà Phật và Tăng mang họa. Các thầy hãy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua Phạm thọ trị vì, lúc đó có một người vào trong núi chặt cây bỗng gặp sư tử, hoảng sợ chạy trốn nên rơi xuống giếng ; sư tử đuổi theo không để ý nên cũng bị rơi xuống giếng. Sau đó có rắn độc đuổi chuột và diều hâu vồ chuột cũng đều bị rơi xuống giếng, chúng muốn hại lẫn nhau, Sư tử nói: "trong giếng này ta mạnh nhất có thể ăn thịt các ngươi, nhưng chúng ta đang gặp nguy nan, hãy bỏ tâm ác chớ hại lẫn nhau". Sau đó có một thợ săn đuổi theo nai nên đến chỗ giếng, các con vật trong giếng liền kêu cứu, thợ săn kéo được sư tử lên trước, sư tử lạy tạ rồi nói: "ân sâu của ông tôi sẽ báo đáp, nhưng có con vật đầu đen dưới giếng ông chớ nên cứu lên", nói rồi bỏ đi, thợ săn lần lượt kéo tất cả lên khỏi giếng. Thời gian sau, sư tử bắt được một con nai, thấy thợ săn đi đến liền đứa con nai cho thợ săn để báo ân. Một hôm, vua Phạm thọ cùng các cung nhân đến trong vườn hoa thưởng ngoạn, sau đó vua mệt nên nằm ngủ; các cung nhân thấy vua ngủ nên không còn lo sợ nữa, có người đứng, có người ngồi, có người ngủ… lại có người cởi chuỗi anh lác để một bên nằm ngủ. Lúc đó, con chim rơi xuống giếng trước kia thấy chuỗi anh lạc này liền ngậm lấy mang đến chỗ thợ săn để báo ân. Sau đó vua tỉnh dậy ra lịnh trở về cung, cung nhân bị mất chuỗi anh lạc tìm khắp nơi không thấy nên tâu vua, vua bảo người hầu cận: "khanh đến trong vườn hoa tìm chuỗi anh lạc, xem ai đã lấy trộm nó". Người chặt cây bị rơi xuống giếng trước kia tức là con vật đầu đen tình cờ đến chỗ thợ săn, vừa nhìn thấy chuỗi anh lác này liền biết là của vua, do vô ân nên đến tâu vua: "thần biết chuỗi anh lạc bị mất đang ở chỗ người thợ săn", vua nghe rồi nổi giận ra lịnh bắt thợ săn, thợ săn nói: "tôi không có ăn trộm của vua", nói rồi kể rõ sự việc và trả lại chuỗi anh lạc cho vua, nhưng người thợ săn vẫn bị bắt giam. Con chuột bị rơi xuống giếng trước kia liền đến nói cho rắn biết: "con vật đầu đen kia thật độc ác đã vô ân làm cho thiện tri thức của chúng ta bị bắt giam", rắn nói: "anh vào trong ngục nói với thợ săn rằng: đêm nay tôi vào trong cung cắn vua, ân nhân sẽ chữa trị cho vua, lúc đó tôi thu hồi nọc độc, vua sẽ vui mừng thưởng ban và thả ân nhân ra", chuột liền vào ngục nói với người thợ săn như thế. Đêm đó vua bị rắn cắn, nọc độc lan khắp thân, không thầy thuốc nào chữa trị được, vua liền ra thông cáo tìm người chữa trị. Lúc đó, thợ săn ở trong ngục nói với người cai ngục: "anh tâu với vua là tôi có thể chữa trị được", người cai ngục tâu vua, vua nói: "hãy thả anh ta ra và dẫn đến đây". Thợ săn đến chỗ vua, vừa ra tay chữa trị, bịnh liền khỏi, vua

vui mừng thưởng ban và cho thả ra.

Phật bảo các Bí-sô: "người thợ săn thuở xưa chính là thân ta ngày nay, người chắt cây tức là con vật đầu đen chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa vô ân, không báo ân, ngày nay cũng vậy. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa, có một trận mưa trái mùa kéo dài suốt bảy ngày không dứt, lúc đó có con sói đầu chuột chui vào hang ẩn nấp, kế đến là con chuột và con rắn. Ở trong hang con sói đầu chuột định hại con chuột, con rắn nói: "chúng ta đang gặp nguy nan, đừng có hại lẫn nhau" . Sau đó rắn bảo chuột : "anh siêng năng, hãy đến chỗ khác tìm thức ăn mang về", chuột vốn hiền lành chất phát liền đi tìm thức ăn. Trong khi chuột chưa trở về, con sói đầu chuột nói với rắn: "nếu chuột tìm không được thức ăn thì ta sẽ ăn thịt nó", rắn nghe rồi suy nghĩ: "đang lúc gắp nguy nan mà con sói đầu chuột này vẫn muốn hại chuột. Ta sợ chuột tìm không được thức ăn, tay không trở về chắc sẽ bị nó ăn thịt; ta nên báo cho chuột biết", nghĩ rồi liền tìm cách nhắn tin cho chuột biết, chuột biết tin rồi liền nói kệ:

"Ai thiếu ít, không có từ bi,
Bị lửa đói bức bách thúc gấp.
Cám ơn anh đã báo tin này,
Tôi nay không trở lại đó nữa".

Phật bảo các Bí-sô: "con chuột thuở xưa chính là thân ta ngày nay, con cói đầu chuột chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa vô ân nay cũng vậy".

Lúc đó Thái tử Vị sanh oán quăng kiếm trước mặt vua cha, vua cha hỏi vì sao, liền đáp: "con tức giận vì cha có thọ dụng còn con thì không", vua nói: "nếu vậy ta giao thành Chiêm ba cho con thọ dụng". Được thành rồi, Thái tử liền đến nói với Đề-bà-đạt-đa: "Thánh giả, tôi nay đã được thành Chiêm ba tùy ý thọ dụng", Đề-bà-đạt-đa nói: "Thái tử dụng công đã được quả báo thọ dụng, nếu dụng công nhiều hơn sẽ được quả báo nhiều hơn". Thái tử sau đó thu thuế nặng bức bách bá tánh tại thành Chiêm ba khiến họ chịu không nổi bỏ đi nơi khác hoặc đến thành Vương xá, hoặc qua nước kế bên… Lúc đó có người lén đến tâu vua việc trên rồi nói: "cúi xin vua can ngăn Thái tử làm việc phi pháp", vua nghe rồi liền cho gọi Thái tử đến hỏi: "vì sao con lại bức bách bá tánh?", Thái tử nói: "vì binh sĩ không được chu cấp đủ", vua nói: "nếu vậy, trừ thành Vương xá ra, nhưng nơi khác và bá tánh trong nước Ma-kiệt-đà ta đều cho con thọ dụng". Thái tử lại đến nói với Đề-bà-đạt-đa: "Thánh giả, trừ thành Vương xá ra, các nơi khác đều thuộc về tôi", Đề-bà-đạt-đa nói: "Thái tử dụng công đã được quả báo, hãy dụng công nhiều hơn nữa". Sau đó Thái tử lại thu thuế nặng bức

bách bá tánh trong nước Ma-kiệt-đà, dân chúng khổ sở liền đến tâu vua, vua liền cho gọi Thái tử đến nói: "vì sao con vẫn bức bách dân chúng trong nước Ma-kiệt-đà?", Thái tử đáp: "vì binh sĩ nhiều không đủ chu cấp", vua nói: "nếu vậy, ta chỉ chừa lại một kho, các kho tàng khác và cả thành Vương xá ta đều cho con thọ dụng". Thái tử lại đến nói với Đề-bà-đạt-đa: "nay tôi có thêm thành Vương xá, chỉ trừ một kho, các kho tàng khác đều thuộc về tôi", Đề-bà-đạt-đa nói: "Thái tử dụng công đã được quả báo, nhưng hễ là quốc vương thì nên lấy kho tàng làm sức mạnh, ai có kho tàng thì người đó là quốc vương; vì vậy Thái tử phải dụng công thêm". Sau đó Thái tử lại bức bách dân chúng trong thành Vương xá khiến cho tất cả dân chúng trong nước thảy đều lo sợ, bí mật cho người đến tâu vua: "từ trước đến nay vua thương dân như con đỏ, nay Thái tử bức bách làm tổn hai khiến phần lớn dân chúng chạy sang nước khác", vua vốn thương dân, hành chánh pháp, nghe như vậy rồi liền cho gọi Thái tử đến nói rằng: "tất cả thành ấp nhân dân ta đều đã cho con thọ dụng, vì sao con còn não hại họ, con nên chăm lo đời sống của muôn dân", Thái tử nói: "vì không có kho tàng nên con mới làm như vậy", vua nói: "nếu vậy thì trừ cung nhân của ta, các kho tàng ta đều cho con thọ dụng". Thái tử bản tánh hung ác, có kho tàng rồi vẫn không ngừng não hại dân chúng, họ lại đến tâu vua, vua lại cho gọi Thái tử đến hỏi: "ta đã cho con thọ dụng tất cả rồi, sao con vẫn còn não hại nhân dân?", Thái tử nghe rồi nổi giận hỏi quần thần: "nếu có người nào quở trách vua dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh thì đáng bị xử tội gì?", đáp là đáng bị cực hình, lại nói: "người quở trách chính là cha ta thì làm sao giết hại được, hãy đem nhốt vào hậu cung", quần thần liền dẫn vua đem nhốt. Các cung nhân và dân chúng nghe được tin này đều đau buồn và nghĩ đến ân đức của vua. Sau khi nhốt vua cha rồi, Thái tử lên ngôi và rất hung bạo nên không ai dám can ngăn; vua Ảnh thắng bị con cầm tù liền nghĩ đây là quả báo của nghiệp đời trước. Lúc đó phu nhân Vy-đề-hi mỗi ngày đều đem cơm nước cho vua, Vị sanh oán đến hỏi người canh giữ: "mấy hôm nay lão vương như thế nào rồi?", đáp: "mỗi ngày mẹ của vua đều mang cơm nước đến cho lão vương", Vị sanh oán nghe rồi liền nói: "từ nay không cho đem cơm nước vào nữa, nếu ai đem sẽ bị cực hình". Mọi người nghe rồi, không ai dám đem cơm nước cho vua, như thế trải qua nhiều ngày, phu nhân Vy-đề-hi nghĩ đến ân tình của vua nên bí mật lấy bơ mật hòa với bột thoa lên người và đựng nước trong vòng đeo chân rồi vào thăm lén đưa cho vua ăn; người canh giữ tuy biết nhưng vẫn làm lơ cho đến khi vua Vị sanh oán đến hỏi: "lão vương còn sống hay không?", lúc đó người canh giữ mới đem việc trên tâu vua, vua nghe rồi liền nói: "từ nay ngay cả phu nhân cũng không

cho vào thăm". Lúc đó Phật kinh hành trên núi Kỳ-xà-quật, vua Ảnh thắng từ cửa sổ nhà giam nhìn thấy bóng của Phật, sanh tâm hoan hỉ nên mạng sống được kéo dài thêm. Khi vua Vị sanh oán đến hỏi, người canh giữ lại đem việc trên tâu lại, vua nghe rồi liền ra lịnh đóng bít cửa sổ và cho dùng vật nhọn đâm vào lòng bàn chân của vua cha, để ông không thể đứng nhìn qua cửa sổ được nữa. Vua Ảnh thắng đau đớn nghẹn ngào rơi lệ thầm nghĩ: "ta đang khổ não, vì sao Thế tôn không thương xót đến ta". Không có việc gì mà Phật không biết, thường pháp của chư Phật là khởi tâm đại từ bi cứu giúp chúng sanh, trụ trong chánh quán, không nói hai lời, dựa trên định huệ hiển phát ba minh, thành tựu ba học, điều phục hoàn toàn ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ nơi bốn Thần túc, thường tu bốn nhiếp hạnh, xả trừ năm triền cái, đầy đủ năm chi, năm lực, viên mãn sáu độ, bố thí khắp tất cả bằng bảy Thánh tài, nở hoa bảy giác ngộ, chỉ bày tám chi Thánh đạo, xa lìa tám nạn, đoạn dứt hẳn chín kết, phương tiện thiện xảo tùy ý nhập Cửu định, đủ mười Lực, danh vang khắp mười phương, tự tại vô úy, hàng phục ma oán, cất tiếng sấm lớn, rống lên tiếng rống của sư tử, ngày đêm ba thời thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh: trí huệ tùy chuyển của ai tăng, của ai giảm; ai gặp khổ nạn, ai bức bách, ai bị bức bách; ai xuống nẻo ác, ai lên đường lành, ai một bề thú hướng, ai còn mang gánh nặng. Nên dùng phương tiện gì để cứu độ chúng sanh ra khỏi đường ác, vào cõi trời người và được giải thoát; người chưa tu thiện căn khiến tu tập thiện căn, người đã tu thiện căn chưa thành thục khiến cho được thành thục, đã thành thục rồi khiến

được giải thoát. Quán rồi liền bảo tôn giả Đại Mục-kiền-liên: "thầy hãy đến chỗ vua Ảnh thắng truyền lời của ta chúc cho vua không bịnh và nói rằng: Phật bảo Đại vương, như bậc thiện tri thức đã làm xong việc cần nên làm, Phật cứu độ Đại vương lìa khỏi ba đường ác, thường sanh vào cõi trời người, ra khỏi sanh tử", Đại Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy nhập định, ẩn thân nơi núi Kỳ-xà-quật rồi hiện thân ở trước mặt vua Ảnh thắng trong nhà giam của thành Vương xá, nói lại lời Phật bảo Đại vương. Lúc đó vua do nghiệp đời trước nên bị giam cầm, lòng bàn chân bị đâm lại không được ăn uống, thân bị đói khát hành hạ khổ sở nên hỏi tôn giả Mục liên: "cõi nào có thức ăn uống ngon?", đáp là cõi trời Tứ thiên vương, nói rồi liền ẩn thân trở về núi Kỳ-xà-quật.

Lúc đó phu nhân Vy-đề-hi nhớ lại ân tình của vua nên đau lòng thở dài, vua Vị sanh oán hỏi nguyên do, phu nhân nói: "nhớ lại lúc con còn nhỏ, nơi ngón tay bỗng sanh mụt nhọt rất đau nhức nên khóc mãi, phụ vương con ôm con vào lòng vuốt ve rồi ngậm ngón tay có mụt nhọt của con

vào miệng của mình để cho con bớt đau nhức và ngưng khóc. Lúc đó mụt nhọt bỗng bị vỡ chảy mủ, phụ vương con liền nuốt luôn mủ đó vì sợ bỏ tay con ra con sẽ đau và khóc", vua Vị sanh oán nghe rồi liền hỏi: "có thật phụ vương thương yêu con như vậy không?", phu nhân nói: "thật sự phụ vương đã thương yêu con như vậy đó", vua Vị sanh oán nghe rồi liền dứt tâm sân hận, tâm thương xót phát sanh liền nói với quần thần: "nếu ai nói với ta là vua cha còn sống thì ta sẽ cho người ấy nửa nước", quần thần nghe lời nói này liền tranh nhau chạy tới chỗ giam giữ vua cha. Lúc đó vua Ảnh thắng ở trong chỗ giam nghe tiếng động này liền kinh sợ nghĩ là sẽ bị hình phạt gì khổ sở nữa nên ngã lăn ra đất và mạng chung, thần thức hóa sanh nơi đùi của một thiên vương ở Bắc phương. Vị thiên vương này hỏi là ai, đáp: "tôi là thắng tiên, sao gọi là thắng tiên, tức là vị trời hễ nghĩ tới ăn thì có thức ăn uống hiện ở trước mặt tùy ý ăn".

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "vua Ảnh thắng đã tạo nghiệp gì mà được sanh trong cung vua thọ hưởng giàu sang, của cải dồi dào, lại được gặp Phật, nghe pháp được Kiến đế nhưng sau đó lại bị giam cầm, bị đâm lòng bàn chân và bị bỏ đói cho đến lúc chết?", Phật bảo các Bí-sô: "này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, tự tạo nghiệp thì tự thọ lấy quả báo như bài kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập như vậy".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 18

Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, vào thời không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thường thương xót người nghèo khổ, lúc đó vị này du hành đến thành Bà-la-nê-tư và nghỉ đêm trong nhà của người thợ gốm. Trong nhà này cũng có các thương nhân đến ngủ đêm, trong số đó có người ban đêm tiêu chảy trong phòng, chất bất tịnh làm dơ, đến nửa đêm thì họ bỏ đi hết. Các Thanh văn, Duyên giác nếu không quán sát thì không biết trước được sự việc; sáng sớm chủ nhà vào phòng thấy chất bất tịnh làm dơ, vì là kẻ phàm phu ngu si không biết thiện ác liền cho là do Phật Bích chi này làm nên nói rằng: "ông là người xuất gia, chân không đạp gai vì sao không ra ngoài đại tiểu tiện, lại phóng uế ngay ở trong phòng", nói rồi liền ra đóng chặt cửa phòng lại và mắng rằng: "ông hãy chết đói trong phòng này đi". Phật Bích chi này suy nghĩ: "ta sợ chủ nhà này đời sau sẽ chịu quả báo khổ sở, nếu ta tự mở cửa đi ra thì ông ta sẽ càng tức giận hơn", nghĩ rồi liền im lặng ở trong phòng cho đến chiều. Lúc đó chủ nhà hết giận mở cửa bảo Phật Bích chi đến ăn cơm, đáp: "giờ ăn đã qua, tôi không thể ăn", chủ nhà nói: "nếu vậy thì hãy ngủ lại đêm nay, sáng mai sẽ thọ thực", vì thương xót chủ nhà nên Phật Bích chi ở lại. Sáng hôm sau, chủ nhà nấu các món ăn ngon để cúng dường vị Phật Bích chi, lúc đó vị Phật Bích chi này muốn làm lợi ích cho chủ nhà này nên vọt thân lên không trung hiện các thần biến như trên thân ra lửa, dưới thân ra nước… Phàm phu khi thấy thần biến thì mau phát nguyện lành, sụp xuống đảnh lễ như cây bị đốn nga, tự vả miệng mình và nói: "xin đại Thánh hạ thân xuống, con vì nhiễm dục cấu nên tạo tội, xin từ bi cứu vớt con", Phật Bích chi hạ thân xuống, chủ nhà này đảnh lễ sám hối và phát nguyện: "con đã sanh ý ác và tạo tội đối với Thánh giả, xin cho con không bị nghiệp báo; lại nguyện nhờ thiện căn công đức cúng dường này, trong đời vị lai con được giàu sang quyền thế, được gặp Phật thừa sự cúng dường không chán".

Phật bảo các Bí-sô: "chủ nhà thợ gốm thuở xưa chính là vua Ảnh

thắng ngày nay; do thuở xưa đối với vị Phật Bích chi khởi ý ác, nói lời ác, ngày nay nghiệp chín muồi nên chịu quả báo bị dao cắt chân, bị nhốt trong phòng và bị bỏ đói cho đến lúc chết. Do tâm hối hận và do lực phát nguyện nên được sanh trong cung vua giàu sang quyền thế, được gặp ta nghe pháp và được chứng quả Dự lưu. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng".

Lúc đó quần thần đến tâu vua là phụ vương đã băng hà, vua nghe rồi liền ngất xỉu ngã xuống đất hồi lâu mới tỉnh; sau khi tỉnh lại vua đau buồn và hối hận, vào trong phòng để tang cha. Quần thần thấy rồi cùng nói với nhau: "phải làm cách nào cho vua hết đau buồn", lúc đó có các nhạc công từ Nam Thiên trúc đến, quần thần dẫn họ đến tấu nhạc muốn làm cho vua hết buồn, nhưng vua vẫn không vui, im lặng không nói gì cũng không khen ngợi. Sau đó các nhạc công này đến chỗ Phật, Phật nói: "lành thay trượng phu!", họ vui mừng nên đánh trống tấu nhạc cúng dường Phật. Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang đủ sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại Thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã…

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở

vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó ánh sáng này hữu nhiễu ba vòng rồi trở vào giữa hai chân mày, tôn giả A-nan chắp tay ngợi khen Phật:

"Ngàn màu sắc vi diệu,
Từ trong miệng phát ra,
Chiếu khắp cả mười phương,
Như mặt trời mới mọc,
Nói kệ về vô ngã,
Người nghe hết kiêu mạn,
Kết nhân duyên với Phật,
Vô duyên không phóng quang,
Hàng phục các kẻ oán".

Phật bảo A-nan: "thầy có thấy nhạc công ở trước ta đánh trống tấu nhạc không?", đáp là có thấy, Phật nói: "nhạc công này đời vị lai sẽ đắc quả Phật Bích chi tên là Nhã hòa âm".

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa nói với vua Vị sanh oán: "nhờ tôi chỉ vẻ nên Thái tử mới lên ngôi vua, nay Đại vương nên lập tôi làm Phật", vua nói: "thân Phật là thân kim sắc, Ngài không có thì làm sao lập làm Phật được", Đề-bà-đạt-đa nói: "muốn có thân kim sắc thì cũng có thể được", nói rồi liền cho gọi thợ vàng đến bảo rằng: "hãy làm cho thân ta thành thân kim sắc", thợ vàng nói: "nếu Thánh giả chịu đau được thì tôi sẽ làm", đáp là chịu đau được, thợ vàng liền lấy dầu nóng phết lên thân, sau đó dùng vàng dát mỏng dán lên thân khiến cho Đề-bà-đạt-đa đau đớn kêu la. Có Bí-sô hỏi Cô ca lý ca: "Đề-bà-đạt-đa đang ở đâu?", đáp là đang nhuộm thân sắc vàng, Bí-sô này đến thấy việc này rồi liền trở về bạch Phật, Phật bảo các Bí-sô: "không phải chỉ ngày nay vì muốn nhuộm thân sắc vàng mà phải chịu đau đớn, ngày xưa cũng vậy, vì muốn có vương miện vàng mà chịu khổ. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có một người nữ, hôm đó chồng cô đi xa vắng nhà, cô thấy một con quạ bay đến cất tiếng hót nên nói với nó: "nếu nhờ tiếng hót hay của ngươi mà chồng ta bình an trở về thì ta sẽ cho ngươi cái vương miện bằng vàng". Không bao lâu sau, người chồng bình an trở về, con quạ trở lại và ở trước mặt người nữ này cất tiếng hót để nhắc, người nữ liền quăng đưa cho nó cái vương miện vàng. Quạ liền bay khắp nơi để khoe, lúc đó có con chim cắt muốn cướp lấy chiếc vương miện này nên bay tới mổ mạnh vào đầu quạ, khiến nó rơi xuống đất chết.

Phật bảo các Bí-sô: "con quạ thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, do tập tánh ngày xưa vẫn còn nên nay lại muốn dát vàng lên thân mà chịu khổ".

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa lại tâu với vua Vị sanh oán: "tôi đã giúp Thái tử lên ngôi, nay đã được vương vị, Đại vương nên lập tôi làm vua", vua nói: "dưới lòng bàn chân của Như lai có diệu luân tướng, nếu Ngài có tướng đó thì mới lập làm Phật", Đề-bà-đạt-đa nói: "tôi có thể làm luân tướng dưới lòng bàn chân", nói rồi liền cho gọi thợ khéo đến hỏi: "ông có thể làm cho dưới lòng bàn chân của ta có luân tướng hay không?", đáp: "nếu Thánh giả chịu đau được thì tôi có thể làm", đáp là chịu đau được. Người thợ này nghe rồi liền suy nghĩ: "vị này có sức mạnh, nếu khi ta ấn dấu luân tướng vào chân, ông ta đau đớn có thể đá chết ta", nghĩ rồi liền nói: "Thánh giả hãy đưa chân vào trong phòng, tôi sẽ ấn dấu luân tướng vào lòng bàn chân cho Thánh giả", đáp là được. Khi người thợ ấn dấu luân tướng đã được nung đỏ vào lòng bàn chân, Đề-bà-đạt-đa đau đớn kêu la. Lúc đó có Bí-sô hỏi Cô ca lý ca : "Đề-bà-đạt-đa đang ở đâu?", đáp là đang ấn dấu luân tướng vào lòng bàn chân, Bí-sô này đến thấy việc này rồi liền trở về bạch Phật, Phật nói: "thuở xưa cũng vì cái chân mà chịu khổ, tập tánh xưa vẫn còn. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong núi Tuyết có con voi lớn xuống núi uống nước, một con dã can đi theo sau thấy dấu chân voi liền nghĩ: "nếu ta nhảy vào dấu chân voi này ta sẽ được sanh thiên", nghĩ rồi liền nhảy vào, không ngờ bị cây gỗ khô đâm vào thân mà chết.

Phật bảo các Bí-sô: "dã can thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, thuở xưa vì chỉ đo lường dấu chân voi mà quên tác ý, nay lại vì muốn có luân tướng mà phải chịu khổ như thế".

Lúc đó Phật ở trong cung của dược xoa Kim-tỳ-la trong núi Kỳ-xà-quật, thành Vương xá. Đề-bà-đạt-đa tâu với vua Vị sanh oán: "tôi đã lập Thái tử làm vua, Đại vương hãy lập tôi làm Phật. Nay tôi muốn giết Sa môn Kiều-đáp-ma, vua hãy cùng tôi lập kế, tôi không biết nên dùng vật gì để có thể đánh ông ta chết", sau đó Đề-bà-đạt-đa nghe biết có một người thợ khéo từ Nam Thiên trúc đến, có thể chế tạo xe ném đá; liền cho gọi đến hỏi: "ông có thể chế tạo một chiếc xe ném đá do năm trăm người kéo được không?", đáp: "tôi rất thông thạo việc chế tạo xe ném đá", Đề-bà-đạt-đa liền đưa một hạt châu trị giá ngàn vàng cho người thợ kia để chế tạo xe ném đá và cung cấp cho một ngàn người để ông ta sai khiến, nói rằng: "Phật đang ở trong một cái hang đông trên núi Thứu, ông hãy lên đỉnh núi đặt chiếc xe ném đá

do năm trăm người kéo ở gần chỗ Phật, lại đặt hai chiếc xe ném đá do hai trăm năm mươi người kéo ở hai chỗ khác gần đó. Khi nào Sa môn Kiều-đáp-ma đi ra kinh hành thì hãy khởi động cho xe ném đá giết chết ông ta". Mọi người vâng theo lời của Đề-bà-đạt-đa lên đỉnh núi Thứu đặt xe ném đá, lúc đó năm trăm người nói với nhau: "ông ta cho chế tạo xe ném đá này để hai Thế tôn. Chúng ta thà xả thân mạng chớ không nên làm hại Thế tôn là bậc được trời người cung kính", nói rồi liền bỏ xe ném đá ở đó, tìm đường khác chạy trốn. Lúc đó Thế tôn quán biết tâm niệm của họ nên hóa ra thềm thang đi xuống, họ thấy thềm thang liền biết là do oai lực của Thế tôn biến hóa ra, đối với Thế tôn khởi lòng tin trong sạch liền noi theo thềm thang này đi xuống. Phật vì muốn điều phục họ nên ra khỏi hang kinh hành, họ đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của họ nói pháp Tứ đế khiến cho họ được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, họ bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến chúng con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt chúng con ra khỏi ba cõi, đặt để chúng con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay chúng con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết chúng con là Ô-ba-sách-ca". Lúc đó người thợ chế tạo xe cũng không muốn làm hại Phật nên mang theo hạt châu trị giá ngàn vàng bỏ trốn. Đề-bà-đạt-đa lên đỉnh núi xem Thế tôn đã bị hại chưa thì thấy Phật vẫn an ổn, lại thấy năm trăm người kia đang ở trước Phật nghe pháp, lại thấy người thợ chế tạo xe bỏ trốn liền nổi giận ra lịnh cho khởi động hai chiếc xe ném đá còn lại. Lúc đó Phật suy nghĩ: "nghiệp mà ta tích tập từ thuở xa xưa nay đã chín, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay", quán biết nghiệp quả rồi liền bảo năm trăm người: "các người hãy đi đi, đây là định nghiệp mà ta phải tự thọ". Lúc đó thần kim cang thấy

việc này rồi liền nói với dược xoa Kim-tỳ-la: "Đề-bà-đạt-đa ở trên đỉnh núi Thứu cho khởi động xe ném đá hại Phật, tôi ở trên không trung dùng chày kim cang đập nát đá, nếu có đá vụn văng ra trúng Phật thì anh hãy trợ giúp bảo hộ Phật", Dược xoa Kim-tỳ-la nói lành thay. Khi Đề-bà-đạt-đa ở trên đỉnh núi Thứu cho khởi động xe ném đá hại Phật, thần kim cang ở trên không trung dùng chày kim cang đập nát đá, có một mảnh vun văng ra sắp trúng thân Phật, Dược xoa Kim-tỳ-la bắt lấy không được nên

bị nó đập vào người, mảnh đá vụn đó rơi xuống trúng chân Phật bị thương chảy máu, Phật nói kệ:

"Không phải trong hư không,
Không trong biển và núi,
Không bất cứ chỗ nào,
Thoát khỏi được nghiệp báo".

Dược xoa Kim-tỳ-la bị đá văng trúng người, biết mình sẽ chết liền khởi niệm lành nên sau khi chết được sanh lên cõi trời Tam thập tam. Thường pháp của chư thiên là khi sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: một là ta từ đâu sanh đến đây, hai là nay ta đang ở đâu, ba là ta do nghiệp duyên gì. Quán xong liền biết đây là cõi trời Tam thập tam, đời trước mình là dược xoa nhờ phát sanh niệm lành đối với Thế tôn nên mới được sanh lên đây. Thiên tử này suy nghĩ: "ta nay không nên thọ hưởng diệu lạc mà nên đến đảnh lễ Thế tôn trước", nghĩ rồi liền trang nghiêm thân bằng chuỗi anh lạc, tay cầm bốn loại hoa sen vi diệu như Mạn-đà-la…; tóc trên đầu có màu xanh biếc mềm mại, sạch thơm xoay về bên phải; thân tướng đoan nghiêm không thể sánh ví, thiên tử này hiện thân xuống núi Thứu đến chỗ Phật, do oai lực của thiên tử nên ánh sáng chiếu sáng khắp núi rừng. Khi đến chỗ Phật, Thiên tử đảnh lễ Phật, rải hoa cúng dường rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của Thiên tử liền nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, Thiên tử bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", liền nói kệ:

"Oai lực Thế tôn thật rộng lớn,
Đóng bít cửa đường ác dày chắc,
Chỉ bày đường sanh Thiên vi diệu,
Nay con chứng được quả Vô vi,
Do nhờ chư Phật đại từ bi,
Diệt trừ điều ác, được Thiên nhãn".

Lúc đó Thiên tử này vui mừng như người đi buôn được lời, như người cày ruộng được thu hoạch, như người ra trận được thắng, như người bịnh được lành, vị này đầy đủ oai nghi đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung. Từ đầu

đêm cho đến cuối đêm, lúc các Bí-sô thiền quán nhìn thấy ánh sáng chiếu khắp núi rừng này đều có nghi, nên sáng sớm liền đến thỉnh hỏi Phật: "vì nhân duyên gì mà Phạm thiên Đế thích… đến chỗ Phật thừa sự cúng dường?", Phật nói: "đó không phải là Phạm thiên Đế thích…, khi Đề-bà-đạt-đa ở trên đỉnh núi Thứu cho khởi động xe ném đá hại ta, thần kim cang ở trên không trung dùng chày kim cang đập nát đá, có mảnh đá vụn văng ra. Dược xoa Kim-tỳ-la bắt lấy không được nên bị nó đập vào người mà chết, do phát tâm lành nên sau khi chết được sanh lên cõi trời Tam thập tam thù thắng. Do nhân duyên này nên đến đảnh lễ ta, sau khi nghe pháp đã được kiến đế. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng ; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập như vậy".

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "do đâu Dược xoa Kim-tỳ-la hy sinh thân mình để bảo vệ Phật?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà trong quá khứ cũng đã hy sinh thân mình để bảo vệ ta. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua Phạm thọ trị vì bằng chánh pháp nên thời thế an tịnh, nhân dân no ấm, ngũ cốc được mùa không có nạn tai. Cách thành không xa có một tụ lạc với nhiều rừng cây, hoa quả tươi tốt nên đủ loại chim tụ về ríu rít líu lo. Có một tiên nhân ở trong rừng này tu khổ hạnh, không ăn cơm gạo, chỉ ăn trái cây, mặc áo vỏ cây để ngăn lạnh nóng. Lại có một thợ săn hằng ngày mang cung tên vào rừng săn bắn để sinh sống, thường lui tới chỗ tiên nhân. Lúc đó là mùa lạnh, tiên nhân thương xót đem trái cây cho anh ăn, nhân đó kết nghĩa cha con; thợ săn cung kính thừa sự và gọi tiên nhân là cha, tiên nhân cũng thương anh như con. Vào một buổi sáng nọ, vua Phạm thọ vào rừng săn bắn thấy một con nai, con nai này hoảng sợ chạy đến bên tiên nhân, vua liền bắn tên giết chết nai; tiên nhân thấy nai chết liền nổi giận nói: "Đại vương thật ác độc, không có chút đạo lý, nai đã chạy đến bên tôi mà vua vẫn bắn tên giết chết nó", vua nghe rồi liền nổi giận hỏi quần thần: "nếu có người quở mắng vua dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh thì đáng bị tội gì?", đáp là đáng tội chết, vua nói: "vậy mà tiên nhân này đã khinh hủy ta". Người thợ săn đứng gần đó thấy binh lính của vua muốn giết tiên nhân liền suy nghĩ: "ta còn sống thì sao để cho họ giết hại đại tiên", nghĩ rồi liền cùng họ chiến đấu để tiên nhân chạy thoát, binh lính của vua đông nên cuối cùng thợ săn bị giết chết.

Phật bảo các Bí-sô: "tiên nhân nhân thuở xưa chính là thân ta ngày

nay, thợ săn chính là Dược xoa Kim-tỳ-la; thuở xưa hy sinh thân mạng vì ta, ngày nay cũng vậy".

Lúc đó chân của Thế tôn bị mảnh đá văng trúng bị thương chảy máu không ngừng làm Thế tôn đau đớn, y vương Thị-phược-ca và dân chúng trong thành Vương xá mỗi ngày đều đến thăm bịnh Thế tôn ba lần. Mọi người hỏi y vương cách chữa trị, y vương nói: "bịnh này rất khó kiếm thuốc", tôn giả A-nan hỏi là thuốc gì, đáp: "đó là loại hương của Ngưu đầu chiên đàn, tôi đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không tìm được, vì các thương nhân dù có cũng sợ vua Vị sanh oán nên không bán, nếu bán vua biết được sẽ giết chết họ". Lúc đó có một thương nhân nghe rồi liền suy nghĩ: "vua Vị sanh oán kết thân với Đề-bà-đạt-đa nên ghét Thế tôn, nếu ta đem hương Ngưu đầu chiên đàn dâng cho Phật, vua biết nhất định sẽ giết ta ; nhưng Thế tôn là bậc ứng cúng của trời người, dù thân ta bị hại, ta cũng nên dâng hương này cho Phật", nghĩ rồi liền trở về lấy hương Ngưu đầu chiên đàn đem đến và bạch Phật: "Thế tôn, xin thương xót thọ hương Ngưu đầu chiên đàn này", Phật bảo A-nan thọ nhận, A-nan vâng lời Phật thọ nhận, thương nhân này vui mừng đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó Thế tôn mỉm cười, có hào quang năm sắc từ trong miệng phóng ra… như trên cho đến câu ánh sáng đó trở vào giữa hai chân mày, Phật hỏi A-nan: "thầy có thấy thương nhân hoan hỉ đem hương Ngưu đầu chiên đàn đến cúng dường cho ta không?", đáp là thấy, Phật nói: "do thiện căn cúng dường hương này với tâm hoan hỉ, ở đời vị lai thương nhân này sẽ đắc quả Phật Bích chi tên là Chiên đàn".

Lúc đó Thế tôn thoa hương chiên đàn vào vết thương nhưng vẫn không cầm được máu, Thị-phược-ca nói: "phải dùng loại sữa của đồng nữ hòa với hương này thoa mới lành", các Bí-sô đều không biết thế nào là sữa của đồng nữ, A-nan hỏi, Thị-phược-ca đáp: "đó là sữa của người nữ mang thai lần đầu tiên", bốn chúng nghe rồi đều đi khắp nơi tìm sữa này. Đề-bà-đạt-đa và đồng bạn đều nói với các người nữ trong thành:

"các cô đừng cho sữa, vì họ định dùng sữa này làm pháp huyễn hóa ma muội làm hại các cô". Trong thành Vương xá lúc đó chỉ có một người nữ mang thai đầu tiên vừa mới sanh con, thân thể vốn gầy yếu, sữa còn không đủ nuôi con làm sao có thể cho người khác. Cô nghe tin này liền suy nghĩ: "ta vốn gầy yếu, nếu đem sữa cho Thế tôn: một là con ta sẽ chết, hai là người thân cận của vua và Đề-bà-đạt-đa biết sẽ giết ta; nhưng Thế tôn là bậc ứng cúng của trời người, dù ta và con ta sẽ chết, ta cũng nên đem sữa cho Thế tôn", nghĩ rồi liền nặn sữa vào trong một bát đồng mang đến bạch

Phật: "Thế tôn, xin thương xót thọ sữa đồng nữ này của con", Phật bảo A-nan thọ nhận, A-nan vâng lời Phật thọ nhận, người nữ vui mừng đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó Thế tôn mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc… như trên cho đến câu Phật bảo A-nan: "do thiện căn cúng dường sữa này với tâm hoan hỉ, ở đời vị lai người nữ này sẽ đắc quả Phật Bích chi".

Lúc đó Phật dùng sữa hòa với hương chiên đàn thoa lên vết thương vẫn không cầm được máu, tôn giả Thập lực Ca-diếp thấy vậy liền dùng lời chân thật phát nguyện: "nếu đối với tất cả chúng sanh, Thế tôn đều khởi tưởng như con là thật không hư dối, thì xin cho vết thương được cầm máu", vừa nói xong thì vết thương liền được cầm máu. Bốn chúng trong thành Vương xá thấy việc này rồi đều rất vui mừng, chỉ có vua, Đề-bà-đạt-đa và các đồng bạn là không vui. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "do nhân duyên gì mà tôn giả Thập lực Ca-diếp vừa phát nguyện xong thì vết thương liền được cầm máu?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà thuở xa xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một vùng núi có một thôn lớn, cách thôn không xa có một rừng cây, hoa quả tươi tốt nên đủ loại chim tụ về ríu rít líu lo. Có một tiên nhân ở trong rừng này tu khổ hạnh, chỉ ăn trái cây và uống nước suối, mặc áo vỏ cây; vị này chuyên trì niệm chú. Trong thôn có một trưởng giả cưới một người vợ cùng dòng tộc ở trong thôn làm vợ, họ sống với nhau rất hạnh phúc và không bao lâu sau người vợ mang thai, đủ chín tháng mười ngày sanh hạ một đứa con, sau hai mươi mốt ngày họ mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho đứa bé là Hỷ lạc. Hỷ lạc dần dần trưởng thành, dù đi đứng hay nằm ngồi đều nghĩ đến việc lành và thượng làm nghiệp lành nên người trong thôn gọi cậu là Pháp Ái. Cậu thường đến chỗ tiên nhân này thừa sự cúng dường và siêng năng tu luyện nên mọi người lại gọi cậu là Luyện hạnh. Thời gian sau trên thân của cậu bỗng sanh một ung nhọt độc rất đau nhức, tuy đã dùng rất nhiều loại thuốc thang và chú pháp vẫn không lành bịnh. Cha mẹ dẫn cậu đến chỗ tiên nhân yêu cầu trị bịnh cho con, tiên nhân thấy rồi liền dùng lời chân thật phát nguyện: "nếu đối với kẻ oán người thân, trưởng giả tử này đều có tâm bình đẳng không sai khác là chân thật không hư dối thì nguyện cho ung nhọt này được lành", nguyện vừa xong thì ung nhọt được lành.

Phật bảo các Bí-sô: "trưởng giả tử thuở xưa chính là thân ta ngày nay, tiên nhân chính là Thập lực Ca-diếp; thuở xưa nhờ tiên nhân phát nguyện mà bịnh của ta được lành, ngày nay cũng vậy".

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa ngồi kiết già dưới gốc cây truy hối: "ta đã dùng đá ném trúng Sa môn Kiều-đáp-ma nhưng không giết hại được, việc này mọi người đều biết và ta mang tiếng xấu vô ích", các Bí-sô thấy rồi đều nói với nhau: "Đề-bà-đạt-đa vì tức giận nên ném đá trúng Thế tôn", Bí-sô Cô ca lý ca nghe rồi liền nói: "này các cụ thọ, các thầy không suy nghĩ thấu đáo nên mới nói lời phi pháp này, các thầy không thấy Đề-bà-đạt-đa đang nhập Tứ thiền dưới gốc cây hay sao, bậc đại nhân không làm việc ác", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà thuở xưa Cô ca lý ca cũng đã nói những lời không biết hổ thẹn, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại thành Vương xá có một vị vua trị vì, vua ra lịnh xây hai khu nghĩa địa : một khu dành cho nam, một bên dành cho nữ. Thời gian sau, có một huỳnh môn chết được đem đến trong nghĩa địa táng thì người giữ cửa khu dành cho nam không cho táng, người giữ cửa khu dành cho nữ cũng không cho táng. Cách thành không xa có một tụ lạc với nhiều rừng cây, hoa quả tươi tốt nên đủ loại chim tụ về ríu rít líu lo. Có một tiên nhân ở trong rừng này tu khổ hạnh, chỉ ăn trái cây và uống nước suối, mặc áo vỏ cây ; gần chỗ đó có một bụi gai nên người nhà của huỳnh môn đem xác chết này bỏ ở đó, không bao lâu sau xác chết thối rữa. Có một con dã can nghe mùi thối rữa này liền đến ăn, lúc đó có một con quạ già ẩn náu trên cây gai suy nghĩ: "ta nên nói lời khen ngợi để dã can này cho ta ít nhiều thức ăn", liền nói kệ:

"Ngực anh như sư tử,
Lưng anh như bò chúa,
Xin chào vua loài thú,
Cho tôi chút thức ăn".

Dã can nhìn khắp nơi rồi nói kệ:

"Ai ở trên lùm cây,
Là đàn em tốt nhất,
Sắc thân chiếu khắp nơi,
Như một khối châu báu".

Quạ nói kệ:

"Tôi có nhiều vật dụng,
Rất mong anh sẽ đến,
Lễ vật đem hiến vua,
Cho tôi thức ăn dư".

Dã can nói kệ:

"Cổ quạ như Khổng tước,
Chim quạ thật đáng yêu,
Tiếng hót nghe rất hay,
Mặc tình đến lấy ăn".

Quạ nghe rồi liền bay xuống gốc cây cùng dã can ăn xác chết, tiên nhân thấy việc này rồi liền nói kệ:

"Nhiều lần thấy các ngươi,
Cùng họp không hổ thẹn,
Hết lời ca ngợi nhau,
Ăn xác người hạ tiện".

Quạ nói kệ:

"Sư tử và khổng tước,
Cùng ăn thức ăn ngon,
Đâu có liên quan gì,
Đến việc của tiên nhân".

Tiên nhân nói kệ:

"Quạ là chim thấp hèn,
Dã can cũng thấp hèn,
Gai là cây vô dụng,
Huỳnh môn người hạ tiện,
Đều hết sức mê muội,
Nói mà không biết thẹn".

Quạ nghe rồi nổi giận liền bay đến chỗ thờ lửa của tiên nhân, nhìn khắp bốn phía thấy không có gì phá hoại được nên rải phân làm cho nhơ uế và hất bể bình nước rồi bỏ đi. Tiên nhân trở về thấy việc này rồi liền biết là do quạ làm nên nói kệ:

"Con vật xấu ác kia,
Sân hận không hổ thẹn,
Phá hoại bàn thờ lửa,
Và đập vỡ bình nước.
Nó chẳng thuộc loài gì,
Không nên nói với nó,
Cần nói, nói chút ít,
Không nói, an lạc nhất".

Phật bảo các Bí-sô: "tiên nhân thuở xưa chính là thân ta ngày nay, con quạ chính là Đề-bà-đạt-đa, bạn của nó chính là Cô-ca-lý-ca; thuở xưa nó nói sai mà không biết hổ thẹn, nay cũng vậy", các Bí-sô lại có nghi thỉnh

hỏi Phật: "Thế tôn và Đề-bà-đạt-đa đời trước đã tạo nghiệp gì mà oán thù như vậy?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe:

Thuở xưa gần bờ biển này có con chim Cọng mạng hai đầu, một đầu tên Phi pháp, một đầu tên là Pháp. Lúc đó Phi pháp đang ngủ, Pháp thức nên nhìn thấy có một quả ngọt trôi theo dòng nước, Pháp liền bay đến mổ lấy rồi suy nghĩ: "anh ấy đang ngủ, ta nên gọi dậy cùng ăn hay ta ăn một mình. Ta và anh ấy cùng một thân, nếu ta ăn no thì anh ấy cũng no", nghĩ rồi liền ăn hết. Lát sau Phi pháp tỉnh dậy thấy Pháp có vẻ khác và ngủi thấy mùi thơm liền hỏi là mùi thơm gì, đáp là mùi của trái ngọt, lại hỏi đâu rồi, đáp là đã ăn hết, Phi pháp nói: "anh thật không tốt". Thời gian sau, Pháp đang ngủ, Phi pháp thức nên nhìn thấy có một quả độc trôi theo dòng nước, liền bay đến mổ lấy ăn, ăn xong cả hai cùng mê man cuồng loạn. Lúc đó Phi pháp phát thệ: "trong đời vị lai dù sanh ra nơi nào, đời đời kiếp kiếp ta sẽ thường làm hại ngươi, thường kết oán thù với ngươi", Pháp cũng phát thệ: "nguyện cho tôi đời đời kiếp kiếp thượng là bạn lành của anh".

Phật bảo các Bí-sô: "đầu chim Pháp thuở xưa chính là thân ta ngày nay, đầu chim Phi pháp chính là Đề-bà-đạt-đa; kể từ lúc đó bắt đầu sanh oán kết. Ta thường làm việc lợi ích, Thiên thọ luôn có ý hãm hại. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Bạch giao hương trị vì, đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm. Vua cưới một công chúa nước lân cận làm hoàng hậu và sống rất hạnh phúc. Thời gian sau hoàng hậu có mang và sanh được một bé gái, bé gái này trưởng thành kết hôn và có thai, sau sanh được một trai, dung mạo đoan nghiêm ai cũng thích nhìn. Do đứa bé sanh ra lúc mặt trời mới mọc nên dược đặt tên là Sơ và được giao cho tám à nhũ mâu chăm sóc… đến tuổi trưởng thành học thông các môn học như lịch số, toán pháp… và các môn kỹ nghệ như cỡi ngựa, bắn cung… nên được vua phong làm Thái tử. Trước kia vua có một vương phi tên là Đạt ma, trong triều có một đại thần tên là Tễ ngưu, vua yêu quý Thái tử nên giao phó Thái tử cho Tễ ngưu. Thời gian sau vương phi Đạt ma mang thai, tướng sư đoán thai nhi sau này sẽ giết vua đoạt ngôi. Đến khi vua ngã bịnh, biết không qua khỏi được vua liền suy nghĩ: "sau khi ta chết, Thái tử lên ngôi ắt sẽ giết vương phi, ta phải làm sao", nghĩ rồi liền cho gọi Tễ ngưu vào và ban cho Tễ ngưu rất nhiều châu báu, nói với Tễ ngưu rằng: "khanh là đại thần tín cẩn của ta, vương phi Đạt ma là người ta thương yêu nhất. Nay ta biết mình không qua khỏi, sau khi ta chết Thái tử sẽ lên nối ngôi, khanh nên thương xót tìm cách bảo vệ đừng để Thái tử giết Đạt ma", Tễ

ngưu bạch vua: "thần sẽ không để cho Thái tử giết vương phi", vua nói kệ:

"Tích tụ đều tiêu tán,
Cao ngất ắt rơi rớt,
Hội họp ắt biệt ly,
Có mạng đều phải chết".

Nói xong vua băng hà, sau khi tống táng vua xong, quần thần lập Thái tử lên ngôi vua.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 19

Sau khi lên ngôi, vua bảo quần thần đem vương phi Đạt ma giết chết, đại thần tễ ngưu liền tâu: "xin vua hãy xét lại, không nên vô cớ giết vương phi, vương phi đang mang thai chưa rõ là sanh trai hay gái, nếu sanh trai thì hãy giết", vua nói: "như vậy cũng được, khanh hãy thi hành việc này". Đủ ngày tháng vương phi sanh được một trai, cùng ngày hôm đó vợ của người đánh cá cũng sanh một bé gái. Đại thần Tễ ngưu liền đưa cho người đánh cá một số tiền để đổi lấy bé gái này rồi đến tâu vua: "vương phi sanh một bé gái", vua nghe rồi nói: "rất tốt, vậy là ta không còn lo nữa". Thời gian sau, người đánh cá nuôi bé trai này trưởng thành, cho đi học cho đến khi biết làm thơ phú văn chương. Tễ ngưu bí mật đến báo cho Đạt ma biết, Đạt ma nói: "ta muốn được nhìn thấy nó, khanh hãy tìm cách dẫn đến", Tễ ngưu nói: "không nên gặp làm chi". Lúc đó Tễ ngưu thấy đạt ma thương nhớ con nên lập kế cho đồng tử này giả làm người bán cá mang cá đến để cho người mẹ được nhìn thấy con mình. Tướng sư nhìn thấy đồng tử bán cá này liền đoán: "người này sẽ giết vua đoạt ngôi", lời tiên đoán này được truyền đến tai vua, vua liền ra lịnh đuổi bắt đồng tử bán cá. Đồng tử bán cá nghe được tin này liền bỏ chạy về phương Đông, trốn trong nhà của một bà lão. Bà lão này cho ẩn nấp ở một nơi kín đáo, lấy màu vàng thoa lên người làm cho giống như người đã chết rồi khiêng đem bỏ trong rừng thây chết. Khi đồng tử bán cá này đứng dậy bỏ chạy thì có người hái hoa quả trong rừng nhìn thấy, liền chạy đuổi theo một đoạn rồi dừng lại. Lúc đó sử của vua chạy đến hỏi người hái hoa quả này có thấy một người có hình dạng như vậy không, liền đáp: "tôi mới thấy cậu ta đi theo con đường này", sứ liền chạy đuổi theo bắt. Đồng tử bán cá hoảng sợ chạy vào nhà người thợ giặt, người này giấu đồng tử trong đống áo quần rồi chở đem bỏ ở bên bờ sông không có người. Khi đồng tử bán cá này đứng dậy bỏ chạy thì có một người nhìn thấy, báo cho sứ của vua biết, sứ liền chạy đuổi theo bắt. Đồng tử này vội chạy vào nhà của người đóng giày… năn nỉ người đóng giày: "xin hãy thương xót làm cho tôi một đôi giày mà gót giày hướng về phía

trước, mũi giày hướng về phía sau để những người đuổi theo bắt tôi sẽ không biết tôi đi ngã nào", người đóng giày nói: "trước nay tôi chưa từng đóng đôi giày nào như vậy", liền nói kệ:

"Trước nay từng thấy đủ kiểu giày,
Được đo theo kích thước bàn chân,
Chưa từng đóng loại giày như vậy,
Gót hướng phía trước, mũi phía sau".

Người đóng giày vẫn làm theo yêu cầu của đồng tử, cậu mang giày và men theo đường ống cống mà trốn đi, nhưng sứ của vua vẫn đuổi theo kịp. Đồng tử này sợ hãi nhảy xuống sông, Long vương liền đưa cậu vào trong cung ẩn trốn. Vua nghe được tin này liền ra lịnh tập họp tất cả thầy trì chú bắt rồng đến để đi bắt rồng. Bị các thầy trì chú này trấn áp, Long vương biết không cứu được đồng tử liền dùng thần lực đưa đến chỗ đồng hoang là nơi ở của Dược xoa Tần-già-la, rồi trở về nói với các thầy trì chú rằng: "việc các ông làm là không tốt, đồng tử bán cá kia sẽ bị Dược xoa hại và chúng tôi cũng bị tổn hại", hỏi vì sao, liền đáp: "các ông đã não loạn tôi, tôi bị bức bách nên đem bỏ đồng tử đến trong đồng hoang là nơi ở của Dược xoa Tần-già-la, ắt sẽ bị dược xoa làm hại", các thầy trì chú nghe rồi liền trở về tâu vua biết tin này, vua nói: "các vị hãy dò la xem cậu ta chết thật chưa". Lúc đó ở trong đồng hoang, đồng tử này chạy sang Đông rồi lại sang Tây rồi leo lên cây, để tránh bị Dược xoa Tần-già-la và bầy chó dữ bắt giết ăn thịt, trong lòng nghĩ là mình chắc chết. Dược xoa kêu xuống, đồng tử nói: "tôi ở trên cây này cho đến khi chết", dược xoa liền lấy y phục quấn quanh người rồi đứng ở dưới cây chờ. Đồng tử lén leo xuống rồi bỏ chạy, bầy chó chạy đuổi theo, cậu cởi áo đang mặc ném lên người Dược xoa khiến bầy chó tưởng là đồng tử nên cùng chồm tới cắn ăn thịt. Đồng tử chạy thoát rồi suy nghĩ: "ta có người cậu đang xuất gia ở chỗ tiên nhân, ta nên đến chỗ đó", nghĩ rồi hỏi thăm đường để đi đến chỗ đó. Nơi tiên nhân ở cây cối sum suê, đủ loại chim ríu rít líu lo, khi đồng tử tìm đến được nơi đây thì sứ của vua cũng đuổi theo đến, đồng tử liền nhảy xuống hang, sứ của vua nắm được đầu tóc, tóc ở trong tay nhưng thân đồng tử thì rơi xuống hang, sứ cho là đồng tử đã chết nên trở về tâu cho vua biết, vua vui mừng ban thưởng. Lúc đó thiên thần hộ trì chỗ tiên ở liền nói với tiên: "cháu ngoại của đại tiên lâm nguy, nếu không cứu giúp cậu ấy sẽ chết", tiên nhân cứu đồng tử rồi dùng chú pháp biến cậu thành người nữ tuyệt đẹp. Người nữ này đi đến trong vườn thượng uyển của vua ở thành Bà-la-nê-tư, người giữ vườn thấy người nữ này lấy làm lạ vội đến tâu vua, vua bảo dẫn đến, thấy nàng tuyệt đẹp nên vua dùng nghi lễ long trọng đón vào cung và hết sức say mê nàng.

Thời gian sau, nhân lúc vua rời cung, nàng liền biến trở lại thành thân nam, đội mão vua và bảo triều thần lập làm vua. Khi triều thần lập người này lên làm vua thì trên hư không chư thiên nói kệ:

"Đầu không bị đứt, không bị hại,
Có thể tạo ra nghiệp như vậy,
Tùy nghi hại kia, không hại được,
Như người hại con vua Bạch giao".

Phật bảo các Bí-sô: "vua Sơ thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, đồng tử bán cá chính là thân ta; từ thời vua đó bắt đầu phát sanh oán thù này. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại một đồng hoang có một thôn lớn, trong thôn có hai người thợ khéo phân biệt của báu, mỗi người trông coi một cửa hàng riêng ở chợ, không ai xâm phạm ai. Lúc đó có một người nghèo cũng biết phân biệt của báu, mang một vật báu đến cửa hàng của một người trong số hai người thợ kia, người này tuy muốn mua vật báu này nhưng lại trả giá rất thấp nên người nghèo này không chịu bán. Sau đó mang đến cửa hàng của người thợ thứ hai, người này trả giá vừa phải nên người nghèo này chịu bán, người chủ tiệm thứ hai nói: "tôi muốn mua nhưng lại không đủ tiền", người nghèo này nói: "vậy mỗi ngày ông có thể tùy ý đưa nhiều ít", người chủ tiệm thứ hai nghe rồi liền nhận mua. Người chủ tiệm thứ nhất nghe biết liền đến nói: "tôi thấy vật báu này trước, vì sao anh lại tranh mối hàng của tôi; từ đây về sau chúng ta trở thành kẻ thù".

Phật bảo các Bí-sô: "chủ tiệm thứ nhất trả giá thấp thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, chủ tiệm thứ hai trả giá cao hơn chính là thân ta; do nhân duyên này nên kết oán thù cho đến nay. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại một đồng hoang có một thôn, trong thôn có một trưởng giả cưới một cô gái trong tộc họ làm vợ, sống với nhau rất hạnh phúc. Không bao lâu sau người vợ có mang, vừa hạ sanh con thì qua đời; trưởng giả cưới một người vợ khác, không lâu sau người vợ này lại sanh con và cũng qua đời. Trưởng giả suy nghĩ: "nếu ta cưới vợ khác thì sợ cũng sẽ chết như hai người vợ trước. Nay ta nên cưới vợ cho đứa con trai đầu", nghĩ rồi liền cưới vợ cho con trai đầu, người con dâu này sanh được rất nhiều con. Một hôm, người vợ này hỏi chồng: "đồng tử kia là ai?", đáp là em tôi, người vợ nói: "sau này có phải phân chia tài sản hay không?", đáp: "đúng theo luật nước thì anh em đều có phần", người vợ nói: "con của chúng ta đông thì không nên chia đều, phải tìm cách giết người em". Phàm phu vì tham lợi thì không gì là không dám làm, người chồng nghe theo lời vợ lập kế nói

với em: "hôm nay chúng ta vào trong núi hái trái cây", khi vào tới trong núi, người em bị người anh lấy tảng đá đập vào đầu mà chết.

Phật bảo các Bí-sô: "người anh thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa, người em chính là ta; do nhân duyên này nên kết oán thù đến nay. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại một đồng hoang có một thôn lớn, trong thôn có một cư sĩ cưới một cô gái trong tộc họ làm vợ, cùng sông rất hạnh phúc. Không bao lâu sau người vợ sanh được một bé gái rất xinh đẹp, ai cũng yêu mến; cư sĩ nói: "nếu ai đến đây gặp ta trước thì ta sẽ cho đứa bé gái này". Lúc đó có một Bà-la-môn đến nhà và chúc cho cư sĩ không bịnh, cư sĩ nói: "tôi có một bé gái muốn đem cho nhân giả", Bà-la-môn nói: "hôm nay không phải là ngày có sao tốt nên tôi không nhận, đợi đến ngày có sao tốt tôi sẽ đến nhận", nói rồi liền bỏ đi. Lát sau lại có một Bà-la-môn khác đến, cư sĩ cũng nói như trước, Bà-la-môn hỏi: "vì sao không đem cho Bà-la-môn đến trước?", cư sĩ thuật lại việc trên, Bà-la-môn này nghe rồi liền nhận và dẫn bé gái về nhà. Bà-la-môn trước nghe biết liền đến gặp Bà-la-môn này nói rằng: "bé gái này là của tôi nhận trước vì sao ông lại dẫn đi", Bà-la-môn này nói: "ông nói hôm nay có sao không tốt nên không nhận, tôi thì không cần biết có sao tốt hay không tốt nên nhận", Bà-la-môn kia nghe rồi nổi giận và kết oán thù.

Phật bảo các Bí-sô: "Bà-la-môn đến sau và được bé gái chính là thân ta ngày nay, Bà-la-môn đến trước chính là Đề-bà-đạt-đa; do nhân duyên này nên kết oán thù từ đó".

Phật đang ở trong Trúc lâm, thành Vương xá, lúc đó vua Vị sanh oán có nuôi một con voi lớn tên là Hộ tài, rất hung dữ, hằng ngày thường ra khỏi chuồng não loạn làm hại dân chúng trong thành nên họ kinh sợ không dám ra khỏi cửa. Nhiều người đến tâu vua: "voi Hộ tài rất hung dữ, hằng ngày thường ra khỏi chuồng não loạn làm hại dân chúng trong thành. Xin vua cử người trông coi voi đừng cho nó hằng ngày ra khỏi chuồng, nên cách ngày cho ra một lần; khi nào cho nó ra thì lắc linh báo trước cho dân biết", vua nói được rồi cho gọi người quản tượng đến bảo

làm theo lời yêu cầu của dân chúng, người quản tượng vâng lời vua, xá chào rồi lui ra.

Trong thành Vương xá có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ, phát tâm thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà thọ thực; Đề-bà-đạt-đa nghe biết tin này liền đưa vật báu trị giá trăm ngàn cho người quản tượng và nói: "ngày mai có trưởng giả thỉnh Sa môn Kiều-đáp-ma và chúng Thanh văn

đến nhà thọ thực, ông hãy thả voi Hộ tài ra để nó giẫm chết Sa môn Kiều-đáp-ma", đáp: "tuân lịnh, xin Thánh giả hãy nói cho vua biết việc này, chúng tôi mới yên tâm làm theo", Đề-bà-đạt-đa đến nói với vua Vị sanh oán : "Đại vương không thể lập tôi làm Phật, do Đại vương giết cha mới được làm vua; tôi nay cũng giết Phật để tự lên ngôi Nhất thiết trí. Xin vua cho thả voi Hộ tài ra", vua nói: "Thánh giả không nghe nói Thế tôn có thể điều phục người chưa điều phục hay sao?". Đề-bà-đạt-đa nói cho vua biết rồi trở lại nói với người quản tượng: "tôi đã tâu vua rồi, ngày mai ông hãy thả voi ra", người quản tượng liền lắc linh báo cho người trong thành biết ngày mai sẽ thả voi Hộ tài ra. Trưởng giả nghe rồi ưu sầu tự than: "ta là người ít phước, ngày mai thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực thì gặp lúc thả voi Hộ tài ra. Hay là ta nấu xong các món ăn rồi mang đến chỗ Thế tôn", nghĩ rồi ngay trong đêm đó lo liệu các thức ăn uống cúng dường. Sáng hôm sau đến bạch Phật: "người quản tượng lắc linh thông báo hôm nay sẽ thả voi Hộ tài ra, mỗi người phải tự phòng vệ. Vì vậy Thế tôn đừng vào thành, con sẽ cho người mang thức ăn cúng dường đến", Phật nói: "ông cứ sửa soạn sẵn, ta không sợ voi Hộ tài, đúng giờ ta cùng chúng Thanh văn sẽ vào thành", trưởng giả nghe rồi vui mừng trở về sửa soạn sẵn và trải tòa ngồi chờ đợi Thế tôn đến. Khi thấy Như lai cùng chúng Bí-sô đắp y mang bát vào thành, người quản tượng liền thả voi Hộ tài ra, voi chạy ào tới chỗ Phật. Lúc đó vua và Đề-bà-đạt-đa đứng trên lầu cao từ xa nhìn xuống, Đề-bà-đạt-đa thấy voi sắp giẫm chết Thế tôn liền vui mừng nói kệ:

"Tôi thấy đấng Thập lực,
Sắp bị voi giẫm chết,
Chúng Thích tử Thanh văn,
Hôm nay đều tiêu hết".

Lúc đó, Phật xòe tay phải, năm ngón tay hóa ra năm sư tử, voi thấy sư tử hoảng sợ đến vải phân ra và bỏ chạy; Phật lại hóa lửa đốt cháy khắp nơi, chỉ có chỗ Phật là mát mẻ, voi hung hăng chạy khắp nơi toàn gặp lửa nên đành phải chạy tới chỗ Thế tôn. Phật dùng bàn tay có

tướng bách báu luân trang nghiêm vô úy xoa đầu voi, hành thí vô úy rồi nói kệ:

"Chớ ưa thích thân voi,
Loài voi thuộc cõi ác,
Cũng chớ tổn hại người,
Sẽ được đạo Hiền Thánh.
Ngươi do nghiệp đời trước,
Nên sanh vào cõi ác,

Tổn hại các hữu tình ,
Lấy đó làm vui thú.
Sau khi chết ở đây,
Sẽ sanh về cõi nào,
Và trụ ở chỗ nào?
Hiền thủ, hãy nghe kỹ:
Các hành là vô thường,
Các pháp là vô ngã,
Tịch tĩnh là Niết-bàn,
Sanh lòng tin nơi ta".

Khi thấy voi dữ chạy áo tới chỗ Phật, chúng Thanh văn đều chạy tránh xa, chỉ riêng có A-nan là không lìa xa Phật. Sau khi hàng phục voi dữ xong, Phật cùng chúng Thanh văn đến nhà trưởng giả, voi Hộ tài theo sau Phật; khi Phật vào trong nhà, voi đứng ở ngoài vì không thấy Phật nên nó định xô cửa làm sụp nhà, Phật liền dùng thần lực hóa nhà thành thủy tinh, trong ngoài đều thấy được nhau để voi được thấy Phật. Thọ thực xong, Phật nói kệ chúc nguyện rồi cùng chúng Thanh văn đứng dậy ra về, voi lại đi theo sau Phật. Quần thần đem việc này tâu vua, vua liền nói với Đề-bà-đạt-đa: "Ngài đã làm cho tôi bị tổn thất lớn, nếu voi ấy bỏ đi, nước lân cận sẽ gây chiến tranh, Ngài thật không biết thời", Đề-bà-đạt-đa nghe Vua trách liền im lặng. Vua bảo quần thần : "sau khi Phật ra khỏi thành thì hãy đóng cửa thành lại, chớ để voi theo Phật ra ngoài", đại thần tuân lịnh vua, bảo người giữ cửa thành và người quản tượng : "hãy bắt giữ voi lại, chớ để nó theo Phật ra ngoài". Khi voi Hộ tài bị bắt giữ lại, nó không nhìn thấy Phật được nữa nên dùng chân đạp vòi cho không thở được, mê man ngã xuống đất mà chết, thần thức thác sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Thường pháp của chư thiên khi sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: một là ta từ đâu sanh đến đây, hai là nay ta đang ở đâu, ba là ta do nghiệp duyên gì. Lúc đó thiên tử này quán biết mình từ thân voi chết đi, được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương là do sanh tâm hoan hỉ đối với Phật. Thiên tử liền suy nghĩ: "nếu ta ở đây thọ diệu lạc mà không đến chỗ Thế tôn trước là không phải đạo lý ; ta nên cùng chư thiên vây quanh đi đến chỗ Phật", nghĩ rồi ngay trong đêm đó, Thiên tử dùng trăm báu trang nghiêm thân, thân thanh tịnh sáng suốt từ trong ra ngoài, lại dùng cái y kích đựng đủ loại hoa vi diệu đi đến chỗ Phật trong Trúc lâm, ánh sáng chiếu soi cùng khắp, sáng hơn cả ban ngày. Thiên tử đến chỗ Phật rải hoa cúng dường, đảnh lễ Phật rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của thiên tử nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, thiên tử bạch Phật: "Thế

tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", liền nói kệ:

"Nhờ Phật đóng bít cửa đường ác,
Ở trong ba đường nhiều tổn hại,
Nhờ Phật khai mở đường Nhân thiên,
Lại được chứng Niết-bàn vi diệu,
Nhờ Phật dứt trừ các nghiệp ác,
Lột hết màng che, mắt được sáng,
Chứng được đạo Thánh hiền tịch diệt,
Vượt qua cảnh khổ trong ba cõi,
Được tất cả trời người cúng dường,
Trừ hết khổ sanh già bịnh chết.
Trong trăm ngàn đời không được gặp,
Hôm nay quả báo được gặp Phật,
Rũ anh lạc kính lễ đại sư,
Đảnh lễ chân Phật, tâm vui mừng,
Nhiễu phải ba vòng rồi trở về,
Vọt thân bay lên trên thiên cung".

Lúc đó thiên tử vui mừng như người đi buôn được lời, như người cày ruộng được thu hoạch, như người ra trận được thắng, như người bịnh được lành, cùng chư thiên bay trở về thiên cung. Đêm đó vào đầu đêm, các Bí-sô kinh hành trong rừng nhìn thấy ánh sáng này rồi, sáng hôm sau liền đến hỏi Phật: "Thế tôn, đêm qua có phải Thích Phạm chư thiên đã đến chỗ Phật?", Phật nói: "đó không phải là Thích Phạm chư thiên đã đến chỗ ta. Các thầy có nhớ voi Hộ tài hung dữ đã chạy ào tới muốn giẫm chết ta không?", đáp là có nhớ, Phật nói: "lúc đó ta đã chỉ dạy khiến nó sanh tâm chánh tín và khởi tâm hoan hỉ đối với ta; nhờ đó sau khi chết, nó được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Đêm qua chính thiên tử ấy đã đến chỗ ta, nghe ta thuyết pháp và đã được Kiến đế", các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, voi Hộ tài đã tạo nghiệp gì mà đọa vào bàng sanh, lại nhờ nghiệp gì mà được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương và được Kiến đế?", Phật nói: "voi Hộ tài đã tạo nghiệp rồi, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thần

thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay. Này các Bí-sô, nếu một người đã tạo nghiệp thiện ác không phải địa thủy hỏa phong ở ngoài giới mới khiến người kia thọ báo, mà đều ở trong uẩn xứ giới của tự thân chiêu cảm quả dị thục". Phật nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Phật bảo các Bí-sô: "Quá khứ Hiền kiếp, lúc loài người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu, trụ ở trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Lúc đó voi này xuất gia trong giáo pháp của Phật đó, nhưng không quý trọng giới, giới hạnh thiếu sót nên bị đọa trong loài voi. Vị này thường đem tứ sự cúng dường chúng tăng, nhờ căn lành này nên dù sanh ra nơi nào cũng được đầy đủ thức ăn uống, lại được gặp ta, do sanh tâm hoan hỉ nên sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Vị này thường đọc tụng các pháp như Tứ đế, duyên khởi, uẩn, xứ…; nhờ căn lành này nên sau khi sanh thiên trở lại gặp ta, nghe pháp và được Kiến đế, chứng quả Dự lưu. Này các Bí-sô, nếu tu nghiệp trắng thì được quả báo trắng…", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "lúc voi Hộ tài chạy đến hại Phật, do nhân duyên gì chúng Thanh văn đều chạy tránh xa, chỉ có một mình A-nan là không lìa xa Phật?", Phật nói: "không phải chỉ có ngày nay mà ngày xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, ở bên sông A na bà đạt đa có con ngỗng chúa tên là Đề đầu lại tra, nó có hai con: con ngỗng lớn tên là Mãn, con ngỗng nhỏ tên là Mãn diện. Mãn có tánh hung ác, thích gây sự đánh nhau và xúc não các con ngỗng khác; mỗi lần nghe các con ngỗng đến báo cáo: "con lớn của Đại vương đánh tôi, xúc não tôi", ngỗng chúa liền suy nghĩ: "bản tánh nó hung bạo, nếu lập nó làm Thái tử thì sau khi ta chết, nó sẽ giết hại các con ngỗng; ta phải lập kế", nghĩ rồi liền gọi hai con đến nói rằng: "hai con hãy đi tuần tra tới các ao có ngỗng sinh sống, đứa nào tuần tra xong trở về trước thì ta sẽ truyền vương vị". Hai vương tử ngỗng nghe rồi, mỗi con liền cùng năm trăm ngỗng chúng bay đi tuần tra các ao nước ở khắp nơi có ngỗng sinh sống, dần dần đến thành Bà-la-nê-tư. Nơi đây có vua Phạm đức đang trị vì, đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm ; cách thành không xa có một ao sen với đủ các loại hoa tạp sắc phủ đầy trên mặt ao, bốn bên bờ ao có ngàn loại cây hoa quả với đủ các loại chim tụ tập. Vương tử Mãn cùng năm trăm ngỗng chúng bay xuống ao dạo chơi vui vẻ, không có sợ sệt; vương tử Mãn

diện cùng năm trăm ngỗng chúng đang bay trên không trung, một con ngỗng hỏi: "chúng ta có nên bay xuống ao này không?", Mãn diện nói: "ta nên trở về ao Vô nhiệt nhận vương vị rồi sẽ trở lại đây vui chơi", nói rồi liền bay trở về ao Vô nhiệt nhận vương vị rồi trở lại trong ao này vui chơi. Những người đứng bên bờ ao nhìn thấy ngỗng chúa này xinh đẹp khác lạ, không chim nào ở đây sánh được nên đều nhìn ngắm nó, không biết nó từ đâu tới. Tiếng đồn lan ra nên dân chúng trong thành Bà-la-nê-tư đều đến bên ao ngắm nhìn ngỗng chúa, quần thần đem việc này tâu vua. Vua cho gọi các thợ săn đến và nói: "ta nghe nói trong ao của ta có một ngỗng chúa không biết từ đâu bay tới rất xinh đẹp, các ông tìm cách vây bắt nhưng không được làm tổn hại nó rồi mang đến đây cho ta xem", các thợ săn tuân lịnh vua vây bắt, từ từ cột trói ngỗng chúa lại. Ngỗng chúa biết không thoát được nên bảo bầy ngỗng mau bay trở về ao Vô nhiệt, năm trăm con ngỗng nghe rồi đều bay hết, chỉ có một con ở lại nhìn ngỗng chúa rơi nước mắt. Thợ săn thấy rồi ngạc nhiên nói với ngỗng kia: "ta vì theo lịnh vua nên vây bắt ngỗng chúa, ta không bắt giết ngươi, ngươi chớ khóc", nói rồi mang ngỗng chúa đến chỗ vua, ngỗng kia vì thương mến ngỗng chúa nên cũng bay theo sau. Đến chỗ vua, vua thấy rồi liền hỏi thợ săn: "con ngỗng kia vì sao lại bay theo đến đây?", thợ săn nói là nó tự bay theo, vua ngạc nhiên nói với thợ săn: "ngỗng kia chắc là chông hay vợ của ngỗng chúa này nên không muốn lìa xa nhau, vậy khanh hãy thả cho chúng cùng bay đi, chớ có giết hại", thợ săn nói: "thần sợ người khác sẽ bắt giết chúng, xin vua ra lịnh cho nhân dân chớ giết hại chúng", vua liền bảo đại thần: "khanh hãy cho người đánh trống thông báo cho dân chúng trong thành từ nay trở đi không được giết hại loài chim", đại thần tuân lịnh vua đi thông báo cho dân chúng biết.

Phật bảo các Bí-sô: "ngỗng chúa Mãn diện thuở xưa chính là thân ta ngày nay, ngỗng bay theo sau chính là A-nan, năm trăm ngỗng chúng chính là năm trăm Bí-sô ngày nay. Thuở xưa năm trăm ngỗng chúng đều bay đi, chỉ có ngỗng kia ở lại không xa lìa ; nay cũng vậy. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại thành Bà-la-nê-tư có vua tên là A-tra trị vì, đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm, triều thần có năm trăm vị, do oai đức của vua nên các nước lân cận đều đến triều bái. Lúc đó có một người từ Nam Thiên trúc đến tên là Trượng bình, có sức mạnh địch ngàn người; đại thần dẫn đến gặp vua tâu rằng: "người này có sức mạnh địch được ngàn người, vì nghe oai đức của vua nên đến xin theo phò tá, xin vua thu nạp", vua nghe rồi liền thu nạp và ban cho nhiều của cải vật dụng. Thời gian sau, một vua

của nước lân cận có quân mã nhiều và mạnh nên tập họp bốn binh là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh rồi thân chinh đến gây chiến; vua A-tra cũng dẫn bốn binh ra nghinh chiến, vua kia thua trận bỏ chạy về nước. Trở về nước rồi lập kế cho người đến đút lót và mua chuộc năm trăm vị đại thần trong triều của vua A-tra, nói rằng: "lần sau vua nước tôi sang gây chiến, các ông chớ cùng chúng tôi chiến đấu; nếu vua tôi thắng trận sẽ ban thưởng cho các ông gấp vạn lần", năm trăm triều thần này nhận lời. Không bao lâu sau, vua nước kia lại sang gây chiến, vua A-tra cũng dẫn binh ra nghinh chiến nhưng năm trăm đại thần vì đồng tình với vua nước kia nên không cùng họ chiến đấu. Do duyên này nên vua A-tra và Trượng bình bị nguy khốn, vua nói kệ:

"Từ lâu thân cận ta,
Nay đều lìa bỏ ta,
Chỉ còn có Trượng bình,
Không lìa bỏ Đại vương".

Lúc đó Trượng bình giết chết năm trăm đại thần kia.

Phật bảo các Bí-sô: "vua A-tra thuở xưa chính là thân ta ngày nay, Trượng bình chính là A-nan, năm trăm đại thần chính là năm trăm Bí-sô; thuở xưa năm trăm đại thần đều lìa bỏ ta, chỉ có Trượng bình là không lìa bỏ, nay cũng vậy. Các thầy hãy lắng nghe thêm:

Thuở xưa, có một Bồ-tát trụ nơi Bất định tụ, thọ thân sư tử vua của loài thú sống trong núi rừng nọ. Lúc đó có năm trăm dã can hằng ngày thường theo sau sư tử để ăn thức ăn dư; vì khi sư tử bắt được con thú nào, nó chỉ ăn phần thịt ngon rồi bỏ đi, phần còn lại để cho các dã can ăn. Thời gian sau, khi đi săn mồi vào ban đêm, vì trời tối nên sư tử rơi

xuống một cái giếng khô; thấy sư tử bị rơi xuống giếng, một con trong số năm trăm dã can ở lại bên miệng giếng nghĩ cách cứu sư tử, những con khác thấy bầy nai liền chạy theo nai. Con dã can này đi quanh nhìn ngó và thấy một ụ đất, nó dụng sức đẩy đất này bỏ xuống giếng cho đến khi đất dần dần đầy ; nhờ đó sư tử nhảy ra khỏi giếng. Chư thiên trên hư không thấy rồi liền nói kệ:

"Nên giao kết bạn thân,
Dù yếu hay mạnh mẽ,
Ta thấy một dã can,
Cứu sư tử khỏi giếng".

Phật bảo các Bí-sô: "sư tử thuở xưa chính là thân ta ngày nay, dã can ở lại chính là A-nan, những con dã can bỏ đi chính là các Bí-sô ngày nay;

thuở xưa đã lìa bỏ ta và nay cũng vậy. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa, có một Bồ-tát trụ nơi Bất định tụ, thọ thân Nai vua của năm trăm con sống trong một khu rừng nọ. Có một thợ săn giăng bẫy để giết hại bầy nai, khi nai chúa dẫn bầy nai đi đến nơi đó, nai chúa đi đầu liền sa bẫy, bầy nai đều bỏ chạy tán loạn, chỉ còn lại một con nai cái ở bên cạnh nai chúa không đi. Thấy nai chúa gở bẫy không được, nai cái này nói kệ:

"Nai chúa đại oai đức,
Hãy mau mau gở bẫy,
Người cài đặt bẫy này,
Là thợ săn sắp đến".

Nai chúa nói kệ:

"Ta dù làm cách nào,
Cũng không thể gở bẫy,
Bẫy này quá chắc chắn,
Cột chân đau thấu xương".

Lúc đó người thợ săn cầm cung tên đi đến, thấy thợ săn sắp đến nai cái nói kệ:

"Nai chúa đại oai đức,
Hãy mau mau gở bẫy,
Người cài đặt bẫy này,
Là thợ săn sắp đến".

Nai chúa nói kệ:

"Ta dù làm cách nào,
Cũng không thể gở bẫy,
Bẫy này quá chắc chắn,
Cột chân đau thấu xương".

Nai cái thấy thợ săn đến, vì quá sợ hãi nên nói với thợ săn:

"Ông là thợ săn giỏi,
Hãy bỏ cung tên đi,
Lấy dao giết tôi trước,
Rồi giết nai chúa sau".

Thợ săn nghe rồi ngạc nhiên hỏi: "nai này là gì của ngươi?", đáp là chồng tôi, thợ săn nghe rồi nói kệ:

"Nay ta không hại ngươi,
Cũng không giết nai chúa,
Chồng vợ đều được tha,
Cho hai ngươi đoàn tụ".

Nai cái nói kệ:

"Như vợ chồng tôi cùng vui vẻ,
Tôi đoàn tụ với chồng thân yêu,
Nguyện cho ông cùng với quyến thuộc,
Thường được vui vẻ thương yêu nhau".

Thợ săn nghe rồi kinh ngạc khen là hiếm có, liền gở bẫy cho nai chúa được cùng đi với nai cái.

Phật bảo các Bí-sô: "nai chúa thuở xưa chính là thân ta ngày nay, nai cái ở lại chính là A-nan, bầy nai bỏ đi chính là các Bí-sô; thuở xưa lìa bỏ ta, nay cũng vậy", lúc đó các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Đề-bà-đạt-đa lại tham lợi dưỡng cấu uế mà tự hại bản thân mình?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay, ngày xưa cũng vì tham lợi cấu uế mà tự hại thân. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa, trong một vùng núi có cái ao hoa lớn, lúc đó có một con voi lớn đến bên ao uống nước xong rồi đi, lại có một con dã can rất dơ bẩn hôi hám cũng muốn đến bên ao uống nước. Nó gặp voi ngược đường đi tới liền nói: "anh hãy tránh đường, nếu không tránh thì chúng ta sẽ đánh nhau", voi nghe rồi liền suy nghĩ: "con vật này hôi hám dơ bẩn đáng thương, nếu ta dùng chân đạp hoặc dùng ngà, vòi hại nó thì ta cũng bị dơ lây; ta nên dùng vật bẩn hại nó", nghĩ rồi liền nói kệ:

"Không dùng chân đạp ngươi,
Cũng không dùng vòi, ngà,
Mà dùng vật bẩn giết,
Dùng vật bẩn giết bẩn".

Voi suy nghĩ: "nếu ta né tránh bỏ đi, chắc chắn nó sẽ theo sau ta", nghĩ rồi liền né một bên rồi bỏ đi thật mau; dã can suy nghĩ: "ta chỉ nói

một câu mà voi đã sợ hãi bỏ chạy", nghĩ rồi liền đuổi theo sau. Voi thấy dã can đã chạy tới gần liền dụng sức phóng phân vào mình dã can, dã can trúng phải phân liền qua đời.

Phật bảo các Bí-sô: "con dã can thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, xưa bị vật bẩn làm hại, nay cũng bị lợi dưỡng cấu uế làm hại", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "do nhân duyên gì người nghe theo lời Phật dạy thì được thoát khỏi sanh tử khổ nạn, còn nghe theo lời của Đề-bà-đạt-đa thì bị khổ não?"

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA PHÁ TĂNG SỰ

QUYỂN 20

Phật bảo các Bí-sô: "thuở xưa cũng vậy, ai nghe theo lời ta dạy đều thoát khỏi khổ nạn; ai nghe theo lời dạy của Đề-bà-đạt-đa đều bị khổ nạn. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một đồng hoang có một thôn với nhiều cây trái sum suê, nơi đó có hai bầy khỉ sống gần nhau, mỗi bầy có năm trăm con với một khỉ chúa. Một trong hai con khỉ chúa nằm mộng thấy năm trăm con khỉ với hai khỉ chúa đều bị ném vào cái vạc nóng, nó sợ hãi đến nỗi lông trên người dựng đứng và lập tức tỉnh dậy. Khỉ chúa này cho gọi bầy khỉ đến kể lại giấc mộng trên rồi nói: "giấc mộng này không phải là điềm lành, chúng ta phải bỏ nơi này dời đến nơi khác", bầy khỉ nói: "cần gì phải rời bỏ nơi đây, Đại vương có đại oai đức, mộng thấy thì không phải là sự thật". Sáng hôm sau khỉ chúa này đến nói với khỉ chúa kia : "tôi mộng thấy như vậy như vậy, chúng ta nên dời đến nơi khác", khỉ chúa kia nói: "làm sao có thể tin vào giấc mộng, nếu anh muốn đi thì cứ đi, tôi ở đây thấy thoải mái nên không muốn đi đâu cả". Khỉ chúa này biết khỉ chúa kia không tin nên dẫn bầy khỉ của mình đi đến nơi khác. Thời gian sau, trong thôn có một nô tỳ đang rang lúa mạch, một con dê đến gần muốn ăn lúa, cô bèn lấy cây củi đang cháy đánh dê, lửa cháy lông dê nên con dê chạy vào trong chuồng voi của vua. Trong chuồng này có nhiều cỏ khô, con dê bị lửa đốt nóng nên lắc mình làm cho lửa văng lên cỏ khô, cỏ cháy khiến các con voi trong chuồng đều bị phỏng. Người quản tượng đem việc này tâu vua, vua bảo gọi thầy thuốc đến chữa trị, thầy thuốc suy nghĩ: "trước đây ta bị bầy khỉ làm tổn hại mùa mang, nay ta nhân dịp này báo thù", nghĩ rồi liền tâu vua: "voi bị phỏng, cần phải dùng mỡ khỉ thoa lên chỗ phỏng thì mới được lành". Vua nghe rồi liền ra lịnh tìm mỡ khỉ, đại thần tuân lịnh vua cho gọi thợ săn đến vào bảo tìm bắt khỉ. Thợ săn tuân lịnh đi tìm bắt khỉ, kết quả khỉ chúa và bầy khỉ năm trăm con của nó đều bị bắt và bị thầy thuốc kia bỏ vào vạc nung để lấy mỡ. Chư thiên trên hư không thấy việc này rồi liền nói kệ:

"Không nên gần oan gia,

Thành ấp và làng xóm,
Người giận dê ăn lúa,
Khiến khỉ bị nấu chảy".

Phật bảo các Bí-sô: "khỉ chúa nằm mộng thuở xưa chính là thân ta ngày nay, khỉ chúa không tin chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa bầy khỉ nghe theo lời ta nên tránh khỏi nỗi khổ bị lửa đốt, bầy khỉ nghe theo lời của Đề-bà-đạt-đa thì chịu khổ cùng cực, ngày nay cũng vậy. Các thầy lắng nghe thêm:

Thuở xưa tại một nơi khác có hai con khỉ chúa, mỗi con có năm trăm quyến thuộc; một trong hai con khỉ chúa dẫn quyến thuộc của mình đi kiếm ăn, đến một làng kia thấy có một cây Kim ba già ra trái sum suê. Bầy khỉ thấy rồi liền nói với khỉ chúa: "cây này ra trái rất sum suê, chúng ta từ xa đến đây mệt nhọc nên lên cây hái trái này ăn", khỉ chúa quan sát rồi nói kệ:

"Cây này gần xóm làng,
Trẻ em không hái ăn,
Thì các ngươi nên biết,
Trái này không ăn được".

Nói rồi dẫn bầy khỉ bỏ đi; sau đó con khỉ chúa thứ hai cũng dẫn quyến thuộc của mình đi kiếm ăn, đến làng kia thấy cây Kim ba già ra trái sum suê. Bầy khỉ thấy rồi liền nói với khỉ chúa: "cây này ra trái rất sum suê, chúng ta từ xa đến đây mệt nhọc nên lên cây hái trái này ăn rồi đi tiếp", khỉ chúa nói được, kết quả là khỉ chúa và bầy khỉ ăn trái này xong liền chết.

Phật bảo các Bí-sô: "khỉ chúa thứ nhất chính là thân ta ngày nay, khỉ chúa thứ hai chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa bầy khỉ nghe theo lời ta đều được bình an, bầy khỉ nghe theo lời của Đề-bà-đạt-đa đều bị chết. Ngày nay cũng vậy, ai nghe theo lời ta dạy đều thoát khỏi khổ nạn; ai nghe theo lời dạy của Đề-bà-đạt-đa đều bị khổ nạn".

Lúc đó các cư sĩ, Bà-la-môn nghe biết Đề-bà-đạt-đa ném đá hại Phật đều tức giận muốn giết Đề-bà-đạt-đa, đồng bạn của Đề-bà-đạt-đa hay tin này liền đến báo, Đề-bà-đạt-đa nghe rồi liền đến bên gốc cây ngồi thiền. Khi các cư sĩ, Bà-la-môn đến, thấy Đề-bà-đạt-đa đang ngồi thiền bên gốc cây liền nói với nhau: "Đề-bà-đạt-đa có đại oai đức, chúng ta không thể giết; tại sao chúng ta lại có niệm ác này, chúng ta hãy giải tán". Các Bí-sô nghe biết việc này, đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Đề-bà-đạt-đa làm điều phi pháp, tạo tội nhưng ở trước mọi người lại hiện tướng tu pháp lành?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa tại một nơi có con chuột chúa với năm trăm quyến thuộc; lại có con mèo tên là Hỏa diễm, lúc còn trẻ nó chuyên môn bắt giết chuột, khi đã già nó suy nghĩ: "hồi còn trẻ có sức lực, ta có thể bắt chuột dễ dàng; nay ta đã già khí lực suy yếu không thể bắt chuột được, ta nên làm phương tiện", nghĩ rồi nó quan sát biết có con chuột chúa cùng năm trăm quyến thuộc ở trong hang đó. Mèo già này liền đến trước hang ngồi thiền, khi bầy chuột ra ngoài kiếm ăn thấy mèo ngồi thiền liền hỏi: "cậu đang làm gì vậy?", mèo đáp: "hồi xưa khi còn trẻ khỏe mạnh, ta đã gây vô lượng tội; nay tuổi già, ta muốn tu phước để trừ bỏ tội xưa", bầy chuột nghe rồi liền sanh tâm thiện, cho là mèo đang tu pháp lành nên hữu nhiễu ba vòng rồi chui vào hang; mèo già liền chộp bắt con chuột đi cuối để ăn thịt. Không bao lâu sau bầy chuột càng ít dần, chuột chúa suy nghĩ: "bầy chuột ít dần, mèo già mập lên ắt là có nguyên do", nghĩ rồi chuột chúa liền xem xét phân mèo, thấy trong phân có xương và lông chuột, nó liền theo dõi mèo già và biết được mèo già đã bắt con chuột đi cuối để ăn thịt. Chuột chúa liền đứng tránh xa rồi nói kệ:

"Mèo già ngày càng mập,
Bầy chuột ngày càng ít,
Nếu ăn trái cây củ lá,
Sao phân có lông xương,
Ông tuy tu thiền nhưng bất thiện,
Vì lợi nên giả người tu thiện,
Nguyện ông không bịnh, sống an ổn,
Bầy chuột chúng tôi, ông ăn hết".

Phật bảo các Bí-sô: "mèo già thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay; thuở xưa làm điều phi pháp tạo tội nhưng lại hiện tướng tu thiện, ngày nay cũng vậy", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn hãy nói nhân duyên của việc ai nghe theo lời Thế tôn dạy đều thoát khỏi khổ nạn; ai nghe theo lời dạy của Đề-bà-đạt-đa đều bị khổ nạn", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có hai người dẫn đường, mỗi người có năm trăm cỗ xe đang vượt qua bãi sa mạc, lúc gặp được chỗ có cỏ nước, lúc không gặp, trải qua nhiều ngày như vậy nên các con bò rất khổ sở. Sau đó đoàn xe đi đến một nơi có suối nước và cỏ tươi tốt, các thương nhân dắt bò tới cho ăn cỏ uống nước và nghỉ ngơi trong lúc họ xuống nước tắm rửa. Trong năm trăm con bò của đoàn xe thứ nhất có một con bò chúa, nó bảo các con bò: "nơi đây có cỏ xanh tốt và nước suối, chúng ta hãy ở lại đây đừng đi nữa; nếu các thương nhân bắt chúng ta kéo xe thì chúng ta hãy nằm xuống đất, không để

họ điều khiển chúng ta nữa", con bò chúa của đoàn xe có năm trăm con bò thứ hai nói với các con bò: "các thương nhân này có sức mạnh, có thể điều khiển những vật khó điều khiển; chúng ta hãy tùy thuận họ, kéo xe như trước, nếu không sẽ bị tổn hại", con bò chúa thứ nhất tức giận nói: "anh khuyên bầy bò chịu cho họ sai khiến như trước là phi pháp, ai có thể thấy được lưng của mình", nói rồi bảo bầy bò của mình: "hãy tin lời ta ở lại đây đừng đi theo họ nữa". Lúc đó các thương nhân của đoàn xe thứ nhất lên xe đi tiếp thì các con bò này chụm chân cào đất không chịu đi, thương nhân dùng roi đánh đến rách da chảy máu bắt phải đi; các con bò của đoàn xe thứ hai chịu kéo xe nên được an ổn. Lúc đó chư thiên trên hư không thấy việc này rồi nói kệ:

"Hãy xem bò chúa ác,
Nói bảo làm việc sai,
Khiến bầy bò chịu khổ,
Thân bị đánh chảy máu.
Hãy xem bò chúa tốt,
Thuần thiện chỉ bảo đúng,
Nhờ đó mà bầy bò,
Được an ổn thoát hiểm".

Phật bảo các Bí-sô: "bò chúa chỉ bảo đúng thuở xưa chính là thân ta ngày nay, bò chúa chỉ bảo sai chính là Đề-bà-đạt-đa; thuở xưa ai nghe theo lời ta dạy đều thoát khỏi khổ nạn, ai nghe theo lời dạy của Đề-bà-đạt-đa đều bị khổ nạn; nay cũng vậy", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao bản thân Đề-bà-đạt-đa ngu si mà quyến thuộc cũng ngu si?", Phật nói: "không phải chỉ đời này mà đời xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một khu rừng vắng có bầy khỉ sinh sống, chúng đi dạo chơi đến một cái giếng, nhìn thấy dưới đáy giếng có bóng mặt trăng, chúng nói với khỉ chúa: "Đại vương, mặt trăng bị rơi xuống giếng, chúng ta xuống dưới vớt lên". Chúng bàn với nhau làm cách nào để vớt mặt trăng lên, khỉ chúa nói: "chúng ta nối nhau làm dây xuống dưới vớt trăng lên", nói rồi một con khỉ ở trên miệng giếng ôm chặt một cành cây, những con khỉ kia lần lượt nắm tay nôi nhau xuống dưới giếng; do số khỉ nối nhau càng nhiều nên cành cây ở trên chịu không nổi, rạp xuống và gãy. Lúc đó con khỉ dưới cùng ở gần sát mặt nước đưa tay quậy nước để tìm trăng, nước bị quậy vẫn đục nên trăng không hiện nữa; ở trên cành cây gãy khiến cho cả bầy khỉ đều rơi tòm xuống giếng, chết chìm một lượt. Chư thiên trên hư không thấy việc này rồi nói kệ:

"Những con khỉ ngu si,

Nghe lời khỉ chúa ngu,
Bảo bầy khỉ xuống giếng,
Vớt trăng mà chết chìm".

Phật bảo các Bí-sô: "khỉ chúa thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa, thuở xưa bản thân ngu si, quyến thuộc cũng ngu si; ngày nay cũng vậy".

Phật tại Trúc viên thành Vương xá, lúc đó thời thế mất mùa đói kém, khất thực khó được, Phật bảo các Bí-sô: "ta muốn trụ tịch tĩnh trong ba tháng, không được ai đến gặp, trừ người mang thức ăn đến và vào ngày trưởng tịnh; các đại đức cũng nên lập chế". Lúc đó hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên an cư ba tháng tại Nam sơn, ở nơi đây Đề-bà-đạt-đa cung cấp thức ăn uống và các vật dụng cho đại chúng trong ba tháng an cư. Sau ba tháng, Đề-bà-đạt-đa ở trong đại chúng xướng rằng: "các Bí-sô nên biết, Sa môn Kiều-đáp-ma khi thuyết pháp thường ca ngợi hạnh ở trong núi tịch tĩnh, xa lìa các phiền não, mau được giải thoát; lại ca ngợi bốn pháp là khất thực, dùng y phấn tảo, chỉ chứa ba y và ngồi nơi đất trống. Nếu ai không thích tu theo bốn pháp này mà tu theo năm pháp của ta, đó là trọn đời thọ mặc nạp y, trọn đời thọ pháp khất thực, trọn đời thọ pháp ăn một bữa, trọn đời thọ pháp ngồi nơi đất trống, trọn đời thọ pháp đoạn nhục, sẽ mau được giải thoát thì hãy lấy thẻ và rời khỏi chúng", vừa xướng xong liền có năm trăm Bí-sô trong đại chúng đứng dậy lấy thẻ và rời khỏi chúng, đi theo Đề-bà-đạt-đa. La-hầu-la thấy việc này rồi liền nói với các Bí-sô đó: "vì sao các thầy lại bỏ Như lai mà đi theo bạn ác", các Bí-sô này nói: "trong ba tháng an cư chúng ta khất thực khó được, đều nhờ Đề-bà-đạt-đa cung cấp thức ăn uống và các vật dụng; vì thế chúng tôi đi theo Đề-bà-đạt-đa". Khi Đề-bà-đạt-đa làm việc phá Tăng này, đại địa chấn động, sao xẹt sáng rực, chư thiên trên hư không đều xướng rằng: "từ nay không có người đắc đạo quả, không có người được Lậu tận, không có người đọc tụng kinh luật luận và ưa thích ở nơi A-lan-nhã; cũng không có người tu đạo Thanh văn, Duyên giác và Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Trời người náo loạn, pháp luân không chuyển trong ba ngàn đại thiên thế giới nữa, vì chúng sanh tùy thuận người, không tùy thuận pháp". Lúc đó hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên nhìn thấy hiện tượng lạ này nên nhập định và quán biết Đề-bà-đạt-đa đã phá hòa hợp Tăng, liền nói với nhau: "chúng ta hãy đến đó để diệt tránh luận và làm cho Tăng hòa hợp trở lại". Mãn hạ, ba y đã đủ, hai tôn giả du hành dần dần tới Trúc viên thành Vương xá, xếp ba y, rửa chân rồi đến chỗ Thế tôn. La-hầu-la vừa nhìn thấy hai tôn giả liền bạch với tôn giả Xá-lợi-phất: "A-giá-lợi-da có biết không, Đề-bà-đạt-đa đã phá hòa hợp Tăng", Xá-lợi-phất nói: "ta đã quán biết rồi nên mới đến đây, con chớ

lo buồn, ta sẽ làm cho Tăng hòa hợp trở lại", nói rồi liền đến chỗ Thế tôn, đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, con nghe biết Đề-bà-đạt-đa đã phá hòa hợp Tăng, con nay muốn làm cho Tăng hòa hợp trở lại, xin Thế tôn cho phép", Phật liền khen ngợi: "lành thay, ai có thể làm cho Tăng hòa hợp, người ấy được vô lượng phước đức". Được Phật hứa khả rồi, hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa bắt chước oai nghi của Phật ngồi thuyết pháp cho đại chúng, Cô ca lý ca ngồi bên phải, Khiên đề đạt phiêu ngồi bên trái. Đề-bà-đạt-đa từ xa nhìn thấy hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đi đến liền suy nghĩ: "ta đã thành bậc Nhất thiết trí nên cả hai đại đức này cũng đến chỗ ta", nghĩ rồi liền bảo hai người đang ngôi bên trái và bên phải đứng dậy, nhường chỗ cho hai tôn giả ngồi. Bị cưỡng ép rời khỏi chỗ ngồi, Cô ca lý ca… tức giận suy nghĩ: "chúng ta đã sai khi trợ giúp cho Đề-bà-đạt-đa phá Tăng, nếu ta không đứng dậy nhường chỗ, thầy ấy sẽ đánh chúng ta", nghĩ rồi liền đứng dậy nhường chỗ cho hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên ngồi. Lúc đó Đề-bà-đạt-đa nói với Xá-lợi-phất: "ta đau lưng, thầy hãy thuyết diệu pháp cho đại chúng", nói rồi liền xếp y Tăng-già-lê gối đầu, nằm nghiêng bên phải nhưng Xá-lợi-phất dùng thần lực làm cho Đề-bà-đạt-đa nằm ngửa, ngủ say không hay biết rồi nói với đại chúng: "đại sư của các vị ngủ say như đứa bé", nói rồi liền bảo Mục liên: "thầy hãy hiện thần thông lực làm cho đại chúng hồi tâm hướng Phật". Lúc đó tôn giả Đại Mục-kiền-liên bay lên hư không hiện các oai nghi đi đứng nằm ngồi, kế nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước. Phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy rồi hiện trở lại chỗ ngồi. Đại chúng nhìn thấy việc này rồi, trong lòng ưu sầu suy nghĩ: "nếu ta theo Phật tu tập thì cũng sẽ được thần thông lực như vậy", tôn giả Xá-lợi-phất quán biết tâm đại chúng rồi liền nói: "các Bí-sô nào còn nghĩ đến Thế tôn thì hãy theo ta", các Bí-sô này nghe rồi liền đứng dậy đi theo hai tôn giả. Lúc đó Cô ca lý ca… lay gọi Đề-bà-đạt-đa tỉnh dậy để chạy đuổi theo, Xá-lợi-phất sợ Đề-bà-đạt-đa không thấy được đồ chúng của mình sẽ ưu sầu thổ huyết mà chết nên đi chậm rãi cho Đề-bà-đạt-đa được thấy; kế dùng thần thông lực hóa ra cái hố ở giữa đường, khiến cho Đề-bà-đạt-đa… năm người đều rơi xuống hố, mê muội không biết đường ra, cho là đã mất đồ chúng, phải quay trở về. Hai tôn giả dẫn các Bí-sô này đến chỗ Phật trong Trúc viên, các Bí-sô trong lòng hổ thẹn không dám ngẩng lên nhìn Phật, Phật thương xót dùng lời dịu dàng an ủi: "này các Bí-

sô, thân người khó được nhưng các thầy đã được, Phật pháp khó nghe nhưng các thầy đã được nghe, sáu căn khó đủ nhưng các thầy đã có đủ ; các việc tốt xấu như thế nào, các thầy cũng đã biết. Ta đã thành tựu Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Ta thường thuyết giảng Niết-bàn tịch tĩnh, Bồ-đề cứu cánh, nói rõ lý nhân duyên:

1. Hễ cái này có thì cái kia sanh nên Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục xứ, Lục xứ duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão tử, ưu bi khổ não.

2. Hễ cái này diệt thì cái kia diệt nên Vô minh diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Danh sắc diệt, Danh sắc diệt thì Lục xứ diệt, Lục xứ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thỉ Sanh diệt, Sanh diệt thì Lão tử, ưu bi khổ não đều diệt.

Này các Bí-sô, các thầy thường nên tư duy tu tập việc lợi mình lợi người. Nếu là pháp khổ, bất thiện, không lợi ích, không an lạc thì dù được thức ăn uống, y phục, ngọa cụ… từ bốn chúng hay từ người nào khác, cũng đều là bất thiện, là việc không nên làm, chớ có làm".

Các Bí-sô này nghe Phật chỉ dạy rồi, tâm sanh hoan hỉ, trừ hết lưới nghi, trong ngoài đều thanh tịnh. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, do nhân duyên gì Tăng đã bị phái lại được hòa hợp trở lại ?", Phật nói: "ta tự tạo nghiệp, nay tự thọ báo, hễ hữu tình nào tạo nghiệp thì hữu tình đó tự thọ báo, không phải vô tình hay một ai khác chịu thay", Phật nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Thuở xưa trong núi rừng thanh tịnh nọ có một đại tiên kết giao với năm trăm tiểu tiên cùng làm quyến thuộc, sau đó có một khách tiên ghé qua nơi này, vị đại tiên không chu cấp đủ các vật cần dùng và phục vụ như pháp nên khách tiên này tức giận, muốn phá tiên chúng hòa hợp. Khách tiên dụ dỗ các tiểu tiên, nói rằng: "ta thông đạt các loại đạo thuật và được ngũ thông, các tiên theo ta, ta sẽ dạy cho", vị đại tiên biết được liền khuyên khách tiên: "chớ phá tiên chúng hòa hợp của tôi, đây không phải là pháp

mà tiên nên làm". Tuy vị đại tiên dùng lời dịu hòa để khách tiên hoan hỉ, nhưng khách tiên này vẫn không ngừng làm phương tiện phá tiên chúng hòa hợp. Lúc đó ở thế gian có Phật Bích chi đại từ bi, thiểu dục tri túc, là phước điền thù thắng du hành dần đến chỗ đại tiên này. Vị đại tiên thấy Phật Bích chi này đoan nghiêm thanh tịnh nên sanh tâm hoan hỉ cúng kính cúng dường và phát nguyện: "nguyện nhờ công đức cúng dường này, ở đời vị lai con được trí huệ thần thông, dù cho khách tiên kia có thành tựu được Nhất thiết trí, con cũng phá hòa hợp Tăng của ông ta".

Phật bảo các Bí-sô: "vị khách tiên thuở xưa chính là thân ta ngày nay, vị đại tiên cúng dường Phật Bích chi chính là Đề-bà-đạt-đa. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng ; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Đề-bà-đạt-đa lại lấy trong làm ngoài, lấy ngoài làm trong?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa cũng vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có một con dã can tánh vốn tham ăn, nó du hành đến một tụ lạc và đi kiếm ăn khắp nơi. Một hôm, nó đi tới nhà một người thợ nhuộm và vô ý té vào cái bồn đựng màu nhuộm lam, lông trên thân của nó nhuộm thành màu lam. Người thợ nhuộm vớt nó ra rồi quăng ra đất, nó thấy thân dơ bẩn nên xuống sông tắm rửa nhưng vẫn không làm bay mất màu lam đã bị nhuộm. Các con dã can khác thấy nó có màu lông khác nên hỏi: "anh là người gì?", nó đáp: "ta là sứ giả của vua trời Đế thích, hãy lập ta lên làm vua loài thú", các con dã can nghe rồi suy nghĩ: "thân đúng là dã can, nhưng màu lông thì không phải", nghĩ rồi liền đến báo cho sư tử biết, các sư tử báo cho sư tử chúa biết. Sư tử chúa liền cho sứ đi kiểm tra sư thật như thế nào, sứ đến nơi thấy con dã can màu lam đang cỡi voi trắng lớn, các loài cầm thú đều vây quanh. Sứ liền trở về báo lại cho sư tử chúa, sư tử chúa đích thân đến xem, thấy rồi liền lập kế sai một con dã can đến gặp mẹ của con dã can màu lam. Dã can mẹ hỏi: "ở chỗ con ta có ai là bè bạn?", đáp: "bên trong có sư tử, hổ, voi; chúng tôi ở bên ngoài", dã can mẹ nói: "như vậy thì chắc chắn con ta sẽ bị giết chết", liền nói kệ:

"Ta ở trong núi sống vui vẻ,
Tùy thời được uống nước suối trong,
Nếu con không hú tiếng dã can,
Thì được yên ổn trên lưng voi".

Sứ giả trở về nói với đồng loại : "nó chính là dã can, không phải dòng

vua của loài thú; tôi đã đến gặp mẹ của nó", các dã can nói: "chúng ta cùng thử", nói rồi cùng kéo đến chỗ dã can màu lam. Thường pháp của dã can là nếu một con trong bầy hú lên mà những con khác không hú theo thì lông trên thân đều rụng. Lúc đó dã can màu lam nghe tiếng dã can hú liền suy nghĩ: "nếu ta không hú theo thì lông sẽ rụng xuống hết, nếu ta hú thì chắc chắn sẽ bị các con thú khác giết chết; chi bằng ta ở trên lưng voi cất tiếng hú theo", nghĩ rồi liền ở trên lưng voi cất tiếng hú theo. Voi nghe dã can hú liền biết là dã can, nổi giận dùng vòi kéo xuống đất và dùng hai chân đạp chết. Chư thiên trên hư không thấy việc này rồi nói kệ:

"Trong lật ngược ra ngoài,
Ngoài đảo ngược vào trong,
Việc này không nên làm,
Như dã can cỡi voi".

Phật bảo các Bí-sô: "con dã can màu lam thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa ngày nay, thuở xưa lấy trong lật ngược ra ngoài, lấy ngoài đảo ngược vào trong nên tự diệt thân; ngày nay cũng như thế, phá hòa hợp Tăng, lấy trong lật ngược ra ngoài, lấy ngoài đảo ngược vào trong".

Lúc đó Đề-bà-đạt-đa đuổi theo Xá-lợi-phất tìm lại đồ chúng không được nên trở về trú xứ, trút giận lên bốn người bạn đảng là Cô ca lý ca…, nói rằng: "do các thầy mà ta bị mất đồ chúng". Các Bí-sô nghe biết việc này rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vì sao Đề-bà-đạt-đa không tức giận người đã dẫn đồ chúng của mình đi là tôn giả Xá-lợi-phất, lại trút giận lên các bạn đảng của mình?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa cũng vậy, người tư thông với vợ mình không giết, lại giết oan người khác. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có hai con voi là chồng vợ sống gần một đầm lầy trong núi, con voi cái dâm dật tư thông với con voi đực khác. Nó muốn đi theo con voi đực này nhưng lại sợ chồng biết sẽ phát sanh đấu tranh, bèn lập kế rủ voi chồng xuống sông tắm rồi nói: "chúng ta cùng lặn, xem ai lặn lâu hơn", voi chồng nói: "ta sẽ lặn lâu hơn", nói rồi cùng lặn. Con voi cái đợi voi chồng lặn xuống nước rồi, trong thời gian chưa nổi lên, nó cùng con voi đực kia bỏ trốn. Voi chồng lặn một hồi lâu, khi nổi lên không thấy voi cái nên nó lặn xuống lại, cứ như thế đến ba lần. Nó thấy mệt nhừ nên lên bờ tìm vợ vẫn không thấy đâu, nó liền đi khắp nơi tìm kiếm và đạp chết oan vô số chúng sanh. Chư thiên trên hư không thấy việc này rồi nói kệ:

"Thân voi tuy to lớn,
Trí huệ lại cạn hẹp,

Voi vợ theo voi khác,
Lại giết oan chúng sanh".

Phật bảo các Bí-sô: "voi chồng thuở xưa chính là Đề-bà-đạt-đa, ngày nay cũng như ngày xưa, người này làm lại trút giận lên người kia", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn là bậc Nhất thiết trí mà lại để Tăng chúng bi phá, do nhân duyên gì hai tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên lại có thể dùng phương tiện khéo léo, khuyến hóa dẫn dụ năm trăm Bí-sô bỏ tà về chánh, làm cho Tăng chúng hòa hợp trở lại?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa hai vị ấy cũng đã làm việc như vậy, các thầy lắng nghe:

Thuở xưa có một người giỏi về bắn cung và các kỹ nghệ, sống trong núi với một cô con gái, ông nghĩ: "ta không nên vội gả con gái, nếu có người nam nào giỏi cung kiếm, các kỹ nghệ như ta thì ta mới gả con gái cho". Không bao lâu sau, có hai thanh niên đến học nghề, một người học thành tựu cả năm môn kỹ nghệ, người kia chỉ học được một môn. Người cha liền gả con gái cho thanh niên học thông năm môn kỹ nghệ, thanh niên kia tức giận bỏ đi và kết bọn với đám giặc cướp. Thời gian sau, tên giặc cướp này hay tin hai vợ chồng của người bạn đồng học cùng quyến thuộc sẽ đi qua đường này, liền cầm đao đứng chờ nơi đường hiểm để giết chết. Hai vợ chồng người này trên đường đi gặp nhiều thương nhân đang tụ tập liền hỏi vì sao không đi tiếp, đáp là có giặc cướp ở phía trước, người chồng trên xe nói: "chúng ta cứ đi qua, đừng sợ gì cả", các thương nhân nói: "nếu anh không sợ thì cứ đi trước, chúng tôi sẽ theo sau anh". Người chồng liền cho xe đi tới trước, bọn cướp thấy xe đi tới liền báo cho tên đầu đảng là người bạn đồng học trước kia của người chồng trên xe. Đầu đảng cho sứ đến nói: "anh hãy quay xe trở lại, không nên đi tới trước, chúng tôi có rất nhiều người rất khỏe mạnh", người chồng trên xe nói: "các anh tuy khỏe nhưng tôi cũng khỏe không kém". Đầu đảng nghe rồi liền cho năm người đến vây đánh trước nhưng đều bị người chồng trên xe giết chết. Đầu đảng lại cho hai mươi mốt người khác đến vây đánh, cũng đều bị người chồng trên xe giết chết ; cứ như thế tất cả bọn cướp dần dần đều bị giết chết hết, chỉ còn lại tên đầu đảng. Người chồng trên xe bắn tất cả bốn trăm chín chín mũi tên đều bị tên đầu đảng dùng dao gạt rớt xuống hết, chỉ còn lại một mũi tên cuối cùng. Người vợ hỏi vì sao không bắn, người chồng nói: "tánh mạng của ta và nàng đều đặt nơi mũi tên cuối cùng này, nếu bắn mà không trúng thì cả hai chúng ta đều chết", người vợ nghe rồi liền đứng dậy ca múa xoay chuyển, tên đầu đảng nhìn say sưa quên cả phòng thủ, người chồng thừa dịp này liền bắn mũi tên cuối cùng, tên đầu đảng trúng tên, lúc sắp

chết liền nói kệ:

"Không phải người chồng kia,
Có thể giết chết ta,
Mà do ta nhiễm đắm,
Nhìn nàng nên mất mạng".

Phật bảo các Bí-sô: "người chồng trên xe thuở xưa chính là Xá-lợi-phất ngày nay, người vợ chính là Đại Mục-kiền-liên, tên cướp đầu đảng chính là Đề-bà-đạt-đa; cũng như ngày xưa, ngày nay Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên thấy được chỗ sơ hở của Đề-bà-đạt-đa nên mới làm được việc này".

Phật ở trong vườn Yêm một la của vương tử Thị-phược-ca, thành Vương xá; lúc đó là vào đêm rằm tháng năm, chư Tăng sắp an cư. Thấy đêm trăng sáng, quang cảnh rất đẹp nên vua Vị sanh oán cùng tả hữu và cung phi thể nữ lên trên lầu cao ngắm cảnh. Vua hỏi mọi người: "đêm nay trăng sáng đáng yêu, ta và các khanh nên làm gì, mỗi người tùy ý nói ra ý nghĩ của mình", một thể nữ nói: "đời người đối với việc thọ hưởng dục lạc không nên luống qua, đêm nay đẹp trời chúng ta nên mặc tình thọ hưởng dục lạc", một thể nữ khác nói: "thiếp muốn tất cả đạo tục trong thành Vương xá đều cùng vui hưởng dục lạc", vương tử Ô-đà-di nói: "đêm nay trăng sáng, Đại vương nên thống lĩnh bốn binh chinh phạt những nước không thần phục và toàn thắng trở về", một đại thần là đồ chúng của ngoại đạo nói: "đêm nay trăng sáng là ngày rằm tháng năm, sáu vị minh sư như Bộ thích noa… đều được mọi người tôn kính ca ngợi, mỗi vị đều có năm trăm đồ chúng sắp an cư tại thành Vương xá, rất cần được cúng dường những vật cần dùng, chúng ta nên đến cúng dường họ". Vua thấy vương tử Thị-phược-ca ngồi im lặng trong chúng nên hỏi: "này Thị-phược-ca, vì sao khanh lại im lặng không nói?", đáp: "hôm nay trăng sáng là ngày tốt nên ai cũng ưa thích, Phật Thế tôn có đại oai đức với các Thánh đệ tử, từ bi che chở hết thảy hữu tình; Thế tôn là phước điền tối thắng, hiện sắp an cư trong vườn của thần, chúng ta nên đến đó cúng dường", vua nghe rồi liền chỉnh đốn oai nghi cỡi voi Đại hương, cùng năm trăm cung nhân đều cầm đuốc sáng cùng đi đến vườn Yêm một la. Gần đến nơi vua bỗng kinh sợ, lông trên người dựng đứng liền suy nghĩ: "có phải là Thị-phược-ca thông đồng với giặc dụ ta đi đến đây để giết ta chăng", nghĩ rồi liền hỏi Thị-phược-ca: "Thế tôn cùng bao nhiêu người ở trong vườn này?", đáp: "khoảng một ngàn hai trăm năm mươi Bí-sô", vua nói: "nếu không phải khanh có ý gì khác thì tại sao trong đây có nhiều người như vậy mà ta không nghe có một tiếng động nào", Thị-phược-ca nói: "Thế tôn ba nghiệp đều tịch tĩnh, tâm thương

trong định; các đệ tử cũng vậy, cho nên trong đây không nghe có tiếng động nào". Vua nghe rồi liền dứt nghi liền quyết định đến chỗ Phật, sau khi vua xuống voi tới trước Phật, thấy Phật cùng đại chúng các căn tịch tĩnh, yên lặng như biển; vua gieo năm vóc sát đất đảnh lễ Phật rồi chắp tay bạch rằng: "Thế tôn đại từ bi, ba nghiệp tịch tĩnh, cúi xin dẫn dắt con được thường không náo loạn giống như Phật", Phật dịu dàng an ủi vua: "lành thay Đại vương, hãy ngồi xuống, nếu có vướng mắc điều gì thì cứ tùy ý hỏi", vua ngồi xuống rồi hỏi Phật: "Thế tôn, trong thế gian có đủ hạng người với nhiều nghề nghiệp như người kết vòng hoa, người làm vườn, kẻ đồ tể, người buôn bán, người điều phục voi ngựa…; họ hành nghề để kiếm sống và tu phước, nhưng đều dính mặc trong ngũ dục lạc. Những chúng sanh này có thể ngay trong hiện đời này chứng được quả Sa môn hay không?", Phật hỏi vua: "Đại vương đã từng hỏi ai khác về việc này chưa?", vua nói: "Thế tôn, con đã từng đến hỏi các ngoại đạo như Bộ thích noa, vị này nói: "trong kinh của ta có nói pháp như sau: không thiện, không ác, không có quả báo của thiện ác; không có bố thí và cúng tế, cũng không có nghiệp bố thí và cúng tế; không có cha mẹ, không có ân cha mẹ ; không có đời này, đời khác; không có người tu đạo đắc Thánh quả, không có Thánh nhân, không có A-la-hán; bốn đại tan rã rồi thì không còn gì cả". Nếu ai nói có đời này, đời sau; nghiệp nhân nghiệp quả là thật có thì đó là nói dối ; lời nói của người trí và lời bình luận của kẻ ngu đều là rỗng không. Thế tôn, con hỏi Lục sư về nghĩa chân thật nhưng các vị ấy lại trả lời hư dối, ví như hỏi trái xoài lại đáp là trái lê, hoặc hỏi trái lê lại đáp là trái xoài. Con hỏi Lục sư về chánh pháp lại nói về tà pháp, dù cho các ngoại đạo này dùng đủ các tà thuyết để đáp lời con hỏi, vì không vừa ý con nên con không tùy hỉ, từ giã mà đi. Con lại đến hỏi ngoại đạo Mạt yết lợi : "đời này, đời sau, tất cả chúng sanh tạo đủ các nghiệp, làm đủ các nghề để nuôi dưỡng cha mẹ, cúng dường Sa môn, vun bồi ruộng phước… thì hiện đời này có chứng được Thánh quả hay không?", vị này đáp: "trong kinh của tôi có nói rằng: không nhân, không quả, không thiện, không ác, không có phiền não cũng không có người đoạn trừ phiền não ; không có Niết-bàn, cũng không có người chứng đắc Niết-bàn. Nhân quả trong ba đời thảy đều không có, tất cả đều là tự nhiên, người trí tự nhiên có trí, người ngu tự nhiên ngu; không có người tu cũng không có người đắc; không có tự lợi cũng không có lợi tha. Tất cả chúng sanh đều không có nhân duyên sanh, cũng không có nhân duyên diệt". Con hỏi Đông, vị ấy đáp Tây; dù cho các ngoại đạo này dùng đủ các tà thuyết để đáp lời con hỏi, vì không vừa ý con nên con không tùy hỉ, từ giã mà đi. Con lại đến chỗ ngoại đạo San thệ di hỏi: "chúng sanh làm đủ các nghề… hiện đời này

có thể đoạn trừ phiền não chứng được Thánh quả hay không", thì vị này đáp: "tôi thường dạy chúng sanh tự sát sanh, bảo người khác sát sinh; tự chặt, bảo người chặt; tự đốt, bảo người đốt; tự trộm cắp, bảo người trộm cắp; tự làm việc dâm dục, bảo người làm việc dâm dục; tự nói dối, bảo người khác nói dối; tự uống rượu, bảo người khác uống rượu… giết hại tất cả chúng sanh trên bờ hay ở dưới nước hoặc ở trên hư không. Ở bên bờ này của sông Hằng giết vô biên vô số chúng sanh, tạo vô biên tội ác ; nhưng ở bên lờ kia của sông Hằng lại cúng dường vô lượng vô biên chúng sanh, tạo vô lượng vô biên công đức… tất cả đều là không nhân, không quả, không được, không mất, không tăng, không giảm. Thế tôn, con hỏi nghĩa chánh, họ lại trả lời hư dối; con hỏi Đông, họ lại đáp Tây, do không vừa ý con nên con không hoan hỉ, không tùy hỉ và bỏ đi. Con lại đến chỗ A thị đa xúy xá cam bạt la hỏi giống như trên, vị này đáp rằng: "tổng cộng có bảy pháp, bản thể của bảy pháp này là tự nhiên, không phải do người khác tạo ra, cũng không phải hóa sanh, không do biến hóa mà có, không phải tích tụ, cũng không phải chia ly mà thường là tự nhiên. Đó là đất, nước, gió, lửa, khổ, vui và mạng; bảy pháp này không ai có thể tạo ra, cũng không ngăn ngai nhau. Đối với thiện ác, khổ vui và không khổ không vui thì bảy pháp này dù làm hay không làm đều là vô ký, không đưa đến quả báo ; không có người giết và người bị giết. Một vạn bốn ngàn thú vui hoặc thêm sáu vạn nữa, cả ba nghiệp hoặc hai nghiệp, một nghiệp, nửa nghiệp đều làm ác; nếu ai tạo đủ các nghiệp ác như vậy liền được thoát khỏi sanh tử khổ nạn".

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 79

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

SỐ 1451

(QUYỂN 1 → 16)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1451

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh đời Đường – TQ Việt dịch: Ban phiên dịch chùa Pháp Bảo, HT Thích Tịnh Hạnh giám tu - năm 2005 Hiệu đính và nhuận văn: NS Thích nữ Như Lộc tại chùa Phổ Minh - năm 2009

QUYỂN 1

Bốn mươi quyển Tạp sự này tổng cộng có tám môn, một tụng đại môn nhiếp hết cả bộ; trong mỗi môn lại có biệt môn tổng nhiếp tám bài tụng, trong mỗi biệt môn lại có mười bài tụng, tổng cộng là tám mươi chín bài tụng, trong mỗi bài tụng tóm lược ngàn hàng. Nếu ai thọ trì thông thuộc thì có thể thông suốt hết ý nghĩa cả bộ.

A. Tụng đại môn tổng nhiếp: có tám

Đá kỳ cọ, lông bò,
Ba y và Thượng tòa,
Xá lợi, gân thú dữ,
Cấp đa ni, trừ tháp.

I. Tổng nhiếp tụng của biệt môn: có mười

Đá kỳ (cọ), tên, móng, bát,
Gương, sanh chi, đạp y,
Thủy la, đậu sống khác,
Rửa chân, quần nên cột.

1. Nhiếp tụng thứ nhất:

Đá kỳ cọ, đất trắng,
Ngưu hoàng và hương thơm,
Đánh cột, đeo chỉ sợi,
Đeo anh lạc và con dấu.

Phật tại giảng đường Cao các, bên ao Di hầu, thành Quảng nghiêm;

lúc đó Lục chúng Bí-sô đắp y mang bát vào thành Quảng nghiêm khất thực. Cách thành không xa có vườn của Lật-cô-tỳ tử, phong cảnh thanh nhàn, cây trái sum suê, suối nước chảy quanh với nhiều chim đẹp giống như trong vườn Hoan hỉ của vua trời Đế thích. Trong vườn sắp đặt nhiều dụng cụ thể dục thao, lại có nhiều loại nhạc khí kỳ tuyệt; bên ao để nhiều vật dụng tắm rửa với hương xông… Lục chúng Bí-sô nói với nhau: "nghe nói vườn này rất khả Ái…, chúng ta nên vào xem thử", nói rồi cùng vào trong vườn, nhìn thấy các dụng cụ như chày gỗ dài ngắn, cái vồ lớn nhỏ, các viên đá lớn lớn nhỏ dùng cho việc vận động thân thể, làm cho máu huyết lưu thông, tiêu hóa thức ăn… ; lại thấy các loại nhạc khí kỳ tuyệt như đàn, sáo, trống…; bên ao để nhiều vật dụng tắm rửa như đá kỳ cọ, tháo đậu, cỏ thơm, hạt dư cam… Lục chúng Bí-sô thấy rồi liền nói với nhau: "các vật dụng tạo cảm giác an lạc này đều có đầy đủ nơi đây, chúng ta thử thọ dụng, nên đàn ca trước hay là tắm rửa trước?", một người nói: "đã lâu chúng ta chưa tắm, nên tắm trước", nói rồi liền cùng xuống ao tắm, dùng đá kỳ cọ thân ở trong nước tạo ra các âm thanh như của năm loại nhạc khí. Lúc đó có nhiều người đi ngang qua vườn, nghe những âm thanh này từ trong vườn vang ra liền nói với nhau: "trong vườn chắc đang biểu diễn ca nhạc, chúng ta nên vào xem", nói rồi cùng vào trong vườn. Vừa lúc đó Lục chúng Bí-sô tắm xong đi ra, họ hỏi: "các Thánh giả, biểu diễn ca nhạc ở đâu?", đáp: "các người ngu si, có tai nghe tiếng mà không phân biệt hay dỡ. Làm gì có ai biểu diễn được âm thanh kỳ diệu như thế", lại hỏi: "âm thanh vừa rồi là do ai tấu lên ?", đáp: "đó là do chúng ta lúc tắm, dùng đá kỳ cọ thân ở trong nước tạo ra âm thanh kỳ diệu như vậy", mọi người nói: "các thầy còn bị năm dục não loạn thân tâm hay sao?", đáp: "chúng ta tự thọ dục lạc nhưng không bỏ phế việc tu chánh nghiệp thì có lỗi gì. Các ngươi có phải là thầy ta đâu mà nói lời chê trách này, hãy im lặng chớ chuốc họa vào thân". Mọi người nghe rồi sợ hãi bỏ đi, nhưng khi vào trong thành, đến chỗ ngã tư đường liền phê bình chỉ trích. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô lúc tắm dùng đá kỳ cọ thân mới có lỗi này. Từ nay không được dùng đá kỳ cọ thân, nếu dùng thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, chân của các Bí-sô có cáu bẩn, khiến nứt chân; khi đi khất thực, mọi người nhìn thấy liền hỏi: "chân của các thầy bị nứt, đóng cáu bẩn, tại sao không chà rửa cho sạch?", đáp là Phật chế không cho chà rửa, mọi người nói: "thân các thầy nhơ bẩn như thế, sao gọi là thanh tịnh được". Các Bí-sô nghe rồi im lặng, trở về trú xứ đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "trước đây là sáng chế (chế lần đầu tiên), bây giờ là tùy khai: từ nay khai cho các Bí-sô dùng đá chà rửa chân, không phải thân phần khác; nếu kỳ cọ trên thân phần khác thì

phạm tội Việt pháp". Lục chúng Bí-sô sau đó lại dùng đá bọt để kỳ cọ, Phật nói cũng phạm tội Việt pháp.

Duyên xứ giống như trên, lúc đó vào sáng sớm, các Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy các Bà-la-môn dùng ngón tay chấm lấy đất trắng hay tro trắng rồi vạch lên trán ba vạch, do nhân duyên này nên họ cầu xin gì cũng đều được. Lục chúng Bí-sô thấy rồi nói với nhau: "chúng ta cũng nên làm theo họ", hôm sau vạch ba vạch trên trán rồi mới vào thành khất thực. Những người không tin theo Phật nhìn thấy họ liền nói: "tôi xin quỳ bái", Lục chúng Bí-sô nói: "những kẻ ngu si này không biết lễ nghi, ai nên quỳ bái, ai nên kính lễ?", họ đáp: "chúng tôi chỉ biết hễ thấy Bà-la-môn thì nói là quỳ bái, thấy Sa môn thì nói là kính lễ", Lục chúng Bí-sô nói: "vì sao thấy chúng ta là Sa môn lại nói là quỳ bái?", họ đáp: "chúng tôi không biết các vị là Sa môn, vì trên trán các vị có ba vạch nên chúng tôi cho là Bà-la-môn, không phải Sa môn", Lục chúng Bí-sô nghe rồi im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô vạch ba vạch trên trán nên có lỗi này, từ nay Bí-sô nào vạch như vậy thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô bịnh, thầy thuốc bảo dùng đất trắng bôi lên người, liền bạch Phật, Phật nói: "trước đây là sáng chế, bây giờ là tùy khai : nếu thầy thuốc bảo bôi đất trắng lên người thì khỏi bịnh, Bí-sô bịnh được làm không phạm".

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó vào sáng sớm Lục chúng Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy các Bà-la-môn dùng ngưu hoàng điểm trên trán, do nhân duyên này nên họ xin gì cũng đều được. Lục chúng thấy rồi liền làm theo… giống như trên cho đến câu Phật nói: "nếu Bí-sô nào bôi ngưu hoàng trên trán thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô bị mọc mụt nhọt trên trán, thầy thuốc bảo dùng ngưu hoàng bôi quanh chỗ mụt nhọt thì bịnh được lành, Bí-sô liền đem việc này bạch Phật, Phật nói: "trước đây là sáng chế, bây giờ là tùy khai : nếu thầy thuốc bảo bôi ngưu hoàng thì bịnh được lành, Bí-sô bịnh được làm không phạm; nếu không bịnh mà cố ý dùng thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ giống như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô thoa hương thơm vào người, khi đi đến chỗ các thanh thiếu niên liền hỏi họ có nghe mùi thơm hay không, họ hỏi: "các Thượng tòa cũng thoa hương thơm hay sao?", đáp là có thoa, họ nói: "thoa hương thơm là cách nghiêm sức của thế tục, không hợp với các Thượng tòa", đáp: "hợp hay không hợp thì chúng ta cũng đã làm rồi", họ nghe rồi liền chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô thoa hương thơm nên có lỗi này, từ nay Bí-sô nào

thoa hương thơm thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô bịnh đến gặp thầy thuốc, thầy thuốc bảo thoa hương thơm thì bịnh được lành, Bí-sô nói: "ông bảo tôi thích dục lạc hay sao?", thầy thuốc nói: "trừ loại này ra, dùng thứ khác thì không hết bịnh", Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "trước đây là sáng chế, bây giờ là tùy khai: nếu thầy thuốc bảo thoa hương thơm vào người thì bịnh được lành, Bí-sô bịnh được làm không phạm". Lúc đó Bí-sô thoa hương thơm vào người rồi, khi vào ngồi trong chúng hoặc thuyết pháp cho các cư sĩ, Bà-la-môn hoặc vào nhà thế tục đều bị họ chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nay ta chế hành pháp cho Bí-sô thoa hương thơm là không được vào ngồi trong chúng; không được thuyết pháp cho các cư sĩ, Bà-la-môn; không được vào trong nhà thế tục. Sau khi hết bịnh, tắm cho hết mùi mới được tùy ý vào trong chúng…; nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm đem hương thoa đến cúng cho các Bí-sô, Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước ; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên thọ, các Bí-sô thọ rồi liền vất xuống đất ở trước mặt thí chủ, các cư sĩ nói: "Thánh giả, chúng tôi mua với giá rất mắc, vì sao lại vất bỏ như thế?", Phật bảo: "không nên thọ rồi lại xem thường đem vất bỏ trước mặt thí chủ, nên đem thoa trên đất ở trước tháp Phật để cúng dường". Khi các Bí-sô đem hương thơm này thoa trên đất ở trước tháp thờ tóc, móng tay của Phật để cúng dường thì thí chủ nói: "há chúng tôi không biết có tháp để cúng dường hay sao, chúng tôi đã cúng dường cho tháp rồi, còn đây là cúng cho các vị dùng", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "nên đem thoa ở cửa phòng". Khi đem thoa ở cửa phòng, khách viếng thăm cho là điện Phật nên lễ bái, Phật bảo nên thoa ở cửa ngoài, lại cũng bị lỗi như trước, Phật nói: "nên thoa ở tường vách trong phòng, mũi ngửi được mùi thơm này sẽ làm cho mắt sáng".

Phật tại vườn Thi lộc, rừng Khủng úy, núi Thất thu ma la. Lúc đó vương tử Bồ-đề xây cất lầu Điểu minh vừa xong liền làm lễ khánh thành, thỉnh Phật và Tăng đến nhà thọ thực. Phật và Tăng ngồi ở dưới lầu, Ô ba-nan-đà dùng tay dộng vào cột trụ lầu, làm cho lầu chấn động. Người cúng dường nói: "vương tử Bồ-đề mới xây cất tòa lầu này, tô vẽ điêu khắc với trăm màu sắc, Thánh giả có ý gì mà muốn phá hoại?", đáp: "Tên Bồ-đề bần hàn khởi tâm tham Ái lầu nay, sau khi chết sẽ đọa vào đâu; nếu ngươi lại sanh tâm tham Ái lầu này, sau khi chết sẽ đọa vào loài quỷ bướu to", người

kia nghe rồi liền chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô dộng vào cột trụ nên có lỗi này, từ nay không được dùng tay dộng vào cột trụ, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó Lục chúng Bí-sô lại dùng quyền, vai, lưng, đầu gối cho đến gạch đá đập vào cột trụ và bị chê trách như trước, Phật nói không được dùng bất cứ vật gì; Lục chúng lại dộng vào tường, vào trong đất, Phật nói dộng vào vật khác cũng phạm tội Việt pháp.

Duyên xứ giống như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy các Bà-la-môn đeo dây phạm tuyến, do nhân duyên này nên xin được nhiều thức ăn ngon. Lục chúng thấy rồi liền làm theo… giống như trên, cho đến câu Phật nói: "do Bí-sô đeo dây phạm tuyến nên có lỗi này, từ nay không được đeo dây, ai đeo thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ giống như trước, Lục chúng Bí-sô khất thực, thấy các Bà-la-môn dùng hoa đẹp để trang nghiêm thân hình, nơi canh tay lại đeo chỉ ngũ sắc, do nhân duyên này nên họ được nhiều thức ăn ngon. Lục chúng thấy rồi liền bắt chước làm theo… giống như trên cho đến câu Phật nói: "do Bí-sô đeo chỉ ngũ sắc nên có lỗi này, từ nay không được đeo chỉ ngũ sắc nơi cánh tay, nếu làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô bịnh đến chỗ thầy thuốc yêu cầu chữa trị, thầy thuốc bào dùng chỉ ngũ sắc chú nguyện rồi đeo nơi cánh tay thì khỏi bịnh. Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "trước đây là sáng chế, bây giờ là tùy khai: nếu thầy thuốc bảo đeo thì khỏi bịnh, Bí-sô bịnh được làm không phạm". Sau đó lại có Bí-sô đeo chỉ ngũ sắc ở phía trước khuỷu tay phải, phía sau khuỷu tay phải, phía trước khuỷu tay trái, phía sau khuỷu tay trái , Phật nói đều không được đeo. Lúc đó Bí-sô bịnh nhờ đeo chỉ ngũ sắc bịnh được lành rồi liền vất bỏ bừa bãi, phi nhân thấy liền giận trách nói: "Thánh giả, dây này có kết tên họ của tôi, nhờ chú nguyện nên làm cho hết bịnh, nay lành bịnh lại xem thường", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không được vất bừa bãi, nếu chưa hết bịnh thì cột nơi chéo y, nếu hết bịnh rồi thì tỳ để trong khe hở của tường cột".

Duyên xứ giống như trước, lúc đó Lục chúng Bí-sô thấy thế tục dùng chuỗi anh lạc trang nghiêm thân, cũng bắt chước dùng vòng anh lạc đeo nơi tay chân rồi hỏi họ có đẹp không, họ liền trêu chọc: "Thánh giả trên đầu cạo nhẵn tóc, dưới nách lông dài thì có chỗ nào để nghiêm sức cho đẹp, há chẳng phải các thầy bị dục nhiễm trói buộc hay sao?", Lục chúng im lặng, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do Bí-sô đeo anh lạc nên có lỗi này, từ nay không được đeo anh lạc nơi tay chân, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ giống như trước, lúc đó có giặc đến trộm vật trong nhà kho của Tăng và các vật của cá nhân, do không ghi dấu nên các Bí-sô không biết mất vật nào, của ai. Phật bảo nên cất chứa con dấu, Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền dùng vàng bạc, lưu ly, thủy tinh, ngọc thạch để làm con dấu rồi đeo vào ngón tay, khoe với thế tục, thế tục hỏi: "trên ngón tay là vật gì?", đáp: "đây là chỉ ấn, Phật cho cất chứa", thế tục liền chê cười nói rằng: "Sa môn Thích tử còn làm việc kiêu mạn, dùng vật báu làm con dấu rồi đeo vào ngón tay gọi là chỉ ấn; không phải là chân thật Sa môn, cũng không phải là Bà-la-môn". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "từ nay Bí-sô không được dùng vật báu làm chỉ ấn, nên dùng năm loại: đá du, đồng đỏ, đồng trắng, ngà và sừng để làm con dấu". Sau đó Lục chúng Bí-sô lại khắc hình tượng nam nữ ôm nhau trên con dấu của mình, thế tục thấy rồi liền chê trách: "các vị là Sa môn mà còn có tâm ô nhiễm hay sao?", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "có hai loại con dấu : một cho đại chúng và một cho cá nhân. Nếu là con dấu của đại chúng thì nên khắc hình tượng chuyển pháp luân, hai bên có nai quỳ chầu hầu, bên dưới khắc tên họ thí chủ và nguồn gốc xây cất chùa. Nếu là con dấu cá nhân thì nên khắc hình tượng bộ xương hay đầu lâu để nhìn thấy sanh tâm nhàm lìa".

2. Nhiếp tụng thứ hai trong Biệt môn:

Cắt tóc, móng, đánh bóng,
Mùa xuân ăn trái nhỏ,
Khát dùng năm loại thuốc,
Nói nhân duyên Hỏa sanh.

Duyên xứ giống như trước, lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc xây tinh xá ở rừng Thệ đa cúng cho Phật và Tăng, sau đó bảo người thợ cạo đến cạo râu tóc cho Tăng. Người này vâng lời đi đến trong tinh xá thì gặp Lục chúng Bí-sô đang đứng trước cổng chùa, Ô ba-nan-đà chào hỏi:

"thiện lai Hiền thủ, như ngày mồng một đầu tháng khó gặp được", thợ cạo nói: "trưởng giả sai tôi đến cạo tóc cho Tăng", Ô ba-nan-đà hỏi có biết cắt móng tay không, đáp: "đây là nghề của tôi", Ô ba-nan-đà liền xòe bàn tay ra bảo cắt, thợ hỏi muốn cắt như thế nào, liền bảo cắt như hình hạt lúa, cho đến như hình đầu người, hình dao cạo, hình lưỡi búa, hình bán nguyệt…, cuối cùng quở trách người thợ rồi bảo cắt bằng hết, như thế mãi đến chiều tối, người thợ mới trở về. Trưởng giả hỏi: "hôm nay cạo râu tóc cho bao nhiêu vị?", người thợ liền đem việc trên kể lại rồi nói: "tôi không có rảnh để đi cạo râu tóc cho đại chúng", trưởng giả nghe rồi liền chê trách:

"tuy đã xuất gia trong thiện pháp luật mà tâm không tịch tĩnh". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô cắt móng tay nên có lỗi này, từ nay các Bí-sô không được cắt móng tay, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các Bí-sô để móng tay dài, thế tục thấy liền hỏi sao không cắt, đáp là Phật không cho, họ liền nói: "để móng tay chân dài như vậy là sạch hay sao". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "trước đây là sáng chế, bây giờ là tùy khai: cắt móng tay có hai cách: một là cắt như hình dao cạo, hai là như hình lưỡi búa".

Duyên xứ giống như trước… cho đến câu Ô ba-nan-đà hỏi thợ có biết cách đánh bóng móng tay không, đáp: "đây là nghề của tôi", Ô ba-nan-đà liền xòe tay bảo đánh bóng móng tay bằng màu vàng, cho đến màu đỏ, màu trắng…, cuối cùng lại bảo chùi sạch hết, như thế mãi đến chiều tôi người thợ mới trở về… giống như trên cho đến câu Phật nói: "do Bí-sô đánh bóng móng tay nên có lỗi này, từ nay không được đánh bóng móng tay, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, có Bí-sô nhuộm y hay xông bát nên móng tay bị đóng cáu bẩn và bị nhuộm màu. Khi đi khất thực, thế tục thấy liền hỏi vì sao tẩy đánh cho sạch, đáp là Phật không cho, họ nói: "để đóng cáu bẩn như thế là sạch hay sao", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu bị đóng cáu bẩn thì nên tẩy đánh cho sạch, không nên vì đẹp mà đánh bóng móng tay".

Phật tại thành Vương xá, lúc đó vua Ảnh thắng suy nghĩ: "khi đến mùa Xuân, mùa Thu có lúa mới và trái đầu mùa, ta nên bảo đem dâng cúng Phật và Tăng rồi mới dùng sau". Sau đó có đại thần dâng vua trái Am một la mới chín, vua liền bảo đem dâng cúng Phật và Tăng, đại thần cười mỉm, vua hỏi nguyên do, đại thần đáp là đã dâng cho Phật và Tăng trước rồi, vua nói: "ta muốn dâng cúng khu vườn có ngàn cây ăn trái cho Tăng", đại thần nói: "đây là việc làm tốt, thần rất tùy hỉ", vua liền đem khu vườn có ngàn cây trái Am một la này cúng cho tứ phương Tăng và làm lễ khánh tán phước điền. Rừng cây ăn trái này trước nay đều ra rất nhiều trái, cho dù dân chúng trong cả nước tụ lại cũng đủ trái để ăn, nhưng từ khi vua dâng cúng cho Tứ phương tăng, dù trái còn nhỏ các Bí-sô cũng hái ăn hết sạch. Sau đó, có vua nước khác cần loại trái cây này nên sai sứ đến gặp vua Ảnh thắng xin, vua nói: "ta đã cúng rừng cây trái này cho Tăng rồi, sứ giả hãy đến trong tăng xin". Sứ giả đến trong Trúc viên thì gặp Lục chúng Bí-sô đang đứng trước cổng, sứ đến đảnh lễ và bạch rằng: "Thánh giả, con là sứ giả của vua nước --- , nay đến xin Tăng cho hái ít trái Am một la mang về nước", Ô ba-nan-đà nói: "ông cứ vào trong rừng cây tùy ý hái", sứ giả vào trong vườn nhìn thấy không có cây nào có trái liền trở ra nói là rừng cây không có trái. Ô

ba-nan-đà cùng sứ giả vào trong vườn rồi bảo sứ leo lên cây cao tìm hái, như thế cho đến bảo leo lên cây phía Đông, Tây, Nam và Bắc để tìm hái. Tìm không thấy, sứ giả nói: "hay là năm nay rừng cây này không ra trái", Ô ba-nan-đà nói: "năm nay cũng kết trái nhiều như năm trước", lại hỏi: "có phải năm nay bị gió mưa làm cho trái rụng hết phải không?", đáp là không phải, lại hỏi vì sao không thấy có trái nào, đáp: "vì chúng tôi đã hái ăn hết khi chúng còn nhỏ trái". Sứ giả đến chỗ vua tâu lại việc này, vua nói: "lành thay, tâm nguyện của ta là muốn cho Thánh chúng ăn", sứ giả buồn bã trở về nước. Sau đó nước Ma-kiệt-đà có đại hội, dân chúng hỏi các Bí-sô vì sao rừng cây Am một la năm nay không ra trái, liền đáp: "không phải năm nay không ra trái, mà vì chúng tôi đã hái ăn hết khi trái còn nhỏ", họ nghe rồi liền chê trách là không tốt, các Bí-sô nói: "vua cúng rừng cây trái này cho chúng tăng, chúng tôi ăn hết thì có lỗi gì", mọi người nghe rồi đều chê trách là không biết tri túc. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do các Bí-sô ăn trái đó nên có lỗi này, từ nay không được ăn trái ấy, nếu ăn thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có trưởng giả tín tâm đem trái Am một la tuy nhỏ nhưng thơm ngon cúng cho Tăng, Bí-sô không thọ nên trưởng giả nói: "khi Phật chưa ra đời, tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ trái cây của tôi cúng, há không phải khiến tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "khi trái có hạt thì ăn không phạm". Sau đó lại có trưởng giả đem trái Am một la chín cúng cho Tăng… giống như trên cho đến câu Phật nói: "khi trái có hạt cho đến khi chín đều được ăn, không phạm".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc xin điều trị, thầy thuốc nói: "nên dùng Tô cho thân nhuận trường",

sau khi dùng bơ lại sinh bịnh khát, thầy thuốc hỏi có bớt không, đáp là bịnh khát, thầy thuốc bảo cầm lấy Dư cam tử, kế bảo ngậm vào miệng, kế bảo nhai, Bí-sô nói là Phật chưa cho, thầy thuốc nói: "Phật từ bi sẽ khai cho", bạch Phật, Phật nói nên nhai. Sau khi nhai liền nhả ra không nuốt nên bịnh không lành, thầy thuốc hỏi vì sao không nuốt, đáp là không được ăn phi thời, liền bạch Phật, Phật nói: "từ nay khai cho năm loại trái dù bịnh hay không bịnh, thời hay phi thời đều được thọ dùng không phạm, đó là Dư cam tử (tiếng Phạm là Am-ma-lạc-ca, khác với trái Am-một-la), Ha-lê-lặc, Tỳ-ê-lặc, Tất-bát-lê và Hồ tiêu".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 2

1. Nhiếp tụng thứ hai trong biệt môn thứ nhất (tiếp theo):

Phật tại Trúc viên thành Vương xá, lúc đó trong thành có một trưởng giả tên là Thiện hiền rất tín kính ngoại đạo lõa hình, nhà giàu có, thọ dụng đầy đủ; ông cưới vợ chưa bao lâu thì vợ có thai. Sáng hôm đó, Phật đắp y mang bát vào thành theo thứ lớp khất thực đến nhà của trưởng giả, trưởng giả liền dẫn vợ ra thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, vợ con có thai sẽ sanh trai hay gái?", Phật nói: "chắc chắn sẽ sanh nam, sẽ làm rạng rỡ gia tộc, có đầy đủ diệu tướng của chư thiên, sẽ ở trong giáo pháp của ta xuất gia, sẽ được Lậu tận chứng quả A-la-hán", trưởng giả nghe rồi liền đem thức ăn tinh khiết thơm ngon sớt đầy bát dâng cúng Phật, Phật chú nguyện cho trưởng giả rồi đi. Cách nhà đó không xa, có ngoại đạo lõa hình nhìn thấy Thế tôn từ nhà trưởng giả đi ra liền suy nghĩ: "ta chỉ có nhà này thường cúng dường thức ăn, nay cũng bị Sa môn Kiều-đáp-ma đến khuyến dụ, ta nên đến hỏi nhân duyên gì", nghĩ rồi liền đến hỏi trưởng giả: "có phải Sa môn Kiều-đáp-ma đã đến đây phải không?", đáp là phải rồi đem việc trên kể lại cho ngoại đạo nghe. Ngoại đạo này tinh thông tướng số liền đoán biết đúng như lời Phật đã nói, suy nghĩ: "nếu ta khen ngợi là thật thì gia chủ sẽ tín kính Sa môn, ta nên che giấu sự thật và nói khác đi", nghĩ rồi liền trở ngược bàn tay vỗ vào mặt, trưởng giả hỏi nguyên do, đáp: "lời của Sa môn nửa thật nửa hư", trưởng giả hỏi thật hư như thế nào, đáp: "sẽ sanh con trai là thật, nhưng làm rạng rỡ gia tộc là hư, vì rạng rỡ là tên khác của lửa, đứa con này vô phước vừa sinh ra liền đốt cháy gia tộc. Nói đứa con nay có đủ diệu tướng của chư thiên cũng là hư, vì có ai sanh trong loài người lại có đủ diệu tướng của chư thiên chứ. Nói ở trong giáo pháp của Phật xuất gia là thật, vì sau khi sanh ra nghèo khổ, thiếu ăn thiếu mặc tất nhiên phải xuất gia. Nói được Lậu tận chứng quả A-la-hán là hư, vì Sa môn Kiều-đáp-ma cũng còn chưa được Lậu tận, chứng quả A-la-hán huống chi là các đệ tử". Trưởng giả nghe rồi trong lòng buồn khổ hỏi ngoại đạo: "con phải làm gì đây?", ngoại đạo nói: "ta là người xuất gia thọ trì cấm giới, không tùy tiện nói dối, hư thật như

thế nào sau này ông sẽ rõ", nói rồi liền bỏ đi. Lúc đó trưởng giả suy nghĩ muốn giết giết thai nhi, nghĩ rồi liền đưa thuốc phá thai cho vợ uống, vì thai nhi trong đời nay là thọ thân sau cùng nên tuy bị thuốc độc vẫn biến thành thuốc lành. Trưởng giả liền đạp vào bụng vợ phía hông phải, thai nhi chuyển qua nằm bên hông trái; đạp phía hông trái, thai nhi lại chuyển qua nằm phía hông phải vì đời này thọ thân sau cùng, chưa được Lậu tận thì không chết giữa chừng. Lúc đó người vợ bị chồng đạp bụng đau đớn la lớn lên, người chung quanh nghe tiếng la liền chạy đến hỏi, trưởng giả liền nói là đau bụng sắp sanh, mọi người nghe vậy liền bỏ về. Trưởng giả suy nghĩ: "ta không giết chết được thai nhi thì nên phương tiện dẫn người mẹ đến trong rừng vắng không người giết chết", nghĩ rồi liền lập phương tiện dẫn vợ vào trong rừng giết chết, sau đó lén đứa trở về nhà rồi nói với trong thân tộc và xóm giềng là vợ gặp nạn nên qua đời. Thân thuộc buồn rầu thương tiếc dùng lụa ngũ sắc bọc thi thể đem đến trong rừng thây chết để hỏa thiêu. Ngoại đạo nghe rồi vui mừng đi vào trong thành ấp rêu rao rằng: "mọi người hãy nghe đây: Sa môn Kiều-đáp-ma thọ ký vợ trưởng giả Thiện hiền sẽ sanh nam, sẽ làm rạng rỡ gia tộc, có đầy đủ diệu tướng của chư thiên, sẽ ở trong giáo pháp của ta xuất gia, sẽ được Lậu tận chứng quả A-la-hán. Nay vợ trưởng giả đã chết, thi thể đang ở trong Hàn lâm như đại thọ không có rễ, cành lá và hoa quả". Thường pháp của chư Phật là khởi tâm đại từ bi cứu giúp chúng sanh, trụ trong chánh quán, không nói hai lời, dựa trên định huệ hiển phát ba minh, thành tựu ba học, điều phục hoàn toàn ba nghiệp, vượt qua bốn Bộc lưu, an trụ nơi bốn Thần túc, thường tu bốn nhiếp hạnh, xả trừ năm triền cái, đầy đủ năm chi, năm lực, viên mãn sáu độ, bố thí khắp tất cả bằng bảy Thánh tài, nở hoa bảy giác ngộ, chỉ bày tám chi Thánh đạo, xa lìa tám nạn, đoạn dứt hẳn chín kết, phương tiện thiện xảo tùy ý nhập Cửu định, đủ mười Lực, danh vang khắp mười phương, tự tại vô úy, hàng phục ma oán, cất tiếng sấm lớn, rống lên tiếng rống của sư tử, ngày đêm ba thời thường dùng Phật nhãn quán sát chúng sanh: trí huệ tùy chuyển của ai tăng, của ai giảm; ai gặp khổ nạn, ai bức bách, ai bị bức bách; ai xuống nẻo ác, ai lên đường lành, ai một bề thú hướng, ai còn mang gánh nặng. Nên dùng phương tiện gì để cứu độ chúng sanh ra khỏi đường ác, vào

cõi trời người và được giải thoát; người chưa tu thiện căn khiến tu tập thiện căn, người đã tu thiện căn chưa thành thục khiến cho được thành thục, đã thành thục rồi khiến được giải thoát. Như bài kệ tụng:

"Cho dù hải triều lớn,
Cũng có khi trễ hạn,
Đối với người đáng độ,

Phật liền độ, không bỏ.
Đối với các hữu tình,
Phật từ bi thương tưởng,
Nghĩ cứu họ thoát khổ,
Như bò mẹ theo con".

Lúc đó Phật mỉm cười, từ trong miệng phóng ra hào quang năm sắc chiếu xuống hay chiếu lên, nếu chiếu xuống thì chiếu đến ngục Vô gián và các ngục khác khiến cho chúng sanh trong đây đang bị đốt nóng liền được mát mẻ, đang bị lạnh cóng liền được ấm áp. Họ cảm thấy an lạc liền suy nghĩ: "ta và mọi người từ cảnh khổ địa ngục chết đi, được sanh vào cõi khác chăng?". Thế Tôn sau khi làm cho các hữu tình kia sanh tín tâm liền hiện nhiều tướng khác nữa, thấy những tướng này họ liền suy nghĩ: "chúng ta không phải chết ở đây sanh về cõi kia, mà là do sức oai thần của Đại Thánh đã khiến thân tâm chúng ta hiện được an lạc". Đã sanh tín kính thì có thể diệt các khổ, ở cõi nhơn thiên được thọ thân thắng diệu, thành chơn pháp khí thấy được lý chơn đế. Nếu hào quang chiếu lên thì đến cõi trời Sắc cứu cánh, trong hào quang diễn nói các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã… và nói kệ:

"Người phải nghe Phật dạy
Dốc cầu đạo xuất ly
Phá được quân sanh tử
Như voi phá nhà tranh.
Ở trong pháp luật Phật
Dũng tiến thường tu học
Xa lìa đường sanh tử
Bờ mé khổ không còn".

Hào quang này sau khi chiếu khắp ba ngàn Đại thiên thế giới liền trở về chỗ Phật, nếu Thế Tôn nói việc quá khứ thì hào quang trở vào phía sau lưng, nếu nói việc vị lai thì hào quang trở vào phía trước ngực, nếu nói việc địa ngục thì hào quang trở vào phía dưới chân, nếu nói việc bàng sanh thì hào quang trở vào phía gót chân, nếu nói việc ngạ quỷ thì hào quang trở vào phía ngón chân, nếu nói việc loài người thì hào quang trở vào đầu gối, nếu việc của Lực luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay trái, nếu nói việc của Chuyển luân vương thì hào quang trở vào lòng bàn tay phải, nếu nói việc cõi trời thì hào quang trở vào rốn, nếu nói việc của Thanh văn thì hào quang trở vào miệng, nếu nói việc của Độc giác thì hào quang trở vào phía giữa hai chân mày, nếu nói việc của đạo quả Chánh đẳng chánh giác thì hào quang trở vào phía trên đảnh đầu. Lúc đó hào quang này xoay

quanh Phật ba vòng rồi trở vào miệng Phật, cụ thọ A-nan-đà bạch Phật: "Thế Tôn Như Lai Ứng chánh đẳng giác vui vẻ mỉm cười chẳng phải là không có nhơn duyên", liền nói kệ thỉnh Phật:

"Miệng Phật phóng hào quang vi diệu,
Chiếu khắp Đại thiên nhiều hình tướng,
Chiếu khắp mười phương các quốc độ,
Như mặt trời chiếu khắp hư không.
Phật là nhân tốt cho chúng sanh,
Có thể trừ kiêu mạn, lo buồn.
Có nhân duyên nên từ kim khẩu,
Mỉm cười ắt nói việc hy hữu.
Xin đấng Mâu Ni nói tường tận,
Xin hãy nói cho người muốn nghe,
Như sư tử vương rống tiếng diệu,
Nguyện Phật quyết nghi cho chúng con,
Phật như Diệu sơn vương trong biển,
Nếu không nhân duyên, không dao động,
Tự tại từ bi, Phật mỉm cười,
Nói nhân duyên cho người muốn nghe".

Thế Tôn bảo A-nan-đà: "Đúng vậy A-nan-đà, không phải không có nhân duyên mà Như Lai Ứng chánh đẳng giác miệng hiện mỉm cười. Thầy hãy thông báo cho các Bí-sô: Như lai muốn đến trong rừng thây chết, ai muốn đi theo thì hãy đắp y mang bát", tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đi thông báo, các Bí-sô đều đắp y mang bát đi đến chỗ Phật. Lúc đó do Phật đã tự điều phục nên điều phục vây quanh, do đã tự tịch tĩnh nên tịch tĩnh vây quanh, do đã tự giải thoát nên giải thoát vây quanh, do đã tự an ổn nên an ổn vây quanh, do đã tự thiện thuận nên thiện thuận vây quanh, do tự đã là A-la-hán nên A-la-hán vây quanh, do đã tự lìa dục nên lìa dục vây quanh, do đã tự đoan nghiêm nên đoan nghiêm vây quanh. Giống như Bò chúa được đàn bò vây quanh, như Voi chúa được đàn voi vây quanh, như Sư tử chúa được đàn sư tử vây quanh, như Ngỗng chúa được đàn ngỗng vây quanh, như chim chúa Diệu súy được đàn chim vây quanh, như Bà-la-môn được học trò vây quanh, như Lương y được các bịnh nhân vây quanh, như Đại tướng được các binh sĩ vây quanh, như bậc đạo sư được các khách lữ hành vây quanh, như vị thương chủ được các thương nhơn vây quanh, như đại trưởng giả được các trưởng giả vây quanh, như vị quốc vương được quần thần vây quanh, như Chuyển luân Thánh vương được các thiên tử vây quanh, như vầng trăng được các ngôi sao vây quanh, như mặt trời được

ngàn ánh sáng vây quanh, như Trì quốc thiên vương được Càn-thát-bà vây quanh, như Tăng trương thiên vương được Cưu-bàn-trà vây quanh, như Xú mục thiên vương được các rồng vây quanh, như Đa văn thiên vương được các Dược xoa vây quanh, như Tịnh diệu thiên vương được A-tu-la vây quanh, như vua trời Đế thích được chư thiên cõi trời Tam thập tam vây quanh, như vua trời Phạm thiên được chư thiên cõi trời Phạm vây quanh. Giống như biển cả sâu lắng yên tĩnh, giống như đám mây lớn, Thế tôn cũng vậy do đã điều phục các căn nên oai nghi tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, ánh sáng bao quanh trên đảnh rộng một tầm sáng rỡ như trăm ngàn mặt trời, có đủ mười Lực, bốn Vô úy, tâm đại bi và ba niệm kiên cố, vô lượng công đức.

Các tôn giả như A nhã Kiều-trần-như, Mã thắng, Đại danh, Vô diệt, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-nan-đà… cùng vô số trời người vây quanh Phật cùng đi đến trong rừng thây chết. Đi theo Phật có mười tám lợi ích thù thắng là không sợ vua, giặc, nước, lửa, nước địch; sư tử, hổ lang…; không sợ cửa ải đóng kín, không sợ đóng thuế bến đò, không sợ thiếu cứu giúp; không sợ nhơn, phi nhơn; thường được thấy chư thiên, nghe tiếng chư thiên, được thấy hào quang lớn, được nghe Phật thọ ký, được nghe diệu pháp, được thọ ẩm thực và thân không bịnh khổ.

Khi Phật và đại chúng đến nơi, bốn phía của rừng thây chết đều có gió mát thổi đến; lúc đó trong thành Vương xá có hai đồng tử cùng đi chung, một thuộc dòng Sát-đế-lỵ có tín tâm, một thuộc dòng Bà-la-môn không có tín tâm. Đồng tử dòng Bà-la-môn nói với đồng tử dòng Sát-đế-lỵ: "tôi nghe nói Thế tôn thọ ký vợ của trưởng giả Thiện hiền sẽ sanh nam, sẽ làm rạng rỡ gia tộc, có đầy đủ diệu tướng của chư thiên, sẽ ở trong giáo pháp của ta xuất gia, sẽ được Lậu tận chứng quả A-la-hán. Nạy vợ trưởng giả đã chết, thi thể đang ở trong rừng thây chết, như vậy há chẳng phải lời Thế tôn nói là hư vọng hay sao?", đồng tử dòng Sát-đế-lỵ nói kệ:

"Cho dù trăng sao đều rơi xuống,
Đất núi, rừng cây bay lên không,
Sóng lớn, nước biển đều khô cạn,
Lời Thế tôn nói không hư vọng".

Đồng tử dòng Bà-la-môn nói: "nếu vậy chúng ta cùng đi đến trong rừng thây chết xem thử hữu tình thật thế nào", nói rồi cả hai cùng đi. Đến nơi nhìn thấy Thế tôn, đồng tử dòng Sát-đế-lỵ liền nói kệ:

"Mâu ni uy nghi không giỡn cợt,
Đại chúng trời người đều vân tập,

Phật sẽ cất tiếng rống sư tử,
Hàng phục lời ngoại đạo không nghi,
Đại sư khi đến trong Thi lâm,
Gió mát thổi khắp nơi hoang dã,
Vô lượng chúng sanh đều chiêm ngưỡng,
Mừng xem Điều ngự vận thần thông".

Lúc đó vua Ảnh thắng nghe biết việc này liền suy nghĩ: "không thể vô cớ Phật đến trong Thi lâm, chắc vì vợ của Thiện hiền và nhân đó điều phục chúng sanh hữu duyên. Ta cũng nên đến đó xem thử", nghĩ rồi liền ra lịnh chỉnh đốn quân nghi cùng Thái tử, cung phi… và các tùy tùng đồng ra khỏi thành đi đến Thi lâm. Đồng tử dòng Sát-đế-lỵ thấy vua Ảnh thắng liền nói kệ:

"Nhìn thấy quốc vương ra khỏi thành,
Với các tùy tùng theo hộ vệ,
Tôi đang suy nghĩ đại chúng này,
Chắc chắn được lợi ích thù thắng".

Lúc đó đại chúng thấy Thế tôn đi tới liền mở đường, Phật mỉm cười đi vào trong đại chúng, ngoại đạo lõa hình thấy rồi liền suy nghĩ: "Kiều-đáp-ma mỉm cười đi vào trong đại chúng, há đứa bé trong bụng người mẹ không chết", nghĩ rồi liền nói với trưởng giả: "chắc chúng sanh bạc phước đó chưa chết", trưởng giả nói: "vậy con phải làm thế nào?", ngoại đạo nói: "ta là người xuất gia thọ trì cấm giới, chỉ biết niệm thiện, việc sắp tới ông tự lo liệu". Lúc đó trưởng giả đưa thi thể vợ lên giàn hỏa châm lửa hỏa thiêu, ngọn lửa đốt cháy toàn thân nhưng chung quanh bụng của người mẹ lại không thương tổn, bỗng nứt ra và mọc lên một hoa sen xanh, trong hoa sen có một đứa bé dung mạo đoan nghiêm, ngồi an nhiên rất đáng yêu. Đại chúng nhìn thấy việc này rồi đều khen là hi hữu, ngoại đạo mất hết nhuệ khí và kiêu mạn; Phật bảo trưởng giả Thiện hiền vào trong lửa bồng đứa bé ra, trưởng giả nhìn ngoại đạo hỏi ý, ngoại đạo nói: "nếu ông vào trong lửa đó chắc chắn sẽ chết", trưởng giả nghe rồi liền lo sợ không dám vào lửa bồng đứa bé. Phật bảo Thị-phược-ca vào trong lửa bồng đứa bé ra, Thị-phược-ca suy nghĩ: "Phật không sai ta làm việc phi thời phi xứ, ta nên vào trong lửa bồng đứa bé ra", nghĩ rồi liền vào trong lửa bồng đứa bé ra với tâm vô úy. Chư thiên trên hư không nói kệ:

"Phật bảo vị ấy vào trong lửa,
Với tâm vô úy bồng bé ra,
Nhờ thần lực tự tại của Phật,
Làm cho lửa nóng thành ao mát".

Phật hỏi Thị-phược-ca vào trong lửa có thương tổn gì không, Thị-phược-ca đáp: "Thế tôn, con sinh ra trong cung, lớn lên trong cung, dùng hương Ngưu đầu chiên đàn thoa thân nhưng chưa từng có cảm giác mát mẻ như hôm nay". Phật lại bảo trưởng giả Thiện bồng đứa bé về nhà, trưởng giả bị ác kiến hoại tâm nên vẫn không khởi lòng tin, nhìn sang ngoại đạo hỏi ý, ngoại đạo nói: "đứa bé ấy ít phước, bẩm tánh hung bạo vì lửa có thể ăn tất cả nhưng lại không đốt nó được; đủ biết rõ nó là chúng sanh tội khổ, ngang ngạnh đáng ghét, nếu ông bồng nó về nhà tức là rước lấy tai ách, ông chắc chắn sẽ bị hại chết". Người thế gian thương yêu không gì hơn thân mạng của mình, trưởng giả nghe nói như vậy nên không đón nhận đứa bé. Phật lại bảo vua Ảnh thắng: "Đại vương nên nhận lấy đứa bé này", vua nghe rồi liền đưa tay đón nhận đứa bé, chăm chú nhìn một hồi rồi hỏi Phật nên đặt tên nó là gì, Phật nói: "đứa bé này sanh trong lửa nên đặt tên cho nó là Hỏa sanh". Lúc đó Phật quán biết tâm mọi người liền ứng cơ thuyết pháp khiến cho họ sau khi nghe pháp, có người được Noãn pháp, hoặc được Đảnh pháp, hoặc được Nhẫn pháp; có người được vơi bớt ba độc, lìa tham dục, có người được Thế đệ nhất pháp, có người đắc quả Tu đà hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, có người gieo trồng nhân duyên với Thanh văn thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Bích chi Phật thừa, có người gieo trồng nhân duyên với Phật thừa; hoặc quy y Tam bảo thọ trì năm giới, khởi lòng tin sâu xa. Vua mang Hỏa sanh về trong cung giao cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng…

Lúc đó cậu của Hỏa sanh (anh của mẹ Hỏa sanh) trước đó đã đi đến phương khác giao dịch mua bán, khi nghi tin em mình có thai, lại nghe Thế tôn thọ ký sẽ sanh con trai … nên ông rất vui mừng. Sau khi bán hết hàng hóa, thu mua các mặt hàng khác xong, ông liền trở về thành Vương xá thì lại nghe tin em gái đã chết; ông suy nghĩ: "Thế tôn đã thọ ký cho em gái ta sanh trai… há là hư vọng hay sao", nghĩ rồi liền hỏi thăm hàng xóm, họ nói: "lời Đại sư nói không hư vọng, chỉ vì người chồng tin theo ngoại đạo nên giết cô ấy chết oan uổng. Đứa con sinh ra có đại oai thần, ở trong lửa cháy mà không thương tổn gì, nay được vua nuôi dưỡng trong cung". Người cậu nghe nói rồi liền đến gặp trưởng giả Thiện hiền, sau khi chào hỏi xong liền nói: "người đã làm việc phi lý", trưởng giả nói: "tôi đã làm gì?", người cậu nói: "người nghe lời ác kiến của ngoại đạo nên giết chết em ta oan uổng. Đứa bé sinh ra trong lửa cháy có đại oai thần nên không thương tổn gì, nay được vua nuôi dưỡng trong cung. Việc đã như vậy không cần nói nữa, nay ông phải mang đứa bé về đây thì ta sẽ dung thứ ; nếu không mang về, ta sẽ tập họp thân tộc và xóm giềng đến đuổi ngươi với số thẻ mà

người không thể đếm hết, sau đó rao truyền tội ác của ngươi trên khắp các nẻo đường là: "em gái ta vô tội bị Thiện hiền giết chết oan uổng, kẻ giết phụ nữ thì không được cùng nói chuyện và bị pháp luật xử hành hình". Trưởng giả nghe rồi trong lòng đau khổ, suy nghĩ: "theo như lời ông ta vừa nói, chác chắn sẽ không tha cho ta", nghĩ rồi liền đến trong cung gặp vua Ảnh thắng kể lại việc trên và xin vua ban ân trao Hỏa sanh lại. Vua nói: "ta không nhận đồng tử từ ngươi, chính Phật đã trực tiếp giao đứa bé cho ta, nếu ngươi muốn nhận lại thì hãy đến bạch Phật", trưởng giả liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật rồi xin Phật từ bi cho nhận Hỏa sanh lại, Phật suy nghĩ: "nếu trưởng giả này không nhận lại được đứa bé thì sẽ hộc máu mà chết", nghĩ rồi liền bảo A-nan: "thầy hãy cùng đi với trưởng giả này đến chỗ vua, chuyển lời ta chúc sức khỏe của vua rồi nói rằng: "xin vua cho trưởng giả nhận lại Hỏa sanh, vì nếu trưởng giả này không nhận lại được đứa bé thì sẽ hộc máu mà chết". Tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy cùng trưởng giả đi đến chỗ vua nói y như lời Phật đã dạy, vua nghe rồi liền vâng theo lời Phật dạy, tôn giả A-nan chúc sức khỏe vua rồi ra về. Lúc đó vua bảo trưởng giả: "ta vâng lịnh Phật nuôi dưỡng đứa bé này và rất thương yêu nó. Khanh phải lập ước là mỗi ngày ba thời phải mang nó đến gặp ta, thì ta mới giao nó lại cho khanh", trưởng giả đáp: "thần không dám trái lịnh vua", vua liền cho mặc thượng y, trang sức các chuỗi anh lạc rồi đặt bé lên lưng voi lớn, cho hộ tống về nhà. Thường tình thế gian, khi cha còn sống thì danh tiếng của con không rạng rỡ; sau khi cha mất, Hỏa sanh tự quản lý gia nghiệp, tín kính Tam bảo. Ngay nơi chỗ cha hại mẹ chết ngày trước liền cho xây một chùa Tăng với mọi vật dụng thọ dụng đầy đủ để cúng dương cho Tứ phương tăng, gọi là Nhu phúc lâm; vì vậy trong kinh nói Phật tại Nhu phúc lâm thành Vương xá.

Trưởng giả Thiện hiền khi còn sống đã từng sai các thương nhân đến phương khác buôn bán ; sau khi trưởng giả qua đời, họ nghe biết Hỏa sanh thay cha quản lý gia nghiệp, tín kính Tam bảo nên mang một cái bát bằng Ngưu đầu chiên đàn đựng đầy châu báu đến biếu cho Hỏa sanh. Hỏa sanh liền để bát này trên ngọn phướn cao rồi thông báo khắp trong thành rằng: "người nào không dùng thang, ghế mà lấy được bát này ; hoặc có Sa môn, Bà-la-môn nào có đại oai lực, thần thông tự tại mà lấy được bát này thì tôi sẽ tăng bát cho người ấy". Lúc đó các ngoại đạo vào sáng sớm đi tắm thấy ngọn phướn cao này liền hỏi trưởng giả Hỏa sanh: "đó là vật gì?", Hỏa sanh đáp như trên, ngoại đạo nói: "trưởng giả trước nay tín kính Thích ca tử, không biết họ có lấy được bát hay không?", nói rồi bỏ đi. Sau đó có nhiều Bí-sô kỳ túc vào thành khất thực thấy ngọn phướn cao này cũng hỏi như

trên, Bí-sô nghe rồi liền nói với nhau: "há vì cái bát mà lại khoe tài của mình hay sao, Phật đã dạy nên che giấu điều thiện, phát lồ tội lỗi mới là hạnh của người xuất gia", nói rồi bỏ đi. Lúc đó tôn giả Thập lực Ca-diếp đi ngang qua đó thấy rồi cũng hỏi như trên, nghe rồi liền suy nghĩ: "ta từ vô thỉ sanh tử đến nay, những phiền não oan gia mà ta đã nuôi dưỡng nay đều đã vất bỏ hết. Ta nay nên đón nhận nhân duyên trưởng giả thỉnh, khiến ông ta được mãn nguyện", nghĩ rồi liền duỗi tay ra như cái vòi voi lớn đưa lên ngọn phướn lấy cái bát xuống rồi mang về trú xứ. Các Bí-sô thấy rồi liền hỏi từ đâu có, tôn giả kể lại việc trên, các Bí-sô nói: "tôn giả há vì cái bát này mà hiện thần thông hay sao?", đáp: "đúng hay sai thì tôi cũng đã làm rồi", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không được hiện thần thông trước người thế tục, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp. Bát có bốn loại bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê ; lại có bốn loại bằng đá du, đồng đỏ, đồng trắng và gỗ. Bốn loại bát trước nếu trước không có thì không được thọ, nếu trước đã có rồi thì nên vất bỏ; bốn loại bát sau nếu trước không có thì không được thọ, nếu trước đã có thì nên dùng làm tô đựng thuốc tù thời thọ dụng. Bát như pháp chỉ có hai loại bằng sắt và bằng gốm sứ".

Thời gian sau, nơi Hỏa sanh xuất hiện đầy đủ diệu tướng của chư thiên. Lúc đó ở giữa thành Chiêm ba và thành Vương xá có một trạm thu thuế, vị thuế quan qua đới thác sanh trong loài dược xoa, trong đêm về báo mộng cho con rằng: "cha qua đời thác sanh trong loài dược xoa, ngay nơi chỗ thu thuế con hãy lập một cái miếu thờ thần Dược xoa, ở trước cửa treo một cái linh. Nếu ai mang vật phải đóng thuế đi qua đây mà không nộp thuế thì linh này sẽ rung lên, lúc đó con sẽ gọi họ lại, thu thuế rồi mới cho đi", người con tỉnh dậy kể lại giấc mông cho thân tộc biết, vài ngày sau đó cùng lập cái miếu thờ thần Dược xoa ngay nơi chỗ trọng yếu vào treo cái linh ở trước cửa. Trong thành Chiêm ba có vợ của một Bà-la-môn, lúc đó bà suy nghĩ: "chồng ta đi khắp nơi kinh doanh mua bán, đem tài vật về cho ta thọ dụng, ta ăn rồi ngồi không là điều không nên", nghĩ rồi liền vào trong chợ mua chỉ sợi Kiếp bối mang về se thành sợi mịn rồi bảo thợ dệt dệt thành hai tấm vải thật đẹp trị giá ngàn tiền vàng. Sau đó bà đưa cho chồng nói rằng: "hai xấp vải này trị giá ngàn tiền vàng, chàng hãy mang ra chợ bán, nếu có người mua thì tốt, nếu không có ai mau thì nên đi đến chỗ khác bán". Người chồng mang hai xấp vải này đến trong chợ rao bán ngàn tiền vàng nhưng không có ai hỏi mua, ông liền cuộn hai xấp vải lại để vào bên trong cán dù rồi tháp tùng theo đoàn thương nhân đi đến thành Vương xá. Khi đến chỗ thuế quan, mọi người đóng thuế xong khi đi ngang qua miếu thờ thần Dược xoa thì cái linh rung lên, thuế quan nghe rồi liền nói: "cái linh

kêu chắc là có người chưa đóng thuế, hãy kiểm soát lại chớ để mất". Sau khi kiểm soát lại xong, họ liền cho đoàn thương nhân đi qua thì cái linh lại rung lần nữa, như thế đến lần thứ ba khiến các thương nhân bực dọc nói với thuế quan : "các ông muốn chèn ép chúng tôi nên tìm phương tiện giữ lại". Thuế quan chia đoàn thương nhân làm hai nhóm để kiểm tra, nhóm không có Bà-la-môn này thì khi đi qua miếu, cái linh không rung ; nhóm có Bà-la-môn này khi đi qua miếu thì cái linh lại rung lên. Thuế quan giữ lại nhóm thứ hai và chia làm hai nhóm như trên, cuối cùng chỉ còn lại một mình Bà-la-môn. Bà-la-môn này nói: "cứ xét trên người tôi nếu có vật đóng thuế thì cứ lấy", thuế quan xét không thấy liền cho đi qua thì cái linh lại rung lên. Thuế quan nói: "dù ông có mang tài vật gì, chúng tôi cũng không thu thuế nữa. Nay ông phải nói thật, đừng dối với thần linh, tôi muốn cho ông biết thần linh là Thánh", Bà-la-môn nói: "nếu ông không lấy thuế thì tôi nói thật", nói rồi liền lấy hai xấp vải từ bên trong cán dù ra, thuế quan thấy rồi hết sức kinh ngạc khen là hi hữu : "thần linh quả thật báo điềm không sai", nói rồi liền lấy một xấp vải trương ra khoác lên tượng thần. Bà-la-môn nói: "ông nói không lấy thuế, nay làm như vậy là muốn lấy vải của tôi", thuế quan nói: "đừng lo sợ, tôi chỉ muốn chứng tỏ lời thần nói không sai, tạm khoác lên báo ân thần rồi sẽ trả lại cho ông", nói rồi đưa trả lại xấp vải. Bà-la-môn lại cuộn hai xấp vài cào bên trong cán dù rồi tiếp tục đi đến thành Vương xá, vào trong chợ rao bán với giá ngàn tiền vàng cũng không có ai hỏi mua như lần trước, ông liền nói là chợ không người. Lúc đó trưởng giả Hỏa sanh từ trong cung vua đi ra, cỡi voi đi vào phố chợ để về nhà, nghe lời nói này của Bà-la-môn, lấy làm ngạc nhiên nên cho người gọi đến hỏi nguyên do. Bà-la-môn đáp: "tôi có hai xấp vải trị giá ngàn tiền vàng nhưng không có người hỏi mua", Hỏa sanh nói: "hãy mang lại đây cho ta xem thử", Hỏa sanh xem xong rồi nói: "một tấm còn mới, một tấm đã mặc rồi. Nay ta trả giá tấm đã mặc rồi hai trăm năm mươi tiền vàng, tấm chưa mặc năm trăm tiền vàng", Bà-la-môn nói: "vì sao lại nói như vậy, cả hai tấm đều chưa mặc", Hỏa sanh nói: "ta sẽ cho ngươi xem rõ thật hư, nếu tấm chưa mặc tung lên không trung thì nó sẽ trụ như cái lọng rồi rơi xuống đất từ từ ; tấm đã mặc rồi tung lên thì nó rơi ngay xuống đất", Bà-la-môn nhìn thấy rồi khen rằng: "thật hi hữu, ông là người đại trí, thần duệ siêu quần", Hỏa sanh lại nói: "tấm chưa mặc để trên gai thì mũi gai nhọn không xuyên qua được ; tấm đã mặc rồi thì ắt bị gai nhọn xuyên qua", Bà-la-môn nhìn thấy rồi khen ngợi như trên rồi nói: "tôi theo giá đã trả, ông hãy lấy vải", Hỏa sanh nói: "ông là khách đi lại nên cần có sự cúng dường, tôi không giảm giá, ông cứ nhận đủ ngàn tiền vàng", Bà-la-môn nhận tiền rồi hoan hỉ

ra đi, Hỏa sanh đem tấm đã mặc rồi đem cho gia nhân dùng, tấm chưa mặc thì dùng làm khăn tắm cho mình. Một hôm, vua Ảnh thắng cùng quần thần lên lầu gác cao, tấm khăn tắm nay phơi trên lầu gác của Hỏa sanh bị gió thổi bay đến chỗ vua, vua nói: "y này là của trời hay từ đâu bay đến đây?", đại thần nói: "thần nghe nói thuở xưa có vua tên Mạn-đà-la, trong bảy ngày trời mưa vàng và ngọc báu; nay có y rơi xuống chỗ vua, không lâu nữa sẽ tới mưa vàng", vua nói: "ta nghe Phật thọ ký Hỏa sanh có đầy đủ diệu tướng của chư thiên, thiên y này ta sẽ đem tặng cho Hỏa sanh". Sau đó Hỏa sanh đến, vua đem thiên y tặng, Hỏa sanh đưa tay đón nhận, vừa nhìn liền biết là vật của mình liền mỉm cười hỏi vua: "Đại vương đã tiếp xúc vật này chưa?", đáp là đã, Hỏa sanh nói: "nếu Đại vương đã tiếp xúc xin hãy rửa tay, vì đây không phải là thiên y mà là khăn tắm của thần", vua hỏi làm sao biết được, đáp: "thần còn một tấm giống như vậy đã đem cho gia nhân dùng, Đại vương có thể nghiệm biết", vua lại hỏi: "hiện nay diệu tướng của chư thiên đã xuất hiện nơi khanh hay chưa?", đáp là đã xuất hiện, vua nói: "nấu vậy sao khanh không mời ta đến nhà của khanh?", đáp: "nếu Đại vương nhận lời thì hôm nay thần xin thỉnh", vua nói: "vậy khanh hãy trở về lo liệu thức ăn uống", Hỏa sanh nói: "Đại vương, nếu người có diệu tướng của chư thiên xuất hiện thì tự nhiên có sẵn, không cần lo liệu gì cả. Ngay bây giờ thần xin thỉnh Đại vương đến nhà dự tiệc". Vừa đến cửa cổng nhìn thấy người tớ gái của Hỏa sanh, vua liền nhìn xuống đất, Hỏa sanh hỏi vì sao, vua nói: "ta tránh nhìn vợ khanh", Hỏa sanh nói: "đó là người hầu bên ngoài, không phải vợ của thần", vua khen là hiếm có. Vừa vào trong nhà nhìn thấy phụ nữ, vua cũng nhìn xuống đất… giống như trên cho đến câu vua khen là hiếm có. Lúc đó vua nhìn thấy nên nhà bằng lưu ly trong suốt như ao nước trong, bên trên cửa có đặt cá máy, bóng hiện xuống nền nhà lung linh, vua liền tháo giày ra. Hỏa sanh hỏi vì sao, vua đáp là sợ ướt giày, Hỏa sanh nói: "đây là nên nhà bằng lưu ly, không phải nước", vua lại hỏi vì sao có ca ở trong đó, đáp: "đó không phải là cá thật, chỉ là bóng của cá máy ảnh hiện xuống nền". Vua không tin, liền tháo chiếc nhẫn ném xuống, nhẫn chạm đất phát ra tiếng kêu rồi lăn sang một bên, Vua trầm trồ khen ngợi mãi rồi lên tòa sư tử ngồi. Lúc đó tất cả người trong nhà đều ra bái yết vua, chưa kịp đứng lên thì các người nữa đều chảy nước mắt, vua hỏi Hỏa sanh vì sao, đáp: "không phải họ khóc, vì y phục của vua được xông bằng khói hương chiên đàn trầm thủy nên khiến họ chảy nước mắt". vua Ảnh thắng ở nhà Hỏa sanh thọ hưởng diệu lạc thù thắng như của cõi trời nên thích thú, không muốn trở về cung, bỏ phế việc triều chánh. Các đại thần yêu cầu Thái tử Vị sanh oán đến nhà Hỏa sanh thỉnh vua trở về

cung, Thái tử bèn đến gặp vua tâu rằng: "Đại vương, vì sao cứ ở mãi nơi đây, không đoái tới triều chánh?", vua nói: "con là Thái tử, không lẽ không thể đảm đương việc triều chánh trong một ngày được hay sao?", Thái tử nói: "Đại vương nói chỉ có một ngày hay sao, Đại vương xuất cung đến nay đã bảy ngày rồi", vua nghe nói rồi quay lại nhìn Hỏa sanh hỏi: "thật đã bảy ngày rồi hay sao?", đáp là đúng vậy, vua hỏi: "làm sao phân biệt được ngày đêm?", đáp: "nhờ thấy hoa nở hay khép, ngọc báu sáng hay tối, chim hót hay không hót mà biết là ngày hay đêm", vua nói: "nhưng ta vẫn chưa biết", đáp: "có loại hoa đêm nở, ban ngày khép; cũng có loại ban đêm khép, ban ngày nở. Có loại ngọc báu ban đêm sáng, ban ngày tối; cũng có loại ban đêm tối, ban ngày sáng. Chim cũng vậy, có loại hót vào ban đêm, có loại hót vào ban ngày", vua nghe nói rồi cho là hi hữu, nói rằng: "lời Thế tôn nói quả là không hư vọng, đúng như lời Phật thọ ký, nay khanh đều thọ hưởng tất cả".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 3

2. Nhiếp tụng thứ hai (tiếp theo):

Lúc đó Thái tử Vị sanh oán vào trong nhà của Hỏa sanh thấy ngọc báu đẹp nên lén lấy đưa cho tùy tùng cầm, khi trở về cung liền bảo đưa lại, tùy tùng mở tay ra thì chỉ thấy tay không liền đáp: "không biết ngọc báu biến đâu mất rồi", Thái tử nổi giận đánh, Hỏa sanh hỏi nguyên do, Thái tử nói: "ta là giặc nhỏ, nó là giặc lớn. Ta lén lấy ngọc báu trong nhà của khanh nhưng lại bị kẻ tiểu nhân này trộm lại", Hỏa sanh nói: "không phải Thái tử trộm, cũng không phải kẻ kia trộm lại. Sau khi Thái tử tử lấy đi, vật ấy tự trở về chỗ cũ. Tài sản của thần đều là của Thái tử, Thái tử cần bao nhiêu cứ tùy ý mang đi, cần gì phải lén lấy", Thái tử im lặng rồi suy nghĩ: "sau khi phụ vương qua đời, ta sẽ lấy tất cả".

Sau khi Thái tử nghe lời xúi giục của Đề-bà-đạt-đa, giết hại vua cha rồi tự lên ngôi xưng là vua quán đảnh, lúc đó vua Vị sanh oán bảo Hỏa sanh: "khanh là em ta, hãy cùng phân chia tài sản", Hỏa sanh suy nghĩ: "kẻ giết người cha anh minh của mình để tự lên ngôi thì lẽ nào lại dung thứ cho ta. Nay ác vương này muốn đoạt tài sản của ta, ta nên đồng ý trước", nghĩ rồi liền nói: "Đại vương, trước đây thần đã có ý dâng hết tài sản cho Đại vương thì còn phân chia gì nữa. Đại vương hãy đến ở trong nhà thần, thần sẽ đến ở trong vương cung", vua nói: "lành thay, hãy làm theo ý khanh". Khi Hỏa sanh vào ở trong vương cung thì những diệu tướng kia đều chuyển theo vào trong vương cung, như thế đến bảy lần, diệu tướng đều đi theo Hỏa sanh mà không theo vua. Vua suy nghĩ: "ta không thể lấy được những vật báu của Hỏa sanh, hãy dùng phương tiện khác", nghĩ rồi liền bảo kẻ trộm đến trong nhà của Hỏa sanh lấy trộm. Kẻ trộm tuân lịnh vua treo tường để vào nhà lấy trộm, người nhà trông thấy kêu lên, Hỏa sanh nghe rồi liền nói: "hãy giữ kẻ trộm lại", kẻ trộm liền như bị đóng đinh trên đầu tường không thể leo xuống được. Đến sáng, mọi người vây lại gạn hỏi, liền đáp: "vua sai tôi đến lấy trộm", mọi người nghe rồi đều tức giận nói: "đó là kẻ

ác, đã giết oan vua cha vô tội, nay còn sai trộm đến, thật không thể tha thứ được". Vua nghe biết việc này rồi liền sai sứ đến bảo thả kẻ trộm ra, Hỏa sanh liền bảo kẻ trộm đi đi, lúc đó kẻ trộm mới leo xuống được. Hỏa sanh suy nghĩ: "kẻ kia còn có thể giết cha mình mà không hại ta thì không có lý đó; lẽ nào vì tài sản mà phải bỏ mạng hay sao. Trước đây Phật đã thọ ký ta sẽ ở trong giáo pháp của Phật xuất gia, được Lậu tận chứng quả A-la-hán; nay ta nên bỏ tục xuất gia, đem tất cả tài bảo trong nhà bố thí hết cho những người nghèo khổ, cô độc khiến cho họ được sung túc".

Sau đó Hỏa sanh từ giả thân bằng quyến thuộc đi đến chỗ Phật đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh, phụng sự Thế tôn", thiện lai các Bí-sô, hãy xuất gia tu phạm hạnh", Phật liền bảo: "thiện lai Bí-sô, tu tập phạm hạnh", vừa nói xong, râu tóc của trưởng giả này tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, oai nghi đầy đủ giống như Bí-sô trăm tuổi. Phật nói kệ:

"Thế tôn gọi "Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Các căn đều tịch tĩnh,
Thành tựu theo ý niệm".

Lúc đó Phật tùy căn cơ chỉ dạy, Hỏa sanh tinh tấn siêng tu, quán sanh tử luân hồi dao động không ngừng trong năm đường, các hành hữu vi đều hoại diệt, là pháp đáng nhàm lìa thường bị hủy tổn, tuy vui trong chốc lát nhưng chịu khổ lâu dài; tuy có quả báo trên cõi trời nhưng cuối cùng cũng hoại diệt. Quán thấy rõ rồi liền đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông , đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Lúc đó các Bí-sô đều khởi nghi thỉnh hỏi hỏi Phật: "Thế tôn, trưởng giả Hỏa sanh đã tạo nghiệp gì mà được quả báo sanh trong nhà giàu có, thọ dụng đầy đủ; lại do tạo nghiệp gì mà cùng mẹ đồng một lúc chịu lửa thiêu đốt; lại do tạo nghiệp gì mà được đầy đủ diệu tướng của chư thiên; lại do tạo nghiệp gì mà được xuất gia trong giáo pháp của Phật, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp có Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi Như lai, Ứng cúng chánh đẳng giác, đầy đủ mười hiệu. Phật cùng đại

chúng Bí-sô có tới sáu mươi hai ngàn vị tuần tự du hành đến thành Thân tuệ, trụ trong rừng Thân tuệ. Vua hiệu là Hữu thân, có phước đức lớn, trong nước thái bình thịnh vượng, không có chiến tranh, nhân dân no ấm. Trong thành có một trưởng giả tên là Thiên phận, nhà giàu có, thọ dụng đầy đủ… giống như Tỳ sa môn thiên vương. Lúc đó trưởng giả suy nghĩ: "ta tuy thường thỉnh Phật Tỳ-bà-thi và các Thánh chúng thọ thực, nhưng chưa từng cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư. Nay ta nên đến thỉnh Phật và Tăng cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi liền im lặng. Trưởng giả đứng dậy bạch Phật: "cúi xin Phật thương xót thọ con cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư", Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Lúc đó vua Hữu thân nghe Phật Tỳ-bà-thi cùng đại chúng đã đến nước mình và đang ở trong rừng liền suy nghĩ: "ta tuy thường thỉnh Phật Tỳ-bà-thi và các Thánh chúng thọ thực, nhưng chưa từng cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư. Nay ta nên đến thỉnh Phật và Tăng cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua được lợi hỉ rồi liền im lặng. Vua đứng dậy chắp tay bạch Phật: "con tuy thường thỉnh Phật và các Thánh chúng thọ thực, nhưng chưa từng cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư. Cúi xin Phật và Tăng thương xót thọ con cúng dường tứ sự trong ba tháng an cư", Phật nói: "Đại vương, ta đã thọ trưởng giả Thiên phận thỉnh cúng dường trong ba tháng an cư rồi", vua nói: "nếu Phật không nhận lời vì đã thọ Thiên phận thỉnh, con sẽ bàn với Thiên phận, chắc ông ta sẽ đồng ý", Phật nói: "nếu ông ta đồng ý thì ta sẽ thọ Đại vương thỉnh", vua nghe lời Phật dạy, đảnh lễ rồi trở về cung. Sau đó vua sai sứ triệu trưởng giả Thiên phận đến, nói rằng: "khanh biết không, nay ta thỉnh Phật và Tăng, muốn mình là người cúng dường trước ; khanh hãy cúng sau không muộn", đáp: "Đại vương, thần đã thỉnh Phật và Tăng trước rồi, nguyện này không thể làm trái", vua nói: "tuy là như vậy, nhưng khanh ở trong nước ta, theo lý khanh nên nhường cho ta cúng dường trước", đáp: "tuy thần là người của vua, nhưng xét cạn lý thì thần là người thỉnh trước; nếu vua cố ép thì trái với đạo nghĩa", vua nói: "khanh không do ham muốn nên được toại ý, nhưng ta muốn cùng khanh cúng cách ngày, nếu người nào cúng tươm tất hơn thì người đó tùy ý được thỉnh", đáp: "xin vâng theo lời vua". Ngay trong đêm ấy, trưởng giả cho lo liệu đầy đủ các món ăn thơm ngon thượng diệu, sáng hôm sau nơi chỗ thiết thực, trưởng giả dùng bình lớn đựng nước sạch rồi sai người đến bạch Phật đã đến giờ thọ thực. Phật Tỳ-bà-thi đắp y

mang bát cùng Tăng chúng đi đến nhà trưởng giả; thấy Phật và Tăng ngồi xong, trưởng giả tự tay dâng cúng khiến cho Phật và Tăng đều được no đủ. Sau đó lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Phật nghe pháp, Phật tùy căn cơ thuyết diệu pháp khiến cho trưởng giả được lợi hỉ rồi đứng dậy ra về. Ngày hôm sau đến lượt vua thiết cúng cũng giống như vậy, cứ như thế hai người luân phiên cúng dường, không ai hơn ai. Vua thấy vậy ngồi chống cằm ưu tư, các đại thần thấy vậy liền hỏi nguyên do, vua nói: "làm sao ta không lo buồn, người khách ở nhờ trong nước ta cùng ta cúng dường Phật và Tăng, ta không hơn được nên mới như thế", đại thần nói: "trong nhà trưởng giả không có củi, cần phải mua củi bên ngoài; vua ra lịnh những người bán củi không được bán, trưởng giả không mua được củi thì không thể làm thức ăn được", vua nghe rồi liền làm theo lời đại thần. Trưởng giả ngày hôm đó không mua được củi, liền dùng gỗ thơm chiên đàn trong nhà để chụm lửa, lại dùng dầu thơm thoa lên vải đốt để nấu thức ăn, mùi thơm bay khắp trong thành. Vua nghe mùi thơm này lấy làm lạ hỏi, đại thần đem việc trên tâu vua rồi nói: "xin vua thu hồi lịnh cấm bán củi, không nên làm như thế, vì sao, vì trưởng giả không có con, sau khi qua đời, tài sản đã có đều thuộc về vua tùy ý thọ dụng", vua nghe rồi liền thu hồi lịnh cấm bán củi. Trưởng giả nghe biết việc này liền tức giận nói ra lời ác rằng: "với số gỗ thơm đã có trong nhà ta, có thể thiêu đốt cả vua cùng mẹ ở một chỗ". Sau đó vua cũng ngồi chống cằm ưu tư như trước, quần thần tâu: "xin vua chớ lo buồn, thần có cách làm cho trưởng giả cúng dường không bằng Đại vương". Vào ngày vua cúng dường, quần thần cho người quét dọn sạch gạch đá trên các nẻo đường trong thành, rưới nước thơm, xông hương thơm, rải hoa thơm và treo phan phướn, khắp nơi đều được trang hoàng đẹp đẽ như vườn Hoan hỉ cõi trời. Trong nhà ăn, trải chỗ ngồi báu trang nghiêm với các tua ren báu, chuẩn bị các món ăn với đủ loại mỹ vị thơm ngon để cúng dường Phật và Tăng. Chuẩn bị đâu đó xong xuôi rồi tâu vua: "chúng thần cùng nhau chuẩn bị đâu đó xong xuôi cả rồi, vua nên vui mừng", vua đích thân đi xem xét và khen là hiếm có, sau đó sai sứ đến bạch Phật đã đến giờ thọ thực. Phật đắp y mang bát cùng chúng tăng đi đến trong vương cung, ngồi vào chỗ thọ thực; vua ra lịnh cho voi lớn quán đảnh cầm lọng báu che phía trên cho Phật, các voi khác đều cầm lọng che cho các Bí-sô; đại phu nhân của vua cầm quạt báu quạt cho Phật, các cung nữ khác quạt cho các Bí-sô; vua và các đại thần tự tay dâng thức ăn cúng dường Phật và Tăng… như trên. Lúc đó trưởng giả Thiên phận bảo gia nhân đến chỗ vua thiết cúng xem vua cúng dường như thế nào, gia nhân thứ nhất cho đến thứ ba đến nhìn thấy cảnh tượng này rồi quên trở về báo lại. Trưởng giả đích thân đến xem, nhìn

thấy rồi liền khen là hi hữu, nghĩ rằng: "các món ăn với đầy đủ mỹ vị như thế thì ta có thể làm được, nhưng voi và các cung nhân thì ta không làm sao có được", nghĩ rồi trở về nhà bảo người giữ cửa: "nếu thấy có ai đến xin gì thì cứ cho nhưng không cho vào nhà", nói rồi buồn bã vào trong phòng.

Vua trời Đế thích thường dùng thiên nhãn quán sát nhân gian, lúc đó Đế thích thấy trưởng giả Thiên phần ở trong phòng buồn bã, quán biết tâm niệm của ông nên suy nghĩ: "Phật là phước điền tối thắng trong thế gian, Thiên phận là đại thí chủ bậc nhất, ta nên giúp ông ấy", nghĩ rồi liền hóa ra một Bà-la-môn đến trước cửa nhà trưởng giả nói với người giữ cửa : "hãy vào báo với trưởng giả là có đại Bà-la-môn dòng Kiều thi ca đang ở ngoài cửa muốn gặp", người giữ cửa nói: "trưởng giả có dặn, nếu thấy có ai đến xin gì thì cứ cho, vậy ông cần gì cứ nói, tôi sẽ cho ông tùy ý mang đi, không cần phải gặp trưởng giả", Bà-la-môn nói: "tôi không xin gì cả, chỉ muốn gặp trưởng giả mà thôi", người giữ cửa bèn vào trong báo lại, trưởng giả nói: "nấu vậy thì hãy cho ông ta vào". Bà-la-môn vào liền hỏi trưởng giả vì sao ưu sầu, trưởng giả nói kệ:

"Ai giải tỏa được buồn,
Tôi mới cùng nói chuyện,
Nếu không giải tỏa được,
Sẽ không cùng nói chuyện".

Bà-la-môn nói: "nếu trưởng giả có chuyện buồn thì tôi có cách giải tỏa nỗi buồn", trưởng giả kể lại sự việc, Bà-la-môn hiện trở lại thân Đế thích nói với trưởng giả: "ta sẽ sai trời Xảo diệu đến giúp trưởng giả", nói rồi liền biến mất. Về đến thiên cung, Thiên đế bảo trời Xảo diệu: "ông hãy đến châu Thiệm bộ giúp đỡ trưởng giả Thiên phận", đáp lành thay. Vào sáng sớm của ngày trưởng giả cúng dường, trời Xảo diệu đến trong thành tùy ý biến hóa trang hoàng đường sá hết sức kỳ xảo, gấp bội của vua; trong nhà ăn, trải tọa cụ của cõi trời, đầu bếp trời nấu thức ăn; sai voi lớn cầm lọng báu che cho Phật, các voi khác cầm lọng che cho các Bí-sô; lại sai các thiên nữ cầm quạt quạt cho Phật và các Bí-sô. Vua sai sứ đến xem trưởng giả cúng dường như thế nào, sứ giả đến xem rồi quên trở về báo lại, như thế cho đến các đại thần, Thái tử đến cũng đều không ai trở về. Vua lấy làm lạ nên đích thân đến xem, Phật thấy vua đến liền bảo trưởng giả: "vị vua này đã thấy Chân đế, ông đã nói lời ác đối với vị ấy, vua đang ở ngoài cửa, ông nên ra tạ lỗi", trưởng giả nghe rồi liền ra ta lỗi với vua và thỉnh vua vào trong nhà. Vua nhìn thấy mọi việc rồi khen là hi hữu, nói với trưởng giả: "từ nay khanh có thể cúng dường Phật và Tăng hằng ngày, không phải là việc mong cầu của ta nữa". Trưởng giả cúng dường xong, đảnh lễ Phật và

phát nguyện: "nguyện nhờ thắng duyên cúng dường bậc phước điền tối thượng này, ở đời vị lai con thường sanh trong nhà phú quý, tài sản sung túc, thọ đầy đủ diệu tướng của cõi trời. Lại được gặp Phật chứng được pháp thù thắng, lìa các Ái triền; con sẽ thừa sự Phật đại sư, tâm không nhàm chán".

Phật bảo các Bí-sô: "trưởng giả Thiên phận thuở xưa chính là Hỏa sanh ngày nay, do nói lời ác với vua nên trải qua năm trăm đời thường bị đốt cùng với mẹ; nhờ thiện nghiệp cúng dường Phật Tỳ-bà-thi và phát nguyện nên thường được sanh trong nhà phú quý… ở trong giáo pháp ta xuất gia, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán. Này các Bí-sô, thần thông đạo lực của ta và Phật Tỳ-bà-thi bình đẳng, cho nên ai cúng dường thừa sự với tâm ân trọng đều được quả báo thù thắng. Hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo thuần đen…", các Bí-sô nghe Phật dạy xong đều tín thọ phụng hành.

3. Nhiếp tụng thứ ba trong Biệt môn thứ nhất:

Vá bát, chứa tư cụ,
Dao nhỏ và ống kim,
Cột phơi y có ba,
Bậc đại tiên khai cho.

Phật tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô đem cái bát bị lủng đến chỗ thợ thiếc nhờ vá giùm, thợ thiếc này suy nghĩ: "các Thích ca tử này đều là người ở không, chỉ muốn nhờ làm giùm, không trả tiền; nếu ta làm thì họ sẽ tiếp tục đến nhờ vả mãi, công việc của ta sẽ bỏ phế, ta nên hẹn lần lữa", nghĩ rồi liền nói với Bí-sô: "hôm nay tôi bận, ngày mai hãy đến", ngày mai đến lại hẹn ngày sau, cứ như thế hẹn lần lữa khiến Bí-sô tới lui mệt nhọc. Một Bí-sô quen biết thấy vậy liền hỏi: "tôi thấy thầy thường lui tới nhà này, họ là môn đồ hay là bà con với thầy?", đáp: "họ không phải là môn đồ cũng không phải bà con, chỉ là tôi có cái bát bị lủng muốn nhờ họ vá giùm, nhưng họ cứ hẹn lần lữa mãi khiến tôi tới lui mệt nhọc", Bí-sô kia nghe rồi nói: "thầy không nghe nói thợ giỏi thường không nói thật hay sao, tôi biết cách vá, nếu Phật khai cho tự làm thì tôi sẽ vá giúp cho thầy". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu Bí-sô nào biết cách làm thì nên làm ở chỗ khuất, dù có người thấy cũng không bị cơ hiềm", được Phật khai cho làm, Bí-sô này liền đến nói với Bí-sô kia và nhờ vá giùm bát, Bí-sô kia nói: "không lẽ tôi dùng ngón tay để vá bát hay sao, cần phải có tư cụ nữa mới vá được bát", liền bạch Phật, Phật nói: "do nhân duyên này, từ nay khai cho Tăng được cất chứa tư cụ như sắt để làm, ai cần

thì đến mượn, làm xong đem trả lại".

Duyên khởi ở thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô muốn may ba y, do dùng tay xé vải nên vải bị tổn hoại, bạch Phật, Phật nói: "không nên dùng tay xé vải, nên dùng dao kéo cắt". Bí-sô liền đến nhà cư sĩ mượn dao kéo về cắt vải, dùng xong đem trả lại, cư sĩ nói: "vật này xin cúng cho thầy", Bí-sô nói Phật chưa cho thọ, liền bạch Phật, Phật nói cho thọ cất dao kéo. Lúc đó Lục chúng Bí-sô liền dùng vàng bạc, lưu ly… các vật báu với nhiều màu sắc để trang sức trên cán dao kéo; thế tục nhìn thấy liền chê trách: "các thầy còn có sự tham muốn trói buộc tâm hay sao?". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không được dùng vàng bạc vật báu nhiều màu trang sức trên cán dao kéo, nếu cần dao kéo thì nên dùng thuần bằng sắt". Sau đó Lục chúng Bí-sô lại làm dao lớn dài và bị chê trách, Phật nói không được cất chứa dao lớn dài. Các Bí-sô lại làm dao quá nhỏ không cắt được vật, Phật nói: "có ba loại dao lớn, vừa và nhỏ; loại lớn dài sáu ngón tay, loại nhỏ dài bốn ngón, loại vừa ở giữa hai loại trên. Hình dáng có hai: một là cong như cánh quạ, hai là như cánh gà, không nên làm mũi nhọn".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô may ba y dùng cọng tre hay cọng lông chim để xỏ may khiến vải bị hư rách, Phật bảo nên dùng kim. Lục chúng Bí-sô dùng vàng bạc… vật báu để làm kim, cũng giống như trên bị thế tục chê trách, Phật nói: "không được dùng vàng bạc… vật báu làm kim, kim có bốn loại là bằng đồng, sắt, đá du và đồng đỏ". Lúc đó các Bí-sô dùng kim xong bạ đâu bỏ đó nên bị rỉ sét, Phật bảo nên dùng ống đựng kim; các Bí-sô không biết làm ống kim như thế nào, Phật nói: "có hai loại ống: một là loại ống rút ra được, hai là ống tre; nếu đối với hai loại dao trên sợ bị rỉ sét cũng có thể cất trong ống, giống như cất kim".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Phật cho các Bí-sô may y Tăng-già-lê, các Bí-sô trải vải xếp chồng trên đất nên dơ, Phật nói: "không nên để trên đất, hãy làm cột trụ phơi y", các Bí-sô không biết làm cột trụ như thế nào, Phật nói: "có hai loại bằng gỗ hay tre", các Bí-sô giăng y trên cây tre, kéo qua kéo lại, mắc tre làm rách y ; Phật nói: "nên khoan lỗ xỏ dây qua cột trụ để nối hai cột trụ với nhau để phơi y". Như Phật dạy có ba loại y thượng trung và hạ, y thượng giăng vừa trên trụ cao, hai y trung hạ thì không vừa, Phật nói nên làm ba loại cột trụ tương xứng với ba loại y.

4. Nhiếp tụng thứ tư trong Biệt môn thứ nhất:

Soi gương và soi nước,
Không được dùng lược chải,

Trên đầu để tóc dài,
Phòng tắm, Lật-cô-tỳ.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô vào sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thấy thế tục mở rương lấy đồ trang điểm ra, liền cầm lấy cái gương soi mặt rồi tự khen mình đẹp trai. Thế tục liền chê trách: "các vị trên đầu không tóc, dưới nách lông dài thì đẹp ở chỗ nào", Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền im lặng, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được soi gương, ai soi thì phạm tội Việt pháp". Sau đó Lục chúng Bí-sô lại soi mặt trong nước và cũng bị chê trách như trên, Phật nói cũng không được soi mặt trong nước. Lúc đó có Bí-sô xem trùng trong nước, nhìn thấy mặt mình nên sanh tâm hối, Phật nói: "xem trùng trong nước, thấy mặt thì không phạm ; cho đến xem trên mặt có mụn hay ung nhọt hoặc xem hình dáng trẻ hay già so với trước đây nên soi gương thì không có lỗi".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô khất thực đến nhà thế tục, thấy trong nhà họ có đồ trang điểm, liền cầm lấy cái lược chải tóc trên đầu rồi hỏi nhau có đẹp không và bị thế tục chê trách giống như trên. Phật nói: "Bí-sô không được chải đầu, ai chải thì phạm tội Việt pháp", lại có Bí-sô dùng bàn chải, cho đến dùng cả lược và bàn chải, Phật đều nói là phạm tội Việt pháp.

Duyên xứ như trên, sau khi trải vàng lót trên đất để mua rừng Thệ đa cúng cho Phật và Tăng, trưởng giả Cấp-cô-độc bảo một thợ cạo đến cạo tóc cho Tăng. Người này đến trước cửa liền gặp Lục chúng Bí-sô, họ hỏi: "ngươi có thể cạo chừa lại chỏm tóc trên đảnh đầu hay không?", đáp: "đây là nghề chuyên môn của tôi", lúc đang cạo, họ lại bảo chừa nhiều tóc, lại bảo bớt một phần… cho đến bớt tám phần, cuối cùng mắng người thợ cạo: "người ngu này không hiểu gì cả, hãy cạo sạch hết đi", rồi mới thả cho ra về thì trời đã chiều tối. Trưởng giả hỏi thợ cạo: "anh đã cạo tóc cho bao nhiêu vị?", đáp là không rảnh đi cạo tóc cho Tăng, rồi đem việc trên kể lại, trưởng giả nghe rồi liền chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên để chỏm tóc trên đầu, ai để thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ Ngưu ngọa ở trong hang Trư khảm, vườn của vua Xuất quang, núi Thủy lâm, nước Kiều thiểm tỳ. Vào tháng mùa xuân vườn cây tươi tốt, đủ loại chim như A-na-hàm vũ, công, Uyên ương, nỗng nhạn… bay đến hót vang; vua Xuất quang bảo người giữ vườn: "hãy sửa sang cây cỏ trong vườn, dọn sạch gạch đá, để nhiều nước sạch và

người hộ vệ, ta sẽ đến trong vườn du ngoạn". Người giữ vườn theo lịnh vua chuẩn bị đâu đó xong xuôi rồi bạch vua biết thời, vua cùng các cung nhân và tùy tùng vào trong vườn du ngoạn cho đến khi mệt liền nằm nghỉ. Các cung nhân thấy vua đã nằm nghỉ nên dạo khắp nơi hái hoa quả, chợt nhìn thấy cụ thọ Ngưu ngọa râu tóc dài, y trên người rách và dơ, đang ngồi kiết già dưới gốc cây, liền kinh hoàng la lên là có quỷ. Bí-sô nghe la liền trở vào trong hang, lúc đó vua giật mình tỉnh dậy, rút kiếm chạy tới hỏi quỷ ở đâu, đáp là đã vào trong hang. Vua liền đến bên cửa hang hỏi Bí-sô là ai, đáp là Sa môn, vua hỏi là Sa môn gì, đáp là Sa môn Thích tử, vua lại hỏi: "thầy đã chứng quả A-la-hán chưa?", đáp là chưa, lại hỏi: "đã chứng quả Bất hoàn cho đến quả Dự lưu hay chưa?", đều đáp là chưa, lại hỏi: "nếu vậy, đã đắc được định thứ nhất cho đến định thứ tư hay chưa?", đều đáp là chưa, vua nghe rồi liền chuyển sang nổi giận bảo đại thần: "kẻ phàm tục này xúc phạm cung nữ của ta, hãy đem kiến bỏ đầy trong hang để chúng cắn người này". Lúc đó, thiên thần cựu trụ trong hang nghe vua nói lời này liền suy nghĩ: "Sa môn thiện này đến đây nương tựa ta, không phạm lỗi gì, chỉ tu hạnh thiểu dục. Vua ác này phi pháp muốn làm hại, ta nên phương tiện giúp đỡ", nghĩ rồi liền biến thành một con heo lớn từ trong hang chạy ra. Vua thấy con heo liền bảo đại thần đem ngựa và cung tên đến để vua rượt đuổi theo, lúc đó các cung nữ bảo Bí-sô: "Thánh giả hãy đi mau, nhà vua rất bạo ác có thể hại thầy", Bí-sô nghe rồi liền mang y bát đi đến thành Thất-la-phiệt. Các Bí-sô thấy liền chào hỏi từ đâu đến, đáp là từ nước Kiều thiểm tỳ đến, lại hỏi có được an lạc không, đáp là suýt bị vua giết hại, nói rồi liền kể lại việc trên. Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo gọi Ngưu ngọa đến, Ngưu ngọa liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên, Phật hỏi: "có phải thầy đã tạo hình dáng phi pháp như vậy hay chăng?", đáp là phải, Phật nói: "thầy thật là người ngu nên mới ở trong hang kia khởi tâm tham luyến", kế bảo các Bí-sô: "do Bí-sô để tóc dài nên mới có lỗi này, từ nay không được để tóc dài, ai để thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô ở A-lan-nhã vì không có cạo tóc nên phải bỏ ngọa cụ ở đó để đến sống gần tụ lạc, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "từ nay khai cho Bí-sô ở A-lan-nhã được để tóc dài chừng hai lóng tay, người ở tụ lạc thì để tóc ngắn hơn".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc nói: "nên làm phòng tắm, tắm xong thì bình phục", Bí-sô nói: "lẽ nào ông bảo tôi thọ dục lạc như thế tục hay sao?", thầy thuốc nói: "ngoài cách này ra, không còn cách nào khác", liền bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo phải làm phòng tắm mới trị được bịnh thì khai cho làm

phòng tắm". Bí-sô liền trở lại hỏi thầy thuốc cách làm phòng tắm, thầy thuốc nói: "tôi đọc sách thuốc của Luân vương nói làm phòng tắm thì trừ được bịnh, nhưng tôi không biết cách thức làm như thế nào. Đại sư của thầy là bậc Nhất thiết trí, thầy hãy đến hỏi". Bí-sô trở về hỏi Phật, Phật nói: "nên làm phòng tắm như vậy như vậy", các Bí-sô làm bên trong hẹp bên ngoài rộng, Phật nói: "không nên làm như vậy, nên làm bên trong rộng, bên ngoài hẹp, hình như trái bầu". Lúc đó bên trong bị khói mịt mù, không có chỗ thoát ra, Phật bảo nên làm cửa sổ; các Bí-sô làm cửa sổ quá thấp, khói vẫn không thoát ra được, Phật bảo không nên làm quá thấp; lại làm quá cao nên bên trong ít ánh sáng, Phật nói: "không nên làm quá thấp cũng không nên quá cao, nên làm vừa chừng". Lúc đó chim quạ từ cửa sổ bay vào trong, Phật bảo nên làm chấn song; sau đó lại bị mưa gió tạt vào, Phật bảo nên làm cánh cửa; gió lại thổi bật cửa, Phật bảo nên làm chốt cửa; lại khó mở đóng, Phật bảo nên làm cây chống giống như móng chân dê để đóng mở cửa. Lúc đó phòng tắm không có cửa, Phật bảo nên làm cửa và then cài ; trong phòng tắm, các Bí-sô để bình nước dưới đất, nước bị lạnh nên không thể tắm được; Phật bảo nên kê gạch đá rồi để bình nước ở trên, không quá cao cũng không quá thấp, nên ngang bằng đầu gối. Lúc đó các Bí-sô đốt lửa trên đất làm tổn hại đất, Phật bảo nên lót gạch đá rồi đốt ở trên. Lúc đó trong phòng tắm, lửa đang cháy rực, Bí-sô bước vào liền bị ngất; Phật bảo: "khi lửa đang cháy rực, không nên vội bước vào, nên đợi bớt cháy rồi mới vào". Các Bí-sô rải lửa ra cho mau tắt, Phật bảo nên gom lại một chỗ; các Bí-sô không biết lấy vật gì gom lửa, Phật bảo nên dùng xẻng sắt. Lại có Bí-sô bị trúng lửa nên ngất, Phật bảo nên dùng ít dầu Man thanh tử hòa với bột rồi bỏ vào trong lửa thì sẽ tỉnh lại; lại có mùi hôi, Phật bảo nên đốt hương thơm. Bí-sô bị chảy nước mắt, Phật bảo nên dùng cục bột chậm; vẫn không hết chảy nước mắt, Phật bảo: "nên dùng Dư cam tử vụn thấm ướt vò thành viên nhỏ dùng để chậm nước mắt". Lúc đó trong phòng tắm không có ghế ngồi nên mỗi người tự mang đến, bị dính dơ; Phật bảo nên dùng cỏ lót. Chân đi trên đất dính bùn nhơ nhớp, Phật bảo nên trải cỏ; các Bí-sô dùng cỏ khô nên bị cháy, Phật bảo nên trải cỏ tươi; cỏ tươi khó tìm, Phật bảo nên nhúng cỏ khô cho ướt. Lúc đó Bí-sô thoa dầu toàn thân nên ngứa; dùng gạch đá, móng tay gãi nên bị trầy da, Phật bảo nên dùng đá bọt; dùng đá bọt bén nên bị lỗi như trước, Phật bảo mài cho mất chỗ bén rồi mới dùng. Lúc đó các Bí-sô dùng rồi vất bừa bãi nên bị mất, Phật bảo không được vất bừa bãi làm mất, nên dùng dây cột treo trên giá hay cọc. Các Bí-sô dùng đá bọt gãi nên dính mồ hôi và dầu, phải thường dùng nước tẩy; Phật bảo không nên tẩy bằng nước, nên bỏ vào lửa. Lúc đó nhiều người ra vào trong phòng

tắm khiến phòng bị lạnh; Phật bảo ra vào nên đóng cửa, nên bảo một Bí-sô giữ cửa. Các Bí-sô ở trong phòng tắm nói chuyện phiếm, Phật bảo không nên nói chuyện phiền trong nhà tắm, khi tắm nên theo hai nghi pháp là nói như pháp và im lặng như bậc Thánh. Lúc đó các Bí-sô tắm trong phòng làm đọng bùn ẩm ướt, Phật bảo không nên tắm trong phòng, nên tắm trong phòng tắm riêng.

(Phòng tắm trị bịnh là theo phương Tây dùng gạch xếp theo hình tháp, trên hẹp dưới rộng, chính giữa cao chừng một trượng, bên dưới rộng bảy tám thước, có cửa ở một bên; trong ngoài đều trét tro bùn dày kín, chính giữa để một lò đất để đốt than hay củi khi tắm, khói thông ra cửa sổ. Người tắm ngồi bên lò, hơi nóng trong nồi làm cho thân ra mồ hôi, sau đó lấy dầu thoa khắp thân, tự lau và kỳ cọ hay bảo người khác lau. Cách tắm hơi, xông hơi này có thể tri được các loại bịnh cảm cúm, bịnh gió mà không cần dùng thuốc, không phải chỉ là tắm cho sạch cáu bẩn mà thôi).

Lúc đó trong phòng tắm có bùn, Phật bảo dùng gạch đá lót; lại bị đọng nước, Phật bảo nên làm mương thoát nước. Lúc đó người xối nước ngồi ở dưới, người tắm ngồi ở trên nên khi xối, nước văng làm dơ y ; Phật bảo người tắm nên ngồi ở dưới, người xối nước nên ngồi ở trên. Lúc đó các Bí-sô tắm giặt cần dùng xỉ mộc, tháo đậu… phải đến chỗ khác lấy, Phật bảo nên dự trữ các vật này trong nhà tắm, không nên để ở chỗ khác phải đi xa lấy. Sau khi tắm xong, thân bị suy nhược, Phật bảo nên ăn chút ít. Tay dính dầu, mồ hôi khó rửa sạch liền, nếu rửa lâu thì sợ phạm lỗi; Phật bảo nên dùng muỗng để ăn, ăn cháo cũng nên dùng muỗng. Khi ăn cần muối, không có lá để thọ; Phật bảo nên cất chứa cái mâm đựng muối. Khi Phật cho làm phòng tắm, các Bí-sô không biết sai ai làm; Phật bảo nên sai đệ tử môn nhân cùng làm, nếu có thí chủ cũng được nhờ làm. Các Bí-sô khi tắm kỳ cọ cho nhau, Phật bảo khi tắm nên bảo đệ tử theo vào để kỳ cọ cho.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 4

4. Nhiếp tụng thứ tư (tt):

Phật tại thành Quảng nghiêm, trong thành có một Lật-cô-tỳ tử tên Thiện hiền, tánh hạnh chất trực, không có khi dối, hằng ngày đều đến kính lễ Thế tôn. Một hôm, trên đường đi đến gặp Phật bỗng gặp hai Bí-sô Hữu và Địa, hai Bí-sô này trong nhiều đời đã có oán thù với Bí-sô Thật lực tử, khi thấy Thiện hiền liền hỏi đi đâu, đáp là đến kính lễ Thế tôn. Hai Bí-sô này hỏi: "ông đến gặp Thế tôn dùng lời cúng dường, vậy ông có chuẩn bị lời nói nào thù thắng hay chưa?", đáp là không có, hai Bí-sô liền chỉ vẻ: "khi ông đến gặp Phật nên nói rằng: "Bí-sô Thật lực tử không biết xấu hổ, hành phi pháp, đã cùng vợ của con hành dâm, làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca. Thế tôn nghe rồi chắc chắn sẽ hoan hỉ". Thiện hiền nghe rồi liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi đứng một bên bạch Phật: "Thế tôn, Bí-sô Thật lực tử không biết xấu hổ, hành phi pháp, đã cùng vợ của con hành dâm, làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca.", nói xong liền ra về, Phật bảo các Bí-sô: "Lật-cô-tỳ tử kia nói lời phỉ báng, khi dối; các thầy nên làm yết ma phú bát cho ông ta, nếu có ai giống như vậy, Tăng cũng nên làm yết ma phú bát. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng tập họp, trong Tăng nên sai một Bí-sô tác bạch yết ma: Đại đức Tăng lắng nghe, Lật-cô-tỳ tử Thiện hiền đã đem pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh Thật lực tử. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay tác yết ma phú bát cho Thiện hiền. Bạch như vậy. Tăng tác yết ma phú bát xong thì các Bí-sô không được đến nhà người ấy, nếu có đến cũng không được ngồi, không được thọ thức ăn uống, cũng không được thuyết pháp cho họ". Phật lại bảo A-nan: "thầy hãy đi đến nhà của Thiện hiền nói với ông ta rằng: "Tăng đã tác yết ma phú bát cho ông rồi", tôn giả A-nan vâng lời Phật dạy đến nhà Thiện hiền, không có ông ta ở nhà nên tôn giả hỏi người vợ: "Thiện hiền đang ở đâu?", đáp: "ông ấy có việc nên đi vắng, đại đức cần gặp có chuyện gì không?", tôn giả nói: "bà nên biết

Tăng đã tác yết ma phú bát cho chồng bà", lại hỏi yết ma phú bát là gì, đáp: "nếu người nào bị Tăng tác yết ma phú bát thì các Bí-sô không được đến nhà người ấy, nếu có đến cũng không được ngồi, không được thọ thức ăn uống, cũng không được thuyết pháp cho họ", người vợ nói: "theo lời nói này thì Tăng đã vì chồng con mà phát thẻ lập chế không qua lại nữa, nhưng chồng con có lỗi gì mà bị phú bát?", đáp: "chồng bà đến gặp Phật nói rằng: "Bí-sô Thật lực tử không biết xấu hổ, hành phi pháp, đã cùng vợ của con hành dâm, làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca", người vợ nghe xong liền vào phòng, tôn giả ra về. Lúc đó Thiện hiền giải quyết xong công việc liền trở về nhà, người vợ nói: "chàng biết không, Thánh chúng đã tác yết ma phú bát cho chàng", Thiện hiền nói lành thay, người vợ hỏi: "chàng có biết yết ma phú bát là gì không?", đáp là không biết, người vợ nói: "người nào bị Thánh chúng tác yết ma phú bát thì các Bí-sô không được đến nhà người ấy, nếu có đến cũng không được ngồi, không được thọ thức ăn uống, cũng không được thuyết pháp cho họ. Có phải chàng đã từng thấy Bí-sô Thật lực tử cùng tôi làm việc phi pháp ở chỗ khuất phải không?", đáp là không thấy, người vợ nói: "chàng hãy đến sám hối với Đại sư, nếu Đại sư dung thứ cho chàng thì tốt, nếu không dung thứ thì chàng đừng bước vào nhà". Thiện hiền nghe rồi, trong lòng xấu hổ, sợ hãi liền đi đến gặp Phật, đảnh lễ rồi chắp tay bạch rằng: "Thế tôn, con hằng ngày đều đến kính lễ Thế tôn. Một hôm, trên đường đi đến gặp Phật, con bỗng gặp hai Bí-sô Hữu và Địa, hai Bí-sô này trong nhiều đời đã có oán thù với Bí-sô Thật lực tử, khi thấy con liền hỏi đi đâu, con đáp là đến kính lễ Thế tôn. Hai Bí-sô này hỏi: "ông đến gặp Thế tôn dùng lời cúng dường, vậy ông có chuẩn bị lời nói nào thù thắng hay chưa ?", con đáp là không có, hai Bí-sô liền chỉ vẻ: "khi ông đến gặp Phật nên nói rằng: Bí-sô Thật lực tử không biết xấu hổ, hành phi pháp, đã cùng vợ của con hành dâm, làm hạnh bất tịnh, phạm Ba-la-thị-ca". Lời nói đó là do hai Bí-sô kia dạy con nói, không phải là ý của con", Phật bảo các Bí-sô: "Thiện hiền tuy phỉ báng nhưng vốn không phải là ý mình, các thầy nên tác pháp yết ma ngưỡng bát cho ông ta. Nếu có ai giống như vậy, Tăng cũng nên cho yết ma ngưỡng bát. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy, Tăng tập họp; sau khi Tăng tập họp, nên bảo Thiện hiền đến trước vị Thượng tòa chắp tay bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, con tên Thiện hiền do bị ác tri thức dối hoặc nên đã đem pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh Thật lực tử. Do việc này, Tăng đã tác yết ma phú bát cho con, con nay theo Tăng xin yết ma ngưỡng bát. Cúi xin Tăng cho con yết ma ngưỡng bát, xin thương xót (ba lần).

Kế đó nên đưa Thiện hiền đến chỗ chỉ thấy nhưng không nghe, đứng chắp tay. Một Bí-sô ở trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Lật-cô-tỳ tử Thiện hiền do bị ác tri thức dối hoặc nên đã đem pháp Ba-la-thị-ca không căn cứ vu báng cho Bí-sô thanh tịnh Thật lực tử. Do việc này nên Tăng đã tác yết ma phú bát cho ông ta. Nay Thiện hiền biết lỗi sám hối, theo Tăng xin yết ma ngưỡng bát. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Thiện hiền yết ma ngưỡng bát. Bạch như vậy.

Khi Tăng đã tác yết ma ngưỡng bát rồi thì các Bí-sô được đến nhà người ấy, được ngồi, được thọ thức ăn uống và được thuyết pháp cho họ.

5. Nhiếp tụng thứ năm trong Biệt môn thứ nhất:

Sanh chi, mặt như gương,
Không được ca múa nhạc,
Khai cho ngâm vịnh, tán,
Dùng bát, cả thảy bốn.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bí-sô chuyên tu tịch định, khi ngồi kiết già, sanh chi bỗng khởi lên. Hôm khác sau khi khất thực trở về, thọ thực xong, thu xếp y bát, rửa chân rồi đến bên gốc cây ngồi ngay thẳng tư duy thì sanh chi lại khởi lên. Bí-sô này bị dục làm cho phiền não nên nổi sân, đặt sanh chi lên đá rồi dùng đá đập làm cho tổn hoại. Bí-sô khổ não không chịu đựng nổi liền suy nghĩ: "Thế tôn từ bi, sao không thương tưởng đến ta". Lúc đó Phật từ xa biết được tâm niệm của Bí-sô nên đi đến bên cạnh hỏi: "thầy đã làm việc gì?", Bí-sô đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "thầy há không nghe ta đã dạy rằng: Bí-sô khi dục nhiễm phát sanh thì nên quán bất tịnh để ngăn dứt. Tại sao thầy lại làm người ngu si, nên đánh cái này (tâm dục nhiễm) lại đánh cái khác (sanh chi)", Bí-sô nghe rồi xấu hổ im lặng. Do việc này, Phật bảo các Bí-sô: "trước đây há ta đã không dạy các thầy: khi tâm dục nhiễm phát sanh thì nên quán bất tịnh, khi tâm sân hận phát sinh thì nên quán từ bi, khi tâm ngu si phát sanh thì nên quán mười hai nhân duyên. Đối với pháp nên tu tập mà lại không tu tập, đối với điều nên đánh mà không đánh, lại đánh cái khác thì phạm tội Việt pháp".

Trong thành này có một trưởng giả cưới vợ không bao lâu liền sanh được một trai, tướng mạo tuấn tú khiến mọi người đều yêu mến. Đứa bé được thương yêu nuôi dưỡng cho đến trưởng thành thì xuất gia trong giáo pháp của Phật, thành tánh Bí-sô. Bí-sô này có duyên sự nên rời khỏi rừng Thệ đa, du hành trong nhân gian, trên mặt bỗng mọc một ung nhọt nên tìm

thầy thuốc chữa trị, không may gặp phải thầy thuốc dở dùng kim châm chích, khiến miệng của Bí-sô bị méo xệch. Khi trở về lại trong vườn Cấp, các vị quen biết trước kia không ai thăm hỏi nên Bí-sô này hỏi: "thầy không nhận ra tôi hay sao?", đáp: "tôi không nhớ có quen thầy, thầy là ai?", Bí-sô liền đem việc trên kể lại. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "luận về người giữ khuôn mặt cũng như giữ gương sáng, không nên vội cho thầy thuốc không giỏi châm chích trên mặt. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô đầu mặt bị nóng sốt, muốn chích bớt máu nóng trên trán nhưng không tìm được thầy thuốc bậc thượng; Phật nói: "nếu không có thầy thuốc bậc thượng thì nên nhờ thầy thuốc bậc trung lễ lấy máu ra".

Trong thành này có hai nhóm người kết thân hữu với nhau, một nhóm thuộc hạng người mua bán giao dịch, một nhóm là Bà-la-môn; nhóm người mua bán giỏi về ca múa hơn nhóm Bà-la-môn, nhưng thua về chiến đấu. Một hôm, nhóm Bà-la-môn nói với nhau: "nhóm người mua bán ca múa hay hơn chúng ta nhưng thua về chiến đấu, chúng ta làm cách nào để hơn họ về ca múa?", một người nói: "muốn thắng họ, chúng ta nên học tập ca múa", một người nói: "ý kiến hay, nhưng nên học ca múa với ai?", một người nói: "Lục chúng Bí-sô giỏi âm nhạc và ca múa, chúng ta nên cầu học. Các vị ấy đa tham, thích tài vật ; nếu họ yêu cầu điều gì, chúng ta nên đáp ứng". Bàn xong họ cùng đi đến chỗ Lục chúng Bí-sô, đảnh lễ rồi bạch rằng: "cúi xin các đại đức từ bi dạy chúng tôi ca múa", đáp: "nếu cung cấp đầy đủ bánh trái thì ta sẽ dạy", họ nghe rồi liền cung cấp đầy đủ bánh để theo học ca múa. Thời gian sau, trong lễ hội nhóm Bà-la-môn này không những thắng nhóm người kia về chiến đấu mà ngay cả ca múa cũng thắng luôn. Nhóm người kia liền hỏi nguyên do, đáp: "đó là do chúng tôi cố công học tập ca múa", lại hỏi là ai dạy, đáp là Lục chúng Bí-sô. Nhóm người kia nghe rồi liền sanh tâm cơ hiềm, nói rằng: "Sa môn Thích tử hành pháp trạo cử, ca múa chơi nhạc, lại còn dạy cho thế tục". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do ca múa nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được học ca múa, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó nhóm Bà-la-môn quên âm nhạc của họ nên đến yêu cầu Lục chúng Bí-sô ôn tập giúp, đáp là Phật đã chế ngăn, Bà-la-môn nói: "nếu vậy nên lược bớt", Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền lược bớt phần ca múa nhạc để dạy họ. Khi đến lễ hội, nhóm Bà-la-môn này lại thua nhóm kia về ca múa nên họ chê trách: "Sa môn Thích tử dạy lược bớt làm cho chúng ta thua". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên lược bớt phần ca múa nhạc của người khác, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp". Vào thời khác,

nhóm Bà-la-môn lại đến yêu cầu Lục chúng Bí-sô dạy về hí nhạc, Lục chúng Bí-sô không dạy, họ nói: "nếu các Thánh giả không dạy, thì xin đến có mặt nơi đó cổ vũ cho chúng tôi được thắng". Lục chúng Bí-sô liền đến cổ vũ, nhóm kia thấy sanh hổ thẹn, không thể trổ tài được nên chê trách: "Sa môn Thích tử lại hiện diện ở chỗ ca múa", Phật bảo: "Bí-sô không được đến chỗ ca múa, từ nay Bí-sô nào tự mình ca múa, ngâm, vịnh và dạy cho người khác hoặc lược bớt nhạc của người khác đều phạm tội Việt pháp".

Nhân duyên của tôn giả Thiện hòa:

Tại nước Kiều thiểm tỳ có một trưởng giả tên Đại thiện, bẩm tánh nhu hòa, vợ trưởng giả đang có thai. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất quán biết thai nhi sau này sẽ được mình hóa độ, chứng quả thắng thượng nên đi đến nhà trưởng giả. Trưởng giả sanh tín tâm, cầu quy y thọ trì năm giới, từ đó tôn giả thường hay lui tới nhà này. Một hôm, tôn giả một mình đi đến nhà trưởng giả, trưởng giả hỏi vì sao lại đi một mình, tôn giả đáp: "thị giả của tôi không ở trong thảo am mà ở chỗ trưởng giả", trưởng giả liền nói: "vợ con đang có thai, sau này nếu sanh con trai sẽ cho làm thị giả của tôn giả", tôn giả nghe rồi liền chú nguyện cho đứa bé được khỏe mạnh rồi ra về. Thời gian sau đủ ngày tháng, vợ trưởng giả hạ sanh một bé trai, thân hình ốm gầy xấu xí nhưng lại có âm thanh hòa nhã. Trải qua hai mươi mốt ngày, trưởng giả mở tiệc ăn mừng và đặt tên cho bé, thân thuộc nói: "đứa bé này thân hình ốm gầy xấu xí, nhưng lại có âm thanh hòa nhã, là con của trưởng giả Đại thiện nên đặt tên cho bé là Thiện hòa". Đợi khi Thiện hòa khôn lớn, tôn giả Xá-lợi-phất vào một buổi sáng đắp y mang bát vào thành khất thực, thứ lớp đến nhà trưởng giả Đại thiện. Trưởng giả thấy liền chào hỏi thiện lai, đảnh lễ tôn giả rồi đón lấy bát đựng đầy thức ăn dâng cúng; lúc đó đồng tử Thiện hòa ra chào tôn giả, tôn giả liền hiện tướng khiến trưởng giả nhớ lại chuyện trước đây. Trưởng giả liền bảo con: "khi con còn ở trong bụng mẹ, cha đã hứa cho con làm đệ tử của tôn giả. Nay đã đến thời, con nên đi theo tôn giả", đồng tử ở trong đời này thọ thân sau cùng nên rất dễ lìa tục, nghe cha nói rồi liền đi theo tôn giả. Về đến trú xứ, tôn giả cho Thiện hòa xuất gia, sau đó cho thọ giới cụ túc, như pháp giáo hóa, Thiện hòa siêng năng tinh tấn tu tập, không bao lâu sau đoạn trừ phiền não, chứng được quả A-la-hán. Lúc đó Bí-sô Thiện hòa có năng khiếu ngâm vịnh tán tụng kinh pháp, âm thanh trong suốt thấu tận cõi Phạm thiên, ai nghe cũng đều sanh tâm hoan hỉ ; các Bí-sô chưa ly dục đều bỏ phế việc của mình để lắng nghe diệu âm này. Vô số chúng sanh nghe được âm thanh này đều gieo trồng căn lành giải thoát, cho đến loài bàng sanh cũng lắng tai nghe diệu âm này. Phật nhân lúc đại chúng nhóm họp liền nói với đại chúng: "này các Bí-sô, trong

giáo pháp của ta, Bí-sô Thiện hòa có âm thanh vi diệu bậc nhất trong số các đệ tử Thanh văn".

Lúc đó trời gần sáng, vua Thắng quang nước Kiều-tát-la cỡi voi Bạch liên hoa cùng tùy tùng ra khỏi thành để đi đến thành khác vì công việc. Khi đi ngang qua rừng Thệ đa, voi của vua nghe tiếng tán tụng kinh pháp của Bí-sô Thiện hòa vang ra, liền đứng lại vểnh tai lắng nghe, không chịu đi tới; Quản tượng dùng móc câu đập vào chân, voi vẫn đứng yên. Vua bảo Quản tượng thúc voi đi tới, Quản tương tâu: "thần đã tận lực thúc đẩy nó đi tới, nhưng nó vẫn không chịu đi, không biết nó muốn gì", vua nói: "nếu vậy, hãy thả ra cho nó tùy ý đi", Quản tượng thả ra, voi liền đi vào trong vườn Cấp đứng trước cửa chùa vểnh tai lắng nghe tiếng tán tụng. Lúc đó Bí-sô Thiện hòa tán tụng xong liền đọc kệ phát nguyện:

"Chư thiên, A-tu-la, Dược xoa,
Ai đến nghe pháp nên chí tâm,
Ủng hộ Phật pháp khiến thường còn,
Ai nấy siêng tu lời Phật dạy.
Những vị nghe pháp đã đến đây,
Ở trên mặt đất hoặc hư không,
Thường hành tâm từ với người đời,
Ngày đêm tự mình nương theo pháp.
Nguyện cho thế giới thường an ổn,
Vô biên phước trí lợi quần sanh,
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ,
Xa lìa các khổ về viên tịch.
Thường dùng hương giới thoa thân sáng,
Thường mặc áo thiền để che thân,
Diệu hoa Bồ-đề khắp trang nghiêm,
Tùy ở nơi đâu đều an lạc".

Voi nghe kệ này xong biết thời kinh đã mãn liền vẩy tai trở về lại chỗ vua, nghe theo sự điều khiển của Quản tượng. Vua hỏi: "vì sao bây giờ voi lại nghe theo ý khanh?", đáp: "vì hồi nãy voi nghe tiếng tán tụng vi diệu của vị Thánh giả nào trong chùa, ưa thích nghe nên mới không chịu đi tới; bây giờ đã nghe xong nên chịu nghe thần điều khiển", vua nghe rồi liền nói: "nếu vậy, hãy quay voi về, ta muốn đến thăm hỏi vị Thánh giả đó và muốn dâng cúng thượng y cho vị ấy. Ngày mai đến thành kia cũng được", Quản tượng tuân lịnh vua quay voi trở về cung. Lúc đó phu nhân Thắng man thấy vua quay trở về, ngạc nhiên hỏi nguyên do; vua đem việc trên kể lại rồi nói: "phu nhân hãy đưa thượng y cho ta, ta muốn tự mình dâng cúng

cho vị kinh sư kia", phu nhân nghe rồi liền suy nghĩ: "phải chăng chính là Bí-sô Thiện hòa đã tán tụng kinh pháp với âm thanh vi diệu. Tôn giả hình dung ốm gầy xấu xí, vua lại thích người tuấn tú; nếu vua gặp nhất định sẽ không vừa ý và sanh tâm khinh mạn, hối tiếc là đã kính trọng. Ta nên tìm cách làm cho vua không đích thân đến gặp", nghĩ rồi liền tâu vua: "Đại vương cứ đi đến thành kia, y này thiếp sẽ mang đến dâng cho tôn giả kia", vua nói: "phu nhân mặc tình lấy y khác dâng cúng, lẽ nào vì cái y mà nước Kiều-tát-la của ta lại trở nên nghèo thiếu hay sao?", phu nhân nghe rồi liền im lặng. Vua cầm thượng y đi đến trong rừng Thệ đa, lúc đó tôn giả A-nan đang đi kinh hành trước cửa chùa, vua thấy rồi liền bước xuống voi đảnh lễ rồi hỏi tôn giả: "xin hỏi đại đức sáng sớm hôm nay, vị tôn giả nào đã tán tụng kinh pháp?", tôn giả hỏi: "Đại vương cần gì mà hỏi như vậy?", đáp: "tôi muốn đích thân cúng thượng y này cho vị ấy", tôn giả nghe rồi suy nghĩ: "Bí-sô Thiện hòa tuy tán tụng kinh pháp với âm thanh vi diệu, âm vận hòa nhã siêu quần; nhưng hình dung ốm gầy xấu xí, vua lại thích người tuấn tú; nếu vua gặp nhất định sẽ không vừa ý và sanh tâm khinh mạn, hối tiếc là đã kính trọng. Ta nên tìm cách làm cho vua không đích thân đến gặp", nghĩ rồi liền nói với vua: "Đại vương hãy đưa y cho tôi, tôi sẽ đưa lại cho vị ấy", vua nói: "đại đức, Thế tôn tán thán việc tự mình dâng cúng là tối thượng, nên tôi muốn tự tay dâng cúng". Lúc đó vào ban ngày, tôn giả Thiện hòa đang ngồi kiết già bên gốc cây, tôn giả A-nan dẫn vua đến rồi nói: "Đại vương, vị ngồi kiết già dưới gốc cây chính là vị tụng kinh với âm thanh vi diệu", vua bước tới nhìn thấy tôn giả hình dung xấu xí liền sanh tâm khinh thường, không còn tín kính nữa, quay đầu và nhăn mày, để thượng y xuống trước mặt rồi bỏ đi. Tôn giả Thiện hòa thấy nhà vua có hành động như vậy liền nói kệ:

"Ai dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Ái nhiễm loạn tâm họ,
Không thể thấy được ta.
Ai chỉ biết bên trong,
Mà không thấy bên ngoài,
Ở bên trong cầu quả,
Là bị mê theo tiếng.
Ai chỉ biết bên ngoài,
Mà không thấy bên trong,
Ở bên ngoài cầu quả,
Cũng bị mê theo tiếng.

Ai không biết bên trong,
Cũng không thấy bên ngoài,
Phàm phu đều bị chướng,
Cũng bị mê theo tiếng.
Ai biết rõ bên trong,
Lại khéo thấy bên ngoài,
Người trí sẽ xuất ly,
Không bị mê theo tiếng".

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "do nhân duyên gì mà Bí-sô Thiện hòa hình dung xấu xí mà âm thanh lại hòa nhã, được xuất gia trong Phật pháp, được Lậu tận chứng quả A-la-hán?", Phật nói: "Bí-sô Thiện hòa tự tạo nghiệp nên nay tự thọ lấy quả báo… cho đến nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp lúc loài người sống thọ bốn vạn tuổi, có Phật Câu lưu tôn ra đời đầy đủ mười hiệu; sau khi làm xong các Phật sự, Phật liền nhập Niết-bàn vô dư. Lúc đó có vua Vô ưu muốn cúng dường xá lợi Phật nên cho xây tháp rộng một du thiện na, cao nửa du thiện na rồi sai người trông coi việc xây cất. Người này có tín tâm, ý thích hiền thiện, siêng năng làm việc không biết mệt; lại có một người làm công thấy việc xây tháp quá cao liền cơ hiềm: "vua xây tháp này quá cao, tốn nhiều sức người sức của, biết ngày nào mới xong", người trông coi việc xây cất nói: "nếu anh không muốn làm nữa thì tùy ý đi nơi khác, vì sao lại cơ hiềm như vậy?", người làm công nghe rồi im lặng, sau đó xin lỗi và làm việc như cũ. Thời gian sau thấy tháp vẫn chưa xong, người làm công này lại cơ hiềm như trước, người trông coi việc xây cất bèn đuổi đi, người làm công xin lỗi và làm việc như cũ. Đến khi tháp hoàn thành, mọi người đến nhìn ngắm hoan hỉ ca ngợi; người làm công này thấy vậy liền sanh tâm hối hận nghĩ rằng: "trước đây ta đã nói lời bất thiện, thấy tháp quá cao nên cơ hiềm; nay ta nên sắm sửa đồ cúng dường", nghĩ rồi liền đem số tiền làm công đã có làm một cái linh bằng vàng treo trên tháp cúng dường.

Này các Bí-sô, người làm công thuở xưa chính là Thiện hòa ngày nay, do nói lời cơ hiềm tháp thờ xá lợi Phật nên nay thọ thân xấu xí; do cúng dường chiếc linh bằng vàng nên nay được âm thanh hòa nhã, khiến

người nghe đều sanh tâm hoan hỉ". Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô Thiện hòa đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực này đọc tụng kinh pháp, âm thanh thấu tận cõi Phạm thiên?", Phật nói: "các thầy lắng nghe:

Quá khứ lúc loài người thọ hai vạn tuổi, có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu; lúc đó tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư có cây Hương quả, trên cây có một con chim hót hay nương ở. Một hôm vào sáng sớm, Phật Ca-diếp ba đắp y mang bát vào thành khất thực, con chim này thấy Phật tướng mạo đoan nghiêm như núi vàng, liền cất tiếng hót vang nhiễu quanh Phật ba vòng rồi bay trở lại trên cây, cứ như thế mỗi ngày cho đến một hôm nó bị chim Ưng bắt ăn thịt. Chim qua đời thác sanh vào nhà đại Bà-la-môn, từ đó về sau không thác sanh vào loài hạ tiện xấu xa nữa, mãi đến ngày nay thọ thân người vẫn cảm quả báo có âm thanh vang vọng đến cõi Phạm thiên, người nghe đều ưa thích.

Này các Bí-sô, con chim hót hay đó chính là Thiện hòa ngày nay". Các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô Thiện hòa đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực này có âm thanh mỹ diệu bậc nhất trong số các đệ tử Thanh văn của Phật?", Phật nói: "Bí-sô Thiện hòa do lực phát nguyện nên cảm được quả báo này, các thầy lắng nghe:

Quá khứ vào thời Phật Ca-diếp ba, Thiện hòa xuất gia, bổn sư của Thiện hòa là người đứng đầu trong việc hướng dẫn việc phúng tụng cho các đệ tử của Phật. Thiện hòa từ khi xuất gia cho đến cuối đời, tuy tu tập phạm hạnh nhưng vẫn không chứng quả, đến khi lâm chung liền phát nguyện: "con tuy xuất gia tu tập phạm hạnh nhưng đến cuối đời vẫn không chứng quả, nguyện nhờ thắng nhân này ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán, là người tán tụng bậc nhất trong số các đệ tử của Phật; cũng như Thân giáo sư của con hiện nay".

Này các Bí-sô, do nguyện lực ấy nên nay Thiện hòa được xuất gia trong giáo pháp của ta và là người tán tụng bậc nhất trong số các đệ tử Thanh văn của ta. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập chớ có buông lung".

Duyên xứ như trên, lúc đó có các Bí-sô tụng kinh không thông hiểu

âm vận, chỉ đọc theo câu giống như tiếng trút Táo sang chậu khác; trong khi các ngoại đạo lại đọc tụng với âm thanh ngâm vịnh dễ nghe. Trưởng giả Cấp-cô-độc mỗi ngày đều đến kính lễ Thế tôn, nghe tiếng ngoại đạo tụng kinh liền suy nghĩ: "các Bí-sô tụng kinh không thông hiểu âm vận, chỉ đọc theo câu giống như tiếng trút Táo sang chậu khác; trong khi các ngoại đạo lại đọc tụng với âm thanh ngâm vịnh dễ nghe. Ta nên đem việc này bạch Phật", nghĩ như thế rồi nên khi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, các Bí-sô tụng kinh không thông hiểu âm vận, chỉ đọc theo câu giống như tiếng trút Táo sang chậu khác; trong khi các ngoại đạo lại đọc tụng với âm thanh ngâm vịnh dễ nghe. Cúi xin Thế tôn từ bi chấp thuận cho Thánh chúng đọc tụng kinh pháp với âm thanh ngâm vịnh", Phật im lặng chấp thuận, trưởng giả biết Phật đã chấp thuận liền đảnh lễ rồi ra về. Sau đó Phật bảo các Bí-sô: "từ nay các thầy được tán tụng kinh pháp với âm thanh ngâm vịnh". Lúc đó các Bí-sô không những đọc tụng kinh pháp mà cho đến việc cung thỉnh, dạy bảo, tác cũng đều dùng âm thanh ngâm vịnh. Trưởng giả Cấp-cô-độc khi vào trong chùa nghe những âm thanh huyên náo này liền nói: "già lam này trước đây là pháp vũ, nay trở thành Càn-thát-bà", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo: "không phải tất cả việc đều dùng âm thanh ngâm vịnh, chỉ có hai việc được dùng âm thanh ngâm vịnh: một là tán thán ân đức của Đại sư, hai là tung kinh Tam khải; các việc khác đều không nên ngâm vịnh". Sau đó có một Bí-sô nhỏ tuổi tuy làm hai việc này nhưng lại không ngâm vịnh, các Bí-sô hỏi tại sao không ngâm vịnh, đáp là không biết, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói nên học. Lúc đó các Bí-sô bất cứ ở chỗ nào cũng học cách ngâm vịnh, trưởng giả Cấp-cô-độc đến chùa nghe những âm thanh huyên náo này liền chê trách như trước, Phật nói: "các Bí-sô nên ơ chỗ khuất học cách ngâm vịnh, không nên ở chỗ hiển lộ, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô đứng lấy bát ra khỏi đãy đựng bát, một Bí-sô khác nói chớ đứng lấy bát, hỏi có lỗi gì, đáp: "nếu rơi xuống đất bể thì không phải là có lỗi hay sao", Bí-sô kia im lặng, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên đứng lấy bát, dù là bát ở trong đãy hay đứng rửa, đứng phơi; nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

6. Nhiếp tụng thứ sáu trong Biệt môn thứ nhất:

Bước trên vải, các đãy,
Mền nệm và tọa cụ,
Có duyên lìa ba y,

Có sáu pháp tâm niệm.

Phật tại vườn thi lộc, rừng Khủng úy, núi Giang trư; lúc đó vương tử Bồ-đề thỉnh Phật và Tăng đến trên lầu Diệu hoa cúng dường. Trên lầu vương tử cho trải điệp y thượng hạng màu đỏ như ráng trời buổi sáng, Phật đến nơi thấy trải vải này nên không bước chân lên, các Bí-sô cũng không ai bước chân lên. Vương tử thỉnh Phật bước lên, Phật vẫn không bước lên, vương tử liền cho cuộn điệp y đem cất, lúc đó Phật mới bước lên lầu đến chỗ ngồi ngồi. Ngoại đạo nghe biết việc này liền nói: "Sa môn Kiều-đáp-ma chưa kham nổi sự cúng dường nên mới không dám bước chân lên vải đã trải", Phật nghe biết liền bảo các Bí-sô: "nếu có Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả tín tâm trải vải thượng diệu rồi thỉnh Bí-sô bước lên, lúc đó nếu muốn hàng phục tâm ngã mạn của ngoại đạo thì Bí-sô nên quán các hành vô thường rồi bước lên, chớ có nghi ngại".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô đang mang bát đi trên đường, bị vấp chân nên bát bị rơi xuống bể, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không nên dùng tay mang bát, nên dùng chéo y bọc bát", dùng chéo y bọc bát cũng chiêu lỗi như trên, Phật nói: "nên làm đãy đựng bát", Bí-sô làm đãy đựng bát cũng chiêu lỗi như trên, Phật bảo: "nên làm dây cột rồi quải trên vai mang đi, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn để du hành trong nhân gian, lúc đó có một Bà-la-môn bị bịnh đến thầy thuốc yêu cầu chữa trị, thầy thuốc bảo nên dùng trái Ha lê lặc thì hết bịnh, đáp: "đang trên đường đi, không thể tìm được thuốc này", thầy thuốc nói: "Sa môn Thích tử thường mang theo thuốc, theo họ xin chắc sẽ được", Bà-la-môn liền đến gặp Bí-sô hỏi có Ha lê lặc hay không, đáp: "có, ông cần thuốc này làm gì?", đáp: "tôi có bịnh, thầy thuốc bảo dùng nó thì hết bịnh, thầy có xin hãy cho tôi". Bí-sô liền ở trước mặt người này mở đãy ra tìm thuốc, trước tiên lấy ra dao, kế lấy da thuộc và các tạp vật rồi mới lấy thuốc; Bà-la-môn thấy thuốc để xen lẫn với các vật tạp nhạp nên nói: "Bí-sô sao lại để thuốc xen lẫn với các tạp vật như vậy, tôi thà chết chứ không dùng thuốc này". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô nên sắm ba loại đãy: đãy đựng bát, đãy đựng thuốc và đãy đựng tạp vật". Lúc đó các Bí-sô đeo ba loại đãy ngang bằng nhau này ở dưới nách phía dưới y, khiến nó nhô ra ngoài; người bất tín thấy rồi liền chê trách: "bộ các thầy kẹp cái trống dưới nách hay sao?". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên đeo ba loại đãy ngang bằng nhau, nên may theo thứ lớp dài ngắn để mang đi cho tương xứng". Lúc đó các Bí-sô đeo mang

đãy bằng dây nhỏ nên khiến thân bị tổn, Phật bảo nên dùng dây bản lớn, bên dưới may lót thêm vải, đừng cho cuộn co lại, khi đeo mang sẽ không bị tổn. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 5

6. Nhiếp tụng thứ sáu (tt):

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô được cúng nhiều mền nỉ dày, muốn may thành y cắt rọc để thọ trì nên cầm mền này và dao kéo đến dưới một tàng cây để cắt rọc. Phật đi đến thầy liền hỏi Bí-sô muốn làm gì, đáp: "Thế tôn bảo Bí-sô nên thọ trì ba y cắt rọc, con có nhiều mền nỉ dày nên muốn may thành ba y cắt rọc". Phật do việc này đủ lời khen ngợi giới và người trì giới rồi bảo các Bí-sô: "có năm loại không nên cắt rọc, đó là tất cả loại khăn choàng, thảm lông dài, thảm lông ngắn, mền nỉ dày và vật vụn vặt. Nếu ai đem cắt rọc thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô khách vì có việc phải đi gấp nên quên không mang theo Ni-sư-đàn, đến trời tối ghé vào một ngôi chùa, vị tri sự bảo thọ lấy ngọa cụ, đáp: "tôi quên không mang theo Ni-sư-đàn, biết lấy gì lót trên nệm", tri sự nói: "nếu vậy thọ thọ lấy giường đơn". Bí-sô thọ giường đơn nằm ngủ, ban đêm trời lạnh rét, Bí-sô chịu lạnh rét suốt đêm nên bị bịnh, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không mang theo Ni-sư-đàn thì không được đi ra ngoài, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó, có các Bí-sô có việc muốn đến thôn khác, chùa khác trong thành, định sẽ trở về ngay trong ngày mà vẫn phải mang theo Ni-sư-đàn; Bí-sô già bịnh không mang theo nổi nên sanh phiền não, liền nói với các Bí-sô: "tôi có việc cần phải đi, định sẽ về ngay nên không muốn mang theo Ni-sư-đàn, nhưng Đại sư không cho, tôi phải làm sao?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu các Bí-sô có việc muốn đến thôn khác, chùa khác trong thành, định sẽ trở về ngay trong ngày thì không cần phải mang theo Ni-sư-đàn". Sau đó lại có Bí-sô có việc cần phải đi, định sẽ về ngay nên không mang theo Ni-sư-đàn, không ngờ đến đó duyên sự lại kéo dài đến tối, vì không mang theo Ni-sư-đàn nên vị này phải trở về trong đêm đó và bị độc trùng… giặc cướp làm hại. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu định trở về ngay nhưng vì duyên sự nên không về kịp thì nên ngủ lại đêm tại đó, không

nên trở về trong đêm. Nên mượn Ni-sư-đàn của vị đồng phạm hạnh nơi đó tạm dùng, mượn được thì tốt, nếu không được thì nên lấy y bảy điều xếp làm bốn để lót nằm, thức nhiều ngủ ít cho đến sáng hôm sau mới trở về". Sau đó lại có Bí-sô khi mượn Ni-sư-đàn của người khác làm dơ rồi đem trả lại, Bí-sô kia không chịu nhận, bạch Phật, Phật bảo nên giặt sạch rồi mới trả. Bí-sô giặt sạch rồi đem trả nhưng Bí-sô kia vẫn không chịu nhận, bạch Phật, Phật nói: "nên y theo giá mà đền trả hoặc tạ lỗi đừng để giận trách".

Lúc đó Phật chế Bí-sô xuất giới không được lìa ba y, có các Bí-sô có việc muốn đến thôn khác, chùa khác trong thành, định sẽ trở về ngay trong ngày nhưng vẫn phải mang theo ba y; Bí-sô già bịnh không mang theo nổi nên sanh phiền não, liền nói với các Bí-sô: "tôi có việc cần phải đi, định sẽ về ngay nên không muốn mang theo ba y, nhưng Đại sư không cho, tôi phải làm sao?", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu các Bí-sô có việc muốn đến thôn khác, chùa khác trong thành, định sẽ trở về ngay trong ngày thì không cần phải mang theo ba y". Sau đó lại có Bí-sô có việc cần phải đi, định sẽ về ngay nên không mang theo ba y, không ngờ đến đó duyên sự lại kéo dài đến tối, vì không mang theo ba y nên vị này phải trở về trong đêm đó và bị độc trùng … giặc cướp làm hại. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu định trở về ngay nhưng vì duyên sự nên không về kịp thì nên ngủ lại đêm tại đó, không nên trở về trong đêm. Nên mượn y của vị đồng phạm hạnh nơi đó tạm thọ trì, sáng hôm sau xả rồi trả lại ". Lúc đó các Bí-sô không biết tạm thọ trì như thế nào, Phật bảo: "y đã thọ trì trước nên tâm niệm xả rồi mới thọ trì y mới. Có sáu pháp tâm niệm : một là trưởng tịnh, hai là tùy ý, ba là thọ trì y, bốn là xả ba y, năm là phân biệt y dư, sáu là xả biệt thỉnh".

Lúc đó có Bí-sô được y, không rảnh để cắt may giặt nhuộm, Phật bảo nếu không đủ duyên để cắt may giặt nhuộm thì nên tính ra giá của vải chưa nhuộm đủ để sắm ba y thọ trì, cho đến y vật của thế tục, mượn dùng thọ trì thì không phạm. Lại có Bí-sô đến nơi khác ngủ đêm không mang theo Ni-sư-đàn, cho là đã phạm tội lìa y, bạch Phật, Phật nói: "ta chế không được lìa ba y ngủ đêm, không chế lìa Ni-sư-đàn; nhưng Bí-sô không nên cố ý không mang theo, nếu quên thì không phạm".

7. Nhiếp tụng thứ bảy trong Biệt môn thứ nhất:

Cái lượt nước có năm,
Cùng ăn chung một bát,
Lộ hình khi ăn uống,
Việc tắm rửa nên biết.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó ở phương Nam có hai Bí-sô muốn đến thành Thất-la-phiệt để yết kiến Thế tôn, nhưng cả hai đều không mang theo cái lượt nước. Trên đường đi khát nước, khi đến một ao nước, người này bảo người kia xem nước có trùng không để uống cho đỡ khát, nhìn thấy nước có trùng nên họ không uống, cứ như thế đi đến ba nơi, nơi nào cũng nhìn thấy có trùng, cả hai nói với nhau: "nước đều có trùng, nếu uống thì hại chúng sanh, nếu không uống thì chết khát, chúng ta phải làm sao?", Bí-sô nhỏ nói kệ:

"Trăm ngàn câu chi kiếp,
Khó được gặp Thế tôn,
Nay ta nên uống nước,
Đến đảnh lễ Đại sư".

Bí-sô lớn nói kệ:

"Như lai đại bi thương chúng sanh,
Diệt hết Ái nhiễm của ba cõi,
Thọ trị cấm giới trong pháp này,
Ta thà chịu chết, không sát sanh".

Lúc đó Bí-sô nhỏ không nhịn khát được nên uống nước có trùng rồi lên đường, Bí-sô lớn vì hộ trùng nên quyết tâm không uống nước có trùng, cố gắng ngồi thẳng dưới một gốc cây, trong lúc sức chưa kiệt quệ hệ tâm nơi việc thiện cho đến khi kiệt quệ mới qua đời. Do phước lực này nên được sinh lên chỗ thắng diệu của cõi trời Tam thập tam, tất cả hữu tình sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: một là ta từ đâu sanh đến đây, hai là nay ta đang ở đâu, ba là ta do nghiệp duyên gì. Vị thiên tử này liền nhớ biết tiền thân mình là người, được sanh lên cõi trời Tam thập tam là nhờ tôn trọng lời Phật dạy. Thiên tử suy nghĩ: "nếu ta không đến kính lễ Thế tôn trước là bất kính", nghĩ rồi liền dùng chuỗi anh lạc trang nghiêm thân, dùng y kích đựng đầy các loại hoa trời như hoa Ưu bát la, Bát đầu ma… qua đầu đêm đến chỗ Phật, rải hoa cúng dường, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết diệu pháp. Thân quang của vị thiên tử này chiếu sáng khắp cả rừng Thệ đa, Phật quán biết căn tánh tùy miên của thiên tử này, nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, thiên tử bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt con ra khỏi ba cõi, đặt để con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay con

xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết con là Ô-ba-sách-ca", thiên tử liền cung kính nói kệ:

"Con nương nhờ Phật lực,
Đóng bít ba đường ác,
Sanh cõi trời thắng diệu,
Thú hướng cõi Niết-bàn.
Con nương nhờ Thế tôn,
Nên được thanh tịnh nhãn,
Chứng được Chân đế lý.
Phật vượt trên trời người,
Thoát khỏi già bịnh chết,
Khó gặp trong biển Hữu,
Nay gặp được chứng quả.
Con với thân trang nghiêm,
Tâm tịnh đảnh lễ Phật,
Nhiễu bên phải trừ oán,
Nay trở về thiên cung".

Nói kệ rồi, thiên tử vui mừng như người đi buôn được lời, như người cày ruộng được thu hoạch, như người ra trận được thắng, như người bịnh được lành, đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung. Sau đó Bí-sô nhỏ đến thành Thất-la-phiệt, vào trong rừng Thệ đa, cất y bát, rửa chân rồi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi đứng một bên. Pháp thường của Phật là khi có khách Bí-sô đến, Phật an ủi rồi hỏi Bí-sô từ đâu đến, đáp là từ phương Nam đến, lại hỏi hạ an cư ở đâu, đáp là cũng ở phương Nam, lại hỏi đi đường có bạn không, đáp là có, lại hỏi người bạn đó hiện nay ở đâu, Bí-sô liền kể lại việc trên. Phật nghe rồi liền nói kệ:

"Nếu khinh mạn giới ta,
Thì gặp ta làm chi,
Dù cho có gặp ta,
Cũng như là không gặp.
Bí-sô kia gặp ta,
Do thọ trì tịnh giới,
Thầy ngu si vô trí,
Không thể thật thấy ta".

Lúc đó Phật vạch bày thượng y cho Bí-sô này thấy ngực mình rồi nói kệ:

"Thầy hãy nhìn thân ta,
Thân do cha mẹ sanh,

Sắc ví như vàng ròng,
Là do nghiệp đời trước.
Ai không kính pháp thân,
Thì không thật thấy Phật,
Ai thành tựu pháp thân,
Mới thật thấy Mâu ni.
Pháp thân đứng thứ nhất,
Sắc thân đứng thứ hai,
Người trí thấy biết rõ,
Nên khéo hộ Thi la.
Thời Phật Ca-diếp ba,
Có Bí-sô phạm giới,
Vì tổn lá Y la,
Hiện đọa trong loài rồng".

Nói kệ rồi Phật suy nghĩ: "do Bí-sô không mang theo cái lượt nước nên có lỗi này", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô nên cất chứa cái lượt nước. Lúc đó các Bí-sô không biết cái lượt nước có mấy loại, Phật nói: "có năm loại:

1. Cái lượt nước lưới vuông: thông thường dùng chừng ba, hai hay một thước vải để làm cái lượt nước, nên làm hai lớp, vải nên dày và mịn để trùng không lọt qua được, nếu vải thưa mỏng thì không nên dùng.

2. Pháp bình tức là bình âm dương.

3. Quân trì: dùng vải bịt miệng bình rồi dùng dây cột nơi cổ bình, nhúng xuống nước cho nửa miệng bình nổi lên, nếu chìm ngập miệng bình thì nước sẽ không vào trong bình, chờ nước vào đầy bình mới lấy ra khỏi nước, vẫn phải xem kỹ có trùng hay không.

4. Chước-thủy-la: cái lượt nước lưới tròn, hình thức tuy khác nhưng ý hộ trùng là giống nhau.

5. Y-giác-la: không phải chéo y ca-sa, mà là miếng vải vuông chừng một khuỷu tay bịt, cột vào miệng bình để lượt lấy nước khi cần".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô trước đã có hiềm khích, nay làm bạn cùng du hành trong nhân gian. Một người có cái lượt nước, một người không có; người có lấy ra dùng để lượt nước, người không có hỏi mượn, người kia không cho mượn nên công việc của người này bị trở ngại. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu trước đã có hiềm khích thì không nên cùng du hành, nếu gặp duyên phải đi chung thì nên sám tạ nhau rồi mới đi chung".

Duyên xứ như trên, lúc đó có hai Bí-sô cùng du hành, một người có

cái lượt nước, một người không có. Người không có hỏi: "thầy có mang theo cái lượt nước không?", đáp là có, người này nghe rồi lại không hỏi người kia có cho mượn dùng hay không. Sau đó người kia lượt lấy nước uống, người này hỏi mượn, người kia không cho mượn và nói: "thầy chỉ hỏi tôi có mang cái lượt nước hay không chứ không hỏi mượn dùng, nay lại hỏi mượn thì thật là bất kính nên tôi không cho", do duyên này nên công việc bị trở ngại như trên. Phật nói: "khi các Bí-sô muốn đi đâu nếu không có cái lượt nước thì nên hỏi đồng bạn có mang theo cái lượt nước hay không, nếu đáp là có thì nên hỏi cho tôi dùng chung được không, nếu đáp là được thì mới cùng đi chung, nếu đáp không được thì không nên cùng đi chung". Duyên xứ như trên, lúc đó có hai Bí-sô cùng du hành, một người có cái lượt nước, một người không có. Người không có hỏi: "thầy có mang theo cái lượt nước không?", đáp là có, lại hỏi cho tôi dùng chung được không, đáp là được nên cả hai cùng đi chung. Trên đường đi bỗng gặp đoàn thương buôn, người có mang theo cái lượt nước có việc nên theo các thương nhân trở về, người không có cái lượt nước liền nói: "trước đây thầy có hứa cho tôi dùng chung cái lượt nước, nay thầy trở về hãy đưa nó cho tôi", đáp: "tôi hứa cho thầy dùng chung nhưng không nói là để lại cho thầy dùng". Do duyên này nên công việc bị trở ngại như trên. Phật nói: "khi các Bí-sô muốn đi đâu nếu không có cái lượt nước thì nên hỏi đồng bạn có mang theo cái lượt nước hay không, nếu đáp là có thì nên hỏi cho tôi dùng chung được không, nếu đáp là được thì nên hỏi nếu thầy có việc phải trở về thì có thể để lại cái lượt nước cho tôi mượn dùng hay không; nếu bằng lòng thì tốt, nếu không bằng lòng thì không nên cùn đi chung".

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật: "Thế tôn, nếu không mang theo cái lượt nước thì có được đi đến thôn khác hay chùa khác hay không?", Phật nói: "không được, nếu biết đến nơi đó có thể cầu được cái lượt nước, không làm trở ngại công việc thì không phạm"; lại hỏi: "hai người chỉ có một cái lượt nước thì có được du hành hay không?", Phật nói: "nếu không làm trở ngại công việc thì được"; lại hỏi: "nếu nhiều người cho đến đại chúng chỉ có một cái lượt nước thì có được du hành hay không?", Phật nói như trên, lại hỏi: "nếu không có cái lượt nước thì có nên đi lại trên bờ sông hay không?", Phật nói: "nếu nước chảy xiết, không có dòng nước khác chảy vào thì cách năm dặm nên xem nước rồi mới dùng; nếu có dòng nước khác chảy vào thì khi dùng nước cũng phải xem kỹ; nếu nước sông không chảy xiết thì tùy chỗ nên xem kỹ"; lại hỏi: "khi xem nước, nên xem trong phạm vi bao nhiêu?", đáp là chừng một tầm lại hỏi: "nếu không xem nước cũng không lượt thì nước đó có được dùng hay không?", đáp là không được, nếu dùng

thì phạm; lại hỏi: "nước đã lượt rồi mà không xem lại thì có được dùng hay không?", đáp là không được; lại hỏi: "nước không lượt nhưng có xem kỹ thì có được dùng hay không?", Phật nói: "nếu xem kỹ thấy không trùng thì được tùy ý dùng"; lại hỏi: "nước đã lượt và xem kỹ thì có được dùng hay không?", đáp là không trùng thì được dùng. Phật bảo Ưu-ba-ly: "có năm loại nước sạch (tịnh thủy):

1. Tăng già tịnh thủy: đại chúng sai một Bí-sô xem nước, khi vị này đang như pháp xem kỹ nước, một Bí-sô khác đến nói: "nước này Tăng đã lượt sạch rồi" thì uống dùng không phạm.

2. Biệt nhân tịnh thủy: nếu biết Bí-sô kia đối với giới, kiến, oai nghi, chánh mạng đều thanh tịnh thì dùng nước của vị ấy không phạm.

3. Lự la tịnh thủy: dùng cái lượt nước để lượt nước, không có trùng lọt qua, được dùng không phạm.

4. Dũng tuyền tịnh thủy: ngay chỗ nước suối phun ra thì không có trùng.

5. Tỉnh thủy tịnh thủy: khi múc nước giếng lên xem thấy trong sạch không có trùng, để đến sáng hôm sau được tùy ý lấy dùng".

Lúc đó có Bí-sô do chăm chú xem nước có trùng hay không nên mắt bị loạn thị, Phật bảo không nên nhìn quá lâu, chỉ nên bằng khoảng thời gian xe sáu con bò chở tre quay trở lại, trong khoảng thời gian tâm tịnh trở lại để xem nước thì không phạm.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có các cư sĩ tịnh tín mang các khí cụ đựng thức ăn đến cúng cho các Bí-sô, các Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "vì đại chúng nên thọ", Bí-sô vâng lời Phật dạy thọ rồi đem cất vào trong kho, thọ thực vẫn bằng bát như cũ, thí chủ thấy rồi liền hỏi: "những khí cụ đựng thức ăn đã cúng trước đây vì sao không dùng?", đáp là đã cất vào trong kho, thí chủ nói: "Thánh giả, không lẽ trong nhà tôi không có kho để cất chứa hay sao, chúng tôi dâng cúng là muốn các thầy thọ dụng; nay thầy đem cất vào trong kho thì chúng tôi chỉ được phước bố thí mà không được phước thọ dụng", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "vật của thí chủ cúng nên thọ dụng", Bí-sô vâng lời Phật dạy thọ dụng. Sau đó lại có thí chủ dâng cúng cái mâm đồng lớn, Bí-sô già được mâm đồng này hằng ngay lau chùi nên cực khổ, Phật bảo: "nên cử người cất giữ khí vật và lau chùi". Lúc đó các

Bí-sô không chọn người để sai làm việc này nên khiến các khí vật hư hoại, Phật bảo: "người có đủ năm pháp nếu chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì không cho làm, đó là: tùy Ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không nhớ đã làm hay chưa làm. Ngược với năm pháp trên thì nếu chưa sai nên sai, nếu đã sai rồi thì nên bảo làm. Tác pháp sai như sau : trải tòa, đánh kiền chùy, nhóm Tăng; Tăng nhóm rồi nên hỏi trong chúng: "Bí-sô tên --- có thể làm người cất giữ khí vật cho Tăng hay không?", nếu người này đáp là có thể thì một Bí-sô trong Tăng nên tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô tên ---- hoan hỉ làm người cất giữ khí vật cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô ---- làm người cất giữ khí vật cho Tăng. Bạch như vậy.

Lúc đó có Bí-sô được khí vật, sau khi dùng xong đem khí vật dơ này đưa cho người coi giữ khí vật, Phật bảo nên đưa cho môn nhân đệ tử rửa sạch. Sau đó có Bí-sô không có đệ tử nên tự chùi rửa, Phật bảo nên đưa cho người cất giữ khí vật chùi rửa, nếu đệ tử không biết cách chùi rửa cũng nên đứa cho người cất giữ khí vật làm.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô cùng ăn chung trong một bát, cùng đưa tay vào trong bát rồi cùng rút tay ra nên bát bị kéo theo lên. Họ bèn nói với nhau: "hãy nhìn xem bát đen này đang hiện thần thông", khi họ rút tay ra khỏi bát thì bát rơi xuống bể. Thấy bát bể, họ cùng cười lớn, Bí-sô khác thấy rồi liền trách: "các thầy cùng làm việc sai trái như vậy, đáng lẽ phải xấu hổ, ngược lại còn cười lớn nữa", Lục chúng Bí-sô nói: "chúng ta làm việc gì, uống rượu hay là ăn hành tỏi?", đáp: "việc đó không bao lâu nữa cũng sẽ làm", Lục chúng Bí-sô nói: "bát tuy bể như không lẽ thợ gốm đều chết hết, đất sét cũng không còn hay sao; ta sẽ bảo họ làm cái khác thì có lỗi gì?", Bí-sô nghe rồi liền im lặng, bạch Phật, Phật nói: "do ăn chung một bát nên có lỗi này, từ nay không được cùng một chỗ ăn chung một bát, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có các Bí-sô tháp tùng theo đoàn thương buôn, khi các thương nhân cùng ăn chung một chỗ, các Bí-sô cũng ăn nhưng vì ít vật đựng nên không dám ăn chung, chờ họ ăn xong mới ăn thì trễ giờ, không theo kịp họ rớt lại phía sau nên gặp giặc cướp. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu đang trên đường đi, không tìm được vật đựng thì nhiều người có thể cùng ăn chung một vật đựng, đợi người này đưa tay lên, người kia mới đưa tay xuống, không được đồng thời đưa lên hay đưa xuống". Sau đó lại có Cầu tịch không dám ăn chung với Bí-sô nên sinh lỗi giống như trên, Phật bảo Bí-sô thọ lấy thức ăn trước, tay cầm vật đựng rồi mới cùng ăn chung một chỗ. Gặp lúc đi chung với tịnh

nhân, việc cũng giống như với Cầu tịch, Phật bảo vắt cơm thành từng nắm chuyền đưa cho tịnh nhân ăn. Lại có Bí-sô trở về quê quán, thân tộc nói: "xa cách đã lâu, nay mới gặp nhau nên ngồi ăn chung mâm", Bí-sô nói: "các vị là thế tục, tôi là người xuất gia không thể ăn chung mâm", thân tộc nghe rồi buồn khóc, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "biết họ ân cần mời thì nên cùng ăn chung ở chỗ khuất để không chiêu lấy cơ hiềm. Bí-sô thọ lấy thức ăn trước rồi tay đụng vào mâm thì cùng ngồi ăn không lỗi".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô chỉ mặc quần ngồi ăn, người tục thấy liền hỏi là ai đang ăn, có người đáp là Sa môn Thích tử, thế tục liền hiềm trách: "giáo chủ của họ gìn lòng hổ thẹn, vì sao đệ tử lại làm việc không biết hổ thẹn như thế". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do chỉ mặc quần ngồi ăn nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được chỉ mặc quần ngồi ăn. Ai làm trái tì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô già bịnh sức yếu, khi ăn không thể đắp thêm y, Phật bảo nên mặc y Tăng khước kỳ thì không phạm. Lại có Bí-sô bịnh nặng không thể mặc y Tăng khước kỳ, Phật bảo: "nếu vậy thì được chỉ mặc quần ngồi ăn, nhưng nên ngồi ăn ở chỗ khuất, chớ để người ngoài nhìn thấy".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô lộ hình tắm trong sông A thị la, thế tục thấy liền hỏi là ai tắm, có người đáp là ngoại đạo lõa hình, lại có người đáp là Sa môn Thích tử, thế tục liền hiềm trách: "giáo chủ của họ gìn lòng hổ thẹn, vì sao đệ tử lại làm việc không biết hổ thẹn như thế". Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do lộ hình tắm nên có lỗi này, từ nay các Bí-sô nên cất chứa quần tắm, không được lộ hình tắm. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô may quần tắm hai lớp, Phật nói: "sợ có trùng chui vào bên trong nên không được dùng; nếu ai chỉ có quần tắm kép, không có quần đơn thì nên xem kỹ nước không trùng mới được tắm". Lúc đó có Bí-sô thọ trì ba y, sợ trái pháp nên không may quần tắm, Phật bảo nên thọ trì rồi cất chứa dùng; lại có người nghèo không may được quần tắm, Phật nói: "nếu không thể có được thì nên dùng dây cột lá cây để che phía trước và phía sau rồi tắm nơi chỗ khuất, chớ để người khác nhìn thấy thì không phạm". Lúc đó Bí-sô tắm xong, sợ trong quần tắm có trùng nên không vắt quần ráo nước ; Phật bảo: "quần đơn một lớp thì không có trùng bám vào, nhưng khi vắt ráo nên giũ, nếu có trùng bám cũng sẽ văng ra".

8. Nhiếp tụng thứ tám trong Biệt môn thứ nhất:

Đậu mọc nơi đất dơ,
Ói thức ăn, đòi hỏi,

Không được dùng đồ đồng,
Được đựng muối … không phạm.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô Hiệt-ly-bạt để tánh đa nghi, một hôm vào trong nhà xí nhìn thấy một hạt đậu mọc lá liền cho là mình làm tổn hại sanh chủng (hạt giống sống). Thời gian sau, trong Tăng làm nhiều bánh đậu xanh, Bí-sô này không dám ăn, các đệ tử hỉ nguyên do, liền kể lại việc đã thấy trước kia, các đệ tử nghe rồi cũng không dám ăn và đem việc này kể lại cho người khác nghe, không bao lâu sau lan truyền khắp trong chúng nên đại chúng cũng không dám ăn. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "trong các loại đậu có hạt dù nấu lâu vẫn không chín nên mọc lại, loại đậu đã nấu qua thì ăn không lỗi".

Duyên xứ như trên, lúc đó tôn giả Ưu-ba-ly hỏi Phật: "cây mọc trên đất không sạch, rái rụng trên đất không sạch thì có được ăn hay không?", Phật nói không được, lại hỏi: "cây mọc trên đất không sạch, trái rụng trên đất sạch thì có được ăn hay không?", Phật nói được ăn, lại hỏi: "cây mọc trên đất sạch, trái rụng trên đất không sạch thì có được ăn hay không?", Phật nói nếu không để cách đêm thì được ăn, lại hỏi: "cây mọc trên đất sạch, trái rụng trên đất sạch thì có được ăn hay không?", Phật nói được ăn.

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bà-la-môn đứng đầu về dạy học được cúng một con bò đực, nhiều lần sau đó đều được cúng bò đực, số bò nhiều nên trở thành bầy. Bà-la-môn này cho con bò đực đầu tiên là điềm lành nên không giết nó và để nó được tự do. Thời gian sau nó già yếu, một hôm vì khất nên nó đến bên sông uống nước, không may bị lún xuống bùn không thể lên được. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất đi ngang qua nhìn thấy, liền quán thấy con bò này có thiện căn và có duyên với mình nên kéo nó lên khỏi bùn, lấy nước rửa sạch rồi cho nó ăn cỏ uống nước. Sau đó nói cho nó nghe ba câu pháp: "hiền thủ, các hành vô thường, các pháp vô ngã, tịch diệt là vui. Hãy khởi tâm tịnh tín nơi ta và nhàm lìa cõi bàng sanh", nói rồi bỏ đi. Đêm đó khi bị con dã can làm hại, con bò này suy nghĩ: "nếu có thầy ta bên cạnh thì ta đã không bị khổ này", nghĩ rồi đối với tôn giả Xá-lợi-phất hệ tâm tôn trọng, do nhân duyên này sau khi qua đời liền thác sanh vào nhà một Bà-la-môn. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "ta nên tạm đến thăm con bò già kia", nghĩ rồi liền tác ý quán biết nó đã qua đời và thác sanh vào nhà một Bà-la-môn. Tôn giả vì muốn hóa duyên nên thường lui tới nhà Bà-la-môn này, khiến cả hai vợ chồng đều thọ Tam quy ngũ giới… giống như trường hợp của Bí-sô Thiện hòa ở trên. Thời gian sau đủ ngày tháng, vợ Bà-la-môn hạ sanh một trai có khuôn mặt như bò…, do đứa bé có khuôn

mặt như bò nên được đặt tên là Ngưu chủ… giống như trường hợp của Bí-sô Thiện hòa ở trên, cho đến câu được chứng A-la-hán. Do nghiệp lực đời trước nên trong cổ của tôn giả Ngưu chủ có hai cuống họng, một ói thức ăn ra và một nuốt vào nhai lại. Khi Phật chưa chế giới ăn phi thời thì tôn giả này ở chỗ khuất ói ra rồi nhai lại, sau khi Phật chế giới thì ói thức ăn ra ngoài luôn; do không ăn được thức ăn nên thân thể tiều tụy. Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi tôn giả A-nan: "vì sao Bí-sô Ngưu chủ lại ốm gầy tiều tụy như thế?", A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "nếu do túc nghiệp có hai cuống họng thì khi ói thức ăn ra nên súc miệng ba lần rồi hãy nhai lại thì không phạm". Sau đó lại có Bí-sô sau khi ăn no xong lại ợ thức ăn, không biết mình có phạm giới ăn phi thời không, Phật nói nên súc miệng sạch thì không phạm. Sau khi Ngưu chủ xuất gia thành Bí-sô, nhiều thế tục chê bai nói rằng: "Sa môn Thích tử sao lại cho người có hình dáng như Ngưu chủ xuất gia", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Thánh đệ tử của ta đức độ như núi Diệu cao lại bị người đời cơ hiềm, do nhân duyên này Bí-sô Ngưu chủ không nên ở trong thành nơi chỗ đông người, nên ở ngoài biên phương", Bí-sô Ngưu chủ vâng lời Phật dạy rời khỏi rừng Thệ đa, ra ngoài biên phương ở an trong cung Thế lị sa. Phật bảo các Bí-sô: "trong các đệ tử sống nơi biên phương thì Ngưu chủ là tối thắng", lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô Ngưu chủ đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực ấy tuy được sanh làm người nhưng lại có khuôn mặt như bò và được xuất gia trong Phật pháp, chứng quả A-la-hán?", Phật nói: "nghiệp đã tạo theo thời gian tăng trưởng thuần thục, trở lại tự thọ quả báo… Các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu, Ngưu chủ xuất gia trong giáo pháp của Phật này, Thân giáo sư của Ngưu chủ là bậc thượng thủ trong chúng đã chứng quả A-la-hán, tuổi già sức yếu không thể ăn mau. Ngưu chủ thường đợi thầy ăn xong thu bát, rửa sạch rồi mới đến chỗ các Bí-sô tập tụng; do thầy ăn chậm nên thường đến trễ, một hôm nổi sân nói rằng: "vì sao lại ăn chậm như bò già vậy", vị thầy nghe rồi suy nghĩ: "nó đang sân, không nên nói với nó, đợi nó hết sân sẽ nói cho nó biết". Sau khi đệ tử hết sân, vị thầy hỏi: "hồi nãy con nói lời gì?", đáp: "con nói thầy ăn chậm như bò già", thầy nói: "con có biết ta là ai không?", đáp: "con biết thầy là người xuất gia trong Phật pháp này, là bậc thượng thủ trong chúng", vị thầy nói: "quả là như vậy, nhưng đối với việc nên làm của người xuất gia thì ta đã làm xong, còn con thì vẫn còn bị trói buộc. Con đã nói lời thô ác, phải mau chí thành sám hối mới trừ được nghiệp ác này", đệ tử nghe rồi liền chí thành sám hối.

Phật bảo các Bí-sô: "do quá khứ Ngưu chủ nói lời thô ác với vị A-la-hán nên trong năm trời đời thường thọ thân bò, đời này do nghiệp dư tàn nên tuy thọ thân người vẫn còn mang khuôn mặt của bò; lại nhờ trong quá khứ siêng năng tập tụng nên đời này được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán", các Bí-sô lại có nghi thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô Ngưu chủ đã tạo nghiệp gì mà lại ở biên phương và được Phật khen là tối thắng?", Phật nói: "đó là do lực của phát nguyện, các thầy lắng nghe:

Vào thời Phật Ca-diếp ba, Ngưu chủ xuất gia tuy trọn đời tu tập nhưng không được chứng quả, thầy của Ngưu chủ trú ở biên phương thọ dụng y thực được khen là tối thắng, vì thế khi lâm chung Ngưu chủ phát nguyện rằng: "nguyện đem công đức tu tập này, ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán và được giống như thầy của con, trú ở biên phương thọ dụng y thực được khen là tối thắng".

Phật bảo các Bí-sô: "do nguyện lực thuở xưa nên nay được thọ quả báo này. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen… cho đến câu chỉ nên tạo nghiệp trắng".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô chỉ trỏ đòi thức ăn: "hãy đưa cho chúng tôi vật này, đưa cho chúng tôi vật kia…", khiến người dọn đưa thức ăn mất thứ lớp đưa đến ai, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không được chỉ trỏ đòi thức ăn, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp; nếu không có lửa, đòi thức ăn chín thì không phạm".

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ Ô ba-nan-đà đến nhà thợ làm đồng hỏi: "hiền thủ, có thể làm bát bằng đồng được không?", đáp: "đây là nghề của con, có gì không làm được. Thánh giả muốn làm bát lớn hay bát nhỏ?", đáp là làm lớn cỡ---- lại hỏi: "Thánh giả làm bát lớn như thế để làm gì?", đáp: "người ngu si này, chẳng lẽ ông làm không, không lấy tiền hay sao mà hỏi", người thợ làm đồng suy nghĩ: "làm lớn theo ý của khách đối với ta có hại gì", nghĩ rồi liền làm bát lớn. Làm xong, Ô ba-nan-đà lại bảo làm thêm một bát nữa đặt lọt vào trong bát này, thứ lớp như thế đến cái bát thứ bảy. Sau khi làm xong liền bảo đệ tử đánh bóng rồi dùng chỉ ngũ sắc đan lưới để đựng cả bảy cái bát đó và bảo Cầu tịch đội trên đầu mà đi đến chỗ thọ thỉnh. Sau khi Lục chúng Bí-sô vào nhà thí chủ, ngồi vào chỗ ngồi rồi liền mở lấy bảy cái bát ra để ở trước mặt; các cư sĩ thấy rồi liền nói: "chẳng lẽ các thầy mở cửa hàng bán đồ đồng hay sao?", đáp: "các người không biết

gì cả, bảy cái bát này : bát thứ nhất đựng cơm ; bát thứ hai đựng bún, miến hay mì ; bát thứ ba đựng bánh, bát thứ tư đựng thức ăn ngon, bát thứ năm đựng canh rau, bát thứ sáu đựng sữa hay lạc, bát thứ bảy đựng gia vị", cư sĩ nói: "nếu vậy cần thêm một vật đựng nữa để đựng thức ăn uống nhiều hơn", Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô chứa bát đồng nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được chứa bát đồng. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp, nhưng cất chứa muỗng đồng, mâm đồng đựng muối, chung nước bằng đồng thì không phạm; hoặc dùng vật của người khác thì không phạm".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 6

9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất:

Nên làm chỗ rửa chân,
Cho chứa chậu rửa chân,
Mùa nóng cho dùng quạt,
Năm loại phất đuổi muỗi.

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô rửa chân bừa bãi khắp nơi trên đất khiến nhiều ruồi bay loạn xạ bu đến; các cư sĩ, Bà-la-môn đến trong chùa nhìn thấy liền hỏi: "vì sao ruồi bay loạn xã bu đến những chỗ ấy?", đáp: "đó là chỗ chúng tôi rửa chân", họ nghe rồi liền chê trách: "Sa môn Thích tử ở dơ, tùy tiện rửa chân khắp nơi". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được rửa chân bừa bãi khắp nơi, nên chọn góc Đông nam của chùa làm nơi rửa chân", các Bí-sô không biết làm như thế nào, Phật nói nên làm như hình mai rùa. Các Bí-sô làm xong nhưng quá trơn nên không chà rửa chân được, Phật bảo nên làm nhám (chỗ rửa chân cũng có thể làm chỗ tắm rửa, bốn bên xây gạch cao chừng một thước, bên trong lót gạch, bên cạnh làm ống thoát nước dẫn nước chảy ra ngoài). Lúc đó có Bí-sô già yếu, không thể đi đến chỗ rửa chân được, Phật bảo: "nên nuôi người chấp sự để bảo họ rửa chân giúp, nên cất chứa chậu rửa chân". Sau đó Lục chúng Bí-sô liền dùng vàng bạc… các vật báu làm chậu rửa chân… bị thế tục chê trách nên Phật bảo: "không được dùng vật báu làm chậu rửa chân, nên làm chậu sành". Lúc đó các Bí-sô làm chậu rửa chân như hình con lạc đà, Phật bảo không được, nên làm như dấu chân voi hoặc như hình cái gương sen, nên làm nhám. Bí-sô rửa chân xong vất bỏ bừa bãi, Phật nói: "không được vất bừa bãi, nếu là vật của Tăng thì nên cất ở chỗ khuất, nếu là vật riêng thì nên để phía sau cánh cửa".

Duyên xứ như trên, lúc đó vào mùa xuân các Bí-sô bị nóng không chịu nổi nên thân thể ốm gầy; thế tục thấy liền hỏi nguyên do, đáp: "chúng tôi khổ vì nóng", lại hỏi vì sao không dùng quạt, đáp là Phật chưa cho dùng

quạt, thế tục nói: "đại sư từ bi, nếu biết các thầy khổ vì nóng ắt sẽ khai cho dùng quạt", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói cho dùng quạt. Sau đó Lục chúng Bí-sô liền dùng vàng bạc… các vật báu với đủ loại màu sắc để làm cán quạt và bị thế tục chê trách, Phật nói: "không được dùng vật báu làm cán quạt, chỉ được làm hai loại quạt là quạt bằng tre và bằng lá". Sau đó lại có các cư sĩ tín tâm đem quạt có họa vẽ nhiều màu đến cúng, các Bí-sô không thọ, Phật nói: "thọ cho Tăng thì không phạm".

Duyên khởi tại giảng đường Cao các, bên ao Di hầu, thành Quảng nghiêm; lúc đó có Bí-sô bị muỗi cắn thành ghẻ ngứa nên gãi không ngừng. Thế tục hỏi rõ nguyên do rồi nói: "vì sao các thầy không dùng cây phất đuổi muỗi?", đáp là Phật không cho, bạch Phật, Phật nói cho dùng cây phất đuổi muỗi. Sau đó Lục chúng Bí-sô lại dùng các vật báu là cán cây phất và dùng đuôi của trâu Mao làm lại bị thế tục chê trách, Phật nói: "có năm loại cây phất đuổi muỗi: một là làm bằng lông dê, hai là bằng sợi gai, ba là bằng vải bố xé nhỏ, bốn là bằng vải rách cũ, năm là bằng đọt cây ; nếu dùng vật báu làm thì phạm Ác tác".

10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ nhất:

Không cột hạ quần cao,
Thân không mang vác nặng,
Nếu bịnh cho cầm gậy,
Khai cho được dùng tỏi…

Duyên xứ như trên, như Phật bảo Bí-sô nên giúp làm việc xây cất cho Tăng; lúc đó có Bí-sô có việc phải leo lên thang, những người đứng dưới nhìn lên thấy hạ bộ của vị này liền nói: "giờ tôi mới biết thầy thật là người nam vì có nam căn", Bí-sô nghe rồi xấu hổ nên im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô leo lên thang mà không cộ hạ quần nên có lỗi này, từ nay nên cột hạ quần rồi mới leo lên cao". Lúc đó khi các Bí-sô làm việc cột xắn quần lên quá cao, thế tục không tín tâm thấy liền chê cười nói: "Thánh giả muốn đánh nhau hay sao?" … cho đến câu Phật nói: "khi leo lên thang mới cột hạ quần còn làm việc dưới đất thì không cần cột".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô tự mang vác nặng, thế tục không tín tâm thầy rồi liền nói: "chúng tôi vì phải nuôi cha mẹ, vợ con nên mới đem thân mang vác làm việc nặng, vì sao các thầy lại khổ nhọc như vậy?", đáp: "chúng tôi cũng có nhiều nguyên do: một là cúng dường Phật, hai là lo việc ăn uống cho Tăng, ba là vì cung cấp vật cần dùng cho người bịnh", thế tục nghe rồi liền im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền

bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên mang vác nặng, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại núi Thứu, thành Vương xá; lúc đó có Bí-sô già yếu lên xuống núi bị vấp chân té ngã, Phật bảo nên cất chứa gậy. Sau đó Lục chúng Bí-sô dùng các vật báu với nhiều màu sắc làm gậy và bị thế tục chê trách, Phật nói: "có hai trường hợp được cất chứa gậy: một là già yếu không sức lực, hai là bịnh nặng". Lúc đó có Bí-sô giả vờ già bịnh nên dùng gậy chống, Phật nói: "ai thật già bịnh thì nên vào trong Tăng xin yết ma cất chứa gậy. Tác pháp như sau : trải tòa, đánh kiền chùy nhóm Tăng, Bí-sô già bịnh vào trong Tăng đến trước vị Thượng tòa chắp tay bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, tôi là Bí-sô ---- già bịnh suy yếu, nếu không có gậy thì không thể đi lại được, nay theo Tăng xin yết ma cất chứa gậy. Xin Tăng cho tôi là Bí-sô ---- cất chứa gậy, xin thương xót (ba lần).

Lúc đó một Bí-sô trong Tăng nên tác bạch yết ma như sau: Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô ---- này già bịnh suy yếu, nếu không có gậy thì không thể đi lại được, nay theo Tăng xin yết ma cất chứa gậy. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng cho Bí-sô---- già bịnh suy yếu này yết ma cất chứa gậy. Bạch như vậy.

Tác yết ma cũng chuẩn theo văn tác bạch, ai được Tăng yết ma cho cất chứa gậy rồi thì dùng gậy chống đi không phạm".

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó có Bí-sô già yếu lại thêm bịnh phong, khi lên xuống núi Thứu thì bị trượt chân té ngã, bình nước rửa và bình quân trì đều bể. Bí-sô bạch Phật, Phật nói nên dùng dây đan lưới cột vào gậy, Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền dùng dây tơ ngũ sắc đan lưới cột vào gậy và bị thế tục chê trách…, Phật nói: "nếu ai muốn cất chứa gậy và dây đan lưới cột vào gậy thì xin Tăng yết ma một lần, Tăng yết ma cho rồi thì dùng không phạm".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô sau khi ăn tỏi, đến chỗ Phật đảnh lễ rồi đứng một bên, Phật bảo ngồi xuống nhất tâm nghe pháp, Bí-sô vâng lời ngồi xuống một bên, trong khi Phật đang thuyết pháp thì vị này cứ day mặt qua chỗ khác, vì sợ mùi tỏi xúc phạm Phật, cứ như thế đến ba lần đều không nhất tâm nghe pháp. Đến lần thứ ba, Bí-sô đứng dậy đảnh lễ Phật rồi đi, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi: "các Bí-sô có ăn tỏi hay sao?", đáp là có, Phật nói: "do vị ấy ăn tỏi nên bị chướng ngại nhập Thánh đạo, vừa rồi nếu không do ăn tỏi, nhất tâm nghe pháp thì đã ngay nơi chỗ ngồi chứng được quả Dự lưu. Từ nay các Bí-sô không nên ăn các loại hành tỏi, ai ăn

tỏi thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi trong chúng suy nghĩ: "hôm nay Bí-sô này không được Kiến đế thì ngày mai có được hay không?", liền quán biết ngày mai cho đến sau này cũng đều không có duyên chứng được Thánh đạo. Tôn giả xuất định nói kệ:

"Do trong thời gian ngắn,
Tán tâm không chánh niệm,
Nên mãi đến đời sau,
Cũng không được Kiến đế".

Lúc đó Phật biết tâm niệm của tôn giả Xá-lợi-phất nên bảo: "này Xá-lợi-phất, thầy không nên suy lường về cảnh giới Phật, vì cảnh giới này vượt lên trên tất cả cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác; nhưng đời vị lai có Phật ra đời hiệu là Nhất thiết tôn thì người này sẽ ở trong giáo pháp của vị Phật ấy xuất gia, được Lậu tận chứng quả A-la-hán". Sau đó có Bí-sô bịnh nặng đến yêu cầu thầy thuốc chữa trị, thầy thuốc bảo ăn tỏi thì hết bịnh, Bí-sô nói Phật đã chế không được ăn, thầy thuốc nói: "bịnh này thuốc khác không trị hết bịnh", bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc nói phải dùng thuốc này mới hết bịnh thì được dùng không phạm". Bí-sô này ăn tỏi để trị bịnh, ở trong Tăng phòng thọ dụng giường nệm, chăn mền; đến chỗ đại tiểu tiện, ra vào trong chúng, nhiễu tháp, lễ hương đài, thuyết pháp cho thế tục nghe, thọ thí chủ thỉnh thực, đến trong miếu thờ trời, ở chỗ đông người…; mọi người nghe mùi tỏi liền chê trách rằng: "Sa môn Thích tử cũng ăn tỏi, mùi hôi bay cùng khắp đâu khác người thế tục chúng ta". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô bịnh muốn ăn tỏi thì có hành pháp như sau: phải ở phòng bên, không được ở trong Tăng phòng thọ dụng giường nệm, chăn mền; không được đến chỗ đại tiểu tiện và ra vào trong chúng; không được nhiễu tháp, lễ hương đài và thuyết pháp cho thế tục nghe; không được thọ thí chù thỉnh thực và đến trong miếu thờ trời, ở chỗ đông người… Bí-sô bịnh khi ăn tỏi nên ở chỗ khuất ăn, nếu có người thấy cũng không chê trách. Khi nào hết bịnh, vẫn phải ở chỗ cũ trong vòng bảy ngày; nếu ăn hành thì trong vòng ba ngày; nếu ăn hẹ thì trong vòng một ngày cho hết mùi hôi. Sau đó tắm rửa sạch sẽ, mặc y phục sạch và hương xông cho không còn nghe mùi hôi nữa, lúc đó mới được trở vào trong chúng. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

II. Tổng nhiếp Biệt môn thứ hai:

Lông bò và dù lọng,
Đắp mền, duyên Thắng man,
Xuất gia, bình nước thuốc,

Cửa ngỏ, dùi, búa, rìu.

1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Lông bò và chỗ kín,
Chung giường, không đắp riêng,
Nếu được vải màu trắng,
Nhuộm rồi mới được dùng.

Duyên xứ như trên, sau khi dâng cúng rừng Thệ đa cho Tăng bốn phương, trưởng giả Cấp-cô-độc bảo người thợ cạo vào trong tinh xá cạo tóc cho Tăng…, Ô ba-nan-đà hỏi thợ cạo có biết cắt tóc kiểu lông bò không, đáp: "đây là nghề chuyên môn của tôi", nói rồi liền cắt kiểu lông bò là chừa lại hai phần tóc, Ô ba-nan-đà bảo chừa lại một phần, cho đến bảo cạo sạch hết… cho đến câu Phật bảo: "Bí-sô không được cắt tóc kiểu lông bò, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó lại có Bí-sô bị ghẻ trên đầu, nếu cạo sạch hết thì rất đau, Phật nói: "nên chừa lại phần tóc chỗ bị ghẻ".

Duyên xứ như trên, trưởng giả bảo người đến cạo tóc cho Tăng… cho đến câu Ô ba-nan-đà hỏi thợ cạo: "ông có thể cạo sạch lông chỗ kín cho ta không?" … cho đến câu Phật nói: "Bí-sô không được cạo lông ở ba chỗ kín, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó lại có Bí-sô mọc mụt nhọt ở chỗ kín rất khó chịu, Phật nói: "người bịnh nên bạch với Bí-sô kỳ túc để nhờ cạo giúp lông ở chỗ có mụt nhọt".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô nằm chung một giường rồi cùng nhau cười giỡn, xô đẩy lôi kéo; các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do nằm chung một giường nên có lỗi này, từ nay các Bí-sô không được nằm chung một giường. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có nhiều Bí-sô du hành trong nhân gian đi đến nhà thế tục trong thôn, mượn giường nằm ngủ qua đêm, chủ nhà cho mượn một cái, Bí-sô mượn thêm, chủ nhà nói: "nhà tôi nhiều người cùng ngủ chung một giường, vì sao Bí-sô lại đòi thêm, ngủ chung giường có hại gì?". Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "nếu Bí-sô có tâm hổ thẹn, giới hạnh đầy đủ thì mỗi người nên mặc áo lót thân, chánh niệm tỉnh giác, ở giữa nên để đãy đựng y ngăn cách thì ngủ chung giường không phạm".

Duyên xứ như trên, lúc đó có nhiều Bí-sô du hành trong nhân gian đến nhà một trưởng giả xin chỗ nằm ngủ qua đêm. Ban đêm khí trời lạnh nên họ tìm vật lót nằm, chủ nhà sanh tâm thương xót đưa cho vật lót nằm, Bí-sô nào được trước thì lót nằm riêng một mình, người sau không được phải chịu nằm lạnh suốt đêm. Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "không được cho mượn trước liền lót nằm riêng một mình, nên lót nằm

chung và ưu tiên cho người già". Sau đó, Ô ba-nan-đà do lớn tuổi hơn nên được vật lót nằm, không lót nằm chung lại quấn vào mình đi kinh hành để người khác nằm chịu lạnh; Bí-sô tuổi nhỏ hơn nói: "tôi bị khổ vì lạnh, thầy lại quấn vào mình đi kinh hành", bạch Phật, Phật nói: "nếu là vật lót nằm chung thì không được riêng dùng quấn đi kinh hành. Ai dùng vật của chung làm của riêng thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó vào tháng mùa Đông, các Bí-sô vì lạnh nên nằm co ro nghiêng một bên; trưởng giả Cấp-cô-độc vào trong chùa nhìn thấy liền nói: "giáo pháp của bậc Đại sư chú trong tinh cần, vì sao các thầy lại nằm co ro, luống qua ngày tháng mà không tu thiện phẩm?", Bí-sô đáp: "tâm có hỷ lạc thì mới tu thiện phẩm, chúng tôi khổ vì lạnh thì làm sao tinh cần nổi". Trưởng giả nghe rồi liền trở về nhà lấy năm trăm xấp bạch điệp dày mang đến cúng cho Tăng, các Bí-sô đắp bạch điệp này ra ngoài du hành, thế tục nhìn thấy liền nói: "các thầy muốn hoàn tục hay sao?", đáp: "các vị không nên nói lời này, vì chúng tôi lạnh nên mới đắp bạch điệp này". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được đắp bạch điệp của thế tục, nếu cần dùng nên nhuộm cho hoại sắc rồi mới đắp mặc. Ai làm trái thì phạm tội".

2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Dù, lọng, không đời sau,
Tiếng ca, không phóng hỏa,
Du hành cầu y chỉ,
Mền lông, không đắp ngược.

Duyên xứ như trên, lúc đó trong thành có một cư sĩ buôn bán y vật để kiếm sống, sau khi thu mua được nhiều y vật liền suy nghĩ: "nên tu phước nghiệp gì để được nhiều lợi ích, ta nên thỉnh Phật và Tăng thọ thực, cúng dường y thực là đại phước điền, nhờ nhân duyên cúng dường này ta sẽ được nhiều lợi ích", nghĩ rồi liền đến thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai thọ thực, Phật im lặng nhận lời, cư sĩ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Về đến nhà ngay trong đêm đó lo sửa soạn đủ các món ăn ngon, sáng sớm trải tòa bằng loại vải thượng diệu rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Lúc đó chúng tăng đi đến nhà cư sĩ, Phật và vị tri sự ở lại trong chùa, có năm nhân duyên Phật ở lại chùa và bảo người nhận lấy phần thức ăn mang về: một là muốn yên tĩnh, xa lìa ồn ào; hai là muốn thuyết pháp yếu cho chư thiên; ba là muốn thăm nom người bịnh; bốn là muốn xem xét ngọa cụ; năm là muốn chế học xứ cho các đệ tử. Hôm nay Phật muốn chế học cứ nên ở lại chùa không đi thọ

thỉnh thực. Các Bí-sô đi đến nhà thí chủ, giữa đường gặp mưa nên y phục đều ướt sũng, khi đến trong nhà thí chủ ngồi vào chỗ ngồi làm dơ tấm trải trên tòa ngồi. Thí chủ thấy rồi không vui nghĩ rằng: "những tấm vải này đều bị ố khiến ta mất lợi, ta nên đem cúng thí cho các Bí-sô", nghĩ rồi liền nói: "tôi xin dâng cúng những tấm vãi trải lót ngồi, các thầy tùy ý mang về", các Bí-sô nói đợi về bạch Phật. Các Bí-sô trở về đem việc này bạch Phật, Phật nói: "các thầy nên biết, đây không phải là bản tâm của cư sĩ dâng cúng, chỉ vì không vui nên mới cúng thì các thầy không được thọ", cư sĩ nghe lời này rồi liền sanh tâm tín kính nghĩ rằng: "những tấm vải này nếu đem bán cũng không được nửa giá, nay đem cúng cho các Thánh giả nhuộm hoại sắc để thọ dụng thì thích hợp hơn", nghĩ rồi liền mang những tấm vải này đến trong chùa bạch với Thánh chúng : "quả thật tôi vốn không có ý muốn cúng y vật này, nhưng nay tôi thật tâm dâng cúng, xin hãy thọ rồi nhuộm cho hoại sắc để đắp mặc. Lại nữa xin các vị nên cầm dù khi trời mưa để y không bị ướt", các Bí-sô nói: "xin hãy chờ chúng tôi bạch Phật", liền bạch Phật, Phật nói: "nếu cư sĩ trước không có tâm cúng, nay lại thật tâm cúng thì các thầy nên thọ rồi nhuộm hoại sắc để đắp mặc cho thí chủ được lợi ích hiện tiền. Từ nay các thầy nên cầm dù khi trời mưa, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng bốn loại báu với nhiều màu sắc để làm cán dù, dùng lông chim công làm tán dù; các cư sĩ, Bà-la-môn thấy đều chê trách… Phật nói: "Bí-sô không nên cầm các loại dù như thế, có hai loại dù được dùng là bằng tre và bằng lá", Lục chúng Bí-sô lại làm cán dù dài, giương lên đi lại trong thành; cư sĩ thấy liền hỏi nhau: "người cầm dù là vị thương chủ nào hay là trưởng giả đại phú nào từ phương khác đến", họ tụ lại xem mới biết là Bí-sô liền chê trách… Phật nói: "Bí-sô không được làm cán dù dài, nên dài chừng hai khuỷu tay hoặc dài bằng dù và không dược cầm du che khi vào trong tụ lạc". Sau đó có các Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, do đường đi ngay trong tụ lạc nên Bí-sô cầm dù che không dám di vào mà đi theo con đường bên ngoài tụ lạc, bị lạc phía sau một mình nên gặp giặc cướp. Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu đường đi ngay trong tụ lạc thì không nên giương dù lên, cầm nghiêng một bên đi thì không phạm". Lại có Bí-sô vào thôn khất thực, vì cán dù đã từng bị xúc chạm nên không dám cầm đi, gặp mưa ướt hết y nên bạch Phật, Phật nói: "nên rửa sạch cán dù rồi câm đi, khi tạnh mưa tùy chỗ gởi cất, khi rời khỏi tụ lạc mới cầm đi".

Duyên xứ như trên, lúc đó có du sĩ ngoại đạo ở phương Nam tên là Ô-đà-di thuộc phái Lô ca da, thông minh đại trí, bài bác không có đời sau, đi khắp nơi dần dần đến thành Thất-la-phiệt vào rừng Thệ đa. Trước tiên

người này đến chỗ tôn giả Kiều-trần-như nói rằng: "tôi ở chỗ Sư môn học được ít văn tự, nay muốn cùng tôn giả luận nghị", đáp: "việc khích luận không phải là việc làm của tôi, ông hãy tìm đến chỗ khác, không nên ở đây", ngoại đạo liền tìm đến chỗ các tôn giả như Mã thắng Bạt đà la, Đại danh Bà sáp ba, Danh xưng Bổ luật noa, Ngưu chủ Tỳ ma la, Thiện tý La-hỗ-la cũng nói giống như trên và các tôn giả cũng đáp giống như tôn giả Kiều-trần-như. Cuối cùng đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất cũng hỏi như trên, tôn giả liền nhập định quán xem ngoại đạo này có thiện căn không, liền quán biết là có; lại quán có duyên với ai, liền quán biết là có duyên với mình; lại quán có người khác nhờ nghe cuộc luận nghị này mà được điều phục hay không, liền quán biết là có; lại quán lúc nào mới đến nhóm họp để được điều phục, liền quán biết là nội trong bảy ngày. Sau khi quán biết rồi tôn giả liền nói với ngoại đạo: "ông muốn khích luận thật là việc tốt, hãy ở chỗ --- làm đạo tràng luận nghị", vào ngày đầu tiên tôn giả lên tòa cao kiến lập tông môn để luận nghị với ngoại đạo, khi xuống tòa đều lưu lại nghĩa dư để ngày mai luận nghị tiếp; cứ như thế đến ngày thứ bảy, khắp các nơi đều nghe biết: có du sĩ ngoại đạo ở phương Nam tên là Ô-đà-di thuộc phái Lô ca da, thông minh đại trí, bài bác không có đời sau, đi khắp nơi dần dần đến thành Thất-la-phiệt khích luận với tôn giả Xá-lợi-phất đã trải qua sáu ngày chưa phân thắng bại. Đến ngày thứ bày có vô lượng trăm ngàn chúng sanh hữu duyên đều vân tập đến thành Thất-la-phiệt, có người phát tâm hoan hỉ, cũng có người do thiện căn đời trước thuần thục mà đến. Lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: "những người hữu duyên nhân nghe luận nghị mà được hóa độ đều đã vân tập đến, nay chính là đúng thời", nghĩ rồi tôn giả liền vì đại chúng thuyết giảng cùng tột nghĩa lý, ngoại đạo này nghe xong tin hiểu, tâm ý liền khai thông, đứng dậy chắp tay bạch rằng: "đại đức, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh". Tôn giả quán biết tâm của ngoại đạo chí thành nên cho xuất gia thọ giới cụ túc và dạy bảo chánh giáo, vị này phát tâm dõng mãnh tinh tấn đoạn hết lậu hoặc chứng quả A-la-hán. Lúc đó đại chúng trong pháp hội thấy việc này rồi đều cho là hy hữu, nói với nhau: "tôn giả Xá-lợi-phất thông minh đại trí, đã dùng pháp hàng phục được ngoại đạo kiêu mạn khiến cho xuất gia", tôn giả lại tùy theo căn cơ sai biệt và tâm ưa thích không đồng của đại chúng, thuận theo túc duyên của họ mà thuyết pháp, khiến cho họ sau khi nghe pháp xong thảy đều được chứng ngộ, hoặc chứng quả Dự lưu…, hoặc thọ Tam quy ngũ giới, tín kính Tam bảo. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "này các Bí-sô, không phải ai nấy đều được như Xá-lợi-phất, người tương tự như vậy cũng

không tìm được. Từ nay các thầy nên học Lô già da… các luận thư của ngoại đạo". Lúc đó các Bí-sô học luận thư của ngoại đạo không biết chọn lựa, người ngu muội cũng học luận thư; Phật nói: "người ngu si ít trí huệ không nên học ngoại thư, chỉ có người tự biết mình thông tuệ, đa văn có trí nhớ tốt, có thể hàng phục ngoại đạo thì mới được học ngoại thư". Sau đó những người thông tuệ mãi lo học ngoại thư nên không tu tập phẩm thiện, Phật bảo không nên như vậy; họ lại chỉ lo học ngoại điển, xao lảng việc học nội điển; Phật nói: "nên chia làm ba thời : hai thời học nội điển, một thời học ngoại điển". Các Bí-sô lại chia năm tháng làm ba thời, Phật nói: "mạng sống con người vô thường trong một sát na, không nên chia năm tháng làm ba thời mà nên chia mỗi ngày làm ba thời"; các Bí-sô buổi sáng học ngoại điển, buổi chiều học nội điển, Phật nói: "nên vào buổi sáng và xế chiều học nội điển, buổi tối học ngoại điển"; các Bí-sô lại chỉ đọc qua kinh điển mà không tụng thuộc văn nên sau đó liền quên, Phật bảo nên tụng thuộc; các Bí-sô lại không biết nên tụng kinh điển vào lúc nào, Phật nói: "như ngày có ba thời, đêm cũng có ba thời".

Duyên xứ như trên, lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất cho hai người con của một Bà-la-môn xuất gia tên là Ngưu thọ và Ngưu sanh rồi dạy cho họ đọc tụng kinh pháp. Thời gian sau hai vị này du hành trong nhân gian đến một tụ lạc, thấy nơi đây có nhiều lợi dưỡng nên trụ lại ở nơi này. Do trước khi xuất gia, họ đã học ngâm vịnh theo âm vận của Bà-la-môn nên sau khi xuất gia, họ vẫn đọc tụng kinh Phật theo âm vận của Bà-la-môn. Trong hai Bí-sô này, một vị bỗng qua đời, vị kia buồn rầu suy nhược nên quên hết những pháp đã học, liền trở về lại trong rừng Thệ đa, thành Thất-la-phiệt. Nghỉ ngơi xong, Bí-sô này đến chỗ tôn giả Kiều-trần-như đảnh lễ rồi bạch rằng: "xin tôn giả giúp con ôn lại kinh", đáp: "lành thay, ta sẽ tụng cho con nghe", khi tôn giả tụng được ít nhiều, Bí-sô liền nói: "kinh mà tôn giả vừa tụng, văn từ đều sai lạc, âm vận không dài, có thiếu sót", tôn giả nói: "từ trước đến nay ta đều tụng như vậy". Bí-sô này đảnh lễ rồi đến chỗ các tôn giả như Mã thắng Bạt đà la, Đại danh Bà sáp ba, Danh xưng Bổ luật noa, Ngưu chủ Tỳ ma la, Thiện tý La-hỗ-la… bạch giống như trên; các tôn giả tụng được ít nhiều, Bí-sô cũng nói giống như trên rồi đảnh lễ từ giã đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất, cũng bạch giống như trên. Khi tôn giả đồng tụng, Bí-sô kéo âm vận dài, tôn giả kéo âm vận còn dài hơn, Bí-sô liền nói: "các tôn giả khác đều tụng sai sót, chỉ có thầy tụng văn từ và âm vận không sai", tôn giả nói: "thầy là người ngu si tự mình sai lại bài báng các bậc trí khác tụng kinh sai. Các vị ấy tụng đều không sai", bị thầy chiết phục nên Bí-sô này im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô

tụng kinh kéo âm vận dài như ngâm vịnh nên có lỗi này. Từ nay các Bí-sô tụng kinh không được kéo dài âm vận như ngâm vịnh, Bí-sô nào dùng âm vận Xiển đà để tụng kinh Phật thì phạm tội Việt pháp ; nếu ai theo tiếng địa phương cần phải kéo dài âm vận thì khi tụng không phạm. (Xiển đà là pháp dọc tụng của Bà-la-môn, âm vận kéo dài và dùng ngón tay ra dấu để phân tiết đoạn, người hướng dẫn xướng trước, những người khác đọc theo).

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 7

2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tiếp theo):

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Lục chúng Bí-sô tuy lớn tuổi nhưng vẫn thường trạo cử, các Bí-sô khác nói: "các vị tuổi đã xế chiều mà vẫn chưa ngừng trạo cử", Lục chúng Bí-sô nghe rồi im lặng, sau đó nói với nhau: "bọn Hắc bát này thật nhiều chuyện nên mới dạy khôn chúng ta, chúng ta hãy làm việc sĩ nhục khiến họ xấu hổ", nói rồi liền rình tìm cơ hội. Sau đó có nhiều Bí-sô kỳ túc vào trong rừng ngồi tịnh dưới gốc cây, Lục chúng Bí-sô cũng đến đó thấy rồi liền ở trên hướng gió thổi đốt lửa khắp cả ba phía xong, cùng tới một chỗ từ xa nhìn lại. Lúc đó các Bí-sô thấy lửa cháy lan tới, kinh sợ đứng dậy theo hướng khói chạy ra, Lục chúng Bí-sô thấy rồi liền nói: "các vị tuổi đều già mà vẫn chưa hết trạo cử, cớ sao bỏ chạy làm mất hết oai nghi tường tự", đáp: "các vị không thấy lửa cháy lan đến hay sao, bỏ chạy thì có gì lạ đâu", Lục chúng Bí-sô nói: "Thế tôn há có thể vào lúc ở yên mà chế giới, lúc gặp ách nạn lại được phạm hay sao?", các Bí-sô hỏi: "há chẳng phải các thầy gây ra hỏa hoạn này hay sao?", Lục chúng Bí-sô cười lớn nói: "là do chúng tôi cố ý muốn sĩ nhục các thầy", các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không được đốt rừng, ai làm trái thì phạm Tốt thổ la để".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có hai Bí-sô một già một trẻ cùng du hành trong nhân gian, vị già mang theo nhiều y vật, vị trẻ chỉ mang theo ba y. Sau đó vị giả bảo vị trẻ: "thầy mang đãy y giúp tôi, tôi mệt muốn nghỉ vai một lát", vị trẻ nói: "con có vài lời muốn nói, xin trưởng lão đừng trách", vị già nói: "thầy cứ tùy ý nói, ta không giận trách", vị trẻ nói: "trưởng lão há không thấy Phật pháp tăng bảo đi đến đâu tùy được dâng cúng tới đó, hơi đâu lại cất chứa những vật ngu si

này", vị già nói: "thầy không chịu mang giúp thì thôi, không ai ép thầy; nhưng tôi hỏi thầy, thầy có phải là A-giá-lợi-da hay là Ô-ba-đà-da của tôi đâu mà lại khuyên dạy tôi", vị trẻ liền im lặng, vị già suy nghĩ: "rồi ta

sẽ xử lý thầy". Đến chiều tối cả hai đến một ngôi chùa xin nghỉ qua đêm, trong chùa này tăng chúng có lập chế: ai không có y chỉ thì không được ở lại dù là một đêm. Lúc đó vị tri sự bảo hai khách tăng thọ lấy ngọa cụ, vị già thọ rồi bảo vị trẻ thọ, vị trẻ nói: "con chưa có y chỉ, đợi con xin y chỉ rồi sẽ thọ lấy ngọa cụ", nói rồi liền đi đến chỗ vị Thượng tòa thủ chúng đảnh lễ cầu y chỉ, Thượng tòa hỏi: "thầy di với ai đến đây?", đáp là đi với Bí-sô tên ---, Thượng tòa nói: "thầy hãy đến vị ấy cầu y chỉ, đừng để vị ấy nói Thượng tòa thủ chúng chia rẽ thầy trò hai người". Vị trẻ nghe rồi liền đi đến cầu vị khác, như thế khắp hết trong chùa, không ai chịu cho y chỉ ; cuối cùng vị trẻ đành phải trở lại chỗ vị già gõ cửa phòng gọi: "kính lễ Thượng tòa", vị già trong phòng hỏi vọng ra là ai, vị trẻ liền đáp: "con tên là ---, Thượng tòa biết không, đại chúng trong chùa này lập chế ai không có y chỉ thì không được ở lại dù là một đêm, xin Thượng tòa cho con y chỉ", vị già nói: "lập chế tốt, chúng tăng không làm thì ta cũng sẽ làm. Trước đây thầy đã nói với ta há không thấy Tam bảo nên mới cất chứa những vật ngu si này, sao nay lại nói là kính lễ Thượng tòa. Thầy khinh mạn như vậy thì ai lại cho thầy y chỉ, thầy hãy đi tìm thầy y chỉ khác theo ý mình", nói rồi im lặng không mở cửa cho y chỉ khiến vị trẻ phải ở ngoài suốt đêm chịu khổ. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "ai không có thầy y chỉ thì không nên du hành ; lại nữa, các Bí-sô không nên như Sư tử cố chấp lòng sân hận không chịu xả và Tăng không được lập chế ác nghiệt như vậy, khiến Bí-sô kia phải chịu khổ suốt đêm bên ngoài. Bí-sô nào không có thầy y chỉ mà du hành, lại nói lời xúc não người khác và tăng lập chế phi pháp đều phạm tội Việt pháp".

Phật tại nước Ma-kiệt-đà du hành trong nhân gian, đến ở trong cung điện của Dược xoa Bạc-câu-la tại núi Mộ câu; Bí-sô Long hộ theo làm thị giả. Lúc đó Phật đang kinh hành ngoài đất trống, trong đêm tối trời mưa lâm râm, có ánh chớp nhưng Phật vẫn không trở về phòng; thường pháp của chư Phật là Phật chưa nằm nghỉ thì thị giả không được nằm nghỉ trước. Trong lúc đó vua trời Đế thích dùng thiên nhãn quán xem hạ giới, thấy Thế tôn đang kinh hành… liền suy nghĩ: "ta nên đến lễ bái Thế tôn", nghĩ rồi liền hóa ra cung điện bằng lưu ly theo thân đến chỗ Thế tôn, đi theo sau để che mưa cho Phật. Dân chúng nước Ma-kiệt-đà có thói quen hễ thấy trẻ con kêu khóc ban đêm thì dọa chúng là có Dược xoa Bạc-câu-la đến ăn thịt, để chúng ngưng khóc. Lúc đó Bí-sô Long hộ thấy Phật không chịu về phòng nằm nghỉ liền suy nghĩ: "ta hãy giả làm Dược xoa Bạc-câu-la để hù dọa Thế tôn", nghĩ rồi liền trùm cái mền lông dài lớn đi đến chỗ Phật đang kinh hành nói rằng: "Sa môn, Dược xoa Bạc-câu-la hiện thân đến đây", Phật nói:

"thầy là người ngu si nên mới đem Dược xoa Bạc-câu-la ra hù dọa Thế tôn, Như lai Ứng chánh đẳng giác đã lìa sợ hãi từ lâu, thân tâm đầu không còn kinh hãi nữa". Vua trời Đế thích thấy Bí-sô Long hộ làm việc phi pháp này rồi liền sanh tâm hiềm trách, bạch Phật rằng: "ở trong Phật pháp lại có hạng người như thế hay sao?", Phật nói: "ông nên biết, ngôi nhà của Kiều-đáp-ma rất rộng lớn, bên trong có nhiều phẩm loại khác nhau; nhưng chớ khinh người này, vì ở đời vị lai họ sẽ chứng được thắng pháp", vua trời Đế thích đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung. Phật bảo các Bí-sô: "do Bí-sô dùng mền lớn day phần lông dài ra ngoài nên có lỗi này, từ nay các Bí-sô không được đắp mền như thế, nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có các Bí-sô tháp tùng theo các thương nhân du hành trong nhân gian, đến chỗ người chăn bò nghỉ đêm, ban đêm trời lạnh phải đắp mền lông dài, mền có mùi hôi và nhiều rận rệp. Các Bí-sô muốn day phần lông dài ra ngoài để đắp nhưng lại sợ trái chế, đem việc này bạch Phật, Phật nói: "được dùng mền day phần lông dài ra ngoài khi ngồi yên, không được trùm đi kinh hành. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Nệm lót, cho không cho,
Không để bát chỗ dơ,
Cột y, ba loại nút,
Dây đai lưng cũng vậy.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, Phật bảo các Bí-sô: "nếu được nệm lót bằng Kiếp bối hoặc nỉ lông dài hoặc Cao nhiếp bà… đều được thọ, Tăng hay cá nhân đều tùy ý thọ dụng; nhưng nếu là nỉ hay Cao nhiếp bà thượng diệu thì chỉ có Tăng được cất chứa còn cá nhân không được".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô khất thực sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, thượng y bỗng tuột xuống nên Bí-sô vội để bát xuống để kéo y lên. Các cư sĩ, Bà-la-môn thấy rồi liền chê trách : "Sa môn Thích tử không biết dơ sạch, tùy tiện để bát trên đất dơ", bạch Phật, Phật nói: "ai tùy tiện để bát trên đất dơ thì phạm tội Việt pháp, nhưng để giữ y khỏi tuột xuống, Bí-sô nên làm nút". Lúc đó Bí-sô dùng dây gai cột y khiến y bị rách, Phật bảo không nên; lại dùng dây tơ cột, Phật bảo: "không nên, nên ở trên vai làm dây khuy và tra nút phía trước ngực". Các Bí-sô không biết làm nút như thế nào, Phật nói: "có ba loại nút : một là như hạt Anh túc, hai là như hạt Quỳ, ba là như hạt Đường lê. Bên đường viền y ở trên vai tra dây khuy có thể mau bị đứt, nên tra thụt vô khoảng chừng bốn ngón tay", lúc đó dây khuy vẫn bị đứt, Phật nói: "nên may thêm cái bàn bà hai lớp,

khoét lỗ trên đó để tra dây khuy vào bên trong của hai lớp bàn bà này, xếp y lại làm ba lớp, ngay chỗ đó nên tra nút. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô khất thực sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực, hạ quần bỗng tuột xuống nên Bí-sô vội để bát xuống để kéo y lên. Các cư sĩ, Bà-la-môn thấy rồi liền chê trách: "Sa môn Thích tử không biết dơ sạch, tùy tiện để bát trên đất dơ", bạch Phật, Phật nói: "nên cột hạ quần rồi mới vào tụ lạc". Các Bí-sô dùng dây cột khiến quần mau rách, Phật nói không nên dùng dây, nên dùng dây đai lưng; các Bí-sô không biết làm dây đai lưng như thế nào, Phật nói: "có ba loại dây đai lưng: một là làm dẹp, hai là làm vuông, ba là làm tròn. Ai làm khác thì phạm tội Việt pháp".

4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Việc Thắng man, Ác sanh,
Chế đeo chuỗi anh lạc,
Dây vàng, vật màu sắc,
Thảy đều không cất chứa.

Duyên khởi tại vườn cây Đa căn, thành Kiếp-tỷ-la; lúc đó người trông coi công việc trong một tụ lạc của Thích tử Đại danh đột ngột qua đời. Người trong thôn đến báo tin và yêu cầu Thích tử Đại danh cử người khác đến thay thế, Thích tử Đại danh bảo một Ma-nạp-bà đứng bên cạnh: "ngươi hãy tạm đến trông coi công việc trong thôn, sau đó ta sẽ cử người khác đến thay thế". Người này đến trông coi công việc như pháp rồi đem lợi nhuận về đất đai nộp cho Thích tử Đại danh, Thích tử Đại danh thấy lợi nhuận này nhiều hơn trước kia nên hỏi: "người thu thuế ruộng nhiều hơn trước kia, có phải lúc bình thường đã bức bách dân trong thôn hay không?", đáp: "tôi thu thuế như pháp, không làm ai oán hận". Thích tử Đại danh liền hỏi dân trong thôn: "Ma-nạp-bà này có bức bách dân trong thôn hay không?", đều đáp là không có, Thích tử Đại danh liền cử Ma-nạp-bà này làm người trông coi mọi việc trong thôn, vì người nay thu thuế như pháp, không áp bức cướp đoạt của dân. Sau đó Ma-nạp-bà lấy một cô gái dòng Bà-la-môn trong thôn làm vợ, không bao lâu sau sanh được một trai, năm sau lại sanh thêm một gái đặt tên là Minh nguyệt; Minh nguyệt trưởng thành thông minh trí huệ và rất xinh đẹp. Thời gian sau người cha bịnh nặng, thuốc thang chữa trị đều không thuyên giảm; tiền thu thuế hàng năm đều dùng cho việc chữa trị cũng không đủ, phải vay mượn thêm người ở ngoài thôn nhưng bịnh người cha ngày càng nặng, cuối cùng qua đời. Người trong thôn đến báo tin và kể rõ mọi việc cho Thích tử Đại danh nghe, Thích tử Đại danh

hỏi: "xem họ còn dư chút nào thì lấy đem trả nợ", người trong thôn nói: "trong nhà không còn gì cả, chỉ còn ba mẹ con, người con gái tên Minh nguyệt thông minh và rất xinh đẹp", Thích tử Đại danh nói: "thế thì để cho người mẹ và con trai tự kiếm sống, còn người con gái gọi đến đây giúp việc cho ta". Người trong thôn liền dẫn Minh nguyệt đến chỗ Thích tử Đại danh, trong nhà của Thích tử Đại danh có một bà già làm kiêm hai việc : bếp núc và hái hoa. Bà liền xin Thích tử Đại danh cho Minh nguyệt phụ giúp bà hái hoa, Thích tử Đại danh nói tùy ý, Minh nguyệt vào vườn hái hoa rồi kết thành vòng hoa dâng cho Thích tử Đại danh, Thích tử Đại danh vui mừng nói: "vậy thì từ nay cho cô bé hái hoa trong vườn, kết thành vòng hoa đem dâng cho ta", nhân đó đặt lại tên là Thắng man. Một hôm, sau khi nhận lấy phần ăn của mình rồi đi vào vườn để hái hoa, Thắng man gặp Thế tôn đang vào thành khất thực. Thấy Phật tướng hảo trang nghiêm, Thắng man sanh tâm tín kính đứng chiêm ngưỡng Thế tôn rồi suy nghĩ: "từ trước tới nay do ta chưa từng cúng dường bậc chân thật phước điền, nên phải làm nô tỳ như thế này. Nếu Thế tôn nhận thức ăn này của ta, ta sẽ cúng dường", Phật quán biết tâm niệm của Thắng man nên đưa bát ra và nói: "này thiện nữ, nếu muốn dâng cúng thì hãy để vào trong bát". Thắng man cung kính để phần thức ăn vào trong bát của Phật rồi đảnh lễ và phát nguyện : "nguyện nhờ phước cúng dường này, con được xả bỏ thân nô tỳ, không còn nghèo khổ, được đại phú quý", phát nguyện xong đảnh lễ Phật rồi đi. Trên đường đi Thắng man gặp người bạn của cha mình trước kia, người này giỏi xem tướng nên thấy được dị tướng của Thắng man, liền bảo: "này cháu gái, hãy đưa tay ra cho ta xem", sau khi xem xong ông liền nói kệ:

"Lòng bàn tay của ai,
Có luân tướng vòng câu,
Tuy mang thân nô tỳ,
Sẽ làm đại vương phi.
Lòng bàn tay của ai,
Có tướng thành lầu các,
Tuy mang thân nô tỳ,
Sẽ làm đại vương phi.
Người nào miệng như ao,
Tiếng nói như Ngỗng chúa,
Tuy mang thân nô tỳ,
Sẽ làm đại vương phi.
Cháu chớ nên ưu sầu,
Sẽ thoát kiếp nô tỳ,

Hưởng thọ cảnh giàu sang,
Được làm Đại vương phi".

Thắng man bái tạ rồi đi vào vườn hái hoa. Thời gian sau, vua Thắng quang nghiêm giá bốn binh ra ngoài thành săn bắn, con ngựa của vua đang cỡi bỗng vọt chạy không sao kìm lại được, nó đưa vua đến vườn của Thích tử Đại danh ở thành Kiếp-tỷ-la. Lúc đó Thắng man đang hái hoa trong vườn, thấy vua liền chào hỏi, vua hỏi: "vườn này của ai?", đáp là của Thích tử Đại danh. Vua xuống ngựa, Thắng man cột ngựa vào gốc cây, vua nói: "hãy lấy nước cho ta rửa chân", Thắng man suy nghĩ: "rửa chân nên lấy nước ấm", nghĩ rồi liền đến chỗ nước có mặt trời chiếu xuống, dùng lá sen múc đầy nước mang đến cho vua rửa chân. Vua lại bảo: "hãy lấy nước cho ta rửa mặt", Thắng man suy nghĩ: "rửa mặt nên lấy nước mát", nghĩ rồi liền dùng tay khuấy nước cho vừa mát rồi múc nước mang đến cho vua rửa mặt. Vua lại bảo: "hãy đem nước cho ta uống", Thắng man suy nghĩ: "uống nước nên lấy nước lạnh", nghĩ rồi liền múc nước ở dưới sâu trong ao mang đến cho vua uống. Vua uống xong liền hỏi: "trong vườn này có ba loại nước phải không?", đáp: "trong vườn không có ba loại nước, chỉ lấy nước ở một chỗ", nói rồi liền tâu lại việc làm của mình, vua nghe rồi suy nghĩ: "cô gái này khéo biết đáp ứng thời cơ". Vua lại bảo: "ta muốn nằm nghỉ một chút, nàng hãy bóp chân cho ta", Thắng man bóp chân cho đến khi thấy vua ngủ say liền suy nghĩ: "những vị vua tôn quý ắt có nhiều người oán ghét, ít người yêu mến. Vua đang ngủ say sợ có kẻ ác đến hại, ta nên đóng cửa phòng hộ, nếu có ai đến hại vua, ta và chủ nhân sẽ bị tội", nghĩ rồi liền đóng cửa khu vườn. Lúc đó bốn binh noi theo dấu của vua tìm đến vườn, gặp Thắng man liền hỏi: "nhà vua đang ở trong đây phải không?", Thắng man nghe hỏi không trả lời, cũng không chịu mở cửa, vua nghe tiếng ồn ào liền thức giấc hỏi vọng ra: "là tiếng ồn gì vậy?", đáp: "có nhiều người đến hỏi Đại vương nhưng thiếp không muốn mở cửa", vua hỏi là ai đã đóng cửa, đáp: "chính thiếp đã đóng", vua hỏi vì sao lại đóng, đáp: "thiếp tự nghĩ: những vị vua tôn quý ắt có nhiều người oán ghét, ít người yêu mến. Vua đang ngủ say sợ có kẻ ác đến hại, ta nên đóng cửa phòng hộ, nếu có ai đến hại vua, ta và chủ nhân sẽ bị tội. Vì vậy thiếp đã đóng cửa", vua nghe rồi liền khen ngợi : "nàng thật tốt mới nghĩ ra kế hay này", vua lại hỏi: "Thích tử Đại danh có thân thuộc gì với nàng?", đáp: "thiếp là người giúp việc", vua nói: "nàng là con gái của Thích tử Đại danh, không phải hạng thấp hèn, vì sao không nói thật?", Thắng man im lặng, vua liền bảo Thắng man đi báo cho Thích tử Đại danh biết là vua Thắng quang đang ở trong vườn. Thắng man vội đi báo, Thích tử Đại danh nghe báo liền cho nhiều người

mang thức ăn ngon và hương hoa đến trong vườn rồi đến gặp vua Thắng quang. Sau khi chào hỏi xong, đợi vua tắm rửa thay đổi y phục rồi dâng hương hoa và thức ăn ngon. Vua ăn xong rồi hỏi Thích tử Đại danh: "cô gái này có thân thuộc gì với khanh?", đáp là người giúp việc, vua nói: "nàng ấy là con gái của khanh, không phải người giúp việc, khanh hãy dâng cho ta", Thích tử Đại danh nói: "có rất nhiều con gái dòng họ thích xinh đẹp gấp bội, vì sao vua lại chọn người con gái này?", vua nói: "cô gái này mới chính là người mà ta cần, không phải người nào khác", Thích tử Đại danh nói: "nếu thế thì thần sẽ trang nghiêm cho đủ lễ rồi đưa đến dâng vua", vua nói lành thay. Thích tử Đại danh liền cho quét dọn sạch sẽ và trang hoàng đường sá, dùng chuỗi anh lạc trang nghiêm cho Thắng man rồi cho ngồi trên voi lớn đưa đến nơi rộng rãi, lắc linh thông báo cho dân trong thành Kiếp-tỷ-la biết: Thắng man là con gái của Thích tử Đại danh được đưa đến dâng cho vua Thắng quang, nước Kiều-tát-la làm đệ nhất phu nhân. Trước sự tiễn đưa của dân chúng trong thành và với lễ nghi đầy đủ, vua Thắng quang đón Thắng man về nước. Lúc đó quốc thái phu nhân nghe biết vua lấy nô tỳ làm phu nhân, trong lòng ưu phiền và tức giận suy nghĩ: "đây không phải là đứa con tốt, lúc còn trong bụng đã làm ta phiền não, nay trưởng thành lại làm chồng kẻ nô tỳ". Về đến trong thành, vua liền bảo Thắng man dẫn ra mắt đại gia, Thắng man đến đảnh lễ đại gia, hai tay ôm lấy chân. Do bàn tay của Thắng man mềm mại nên khi chạm vào chân, quốc thái phu nhân cảm thấy thân tâm ngây ngất, giây lâu mới chợt tỉnh, nói rằng: "cô gái hạ tiện có thân hình xinh đẹp mềm mại này sẽ làm tan nát thành Kiều-tát-la của ta" . Lúc đó vua Thắng quang có hai phu nhân : một tên là Hành vũ, hai tên là Thắng man; khi ở bên Thắng man thì vua thường khen ngợi Hành vũ là người xinh đẹp tuyệt trần, Thắng man hỏi vua: "bao giờ thiếp mới được gặp?", vua nói: "không bao lâu nữa sẽ gặp". Thời gian sau, vào mùa xuân trăm hoa đua nở, cây cỏ tươi tốt, nước hồ trong xanh, đủ các loại chim bay đến tụ tập trong vườn như Anh vũ, Công, Uyên ương… Vua cùng các cung phi thể nữ vào trong vườn du ngoạn, vua mỏi mệt nên nằm nghỉ, các cung nhân đi dạo khắp trong vườn. Lúc đó Hành vũ đứng vịn nhánh cây Vô ưu, Thắng man nhìn thấy cho là thần cây nên đến bên đảnh lễ, hai tay chạm vào chân làm cho Hành vũ cảm thấy ngây ngất. Vua chợt tỉnh dậy nhìn thấy Thắng man đang ở bên Hành vũ liền ra lịnh trở về cung, sau đó ở bên Hành vũ, vua khen ngợi Thắng man, Hành vũ hỏi: "bao giờ thiếp mới được gặp", vua nói: "nàng đã gặp rồi", đáp: "thiếp nhớ là chưa từng gặp", vua nói: "để ta nhắc cho nàng nhớ, khi vào trong vườn du ngoạn, nàng đứng bên cây Vô ưu, Thắng man đã đến đảnh lễ và chạm

vào chân của nàng", Hành vũ hỏi: "nàng ấy là Thắng man sao?", đáp là phải, Hành vũ nói: "thiếp biết được Đại vương yêu mến nên mới bỏ qua người có thân hình xinh đẹp mềm mại như vậy mà hạ cố đến thiếp". Sau đó ở bên Thắng man, vua khen ngợi Hành vũ, Thắng man hỏi: "bao giờ thiếp mới được gặp?", vua nói: "nàng đã gặp rồi", Thắng man nói: "thiếp nhớ là chưa từng gặp", vua nói: "để ta nhắc cho nàng nhớ, khi vào trong vườn du ngoạn, ở bên cây Vô ưu nàng đã đảnh lễ Hành vũ", Thắng man hỏi: "nàng đó là Hành vũ sao?", đáp là phải, Thắng man nói: "thiếp biết được Đại vương yêu mến nên mới bỏ qua người xinh đẹp tuyệt trần như vậy mà hạ cố đến thiếp".

Lúc đó cả nước đều biết vua Thắng quang có hai phu nhân: Thắng man thân hình xinh đẹp mềm mại và Hành vũ dung mạo xinh đẹp tuyệt trần. Các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Thắng man và Hành vũ đã tạo thiện nghiệp gì, do nghiệp lực này nên một người được thân xinh đẹp mềm mại, còn người kia dung mạo xinh đẹp tuyệt trần?", Phật nói: "hai người này đều do nghiệp đã tạo chiêu cảm tăng trưởng thành thục… Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong Đại thành có một Bà-la-môn lấy vợ chưa bao lâu thì người vợ hạ sanh được một trai, vài năm sau lại sanh thêm một gái. Khi hai anh em trưởng thành thì cha mẹ đều bị bịnh và qua đời, người anh gặp việc đau buồn nên nghĩ đến núi rừng, liền dắt em vào núi rừng hái hoa quả sống qua ngày.

Này các Bí-sô, như rắn độc lớn có năm điều hại: một là nhiều sân, hai là nhiều hận, ba là làm ác, bốn là vô ân, năm là lợi độc. Người nữ cũng có năm điều hại: một là nhiều sân, hai là nhiều hận, ba là làm ác, bốn là vô ân, năm là lợi độc; người nữ lợi độc là người có tâm nhiễm dục rất mãnh liệt.

Khi cô em gái đến tuổi trưởng thành thì tâm Ái dục hừng thạnh, liền nói với người anh: "em không thể chỉ ăn hoa quả sống ở nơi đây, chúng ta hãy đến nơi có người tìm thức ăn", người anh nghe rồi liền dẫn em gái ra khỏi rừng, đi dần đến trước nhà của một Bà-la-môn khất thực, Bà-la-môn nhìn thấy liền hỏi: "ẩn sĩ cũng có vợ hay sao?", đáp: "đây là em gái, không phải vợ tôi", Bà-la-môn hỏi đã đính hôn chưa, đáp là chưa, Bà-la-môn nói: "nếu vậy hãy gả cho tôi", đáp: "em tôi đã xa lìa ác pháp". Lúc đó người em do tâm Ái dục hừng thạnh nên nói với người anh: "không phải em không thể ở trong núi rừng ăn trái cây để sống, mà là vì em không chịu nổi phiền não bức bách nên mới muốn cùng anh rời bỏ núi rừng đến ở trong nhân

gian. Anh hãy gả em cho Bà-la-môn này", người anh nói: "ta không thể đem gả em vì đây là ác pháp thế gian, không phải là việc làm của ta; nếu em có tục tâm thì mặc tình em muốn làm gì thì làm". Bà-la-môn hiểu ý cô gái liền dẫn vào nhà, hội họp thân tộc làm lễ cưới ; lúc đó người em gái nói với anh: "anh nay có thể ở cùng nhà với em nhưng khác phòng", người anh nói: "ta không cầu dục lạc, chỉ ưa muốn xuất gia", người em nói: "xin hãy hứa với em rồi tùy ý xuất gia", người anh hỏi hứa điều gì, người em nói: "nếu anh chứng quả thù thắng, xin hãy trở lại gặp em", người anh nói: "em sẽ được như nguyện", nói rồi từ giã ra đi. Người anh sau khi xuất gia ở chỗ các ẩn sĩ, do thiện căn đời trước nỗ lực tu tập, không bao lâu sau ngay nơi ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, không thầy tự ngộ chứng quả Độc giác. Lúc đó vị Độc giác suy nghĩ: "trước đây ta có hứa với em gái, nay nên trở lại gặp", nghĩ rồi liền đi đến nhà người em gái, ở trên hư không hiện các thần biến : trên thân phóng lửa, dưới thân phun nước… rồi hạ xuống đất. Thường tình hễ phàm phu nhìn thấy thần biến này liền như cây đại thọ sụp đổ, lúc đó người em gái sụp xuống đảnh lễ người anh nói rằng: "anh thật đã chứng được thắng đức thù diệu", đáp là phải, người em nói: "anh cần ăn uống để duy trì mạng sống còn em vì cầu phước, xin anh hãy ở lại đây để em được cúng dường", Độc giác nói: "em nay không được tự tại, hãy bàn với chồng". Người em liền đến nói với chồng: "anh biết không, anh của em xuất gia nay đã chứng được quả thượng diệu, em muốn cúng dường nhưng không dám tự chuyên. Nếu anh đồng ý, em sẽ cúng dường ẩm thực và các vật cần dùng trong ba tháng", người chồng nói: "nếu anh của em không xuất gia, dù không muốn ta cũng phải chu cấp đầy đủ ; huống chi nay anh ấy xuất gia đã chứng quả thù thắng, tùy ý em cúng dường trong ba tháng". Người chồng này có có một người vợ nữa, người vợ trước này thấy người vợ sau cúng dường ẩm thực liền suy nghĩ: "gia tài là của chung, nay cô ấy biết cầu phước, vì sao ta lại không làm", nghĩ rồi liền nói với người vợ sau: "anh của cô cũng là bậc tôn của tôi, hãy cho tôi được cách ngày cúng dường", đáp là tùy ý. Người vợ sau muốn giữ tình cảm với người vợ trước nên khi đem thức ăn cúng dường cho anh, cô để thức ăn ngon ở bên trong, bên ngoài để thức ăn thường rồi nói với người vợ trước: "em mang thức ăn này cúng dường cho người anh, xin chị tùy hỉ". Đến ngày người vợ trước cúng dường, muốn giữ tình cảm với người vợ sau nên cô để thức ăn thường ở bên trong, bên ngoài để thức ăn ngon rồi nói với người vợ sau: "tôi mang thức ăn này cúng dường cho tôn huynh, cô hãy tùy hỉ".

Phật bảo các Bí-sô: "người em gái thuở xưa chính là Thắng man ngày nay, do cúng dường thức ăn thơm ngon để ở bên trong cho người anh là vị

Độc giác, nên trong năm trăm đời thân thường mềm mại. Người vợ trước chính là Hành vũ ngày nay, do để thức ăn thơm ngon ở bên ngoài đem cúng dường cho vị Độc giác, nên trong năm trăm đời dung mạo thường xinh đẹp. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập như vậy".

Thời gian sau, phu nhân Thắng man có thai, cùng ngày ấy vợ của một đại thần Bà-la-môn cũng có thai và chịu khổ nhiều vì cái thai này. Qua chín tháng, phu nhân Thắng man hạ sinh được một trai khôi ngô tuấn tú, ai cũng yêu mến; qua hai mươi mốt ngày vua bảo đại thần bồng đứa bé này đến xin quốc thái phu nhân đặt tên. Đại thần vâng lịnh vua bồng đứa bé đến, quốc thái phu nhân nói: "có phải trước đây ta có nói rằng: cô gái hạ tiện có thân hình xinh đẹp mềm mại này sẽ làm tan nát thành Kiều-tát-la của ta", đại thần đáp phải, quốc thái phu nhân nói: "khi đứa bé chưa sanh, ta đã báo trước điều không lành, vậy nên đặt tên cho nó là Ác sanh". Cùng ngày Ác sanh sanh ra, vợ của đại thần cũng hạ sanh một trai… do đứa bé này khi còn ở trong thai cũng đã làm khổ mẹ, sau khi sanh ra cũng làm người mẹ khổ nên đứa bé này được đặt tên là Khổ mẫu. Cả hai đều được tám bà nhũ mẫu chăm sóc cho đến trưởng thành, lúc đó Thái tử Ác sanh và Khổ mẫu ra thành săn bắn, con ngựa của Thái tử đang cỡi bỗng chạy vọt đến trong vườn Thích ca ở thành Kiếp-tỷ-la. Người giữ vườn đến báo với các Thích tử , các Thích tử nghe rồi liền nói với nhau: "chúng ta cùng tiến ra giết Ác sanh, bây giờ là đúng lúc", nói rồi cùng trang bị binh giáp muốn xuất thành. Các bậc kỳ lão thấy rồi liền hỏi muốn đi đâu, đáp là muốn giết Ác sanh, các kỳ lão nói: "họ là khách mới đến chưa xúc phạm gì, hãy nhẫn nhịn", các Thích tử nghe rồi liền lui binh trở vào thành. Lúc đó bốn binh noi theo dấu tìm Thái tử đến trong vườn, người giữ vườn lại đến báo với các Thích tử, các Thích tử nghe rồi nổi giận lại muốn xuất thành. Các bậc kỳ lão thấy liền hỏi muốn đi đâu, đáp: "bốn binh của Ác sanh đến trong vườn phá hoại, chúng tôi muốn đến giết họ", các kỳ lão nói: "hãy nhẫn nhịn". Lúc đó Ác sanh biết các Thích tử muốn hại nên vội dẫn binh trở về nước, chỉ để lại một người thám thính tình hình. Khi các Thích từ kéo binh đến, không thấy Ác sanh đâu liền hỏi: "Ác sanh đứa con của kẻ nô tỳ nay ở đâu?", đáp là vừa đi khỏi, các Thích tử nói với nhau: "nếu chúng ta bắt được Ác sanh trước hết chặt tay, kế chặt chân rồi moi tim nó; nay nó đi khỏi thì làm được gì", nói rồi liền sai người đào bỏ chỗ đất mà Ác sanh đã đứng rồi lấy đất khác lấp lại, sau đó rưới nước thơm lên tường vách mà Ác sanh đã dựa vịn

và cho quét dọn sạch sẽ lại khu vườn. Người ở lại thám thính nhìn thấy mọi việc rồi liền trở về gặp Ác sanh, Ác sanh hỏi: "người đã nghe và thấy những gì?", đáp là không dám nói, Ác sanh nói: "ngươi thấy nghe như thế nào cứ nói ra, ta muốn biết rõ sự thật", người kia liền kể rõ lại mọi việc. Ác sanh nghe rồi phẫn nộ nói với tả hữu : "các ngươi hãy nhớ kỹ, sau khi phụ vương băng hà, khi ta lên ngôi kế vị, các ngươi phải nhắc lại việc này cho ta nhớ. Đây là mối thù đầu tiên của ta, ta nhất định sẽ tru diệt Thích chủng", Khổ mẫu nói: "lành thay Thái tử, xin hãy kiên tâm, khi Thái tử lên ngôi kế vị, thần sẽ nhắc lại việc này".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 8

4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tiếp theo):

(Việc vua Thắng quang tin Phật và Ác sanh tàn sát Thích chủng)

Thời gian sau, Thái tử Ác sanh khởi tâm ác nghịch, cùng các quan bàn tính việc soán ngôi; cả năm trăm đại thần đều thuận nghe theo, chỉ có đại thần Trường hành là người được vua Thắng quang Ái trọng là không thuận theo. Ác sanh hỏi Trường hành: "ông không muốn ta lên ngôi vua hay sao?", đáp: "vì sao Thái tử lại nói lời phi pháp như vậy, vua nay tuổi đã già, không bao lâu nữa sẽ băng hà, Thái tử đương nhiên sẽ lên nối ngôi. Vì sao lại mưu tính soán ngôi để mang tiếng ác, thần tuy ngu si nhưng trộm nghĩ là Thái tử không nên", Ác sanh nói: "ta chỉ thử lòng ông, ông hãy giữ kín miệng chớ nói cho ai biết", đáp là không dám trái lịnh. Sau đó, vua Thắng quang cùng đại thần Trường hành du hành đến các tụ lạc mà không dẫn tùy tùng theo. Khi đến thấy có một A-lan-nhã thanh nhàn khoáng đãng, không có tạp uế rất hợp cho người tu thiền định, dưỡng tinh thần ; vua nói với Trường hành: "Thế tôn đại sư có thể trụ một nơi thắng xứ như thế này, ta rất muốn hạ mình thân cận cúng dường nhưng không biết hiện giờ Thế tôn đang ở đâu", đáp: "thần nghe nói Thế tôn đang ở trú xứ của Thích chủng tại tụ lạc Kiết tường", vua hỏi: "từ đây đến đó gần hay xa?", đáp: "khoảng chứng ba Câu lô xá", vua nói: "ta muốn đến đó gặp Thế tôn", Trường hành tuân lịnh vua cho quay xe lại để đi đến tụ lạc Kiết tường. Đến nơi, cả hai xuống xe đi bộ, thấy các Bí-sô đang kinh hành, vua làm lễ rồi hỏi Phật đang ở đâu, đáp: "Thế tôn đang thiền định trong căn phòng khép cửa, Đại vương đến đó gõ nhẹ cửa, Thế tôn sẽ tự biết thời". Vua có năm vật trang nghiêm thắng diệu: một là mão báu, hai là lọng báu, ba là kiếm báu, bốn là cây phất báu, năm là giày báu. Vua cởi bỏ năm vật này giao cho Trường hành coi giữ để di đến gặp Phật, Trường hành suy nghĩ: "vua giao năm vật nay cho ta coi giữ để an tâm gặp Phật, ta nên ở đây coi giữ". Lúc đó vua đến gõ nhẹ cửa phòng, Phật ra mở cửa, vua đảnh lễ rồi bạch Phật: "đã lâu con không

gặp Như lai, nay được gặp vui mừng không kể xiết", Phật nói: "Đại vương vì sao lại có thể hạ mình đối với ta ân trọng như vậy?", vua nói: "con tín kính giáp pháp của Thế tôn, vì tín kính nên con phát tâm ân trọng. Lại nữa, Phật Thế tôn Ứng chánh đẳng giác khéo thuyết giảng pháp luật khiến chúng đệ tử Thanh văn đều phụng hành theo, không ai dám trái nghịch". Phật hỏi: "Đại vương ở nơi pháp nào mà khởi tâm cung kính?", vua bạch Phật: "trước đây con từng thấy các Sa môn, Bà-la-môn khác có được ít trí huệ liền tự thị cống cao, làm luận thư để nạn vấn người khác. Mọi người cho là họ giỏi phân tích nên tùy thuận theo những kiến giải đã có, họ kiến lập tông với chủ thuyết riêng rồi suy nghĩ: "ta nên đến gặp Sa môn Kiều-đáp-ma để cùng đàm luận, nếu không đáp được, ta sẽ làm nhục ông ta; nếu đáp được thì ta sẽ nạn vấn là phi lý không đúng". Khởi tà niệm này rồi họ đến gặp Phật, sau khi thấy sức oai thần của Phật, họ không dám nhìn thẳng vào Phật huống chi là trực tiếp cùng đàm luận. Do đây con phát sinh lòng tín kính đối với Thế tôn, vì tín kính nên con phát tâm ân trọng. Lại nữa, Phật Thế tôn Ứng chánh đẳng giác khéo thuyết giảng pháp luật khiến chúng đệ tử Thanh văn đều phụng hành theo.

Lại nữa Thế tôn, trước đây con từng thấy các Sa môn, Bà-la-môn khác có được ít trí huệ liền tự thị cống cao, làm luận thư để nạn vấn người khác. Khi đến gặp Thế tôn, họ đã không dám nạn vấn mà còn khen Thế tôn là bậc Pháp vương đệ nhất trong trời người, bậc Nhất thiết trí đã bứng hết gốc tà đưa người về chánh đạo ; thế nên con khởi tâm tín kính, vì tín kính nên con phát tâm ân trọng. Lại nữa, Phật Thế tôn Ứng chánh đẳng giác khéo thuyết giảng pháp luật khiến chúng đệ tử Thanh văn đều phụng hành theo.

Lại nữa Thế tôn, trước đây con từng thấy các Sa môn, Bà-la-môn khác có được ít trí huệ liền tự thị cống cao, làm luận thư để nạn vấn người khác. Khi đến gặp Thế tôn, họ đặt ra nhưng câu hỏi không hoàn chỉnh, Phật đã trả lời bằng những câu hoàn chỉnh khiến họ sanh tâm hoan hỉ, khởi tín tâm quy y Tam bảo, thọ trì học xứ; thế nên con khởi tâm tín kính, vì tín kính nên con phát tâm ân trọng. Lại nữa, Phật Thế tôn Ứng chánh đẳng giác khéo thuyết giảng pháp luật khiến chúng đệ tử Thanh văn đều phụng hành theo.

Lại nữa Thế tôn, trước đây con từng thấy các Sa môn, Bà-la-môn khác có được ít trí huệ liền tự thị cống cao, làm luận thư để nạn vấn người khác. Khi đến gặp Thế tôn, họ đặt ra những câu hỏi hoàn chỉnh, Phật tùy căn cơ trả lời bằng những câu hoàn chỉnh hơn khiến họ sanh tâm hoan hỉ,

hiểu được diệu nghĩa liền từ bỏ tà đạo, tôn sùng chánh pháp, xin xuất gia thọ giới cụ túc, siêng tu phạm hạnh, không bao lâu sau trừ hết trần cấu của nhiều đời, chứng quả A-la-hán thọ giải thoát lạc rồi suy nghĩ: "bấy lâu nay uổng cho ta đã tự khi dối mình, không phải Sa môn mà cho là Sa môn, không phải Bà-la-môn mà cho là Bà-la-môn, không phải A-la-hán mà cho là A-la-hán. Nay ta mới thật là Sa môn, Bà-la-môn, là chân A-la-hán". Thế nên con khởi tâm tín kính… như trên.

Lại nữa Thế tôn, con từng thấy các Sa môn, Bà-la-môn khác sắc mặt vàng vọt, thân hình suy nhược với các căn khiếm khuyết, thật không ưa nhìn. Con suy nghĩ: "có phải người ấy không thích tu phạm hạnh hay bị bịnh triền miên đến nỗi suy nhược như vậy, hay đã làm ác nghiệp ở chỗ khuất mà che giấu nên mới khiến người khác không ưa nhìn"; nghĩ rồi con đến hỏi rõ nguyên do, họ nói là do bị Ái dục bức bách nên mới như thế. Con nghe rồi suy nghĩ:" người không đoạn được Ái dục nên mới như vậy, nếu được thỏa mãn Ái dục thì đáng lẽ phỉ được tăng trưởng sức lực, sắc mặt hồng hào ; nhưng thật tế thì không phải vậy. Vì sao, vì con làm quốc vương được tự tại thọ hưởng năm dục lạc, đáng lẽ con phải được tướng mạo thù thắng nhưng lại không được, nên con biết không phải do thỏa mãn Ái dục mà được sức lực và sắc đẹp, nhưng người ngu si lại tham đắm Ái dục. Còn các đệ tử Thanh văn của Thế tôn do tu phạm hạnh nên các căn sáng sạch, sắc mặt tươi nhuận được an lạc trụ, thường sợ Ái dục như Nai ở trong rừng, cho đến trọn đời sống thanh bạch, thuần nhất không tạp, phạm hạnh đầy đủ. Vì thế con khởi tâm tín kính… như trên.

Lại nữa Thế tôn, con nhớ lúc con ở trên cung điện xử lý việc nước, có nhiều người vì năm dục nên đến chỗ con để kiện tụng hoặc cha mẹ, anh chị em, con trai, con gái, bạn bè… cùng tranh luận tốt xấu với nhau, huống chi là đối với người khác. Con lại thấy có hai Bí-sô tranh cãi với các Bí-sô khác đến nỗi xả giới hoàn tục, nhưng hai Bí-sô này ở trong Phật pháp tăng bảo không nói lỗi lầm, chỉ tự trách mình vô phước không thể trọn đời nương ở trong giáo pháp của Thế tôn để tu phạm hạnh, không có khuyết phạm. Vì thế con khởi tâm tín kính… như trên.

Lại nữa Thế tôn, con thấy có một hạng Sa môn, Bà-la-môn cố giữ tâm tịch tĩnh tu phạm hạnh, nhưng tám chín tháng sau lại bị Ái dục lôi kéo liền xả luật nghi làm việc nhiễm ô, tự thọ ngũ dục lạc. Còn các đệ tử Thanh văn của Thế tôn tu phạm hạnh đầy đủ, trọn đời nương theo lời Phật dạy, không có khuyết phạm. Vì thế con khởi tâm tín kính… như trên.

Lại nữa Thế tôn, con là quốc chủ với quyền lực tự tại, thống trị đất

nước có thể giết người không đáng chết, cũng có thể tha cho người đáng chết được sống, trong nước không ai là không tôn trọng. Nhưng khi con luận bàn chính trị với các đại thần là hào tộc Bà-la-môn hay Sát-đế-lỵ, trưởng giả; khi họ tâu trình vẫn có thái độ không nghiêm túc, tâm ý kiêu mạn. Con lại thấy Thế tôn khi thuyết pháp cho đại chúng trời người, tất cả đều nhất tâm lắng nghe không có tán loạn, dưới tòa im lặng không có một tiếng tằng hắng huống chi là làm ồn náo. Nếu như trong pháp hội có ai ho ra tiếng thì người bên cạnh khẽ nói: "xin chớ làm ồn, Thế tôn đang thuyết diệu pháp, vị như mật ngọt", vị kia nghe rồi liền im lặng. Lúc đó con suy nghĩ: "Thế tôn có oai lực thật không thể nghĩ bàn, Phật không dùng dao gậy hay hình phạt mà điều phục được mọi người, tất cả đều phụng hành theo". Vì thế con sanh tâm tín kính… như trên.

Lại nữa Thế tôn, con có hai cận thần tên là Tiên thọ và Cố cựu, đều được con phong ấp thưởng ban mà được giàu sang danh tiếng an lạc; đối với con tuy họ nhớ ân nhưng lại không cung kính nồng hậu như đã đối với Thế tôn. Một hôm con thống lĩnh binh mã đi thảo trừ phản tặc, con muốn thử lòng hại cận thần này nên đã hỏi họ: "đối với ta và Phật, khi ngủ hai khánh day đầu và chân về phía ai?"; lúc đó họ liền khen ngợi công đức Phật và phước điền của Pháp Tăng rồi nói là day đầu về Phật và day chân về vua. Con nghe rồi càng thêm kính trọng oai lực không thể nghĩ bàn của Phật, vì thế con khởi tâm tín kính… như trên.

Lại nữa Thế tôn, con là vua nước Kiều-tát-la, Phật cũng ở trong nước Kiều-tát-la; con sinh trong dòng Sát-đế-lỵ, Phật cũng thuộc dòng Sát-đế-lỵ; con nay đã thọ hơn tám mươi tuổi, Phật cũng thọ hơn tám mươi; con là vua Sát-đế-lỵ quán đảnh, Phật cũng là Pháp vương vô thượng nhưng so với Phật, con không thể nào sánh được. Vì thế con khởi tâm tín kính… như trên". Lúc đó vua Thắng quang ở trước Phật nói những điều thấy nghe và pháp kỳ diệu đã khiến mình khởi tâm tín kính đối với Phật xong, đảnh lễ Phật rồi đi. Vua đi không lâu, Phật liền bảo các Bí-sô: "các thầy nên ghi nhớ những điều vua đã nói, đó là pháp tụ kỳ diệu nên thọ trì đọc tụng, vì sao, vì văn và nghĩa đầy đủ, tương ưng với chánh pháp, thành tựu phạm hạnh, có thể khiến chứng được quả Chánh đẳng giác, Niết-bàn viên minh. Vì thế các thầy nên siêng năng tu học", các Bí-sô nghe Phật nói xong, hoan hỉ phụng hành.

- Nhiếp tụng văn trường hàng ở trên:

Luận về bốn hạng người,
Nghĩ đến dục, thân gầy,

Hai quan cung kính khác,
Tôn vua không bằng Phật.

Sau khi vua Thắng quang đến gặp Phật, đại thần Trường hành suy nghĩ: "năm trăm đại thần của vua đều thuận theo Thái tử Ác sanh, chỉ có mình ta là không theo nên họ không thể thành tựu việc lớn. Nay ta nên trở về ủng hộ Thái tử Ác sanh lên ngôi và đuổi hai phu nhân ra khỏi cung", nghĩ rồi liền bỏ lại năm vật của vua, lên xe quay trở về thành Thất-la-phiệt. Trường hành đến gặp Thái tử hỏi rằng: "nay Thái tử có muốn lên ngôi không?", đáp: "đó chính là điều ta muốn", Trường hành liền cùng các quan sách lập Thái tử lên ngôi vua, đuổi hai phu nhân ra khỏi cung đến chỗ vua, hai phu nhân hỏi vua đang ở đâu, Trường hành đáp: "hiện vua đang ở trong vườn Thích ca Diệu quang", hai phu nhân nghe rồi liền đi bộ đến đó gặp vua. Lúc đó vua trở ra không thấy Trường hành đâu liền hỏi các Bí-sô, Bí-sô đáp: "vua vào gặp Thế tôn chưa bao lâu thì Trường hành cũng lên xe bỏ đi", vua nghe rồi liền đi bộ trở về, lúc đó Phật cũng đi về thành Vương xá. Vua đi đến giữa đường thì gặp hai phu nhân liền hỏi: "vì sao hai khanh đi bộ đến đây?", hai phu nhân liền kể lại việc trên, vua nghe rồi liền bảo Thắng man : "trước đây khanh đã hưởng ân sủng của vua chồng, nay khanh nên trở về thọ sự phụng dưỡng của vua con. Ta và Hành vũ sẽ không trở về đó nữa", Thắng man nghe rồi liền theo đường cũ trở về thành Thất-la-phiệt, vừa đi vừa khóc. Vua cùng Hành vũ đi hướng về thành Vương xá, khi gần tới thành thấy có một khu vườn, vua liền dừng lại nói với Hành vũ: "ta tạm ở đây, khanh vào trong thành báo với vua Vị sanh oán là có vua Thắng quang nước Kiều-tát-la đang ở trong một khu vườn ngoài thành, muốn gặp nhà vua", Hành vũ nghe rồi liền vào thành gặp vua Vị sanh oán nói lại lời vua Thắng quang, vua Vị sanh oán nghe rồi kinh ngạc nói: "vua Thắng quang nước Kiều-tát-la có đại oai lực, bốn binh hùng cường vì sao lại đến đây?", Hành vũ nói: "nay vua không có bốn binh vì Thái tử soán nghịch, chỉ có thiếp cùng vua đến đây mà thôi", vua nghe rồi liền nói: "nếu vậy, ta sẽ tôn vua làm vua nước ta, ta sẽ lui xuống làm Thái tử", nói rồi liền triệu tập quần thần nói rằng: "vua Thắng quang là vua của nước lớn, vua quán đảnh dòng Sát-đế-lỵ nay đã đến đây, chúng ta phải cung kính tiếp đãi. Các khanh nên cho sửa sang đường sá trong thành, ta sẽ thống lĩnh bốn binh đích thân nghinh đón vua vào thành", quân thần tuân lịnh vua cho người đánh trống thổi loa ra lịnh dân chúng quét dọn sạch sẽ đường sá trong thành như vườn Hoan hỉ của vua trời Đế thích. Lúc đó vua Thắng quang đã lâu không ăn, thấy sứ giả chậm đến đón mình nên ra khỏi vườn để tìm thức ăn. Vua đến một vườn trồng củ La-bặc, người giữ vườn là kẻ phàm phu đưa

cho vua năm củ, vì quá đói nên vua ăn cả củ và lá, ăn xong khát nước, vua đến bên bờ nước để uống, do uống nhiều nước nên tâm thần rối loạn lại nhớ tới Thắng man, loạng choạng đi về phía trước và té ngã xuống đất, miệng ngậm đầy đất nên qua đời. Khi vua Vị sanh oán thống lĩnh bốn binh đến khu vườn nghinh đón thì không thấy vua đâu, liền sai binh lính bủa đi khắp nơi tìm kiếm. Một kỵ mã đến vườn trồng củ La bặc hỏi người giữ vườn có thấy một người như vậy như vậy không, người giữ vườn nói: "có một người như thế vừa mới đến đây xin củ La bặc rồi đi đến bờ nước". Kỵ mã đến bờ nước thì thấy vua đã chết liền trở lại báo với vua, vua nghe báo liền than: "thảm thay, ta lại mang thêm tiếng xấu, trước đây ta mang tiếng hại cha đoạt ngôi, nay lại mang tiếng hại bạn của cha", than rồi liền bảo các quan : "đây là vua Thắng quang dòng Sát-đế-lỵ quán đảnh, gặp nguy khốn nên băng hà nơi đây, chúng ta nên long trọng hỏa táng với đầy đủ nghi lễ", các quan tuân lịnh Vua trang hoàng linh xa để đưa thi thể nhà vua đến trong Hàn lâm làm lễ hỏa thiêu. Sau đó vua Vị sanh oán đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, vua Thắng quang đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay vì ăn củ La bặc, chịu khốn khổ phải qua đời?", Phật nói: "vua Thắng quang do nghiệp đã tạo nên nay phải thọ quả báo, Đại vương lắng nghe:

Quá khứ tại một ngôi làng, có một Bà-la-môn cưới vợ chưa bao lâu liền hạ sanh một trai, đứa con này lớn lên phải khất thực để nuôi sống. Một hôm xin được năm củ La bặc, đưa cho mẹ nói: "con đi tắm rửa, mẹ chờ con trở về làm thức ăn". Thuở đó, thế gian không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thường thương xót người nghèo khổ, thích sống tĩnh lặng để làm phước điền cho nhân gian. Vị này du hành trong nhân gian, thứ lớp khất thực đến trước nhà này, người mẹ thấy vị Độc giác thân tướng đoan nghiêm, các căn thanh tịnh liền đem năm củ La bặc cúng dường. Vị này thọ cúng dường xong liền ở trên hư không hiện các thần biến: trên thân phóng lửa, dưới thân phun nước… rồi hạ xuống đất. Thường tình hễ phàm phu nhìn thấy thần biến này liền như cây đại thọ sụp đổ, tâm ý điều phục hoan hỉ đảnh lễ. Sau đó người con tắm xong trở về, bảo mẹ đưa lại năm củ La bặc, người mẹ nói là đã cúng dường cho vị Phật Bích chi rồi, người con nghe rồi tức giận nói ra lời ác: "mong cho ông ta ăn năm củ ấy sẽ bị rối loạn mà chết".

Phật bảo Đại vương: "người con thuở xưa chính là vua Thắng quang ngày nay, thuở xưa do nói lời ác đối với vị Độc giác nên bị đọa vào địa ngục chịu khổ não trong vô lượng trăm ngàn năm. Nghiệp báo dư tàn phải trải qua sáu lần bị bịnh rối loạn mà chết, đời này là đời thứ bảy, do nghiệp

báo dư tàn nên sau khi ăn củ kia bị rối loạn mà qua đời. Đây là đời cuối cùng thọ nghiệp báo, sẽ không còn thọ nữa. Đại vương nên biết, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, vì vậy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng, chớ có nói lời ác", vua Vị sanh oán nghe Phật dạy rồi hoan hỉ tín thọ, đảnh lễ rồi ra về.

Lúc đó Thái tử Ác sanh đã lên ngôi vua, thời gian sau khi vua lâm triều, Khổ mẫu liền tâu vua: "trước kia Đại vương ở trước quần thần đã nói lời rằng: "khi nào ta lên ngôi, ta sẽ tru diệt các Thích tử để báo mối thù đầu tiên", vua hỏi: "có nên thực hiện lời ta đã nói trước kia hay không ?", Khổ mẫu nói: "nay Đại vương đã lên ngôi, đúng lúc nên thực hiện lời đã nói trước kia, nếu không sẽ là nói hư dối, xin Đại vương chọn ngày xuất binh", vua nghe lời Khổ mẫu thống lĩnh bốn binh là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh ra khỏi thành Thất-la-phiệt, hướng về nước Kiếp-tỷ-la để tru diệt Thích chủng. Lúc đó Phật quán biết các Thích tử sẽ phải thọ nghiệp báo, nhưng vì tình thân nên Phật đến ngồi dưới một gốc cây nhỏ, ít cành lá ở giữa biên giới hai nước chờ đợi vua Ác sanh. Vua Ác sanh từ xa trông thấy Thế tôn, liền đến bạch Phật: "đại đức, có nhiều vườn rừng với bóng mát rậm rạp vì sao lại bỏ mà đến ngồi dưới gốc cây ít lá, thiếu bóng mát này?", Phật nói: "Đại vương, không có gì mát bằng bóng mát của thân tộc", vua nghe rồi liền suy nghĩ: "dòng họ Thích trong nước Kiếp-tỷ-la đều là thân quyến của Phật, Phật vì tình thân nên nói lời này", nghĩ rồi liền rút binh trở về nước. Sau đó Khổ mẫu nhắc lại việc tru diệt Thích chủng đến lần thứ ba, vua Ác sanh mới bảo quần thần: "các Thích tử ở thành Kiếp-tỷ-la mắng ta là con của nô tỳ, ta không thể quên được ; nhưng họ là thân tộc của Như lai, Như lai vì tình thân can ngăn nên ta phải chịu nhịn không dám làm việc tru diệt, ta phải làm sao trả được mối thù này", Khổ mẫu nói: "thần nghe Sa môn Kiều-đáp-ma tự nói là ly dục, bậc ly dục thì không còn nghĩ đến thân quyến; nếu nghĩ đến thân quyến thì không phải là bậc ly dục.

Đạo tục khác nhau, Đại vương nên tự quyết", vua Ác sanh nghe rồi liền quyết định tru diệt Thích chủng. Trong lúc vua Ác sanh chưa xuất binh, Phật suy nghĩ: "các Thích tử trong thành Kiếp-tỷ-la chưa được Kiến đế, nếu đợi đến khi họ chiến đấu với vua Ác sanh thì không còn có cơ hội để Kiến đế nữa", nghĩ rồi Phật liền đi đến trong vườn Đa căn, thành Kiếp-tỷ-la. Các Thích tử nghe tin Phật đến trong vườn Đa căn liền đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên ; Phật tùy căn cơ mà nói diệu pháp khiến cho các hữu tình trong chúng hội đều được lợi ích lớn, hoặc chứng quả Dự lưu,

Nhất lai, Bất lai … hoặc gieo nhân duyên quả Phật Bích chi, hoặc quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, lại có vô lượng chúng sanh quy y Tam bảo, thọ trì học xứ phụng hành theo lời Phật dạy. Các Thích tử được pháp lợi rồi liền đảnh lễ Thế tôn rồi ra về, lúc đó vua Ác sanh đã thống lĩnh bốn binh đến đóng quân ở gần thành Kiếp-tỷ-la.

Lúc đó cụ thọ Đại Mục-kiền-liên đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, con nghe kẻ ngu si Ác sanh đã thống lĩnh bốn binh đến tru diệt Thích chủng. Con có thể dùng thần lực dời binh lính ấy đến nơi xa khác, cúi xin Thế tôn chấp thuận, con sẽ dùng thần lực biến Thành thành sắt có lưới sắt che phía trên khiến cho Ác sanh không thể nào tru diệt được", Phật nói: "ta biết thầy có thần thông lực, nhưng các Thích tử đã tạo nghiệp rồi, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thần thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay", liền nói kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Phật bảo Mục liên: "thầy nên biết thế gian đều do nghiệp lực mà thọ lấy quả báo, do nghiệp lực mà sanh, do nghiệp lực mà trụ ; tất cả chúng sanh đều tùy theo nghiệp thiện ác mà thọ lấy quả báo", Đại Mục-kiền-liên không được Phật chấp thuận liền đảnh lễ rồi lui ra.

Lúc đó các Thích tử trong thành Kiếp-tỷ-la thấy vua Ác sanh đưa đại binh đến, liền thống lĩnh bốn binh ra thành chống địch. Do họ đều là bậc Kiến đế nên không sát hại, chỉ dùng roi gậy quơ trái quơ phải để đánh. Hoặc dùng cung tên bắn làm cho đứt dây đai dưới bụng voi ngựa, hoặc bắn làm cho rơi mão, hoặc bắn trúng vào hai bên tai … làm cho té ngã mà không giết chết. Lúc đó quân của vua Ác sanh tán loạn, quân của các Thích tử đắc thắng rồi lui quân vào thành đóng cửa phòng thủ và ra chế lịnh : "chúng ta không được giết hại quân của vua Ác sanh, nếu ai trái chế lịnh thì không phải là dòng họ Thích". Vua Ác sanh thấy việc này rồi liền muốn rút quân trở về, Khổ mẫu tâu: "các Thích tử đều là bậc Kiến đế, ngay cả ruồi muỗi còn không giết huống chi là người. Trong trận vừa rồi quân của ta không ai bị thương tổn, họ còn ra chế lịnh: "chúng ta không được giết hại quân của vua Ác sanh, nếu ai trái chế lịnh thì không phải là dòng họ Thích", vua nghe tâu nhưng vẫn im lặng. Lúc đó có một Thích tử tên là Thiểm bà ở ngoài thành coi về nông nghiệp, nghe tin vua Ác sanh thống lĩnh bốn binh

đến tru diệt Thích chủng, do không nghe chế lịnh của các Thích tử và chưa Kiến đế nên dẫn quân đến đánh úp quân của vua Ác sanh. Hai bên giao chiến, quân của Thiểm bà thua trận, bị quân của vua Ác sanh tàn sát gần hết. Vua Ác sanh nói với Khổ mẫu: "vừa rồi ngươi nói các Thích tử đều là bậc Kiến đế, ngay cả ruồi muỗi còn không giết huống chi là người; nay Thiểm bà dẫn quân đến đánh, giết hại quân ta cũng nhiều. Nếu các Thích tử dẫn binh đến đánh thì thật khó đối phó, chúng ta nên quay binh trở về", Khổ mẫu nói: "Thiểm bà ở ngoài thành, vốn chưa vào trong thành Kiếp-tỷ-la nên không biết chế lịnh, nên mới dẫn binh đến đánh, xin Đại vương chớ lo". Lúc đó Thiểm bà muốn vào thành nến đến kêu cửa, người giữ cửa hỏi là ai, đáp là Thiểm bà, trong thành sai sứ ra nói rằng: "từ nay về sau ông không còn thuộc họ Thích ca, muốn đi đâu tùy ý vì ông đã phạm chế lịnh nên không thể cho ông vào thành", hỏi là chế lịnh gì, đáp: "các Thích tử đã ra chế lịnh: "chúng ta không được giết hại quân của vua Ác sanh, nếu ai trái chế lịnh thì không phải là dòng họ Thích", Thiểm bà nói: "tôi không nghe biết, xin hãy dung thứ", tuy Thiểm bà khẩn cầu nhưng các Thích tử vẫn không cho vào thành, Thiểm bà nói: "nếu không cho vào thì hãy đưa quyến thuộc của tôi ra". Sau khi đoàn tụ với các quyến thuộc, Thiểm bà đến gặp Thế tôn đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "các Thích tử ở trong thành đuổi con, xin Phật từ bi ban cho con vật kỷ niệm để con thường cúng dường", Phật thương xót liền đưa tóc và móng tay cho Thiểm bà, Thiểm bà cầm lấy tóc và móng tay của Như lai rồi đi đến nước bà cụ trà. Lúc đó dân chúng nước này nghe có Thích tử hào tộc tên là Thiểm bà đến muốn làm chủ nên cùng bàn với nhau có nên theo hay không nên theo. Thiểm bà thấy dân chúng tụ tập dưới núi bàn tính liền để tùy tùng ở một chỗ khuất, tự mình giả làm sứ giả đưa thư, giấu con dao trong người rồi đi đến chỗ họ nói rằng: "các vị nên biết Thích tử Thiểm bà có thế lực lớn và có sức mạnh rất khó chống lại, sai tôi mang thư đến. Xin hãy ngồi cùng đọc

thư", mọi người nói: "nơi đây không có ghế ngồi thì ngồi vào đâu?", Thiểm bà rút dao ra chặt tảng đá thành từng miếng rồi mời mọi người ngồi, mọi người thấy rồi liền khen là hy hữu rồi hỏi: "bậc trượng phu như ông có tất cả bao nhiêu người?", đáp: "tôi là người đưa thư đâu có gì đáng nói, những người khác còn hơn tôi gấp bội", mọi người nghe rồi liền kinh sợ nói với nhau: "sứ giả còn như vậy huống chi là Thiểm bà, tốt hơn hết là lập ông ta lên làm vua". Sau khi đọc thư xong, họ viết thư phúc đáp rồi nói với sứ giả: "chúng tôi mong Đại vương giá lâm sớm". Thiểm bà từ giã rồi trở lại chỗ các quyến thuộc, chỉnh đốn tùy tùng rồi đi vào nước Bà cụ trà. Dân chúng già trẻ đều vui mừng nghinh đón và chọn ngày lành lập lên làm vua,

lấy hiệu nước là Thiểm bà quốc. Sau khi lên ngôi, Thiểm bà cho xây một ngôi tháp thờ tóc và móng tay của Như lai gọi là tháp Thiểm bà. Người vợ của Thiểm bà vốn không tin Phật, nay cho xây miếu thần thờ cúng mãi cho đến nay.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT HẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 9

4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tt):

Lúc đó vua Ác sanh nói với Khổ mẫu: "các Thích tử đóng cửa thành và ở trên thành phòng thủ, chúng ta làm cách nào tru diệt họ được?", Khổ mẫu nói: "đối với các thành lớn chúng ta nên khéo dùng mưu mới diệt được họ. Thần nghe các vị cổ tiên nói có năm việc quyết định thắng, đó là:

Giao hảo, ngầm hối lộ,
Lừa gạt, dùng kế độc,
Sau đó dùng binh lực,
Là việc của người trí.

Trong năm việc này, chúng ta nên dùng cách lừa gạt, sai sứ mang lịnh vua đến nói với họ rằng: "đối với các vị ta không có ác ý, có việc cần bàn nên muốn vào thành, xin các vị mở cửa cho tạm gặp rồi sẽ trở ra ngay, không dám ở lâu". Vua liền sai sứ đến nói theo lời của Khổ mẫu, người trong thành bàn với nhau nên cho vào hay không nên cho vào ; có người nói nên, có người nói không nên, có người nói nên bắt thăm để lấy ý kiến của đa số. Lúc đó Ma vương suy nghĩ: "ta thường theo rình tìm sơ xuất của Sa môn Kiều-đáp-ma nhưng không tìm được, nay chính là lúc ta nên hại quyến thuộc của ông ta", nghĩ rồi ma vương hóa thành một Thích tử già ngồi trên ghế cao bắt thăm trước. Mọi người thấy rồi liền nói với nhau: "bậc kỳ túc đã rút thăm, vì sao chúng ta không rút", nói rồi liền rút thăm. Kết quả số thăm nên cho vào nhiều hơn nên họ mở cửa thành cho vào. Khi đã vào được trong thành, vua Ác sanh liền ra lịnh tàn sát các Thích tử không thương xót, Thích tử Đại danh thấy việc này rồi, vì thương xót thân quyến nên chạy đến chỗ vua Ác sanh với đầu tóc rối tung nói rằng: "xin vua cho tôi một ước nguyện", hỏi là nguyện gì, đáp: "xin vua hãy thí vô úy cho Thích chủng", vua nói: "ta không tha cho các Thích tử khác, nhưng quyến thuộc của ngươi thì được tùy ý ra đi", Thích tử Đại danh nói: "tôi sẽ lặn xuống đáy hồ, trong lúc tôi chưa nổi lên, xin vua cho quyến thuộc của tôi

được chạy thoát", vua nghe rồi liền nhìn quần thần, quần thần tâu: "Thích tử Đại danh là bạn của tiên vương, vua nên cho ông ấy được như nguyện", vua nói: "vậy thì hãy cho họ tùy ý chạy đi trong thời gian ngắn". Được vua chấp thuận, Đại danh trong lòng áo não thương xót nhìn quyến thuộc rồi nhảy xuống hồ lặn xuống đáy, lấy tóc của mình cột vào một gốc cây và chết ở đó. Lúc đó những người trong dòng Thích không cọng nghiệp trong quá khứ thì chạy ra khỏi thành hoặc đến nước Mạt la, hoặc nước Nê ba la hoặc đến các tụ lạc thành ấp khác. Những người cọng nghiệp trong quá khứ thì không thể chạy ra khỏi thành, đến cửa Đông lại chạy trở vào cửa Nam, đến cửa Nam lại chạy trở vào cửa Tây, đến cửa Tây lại chạy trở vào cửa Bắc, đến cửa Bắc lại chạy trở vào cửa Đông. Quần thần thấy vậy liền tâu vua: "không hiểu vì sao họ chạy ra đến cửa thành lại trở vào lại", vua hỏi quần thần: "hãy xuống xem vì sao Đại danh lại lặn lâu như vậy", binh lính xuống đáy hồ xem thì thấy Đại danh đã chết. Vua nghe nói Đại danh chết dưới đáy hồ liền nổi giận bảo quần thần: "hãy làm tòa cao để ta lên trên đó tận mắt nhìn thấy máu của dân trong thành này chảy tràn ngập khắp nơi; nếu không như thế thì ta không rời khỏi tòa này". Lúc đó quần thần nói với nhau: "vua Ác sanh gây tội ác muốn thấy máu chảy tràn ngập, nhưng làm sao có thể được như vậy. Chúng ta lấy chất khoáng màu đỏ tía nấu ra nước đỏ rồi đem tưới khắp nơi, nhìn không khác gì là máu chảy", nói rồi liền làm như vậy, vua Ác sanh nhìn thấy cho là máu chảy liền suy nghĩ: "ta đã được thỏa mãn, nay nên rút binh trở về". Trong trận chiến này, kẻ ngu si Ác sanh đã giết oan bảy vạn bảy ngàn người họ Thích, trong số đó có nhiều người đã Kiến đế. Vua Ác sanh khi rút quân dẫn theo năm trăm đồng nam và năm trăm đồng nữ họ Thích đến một khu vườn là trú xứ của ngoại đạo, Khổ mẫu hỏi vì sao không giết chết, vua hỏi nên giết như thế nào, đáp là cho voi giày đạp. Trong số năm trăm Thích tử này có người khỏe mạnh đánh voi ngã, Khổ mẫu thấy rồi liền tâu vua: "những Thích tử khỏe mạnh này nếu thả ra, họ sẽ gây bất lợi cho Đại vương", vua hỏi nên giết họ như thế nào, đáp: "nên đào hố chôn sống, cho đầu ló lên rồi dùng sắt đóng". Lúc đó có hai Thích tử chạy đến chỗ Phật, Phật muốn cho mọi người biết nghiệp báo là thật có nên dùng thần lực hóa ra cái bát lớn cho họ ẩn nấp, nhưng họ vẫn chết ở trong bát. Lúc đó Phật cảm thấy đau đầu nên bảo A-nan mang bát đầy nước đến, hai ba giọt mồ hôi trên cổ Phật nhỏ vào trong bát nước này khiến nước bốc khói và phát ra tiếng kêu như bỏ sắt nóng vào nước. Lúc đó vua Ác sanh để một người ở lại thám thính nói rằng: "nếu người nghe thấy Phật nói gì thì hãy trở về báo lại", nói rồi dẫn năm trăm Thích nữ về nước. Các Bí-sô thấy việc này rồi đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn do

nghiệp gì mà bị đau đầu, các Thích tử trong thành Kiếp-tỷ-la đã tạo nghiệp gì mà nay tuy không phạm tội lại bị vua Ác sanh tru diệt?", Phật bảo A-nan: "thầy hãy thông báo các Bí-sô tập họp, cùng ta đi đến vườn của ngoại đạo để nghe ta nói nhân duyên của túc nghiệp khiến cho kẻ ngu Ác sanh tàn sát Thích chủng", tôn giả A-nan vâng lời Phật đi thông báo. Phật cùng đại chúng đi đến vườn ngoại đạo, một Bà-la-môn ở giữa đường gặp Phật liền nói: "Sa môn Kiều-đáp-ma, kẻ ngu Ác sanh đã tạo nghiệp ác, giết oan Thích chủng vô tội", Phật nói: "đúng vậy, kẻ ngu Ác sanh đã tạo nghiệp ác, giết oan Thích chủng vô tội". Đến nơi Phật thấy các Thích tử bị sắt đóng đang thoi thóp, họ thấy Phật đều kêu khóc, Phật ở một bên trải tọa cụ ngồi xuống rồi bảo các Bí-sô: "các Thích tử này quá khứ là những người đánh cá đã giết hại loài thủy tộc, chúng rên la cũng giống như các Thích tử ngày nay. Các thầy có từng nghe thợ săn đồ tễ để tự nuôi sống mà có voi ngựa xe uy nghiêm hùng mạnh hay không ?, đáp là chưa từng nghe, Phật nói: "lành thay các Bí-sô, ta cũng chưa từng nghe, vì sao, vì khi kẻ đồ tễ tội ác giết hại loài vật, con vật bị giết sẽ nhìn người giết nó bằng ác nhãn thì kẻ tạo nghiệp ác này không thể có được voi ngựa xe hùng mạnh và tài sản phong phú. Huống chi kẻ ngu Ác sanh đã giết hại các vị Hữu học có đủ oai đức, trì giới thanh tịnh mà lại có được voi ngựa xe uy nghiêm hùng mạnh và được an lạc trụ thì không có lý đó. Các thầy nên biết ví như rồng độc quay nhìn đến nơi đâu thì nơi đó sẽ bị tiêu diệt, thành Kiều-tát-la cũng vậy; sau bảy ngày nữa kẻ ngu Ác sanh và Khổ mẫu sẽ bị lửa đốt cháy kêu khóc vang trời, sau khi chết bị đọa vào địa ngục Vô gián chịu khổ não vô cùng. Vì vậy, đối với cây khô còn không nên có tâm ác huống chi là đối với chúng sanh". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "năm trăm Thích tử này đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực này nên nay bị kẻ ngu Ác sanh giết oan; lại do nghiệp gì khi họ bị giết hại, Phật bị đau đầu?", Phật nói: "các thầy lắng nghe nghiệp của các Thích tử và của ta đã làm, đã tạo nghiệp rồi, theo thời gian nghiệp ấy tăng trưởng thần thục, duyên biến hiện tiền như bộc lưu (thác nước) không thể chảy ngược lại, quyết định phải chiêu lấy quả báo không ai có thể thọ thay…

Quá khứ, ở bên bờ sông có năm trăm ngư dân thấy có hai con cá từ biển bơi vào sông rồi ngoi lên mặt nước, họ vui mừng thả lưới lớn để bắt. Bắt được rồi, thấy cá quá lớn liền nói với nhau: "cá to quá, nếu giết hết cả hai, thịt dùng không hết sẽ bị ươn", một người nói: "giết một con, còn một con cột dưới nước", một người nói: "cả hai đều lớn, dù giết một con, thịt dùng không hết cũng bị ươn. Nên cột cả hai dưới nước, khi nào cần thịt ăn thì cắt lấy để ăn, như vậy thịt mới tươi sống", mọi người đồng ý và cứ cắt

thịt ăn từ từ, cá đau đớn kêu rống vang trời. Lúc đó có một đồng tử nhìn thấy cảnh này lấy làm vui thích, hai con cá suy nghĩ: "ta bất hạnh nên gặp nỗi khổ này, trong đời vị lai họ sanh đến nơi nào, ta cũng sanh đến nơi đó, dù họ vô tội ta cũng sát hại làm cho họ đau khổ".

Phật bảo các Bí-sô: "hai con cá thuở xưa chính là Ác sanh và Khổ mẫu ngày nay, năm trăm ngư dân chính là năm trăm Thích tử. Thuở xưa họ làm cho hai con cá đau khổ nên nay trở lại bị chôn sống và bị sắt đóng vô cùng đau khổ. Các Thích chủng khác chính là những người thuở xưa đã tùy hỉ theo việc làm của các ngư dân, đồng tử tùy hỉ thuở xưa chính là thân ta ngày nay, Nay ta tuy chứng Vô thượng Bồ-đề nhưng vận chịu quả báo đau đầu, nếu ta không có phước tụ vô biên công đức này thì ta cũng sẽ bị tru diệt như các Thích tử. Các thầy hãy lắng nghe thêm:

Quá khứ có năm trăm giặc cướp đến trong một thôn cướp đoạt tài vật, chúng thấy có hai trưởng giả ở trên lầu liền gọi xuống nhưng không chịu xuống, giặc cướp nói: "nếu không xuống ta sẽ giết hết", đáp: "ta thà chết chứ không xuống", giặc cướp liền chất củi đốt lầu khiến hai trưởng giả chịu khổ thiêu đốt liền suy nghĩ: "ta vô tội mà chịu nỗi khổ này, trong đời vị lai họ sanh ở chỗ nào, ta cũng sanh đến chỗ đó và sẽ làm cho họ đau khổ".

Này các Bí-sô, hai trưởng giả thuở xưa chính là Ác sanh và Khổ mẫu ngày nay, năm trăm giặc cướp chính là năm trăm Thích tử, thuở xưa bị giết nay giết trở lại. Thế nên này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng".

Lúc đó vua Ác sanh trở về thành Thất-la-phiệt, khi sắp vào thành, vua nghe thấy Thái tử Thệ đa đang thọ hưởng ngũ dục lạc cùng các thể nữ ở trên lầu cao, liền cho gọi đến hỏi: "ta đi đánh dẹp kẻ thù vô cùng

mệt nhọc, vì sao người lại ở đây thọ hưởng dục lạc?", Thái tử đáp: "thần không biết Đại vương đi đánh dẹp kẻ thù, nhưng kẻ thù là ai?", vua nói: "đó là các Thích tử ở thành Kiếp-tỷ-la", Thái tử nói: "nếu các Thích tử là kẻ thù thì ai là bạn thân?", vua nghe rồi liền nổi giận ra lịnh: "đây cũng là phe đảng của các Thích tử, hay mau giết chết". Thái tử vô tội bị giết chết, do phước báo thù thắng ở cõi người chưa hưởng hết nên được sanh lên cõi trời Tam thập tam để tiếp tục thọ diệu lạc ở cõi trời. Lúc đó Thế tôn liền nói kệ tụng:

"Đời này vui, đời sau cũng vui,
Do làm phước, hai đời đều vui,

Tự biết vui này do nghiệp trước,
Lại được chuyển sanh vào cõi lành.
Đời này vui, đời sau cũng vui,
Do làm phước, hai đời đều vui,
Tự biết vui này do nghiệp trước,
Sanh đến cõi khác cũng an lạc".

Cụ thọ A-nan nghe kệ tụng này rồi liền bạch Phật: "con chưa hiểu rõ ý nghĩa của bài kệ tụng này" , Phật nói: "Thái tử Thệ đa vô tội bị kẻ ngu Ác sanh giết chết, do phước báo thù thắng ở cõi người chưa hưởng hết nên được sanh lên cõi trời Tam thập tam để tiếp tục thọ diệu lạc ở cõi trời. Vì thế ta mới thuyết kệ tụng này", A-nan nghe rồi hoan hỉ tín thọ.

Thời gian sau, khi vua Ác sanh cùng các Thích nữ thọ lạc trong cung liền tự khoe rằng: "ta là bậc dũng mãnh hiếm có, trong thế gian không ai bằng được", các Thích nữ nói kệ:

"Các Thích tử quy Phật,
Vì thọ trì giới luật,
Mới bị vua giết chết,
Có gì phải tự khoe".

Vua nghe rồi liền nổi giận nói kệ:

"Giết rồng giữ Long nữ,
Khiến ta sanh sân độc,
Hãy chặt hết tay chân,
Để mau theo thân tộc".

Quần thần tuân lịnh vua dẫn năm trăm Thích nữ này đến bên bờ hồ Ba thát la và chặt hết tay chân của họ, do nhân duyên này hồ còn có tên là Hồ chặt tay chân. Các Thích nữ đau đớn không chịu nỗi liền suy nghĩ: "chúng ta đang đau đớn không chịu nỗi, vì sao Thế tôn không thương xót". Phật không có điều gì là không biết, lúc đó Phật liền khởi tâm đại bi đi đến chỗ đó và thấy các Thích nữ đang ngồi lõa hình, Phật liền khởi tâm thế tục. Thường pháp của chư Phật, nếu Phật khởi tâm thế tục thì ngay cả côn trùng cũng biết được ý Phật, nếu Phật khởi tâm xuất thế thì dù là Thanh văn, Duyên giác cũng không thể biết được ý Phật, huống chi là chúng sanh khác. Phật nghĩ: "lành thay, nếu thiên nữ Xá chi đem y phục và nước đến đây thì tốt quá", Phật vừa khởi niệm, thiên nữ Xá chi liền biết ý Phật muốn thuyết diệu pháp để hóa độ các Thích nữ, nên đến ao Vô nhiệt múc đầy bình nước và đem năm trăm thiên y đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi bạch Phật: "Thế tôn, con đem thiên y và nước thơm đến", Phật bảo thiên nữ đến an ủi các Thích nữ,

tắm rửa và mặc y phục giúp cho họ. Thiên nữ làm theo lời Phật dạy xong, Phật liền dùng thần thông lực làm cho năm trăm Thích nữ không còn đau đớn nữa rồi nói rằng: "nghiệp đã tạo đời trước nay đã thành thục phải tự thọ lấy quả báo, không ai thay thế được", nói rồi bỏ đi. Các Thích nữ nghe rồi liền khởi tâm tịnh tín đối với Phật, sau khi qua đời được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Tất cả hữu tình vừa sanh lên cõi trời đều khởi ba niệm: một là ta từ đâu sanh đến đây, hai là nay ta đang ở đâu, ba là ta do nghiệp duyên gì. Các thiên nữ liền biết mình từ cõi người chết được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương là nhờ khởi tâm tịnh tín đối với Phật. Các thiên nữ suy nghĩ: "nếu ta không đến kính lễ Thế tôn trước là bất kính", nghĩ rồi liền dùng chuỗi anh lạc trang nghiêm thân, dùng y kích đựng đầy các loại hoa trời như hoa Ưu bát la, Bát đầu ma… vào nửa đêm đến chỗ Phật, rải hoa cúng dường, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết diệu pháp. Thân quang của các thiên nữ này chiếu sáng khắp cả rừng Thệ đa, Phật quán biết căn tánh tùy miên của các thiên nữ này, nói pháp Tứ đế khiến cho được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Các thiên nữ chứng ngộ rồi liền chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, nhờ Phật khai ngộ khiến chúng con ở trong các nạn mà được giải thoát, điều này không phải do cha mẹ… cho đến sa môn, Bà-la-môn có thể làm được. Thế tôn là bậc đại thiện tri thức đã cứu vớt chúng con ra khỏi ba cõi, đặt để chúng con vào cõi trời người, hết khổ sanh tử, được đạo Niết-bàn, làm cạn biển máu, vượt khỏi núi xương, núi thân kiến từ vô thỉ đến nay đều bị phá tan bằng chày trí Kim cang, chứng được Sơ quả. Nay chúng con xin quy y Tam bảo, từ hôm nay cho đến trọn đời thọ trì năm học xứ, cúi xin Thế tôn chứng biết chúng con là Ô-ba-tư-ca" , ở trước Phật cung kính nói kệ:

"Chúng con nhờ Phật lực,
Đóng bít ba đường ác,
Sanh cõi trời thắng diệu,
Thú hướng cõi Niết-bàn.
Chúng con nhờ Thế tôn,
Nên được thanh tịnh nhãn,
Chứng được Chân đế lý.
Phật vượt trên trời người,
Thoát khỏi già bịnh chết,
Khó gặp trong biển Hữu,
Nay gặp được chứng quả.
Chúng con thân trang nghiêm,
Tâm tịnh đảnh lễ Phật,

Nhiễu bên phải trừ oán,
Nay trở về thiên cung".

Các thiên nữ vui mừng như người đi buôn được lời, như người cày ruộng được thu hoạch, như người ra trận được thắng, như người bịnh được lành, đảnh lễ Phật rồi trở về thiên cung. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "năm trăm Thích nữ này đã tạo nghiệp gì, do nghiệp lực này nên trong đời này tuy vô tội mà lại bị kẻ ngu Ác sanh chặt hết tay chân; lại do nghiệp lực gì mà được sanh lên cõi trời, được nghe diệu pháp và được chứng chân đế lý?", Phật nói: "nghiệp đã tạo đời trước nay thành thục phải tự chịu lấy quả báo… Các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu: Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Năm trăm Thích nữ này xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy làm Bí-sô ni, do đối với các Bí-sô ni Hữu học, Vô học khởi sân nói lời mắng nhiếc đòi chặt tay chân của họ nên trong vô lượng năm bị đọa trong địa ngục chịu khổ thiêu đốt. Do nghiệp dư tàn phải trong năm trăm đời chịu quả báo bị chặt tay chân, đời này là cuối cùng. Do khởi tâm tịnh tín nơi ta nên được sanh lên cõi trời, lại do thuở xưa khi làm Bí-sô ni đã thọ trì đọc tụng chánh pháp nên nay được gặp ta nghe thuyết diệu pháp và được Kiến đế.

Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết thế gian đều do nghiệp lực mà thọ lấy quả báo, do nghiệp lực mà sanh, do nghiệp lực mà trụ ; tất cả chúng sanh đều tùy theo nghiệp thiện ác mà thọ lấy quả báo".

Lúc đó người ở lại thám thính sau khi nghe lời Phật dự ký rồi liền trở về chỗ vua Ác sanh, vua hỏi: "Phật đã nói gì?", đáp: "Phật dự ký qua bảy ngày sau nước Kiều-tát-la sẽ bị hủy diệt, vua Ác sanh và Khổ mẫu sẽ bị lửa thiêu đốt, sau khi chết bị đọa vào địa ngục Vô gián", vua nghe rồi trong lòng rất lo buồn, Khổ mẫu hỏi nguyên do rồi tâu rằng: "Đại vương, như Bà-la-môn, khất sĩ đến cầu xin mà không được cho, họ sẽ muốn nhà ấy gặp trăm ngàn điều không lành. Sa môn Kiều-đáp-ma thấy thân tộc bị Đại vương giết chết mới nói lời oán hận trù rủa này. Nếu vua lo sợ thì hãy cho xây một tòa lầu ở trong hồ nước phía sau vườn rồi ở đó trong vòng bảy ngày mới trở vào lại trong thành". Vua nghe lời Khổ mẫu cho xây lầu rồi cùng các cung nhân lên lầu đó ở, qua được một đêm Khổ mẫu tâu: "đã qua được một đêm, còn sáu đêm nữa sẽ trở vào lại trong thành", như thế cho đến ngày thứ bảy Khổ mẫu lại tâu: "Đại vương, hôm nay an ổn hãy cùng

trở vào lại trong thành". Lúc đó mây bỗng kéo đến giăng che bốn phía, các cung nhân nói với nhau: "chúng ta hãy trang điểm để trở vào lại trong thành", một cung nhân lấy ngọc nhật quang ra để trên gối rồi tự trang điểm. Mây bỗng tan, trời quang đãng trở lại, ánh mặt trời chiếu soi vào viên ngọc liền phát ra lửa đốt cháy cái gối thành lửa ngọn thiêu đốt tòa lầu. Các cung nhân bỏ chạy, lúc đó vua Ác sanh và Khổ mẫu muốn chạy ra nhưng có phi nhân đóng cửa khiến họ không ra được nên bị lửa thiêu đốt, đau khổ kêu la, sau khi chết bị đọa vào địa ngục Vô gián. Lúc đó Thế tôn nói kệ tụng:

"Đời này khổ, đời sau cũng khổ,
Do tạo tội, hai đời đều khổ,
Tự biết khổ này do nghiệp ác,
Chết rồi bị đọa trong cõi ác.
Đời này khổ, đời sau cũng khổ,
Do tạo tội, hai đời đều khổ,
Tự biết khổ này do nghiệp ác,
Sanh cõi khác vẫn phải chịu khổ".

Cụ thọ A-nan nghe kệ tụng rồi liền bạch Phật: "con chưa hiểu ý nghĩa của bài kệ tụng này", Phật nói: "kẻ ngu Ác sanh và Khổ mẫu bị lửa thiêu đốt, sau khi chết bị đọa vào địa ngục Vô gián nên ta mới nói kệ tụng này".

Lúc đó ở trong thành Kiếp-tỷ-la, sau khi các Thích tử bị tru diệt còn để lại nhiều vật trang sức như anh lạc, vòng xuyến…; các Thích nữ nhìn thấy những vật này càng thêm đau buồn, suy nghĩ: "chủ của những vật này khi còn sống rất kính Tăng, nay ta nên đem cúng cho Tăng để truy tiến cho họ", nghĩ rồi liền đem đến cúng Tăng. Lục chúng Bí-sô được vật trang sức này liền dùng trang nghiêm thân rồi đi vào thành khất thực, các Thích nữ nhìn thấy lại đau buồn nói rằng: "chúng con không muốn nhìn thấy những vật này nên đem cúng Tăng để dứt ưu phiền, không ngờ các thầy lại đeo nó làm cho chúng con nhớ lại càng thêm đau buồn", Lục chúng Bí-sô im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô đeo anh lạc, dây vàng nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được đeo các vật tráng sức, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Xuất gia có năm lợi,
Không cầm tiền, thọ học (học hối Sa di)
Đại chúng nói kệ tụng,
Ho khai cho hút thuốc.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong một tụ lạc có một

trưởng giả cưới vợ sông với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó gia tộc ly tán, tài sản cũng không còn. Trưởng giả suy nghĩ: "ta đã lớn tuổi không thể kiếm tiền được nữa, thân tộc không còn ai, ta nên bỏ tục xuất gia", nghĩ rồi liền đến nói với vợ ý nghĩ của mình, người vợ nghe rồi liền nói: "xuất gia cũng tốt, nhưng ông phải thường trở về thăm tôi", đáp được. Trưởng giả đến trong rừng Thệ đa, đảnh lễ các Bí-sô cầu xuất gia, Bí-sô nói: "xuất gia là việc tốt, ông sẽ được như ý. Như Phật đã dạy người trí thấy năm điều nên cầu xuất gia trong thiện pháp luật: một là ta được tự lợi, người khác không có ; hai là tự biết mình thuộc giai cấp hạ tiện bị người sai khiến, sau khi xuất gia trở lại được họ cung kính tán thán, lễ bái cúng dường; ba là sẽ chứng được Niết-bàn vô thượng; bốn là sau khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời; năm là thường được chư Phật, chúng Thanh văn và các bậc thắng nhân khen ngợi", nói rồi liền cho trưởng giả xuất gia và thọ cận viên. Qua hai ba ngày, sau khi chỉ dạy xong các pháp thức các Bí-sô bảo tân Bí-sô: "nai không nuôi nai, thành Thất-la-phiệt rộng lớn là cảnh giới của Phật, thầy từ nay nên theo thứ lớp khất thực để nuôi mạng sống", tân Bí-sô này sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành khất thực, nhìn thấy một người nữ liền nhớ đến người vợ của mình, suy nghĩ: "ta trước đây có hứa với vợ sau khi xuất gia sẽ về thăm, nay ta nên giữ lời hứa trở về thăm, chớ để bà ấy buồn". Khất thực xong trở về trong rừng Thệ đa, sau đó đến xin phép thầy cho trở về thăm người vợ cũ, vị thầy nói: "được nhưng phải khéo hộ tâm ý", đáp vâng. Tân Bí-sô này khi trở về đến nhà, người vợ vừa nhìn thấy liền chạy ra đón và kêu to: "Thánh tử mới về", muốn đưa tay

cầm lấy y bát, Bí-sô nói: "hiền thủ muốn làm gì?", đáp là muốn cầm lấy y bát, Bí-sô bảo đừng đụng vào y bát, người vợ hỏi vì sao, đáp: "tôi vâng lời thầy dạy phải khéo hộ tâm ý", người vợ nói: "Thánh tử cứ hộ tâm ý, tôi có làm chướng ngại gì đâu", nói rồi vẫn cầm lấy y bát, trải tòa mời ngồi rồi lấy nước muốn rửa chân cho Bí-sô, Bí-sô nói đừng chạm vào chân, hỏi vì sao, Bí-sô đáp như trên, người vợ cũng nói câu như trên và vẫn cứ rửa chân cho Bí-sô, kế lấy dầu muốn thoa chân cho Bí-sô, Bí-sô nói đừng thoa, người vợ hỏi và Bí-sô đáp cũng như trên. Sau đó người dọn thức ăn và muốn cùng ăn, Bí-sô cũng nói như trên…; ăn xong người vợ trải nệm bảo Bí-sô nằm nghỉ. Bí-sô vừa nằm xuống nghỉ, người vợ liền đến muốn nằm chung, Bí-sô nói như trên… cho đến câu người vợ ôm Bí-sô, khi bị xúc chạm tâm Bí-sô loạn động liền cùng người vợ giao hợp. Như thế trải qua nhiều ngày, Bí-sô nói muốn trở về chùa, người vợ suy nghĩ: "ông ấy cùng ta tư thông, người ngoài không thấy, ta nên làm cho mọi người đều biết, lúc đó các Bí-sô sẽ đuổi và ông ấy sẽ trở về với ta", nghĩ rồi liền nói

với Bí-sô: "Thánh tử không nên trở về không, nên mang theo ít lương thực và tiền đi đường", Bí-sô nói: "tôi không được cầm tiền bạc", người vợ nói: "tôi có cách khiến Thánh tử không chạm đến nó", nói rồi gói các vật ấy cột vào phía đầu của cây tích trượng, Bí-sô cầm tích trượng trở về thành Thất-la-phiệt. Lúc đó Lục chúng Bí-sô đang kinh hành trước cổng chùa, Ô ba-nan-đà từ xa nhìn thấy Bí-sô này liền bước tới chào hỏi, Bí-sô liền đáp: "xin kính lễ A-giá-lợi-da", Ô ba-nan-đà nghe rồi liền biết đây là một Bí-sô Ma ha la nên mới không phân biệt được Ô-ba-đà-da và A-giá-lợi-da. Lúc đó Ô ba-nan-đà hỏi Bí-sô từ đâu đến, đáp là vừa thăm người vợ cũ trở về, Ô ba-nan-đà nói: "thầy là người tốt nên còn nhớ ân xưa, người nhớ ân xưa thường được khen ngợi. Phật có nói các Bí-sô nên thường nhớ báo ân, ân nhỏ còn báo đáp huống chi là ân lớn. Thầy có gặp được vợ hay không?", đáp là có gặp, lại hỏi có bình an không, đáp là bình an, lại hỏi vật gì cột trên đầu tích trượng, đáp là tiền của vợ cho để đổi lương thực trên đường đi. Ô ba-nan-đà nghe rồi liền suy nghĩ: "thầy già thầy có phước, về thăm vợ nên được lợi này. Ta xem hình dáng cử chỉ chắc là đã cùng vợ tư thông, ta nên tra gạn", nghĩ rồi liền dùng lời ôn hòa tra hỏi, Bí-sô này thật thà đem việc trên kể lại, Ô ba-nan-đà nghe rồi liền nói: "thầy hãy đem việc mà thầy đã làm kể lại cho Ô-ba-đà-da nghe, vị ấy ắt sẽ vui mừng", Bí-sô này thật thà nghe theo lời của Ô ba-nan-đà đến chỗ thầy kể lại mọi việc đã làm, vị thầy nghe rồi liền bạch với các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô Ma ha la này không biết khinh trọng, không cố ý phạm; nếu có ai chưa từng được nghe nói bốn pháp Ba-la-thị-ca thì cũng không phạm. Này các Bí-sô, do việc này từ nay khi truyền thọ giới cụ túc, bạch tứ yết ma xong, các thầy nên nói bốn pháp Ba-la-thị-ca cho người mới thọ giới biết, nếu không nói cho họ biết thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 10

5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai (tiếp theo):

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô tên Hoan hỉ sống nơi A-lan-nhã tu thiền định nên mọi người gọi là Hoan hỉ trụ định. Một hôm khi sắp tọa thiền, ma nữ đến yêu cầu hành dục, Hoan hỉ không chịu ; hôm khác khi sắp tọa thiền, ma nữ lại hiện đến ngồi trên đầu gối của Hoan hỉ và xúc chạm, sau khi bị xúc chạm tâm nhiễm phát sanh nên Bí-sô cùng ma nữ hành dục. Sau khi hành dục xong, Bí-sô hối hận đau khổ, cảm thấy như bị tên cắm vào ngực liền suy nghĩ: "do ta ngu si nên đã hoại hạnh thanh tịnh, phạm dâm thì phải hoàn tục. Ta thật không có tâm che giấu, nay ta nên đến phát lồ với Thế tôn, nếu có quy chế vẫn được xuất gia thì ta sẽ thực hành như pháp; nếu không được như thế thì ta sẽ hoàn tục", nghĩ rồi liền cầm pháp y đi đến chỗ Phật. Lúc đó Phật đang thuyết pháp cho trăm ngàn đại chúng vây quanh, từ xa thấy Bí-sô này đến, Phật liền suy nghĩ: "nếu ta không nói thiện lai trước thì Bí-sô này sẽ đau buồn hộc máu mà chết", nghĩ rồi liền nói với Hoan hỉ: "thiện lai Hoan hỉ, vì sao lại đau buồn như vậy?", đáp: "Thế tôn, trước đây con là hoan hỉ, nhưng nay không còn là hoan hỉ nữa", Phật nói: "thầy đã làm lỗi gì mà nói lời này?", đáp: "Thế tôn, con không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh ; con tuy phạm giới nhưng không có tâm che giấu", Phật nói: "thầy có thể thọ học xứ trọn đời hay không?", đáp: "Thế tôn, con có thể thọ trì". Lúc đó Phật bảo các Bí-sô: "các thầy nên biết, Bí-sô Hoan hỉ tuy hủy phạm tịnh giới nhưng không có tâm che giấu, không phải là Ba-la-thị-ca. Các thầy nên yết ma cho Hoan hỉ thọ học xứ trọn đời, nếu có ai giống như vậy cũng nên tác pháp yết ma cho. Tác pháp như sau: trải tòa, đánh kiền chùy nhóm tăng, khi Tăng đã nhóm, Bí-sô Hoan hỉ nên đảnh lễ Tăng rồi ở trước vị Thượng tòa chắp tay bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, con là Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh; con tuy phạm giới nhưng không có tâm

che giấu. Nay con theo Tăng xin thọ học xứ trọn đời, xin thương xót (ba lần).

Tăng nên bảo Hoan hỉ đến đứng ở chỗ mắt thấy nhưng tai không nghe, lúc đó một Bí-sô trong Tăng tác bạch yết ma như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh; tuy đã phạm giới nhưng không có tâm che giấu, nay Bí-sô Hoan hỉ theo Tăng xin thọ học xứ trọn đời. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay cho Bí-sô Hoan hỉ thọ học xứ trọn đời. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô Hoan hỉ không xả học xứ mà làm việc dâm, hoại hạnh thanh tịnh ; tuy đã phạm giới nhưng không có tâm che giấu, nay theo Tăng xin thọ học xứ trọn đời. Nếu cụ thọ nào chấp thuận cho Bí-sô Hoan hỉ thọ học xứ trọn đời thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Đây là yết ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba).

Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Này các Bí-sô, hành pháp của Bí-sô thọ học xứ trọn đời là: không được thọ sự nghinh đón, cung kính chắp tay lễ bái của Bí-sô trụ bổn tánh thiện; không được ngồi chung một tòa, phải ngồi chỗ thấp hơn ; không được cùng kinh hành, nếu cùng đi thì phải đi sau một bước; không được cùng thiện Bí-sô làm bạn đi đến nhà trưởng giả, Bà-la-môn; nếu cùng đi thì phải đi sau, cũng không được ngu chung một phòng; không được cho người khác xuất gia và thọ Cận viên; không được thọ người khác y chỉ; không được nuôi Sa di; không được tác các pháp yết ma như đơn bạch, bạch nhị hay bạch tứ yết ma; không được thọ Tăng sai làm người bỉnh pháp yết ma; không được thọ tăng sai giáo giới Bí-sô ni, nếu được Tăng sai cũng không nên đi; nếu thấy có Bí-sô khác phá giới, phá kiến, phá oai nghi, không chánh mạng đều không được cử tội họ, cũng không được làm chế lịnh; không được đồng trưởng tịnh và việc Tùy ý. Hằng ngày phải dậy sớm mở cửa, thu cất đèn, quét dọn phòng chùa, dùng phân bò mới trét làng tùy chỗ; ở trong nhà xí múc nước và để lấy cây, đất đầy đủ; trong nhà tắm cấp nước cần dùng thích hợp lạnh nóng… Đánh kiền chùy, trải tòa, chuẩn bị đầy đủ hương hoa cúng dường; nếu có khả năng thì tùy lúc tụng niệm, tán thán công đức Phật; nếu không làm được thì mời người khác. Vào tháng nóng phải cầm quạt quạt cho các Bí-sô ; khi muốn ngồi thì phải ngồi dưới đại Bí-sô và ngồi trên Sa di.

Khi thọ thực phải giữ tâm an, ăn xong phải thu dọn sạch sẽ. Thường báo cho chúng biết số ngày như sau: “Đại đức Tăng lắng nghe, hôm nay là

ngày đầu tháng mỗi người nên dụng tâm vì thí chủ xây chùa, thiên thần hộ chùa, quốc vương, đại thần, sư tăng, cha mẹ, tín thí mười phương mà tụng kệ phước thí trong kinh ; nếu không làm được thì mời người khác làm". Lúc đó các Bí-sô chia phòng xá lại không chia cho người thọ học, Phật bảo nên chia ; lại không chia lợi dưỡng, Phật bảo nên chia. Có Bí-sô thọ học không tu pháp thiện, Phật bảo nên tu và phải tùy thuận làm theo các hành pháp đã chế cho đến khi đoạn hết kiết sử, nếu không làm thì phạm tội. Lúc đó Bí-sô Hoan hỉ tùy thuận làm theo các hành pháp mà Phật đã chế, siêng năng không lười biếng; nhờ đó đoạn hết các kiết sử ràng buộc trong năm đường, chứng A-la-hán , đủ ba minh, sáu thông , tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Sau khi chứng quả, Bí-sô Hoan hỉ vẫn hành theo các hành pháp mà Phật đã chế, Phật nói: "không cần làm nữa, từ nay nên ngồi theo thứ lớp lớn nhỏ, được cùng ở chung với các thiện Bí-sô".

Duyên khởi tại thành Vương xá, cụ thọ Tất-lân-già-bà ta sau khi xuất gia thường bị bịnh, một vị đồng phạm hạnh đến thăm hỏi có an lạc không, đáp là bị bịnh nên không an lạc, lại hỏi bịnh gì, đáp là bịnh ho, lại hỏi đã uống thuốc gì, đáp: "trước đây đã từng hút thuốc thấy bớt", lại hỏi sao không hút thuốc nữa, đáp là Phật chưa cho. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "người có bịnh được hút thuốc để trị bịnh", Bí-sô không biết cách làm, để thuốc trên lửa nên không hút được, Phật bảo: "hãy dùng hai cái tô úp vào nhau, trên đáy tô xoi lỗ, bên trong để lửa và thuốc rồi hút", vẫn không hút được, Phật bảo nên làm cái tẩu thuốc, Bí-sô làm tẩu thuốc bằng tre vẫn không hút được, Phật bảo nên làm bằng sắt, làm quá ngắn hay quá dài vẫn không hút được, Phật bảo nên làm dài chứng mười hai ngón tay, không quá nhọn cũng không quá thô, để thuốc trên miệng của tẩu thuốc rồi hút ở phía đầu của cái tẩu thuốc. Bí-sô dùng xong bỏ bừa bãi, Phật bảo nên may cái đãy đựng cất ; Bí-sô lại để cái đãy đựng tẩu thuốc dưới đất, Phật bảo không nên để dưới đất, nên treo trên cái cọc hay trên sào. Lúc đó ống của tẩu thuốc bị sét, Phật bảo dùng dầu thoa, sau đó Bí-sô lau rửa mệt nhọc, Phật bảo không nên rửa bằng nước, nên hơ trong lửa.

6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Cho tắm nước thuốc nóng,
Nhỏ mũi, dùng chén đồng,

Già bịnh được đi xe,
Nên biết việc tiểu tiện.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu chữa trị, thầy thuốc bảo nên tắm bằng nước thuốc nóng, Bí-sô nói Phật chưa cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo tắm nước thuốc nóng thì được tùy ý làm". Lúc đó Bí-sô không biết dùng nước thuốc gì nên đến hỏi thầy thuốc, thầy thuốc nói: "tôi cũng không biết là nước thuốc gì, chỉ là đọc thấy trong sách của Luân vương gọi nước thuốc nóng là Nhân đẳng. Phật là bậc Nhất thiết trí, thầy nên đến hỏi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu trị bịnh phong thì dùng các loại thảo dược gồm có rễ, cành, hoa, vỏ cây… nấu làm nước thuốc, tắm xong thì hết bịnh". Lúc đó Bí-sô tắm nước thuốc nóng, nước da bị đổi màu, Phật bảo nên dùng dầu xoa, Bí-sô thoa nhiều dầu nên dơ y phục, Phật bảo dùng tháo đậu lau sạch, nước da vẫn bị đổi màu, Phật bảo nên nhỏ một hai giọt dầu vào trong nước thuốc nóng khi sắp tắm xong thì nước da sẽ tươi sáng trở lại.

Lúc đó cụ thọ Tất-lân-già-bà ta bị bịnh… như trên cho đến câu bị bịnh chảy nước mũi, lại hỏi từng trị bằng thuốc gì, đáp là từng nhỏ thuốc vào mũi, lại hỏi sao không nhỏ nữa, đáp là Phật chưa cho. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "người có bịnh được nhỏ thuốc vào mũi", Bí-sô nhỏ thuốc vào mũi, thuốc chảy ra ngoài làm thân dơ, Phật bảo không nên nhỏ như vậy, lại dùng lá để nhỏ, Phật bảo nên dùng ống đồng hay sắt để nhỏ mũi, Bí-sô làm ống chỉ thông một đầu, Phật bảo nên làm thông hai đầu, Bí-sô lại làm ống bén nhọn thô xấu, Phật bảo không nên, Bí-sô lại dùng tay bẩn nhỏ thuốc, Phật bảo nên rửa tay sạch thọ thuốc rồi mới nhỏ.

Lúc đó cụ thọ Tất-lân-già-bà ta bị bịnh khát nhưng không có đồ dùng uống nước, Phật bảo nên dùng chén đồng để uống nước.

Lúc đó có thân tộc đến nghe cụ thọ Tất-lân-già-bà ta thuyết pháp, nghe xong trở về nói với vợ: "tôi được nghe Thánh giả Tất-lân-già-bà ta thuyết diệu pháp, vì sao nàng không đi nghe?", người vợ nói: "em là phụ nữ không thể ra ngoài, nếu Thánh giả Tất-lân-già-bà ta đến đây thuyết pháp thì em sẽ nghe". Người chồng nghe rồi liền đến thỉnh, Tất-lân-già-bà ta nói: "tôi bịnh nên không thể đi đến đó được", đáp: "con sẽ đem xe đến đón Thánh giả", Tất-lân-già-bà ta nói Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói: "do việc này nên khai cho Bí-sô bịnh được đi xe". Tất-lân-già-bà ta liền ngồi trên xe cùng các đệ tử đi đến nhà người thỉnh, Lục chúng Bí-sô gặp trên đường đi liền hỏi các đệ tử đó là ai ngồi trên xe, đáp là Ô-ba-đà-da của

chúng tôi, Lục chúng Bí-sô liền hỏi: "Phật cho Bí-sô ngồi xe hay sao?", đáp: "Thế tôn đại từ biết Bí-sô bịnh không thể đi bộ nên khai cho ngồi xe", Lục chúng Bí-sô nghe rồi liền nói với nhau: "chúng ta cũng nên đi xe và trang nghiêm chiếc xe cho đẹp". Qua hôm sau Lục chúng Bí-sô dùng các vật trang nghiêm với chuông linh treo trên xe rồi ngồi đi khắp các ngã đường. Các trưởng giả, Bà-la-môn thấy rồi liền chê trách: "Sa môn các ị còn thọ dục lạc hay sao?", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không bịnh mà đi xe thì phạm tội Việt pháp. Có hai nhân duyên được đi xe: một là già yếu, hai là bịnh không có sức lực".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có trưởng giả tín tâm cùng một Bà-la-môn không có tín tâm vào rừng Thệ đa tham quan, khi đến một gốc cây thấy tiện lợi hôi dơ nên Bà-la-môn nói: "Sa môn Thích tử không sạch sẽ nên đại tiểu tiện dưới gốc cây hoa trái", trưởng giả nói: "các Thánh giả há lại tùy tiện phóng uế hay sao, chắc là bạch y nào đó", nói vừa dứt lời bỗng thấy một Bí-sô Ma ha la dùng y che đầu đến tiện lợi bên gốc cây. Bà-la-môn liền nói với trưởng giả: "ông nói là bạch y làm, vậy ông hãy nhìn xem ai đang tiện lợi bên gốc cây?", trưởng giả xấu hổ im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không được tiện lợi bên gốc cây, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có Bí-sô đi trên đường, đến một rừng cây bị tiện lợi thúc bách nhưng không dám đi nên mắc bịnh khác, Phật nói: "nếu đi trên đường đến rừng cây thì được tùy ý tiện lợi". Sau đó có Bí-sô ở trong tụ lạc bị tiện lợi thúc bách nhưng không dám di bên gốc cây, trời giữa trưa rất khổ sở, Phật nói: "nếu ở trong tụ lạc, đến dưới lùm cây được tùy ý tiện lợi". Lúc đó Ô ba-nan-đà đại tiện trong vườn rau của người khiến rau cỏ chết, Phật nói: "Bí-sô không được đại tiểu tiện trên rau cỏ tươi". Sau đó các Bí-sô đến chỗ đất trống tiện lợi, các trưởng giả, Bà-la-môn thấy rồi liền chê trách: "Sa môn Thích tử ưa chuộng nghi thức mà lại cùng ngồi ăn một chỗ, cùng tiện lợi một nơi", Phật nói: "do việc này nên cho các Bí-sô làm nhà xí". Làm nhà xí bên ngoài chùa, ban đêm đi sợ gặp hổ lang, giặc cướp, Phật bảo nên làm trong chùa, Bí-sô không biết nên làm chỗ nào, Phật nói nên làm ở góc Tây bắc sau chùa, lại không biết làm như thế nào, Phật nói: "có hai loại: một là nhà xí riêng biệt, hai là nhà xí ở bên cạnh. Nhà xí riêng biệt rộng vuông vức một trượng, tiện lợi ở bên trong; nhà xí ở bên cạnh là ở phía sau phòng được ngăn bằng vách gỗ, tiện lợi trong đó. Bên ngoài nhà xí là chỗ rửa tay chân nên để bình nước, nhà xí nên có cửa và then cài, có guốc gỗ bên ngoài để mang khi vào trong nhà xí". Lúc đó có một Bí-sô đã vào nhà xí, Bí-sô khác lại vào nữa, Phật nói: "không nên như vậy, khi muốn vào nhà xí nên khảy móng tay hay tằng

hắng, người bên trong nhà xí cũng vậy". Nhà xí có mùi hôi, Phật bảo nên luân phiên quét dọn sạch sẽ; các Bí-sô dùng tay vất lá đất trong nhà xí nên nhờm gớm, Phật bảo nên dùng nước dội và dùng chổi quét, không nên dùng tay. Lại có Bí-sô rửa tay chân lâu trong nhà xí khiến người bên ngoài chờ lâu, Phật bảo nên làm chỗ rửa tay chân bên ngoài. Bí-sô làm quá xa, Phật bảo nên làm gần bên nhà xí và để đủ các vật cần dùng. Lúc đó các Bí-sô vào nhà xí tiểu tiện khiến người muốn đại tiện phải chờ nên sinh bịnh khác, Phật bảo nên làm chỗ tiểu tiện riêng; các Bí-sô không biết làm chỗ nào, Phật bảo nên làm gần bên nhà xí, có ống thoát nước và có cửa cũng như nhà xí.

7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Bình nước biết dơ sạch,
Nguyện Thế tôn trường thọ,
Nhân đây ni Niết-bàn,
Thức ăn uống có năm.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một Bà-la-môn vì trời nóng bức nên bị khát cần nước uống nên vào trong chùa xin nước uống, Bí-sô đem bình nước rửa đưa cho Bà-la-môn, Bà-la-môn hỏi: "đây là bình nước sạch hay là bình nước rửa", đáp là bình nước rửa, Bà-la-môn nói: "nếu là bình nước rửa sao lại đưa cho tôi uống?", đáp: "vì hai bình để chung nên tôi lấy lộn", Bà-la-môn nói: "bình nước sạch không nên để chung với bình nước rửa, nên để riêng nếu có ai đến xin nước uống, cho họ uống hết khát há không phải là việc phước hay sao", nói rồi bỏ đi. Phật nói: "từ nay nên để riêng bình nước sạch cung cấp cho người bị khát", có trưởng giả nghe biết việc này liền mang đến cúng nhiều bình nước. Các Bí-sô không coi giữ, ai cần cứ tự nhiên lấy mang đi nên không bao lâu sau bình hết sạch. Các Bí-sô lại bảo thí chủ mang đến thêm, thí chủ nói: "tôi cúng rất nhiều vì sao lại mau hết như vậy", Bí-sô kể lại việc trên, thí chủ nói: "các thầy sao không coi giữ để đến nỗi hao phí như vậy", Phật nói: "không nên để người lấy đi như thế, từ nay nên sai người coi giữ khí vật". Lúc đó các Bí-sô không chọn lựa tùy tiện sai người, Phật nói: người có đủ năm pháp nếu chưa sai thì không nên sai, nếu đã sai rồi thì không cho làm, đó là: tùy Ái, tùy sân, tùy sợ, tùy si, không nhớ đã cất hay chưa cất khí vật. Ngược với năm pháp trên thì nếu chưa sai nên sai, nếu đã sai rồi thì nên bảo làm. Tác pháp sai như sau: trải tòa… như trước đã nói, trong Tăng nên hỏi: "Bí-sô tên ---- có thể làm người coi giữ khí vật cho Tăng hay không?", nếu đáp là có thể thì nên bạch nhị yết ma sai. Tác bạch như sau:

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô tên ---- hoan hỉ làm người coi giữ khí vật cho Tăng. Nếu tăng già đúng thời đến nghe, Tăng già nên chấp thuận, Tăng nay sai Bí-sô ----- làm người coi giữ khí vật cho Tăng. Bạch như vậy.

Đại đức Tăng lắng nghe, Bí-sô ------ hoan hỉ làm người coi giữ khí vật cho Tăng. Nếu cụ thọ nào chấp thuận Bí-sô ----- làm người coi giữ khí vật cho Tăng thì im lặng, ai không chấp thuận thì nói. Tăng chấp thuận vì im lặng, việc này xin nhớ giữ như vậy.

Lúc đó có người tục bị khát đến xin nước, Bí-sô đưa bình nước mới cho họ, họ đem bình cũ trả lại, Phật bảo: "không nên như vậy, nên đưa bình nước mới cho các Bí-sô, còn bình nước cũ thì đưa cho người tục". Bí-sô dùng nước xong thì cất bình, còn người tục dùng rồi thì vất bỏ tùy tiện, Phật bảo nên thu cất. Lại nữa Bí-sô không khéo giữ gìn nên làm bình hư hoại, Phật bảo nên làm kho cất chứa.

Lúc đó có thương chủ từ phương Bắc đến thỉnh Phật và Tăng cúng dường trong ba tháng, suy nghĩ: "ta không muốn mượn dùng vật dụng của người khác, nên mua sắm vật dụng mới", nghĩ rồi liền dùng đồng trắng đồng đỏ làm nhiều vật dụng để đựng thức ăn cúng dường Phật và Tăng trong ba tháng. Đủ ba tháng ông đem các vật dụng này cúng cho Tăng, Bí-sô đem cất vào trong kho gần các đồ gốm làm cho đồ gốm bị bể, Phật bảo vật dụng bằng đồng và gốm sứ không được để chung. Lại có một Bà-la-môn khát đến chỗ Bí-sô xin nước, Bí-sô đưa gàu và dây múc nước, Bà-la-môn hỏi dùng để làm gì. Đáp: "tôi không có múc sẵn nước, ông hãy tự múc lấy uống", Bà-la-môn nói: "các vị nên múc sẵn nước uống để giúp cho người bị khát, đó là việc thiện", Phật bảo nên múc sẵn nước sạch dự trữ. Các Bí-sô nghe rồi liền múc để sẵn nước ở khắp nơi hoặc ở giữa sân, hoặc ở trong phòng, trước hiên… làm cho nước bị bẩn, Phật nói không nên. Bí-sô không biết để nước ở đâu, Phật nói: "nên làm chỗ để nước ở phía Đông cổng chùa", trong chỗ để nước tối tăm, Phật bảo nên làm cửa sổ, lót gạch trên nền và làm ống thoát nước, phóng nên có cửa và khóa; bình chứa nước không được để dưới đất, nên để trên bục gỗ, nếu nghiêng thì nên kê ở dưới. Lúc đó bình nước dơ, Bí-sô không biết dùng vật gì chà rửa, Phật bảo nên dùng bàn chải và lá cây ; tuy thường chà rửa vẫn có mùi hôi, Phật bảo nên dùng nhiều bình thay nhau đựng nước, số bình này đựng nước thì số bình kia đem phơi. Bí-sô đem phơi dưới nắng, Phật bảo nên để trong chỗ mát. Bình không có nắp đậy nên bụi đất rơi vào trong làm dơ nước, Phật bảo nên làm nắp đậy, không được dùng dơ khuấy nước, phải rửa sạch tay. Mỗi lần chạm vào bình phải rửa tay nên Bí-sô thấy mệt nhọc, Phật bảo nếu khi

chạm vào bình đồng hay sành sứ mà tay không chạm nước thì không cần phải rửa tay. Lúc đó các Bí-sô không biết sai ai múc sẵn nước dự trữ, Phật bảo nên sai môn nhân đệ tử làm.

Phật tại thành Kiếp-tỷ-la trong vườn Đa căn, lúc đó Bí-sô ni Đại thế chủ Cù đàm di cùng năm trăm ni quyến thuộc đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên nghe Phật thuyết pháp, Phật bỗng nhảy mũi. Đại thế chủ liền nguyện cho Thế tôn trường thọ, trụ hơn kiếp số; năm trăm ni nghe rồi đều đồng thanh nguyện theo; địa thần Dược xoa, hư không thần Dược xoa, cho đến chư thiên các cõi trời Tứ thiên vương, cõi trời Tam thập tam… nghe rồi cũng đều đồng thanh nguyện theo như vậy. Lúc đó Phật bảo Bí-sô ni Đại thế chủ: "bà cùng các chúng sanh đã làm điều chướng ngại lớn, do lời nguyện này của bà nên năm trăm ni cho đến chư thiên các cõi trời đều nguyện theo như thế. Thật ra cung kính như vậy không gọi là thiện", Đại thế chủ liền hỏi Phật cung kính thế nào mới gọi là thiện, Phật nói: "này Cù đàm di, bà nên nói rằng: nguyện cho Phật và Tăng trụ lậu ở đời thường được hòa hợp như nước với sữa, làm cho giáo pháp của Đại sư được quang huy. Làm như thế mới gọi là cung kính bậc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đó mới gọi là thiện lễ", lúc đó một Bí-sô ni nói kệ:

"Thế chủ Cù đàm di,
Đến đảnh lễ Như lai,
Nguyện Mâu ni trường thọ,
Trụ hơn một kiếp số,
Để độ các chúng sanh.
Tâm Phật mẫu ân trọng,
Nên nói lời nguyện này,
Nhưng Phật bảo không nên,
Nói lời nguyện như vậy".

Lúc đó Đại thế chủ suy nghĩ: "Phật tán thán Tăng hòa hợp…, nay Thế tôn còn ở đời, trong chúng tăng chưa bị chia rẽ, ta nên nhập Niết-bàn", nghĩ rồi liền bạch Phật: "Thế tôn, tôi nay muốn nhập Niết-bàn", Thế tôn nghe rồi liền im lặng ; Đại thế chủ bạch đến lần thứ ba, Phật cũng im lặng; bạch đến lần thứ tư, Phật nói: "bà muốn nhập Niết-bàn phải không?", đáp là muốn nhập Niết-bàn, Phật nói: "bà muốn nhập Niết-bàn thì Như lai còn gì để nói, các hành vô thường đều nên như thế". Năm trăm Bí-sô ni cũng bạch Phật muốn nhập Niết-bàn, Phật cũng nói lời như thế; nghe Phật nói lời này rồi Đại thế chủ và các Bí-sô ni hoan hỉ đảnh lễ Phật rồi đi đến chỗ tôn giả A-nan nói là muốn nhập Niết-bàn, A-nan cũng nói lời như Phật đã nói; như thế cho đến các tôn giả cũng đều nói lời như Phật đã nói. Sau khi

báo cho các tôn giả biết điều này rồi, Đại thế chủ và các Bí-sô ni trở về trú xứ của mình, nội trong bảy ngày thuyết diệu pháp cho ba chúng khiến cho họ được lợi ích thù thắng rồi đi đến chỗ thanh vắng theo thứ lớp ngồi bán già. Lúc đó Đại thế chủ nhập tam muội, nhờ định lực thù thắng liền ẩn thân ngay nơi chỗ ngồi, hiện ra trên không trung đi đứng nằm ngồi, nhập định Hỏa quang trước tiên từ phương Đông hiện các ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng; hoặc hiện biến thần thông như trên thân tuôn ra nước, dưới thân tuôn ra lửa, hoặc trên thân tuôn ra lửa, dưới thân tuôn ra nước; phương Đông đã như vậy, các phương Nam, Tây, Bắc cũng hiện như vậy. Năm trăm Bí-sô ni cũng nhập tam muội hiện tướng như Đại thế chủ không khác. Lúc đó Đại thế chủ nhập định thứ nhất, xuất định thứ nhất rồi nhập định thứ hai, xuất định thứ hai rồi nhập định thứ ba, xuất định thứ ba rồi nhập định thứ tư, xuất định thứ tư rồi nhập định Không xứ, xuất định Không xứ rồi nhập định Thức xứ, xuất định Thức xứ rồi nhập định Vô sở hữu xứ, xuất định Vô sở hữu xứ rồi nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi nhập ngược trở lại, như thế cho đến định thứ nhất rồi mới nhập Niết-bàn. Năm trăm Bí-sô ni cũng lần lượt nhập thuận nghịch các thiền rồi nhập Niết-bàn cũng như Đại thế chủ không khác. Lúc đó đại địa chấn động, sáu phương đều rực sáng, chư thiên trên không trung kêu vang nghe như tiếng trống. Các Bí-sô đang ở trên núi Diệu cao hay các núi khác, cho đến ở trong tụ lạc hay A-lan-nhã… nghe thấy các tướng này liền nhiếp niệm, quán biết Đại thế chủ và năm trăm Bí-sô ni đã nhập Niết-bàn. Các Bí-sô suy nghĩ: "từ mẫu của Thế tôn đã nhập Niết-bàn, chúng ta nên đến trợ giúp cúng dường xá lợi", nghĩ rồi liền tùy khả năng của mình, mỗi người đem các loại gỗ thơm đến chỗ Đại thế chủ nhập Niết-bàn. Lúc đó Thế tôn cùng các tôn giả như Kiều-trần-như, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên… các chúng Thanh văn; cho đến vua Thắng quang cùng các quyến thuộc, các trưởng giả như Cấp-cô-độc…, Tỳ-xá-khư … cùng các quyến thuộc đều đi đến chỗ Đại thế chủ… nhập Niết-bàn để cúng dường xá lợi. Vua Thắng quang dùng các vật báu trang nghiêm năm trăm chiếc xe với hương hoa phan lọng và các kỹ nhạc đến. Lúc đó bốn Bí-sô: Nan-đà, A-na-luật, A-nan-đà, La-hỗ-la cùng khiêng linh xa của Đại thế chủ, Thế tôn cũng đưa tay phải đỡ linh xa ; các Bí-sô khác khiêng linh xa của các Bí-sô ni đưa đến chỗ bằng phẳng rộng rãi, với tâm ân trọng làm lễ trà tỳ. Lúc đó Phật tấm y phủ trên người của Đại thế chủ và năm trăm Bí-sô ni rồi nói với các Bí-sô: "các thầy hãy nhìn xem, Đại thế chủ và các Bí-sô ni này đã thọ một trăm hai mươi tuổi mà tướng mạo không già, vẫn trẻ như đồng nữ mười sáu". Vua Thắng quang cùng đại chúng dùng gỗ thơm hỏa thiêu, lúc đó

Phật thuyết về vô thường cho mọi người nghe rồi trở về tinh xá, rửa chân rồi ngồi trên tòa bảo các Bí-sô: "sự việc vừa qua đều là do nghe người khác nhảy mũi mà chúc nguyện trường thọ. Từ nay nghe thấy người khác nhảy mũi, Bí-sô không được chúc nguyện trường thọ, ai noi thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Đại thế chủ Cù đàm di và năm trăm Bí-sô ni đã tạo nghiệp gì, nhờ nghiệp lực này nên thọ đến một trăm hai mươi tuổi mà tướng mạo không già, vẫn trẻ như đồng nữ mười sáu?", Phật nói: "các thầy lắng nghe nghiệp mà Đại thế chủ và các Bí-sô ni đã tạo, nhờ nghiệp lực ấy mà nay tự thọ lấy quả báo:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu xuất hiện ở đời, trụ tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư. Sau khi nhân duyên giáo hóa đã mãn, Phật ấy nhập Niết-bàn vô dư như củi hết lửa tắt. Lúc đó có vua tên là Cát lợi chỉ cho xây bảo tháp rộng một du thiện na, cao nửa du thiện na để cúng dường xá lợi Phật ấy. Đại phi của vua và năm trăm thể nữ do tuổi đã già nên vua không đoái hoài đến nữa, họ nói với nhau: "chúng ta nên tu nghiệp gì để đời sau không bị già?", Đại vương phi nói: "chúng ta nên cúng dường tháp xá lợi của Phật Ca-diếp ba thì sở nguyện sẽ thành tựu". Sau khi được vua chấp thuận, họ đem các loại hương bột, hương thoa, anh lạc, tràng phan, lọng báu và các món ăn thơm ngon đến cúng dường tháp với tâm ân trọng, năm vóc kính lễ rồi nhiễu quanh bên phải của tháp, sau đó chắp tay phát nguyện: "nguyện đem thiện căn cúng dường bậc vô thượng phước điền này, đời đời kiếp kiếp chúng con đều không có tướng già cho đến khi hết tuổi thọ".

Này các Bí-sô, Đại vương phi thuở xưa chính là Đại thế chủ ngày nay, năm trăm thể nữ thuở xưa chính là năm trăm Bí-sô ni ngày nay. Do lực của phát nguyện xưa mà mãi đến đời này tuy thọ đến một trăm hai mươi tuổi mà tướng mạo vẫn không già… "

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó trong thành có một trưởng giả cưới vợ đã lâu mà không có con, đến khi tuổi già có ý muốn xuất gia nên nói với vợ, người vợ nói tùy ý. Trưởng giả này đến chỗ các Bí-sô ở trong rừng Thệ đa cầu xuất gia và được thọ Cận viên. Thời gian sau, trong lúc Phật đang thuyết pháp cho đại chúng, Bí-sô già này ngồi phía ngoài bỗng nhảy mũi, do Phật đã chế ngăn nên không ai chúc nguyện trường thọ. Lúc đó người vợ cũ của Bí-sô già này đi ngang qua nghe thấy như vậy, trong lòng bất nhẫn liền dùng tay trái bốc nắm đất đưa quanh đầu Bí-sô già

rồi ném ra ngoài và chúc nguyện trường thọ. Thấy các Bí-sô nhìn, người vợ bèn vừa nắm tay Bí-sô già kéo đi vừa nói lời thô quở trách: "Thánh tử vì sao lại xuất gia ở chung với những kẻ oán thù, trong rừng Thệ đa này thường có năm trăm Dược xoa áo xanh, nhờ tôi chúc nguyện cho ông trường thọ, nếu không Dược xoa sẽ hút tinh khí của ông. Ông không nên ở đây nữa, hãy về nhà với tôi", các Bí-sô gọi bảo Bí-sô già chớ đi nhưng ông ta vẫn không đứng lại. Lúc đó một Bí-sô tới nắm tay ông kéo giữ lại, ông kêu la đau quá, Phật nói: "hãy hỏi Bí-sô già tay nào đau, tay bị Bí-sô nắm đau hay là tay bị vợ nắm đau. Nếu nói là tay bị Bí-sô nắm đau thì tâm đã muốn đi, cứ để tùy ý đi; nếu nói là tay bị vợ nắm đau thì tâm còn muốn ở lại, nên giữ lại chớ cho đi", Bí-sô vâng lời Phật hỏi, Bí-sô già đáp là tay bị Bí-sô nắm đau, Bí-sô liền buông ra để ông ta tùy ý về nhà với vợ. Do cho ông ta xuất gia thọ Cận viên nên gây chướng ngại lớn, Phật nói: "Bí-sô già thường thích trường thọ, vì vậy khi nghe họ nhảy mũi nên nói trường thọ, ai không nói thì phạm tội Việt pháp". Duyên xứ như trên, lúc đó có một trưởng giả tín tâm cùng với một Bà-la-môn không tín tâm vào trong rừng Thệ đa, trưởng giả bỗng nhảy mũi, các Bí-sô không chúc nguyện trường thọ, Bà-la-môn liền chúc nguyện trường thọ rồi nói: "sao ông lại có tín tâm với những kẻ oán thù, trong rừng Thệ đa này thường có năm trăm Dược xoa áo xanh, nhờ tôi chúc nguyện cho ông trường thọ, nếu không Dược xoa sẽ hút tinh khí của ông. Ông không nên ở đây nữa, hãy mau về nhà". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "những người tục đều thích trường thọ, nếu nghe họ nhảy mũi nên nói trường thọ. Các Bí-sô nếu thấy người già nhảy mũi, người nhỏ nên đứng dậy làm lễ và nói là kính lễ (bạn đệ); nếu là người nhỏ nhảy mũi thì người lớn nên nói là vô bịnh. Ai không nói như vậy thì phạm tội Việt pháp".

Phật tại vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ thuộc thành Bà-la-nê-tư, lúc đó năm Bí-sô đầu tiên được Phật làm cho trụ nơi vị Chánh định, tuy ở trong pháp luật thiện thuyết xuất gia nhưng đối với các loại thức ăn ăn nhai và oai nghi tới lui đều chưa hiểu rõ, liền bạch Phật, Phật nói: "có năm loại thức ăn thuộc củ, cọng, lá, hoa, quả và năm loại thức ăn để ăn nhai như mì (miến hay bún), cơm, ngũ cốc, cá thịt và bánh; lại có năm loại thức ăn bổ sung như sữa lạc, mật, chả, nem và các loại rau cải. Nếu có loại thức ăn bổ sung này thì vị sẽ ngon hơn, giúp cho thân có sắc lực để tu tập thiện pháp".

8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Làm cửa có ổ khóa,

Lót da, làm cửa sổ,
Trong rộng, dùng lưới ngăn,
Cây chống móng chân dê.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô làm phòng nhưng không làm cửa, Phật bảo nên làm cửa; lại không làm cánh cửa, Phật bảo nên làm; lại không làm bản lề và ổ khóa nên đóng mở khó, Phật bảo nên làm. Lúc đó mở cửa có tiếng kêu, Phật bảo nên dùng miếng da lót ở chỗ kêu; trong phòng tối, Phật bảo nên làm cửa sổ; các Bí-sô làm cửa sổ quá thấp nên bị trộm, Phật bảo không nên làm quá thấp; lại làm quá cao nên phòng vẫn tối như trước, Phật bảo: "không nên làm quá cao, cũng không nên làm quá thấp, nên làm vừa chừng". Lúc đó các Bí-sô làm bên trong hẹp, bên ngoài rộng; Phật bảo nên làm bên trong rộng, bên ngoài hẹp; lại có chim quạ bay vào, Phật bảo nên dùng lưới ngăn; cửa sổ lại không làm cánh cửa nên rắn, bò cạp ban đêm bò vào, Phật bảo nên làm cánh cửa sổ; cửa sổ lại bị gió thổi bật ra, Phật bảo nên làm then cài; đóng mở lại khó khăn, Phật bảo nên dùng cây chống như móng chân dê để đóng mở cửa.

9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Chùy sắt và chum vại,
Xẻng sắt và xẻng gỗ,
Nồi, giường, bếp năm trăm,
Búa đục đều cho dùng.

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó cụ thọ Tất-lân-già-bà ta có bịnh phong, các Bí-sô đến thăm và hỏi đã từng uống thuốc gì, đáp: "trước đây tôi thường dùng chùy sắt nóng thả vào trong chậu nước rồi dùng nước nóng này lau thân thì hết bịnh", lại hỏi vì sao nay không làm, đáp là Phật chưa cho, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay cho Bí-sô bịnh phong được dùng chùy sắt nóng thả vào trong chậu nước rồi dùng nước nóng này lau thân để trị bịnh". Lúc đó Bí-sô đốt chùy sắt nóng quá nên không cầm lấy được, Phật bảo nên dùng móc sắt kéo ra; Bí-sô đưa móc sắt vào lửa, nóng quá cũng không kéo ra được; Phật bảo nên để bên ngoài, dùng bùn bọc lại ở chỗ tay cầm cho không bị nóng để kéo chùy sắt ra bỏ vào trong chậu nước. Bí-sô sau đó dùng tháo đậu, phân bò để chà rửa chùy sắt; Phật bảo không nên chà rửa như vậy, nên bỏ vào trong lửa thì sạch. Lúc đó các Bí-sô nấu nước nóng để rửa trước, nấu nước sạch sau; Phật bảo nên nấu nước sạch trước, nấu nước để rửa sau, ai làm trái thì phạm tội Việt pháp.

Duyên xứ như trên, cụ thọ Tất-lân-già-bà ta bị bịnh, các Bí-sô đến thăm và hỏi như trên, đáp: "trước đây tôi dùng cái chum vại nhỏ đựng nước

thuốc để xông thì hết bịnh", lại hỏi và đáp như trên cho đến câu Phật nói: "từ nay cho Bí-sô bịnh được dùng chum vại đựng nước thuốc xông".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có trưởng giả làm phòng tăm cho Tăng, trong phòng có than lửa rơi vãi khắp nơi, Phật bảo nên gom lại một chỗ ; các Bí-sô không biết dùng vật gì để gom lại, Phật bảo nên dùng xẻng sắt. Lúc đó các Bí-sô ở A-lan-nhã không có sắt để làm xẻng, Phật bảo dùng cây gỗ làm; xẻng bằng cây gỗ dùng bị lửa cháy, Phật bảo dùng phân bò trộn với bùn trét lên xẻng rồi mới dùng thì không bị lửa cháy.

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc chỉ cách trị rồi Bí-sô liền đến chỗ Trưởng giả hỏi mượn nồi để nấu thuốc, sau đó đem trả lại, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, Bí-sô nói là Phật chưa cho thọ, trưởng giả nói: "nếu vậy hãy để dưới đất rồi đi Bí-sô bạch Phật, Phật nói cho thọ. Lúc đó Tỳ-xá-khư Lộc tử mẫu nghe Phật cho thọ nồi, liền mang đến cúng năm trăm nồi sắt, các Bí-sô không biết làm thế nào, Phật bảo nên theo thứ lớp chia cho các Bí-sô; không đủ chia cho các Bí-sô nhỏ, Phật bảo nên chia cho họ nồi đất.

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bịnh nằm trên đất lạnh nên ăn uống không tiêu, đến mượn trưởng giả giường chiếu để nằm, sau khi hết bịnh đem trả, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, Bí-sô nói là Phật chưa cho thọ, bạch Phật, Phật nói cho thọ. Lúc đó Tỳ-xá-khư Lộc tử mẫu nghe Phật cho thọ giường, liền mang đến cúng năm trăm cái giường, các Bí-sô không biết làm thế nào, Phật bảo nên theo thứ lớp chia cho các Bí-sô. Lại có Bí-sô cần bếp lò, đến mượn của trưởng giả, dùng xong đem trả, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, Bí-sô nói là Phật chưa cho thọ, bạch Phật, Phật nói cho thọ. Lúc đó Tỳ-xá-khư Lộc tử mẫu nghe Phật cho thọ bếp lò, liền mang đến cúng năm trăm bếp lò, các Bí-sô không biết làm thế nào, Phật bảo nên theo thứ lớp chia cho các Bí-sô.

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô cần nồi nấu nước nhuộm y, đến mượn của trưởng giả, dùng xong đem trả, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật; Phật bảo nên thọ cho Tăng, đại chúng dùng chung.

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bị gãy giường nên đến chỗ trưởng giả mượn cái đục, dùng xong đem trả, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật; Phật bảo nên thọ cho Tăng, đại chúng dùng chung.

10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ hai:

Búa, rìu, ba loại thang:

Tre, gỗ, dây tùy việc.
Hạ quán, cách làm chùa.
Nói nhân duyên Nan-đà.

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô bị gãy giường cần búa, đến mượn của trưởng giả, dùng xong đem trả, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật; Phật bảo nên thọ cho Tăng, đại chúng dùng chung.

Duyên xứ như trên, lúc đó Phật ở trong vườn của Lộc tử mẫu cho các Bí-sô làm chùa tháp, làm quá cao không biết làm sao leo lên nên bạch Phật, Phật bảo nên làm thang; lại không biết làm bằng gì, Phật nói: "được tùy ý dùng ba loại tre, gỗ và dây để làm thang".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có Bí-sô thân bịnh đến thầy thuốc yêu cầu trị bịnh, thầy thuốc nói nên để lộ phía dưới thân (hạ quán hay hạ khoả), Bí-sô nói Phật chưa cho, thầy thuốc nói: "Phật từ bi sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói nếu có bịnh thì khai cho được để lộ phía dưới thân.

Duyên xứ như trên, như lời Phật dạy khi làm chùa Tăng, Tăng phòng được làm năm tầng, điện Phật bảy tầng, cổng chùa bảy tầng. Nếu làm chùa Ni, Ni phòng được làm ba tầng, điện Phật năm tầng, cổng chùa năm tầng. Lúc đó các Bí-sô không biết làm sao leo lên cao, Phật bảo nên làm cầu thang ở bên góc chùa hoặc bằng đá, gỗ hay đất. Lúc đó Bí-sô không hiểu rõ liền làm cầu thang ở tầng dưới bằng gỗ, ở tầng

giữa bằng đất, ở tầng trên bằng đá khiến cho trên nặng đè xuống dưới làm chùa sập hư; Phật bảo cầu thang ở tầng dưới nên làm bằng đá, ở tầng giữa nên làm bằng đất, ở tầng trên mới làm bằng gỗ.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 11

10. Nhiếp tụng (tiếp theo) - Nhân duyên về Nan-đà:

Duyên khởi tại vườn Đa căn thành Kiếp-tỷ-la, lúc đó em của Thế tôn tên là Nan-đà, thân sắc vàng ròng và có đủ ba mươi hai tướng tốt như Phật, chỉ thấp hơn Phật bốn ngón tay. Vợ của nan-đà là Tôn-đà-la, dung nghi đoan chánh, xinh đẹp tuyệt trần, ai cũng yêu mến nên Nan-đà yêu thương không muốn xa lìa, tình sâu nặng cho đến trọn đời. Lúc đó Thế tôn biết thời hóa độ đã đến nên vào sáng sớm đắp y mang bát cùng thị giả A-nan vào thành khất thực, theo thứ lớp đến trước cửa cung của Nan-đà. Phật dùng đại bi lực phóng ánh sáng hoàng kim chiếu vào trong cung khiến cho khắp nơi đều trở thành sắc hoàng kim. Nan-đà thấy ánh sáng này bỗng nhiên chiếu đến liền biết là do Như lai làm, sai sứ ra xem thử, sứ ra thấy Phật liền trở vào báo là Phật đang ở trước cửa. Nan-đà nghe rồi liền muốn ra nghinh đón làm lễ, Tôn-đà-la suy nghĩ: "nếu đề Nan-đà đi ra, Thế tôn chắc sẽ cho chàng xuất gia", nghĩ rồi liền níu áo Nan-đà lại không cho đi, Nan-đà nói: "hãy buông ra, sau khi làm lễ xong anh sẽ trở vào ngay", Tôn-đà-la nói: "chàng hãy hứa rồi mới được đi", nói rồi liền dùng son ướt bôi lên trán của Nan-đà nói rằng: "chàng hãy trở vào khi vết son này chưa khô, nếu trái lời sẽ bị phạt năm trăm tiền vàng", Nan-đà nói được rồi vội ra cửa nghinh đón đảnh lễ Phật, kế lấy bát của Phật đem vào trong cung đựng đầy thức ăn thơm ngon rồi mang trở ra, Phật liền bỏ đi, Nan-đà đưa bát cho A-nan, Thế tôn liền hiện tướng không cho A-nan lấy bát. Nan-đà vì tôn trong sự oai nghiêm của Phật nên không dám gọi Thế tôn đứng lại mà đưa bát cho A-nan, A-nan hỏi: "hồi nãy anh nhận bát này từ ai?", đáp là từ Phật, A-nan nói: "vậy anh nên đưa cho Phật", đáp: "tôi không dám xúc phạm đại sư", nói rồi liền im lặng đi theo sau Phật về đến trong tinh xá.

Phật trải tòa ngồi rồi, Nan-đà đưa bát cho Phật, Phật thọ thực xong rồi hỏi Nan-đà: "em có thể ăn cơm dư này không?", đáp là ăn, đợi Nan-đà ăn xong, Phật hỏi: "em có thể xuất gia không?", đáp là có thể. Do trong quá

khứ khi Phật hành Bồ-tát đạo không có trái nghịch lời dạy của cha mẹ, sư trưởng và các tôn giả khác, nên đời này được quả báo không ai dám trái lời. Phật nghe Nan-đà đáp như vậy rồi liền bảo A-nan cạo tóc cho Nan-đà, A-nan lại bảo thợ cạo cạo tóc cho Nan-đà. Lúc đó Nan-đà nói với thợ cạo: "ngươi có biết không, không bao lâu nữa ta sẽ làm Lực luân vương, nếu ngươi cạo tóc của ta, sau này ta sẽ chặt cổ tay ngươi", thợ cạo nghe rồi sợ hãi thu cất dao cạo muốn ra về, A-nan bạch Phật, Phật tự đi đến hỏi Nan-đà: "em không muốn xuất gia phải không?", lại đáp là muốn xuất gia, Phật liền tự cầm bình nước xối lên đầu của Nan-đà rồi bảo tịnh nhân cạo tóc, Nan-đà suy nghĩ: "ta vì kính phụng Thế tôn nên tạm xuất gia, đến chiều sẽ trở về nhà". Đến chiều, Nan-đà tìm đường trở về nhà, Phật hóa ra một hố lớn ở giữa đường, Nan-đà thấy hố liền suy nghĩ: "ta rất nhớ Tôn-đà-la nhưng không cách gì qua được hố này, vậy còn phải xa Tôn-đà-la cho đến sáng mai, ta sẽ tìm cách trở về nhà". Lúc đó Phật biết tâm ý của nan-đà nên bảo A-nan: " thầy hãy đến bảo Nan-đà làm tri sự", A-nan vâng lời Phật đến bảo Nan-đà làm tri sự, Nan-đà hỏi: "thế nào là tri sự và phải làm việc gì?", đáp là coi ngó việc chúng, lại hỏi coi ngó như thế nào, đáp: "hễ là tri sự thì khi các Bí-sô đi khất thực phải quét dọn trong chùa, dùng tân cù ma tô trét nền, coi giữ vật của Tăng không cho thất lạc ; nếu có việc bình luận thì nên bạch Tăng…, ban đêm đóng cửa chùa, sáng mở ra…", Nan-đà nói: "được, tôi sẽ làm theo lời Phật dạy". Sáng hôm sau khi các Bí-sô đắp y mang bát vào thành khất thực, Nan-đà quét dọn trong chùa nghĩ là quét xong sẽ trở về nhà. Lúc đó Phật dùng thần thông lực làm cho những nơi đã quét sạch lại đầy rác rến trở lại, nên Nan-đà quét mãi mà vẫn không sạch hết rác. Nan-đà liền nghĩ: "hãy đóng cửa rồi bỏ đi", Phật lại dùng thần thông lực làm cho Nan đóng cửa này xong, khi đến đóng cửa khác thì cửa này lại mở ra; Nan-đà phiền muộn liền suy nghĩ: "dù giặc có phá tan chùa này cũng chẳng hại gì, khi lên làm vua ta sẽ cho xây lại trăm ngàn ngôi chùa đẹp hơn chùa này. Nay ta nên trở về nhà". Nan-đà sợ đi đường lớn sẽ gặp Phật nên đi đường nhỏ, Phật biết nên đi đường nhỏ theo chiều ngược lại, Nan-đà nhìn thấy Phật nhưng không muốn gặp nên nấp dưới một tàng cây bên đường. Phật dùng thần thông lực khiến cho cây đưa cành cây lên cao để lộ thân hình của nan-đà rồi hỏi: "thầy đi đâu, hãy theo ta trở về", Nan-đà hổ thẹn đi theo Phật trở về. Lúc đó Phật suy nghĩ: "người này luyến Ái vợ sâu nặng, ta nên làm phương tiện khiến cho từ bỏ", nghĩ rồi Phật dẫn Nan-đà ra khỏi thành Kiếp-tỷ-la đi đến thành Thất-la-phiệt, trú trong vườn của Tỳ-xá-khư Lộc tử mẫu. Lúc đó Tỳ-xá-khư nghe biết em của Thế tôn tên là Nan-đà, thân sắc vàng ròng và có đủ ba mươi hai tướng tốt như Phật, chỉ

thấp hơn Phật bốn ngón tay, đã cùng Phật đến đây liền suy nghĩ: "ta nên đến làm lễ để được gặp". Sáng hôm sau, Nan-đà đắp y mang bát vào thành khất thực, theo thứ lớp đến trước nhà của Tỳ-xá-khư , Tỳ-xá-khư thấy tướng mạo của Nan-đà hơn người thường liền suy nghĩ: "đây há chẳng phải là em của Phật hay sao?", nghĩ rồi với tâm tín kính đảnh lễ, đặt tay lên chân của nan-đà. Do sự xúc chạm này nên Nan-đà với bản tánh đa dục liền sanh tâm nhiễm ô, xuất tinh rơi trên đầu của Tỳ-xá-khư . Phật dùng thần lực biến chất bất tịnh kia thành dầu thơm Tô hợp, Tỳ-xá-khư sờ lên đầu chạm dầu thơm này liền biết là do thần lực của Phật làm ra nên sanh tâm hi hữu vui mừng tán thán: "lành thay Phật đà, lành thay Đạt ma, lành thay Tăng già. Pháp luật khéo thuyết giảng thật không thể nghĩ bàn mới có thể khiến cho người đa dục như Nan-đà cũng xuất gia trong Phật pháp, chuyên tu phạm hạnh". Lúc đó Nan-đà sanh tâm hối hận suy nghĩ không biết có phạm Tăng tàn hay không nên bạch các Bí-sô, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "không phạm, nếu người nào nhiều dục như vậy thì nên dùng túi da bọc lại" , các Bí-sô không biết làm bằng da gì, Phật nói nên dùng ba loại da là da dê, da nai và da chuột. Lúc đó Bí-sô dùng da sống làm túi da nên có mùi hôi; Phật bảo nên thuộc da, rửa sạch phơi khô rồi mới dùng. Khi Bí-sô gặp người nữ sanh dục nhiễm, xuất tinh làm dơ hạ y, Phật bảo nên làm hai cái túi da, một cái phơi, một cái dùng. Lúc đó túi da dính nhiều tinh nên ẩm hư, Phật bảo nên dùng vật lót để phơi trên nền cát. Lại có Bí-sô sau khi dùng túi da bọc lại rồi đi thọ thực hoặc nhiễu tháp, Phật bảo nên tháo ra để ở chỗ khuất, rửa sạch tay rồi mới đi dùng cơm hay lễ kính.

Sau đó khi ngồi trên tảng đá, Nan-đà lại nhớ đến Tôn-đà-la nên vẽ hình cô lên đá, tôn giả Đại Ca-diếp đi ngang qua thấy vậy liền hỏi: "thầy đang làm gì vậy?", đáp là đang vẽ hình Tôn-đà-la, Đại Ca-diếp nói: "này cụ thọ, Thế tôn dạy Bí-sô nên làm hai việc là thiền định và đọc tụng, thầy không làm hai việc này lại ở đây vẽ hình phụ nữ?", Nan-đà nghe rồi im lặng, Đại Ca-diếp đem việc này bạch Phật, Phật nói: "kẻ ngu si Nan-đà nhớ Tôn-đà-la nên vẽ hình cô ấy, từ nay Bí-sô không được vẽ hình, ai vẽ thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các Bí-sô không dám dùng hương thoa, hương bột thoa ở tháp Phật, Phật hỏi A-nan nguyên do, A-nan bạch Phật, Phật nói: "được dùng hương thoa, hương bột thoa ở tháp Phật nhưng không được vẽ hình tượng chúng sanh. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp, nếu vẽ hình đầu lâu hay xương khô thì không phạm". Lúc đó Phật suy nghĩ: "Nan-đà ngu si Ái nhiễm nên nhớ đến vợ mãi, không dứt tình xưa được, ta nên làm phương tiện khiến cho dứt tâm Ái nhiễm", nghĩ rồi liền hỏi Nan-đà: "thầy đã từng thấy núi Hương túy chưa?", đáp là chưa thấy, Phật bảo: "hãy nắm lấy chéo

y của ta", Nan-đà vâng lời nắm lấy chéo y. Lúc đó Phật như Nga vương bay lên hư không, đưa nan-đà đến núi Hương túy. Đến nơi, Nan-đà nhìn ngó hai bên thấy dưới một gốc cây ăn trái có một con vượn cái mù, Phật hỏi có thấy vượn mù hay không, đáp là có thấy, lại hỏi: "ý thầy thế nào, con vượn cái này so với Tôn-đà-la thì ai xinh đẹp hơn?", đáp: "Tôn-đà-la thuộc dòng Thích ca cũng như thiên nữ, nghi dung bậc nhật, tuyệt thế vô song, con vượn này so với Tôn-đà-la không bằng một phần ngàn", Phật lại hỏi: "thầy đã thấy thiên cung chưa?", đáp là chưa thấy, Phật bảo: "hãy nắm lấy chéo y của ta", Nan-đà vâng lời nắm lấy chéo y. Lúc đó Phật như Nga vương bay lên hư không, đưa Nan-đà đến cõi trời Tam thập tam rồi bảo Nan-đà: "thầy hãy đi tham quan các nơi trong thiên cung". Nan-đà tham quan các nơi như vườn Hoan hỉ, vườn Thể thân, vườn Thô thân, vườn Giao hợp, Thiện pháp đường… thấy hoa trái, ao tắm và chỗ vui chơi hoan lạc trong các vườn đó thảy đều thù thắng. Khi vào trong thành Thiện kiến, Nan-đà thấy các loại nhạc khí như trống kèn… với âm thanh vi diệu, khắp nơi đều có các thiên nữ xinh đẹp vui chơi mà không thấy có thiên tử nên hỏi một thiên nữ vì sao, thiên nữ đáp: "Thế tôn có người em tên là Nan-đà theo Phật xuất gia tu phạm hạnh, sau khi qua đời sẽ sanh lên đây nên chúng tôi ở đây chờ đợi", Nan-đà nghe rồi vui mừng trở lại gặp Phật, Phật hỏi: "thầy đã thấy những việc thắng diệu của chư thiên chưa?", đáp là đã thấy rồi kể lại những việc trên, Phật lại hỏi có thấy thiên nữ không, đáp là đã thấy, lại hỏi: "những thiên nữ đó so với Tôn-đà-la thì ai xinh đẹp hơn?", đáp: "Tôn-đà-la so với các thiên nữ ở đây cũng như đem con vượn mù ở núi Hương túy so với Tôn-đà-la, không bằng một phần ngàn", Phật nói: "người tu tịnh hạnh có lợi thù thắng này, vậy thầy hãy cố tu phạm hạnh để được sanh thiên thọ hưởng những khoái lạc này", Nan-đà nghe rồi im lặng. Sau khi trở về rừng Thệ đa, Nan-đà vì muốn sanh thiên hưởng khoái lạc nên nổ lực tu phạm hạnh, Phật biết tâm ý của Nan-đà nên bảo A-nan: "thầy hãy đi thông báo với các Bí-sô là không ai được cùng với Nan-đà ngồi chung, kinh hành chung, ngồi tụng kinh chung, phơi y chung một sào, cũng không để bát và bình nước chung", A-nan thông báo xong, các Bí-sô phụng hành theo. Lúc đó Nan-đà thấy mọi người không cùng mình sinh hoạt chung nên trong lòng cảm thấy xấu hổ, một hôm thấy A-nan cùng các Bí-sô giúp nhau may y trong phòng may, Nan-đà suy nghĩ: "các Bí-sô đều bỏ rơi ta nhưng A-nan là em ta, lẽ nào cũng bỏ rơi ta hay sao", nghĩ rồi liền đến ngồi cạnh, A-nan liền đứng dậy tránh đi, Nan-đà hỏi: "các Bí-sô khác tránh ta còn được, nhưng thầy là em ta, vì sao cũng tránh ta?", đáp: "vì anh hành đạo theo hướng khác, tôi hành đạo theo hướng khác nên phải tránh nhau", lại hỏi:

"tôi theo hướng nào còn thầy theo hướng nào?", đáp: "anh vì muốn sanh thiên nên tu phạm hạnh, tôi vì cầu viên tịch nên trừ dục nhiễm", Nan-đà nghe rồi càng ưu sầu. Lúc đó Phật hỏi Nan-đà: "thầy từng thấy địa ngục chưa?", đáp là chưa thấy, Phật bảo: "hãy nắm lấy chéo y của ta", Nan-đà vâng lời nắm lấy chéo y. Lúc đó Phật như Nga vương bay lên hư không, đưa nan-đà đến địa ngục rồi bảo Nan-đà đi tham quan các nơi. Nan-đà đến tham quan các địa ngục như Khôi hà, Kiếm thọ, Phẩn niệu, Hỏa ha … thấy trong đó chúng sanh chịu khổ như bị kìm kéo lưỡi, nhổ răng, móc mắt, thân bị cưa, tay chân bị chặt, thân bị mâu giáo đâm, bị chùy đồng đập nát, hoặc bị nước đồng sôi rót vào miệng, hoặc leo lên núi dao vào rừng kiếm, hoặc bị giã trong cối, bị nghiền dưới đá, hoặc ôm trụ đồng, nằm rên giường sắt nóng đỏ … Lại thấy chúng sanh bị đốt nấu trong chão nước sôi sùng sục chịu khổ, nhưng có một chão nước sôi sùng sục không có chúng sanh, Nan-đà lấy làm lạ hỏi ngục tốt vì sao, ngục tốt đáp: "Nan-đà em của Phật muốn sanh thiên nên tu phạm hạnh, tuy được sanh lên cõi trời tạm thời hưởng thọ hoan lạc, nhưng sau khi chết lại đọa xuống đây ở trong chão nước sôi này thọ khổ. Vì vậy tôi nấu nước sẵn chờ", Nan-đà nghe rồi sợ hãi đến nỗi toàn thân nổi gai ốc, đổ mồ hôi suy nghĩ: "nếu hắn biết ta chính là Nan-đà thì chắc là bắt ta bỏ vào trong chão nước sôi này", nghĩ rồi vội chạy trở lại chỗ Phật, Phật hỏi đã thấy các cảnh trong địa ngục chưa, đáp là đã thấy rồi kể lại những việc đã thấy trên, Phật nói: "nếu nguyện sanh cõi người hay cõi trời mà tu phạm hạnh thì đều có lỗi này, vì vậy thầy nên vì cầu Niết-bàn viên tịch mà tu phạm hạnh, chớ vì ưa thích sanh thiên mà cần khổ tu phạm hạnh", Nan-đà nghe rồi xấu hổ im lặng. Sau khi trở về rừng Thệ đa, Phật bảo Nan-đà và các Bí-sô: "có ba cấu uế bên trong, đó là tham dục, sân hận và ngu si; các thầy nên từ bỏ, nên xa lìa, nên tu học như vậy".

Ở trong rừng Thệ đa chưa bao lâu, Thế tôn muốn tùy duyên hóa độ chúng sanh nên cùng các môn đồ du hành đến nước Chiêm ba, trụ bên bờ hồ Yết già. Lúc đó Nan-đà cùng năm trăm Bí-sô cũng đi theo đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật bảo Nan-đà và các Bí-sô: "ta có pháp yếu ban đầu, khoảng giữa và sau cùng đều thiện, văn nghĩa xảo diệu, thuần nhất không tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh trong sạch, đó là kinh Vào thai mẹ. Các thầy lắng nghe:

Này Nan-đà, tuy có thai mẹ nhưng có trường hợp nhập và không nhập. Như thế nào là thọ sanh vào thai mẹ? Nếu cha mẹ có tâm dâm cùng giao hội, bụng người mẹ thanh tịnh, khi đến nguyệt kỳ Trung uẩn hiện tiền thì biết lúc đó gọi là Vào thai mẹ. Thân Trung uẩn (Trung ấm, Trung hữu) có hai: một là xinh đẹp, hai là xấu xí. Trung hữu của địa ngục có dung mạo

xấu xí như khúc cây cháy đen, Trung hữu của bàng sanh có sắc như khói, Trung hữu của ngạ quỷ có sắc như nước, Trung hữu của người trời có sắc vàng kim, Trung hữu của sắc giới có sắc tươi trắng, cõi Vô sắc giới vốn không có sắc nên không có Trung hữu. Trung uẩn của hữu tình có hai tay hai chân hoặc bốn chân, nhiều chân hoặc không chân; tùy theo nghiệp đời trước thác sanh vào cõi nào mà cảm thọ thân Trung hữu ứng với cõi ấy. Nếu Trung hữu cõi trời thì đầu hướng lên; Trung hữu cõi người, bàng sanh và ngạ quỷ thì đi ngang ; Trung hữu cõi địa ngục thì đầu chúc xuống. Các Trung hữu đều có thần thông nương theo hư không mà đi, cũng có thiên nhãn thấy chỗ thác sanh từ xa. Nguyệt kỳ là thời kỳ nạp thai, có những người nữ trải qua ba ngày hoặc năm ngày, nửa tháng… cũng có người phải chờ đợi lâu mới có nguyệt kỳ. Nếu người nữ không có uy thế thì phải chịu nhiều đau khổ, hình dung xấu xí, ăn uống không ngon, nguyệt kỳ có đến nhưng lại dứt ngay, như đất khô dù rưới nước cũng rất mau khô. Nếu người nữ có uy thế thì thường an lạc, hình dung xinh đẹp, ăn uống ngon, nguyệt đến sẽ không dứt liền, như đất ẩm, rưới nước sẽ lâu khô. Như thế nào là không nhập thai?: khi người cha xuất tinh mà người mẹ không xuất tinh hoặc mẹ xuất tinh mà cha không xuất tinh hoặc cả hai đều không xuất tinh thì không nhập thai. Nếu người mẹ không thanh tịnh, người cha thanh tịnh hoặc mẹ thanh tịnh, cha không thanh tịnh, hoặc cả hai đều không thanh tịnh thì cũng không nhập thai. Nếu căn môn của người mẹ bị bịnh như bịnh phong, bịnh vàng, bịnh đàm ấm… hoặc uống thuốc, eo quá nhỏ, hoặc sản môn như miệng ngựa, hoặc bên trong như cây nhiều rễ, hoặc như đầu lưỡi cày hoặc như dây leo, hoặc như lá cây; hoặc trên bụng dưới bụng quá sâu, hoặc không có dạ con, hoặc thường chảy máu, hoặc như mỏ quạ thường mở không khép, hoặc trên dưới bốn bên không bằng nhau, hoặc cao thấp lồi lõm ; hoặc bên trong có trùng ăn làm cho hư hoại bất tịnh… thì người mẹ không thể thọ thai. Nếu cha mẹ tôn quý mà thân Trung hữu ty tiện hoặc thân Trung hữu tôn quý mà cha mẹ ty tiện cũng không thành thai. Nếu cha mẹ và thân Trung hữu đều tôn quý nhưng nghiệp không hòa hợp thì cũng không thành thai, hoặc thân trung hữu đối với cảnh trước không luyến Ái nam hay nữ thì cũng không thọ sanh. Như thế nào thì Trung hữu vào thai mẹ? Nếu bụng người mẹ thanh tịnh, Trung hữu hiện tiền thấy cha mẹ làm việc dâm, người mẹ không có các bịnh kể trên, đối ới cha mẹ có nghiệp lực cảm ứng thì Trung hữu mới nhập thai. Nếu khi nhập thai, thân Trung hữu là nam thì sẽ luyến Ái với mẹ mà ghét cha ; nếu là nữ thì sẽ luyến Ái với cha mà ghét mẹ. Đối với các nghiệp đã tạo trong đời trước liền sanh vọng tưởng và hiểu sai như tưởng lạnh, gió lớn, mưa to, mây mù… hoặc nghe

tiếng của nhiều người cải nhau; sanh các vọng tưởng này rồi tùy nghiệp mạnh yếu mà phát sinh mười vọng tưởng, đó là ta đang vào nhà, ta sắp lên lầu, ta lên đài điện, ta lên giường tòa, ta vào thảo am, ta vào nhà lá, ta vào bụi cỏ, ta vào trong rừng cây, ta vào trong khe tưởng hở, ta vào trong hàng rào. Khi thân Trung hữu có các vọng tưởng này liền vào thai mẹ.

Này Nan-đà, khi vừa thọ thành thai gọi là Yết-la-lam, Yết-la-lam chính là tinh cha huyết mẹ, do tinh cha huyết mẹ làm nhân duyên hòa hợp để thức nương dựa tồn tại. Như nhân công đổ sữa vào bình rồi khuấy đều không ngừng sẽ được tô, nếu làm khác thì sẽ không được tô ; thân Yết-la-lam sanh do tinh cha huyết mẹ cũng như vậy. Lại có bốn ví dụ : một là như trùng dựa vào cỏ xanh mà sanh ra, cỏ không phải trùng nhưng trùng không lìa cỏ, dựa vào cỏ làm nhân duyên hòa hợp mà trùng sanh ra có sắc xanh; thân Yết-la-lam sanh do tinh cha huyết mẹ cũng như vậy, nhân duyên hòa hợp sanh đại chủng căn. Hai là như trùng dựa vào phân bò mà sanh ra, phân bò không phải trùng nhưng trùng không lìa phân bò, dựa vào phân bò làm nhân duyên hòa hợp mà trùng sanh ra có sắc vàng; thân Yết-la-lam sanh do tinh cha huyết mẹ cũng như vậy, nhân duyên hòa hợp sanh đại chủng căn. Ba là như trùng dựa vào gai mà sanh ra, gai không phải trùng nhưng trùng không lìa gai, dựa vào gai làm nhân duyên hòa hợp mà trùng sanh ra có sắc đỏ; thân Yết-la-lam sanh do tinh cha huyết mẹ cũng như vậy, nhân duyên hòa hợp sanh đại chủng căn. Bốn là trùng dựa vào lạc mà sanh ra… như trên cho đến câu trùng sanh ra có sắc trắng; thân Yết-la-lam sanh do tinh cha huyết mẹ cũng như vậy, nhân duyên hòa hợp sanh đại chủng căn.

Lại nữa nan-đà, nương vào thân Yết-la-lam bất tịnh của cha mẹ, địa giới hiện tiền có tánh cứng, thủy giới hiện tiền có tánh ướt, hỏa giới hiện tiền có tánh nóng, phong giới hiện tiền có tánh nhẹ động. Thân Yết-la-lam bất tịnh của cha mẹ nếu chỉ có địa giới không có thủy giới thì khô và bị phân tán, như tay cầm bột tro khô; nếu chỉ có thủy giới mà không có địa giới thì ly tán như giọt dầu trên nước; do thủy giới nên địa giới không rã, do địa giới nên thủy giới không bị trôi. Nếu thân Yết-la-lam có địa thủy giới mà không có hỏa giới thì bị hư nát, như mùa hạ để cục thịt nơi chỗ râm mát. Nếu thân Yết-la-lam có địa thủy hỏa giới mà không có phong giới thì không thể tăng trưởng to lớn; chúng đều do nghiệp đời trước làm nhân lại lẫn nhau làm duyên, cùng chiêu cảm nhau nên thức được sanh. Địa giới nâng đỡ, thủy giới kết dính, hỏa giới làm chín, phong giới làm tăng trưởng; ví như có người điều chế đường, dùng hơi thổi vào làm cho phồng lên nhưng bên trong trống rỗng như ngó sen. Địa thủy hỏa phong trong thân do nghiệp lực tăng trưởng cũng như vậy. Chẳng phải chỉ có chất bất tịnh của

cha mẹ, cũng chẳng phải bụng mẹ, cũng chẳng phải nghiệp này, chẳng phải nhân hay duyên mà phải do tất cả duyên này hòa hợp mới thành thai. Như hạt giống mới không bị gió nắng làm hư hoại, chắc mà không lép, được cất giữ đúng cách rồi đem gieo xuống ruộng tốt, đủ độ ẩm… các duyên hòa hợp thì hạt mới nẩy mầm và theo thứ lớp phát triển thành cành lá hoa trái. Vì vậy nên biết không phải chỉ có cha, mẹ hay các duyên khác mà thành thai; phải do tinh cha huyết mẹ… các nhân duyên hòa hợp mới thành thai. Như có người tìm lửa, đem ngọc nhật quang để dưới ánh mặt trời, trên phân bò khô thì lửa mới phát sanh; cũng vậy do tinh cha huyết mẹ… các nhân duyên hòa hợp mới thành thai. Chất bất tịnh của cha mẹ hòa hợp thành Yết-la-lam gọi là Sắc, thọ tưởng hành thức gọi là Danh, hợp lại gọi là Danh sắc. Uẩn tụ danh sắc đáng chán ghét này gá sanh các Hữu, cho đến một sát na nhỏ nhất ta cũng không tán thán nó, vì sao, vì sanh trong các Hữu là đại khổ. Ví như phẩn uế dù chút ít cũng hôi thối, vì vậy nên biết sanh trong các Hữu là đại khổ. Năm Thủ uẩn sắc thọ tưởng hành thức này đều có sanh trụ tăng trưởng cho đến hoại diệt; sanh là khổ, trụ là bịnh, tăng trưởng hoại diệt là già chết. Vì vậy ở trong biển Hữu, ai lại sanh yêu thích, nằm trong thai mẹ thọ đại khổ não này.

Lại nữa nan-đà, nên biết bất cứ ai nhập thai, nói chung là có ba mươi tám lần bảy ngày:

Trong bảy ngày đầu, thai trong bụng mẹ gọi là Yết-la-lam, thể trạng như cháo lỏng hay như lạc tương nằm trong cái nồi, thân căn và thức cùng ở một chỗ bị nung nấu nóng bức rất là khổ não. Trong bảy ngày bị nung nấu, tánh cứng của địa giới, tánh ướt của thủy giới, tánh nóng của Hỏa giới, tánh động của phong giới mới hiện tiền.

Trong bảy ngày thứ hai, trong bụng mẹ có gió tự nổi lên gọi là Biến xúc do nghiệp đời trước sanh ra, xúc chạm vào thai gọi là Yên bộ đà, dạng như lạc hay tô; trong bảy ngày bị nung nấu nên bốn giới hiện tiền.

Trong bảy ngày thứ ba, trong bụng mẹ lại có gió tên là Dao cắt miệng do nghiệp đời trước sanh ra, xúc chạm vào thai gọi là Bế thi, dạng như đũa sắt hay giun; trong bảy ngày này bốn giới hiện tiền.

Trong bảy ngày thứ tư, trong bụng mẹ lại có gió tên là nôi khai do nghiệp đời trước sanh ra, thổi vào thai như tên bắn gọi là Kiện nam, dạng như chiếc hài hay Ôn thạch; trong bảy ngày này bốn giới hiện tiền.

Trong bảy ngày thứ năm, trong bụng mẹ lại có gió tên là Nhiếp trì, khi xúc chạm vào thai thì có năm tướng hiện ra, đó là hai bắp tay, hai đùi và đầu. Như mùa xuân, trời mưa nước ngọt, rừng cây phát triển cành là rậm

rạp; năm tướng này hiện cũng như vậy.

Trong bảy ngày thứ sáu, trong bụng mẹ lại có gió tên là Quảng đại, khi xúc chạm vào thai thì có bốn tướng hiện ra, đó là hai khuỷu tay và hai đầu gối. Như mùa xuân trời mưa, cỏ Di phát triển thành cọng; bốn tướng này hiện cũng như vậy.

Trong bảy ngày thứ tám, trong bụng mẹ có gió tên là Toán chuyển, khi xúc chạm vào thai thì có bốn tướng hiện ra, đó là hai bàn tay và hai bàn chân; bốn tướng này như bọt tụ hay như rêu nước.

Trong bảy ngày thứ tám, trong bụng mẹ lại có gió tên là Phiên chuyển, khi xúc chạm vào thai thì có hai mươi tướng hiện ra, đó là mười ngón tay và mười ngón chân. Như trời mưa mới, rễ cây mọc ra.

Trong bảy ngày thứ chín, trong bụng mẹ có gió tên là Phân tán, khi xúc chạm vào thai thì có chín tướng hiện ra, đó là hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng và hai chỗ đại tiểu.

Trong bảy ngày thứ mười, trong bụng mẹ lại có gió tên là Kiên tiên làm cho thai nhi cứng chắc ; trong bảy ngày này, trong bụng mẹ lại có gió tên là Phổ môn thổi phồng thai tạng lên, như cái pháo được thổi đầy khí.

Trong bảy ngày thứ mười một, trong bụng mẹ lại có gió tên là Sơ thông, khi xúc chạm vào thai làm cho thai thông suốt, chín lỗ hiện ra. Khi mẹ đi đứng, nằm ngồi hay làm việc… gió này xoay chuyển theo các lỗ làm cho các lỗ lớn dần lên; nếu thổi lên thì thông lỗ trên, nếu thổi xuống thì thông lỗ dưới. Như người thợ rèn dùng ống bễ quạt thổi khí lên xuống, gió thổi qua rồi tự ẩn mất.

Trong bảy ngày thứ mười hai, trong bụng mẹ có gió tên là Khúc khẩu thổi vào hai bên thai làm cho bụng lớn nhỏ, cũng như tơ sen quấn theo thân mà trụ. Trong bảy ngày này lại có gió tên là Xuyên phát làm cho thai phát sanh đúng một trăm ba mươi tiết, lại do sức gió làm thành một trăm lẻ một chỗ cấm.

Trong bảy ngày thứ mười ba, trong bụng mẹ do sức gió trước nên thai nhi biết đói khát, khi mẹ ăn uống, những chất bổ dưỡng sẽ theo cuống rốn dẫn vào để nuôi lớn thai nhi.

Trong bảy ngày thứ mười bốn, trong bụng mẹ có gió tên là Tuyến khẩu làm cho thai nhi mọc ra một ngàn sợi gân, ở thân trước có hai trăm năm mươi sợi, bên phải có hai trăm năm mươi sợi, bên trái cũng có hai trăm năm mươi sợi.

Trong bảy ngày thứ mười lăm, trong bụng mẹ có gió tên là Liên hoa làm cho thai nhi hình thành hai mươi mạch máu để hấp thụ chất bổ dưỡng,

thân trước có năm mạch, thân sau có năm mạch, bên phải có năm, bên trái có năm. Các mạch này có nhiều tên và nhiều sắc, hoặc tên là Bạn, hoặc tên là Lực, Thế sắc…; với các sắc như xanh vàng đỏ trắng… hay màu xen tạp. Hai mươi mạch này, mỗi mạch có bốn mươi mạch phụ hợp thành tám mươi mạch để hấp thụ khí; thân trước, thân sau và hai bên mỗi nơi có hai trăm mạch. Tám mươi mạch này lại có trăm đường mạch phụ hợp thành tám vạn; thân trước, sau và hai bên mỗi nơi có hai vạn. Tám vạn mạch này có nhiều lỗ, từ một cho đến bảy lỗ, mỗi lỗ nối tiếp với lỗ chân lông, như ngó sen có nhiều lỗ.

Trong bảy ngày thứ mười sáu, trong bụng mẹ lại có gió tên là Cam lộ hành có thể làm phương tiện hình thành chỗ hốc mắt, hai tai, hai mũi, cuống họng, ngực và ức của thai nhi; lại làm cho thức ăn dẫn vào có chỗ chứa giữ và làm cho thông hơi thở ra vào. Như người thợ gốm lấy cục đất nhuyễn đạt trên bàn quay, tùy hình dạng của vật mà nắn làm cho không sai lạc; trong bảy ngày này do sức gió nghiệp sắp xếp các chỗ như mắt, tai… cho đến làm cho thông hơi thở ra vào.

Trong bảy ngày thứ mười bảy, trong bụng mẹ lại có gió tên là Mao phất khẩu làm cho chất dinh dưỡng vào trong thai, qua mắt tai mũi miệng… của thai nhi một cách trơn tru và làm cho thông hơi thở ra vào. Ví như người thợ giỏi dùng dầu và tro hay đất mịn để chùi tấm kính bị bụi làm ố làm cho sạch; trong bảy ngày này do sức của gió nghiệp sắp xếp các chỗ… không có trở ngại.

Trong bảy ngày thứ mười tám, trong bụng mẹ lại có gió tên là Vô cấu làm cho sáu căn của thai nhi sáng sạch. Như mây che nhật nguyệt, có gió mạnh thổi tan mây làm cho nhật nguyệt sáng soi; trong bảy ngày này do sức gió nghiệp làm cho sáu căn sáng sạch cũng như thế.

Trong bảy ngày thứ mười chín, thai nhi trong bụng mẹ hình thành bốn căn là mắt tai mũi lưỡi; khi mới nhập thai đã có ba căn là thân mạng ý.

Trong bảy ngày thứ hai mươi, trong bụng mẹ lại có gió tên là Kiên cố nương vào thai làm cho chân trái sanh ra hai mươi đốt xương ngón chân, chân phải cũng sanh ra hai mươi đốt xương, gót chân bốn đốt xương, bắp tay hai đốt xương, đầu gối hai đốt xương, bắp đùi hai đốt xương, bàn tọa ba đốt xương, xương sống mười tám đốt xương, xương sườn hai mươi bốn đốt xương, bàn tay trái hai mươi đốt xương, bàn tay phải hai mươi đốt xương, cổ tay hai đốt xương, cánh tay bốn đốt xương, ngực bảy đốt xương, vai bảy đốt xương, cổ sau bốn đốt xương, cằm hai đốt xương; răng có ba mươi hai cái, sọ có bốn đốt xương, Như người thợ đúc tượng, trước dùng

gỗ cứng làm tướng trạng, sau đó quấn dây chung quanh rồi đắp đất nắn hình tượng; do sức gió nghiệp sắp xếp các đốt xương cũng như vậy. Trong đây có khoảng hai trăm đốt xương lớn, còn lại đều là xương nhỏ.

Trong bảy ngày thứ hai mươi mốt, trong bụng mẹ có gió tên là Sanh khởi làm cho trên thân thai nhi sanh thịt, như người thợ hồ trộn hồ trước rồi mới tô lên vách; do sức gió nghiệp sanh ra thịt cũng như vậy.

Trong bảy ngày thứ hai mươi hai, trong bụng mẹ có gió tên là Phù lưu làm cho trong thân thai nhi sanh máu. Trong bảy ngày thứ hai mươi ba, trong bụng mẹ có gió tên là Tịnh trì làm cho trên thân thai nhi sanh da. Trong bảy ngày thứ hai mươi bốn, trong bụng mẹ có gió tên là Tư mạn làm cho da dẻ trên thân thai nhi trơn láng. Trong bảy ngày thứ hai mươi lăm, trong bụng mẹ có gió tên là Trì thành làm cho máu thịt trong thân thai nhi tươi nhuận. Trong bảy ngày thứ hai mươi sáu, trong bụng mẹ có gió tên là Sanh thành làm cho trên thân thai nhi mọc tóc, lông, móng tay, móng chân liên kết với các mạch máu trong thân. Trong bảy ngày thứ hai mươi bảy, trong bụng mẹ có gió tên là Khúc nghiệp làm cho tóc lông, móng tay, móng chân của thai nhi được thành tựu.

Này Nan-đà, nếu nghiệp đời trước của thai nhi là keo kiệt biển lận tiền tài, chấp chặt không thí xả; không vâng lời cha mẹ, sư trưởng; thân miệng ý tạo nghiệp bất thiện ngày đêm tăng trưởng thì thọ quả báo nếu sanh trong cõi người thì không được vừa ý như sau: nếu người đời cho dài là đẹp thì họ ngắn, cho ngắn là đẹp thì họ dài; nếu cho thô to là đẹp thì họ nhỏ bé, cho nhỏ bé là đẹp thì họ thô to …; nếu người đời thích mập thì họ ốm gầy, thích ốm gầy thì họ lại mập; thích trắng thì họ đen, thích đen thì họ trắng… Lại do nghiệp ác chiêu cảm ác báo như đui điếc câm ngọng, ngu si, xấu xí, ngôn ngữ nói ra mọi người không thích nghe, tay chân cong vẹo, hình dáng như ngạ quỷ, người thân còn không thích nhìn huống chi người khác. Do ba nghiệp bất thiện này nên nói ra lời gì mọi người không tin và không để ý đến. Ngược lại nếu đời trước thai nhi có tu tập phước nghiệp, thích bố thí thương xót người nghèo, không có tâm tham lam bỏn xẻn tài vật… Thiện nghiệp này ngày đêm tăng trưởng thọ quả báo nếu sanh trong cõi người thì được vừa ý như sau: nếu người đời cho dài là đẹp thì họ được dài, cho ngắn là đẹp thì họ được ngắn… cho đến dung mạo đoan chánh ai cũng thích nhìn và yêu mến, các căn đầy đủ, lời nói rõ ràng, âm thanh hòa nhã… Do ba thiện nghiệp này nên nói ra lời gì mọi người đều tin nhận và để ý đến. Lại nữa nan-đà, nếu thai nhi là nam thì ngồi bên hông phải của mẹ, hai tay ôm mặt hướng vào xương sống của mẹ; nếu là nữ thì ngồi bên hông trái của

mẹ, hai tay ôm mặt hướng vào bụng mẹ; ở dưới Sanh tạng, ở trên Thục tạng, bị sanh vật đè xuống, bị Thục vật đẩy lên như trói năm vọc để trên cọc nhọn, mẹ ăn nhiều hay ít đều khiến thai nhi khổ não. Nếu mẹ ăn chất béo quá hay cứng quá, lạnh quá hay nóng quá… thai nhi đều thống khổ. Nếu mẹ hành dục, hay đi nhanh, ngôi chỗ nguy hiểm hoặc ngồi lâu, nằm lâu… thai nhi đều thống khổ. Thai nhi ở trong bụng mẹ chịu các khổ não như thế, bức bách thân không thể nói hết. Thọ sanh trong loài người còn chịu khổ như thế huống chi là thọ khổ nạn trong ba đường ác thì khó ví dụ được. Vì thế nên Nan-đà, ai là người có trí lại thích ở trong biển khổ sanh tử thọ vô biên ách nạn như thế.

Trong bảy ngày thứ hai mươi tám, thai nhi trong bụng mẹ khởi tám tướng điên đảo; đó là tưởng nhà, xe, vườn, lầu gác, rừng cây, giường tòa, sông, ao đều là do vọng tưởng phân biệt chứ không thật có.

Trong bảy ngày thứ hai mươi chín, trong bụng mẹ có gió tên là Hoa điều thổi vào thai nhi làm cho thân sắc trở nên tươi sáng; hoặc do nghiệp lực làm cho đen đúa, hoặc xanh hoặc xen lẫn với các sắc khác, hoặc làm cho khô xấu không tươi sáng. Như vậy đen hay trắng đều là tùy nghiệp mà hiện.

Trong bảy ngày thứ ba mươi, trong bụng mẹ có gió tên là Thiết khẩu thổi vào thai nhi làm cho tóc lông, móng tay móng chân tăng trưởng và có sắc trắng hay đen cũng đều tùy nghiệp mà hiện.

Trong bảy ngày thứ ba mươi mốt, thai nhi trong bụng mẹ lớn dần cho đến ngày thứ ba mươi bốn thì thành to lớn. Trong bảy ngày thứ ba mươi lăm, các chi trên thân thai nhi đều đầy đủ. Trong bảy ngày thứ ba mươi sáu, thai nhi không thích ở trong bụng mẹ nữa. Trong bảy ngày thứ ba mươi bảy, thai nhi bỗng khởi ba tưởng không điên đảo ; đó là tưởng bất tịnh, tưởng xú uế và tưởng tối tăm.

Trong bảy ngày thứ ba mươi tám, trong bụng mẹ có gió tên là Lam hoa làm cho thai nhi chuyển thân trở xuống, duỗi thẳng hai tay hướng về sản môn. Lại có gió tên là Thú hạ làm cho thai nhi quay đầu xuống dưới, chân hướng lên trên để ra khỏi sản môn. Này Nan-đà, nếu đời trước thai nhi có tạo ác nghiệp như làm cho người sảy thai thì do nhân duyên này, khi sắp sanh ra tay chân ngang ngược không có xuôi chiều nên chết ở trong bụng mẹ. Lúc đó người nữ có trí hoặc thầy thuốc giỏi dùng dầu ấm, nước vỏ cây Du và các chất trơn bôi lên tay rồi dùng ngón tay kẹp con dao nhỏ bén nhọn đưa vào bên trong bụng mẹ để cắt lấy thai nhi ra ngoài; trong bụng mẹ giống như hầm phẩn hôi hám với vô số vi trùng, tinh huyết lầy

nhầy với lớp da mỏng bao bọc bên ngoài. Lúc đó người mẹ chịu đau khổ vô cùng và vì thế mà qua đời, nếu còn sống cũng không khác gì chết. Ngược lại nếu thai nhi nhờ vào thiện nghiệp đã làm thì dù có điên đảo cũng không làm tổn hại mẹ, an ổn sanh ra và không chịu đau khổ; nếu là người bình thường thì không có các ách nạn này. Trong bảy ngày thứ ba mươi tám này, người mẹ khi sắp sanh chịu nhiều đau đớn, tưởng chừng sắp chết mới sanh ra thai nhi.

Này Nan-đà, thầy hãy quán kỹ để cầu xuất ly.

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 12

10. Nhiếp tụng - Nhân duyên về Nan-đà (tiếp theo):

Phật bảo Nan-đà:

Thai nhi vừa sanh ra rất khổ não, dù nam hay nữ đều được quấn tả lại suốt ngày để ở chỗ mát, hoặc trong nôi, hoặc trong lòng mẹ đều cảm thấy khổ não. Ví như trâu bò bị lột da nếu ở gần tường thì bị trùng ở tường rúc cắn, gần cỏ cây thì bị trùng ở cỏ cây rúc cắn… Khi người dùng nước nóng tắm cho bé, bé cũng cảm thấy khổ não; ví như người bịnh hủi da lở lói, máu mũ tuôn ra lại bị đánh bằng gậy rất là đau đớn. Đứa bé mới sanh phải được uống sữa mẹ mới được lớn. Sữa mẹ trong Thánh pháp luật gọi là máu đục, đứa bé mới sanh có vô biên khổ não như vậy, không chút gì vui. Ai là người có trí lại ở trong biển khổ luyến Ái này mà sanh ra và chịu luân chuyển mãi không ngừng nghỉ.

Đứa bé sanh ra được bảy ngày thì có tám vạn hộ trùng rúc trong thân để ăn, có một loại hộ trùng tên Ăn tóc rúc nơi chân tóc để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Trương tạng và Thô đầu rúc ở trên đầu để ăn; có một loại hộ trùng tên là Nhiễu nhãn rúc ở trong mắt để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Khu trục, Bôn tẩu, Ốc trạch và Viên mãn rúc ở trong não để ăn; có một loại hộ trùng tên là Đạo diệp rúc ở trong tai để ăn; có một loại hộ trùng tên là Tàng khẩu rúc ở trong mũi để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Diêu trịch và Biến trịch rúc ở nơi môi để ăn; có một loại hộ trùng tên là Mật diệp rúc ở trong răng để ăn; có một loại hộ trùng tên là Mộc khẩu rúc nơi chân răng để ăn; có một loại hộ trùng tên là Châm khẩu rúc ở nơi lưỡi để ăn; có một loại hộ trùng tên là Lợi khẩu rúc ở dưới cuống lưỡi để ăn; có một loại hộ trùng tên là Thủ viên rúc ở trong răng để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Thủ cương và Ban khuất rúc nơi bàn tay để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Đoản huyền và Trường huyền rúc nơi cổ tay để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Viễn tý và Cận tý rúc nơi cánh tay để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Dục thôn và Dĩ thôn rúc nơi yết hầu để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Hữu oán

và đại oán rúc nơi ngực để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Loa bối và Loa khẩu rúc ở trong thịt để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Hữu sắc và Hữu lực rúc ở trong máu để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Dũng kiện và Hương khẩu rúc ở trong gân để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Bất cao và Hạ khẩu rúc nơi xương sống để ăn; có hai loại hộ trùng đều tên Chỉ sắc rúc ở trong mỡ để ăn. Có loại trùng tên Hoàng sắc rúc ăn màu vàng; có loại hộ trùng tên là Trân châu rúc ở thận để ăn; có loại hộ trùng tên là Đại trân châu rúc nơi eo lưng để ăn; có loại hộ trùng tên là Vị chí rúc nơi bắp chân để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Thủy mạng, Đại thủy mạng, Châm khẩu và Đao khẩu rúc ở trong ruột để ăn; có năm loại hộ trùng tên là Nguyệt mãn, Nguyệt diện, Huy diệu, Huy diện và Biệt trú rúc bên hông phải để ăn; có năm loại hộ trùng tên như trên rúc bên hông phải để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Xuyên tiền, Xuyên hậu, Xuyên kiên và Xuyên trú rúc ở trong xương để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Đại bạch, Tiểu bạch, Trùng vân và Xú khí rúc ở trong mạch để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Sư tử, Bị lực, Cấp tiễn và Liên hoa rúc trong sanh tạng để ăn; có hai loại hộ trùng tên là An chí và Cận chí rúc trong thục tạng để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Diêm khẩu, Uẩn khẩu, Võng khẩu và Tước khẩu rúc nơi đường tiểu để ăn; có bốn loại hộ trùng tên là Ưng tác, Đại tác, Tiểu hình và Tiểu thúc rúc nơi đường đại tiện để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Hắc khẩu và Đại khẩu rúc nơi bắp đùi để ăn; có hai loại hộ trùng tên là Lại và Tiểu lại rúc nơi đầu gối để ăn; có một hộ trùng tên Ngu căn rúc nơi bắp chân để ăn; có một hộ trùng tên là Hắc cảnh rúc nơi bàn chân để ăn. Này Nan-đà, thân gọi là Sắc này thường có tám vạn hộ trùng rúc ăn như vậy nên thân thường bị nóng bức, mệt mỏi, đói khát; trong tâm lại còn khổ não ưu phiền… các bịnh hiện tiền mà không có lương y nào trị lành được. Này Nan-đà, trong biển Hữu sanh tử có nhiều khổ não như vậy tại sao còn ưa thích luân chuyển trong ấy; lại nữa thân mạng còn bị các thần, các bịnh nắm giữ như thiên thần, thiên long bát bộ các quỷ thần… nắm giữ; hoặc bị các ách nạn do nhật nguyệt các sao… làm cho thân khổ não không thể nói hết.

Này Nan-đà, ai lại ưa thích vào thai mẹ ở trong sanh tử chịu khổ não như thế, sanh thành như thế, trưởng thành như thế. Uống sữa mẹ vọng tưởng cho là ngon và các thức ăn uống khác để dần trưởng thành; cho dù được an lạc không bịnh, y thực vừa ý và thọ đến trăm tuổi thì cũng đã ngủ gần nửa đời người. Đầu tiên là mới sanh, kế là đồng tử, đến khi trưởng thành lại bị ưu buồn và các bịnh bức bách, vô lượng khổ xúc não thân không thể nói hết ; đến khi không chịu nổi thì lại muốn chết, thân này vui ít khổ nhiều tuy tạm thời duy trì nhưng cuối cùng cũng sẽ hoại diệt. Này Nan-đà,

có sanh thì phải chết không có trường tồn, cho dù được thức ăn và thuốc thang để kéo dài mạng sống trong nhiều năm, cuối cùng cũng không thoát khỏi thần chết giết hại và đưa ra bỏ nơi đồng trống. Vì vậy thân này không nên tham đắm, nên chuyên cần tích tụ tư lương cho đời sau, không nên phóng dật, siêng tu phạm hạnh chớ có lười biếng. Thường ưa thích tu lợi hạnh, pháp hạnh, công đức hạnh và thuần thiện hạnh; thường tự quán sát hai nghiệp thiện ác, giữ gìn tâm ý chớ để sau này hối hận. Những gì ưa thích đã có đều phải xa lìa, tùy nghiệp thiện ác dẫn đến thọ sanh đời sau. Này Nan-đà, đời sống trăm năm có mười giai đoạn:

Một là mới sanh nằm trong tả lót,
Hai là đồng tử thích đùa giỡn với các trẻ am,
Ba là thiếu niên biết cảm thọ dục lạc,
Bốn là thiếu tráng với sức lực sung mãn,
Năm là thịnh niên có trí thích đàm luận,
Sáu là đã trưởng thành khéo biết suy nghĩ tính toán,
Bảy là suy dần, khéo biết pháp thức,
Tám là già yếu suy nhược,
Chín là quá già yếu không làm được gì nữa,
Mười là trăm tuổi chờ chết.

Này Nan-đà, đại khái có mười giai đoạn như vậy, nếu tính bốn tháng làm một mùa thì một trăm năm có ba trăm mùa; mỗi mùa xuân hạ đông đều có một trăm lần. Một năm có mươi hai tháng thì trong một trăm năm tổng cộng là một ngàn hai trăm tháng ; nếu tính nửa tháng thì tổng cộng có hai ngàn bốn trăm nửa tháng. Trong ba thời đều có tám trăm lần nửa tháng, tổng cộng là ba vạn sáu ngàn ngày đêm. Mỗi ngày ăn hai lần, tổng cộng có bảy vạn hai ngàn lần ăn, dù có lúc không ăn vẫn tính chung trong số này. Lý do không ăn gồm có sân hận hoặc ngủ nghỉ hoặc giữ trai giới, vui chơi hay bận việc đều không ăn. Ta đã nói số lượng năm tháng ngày đêm và ăn uống của một đời người trong trăm năm rồi, thầy nên khởi tâm nhàm lìa.

Này Nan-đà, từ khi sanh ra cho đến khi trưởng thành, thân có nhiều bịnh hoặc ở đầu, ở mắt, tai, mũi, lưỡi, răng, yết hầu, ngực, bụng, tay chân; hoặc bịnh ghẻ, bịnh hủi, điên cuồng, phù thủng, ho hen, phong

vàng, bịnh nhiệt, đàm ấm, sốt rét, đau nhức… Tóm lược có một trăm lẻ một bịnh về phong, một trăm lẻ một bịnh về vàng, một trăm lẻ một bịnh về đàm ấm, một tăm lẻ một bịnh tổng hợp, tổng cọng là bốn trăm lẻ bốn bịnh có từ bên trong không một niệm ngừng nghỉ. Lại nữa thể của thân này là vô thường khổ không vô ngã thường gần với pháp hư hoại tử vong, vì

vậy không nên chấp đắm. Lại còn có các khổ não từ bên ngoài bức bách thân như đói khát, lạnh nóng, mưa tuyết, ruồi muỗi, gió bụi, độc trùng… vô lượng vô biên không thể nói hết. Hữu tình chấp đắm nên ở trong các khổ não này lấy dục khổ làm cội gốc, không những không biết lìa bỏ mà còn tìm cầu; đó là khổ về sanh, già, bịnh, chết, yêu thương mà phải xa lìa, oán ghét mà phải tụ hội, mong cầu mà không được và khổ về năm Thủ uẩn. Bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi cũng đều khổ, nếu thường đi mà không đứng nằm hay ngồi cũng khổ và cảm thấy khó chịu; nếu chỉ đứng không đi nằm hay ngồi… cũng vậy. Đây gọi là bỏ khổ cầu khổ, thảy đều là khổ sanh khổ diệt, các hành nhân duyên nối tiếp phát sanh. Như lai hiểu rõ nên nói pháp về sanh tử của hữu tình, các hành vô thường không phải là cứu cánh chân thật, là pháp biến hoại không nên chấp giữ, nên cầu biết đủ sanh tâm nhàm lìa, siêng cầu giải thoát. Này Nan-đà, hữu tình trong cõi thiện có sanh xứ bất tịnh khổ não như vậy, huống chi là hữu tình trong các cõi ác như ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục thì khổ não càng không thể nói hết.

Lại nữa này Nan-đà, có bốn trường hợp nhập thai : một là chánh niệm trong cả ba thời nhập, trụ và xuất thai; hai là chỉ chánh niệm khi nhập và trụ nhưng không chánh niệm khi xuất thai; ba là chỉ chánh niệm khi nhập thai nhưng không chánh niệm khi trụ và xuất thai ; bốn là cả ba thời đều không chánh niệm.

Hạng người nào chánh niệm cả ba thời nhập, trụ và xuất thai?: Như một loại hữu tình phàm phu thích trì giới, thường tu thiện pháp, thích làm các thắng sự, làm việc phước, khéo phòng hộ, tư duy chân thật, không phóng dật, có đại trí huệ, lâm chung không hối tiếc thì liền thọ sanh ngay. Đó là các bậc như Dự lưu bảy lần thọ sanh, bậc Gia gia, bậc Nhất lai, Nhất gian. Những vị này nhờ tu thiện hạnh nên khi lâm chung tuy bị khổ bức bách chịu nhiều khổ não nhưng tâm không tán loạn, chánh niệm mà qua đời. Họ lại chánh niệm khi vào thai mẹ, biết rõ các pháp do nghiệp mà sanh, đều từ nhân duyên sanh khởi, thường ở chung với các bịnh. Này Nan-đà, nên biết thân này là hầm chứa bất tịnh, bản chất vô thường, là vật ngu si dối dạt người mê. Thân này nhờ bộ xương làm cơ quan, nhâm mạch nối kết nhau thông đến các huyệt, mở thịt xương tủy ràng buộc nhau, lớp da mỏng bao phủ bên trên trên nên không thấy cái xấu xa của chúng. Trong thân bất tịnh này, tóc lông móng răng ở vị trí khác nhau, ta lại chấp cho là ngã ngã sở nên thường bị chúng lôi kéo không được tự tại. Thân này thường chảy mũi dãi, mồ hôi, nước vàng, đàm nóng hôi thối; thận, mật, gan, phổi, ruột già, ruột non, phẩn, nước tiểu rất gớm với các loài trùng sống ở bên trong. Lỗ trên lỗ dưới thường chảy chất dơ; sanh tạng, thục tạng được phủ bằng

lớp da mỏng ; khi lên nhà xí thầy nên quán sát chúng. Khi nhai thức ăn, hàm răng cắn thức ăn, nước miếng thấm ướt rồi nuốt vào cổ họng xuống bụng; thân này do bộ xương khô được liên kết với nhau mà vọng tưởng cho là đẹp. Này Nan-đà, thân này bắt đầu từ Yết-la-lam, Yết bộ đà, Bế thi, Kiện nam, Bát la xa khư đều là vật ô uế bất tịnh mà được sinh trưởng; từ khi sanh ra cho đến già chết bị trói buộc trong luân hồi như trong hầm tối đen, trong giếng hôi thối, thường được nuôi dưỡng bằng thức ăn với các vị mạn nhạt đắng cay chua. Lại nữa thai nhi nằm trong bụng mẹ chịu khổ nóng như nằm trong nồi bất tịnh ; khi mẹ đi đứng nằm ngồi, thai nhi như bị năm chỗ trói, như bị lửa châm không thể chịu nổi. Thai nhi tuy ở trong hầm nóng chịu khổ não như vậy, nhưng do lợi căn nên tâm không tán loạn. Lại có một loại hữu tình bạc phước nằm ngang hay ngược trong bụng mẹ, do nghiệp lực nhân duyên đời trước hoặc do mẹ ăn các thức ăn lạnh nóng chua ngọt… không điều hòa, hoặc uống quá nhiều nước, hoặc hành dâm quá nhiều, hoặc nhiều tật bịnh, hoặc nhiều sầu não, hoặc bị té ngã hoặc bị đánh nên thân mẹ nóng sốt thì thai nhi cũng bị nóng sốt theo và khổ não vì nóng sốt. Thai nhi bị khổ nên chuyển động, do thân nằm ngang nên không thể ra ngoài; lúc đó có người nữ hiểu biết dùng dầu thoa vào tay rồi đưa tay vào trong sản môn nhẹ nhàng để thai nhi về vị trí ban đầu. Khi chạm vào tay người thai nhi cũng khổ não, ví như bé gái hay trai bị đứt da lại bị rắc tro lên rất là khổ não. Tuy thọ khổ não này nhưng do lợi căn nên thai nhi chánh niệm không tán loạn. Ở trong bụng mẹ chịu khổ, khi sắp sanh ra cũng khổ, do gió nghiệp nên tay của nó nắm lại, các chi co lại rất đau đớn; khi sắp ra ngoài thân thai nhi bị sưng tái xanh, như ung nhọt bị sưng không thể chạm vào; lại bị đói khát nóng bức làm khổ não. Do nhân duyên của gió nghiệp đẩy thai nhi ra ngoài, lại bị gió ngoài chạm vào nên thai nhi cảm thấy như bị xát tro vào vết thương rất khổ não. Tuy thọ khổ này nhưng do lợi căn bậc thượng nên thai nhi chánh niệm không tán loạn. Tất cả hữu tình trong ba thời nhập trụ và xuất thai đều khổ não như thế, ai là người trí lại ưa thích nhập thai?

Hạng người nào chánh niệm khi nhập trụ nhưng không chánh niệm khi xuất thai? Như một loại hữu tình phàm phu thích trì giới, thường tu thiện pháp, thích làm các thắng sự, làm việc phước, khéo phòng hộ, tư duy chân thật, không phóng dật, có đại trí huệ, lâm chung không hối tiếc thì liền thọ sanh ngay. Đó là các bậc như Dự lưu bảy lần thọ sanh, bậc Gia gia, bậc Nhất lai, Nhất gian. Những vị này nhờ tu thiện hạnh nên khi lâm chung tuy bị khổ bức bách chịu nhiều khổ não nhưng tâm không tán loạn, chánh niệm mà qua đời… như trên cho đến câu tuy chịu khổ não này nhưng do lợi căn bậc trung nên tuy nhập và trụ thai chánh niệm, xuất thai lại không chánh

niệm. Ai là người trí lại ưa thích nhập thai?

Hạng người nào chánh niệm khi nhập thai nhưng không chánh niệm khi trụ và xuất thai? Có loại hữu tình phàm phu thích trì giới… như trên cho đến câu tuy chánh niệm khi nhập thai, nhưng vì là hạng lợi căn bậc hạ nên khi nhập thai thì biết, nhưng khi trụ thai và xuất thai lại không biết. Ai là người trí lại ưa thích nhập thai?

Hạng người nào cả ba thời nhập trụ xuất thai đều không chánh niệm? Có loại hữu tình phạm phu ưa hủy tịnh giới, không tu tập pháp lành, thường làm việc ác, tâm không chân thật, thường phóng dật, không có trí huệ, tham lam bỏn xẻn không thể huệ thí cho người, tâm thường mong cầu không có điều thuận, thấy và làm điên đảo nên khi lâm chung hối hận, các nghiệp bất thiện hiện tiền. Khi sắp chết bị thống khổ bức bách nên tâm ý rối loạn, vì khổ não nên không tự nhớ biết ta là ai, từ đâu đến đây và đang đi về đâu. Đó là hạng người không chánh niệm cả trong ba thời nhập trụ xuất thai.

Này Nan-đà, những hữu tình này sanh trong cõi người tuy chịu khổ não như vậy nhưng đó là thắng xứ, trong vô lượng trăm ngàn câu chi kiếp khó được làm thân người. Nếu sanh lên trời thường sợ bị khổ yêu thích mà phải xa lìa, nên khi sắp qua đời các vị thiên khác thường cầu cho người này được sanh vào thiện xứ ở thế gian. Thiện xứ ở thế gian chính là cõi trời người, vì thân người khó được, xa lìa các nạn xứ lại càng khó hơn. Nạn xứ chính là ba đường ác: một là địa ngục thường chịu khổ sở khốc liệt không như ý; hai là ngạ quỷ nhiều sân hận, tâm không nhu hòa, dối gạt hai nhau, tay dính đầy máu không có tâm từ, hình dáng xấu xí, ai thấy đều sợ hãi, cho dù gần với người cũng chịu nỗi khổ đói khát; ba là bàng sanh có vô lương vô biên loài đều làm việc vô nghĩa, làm hạnh phi pháp, làm hạnh bất thiện không thuần chất, ăn nuốt lẫn nhau, mạnh hiếp yếu. Có loại bàng sanh từ khi sanh ra, lớn lên cho đến khi chết đều sống trong chỗ tối tăm bất tịnh như giòi bọ; hoặc tạm thời thấy ánh sáng như ruồi muỗi, ong bướm … Lại còn có vô lượng vô biên loài luôn sanh trưởng trong tối tăm chịu khổ ngu mê là do đời trước họ là kẻ ngu si, không nghe kinh pháp, buông lung thân khẩu ý, tham đám ngủ dục lạc, làm các việc ác. Lại có vô lượng vô biên loài bàng sanh sanh ra và lớn lên trong nước như cá, ba ba … là do đời trước thân khẩu ý làm việc ác … như trên. Lại có vô lượng vô biên loài bàng sanh hễ nghe mùi phẩn tiểu liền chạy đến để kiếm ăn như ruồi, bọ hung, kên kên, chó … là do đời trước tạo ác nghiệp nên nạy chịu quả báo này. Lại có vô lượng vô biên loài bàng sanh thường lấy cỏ cây và chất bất tịnh làm thức ăn như voi, ngựa, bò … là do đời trước tạo ác nghiệp nên nay

chịu quả báo này. Lại nữa này Nan-đà, biển Hữu sanh tử đau khổ thay, lửa cháy hừng hực nóng bức, không một chúng sanh nào là không bị thiêu đốt, đều là do lửa ở mắt tai mũi lưỡi thân ý hừng thạnh vì tham cầu cảnh trước mắt là sắc thanh hương vị xúc pháp. Sao gọi là lửa hừng thạnh ? : đó là lửa tham sân si, lửa sanh lão bịnh tử, lửa ưu bi khổ não độc hại thường tự thiêu đốt nên không ai thoát khỏi cả. Này Nan-đà, người lười biếng chịu nhiều thống khổ bởi phiền não trói buộc, làm pháp bất thiện nên luân hồi không dứt, mãi mãi sanh tử. Người tinh tấn được an lạc, phát tâm dõng mãnh đoạn trừ phiền não, tu tập thiện pháp không lúc nào xa lìa việc thiện. Vì vậy thầy nên quán sát thân này, không bao lâu nữa da thịt gân xương … sẽ tan rã, thầy nên nhất tâm chớ có biếng nhác, chưa chứng ngộ thì nên cầu chứng ngộ, thầy nên tu học như vậy. Này Nan-đà, ta không tranh luận với thế gian nhưng thế gian cố tranh luận với ta, vì sao, vì người biết pháp không tranh luận với người khác, vì đã lìa ngã ngã sở thì tranh luận với ai ; người không hiểu biết nên khởi vọng chấp. Ta đã chứng chánh giác nên nói như vậy, vì ta đã liễu tri tất cả pháp.

Này Nan-đà, lời ta nói có sai khác không ?

Nan-đà đáp: "lời Thế tôn nói không có sai khác", Phật nói: "lành thay Nan-đà, lời Như lai nói chắc chắn không sai vì lời Như lai nói là chân thật ngữ, là thật ngữ, là như ngữ, là lời không sai khác, lời không hư dối. Như lai muốn cho thế gian được an lạc mãi và được lợi ích thù thắng. Ta là bậc biết đạo, hiểu đạo, thuyết đạo, khai đạo, là bậc đại đạo sư, là Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn. Người đới không biết không tin nên thường nô lệ các căn, chỉ thấy trong bàn tay chứ không thấy được lợi lớn, việc dễ không tu lại thường làm việc khó. Nan-đà, hãy tạm gác cảnh giới trí huệ

này qua một bên, thầy hãy dùng mắt thịt quán sát, nếu biết những gì đã thấy đều là hư vọng thì được giải thoát. Nan-đà, thầy chớ tin theo ta, chớ thuận theo ý muốn của ta, chớ y theo lời ta nói, chớ quán tướng của ta, chớ theo kiến giải đã có của Sa môn, chớ vì cung kính Sa môn mà nói Sa môn Kiều-đáp-ma là đại sư của tôi. Thầy chỉ nên đối với pháp mà ta đã chứng đắc, ở một mình nơi tịch tĩnh để tư duy quán chiếu, thường tu tập và dụng tâm đối với pháp đã quán chiếu thì được thành tựu quán tưởng và trụ trong chánh niệm. Hãy tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình ; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác. Này Nan-đà, nếu Bí-sô nào thường tư duy

như vậy, tinh cần hệ niệm được chánh giải rồi thì đối với các sân não đã có trong thế gian sẽ được điều phục. Đó là tùy quán nội thân là khổ, nên biết quán ngoại thân và nội ngoại thân cũng như vậy. Kế đến quán pháp Tập, Diệt trong thân, nếu trụ được hai pháp quán thân này thì sẽ được chánh niệm; hoặc chỉ có trí, kiến, niệm, không trụ mà trụ thì đối với thế gian này biết rõ không nên chấp thủ. Kế đến quán nội thọ, ngoại thọ và nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm và nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp và nội ngoại pháp, tinh cần hệ niệm để được chánh giải. Này Nan-đà, đó là Bí-sô tự mình làm hòn đảo cho mình, tự mình làm chỗ nương cho mình; lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm chỗ nương, không có hòn đảo hay chỗ nương nào khác.

Này Nan-đà, có bậc trượng phu tánh chất trực, lìa dối trá, vào sáng sớm đến gặp ta, ta tùy căn cơ dùng thiện pháp chỉ dạy thì vị ấy sẽ đến trình sở đắc vào buổi chiều ; nếu được chỉ dạy vào buổi chiều, vị ấy sẽ đến trình sở đắc vào sáng hôm sau. Này Nan-đà, thiện pháp của ta đưa đến chứng ngộ ngay trong hiện tại, có thể trừ nhiệt não, khéo ứng thời cơ, dễ làm phương tiện, là pháp tự giác, khéo làm chỗ chở che. Nếu tự đến nghe ta thuyết pháp, thuận với tịch tịnh có thể chứng được Bồ-đề. Vì thế nếu thấy pháp có tự lợi, lợi tha và tự tha đều lợi thì thầy nên thường tu học; đối với pháp xuất gia nên cẩn thận hành trì chớ để thời giờ luống qua. Phải chứng được thắng quả vô vi an lạc, thọ người khác cúng dường y thực, ngọa cụ, thuốc thang… thì phải làm cho thí chủ được phước lợi lớn. Thầy nên tu học như vậy. Lại nữa này Nan-đà, chưa có một sắc nào đáng ưa thích mà sau đó không bị biến hoại là không có lý đó; không sanh ưu phiền cũng không có lý đó. Ý thầy nghĩ sao, sắc là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu sắc là vô thường, khổ tức là biến hoại thì vị Thánh đệ tử đa văn có chấp sắc là ngã, ngã có các sắc, sắc thuộc ngã và ngã ở trong sắc hay không?", đáp là không. Phật lại hỏi: "Ý thầy nghĩ sao, thọ tưởng hành thức là thường hay vô thường?", đáp là vô thường, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường thì đó là khổ hay không khổ?", đáp là khổ, Phật lại hỏi: "nếu thọ tưởng hành thức là vô thường, khổ tức là biến hoại thì vị Thánh đệ tử đa văn có chấp thọ… thức là ngã, ngã có thọ… thức, thọ… thức thuộc ngã và ngã ở trong thọ… thức hay không?", đáp là không, Phật nói: "vì thế nên biết, các loại sắc quá khứ hay vị lai hay hiện tại hoặc ở trong, ở ngoài, hoặc thô hay tế, hoặc thù thắng hay hạ liệt, hoặc gần hay xa… đều không phải là ngã, ngã sở hữu, sắc không thuộc ngã và ngã không ở trong sắc. Thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy, thầy nên dùng chánh niệm, chánh huệ mà quán sát kỹ. Nếu quán sát được như vậy thì vị Thánh

đệ tử đa văn sẽ nhàm lìa sắc thọ tưởng hành thức; nếu đã nhàm lìa thì không còn đắm nhiễm, không còn đắm nhiễm thì được giải thoát; đã được giải thoát thì tự hiểu rõ sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau ". Sau khi nghe Phật thuyết pháp này xong, Nan-đà liền được xa lìa trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh. Năm trăm Bí-sô đối với các Hữu lậu cũng được tâm giải thoát. Phật nói kệ trùng tuyên lại nghĩa trên:

"Nếu người tâm không định,
Thì trí không thanh tịnh,
Không thể đoạn các Lậu,
Vậy thầy hãy siêng tu.
Người thường tu diệu quán,
Biết các Uẩn sanh diệt,
Thì thanh tịnh viên mãn.
Chư thiên đều vui mừng,
Thân hữu cũng hoan hỉ.
Qua lại thường mến nhau,
Kẻ tham danh, lợi dưỡng,
Nan-đà hãy tránh xa.
Chớ thân cận tại gia,
Đối với người xuất gia,
Niệm khởi: biển sanh tử,
Cùng tận bờ mé khổ.
Ban đầu Yết-la-lam,
Thổi thành cái bọc thịt,
Bọc thịt sanh Bế thi,
Bế thi sanh Kiện nam,
Kiện nam chuyển biến dần,
Sanh ra đầu, bốn chi,
Các xương hợp thành thân,
Đều có từ nghiệp nhân,
Xương đầu có chín đốt,
Liên kết hai xương cằm.
Răng có ba mươi hai,
Các căn cũng như vậy.
Nhĩ căn và xương cổ,
Xương răng và sống mũi,
Ngực, ức và yết hầu,

Gồm có mười hai xương.
Hố mắt có bốn xương,
Xương vai cũng hai cặp.
Hai tay, các ngón tay,
Tổng cộng năm mươi xương.
Sau cổ có tám xương,
Xương sống ba mươi hai,
Giúp xương hông bên phải,
Nối nhau có mười ba,
Hông trái nối liền sanh,
Cũng có mười ba xương,
Các xương liên kết nhau,
Ba liên kết với ba,
Hai móc nối với hai.
Xương khác không nối nhau,
Là hai chân trái phải,
Tổng có năm mươi xương,
Thành ba trăm mười sáu,
Để chống giữ trong thân,
Đốt xương móc giữ nhau,
Hợp thành thân chúng sanh.
Bậc thật ngữ nói ra,
Bậc chánh giác hiểu biết,
Từ chân lên đến đầu,
Là uế tạp, không chắc,
Mong manh như nhà cỏ,
Chỉ nhờ xương chống giữ,
Máu thịt tô cùng khắp,
Do đây thành thân này.
Như người máy bằng gỗ,
Như hình tượng huyễn hóa,
Nên quán sát thân này,
Gân mạch quấn giữ nhau,
Da ướt bao bọc lại,
Chín chỗ có sang môn,
Khắp nơi thường tuôn chảy,
Các bất tịnh, phẩn tiểu.
Ví như kho, bồ lúa,

Đựng đầy lúa, ngũ cốc,
Thân này cũng như vậy,
Bên trong đầy tạp uế.
Cơ quan xương vận động,
Mong manh không chắc chắn,
Người ngu thường yêu thích,
Người trí không đắm nhiễm.
Dãi, mồ hôi thường chảy,
Máu mũ luôn tràn đầy,
Mỡ vàng lẫn nước sữa,
Não đầy trong đầu lâu,
Ngực, cách mô, đàm ẩm,
Sanh, thục tạng bên trong,
Cao mỡ và bì mô,
Ruột, bao tử, ngũ tạng,
Các bất tịnh ở chung,
Đều lầy nhầy như thế.
Thân tội này đáng sợ,
Đây chính là oan gia.
Người không hiểu tham dục,
Ngu si thường bảo hộ.
Thân xú uế như thế,
Như thành quách hôi thối,
Ngày đêm phiền não bức,
Dời đổi không tạm ngừng,
Thành là thân, xương (là) tường,
Tô trát bằng máu thịt,
Tham sân si vẽ màu,
Tùy chỗ mà trang trí,
Thành thân xương đáng nhàm,
Máu thịt hợp liền nhau,
Thường bị ác tri thức,
Khổ trong ngoài nung nấu.
Nan-đà, thầy nên biết,
Lời ta đã khuyên nhắc,
Hãy ghi nhớ ngày đêm,
Chớ nghĩ đến cảnh dục,
Nếu muốn xa lìa dục,

Thường khởi quán như thế,
Siêng cầu quả giải thoát,
Ra khỏi biển sanh tử".

Thế tôn thuyết giảng kinh Nhập thai mẹ này xong, Nan-đà và năm trăm Bí-sô đều hoan hỉ tín thọ phụng hành. Lúc đó Nan-đà ra khỏi chỗ hiểm nạn trong sanh tử, được đến Niết-bàn cứu cánh an ổn, chứng quả A-la-hán liền hoan hỉ nói kệ:

" Tâm kính dâng vật tắm,
Nước sạch và hương thoa,
Nhờ tu các nhân phước,
Nên được thắng quả này".

Các Bí-sô nghe kệ này rồi đều khởi nghi nên thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đời trước đã tạo nghiệp gì, nhờ nghiệp lực này nên nay được thân sắc vàng đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiệm, chỉ thấp hơn Phật bốn ngón tay. Tuy rất luyến Ái cảnh dục nhưng lại được Đại sư thương xót độ thoát ra khỏi biển sanh tử, được đến Niết-bàn cứu cánh an ổn?", Phật bảo các Bí-sô: "nghiệp mà Nan-đà đã làm đời trước nay được thành thục nên thọ quả báo này…, như bài kệ:

"Dù trải qua trăm kiếp,
Nghiệp đã tạo không mất,
Khi nhân duyên hội họp,
Tự thọ lấy quả báo".

Quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, lúc con người thọ đến tám vạn tuổi, có Phật Tỳ-bà-thi Phật đủ mười hiệu: Như lai, Bạc già phạm, Ứng chánh đẳng giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật, Thế Tôn xuất

hiện trong thế gian. Phật cùng sáu vạn hai ngàn Bí-sô du hành trong nhân gian, đi đến kinh thành Thân tuệ, trụ trong rừng Thân tuệ. Lúc đó Phật thấy người em khác mẹ tham đắm cảnh dục nên khuyên xuất gia, làm phương tiện khiến vị ấy được ra khỏi biển sanh tử và đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn. Vua nước này hiệu là Hữu thân dùng pháp trị nước nên đất nước phồn thịnh, nhân dân no ấm, trong nước không có nạn trộm cắp… vua cũng có người em khác mẹ tham đắm cảnh dục. Lúc đó vua nghe tin Phật và Tăng trụ trong rừng Thân tuệ nên cùng vương tử, đại thần… đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho vua và mọi người được lợi hỉ và được thắng giải. Người em khác mẹ của vua không chịu đi nên con của đại thần và các thân hữu là

người đã phủi được bụi trần, đến nói rằng: "bạn biết không, vua và các vương tử đại thần… đến gặp Phật nghe pháp đều được thắng giải. Thân người khó được nay bạn đã được, vì sao vẫn tham đắm cảnh dục không chịu đến gặp Phật?", vương đệ này nghe rồi cảm thấy xấu hổ nên miễn cưỡng đi với các bạn đến chỗ Phật. Bí-sô em của Phật sau khi hỏi rõ nguyên do liền nói: "ta là em của Phật, khi còn tại gia ta cũng tham đắm cảnh dục, nhờ Phật khuyên xuất gia và làm phương tiện khiến ta được đến Niết-bàn cứu cánh an ổn ; không ngờ nay cũng có kẻ ngu si giống như ta trước kia. Các vị từ bi dẫn dắt vị này đến gặp Phật là tốt". Khi vương đệ cùng các bạn đến chỗ Phật, Phật quán căn cơ và tánh dục của vương đệ này mà thuyết pháp khiến sanh lòng tin sâu xa. Lúc đó vương đệ này rời khỏi chỗ ngồi, trịch bày vai hữu chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, cúi xin Thế tôn và các Thánh chúng thọ con thỉnh đến nhà con tắm nước nóng trong nhà ấm vào ngày mai", Phật im lặng nhận lời, vương đệ biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật rồi ra về. Vương đệ sau khi trở về cung liền đến gặp vua cung kính tâu rằng: "Đại vương, thần đã đến gặp Phật nghe pháp và sanh lòng tin sâu xa nên nhàm lìa cảnh dục. Thần đã thỉnh Phật và Tăng ngày mai đến nhà tắm nước nóng trong nhà ấm, Phật đã nhận lời. Phật là bậc mà người trời nên cúng dường, xin Đại vương cho quét dọn đường xá và trang nghiêm thành quách", vua nghe rồi suy nghĩ: "em ta tham đắm cảnh dục rất khó can ngăn mà Phật lại điều phục được, thật là hy hữu", nghĩ rồi liền nói: "rất tốt, em hãy lo liệu mọi thứ trong nhà ấm, còn ta sẽ cho trang nghiêm thành quách", vương đệ vui mừng lui trở về cung của mình. Lúc đó vua bảo đại thần: "khanh hãy thông báo cho dân biết sáng mai Phật sẽ vào thành, dân trong thành và những người từ xa đến hãy tùy sức của mình quét dọn đường sá và trang nghiêm thành quách để nghinh đón Đại sư", đại thần tuân lịnh vua đi thông báo cho dân… như trên. Lúc đó vương đệ lo liệu đầy đủ nước thơm, dầu thơm, sắp đặt chỗ ngồi trong nhà ấm cho Phật và Tăng tắm; khi thấy thân Phật sắc vàng với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, vương đệ hoan hỉ khởi lòng tin sâu xa nên sau đó liền ở trước Phật phát nguyện: "nguyện nhờ nhân thiện này ở trong đời vị lai, con được thân sắc vàng kim như Phật hiện nay. Như em của Thế tôn tham đám cảnh dục, nhờ Phật cứu thoát ra khỏi sanh tử, đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn ; con nguyện đời vị lai được làm em của Phật, lại được thân sắc vàng kim, dù con có tham đắm cảnh dục vẫn được Phật cứu thoát con ra khỏi sông Ái nhiễm, đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn".

Này các Bí-sô, vương đệ của vua Thân tuệ thuở xưa chính là Nan-đà ngày nay. Do đời trước thỉnh Phật Tỳ-bà-thi tắm nước thơm trong nhà ấm

rồi tịnh tâm phát nguyện, nhờ nhân thiện đó nên nay được làm em ta với thân sắc vàng kim, lại được ta cứu thoát ra khỏi sông Ái nhiễm, đến được Niết-bàn cứu cánh an ổn". Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đã từng tạo nghiệp gì mà nay lại có đủ ba mươi hai tướng của bậc đại trượng phu?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe:

Quá khứ, trong một tụ lạc có một trưởng giả giàu có, thọ dụng đầy đủ; ông có một khu vườn hoa trái sum suê… thích hợp cho người xuất gia nương ở. Vào thời đó không có Phật, chỉ có Phật Bích chi ra đời thường thương xót người nghèo khổ, thích ở nơi thanh tịnh là phước điền của thế gian. Vị này du hành đến tụ lạc này, thấy khu vườn của trưởng giả muốn dừng trụ; người giữ vườn thấy liền nói: "thiện lai Thánh giả, xin hãy dừng trụ ở đây". Đêm đó, vị Độc giác nhập định Hỏa quang, người giữ vườn nhìn thấy rồi liền suy nghĩ: "vị Thánh giả này thành tựu thắng hạnh như vậy", nghĩ rồi liền đến bạch với trưởng giả: "đại gia nên biết, vị Thánh giả đang ở trong vườn hoa đã thành tựu diệu hạnh thần thông, hào quang soi sáng khắp vườn", trưởng giả nghe rồi vội đến trong vườn đảnh lễ vị Độc giác bạch rằng: "Thánh giả cần thức ăn, con vì cầu phước, cúi xin Thánh giả trú trong vườn này cho con được cúng dường ẩm thực", vị Độc giác thấy trưởng giả ân cần nên trụ trong vườn này thọ trưởng giả cúng dường. Sau khi được nhập thắng định và thọ giải thoát lạc, vị Độc giác suy nghĩ: "thân hôi hám chịu sanh tử luân hồi này của ta, nay việc nên làm ta đã làm xong, ta nên nhập Niết-bàn vô dư", nghĩ rồi bay lên hư không nhập định Hỏa quang, hiện các thần biến : trên thân phóng lửa, dưới thân phun nước… rồi xả thân, nhập Niết-bàn

vô dư. Lúc đó trưởng giả dùng gỗ thơm hỏa thiêu nhục thân của vị Độc giác, dùng sữa dập tắt lửa, thu lấy xá lợi xây tháp cúng dường, lại dùng ba mươi hai loại nước thơm rưới lên tháp và phát nguyện cầu được các tướng tốt.

Này các Bí-sô, trưởng giả thuở xưa chính là Nan-đà ngày nay, do thuở xưa kính tín cúng dường tháp và phát nguyện nên nay được quả báo có ba mươi hai tướng tốt". Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đời trước đã tạo nghiệp gì mà nay nếu không bỏ tục xuất gia sẽ kế thừa ngôi vị Lực luân vương?", Phật bảo các Bí-sô: "các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu trụ trong vườn Thi lộc, chỗ Tiên nhơn đọa xứ

thuộc thành Bà-la-nê-tư. Sau khi nhân duyên giáo hóa đã mãn, Phật ấy nhập Niết-bàn vô dư như củi hết lửa tắt. Lúc đó có vua tên là Ngật lật chỉ dùng các loại gỗ thơm như chiên đàn, trầm thủy… để hỏa thiêu nhục thân Phật ấy, dùng sữa rưới tắt rồi thu lấy xá lợi để trong bình vàng, cho xây bảo tháp rộng một du thiện na, cao nửa du thiện na để cúng dường xá lợi Phật ấy. Vua có ba người con: trưởng, thứ và út; lúc đó sau khi thấy an trí tướng luân rồi, người con thứ của vua dựng lọng cúng dường tháp Phật.

Này các Bí-sô, người con thứ của vua thuở xưa chính Nan-đà ngày nay, do trong quá khứ tâm tín kính dựng lọng cúng dường nên trong hai ngàn năm trăm đời thường làm Lực luân vương cai trị một châu. Đời này nếu không xuất gia vẫn được làm Lực luân vương đại tự tại". Lúc đó các Bí-sô vẫn còn nghi nên thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Bí-sô Nan-đà đã tạo nghiệp gì mà nay ở trong các đệ tử của Phật là khéo hộ căn môn bậc nhất?", Phật bảo các Bí-sô: "đây là lực của phát nguyện, các thầy lắng nghe:

Trong thời Phật Ca-diếp ba, Nan-đà bỏ tục xuất gia, Thân giáo sư của vị ấy được Phật khen là khéo hộ căn môn bậc nhất. Vị này tuy trọn đời tu phạm hạnh nhưng vẫn không được chứng ngộ, nên khi sắp lâm chung phát nguyện: "nguyện đem thiện căn tu phạm hạnh này, ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán, sẽ được vị Phật ấy khen là khéo hộ căn môn bậc nhất, giống như Thân giáo sư của con hiện giờ".

Này các Bí-sô, do nguyện lực xưa kia nên nay ở trong giáo pháp của ta, Nan-đà là người khéo hộ căn môn bậc nhất trong các đệ tử. Này các Bí-sô, hễ tạo nghiệp thuần đen thì cảm quả báo dị thục thuần đen; tạo nghiệp thuần trắng thì cảm quả báo dị thục thuần trắng; tạo nghiệp xen tạp thì được quả báo xen tạp, các thầy nên bỏ nghiệp thuần đen và nghiệp xen tạp, phải siêng tu tập nghiệp trắng".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 13

III. Tổng nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Ba y và giá y,
Bên sông, làm chùa, muối,
Khăn lau mặt, lau thân,
Chùa, tòa, dao được chứa.

1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Ba y đo điều, lá,
Chân giường, vật lau bụi,
Chỗ kinh hành trải thảm,
Phật cho chứa chày đá.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, như Phật đã chế các Bí-sô nên dùng y cắt rọc, lúc đó các Bí-sô cắt rọc vải may y, điều dài điều ngắn không đều nhau, bạch Phật, Phật bảo: "điều dài điều ngăn không nên so le, nên cắt bằng nhau", các Bí-sô không biết cắt bằng nhau như thế nào, Phật nói: "điều dài, điều ngắn đều có cỡ của nó, nên dùng cây tre để đo cỡ ngắn dài".

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô may y, cắt điều lá y không cân đối nên y may xong không đẹp, bạch Phật, Phật nói: "khi may y nên cắt điều lá cân đối", các Bí-sô không biết cân đối như thế nào, Phật nói: "nên dùng cây tre để đo cỡ rộng hẹp rồi mới cắt". Lúc đó có Bí-sô cắt điều lá quá lớn, Phật bảo: "không nên cắt quá lớn, có ba cỡ điều lá là lớn, vừa và nhỏ. Cỡ lớn rộng bốn ngón tay hoặc bằng gang chân con quạ, cỡ nhỏ rộng hai ngón tay hoặc bằng một ngón cái, cỡ vừa ở giữa hai cỡ trên". Lúc đó các Bí-sô cắt may y trên đất bẩn làm y bị dơ, Phật bảo: "nên quét sạch đất, dùng phân bò trát láng nền, chờ khô rồi cắt may trên đó"; các Bí-sô ở chỗ khó tìm phân bò nên Phật bảo: "dùng nước rưới đất, quét cho sạch rồi cắt may trên đó".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô làm giường chân nhọn nên làm

hư nền đất, Phật bảo: "không được làm giường chân nhọn, nên cắt cho bằng", Bí-sô cắt bằng vẫn làm hư nền đất, Phật bảo: "nên bó trấu lót để dưới chân giường hoặc bó bằng vải cũ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bà-la-môn ra ngoài thành du ngoạn, ghé vào trong rừng Thệ đa nghỉ mệt, gặp tới giờ ăn. Ông thấy ở chỗ ăn sắp xếp chỗ ngồi trang nghiêm và thức ăn uống thơm ngon, cho là hi hữu nên sanh tín tâm, liền cỡi tấm y mặc trên người trải lên chỗ ngồi phía trên rồi đi. Sau đó vị tri sự thấy tấm y trải này dơ liền đem trải ở chỗ ngồi phía dưới, Bà-la-môn kia có duyên sự lại ghé vào trong rừng Thệ đa, như lần trước đến chỗ ăn thì không thấy tấm y của mình trải ở chỗ ngồi phía trên nữa, ông bèn đi tìm thì thấy nó được trải ở chỗ ngồi phía dưới, thấy rồi liền suy nghĩ: "tấm y của ta còn mới lại rất quý giá, vì sao lại dơ như thế này", vừa lúc đó ông thấy vị tri sự lấy tấm y phủi bụi, liền biết vì sao tấm y lại dơ như thế. Ông nói với vị tri sự: "việc nhỏ này mà thầy cũng không biết hay sao? Thầy nên rưới nước lên đất, quét sạch rồi mới trải chỗ ngồi, do không làm theo thứ lớp như thế nên làm dơ tấm y trải của tôi", vị tri sự nghe rồi hổ thẹn bỏ đi, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "thường ở chỗ ăn nên rưới nước quét sạch đất trước rồi mới trải chỗ ngồi, như vậy mới đúng pháp". Sau đó Tri sự trải nệm ngồi trên chỗ dính bụi đất làm cho nệm ngồi dơ, có lỗi như trên, Phật bảo nên lau sạch sàng tòa rồi mới trải nệm ngồi; Tri sự không biết dùng vật gì lau bụi, Phật bảo nên lấy một tấm y dùng để lau phủi bụi; Tri sự lại dùng tấm y còn tốt dùng để lau phủi bụi, Phật bảo nên dùng y cũ; Tri sự dùng y cũ lau phủi, lâu ngày rách nên vất bỏ, Phật bảo: "không nên vất bỏ, nên xé ra thành tua nhỏ cột trên đầu cái cây làm cây chổi phủi bụi". Dùng chổi này một thời gian thấy không dùng được nữa liền vất bỏ, Phật nói: "tuy không còn dùng được nữa cũng không nên vất bỏ, nên băm nhỏ trộn với bùn và phân bò dùng để bít lỗ cột hay lỗ vách bị nứt, làm như thế phước lợi của thí chủ sẽ được tăng".

Duyên xứ như trên, lúc đó có một Bí-sô trẻ thường kinh hành một chỗ làm cho đất nơi này hư lở, một trưởng giả vào chùa chiêm bái thấy chỗ kinh hành hư lở liền suy nghĩ: "mặt đất còn hư lở như thế thì chân của Thánh giả sẽ như thế nào", nghĩ rồi liền bảo Bí-sô đó giở chân lên cho xem thử. Trưởng giả nhìn thấy chân của Bí-sô tét nứt liền sanh tâm thương xót, nói với Bí-sô: "tôi có tấm thảm muốn đem đến trải trên chỗ kinh hành này để khi kinh hành, chân thầy không bị thương", Bí-sô nói Phật chưa cho, trưởng giả nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nay khai cho Bí-sô siêng năng tinh tấn kinh hành được chứa tấm thảm tùy ý trải dùng không phạm". Bí-sô nói với trưởng giả là Phật đã khai cho, sau

khi nhận tấm thảm đem trải trên chỗ kinh hành, do kinh hành nhiều nên tấm thảm đứt làm hai đoạn, mỗi đoạn nằm một bên. Sau đó trưởng giả đến thấy vậy liền nói với Bí-sô: "vì sao thầy lại bỏ tấm thảm bừa bãi như thế, nếu thấy nó hư rách sao không khâu may lại?", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "trưởng giả nói đúng, nếu thấy hư rách nên khâu may lại hay dùng vải khác vá nối; nếu quá rách nát không thể khấu vá được nữa thì nên băm nhỏ trộn với bùn và phân bò để trát láng chỗ kinh hành, làm như thế thí chủ sẽ được tăng thêm phước".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô bịnh đến thầy thuốc yêu cầu điều trị, thầy thuốc chỉ cách trị rồi Bí-sô liền đến chỗ Trưởng giả hỏi mượn cái chày đá để giã thuốc, sau đó đem trả lại, trưởng giả nói là cúng cho Thánh giả, Bí-sô nói là Phật chưa cho thọ, trưởng giả nói: "nếu vậy hãy để dưới đất rồi đi", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay cho cất chứa chày đá và trục, nếu thí chủ cúng được tùy ý thọ dùng".

2 . Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Giá y, lồng che đèn,
Chớ làm tổn thương trùng,
Nóng, làm nhà hóng mát,
Ghi nhớ thân Nan-đà.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô để y phục bừa bãi nên bị trùng cắn lủng, Phật bảo: "không được để y phục bừa bãi, nên làm cái giá để mắc y", Bí-sô liền đục vách làm giá y khiến vách bị hư, Phật nói: "không nên đục vách, khi mới xây chùa nên chừa cây ló ra rồi gác sào tre lên để mắc y". Lúc đó Bí-sô gác sào tre để mắc y ở trong phòng, không làm ở trước hiên, Phật nói: "trước hiên cũng làm chớ bỏ phế".

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô ở A-lan-nhã không tìm được sào tre, Phật nói: "nên dùng dây sắn hay dây gai giăng ngang để mắc y".

Duyên xứ như trên, như Phật đã dạy tối nên tụng kinh, khi các Bí-sô đang tụng kinh thì có rắn bò đến, người nhỏ tuổi nhìn thấy kinh sợ la lên, các Bí-sô phàm phu nghe rồi đều kinh sợ khiến việc tụng kinh bị gián đoạn, bạch Phật, Phật bảo nên đốt đèn để tụng kinh. Vào mùa hạ đốt đèn, trùng bay vào chết rất nhiều, Phật bảo nên làm lồng che đèn; Bí-sô không biết làm, Phật bảo: "nên dùng thanh tre làm lồng, lấy vải mỏng bao che, nếu khó tìm thì dùng miếng vân mẫu che đèn, nếu cũng khó tìm thì làm bình trăm mắt". Bí-sô không biết làm bình trăm mắt như thế nào, Phật nói: "nên bảo thợ gốm làm một bình gốm để che đèn, chung quanh bình có nhiều lỗ nhỏ", Bí-sô tìm thợ gốm khó, Phật nói: "nên lấy cái bình sành đập bỏ đáy

rồi xoi nhiều lỗ chung quanh, sau đó chụp lên đĩa đèn ; nếu lỗ to trùng vẫn bay vào được thì nên dùng giấy hay vải lụa mỏng bao che lại".

Duyên xứ như trên, lúc đó vào mùa nóng bức, các Bí-sô khổ vì nóng nên thân ốm gầy vàng vỏ, Thế tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật bảo nên làm nhà hóng mát. Các Bí-sô không biết làm như thế nào, Phật nói: "nên chọn chỗ gần bên ngoài chùa làm nhà ba bên, ở ba bên làm vách phên thưa có cây chống lên để gió lồng vào, không giống chùa vây tường vách bốn phía", Bí-sô làm vách bên trong, bên ngoài để cột, Phật bảo nên để cột ở giữa; Bí-sô không làm cửa sổ nên bên trong bị nóng, Phật bảo nên làm cửa sổ; làm cửa sổ hoặc quá cáo quá thấp, Phật bảo nên làm ngang bằng với giường. Lúc đó có nhiều chim sẻ bay vào, Phật bảo nên làm chấn song; lại bị mưa tạt vào, Phật bảo nên làm cánh cửa sổ. Lúc đó khi ăn, Bí-sô đóng cửa nên trong phòng bị tối, Phật bảo khi ăn nên mở cửa. Lúc đó vì trời nóng, Phật khai cho các Bí-sô được ở trong phòng chỉ mặc hạ quần và Tăng khước kỳ tùy ý đọc tụng, thuyết pháp, may y… trong bốn oai nghi đều không phạm.

Duyên xứ như trên, lúc đó Thế tôn đã cho Nan-đà xuất gia và thọ Cận viên… như đã nói ở trên. Các Bí-sô khách đến trong rừng Thệ đa chưa biết Nan-đà, thấy Nan-đà có thân kim sắc với ba hai tướng tốt liền cho là Như lai nên Bí-sô kỳ lão đứng dậy nghinh đón, khi nhận biết ra, Bí-sô này hổ thẹn, bạch Phật, Phật nói: "nên ghi nhớ y của Nan-đà, nếu có người nào giống như thế cũng nên ghi nhớ: đây là bậc Chánh giác còn đây là người khác".

3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Bờ sông, chế cây tăm,
Đuổi La hỗ khỏi chùa,
Hợp tránh, không hợp tránh,
Hai hạng người được mặc.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ dùng phương tiện thiện xảo sách tấn, siêng năng tu tập, đoạn hết phiền não chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, các Bí-sô này trụ trong oai nghi, ra làm như pháp khiến dân chúng chung quanh trú xứ đó đều sanh tín kính. Phật bảo các Bí-sô: "dân chúng chung quanh trú xứ của các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ được đại thiện lợi", A-nan nghe rồi liền hiểu ý Phật, đó là do tôn giả làm thị giả cho Phật lâu ngày nên chỉ nghe lời nói hoặc nhìn tướng biểu hiện, tôn giả liền hiểu ý Phật: nếu Thế tôn muốn gặp người nào thì nói lời khan ngợi người đó. Tôn giả liền đưa tin báo cho các Bí-sô

bên bờ sông Thắng huệ biết là Thế tôn muốn gặp; sau khi cùng nhau bàn luận, các Bí-sô này cùng đi đến thành Thất-la-phiệt. Các Bí-sô cựu trụ nơi đây ra tiếp đón cùng nhau ân cần thăm hỏi nên gây ra ồn ào, Thế tôn tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật bảo A-nan: "thầy đến bảo các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ nên đi đến chỗ khác, không nên ở đây", A-nan vâng lời Phật đến nói, các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ nghe rồi liền thu xếp y bát du hành trong nhân gian. Sau đó Phật lại bảo các Bí-sô: "dân chúng chung quanh trú xứ của các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ được đại thiện lợi", A-nan nghe rồi lại báo tin cho họ biết, cứ như thế đến rồi lại đi tới ba lần, các Bí-sô này nói với nhau: "vì sao Thế tôn khen ngợi muốn gặp chúng ta, nhưng nhiều lần đến đều bị Phật bảo đi nơi khác. Chắc là chúng ta nói chuyện làm ồn ào nên mới như vậy, lần này chúng ta nên giữ im lặng", nói rồi cùng nhau lặng lẽ mang y bát đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật bảo A-nan: "thầy hãy tìm một phòng nào yên tĩnh, xếp đặt chỗ ngồi cho ta và các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ", A-nan vâng lời Phật sắp xếp xong liền đến bạch Phật biết thời. Lúc đó Phật đi đến ở ngoài cửa phòng rửa chân rồi vào trong phòng, trải tòa ngồi kiết già ngay thẳng, trụ niệm hiện tiền; các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ cũng theo thứ lớp làm y như Phật đã làm. Lúc đó Phật nhập sơ định, các Bí-sô này cũng nhập sơ định; Phật xuất định thứ nhất rồi nhập định thứ hai, xuất định thứ hai rồi nhập định thứ ba, xuất định thứ ba rồi nhập định thứ tư, xuất định thứ tư rồi nhập định Không xứ, xuất định Không xứ rồi nhập định Thức xứ, xuất định Thức xứ rồi nhập định Vô sở hữu xứ, xuất định Vô sở hữu xứ rồi nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ; các Bí-sô này cũng lần lượt xuất nhập các định theo như Thế tôn. Phật lại xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi nhập ngược trở lại, như thế cho đến định thứ nhất ; các Bí-sô này cũng lần lượt xuất nhập ngược lại các định theo như Phật. Phật suy nghĩ: "ta nhập sơ định… cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ ; các Bí-sô này cũng nhập các định như vậy. Ta lại xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập ngược trở lại cho đến sơ định ; các Bí-sô này cũng xuất nhập ngược trở lại như ta. Nay ta nên hiện tướng trạng khác để nhập sơ định, không thuộc cảnh sở hành của Thanh văn, Độc giác", nghĩ rồi liền nhập định như vậy. Lúc đó các Bí-sô này nói với nhau: "Thế tôn đang trụ trong định của mình, chúng ta cũng nên tự trụ trong định của mình", nói rồi liền tự trụ trong định của mình. Sáng hôm sau Phật xuất định, đại chúng đều tụ họp, Phật trải tòa ngồi giữa đại chúng, lúc đó tôn giả A-nan rời khỏi chỗ ngồi, trịch bày vai hữu đảnh lễ Phật rồi chắp tay cung kính bạch Phật: "Thế tôn thường khen ngợi các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ, ý muốn gặp

họ nhưng khi họ đến đây, Thế tôn lại chẳng han hỏi gì đến họ", Phật nói: "này A-nan, ta đã nói chuyện với họ rồi, đã nương nơi Thánh ngữ, Thánh pháp luật để an ủi họ", A-nan bạch Phật: "con chưa hiểu như thế nào là dùng Thánh ngữ, Thánh pháp luật để an ủi nhau", Phật nói: "sau khi đi đến ở ngoài cửa phòng rửa chân rồi, ta vào trong phòng trải tòa ngồi kiết già ngay thẳng, trụ niệm hiện tiền; các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ cũng theo thứ lớp làm y như ta đã làm. Khi ta nhập sơ định… cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ; các Bí-sô này cũng nhập các định như vậy. Ta lại xuất định Phi tưởng phi phi tưởng xứ nhập ngược trở lại cho đến sơ định ; các Bí-sô này cũng xuất nhập ngược trở lại như ta. Lúc đó ta suy nghĩ: "nay ta nên hiện tướng trạng khác để nhập sơ định, không thuộc cảnh sở hành của Thanh văn, Độc giác", nghĩ rồi ta liền nhập định như vậy; các Bí-sô này nói với nhau: "Thế tôn đang trụ trong định của mình, chúng ta cũng nên tự trụ trong định của mình", nói rồi họ liền tự trụ trong định của mình. Này A-nan, đây là dùng Thánh ngữ, Thánh pháp luật để an ủi nhau; ta đã an ủi họ như vậy", A-nan bạch Phật: "lành thay dùng Thánh ngữ, Thánh pháp luật để an ủi nhau ; Thế tôn đã dùng Thánh ngữ, Thánh pháp luật để an ủi các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ". Lời nói này được lan truyền khắp nơi, mọi người đều nói với nhau: "Thế tôn đã dùng Thánh ngữ, Thánh pháp luật để an ủi các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ"; các trưởng giả, Bà-la-môn nghe việc này rồi liền đến lễ bái các Bí-sô bên bờ sông Thắng huệ. Khi họ thuyết giảng pháp yếu cho mọi người nghe, từ trong miệng họ bay ra mùi hôi, mọi người nghe mùi hôi này đều nói với nhau: "mùi hôi này từ đâu bay ra?", các Bí-sô này nói là từ trong miệng chúng tôi bay ra, mọi người hỏi: "các Thánh giả hằng ngày không có xỉa răng, đánh răng hay sao?", đáp là không, hỏi tại sao, đáp là Phật chưa cho, mọi người nói: "không xỉa răng, đánh răng há thanh tịnh hay sao ", các Bí-sô này im lặng, sau đó bạch Phật, Phật nói: "các trưởng giả, Bà-la-môn chê trách như vậy là đúng. Ở chỗ khác ta đã bảo các Bí-sô xỉa răng, đánh răng nhưng các thầy không biết. Xỉa răng, đánh răng có năm lợi : một là trừ bịnh nóng vàng, hai là trừ đàm ấm, ba là miệng không hôi, bốn là dễ ăn uống, năm là mắt sáng sạch". Sau khi Phật chế nên dùng cây tăm xỉa răng và cây đánh răng, lúc đó có một Bí-sô trẻ đứng ở chỗ hiển lộ, dùng cây tăm ngắn xỉa răng, bỗng thấy Thế tôn đi đến, Bí-sô này hổ thẹn suy nghĩ: "làm sao có thể ở trước Thế tôn nhổ cây tăm xỉa răng này ra" , nghĩ rồi liền nuốt cây tăm và bị mắc ở cổ họng. Thường pháp của chư Phật là luôn chánh niệm, lúc đó Phật thấy việc này rồi liền đưa bàn tay trái có vô lương công đức với chữ vạn xoay quanh có thể trừ sợ hãi, ban cho an ổn để giữ lấy đầu của Bí-sô này rồi đưa ngón tay phải

vào trong họng của Bí-sô để móc cây tăm ra, kéo theo cả máu. Phật hỏi Bí-sô này: "thầy làm gì vậy?", Bí-sô này kể lại sự việc, Phật suy nghĩ: "do đứng xỉa răng ở chỗ hiển lộ nên có lỗi này", nghĩ rồi bảo các Bí-sô: "từ nay không được đứng xỉa răng ở chỗ hiển lộ và dùng cây tăm ngắn. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Sau đó lại có một Bí-sô ngồi xỉa răng trước Bí-sô kỳ túc, Phật bảo: "không nên. Có ba việc nên làm ở chỗ khuất, đó là đại tiểu tiện và xỉa, đánh răng; cũng không được dùng cây tăm quá ngắn". Lúc đó Lục chúng Bí-sô dùng cây đánh răng quá dài, các Bí-sô chê trách: "các vị cầm cây để giỡn hay sao?", đáp: "sao lại gọi là giỡn, các thầy không thấy Bí-sô trước kia dùng cây tăm quá ngăn xỉa răng mà suýt chết, nhờ Phật cứu hộ mới được sống. Lẽ nào các vị mong cầu y bát của chúng tôi nên mong chúng tôi chết sớm để cùng làm yết ma hay sao?", các Bí-sô nghe rồi im lặng, bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không được dùng cây tăm, cây đánh răng quá dài. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó các Bí-sô không biết nên làm dài ngắn như thế nào, Phật nói: "có ba loại: dải, vừa và ngắn. Loại dài là mười lóng tay, loại ngắn là tám lóng, loại vừa ở giữa hai loại trên". Lúc đó có Bí-sô già bịnh suy nhược, không thể đi đến chỗ khuất để đánh răng, Phật bảo: "người già được chứa chậu súc miệng", các Bí-sô lại tùy nghi để chậu súc miệng trong phòng, khi đi đá phải làm đổ nước dơ ra đất, Phật nói: "chậu súc miệng nên làm có hình dạng như dấu chân voi". Lúc đó các Bí-sô tìm chậu súc miệng khó được, Phật nói: "nên đến bên cạnh ống thoát nước để đánh răng", có Bí-sô đánh răng ở xa chỗ thoát nước, Phật nói: "nên đánh răng ở gần chỗ thoát nước khoảng một thước vuông". Sau đó lại có Bí-sô không có nạo lưỡi nên miệng vẫn hôi, Phật nói: "đánh răng rồi nên nạo lưỡi", Bí-sô lại không biết dùng vật gì nạo lưỡi, Phật bảo nên chứa cây nạo lưỡi. Lục chúng Bí-sô lại dùng vàng bạc… làm cây nạo lưỡi, bị các trưởng giả, Bà-la-môn chê trách, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô được dùng bốn loại là đồng, sắt, du thạch và đồng đỏ để làm cây nạo lưỡi", Bí-sô lại dùng cây nạo lưỡi bén nên làm lưỡi bị thương, Phật bảo không nên làm bén ; lại tìm bốn loại trên không được, Phật bảo: "nên xẻ cây đánh răng ra uốn cong lại để nạo lưỡi". Khi chẻ cây đánh răng dùng để nạo lưỡi, cây còn dăm nên làm lưỡi bị thương, Phật nói: "nên chẻ cây đánh răng ra, dùng hai mảnh mài lẫn nhau cho hết dăm rồi mới dùng nạo lưỡi". Lúc đó các Bí-sô xỉa răng, đánh răng xong quăng bỏ mà không lên tiếng, cây tăm rơi trên đầu của thiên thần hộ chùa khiến vị này sanh hiềm trách, Phật nói: "không nên im lặng mà quang bỏ, nên lên tiếng; ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Các Bí-sô chỉ lên tiếng khi quang bỏ cây tăm xỉa răng, còn những việc khác như khạc nhổ… lại không lên

tiếng, Phật bảo tất cả việc vất bỏ đều phải lên tiếng. Lúc đó có Bí-sô đi đường tìm cây tăm, cây đánh răng khó được nên không dám ăn, Phật nói: "không được bỏ ăn, nếu tìm khó được thì nên súc miệng ba lần".

Duyên xứ như trên, lúc đó tôn giả Xá-lợi-phất có hai Cầu tịch là Chuẩn đà và La-hỗ-la, tôn giả muốn du hành trong nhân gian nên hỏi hai đệ tử: "nay ta muốn du hành trong nhân gian, hai con muốn đi theo hay ở lại?", Chuẩn đà muốn đi theo còn La-hỗ-la muốn ở lại, tôn giả Xá-lợi-phất nói với La-hỗ-la: "nếu vậy, ta gởi con lại cho ai?", đáp: "xin gởi con cho tôn giả Ô-đà-di, con sẽ ở với vị ấy", tôn giả nói: "La-hỗ-la, vị ấy là người xấu, e sẽ làm việc phi pháp", đáp: "con sẽ thừa sự vị ấy như cha, vị ấy sẽ không làm việc xấu", Xá-lợi-phất bèn gởi La-hỗ-la cho Ô-đà-di rồi du hành trong nhân gian. Sau đó không bao lâu, Ô-đà-di bảo La-hỗ-la làm việc như vậy, như vậy; La-hỗ-la không chịu làm theo lời, Ô-đà-di tức giận nói: "việc này không chịu làm thì chịu làm việc gì?", đáp: "thầy đâu phải là A-giá-lợi-da hay Ô-ba-đà-da của tôi", Ô-đà-di càng tức giận liền nắm cổ La-hỗ-la lôi ra khỏi chùa, La-hỗ-la đứng khóc ở ngoài cửa. Lúc đó Bí-sô ni Đại thế chủ cùng năm trăm môn nhân đến chỗ Phật, thấy La-hỗ-la đứng ở đó khóc nên hỏi nguyên do, đáp là bị Ô-đà-di kéo lôi ra khỏi chùa, Đại thế chủ suy nghĩ: "ta không nên bỏ mặc con của Phật đứng ở đây mà bỏ đi", nghĩ rồi liền đứng ở đó với La-hỗ-la. Sau đó, vua Thắng quang đi đến muốn gặp Phật, thấy mọi người đứng liền hỏi rõ nguyên do, vua cũng suy nghĩ: "ta không nên bỏ mặc con của Phật và Phật mẫu đứng ở đây mà bỏ đi", nghĩ rồi liền đứng ở đó với mọi người. Sau đó trưởng giả Cấp-cô-độc cũng đi đến kính lễ Phật, thấy vậy liền hỏi rõ nguyên do và cũng suy nghĩ: "ta không nên bỏ mặc con của Phật, Phật mẫu và vua đứng ở đây mà bỏ đi", nghĩ rồi liền đứng ở đó với mọi người. Lúc đó nhiều người tu tập ngoài cửa chùa nên gây ồn ào, Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi A-nan nguyên do, A-nan đem việc trên bạch Phật, Phật hỏi: "thật có Bí-sô này đuổi Bí-sô khác ra khỏi chùa hay không?, đáp là thật có, Phật nói: "Bí-sô chỉ được làm chủ trong phòng của mình chứ không phải trong chùa, vì thế không được đuổi Bí-sô khác ra khỏi chùa. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp". Do Phật chế không được đuổi Bí-sô ra khỏi chùa nên các Bí-sô không dám khiển trách môn nhân đệ tử, khiến họ khinh thường pháp tắc; Phật bảo nên khiển trách. Các Bí-sô không biết khiển trách như thế nào, Phật nói: "có năm cách khiển trách:

Một là không nói chuyện, tức là không cùng họ nói chuyện, hỏi đáp.

Hai là không dạy bảo, tức là không răn nhắc họ về việc lợi hay hại.

Ba là không thọ dụng chung, tức là không thọ sự cúng dường thừa sự của họ, không liên quan tới y thực và pháp.

Bốn là ngăn thiện sự của họ, tức là không bảo họ làm các thắng sự như tu phẩm thiện…

Năm là không cho y chỉ, tức là dứt y chỉ, không còn quan hệ thầy trò, không cùng ở chung phòng".

Lúc đó, các Bí-sô không xét kỹ đã vội khiển trách, Phật nói: "không nên gặp việc gì cũng khiển trách ngay. Ai có năm pháp mới nên khiển trách, năm pháp là bất tín, lười biếng, ác khẩu, không hổ thẹn, và thân cận kẻ xấu", các Bí-sô nghe Phật dạy rồi, đối với người có đủ năm pháp trên mới khiển trách, người không đủ năm pháp thì không khiển trách ; Phật nói: "chỉ cần có một trong năm pháp trên liền phải khiển trách". Lúc đó Bí-sô này khiển trách đệ tử của mình thì các Bí-sô khác lại bao che, Phật nói: "người nào bị Thân giáo sư hay Quỹ phạm sư khiển trách, nếu Bí-sô khác bao che tức là có ý ly gián, đó là phương tiện phá Tăng, phạm Tốt thổ la để". Phật chế không được bao che nên khi bị khiển trách, các Bí-sô khác đều không dung chứa, nhân đó khó điều phục, không cung kính ; có người bỏ đi đến nước khác, có người hoàn tục. Phật nói: "nên sai một Bí-sô đến khuyên họ cải hối, sanh tâm cung kính", Bí-sô được sai không thiện xảo nên đến nói với họ rằng: "Thân giáo sư của thầy xin thầy hãy hoan hỉ", khiến họ càng kiêu mạn ; Phật bảo nên sai Bí-sô thiện xảo. Khi bổn sư thấy đệ tử đến sám hối, không biết chọn lựa để dạy bảo, đều tha thứ hết ; do đây khiến họ tiến triển trong việc tu pháp thiện, lại còn có người hoàn tục. Phật nói: "có năm pháp mới cho sám hối; đó là tín tâm, tinh tấn, cung kính, nói lời thiện và thân cận thiện tri thức. Trong năm pháp này tùy có nhiều ít, đều nên cho sám hối. Nếu các Bí-sô đối với người không nên khiển trách mà lại khiển trách, người đáng khiển trách lại không khiển trách, đều phạm tội Việt pháp. Đối với người không nên tha thứ mà lại tha thứ, người đáng tha thứ lại không tha thứ, cũng đều phạm tội Việt pháp. Ai ở trong năm pháp đen trên, tùy hiện hành một pháp nào, tâm không cung kính thì nên đuổi ra ; nếu biết họ ôm lòng tùy thuận thì nên tha thứ. Ai có đủ năm pháp đen trên nên đuổi đi mà không đuổi đi thì phạm tội Việt pháp". Lúc đó, khi các Bí-sô đuổi họ ra lại lột hết y phục, để họ lõa hình đi ; Phật nói: "không nên làm như vậy, nếu là Cầu tịch thì nên cho họ đãy lượt nước, bình quân trì và hai y thượng hạ rồi mới đuổi đi. Nếu là Cận viên hay sắp thọ Cận viên thì nên cho họ sáu vật rồi mới đuổi đi. Sáu vật là ba y, tọa cụ, đãy lượt nước, bình quân trì (bình có hai loại: bình nước sạch và bình nước rửa).

4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Làm chùa, làm lưới, rèm,
Nói rộng việc quét đất,
Cầu pháp, hai đồng tử,
Mùa nóng nên làm nhà.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, như Phật đã dạy ngọa cụ dưới gốc cây thì thanh tịnh dễ được, Bí-sô nương nơi pháp này được xuất gia và thọ Cận viên, thành tánh Bí-sô. Nếu được lợi dưỡng thêm như phòng riêng, lầu gác thì đều được thọ. Lúc đó có Bí-sô làm chùa không làm nền móng, bậc thềm cho đến mái hiên; Phật nói: "nên làm nền móng trước, bậc thềm nên cao vừa bằng đầu gối, kế dựng cột trụ, sắp đặt đòn dông, kèo rường… nên dùng gạch vụn trộn với bùn để xây lên cho cứng chắc, dùng muối đá, tro bùn trộn thành hồ để tô ; phía trước nên làm mái hiên với cây ngang làm lan can, đóng đinh dính vào cột trụ để không cho rớt ngã". Khi các Bí-sô đang ăn, chim sẻ bay đến làm rối loạn, Phật bảo nên làm lưới ngăn. Họ không biết lấy gì làm lưới, Phật nói: "nên dùng năm loại làm lưới, đó là gai, vải thô, cỏ Mang, cỏ Tranh và vỏ cây", các Bí-sô làm lưới xong, không biết cách lắp đặt, Phật nói: "bốn góc lưới nên để bốn vòng sắt nhỏ, dùng cây chống lên đừng để mưa làm hư". Sau đó chim vẫn bay vào như trước, Phật bảo nên dùng vật đậy, chừng nào ăn mới giở ra. Lúc đó có Bí-sô đang ăn, con chó đến đứng một bên mong cho thức ăn dư; Bí-sô không cho nên con chó bị chết đói, bạch Phật, Phật nói: "khi ăn nên chừa lại một phần để thí cho súc sanh". Sau đó có Bí-sô trụ nơi A-lan-nhã chỉ chừa thức ăn thí cho dã can chứ không cho chim quạ, quạ nổi sân dùng tiếng quạ gọi giặc cướp: "Bí-sô trong rừng có nhiều vàng và vật báu", giặc cướp nghe hiểu rồi liền đến gặp Bí-sô hỏi vàng, đáp là không có nên bị giặc đánh mắng, Bí-sô hỏi vì sao đánh, đáp là vì có vàng mà không chịu đưa ra, Bí-sô đáp: "tôi trụ nơi A-lan-nhã thì làm sao có nhiều vàng, xin chớ đánh oan", giặc cướp nói nếu không đưa ra sẽ giết, Bí-sô nói: "chắc có kẻ giận tôi nên nói vu như thế, xin hãy nói cho tôi biết là ai", đáp là quạ nói, Bí-sô nói: "chắc là quạ giận tôi", giặc cướp hỏi vì sao, Bí-sô kể lại việc trên, giặc cướp nghe rồi liền thả Bí-sô ra. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do thí có tâm hạn cuộc nên có lỗi này, do đây nên biết, khi chừa lại thức ăn nên thí khắp hết cho quần sanh, không hạn cuộc loài nào. Nên rưới trên thức ăn cho hơi ướt, bánh nên bóp nhỏ rải trên đất, để chúng tùy ý ăn, không nên cản ngăn. Ai cản ngăn thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó Bí-sô làm phòng, gặp trời mưa núp dưới mái hiên cũng bị ướt;

Phật bảo nên làm tấm ngăn để che, Bí-sô không biết làm như thế nào, Phật bảo nên dùng tấm ván. Bí-sô che khắp hết nên trong phòng bị tối, Phật bảo nên chừa chỗ cho sáng. Lúc đó khó tìm được ván, Phật nói: "tạm dùng chiếu cỏ để ngăn che", trời mưa bị ướt nên trùng sanh, Phật nói: "chỉ dùng ngăn che trong mùa mưa, thời khác nên bỏ".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 14

4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba (tiếp theo):

Duyên xứ như trên, trưởng giả Cấp-cô-độc theo thường lệ vào mỗi buổi sáng đến trong rừng Thệ đa kính lễ Thế tôn rồi quét đất trong chùa. Hôm đó trưởng giả bận việc không đến, Phật đi kinh hành thấy đất không sạch nên khởi tâm thế tục nghĩ: "nếu vua trời Đế thích mang chổi từ núi Hương túy đến đây thì tốt". Thường pháp của chư Phật là hễ khởi tâm thế tục thì ngay đến loài kiến cũng hiểu được ý Phật, nếu khởi tâm xuất thế thì ngay đến bậc Thanh văn, Độc giác cũng không thể hiểu. Lúc đó vua trời Đế thích biết Phật muốn tự quét đất trong rừng Thệ đa, liền đến núi Hương túy lấy năm trăm cây chổi đẹp, nhẹ mịn mang tới trước Phật. Phật muốn những chúng sanh thích phước, gieo trồng tịnh nghiệp trong ruộng thù thắng nên tự cầm chổi quét đất. Các đại Thanh văn như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-nan… thấy vậy đều cùng ra cầm chổi quét vườn chùa. Phật và các đệ tử quét sạch các nơi xong rồi đi vào nhà ăn ngồi, Phật bảo các Bí-sô: "quét đất có năm công đức thù thắng: một là tự tâm thanh tịnh, hai là làm người khác thanh tịnh, ba là chư Thiên hoan hỉ, bốn là vun trồng nghiệp đoan nghiêm, năm là sau khi qua đới được sanh lên cõi trời". Sau đó trưởng giả Cấp-cô-độc đến chùa, nghe biết việc này rồi liền suy nghĩ: "Phật và các Thánh chúng tự cầm chổi quét đất trong vườn chùa, làm sao ta dám bước chân lên", nghĩ rồi trưởng giả e ngại không dám bước chân lên. Lúc đó Phật tuy biết nhưng vẫn hỏi các Bí-sô là ai đang đứng, các Bí-sô bạch Phật nguyên do, Phật nói: "hãy bảo trưởng giả tụng kinh pháp rồi bước lên, vì Phật kính trọng pháp, các A-la-hán cũng kính trọng pháp", trưởng giả nghe rồi liền tụng kinh pháp mới đi đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy, khen ngợi làm cho trưởng giả hoan hỉ; trưởng giả nghe pháp rồi vui mừng ra về. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "thật hy hữu thay Thế tôn cũng tự có tâm kính trọng và khen ngợi pháp", Phật nói: "ngày nay Như lai đã lìa

nhiễm ô, sân si; đã lìa sanh lão tử, ưu bi khổ não, đầy đủ Nhất thiết trí, tự tại trong tất cả cảnh giới mà vẫn kính trọng và khan ngợi pháp thì chưa phải là hy hữu. Các thầy nên biết, thuở quá khứ khi ta còn đầy đủ nhiễm ô, sân si ; chưa lìa sanh lão bịnh tử, ưu bi khổ não, vì nhân duyên cầu pháp mà ta còn tự bỏ thân mạng, đó mới là hy hữu. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong thành Bà-la-nê-tư có vua tên là Phạm thọ dùng pháp trị nước nên đất nước phồn thịnh, dân chúng giàu vui… Vua vốn tin chánh pháp, bản tánh hiền thiện, làm lợi mình lợi người, thương xót tất cả nên thường hành bố thí, lìa tâm nhiễm chấp, không có xẻn tiếc. Thời gian sau, phu nhân của vua có thai bỗng muốn cầu nghe diệu pháp nên tâu vua; vua vời tướng sư đến hỏi, tướng sư đáp: "do phu nhân mang Thánh thai nên mới có ý nghĩ ấy". Lúc đó vua vì cầu pháp nên ra lịnh đại thần mang rương vàng đi khắp nơi trong nước để cầu pháp nhưng vẫn không toại ý. Đủ ngày tháng, phu nhân sanh một trai, dung mạo khôi ngô với đủ các tướng tốt… cho đến câu mở hội ăn mừng và đặt tên cho bé, đại thần tâu: "vương tử khi chưa sanh đã mong cầu diệu pháp, vậy nên đặt tên là Cầu diệu pháp", vua giao vương tử cho tám bà nhũ mẫu nuôi dưỡng… cho đến câu Thái tử trưởng thành vẫn thường cầu diệu pháp, nhưng chưa toại ý. Sau khi vua cha băng hà, Thái tử lên nối ngôi liền sai đại thần đi cầu diệu pháp giống như trước, vẫn không được mãn nguyện nên vua rất lo buồn. Vua trời Đế thích thấy việc này rồi liền suy nghĩ: "sự việc tuy như vậy nhưng vẫn chưa biết tâm vua là thật hay hư, ta nên đến thử", nghĩ rồi liền biến thành một Dược xoa hình dáng đáng sợ đứng trước vua nói kệ:

"Thường tu tập pháp lành,
Không làm các việc ác,
Đời này và đời sau,
Thức ngủ thường an lạc".

Vua nghe kệ rồi rất hoan hỉ liền nói với Dược xoa: "xin nhân giả hãy nói lại bài kệ trên", Dược xoa nói: "nếu vua làm theo lời ta, ta sẽ nói lại bài kệ trên", vua nói: "xin nhân giả cứ nói, tôi sẽ không làm trái ý", Dược xoa nói: "nếu Đại vương thật tâm thích pháp, xin hãy làm hầm lửa, đốt lửa cháy đỏ rực trong bảy ngày đêm rồi nhảy xuống đó thì ta sẽ nói lại bài kệ trên", vua nghe rồi vui mừng gấp bội liền đáp là sẽ làm theo như thế. Sau đó vua cho thông báo khắp trong nước: "ta vì cầu diệu pháp nên bảy ngày sau sẽ nhảy vào hầm lửa, những ai có duyên thích việc hy hữu thì hãy đến xem", cả nước nghe biết việc này, có đến vô lượng chúng sanh cùng đến xem việc hy hữu này. Do vua chí thành trọng pháp nên cảm được vô lượng trăm ngàn chư thiên vân tập trên hư không tấu nhạc, rải hoa thơm cúng dường; tất cả

đều vì tôn trọng tâm chí thành của vua nên cùng đến tụ tập. Đủ bảy ngày, Dược xoa bay lên hư không bảo vua: "đã đến kỳ hạn, xin Đại vương hãy nhảy xuống hàm lửa", lúc đó vua đưa Thái tử lên kế vị rồi từ biệt quần thần đi đến bên hầm lửa, vua nói kệ:

"Hầm lửa lớn cháy rực như thế,
Đỏ như mặt trời làm người sợ,
Nay ta hoan hỉ nhảy vào lửa,
Vì cầu pháp, tâm không hối sợ,
Ta tuy nhảy xuống hầm lửa cháy,
Nhưng sẽ cầu được pháp hy hữu,
Nguyện phước này lợi ích chúng sanh,
Lửa dữ hóa thành ao sen mát".

Nói kệ xong, vua nhảy xuống hố lửa, khi thân vua vừa rơi xuống, hầm lửa liền biến thành ao sen mát mẻ nên thân vua không bị thương tổn. Vua trời Đế thích thấy việc hy hữu này rồi liền hiện trở lại bổn hình và nói lại bài kệ cho vua nghe:

"Thường tu tập pháp lành,
Không làm các việc ác,
Đời này và đời sau,
Thức ngủ thường an lạc".

Nghe kệ xong vua ra khỏi ao, viết bài kệ trên lá bằng vàng rồi cho phổ biến khắp trong nước để mọi người đều biết và tu tập theo.

Này các Bí-sô, vua Cầu diệu pháp thuở xưa chính là thân ta ngày nay, thuở xưa vì cầu pháp mà từ bỏ thân mạng huống chi là ngày nay đối với diệu pháp, ta há lại không tôn trọng hay sao. Thế nên các thầy phải tu tập theo, đối với diệu pháp nên tôn trọng, tán thán, nương theo pháp mà trụ để được tự lợi, lợi tha", các Bí-sô nghe Phật dạy rồi, hoan hỉ phụng hành. Do Phật dạy quét đất có năm điều lợi nên có Bí-sô kỳ lão bỏ việc tụng kinh ngồi thiền để vào rừng quét đất, Phật nói: "ta vì người làm tri sự nên nói như vậy, không phải muốn cho các Bí-sô kỳ lão làm việc ấy. Người nào nương theo thiện pháp luật của ta xuất gia nên làm hai việc, đó là tu tập thiền định và đọc tụng kinh pháp". Lúc đó các Bí-sô nghe Phật dạy như thế rồi liền không quét đất nữa, khiến cho tri sự một mình không thể quét hết cả rừng Thệ đa, Phật nói: "tùy lúc cần thì nên quét, nên vào các ngày mồng tám, mười lăm hằng tháng nên đánh kiền chùy tập họp chúng tăng để cùng nhau quét dọn". Khi các Bí-sô cùng nhau quét dọn lại bàn luận việc thế tục, các thiên thần hộ chùa và phi nhân nghe hý luận liền chê trách, Phật nói:

"không được hý luận, nên nói pháp ngữ hoặc im lặng như bậc Thánh". Lúc đó các Bí-sô quét đất xong, trên người dính đầy bụi đất khiến cho người nhìn thấy không tín kính, Phật nói: "quét dọn xong, đổ bỏ rác rến rồi đi tắm rửa; ai không tắm thì nên vốc nước lau sạch bụi bặm, rửa tay chân cho sạch sẽ". Như Phật đã dạy vào các ngày mồng tám, mười lăm hằng tháng nên xem xét giường tòa, các Bí-sô cũng cùng nhau làm, Phật nói: "không nên, hãy sai đệ tử, môn nhân đi xem vì sợ có rận rệp và dơ bẩn". Như Phật đã dạy nếu thấy đất đã quét sạch nên tụng kinh pháp rồi bước đi qua, như vậy cho đến đối với điện đài, tháp… cũng nên tụng kinh pháp rồi mới đi qua; ai làm trái thì phạm tội Việt pháp.

Lúc đó ở phương Bắc có một quốc vương đưa hai đồng tử tên là Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca đến chỗ vua Thắng quang để làm con tin. Đà-sách-ca có tài nấu ăn, Ba-lạc-ca có tài bài trí sàng tòa; cả hai vốn là người biên địa nên tánh ưa thích ăn uống, mỗi khi có việc vào chợ thường hay lấy cơm thịt trong hàng quán để ăn nên bị chủ của hàng quán đánh mắng, liền trở về mách vua, vua nghe rồi liền ra lịnh cho người bán trong chợ hãy tự giữ thức ăn trong hàng quán của mình chứ không được đánh mắng hai đồng tử. Thời gian sau, sau khi bãi triều vua tạm nghỉ ngơi, hai đồng tử ở bên cạnh đấm bóp cho vua, thấy vua im lặng liền cho là vua đã ngủ nên cùng nói chuyện với nhau. Đà-sách-ca hỏi Ba-lạc-ca có đời sau hay không, đáp là không có, Ba-lạc-ca hỏi Đà-sách-ca thế gian có A-la-hán hay không, đáp là không có. Vua nằm nghe hai đồng tử này nói liền suy nghĩ: "cả hai đều sanh ác kiến, một người là đoạn kiến, một người là tà kiến", nghĩ rồi liền bảo đại thần truyền lời của vua khiến cho mọi người trong nước đều biết hai đồng tử của vua là người tà kiến ác kiến. Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc ở trong đại chúng cất tiếng sư tử rống, nói rõ ràng với mọi người rằng: "ai ở trong nhà tôi, sau khi qua đời đều sẽ sanh thiên", vua nghe lời này rồi liền suy nghĩ: "nếu trưởng giả đến đây, ta sẽ giao hai đồng tử này cho ông ấy". Sau đó trưởng giả đến chỗ vua, sai tiểu đồng mang theo vật lót ngồi, tiểu đồng trải tòa ngồi cho trưởng giả xong liền bỏ ra ngoài chơi giỡn với đồng tử khác; vua thấy rồi liền suy nghĩ: "đây đúng là lúc ta giao hai đồng tử cho trưởng giả", nghĩ rồi vua ngầm bảo người giữ cửa không cho tiểu đồng của trưởng giả trở vào. Người giữ cửa vâng lịnh vua không cho trở vào nên khi trưởng giả muốn về, liếc tìm tiểu đồng không thấy; vua nói: "ta có hai người hầu nay giao cho trưởng giả dẫn về", trưởng giả biết ý vua nên miễn cưỡng dẫn về. Về đến nhà, trưởng giả bảo người giữ kho cung cấp những vật cần dùng cho hai đồng tử; lại bảo người trong chợ tùy ý hai đồng tử cần gì cứ cung cấp cho, trưởng giả sẽ trả tiền gấp bội. Hai đồng tử nghe biết việc này rồi

liền nói với nhau: "trưởng giả đối với chúng ta không khác gì cha mẹ nên mới biểu hiện tình thân Ái như thế", nói rồi liền cùng đến chỗ trưởng giả bạch rằng: "nếu có việc gì cần làm xin nhân giả cứ giao phó", trưởng giả nói: "hãy tạm ở như vậy, khi nào có việc sẽ bảo làm". Sau đó trưởng giả dẫn hai đồng tử này vào trong rừng Thệ đa bảo họ cầm chổi quét đất cho chúng tăng: "ta có việc phải đi, hai ngươi hãy quét sạch trong chùa, đổ bỏ rác rến ở chỗ khuất, xong đâu đó rồi mới được về nhà", hai người vâng lời quét sạch đất, khi sắp hốt dọn rác rến, Phật dùng thần lực khiến cho rác rến nhiều không thể hốt hết; hai đồng tử vì hiếu kính chủ nên không dám nghỉ, Phật bảo A-nan để dành phần ăn cho hai đồng tử. A-nan vâng lời Phật để dành phần ăn và bảo họ ăn nhưng hai đồng tử suy nghĩ: "hốt dọn hết rác rến xong, chúng ta sẽ trở về nhà ăn", nghĩ như vậy nên không ăn phần ăn của tôn giả A-nan đưa cho. Phật lại dùng thần lực làm cho họ vừa hốt dọn xong phía Đông, khi qua phía Tây hốt dọn thì rác rên ở phía Đông có lại như cũ; hốt dọn phía Tây xong, khi qua phía Đông thì rác rên ở phía tây có trở lại như cũ, cứ như vậy hốt dọn mãi đến chiều cũng chưa xong. Phật bảo A-nan: "thầy bảo hai đồng tử ở lại nghỉ đêm ở chỗ thầy, sau đó thầy đến bảo các Bí-sô rằng: "trước đây ta có dạy việc thiện nên che giấu, việc ác nên phát lồ; nhưng nay muốn làm cho hai đồng tử này từ bỏ ác tà kiến, các Bí-sô nên hiển dương việc thiện của mình, Bí-sô nào đã đắc định nên trụ trong định của mình cho đến đầu đêm"", A-nan vâng lời Phật đến bảo các Bí-sô. Vào đầu đêm, các Bí-sô có người phóng ánh sáng, có người hiện tướng đặc biệt…, hai đồng tử này thấy rồi liền hỏi A-nan: "đó là tướng gì?", A-nan nói: "đó là thần biến của các A-la-hán", liền hỏi: "thế gian có A-la-hán hay sao?", đáp: "chẳng phải chính mắt hai ngươi đã trông thấy hay sao?", hai đồng tử thấy việc này rồi liền sanh chánh kiến, không còn tà kiến nữa. Vào giữa đêm Phật liền khởi tâm thế tục: "nếu Thích Phạm chư thiên cùng đến đây thì tốt"… như trên cho đến câu Thích Phạm chư thiên biết ý Phật liền hiện đến chỗ Phật, do oai lực của họ nên khắp trong rừng Thệ đa đều rực sáng. Hai đồng tử lại hỏi tôn giả A-nan đó là tướng gì, A-nan nói: "đó là Thích Phạm chư thiên đến gặp Phật nên có ánh sáng này", lại hỏi: "thật có đời sau hay sao?", A-nan nói: "chẳng phải chính mắt hai ngươi đã thấy hay sao?", hai đồng tử thấy việc này rồi liền sanh chánh kiến, cùng nhau đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật quán biết căn tánh tùy miên của họ nói pháp Tứ đế khiến cho họ được khai ngộ và chứng quả Dự lưu. Sau khi chứng quả, họ chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", Phật bảo: "thiện lai Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca, hãy xuất gia

tu phạm hạnh", Phật vừa nói xong, râu tóc của hai người này đều tự rụng, ca-sa hiện trên thân trở thành Bí-sô, giống như người đã được xuất gia bảy ngày, đầy đủ oai nghi giống như Bí-sô trăm tuổi. Phật nói kệ:

"Thế tôn gọi "Thiện lai",
Tóc rụng, đủ y bát,
Oai nghi như trăm lạp,
Thành tựu theo ý niệm".

Được Phật đích thân dạy bảo, hai Bí-sô này chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, không bao lâu sau chứng A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, được như thật tri: sanh tử đã hết, phạm hạnh đã lập, việc nên làm đã làm xong, không còn thọ thân sau. Tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính.

Lúc đó vua Thắng quang nghe biết việc này tâm không vui nói rằng: "vì sao Thế tôn lại độ hai kẻ tà kiến ấy xuất gia, đây không phải là việc tốt vì ai cũng biết hai kẻ đó tà kiến", Thế tôn nghe biết rồi liền suy nghĩ: "các đệ tử Thanh văn của ta đã đoạn hết nghiệp hoặc, công đức đáng tôn trong như núi Diệu cao. Vì vua chưa biết rõ nên sanh tâm khinh mạn sẽ có lỗi lớn, ta nên hiển dương công đức thù thắng của hai người này cho vua được thấy". Lúc đó trưởng giả Cấp-cô-độc đến chỗ Phật đảnh lễ ngồi một bên nghe Phật nói pháp, Thế tôn tùy thuận nói pháp chỉ dạy cho trưởng giả được lợi hỉ rồi im lặng. Trưởng giả rời khỏi chỗ ngồi chắp tay thỉnh Phật và Tăng vào ngày mai đến nhà thọ thực, Phật im lặng nhận lời, trưởng giả biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ Phật hữu nhiễu rồi ra về. Sau đó Phật bảo A-nan: "thầy đến bảo Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca ngày mai đến nhà trưởng giả Cấp-cô-độc dọn đưa nước cho Tăng", A-nan vâng lời Phật đến nói, Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca nói: "chúng con xin vâng lời Phật dạy", nói rồi thầm nghĩ: "vì sao Phật cố ý sai chúng ta dọn đưa nước cho Tăng, chẳng phải là Thế tôn muốn hiển dương công đức thù thắng của chúng ta hay sao, chúng ta nên làm cho Thế tôn mãn nguyện". Ngay trong đêm đó, trưởng giả lo sửa soạn đủ các món ăn ngon tinh khiết, sáng sớm trải tòa, để đủ nước dùng rồi sai sứ đến bạch Phật: "đã đến giờ thọ thực, xin Phật tự biết thời". Trưởng giả cũng sai sứ đến tâu với vua Thắng quang: "hôm nay thần có thỉnh Phật và Tăng đến nhà cúng dường, xin Đại vương nhín chút thì giờ đến cùng tùy hỉ". Lúc đó Phật đắp y mang bát cùng các Bí-sô đi đến nhà trưởng giả, ngồi vào chỗ ngồi; vua cũng cùng Thái tử và tùy tùng đến nhà trưởng giả để cùng tùy hỉ, đến nơi vua kính lễ Phật rồi ngồi vào chỗ ngồi. Lúc đó cụ thọ

Đà-sách-ca đứng trước Thượng tòa, tay cầm bình nước dùng thần lực gia trì làm cho nước tự rót theo thứ lớp từ lớn tới nhỏ cho các vị rửa tay; cụ thọ Ba-lạc-ca đứng trước Hạ tòa, tay cầm bình nước cũng dùng thần lực gia trì làm cho nước tự rót theo thứ lớp từ nhỏ đến lớn cho các vị súc miệng. Vua Thắng quang thấy cảnh này rồi suy nghĩ: "đây là đại đức Bí-sô nào mà dám hiện thần lực trước Phật như vậy", nghĩ rồi lần theo nước rót tới chỗ Hạ tòa liền thấy Ba-lạc-ca đang cầm bình nước, lại lần theo nước rót tới chỗ Thượng tòa liền thấy Đà-sách-ca đang cầm bình nước. Thấy rồi cho là hy hữu nên vua đưa bàn tay phải lên tán thán: "Hy hữu thay Phật đà, Hy hữu thay Đạt ma, lành thay chánh pháp có thể ngay trong hiện tại làm cho Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca xả tâm ác tà kiến, được chánh kiến và chứng được công đức thù thắng như thế". Lúc đó trưởng giả tự tay dâng cúng các món ăn cho Phật và Tăng được no đủ rồi lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Phật nghe thuyết pháp. Phật tùy theo căn cơ thuyết pháp cho trưởng giả và vua Thắng quang được lợi hỉ rồi đứng dậy ra về. Về đến trú xứ, các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Thế tôn, Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca đã tạo nghiệp gì mà sanh nơi biên địa, một người đoạn kiến, một người tà kiến; lại tạo nghiệp gì mà được xuất gia trong Phật pháp, đoạn tận lậu hoặc và chứng quả A-la-hán?", Phật bảo các Bí-sô: "nghiệp mà họ đã tạo nay thành thục… nên tự thọ lấy quả báo. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ Hiền kiếp, lúc con người thọ hai vạn tuổi có Phật Ca-diếp ba ra đời đầy đủ mười hiệu, hai người này xuất gia trong giáo pháp của vị Phật đó. Họ làm bạn và cùng đi đến biên quốc, do không có thầy dạy bảo nên họ tự tu tập thiền định, thật không chứng đắc mà tưởng là đã chứng đắc. Khi lâm chung, họ phỉ báng Thánh pháp, sanh tâm tà kiến nói rằng: "Phật Ca-diếp ba dối gạt thế gian cho là đoạn hết phiền não mới chứng A-la-hán. Đối với các lậu hoặc, ta không thể đoạn hết thì người khác làm sao có thể chứng A-la-hán được". Này các Bí-sô, hai người thuở xưa không có thầy dạy bảo, tư tu tập thiền định chính là Đà-sách-ca và Ba-lạc-ca ngày nay. Do thuở xưa phỉ báng Thánh pháp, sanh tà kiến nên trong nhiều đời đọa vào ác đạo, nhiều đời sanh nơi biên địa và khởi tà kiến cho đến đời này. Do nhờ thuở xưa có tụng tập và thọ trì pháp như uẩn, xứ, giới, duyên sanh… nên ngày nay được xuất gia trong giáo pháp của ta, đoạn hết lậu hoặc và chứng quả A-la-hán. Tu thiền định mà không có thầy dạy bảo có lỗi như vậy, cho nên các thầy không nên tự tu thiền định mà không có thầy dạy bảo. Nếu ai cố ý tu tập như vậy thì phạm tội Việt pháp".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả cất một thất nhỏ nơi A-lan-nhã cho một Bí-sô ở. Vào mùa xuân khí trời nóng bức

nên thân Bí-sô trở nên vàng vỏ ốm gầy, không có sắc lực. Bí-sô muốn đi nơi khác nên đến nói với trưởng giả: "nhân giả tự coi giữ, nay tôi muốn đi nơi khác", trưởng giả hỏi rõ nguyên do, đáp là do khí trời nóng bức nên không ở trong thất nhỏ được, trưởng giả nói: "nếu vậy tôi sẽ làm hang đất cho Thánh giả ở", đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói: "nếu cần hang đất thì được tùy ý ở", trưởng giả liền làm hang đất cho Bí-sô ở. Đến tháng mùa hạ, khí lạnh ẩm ướt nên Bí-sô sanh bịnh ho đàm, không thể ở trong hang đất được nữa. Bí-sô muốn đi nên đến nói với trưởng giả… như trên cho đến câu trưởng giả nói: "nếu vậy thì tôi làm nhà lớn cho Thánh giả ở", đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật cho làm nhà lớn để ở. Trưởng giả làm nhà lớn, do không làm mái hiên nên cây chống trên cao muốn gãy, Phật bảo nên làm mái hiên, nếu sợ gãy thì nên làm trụ xiên, đóng đinh giữ lại.

5. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Muối hột để trong sừng,
Đồ đựng thuốc, nệm lót,
Ngồi tòa cao tụng kinh,
Cho dùng vật kê chân.

Duyên khởi tại tinh xá Trúc viên, thành Vương xá, cụ thọ Tất-lân-già-bà ta sau khi xuất gia thường bị bịnh… như trên cho đến câu hỏi: "trước kia Thượng tòa từng dùng thuốc gì?", đáp là dùng muối hột, lại hỏi sao nay không dùng nữa, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói: "từ nay cho các Bí-sô được cất giữ muối Tiên-đà-bà". Bí-sô để muối bừa bãi nên tiêu hết, Phật nói: "không nên để như thế, nên cất giữ trong ống"; để muối trong ống tre, muối cũng tiêu hết, Phật nói: "dùng ống bằng sừng để đựng muối". Bí-sô dùng sừng mới để đựng muối nên muối có mùi hôi, Phật nói: "nên dùng nước nóng tẩy sạch, để khô rồi mới đựng muối"; Bí-sô lại không đậy nên bị bụi đất rơi vào, Phật bảo nên đậy nắp, Bí-sô không biết làm nắp như thế nào, Phật bảo dùng sừng để đậy.

Duyên xứ như trên, chỉ khác là Bí-sô Tất-lân-già-bà ta cần dùng bát nhỏ đựng thuốc, Phật cho cất chứa.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó có một trưởng giả lấy vợ chưa bao lâu thì sanh được một trai. Đồng tử này đến khi trưởng thành xuất gia trong pháp luật thiện thuyết, nằm ngủ trên chiếc giường không có nệm lót. Sau đó trưởng giả vào chùa thăm, thấy con mình nằm trên chiếc giường không có nệm lót liền nói: "vì sao các Bí-sô khác nằm giường có nệm, còn thầy lại không có?", đáp: "các vị khác xuất gia đã lâu, từ trước đến nay đã có; con mới xuất tục nên chưa có", trưởng giả nói: "nếu vậy, trong nhà ta

còn có tấm nệm tốt, thầy hãy dùng trải nằm", đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật cho dùng nệm lót. Sau đó Bí-sô nằm trên nệm không có tấm trải lót nên nệm dơ bẩn, trưởng giả vào thăm nhìn thấy tấm nệm này cho là nệm khác nên hỏi, Bí-sô đáp là nệm cũ, trưởng giả liền hỏi rõ nguyên do rồi nói: "nệm này có giá trị mà thầy làm cho dơ bẩn như vậy, đáng lẽ thầy nên trải tấm lót rồi mới nằm", bạch Phật, Phật nói: "dù là vật của riêng cũng phải dùng tấm trải lót, nếu không trải lót mà nằm trên nệm như vậy thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, Phật bảo người tụng kinh nên ngồi tòa cao, người này ngồi trên tòa sư tử cao, do duỗi hai chân thòng xuống nên cảm thấy mệt nhọc, Phật bảo nên làm bệ kê chân. Bí-sô không biết làm như thế nào, Phật nói: "nếu tòa cố định thì nên làm bệ gạch, nếu tòa di chuyển thì nên làm bệ ván gỗ", làm bệ ván gỗ di chuyển khó khăn nên Phật bảo làm bốn vòng sắt ở bốn góc để kéo đi. Lúc đó có Bí-sô cầu phước và người tục có tín tâm bôi bột thơm vào bốn chân của tòa ngồi, khiến thầy tụng kinh không dám bước lên; Phật bảo dùng cỏ hay lá cây lót ở trên rồi bước lên tòa.

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô ở A-lan-nhã tìm vật làm bệ kê chân khó được, Phật nói nên dùng đá kê chân.

6. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Khăn lau mặt, y mỏng,
Ống nhổ và y lót,
Bồn sắt để dưới đất,
Ngọc nguyệt quang, giặt y.

Duyên khởi tại thành Vương xá, lúc đó Bí-sô Tất-lân-già-bà ta bị bịnh nên đầu mặt dơ bẩn… như trên cho đến câu hỏi: "trước đây Thượng tòa dùng vật gì?", đáp là dùng khăn lau mặt, lại hỏi sao nay không dùng, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói: "có bịnh hay không bịnh đều nên dùng khăn lau mặt".

Duyên xứ như trên, cụ thọ Tất-lân-già-bà ta bị bịnh nóng nên thân vàng vỏ… như trên cho đến câu đáp là dùng y thưa mỏng, lại hỏi sao nay không dùng, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói: "khi trời nóng bức cho dùng y thưa mỏng".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, có Bí-sô bị bịnh ho đàm, khạc nhổ hai bên giường rất dơ bẩn. Sáng hôm sau môn nhân vào phòng lễ bái thăm hỏi nên trán bị dính phải đờm dãi này, các Bí-sô thấy liền hỏi nguyên do rồi vào phòng xem thử, thấy người bịnh khạc nhổ bừa bãi như thế liền chê trách rồi bạch Phật, Phật nói: "không phải chỗ khạc nhổ thì không nên

khạc nhổ, trong chỗ tối dơ thì không nên khấu đầu lễ bái. Ai muốn lễ kính thì nên nói kính lễ (bạn đệ), nếu có thỉnh bạch cũng nên làm như vậy; người bịnh muốn khạc nhổ nên dùng ống nhổ". Lúc đó để ống nhổ bị nghiêng đổ nên càng dơ bẩn thêm, Phật bảo nên để trong vật kê giữ; kê giữ trong vòng dây vẫn bị nghiêng đổ, Phật nói: "ống nhổ và chậu súc miệng nên làm có hình như chân voi, đáy lồi vào bên trong thì đặt trên đất an ổn". Khi nhổ đàm vào ống nhổ có đáy lồi vào bên trong thì đàm dãi chảy xuống đọng lại ở chỗ lõm, Phật bảo dùng vật lót ở bên trong, Bí-sô không biết dùng vật gì lót, Phật bảo nên dùng cỏ hay đất cát. Lúc đó có nhiều ruồi bu đến, Phật bảo nên quạt đuổi đi ; ống nhổ có mùi hôi, Phật bảo nên rửa sạch; rửa rồi không phơi khô nên trùng sanh, Phật bảo nên phơi khô. Lúc đó do Bí-sô khạc nhổ không ngừng nên chờ phơi khô ống nhổ không được, Phật bảo nên dùng hai cái để thay đổi. Lúc đó Bí-sô tụng kinh, kinh hành dưới mái hiên rồi khạc nhổ bừa bãi, Phật bảo: "không nên như thế, ai khạc nhổ bừa bãi thì phạm tội Việt pháp. Nên đặt ống nhổ ở dưới cột trụ của bốn góc chùa, ai muốn khạc nhổ thì đến đó khạc nhổ".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, có Bí-sô tên là Mao huyết, do trong quá khứ đã trải qua năm trăm đời đọa vào địa ngục; khi được sanh vào cõi người thích ưa trang sức và sống hoan lạc, không nhớ đến cảnh khổ ở địa ngục nữa. Thời gian sau xuất gia trong Phật pháp, khi nghe Phật thuyết giảng về cảnh khổ khác nhau giữa các cõi địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh và trời người; Bí-sô này liền nhớ lại cảnh khổ đã thọ ở địa ngục đời trước, lúc đó các lỗ chân lông đều chảy máu làm ướt bẩn y và có mùi hôi; các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu có Bí-sô như vậy thì nên mặc áo lót thân". Bí-sô này mặc áo lót thân bên ngoài bị chê trách, Phật bảo nên mặc bên trong. Lại có Bí-sô bị ghẻ lở lấy áo lót thân này lau, Phật nói: "không nên, nếu có máu mủ nên dùng lá cây nấu nước nóng để rửa sạch, cũng nên thường giặt sạch áo lót thân và phơi cho khô".

Duyên khởi tại thành Vương xá, cụ thọ Tất-lân-già-bà ta thường bị bịnh… như trên cho đến câu đáp: "trước kia tôi hay ngâm trong bồn sắt có nước thuốc nóng", lại hỏi sao nay không làm như thế, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói: "người bịnh được cất chứa bồn sắt để dùng". Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, vào mùa hạ trời mưa, các Bí-sô đi nhiễu tháp bị bùn làm dơ chân, Phật nói: "nên lót gạch hoặc dùng gạch vun trộn với bùn nện cho cứng hoặc trải đá sỏi trộn với tro bùn", chung quanh tháp quá rông nên làm không khắp hết, Phật nói nên làm trong phạm vi một tầm; cũng làm không khắp hết, Phật bảo nên lót ván; khó tìm được ván, Phật bảo nên xếp gạch theo từng bước đi. Lúc đó ở ngoài cửa chùa và trong chùa có

nhiều vũng bùn, Phật bảo cũng làm theo cách trên.

Duyên xứ như trên, lúc đó có trưởng giả làm thất nhỏ nơi A-lan-nhã cho Bí-sô ở, đến mùa lạnh Bí-sô bị lạnh nên đến nói với trưởng giả là muốn đi nơi khác, trưởng giả hỏi rõ nguyên do rồi nói: "Thánh giả hãy ở lại, tôi sẽ đưa ngọc Nhật quang cho Thánh giả lấy lửa để dùng", đáp là Phật chưa cho, trưởng giả nói: "Phật từ bi sẽ khai cho dùng", bạch Phật, Phật nói: "nếu cần ngọc nhật quang thì cho được cất giữ để tùy thời lấy lửa dùng", trưởng giả liền đưa ngọc cho Bí-sô cất dùng. Sau đó có năm trăm giặc cướp đi đánh cướp ngang qua chỗ Bí-sô xin lửa, Bí-sô nói: "hiện giờ không có lửa", lại hỏi có cách gì lấy lửa, đáp là có ngọc Nhật quang. Bí-sô đưa ngọc cho giặc lấy lửa nên sau khi đánh cướp trở về, giặc trở lại chỗ Bí-sô đòi lấy ngọc rồi mang đi mất. Bí-sô lại bị lạnh nên đến nói với trưởng giả như trên, trưởng giả hỏi ngọc đâu, đáp là bị giặc cướp lấy đi mất, trưởng giả nói: "đó là vật quý, vì sao lại không cất giữ cẩn mật lại đưa cho giặc lấy mang đi, thật đáng tiếc", bạch Phật, Phật nói: "ngọc quý như vậy không nên đưa ra cho giặc thấy, giống như ngọc Nhật quang, ngọc Nguyệt quang cũng vậy".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô nhờ người thợ giặt giặt y, người này vì nhận giặt nhiều y phục nên không giặt kịp. Chiều tối hôm đó Ô ba-nan-đà cầm y dơ cũ đến nhờ giặt, thợ giặt đáp: "hiện đang giặt nhiều y, y này sáng mai sẽ giặt", Ô ba-nan-đà nổi giận, thợ giặt nói: "xin đừng giận, hãy để y lại tôi sẽ giặt ngay", nói rồi liền ngâm y này chung với các y phục khác, màu đỏ của y làm ố màu các y phục khác, thợ giặt thấy rồi ưu sầu. Sáng hôm sau nhiều người đến lấy y phục thấy y phục bị ố màu liền chê trách, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do nhờ giặt y màu đỏ nên có lỗi này, từ nay Bí-sô không được nhờ người giặt y màu đỏ, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp". Sau đó Lục chúng Bí-sô đưa y trắng cho thợ giặt giặt, họ vò đập làm rách y, Phật nói: "Bí-sô không nên bảo thợ giặt giặt y của mình". Lục chúng Bí-sô liền tự cầm y đến chỗ giặt y, lấy khăn quấn đầu rồi ngồi đó giặt y, mọi người thấy liền chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "Bí-sô không nên đến chỗ giặt y để giặt, ai làm thế thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô vò đập giặt y trên tấm ván lớn làm rách y, Phật nói: "không nên làm như thế, nên ngâm trong bồn nước nóng rồi dùng tay vò giặt từ từ cho sạch". Lại có Bí-sô đau ở tay không giặt được, Phật bảo nên dùng chân ; lại có người bịnh không thể dùng tay hay chân để giặt y, Phật nói: "nếu nhờ người khác làm thì tự phải trông coi".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT,NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 15

7. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Lau thân, cột cổ rồng,
Đồ đá sanh nghi hoặc,
Nhuộm y có nhiều việc,
Tùy ý tô vẽ chùa.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô vừa tắm xong thân còn ướt liền mặc y làm cho y bị ố màu và có mùi hôi, bạch Phật, Phật nói nên dùng khăn lau thân. Lại có Bí-sô không có khăn, Phật nói: "tắm xong nên ngồi một lúc cho ráo rồi dùng y tắm lau khô thân mới được mặc y". Lúc đó có Bí-sô mang dép da bị dính bùn đất nên chà đập dép làm cho dép bị đứt quai, Phật bảo không nên; lại đem rửa bằng nước làm cho dép bị hư, Phật bảo nên dùng khăn ướt lau.

Phật tại nước Chiêm ba bên bờ hồ Yết già, lúc đó có rồng mẹ tín tâm thuần thiện nhưng rồng con thì không, rồng mẹ khuyên con đến chỗ các Bí-sô nghe pháp, rồng con không biến hình đến chỗ các Bí-sô. Có Bí-sô trẻ nhìn thấy hoảng sợ la lên khiến cho các Bí-sô chưa ly dục khác đều hoảng sợ, liền dùng dây cột cổ rồng kéo bỏ ra ngoài. Rồng con trở về, rồng mẹ hỏi: "vừa rồi con đến chỗ Thánh giả nghe pháp phải không?", rồng con nói: "xin mẹ đừng nói đến những người không từ Ái ấy nữa", rồng mẹ hỏi: "họ đã làm việc gì phi pháp đối với con?", rồng con kể lại việc trên, rồng mẹ nói: "họ làm vậy mới gọi họ là Thánh giả, nếu là người khác thì chắc đã giết chết con rồi", rồng con im lặng. Sau đó rồng con bị các bạn giễu cợt gọi là Cổ lở nên buồn rầu, thân vàng vỏ không có sắc lực; rồng mẹ hỏi rõ nguyên nhân rồi an ủi: "do con không biến đổi hình dạng nên có lỗi này, từ nay khi đến nghe diệu pháp, con nên biến hình để nghe; nếu giữ nguyên thân cũ thì phải ẩn mình để nghe", rồng mẹ lại suy nghĩ: "Thánh giả dùng dây cột cổ rồng con gây khó cho người nghe pháp, ta nên đến bạch Phật việc này". Vào giữa đêm, rồng mẹ đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên,

thân quang chiếu sáng khắp hồ Yết già, bạch Phật rằng: "Thế tôn, rồng con thiếu lòng tin nên con khuyên nó đến nghe pháp, Thánh giả thấy nó liền dùng dây cột cổ nó ném ra ngoài khiến cổ của nó bị thương. Nó bị các bạn chế giễu gọi là Cổ lở nên nó buồn rầu, không còn sắc lực. Cúi xin Thế tôn chế ngăn các Thánh giả chớ dùng dây cột cổ rồng con, xin thương xót", Thế tôn im lặng nhận lời, rồng mẹ đảnh lễ Phật rồi ra về. Sáng hôm sau, Phật ở trong Tăng bảo các Bí-sô: "đêm qua rồng mẹ đến chỗ ta, đảnh lễ rồi ngồi một bên, thân quang chiếu sáng khắp hồ Yết già, bạch rằng: "Thế tôn, rồng con thiếu lòng tin nên con khuyên nó đến nghe pháp, Thánh giả thấy nó liền dùng dây cột cổ nó ném ra ngoài khiến cổ của nó bị thương. Nó bị các bạn chế giễu gọi là Cổ lở nên nó buồn rầu, không còn sắc lực. Cúi xin Thế tôn chế ngăn các Thánh giả chớ dùng dây cột cổ rồng con, xin thương xót". Này các Bí-sô, vì sao các thầy lại làm việc phi pháp này, nếu long thần kia sanh khinh mạn có thể làm cho chánh pháp đi đến chỗ tiêu vong. Từ nay các Bí-sô không nên dùng dây cột cổ rồng rắn, khi thấy chúng đến nên khảy móng tay bảo chúng đi đến chỗ khuất. Nếu chúng bỏ đi thì tốt, nếu không đi thì dùng cái chĩa hai như chân dê, nhẹ nhàng kẹp đầu của chúng bỏ vào trong ống có khoét lỗ ở bên hông, bịt miện rồi đem bỏ ra ngoài. Nếu không có cái chĩa hai thì dùng loại dây mềm cột cổ nó nhẹ nhàng kéo đi hoặc bỏ vào trong ống, đem thả nơi cây cỏ". Khi đem bỏ ra chỗ cây cỏ, rắn nổi sân phun lửa, cỏ bị cháy rắn cũng bị chết, Phật bảo không nên bỏ trong bụi cỏ. Các Bí-sô đem bỏ nơi chỗ trống rồi đi, rắn bị các trùng khác ăn thịt, Phật nói: "khi thả ra không nên bỏ đi liền, đợi chúng bò vào hang rồi mới đi".

Duyên khởi tại thành Vương xá, trong thành có một trưởng giả giỏi làm các khí vật bằng đá, tùy thời cất chứa hay bán ra nên được nhiều lợi nhuận. Ông suy nghĩ: "làm phước nghiệp gì để được phước lợi lớn ngay trong đời này. Ta nên thỉnh Phật và Tăng đến nhà cúng dường, đựng thức ăn trong các khí vật bằng đá này ắt sẽ được phước lợi lớn", nghĩ rồi liền đến thỉnh Phật và Tăng đến nhà cúng dường… cho đến câu khi dâng cúng, trưởng giả đựng thức ăn trong khí vật mới dâng cúng cho Thượng tòa, đựng thức ăn trong khí vật cũ dâng cúng cho Hạ tòa nên các Bí-sô nghi không dám thọ, Phật nói phát xuất từ tâm thanh tịnh nên thọ. Thọ thực xong, Phật thuyết pháp cho trưởng giả nghe rồi ra về.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, lúc đó Bí-sô cần nhuộm, Phật cho nhuộm, Bí-sô nấu cây nhuộm còn ướt để nhuộm, Phật bảo nên phơi cây cho khô rồi mới nấu nước nhuộm. Các Bí-sô nhuộm xong, phơi y vào giữa trưa nên màu nhuộm không đẹp, Phật bảo không nên phơi giữa trời trưa

nắng. Các Bí-sô lại phơi y trong chỗ râm mát làm cho y bị mốc, Phật nói: "không nên phơi ở chỗ nắng quá cũng không râm mát quá, nên tùy thời phơi cho khô". Lúc đó các Bí-sô để y cùng với cây nhuộm nấu chung nên y bị hư, Phật bảo nên nấu nước nhuộm riêng. Các Bí-sô nhuộm một lần rồi đổ bỏ cây nhuộm, Phật bảo nên nấu nhuộm ba lần rồi mới bỏ; các Bí-sô nấu nước nhuộm ba lần lại để chung một chỗ, Phật bảo nên để riêng ba chỗ; khi để riêng lại không nhớ nước nhuộm nào trước, sau và giữa, Phật bảo nên ghi rõ thứ lớp. Lúc đó các Bí-sô rưới nước nhuộm lên y để nhuộm, Phật bảo không nên, nên đổ nước nhuộm vào chậu rồi mới nhúng y vào nhuộm; do dùng nhiều nước nhuộm nên khi phơi bị chảy nước, Phật bảo không nên dùng nhiều nước nhuộm; lại dùng ít nước nhuộm nên màu nhuộm bị loang lổ, Phật bảo không nên nhiều hay ít quá, nên châm chước vừa phải. Lúc đó các Bí-sô phơi y trên đất làm y dính dơ, Phật bảo không nên; lại phơi y trên bò cỏ làm cho nước nhuộm nghiêng về một bên, Phật bảo nên phơi trên dây hay sào. Các Bí-sô lại vắt y trên dây nên bên trong không ăn màu, Phật nói: "nên trải y ra phơi trên dây, dùng kẹp tre kẹp lại cho chắc chắn, nếu sợ hư y thì dùng vật lót ở chỗ kẹp"; lại không thường trở y nên màu nhuộm chỉ một bên, Phật bảo nên trở nhiều lần. Lúc đó có Bí-sô may đại y nhiều lớp, nhuộm rồi phơi trên dây, y dày nặng nên dây không chịu nổi; Phật bảo nên phơi trên cỏ, trở nhiều lần cho khô. Lại có người dùng nước nhuộm mới để nhuộm y cũ, hoặc đem y mới nhúng vào nước nhuộm cũ; Phật nói: "y mới dùng nước nhuộm mới, y cũ dùng nước nhuộm cũ, không nên làm khác". Lại có người đem y mới phơi ở chỗ râm mát, y cũ phơi ở ngoài nắng, Phật nói: "y mới phơi ngoài nắng, y cũ phơi trong chỗ râm mát". Lại có Bí-sô khi nhuộm y dùng nước ba để nhuộm y trước, kế dùng nước hai, cuối cùng mới dùng nước nhất, Phật nói: "dùng nước nhất để nhuộm trước, kế dùng nước hai và sau cùng là dùng nước ba". Nhuộm y xong không xả lại nước, Phật bảo nên xả lại nước; Bí-sô nhuộm y xong đem xả liền trong ngày ấy, Phật bảo nên đợi sáng hôm sau mới xả. Lúc đó khi đang nhuộm y gặp mưa gió, Bí-sô không biết nên phơi y chỗ nào, Phật bảo nên phơi trước hiên. Lại có Bí-sô nhuộm y trước hiên, nước nhuộm làm dơ đất, người tục trông thấy cho là máu chảy, Bí-sô nói: "không phải là máu mà là nước nhuộm y",

họ nghe rồi liền chê trách, Phật nói: "nên dùng phân bò hay đất trát láng chỗ đã nhuộm y".

Duyên xứ như trên, trưởng giả Cấp-cô-độc xây cất tinh xá cúng cho Phật và Tăng xong, thấy tường vách chưa tô vẽ nên suy nghĩ: "ta nên đến xin Phật cho tô vẽ vách chùa", nghĩ rồi liền đến bạch Phật, Phật nói: "tùy ý", trưởng giả không biết dùng màu sắc gì nên bạch các Bí-sô, các Bí-sô

cũng không biết nên đến bạch Phật, Phật nói: "lành thay trưởng giả, nên dùng bốn màu xanh vàng đỏ trắng và tạp sắc để tô vẽ".

8. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Vật cần dùng làm chùa,
Khoét giường, nghi lễ kính,
Chứa riêng y cạo tóc,
Vòng hoa treo chỗ ngủ.

Duyên xứ như trên, trong thành có một trưởng giả, một Bí-sô khất thực thường đến nhà này khất thực và hướng dẫn trưởng giả thọ trì quy giới. Sau khi nghe thuyết giảng về bảy loại phước nghiệp, trưởng giả liền phát tâm muốn tu một loại phước nghiệp, Bí-sô nói nên làm, lại hỏi nên làm việc gì, đáp là nên xây cất trú xứ cho Tăng, trưởng giả nói: "Thánh giả, con có tài vật có thể xây cất chùa nhưng không có người coi giúp", Bí-sô nói: "trưởng giả hãy lo đầy đủ vật liệu, tôi sẽ coi giúp cho ông", trưởng giả nói lành thay rồi đưa tài vật cho Bí-sô, Bí-sô suy nghĩ: "tài vật này thuộc Tứ phương tăng, làm sao dùng mua vật liệu được, ta nên đến nơi khác xin vật liệu, còn tài vật này nên cất vào kho". Thời gian sau, trưởng giả suy nghĩ: "Thánh giả hảo tâm coi giúp việc xây cất chùa, ta nên đến xem chùa xây như thế nào", nghĩ rồi liền đến xem thì thấy chưa làm gì cả nên hỏi Bí-sô nguyên do, Bí-sô nói: "ông không đưa vật liệu thì làm sao xây cất", trưởng giả nói: "tài vật đã đưa, vì sao không mua vật liệu", Bí-sô nói: "tài vật đó thuộc Tứ phương tăng nên tôi không dám dùng", trưởng giả nói: "làm chùa cho Tứ phương tăng thì dùng có lỗi gì", Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "tài vật đó nên dùng để mua vật liệu xây cất chùa". Sau đó trưởng giả thấy Bí-sô này theo thứ lớp khất thực liền hỏi: "Thánh giả coi việc xây cất chùa vì sao còn phải đi khất thực, sao không trích dùng tài vật đó cho việc ăn uống, nếu thiếu con sẽ đưa thêm", Bí-sô nói: "tôi không thể ăn dùng tài vật của Tứ phương tăng", trưởng giả nói: "theo như con hiểu thì dùng nào có lỗi gì", Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "người coi việc xây cất chùa được trích dùng tài vật xây cất chùa cho việc ăn uống". Lúc đó Bí-sô trích dùng cho việc ăn uống nhưng chỉ ăn thức ăn thô dở, Phật bảo không nên ăn thức ăn quá thô dở; Bí-sô liền ăn thức ăn thượng diệu, Phật nói: "cũng không nên ăn thức ăn thượng diệu, nên ngó xem trong chùa khác ăn như thế nào mà ăn giống như họ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô đau bụng tiêu chảy, thường đi nên mệt nhọc, bạch Phật, Phật nói: "nên khoét lỗ nơi giường để thuận tiện đi", Bí-sô khoét lỗ nơi giường tốt, Phật nói: "nên khoét lỗ nơi giường cũ

hay giường dây, rọc theo sợi dây đan làm lỗ, sau khi hết tiêu chảy thì vá lại". Lúc đó Bí-sô bị tiêu chảy thường đi nên phía dưới mông bị lở, Phật nói: "nên dùng vật mềm lót ở dưới bên cạnh lỗ, khi tiêu chảy nên dùng cái bô để ở dưới hứng chất bất tịnh, chớ để văng ra đất; nếu bô bốc mùi hôi nên thay cái khác"; hễ bô bốc mùi hôi bỏ lại thay cái khác nên không có đủ bô thay, Phật nói: "nên dùng hai cái thay đổi, một cái đang dùng, một cái rửa sạch rồi phơi khô; nếu bô rửa sạch vẫn còn bốc mùi thì nên bôi dầu". Như Phật đã dạy nên săn sóc người bịnh, lúc đó các Bí-sô già trẻ đều đến thăm bịnh, người trẻ đến thì kính lễ bịnh nhân, người già đến thì bịnh nhân phải kính lễ nên bịnh càng nặng thêm, Phật nói: "thân người bịnh bất tịnh không nên kính lễ họ, được kính lễ người bịnh cũng không nên thọ và cũng không nên kính lễ người khác. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Phật đã dạy người không thanh tịnh không nên thọ người lễ kính, cũng không kính lễ người khác. Thế tôn, có mấy loại bất tịnh ô uế?", Phật nói: "có hai: một là cắn nhai bất tịnh, hai là ô uế bất tịnh. Căn nhai bất tịnh tức là khi đang xỉa răng, đánh răng ; khi đang ăn các loại thức ăn và sau khi ăn xong chưa có súc miệng sạch thì đều gọi là bất tịnh. Ô uế bất tịnh là sau khi đại tiểu tiện, khi đang quét dọn chỗ bất tịnh và sau khi cạo tóc xong mà chưa tắm rửa hoặc rửa tay chân sạch sẽ thì đều gọi là bất tịnh. Khi đang bất tịnh như vậy mà thọ người lễ kính hay kính lễ người thì đều phạm Ác tác".

Duyên xứ như trên, cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Thế tôn nói Bà-la-môn Diệu hoa nói rằng: "thưa Kiều-đáp-ma, khi con đang đi xe mà nắm giữ cương ngựa lại hoặc giơ roi gọi lớn thì ngay lúc đó Phật biết là con đảnh lễ Phật và thăm hỏi sức khỏe của Phật. Khi con đang đi bộ mà tháo giày ra hoặc đi tránh qua bên đường hoặc giơ tay chào thì ngay lúc đó Phật biết là con đảnh lễ Phật và thăm hỏi sức khỏe của Phật. Khi thấy con đang bàn luận với mọi người mà rời khỏi chỗ ngồi hoặc cởi thượng y hoặc lấy mũ ra khỏi đầu thì ngay lúc đó Phật biết là con đảnh lễ Phật và thăm hỏi sức khỏe của Phật". Thế tôn, không biết trong Thánh giáo của Phật cũng có pháp kính lễ như vậy không?", Phật nói: "không nên kính lễ bằng hành động như vậy, hễ miệng nói lễ kính thì chỉ là khẩu nghiệp lễ kính ; nếu khom người lễ kính là thân nghiệp lễ kính đều chưa đầy đủ. Này Ưu-ba-ly, trong pháp luật của ta có hai cách lễ kính: một là năm vóc gieo sát đất, hai là cúi đầu đảnh lễ, hai tay chạm vào bàn chân, miệng nói xin kính lễ; người thọ lễ kính nói là vô bịnh. Nếu ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô tùy tiện mặc các loại y mà cạo

râu tóc, sau đó lại đi thọ thực và lễ bái Đại sư. Người không có tín tâm thấy rồi liền chê trách: "Sa môn Thích tử không thanh tịnh, mặc y đó cạo tóc rồi lại đi thọ thực và lễ bái Đại sư thì làm sao khiến chúng tôi kính trọng được", các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không nên mặc một trong ba pháp y để cạo tóc, nên chứa riêng cái y cạo tóc". Lúc đó có Bí-sô nghèo thiếu khó có được y này, Phật nói: "nên dùng y Tăng khước kỳ che thân để cạo tóc". Các Bí-sô sau khi cạo tóc không tắm gội sạch sẽ nên bị chê trách, Phật bảo cạo râu tóc xong nên tắm gội sạch sẽ; lại có Bí-sô già bịnh sức yếu không thể đi lấy nước tắm, Phật nói: "nếu có người như vậy thì nên rửa năm chi thân phần là đầu và hai tay, hai chân".

Duyên xứ như trên, lúc đó có các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm đem vòng hoa đẹp đến cúng cho các Bí-sô, Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên thọ, các Bí-sô thọ rồi liền vất xuống đất ở trước mặt thí chủ, các cư sĩ nói: "Thánh giả, chúng tôi mua với giá rất mắc, vì sao lại vất bỏ như thế?", Phật bảo: "không nên thọ rồi lại xem thường đem vất bỏ trước mặt thí chủ, nên đem cúng dường tháp thờ móng tay và tóc Phật". Khi các Bí-sô đem cúng dường ở tháp thờ tóc, móng tay của Phật thì thí chủ nói: "há chúng tôi không biết có tháp để cúng dường hay sao, chúng tôi đã cúng dường cho tháp rồi, còn đây là cúng cho các vị dùng", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "nên đem treo ở cửa phòng". Khi đem treo ở cửa phòng, khách viếng thăm cho là điện Phật nên lễ bái, Phật nói: "đừng treo ở ngoài cửa, nên treo trong phòng"; treo ở chỗ hiển lộ cũng bị lỗi như trên, Phật nói: "nên treo ở chỗ khuất có thể ngửi được mùi thơm, có thể làm cho mắt sáng"; Bí-sô không biết chỗ nào là chỗ khuất, Phật nói nên treo ở chỗ nằm.

9. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Tòa ngồi và giường tốt,
Bột thơm, lồng đựng bát,
Lọ dầu, đi (nên) nói pháp,
Đãy y, ba loại dây.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, Phật bảo các Bí-sô: "nếu được tòa ngồi, giường tốt thì Tăng già được thọ, cá nhân không được thọ; được giường ghế dựa, Tăng cũng được thọ, cá nhân không được thọ".

Duyên xứ như trên, lúc đó có các cư sĩ, Bà-la-môn tín tâm đem hương

bột đến cúng cho các Bí-sô, Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?". Các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật bảo nên thọ, các Bí-sô thọ rồi liền vất xuống đất ở trước mặt thí chủ, các cư sĩ nói: "Thánh giả, chúng tôi mua với giá rất mắc, vì sao lại vất bỏ như thế?", Phật bảo: "không nên thọ rồi lại xem thường đem vất bỏ trước mặt thí chủ, nên đem thoa trên đất ở trước tháp Phật để cúng dường". Khi các Bí-sô đem hương thơm này thoa trên đất ở trước tháp thờ tóc, móng tay của Phật để cúng dường thì thí chủ nói: "há chúng tôi không biết có tháp để cúng dường hay sao, chúng tôi đã cúng dường cho tháp rồi, còn đây là cúng cho các vị dùng", các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "nên đem thoa ở cửa phòng". Khi đem thoa ở cửa phòng, khách viếng thăm cho là điện Phật nên lễ bái… như trên cho đến câu thoa trên tường, mũi thường ngửi mùi thơm sẽ làm cho mắt sáng.

Lúc đó có trưởng giả thỉnh các Bí-sô đến nhà cúng dường rồi dùng hương bột thượng hạng thoa lên chân của Bí-sô, Bí-sô không thọ, trưởng giả nói: "các Bà-la-môn kính tin, người khác cúng hương bột đều nhận, dùng để thoa trên đầu hay trên thân. Nay tôi tín kính nên thoa hương bột lên chân các thầy, vì sao lại không thọ?", Bí-sô bạch Phật, Phật nói cho thọ, Bí-sô thọ rồi vất bỏ… như trên cho đến câu Phật nói không nên vất bỏ trước mặt họ.

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bí-sô để bát bừa bãi làm bể, Phật bảo: "không nên để bát bừa bãi, nên làm tủ đựng bát", các Bí-sô đục tường làm tủ, Phật nói: "không nên làm vậy, khi bắt đầu làm chùa nên làm tủ đựng bát trong các phòng". Lúc đó các Bí-sô ở A-lan-nhã không có chỗ làm tủ đựng bát, Phật nói: "nên dùng dây sắn hay cỏ bện thành cái lồng, trát phân bò hay bùn bên ngoài rồi đựng bát bên trong" ; lại có bụi đất bay vào, Phật nói: "nên làm nắp đậy, không nên để ngoài đất, nên làm dây treo trên cành cây". Khi đi khỏi A-lan-nhã, các Bí-sô mang lồng đựng bát theo, người không có tín tâm thấy liền chê cười nói rằng: "thầy đang mang lồng gà hay lồng nhốt khỉ vậy?", Phật nói: "khi đi không nên mang theo lồng đựng bát, nên để lại chỗ cũ".

Duyên xứ như trên, có Bí-sô du hành trong nhân gian, đến một tụ lạc tìm chỗ nghỉ đêm, chủ nhà cho ở, Bí-sô rửa chân rồi xin dầu thoa nhưng không có vật đựng nên đưa tay để thọ, cô gái trong nhà nói: "Thánh giả biết

xin dầu mà lại không đưa vật đựng", đáp là Phật chưa cho, sau đó bạch Phật, Phật nói nên mang theo vật đựng dầu. Lúc đó Ô ba-nan-đà dẫn theo hai đệ tử đều cầm bình đựng dầu để xin dầu, người mang dầu đến cúng thấy vật đựng quá lớn liền chê trách: "Thánh giả, ai có thể cho đầy bình dầu này", Ô ba-nan-đà nói: "bà keo kiệt quá, hãy cho theo ý của bà, sẽ có các Bà-la-môn tín tâm khác cho thêm", người kia im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "không được mang bình quá lớn để xin dầu". Sau đó các Bí-sô mang lọ quá nhỏ để xin dầu nên không đủ dùng, Phật nói: "không nên mang lọ quá nhỏ, vật đựng dầu có ba loại: loại lớn đựng được hai muỗng dầu, loại nhỏ đựng được một muỗng, loại vừa ở giữa hai loại trên".

Duyên xứ như trên, có hai Bí-sô một già một trẻ đi đường, vừa đi vừa nói lời phi pháp. Có Dược xoa không tín tâm nghe rồi liền suy nghĩ: "hai Thích tử này đi đường nói lời phi pháp, ta nên hút tinh kí của họ", nghĩ rồi liền đi theo sau và suy nghĩ: "việc trước bỏ qua không truy cứu nữa, nếu họ còn nói phi pháp nữa thì ta sẽ hút tinh khí". Khi đi theo sau, có một Dược xoa khác tín tâm thấy liền hỏi Dược xoa này muốn làm gì, Dược xoa này kể lại việc trên, Dược xoa kia nói: "họ vừa đi vừa nói chắc là nói pháp, ngươi đừng theo Bí-sô nữa, hãy cùng ta nói chuyện", Dược xoa này nói: "nhưng tôi không tha cho họ được", hai Dược xoa đi theo sau, hai Bí-sô đi đến ngã rẽ chia tay, một người đi đến vườn Cấp, một người đi đến vườn Lộc tử mẫu. Lúc đó vị nhỏ đảnh lễ Thượng tòa chúc đi bình an, Thượng tòa nói: "chúc thầy không bịnh, chớ có phóng dật", Dược xoa này liền hiện tướng muốn hút tinh khí, Dược xoa kia nói: "ngươi không nên hấp tấp, hai Bí-sô đó đã nói diệu pháp, ngươi không hiểu nên sân hận", Dược xoa này hỏi như thế nào là diệu pháp, Dược xoa kia nói: "ngươi há không nghe vị lớn chúc không bịnh, chớ có phóng dật hay sao; được không bịnh, Phật gọi là đại lợi; không phóng dật là gốc của các điều thiện. Như Phật đã dạy rằng:

Nếu người không phóng dật,
Được đến nơi bất tử;
Nếu ai sống phóng dật,
Rốt cuộc về nẻo chết".

Dược xoa này nghe rồi hoan hỉ quay trở về. Dược xoa kia suy nghĩ: "đây là việc mà ta nên làm, ta nên đến bạch Thế tôn việc này", nghĩ rồi liền đến chỗ Phật đảnh lễ rồi ngồi một bên bạch Phật: "Thế tôn, có các Dược xoa là chúa của phi nhân có tâm tín kính Phật pháp, nhưng cũng có Dược xoa không có tín tâm; đối với Phật pháp, chúng Dược xoa phần nhiều không tín kính. Nếu có Bí-sô khi đi đường luận bàn phi pháp thì sợ Dược xoa

không tín tâm nghe được, sẽ làm việc bất lợi. Cúi xin Thế tôn chế ngăn các Bí-sô thường giữ chánh niệm khi đi đường, chớ bàn nói phi pháp", Phật nghe rồi im lặng nhận lời, Dược xoa biết Phật đã nhận lời liền đảnh lễ rồi ra về. Sau đó Phật ở trong đại chúng bảo các Bí-sô: "Dược xoa vừa đến bạch với ta rằng: có Bí-sô đi đường, vừa đi vừa bàn luận phi pháp, Dược xoa bất tín nghe được sẽ làm việc bất lợi. Từ nay ta chế định hành pháp cho Bí-sô đi đường có hai việc nên làm: một là nói pháp ngữ, hai là im lăng như bậc Thánh; đến chỗ dừng nghỉ nên đọc Thánh kệ:

Năm dục lạc thế gian,
Hoặc là các thiên lạc,
So với lạc Ái tận,
Không bằng một phần ngàn.
Do Tập hay sanh Khổ,
Nhân Khổ lại sanh Tập,
Bát Thánh đạo vượt qua,
Được đến diệu Niết-bàn.
Người đã làm bố thí,
Chắc chắn được nghĩa lợi.
Nếu vì vui nên thí,
Sau sẽ được an lạc".

Duyên xứ như trên, lúc đó Bí-sô may ba y xong, vắt trên vai đi đường, y bị thấm mồ hôi và bụi đất làm dơ, Phật bảo nên may đãy đựng y mắc trên vai mà đi. Bí-sô không biết may đãy đựng y như thế nào, Phật nói: "chiều dài ba gang, chiều rông một gang rưỡi", Bí-sô xếp đôi chiều rộng lại may, một đầu làm miệng túi, hình như cái vòi voi, Phật nói: "không nên may như vậy, nên may miệng túi ngay ở giữa". May đãy y xong không tra nút nên bụi đất rơi vào, Phật bảo nên tra nút; khi để y vào trong đãy, Bí-sô để y thường dùng ở bên dưới, y không thường dùng ở bên trên nên khó lấy dùng, Phật nói: "cái thường dùng để ở trên, cái không thường dùng để ở dưới".

Duyên xứ như trên, lúc đó có đám giặc cướp của người, người bị cướp bỏ chạy, giặc đuổi rượt theo vào trong làng, người trong làng bủa ra xua đuổi, giặc bỏ chạy tứ tán. Giặc khát nước tìm thấy giếng nhưng không có dây và gầu, chúa giặc sai người leo lên cây nhìn đăng xa xem có ai đến thì hỏi mượn dùng. Họ thấy Bí-sô sắp đi đến nên nói với nhau: "các Thích tử chắc có mang theo dây và gầu, nếu có thì tốt, nếu không có thì mổ bụng họ lấy máu uống", khi Bí-sô đi đến giặc liền hỏi có mang theo dây và gầu không, đáp là không có, giặc nghe rồi liền nhốn nháo lên. Lúc đó bậc thượng thủ trong các Bí-sô là bậc A-la-hán liền quán xem vì sao họ lại nhốn

nháo lên, liền biết là bọn giặc muốn giết các Bí-sô, quán biết rồi liền hỏi giặc: "vì sao trong lòng các vị rối loạn như vậy?", giặc nói rõ nguyên do, vị A-la-hán nói: "các vị chớ lo, tôi sẽ lo liệu làm cho các vị có được nước trong uống no đủ". Nói rồi liền lấy dây lưng của các Bí-sô nối nhau lại rồi cột cái bát làm gầu thả xuống giếng múc nước lên, quán thấy không có trùng liền đưa cho họ uống no đủ. Giặc vui vẻ nói: "nếu không có nước chắc chúng tôi đã giết các thầy rồi, lành thay các thầy nên mang theo dây và gầu", vị A-la-hán nói: "sẽ làm theo lời ông nói", bọn giặc đảnh lễ vị A-la-hán rồi ra đi. Các Bí-sô cũng uống nước rồi múc nước đựng đầy bình lượt và bình rửa mới tiếp tục lên đường đến vườn Cấp. Đến nơi cựu Bí-sô chào hỏi thiện lai và hỏi đi đường có an ổn không, khách Bí-sô đem việc trên kể lại, các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "từ nay các Bí-sô nên mang theo dây gầu". Các Bí-sô mang theo dây quá dài, Phật bảo không nên; lại mang theo dây quá ngắn, Phật nói: "cũng không nên, dây có ba loại: loại dài là một trăm năm mươi khuỷu tay, loại ngắn là mười khuỷu tay, loại vừa là ở giữa hai loại trên"; lại có Bí-sô đi đến nơi có nước đầy đủ vẫn mang theo dây gầu dài, Phật nói: "nên xét chỗ đến, tùy nơi mà mang theo dây ngắn hay dài".

10. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ ba:

Nên chứa dao cạo tóc,
Vật dụng cắt móng tay…
Kê chân giường, gối nằm,
Được dùng hương xông đất.

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô tóc đã dài nên đến chỗ thợ cạo nhờ cạo tóc, người thợ này suy nghĩ: "các Thích ca tử này đều là

người ở không, chỉ muốn nhờ làm giùm, không trả tiền; nếu ta làm thì họ sẽ tiếp tục đến nhờ vả mãi, công việc của ta sẽ bỏ phế, ta nên hẹn lần lữa", nghĩ rồi liền nói với Bí-sô: "hôm nay tôi bận, sau giờ ngọ hãy đến", Bí-sô theo lời chiều đến, thợ lại hẹn sáng mai, ngày mai đến lại hẹn ngày sau, cứ như thế hẹn lần lữa khiến Bí-sô tới lui mệt nhọc. Một Bí-sô quen biết thấy vậy liền hỏi: "tôi thấy thầy thường lui tới nhà này, họ là môn đồ hay là bà con với thầy?", đáp: "họ không phải là môn đồ cũng không phải bà con, chỉ là tóc tôi dài muốn nhờ họ cạo giùm, nhưng họ cứ hẹn lần lữa mãi khiến tôi tới lui mệt nhọc", Bí-sô kia nghe rồi nói: "thầy không nghe nói thợ giỏi thường không nói thật hay sao, tôi biết cạo tóc, nếu Phật khai cho thì tôi sẽ cạo tóc cho thầy". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nếu Bí-sô nào biết cạo tóc thì nên ở chỗ khuất cạo cho nhau, dù

có người thấy cũng không bị cơ hiềm", được Phật khai cho, Bí-sô này liền đến nói với Bí-sô kia và nhờ cạo tóc giùm, Bí-sô kia nói: "không lẽ tôi dùng ngón tay cạo tóc cho thầy hay sao, cần phải có tư cụ nữa mới cạo được", liền bạch Phật, Phật nói: "do nhân duyên này, từ nay khai cho Tăng được cất chứa tư cụ như dao cạo, kéo…"

Phật tại vườn cây Đa căn, thành Kiếp-tỷ-la, lúc đó Phật cho mỗi gia đình họ Thích được xuất gia một người, các vị mới xuất gia này nằm trên giường thấp không có kê chân nên nằm ngủ không an. Thân họ vốn mềm mại, xuất thân cao quý quen nằm trên giường cao rộng lớn, nay nằm giường thấp nên nhiệt độ trong người giảm, thân không an bèn đến chỗ thầy thuốc xin điều trị. Thầy thuốc nói: "hãy dẫn tôi đến phòng của thầy xem chỗ nằm như thế nào" , đến nơi thấy giường thấp liền nói: "vì đầu giường của thầy thấp nên làm cho nhiệt độ của bốn đại giảm, thầy hãy kê chân giường lên cao một chút", Bí-sô nói Phật chưa cho, thầy thuốc nói: "Thế tôn đại bi ắt sẽ khai cho", Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy thuốc bảo thì nên kê chân giường lên cao để nằm". Kê chân giường lên cao rồi vẫn không hết bịnh, thầy thuốc nói nên dùng gối nằm… cho đến câu Phật nói nên dùng gối. Bí-sô không biết may gối nằm như thế nào, Phật nói: "dùng vải dài bốn gang tay, rộng hai gang tay, xếp đôi lại may như cách may đãy y, dồn gòn bên trong rồi may kín miệng".

Duyên khởi tại thành Xá vệ, cụ thọ Tất-lân-già-bà ta bị bịnh… như trên cho đến câu đáp: "trước kia dùng hương xông đất để trị bịnh", lại hỏi sao nay không dùng, đáp là Phật chưa cho, bạch Phật, Phật nói cho người bịnh được dùng hương xông đất.

IV. Tổng nhiếp tụng Biệt môn thứ tư:

Thượng tòa, tường, hàng rào,
Viền rách và nuôi bịnh,
Chiên đồ, heo. Mía, chùa,
Bát, theo cách trồng cây.

1. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:

Thượng tòa luân phiên thuyết,
Hoặc cùng thuyết đến hết,
Nước lượt là phi thời,
Chỗ không làm giới hạn.

Như Phật đã dạy mỗi nửa tháng nên làm lễ trưởng tịnh, Bí-sô không biết sai ai thuyết giới, Phật nói: "nên cử Thượng tòa, khi thuyết giới Thượng

tòa thường nên tụng". Có một trú xứ, Thượng tòa không tụng được, các Bí-sô không biết làm sao nên bạch Phật, Phật nói: "nếu Thượng tòa không tụng được thì vị thứ hai nên tụng". Lại có trú xứ, vị thứ hai cũng không tụng được, Phật bảo vị thứ ba nên tụng; lại có trú xứ vị thứ ba cũng không tụng được, Phật nói: "các Bí-sô nên luân phiên thuyết giới". Khi Bí-sô luân phiên, có vị thuyết được, có vị không thuyết được, không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói: "người không thuyết được nên cầu vị thuyết được"; khi đến cầu vị thuyết được thì vị này không chịu thuyết, không biết làm sao, bạch Phật, Phật nói: "phải thỉnh trước người thuyết được giới". Lại có trú xứ không ai tụng được hết giới, Thượng tòa chỉ tụng được bốn Ba-la-thị-ca, những thiên giới khác thì không tụng được nên các Bí-sô không thuyết giới nữa. Phật nói: "không nên tất cả đều ngưng thuyết giới, tùy tụng được đoạn nào thì tụng đoạn ấy. Nếu Thượng tòa tụng được đến hết bốn Ba-la-thị-ca, vị thứ hai nên tụng tiếp thiên Tăng tàn, vị kế nữa nên tụng tiếp hai Bất định, vị kế nữa nên tụng tiếp thiên Xả đọa, vị kế nữa nên tụng tiếp thiên Ba dật đề, vị kế nữa nên tụng tiếp thiên Đối thuyết, vị kế nữa nên tụng tiếp thiên Chúng học pháp, vị kế nữa nên tụng tiếp Bảy diệt tránh… không được không tụng giới".

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, cụ thọ Ưu-ba-ly hỏi Phật: "như Phật đã dạy về nước dùng đúng thời và phi thời, thế nào gọi là nước dùng đúng thời và phi thời?", Phật nói: "nước không lượt là Thời, nước được lượt sạch là Phi thời, lấy nước nhỏ giọt cũng gọi là sạch".

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô thường bị đa dục, ác dục, xẻn tham… trói buộc, khi đến trú xứ khác thường phi lý thọ dụng hoặc tất cả thời, hoặc phân chia phòng, hoặc nhật phần thời hoặc thân hữu thời. Tất cả thời là nói đây là trú xứ mùa xuân hoặc mùa hạ hoặc mùa đông của tôi. Phân chia phòng là nói phòng này của tôi, phòng kia của người khác. Nhật phần thời là nói trú xứ này để ở vào buổi sáng, trú xứ kia để ở vào buổi chiều. Thân hữu thời là chỗ này của Quỹ phạm sư tôi, chỗ đó là của Thân giáo sư tôi, chỗ kia là của đệ tử tôi… Do đây có nhiều người tới lui xúc não các Bí-sô nên các Bí-sô đem việc này bạch Phật, Phật nói: "Bí-sô không nên ở trong trú xứ tự phân chia giới hạn, ai phi lý thọ dụng như vậy thì phạm tội Việt pháp".

-oOo-

CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TỲ NẠI DA TẠP SỰ

QUYỂN 16

2. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:

Tường, dao cạo tóc Ni,
Không mặc y láng đẹp,
Được ít cũng chia đều,
Pháp tẩy tịnh nên biết.

Duyên khởi tại thành Thất-la-phiệt, sau khi trưởng giả Cấp-cô-độc cúng tinh xá cho Phật và Tăng thì đạo tục đều lui tới quá đông, trưởng giả suy nghĩ: "nay vườn chùa biến thành đại lộ, ta nên xây tường cao chung quanh", nghĩ rồi liền đem việc này bạch Phật, Phật nói tùy ý làm. Trưởng giả liền cho xây tường cao chung quanh, đến mùa hạ trời mưa nước không có chỗ thoát nên ứ đọng thành vũng. Trưởng giả khi đến lễ Phật thấy việc này rồi suy nghĩ: "trước đây ta xây tường không làm cống thoát nước nên nước ứ đọng thành vũng. Nếu Phật cho ta làm cống thoát nước thì tốt", nghĩ rồi liền bạch Phật, Phật nói tùy ý làm. Lúc đó trâu bò cạ thân mình hay húc sừng vào tường làm cho tường bị hư hoại, trưởng giả thấy rồi suy nghĩ: "ta tuy làm tường nhưng chưa làm hàng rào gỗ…" cho đến câu Phật nói tùy ý làm. Sau đó có kẻ xấu lấy trộm gỗ mang đi, trưởng giả thấy hàng rào nghiêng ngả nên xin Phật cho làm hào ngoài hàng rào, Phật nói tùy ý làm, trưởng giả liền làm hào quanh hàng rào.

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô ni tên là Để lệ tóc quá dài đến chỗ thợ cạo tóc nhờ cạo giùm… giống như trên cho đến câu Phật cho Ni tăng được chứa dao cạo tóc… và cạo tóc cho nhau ở chỗ khuất, giống như trường hợp của Tăng ở trên. Duyên xứ như trên, sau khi Phật độ Nan-đà xuất gia, nàng Tôn-đà-la may pháp y láng đẹp rồi ủi thật thẳng gửi tới cho Nan-đà mặc. Nan-đà mặc y đẹp này rồi mang cái bát thượng hạng đi nhanh trước đại chúng, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "do mặc y láng đẹp nên có lỗi này, từ nay Bí-sô nào mặc y láng đẹp thì phạm tội Việt pháp, vì sao, vì đây là việc phi pháp không nên làm". Sau đó có Bà-la-môn, cư sĩ tín tâm đem

y láng đẹp đến cúng cho các Bí-sô, Bí-sô không thọ nên các cư sĩ nói: "khi Phật chưa ra đời, chúng tôi xem ngoại đạo là chỗ tu phước; nay Phật ra đời, chúng tôi xem các vị là đại phước điền. Vì sao các vị không thọ vật của chúng tôi cúng, há không phải khiến chúng tôi bỏ tư lương tốt thú hướng cho đời sau hay sao?", bạch Phật, Phật nói: "được thọ nhưng thọ rồi nên làm cho mất vẻ láng đẹp của y mới được tùy ý thọ dụng". Lúc đó Bí-sô dùng tay chà vuốt cũng không làm mất được vẻ láng đẹp, Phật nói: "nên để nơi đất trống làm cho ướt rồi chà vuốt"; cũng không làm mất vẻ láng đẹp, Phật bảo nên ngâm nước rồi tùy ý thọ dụng.

Duyên xứ như trên, lúc đó các Bà-la-môn, cư sĩ trong thành có việc quan trọng nên hội họp trong giảng đường để cùng bàn luận. Có người nói rằng: "Sa môn Thích tử được lợi dưỡng rồi không có chia đều cho nhau, không bằng ngoại đạo", có một Bà-la-môn vốn không có tâm tịnh tín nói: "nếu vậy sáng mai tôi cùng các vị đến xem thử chúng của Sa môn Kiều-đáp-ma có chia đều cho nhau hay không?", mọi người nói được. Bà-la-môn này liền đem hai tấm bạch điệp đến trong rừng Thệ đa đưa cho Thượng tòa nói là cúng cho Tứ phương tăng thọ dụng, Thượng tòa nhận rồi nói: "chúc nhân giả khoả mạnh trường thọ, nhân giả cúng dường vải này chính là trang nghiêm cho tâm, trợ giúp cho tâm, khéo hộ trì định lực thù thắng để đắc quả Bồ-đề vi diệu, được thọ phước thù thắng ở cõi người và cõi trời", Bà-la-môn nghe rồi giả thái độ cung kính rồi ra về. Lúc đó Phật bảo A-nan: "thầy đến bảo các Bí-sô rằng: Bà-la-môn ấy đến chùa cúng vải là muốn tìm khuyết điểm của Tăng nên các Bí-sô phải đem vải ấy chia đều cho nhau, được một miếng nhỏ thì dùng để vá y hoặc làm dây nút hoặc làm khăn tay mang theo người để dùng", A-nan vâng lời Phật đến bảo các Bí-sô, các Bí-sô y theo lời Phật dạy phụng hành. Sáng hôm sau, Bà-la-môn này đứng ở cửa thành đón các Bí-sô vào thành khất thực để hỏi thăm: "Thánh giả, xấp vải tôi cúng cho Tăng, các vị thọ dụng như thế nào?", một Bí-sô nói: "sau khi thọ vải này, Tăng chia đều cho nhau, phần của tôi dùng để vá y", Bí-sô khác nói: "phần của tôi dùng làm dây nút", Bí-sô khác nói: "phần của tôi dùng làm khăn tay mang theo người để dùng". Bà-la-môn nghe rồi liền suy nghĩ: "những lời họ luận bàn đều là không thật, lại còn khinh mạn hủy báng Sa môn Thích tử. Nay ta mới nghiệm biết các Bí-sô là bậc có đầy đủ đức hạnh, công bằng không thiên tư, ta nên đến đó xuất gia", Bà-la-môn phát khởi lòng tin rồi liền đi đến chỗ Phật, đảnh lễ rồi chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh", Phật nói: "lành thay, ông có thể phát tâm thắng thượng này mà cầu xuất gia. Bậc trí biết rõ xuất gia có năm lợi thù

thắng (sẽ nói rõ ở dưới) … vì vậy nên cầu xuất gia", nói rồi Phật bảo thiện lai Bí-sô, Bà-la-môn liền được xuất gia trở thành Bí-sô, siêng tu chánh niệm, dõng mãnh tinh tấn … không bao lâu sau đoạn hết phiền não chứng quả A-la-hán… Thích Phạm chư thiên đều cung kính. Sau đó Phật bảo các Bí-sô: "biết lượng mà thọ thí, chia đều cho nhau được lợi ích như vậy. Thế nên các Bí-sô, từ nay nếu được thức ăn bánh trái dù ít cũng nên chia đều cho nhau, được y vật cũng nên chia đều, một miếng vải nhỏ thì dùng làm tim đèn".

Duyên xứ như trên, lúc đó trong thành có một Bà-la-môn tánh thích sạch sẽ, mong cầu xuất gia, ông suy nghĩ: "nếu ở đâu có pháp tẩy tịnh hợp với tâm ta thì ta sẽ xuất gia ở chỗ đó", nghĩ rồi đi khắp nơi tìm. Ông trải qua những chỗ tu hành của ngoại đạo và Bà-la-môn, thấy có người đi đại tiểu tiện xong không có tẩy tịnh, có người xuống ao nước dùng hàng trăm cục đất để tẩy tịnh nhưng vẫn dơ bẩn và nhiều rắc rối nên ông không vừa ý, không muốn theo họ xuất gia. Ông lại suy nghĩ: "ta đã đi khắp nơi xem xét nhưng đều không vừa ý, chỉ còn chỗ của Sa môn Thích tử là chưa đến", nghĩ rồi liền đi đến trong rừng Thệ đa. Đúng lúc đó ông thấy cụ thọ Xá-lợi-phất đang cầm bình quân trì đựng chừng ba thăng nước đến nhà xí, thấy rồi liền suy nghĩ: "đây là đệ tử thượng thủ của Sa môn Kiều-đáp-ma, ta nên đến xem thầy ấy tẩy tịnh như thế nào", nghĩ rồi liền đi theo sau. Nếu vị A-la-hán không nhập định thì không thể quán biết được tâm ý của người khác, lúc đó Xá-lợi-phất thấy có người đi theo sau liền chánh niệm quán sát Bà-la-môn vì sao lại đi theo sau mình, liền quán biết người muốn tìm hiểu sự sạch sẽ của mình nên mới theo sau. Tôn giả lại quán người này có thiện căn hay không và có nhân duyên với ai, liền quán biết người này đời trước có gieo trồng thiện căn và có nhân duyên với mình. Quán biết rồi tôn giả liền xếp pháp y ở trên đầu gió, chỉ mặc Tăng khước kỳ và hạ quần, kế để bảy cục đất vụn, hình như nửa trái đào xếp thành một hàng ở một bên trên gạch đá, bên này cũng xếp một hàng bảy cục đất và để riêng một cục đất khác. Sau đó cầm mấy cái lá và ba cục đất đi vào nhà xí nhưng không đóng cửa lại, ý muốn cho Bà-la-môn nhìn thấy. Sau khi đại tiểu tiện xong, dùng lá cây chùi sạch rồi dùng tay trái cầm cụ đất tẩy tịnh chỗ đại tiện, kế dùng một cục đất tẩy tịnh chỗ tiểu tiện, sau cùng dùng một cục đất tẩy tịnh tay trái. Tay phải lúc đó cầm bình nước rửa đến chỗ để mấy cục đất, để bình nước trên đùi trái nghiêng xuống cho chảy nước từ từ, trước dùng từng cục đất trong hàng có bảy cục đất để tẩy tịnh tay trái, kế dùng từng viên trong hàng bảy cục đất kia để tẩy tịnh cả hai tay đều sạch rồi dùng một cục đất còn lại để chùi rửa bình rửa. Xong đâu đó rồi ra khỏi nhà xí, mặc pháp y, rửa hai

chân vào trong phòng dùng nước sạch súc miệng ba lần mới đi làm việc khác. Bà-la-môn nhìn thấy rồi liền phát khởi lóng tin sâu xa, nghĩ rằng: "lành thay, pháp thiết yếu như thế, không thể làm hơn được nữa. Ngoại đạo dùng cả trăm cục đất không bằng Thích tử chỉ dùng mười bốn cục đất", nghĩ rồi liền đến chỗ tôn giả Xá-lợi-phất đảnh lễ và chắp tay bạch rằng: "Tôn giả, xin cho con được ở trong thiện pháp luật xuất gia thọ giới cụ túc, thành tánh Bí-sô, tu tập phạm hạnh, sống không phóng dật", Xá-lợi-phất nói: "lành thay Bà-la-môn, ông có thể phát tâm thắng thượng này mà cầu xuất gia. Như Phật đã dạy người trí thấy năm điều nên cầu xuất gia trong thiện pháp luật: một là ta được tự lợi, người khác không có; hai là tự biết mình thuộc giai cấp hạ tiện bị người sai khiến, sau khi xuất gia trở lại được họ cung kính tán thán, lễ bái cúng dường ; ba là sẽ chứng được Niết-bàn vô thượng; bốn là sau khi qua đời sẽ được sanh lên cõi trời; năm là thường được chư Phật, chúng Thanh văn và các bậc thắng nhân khen ngợi. Ông nên quán sát những lợi ích này, dùng tâm ân trọng xả tục xuất gia được đại công đức". Tôn giả nói rồi liền cho Bà-la-môn xuất gia thọ mười học xứ, kế cho thọ Cận viên, như pháp giáo giới. Bí-sô này chuyên tâm tu tập đoạn trừ các phiền não, chứng A-la-hán, được pháp Vô sanh, thoát ly ba cõi, tâm không chướng ngại như tay nắm hư không, như dao cắt mùi thơm, yêu ghét không khởi, xem vàng và đất như nhau không khác, tất cả danh lợi đều xả bỏ, Thích Phạm chư thiên thảy đều cung kính. Sau đó tôn giả Xá-lợi-phất đưa vị đệ tử này đến gặp Phật, đảnh lễ rồi đem việc trên bạch Phật, Phật nói: "thầy khéo dùng phương tiện để dẫn dắt chúng sanh vào trong pháp của ta, nhân việc này ta chế nên làm pháp tẩy tịnh sẽ được vô biên phước lợi". Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "do duyên nghiệp gì mà cụ thọ Xá-lợi-phất dùng việc thanh tịnh để điều phục, nhiếp dẫn Bà-la-môn kia xuất gia và được Viên tịch?", Phật nói: "không phải chỉ ngày nay tôn giả Xá-lợi-phất mới điều phục được người kia khiến cho được an lạc, quá khứ cũng đã từng dùng việc thanh tịnh điều phục khiến cho người ấy bỏ làm giặc cướp, quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Các thầy lắng nghe:

Thuở xưa trong một ngôi làng có một Bà-la-môn cưới vợ sanh được một gái, dung mạo đoan nghiêm, tuổi đã lớn nhưng vẫn còn ở nhà. Vào một đêm có năm trăm giặc cướp vào trong làng đánh cướp, bị khát bức bách nên chúa giặc vào nhà Bà-la-môn này xin nước, nói rằng: "có nước hãy mang lại đây", cô gái nói đợi một chút rồi đốt đèn lên để xem nước, chúa giặc hỏi xem cái gì, đáp là xem nước, lại hỏi có gì để xem; đáp là sợ có tóc hay cỏ, uống vào sanh bịnh. Chúa giặc nói: "ta là giặc cướp muốn hại thôn cô, làm việc phi lý đáng cho uống độc dược, sợ gì cỏ tóc làm cho ta bịnh",

cô gái nghe rồi nói kệ:

"Việc mà giặc đã làm,
Cướp ngang tài vật người,
Dù ông có làm gì,
Tôi vẫn hành theo pháp".

Sau khi biết là nước sạch, cô gái đưa cho giặc uống, chúa giặc uống nước rồi sanh tâm hoan hỉ nói với cô gái: "cô hãy làm em gái của ta", cô gái nói: "tôi không cần kẻ giặc như vậy làm anh em, họ thường cướp đoạt tài vật của người, nếu chủ của tài vật gặp sẽ bắn tên độc, kẻ cướp sẽ khổ đau mà chết, khó nói hết. Tôi nghe anh chết lại đau khổ gấp bội, nếu ông có thể quy y Tam bảo, thọ trì năm giới thì tôi sẽ làm em của ông", chúa giặc ôn hòa nói: "lời của em gái nói thật hay, ta sẽ làm theo", cô gái liền nói pháp Tam quy ngũ giới khiến cho họ sanh lòng tin, bọn giặc nghe rồi cùng phụng trì rồi tìm đường trở về.

Phật bảo các Bí-sô: "này các Bí-sô, chúa giặc thuở xưa chính là Bà-la-môn ngày nay, cô gái thuở xưa chính là Xá-lợi-phất ngày nay. Thuở xưa vì sạch nên xem nước đã làm cho bọn giặc bỏ việc ác mà quy y; nay lại dùng pháp tẩy tịnh điều phục, cứu người ấy ra khỏi sông Ái lên bờ Niết-bàn, thoát ly biển khổ, chứng quả Vô sanh. Các thầy nên biết, đây là việc thường làm nên phải để ý, tẩy tịnh như vậy có lợi ích lớn, làm cho thân tịnh khiết và được chư thiên cung kính. Từ nay về sau, các Bí-sô, Bí-sô ni, Học giới nữ, Cầu tịch nam, Cầu tịch nữ, Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca, quy y nơi ta xem ta là thầy đều nên tẩy tịnh như Xá-lợi-phất. Người nào không tẩy tịnh như vậy thì không được nhiễu tháp hành đạo, không được lễ Phật tụng kinh, không được làm lễ người cũng không thọ người khác làm lễ, không được ăn cơm và ngồi trên giường của tăng, cũng không được vào trong chúng vì thân bất tịnh không như pháp, có thể khiến chư thiên thấy không sanh hoan hỉ, các chú pháp đã trì đều không linh nghiệm. Ai làm trái thì phạm tội Ác tác; nếu người cúng trai, chép kinh, tạo tượng mà không tẩy tịnh thì được phước rất ít vì khinh mạn. Sáng sớm không đánh răng thì không được ăn, sau bữa trưa không xỉa răng thì không thành trai mắc tội như trên. Các thầy nên vâng theo lời ta dạy, không được tự khi dối làm pháp bất tịnh, biếng nhác phóng dật, có hạnh hạ phẩm thì sẽ đọa trong ba đường ác", các Bí-sô nghe Phật dạy bảo rồi đều hoan hỉ phụng hành như pháp.

3. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:

Viền rách nên khâu vá,
Minh nguyệt nghe liền nhớ,

Y chỉ biết sai biệt,
Cho ba người cùng ngồi.

Duyên khởi tại vườn Cấp-cô-độc, thành Thất-la-phiệt, lúc đó các Bí-sô mặc y cũ không có tâm yêu tiếc nên viền y đều bị rách, Phật nói: "nên dùng chỉ khâu vá lại", các Bí-sô dùng chỉ khâu đường ngang vẫn bị rách, khâu thêm đường dọc nữa mới chắc, Phật nói: "nên xem y Tăng già chi như da trên thân". Lại có Bí-sô không có y khác nên thường mặc đại y, dưới nách chảy mồ hôi thấm dơ có mùi hôi, bất tịnh nên y mau rách, Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "ngay chỗ dưới nách nên may thêm nẹp vải". Bí-sô không biết may thêm nẹp vải như thế nào, Phật nói: "dùng một miếng vải rộng một gang rưỡi, dài một cánh tay may thiếp lên, không nên dùng màu trắng, nên dùng hoại sắc", các Bí-sô dùng sắc ca-sa, Phật nói: "không nên dùng đá đỏ, đất đỏ để nhuộm (tức là màu Càn đà đỏ và đen, sợ làm ố màu của y khác). Bí-sô may chắc, Phật bảo nên may sơ ; Bí-sô may nẹp lên một bên, Phật nói: "nên may nẹp cả hai bên rồi tùy ý đảo ngược mà đắp mặc; nếu có mùi hôi nên thường giặt sạch".

Duyên xứ như trên, có một Bà-la-môn cưới vợ chưa bao lâu sanh được một gái đặt tên là Minh nguyệt, tuổi vừa trưởng thành liền được ni Đại thế chủ độ xuất gia và cho thọ Cận viên. Lúc đó Đại thế chủ cùng năm trăm Bí-sô ni đến chỗ Phật. Đảnh lễ rồi ngồi một bên, Phật thuyết pháp xong liền im lặng. Đại thế chủ rời khỏi chỗ ngồi cung kính chắp tay bạch Phật: "Thế tôn đã thuyết Tỳ nại da cho các Bí-sô, xin hãy từ bi thuyết cho Bí-sô ni", Phật nói: "không có lý nào Như lai lại đích thân thuyết Tỳ nại da cho Bí-sô ni, nhưng ở trong chúng Bí-sô ni nếu có người nào chỉ nghe một lần mà thọ trì được thì ta sẽ thuyết cho người đó", lúc đó Minh nguyệt đang ngồi trong chúng liền đứng dậy chắp tay bạch Phật: "Thế tôn, xin hãy thuyết cho con, con hy vọng vừa nghe Phật nói liền lãnh ngộ", Phật liền thuyết, Minh nguyệt vừa nghe liền lãnh ngộ không sót. Phật bảo các Bí-sô: "chúng Thanh văn ni trong giáo pháp của ta, người vừa nghe liền lãnh ngộ thì Bí-sô ni Minh nguyệt là bậc nhất", Phật suy nghĩ: "không phải nơi nào cũng tìm được người như Minh nguyệt, người tương tợ cũng khó có được. Vì thế các Bí-sô nên thọ trì Tỳ nại da của Bí-sô ni để thuyết cho Bí-sô ni, cũng nên giáo giới và trả lời khi được hỏi", nghĩ rồi liền bảo các Bí-sô: "ta suy nghĩ: không phải nơi nào… như trên cho đến câu trả lời khi được hỏi".

Như Phật đã dạy do nương vào giới, trú vào giới, tu tập theo pháp thì định huệ sẽ như lý tương ưng. Bí-sô ni Minh nguyệt do nương vào giới, trú vào giới tu tập nên định huệ tương ưng phát sanh mạnh mẽ, cô nổ lực tinh

tấn… chứng quả A-la-hán… Thích Phạm chư thiên đều cung kính. Lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "Bí-sô ni Minh nguyệt đã tạo nghiệp gì mà được quả dị thục rất thông tuệ, có biện tài lớn, được gọi là bậc nhất về Văn trì; xuất gia trong Phật pháp, đoạn trừ phiền não chứng quả A-la-hán?", Phật nói: "nghiệp mà Bí-sô ni Minh nguyệt đã tạo nay được quả dị thục… Các thầy lắng nghe:

Quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, vào lúc loài người thọ tám vạn tuổi, có Phật Tỳ-bà-thi ra đời đầy đủ mười hiệu, Phật cùng sáu vạn hai ngàn Bí-sô đi đến thành thân tuệ, trụ trong rừng Thắng huệ. Lúc đó trong thành có một trưởng giả cưới vợ chưa bao lâu sanh được một gái, đến tuổi trưởng thành, vào ngày lễ tùy ý, người cha kính tín đưa con gái đến chùa của Bí-sô ni để cúng dường dao cạo và kim may. Cô gái thấy thiện sự này rồi sanh tâm hoan hỉ nói với cha: "con cũng đồng tình làm việc tùy ý cho các Bí-sô ni", người cha nói: "lành thay, hãy làm theo ý con", cô gái liền đem dao cạo, kim may và các tài vật khác dâng cúng chư ni rồi quỳ trước vị Thủ chúng chắp tay phát nguyện: "con nguyện đem thiện căn có được do cung kính cúng dường Ni chúng, ở trong đời vị lai con sẽ được đại trí huệ, đại biện tài, đầy đủ Văn trì".

Này các Bí-sô, cô gái thuở xưa chính là Minh nguyệt ngày nay, thuở xưa do cúng dường dao cạo… cho Ni chúng nên được thiện căn, lại phát nguyện sẽ được đại trí huệ, đại biện tài, đầy đủ Văn trì nên nay được hưởng quả báo này. Lại nữa, vào thời Phật Ca-diếp ba, ở trong giáo pháp của Phật đó xuất gia, tuy trọn đời giữ giới thanh tịnh nhưng vẫn không được chứng quả. Thời đó Thân giáo sư của cô là bậc nhất về Văn trì nên trước khi lâm chung cô phát nguyện: nguyện cho con ở đời vị lai lúc con người thọ trăm tuổi, có Phật Thích ca mâu ni ra đời đầy đủ mười hiệu, con sẽ được xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy và được Phật thọ ký cho con là bậc nhất về Văn trì như Thân giáo sư của con. Do nguyện lực ngày xưa nên nay Minh nguyệt được thọ quả báo này. Các thầy nên biết, hễ tạo nghiệp thuần đen thì hưởng quả báo đen… như trước cho đến câu các thầy nên tu học như vậy".

Duyên xứ như trên, lúc đó có hai Bí-sô một già một trẻ cùng du hành trong nhân gian, đi đến thành Thất-la-phiệt. Vị già đi đến vườn Lộc tử mẫu, vị trẻ đi đến vườn Cấp-cô-độc, dối trước một Bí-sô thỉnh làm thầy y chỉ để ở lại một thời gian rồi bạch thầy rằng: "A-giá-lợi-da, con để y bát ở trong chùa kia, xin cho con đến đó lấy về", thầy nói nên đi mau về, đáp: "nếu ở đó không có việc gì thì con sẽ về ngay", nói rồi đảnh lễ thầy để đi đến chùa

kia. Tăng trong chùa đó trước kia có quy chế : ai không có thầy y chỉ thì không được ở lại dù chỉ một đêm. Bí-sô này đến một Bí-sô cầu y chỉ để ở lại một đêm, sáng hôm sau muốn đi về nên tới phòng thầy y chỉ gõ cửa bạch rằng: "con xin kính lễ A-giá-lợi-da thân tứ đại có an không?", đáp là không an, Bí-sô này nghe rồi suy nghĩ: "thầy đang bịnh mà ta bỏ đi là không nên, vì việc này nên Thế tôn chế định cần phải y chỉ để chăm sóc cho nhau. Ta nên ở lại chăm sóc, khi nào thầy lành bịnh sẽ đi", nghĩ rồi liền ở lại chăm sóc cho thầy đến khi lành bịnh mới bạch thầy: "xin thầy coi giữ ngọa cụ, con muốn ra đi", thầy hỏi có thiếu thốn gì không, đáp: "con không thiếu gì cả, con vốn không định ở đây, chỉ là đến lấy y bát rồi đi. Vì trong tăng có quy chế tạm trú một đêm cũng phải y chỉ, con sợ Tăng chế nên cầu thầy y chỉ. Thấy thầy có bịnh, nếu con bỏ về ngay là không nên, nay thầy lành bịnh, con xin từ giã", thầy nghe rồi liền khen: "lành thay cụ thọ, môn nhân cọng trụ đối với Thân giáo sư và Quỹ phạm sư nên chăm sóc cho nhau, được như vậy sẽ tăng trưởng thiện pháp như hoa sen lên khỏi mặt nước, đây là việc thiện, con lên đường bình an, thường phải cẩn thận, chớ có buông lung". Bí-sô đảnh lễ thầy rồi đi, dần dần trở về đến trong vườn Cấp-cô-độc, gặp thầy y chỉ chắp tay kính lễ, thầy nói: "thiện lai cụ thọ, vì sao ở lâu vậy?" , Bí-sô đem việc trên bạch lại, thầy nghe rồi khen : "lành thay cụ thọ, thầy khéo làm được việc này, kính trọng chăm sóc thầy mình tức là làm cho thiện căn ngày đêm tăng trưởng như hoa sen trong nước". Thầy lại suy nghĩ: "theo y chỉ trước kia hay là cho y chỉ lại", nghĩ rồi bạch Phật, Phật nói: "có việc tạm đi định trở lại thì nên theo y chỉ cũ, thầy không cần cho y chỉ lại".

Duyên xứ như trên, có một Bí-sô chuyên tu tĩnh lự, một Bí-sô khác đến cầu y chỉ, Bí-sô này suy nghĩ: "như Phật đã dạy thà làm đồ tễ chứ không nên cho người khác xuất gia và thọ Cận viên mà không dạy bảo. Đối với đệ tử cọng trụ đã như vật thì đối với môn nhân cũng thế, ta tu thiền định không có duyên dạy bảo, ta nên đến nhờ vị khác dạy cho môn nhân đọc tụng", nghĩ rồi liền đến gặp một Bí-sô nói: "cụ thọ, xin hãy dạy cho người này đọc tụng", đáp: "hãy cùng giao ước rồi tôi sẽ dạy: nếu người này có thiếu thốn gì thì thầy có thể cung cấp thì tôi sẽ làm theo lời thầy", Bí-sô này nhận lời. Sau khi dạy đọc tụng được một thời gian thì môn nhân này bịnh, thầy y chỉ giữ lời hứa cung cấp cho đến khi lành bịnh. Sau đó thầy y chỉ bịnh, môn nhân này không đến chăm sóc lại, thầy bịnh ba lần, môn nhân này đều không đến chăm sóc. Khi hết bịnh, thầy y chỉ nói với môn nhân này: "thầy hãy đến cầu người khác y chỉ", môn nhân hỏi: "thầy cho con y chỉ chính là ban ân, con không có khuyết điểm gì vì sao lại đuổi con", thầy

y chỉ nói: "khi thầy bịnh tôi đích thân chăm sóc, tôi bịnh đến lần thứ ba, thầy vẫn không ngó ngàng tới. Thầy có thái độ không kính trọng tôi như vậy, cho nên có ai khác cho thầy y chỉ thì thầy nên đến đó ở", môn nhân này nghe rồi im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "đối với thầy y chỉ nên cung cấp hầu hạ, xem thầy như cha mẹ không khác. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

Lúc đó thầy dạy đọc tụng bịnh, đệ tử thọ pháp không đến chăm sóc; khi thầy hết bịnh lại đến học hỏi kinh, thầy nói: "thầy hãy đi đi, khi ta bịnh thầy chẳng ngó ngàng tới thì ai có thể dạy cho thầy học tập, thầy hãy tìm đến người khác dạy bảo cho", đệ tử thọ pháp này im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "đối với thầy dạy đọc tụng cũng nên cung cấp chăm sóc".

Thời gian sau cả hai thầy y chỉ và dạy đọc tụng đều bịnh, môn nhân không biết nên cung cấp chăm sóc cho vị nào, bạch Phật, Phật nói: "nếu có khả năng thì nên cung cấp cả hai thầy, nếu không có khả năng thì nên cung cấp cho thầy y chỉ, vì nếu không có thầy đọc tụng thì được tùy ý ở, nhưng nếu không có thầy y chỉ thì không được ở".

Duyên xứ như trên, lúc đó có Bí-sô độ người kia xuất gia và cho thọ Cận viên rồi bỏ đi du hành trong nhân gian, không cung cấp cho y thực và dạy pháp. Người này phải cầu vị khác y chỉ, thầy y chỉ này cung cấp y thực và như pháp dạy bảo bằng bốn nhiếp sự, đó là bố thí, Ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Vì thế nên môn nhân này đối với thầy y chỉ rất yêu kính, không muốn rời xa. Thời gian sau, vị Thân giáo sư du hành xong trở về trong vườn Cấp, các Bí-sô trẻ đều đứng dậy nghinh đón, các Bí-sô lớn đều chào hỏi thiện lai nhưng người đệ tử này lại không đứng dậy. Các Bí-sô thấy vậy liền trách: "vì sao thầy thấy bổn sư mà lại không đứng dậy nghinh đón, như vậy có hợp lý không?", đáp: "vị ấy độ tôi xuất gia và cho thọ Cận viên nhưng bỏ mặc tôi, không cung cấp y thực và dạy pháp, tại sao tôi phải đứng dậy nghinh đón?", các Bí-sô nói: "chớ nói lời này, như Phật đã dạy nếu người nào nhờ thầy mà được cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục xuất gia trong Phật pháp, người này dù trọn đời cúng dường tứ sự cho thầy cũng chưa thể báo được ân", người đệ tử này im lặng. Các Bí-sô bạch Phật, Phật nói: "khi vừa thấy thầy thì đệ tử và môn nhân đều phải đứng dậy. Nếu gặp lại Thân giáo sư thì liền xả y chỉ".

Duyên xứ như trên, có Bí-sô cho một Bí-sô trẻ y chỉ, nửa tháng sau đến ngày trưởng tịnh, Bí-sô kia đến bạch thầy: "A-giá-lợi-da, con xin kính lễ, con muốn làm lễ trưởng tịnh", thầy nói: "tôi đâu có phải là thầy của

thầy", đáp: "con đã cầu A-giá-lợi-da làm thầy y chỉ", thầy nói: "ngạo mạn không biết kính trọng như thầy thì ai lại cho thầy y chỉ, thầy hãy tìm thầy khác mà y chỉ", người này im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do các Bí-sô hằng ngày không đến kính lễ thầy ba lần nên có lỗi này, từ nay môn nhân đệ tử đều phải đến kính lễ hai thầy mỗi ngày ba lần".

Duyên xứ như trên, có một Bí-sô cho một Bí-sô trẻ y chỉ, nuôi dưỡng thương yêu như con. Thời gian sau người này có việc muốn đi đến trú xứ khác nên bạch thầy: "A-giá-lợi-da, xin thầy coi giữ phòng xá ngọa cụ, con muốn du hành trong nhân gian", thầy hỏi: "con có thiếu thốn gì không?", đáp: "con không có thiếu thốn gì cả, chỉ là muốn du hành trong nhân gian, không bao lâu sẽ về", thầy nói: "đi đến nửa đường nếu con có hối thì nên trở về", đáp: "con xin vâng lời thầy dạy". Người này đi đến nửa đường liền sanh hối, suy nghĩ: "ta cần gì, thầy y chỉ đều cung cấp cho ta đầy đủ, ta bỏ đi như vậy thật là không nên", nghĩ rồi liền quay trở lại, thầy thấy liền hỏi: "con bỏ quên vật gì hay sao?", đáp: "con không có bỏ quên vật gì, chỉ là đi đến nửa đường con suy nghĩ: ta cần gì, thầy đều cung cấp đầy đủ, vậy còn cầu gì nữa mà ra ngoài du hành, vì thế nên con quay trở lại", thầy nói tốt rồi suy nghĩ: "nên theo y chỉ trước hay là cho y chỉ lại", bạch Phật, Phật nói: "nếu thầy y chỉ có tâm thương mến môn nhân mà môn nhân không có tâm thương mến thì vẫn gọi là không xả y chỉ. Nếu thầy y chỉ không có tâm thương mến mà môn nhân có tâm thương mến, cũng gọi là không xả y chỉ. Nếu cả hai có tâm thương mến nhau cũng gọi là không xả y chỉ, nếu cả hai đều cùng xả thì mới gọi là mất y chỉ".

Duyên xứ như trên, có một Bí-sô làm Thủ chúng, nhiều Bí-sô trẻ đến theo học, một hôm thầy ngã bịnh, những người theo học này đều không đến chăm sóc, bịnh đến lần thứ ba vẫn không đến hỏi han chăm sóc. Khi thầy hết bịnh liền đến học tiếp, thầy nói: "ta bịnh đến ba lần mà các thầy đều không ai đến hỏi han chăm sóc, ngạo mạn như các thầy thì ai lại dạy cho học, hãy đến học với người khác". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "nên chăm sóc thầy dạy đọc tụng". Sau đó họ vì lo chăm sóc thầy nên bỏ phế việc tu pháp thiện, Phật bảo nên thay phiên nhau. Lúc đó có một Bí-sô già yếu trước đó đã đến cầu y chỉ, Bí-sô khác đến báo: "ngày mai đến phiên thầy chăm sóc", đáp: "sao cứ đến phiên tôi mãi vậy, các thầy an nhàn còn tôi luôn tới phiên", Bí-sô khác nói: "đây là việc thiện, như lời Phật đã dạy: ai chăm sóc người bịnh là chăm sóc ta, thầy là trượng phu tốt nên tùy hỉ làm", Bí-sô già này chăm sóc thầy cho đến khi lành bịnh rồi yêu cầu thầy dạy đọc tụng, thầy nói là chưa đến phiên, lần sau đến cũng

nghe thầy nói là chưa đến phiên, Bí-sô già này nói: "khi thầy bịnh, chăm sóc cho thầy thì đến phiên con ; còn dạy cho đọc tụng thì lại chưa đến phiên. Thầy ở lại mạnh khỏe, con xin đi đến nơi khác", thầy nói: "khoan hãy đi, thầy cần gì ta đều sẽ đáp ứng", Bí-sô này im lặng. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "đối với người thường thừa sự cho mình thì không nên xem đồng như người khác, không nên bỏ họ mà dạy cho người khác". Lúc đó có hai người học, một người thông minh, một người chậm lụt; khi thầy dạy cho người thông minh thì dùng văn dài, còn dạy cho người chậm lụt thì bỏ bớt, Phật bảo nên dạy lại.

Duyên xứ như trên, lúc đó Lục chúng Bí-sô đến nhà một môn đồ, họ đem giường ra mời ngồi, cả sáu người cùng ngồi làm cho giường bị hư sập rồi cùng cười lớn. Các Bí-sô khác chê trách: "các thầy làm việc phi pháp như vậy không biết xấu hổ hay sao mà còn cười lớn", họ nói: "chúng tôi đâu có uống rượu hay ăn hành tỏi", các Bí-sô nói: "không bao lâu nữa cũng sẽ thấy các thầy làm", lại hỏi: "chúng tôi làm gì phi pháp?", các Bí-sô nói: "các thầy không thấy giường bị hư sập hay sao?", đáp: "há không còn gỗ và thợ mộc chết hết rồi hay sao?", các Bí-sô im lặng, sau đó bạch Phật, Phật nói: "không được sáu người cùng ngồi một giường". Lục chúng Bí-sô lại ngồi năm người, bốn người đều có lỗi như trên, Phật nói: "ba người được ngồi trên một giường, nếu gỗ quá cũ thì chỉ nên ngồi hai người, giường nhỏ chỉ được ngồi một người. Ai làm trái thì phạm tội Việt pháp".

4. Nhiếp tụng trong Biệt môn thứ tư:

Nuôi bịnh trừ tánh tội,
Sắp viên không leo cây,
Không độ quan xuất gia,
Chặt tay, không nên làm.

Duyên xứ như trên, cụ thọ Ưu-ba-ly bạch Phật: "như Phật đã dạy gặp người bịnh nên cung cấp, vậy nên dùng vật gì để cung cấp?", Phật nói: "chỉ trừ tánh tội, các vật thanh tịnh khác đều tùy ý cung cấp".

Duyên xứ như trên, cụ thọ Ô ba-nan-đà có một Cầu tịch sắp thọ Cận viên, Ô ba-nan-đà mời Yết ma sư, Giáo thọ sư và bảy vị khác rồi dẫn Cầu tịch đến và mang theo vật để ngồi. Cầu tịch đến quét dọn sạch sẽ, trải tòa ngồi xong xuôi nhưng Thập sư chưa ai đến. Ô ba-nan-đà nhìn hai bên thấy hoa nở trên cây nên bảo Cầu tịch leo lên hái hoa để dâng cúng Tăng. Cầu tịch leo lên hái hoa chẳng may bị rơi xuống đất gãy tay nên không được thọ Cận viên, các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "các thầy nên biết, như Thái tử thứ nhất cả vua Chuyển luân sắp được làm lễ quán

đảnh thọ vương vị, trong thời gian đó nên gìn giữ bội phần. Người sắp thọ Cận viên cũng vậy, phải Ái hộ họ gấp bội, không được sai họ leo lên cây cao, ai sai họ leo cây thì phạm tội Việt pháp". Duyên xứ như trên, có đại thần Quảng đại là người được vua Thắng quang tin cậy, một hôm vì phạm lỗi nên bị vua khiển trách liền suy nghĩ: "đối với quốc chủ thật khó phục vụ lâu dài, cần phải tránh xa, ta nay nên cầu xuất gia", nghĩ rồi liền đi đến trong rừng Thệ đa. Thường pháp của Lục chúng Bí-sô là có một người đứng trước cổng chùa, lúc đó Ô ba-nan-đà thấy Quảng đại đi đến liền chào hỏi: "thiện lai, sao mà khó gặp nhân giả như trăng đầu tháng vậy?", đáp: "Thánh giả há không nghe nói: ít gặp thì kính, thường gặp thì khinh hay sao?", lại hỏi vì việc gì mà đến, đáp: "đối với quốc vương thật khó phục vụ, nay tuy làm vừa ý nhưng cuối cùng cũng bị diệt thân. Tôi muốn xuất gia, xin Thánh giả tế độ cho", Ô ba-nan-đà nói: "hiền thủ phát được tâm này rất tốt, vì người xuất gia có năm lợi ích… như trên cho đến câu các bậc trí đều khen ngợi", nói rồi liền dẫn Quảng đại vào chùa cho xuất gia và thọ Cận viên. Sau đó vua Thắng quang không thấy Quảng đại nên hỏi quần thần: "có phải Quảng đại bị bịnh không?", đáp: "ông ấy không bịnh, chỉ vì bị Đại vương khiển trách nên đã bỏ đi đến rừng Thệ đa xuất gia rồi", vua hỏi là ai đã làm việc này, đáp là Thánh giả Ô ba-nan-đà, vua nghe rồi nổi giận sai sứ đến nói với Ô ba-nan-đà rằng: "người mà tôi khiển trách vì sao Thánh giả lại độ cho xuất gia, vậy hãy độ luôn tôi với Thái tử và Thắng man, Hành vũ xuất gia rồi Thánh giả tự xưng vương, thống lãnh thành ấp", Ô ba-nan-đà nghe rồi liền nói với sứ giả: "ông về nói lại với vua là vua hãy dẫn Thái tử cùng Thắng man, Hành vũ đến chùa, tôi sẽ độ cho cùng xuất gia rồi tôi sẽ làm vua, điều này đâu có hại gì. Tôi có đến nhà dụ dỗ Quảng đại xuất gia đâu, tự ông ta đến cầu tôi mới tế độ, tùy thời lợi ích được phước vô biên", sứ giả về nói lại, vua nghe rồi liền chê trách. Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do độ đại thần của vua nên có lỗi này, các thầy nên biết Ô ba-nan-đà là kẻ ngu si, đã độ đại thần của vua làm cho vua giận trách. Từ nay không được độ đại thần xuất gia, nếu thấy họ đến xin nên gạn hỏi: ông có phải là quan viên hay không; nếu không gạn hỏi mà liền cho xuất gia thì phạm tội Việt pháp". Sau đó có người nước ngoài đến chỗ Bí-sô cầu xuất gia, không có ai biết và vua bản quốc cũng chưa cho, các Bí-sô nghi nên không cho xuất gia, Phật nói: "nếu có người nước ngoài như vậy thì nên cho họ xuất gia".

Duyên xứ như trên, lúc đó cụ thọ A-nan vừa mới cạo râu tóc, sáng sớm đắp y mang bát vào thành khất thực đi đến ngõ nhà của một Bà-la-môn. Bà-la-môn này là đại học sĩ đang ngồi trong nhà giảng Tứ minh luận

cho năm trăm đồng tử Bà-la-môn. Người này tánh vốn ngạo mạn tự cao, không biết lễ phép, có tánh ác hay khinh miệt người khác nên khi thấy tôn giả A-nan với cái đầu láng bóng đang đi đến, liền hỏi đệ tử: "ngươi có thể dùng nắm tay đánh vào đầu trọc của Sa môn đó không?", đáp là được rồi đi ra dùng nắm tay đánh vào đầu A-nan, A-nan nhìn khắp bốn phía, Bà-la-môn lại càng nổi sân bảo đệ tử đánh thêm, A-nan suy nghĩ: "ta nên làm gì?", nghĩ rồi liền bỏ đi. Về đến trong rừng Thệ đa sau khi thọ thực và rửa bát xong, tôn giả bảo các Bí-sô đừng đi đến ngõ nhà đó, hỏi có lỗi gì, đáp: "nhà đó có một Bà-la-môn tánh ác, không biết lễ phép đã sai đệ tử đánh vào đầu tôi", Bí-sô hỏi: "thầy đã làm lỗi gì?", đáp: "tôi vốn không có lỗi, khi họ sai người đánh vào đầu tôi, vì tôi nhìn nên họ sai đánh thêm. Trước là không lỗi nhưng sau là có lỗi". Lúc đó Ô ba-nan-đà nghe rồi liền nói với A-nan: "vừa rồi tôi chỉ nghe loáng thoáng, xin tôn giả hãy nói rõ lại", tôn giả liền nói rõ lại, Ô ba-nan-đà vừa nghe vừa gật gù rồi suy nghĩ: "ta đã biết cách trị kẻ tiểu nhân này rồi", nghĩ rồi liền bảo thợ cạo cạo đầu mình cho nhẵn bóng, lại thoa thêm dầu cho láng bóng. Sáng hôm sau đắp y mang bát vào thành đến trước cửa nhà của Bà-la-môn dạy học kia, vì bận việc khác nên Bà-la-môn không thấy Bí-sô. Ô ba-nan-đà liền đi qua lại nhiều lần cốt để cho Bà-la-môn nhìn thấy, khi Bà-la-môn nhìn thấy liền bảo đệ tử ra đánh vào đầu Bí-sô. Ô ba-nan-đà nghe lời này rồi liền nói với Bà-la-môn: "ngươi là vật vô tri, cần gì sai người khác mà không tự ra đánh", Bà-la-môn nghe rồi liền tức giận đi ra dùng nắm tay đánh vào đầu Bí-sô, Ô ba-nan-đà liền nắm lấy cánh tay của Bà-la-môn rồi nói: "này vật ngu si, A-nan bị ngươi đánh, ta phải đưa ngươi đến chỗ vua", nói rồi liền nắm tay kéo lôi đi. Bà-la-môn cất tiếng kêu, các đệ tử chạy ra nắm cánh tay kia kéo lại, Ô ba-nan-đà có khí lực rất mạnh, lôi Bà-la-môn và cả năm trăm đệ tử này đi đến chỗ vua. Khi giận dữ thì Lục chúng Bí-sô đều có sức mạnh này, khi đến trước cửa cung vua thì trong cung điện chấn động. Vua thấy hiện tượng này liền bảo tả hữu: "hãy ra xem có phải Thánh giả của Lục chúng Bí-sô đến hay không?", tả hữu chạy ra xem, thấy cảnh tượng này rồi liền trở vào báo với vua là có Thánh giả Ô ba-nan-đà ở ngoài cửa, vua nói cho vào. Ô ba-nan-đà vào gặp vua hỏi rằng: "Đại vương, nếu trước đây Thánh giả A-nan không xuất gia thì ở địa vị nào?", vua nói sẽ làm Lực luân vương, lại hỏi còn vua làm gì, đáp là tùy tùng, Ô ba-nan-đà nói: "trước đây vua có ra chế lịnh xem các Bí-sô như Thái tử, xem Bí-sô ni như phi hậu, đặc cách việc này không đồng với người khác. Đối với chúng tôi, vua rất yếu mến nhưng Bà-la-môn này lại nghịch lại chế lịnh của vua, đã dùng nắm tay đánh vào đầu Thánh giả A-nan, nay nổi sân lại đánh vào đầu tôi, việc làm này có đúng hay

không?", vua nghe rồi liền nổi giận ra lịnh đại thần chặt tay Bà-la-môn. Đại thần tuân lịnh vua dẫn Bà-la-môn ra chỗ ngã tư đường, thông báo cho mọi người đều biết tội trạng của Bà-la-môn. Lúc đó cha mẹ, thân tộc, bạn bè … của Bà-la-môn đều kéo đến kêu khóc như mưa, nói với pháp quan rằng: "lành thay đại quan, con tôi có tội nên vua ra lịnh chặt tay, đã phạm quốc pháp không phải phạt oan, nhưng Bà-la-môn sống bằng tay phải, xin Ngài ban ân chặt tay trái đừng chặt tay phải", đại thần nghe rồi liền bảo chặt tay trái. Thời gian sau vết thương ở tay lành lặn, Bà-la-môn che bên tay trái, đưa tay phải dạy học, Ô ba-nan-đà từ xa nhìn thấy Bà-la-môn đưa tay phải lên dạy học liền phẫn nộ gấp bội, đến gặp vua tâu rằng: "Đại vương, tuy làm theo pháp lịnh của vua nhưng lại thành an lạc", vua tuy biết pháp nước không có việc này nhưng vẫn hỏi là có việc gì, Ô ba-nan-đà nói: "trước đây vua đã ra lịnh chặt tay nhưng tay Bà-la-môn vẫn còn", vua liền cho gọi đại thần đến hỏi: "vì sao khanh không chặt tay Bà-la-môn ?", đáp là đã chặt rồi, vua nói: "nếu vậy vì sao Thánh giả Ô ba-nan-đà thấy Bà-la-môn còn đưa tay lên dạy học?", đại thần nói rõ nguyên do rồi nói: "vì vậy nên thần mới chặt bàn tay trái", vua nói: "khanh vì cha mẹ của Bà-la-môn nên chặt tay trái, nhưng lịnh của ta đưa ra là chặt bàn tay phải", đại thần tuân lịnh vua liền đến chặt bàn tay phải của Bà-la-môn. Bà-la-môn không còn hai bàn tay nên thả thòng hai cánh tay, Ô ba-nan-đà tới bên cạnh nói với Bà-la-môn: "vì sao thả thòng hai cánh tay mà không như ngày xưa đến đánh vào đầu ta", Bà-la-môn nghe rồi buồn bã im lặng. Lúc đó các Bà-la-môn… và tất cả mọi người đều bất nhẫn nói rằng: "Sa môn Thích tử không có từ bi, đã khiến cho người bị hành hình lại còn khổ bức khiến cho bị chặt luôn cả hai tay". Các Bí-sô nghe biết việc này liền bạch Phật, Phật bảo: "do Bí-sô khiến người bị chặt tay nên có lỗi này. Ô ba-nan-đà là kẻ ngu si, đã làm trái pháp Sa môn, làm việc không nên làm, đã bỏ tục xuất gia trong giáo pháp của ta mà còn tạo nghiệp ác. Từ nay Bí-sô nào khiến người bị chặt tay thì phạm Tốt-thổ-la-để", lúc đó các Bí-sô đều có nghi thỉnh hỏi Phật: "vì sao cụ thọ A-nan hộ vệ Bà-la-môn, còn Ô ba-nan-đà lại có ý báo thù ?", Phật nói: "không phải ngày nay A-nan có tâm ủng hộ còn Ô ba-nan-đà có tâm báo thù, khiến cho người bị chặt tay mà ngày xưa cũng vậy. Các thầy lắng nghe:

Quá khứ trong một khu vườn kia có hoa trái sum suê và ao tắm, có một ẩn sĩ sống ở đây, chỉ ăn trái cây uống nước suối, mặc áo vỏ cây thường ngồi kiết già dưới một gốc cây để tư duy nghĩa của pháp. Trên cây có một con khỉ hái trái quăng xuống trúng vào đầu vị ẩn sĩ, vị này liền nói kệ:

"Ta không nghĩ đến việc,

Làm cho người khổ chết,
Do người tự tạo tội,
Quả báo sẽ bị giết".

Vị ẩn sĩ này có quen biết người thợ săn, người thợ săn này có việc vào trong rừng tìm gặp ẩn sĩ, đến nơi không thấy ẩn sĩ đâu nên người thợ săn ngồi dưới gốc cây tạm nghỉ. Lúc đó con khỉ trên cây lại quăng trái xuống trúng vào đầu người thợ săn chảy máu, người thợ săn đau đớn ngước lên cây nhìn liền thấy con khỉ đang chuyền cành, trong lòng tức giận liền cầm cung lấy tên độc ra bắn trúng con khỉ, con khỉ rơi xuống đất chết.

Này các Bí-sô, vị ẩn sĩ thuở xưa chính là A-nan ngày nay, con khỉ chính là Bà-la-môn, người thợ săn chính là Ô ba-nan-đà. Thuở xưa con khỉ được vị ẩn sĩ hộ trì nhưng lại bị người thợ săn báo thù, ngày nay cũng vậy Bà-la-môn được A-nan hộ trì nhưng lại bị Ô ba-nan-đà báo thù, một người hộ, một người bỏ. Vì vậy nên biết nghiệp duyên đã tạo không mất…"

-oOo-